

# VIÊN GIÁC

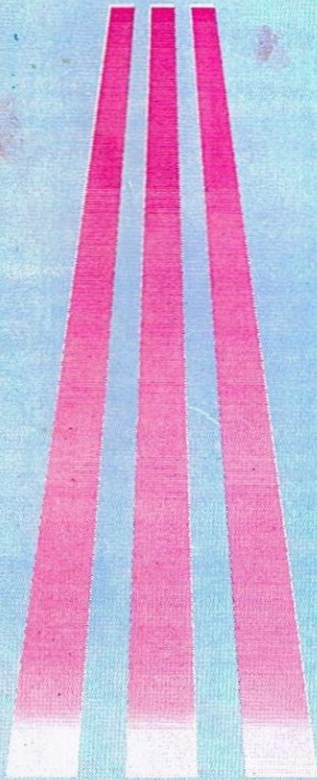
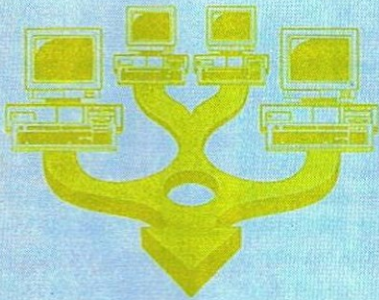


SỐ - NR. TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TỶ NẠN TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

**114**

*Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnamflüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland*

PL. 2543 ■ NĂM THỨ 21 ■ THÁNG 12 ■ JAHRGANG 21. ■ DEZEMBER 1999 ■ AUSGABE IN VIETNAMEISCH & DEUTSCH

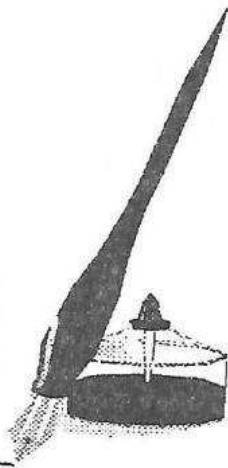


**Số Đặc Biệt  
năm 2000**





# thư tòa soạn



Vào lúc 9 giờ sáng ngày 9 tháng 9 năm 1999 vừa qua tại núi Cửu Hoa Sơn ở Trung Quốc, Phật Giáo và chính quyền tỉnh An Vi đã bắt đầu cho khai móng, đúc đồng, dựng tượng Ngài Địa Tạng Vương Bồ Tát cao 99 thước và kinh phí dự trù là 400.000.000 Viên (bốn trăm triệu), tổng đường 10 triệu Đúc Mã. Sở dĩ người ta lấy con số 99 làm mốc; vì lẽ trước đây hơn 1.000 năm vào thuở thịnh Đường có Ngài Kim Kiều Giác, gia thế thuộc hoàng tộc của Đại Hàn, sang tại núi này tu và thọ đến 99 tuổi. Ngoài ra tại Cửu Hoa Sơn cũng có 99 hòn núi và các bậc tam cấp lên chùa chính tại Cửu Hoa Sơn cũng có tất cả là 99 nấc thang.

Con số 9 là con số đặc biệt và con số 99 cũng là con số gần kề của ba con số 0 của năm 2000 sắp đến. Do vậy mà thế giới hay chuẩn bị một cái gì đó để tiễn biệt thế kỷ thứ 20 này đi và đón chào thế kỷ mới đến. Con người bao giờ cũng ở trong trạng thái hy vọng để được sinh tồn và phát triển. Vì sự hy vọng không tốn kém mà còn tăng thêm sức mạnh của tâm linh nữa. Phật Giáo ngày nay tại Trung Quốc đã bắt đầu xây dựng lại các chùa chiền và các Phật học viện. Người tu trẻ cũng đã bắt đầu xuất hiện đó đây trên các nẻo đường của đất nước. Điều này không do luật pháp quy định, mà do tính tự phát của dân chúng, khao khát về niềm tin, cho nên bắt buộc nhà nước phải làm ngó, để cho tôn giáo phát triển mà thôi.

Nhìn về quê hương chúng ta, nơi chân trời xa thẳm đó, thấy có một vài dấu hiệu thay đổi; nhưng chưa thể hiện được tính tự do của tôn giáo, mà chỉ là tính xin, cho mà thôi. Có nghĩa là nhà nước Việt Nam sẽ ban phát những ân huệ cho những Giáo Hội nào nghe lời và cam tâm làm tay sai cho thế lực đường quyền; trong khi đó nhà nước rất mạnh tay với những Giáo Hội nói thật và nói thẳng về hiện trạng nhân quyền và Tôn Giáo tại Việt Nam đang bị đàn áp. Ngay cả Giáo Hội của nhà nước Việt Nam trong hiện tại muốn xuất bản kinh sách của Phật Giáo cũng phải xin phép nhà nước. Cả một Giáo Hội như thế mà không có được quyền thành lập một nhà xuất bản và những người xuất gia trong hiện tại phải được nhà nước công nhận, việc phong tục vị Hòa Thượng, Thượng Tọa cũng phải có nhà nước hưởng tay vào. Người ta đập chùa, phá tượng không lo chống trả lại cho Phật Tử nhỏ, đảng này các Sư Thầy có chân trong Quốc Hội, làm Dân Biểu ngồi đó gặt đầu tán đồng cho chính quyền đánh phá chùa chiền, sơn môn và đồng đạo của

minh. Như thế là thế nào? chẳng ai hiểu gì hết, khi đất nước Việt Nam đang phát triển theo một chiều như thế.

Trong khi Hòa Thượng Huyền Quang, Hòa Thượng Quảng Độ, Thượng Tọa Tuệ Sỹ, Thượng Tọa Không Tánh v.v... tranh đấu cho quyền phục hồi của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất và tự do tín ngưỡng của người Phật Tử thì họ bảo là Giáo Hội làm chính trị, vi phạm luật lệ nhà nước. Trong khi đó các Sư quốc doanh đang có mặt ở Mặt Trận Tổ Quốc và làm Dân Biểu của cái Quốc Hội bù nhìn để phân dân hại đạo như vậy, thì những vị này có công hay có tội đối với lịch sử của dân tộc và lịch sử của Phật Giáo Việt Nam và họ đang làm gì nơi Quốc Hội ấy?

Dân chúng đang bị bão tố, lụt lội khắp nơi không lo cứu đói, chỉ thấy lo ra rả tuyên truyền cho thế ưu việt của xã hội chủ nghĩa. Điều này không xứng đáng là vị trí lãnh đạo của một nước mang tên là Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Ai chết mặc ai, những người thống trị này chỉ biết có vàng và đô-la do của tư bản bơm vào mà thôi. Người cầm quyền có quyền kết tội dân chúng; nhưng khi những người lãnh đạo sai, thì hầu như không có luật pháp nào để truat phế họ cả. Đây là cái nguy của Dân Tộc Việt Nam chúng ta trong hiện tại vậy.

Năm 2000 sắp đến, theo các nhà thiên văn học trên thế giới có rất nhiều sự đổi thay, nhất là về mặt thời tiết và động đất. Vì lẽ các hành tinh trong thái dương hệ này sẽ sắp thành một hàng thẳng, do đó sẽ có sự cọ xát với nhau và chỉ cần những mảnh vụn của những tinh thể này rơi xuống quả địa cầu là chúng ta sẽ lãnh đủ những hậu quả không lường của việc này. Dĩ nhiên thế kỷ thứ 21 sắp đến cũng sẽ có những điều phát triển tốt đẹp hơn như tin học, Internet, máy móc, kỹ thuật v.v... nhưng đồng thời tính nô lệ hóa vật chất của con người càng ngày càng tăng nhiều hơn nữa. Một điều không sai là thiên nhiên trong thế kỷ tới sẽ xấu hơn nhiều so với thế kỷ thứ 20 này và các thế kỷ trước. Vì lẽ các nhà máy đã và sẽ sa thải ra nhiều chất độc và chất độc ấy chảy ra ao hồ, sông biển. Cây, cỏ, cá, tôm sống nhờ vào nước, sẽ hấp thụ những chất độc này; khi đó con người ăn vào sẽ là miếng mồi hy sinh cho tử vong tiếp tục tử vong mà thôi.

Từ ngày 1 tháng 6 năm 2000 cho đến ngày 31 tháng 10 năm 2000 tại thành phố Hannover - Đức Quốc, có triển lãm kỹ nghệ thế giới và người ta dự tính rằng sẽ có chừng 35 triệu người đến thăm triển lãm này trong 6 tháng ấy. Tại Sydney - Úc Châu, vào tháng 10 năm 2000 cũng sẽ tổ chức Thế Vận Hội Thế Giới, dĩ nhiên cũng sẽ có nhiều người đến đây để thưởng ngoạn vui chơi. Cứ như thế mà lần lượt phát triển và cứ như thế mà lần lượt băng hoại theo định luật vô thường của tạo hóa qua các giai đoạn thành, trụ, hoại, không. Tại khu triển lãm kỹ nghệ ở Hannover năm 2000 cũng có xây một ngôi chùa của xứ Bhutan trị giá 4 triệu Đúc Mã; nhưng sau 5 tháng triển lãm lại cũng phải dỡ đi. Điều ấy chứng tỏ rằng không có cái gì luôn luôn tồn tại ở thế gian này, ngoại trừ chân lý.

Chúng ta là những người Phật Tử phải ý niệm về vô thường và nhất là triết lý về tánh không của nhà Phật. Vì tất cả đều khởi đi từ chỗ không và sẽ trở lại nơi cuối cùng cũng là một cái không nhất định và bị chi phối bởi nhân duyên cũng như luật nhân quả. Nếu hiểu được điều này, tức hiểu được giáo lý của nhà Phật. Vì không có cái gì trên thế gian này mà không bị chi phối bởi luật vô thường này.

Mong tất cả chúng ta hãy ý niệm về việc ấy.

● Ban Biên Tập Báo Viên Giác



# Tìm hiểu : Sự kiện tận thế và sấm ký Nostradamus



Vấn đề tận thế và sấm ký đã được nhắc đến từ lâu nhưng sôi động nhất là từ năm 1998 đến nay khi mà năm 2000 đánh dấu thiên niên kỷ thứ 3 đã bắt đầu với nhân loại sống trên hành tinh này.

Nhiều sách vở báo chí đã viết về các sự kiện khủng khiếp sẽ xảy ra về hình ảnh của giai đoạn được gọi là tận thế. Tuy nhiên ý nghĩa và hình ảnh của hai chữ tận thế chưa thấy được mô tả và giải thích chi tiết ra sao, trong khi sự hoang mang lo lắng của nhiều người ở nhiều quốc gia ngày càng gia tăng. Bài viết dưới đây của tác giả Đoàn Văn Thông sẽ trình bày chi tiết và phân tích khá đầy đủ về sự kiện được gọi là Tận Thế qua Sấm ký tiêu biểu của nhà đại tiên tri lừng danh thế giới là Nostradamus.

## THẾ GIỚI ĐANG LO SỢ VỀ TẬN THẾ GẦN KÈ

Trong mấy tháng qua, báo chí khắp nơi trên thế giới đã không ngớt đề cập về sự kiện tận thế với nhiều suy diễn tuy khác biệt nhau nhưng nội dung không ngoài vấn đề nhân loại đang đi vào một chu kỳ sinh tử của quả đất. Khủng khiếp hơn là thế giới sẽ đi vào giai đoạn huỷ diệt với những thiên tai và chiến tranh xảy ra khắp thế giới. Những lý giải khác lại cho rằng sau những tàn phá khủng khiếp, quả đất lại trở về trạng thái yên bình và một trang sử về đời sống mới của nhân loại lại được mở ra...

Những dự đoán vừa kể được lý giải qua các tử liệu sấm ký của nhiều nhà tiên tri nổi danh từ thời cổ đại và ngày nay còn được các giáo phái ở Nhật xác nhận hay từ Kinh Thánh, sách Khải Huyền... đã khiến nhiều người trên thế giới lo sợ. Tại Pháp, Anh, Đức, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Ý... và ngay tại quốc gia nổi tiếng là văn minh hiện đại nhất thế giới là Hoa Kỳ cũng không hiếm những người lo chuẩn bị cho mình và gia đình một nơi an toàn để trú ngụ chờ ngày tận thế ập tới. Điểm giống nhau



là nhiều người đã lo tích trữ thức ăn, nước uống cùng chú tâm cầu nguyện và chờ đợi. Tại Trung Quốc, Ấn Độ, Đài Loan, Triều Tiên, Việt Nam và cả Cambodia... cũng nổi lên sự xôn xao lo sợ trong dân chúng về những gì sẽ xảy ra từ những năm đầu của thiên niên kỷ thứ ba. Tại Pháp, rất nhiều người đã sắp hàng tại các tiệm sách để mua sách sấm ký của Nostradamus. Cuốn sách gây chú ý nhiều nhất là Sấm Ký Nostradamus do Paco Rabanne biên soạn. Một số lớn người dân Pháp đang tin vào lời suy đoán rằng khoảng trung tuần tháng tám năm 1999 thủ đô Balê sẽ bị tàn phá bởi vật lạ từ không gian rơi xuống, vật lạ ấy là trạm không gian Mir của Nga. Đặc biệt nhất là tại Nhật Bản, không ai có thể ngờ được rằng nơi xử

Báo chí Nhật cho rằng dân Nhật đang lên cơn sốt về ngày tận thế.

## NGUYÊN NHÂN NÀO NGƯỜI DÂN NHẬT LO SỢ ?

Niềm tin mãnh liệt về ngày tận thế phát sinh từ những đoạn thơ trong tập Sấm Ký của nhà Tiên tri Pháp là Nostradamus và dân chúng Nhật bắt đầu lo sợ khi quốc gia họ hiện đang sa sút về kinh tế. Riêng về mặt quân sự thì càng ngày áp lực mạnh mẽ và hung hãn của những quốc gia kế cận như Trung Quốc, Bắc Hàn đang là nguy cơ to lớn hướng mũi tấn công về phía Nhật. Trong khi đó viễn tượng Khan hiếm trầm trọng nhiên liệu dầu hỏa đối với Nhật ngày càng gia tăng. Chỉ một đoạn trong khổ thơ của nhà Tiên tri Nostradamus cũng đủ làm cho những người dân Nhật so sánh đối chiếu với những gì đang xảy ra để rồi lo sợ cho tương lai đất nước họ khi một một vài ứng nghiệm trong thực tế như một khổ thơ trong sấm ký được lý giải như sau: "Vào năm 1999 khoảng tháng 7, trên bầu trời sẽ hiện ra một vầng sáng rực lửa gây sự kinh hoàng...". Như thế thì sự kiện Bắc Hàn bắn hỏa tiễn đầu đạn 2 tầng Taepo Dong bay ngang qua miền Bắc nước Nhật phải chăng là lời mô tả của nhà tiên tri đoán trước mấy trăm năm. Tiếp đó, Trung Quốc cũng bắn hỏa tiễn tầm xa, tuy mặt nổi là đe dọa Đài Loan nhưng cũng cảnh cáo cả Nhật Bản. Loại phi đạn của Bắc Hàn và Trung Quốc thử nghiệm rất tối tân và đáng lo ngại cho Nhật vì tầm xa của phi đạn Trung Quốc chẳng hạn có khả năng vượt quá 5000 dặm và mang theo một đầu đạn nguyên tử khoảng 1500 cân Anh. Trong chuyến viếng thăm Nhật vào tháng 11 năm 1998, Chủ tịch Trung Quốc là Giang Trạch Dân cảm thấy mất mặt khi Nhật không chịu chính thức đưa ra lời xin lỗi nhân dân Trung Quốc về tội ác mà quân Nhật đã gây ra khi họ xâm chiếm Mãn Châu năm 1931. Mặc dầu sự kiện tàn bạo ấy xảy ra đã hơn nửa thế kỷ qua nhưng lịch sử và nhất là dân Trung Quốc không bao giờ quên những cuộc tàn sát dã man kinh khủng khi quân Nhật tiến vào Nam Kinh. Chỉ riêng tại Nam Kinh thôi, quân Nhật đã giết trên 300.000 người Trung Quốc bất luận già trẻ lớn bé. Người Trung Quốc bị Nhật tàn sát bằng đủ mọi hình thức như bắn, chém, móc mắt chặt tay, mổ bụng, tạt acid, chôn sống, thiêu sống, thả trôi sông, liệng xuống giếng. Riêng phụ nữ từ 6, 7 tuổi cho đến bà già đều bị hãm hiếp trước khi bị bắn chết. Người dân Nhật đã đến lúc suy nghĩ lại tội ác do ông cha họ gây ra từ trước khổ mà gột sạch được. Mỗi thù ghê gớm ấy chắc chắn người dân Trung Quốc sẽ không quên. Người Nhật cũng như người Trung Hoa xưa nay đều tin vào thuyết quả báo. Những cuộc thử nghiệm hỏa tiễn tầm xa của Bắc Hàn và Trung Quốc tới vùng biển Nhật Bản đối với phần lớn dân Nhật hiện nay không phải là một sự trùng hợp tình cờ mà là một khởi đầu cho những gì mà khổ thơ Sấm ký của nhà Tiên tri Nostradamus đã cảnh cáo về tai họa khủng khiếp sẽ xảy ra.

Trong khi đó tại Ấn Độ, nhà Thiên văn Lachhman Das Madan lại khẳng định rằng năm 2000, nhiều nơi trên thế giới sẽ bị nhiều tai họa và đặc biệt nhất là Nhật Bản, quốc gia này sẽ gánh chịu vô số tai ương khởi đi từ năm 2000. Khẳng định ấy lại càng làm dân Nhật thêm lo âu.

Người Nhật đã kinh qua những nỗi khổ kinh hoàng từ hai quả bom nguyên tử nổ ở Trường Kỳ và Quảng Đào (Hiroshima và Nagasaki) vào năm 1945 nên hơn ai hết, họ rất lo sợ về chiến tranh hạt nhân.

Trong khi đó thì một số giáo phái mới tại Nhật đã dựa vào Sấm ký của Nostradamus để suy diễn các tình trạng của tương lai thế giới và đã giống lên những tiếng chuông báo động về ngày tận thế gần kề khiến xã hội Nhật Bản tự nhiên bị xao động mạnh hơn về nỗi kinh hoàng sắp tới. Từ năm 1999, dân Nhật từ già trẻ lớn bé và nhất là các thanh niên sinh viên phần đông đã nhìn về năm 2000 với nỗi phấp phỏng lo ngại.

## GIỚI KHOA HỌC GÓP PHẦN

Trong khi cả thế giới đang trong hồi hộp, lo âu và chờ đợi về những tai ương khủng khiếp sắp xảy ra thì một số nhà khoa học lại loan đi những khám phá về vũ trụ tự nhiên liên quan tới những gì mà nhiều người đang nghĩ đến. Điều đó càng khiến gia tăng nỗi sợ hãi thêm lên.

Các nhà Thiên văn Mỹ mới đây cho rằng nạn hồng thủy sẽ gia tăng và đến sớm hơn trong năm 1999 tại nhiều nơi trên thế



giới. Điều đáng lo sợ là khả năng về một số lớn hành tinh trong Thái Dương hệ của quả đất sẽ nằm trên một đường thẳng. Nếu sự kiện ấy xảy ra thì quả đất sẽ như bị phân thân tan nát bởi những lực vô biên khủng khiếp của các hành tinh.

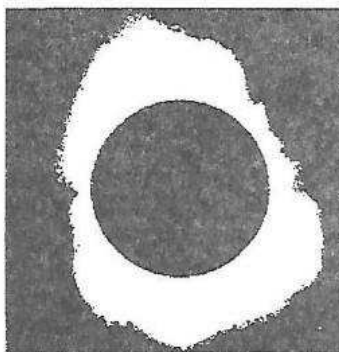
Trong khi đó thì các nhà địa chất lại lưu ý sự kiện nhiệt độ quả đất ngày càng tăng khiến các khối tuyết dày ở các vùng tuyết giá tan ra gây nên mưa và lụt lớn. Sẽ có những trận động đất lớn xảy ra ở nhiều nơi trên quả địa cầu.

Một hiểm họa to lớn khác cho quả đất là sao chổi. Trong hội nghị khoa học tổ chức mới đây tại Đại Học Cornell ở Ithaca (New York) các nhà khoa học đã nhắc đến cơ nguy của trái đất do sao chổi gây ra. Theo ước tính thì có hàng nghìn sao chổi đang ở gần trái đất. Đường kính mỗi sao chổi này khoảng nửa cây số. Dù sao chổi không đâm sầm vào quả đất đi nữa thì các nhà thiên văn, sao chổi khi chuyển động gần quả đất thì hơi bụi vũ trụ cuốn theo nó có thể tung vãi vào bầu khí quyển gây tác hại về nhiều mặt luôn cả môi sinh.

Tại Ấn, trong khi dân chúng đang lo sợ về một lời tiên tri tận thế thì giới khoa học Ấn lại loan báo về trận bão lớn sẽ xảy ra. Sự trùng hợp này đã khiến gần 40 nghìn dân cư địa phương hốt hoảng di tản về miền thôn dã. Sau đó thì nổ ra trận chiến giữa Ấn và Hồi. Nguy hiểm nhất là cả hai đều có sẵn trong tay bom nguyên tử, chỉ cần một nóng giận tự ái không kiềm chế của một trong hai quốc gia thôi cũng đủ hàng chục triệu người chết hãi hùng vì bom nguyên tử nổ.

Theo một số nhà thiên văn học thì trong tháng 8 dương lịch của năm 1999, nhân loại sẽ chứng kiến hình ảnh lạ lùng nhất về hiện tượng Nhật thực vô cùng rộng lớn sẽ xảy ra. Nhiều nơi trên thế giới, ban ngày sẽ chìm trong u ám hay tối đen. Tại Ấn Độ dân chúng hồi hộp lo âu khi quan sát Nhật thực, thành phố Karachi bị Nhật thực toàn phần vào ngày thứ tư 11 tháng 8 năm 1999. Nhiều nơi như ở Âu Châu dân chúng đổ xô ra đường quan sát hiện tượng Nhật thực. Nhiều thành phố trở nên u ám tối tăm. Ở Trung Đông cũng vậy nhất là Iran và Iraq. Có nơi Nhật thực làm tối đen u ám trong một chu vi cả trăm cây số. Điều kỳ lạ là theo lời Nostradamus đã cho biết, sao chổi hay Nhật thực là dấu hiệu của điều dữ. Quả vậy, liền sau khi xảy ra hiện tượng Nhật thực vào ngày 11 tháng 8 năm 1999 thì trên thế giới cũng xảy ra vô số thiên tai dữ dội,

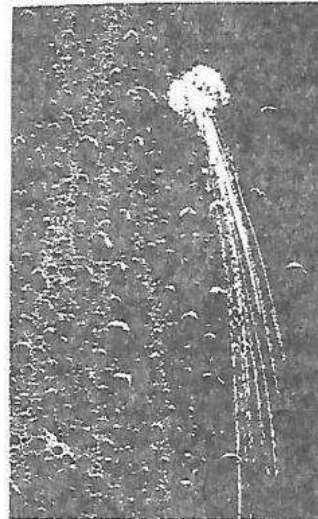
trong khi đó lửa chiến tranh thế giới có cơ nguy bộc phát: Đài Loan và Trung Quốc suýt nổ ra trận không chiến khi máy bay chiến đấu Trung Quốc xâm nhập không phận Đài Loan. Tại biên giới Ấn Độ và Pakistan đã xảy ra cuộc không chiến, máy bay Ấn bắn rơi chiến đấu của Pakistan làm nhiều quân nhân Pakistan thiệt mạng. Liền đó hai bên đều phô trương lực lượng sẵn sàng chiến tranh. Pakistan bắt đầu chuyển các vũ khí hóa học ra rần đối phương. Hàng không mầu hạm Mỹ ra khơi khiến các nhà quan sát suy diễn là Bắc Hàn đang chuẩn bị bắn thủ phi đạn tầm xa. Riêng tại Nga khi Nhật thực xảy ra thì cuộc chiến tranh ly khai nổ bùng qua sự cổ vũ hỗ trợ của người Hồi Giáo tại Nga. Còn tại các quốc gia Hồi Giáo nhất là Iran và Iraq thì dân chúng rất tin tưởng vào điềm báo tai họa của hiện tượng Nhật thực. Các bệnh viện sản khoa vắng các sản phụ vì họ tin rằng: nếu sanh con trong thời gian có Nhật thực thì sẽ vô cùng tai hại cho hài nhi. Kề viết bài



này chỉ trình bày các diễn biến xảy ra trong tháng 8 của năm 1999, do đó chắc chắn sẽ còn nhiều biến động to lớn khác nữa sẽ xảy ra sau đó.

Phải chăng tất cả những biến chuyển xáo động đáng sợ ấy trong thiên nhiên là những khúc dạo đầu của những hiện tượng kinh hoàng sắp xảy ra trên trái đất này ?

Càng kề cận năm 2000, thế giới càng thấy những dấu hiệu



báo nguy mà quả đất sẽ phải gánh chịu. Sấm ký Nostradamus thường nhắc tới hiểm họa sao chổi. Nhà tiên tri Nostradamus đã nhìn về tương lai xa thẳm khởi từ thời đại ông và đã lo sợ cho hậu thế về những thảm họa mà sao chổi sẽ gây ra. Điều kinh nghiệm của nhà tiên tri là mỗi khi sao chổi xuất hiện gần quả đất thì tai ương lại xảy đến cho nhân loại dưới hình thức này hay hình thức khác. Năm 1993, các nhà thiên văn đã khám phá ra một sự kiện khủng khiếp: sao chổi khổng lồ có tên là Shoemaker đang lao nhanh trong vũ trụ và tiến về Mộc Tinh (Jupiter). Sự chạm sẽ bắn tung vô số

mảnh vỏ đi xa và quả đất có thể tan tành nếu bị những mảnh vỏ của sao chổi nặng hàng trăm triệu tấn bắn trúng. Lúc bấy giờ các nhà thiên văn đã vô cùng lúng túng và hoảng sợ không biết có nên loan báo một sự kiện ghê gớm này cho khắp thế giới không. Quyết định cuối cùng là im lặng theo dõi chỉ loan đi những gì cần thiết để tránh sự hỗn loạn nguy hiểm không lường trước được sẽ xảy ra khắp thế giới. May thay sao chổi bỗng nhiên lệch hướng, chỉ chạm nhẹ Mộc Tinh và sau đó sao chổi tan ra thành 21 mảnh trong vũ trụ mênh mông. Nhân loại đã thoát qua một tận thế. Nhưng chính từ năm đó tiếp tới các năm sau, trên quả đất đâu đâu cũng có những thiên tai ghê gớm xảy ra.

Trong những năm gần kề năm 2000, các nhà khoa học thiên văn thấy sự xuất hiện của các sao chổi gia tăng. Năm 1996 sao chổi Hyakutake xuất hiện và ngay sau đó biết bao nhiêu thiên tai thảm họa đã xảy ra trên khắp thế giới. Qua năm 1997 nhân loại lại chứng kiến sự xuất hiện của sao chổi Hale Bopp. Sao chổi này còn vĩ đại hơn sao chổi Hyakutake 4 lần. Nhiều người đã lo sợ khi sao chổi Hale Bopp xuất hiện. Khi sao chổi tiến gần quả đất thì một sự kiện kinh dị đã xảy ra: một tập thể 39 người ở San Diego gồm đàn ông và đàn bà đã tự sát. Bút tích họ để lại đã cho biết rằng thời điểm tận thế đã gần kề, phải lên đường ngay cho kịp một phương tiện di chuyển mà theo họ là một phi thuyền của người ngoài trái đất đang nung theo sự vận hành của đuôi sao chổi.

### THIÊN TAI XẢY RA KHẮP THẾ GIỚI LÀM GIA TĂNG NIỀM TIN VỀ NGÀY TẬN THẾ GẦN KỀ



Riêng về các thiên tai tác động ngay trên quả đất thì thống kê năm 1999 cho biết: chưa bao giờ quả đất lại có quá nhiều tai họa trong vòng mấy năm qua nhất là từ năm 1997 trở đi. Các nhà thiên văn địa chất và khí tượng Mỹ đã cho rằng: chưa bao giờ Hoa Kỳ gặp nhiều thiên tai như những năm gần kề thiên niên kỷ thứ ba này. Nào bão tố, sấm sét, con trời, lũ lụt, đất chuối, lở, động đất... Ngoài ra tai họa giết chóc do chính con người gây ra cũng gia tăng.

Tại Việt Nam, nơi mà người dân hiện nay ngày càng đói khổ họ lại



càng tin vào Sấm Ký của Trạng Trình, của Đức Phật Thầy Tây An, của Nostradamus, nhất là khi khắp nơi đã xuất hiện nhiều hiện tượng lạ như sấm sét kéo đi từng đàn, thiên tai hạn hán dồn dập mà cường độ rất lớn. Nghệ Tĩnh khô khan trầm trọng rồi đến Quảng Trị, Quảng Nam đồng ruộng đất đai nứt nẻ, nước các hồ suối sông cạn kiệt, nước mặn vào cả vùng Địch Bàn. Sự cạn khô này đã được nhà tiên tri lừng danh Trạng Trình nhắc tới nhiều lần trong tập sấm ký mà dân chúng thường gọi là Sấm Trạng.

Không riêng gì Việt Nam hay Hoa Kỳ mà khắp nơi trên thế giới, từ đầu năm 1999, thiên tai gia tăng cường độ, bão lụt tàn phá Triều Tiên, Philippine, Thái Lan, Ấn Độ... đâu đâu cũng đều bị thiên tai khủng khiếp khiến nhiều người nghĩ rằng: "phải chăng đó là triệu chứng báo trước về ngày tận thế?".

## SẤM KÝ NOSTRADAMUS

Nhiều sách vở báo chí đã nói nhiều về Sấm ký Nostradamus, nay xin nhắc lại những nét chính về nguồn gốc và một số tiên tri qua sấm ký đã chính xác trong quá khứ hầu có thể đi sâu vào nội dung của những suy đoán của nhà tiên tri Nostradamus trong thời gian sắp tới.

Nostradamus sinh năm 1503 tại thành phố St. Remy (Pháp). Từ nhỏ đã tỏ ra thông minh và thích nghiên cứu các sự kiện huyền bí. Thân sinh ông và cả Giáo hội Thiên Chúa giáo thời ấy không muốn ông trở thành nhà thần bí, nhất là nghiên cứu về Chiêm Tinh nên đã đưa ông vào Đại Học Y Khoa.

Mặc dầu hành nghề Y nhưng ông lại miệt mài những sách cổ về Chiêm Tinh và càng ngày càng tỏ ra xuất sắc trong sự đoán định tương lai.

Khi xét đến những sự kiện đã qua đều thấy những tiên tri trước đó của Nostradamus vô cùng chính xác. Có lần Nostradamus thấy một người bần hàn tên là Peretti đi qua liền quỳ xuống tỏ dấu tôn kính. Không ai ngờ rằng khoảng 40 năm sau con người bần hàn ấy lại trở thành Giáo Hoàng Sixtrus II. Vua Henry II qua đời trong một cuộc đấu thương đúng như lời tiên đoán của Nostradamus và đoán chính xác cuộc đời của Henry II là Catherine De Medici và các người con của bà. Sự ứng nghiệm sau đó đã làm cho triều đình Pháp thời ấy hoảng sợ. Chính Nostradamus đã tiên đoán chính xác về các thiên tai, dịch bệnh và nhất là hai cuộc chiến tranh thế giới làm thiệt mạng gần cả trăm triệu người. Ngay cả những tiểu tiết cũng được nhà tiên tri đưa ra trong các khổ thơ của tập Sấm ký. Ví dụ chiến lữ Maginot tại Pháp, cuộc cách mạng Pháp năm 1789, việc 2 trái bom nguyên tử thả xuống hai thành phố của Nhật, trận hòa hoãn khủng khiếp tại thành phố Luân Đôn (London) Anh Quốc năm 1566, việc đổ bộ mặt trăng, hình ảnh phi thuyền con thoi nổ tung khi vừa rời giàn phóng... Đặc biệt kỳ diệu hơn nữa là những từ ngữ mà nhà tiên tri đưa ra vào thời xa xưa đó lại là tên gọi của những vùng đất hay nhân vật mà thời đại của Nostradamus không có những danh xưng đó. Ví dụ khi tiên đoán về giai đoạn biến cải lớn lao về cách chữa trị và phát minh thuốc chủng, nhà tiên tri đã dùng chữ Pasteur, đó chính là tên của nhà khoa học lỗi lạc Pasteur Louis mặc dù Pasteur ra đời sau Nostradamus rất xa (Nostradamus sinh năm 1503 còn Pasteur sinh năm 1822). Chữ Hister ông dùng để chỉ nhà độc tài Đức Quốc Xã Hitler (tuy có sai lệch) nhưng có lẽ nhà tiên tri cố ý để tạo ẩn ngữ cho sấm ký. Những đôi khi Nostradamus lại dùng từ rất chính xác như chữ Franco chỉ nhà độc tài Franco. Những địa danh cũng nhắc tới rất chính xác như Nice, Malta, Monaco, Iran, Algeria, Tunisia, Libian... Kỳ diệu hơn nữa là trong một đoạn thơ của tập sấm ký Nostradamus viết cách đây mấy trăm năm có nhắc tới một chữ chỉ nước Mỹ rất rõ ràng, đó là chữ America, một quốc gia chưa xuất hiện vào thời Nostradamus.

## NHỮNG SUY ĐOÁN TƯƠNG LAI QUA SẤM KÝ NOSTRADAMUS

Tập sấm ký Nostradamus gồm một nghìn câu thơ trong đó là những lời tiên tri chứa đầy các ẩn ngữ khó hiểu. Do đó mà những phần lớn lời tiên tri ứng nghiệm thường thấy rõ hơn sau khi sự việc xảy ra, nhờ đó mỗi thấy tài tiên đoán của Nostradamus là vô cùng linh diệu lạ lùng. Như trường hợp khi bà hoàng Catherine De Medici hỏi về người chồng là Henry đệ nhị,

Nostradamus đã ghi rõ trong tập sấm ký lời suy đoán của mình là Henry II sẽ chết trong một trận thi đấu theo kiểu hiệp sĩ thời xưa:

*Trên sân quyết đấu,  
Ông bị đối thủ đâm xuyên tẩm khiêng che mắt  
làm mắt ông bị mù  
Ông chết trong quần quai đôn đầu.*

Khả năng suy đoán tương lai của Nostradamus quả vô cùng thần diệu. Lời tiên đoán của ông trong trường hợp này rất chính xác về cái chết của Henry II, đúng từng chi tiết, từ loại vũ khí dùng trong thi đấu đến cái khiêng chống đỡ, trên khiêng ông còn mô tả chính xác là có chạm hình sư tử và nhất là mô tả đúng Henry II bị mũi thương của đối thủ đâm xuyên qua tẩm khiêng che mắt của cái mũ sắt bảo vệ khiến Henry II bị đâm mù mắt và đã hấp hối trong đau đớn một thời gian gần nửa tháng mới chết.

Từ những lời tiên tri chính xác của Nostradamus trong quá khứ qua mười tập sấm ký, nhiều người hiện nay càng tin tưởng vào những gì mà nhà tiên tri đã nói tới trong tương lai nhất là những tiên tri về cuối thế kỷ 20 bước sang thế kỷ 21.

Sau đây là sơ lược một số tiên đoán tương lai qua sấm ký Nostradamus.

## NOSTRADAMUS TIÊN ĐOÁN TƯƠNG LAI VỀ GIÁO HỘI THIÊN CHÚA

Nostradamus rất quan tâm tới giáo hội Thiên Chúa vì thế mà



trong các tập sấm ký của ông có nhiều đoạn nói đến các biến chuyển trong giáo hội. Nhiều vấn đề và nhiều sự kiện kỳ xảy ra trong quá khứ liên quan đến giáo hội đều đúng như lời tiên tri trong sấm ký, mặc dầu phần lớn sự kiện xảy ra sau thời điểm mà Nostradamus đã qua đời. Chính xác nhất là ông đã tiên tri về cái chết bí mật của Giáo hoàng John Paul I, một vị Giáo hoàng đầy đức độ, bình dị. Ngài là vị Giáo hoàng độc nhất vô nhị đã không chịu đội vương miện và từ chối việc tổ chức huy hoàng trong ngày đăng quang, Ngài chỉ muốn đội cái mũ bình thường thôi. Ngài cũng không chịu đi xe hay ngồi kiệu mà chỉ đi bộ, Ngài lại còn đưa ra nhiều cái cách đúng đắn hợp lý, những cái cách mà các vị Giáo hoàng tiền nhiệm không nghĩ tới hay ngại không đưa ra... và đặc biệt nhất là Ngài không khi nào nói đến chữ Ta khi chỉ về mình.



Giáo hoàng John Paul I lên ngôi ngày 26 tháng 8 năm 1978. Việc Ngài làm đầu tiên là lục lại các hồ sơ về các vấn đề liên quan tài chánh trong giáo hội mà từ lâu có nhiều đồn đoán về sự mờ ám... Nhưng vị Giáo hoàng này chỉ tại vị được có 33 ngày vì bỗng dưng Ngài qua đời một cách đột ngột. Bí mật bao trùm lên cái chết của Ngài. Cái chết ấy xảy ra hơn 400 năm sau khi nhà tiên tri Nostradamus qua đời, vậy mà trong tập sấm ký của nhà tiên tri có một đoạn thơ nhắc tới rất rõ ràng:

*Ngài được bầu lên làm Giáo Hoàng,  
Nhưng lại bị nhiều thế lực ganh ghét,  
Con người thánh thiện và quả cảm ấy,  
Bị chết bất ngờ trong bóng tối âm u...*

Điều kỳ diệu lạ lùng hơn nữa là trong sấm ký của Nostradamus còn cho biết rõ là vị Giáo hoàng kế vị John Paul I là người Ba Lan (Poland), đó là Giáo hoàng John Paul II. Sấm ký còn ghi thêm những điều đáng sợ là sau cái chết bất ngờ của



Giáo hoàng John Paul I, sẽ nối tiếp nhiều cái chết bí mật và chính Giáo hoàng John Paul II cũng sẽ gặp nạn nhiều lần:

*Sau cái chết đầy bí ẩn,*

*Lại tiếp theo những cái chết bí ẩn khác*

Qua các tài liệu sách vở báo chí nghiên cứu và lý giải sấm ký Nostradamus của nhiều tác giả trên thế giới thì rõ ràng đoạn thơ trên là lời tiên tri rất chính xác qua các dẫn chứng về những cái chết liên tiếp xảy ra sau cái chết bí ẩn của Giáo Hoàng John Paul I :

Ngày 21.1.1979 thẩm phán nổi tiếng Emilio Alessanduni chết một cách bí mật. Hai tháng sau thì nhà báo Mino Pecorelle bị giết. Rồi 4 tháng sau lại có một người nữa bị ám sát chết. Đó là ông Giorgio Ambrosioli. Hai ngày sau khi Giorgio bị giết thì viên tướng Antonio Varisco có vai vế tại Rome cũng bị giết chết. Kế đến là những cái chết khác đầy bí ẩn:

Nostradamus còn tiên tri những nguy hiểm bất trắc của Giáo hoàng John Paul II bởi các thế lực nguy hiểm trên thế giới. Quả đúng như lời tiên tri, ngày 13.5.1981, Giáo hoàng John Paul II bị ám sát hụt.

Điều lạ lùng là Nostradamus còn nhắc cho hậu thế biết rằng từ vụ ám sát ấy, thế giới sẽ thấy thêm sự xuất hiện của sao chổi. Đó là điềm báo những tàn úng sẽ xảy đến cho nhân loại :

*Khi vị vua thiêng liêng bị ám sát,*

*Ngôi sao có râu bỗng hiện ra...*

Tối năm 1986 thế giới lo sợ khi thấy sao chổi khổng lồ Halley xuất hiện đúng như lời nhà tiên tri cho biết. Trận chiến Trung Đông xảy ra là khởi đầu về dấu hiệu thế giới đắm mình trong chiến tranh mà sao chổi Halley đã xuất hiện vào thời gian kề cận năm 2000.

Nostradamus còn cho biết ngày cuối cùng của Giáo hội và vị Giáo hoàng cuối cùng có tên là Clement. Theo nhà tiên tri thì đây là Giáo hoàng thứ III.

Chi tiết hơn qua sấm ký xoay quanh vấn đề giáo hội, tiên tri của Nostradamus còn cho biết rằng: khoảng từ tháng 2 tới tháng 5 của năm 2000, thành phố Vatican bỗng dưng bị một trận lụt dữ dội tàn phá. Nước làm vỡ một vùng đất để lộ ra một ngôi cổ mộ - đó chính là mộ của Thánh Peter. Cũng vào thời gian đó, giáo hội gặp nhiều vấn đề rắc rối lung củng và chia rẽ dữ dội. Khi giáo hội bắt đầu suy tàn thì thế giới lại bắt đầu đi vào thế chiến thứ III.

### THẾ CHIẾN QUA SẤM KÝ NOSTRADAMUS CÁC HÌNH THÁI CỦA CHIẾN TRANH THỨ III

Theo sấm ký của Nostradamus thì số di thể chiến thứ 3 bùng nổ chính là do sự châm ngòi của những hận thù dâng cao của các thế lực trên thế giới kinh chống nhau. Những thế lực đáng lưu tâm là thế lực Hồi Giáo, trong đó bao gồm những lò lửa âm mưu lâu như Iran, Iraq. Kích động hận thù và bạo lực hơn nữa là những cuộc khủng bố dã man tàn bạo liên tiếp xảy ra: nào cuộc khủng bố tàn sát ở sân bay quốc tế ở Vienna và Rome, vụ tấn công tàn sát tàu Achille Lauro, vụ khủng bố man rợ tại Oklahoma, vụ nổ kinh khủng ở doanh trại của binh sĩ Mỹ tại Saudi Arabi, vụ nổ bom làm nổ tung chiếc phi cơ hàng không Pan Am 103, vụ tấn công khủng bố đại sứ quán Mỹ ở Kenya và Tanzania... Ngoài ra càng ngày thế giới càng lo lắng về sự phát triển mạnh mẽ về mặt vũ khí lan tràn khắp nơi. Việc sản xuất, mua bán các loại vũ khí nguy hiểm có khả năng giết người hàng loạt trở nên phổ biến khắp nơi. Chỉ cần có tiền bạc là quốc gia yếu kém cũng có khả năng sở hữu các loại bom đạn, hỏa tiễn nguy hiểm như bom hóa học hay cả vũ khí hạt nhân.

Nostradamus còn nêu ra một nguyên nhân sâu xa hơn nữa là thế giới vào năm 2000 sẽ ngập tràn nỗi hận thù và nỗi lo sợ :

*Bởi sự hận thù dâng cao,*

*Làm tiêu diệt kẻ hận thù và người bị-hận thù*

Theo Nostradamus thì nỗi hận thù khác với lòng nhân hậu hay mối thiện tâm. Hận thù phát sinh từ những con người sống trên quả đất sẽ tạo nên một năng lực hung hãn và tàn bạo làm hủy hoại cả sự sống.

Thật vậy, nhiều cử dân của nhiều nước trên thế giới hiện nay đang sống trong tình trạng lo sợ, nghèo đói, hận thù không nguôi. Nhiều chính phủ đã đầy đoạ đàn áp dân lành và nạn tham nhũng lan tràn ở nhiều quốc gia. Sự hận thù của dân chúng lên chính phủ đương quyền sẽ bùng nổ khi thời cơ đến và

thảm họa giết chóc, đốt phá, hồi của sẽ tràn ngập. Hận thù còn vượt cả biên cương lãnh thổ như mối hận thù của người Hoa lên người Nhật, người Triều Tiên đối với người Nhật, hận thù của người Cambodia lên người Việt Nam. Tình trạng người Cam Bốt khởi động lòng hận thù dân chúng lên người Việt ngày càng tăng. Báo chí quốc tế trong tháng 5 năm 1999 cho biết: bộ đội Cộng Sản Khờ Me Đò đã nhồi sọ trẻ em Cam Bốt rằng Việt Nam chính là kẻ thù truyền kiếp của dân tộc Khờ Me. Việc Cộng Sản Việt Nam chiếm đóng Cam Bốt mười năm trời càng làm tăng thêm mối hận thù. Hận thù còn được thấy rõ hơn nữa nơi người Hồi Giáo cực đoan chống Tây phương nhất là chống Hoa Kỳ. Những người khủng bố phần lớn là người Hồi Giáo cực đoan đã thường trả lời báo chí với nội dung như lời cảnh cáo gởi đến Mỹ Quốc rằng: "Chúng tôi đủ khả năng gây thiệt hại cho nước Mỹ bất cứ nơi đâu dù nước này giàu mạnh nhất thế giới". Đáp lại chính phủ Mỹ tuyên bố: "Nước Mỹ sẽ không tha thứ cho bất cứ kẻ nào gây tội ác và tội ác ấy sẽ chẳng bao giờ quên". Bao nhiêu đó cũng đủ làm cho hận thù nối tiếp hận thù.

Về các thế lực quân sự trên thế giới thì gần tới thiên niên kỷ thứ 3, trên thế giới càng phát sinh các điểm nóng đáng lo ngại. Các điểm nóng rõ nét nhất là Iraq, Iran, Trung Quốc, Đài Loan, Bắc Hàn, Nam Hàn. Hai điểm nóng khác là Pakistan và Ấn Độ, hai quốc gia này đều có trong tay vũ khí nguyên tử và trong khi quả đất đang nằm trong u ám của hiện tượng Nhật thực lớn lao thì đã nổ ra trận không chiến. Một số điểm nóng khác đang mạnh nhen chọc bùng nổ như những vùng đất thuộc Liên Bang Xô Viết trước đây có rất nhiều người Hồi Giáo và họ luôn luôn nuôi mộng trở thành quốc gia riêng biệt của người Hồi Giáo. Những nước Cộng Hòa Hồi Giáo này đang được sự hỗ trợ nhiều mặt của Iran. Ngòi nổ đã bộc phát ngay trong thời điểm Nhật thực xảy ra trên quả đất vào ngày 11.8.1999. Một nhóm quân đội Hồi Giáo quá khích bắt ngờ tấn công quân đội Nga Xô làm thiệt mạng nhiều binh sĩ Nga. Phong trào chiến tranh ly khai có thể đã bắt đầu châm ngòi.

Thế giới đang lo sợ nhìn về phương Bắc, nơi mà Nostradamus tiên tri thảm họa từ trời cao sẽ đổ xuống. Trận chiến tranh thế giới lần thứ 3 là trận chiến tranh hủy diệt tàn khốc nhất. Theo sấm ký Nostradamus thì trận chiến kéo dài trong 27 năm mà khởi điểm là năm 1973 với trận chiến Trung Đông tạo ngòi nổ kích động người Hồi Giáo khắp thế giới sẵn sàng đứng lên. Hồi Giáo ngoài sức mạnh của vũ khí hóa học và nguyên tử, họ còn dồi dào tiền bạc và nguồn dầu lửa, họ lại còn có cả đạo quân quyết tử gồm phần lớn những người theo hệ phái Shiites cực đoan sẵn sàng lao vào cuộc Thánh chiến.

Theo sấm ký Nostradamus thì chính tại Âu Châu là nơi dễ phát sinh thế chiến thứ 3. Trận chiến dữ dội ở Kosovo quy tụ 17 nước Bắc Đại Tây Dương đã thả 20.000 tấn bom qua 35.000 phi vụ kéo dài 11 tuần làm rục rỏ một góc trời Âu Châu là một khởi đầu. Vì là người Pháp nên Nostradamus luôn luôn lưu ý tới quê hương không những trong thời kỳ ông đang sống mà còn nhấn nhủ cho dân tộc ông về cả tương lai con cháu chắt chiu nữa.

Tại Âu Châu, cuộc chiến tranh tàn khốc sẽ kéo dài trong thời gian 43 tháng hay 3 năm 7 tháng. Rồi từ đó, trận chiến lan tỏa khắp nơi. Lãnh thổ Hoa Kỳ cũng ngập tràn khói lửa nhất là thành phố New York. Cũng theo sấm ký thì ở đất liền, khởi đầu người Hồi Giáo cực đoan phát động cuộc chiến bắt nguồn từ Iran xâm chiếm Iraq rồi tràn xuống Ai Cập. Trong khi đó trên mặt biển, bùng nổ những trận hải chiến lớn lao. Hải quân của các nước phương Tây bị tan tác dưới sức mạnh cuồng bạo của bom hạt nhân.

### QUỐC GIA NÀO SẼ BỊ TẤN CÔNG ?

Theo sấm ký Nostradamus thì Âu Châu là nơi nhuộm đầy khói lửa và loại vũ khí hạt nhân hay hóa học có thể sẽ được sử dụng.

*Bầu trời đêm rực sáng bởi khói lửa tỏa ra trên sông Rhone.*

*Iran xưa quân tràn ngập Macedonia*

*Chiến tranh và đôi khát tiến nhanh đến nỗi*

*không kịp nhận được sự trợ giúp nào*

Có một đoạn thơ trong sấm ký chỉ đích danh nước Pháp bị tấn công từ nhiều mặt :

*Vi không đề phòng nên Pháp bị tấn công*



*bằng năm mặt.*

*Tunisia và Algeria hòa theo Iran  
chống lại nước Pháp.*

Cuộc chiến lan rộng, nhiều nơi bị tàn phá chết chóc thấy trước được cảnh tượng đau lòng ấy, nhà tiên tri đã kêu lên qua mấy câu thơ trong sách ký :

*Ta khóc thương về Nice, Monaco, Pizia  
Savona, Gensa, Sienna, Modena, Capua, Malta  
sẽ phải đắm chìm trong máu lửa đau thương...*

Những địa danh vừa kể, theo Nostradamus đều bị chiến tranh tàn phá giết chóc.

Nước Ý cũng không thoát khỏi nạn chiến tranh. Cuộc chiến lan tràn dữ dội đến nỗi Giáo hoàng cũng phải rời khỏi nơi Ngài ở :

*Ngôi sao khổng lồ rực sáng trên trời  
Tỏa nên những đám mây to lớn  
Khống chế cả mặt trời suốt 7 ngày đêm,  
Giáo hoàng lúc ấy phải rời khỏi nơi Ngài ở.*

Ngôi sao khổng lồ và đám mây phải chăng là hình ảnh bom hạt nhân khi nổ tỏa ra hình nấm ?

Đoạn thơ trong sách ký dưới đây là đoạn thơ gây nhiều sợ hãi nhất :

*Lúc trời hừng sáng, bỗng nhiên từ Bắc phương  
Tỏa ra ngọn lửa lớn sáng lòa lan rộng dần ra  
Thế giới vang dội tiếng khóc than  
Xác chết khắp đây  
và sau cùng là đau đớn và đói khát.*

Phưởng Bắc được các nhà nghiên cứu sách ký lý giải cho là Nga Xô hay Hoa Kỳ bị tấn công một cách bất ngờ lúc bình minh bằng loại vũ khí hóa học hay nguyên tử.

Có một câu sách ký có thể khẳng định là loại vũ khí hóa học đã được phe lâm chiến sử dụng :

*Từ cái vỏ mở ra, phát sinh trận dịch lan tràn  
khiến cho sự cứu chữa phải ở xa.*

Hoa Kỳ bị tấn công, thành phố New York rực lửa được suy đoán ra từ câu thơ :

*Lửa cháy ngàn ngạt ở 45 độ,  
Bao phủ bầu trời và cả thành phố tân tiến.*

Theo sách ký Nostradamus thì lúc đầu Nga Xô ủng hộ không ra mặt cuộc Thánh chiến của người Hồi Giáo ở Bắc phương. Nhưng sau đó lại ngả về với Tây phương để chống lại Hồi Giáo. Nhưng sự liên kết Mỹ Nga không được lâu bền, chỉ được 13 năm mà thôi :

*Khi hai siêu cường liên kết với nhau  
Thì sức mạnh của họ gia tăng ghê gớm  
Nhưng sự liên minh sẽ không lâu,  
Vì sau 13 năm họ bị Iran làm cho thiệt hại nặng nề*

Các nhà lý giải sách ký Nostradamus cho rằng chủ Iran có lẽ nhà tiên tri dùng để chỉ sức mạnh của người Hồi Giáo. Giữa Iran và Iraq là đất nước Hồi Giáo chính thống kiên trì nhất. Chỉ cần nhìn lại quá khứ ta cũng thấy rõ: Lãnh tụ Hồi Giáo Khomeini, nhân vật quan trọng lãnh đạo khởi Á Rập và nước Iraq chống lại thế giới Tây phương nhất là Hoa Kỳ.

Theo sách ký thì Nga Xô sau 13 năm liên kết với Tây phương đã tách ra khỏi liên minh đó. Có lẽ vì chính phủ Nga đã hoảng sợ khi nhận thức rõ rằng vùng biên giới Nga hiện hữu gần cả trăm triệu người theo đạo Hồi. Nếu tất cả đồng loạt nổi dậy tấn công Nga thì nước Nga sẽ bị xóa tan.

Những tình thế không cho phép Nga bình chân như vại. Sau trận chiến đẫm máu kinh hồn với phe Hồi Giáo, Tây phương chiến thắng. Nga lại phải liên minh với Hoa Kỳ. Theo Nostradamus thì sự liên minh này kéo dài được 3 năm bầy tháng. Cả hai quốc gia được gọi là siêu cường này đã thảo ra luật lệ quốc tế và tự họ nắm giữ các luật lệ ấy. Về sau chính các đồng minh, chủ hầu của họ nổi lên chống đối và giành lại chủ quyền. Chiến tranh xảy ra và tàn phá chết chóc lan tràn :

*Cả hai đứng ra nắm giữ lấy luật lệ  
Trong thời gian không lâu :  
Sau ba năm bầy tháng  
Chủ hầu và đồng minh của họ sẽ nổi dậy  
Chiến tranh lại xảy ra*

*Chiến thắng sau cùng về phía Mỹ.*

Ta có thể thấy rõ điều này trong quá khứ và sấm còn cho biết là sẽ xảy ra y hệt trong tương lai. Về sau, cũng theo sách ký thì Nga và Hoa Kỳ sẽ đương đầu với một số nước Á Châu.

Khi nói đến Á Châu ta sẽ không khỏi nghĩ đến Trung Hoa Cộng Sản, Bắc Hàn là hai điểm nóng mà thời điểm đáng sợ là trong năm 1999 với những sự thí thố về vũ khí mà hai quốc gia này đang hăng hái phát động. Những cuộc bắn thử phi đạn tầm xa, những cuộc tập trận, thao diễn quân sự quy mô của Trung Quốc, Bắc Hàn, Đài Loan để răn đe các nước lân cận hay thù địch. Tình thế xảy ra trong tháng 8 năm 1999 về Trung Quốc và Đài Loan đang ở mức nguy hiểm báo động.

Nhiều tờ báo tại Hoa Lục chạy những hàng tit lớn như "Chuẩn bị chiến tranh", "Trung Quốc phải thu hồi đảo Đài Loan", "Chiến tranh giữa Trung Quốc và Đài Loan sẽ phải xảy ra" v.v...

Một khi Trung Quốc tấn công Đài Loan thì chắc chắn Hoa Kỳ không ngồi yên và cả Nga Xô cũng dự phần vào. Nhật Bản sẽ không yên thân. Trong khi thế giới đang rối rắm thì Bắc Hàn và Nam Hàn có cơ đụng độ lớn. Dĩ nhiên Bắc Hàn thế yếu những lại có sẵn những vũ khí nguy hiểm như vũ khí hóa học và có thể là cả đầu đạn nguyên tử thì chiến tranh tiêu diệt sẽ dễ dàng xảy ra. Á Châu không chỉ quy tụ người nổ chiến tranh ở các phần đất đó mà ở Ấn Độ và Pakistan cũng dễ dàng bộc phát. Nguy hiểm hơn nữa là cả hai đều có sẵn bom hạch tâm, chỉ cần một phút không tự chế, thảm họa diệt vong sẽ xảy ra.

Có lẽ thấy trước được nguy cơ vừa kể nên trong các đoạn sách ký tiên đoán về giai đoạn gần kề năm 2000, Nostradamus luôn luôn dùng những từ ngữ khủng khiếp ghê gớm để mô tả cảnh chiến tranh hủy diệt dễ xảy ra. Ông muốn cảnh cáo hậu thế phải tự chế tối đa. Vì một khi các phe tham chiến đều sử dụng vũ khí nguyên tử thì khó mà có ai sống sót. Theo lý giải của Nostradamus thì chính sự u tối và lòng thù hận của con người là nguyên nhân sâu xa gây ra chiến tranh.

Ngoài chiến tranh do con người gây ra, Nostradamus còn cho biết rằng khoảng năm 2000, vào ngày 5 tháng 5 các hành tinh như Quả đất, Mặt trời, Thổ Tinh, Mộc Tinh và cả Mặt trăng nữa đều cũng nằm trên một đường thẳng. Trong khi đó các hành tinh Kim Tinh, Hỏa Tinh, Thủy Tinh, Thiên Vương Tinh, Hải Vương Tinh và Tử Vương Tinh lại nằm ở phía kia của mặt trời. Như thế chắc chắn quả đất sẽ bị một sức kéo, hút và đẩy dữ dội khiến phát sinh ra các thiên tai, bão táp, sóng thần, động đất dữ dội chưa từng bao giờ xảy ra.

## ĐỂ THAY LỜI KẾT LUẬN

Trong sách Nostradamus, nhà tiên tri thường đưa ra nhiều sự kiện khủng khiếp như các tai họa thiên nhiên, dịch bệnh và chiến tranh. Nhiều nhà lý giải sách ký cho rằng nếu đọc kỹ ta sẽ thấy nhà tiên tri thường xen vào các câu than trách con người về cái ngu muội ích kỷ, tự cao tự đại và lòng sân hận. Phải chăng đôi khi Nostradamus mô tả những cảnh tượng hãi hùng không ngoài chủ ý là báo cho hậu thế hãy coi chừng tự mình tiêu diệt mình. Những hình ảnh khủng khiếp của chiến tranh, dịch bệnh, thiên tai phần lớn là do chính con người gây ra. Đó là những lời cảnh cáo mạnh mẽ nhất. Chính con người làm thay đổi môi trường sống, đốt rừng, khai phá núi đồi, sử dụng các chất hóa học độc hại trong chăn nuôi, trồng trọt, và cả trong chiến tranh. Khoa học ngày càng tiến bộ những nếu không có lương tâm đạo đức thì khoa học tiên tiến sẽ dẫn tới con đường tận diệt rất dễ dàng.

Sách ký Nostradamus thường nhắc tới các thảm họa đang chờ đợi loài người khi bước vào thiên kỷ thứ 3. Thảm họa ấy xảy ra hay không, nhiều hay ít còn tùy ở con người. Không phải những gì sách ký Nostradamus nêu ra thì chắc chắn loài người sẽ phải đón nhận như thế. Không nên quy vào Định Mệnh và dù cho có định mệnh thì cũng nghĩ đến câu thơ của thi hào Nguyễn Du: "Có Trời mà cũng có Ta" hoặc là: "Xưa nay Nhân Định thắng Thiên cũng nhiều". Như vậy những gì mà nhà tiên tri đã nêu ra cho thời gian sắp tới còn tùy thuộc vào Con Người, vào những nhân vật lãnh đạo của các quốc gia. Tận thế hay không là tùy vào chính con người.

(California - Hoa Kỳ - tháng 8.1999)



Người dịch  
**HOÀNG-PHI LƯU HOÀNG-NGUYỄN**

# HỎA XÀ

Nguyên Tác:  
**Kundalini, the Serpent Fire**

Tác giả:  
**Paul Callinan, Cao học Khoa học**

**Lời phi lộ:** Trong huyền bí học hiếm thấy biểu tượng nào gợi cảm như hình ảnh con rắn. Qua dòng thời gian nó vẫn còn tượng trưng cho năng lực sáng tạo của tâm linh vũ trụ. Ở mức thấp, trong dân gian, nó là biểu tượng của khả năng sinh sản và tái tạo. Ở mức cao hơn nó hàm ý tâm thức đã đạt đến tuyệt đỉnh, là minh triết, là giác ngộ.

Trong tác phẩm về siêu linh hay kinh nghiệm cận tử mà chúng tôi dịch (gần đây nhất là quyển "Edgar Cayce on Healing của Dr. William McGarey, khởi đầu đăng trên tạp chí Phật Học Pháp Bảo, Úc Đại Lợi, từ số 47; tháng 5 năm 1997 và quyển "Closer to the Light" của Dr. Melvin Morse, trên lưỡng nguyệt san Viên Giác, Đức Quốc, từ số 106 tháng 8 năm 1998), thường minh thị hay ám tàng ít nhiều đề cập đến năng lực vũ trụ, năng lực sinh học, Kundalini, Crakras. Nhiều khoa học gia còn tiên đoán rằng thế kỷ 21 sẽ là thế kỷ của năng lực sinh học (Nhân điện, Những Phát hiện và Ứng dụng, của Giáo sư Nguyễn Đình Phú). Bài Kundalini của Paul Callinan (đăng trong tam cá nguyệt san Well Being, số 64, NSW, Australia) súc tích những giản lược, là tài liệu đáng chú ý, có thể bổ sung cho các quyển sách nêu trên.

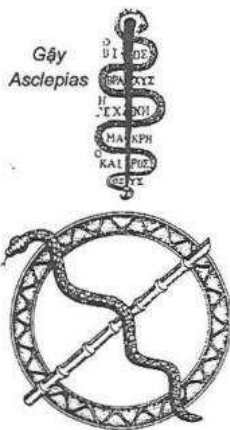
Hoàng-Phi

## I. TÌM CON RẮN LỬA TRONG LỊCH SỬ

Trong huyền thoại Hy Lạp, con rắn được liên kết với y sĩ Asclepias, con của thần Apollo. Asclepias tượng trưng cho sự kết hợp giữa tôn giáo, huyền thuật (magic) và y học, và vào khoảng 700 trước công nguyên ông là Thánh Tổ của y khoa Hy Lạp, cùng với hai ái nữ là Hygeia (sức khỏe) và Panacea (chữa bệnh). Các đền thờ Asclepias mọc lên khắp nơi ở Hy Lạp và là lò đào tạo các tu sĩ kiêm y sĩ, trong số này nổi tiếng nhất là Hippocrates. Các bệnh viện đầu tiên của Hy Lạp được xây dựng quanh những đền thờ này, tên là Asclepias. Chúng tọa lạc tại những nơi phong cảnh xinh đẹp, không khí trong lành, để hàng tu sĩ và những người phụ tá chăm sóc bệnh nhân. Trước khi nhập viện, bệnh nhân phải nhịn ăn. Giai đoạn

một của chữa trị là phải ngủ một đêm nơi đền thờ.

Đối với nhiều người Hy Lạp là khi ngủ ở đền, anh linh của Asclepias hiện ra và chữa lành bệnh. Đôi khi Ngài hiện ra dưới dạng một con rắn, cũng như dấu hiệu của Ngài là một cây gậy có con rắn quấn quanh. Dấu hiệu này được các tu sĩ kiêm y sĩ dùng làm biểu tượng nơi làm việc, thường được gọi là gậy Aesculapius (Aesculapius là tên một vị thần La Mã tương ứng với Asclepias). Uy lực của biểu tượng này tồn tại trên hai ngàn năm và hiện vẫn còn dùng ở nhiều quốc gia để tượng trưng cho ngành y dược.



← Con rắn vũ trụ của Ấn Độ giáo

Nguồn gốc của biểu tượng này thực ra không phải ở Hy Lạp, vì trước đó nhiều thế kỷ nó đã xuất hiện ở Ấn Độ. Việc thờ rắn đã có từ mấy ngàn năm

và cũng như ở Hy Lạp, biểu tượng này được dân Ấn dùng như một linh phù, một dấu hiệu kết nạp vào hội bí truyền.

Từ khi Ấn Độ khai sáng cách đây mấy ngàn năm, con rắn vũ trụ là biểu tượng của vĩnh cửu, mang cả thế giới nơi cổ của nó khi nó nghỉ ngơi giữa các giai đoạn tạo lập vũ trụ. Nó thường được vẽ thành một con rắn hổ mang, một biểu tượng Ấn Độ của mô hình xoắn ốc của năng lực vũ trụ có khắp mọi nơi, từ cấu trúc xoáy xoắn của các thiên hà đến các dòng bức-xạ điện-tử ngoằn ngoèo trong không gian giữa các tinh tú.

Trên trái đất này, năng lực vũ trụ của con rắn xâm nhập, truyền sức sống nuôi dưỡng mọi thể chất để rồi xuất hiện trong cương vị là năng lực của sự sống. Nó được gọi là Shakti, năng lực của các thần linh.

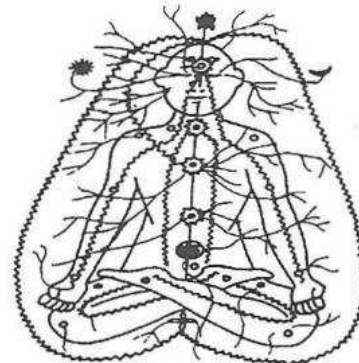
## II. THEO BÍ-TRUYỀN-HỌC

Trong cơ thể con người, Shakti không phải là thứ năng lực vô tổ chức, phân bố đồng đều. Theo Ấn Độ giáo và Du-già (Yoga), nó có mô hình rõ rệt.

Đạo sĩ Du-già cho rằng nhân quang (aura) và thân thể được truyền năng lực nhờ một hệ thống mạch năng lực gọi là Nadis. Nhờ có nadis năng lực vũ trụ chảy vào cơ thể. Một số sách nói có 72.000 nadis ở con người, sách thì bảo có đến 340.000 nadis.

Theo bí truyền học Tây phương, chúng tạo nên mạng ê-te của nhân quang. Còn Trung Hoa xem đó là các kinh (meridians). Nơi các mạch năng lực giao thoa gọi là CHAKRA, tức trung tâm năng lực (chữ Bắc-phạn có nghĩa là bánh xe, ta nên dịch là xa-luân, chủ không phải luân-xa). Nếu là điểm hội tụ của vài nadis, đó là tiểu-xa-luân, cho nên có rất nhiều tiểu-xa-luân với tầm quan trọng khác nhau. Nhiều tiểu-xa-luân được xem tương ứng với các huyết châm cứu, nhưng không có nghĩa là tương ứng hoàn toàn. Năng lực đi vào cơ thể qua mạng ê-te để đến các xa-luân rồi chảy vào các tầng thần kinh lớn (great nerve plexus) và các tuyến trong cơ thể.

Sách Du-già bảo có khoảng 10 mạch năng lực chính. Quan trọng nhất là ba mạch Ida, Pingala, Sushumna, liên hệ với thần kinh tủy sống. Sushumna là mạch năng lực trung ương, tương ứng với cột sống. Đây là mạch chính của năng lực trong thân ta, dù mạch ida và pingala cũng mang nhiều năng lực đáng kể, song nhiều hay ít còn tùy ảnh hưởng vũ trụ. Mạch sushumna rõ ràng tương ứng với dây thần kinh tủy sống và cũng là huyết mạch chủ yếu của khoa châm cứu. Mạch ida và pingala tương ứng với các chuỗi hạch thần kinh gần xương sống, nằm hai bên tủy sống. Có lẽ chúng liên hệ với kinh bàng-quan (bladder meridian)



The nadi system of the etheric web  
(Hệ nadi của mạng ê-te)

Pingala là mạch năng lực mặt trời, tượng trưng cho dương, điện, năng lực sáng tạo. Còn ida là năng lực mặt trăng, tượng trưng cho âm, năng lực thu hút và tiếp nhận. Cả hai mạch mang vào cơ thể sự quân bình giữa nóng và lạnh, tử tưởng và xúc cảm, động và tĩnh, xung động và dè dặt. Năng lực vào hai mạch này không phải lúc nào cũng như nhau, mà tùy thuộc vào sự chuyển dịch của các hành tinh, thủy triều, tuần trăng và nhịp điệu vũ trụ.

Nơi ba mạch năng lực chính yếu này hội tụ là các xa-luân quan trọng. Xa-luân có 3 chức năng chính:

1. Truyền sức sống cho thường năng lực.



2. Chuyển năng lực từ một nơi của trường năng lực này sang nơi khác.

3. Phát triển nhiều loại trí thức.

Xa luân có thể hoạt động, nằm im hoặc bị nghẽn. Nếu hoạt động thì nó sáng hơn khi nằm im. Một xa-luân nằm im có thể được kích động bằng sự tưởng tượng, pranayama, hatha yoga hay các kỹ thuật khác. Một xa-luân có thể bị nghẽn ở điểm vào hoặc ở điểm ra. Nghẽn ở điểm nào làm cho mệt mỏi, thiếu sức sống, kiệt lực. Còn nếu nghẽn ở điểm ra sinh ra bế tắc, ức chế và độc tố. Mỗi xa-luân đều có âm thanh riêng (chân ngôn, mantra), hình dạng riêng (yantra), có thể dùng để hoạt-hóa (activation).

Theo bí truyền học, mỗi xa-luân liên hệ với chức năng một vùng trong cơ thể, có những đặc tính riêng liên quan đến sự phát triển của trí thức.

**Xa-luân muladhara** (Xa-luân 1, tại huyệt Hội âm) nằm giữa bộ phận sinh dục ngoài và hậu môn, liên quan rất nhiều đến bản năng sinh tồn và ý muốn sống. Ở đa số chúng ta, nó rất hoạt động. Khi hoàn toàn khai mở, nó kiểm soát hơi thở, tư tưởng, xúc cảm, các dịch sinh dục. Nó còn cho người đó huyền năng khinh thân (levitation).

**Xa luân Swaddisthana** (Xa-luân 2, tại huyệt Trường-cửng) nằm ngay đốt xương cụt (coccyx), liên hệ đến chức năng sinh sản và tinh dục. Nếu xa-luân này được khai thông hoàn toàn, ta hiểu được các hiện tượng vũ trụ.

**Xa luân manipura** (Xa-luân 3, Thủy-điển xa-luân) nằm trên cột sống ngang thận, tại huyệt Mệnh-môn, nơi có tầng mặt trời (solar plexus). Nó có tác dụng điều hòa bộ tiêu hóa, nên ở đa số chúng ta, xa-luân này hoạt động ở mức độ hợp lý. Ở mức độ cao, nó liên hệ đến việc hiểu biết và yêu thương thân thể của mình. Khai thông hoàn toàn, nó sẽ cho ta tuệ giác, không bị độc chất tác hại, biết được vị trí của mình trong đồ án của vũ trụ.

**Xa luân anahata** (Xa-luân 4, Trụ-hóa xa-luân, nằm ngang huyệt Tâm-du) nơi cột sống ngang trái tim. Đây là xa-luân của lòng từ ái, nên ở đa số thiên hạ nó hoạt động từng chập. Nếu được khai thông, nó cho ta khả năng trị bệnh bằng huyền lực, khả năng dùng tâm để di chuyển đồ vật (psychokinesis).

**Xa luân vishuddhi** (Xa-luân 5, Thanh-tịnh xa-luân, tại huyệt Đại-chùy) nằm trên cột sống ngang cổ. Nó liên quan đến khả năng ăn nói cho nên nó hoạt động ở phần đông chúng ta. Ở mức độ cao, nó chỉ đạo ý thức về bản thân và nhận trách nhiệm hành động của mình. Khai thông hoàn toàn khiến ta có được thần-giao cách-cảm (telepythy), thiên-nhĩ-thông (clairaudience), hóa giải các chất độc và sống mà chẳng cần ăn.

**Xa luân Ajna** (xa-luân 6, Hòa xa-luân) tại huyệt Ngạch-trung, nằm giữa trán, bên trên huyệt ấn-đường một chút. Nó là Con Mắt Thứ Ba (thiên nhãn, the Third Eye). Nó cho ta khả năng hình dung, giúp thực hiện các ý kiến sáng tạo. Khai thông hoàn toàn, ta có thiên-nhân-thông (clairvoyance), khả năng tiếp xúc với thế giới vô hình.

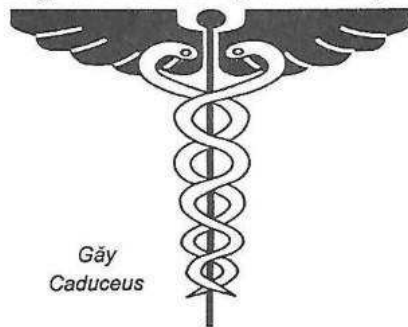
**Xa luân Sahasrara** (Xa-luân 7, Khí-điểm xa-luân, tại huyệt Bạch-hội) nằm ngay đỉnh đầu, là nơi phóng hào quang của chú Phật, Bồ Tát, Thánh Hiền. Khi khai thông hoàn toàn, nó cho ta ý thức sáng suốt, cục lạc, hoàn toàn hội nhập với sự sống.

### III. BIỂU TƯỢNG Y TẾ CADUCEUS VÀ LĂNG QUÊN

Nhiều người biết đến dấu hiệu caduceus (hai con rắn quấn quanh một cây gậy thẳng đứng) là biểu tượng của y-dược. Cũng giống như cây gậy của Aesculapius, dấu hiệu Caduceus liên quan đến thời hoàng kim của Hy Lạp: nó là gậy phép của thần Hermes, sử giả của chú thần. Sự giống nhau giữa caduceus và các năng lực chảy trong các mạch, các xa-luân khá rõ ràng, ám chỉ rằng caduceus cũng như cây gậy của Aesculapius phát xuất từ Ấn Độ chứ không phải Hy Lạp.

Theo Du-già, hai con rắn quấn quanh một cây gậy tượng trưng sự hợp lưu năng lực giữa vũ trụ và con người. Hai cánh ở đầu gậy có lẽ tượng trưng cho các nguyên lý tâm trí, xúc cảm của con người. Khi tất cả đều cân bằng thì thân, tâm, xúc cảm, năng lực đều an lạc.

Hệ thống mạch năng lực - xa-luân mà caduceus tượng trưng rất giống hệ thần kinh tự trị (autonomic nervous system). Lý thú ở chỗ là thuyết Du-già được lập rất lâu trước khi y học nói đến hệ thần kinh tự trị. Mạch năng lực chính Sushumna ở vào đúng vị trí của dây thần kinh tủy sống. Còn hai mạch năng lực phụ Ida và Pingala tưởng ứng với các chuỗi hạch hạch cận và chạy dài hai bên hông xương sống, là cơ sở của hệ thần kinh giao



cảm. Và mỗi xa-luân liên kết với một tầng thần kinh (nerve plexus) kiểm soát một phần quan trọng của chức năng cơ thể. Như vậy, năng lực trong hệ kinh mạch có

thể xem như can dự vào việc điều hòa toàn bộ chức năng của cơ thể. Điều đáng buồn là caduceus, một biểu tượng mạnh mẽ, chỉ được y khoa dùng như dấu hiệu của nghề nghiệp mà quên mất ý nghĩa uyên thâm của nó, đến độ ngày nay trong y giới mấy ai còn bàn đến năng lực, sức sống, xa-luân hay du-già. Lại càng ít nói đến Hòa-xà Kundalini.

### IV. VƯỜN DẬY CON RẮN LỬA

Khi các lực âm, dương, mặt trăng, mặt trời điều hòa thì năng lực con rắn lửa của sinh lực vũ trụ đi lên trong xương sống. Vườn lên như vậy, hòa-xà truyền sức sống cho các xa-luân, giúp phát triển tâm linh, và khi lên tới đỉnh đầu, sẽ làm biến đổi động lực. Ở đỉnh đầu sẽ có sự hợp nhất giữa ta (tiểu-thiên-địa) và vũ trụ, giữa thần Shiva quản lý số phận mỗi cá nhân và năng lực tổng thể, mở rộng trí thức.

Ở trong ta, hòa-xà thường nằm im, được xem như một con rắn đang nghỉ ngơi ở xa-luân Muladhara nơi huyệt Hội-âm. Hơn nữa, đầu rắn lại bít kín mạch năng lực trung ương Sushumna khiến nhiều xa-luân hoạt động dưới mức tối hảo. Phần lớn năng lực từ mạng ê-te chảy vào có thể trong hai mạch phụ Ida và Pingala.

Qua bao ngàn năm nghiên cứu cũng như thực hành, du-già cho rằng hòa-xà có thể được kích động nhờ sự kết hợp của Yoga asanas (tư-thế ngồi), cách hít thở của Pranayama, phép quán tưởng Kriya yoga và nhập định. Một khi mạch trung ương Sushumna được khai thông hoàn toàn, hòa-xà sẽ vườn dậy.

Theo thuật du-già có chín cách kích động hòa-xà.

**Thứ nhất** : Nhờ làm con của cha mẹ tiến hóa, từ tằm bé những mạch năng lực huyền bí lớn đã lưu thông tự do. Đứa bé do đó tự nhiên có hòa-xà tinh thức, thường có nhận định sáng suốt, suy nghĩ uyên thâm, triết lý sâu sắc. Đó là các thần đồng hoặc hóa thân các bậc thánh nhân.

**Phương pháp thứ nhì** : đánh thức hòa-xà là *trì chú*, một phương pháp hữu hiệu, khá dễ dàng, ít nguy hiểm, nhưng phải kiên nhẫn. Trước hết ta cần có một câu thần chú thích hợp (những âm thanh có rung động mạnh mẽ) do ân sư truyền dạy. Chú phải được đọc lớn tiếng, song êm ái, trên cả hai bình diện tâm trí và huyền bí. Nhờ công phu hành trì, thần chú uẩn tập mãnh lực rung động, khiến toàn thân bắt đầu cộng hưởng, này sinh sự hài hòa và thanh khiết cho tất cả các hệ thống thân, tâm, xúc cảm.

**Phương pháp thứ ba** : là *tu khổ hạnh* (tapasya), dùng lửa để tinh thức. Lửa làm thanh khiết thân thể, tâm trí, xúc cảm và



tâm linh, tạo nên ý chí kiên cường. Nhưng không phải cách khắc khổ cần rõ mà đôi khi ta thấy: những người đứng trần truồng trên tuyết rất lâu, hoặc giữ một phần cơ thể trong tư thế chẳng tự nhiên. Khắc khổ là một tiến trình tâm lý. Người Tây phương rui thay ưa nếp sống dục lạc, quen dùng các tiện nghi, xa hoa, để thỏa mãn ngay các giác quan, khiến trí óc suy yếu, ý thức kém cỏi. Khổ hạnh là đương đầu với các cám dỗ, sợ hãi, ảo tưởng và luyến ái. Đây là một kỹ thuật có tác động mạnh, không phải ai cũng tập được.

**Phướng pháp thứ tư** : là dùng các *được thảo đặc biệt*, tức Aushadi. □t hẳn đây là phương pháp có tác động mạnh nhất, nhanh nhất đánh thức con rắn lửa, nhưng được giữ gìn cẩn mật. Lý do bởi có một số được thảo chỉ đánh thức Ida hay Pingala, và một số khác lại làm bế cả hai, khiến nhiều người phải vô Dương-trí-viện. Các cỏ thuốc này không thuộc loại gây ảo giác hay giãn trí như nha-phiến, cần-sa. Muốn giác ngộ, có lẽ chỗ nên đi tắt như vậy.

**Phướng pháp thứ năm** : là Raja yoga (Yoga Vướng), phát triển tâm trí cân bằng. Đây là sự hội nhập hoàn toàn giữa tâm thức cá nhân với siêu thức, đạt được nhờ *định* và *quán* để kết hợp với tâm thức cao hơn. Phướng pháp này rất khó đối với nhiều người. Nó đòi hỏi thời gian, kiên tâm, kỷ luật và bền chí. Nó buộc hành giả phải định tâm, chuyện khó làm đối với một người trung bình và bị kích thích khá nhiều.

**Phướng pháp thứ sáu** : là phép *luyện khí* Pranayama. Có nhiều kết quả nếu thực hành ở một nơi yên tĩnh, mát mẻ và ăn uống chỉ vừa đủ sống. Tập hít thở không những gia tăng năng lực trong cơ thể, còn tạo ra lửa để sưởi ấm hòa-xà, đánh thức nó dậy. Các phương pháp khác (như bế năng lực) cũng phải hành trì để gia tăng cường độ.

**Phướng pháp thứ bảy** : là *Yoga Khổ Hạnh* (Kriya yoga). Đây là phương pháp đón giản nhất, thực tiễn nhất ở thời đại này, chẳng cần đương đầu với tâm trí. Nó thích hợp với những ai có tâm sôi động, ồn ào, thích vật chất, nhưng cần phải năng luyện tập. Kriya nhằm thanh khiết con người cho nên gồm có *hít thở, định tâm, quán tưởng, ngồi đúng tư thế* để đánh thức hòa-xà một cách chậm chạp, nhưng đôi khi cũng có biến chuyển đột ngột.

**Phướng pháp thứ tám** : đánh thức con rắn lửa nhờ một đạo sư rành về Siddhis, thần thông. Đây là Shaktipak, hòa-xà đột nhiên vươn dậy, tinh thức song chẳng được lâu. Tuy nhiên nó để lại một số kết quả lâu dài và nâng cao đạo quả của người đệ tử này. Da dè có thể trở nên

mềm mại, mắt có thể sáng. Cũng có thể có sự gia tăng tri thức, chẳng hạn đôi khi tất cả những phương pháp tu như tri chú, luyện khí, cách thế ngồi... có thể tập luyện một cách trực giác dù chưa từng học qua. Đây là một sự tiến hóa tâm linh không liên quan chi đến lối sống, sự ăn uống, hành động, suy nghĩ, song tùy thuộc vào mức độ tiến hóa đạt được.

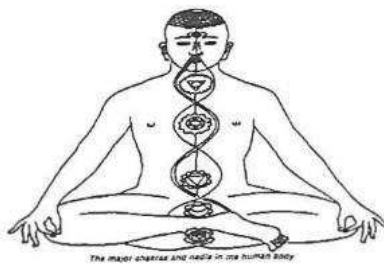
**Phướng pháp thứ chín** : để khởi dậy hòa-xà cũng rất quan trọng. Phướng pháp này chủ yếu là chẳng mong cầu. Cứ để nó tự nhiên đến, coi đây là kết quả của tinh tấn, chủ không phải mục đích.

Như vậy chuyện gì xảy ra khi con rắn lửa vươn dậy? Xin trích lời đạo sư lừng danh đương thời là Swami Satyananda:

"Lúc lên sáu tôi tự nhiên có một kinh nghiệm tâm linh, hoàn toàn quên đi thân thể của chính mình trong một thời gian dài. Rồi khi được mười tuổi, chuyện này lại xảy ra và tôi báo cho cha biết. Ông rất sùng kính Kinh Vệ-Đà và vị đạo sư của ông. Vị đạo sư bảo ông rằng tôi có kinh nghiệm tâm linh, cho nên cần được chỉ dạy để có một đời sống tâm linh. Cha tôi nghe theo, sắp xếp cho tôi học đạo, nên ngay từ nhỏ tôi đã tu luyện.

Ít lâu sau tôi lại có một kinh nghiệm khác khi ngồi bên sông Hằng. Tôi đang nghĩ về vấn đề bỗng nhiên tâm trí tôi bắt đầu hững hờ. Tôi cảm thấy mặt đất như tụt mất dưới chân, bầu trời trải rộng ra rồi thu hẹp lại. Sau đó tôi cảm thấy một lực mạnh mẽ vọt lên từ phần dưới của cơ thể như bom nổ. Tôi thấy mình rung động rất nhanh và những luồng ánh sáng thật kỳ diệu. Tôi có được niềm an lạc vô biên, vui sướng tột cùng trong một thời gian khá dài. Toàn thân tôi co rúm lại và khi khoái cảm vượt quá sức chịu đựng, tôi ngất đi.

Khi hồi tỉnh tôi bơ-phờ suốt mấy ngày, không thể ăn, ngủ, cử động và ngay cả đi nhà vệ sinh. Tôi thấy đủ thú, nhưng chẳng nhớ chi. Niềm an lạc là thực thể sống động trong tôi, tôi biết nếu mình cử động, cảm giác kỳ diệu này sẽ tan biến. Làm sao có thể cử động khi tiếng chuông ngân vang trong tôi? Đợi một tuần sau tôi trở lại bình thường, bắt đầu học du-già thật chăm chỉ. Con rắn lửa của tôi đã tỉnh thức.



Các xa luân & nadis chính

Nhờ nó tỉnh thức, trí tuệ cao hơn sẽ bùng dậy, và bạn có thể có được một loại sáng tạo mới. Khi hòa-xà tỉnh thức, không những bạn có được các khái tượng, kinh nghiệm huyền bí mà bạn có thể trở thành một nhà tiên tri, một thánh nhân, một nghệ sĩ, nhạc sĩ tài danh, một nhà văn, nhà thơ nổi tiếng, người có thần nhãn hoặc là một đấng cứu tinh. Cũng có thể bạn sẽ là một nhà Lãnh đạo, Thủ tướng, Thống đốc, Tổng thống tài ba. Sự tỉnh thức của hòa-xà ảnh hưởng đến toàn bộ tâm trí, hành động của ta".

Xin hiểu cho là công phu luyện tập du-già hòa-xà (Kundalini yoga) không phải dành cho các nhà thám hiểm tài tử hoặc người yếu bóng vía. Ít ai có được kỷ luật cũng như sự chuẩn bị để đồng hóa các thay đổi đột ngột. Nhiều chuyện rắc rối có thể xảy ra, nhất là đối với những ai chưa chuẩn bị trước sự bành trướng khủng khiếp của ý thức, có thể làm rối loạn tâm thần. Xin nhắc lại là nếu hòa-xà chỉ nâng các mạch phụ Ida hay Pingala thay vì mạch trung ương Sushumna, sẽ làm cho nóng dữ dội hoặc lạnh dữ dội, phương hại đến sức khỏe.

Lịch sử cho thấy có biết bao người đã đánh thức hòa-xà. Đầu phải chỉ có các thánh nhân, các đạo sư, mà thi sĩ, họa sĩ, chiến sĩ cũng có thể làm được. Bất cứ ai cũng có thể luyện và đạt, ngay cả phạm phu tục tử như chúng ta, nhưng phải có ba điều hiếm hoi trong cuộc sống là Động-có, Tinh-tấn, Luyện-tập. Đối với hành giả, hòa-xà tượng trưng cho *tri-thức mới* của nhân loại.

● PAUL CALLINAN

#### CÁC SÁCH NÊN ĐỌC THÊM :

- Yoga của Trần Văn Kha (Văn Nghệ, USA, 1993)
- Yoga Thuật Trường Sinh của Nawami (Xuân Thu, USA)
- Trường-Sinh-Học - Nhân Điện, của Lương Minh Đáng, USA, 1992.
- Nhân-Điện, Những Phát-Hiện và Ứng-Dụng, của Gs Nguyễn Đình Phú, Hà Nội, 1996,
- Con Người và Trường-Sinh-Học, của Nguyễn Hoàng Phương, Đà Nẵng, VN, 1991.
- The Serpent Power, của Arthur Avalon, Dover Publications Inc., usa, 1974.
- The Chakras, của C.W. Leadbeater, A Quest Book, The Theosophical Publishing House, USA, 1990.



# Thức thứ tám

(Tiếp theo VG 111)

## E. Năm thức cảm giác và hành trình tạo nghiệp của chúng (1) Năm Thức Cảm Giác

Năm Thức Cảm Giác còn gọi là Năm Thức Trước trong tám món Tâm Vương. Đó là:

- Nhân Thức : Caksur-vijnāna
- Nhĩ Thức : Srota-vijnāna
- Tì Thức : Ghrāna-vijnāna
- Thiệt Thức : Jihvā-vijnāna
- Thân Thức : Kayā-vijnāna

Sở dĩ năm thức này được gọi là Năm Thức Cảm Giác vì chúng có liên hệ mật thiết với lĩnh vực sinh lý và vật lý của cơ thể và môi trường chung quanh.

Năm thức này cũng chỉ là những biểu hiện của Căn Bản Thức (tức Thức Thứ Tám) như trong Duy Thức Tam Thập Tụng có bài tụng:

*Do nơi Thức Căn Bản*

*Năm Thức tùy duyên khởi*

*Hoặc cùng hoặc không cùng*

*Như sóng sinh từ nước*

Do nương vào Thức Căn Bản tức là Thức Thứ Tám, năm Thức Cảm Giác này nếu hội đủ điều kiện chúng sẽ phát khởi ra phân biệt nhận xét về đối tượng của chúng. Hoặc cùng chung khởi hoặc chỉ phát khởi riêng lẻ nhưng tất cả năm thức này cũng chỉ là những biểu hiện của Thức Thứ Tám. Sự liên hệ của chúng với Thức Thứ Tám giống như NƯỚC (Thức Thứ Tám) và SÓNG (Năm Thức Cảm Giác).

Ngược dòng lịch sử để truy nguyên nguồn gốc của học thuyết Duy Thức, theo Giáo sư Takakusu người Nhật Bản trong sách *The Essentials of Buddhism Philosophy* có đoạn nói về nguồn gốc đó như sau: Bộ luận đầu tiên và căn bản nhất của học thuyết Duy Thức là *Nhiếp Đại Thừa Luận* (Mahāyāna-samparigraha) do Vô Trước (Asaṅga) viết vào thế kỷ thứ V tại Ấn Độ, do người em là Thế Thân (Vasubandhu) chú giải. Phật Thủ (Buddhasanta) dịch ra Hán văn vào năm 531. Chân Đế (Paramārtha) vào năm 563, và Huyền Trang một lần nữa dịch ra Hán văn vào khoảng 648-649. Bản dịch của Chân Đế được xem là mẫu mực nên nó trở thành bản văn căn bản của *Nhiếp Luận Tông* tại Trung Hoa. Bộ luận này đặt trọng tâm vào 10 điểm như sau:

1/ A Lại Da Thức, từ đó tất cả các pháp phát khởi.

2/ Học Thuyết về Duy Thức, tất cả các pháp không có tướng hệ tánh, phân biệt tánh cũng không có cả chân thực tánh.

3/ Sự đặc ngộ trí tuệ Duy Thức.

4/ Lục Độ Ba La Mật.

5/ Thập Địa Bồ Tát (\*)

6/ Giới

7/ Định

8/ Huệ

9/ Vô Phân Biệt Trí

10/ Tam Thân Phật :

a) Pháp Thân: Bản tính là lý thể và Trí Tuệ (Dharmakāya);

b) Báo Thân: hay thọ dụng thân chỉ thị hiện để độ hàng Bồ Tát (Sambhogakāya);

c) Hóa Thân: thị hiện để giáo hóa nhân loại, và các loài chúng sinh (Nirmānakāya).

(\*) Thập Địa Bồ Tát gồm có: 1)

Hoan Hỷ Địa, 2) Ly Cấu Địa, 3) Phát Quang Địa, 4) Diệm Huệ Địa, 5) Nan Thắng Địa, 6) Hiện Tiền Địa, 7) Viễn Hành Địa, 8) Bất Động Địa, 9) Thiện Huệ Địa, 10) Pháp Vân Địa.

Ngoài bộ luận khởi đầu của học thuyết Duy Thức nói trên còn có Duy Thức Hai Mười Bài Tụng do Thế Thân viết và giảng giải và Duy Thức Ba Mười Bài Tụng của Thế Thân mà chúng tôi đã nhiều lần đề cập ở những phần trên.

Trong *Nhiếp Đại Thừa Luận* cho rằng "A Lại Da Thức, từ đó tất cả các pháp hiện khởi" cũng như trong *Duy Thức Tam Thập Tụng* có câu "Do nơi Thức Căn Bản, Năm Thức tùy duyên khởi..." Ý nghĩa không khác nhau mấy. Từ đó ta có thể hiểu các luận sư Duy Thức đã đưa ra học thuyết về Duy Thức là tất cả Ngã và Pháp đều do thức biểu hiện nghĩa là do thức biến hiện ra chứ không có tự tánh thật sự.

Theo Giáo sư Stcherbatsky có nêu ra những giai đoạn phát triển của triết lý Đại Thừa như sau:

1/ Thế kỷ thứ I: Mã Minh (Asvaghosa) khởi xướng phong trào hưng khởi Đại Thừa A Lại Da Thức và Chân Như. Viết sách *Đại Thừa Khởi Tín Luận*...

2/ Thế kỷ thứ II: Long Thọ (Nāgārjuna) và Đề Bà khởi lập học phái Tánh Không Duyên Khởi Luận.

3/ Thế kỷ thứ III và IV: Có hai vị nổi bật là Kiên Huệ (Saramati) và Di Lặc (Maitreya). Di Lặc là vị thầy trực tiếp hay gián tiếp của Vô Trước và tinh cách lịch sử của ông thì không thể nghi ngờ gì được mặc dù có những huyền thuyết về ông nên có một số học giả cho rằng ông chỉ là một nhân vật tưởng tượng.

4/ Thế kỷ thứ V: Lập trường Duy Tâm (cũng gọi là Duy Thức) của hai anh em Vô Trước (Asaṅga) và Thế Thân (Vasubandhu).

5/ Thế kỷ thứ VI: Luận tranh giữa các trường phái Duy Tâm và Tánh Không, An Huệ (Sthiramati) và Trần Na (Dingnāga) đại biểu cho trường phái Duy Tâm, Phật Hộ (Buddhapalita) và Thanh Biện (Bhāvaviveka) đại biểu cho trường phái Tánh Không.

6/ Thế kỷ thứ VII: Nguyệt Xứng (Candrakīrti) kiến dựng hệ thống Trung Quán... (theo Giáo sư Takakusu trong sách *The Essentials of Buddhism Philosophy* đã dẫn).

Trong sách *Đại Thừa Khởi Tín Luận* của Mã Minh đã nói về A Lại Da Thức như sau: "Tâm Sanh Diệt, Y theo không sanh diệt của Như Lai Tạng, mà có tâm sanh diệt, tức là nói không sanh, không diệt của Như Lai Tạng và có sanh có diệt của tâm ô nhiễm tương ứng, không phải một không phải khác, tên gọi là A Lại Da Thức. A Lại Da Thức này có hai nghĩa, có thể chia nhóm tất cả các pháp tập nhiễm và thanh tịnh, cũng có thể này sanh ra tất cả các pháp tập nhiễm và thanh tịnh, thế nào là hai? Một là nghĩa GIÁC (Giác ngộ), hai là nghĩa BẤT GIÁC (chứa giác ngộ, còn mê)".

Trở lại Năm Thức Cảm Giác nói trên mỗi thức đều nương vào hai phần Phủ Trần Căn là phần vật chất thô phù bên ngoài chúng ta có thể xúc chạm cảm giác được và phần vi tế ẩn tàng bên trong có thể gọi là Tịnh Sắc Căn cũng gọi Thắng Nghĩa Căn.

Ví dụ Nhân Thức muốn phân biệt được đối tượng của nó, nó cần phải có tác dụng hỗ trợ của hai phần: Phủ Trần Căn là cơ quan của cặp mắt phía bên ngoài và Thắng Nghĩa Căn là hệ thống thần kinh bên trong có thể. Về phần Thắng Nghĩa Căn theo Thái Hư pháp sư và Thiên sư Nhất Hạnh thì đó là hệ thần kinh cảm giác và trung tâm tiếp nhận ấn tượng cảm giác trong não bộ.

"Hãy lấy ví dụ con mắt THẤY cái hoa. Con Mắt là phủ trần căn, còn cái hoa, một hiện tượng của thế giới tánh cảnh, là đối tượng của con mắt. Sự XÚC CHẠM (xúc) tạo nên một hình ảnh của cái hoa in trên võng mô của con mắt; ấn tượng của hình ảnh này được lập tức chuyển tới trung tâm cảm giác của não bộ. Trong giai đoạn đầu chúng ta có mắt (phủ trần căn) và hoa. Trong giai đoạn hai, chúng ta có võng mô, thị giác thần kinh (thắng nghĩa căn) và hình ảnh của cái hoa in trên võng mô ấy. Trong giai đoạn thứ hai này, chúng ta vẫn còn nằm trong phạm vi sinh lý và vật lý. Chỉ khi nào vượt đến giai đoạn thứ ba thì mới thực là có thực phát sinh. Năm thức trước và Ý thức vì vậy liên hệ mật thiết với sinh lý và vật lý, và không thể phát hiện và tồn tại ngoài sinh lý và vật lý. Vì vậy không thể nói là thế giới thực chất nằm trong các thức ấy. "Vào giai đoạn thứ ba, thức được phát sinh. Và điều hệ trọng nhất là thức bao gồm trong đó cả phần chủ thể lẫn phần



đối tượng. Kiến phần (darsanabhāga) và tướng phần (nimittabhāga) tức là hai phần thiết yếu không thể không có của thức, của nhận thức. Cảm giác luôn luôn phải là cảm giác về một cái gì; tri giác phải luôn luôn là tri giác về một cái gì; ý thức phải luôn luôn là ý thức về một cái gì; không thể có chủ thể riêng biệt với đối tượng. Cái ý niệm cho rằng có một cái thức tồn tại độc lập ngoài đối tượng của nó và đi tìm để cảm, để thấy để biết từ đối tượng này sang đối tượng khác là một điều sai lầm căn bản đối với Duy Thức Học.

"Thức, như vậy, là những dòng tiếp nối của cảm giác (nếu ta nói về năm thức đầu) hay của tri giác hoặc phân biệt (nếu ta nói về Ý Thức). Thức được phát hiện theo luật nhân duyên (điều kiện hóa) như bất cứ một hiện tượng hữu vi nào khác. Nhân thức (thị giác) không thể tồn tại nếu không có nhân căn tức là thị quan và sắc trần, tức là hình sắc. Sự tiếp nối của những chuỗi xúc chạm (sparsas) giữa các cảm quan sinh lý và đối tượng vật lý của chúng tạo nên tiếp nối của những chuỗi cảm giác mà ta gọi là thức. Vì luôn luôn chuyển biến, thức là những dòng cảm giác hay tri giác mà không phải là một cái gì bất biến có tính cách đồng nhất ... (theo sách Vấn Đề Nhận Thức Trong Duy Thức Học của Nhất Hạnh)".

## (2) Tính chất và điều kiện của năm thức cảm giác

### a/Tính chất:

Bài tụng thứ tám trong Duy Thức Ba Mười Bài Tụng của Thế Thân nói về Thức Năng Biến thứ ba như sau:  
Dvītiyāḥ parināmo yam trītiyāḥ  
sadvidhasya yā  
Visayasypopalabdhiḥ sāsā kusāladāvayā

*Thử đệ tam năng biến  
Sai biệt hữu lục chủng  
Liễu cảnh vi tánh tướng  
Thiện bất thiện cụ phi*

(Huyền Trang dịch ra Hán văn)

*Thức năng biến thứ ba  
Sai biệt gồm sáu loại  
Tánh, Tướng đều biểu biệt  
Đủ Thiện, Ác, Vô Ký*

(Như-Tạng Việt dịch)

Thức năng biến thứ nhất là Thức Thủ Tám, Thức năng biến thứ hai là Mạt Na Thức. Sau cùng là Thức năng biến thứ ba gồm có sáu loại là: Nhân Thức, Nhĩ Thức, Tí Thức, Thiết Thức, Thân Thức và Ý Thức. Về Ý Thức đã khảo sát ở những phần trước, đây chỉ nói về năm thức còn lại.

Bài tụng nói Tánh và Tướng đều biểu biệt nghĩa là mỗi thức đều có lãnh vực hoạt động riêng biệt, thức này không thể làm công việc của thức khác. Ví dụ Nhân Thức chỉ có thể phân biệt đối tượng của

nó là những vật thể hữu hình cùng với những điều kiện trợ duyên cho nó như ánh sáng, khoảng cách... Nó không thể nghe và phân biệt được âm thanh là thuộc lãnh vực của Nhĩ Thức... chỉ trừ thức thủ sáu có thể tham dự vào các sự biểu biệt của năm thức còn lại dưới danh nghĩa là Tác Ý.

Từ những bài tụng kế tiếp trong Duy Thức Tam Thập Tụng của Thế Thân và Bát Thức Qui Củ của Huyền Trang, Hòa Thượng Thích Thiện Hoa đã tóm lược như sau:

Trong năm mười một món Tâm Sở (caitasika-dharma), năm thức này chỉ tương ứng với 34 món mà thôi.

Đó là 5 món Biến Hành (sarvatraga): Xúc (cảm xúc, sparsa), Tác Ý (sự móng tâm, chú ý, Manaskāra), Thọ (lãnh thọ, vedanā), Tưởng (tưởng tượng, samjīnā), Tử (suy tính, cetanā).

5 món Biệt Cảnh (viniyata): Dục (mong muốn, hy vọng, chanda), Thắng Giải (nhận định chắc chắn, adhimoksa), Niệm (nghĩa nhớ, smṛti), Định (chuyên chú, samādhi), Huệ (quan sát, hiểu biết, prajñā).

11 món Thiện (kusala): Tín (tin, sraddha), Tàm (tự thẹn, hri), Quý (hổ với người, apatrāpya), Vô Tham (không tham lam, alobha), Vô Sân (không giận, advesa), Vô Si (không si mê, amoha), Tinh Tấn (siêng năng, hăng hái không ngừng, virya), Khinh An (nhẹ nhàng an tĩnh, prasrabdhi), Bất Phóng Dật (không buông lung, apramāda), Hành Xả (vô tâm, upeksā), Bất Hại (không hại, ahimsā).

3 món căn bản Phiền Não (kleśa): Tham (rāga), Sân (pratigha), Si (mūḍhi).

2 món trung Tùy Phiền Não (upakleśa): Vô Tàm (không thẹn, āhrīkyā), Vô Quý (không hổ, anapatrāpya).

8 món đại tùy phiền não: Trạo Cù (không yên, auddhatya), Hôn Trầm (hôn muội, styāna), Bất Tín (không tin, āsraddhya), Giải Đãi (biếng nhác, kausīdyā), Phóng Dật (buông lung, pramāda), Thất Niệm (quên, musitasmrītīā), Tán Loạn (lưu lãng, viksepa), Bất Chánh Tri (biết sai, asamprajanya).

Nói về Thế thì năm thức này chỉ có tự tánh phân biệt không có tùy niệm phân biệt và kế đạt phân biệt.

Đó là những hành tướng, những biểu hiện hay cũng có thể gọi là bản tính, tính chất vừa thiện vừa ác của năm Thức Cảm Giác khi hoạt động phân biệt ngoại giới cũng gọi là đối tượng của chúng mà phát hiện ra.

Trong Ba Cảnh thì năm thức này chỉ duyên tánh cảnh (còn độc ảnh cảnh và đối chất cảnh thì chúng không có tác

dụng đến), nghĩa là trong trường hợp cảm giác chúng trực nhận đến tánh cảnh của sự vật).

Trong ba lượng thì hình thức nhận thức của chúng là hiện lượng (còn tỷ lượng và phi lượng không thuộc hình thái nhận thức của chúng). Vì là Năm Thức Cảm Giác nên chúng chỉ tác dụng phân biệt đối tượng bằng trực giác Hiện Lượng không qua trung gian lý luận so sánh loại suy nên không bị rơi vào sai lầm trong nhận thức kiểu phi lượng.

Trong ba tánh thì chúng có đủ là thiện, ác và vô ký không thiện không ác.

Trường hợp tánh ác này là nguyên nhân chính khiến chúng tạo ra tội lỗi nghiệp lực.

Trong năm thọ thì chúng chỉ có khổ, lạc và xả thọ.

### b/ Điều kiện:

Trong Bát Thức Qui Củ Tụng của Huyền Trang có bài tụng nói về những điều kiện cần thiết để năm thức này có thể hoạt động được như sau:

*Ngũ thức đồng y tịnh sắc không  
Cửu duyên, bát, thất hảo tướng lân  
Hiệp tan, ly nhị, quán trần thế  
Ngu giả nan phân thức dữ căn*

*Năm Thức cùng nương Tịnh Sắc Căn  
Chín, tám, bảy duyên cùng phối hợp  
Ba hiệp, hai rời, quán trần thế  
Người đại khó phân Thức với Căn*

(Như-Tạng Việt dịch)

Sở dĩ có được nhận thức hay cảm giác phân biệt được đối tượng mà ta thường gọi là Thức là nhờ CĂN (gồm có phủ trần căn và tịnh sắc căn) xúc chạm (xúc) với đối tượng của nó trong những điều kiện mà CĂN ấy có thể hợp tác với thức để đưa đến phán đoán hay cảm giác về đối tượng đó.

Như vậy cả năm thức, thức nào cũng có CĂN mỗi có sự biểu biệt của Thức hay nói cách khác nếu không có CĂN là không có sự nhận thức hay cảm giác về đối tượng tức là không có THỨC.

Nhân Thức cần chín duyên nghĩa là 9 điều kiện mới hoạt động được, đó là: Hủ Không, Ánh Sáng, Có Quan tức là CĂN (phủ trần căn và tịnh sắc căn), Cảnh (cảnh vật chung quanh ta là đối tượng của nhân thức), Tác Ý, Thức Thủ Tám, Thức Thủ Bảy, Thức Thủ Sáu, những Bản Hữu Chúng Tử của Nhân Thức nằm trong A Lại Da Thức. Nếu thiếu một điều kiện nào trong 9 yếu tố kể trên Nhân Thức cũng không thể hoạt động được.

Nhĩ Thức chỉ cần có tám điều kiện đó là tất cả những điều vừa kể trên nhưng chỉ trừ ANH SÁNG, vì tai không cần đến ánh sáng vẫn nghe và phân biệt được những âm thanh, tiếng động.

Ba Thức còn lại là: TỶ, THIỆ T và THÂN chỉ cần 7 điều kiện giống như Nhân Thức kể trên nhưng trừ đi Hủ Không và Ánh Sáng. Vì mũi không cần đến hủ không và



ánh sáng vẫn có thể phân biệt được hương vị của đối tượng. Sự nếm mùi của lưỡi và sự xúc chạm của thân cũng không cần đến hư không và ánh sáng.

Kể cả ba TỶ, THIỆ T và THÂN phải tiếp xúc trực tiếp với đối tượng mới phân biệt được. Ví dụ mùi hương của bông hoa phải lọt vào hai mũi chúng ta mới cảm nhận được mùi hương ấy, lưỡi phải trực tiếp nếm đồ ăn chúng ta mới phân biệt được mặn, nhạt, ngon, dở... Tương tự thân ta phải xúc chạm một vật mới biết vật ấy nóng hay lạnh v.v... Ba cơ quan này phải trực tiếp xúc chạm với đối tượng mới sinh ra được cảm giác phân biệt nghĩa là Thức mới phát sinh nên gọi là BA HIỆ P.

Mắt và Tai phải cần một khoảng cách tương ứng với vật muốn nhìn và tiếng động muốn nghe thì hai cơ quan này mới có thể cảm giác phân biệt được đối tượng nên gọi là HAI RỒI.

Như trên đã nói CĂN (là các cơ quan gồm có phần cơ quan bên ngoài là Phủ Trần Căn và hệ thần kinh bên trong gọi là Tịnh Sắc Căn hay Thắng Nghĩa Căn) phải tiếp xúc với TRẦN (tức là đối tượng của từng cơ quan) và phải đầy đủ những điều kiện cần thiết thì những cơ quan ấy mới nhận thức phân biệt được đối tượng của nó. Chỉ khi nào những cảm giác, phân biệt hiểu biết về đối tượng phát sinh mới gọi là Thức mà thôi. Những giai đoạn trước đó chưa có thức gì cả. Đó là những điều hơi khó hiểu khi phải phân biệt Thức với Căn.

### (3) Hành trình tạo nghiệp của Năm Thức Cảm Giác

#### a/ Các loại nghiệp

Khi đề cập đến Nghiệp các nhà Phật Học thường đứng trên hai phương diện để phân loại Nghiệp. Đó là về Thời Gian và Tánh Chất của Nghiệp

Về phương diện Thời Gian Nghiệp được chia làm bốn loại: Theo Kinh Nhân Quả thì bốn loại đó như sau:

1/ Thuận hiện Nghiệp: Đòi nay tạo Nghiệp, hiện đời nay thọ quả báo.

2/ Thuận sinh Nghiệp: Đòi nay tạo Nghiệp, đời sau mới thọ quả báo.

3/ Thuận hậu Nghiệp: Đòi nay tạo Nghiệp, cách mấy đời sau mới thọ quả báo.

4/ Thuận bất định Nghiệp: Nghiệp quả xảy đến không nhất định thời nào, có khi trong đời này, có khi đời sau, có khi nhiều đời sau mới xảy đến.

Trên phương diện Tánh Chất trong các Kinh, Luận thường phân thành bốn loại Nghiệp như sau:

1/ Tích lũy Nghiệp: là những Nghiệp đã tạo ra từ nhiều đời trước tích tập lại.

2/ Tập quán Nghiệp: là những Nghiệp tạo ra trong đời hiện tại, luôn luôn tiếp diễn,

nhân thành thói quen, thành tập quán, thành nếp sống riêng biệt.

3/ Cục trọng Nghiệp: là những Nghiệp quan trọng có năng lực tác động mãnh liệt hơn cả các Nghiệp khác và chi phối tất cả. Nó phát khởi nghiệp quả ngay trong đời hiện tại, hay trong đời kế tiếp. Nó có thể là kết quả của những hành vi tốt đẹp nhất như hành vi của bậc tu hành chân chánh. Nó cũng có thể là kết quả của những hành vi xấu xa, vô đạo nhất như tội ngũ nghịch: giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, làm hại Phật và chia rẽ Tăng đoàn.

4/ Cận tử Nghiệp: là những Nghiệp lực gần lâm chung, cũng rất mãnh liệt và chi phối rất nhiều trong sự đi đầu thai.

Khi nói về Nghiệp nặng nhẹ không phải do nơi hình thức bên ngoài mà là do có chủ mưu hay vô tình mà phân chia nặng nhẹ. Trong kinh Ưu Bà Tắc có phân làm bốn trường hợp như sau:

1/ Hành động nặng mà Ý nhẹ: như ném đá để dọa người mà lỡ tay làm người bị chết.

2/ Hành động nhẹ mà Ý nặng: như ban đêm khi thấy một tượng đá tưởng là kẻ thù của mình cầm dao đến đâm, kết quả là tượng đá bị sứt mẻ, nhưng Ý thì nặng là muốn giết người.

3/ Hành động và Ý đều nhẹ: ví dụ không thích một người nào đó nên dùng lời lẽ châm biếm người ấy.

4/ Hành động và Ý đều nặng: ví dụ vì thù người nào đó cố Ý chủ mưu lập kế hoạch để giết người ấy và kết quả là đã phạm tội chủ mưu giết người.

Đi sâu vào chi tiết hơn về việc phân loại tội nặng nhẹ, kinh Ưu Bà Tắc có chia ra làm tám loại như sau:

1/ Phương tiện nặng như dụng Ý và kết quả nhẹ: Ví dụ dùng dao định để dọa người thôi nhưng chẳng may khiến họ bị thương.

2/ Dụng Ý nặng nhưng phương tiện và kết quả đều nhẹ: Ví dụ vì thù muốn giết người nhưng chỉ lấy đá ném nên kết quả chỉ làm người bị thương thôi.

3/ Kết quả nặng nhưng dụng Ý và phương tiện đều nhẹ: Ví dụ như ném đá chơi nhưng chẳng may trúng vỏ sọ người.

4/ Phương tiện và dụng Ý đều nặng nhưng kết quả nhẹ: Ví dụ muốn giết người dùng dao chém mạnh vào yết hầu nhưng may thay người ấy tránh được nên chỉ bị thương nhẹ thôi.

5/ Phương tiện và kết quả đều nặng nhưng dụng Ý nhẹ: Ví dụ vô Ý lái xe cán chết người.

6/ Dụng Ý và kết quả đều nặng nhưng phương tiện nhẹ: Ví dụ ác ý nói dối vu cáo người đến nỗi họ phải bị tù tội.

7/ Dụng Ý, kết quả và phương tiện đều nặng: Ví dụ muốn giết người và đã dùng dao chém người đến chết.

8/ Dụng Ý, kết quả và phương tiện đều nhẹ: Ví dụ muốn hù dọa bạn bè chơi nên dùng bộ da cạp giả làm cạp để dọa người, kết quả là khiến người ấy chỉ sợ trong chốc lát.

Đọc những trường hợp phân loại Nghiệp một cách chi li rất khoa học và hợp lý như trên có thể nói Luật Hình Sự của các nước tiên tiến trên thế giới hiện nay cũng chỉ đi đến trình độ phân loại tội hình sự như thế là tốt cùng rồi.

#### b/ Hành trình tạo nghiệp

Để đi vào hành trình tạo Nghiệp của năm Thức Cảm Giác tưởng không gì chính xác bằng tổng hợp những tính chất của chúng từ đó truy nguyên ra việc tạo Nghiệp của chúng.

Thức nào cũng có cơ quan (tức là Căn) trên thân thể do đó khi nói THÂN tức là nói tất cả các CĂN của Năm Thức kể trên, hơn nữa CĂN là phần căn bản nhất của Thức. Do đó trong khi tạo Nghiệp hẳn nói đến Căn là đương nhiên có cả Thức hiện khởi mới tạo nên Nghiệp.

Ngoài ra những phần trên đã liệt kê các tính chất của năm thức này như Tham, Sân, Si là ba món kịch độc đã là nguyên động lực dắt dẫn Thân, Khẩu, Ý vào vòng tội lỗi tạo ra đủ cả các loại Nghiệp như vừa nêu trên.

Ngoài ra hai món Vô Tàm, Vô Quý và 8 món đại tùy phiền não kể trên cũng là những động lực mãnh liệt dắt dẫn năm thức ấy vào vòng oan nghiệt tạo ra những Nghiệp không thể lường được nếu người ấy buông lung theo những dục vọng thấp hèn cho ba món độc dắt dẫn vào ác đạo.

Thế nhưng chúng ta vẫn có phương pháp đối trị hữu hiệu vì trong những bản tính xấu vừa kể năm thức ấy vẫn có 11 món thiện trong đó có Vô Tham, Vô Sân, Vô Si để đối trị hay triệt tiêu ba món Tham, Sân, Si vừa kể. Để đối trị Tham, Sân, Si còn có Niệm, Định, Huệ để trừ khử chúng.

Lại nữa để đối trị lại Vô Tàm, Vô Quý ta còn có Tàm, Quý nên chẳng hề chi.

Như thế theo phương pháp đối trị vừa nêu không gì lo gì không trừ khử được Nghiệp xấu ác để tiến tu thành Bạc Chánh Đẳng Chánh Giác sau này nếu chúng ta tinh tấn không thối chuyển trên đường Chánh Niệm.

Nói đến đây chúng ta có đi xa ngoài Thức Thủ Tám không? Xin thưa là hoàn toàn không vì Năm Thức này cũng từ Thức Căn Bản tức là Thức Thủ Tám mà ra. Hơn nữa trong những điều kiện để cho chúng có thể hoạt động được Thức nào cũng cần phải có Thức Thủ Tám chi đạo (ví là "chủ soái trong nhà câu đàm đang..."). Nói đến tạo Nghiệp, tàng trữ Nghiệp và dẫn Nghiệp qua các đời sau cũng tức là nói đến công năng của Thức Thủ Tám...

(Còn tiếp)

# AUF DEUTSCH

● Thich Nhu Dien

## DER BUDDHISMUS UND DIE MENSCHEN

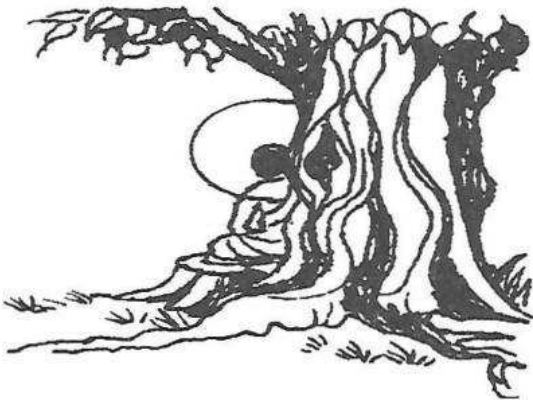
Aus dem Vietnamesischen ins Deutsche übertragen von  
DUC THU - LOC HO

\*

### Kapitel II

Der buddhistische Geist in Asien, Europa und Amerika

(Fortsetzung VG Nr. 112)



#### Buddhismus in Korea

Nach dem Zweiten Weltkrieg (1939-1945) wurde Korea ähnlich wie Vietnam (1954-1975) in zwei Teile aufgeteilt. Der Süden wurde demokratisch und der Norden kommunistisch. Beide Teile des Landes waren Bestandteil eines einzigen Landes wie auch Vietnam vor 1954. Auch die Kultur Koreas wurde sehr stark von der chinesischen Kultur beeinflusst. Die noch heute in Korea gebrauchte Bilderschrift besteht wie die japanische zu mindestens 50 Prozent aus chinesischen Zeichen. Vietnam hat dagegen im 20. Jht. seine eigene Schrift entwickelt.

Der Buddhismus kam im 3. Jht. auf drei Wegen von China aus nach Korea und hat sich auch hier erst zwischen dem 10. und 12. Jht. über das ganze Land ausgebreitet. Seit dem 17. Jht befindet sich der Buddhismus aber in Korea im Niedergang, der bis heute noch nicht aufgehört hat. Gegenwärtig besitzt der Buddhismus nur noch einen relativ geringen Einfluß auf die Koreaner.

Angesichts dieser Tatsache erinnern die alten Pagoden und Tempel, die von Tondosa, Bukkoksä oder Heinsa, und zwar in einem erhabenen Kontrast zur Bedeutung des Buddhismus in der Gegenwart, an jene glanzvolle Epoche des Wirkens buddhistischer Mönche in Korea. Ja man muß neidlos zugeben, daß es nirgendwo, auch in China und Japan nicht, derart schöne Pagoden gibt. Diese Pagoden wurden alle vor 500 bis 700 Jahren auf Anhöhen und Berggipfeln gebaut. Es ist wirklich erstaunlich, daß man damals nur mit den bloßen Händen solche wundervollen Bauten hat errichten können.

Die Ortswahl für den Bau der Pagoden wurde wohl von der Absicht bestimmt, der Meditation die Zurückgezogenheit zu sichern und dem Einsiedler die Nähe zur Natur. Der Mönch mied damals die bevölkerten Orte. Und trotzdem gab es viele Anhänger, die den langen und gefährlichen Weg in die Bergeinsamkeit nicht scheuten, nur um sich von den weisen Mönchen unterweisen zu lassen. Wo sich einst in Koreas

Städten das buddhistische „Zehn Tausend“-Symbol fand, da sieht man heute nur noch Kruzifixe.

Dieser gegenwärtige Vorrang des Christentums in Korea verdankt sich durchaus keiner Vorliebe der Koreaner für das Christentum, sondern ist der gesellschaftlichen Weiterentwicklung dieses Landes geschuldet und dem damit verbundenen Zeitmangel der Leute, für die der Weg zur Pagode zu weit geworden ist. Da sie aber geistige Unterstützung vor Ort brauchen, gehen sie eben in die Kirchen, die in der Stadt sind. Ich sehe darin einen Beleg dafür, daß der koreanische Buddhismus nicht mehr den Bedürfnissen der koreanischen Gesellschaft entspricht. Buddha kam auf die Welt, weil er sich des Leidens der Menschen erbarmte. Sollte der koreanische Buddhismus sich dementsprechend nicht darum bemühen, das Angebot der Religion auf den Fortschritt und die Entwicklung in Korea abzustimmen und die Religion dem Alltag näher zu bringen? Oder haben die Koreaner auch Angst wie in Japan? Es gibt selbstverständlich bei allen Veränderungen Vor- und Nachteile; aber man sollte doch das, was aktuell am besten paßt, zuerst akzeptieren.

In Korea gibt es auch einige buddhistische Universitäten. Dort sind im Fachbereich Buddhismus im Durchschnitt nur 10 Studenten eingeschrieben, während die anderen Fachbereiche den gleichen Stoff anbieten wie die Universitäten staatlicher und anderer Trägerschaft. Diese Tatsache stimmt jeden Buddhisten traurig. Immer wieder frage ich mich: Warum haben die koreanischen Mönche und Nonnen keine entsprechenden Reformen durchgeführt, um ihre gegenwärtige Lage zu bessern? Es mangelt den Koreanern doch nicht an Leuten, die das können. Ich war 1993 in Korea und hatte verschiedene Ausbildungseinrichtungen für Mönche und Nonnen besichtigt. An diesen Ausbildungsstätten erhielten zahlreiche Mönche und Nonnen einen akademischen Abschluß. Aber niemand weiß wo diese Absolventen abgeblieben sind. Warum schweigt der Buddhismus in Korea über seine Lage? Ist Korea schon dabei, seinen asiatischen Charakter zu verlieren, so wie z.B. die Philippinen, deren Gesellschaft und Kultur ja schon beinahe ganz europäisiert erscheint? Wenn die Mönche und die Laienanhänger in Korea sich nicht bald besinnen und ihre Stellung im Lande revidieren, dann verliert der Buddhismus seine Bedeutung in der koreanischen Gesellschaft vollends, von seinem Einfluß auf die Regierung ganz zu schweigen.

Andererseits hat sich der Buddhismus auch nach Westen gewandt, im Abendland Fuß gefaßt. Sein Wirken im Westen hat dazu beigetragen, die Mißverständnisse und Vorurteile seitens der europäischen Religionen gegenüber dem Buddhismus abzubauen. Seitdem wird eine Europäisierung nicht mehr umstandslos begleitet von der Intoleranz gegenüber den außereuropäischen Weltanschauungen. Die internationale Begegnung der Weltanschauungen und Geisteshaltungen, die internationale Kommunikation des Geistes, die langsam einsetzt und immer intensiver zu werden scheint, hat begonnen das Verhältnis der Menschheit auf dem ganzen Erdkreis zu verändern. Ich bin der Meinung, daß alle Religionen gut sind. Nur der Mensch, der die Religion mißbraucht, macht seine Religion schlecht.

#### Buddhismus in Taiwan

Im Gegensatz zu Korea hat sich der Buddhismus in Taiwan günstig entwickelt, und das, obwohl Taiwan nur ein kleiner Inselstaat ist. 1949 hat sich die Kuomintang nach Taiwan zurückgezogen, wo sehr viele ethnische Minderheiten wohnen, um sich dort gegenüber dem Kommunismus auf dem chinesischen Festland zu behaupten. Aus Taiwan ist ein moderner und wohlhabender Industriestaat geworden. Hier gelang es der Kuomintang die auf dem Festland versäumten Reformen durchzuführen und die Gesellschaft zu modernisieren.

Mit der Modernisierung der Gesellschaft einher ging dort auch die Entwicklung des Buddhismus. Die Taiwanesen glauben an den Verdienst durch gute Taten und spenden deshalb sehr eifrig für den Bau von Pagoden und Tempeln. Dieser Opfergesinnung verdankt das Land viele große und schöne



Tempel und andere buddhistische Einrichtungen. Es gibt zahlreiche buddhistische Schulen, Universitäten, Waisenhäuser, Altersheime und Krankenhäuser. Der taiwanische Buddhismus zeichnet sich aus durch ein starkes soziales Engagement und durch seine großzügige Unterstützung von Hilfsorganisationen, die sich im Einsatz bei Naturkatastrophen vielfach bewährt haben. Die Tugend der Barmherzigkeit ist ein Grundzug des Buddhismus von Taiwan. Der Sitz des buddhistischen Welt-Sangha ist zur Zeit in Taiwan und er wird voraussichtlich auf unbestimmte Zeit auch dort bleiben. Zu den Eigentümlichkeiten des taiwanischen Buddhismus gehört auch, daß es dort viel mehr Nonnen als Mönche gibt.

Welche Konsequenzen diese Tendenz haben wird, kann nur die Zukunft zeigen. Man kann generell sagen, daß der taiwanische Buddhismus sehr viel Wert auf die Praxis der guten Taten legt, ja diese Haltung derart in den Vordergrund stellt, daß man bald den Eindruck gewinnt, daß die Bemühungen um die geistige Erlösung etwas zu kurz kommen. Es würde allerdings einen großen Verlust darstellen, wenn dem so wäre, d.h. wenn die Buddhisten dort nur noch Wert legten auf Opfergaben und gute Taten, zulasten ihrer geistigen Fortbildung.

### Buddhismus in Tibet

Dem tibetischen Buddhismus verdankt der Buddhismus in jüngster Zeit einen erneuten Aufschwung des Buddhismus im Westen.

Der Buddhismus kam vor rund 1400 Jahren nach Tibet. Seit dem 6. Jht. hat sich der Buddhismus in Tibet stetig weiterentwickelt. Zu Beginn dieses Jahrhunderts erregte Tibet wieder verstärkt das öffentliche Interesse in Europa. Das geheimnisvolle, für Europäer verschlossene Land lockte Buddhisten, Ethnologen, Geographen, Abenteurer und Studenten des Buddhismus nach Tibet, welche Nachrichten und verschiedene Texte der tibetischen Überlieferung des Vajrayana nach Europa brachten. Alles, was aus diesem Lande kam, beschäftigte die Phantasie der Europäer und US-Amerikaner und weckte das Interesse der Wissenschaftler, den geistigen „Schatz“ dieses mysteriösen Landes jenseits des Himalaya zu heben. Nach der Besetzung Tibets durch die Chinesen im Jahre 1950 und nach der Flucht des Dalai Lama nach Indien im Jahre 1959 wurde der tibetische Buddhismus im Westen populär.

Den tibetischen Buddhismus zeichnet unter anderem die Rezitation der Mantras aus und seine intensive Beschäftigung mit den Abhidharma-Sutren und den Prajnaparamita-Lehren. Das Besondere am tibetischen Buddhismus ist, daß er die Lehre der Reinkarnation stärker als andere buddhistische Schulen in den Vordergrund stellt. Auf die Wiedergeburt nach dem Tode hat nicht erst Buddha hingewiesen, die vedische Religion und der Hinduismus vertraten und vertreten diese Lehre auch. Im tibetischen Buddhismus gewinnt diese Lehre aber im Kontext der Institution des Tulku, dem tibetischen Wort für den Sanskrit-Begriff des Nirmanakaya (siehe die Trikaya-Lehre) eine besondere Bedeutung. Große, weise und erleuchtete Meister, Gründer von Orden, welche besondere Schulen buddhistischer Praxis vertreten, und deren Linienhalter, bleiben als Tulku unter den Menschen und versichern so die Weitergabe des Dharma zu Wohle der Menschen und aller Lebewesen. Die Gründer, von denen diese Schulrichtungen ausgehen, wurden als bestimmte Erscheinungsformen der Bodhisattvas der Meditationsbuddhas erkannt, so z.B. der Dalai Lama, der als eine Erscheinungsform des Bodhisattva Avalokiteshvara auf Erden wirkt. Das mongolische Wort „Dalai“ bedeutet „Ozean der Weisheit“ und das tibetische Wort „Lama“ (*bLa-ma*) ist die tibetische Übersetzung des Sanskrit-Wortes Guru, d.h. Lehrer. Die Tibeter und alle Buddhisten in der Welt glauben also, daß der Dalai Lama eine Verkörperung des Bodhisattva Avalokiteshvara ist, welcher der Bodhisattva des Meditationsbuddha Amitabha ist. Der Mahayana beschreibt den Bodhisattva Avalokiteshvara in 32 Formen und charakterisiert

seine Macht der Barmherzigkeit mit tausend Händen und Augen, um die Natur ihrer omnilateralen und omnilokalen Präsenz zum Ausdruck zu bringen. Das Saddharma-Pundarika-Sutra weist uns im 25. Kapitel daraufhin, daß er seine Erscheinungsformen beliebig zu verwandeln vermag und daß er dementsprechend bedarfsweise seine Formen verändert, um den Lebewesen zu helfen. Er erscheint sowohl in der Form des männlichen als auch des weiblichen Geschlechts. In China, Korea, Japan und Vietnam wird er bevorzugt in seiner weiblichen Gestalt verehrt, die er auch annimmt, um den weiblichen Lebewesen zu helfen.

In der Einflußsphäre des tibetischen Buddhismus, also in Tibet, Bhutan, Sikkim, Nepal, in der Mongolei, Mandchurei und Westchina ist man davon überzeugt, daß sich der Bodhisattva Avalokiteshvara bedarfsweise in allen Schichten der Gesellschaft verkörpert. Die letzten vier Dalai Lamas (Kedrup Gyatso, Trinle Gyatso, Thubden Gyatso und Tenzin Gyatso) entstammten alle der Schicht des hörigen Volkes.

Die Versicherung des Dharma in Tibet durch die Institution des Tulku wird seit dem 10. Jht. praktiziert, seitdem der erste Karmapa sie zur Versicherung der Überlieferung des Dharma nach der Kagyü (*bKa-rgyud*)-Tradition das erstmalig eingeführt hatte. Der Sinn dieser Einrichtung ist die Versicherung der fehlerfreien Weitergabe der Lehren eines Bodhisattvas in der Gestalt eines erleuchteten Meisters (Ordengründers), der mit seiner fortlaufenden Reinkarnation die Tradition selbst rein erhält. Diese Tradition ähnelt jener Nachfolgeordnung der Könige und Religionsführer aus Vietnam, die man dort im 11. Jht. zur Zeit der Ly-Dynastie praktizierte.

Der XIV. Dalai Lama schreibt über die Selektion des Nirmankaya oder Tulku (*sPru-sku*) des Avalokiteshvara in Tibet, daß die jeweils vorherige Verkörperung kurz vor ihrem Tode Hinweise hinterläßt, denen man entnehmen kann, wo man den Nachfolge-Tulku suchen soll. In seinem Falle war dies der XIII. Dalai Lama, der so veranlaßte, daß man seinen Nachfolger in Ost-Tibet suchen sollte. Nachdem man aus dieser Gegend von einigen Geburten erfuhr, die sowohl der Zeit nach paßten als auch den besonderen Umständen, die mit ihnen verbunden waren, wurden Expeditionen, die sich aus erfahrenen und weisen Würdenträgern zusammensetzten, in die jeweiligen Orte gesandt, um dort die Erscheinungen zu überprüfen, welche die möglichen Reinkarnationen ausweisen könnten. Die fraglichen Kinder müssen z.B. „ihr Eigentum“, Paraphernalien aus dem Besitz des verstorbenen Dalai Lama, wiedererkennen. Dazu zeigt man ihnen verschiedene Stücke, z.B. verschiedene Gebetsketten, Mützen, Gehstöcke, Armbanduhren usw. Der Knabe, der die verschiedenen Prüfungen bestanden hat, wird in den Potala gebracht und dort erzogen. Bald danach findet eine Einsetzungzeremonie statt, nachdem das Kind, das sich als die wahre Inkarnation erwiesen hat, die letzten Prüfungen absolvierte. Danach beginnt der Unterricht des neuen Dalai Lama mit dem Auswendiglernen der Ritualhandlungen, Rezitationen und schwierigen Sutren, welche das Kind, obwohl erst 5 oder 6 Jahre alt, erstaunlich gut meistert, was man ebenfalls als ein gutes Zeichen ansehen kann. Die Eltern und die Sippe des ausgewählten Kindes werden, wenn sie Gemeine, d.h. niederen Standes, waren, in den Adelsstand erhoben, waren sie schon Adlige, dann erwarb das Geschlecht oder das Adelshaus zusätzliches Ansehen in der Gesellschaft durch diese Ehre, einen Dalai Lama hervorgebracht zu haben. So nimmt es nicht Wunder, daß beinahe jede Familie in Tibet hofft und wünscht, in ihren Reihen einen Dalai Lama hervorzubringen.

Ogleich verschiedene Geburten sich wegen der besonderen Umstände ihrer Geburt als mögliche Kandidaten anbieten, sorgen strenge Auswahlkriterien dafür, daß nur das Kind inthronisiert wird, das eindeutige Erinnerungen an sein Vorleben hat und diese unter Beweis stellt, und zwar unter der Aufsicht einer Wahlkommission und eines Ältestenrates. So dient auch diese Institution des Dalai Lama als Beweis für die wahre Inkarnationslehre in unserer Zeit. In Europa ist man diesem Brauch gegenüber immer noch eher skeptisch. Aber es ist nicht

zu leugnen, daß sich auch im Westen die Stimmen mehren, die aufgrund von Nahtoderfahrungen und anderen außergewöhnlichen Erlebnissen den Reinkarnationsgedanken propagieren. Wir Menschen wissen über diese Dinge solange nichts genaues, bis wir die Weisheit erlangt haben. Wenn wir aber die Weisheit erworben haben, dann werden auch wir unseren Weg zielstrebig verfolgen.

Seine Heiligkeit, der Dalai Lama, genießt heute die Aufmerksamkeit der Weltöffentlichkeit, nicht zuletzt auch weil er sich für den gewaltlosen Frieden in der Welt immer wieder einsetzt. Das Unglück der Tibeter ist zwar, daß ihr Land von den chinesischen Kommunisten besetzt wurde. Aber dieses Unglück haben die Tibeter in jenes Glück umgewandelt, welches mit der Verbreitung des tibetischen Buddhismus über den ganzen Erdkreis verbunden ist.

### Exkurs zum Hinayana

Nachdem wir mit unserer Betrachtung über den Buddhismus in Tibet die Besinnung auf einige Schulen des Mahayana abgeschlossen haben, dürfen auch einige Anmerkungen zum Hinayana, dem „Kleinen Fahrzeug“, nicht fehlen, so wie er z.B. in Sri Lanka, Thailand, Laos und Kambodscha praktiziert wird. Wenn man die Übersicht gründlich und erschöpfend durchführen wollte, dann müßte man über jedes einzelne Land berichten und die verschiedenen Schulen, die dort entstanden sind oder sich niedergelassen haben. Aber mit Rücksicht auf den Platz und die Zeit, die uns dafür zur Verfügung stehen, müssen wir uns hier mit einer reduzierteren Form der Betrachtung begnügen.

Alle Schulen dieses Fahrzeugs teilen sich eine kanonische Sprache, nämlich das Pali. Und auch die Form der Praxis des Buddhismus stimmt in den oben genannten Ländern in allen wesentlichen Punkten überein. Dies verleiht dem südlichen Buddhismus, trotz seiner internen Differenzierung in verschiedene Schulen, ein einheitliches Aussehen, das sich von der schon äußerlich in Erscheinung tretenden Vielfalt, in der die Mahayana-Schulen auftreten, deutlich abhebt.

Alle Schulen des südlichen Buddhismus, ganz gleich in welchen Ländern sie sich bis heute niedergelassen haben, können ihre Traditionen in direkter Linie bis in die Lebenszeit des Buddha zurückführen. Die geistlichen Genealogien des Hinayana, treffen sich alle in jenen Mönchen, welche die Missionsinitiativen des Kaisers Asoka nach Sri Lanka gebracht hatten.

Alle Schulen des südlichen Buddhismus haben also die damalige Verkehrssprache, das Pali, als Sprache ihrer religiösen Praxis und Überlieferung bis heute bewahrt. Ganz gleich aus welchen Ländern die Mönche jeweils stammen und welche Muttersprache sie üblicherweise sprechen, in der buddhistischen Praxis und im Gebet und deshalb auch im gegenseitigen Verkehr sprechen sie alle eine „heilige“ Sprache. Der südliche Buddhismus hat aber auch andere alte Traditionen bis heute bewahrt. Noch heute müssen Mönche der südlichen Schulen sich täglich auf den Almosengang begeben und dürfen nur einmal am Tag essen. Jedes Jahr ziehen sie sich drei Monate lang während der Regenzeit zurück zur Meditationsklausur. Sie halten auch streng an dem alten Armutsgebot fest. Der Besitz der Mönche beschränkt sich auch heute noch auf drei Gewänder und die Almosenschale. Auch die Buddhalehre verbreiten sie getreu nach dem Vorbilde Buddhas. Sie üben die Meditation und führen ein achtsames Leben. Im südlichen Buddhismus gibt es auch die Tradition, nach der junge Männer für drei Wochen bis zu drei Jahren interimweise das Leben eines Mönchs führen, so heute besonders in Thailand, Laos und Kambodscha. Das ist eine sehr gute Gelegenheit für alle Laien, die Buddhalehre gründlicher zu studieren und zu üben. Die Laien bemühen sich auch ernsthaft nach den 5 Silas im Sinne der 4 Edlen Wahrheiten, des Achtfachen Pfades und eingedenk der 12 Kausalbedingungen zu leben. Nicht zuletzt deshalb begegnet man in diesen Ländern fast nur dem lächelnden Gesicht, und das trotz der Armut und Unterentwicklung, welche in ihnen

vorherrschen. Dieses Lächeln ist das Markenzeichen der buddhistischen Lebensart. Denn es ist besser, glücklich zu sein als reich und unglücklich, als ein Leben ohne Lachen. Das Geld ist nur ein Mittel zum Zweck. Mit Geld kann man kein Glück und auch keine Zufriedenheit kaufen. Nur diejenigen, die nach der Buddhalehre leben, sind wirklich glücklich.

Die Schulen des südlichen Buddhismus haben auch die Aufgabe der Volksbildung übernommen. Deshalb gibt es überall in ihren Klöstern auch Schulen und andere Bildungseinrichtungen, die von den Laien besucht werden können. Die Mönche wirken nicht nur als Seelsorger, sondern arbeiten auch als Lehrer, welche die Menschen in den verschiedensten Qualifikationen ausbilden. So erfüllen die Klöster des Hinayana eine Funktion der Öffentlichkeit nicht nur im engeren religiösen Sinne, sondern von kulturpolitischer Bedeutung. Die Mönche stellen ihre Klöster der Allgemeinheit zur Verfügung. Sie haben so die Möglichkeit ihren Alltagspflichten nachzugehen, ohne auf die Vorzüge des Klosterlebens oder der Klosterinstitution verzichten zu müssen. Deshalb geben sie den Mönchen auch großzügige Spenden. Säkulares und geistliches Leben sind hier eng verbunden, ohne sich gegenseitig zu stören, im Gegenteil. Da beide Seiten sich sehr gut kennen, hat man allen Grund, sich auch gegenseitig zu vertrauen.

Viele sind der Meinung, daß die Wirtschaft in diesen Ländern des südlichen Buddhismus sich nicht wie jene in den Ländern der nördlichen Buddhismusschulen fortentwickeln kann. Diese Meinung wird aber fragwürdig angesichts des Beispiels von Thailand, das auch der südlichen Tradition angehört und auf dem Weg des Fortschritts ist. Eines Tages werden auch Sri Lanka und Burma sich entwickeln. Dies ist ein Beweis dafür, daß der Buddhismus kein Hindernis für eine Fortentwicklung ist. Die Anhänger des südlichen Buddhismus vertreten allerdings die Ansicht, daß die Schulen des nördlichen Buddhismus die Lehre Buddhas nicht mehr in der ursprünglichen Form praktizieren, die dem Vorbild Buddhas entspricht, also verschiedene für sie fragliche Veränderungen vorgenommen haben. Die Vertreter des nördlichen Buddhismus werfen den Schulen des südlichen Buddhismus dagegen mangelnde Beweglichkeit und Anpassungsfähigkeit vor, mehr am Worte der Lehre zu haften als an ihrem Geiste. Beide Richtungen streiten sich daher immer wieder einmal über diese und ähnliche Fragen. Wir sollten darüber aber nicht vergessen, daß der Buddhismus um der Menschheit willen und nicht zum Wohle einzelner Nationen oder Individuen existiert.

Heute hat man aber in allen Schulen des Buddhismus begriffen, daß es nur einen „Buddhayana“ gibt. Man hat sich deshalb auch wieder darum bemüht, dieser Einsicht auch rein äußerlich Ausdruck zu verleihen. So wurde u.a. der Vorschlag gemacht, daß alle Mönche sich nur noch vegetarisch ernähren und sich nach der Kleiderordnung der Buddhaszeit kleiden sollten. Wenn sich der Welt-Sangha zur Durchsetzung dieser Vorschläge durchringen könnte, dann trügen alle Ordinierten auf der ganzen Welt einheitlich gelbe Ordensgewänder und würden ihrer Barmherzigkeit allein schon durch ihre Ernährungsgewohnheiten Ausdruck verleihen.

Der Buddhismus hat in diesen südasiatischen Ländern in einer Zeit von mehr als 2000 Jahren Wurzeln geschlagen. Er hat den Weg dieser Völker und ihrer Länder bis in die Gegenwart begleitet. Heute gibt es in der Region Südostasiens einige Länder, in denen der Buddhismus nicht mehr die Landesreligion ist. Es müssen also dementsprechend viele Buddhisten ihren Glauben aufgeben und eine andere Religion aufgenommen haben. Schon diese Option weist uns auf eine ordnungspolitische Veränderung in dieser Region hin, die eine Säkularisierung der Staatsverfassungen voraussetzt. Das heißt, daß sich die Verfassungen der Staaten dieser Länder von konfessionsgebundenen Verfassungen in säkulare Verfassungen verändert haben, in denen die Religionen ihren Status einer nationalen Verpflichtung verloren haben und den Status einer öffentlichen Interessengruppe annehmen mußten. Dieser Strukturwandel ist zwar von den Kolonialmächten,



welche gewaltsam in die Geschichte der Entwicklung dieser Länder eingegriffen haben, eingeleitet worden, hätte aber auch ohne die kolonialpolitischen Übergriffe früher oder später stattgefunden, wie uns das Beispiel Japan zeigt, daß diesen Strukturwandel selbst gewollt und als erstes asiatisches Land und dazu noch aus eigener Kraft durchgeführt hat.

## Buddhismus in Vietnam

### Zur Geschichte

Vietnam wurde sowohl von den nördlichen als auch von den südlichen Buddhismustraditionen geprägt. Über die Ankunft des Buddhismus in Vietnam gibt es zwei Hypothesen. Die erste besagt, daß der Buddhismus von chinesischen Mönchen nach Vietnam gebracht wurde; die andere, daß indische Mönche den Buddhismus nach Vietnam brachten, als sie indische Kaufleute auf ihrem Weg nach China begleitet hatten. Wenn diese zweite These richtig wäre, dann wäre der Buddhismus, bevor er nach China gelangte, zuvor schon in Vietnam verbreitet worden.

Welche dieser Hypothesen richtig ist, muß die zukünftige Forschung entscheiden. Da die indischen Mönche, die durch Vietnam reisten, nicht für längere Zeit dort zu bleiben gedachten, richteten sie in Vietnam auch keine buddhistischen Institutionen ein. Fremde Sprache und fremdes Brauchtum erschwerten den Vietnamesen die Annahme des Buddhismus aus den Händen der indischen Mönche, der unter diesen Voraussetzungen eigentlich gar keine Chance hatte, in Vietnam Wurzeln zu schlagen oder Spuren zu hinterlassen. Als der Buddhismus dann später aus China kam, traf er hier bessere Voraussetzungen an, denn mittlerweile hatten sich die chinesische Sprache und Kultur auch in Vietnam verbreitet.

Das Wann, Wie und Warum der Ankunft des Buddhismus in Vietnam zu diskutieren, ist im Grunde unwichtig, gemessen an dem Beitrag des Buddhismus zur vietnamesischen Kultur. Von den ersten Jahrhunderten der Entwicklung gibt es wenig Kunde; aber man kann feststellen, daß die Vietnamesen das buddhistische Gedankengut und seine Rituale relativ leicht aufgenommen haben müssen, da der Buddhismus die damals vorherrschende Religion nicht angegriffen hatte. Die vorbuddhistische Religion in Vietnam verpflichtete die Menschen zu einem sittlichen Leben, zu gutem Benehmen gegenüber den Eltern, den älteren Menschen und den Mitmenschen. Damals hat man in Vietnam auch Naturgeister verehrt, z.B. den Geist der Berge, Flüsse oder des Feuers. Die alten Vietnamesen glaubten an diese Geister, die sie beschützten und mit denen sie lebten. Es fiel ihnen also gar nicht schwer die Naturlehre des Buddhismus anzunehmen und sich auf seine geistigen Grundlagen zu stützen.

Vietnam war bis zum 9. Jht. von China abhängig. Im Jahre 938 gewann Vietnam die Unabhängigkeit, nachdem Ngo Quyen ein neues vietnamesisches Reich gegründet hatte. Vietnam genoß diese Unabhängigkeit bis zum 19. Jht., war also 1000 Jahre lang eine eigenständige, souveräne Nation. Natürlich gab es immer wieder Machtkämpfe zwischen der Dynastie Hau Le und Trinh Nguyen. Aber das änderte nichts an der nationalen Eigenständigkeit des vietnamesischen Volkes. Vietnam überstand die Eroberungsversuche aus dem Norden wie aus dem Westen und bewahrte getreulich seine eigene Kultur. Der Buddhismus hat sehr viel für Vietnam, sein Volk und seine Religion getan, besonders während der Ly- (1010-1222) und der Tran Dynastie (1222-1400). Kaiser Ly Thai To, der auch Ly Cong Uan genannt wird, war ein überzeugter Buddhist. Sein Lehrer war auch Berater des ersten Kaisers aus der Ly Dynastie.

Nach ihrer Inthronisation ließen Kaiser Ly Thai To und die Kaiserin viele Pagoden und Tempel bauen. Sie unterstützten die ordinierten Mönche und halfen den Armen. Ihre Steuerpolitik war moderat und gerecht. Dieser Kaiser war beliebt sowohl bei den Ordensleuten als auch bei der Bevölkerung. Sein Ansehen im Volke erwarb er sich durch seinen vorbildlichen Lebenswandel.

Es gibt heute Historiker, die jenem Kaiser vorwerfen, daß er sich um nichts anderes gekümmert hätte, als um den Bau von

Tempeln und Pagoden. Aber gerade die tolerante Grundhaltung des Buddhismus hat es in der Zeit der Ly- und Tran-Dynastien zugelassen, daß sich in Vietnam auch die Geisteshaltung des Konfuzianismus und Taoismus entfalten konnte. Deshalb heißt diese Periode in der Geschichtsschreibung auch die Periode der drei Religionen. Diese drei Religionen haben tatsächlich gemeinsame Grundsätze. Sie ermahnen die Menschen nämlich zu einem sittlichen Leben, zur Vaterlandsliebe und zu religiösem Streben, wozu für sie auch die Bereitschaft gehört, zu opfern.

Der Hohehrwürdige Van Hanh war sowohl während der Le- als auch während der Ly Dynastie Berater des Kaisers. Während der Le Dynastie erkannte er, daß das Land dringend Reformen brauchte und riet dem Kaiser dazu. Der aber schlug seine Ratschläge aus, was zum Ende der Le-Dynastie und zur Machtübernahme durch das Haus der Ly führte. Auch als Berater des Kaisers aus dem Hause der Ly hätte er sein Ansehen mehren und reichen Lohn ernten können. Doch der Hohehrwürdige Van Hanh zog es vor, sein Amt aufzugeben, und sich in das Mönchsleben zurückzuziehen. Er verlangte nicht nach dem Ruhm der Welt, wie uns sein folgendes Gedicht zeigt:

*Unser Leib gleicht dem Schatten am Nachmittag,  
dem frischen Frühlingsgras im kühlen Frost.  
Wie kann das Leben ewig dauern,  
Wenn es doch nicht anders ist als der Tautropfen am Zweig.*

Wenn wir dieses Gedicht lesen, verstehen wir die Haltung des Hohehrwürdigen. Es drückt den Kern der Buddhalehre aus, die Wahrheit der Vergänglichkeit. Niemand lebt ewig, alles ist vergänglich.

In der Geschichte Vietnams gab es auch einige Kaiser wie Tran Thai Ton oder Nhan Ton, die in die Hauslosigkeit gingen. Prinzessin Huyen Tran, z.B. könnte eine Verkörperung des Avalokiteshvara gewesen sein. Die Geschichte erwähnt oft den ruhmreichen Sieg des Kaisers Hung Dao, der, inspiriert vom Geiste der Lehre, die Mongolen vertrieben hatte. Das war einer jener seltenen Höhepunkte in der Geschichte Vietnams.

Im Geschichtsunterricht hören wir oft über die Konferenz von Dien Hong. Doch in keinem einzigen Buch wird die historische Bedeutung des buddhistischen Geistes für Vietnam gewürdigt. Denken wir nur an das schon erwähnte Ereignis der Vertreibung der Mongolen. Die Vietnamesen wären gegen Ende der Tran- oder zu Anfang der Ho Dynastie dazu nicht in der Lage gewesen. Weil die Mongolen aber zu einer Zeit in Vietnam einzudringen versuchten, in der der Buddhismus in Blüte und der buddhistische Geist auch in der Bevölkerung ziemlich hoch stand, mußten sie diese Niederlage hinnehmen. Die Moral der Truppen war vorbildlich, weil auch das sittliche Vorbild der Heerführer, das Vorbild des Kaisers Hung Dao und das seiner Söhne einwandfrei war, denn sie waren gläubige Buddhisten. Auch die Heerführer Yet Kieu und Da Tuong hatten aus dem gleichen Grunde die Mongolen das Fürchten gelehrt. Das gesamte vietnamesische Volk war damals bereit, das Land mit seinem Leben zu verteidigen und die Eroberer zu vertreiben. Dieser Wille des Volkes, so darf man wohl sagen, war nur deshalb so stark und einmütig, weil der Geist des Volkes tief durchdrungen war von der Lehre Buddhas.

Die Lektüre der Geschichte Chinas, Koreas oder Japans stellt uns immer wieder Persönlichkeiten vor wie Hiuan-Tsang oder Dogen. Dort lernen wir auch die Verkörperungen des Avalokiteshvara wie Quan Am Thien Si, die Nonne Dieu Thien oder Quan Am Thi Kinh kennen. Seltener wird schon die Prinzessin Huyen Tran, erwähnt, die Tochter des Kaisers Tran Nhan Ton. Sie willigte z.B. in die Heirat mit dem Sohn des Eroberers ein, nur um ihrem Heimatland den lang ersehnten Frieden zu schenken. Wenn sich in ihr nicht die Gabe der Barmherzigkeit und der Opferbereitschaft des Bodhisattva verkörpert hätten, hätte sie sicher nicht die Kraft aufgebracht, dem Wunsch ihres Vaters zu gehorchen. Nach dem Tod ihres Mannes, kehrte sie zu ihren Eltern zurück, um ihre Pietätspflicht zu erfüllen. Später

ging sie dann auch in die Hauslosigkeit und lebte für den Rest ihres Lebens als Nonne unter dem Namen Ngoa Van Am in einem buddhistischen Kloster auf dem Yen Tu Berg. Diese Geschichte der Prinzessin Huyen Tran kann man vielleicht als ein Beispiel für die Verkörperung des Bodhisattva Avalokiteshvara in Vietnam begreifen, die in einer königlichen Familie geboren wurde und aufwuchs und sich für das Wohl der Königsfamilie und des Volkes opferte. Die Geschichtsschreibung wird das Andenken ihrer großen Opferbereitschaft bewahren.

Diese historischen Wahrheiten bleiben, selbst wenn es Leute gibt, die sie zu leugnen versuchen. Wahrheit bleibt immer Wahrheit. Unter den Historikern gibt es natürlich auch Feinde des Buddhismus. Sie werfen den Kaisern der Ly- und der Tran Dynastie vor, daß sie außer der Unterstützung des Buddhismus nichts geleistet hätten, daß sie es versäumt hätten, Festungsanlagen zu bauen als sie ihre ganze Energie darauf konzentriert hatten, Tempel und Pagoden zu bauen. Betrachtet man aber die Geschichte Vietnams im Ganzen, dann wage ich die Behauptung, daß von dieser tausendjährigen Geschichte bis zum Beginn des 19. Jahrhunderts eigentlich nur diese 400 Jahre jener Dynastien erwähnenswert sind. In diesen 400 Jahren hatte man keine Angst vor den Eroberern. Die Kultur, die Sprache, die Sittlichkeit der Gesellschaft waren damals stark entwickelt. Noch heute zeugen zahlreiche Spuren von dieser Epoche jener zwei Dynastien in Vietnam, die Pagoden und Tempel, die Glocken, Trommeln und anderen wertvollen Gegenstände aus jener Zeit, die noch im Norden Vietnams erhalten sind.

In Zeiten der Unruhe zieht sich auch der Buddhismus in seine inneren Gefilde zurück. Sind die Herrscher ungläubig und ohne Tugend, dann folgen ihnen auch die Leute nicht mehr, das Volk fällt ab von ihnen und weigert sich, sie zu ehren. Auch der Buddhismus zieht sich in diesen Zeiten aus der Gesellschaft zurück. Die Mönche meiden die Städte und dicht besiedelten Gebiete. Sie halten sich jetzt lieber in den Bergen auf. Andererseits sollte man auch nicht vergessen, daß der Buddhismus in seiner Blütezeit es jeder anderen Religion ebenfalls ermöglicht hat und ermöglicht, sich ebenfalls zu ihren Hochformen zu entwickeln. Häufig praktizieren aber die fehlgeleiteten Fanatiker anderer Religionen das Gegenteil von dieser Toleranz, nämlich die Ausschaltung ihrer Gegner, sobald sie nur die Macht dazu haben. Angesichts dieser Beispiele stellt sich auch uns die Frage: Hat die Lehre der Barmherzigkeit im Buddhismus den Haß überwunden und die Liebe geweckt, so daß der Buddhismus für immer in die Annalen der Geschichte eingehen wird?

Als die Franzosen nach Vietnam kamen, hatten sie auch eine neue Religion mitgebracht: das Christentum. Eigentlich sollte doch jede Religion das sittliche Niveau der Menschen heben und sie zu einem wahrhaft zufriedenen Leben führen. Aber auch diese Religion, die ihr eigenes Karma noch nicht verarbeitet hat, die sich das ganze römische Reich unterworfen hat und immer wieder mit den eroberrüsternen europäischen Fürsten und Mächten eine sie legitimierende Allianz eingegangen ist, hatte nur wenig Chancen in Asien angenommen zu werden. Das war hier so, als ob die Braut gezwungen werden sollte, den Bräutigam, den sie noch nie kennen gelernt hatte, zu heiraten. Die Kulturen des Ostens und des Westens sind sehr, sehr verschieden. Der Mensch des Ostens richtet sich geistig nach innen; der des Westens dagegen nach außen, um nach etwas zu suchen, was er dort nie finden kann. Als das Christentum nach Vietnam kam, mußte es sich dort mit dem Buddhismus, dem Konfuzianismus und dem Taoismus auseinandersetzen. Allein schon deshalb hatte es das Christentum schwer gehabt, das Herz des Volkes zu gewinnen. Die Kolonialmacht versuchte deshalb die Leute mit anderen Mitteln zum Christentum zu bewegen. So versuchte man z.B. die Leute mit höheren Löhnen, mit Arbeitsangeboten und besserer Arbeit zu bestechen. Und wie es in jeder Zeit auch bestechliche Menschen gibt, so gab es sie in dieser Zeit auch in Vietnam, Menschen, die zuerst an ihre Positionen und Gehälter, an ihren Vorteil und Gewinn dachten, und dafür bereit

waren Sitte und Religion aufzugeben. Mit solchen Menschen und mit solchen Mitteln etablierte sich das Christentum auch langsam in Vietnam. Die Vietnamesen hassen nicht das Christentum, sondern die Kolonialpolitik des Westens, welche die vietnamesische Mentalität verändert hat. So pflegte man in Vietnam bis zur Ankunft der Franzosen den Ahnenkult, der vom Christentum und von den Franzosen verboten wurde. Der Buddhismus verehrt keinen Gott, jedoch das Christentum glaubt an einen Schöpfer. Vergleicht man beide Religionen, dann stellt man fest, daß auch ihre Unterschiede sich bis ins 20. Jahrhundert erhalten haben.

Zwischen dem 18. und dem Anfang des 20. Jahrhunderts hat auch der Buddhismus in Vietnam keine nennenswerte Rolle für die Nation und ihre Gesellschaft gespielt. Er hat sich in dieser Zeit religiös in sich zurückgezogen, um auf einen günstigen Moment neuerlichen Wirkens zu warten.

Deshalb können wir gewiß sagen, daß die Religion friedlich und stabil bleibt, wenn die Nation friedlich ist. Wenn eine Nation aber instabil wird, wird auch die Religion von ihrer Unruhe berührt. Das zeigt uns, daß die Stabilität des Buddhismus stark von der Stabilität des Volkes abhängt.

Im 20. Jht. zeigte sich der Buddhismus in Vietnam auch wieder stärker aktiv, doch viele seiner Bemühungen wurden wieder zunichte gemacht durch die Teilung des Landes. Der Norden wurde ab 1954 kommunistisch. Der Süden war dagegen von 1954 bis 1975 kapitalistisch orientiert und wurde ab 1975 ebenfalls kommunistisch. Heute ist ganz Vietnam kommunistisch. Vor 1954 hatte es der Buddhismus sowohl im Norden als auch im Süden schwer gehabt, denn die Kommunisten sind arreligiös. Sie untersagen jede Form freier Religionsausübung. Im Süden wurde der Buddhismus von dem Diktator Ngo Dinh Diem, der den Katholizismus protegierte, unterdrückt.

Die Teilung Vietnams steht im Kontext der Neuordnung der Welt nach dem Zweiten Weltkrieg, gemäß der die Westmächte und der kommunistische Ostblock die Erde nach ihren Einflusssphären aufgeteilt hatten. Der Norden Vietnams fiel an die Parteigänger des Ostblocks und der Süden an die der Westmächte. Mit dem Zusammenbruch des Kommunismus in der Sowjetunion, der damaligen Hegemonialmacht des Ostblocks ist heute auch diese globale Ordnung zusammengebrochen. Der Kommunismus hält sich nur noch im Umkreis des roten Sterns von China, der seinen Zenit aber auch schon überschritten hat. Leider liegt Vietnam noch immer in der Einflusssphäre dieser letzten kommunistischen Bastion.

Trauer und Haß verwandeln sich in Tränen. Die Geschichte des vietnamesischen Volkes und des vietnamesischen Buddhismus muß weiterhin sorgfältig geschrieben werden. Sie ist das Zeugnis für die späteren Generationen.

(Fortsetzung folgt)

#### Impressum

**Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche  
Abteilung in der BRD (gemeinnütziger e.V.)**  
Die Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen  
Vietnamflüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland  
**Verlag**

c/o Viengiac Pagode, Karlsruhe Str.6, 30519 Hannover  
**Tel. (0511) 879630 - Fax. (0511) 8790963**

**E-Mail : Chua@viengiac.de**

**E-Mail : viengiac@t-online.de**

**Homepage: <http://www.viengiac.de>**

**Herausgeber :**

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirch e.V

**Redaktion :**

Vietnamesische-Buddhistisches Sozio-Kulturzentrum  
in der BRD (VIBUS)

**Erscheinungsweise : 6 mal Jährlich**

Diese Zeitschrift wird kostenlos verschickt. Nach druck nur  
mit schriftlicher Genehmigung der Redaktion erlaubt.



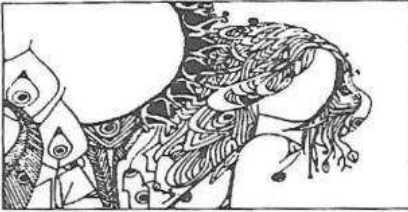
Phù Văn

# Vườn Thơ Viên Giác

# 114

# Năm 2000

\*



## Cuối Năm Nghe Lũ Lụt

(để chia sẻ đau thương với nạn nhân  
bão lụt miền Trung, 11.1999)

**Đ**ầu tháng 11, hình ảnh lũ lụt kinh hoàng của miền Trung được phát hình trên hầu hết các đài truyền hình thế giới đã gây những xúc động mạnh, không những chỉ cho những người gốc miền Trung, mà cho hầu hết người Việt hải ngoại. Không một ai có thể giấu kín được nỗi quan tâm lo lắng cho thân nhân mình ở Việt Nam khi mọi liên lạc điện thoại về miền Trung đều bị gián đoạn. Bên này, bạn bè chỉ biết điện thoại hay gọi điện thư thăm hỏi nhau. Các đoàn nhóm gốc miền Trung cũng chỉ thông tin cho nhau về tình trạng lũ lụt qua mạng lưới internet...

Ôi miền Trung nghèo khó "mùa đông thiếu áo, mùa hè thiếu ăn, miền của xứ dân gầy "đất cây lên sỏi đá" mà phải gánh chịu nhiều tai ương bởi "trời hành cơn lụt mỗi năm". Ngoài hoạn nạn của những lần chính biến như Thất Thủ Kinh Đô năm 1885, Tết Mậu Thân 1968 hay Mùa Hè Đỏ Lửa 1972, còn có những lần tai trời ách nước với những cơn lũ lụt kinh hoàng của năm Quý Tỵ 1953 hay của năm Giáp Thìn 1964. Thế mà chẳng tha cho, từ ngày 2 tháng 11 năm 1999, trời lại hành cho cơn lũ lụt năm Kỷ Mão -cơn lụt lớn nhất của miền Trung từ hơn 40 năm qua.

Ôi miền Trung khốn khổ, sao trời nỡ dọa dầy! Phải chăng miền Trung với dãy Trường Sơn núi cao dốc đứng, với sông ngấn và hẹp, lưu lượng không đều nên vào mùa mưa nước chảy siết. Nước tràn

ra vùng bình nguyên đồng ruộng nên thường gây nên lũ lụt. Quảng Bình với sông Gianh chia đôi đất nước thời Trịnh Nguyễn phân tranh, sông Nhật Lệ chảy ra của sông Nhật Lệ. Quảng Trị với sông Bến Hải dài 75 cây số chảy ra của Tùng, sông Thạch Hãn chảy ra của Việt, ngoài ra còn có sông Cam Lộ nối liền hai sông Bến Hải và Thạch Hãn. Thừa Thiên và Huế với sông Hương dài 92 cây số chảy ra của bể Thuận An. Quảng Nam với sông Vu Gia với hai phụ lưu là sông Cái và sông Con đổ vào sông Thu Bồn chảy ra của Đại. Quảng Tín với sông Trường Giang, phần sông Thu Bồn chảy từ Quảng Nam xuống, sông Tam Kỳ, sông Tràu... chảy vào các Vũng An Hòa, Dung Quất. Quảng Ngãi với sông Trà Bồng dài 50 cây số chảy ra của Thế Càn (Sơn Trà), sông Trà Khúc dài 120 cây số chảy ra của Đại Cổ Lũy, sông Vệ dài 80 cây số cũng chảy vào của Đại Cổ Lũy và sông Trà Cầu dài 40 cây số chảy ra của Mỹ Ý (Mỹ Á).

Với tình trạng sông ngòi ngấn hẹp, hệ thống đê điều không được chăm sóc và tai hại hơn hết là nạn phá rừng hay khai thác rừng bừa bãi, lại không có kế hoạch trồng cây gây rừng đúng quy mô, nên mỗi khi "rừng diều tàn thì tổ quốc suy vong!". Thế cho nên miền Trung bị bão lụt liên miên và câu hát "Trời rằng, Trời hành cơn lụt mỗi năm..." lại một lần nữa chúng nghiệm trên nỗi tang tóc của dân tộc.

Bạn ơi, bên kia bờ đại dương là quê hương miền Trung chìm trong cơn hồng thủy, còn bên này là xứ lạ trời Âu đang trong mùa thu dày đặc sương mù và buốt giá buổi chớm đông. Tôi vừa đi dự đám dâng tháng của đứa cháu, mừng một chúng sanh vào đời. Và cách đây không lâu tôi đã dự lễ cầu hồn cho thân sinh của một người bạn vừa mới tạ thế, tròn một cuộc đời để đi vào cõi vĩnh hằng. Thế hệ cũ tàn đi, thế hệ mới trỗi dậy. Cứ thế để truyền thừa. Cũng như trong bản tin trên internet, bên cạnh con số mấy trăm người tử nạn trong cơn lũ lụt miền Trung, còn kèm thêm tin một cháu bé được sinh ra ngay trong mùa lũ lụt kinh hoàng tại bệnh viện Trung Ương Huế, nên các bác sĩ, y tá và song thân của cháu đều đồng ý đặt tên cho cháu là Hồng Thủy. Người ra đi, vĩnh viễn già từ thế kỷ 20. Trê môi cất tiếng khóc vào đời, lại hân hoan đón chào thế kỷ 21. Sinh diệt là lẽ vô thường của tạo vật:

...

*Thời gian sanh diệt vô thường*

*Nhân sanh tử cổ vấn vuông vẫn còn.*

Cái quan niệm về thời gian sanh diệt đó được Huyền Không, một thi sĩ thành danh, tác giả của "Mái Chùa che chỗ hồn dân tộc, Nếp sống muôn đời của tổ tông" trong bài thơ Nhỏ Chùa, đã đếm từng giây phút với tấm lòng hoài hướng:

...

*Thời gian đếm mãi.từng giây phút*

*Đất nước vơi xa mấy dặm trường*

(Nhỏ Cổ Hương)

Với phong cách vừa là thiền sư, vừa là thi sĩ, Huyền Không đã dựng nên một ngưỡng cửa trong thi ca, bên ngoài là tiếng nói của cuộc đời, còn bên trong là cửa Phật với cảm hứng thiền định- một vùng trời huyền bí xa lạ nhưng rất nhiều quyến rũ người trần tục.

Ngôn ngữ của đời thường, của kẻ lưu dân với những nhỏ nhưng ray rứt khi phải dứt ruột bỏ nước ra đi. Ngôn ngữ của người tu hành đạt đạo là niềm an lạc, mới vẫn giữ nụ cười đạo vị, vẫn trăm năm trắng sáng, vẫn ngàn năm mây bay của lẽ vô thường, vẫn tinh thần cứu độ đem lửa trong tim để sưởi ấm cuộc đời khốn khổ:

*Ra đi biển cả vô cùng*

*Tâm tư góp lại nhỏ nhưng gọi người*

*Biển lòng sóng vỗ mù khơi*

*Quê hương, đạo pháp, nụ cười còn đây*

*Trăm năm vẫn ánh trăng đầy*

*Nghìn năm sau nữa vẫn mây cuối trời*

*Ta mang chút lửa trong người*

*Đem về sưởi ấm cuộc đời lao sinh*

*Ô hay! Non nước của mình*

*Mà sao ta phải dứt tình ra đi?*

(Ra Đi)

Vâng, người dân di tản, tu sĩ ra đi dứt tình ra đi trong cuộc đời đời, trong cơn hồng thủy cộng sản, cũng kinh hoàng, thảm tử, nước mất, nhà tan, gia đình ly tán hẳn còn kinh hoàng hơn cơn hồng thủy năm nay. Ra đi, nhưng người tu sĩ đạt đạo nào đâu được yên. Bao nhiêu khó khăn trên vùng đất mới, bao nhiêu thao thức trên đời tỵ nạn vẫn còn đeo đẳng trên vai người ly xứ. Người ta cần điểm tựa về tâm linh. Người ta tìm về với đức tin, về tôn giáo. Người ta cần Thầy, người ta gọi Thầy. Cái không gian bây giờ của Thầy bao la rộng lớn hơn mà tiếng chuông cứu độ vẫn luôn vang vọng quấn quýt trên từng bước chân. Cái thời gian bây giờ của Thầy khẩn trương hơn trong nhịp hoàng dương giáo pháp, an định tâm linh trong những lần dẫn thân vào khổ hạnh, vào cuộc đời ô trược với nắng mưa để cứu nhân độ thế. Thầy có những gì, ngoài chiếc y vàng, ngoài tấm lòng nhân ái với cuộc thế sắc không. Tinh tâm giữa hoàng hôn đợi những gì không tới. Bờ vó giữa phố thị mong tìm lại được bóng dáng tiền thân. Người ta cần Thầy. Người ta gọi Thầy nên Thầy cũng ngậm ngùi:

...

*Gọi tôi chỉ suốt đêm trường*

*Chuông chùa vang vọng trên đường tôi đi*

*Gọi tôi, tôi biết làm gì*

*Nắng mưa đổ xuống làm li thời gian*

*Trăm năm trong chiếc áo vàng*

*Hoàng hôn đứng đợi đò ngang không bờ*

*Tôi đi giữa phố bờ vó*

*Hai tay sờ soạng tôi chờ tìm tôi*

...  
*Tha hướng còn đó hoa tươi  
Gọi tôi, xin gọi nụ cười đáng cay*

...  
*Gọi tôi trên bến đò này  
Sông kia núi nọ chia tay thuở nào  
Sài Gòn, còn đó chiêm bao  
Gọi lên một tiếng, ngọt ngào nghìn năm*  
(Gọi Tôi)

Nếu có ai tình cờ gọi tên Sài Gòn, chúng ta nghe ngọt ngào thân thương làm sao. Thế nhưng, cuộc đời của kẻ lữ vong nào có khác chi:

...  
*Nghìn năm còn đó mây bay  
Đôi chân bước mãi tháng ngày nghe đau  
"Quê nhà khuất bóng hoàng hôn  
Trên sông khói sóng gọi buồn lòng ai..."*  
(Đường Hollywood)

Những tháng ngày lữ lạc đã mòn mỏi đôi chân. Quê hương ngày trở về vẫn còn mù xa trong bóng hoàng hôn, mà sương khói trên sông chỉ gợi nhắc thêm nỗi buồn cố xứ. Thế nhưng "nghìn năm còn đó mây bay"- mây bay trong "Mây Trắng Thong Dong", thi tập của Huyền Không do Thanh Văn tái bản năm 1994. "Trong tôi vẫn thường có mặt cái cảm giác thành thời của kẻ đã ra đi gần trọn đường trần. Hơn bốn mươi lăm năm chung sống với thơ là một cảnh đời đẹp, một dáng mặt thủy chung, một bản tình ca êm dịu. Từ thuở bình minh, chân đã muốn đặt nhẹ lên chân trời "Không Bến Hẹn" (\*), vòng tay đã ân cần hy hiến cho đất gấm lòng hoa những ngọt ngào của chút "Hương Trần Gian" (\*). Đi vào nẻo đời phụng sự, đã ước mơ biển "Không Gian Thành Chiếu Áo" (\*) để che chở cho tấm thân gầy trước cơn bão ý thức hệ, trước gió cuồng hủ vô chủ nghĩa, trước niềm đau hiện sinh hệ lụy. Tôi tuổi chín mười hoài vọng, thấp thoáng nghĩ tới đường về, nhận lãnh "Kẻ Lữ Hành Cô Độc" (\*), kêu hoài tên mình cho một nhận mặt và tự nhấn hây đi một mình để đến... Từ đó chỉ mong làm được một kiếp "Mây Trắng Thong Dong" (\*) như những làn tóc bạc gợn sóng trên đầu Krishnamurti, để bay cho hết một trăm năm hành trình, để tàn mạn nơi những vô tận chân trời, để soi bóng trên những sông hồ và biển cả gió bụi. Thế là hy vọng đã viên thành một luân hồi Thơ. Thế là một tịch lặng sẽ trở lại Đời. Thế là hứa hẹn sẽ vẹn tròn cho một cuộc rong chơi sinh tử...".

Bằng cái nhìn quán thông, những vị Hành Giả đã mang thơ Thiền hài hòa đi vào lòng người, đi vào cuộc thế. Trong hành trình chuyển hóa cuộc đời đi đến chân thiện mỹ, còn có sự góp gập một thi nhân Thanh Trì Cao, tu sĩ Thích Quảng Thanh qua thi tập "Trên Dòng Tử Sinh" (Trúc Lâm xuất bản, 1998). Thi nhân đã lấy nhân quan của Thiền để luận về vũ trụ nhân sinh, lấy Thơ để chuyển chỗ Đạo, lấy tâm từ ái an lạc để hóa dịu cuộc đời khổ đau, lấy cái tử để bàn cái sinh.

Lấy cái chết làm tiền đề để bàn cái sống trong chiều hướng miên viễn của thuyết luân hồi, lấy thực tại để lượng ước về tương lai...

Ý niệm về thời gian, quá khứ hiện tại nối kết với nhau, vốn là một vấn đề cao siêu, là nỗi khắc khoải của nhân gian trong lý sắc không của nhà Phật hay trong vấn đề chủ hữu và hủ vô của triết học. Bởi từ một trăm năm, một thế kỷ hóa thân một đời người hay một ngàn năm ai cũng phải trải qua một lần "trên dòng tử sinh":

*Chứa phai vì lẽ đã phai  
Người mang cứu cánh hình hài trăm năm  
Trăm năm độ lượng hóa thân  
Nghìn năm cũng thế một lần bước qua*  
(Trên Dòng Tử Sinh)

Bởi người xưa thường nói: tri túc, tiện túc, dãi túc, hà thời túc; tri nhân, tiện nhân, dãi nhân, hà thời nhân (biết đủ là đủ rồi, biết nhân là nhân rồi). Nhà thơ Thanh Trì Cao khuyên ta khi tìm được một cõi riêng an nhiên tự tại là đủ rồi, không nên tham luyến để chi nhận lãnh thêm nỗi thất vọng trống không:

*Ta đập vỡ thời gian còn lại  
Chẳng thấy gì ngoài chút hủ không*  
(Thời Gian)

Từ đó thi nhân, thiền sư đã trải tấm lòng bao dung khoáng đạt đầy nghệ sĩ tính khi viết về Niết Bàn- một cõi tối thượng của Đạo Phật:

*Có không một cõi Niết Bàn  
Bận tâm chi thế đeo mang ý thiền  
Mở hồ cho một cõi riêng  
Cõi nào cũng thế lặng yên đủ rồi.*  
(Đủ Rồi)

Nơi nào cũng thế, chi cần mỗi sáng thức dậy thấy có một nụ cười thấp sáng trên môi, ta sẽ thấy cuộc đời đẹp tựa bông hoa còn ngậm sương sớm, mặt trời sẽ sáng trong dòng ý tưởng cuộn cuộn như nước trôi về biển khơi, và lòng mình sẽ thanh cao lồng lộng giữa núi đồi vô tận vô biên:

*Buổi sáng sớm nụ cười đẹp nhất  
Một bông hoa không ý trang đài  
Sông từng hạt lung linh phản chiếu  
Rồi bỗng dưng biến mất hình hài*

...  
*Buổi sáng sớm nụ cười đẹp nhất  
Mặt trời lên thấp sáng cuộc đời  
Dòng ý tưởng tiếp theo ý tưởng  
Như nước nguồn về với biển khơi*

...  
*Buổi sáng sớm nụ cười đẹp nhất  
Ngắm núi đồi tươi mát vô biên  
Trái tim này thơ cùng vũ trụ  
Lòng thanh cao trong cõi siêu nhiên*  
(Cõi Siêu Nhiên)

Hoặc một lần nào đó, chúng ta về biển, lặng yên nghe con sóng thét gào, đứng hờn theo thi nhân là ta ngồi nghe biển hát. Tiếng hát xót xa của biển đã chôn vùi bao nhiêu sinh mạng, tiếng hát ân cần của những làn bao dung biển đưa thuyền nhân đến bến bờ tự do khi chúng

ta trốn chạy cơn hồng thủy 75. Thi nhân thì làm thơ, còn ta thì lắng nghe lòng mình dần dần lãng quên những khổ đau của những tháng ngày vong lữ:

*Tôi ngồi nghe biển hát  
Từng con sóng thét gào*

...  
*Tôi ngồi nghe biển hát  
Lời ca rất chân thành  
Bài thơ này tôi viết  
Lúc cây cỏ thiên hành*

...  
*Cuộc đời như dòng sông  
Tuyệt vời đóa sen hồng  
Lòng xanh như biển cả  
Vũ trụ ơi, biết không.*  
(Ngồi Nghe Biển Hát)

Với hình tượng đó, thơ dẫn dắt chúng ta đến cửa Thiền đẹp như đóa sen hồng, mênh mông như biển cả. Thơ đã đặt nhân sinh vào vũ trụ, không gian tương tục với thời gian, quá khứ hiện hữu trong hiện tại, hiện tại dẫn dắt đến tương lai... Thơ tài Đạo, hay Thơ đã vào Đạo:

...  
*Biết không và biết không  
Trang đời viết chứa xong  
Ước mơ còn mãi mãi  
Nói dài như dòng sông*  
(Ngồi Nghe Biển Hát)

Dù sông có dài đến vô tận, nước cũng đổ về biển khơi. Trăng có tròn đến bao nhiêu rồi cũng có lúc trăng tàn. Sông trôi về biển, trăng khuyết lại tròn. Con người củ quẩn quanh trong vòng sinh tử luân hồi. Được mất, hơn thua, thắng bại trong cõi vô thường:

...  
*Có không cái nghĩa mong manh  
Người xa chốn cũ trưởng thành thanh cao  
Ngồi đây nhìn đỉnh trăng, sao  
Làm thơ đối thoại thi hào năm xưa*  
(Trăng Tàn)

Trên Dòng Tử Sinh không hẳn thi nhân chỉ nhìn đỉnh trăng sao để làm thơ đối thoại với tiền nhân, mà tác giả còn quán chiếu nội tâm của chính mình để: "...thấy rõ được chân tướng của ý niệm sinh diệt lưu chuyển trong từng sự tái tạo theo nguyên lực hay nghiệp lực. Những liên hệ mật thiết giữa người và vũ trụ rất sinh động tuyệt vời. Ngôn ngữ đã có thừa, mỗi chúng ta hãy thực nghiệm để thấy sự an bình nơi chính mình...".

Người tìm được an bình nơi chính mình, có lẽ không ai bằng được nữ sĩ Tuệ Nga. Góp mặt thơ Thiền trên văn đàn hải ngoại có lẽ cũng chẳng có ai sánh được với nữ sĩ Tuệ Nga- người thơ quen thuộc lại cho ấn hành thi tập Suối Hoa vào mùa thu năm 1999, với những dòng thơ mở đầu thay cho lời tựa mang chỗ trọn vẹn màu Thiền trong Thơ:

*Chim hát bên bờ Suối  
Nắng Bờ Đều tươi Hoa  
Gió hát bên bờ Suối  
Trở hồng Kim Cang Hoa  
Nam Mô A Di Đà*



*Con dâng hương kính nguyện*

*Bát ngát dòng ... Suối Hoa.*

Trong thơ của Tuệ Nga, ta lại được nghe tiếng chim hót dưới hiên sườn. Phải chăng đó chính là tiếng hát của thi nhân-một cánh chim di trong thi đoàn Quỳnh Giao đã nổi tiếng từ hồi còn ở Việt Nam. Chính tiếng chim hót gợi nhắc ý niệm thời gian về một đời người, một trăm năm hay một thế kỷ. Thời không dài để ta tìm đường về Bến Giác. Thời gian không ngắn để ta sống với nàng Thơ trong cõi Vô Ưu:

*Trăm năm một giấc vô thường*

*Con chim hót dưới hiên sườn u hoài*

*Đường về Bến Giác trăng ngời*

*Hoa thơ ai thả giữa trời Vô Ưu.*

(Hoa Thơ)

Là Hoa Thơ, thi nhân học hạnh nguyện Bồ Tát để xin cầu rỗi cho đời. Nguyện làm mây, làm sương để dệt thành trăng tình thức soi sáng nẻo về cho những kẻ lầm mê. Nguyện làm từng sợi tơ đàn, ngân vang lời tử ái để làm vui cõi nhân gian vốn nhuộm màu khổ ải:

...

*Xin làm mây trắng, sương mờ*

*Dệt trăng tình thức đẹp mùa nhân gian*

*Xin làm sợi nhỏ tổ đàn*

*Ngân lời nhân ái mệnh mang cõi người...*

(Sợi Nhỏ Tổ Đàn)

Tôi vẫn nhỏ, bốn mùa có tiếng chim réo gọi bình minh trong vườn chùa. Tiếng kinh thời công phu sáng trong hương trầm ngát thơm. Tôi say trong cõi tịch lặng và hầu như đã quên cõi tục nhòa nhạt nắng mưa. Lại có tiếng chim hót gọi bình minh thân quen như lời ca dao cũ, tử hòa như tiếng mẹ ru hời. Tôi tưởng mình lớn lên giữa núi đồi sừng sững và nường theo ánh trăng để trở về nguồn cội. Cảm ơn người thơ, cảm ơn:

...

*Bốn mùa hương trầm ngát*

*Nến sáng trang kinh hồng*

*Thơ say lời vô nhiễm*

*Thoảng ý đời mệnh mộng*

*Đường trần gian nhòa nhạt*

*Cõi Tịch Tĩnh Hư Không*

*Có con chim nhỏ hót*

*Gọi bình minh nắng hồng*

...

*Sừng sững núi muôn đời*

*Ngó trăng soi nguồn cội*

*Nghe tiếng hát ru hời*

*Bài ca dao quê cũ*

(Gọi Bình Minh)

Không lẽ "bài ca dao quê cũ" của nữ sĩ Tuệ Nga đã tạo cho tôi những nếp nhăn trên vầng trán ưu tư để niềm thương nỗi nhớ về kỷ niệm của những tháng ngày xưa cũ làm trũng ướt nước mưa trong hồn. Không lẽ những buổi hoàng hôn đón chiếc bên khung trời quạnh hiu lại làm cho lòng mình chịu nặng nỗi buồn theo những nhánh sông chia biệt. Người

đã đi chìm đắm trong giấc trầm mê, tôi về làng quên với mùa thu, với trăng lạnh bỏ vó, với những vần thơ quen thuộc:

*Sợ buồn trên trán đọng đũa*

*Mà thường ngày cũ nghe mưa đầy hồn*

*Hoàng hôn, ai đợi hoàng hôn*

*Sông chia mấy nhánh nước nguồn băng khuâng*

*Người đi mỗi giấc phủ trầm*

*Tôi về tình lặng thả vần thơ quên*

*Đêm qua trăng rơi bên thềm*

*Nhỏ mùa thu ấy êm đêm trúc tổ*

*Gió về bằng lảng trời mờ*

*Nửa vầng trăng lạnh bỏ vó ý đời*

*Thuyền tử tách bến ra khơi*

*Quê hương khói sóng, nước trời chênh vênh*

...

*Nửa khuya vắng tiếng Kinh Hiền*

*Đôi bờ hư ảo trắng triền lan hoa.*

(Đôi Bờ Hư Ảo)

Kể từ khi thuyền ra khơi thì giữa ta và quê hương ngút ngàn khói sóng đã trở thành đôi bờ hư ảo. Ôi chữ tình như khói sương, người đi để lại cho ta một khối mây sầu. Ôi chữ tình như mối thường đau, ta nường về cửa Phật nguyện cầu. Thế nhưng tâm có an, trí có định hay ta lại trầm tư về những buổi chiều thấy lá vàng rụng giữa trang kinh cũ. Hay ta lại mở màng trong tiếng kinh tụng niệm để lại kết thành từng tràng hoa duyên:

*Chữ tình, thành chữ khói sương*

*Người đi tử độ một phường mây sầu*

*Chữ tình, thành chữ thường đau*

*Ai lên chùa lễ nguyện cầu tâm an*

*Gió chiều rụng cánh lá vàng*

*Xuống trang kinh tụng kết tràng hoa duyên*

*Hoa duyên, ngát một phường thiền*

*Câu kinh nhật tụng vang triền núi xa*

*Nam Mô huyền diệu Nam Mô*

*Hồi chuông tình thức ngát mùa trầm luân.*

(Hoa Duyên)

Hình như đầu đó có hồi chuông tình thức, nhưng trong ta còn mộng vẫn còn. Thời dành thả Thơ cho gió, gởi Thơ cho mây chiều giữa mùa tuyết bay. Gió hời ta tử đầu tôi, mây trầm lặng mùa say. Ta theo vòng chuyển hóa như bèo mây hợp tan:

*Lời thơ nào thả gió*

*Lời thơ nào gửi mây*

*Tháng năm nghe hồ hững*

*Mộng trắng chiều tuyết bay*

*Gió thì thầm khê hời*

*Người tử đầu tôi đây*

*Mây hiền hòa trầm lặng*

*Trời đất vạn mùa say*

...

*Đừng hỏi tử đầu đến*

*Đời tan hợp bèo mây*

*Đến đi vòng chuyển hóa*

*Ai hỏi mây ngừng bay*

(Hoa Tâm Thức)

Thơ vốn là "hoa tâm thức", nên người Thơ cũng chùng xuống với những nỗi đau. Chúng ta trở lại với miền Trung. Cơn hồng thủy đã rút, lũ lụt cũng lui, nước đã xuống và để lại những tàn phá kinh hoàng, những thiệt hại lớn lao, những khổ đau chong chất trên kiếp người vốn đã làm than nay lại càng làm than hơn và những giọt nước mắt cam chịu về số phận hẩm hiu mà "trời hành, trời dành" cho những người dân miền Trung khôn khổ vốn đã có thói quen thâm căn cố đế là chẳng bao giờ muốn rời bỏ nơi chôn nhau cắt rốn mồ mà tổ tiên để ra đi.

Xin hãy dành những giây phút chạnh lòng để tưởng niệm về những người đã mất, những người đã bị nước lũ cuốn về biển cả. Xin hãy thương tưởng đến những người đang trong cảnh nhà trời thiếu đất, những người đang thiếu ăn, thiếu mặc. Xin hãy mở rộng tử tâm, đóng góp vào công cuộc cứu trợ nạn nhân lũ lụt miền Trung.

Xin biết ơn những Tổ chức, Hội đoàn, Tôn giáo đã tích cực hoạt động và mở rộng chiến dịch quyên góp trong cộng đồng người Việt hải ngoại; vận động kịp thời các cơ quan chính quyền bản xứ để yểm trợ cho công tác tử thiện này.

Xin ghi ơn những tấm lòng tử đã biết nhường cơm sẻ áo, lá lành đùm lá rách, miếng khi đói bằng gói khi no. Xin ghi ơn tinh thần đản thân của những người đã vì máu chảy ruột mềm để lo cho người hoạn nạn. Xin cảm ơn, cảm ơn tất cả....

(Thất Sơn, tháng 11.99)

**Ghi chú:**

(\*) Tựa những thi phẩm của Huyền Không.

## Thông báo

Kính thưa quý độc giả,

Tính đến số báo này là Viên Giác đã tròn 20 năm và Vườn Thơ Viên Giác được hơn 10 tuổi. Trong thời gian khá dài nói trên, chúng tôi đã phát hiện thêm một số tài năng mới trên văn đàn hải ngoại cũng như giới thiệu lại những thi sĩ đã thành danh từ lâu. Dù biết rằng nhiệm vụ chưa tròn, nhưng mục tiêu tưởng đối đã đạt, nên người phụ trách xin chấm dứt loạt bài này.

Xin chân thành cảm ơn quý độc giả, tác giả và quý vị trường thượng đã theo dõi, góp ý và khích lệ cho người phụ trách và xin hẹn gặp quý vị trên một tiết mục khác vào năm 2000.

Trân trọng. (Phù Vân)



**Các Bạn, các em thân mến,**  
 Như vậy là thêm một mùa Xuân nữa chúng ta tạm ngụ trên vùng đất khách. Mùa Xuân với nỗi niềm mở ước: Được mãi mê ngắm hoa mai rộ nở trên nhánh tuổi xanh của chồi non non cuối ngọn; cội mai trước đó đôi ba mươi ngày ông cha chúng ta âm thầm đặt để biết bao nhiêu lời nguyện ước khi đứng mãi mê nhặt từng cuống lá, để giữ chín rực vàng hoa rung rinh reo vui ngoài ngõ, và còn có thêm nữa, có thêm những nến đèn, có thêm hương nhang quỳện bay vào không gian cho thơm lừng ngào ngạt từ trên bàn thờ Tiên Tổ, với tiếng pháo nổ đi dưng dưng đây đó, lẫn vào tiếng chuông chùa ngân nga vọng đến khắp cõi bao la của vạn vật mang theo lời từ dung của Đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Phật như ở chốn quê hương Việt Nam mến yêu, mà cách nay hơn 24 năm về trước bao giờ cũng là điệp khúc thân ái luôn trở về với chúng ta theo những mùa Xuân mỗi. Mùa Xuân ở đây, trên đất lạ quê người, lá tuyết trắng xóa tưởng tự như vạn cánh hoa đào mãi lấp lánh bay bay vào hơi lạnh mờ sương băng giá, và nền trời bỏ rơi xuống xám đục màu mây đen vần vũ vào nhau, chông chênh lên nhau cho chấp chùng chùng thật thấp lên đầu ngọn cây khẳng khiu nhánh mỗi, trên cỏ hoa úa vàng xơ xác; xa quá mái chùa thân thường, mái chùa luôn che chở hồn Dân Tộc, cho nên chúng ta không còn được ấm lòng khi lắng nghe vắng vắng tiếng Đại Hồng Chung nhắc nhở thêm lời Tri Nguyện, lúc qui dưới bộ Đức Phật Tổ tại cú gia dọc dòng kinh Cầu An khi bên ngoài thời gian chậm từng bước một di chuyển vào mùa của ngày hội lớn (nơi Quê hương Việt Nam); không có tiếng pháo nổ đi dưng, không có tiếng trẻ rộn ràng reo vui hay bị bỏ với lời chúc thọ ông bà ngày đầu Xuân mỗi...

Trắng tinh như cánh hoa đào  
 Theo hưởng lộc mỗi rụng vào vườn Xuân  
 Bàn thờ hưởng tỏa thơm lừng  
 Xón xao tiếng trẻ từng bừng chúc Xuân.  
 (Thơ: Huy Giang)  
 Hầu như chúng ta đã bỏ quên (!) không ít thì nhiều - những phong tục cổ truyền của Quê hương mến yêu, khi tạm lữ

thân nơi vùng đất khách (?). Nếu cho dù là như vậy, dù phía bên ngoài xã hội hiện tại có âm thầm gặm nhấm những găm găm hoa cổ truyền Dân tộc Việt Nam; nhưng tâm linh chúng ta vẫn cố gắng bảo trì để phát huy cho chính chúng ta và cho thế hệ sau này. Mong lắm thay.

Tuyết hạn thù tri từng bách thảo  
 Sự nan phưởng kiến trượng phu tâm.  
 (Hoàng Bá Thiên Sư)  
 Có nhìn tuyết phủ tràn cây cỏ  
 Mỗi biết từng thông tiết thảo đây  
 Vật bước nguy nan ngăn sự khó  
 Mỗi hay chí khí trượng phu đây.

(Văn Nường dịch)  
 Nhân dịp Xuân Canh Thìn 2000, thân gửi đến các Bạn, các em lời nguyện cầu vui hưởng một mùa Xuân Di Lạc.

### ● Hoa Phượng

## QUÊ HƯƠNG ƠI

### ● Ngọc Tuyết

**G**ió lùa vào khe cửa sổ làm căn phòng chưa được vận lò sưởi trở lạnh. Thảo kéo tấm mền bông đắp phủ cảm, thích nằm thêm một chút, thầm nghĩ: "Hôm nay chúa nhật, thức dậy sớm cũng chẳng biết làm gì trong lúc chờ Hân về bằng chuyến xe lửa chiều".

Nhìn quyển lịch treo tường chỉ còn mấy tờ cuối cùng, Thảo khẽ thở dài: "Lại sắp hết năm!". Buổi sáng mở đài phát thanh thường nghe xuống ngôn viên nhắc nhở: "Còn... ngày đến Đêm Thánh, lễ Giáng Sinh. Còn... ngày đến Giao Thừa. Chúng ta hãy chuẩn bị mừng đón kỷ nguyên mới, năm 2000, con số nhiệm màu, das Millennium!". Ra phố chỗ nào cũng đều bày bán hàng hóa, sản phẩm mang biểu tượng 2000. Các văn phòng du lịch quảng cáo rầm rộ những chuyến bay giá đặc biệt đi ăn Tết Tây ở tận Sydney, New York, Paris, v.v... và v.v...



Ngọc Châu và Ngọc Tuyết

Mặc dù năm 1999 đang hiện hữu, nhưng chắc không mấy ai thật tâm lưu luyến nó. Tất cả dường như thích dành trọn vẹn cho năm mới, ngay việc chờ đợi

"em bé 2000" mở mắt chào đời nữa! Riêng với Thảo, mỗi năm trôi qua như một chông chát nặng trên nỗi buồn xa nhà.

Vâng, Thảo vẫn còn mang "bệnh nhớ nhà", tiếng Đức gọi "das Heimweh" để diễn tả trạng thái tâm linh kẻ đi xa có cảm giác háo hức, bồn chồn, nôn nóng quay trở về. Lúc đầu Thảo chỉ nhớ ngôi nhà của mình, trong đó có ba má, anh chị em, hai đứa cháu; nhớ cái phòng ăn, chiếc bàn tròn lớn cả nhà quay quẩn dưng cớm; nhớ chiếc cầu thang hay ra ngồi đọc truyện ban ngày; rồi nhớ bạn bè chung phố, những trò chơi con gái, nhớ bạn bè cùng trường, cùng lớp, những ngõ hẻm sâu, khu chợ, cây cầu, con sông... Dần dà, càng ở lâu nơi đây Thảo lại nhớ thêm những thành phố từng đi nghỉ hè: Biển Long Hải, Vũng Tàu vẫy vùng bờ lọi. Vũng Cao Nguyên núi đồi Bào Lộc, Đà Lạt với những thác hồ gợi cảm lòng người. Nha Trang với bãi cát trắng, hàng dừa xanh thớ mộng...

Thảo không quên giờ Đức ngũ năm nào, cô giáo bảo: "Hãy kể kỷ niệm đẹp nhất của bạn ở quê hương!". Lớp học bỗng im lặng khiến cô giáo ngạc nhiên, mắt tròn xoe, hỏi: "Bố khó lắm sao? Các anh chị cử từ từ, mình còn nhiều thì giờ...". Có lẽ cô giáo tưởng Thảo và các bạn -toàn những sinh viên đến từ nhiều quốc gia khác nhau- đang bận suy nghĩ, tìm chủ đề để diễn ý. Nhưng không chỉ thế, tụi Thảo cũng đang xúc động, lâng lâng buồn khi thả hồn về dĩ vãng xa xưa... Đứa cần mồi, đứa ngâm viết, đứa nhui mỳ, đứa tay chống cằm ngước ra phía cửa sổ nhìn trời mây, đứa cúi nhìn mặt bàn, đứa nhăn mũi giày xuống sàn gỗ, xoay tới xoay lui một chỗ... Giây phút chạnh lòng trôi qua, mỗi đứa lại hân hoan vui vẻ kể chuyện của mình cho cô giáo và cả lớp nghe. Khi cô giáo phân tích, viết lên bảng từng câu, sửa văn phạm "phải dùng thì quá khứ mới đúng, vì câu chuyện đã xảy ra, chỉ có thể một lần, như trong truyện cổ tích vậy!", Thảo chợt thấm nhận một niềm đau nho nhỏ, một nỗi nghẹn ngào tràn dâng khóe mắt...

Hiện tại là cuộc sống tha hương ở Âu Châu vẫn minh, khoa học kỹ thuật tiến bộ tân kỳ, đầy đủ tiện nghi, dư thừa vật chất. Dù đã trở thành công dân Đức, thông thạo tiếng Đức, những Thảo nào thấy sung sướng, hạnh diện gì đâu. Thảo còn cảm thấy buồn nữa khi xuất trình thẻ thông hành màu xanh như người bản xứ, và ngại ngùng đón nhận những cái nhìn thắc mắc, những câu hỏi dè dặt... tại sao chiến tranh đã chấm dứt từ lâu, Cộng Sản Việt Nam đã "cởi bỏ"... mà Thảo vẫn chưa chịu trở về? Tiếc rằng không phải luôn luôn có cơ hội để Thảo cắt nghĩa, phân bày hoàn cảnh, lý do riêng...

Khi ngôi nhà chất đầy kỷ niệm ấu thơ đã đổi chủ, con đường đã thay tên, những thâm tình ruột thịt đã nuốt lệ đau



thường tui hồn lia bỏ xứ sỏ ra đi vì hai chữ Tự Do, nhưng quê hương hình cong chữ S, chạy dài từ Ai Nam Quan tới mũi Cà Mau, thành phố Sài Gòn hai mùa mưa nắng vẫn sống thật gần với Thảo trong những giấc mơ dịu dàng...

Ngoài kia gió vẫn thổi từng cơn êm nhẹ. Thảo đứng dậy đẩy màn cho ánh sáng mặt trời soi vào căn phòng nhỏ. Trong hồi tĩnh lặng ban trưa có tiếng chim rúc rích từ cây mận tím, mùa này chỉ còn những cành khô trụi lá..., Thảo lẩm nhẩm hát:

"*Quê hương ơi... thường nhớ trọn đời,  
Quê hương ơi... bao giờ ta về?*"

## PHẦN THƯỜNG CỦA LONG VƯƠNG

Cảnh cùng vợ sống trong một túp lều tranh, gia tài vốn vẹn chỉ có một cái búa để đốn củi. Với chiếc búa ấy, mỗi ngày Cảnh vô rừng đẵn cây và chặt thành củi cho vợ đem ra chợ bán hầu mua gạo sống đắp đổi qua ngày.

Một hôm, trên đường về nhà, Cảnh dừng gót bên bờ sông Hồng, mải mê suy nghĩ. Lát ấy, vì sơ ý, chiếc búa tú trên tay chàng vụt ra và rơi tòm xuống sông.

"Thật là khổ cho tôi!" Cảnh than thở. "Vợ chồng tôi sẽ sinh sống ra sao? Không có chiếc búa, chúng tôi sẽ chết đói!" Chàng tiếp tục rên rỉ, tiếc cho sự mất của, không nguôi.

Đột nhiên, từ dưới sông trồi lên cái đầu một ông lão râu bạc, ngay trước mặt Cảnh.

"Ê, chừng nào mầy mới thôi quấy rầy giấc ngủ của tao với những lời than thở lải nhải, hồ thảng kia?" Ông lão nghiêm khắc cất tiếng hỏi Cảnh.

"Ồ, xin lỗi ông, tôi không khi nào có ý định làm phiền ông!" anh tiều phu vội vàng thốt lời. Trong trí anh nghĩ có lẽ đây là Long Vương dưới dạng thường nhân nên tiếp tục phân trần: "Tôi vừa vô ý đánh rơi chiếc búa xuống sông. Không biết vợ chồng tôi sẽ sinh sống bằng cách nào?"

"Hãy chờ ta giây phút", ông già bảo. Ông lặn xuống sông và trồi lên sau đó với một cây búa bằng vàng sáng ngời chói mắt.

"Phải cái này không?" ông hỏi Cảnh.

"Không" chàng tiều phu lắc đầu đáp. "Búa của tôi rất tầm thường, luỡi bằng sắt với cán cây".

"Hử... để tao trở lại xem. Chờ đó!" ông già lăm bắm với giọng nói có phần thiện cảm. Ông lại biến mất và lại trồi lên sau đó với 1 chiếc búa bằng bạc.

"Không, vẫn không phải búa của tôi" Cảnh thốt lên với giọng sầu khổ.

Long vương lặn xuống sông lần thứ ba và gió cao chiếc búa sắt của anh tiều phu.

"Vạn tạ Ngài!" Cảnh vừa nói vừa vãi sáu tôi gạo. "Với lòng tốt của Ngài, Ngài vừa cứu hai kẻ khốn khổ thoát cảnh chết đói. Cầu xin Phật trời ban phúc cho Ngài!"

"Lòng thành thật và sự kính lão của người khiến ta hài lòng. Bởi thế, ta cho người luôn hai chiếc riu vàng và bạc. Ở dưới nước, chúng sẽ trở thành vô dụng, có thể chúng sẽ giúp ích cho người." Trước khi Cảnh thốt lời cảm ơn, ông lão đã biến mất.

Nhờ phần thưởng của Long vương, vì ông lão râu bạc không ai khác hơn Ngài, tất cả âu lo của Cảnh đều biến mất. Anh bán 2 chiếc búa vàng và bạc, cất nhà, tậu ruộng và còn dư tiền để sinh sống. Nhưng vợ chồng anh vẫn không thay đổi: cả hai đều siêng năng, cần mẫn và khiêm tốn. Sự giàu có bất ngờ của Cảnh, trái lại, khiến cho người láng giềng ganh ghét, hằn túc tối không lúc nào được an nhiên. Khi biết nguyên nhân sự giàu có của Cảnh, hằn quyết định bắt chuốc. Hằn xách búa ra bờ sông Hồng, liệng búa xuống sông và la lớn: "Thật khổ cho tôi, dòng sông khốn nạn này đã cướp mất tài sản duy nhất của tôi!"

Lần này ông lão râu bạc lại trồi lên từ dưới nước. "Ê, chừng nào mầy mới im, không quấy rầy giấc ngủ của tao?" ông quát hỏi.

"Tại sao ông lại hỏi ngu ngốc vậy?" Người láng giềng tham lam hỏi vặn lại.

"Dòng sông của ông đã cướp mất cây búa, vật duy nhất của tôi. Nếu ông không trả búa lại cho tôi, tôi sẽ chết đói!"

"Chờ ta giây lát!" ông già nghiêm khắc bảo. Ông lặn xuống nước, để trồi lên liền với 1 cây búa bằng vàng.

"Phải cái này không?" ông hỏi bằng một giọng rần rôi.

"Đứng, đứng rồi, búa này của tôi! Hãy trả nó lại cho tôi, mau lên!" anh bảo ông lão.

Nhưng khi hằn chìa bàn tay tham lam hưởng về chiếc búa, Long vương chớp cánh tay hằn và kéo theo Ngài xuống lòng sông sâu.

Từ dạo đó, không ai còn nghe nói đến người láng giềng tật đố ấy nữa.

● Thanh Bình

## RỒNG 2000



Trở ngược về quá khứ, cách đây 1000 năm, tức là vào cuối năm 999 loài người lúc đó sống như thế nào? Họ có lo âu, bàn tán hoặc tiên đoán quả địa cầu ra

sao khi bước qua 1 năm mới, năm 1000 và thế kỷ mới, tức là thế kỷ thứ 11.

Tôi chắc chắn một điều là ngày xưa, loài người chưa biết nhiều về khoa học, chưa biết khai thác các tài nguyên trong lòng trái đất, chưa biết sử dụng bom nguyên tử, hơi độc để tàn sát lúc chiến tranh. Con người lúc đó cũng chưa có khả năng chế tạo máy điện toán hoặc xây dựng các cao ốc hàng mấy trăm tầng. Rồi 1000 năm sau, con người trên quả địa cầu này tiến bộ vượt bực. Các phi thuyền của các cường quốc đang tìm đất mới trên các hành tinh khác. Dưới lòng đất các hầm mỏ dầu, kim loại được khai thác triệt để. Chiến tranh cũng tàn khốc theo mức độ văn minh của loài người.

Nhưng con người quên rằng khoa học càng tiến bộ thì ắt có ngày tất cả sẽ trở về con số không. Đó là mối ưu tư hiện nay của hơn 6 tỷ người hiện diện trên quả địa cầu này.

Lúc tôi còn nhỏ, tức là sau trận đại chiến thứ hai. Quê hương tôi tiêu điều, nhà tôi bị cháy đến 3 lần. Đến lần thứ tư ba má tôi không có khả năng để cất nhà mà chỉ che một cái chòi để cho gia đình tôi sống tạm. Hàng xóm, láng giềng cũng chung hoàn cảnh. Thịnh thoàng các ông bà bạn của ba má tôi tối chơi, mỗi lần kể chuyện đau thương trong thời chạy giặc, họ cũng hay nói đến tương lai, tức là năm 2000 rất là đơn giản. Như là:

- Năm 2000 chắc trời sập không sống nổi đâu.

Hoặc là

- Nghèo quá, tôi cũng mong trời sập chết phứt cho rồi.

Có người với giọng nói rất thâm tình:

- Còn tôi, sống chết gì tôi cũng không lo, chỉ sợ có người sống, kẻ chết hoặc chết rồi mà không gặp lại bà con hàng xóm thì buồn lắm.

Đó là tình cảm của những người quê mùa, họ nghĩ rất đơn giản.

Còn tôi, mỗi lần nghe như vậy thì hay chạy ra phía hông nền nhà có một cái mường đào rất sâu. Tôi tưởng tượng, nếu ông trời có sập tôi sẽ nhày xuống mường để núp. Cũng từ lúc đó tôi còn nghe câu chuyện, bà chúa Nữ Hoa đội đá vá trời. Tôi nghĩ chắc bà này là một bà tiên có cánh bay và bà có nhiệm vụ kiểm soát ông trời có chỗ nào bị rách hoặc lủng lỗ thì bà đội đá tôi đó vá lại.

Đó là tư tưởng của những người sống ở thôn dã, cũng như tôi thuở đó là một cô bé nhà quê. Không ngờ mỗi đó mà như một giấc mơ trải dài hàng nửa thế kỷ, và thực tế chúng ta sẽ nhìn tận mắt ngày 1-1-2000 (dương lịch) hoặc phải chờ đến ngày 5-2-2000 (Tết âm lịch).

Năm 2000 là năm con Rồng, con Rồng đứng vào hàng thứ 5 của 12 con vật. Cũng có điều hơi khó hiểu là 11 con vật kia (con chuột, con trâu, con cạp, con mèo, con rắn, con ngựa, con dê, con khỉ, con gà, con chó và con heo) đều là con vật có hình dạng. Có con là gia súc cũng

có con là lâm súc. Chỉ có con rồng dưới cặp mắt người Á Châu là con vật tượng tượng như một linh vật được tôn vinh, chủ không còn di tích hoặc xương cốt để lại trong khoa cổ sinh vật như rồng khủng long của phương Tây, thuộc giống bò sát khổng lồ của thời tiền sử.

Con Rồng còn tượng trưng cho uy quyền của các bậc Đại vương, của các vị vua chúa. Ở các đền đài dinh thự, đình, chùa hay những nơi trang nghiêm, lối kiến trúc đều có chạm trổ hình rồng. Trên các trụ cột hình rồng bay và các tường vách hình rồng nằm.

Người Việt Nam chúng ta cũng thường hay đặt tên con theo năm sinh của đứa bé. Thí dụ người tên Dần, tên Mẹo, tên Thìn hay Long v.v... thì chắc chắn những vị này sinh năm con Cọp, con Mèo, con Rồng...

Con Rồng còn lưu truyền tới ngày nay qua các lễ cưới hỏi. Cặp đèn cầy trong ngày lễ cưới, một cây có hình con rồng tượng trưng cho chú rể còn cây kia hình con phụng tượng trưng cho cô dâu. Ngay cả áo quần của cô dâu chú rể cũng có thêu hình con rồng, con phụng.

Nhắc đến con Rồng (chủ nho là Long) tôi nhớ ra một chuyện vui. Ở gần nhà tôi có hai anh A và B, trong lúc trà dư tửu hậu lại chơi trò thi đối đáp với nhau.

Anh A hỏi anh B :

- Mày có biết năm nay là năm con gì không?

Anh B không cần suy nghĩ :

- Là năm Canh Thìn, con Rồng ai mà không biết.

Anh A cười, gật đầu.

- Đúng, nhưng anh có biết con Rồng còn tượng trưng cho cái gì không?

Anh B suy nghĩ mãi không ra, chịu phép :

- Tao không biết, mày nói thử nghe chơi.

Anh A lên giọng :

- Dốt đi là dốt. Con Rồng tức là Long, là tượng trưng cho vua. Cái gì của ông vua cũng đều có ... Long hết. Thí dụ ông vua ề mình, se da thì quan cận thần quý xuống tâu : "Bệ hạ, hôm nay đường như Long thể bất an" hoặc "Long nhan có điều chi phiền muộn" xin cho kẻ hạ thần này biết.

Anh B phục anh A sát đất. Anh A còn làm ra vẻ siêu đẳng :

- Thí dụ như áo của nhà vua người ta gọi là gì mày biết không? ... là Long bào đó. Còn giũồng ngũ của ông vua người ta gọi là Long sàng.

Anh B còn thắc mắc, hỏi :

- Vậy cái vòng vua năm gọi là gì?

- Ừ thì ... Long vễnh!

Anh B cười ngắt ...

Vài chuyện vui năm con Rồng vừa kể để quý vị thường làm trong dịp Xuân về. Và cũng kể từ số VG.111 BTV Huy Giang đã đảm trách trang Hoa Phượng và thay viết "Lời tựa" cho Hồng Nhiên. Xin cảm ơn quý vị trong thời gian qua đã giúp đỡ và khuyến khích.

● Hồng Nhiên

## Bài học ngàn vàng được gọi lại

(Tiếp theo VG 113)

● Hồng Nhiên sưu tầm

Đại Tướng Hoàng Cái về mặt giận dữ tiến thẳng vào hậu cung, sau khi ở pháp trường trở về. Vị đại thần này muốn biết lý do vì sao vua đã truyền lệnh hoãn việc xử trảm Thạnh Bào.

Vua biết Hoàng Cái đang bực tức mình, nên cố làm ra vẻ vồn vã :

- Đại thần hãy vào đây uống với trẫm một ly rượu, rồi trẫm sẽ giải thích vì sao trẫm đã truyền tha tội chết cho Thạnh Bào.

Quan Đại thần bất chấp cả nghi lễ, tấn công ngay :

- Thần không thể ngồi uống rượu được, trong khi thẳng giặc nguy hiểm nhất của triều đình đang còn sống. Tại sao Hoàng Thượng lại muốn nuôi ong tay áo một lần nữa. Hoàng Thượng tin cậy cha nó, để đến nỗi suýt bị nguy đến tánh mạng. Thời may vận nước chưa đến nỗi suy tàn, nên âm mưu lật đổ ngai vàng mà cha nó bị khám phá kịp thời. Nhưng Hoàng Thượng nhớ có mà không trừ tận gốc, nên để cho thẳng con là Thạnh Bào đem quân về làm loạn, ngai vàng bị lật đổ, thần dân bị điêu linh, khổ sở. Nay tội trạng của nó đã dành rành, Hoàng Thượng lại tỏ ra khoan dung độ lượng với nó, làm cho tất cả triều đình đều vô cùng phẫn uất và nhất là lo sợ cho hậu hoạn còn đó.

Vua ngồi lắng nghe, không tỏ vẻ bực tức vì những câu trách móc ấy. Ngài ngập ngừng một hồi lâu, trước khi cất tiếng với một vẻ mặt buồn buồn.

- Trẫm xin chịu lỗi với khanh về những việc làm của trẫm. Những lời khanh nói, trẫm không chối cãi. Tuy thế, khanh chưa hiểu rõ tất cả nguồn cơn sự việc, nên khanh đã trách trẫm; nếu khanh hiểu rõ mọi việc từ đầu, chắc khanh sẽ có một nhận định khác. Từ lâu, trẫm chôn sâu câu chuyện này tận đáy lòng, nhưng không ngờ sáng hôm nay thẳng Thạnh Bào nhắc lại, làm trẫm vô cùng hối hận và tình ngộ.

Câu chuyện này, khanh là người đầu tiên được biết, là vì trẫm xem khanh như người thân tín nhất của trẫm...

Hoàng Cái dần dần bị lời kéo vì những lời nói có vẻ bí mật của vua, đã đổi sắc mặt, không còn bực tức như lúc đầu, Đại tướng chăm chú lắng nghe vua mở đầu câu chuyện :

- Chắc khanh chưa quên câu chuyện ông già bán bài học mà trẫm đã mua với giá một ngàn lạng vàng. Sau khi mở bài học ra xem, trẫm nghĩ rằng trẫm đã bị lừa, nên trẫm vô cùng tức giận...

Hoàng Cái tỏ mò hỏi :

- Thần có thể biết được nội dung bài học nói gì không ?

- Không có gì lạ, chỉ vòn vẹn có một câu :

"Phàm làm việc gì, trước phải xét kỹ đến hậu quả của nó." Trẫm tức giận ông già quá, nhưng không dám bộc lộ ra sự thật cho mọi người biết, vì sợ bị chê cười. Trẫm đã phao đồn ra là bài học rất quý giá và mọi người tin thật. Nhưng một mặt khác, trẫm mật truyền cho quan Đề Đốc Thanh Phong phải đi bắt cho được ông già. Nhưng quan Đề Đốc tìm không được. Trẫm một phần vì tức giận, một phần vì sợ để quan Đề Đốc sống thì sự thật về bài học sẽ bị lộ, nên loan tin rằng quan Đề Đốc đã âm mưu lật đổ ngai vàng. Quan Đề Đốc bị xử tử bằng độc dược và chết trong ngục thất.

Thạnh Bào không thể tin được rằng : cha mình đã âm mưu giết vua, vì hôn ai cả, Thạnh Bào biết quan Đề Đốc là một trung thần được trẫm vô cùng tin cậy. Nóng lòng vì cha bị giết mà không rõ nguyên nhân, nó đã đem quân về triều làm loạn. Có điều quan trọng mà hôm nay nó mới tiết lộ cho trẫm biết là : sau khi nó vào hoàng cung, nó mở cái tủ cấm thạch mà trẫm đựng châu báu, ngọc vàng, nó không thấy gì cả ngoài cái túi có bài học ngàn vàng của ông lão. Nó đọc xong rồi bực tức xé mảnh giấy đi. Nó nghĩ đó là một câu nói nhảm. Nhưng chính hôm nay, tại pháp trường, trước khi bị xử trảm, lời nói cuối cùng của nó là rất ân hận : không nghe theo bài học. Nếu từ khi vào cung mà nó làm theo bài học, thì nó vẫn có thể hưởng đến một hậu quả tốt đẹp, chủ không phải bị xử trảm tại pháp trường. Trẫm có hỏi nó : "Nếu khanh nghe theo bài học thì khanh sẽ làm gì?" Nó trả lời : "Thần sẽ chống lại quân của nước Quý Lâm do Tùng Sơn chỉ huy và trả ngai vàng cho Hoàng Thượng." Trẫm lại hỏi : "Tại sao khanh không làm như vậy?" Nó bảo : "Vì thần thấy khó mà đoán trúng hậu quả; và lại trong khi đang có quyền lực trong tay, thần nghĩ rằng mình có thể thay đổi hậu quả theo mình muốn." Nghe Thạnh Bào trả lời trẫm giật mình, vì trẫm cũng đã nghĩ như vậy, khi mở bài học ra xem lần đầu tiên. Trẫm đã ruộng bỏ bài học của ông già nên trẫm đã mất ngôi vua và suýt mất luôn cả tánh mạng. Và chính trẫm là người đã gây nên tội đối với cha con Đề Đốc Thanh Phong. Vì nghĩ như vậy, trẫm đã truyền tha tội chết cho Thạnh Bào.

Quan Đại thần Hoàng Cái nghe xong ngồi trầm ngâm suy nghĩ, nỗi bực tức lúc đầu tan biến dần dần.

Hoàng Cái và vua Đột Quyết ngồi nhìn nhau, không ai nói với ai một lời, nhưng đây là một sự im lặng đầy suy tư, rất cần thiết. Hồi lâu vua cất tiếng hỏi :

- Theo ý Đại thần, thì Đại thần có nghĩ nên tha tội chết cho Thạnh Bào chăng?



- Tâu Hoàng Thượng, nếu quả thực sự việc đã xảy ra như vậy thì không những nên tha chết cho Thạnh Bào mà còn tạo cơ hội cho nó đóai công chuộc tội nữa. Nhưng dù sao đó cũng là công việc nhỏ. Thần nghĩ đến một vấn đề quan trọng hơn là bài học này hay lắm. Nếu Hoàng Thượng và Thạnh Bào biết áp dụng thì chẳng những không có những tai hại lớn lao vừa xảy ra mà còn đem lại sự lợi ích cho quốc gia dân tộc và cả nhân của Hoàng Thượng, của Thạnh Bào vô cùng tận. Vậy ngay bây giờ phải làm thế nào đem bài học quý báu của ông già ra áp dụng...

Vua Đột Quyết bỗng sực nhớ vội cất ngang câu nói của Hoàng Cái :

- Câu nói của Đại thần nhắc cho trẫm nhớ lời dạy của ông lão là **"phải áp dụng bài học mỗi rõ giá trị chớ thật của nó."** Nhưng làm thế nào để áp dụng bài học này một cách triệt để?

- Tâu, nếu thật tình Hoàng Thượng muốn áp dụng một cách triệt để, thì trước tiên phải làm sao luôn luôn nhớ đến bài học ấy.

- Một câu ngắn ngủi như vậy, có khó gì đâu mà không nhớ?

- Tâu, vì ngắn ngủi, vắn tắt và đơn giản nên chúng ta coi thường. Thần nghĩ có cách hay nhất để bài học luôn luôn hiện diện trước mắt mọi người là nên ghi khắc nó khắp nơi trên mọi vật dụng.

Mắt vua Đột Quyết bỗng sáng lên vì ngài nhận thấy sáng kiến của Hoàng Cái rất hay. Ngài nói có vẻ mừng rỡ :

- Đó là một ý kiến rất quý báu. Trẫm phải truyền lệnh thực hành ngay trong hoàng cung này.

Thế là vua truyền lệnh cho quan nội giám tìm các nhà giáo viết chữ thật đẹp, để viết bằng đủ các loại chữ từ cỡ lớn đến nhỏ, và tuyền mộ các nhà điêu khắc, các thợ mộc, thợ nề, thợ vẽ, thợ sơn, thợ chạm để tùy theo vị trí, địa điểm, nhà cửa, phòng the, vật dụng mà ghi khắc, chạm trổ bài học của ông già vào.

Thợ thầy, lính tráng trong cung nỗ lực làm việc sau một tháng mới xong.

Để đánh dấu ngày phát động phong trào áp dụng bài học và gây xúc động tâm lý trong triều đình và cung điện, vua truyền tổ chức đại lễ để tạ ơn trời đất thánh thần đã xui khiến cho ông già đem bán bài học cho vua.

Trong buổi lễ có sự tham dự của toàn thể bá quan văn võ, vua Đột Quyết, trong bộ lễ phục đại triều, đã quỳ lạy một cách vô cùng thành kính trước hương án, để ăn năn sám hối tội lỗi của mình từ trước đã suýt làm cho nước mất nhà tan, cơ đồ sụp đổ. Sau đó, vua xây mặt xuống phía bá quan văn võ, từng thuật tất cả sự thật về bài học của ông già, mà từ trước đến nay vua đã che giấu. Cũng trong dịp này, vua tuyên bố ân xá cho Thạnh Bào và cho trở về làm dân già. Cuối cùng, vua long trọng phát nguyện tuân theo bài học của ông già và khuyên bá quan văn

võ nên bắt chước theo ngài mà áp dụng. Buổi lễ chấm dứt sau sự trình bày các loại vật dụng trong hoàng cung có ghi khắc bài học ngàn vàng.

Muốn biết giá trị của "Bài học ngàn vàng" ra sao? Mời quý độc giả theo dõi trong Viên Giác kỳ sau.

(Trích "Quyển bài học ngàn vàng" của Hòa Thượng Thích Thiện Hoa.)



**GIA ĐÌNH  
PHẬT TỬ**

● HTTT. Thiên Căn Phạm Hồng Sáu

**C**ác em Đoàn Sinh thân ái,

Trái đất vẫn quay, dòng thời gian cứ mãi đi tới. Khi các em cầm tờ báo Viên Giác này lên đọc là đã bước vào năm 2000. Nhìn vào quầng thời gian hai thiên niên kỷ đã đi qua để nhớ về một quê hương Việt Nam yêu dấu. Nơi đã có một quá khứ lẫy lừng nhưng không tránh khỏi những thăng trầm và đau thương trong đó. "Một nghìn năm bị đô hộ giặc Tàu. Một trăm năm bị đô hộ giặc Tây (Pháp). Ba mươi năm nội chiến từng ngày..." Xương máu của Tổ tiên, Cha ông đã đổ nhiều trong việc đấu tranh để khai sơn, dựng nước, hoàn thành một dãy đất hình cong chữ S nằm dọc theo biển Thái Bình mãi cho đến ngày hôm nay.

Sau 30 năm nội chiến đó. Cầu Hiền Lương bắt ngang qua sông Bến Hải chia cách đôi miền đã được nối lại. Nam-Bắc Việt Nam thống nhất một nhà. Những tưởng thanh bình và tự do trên quê hương sẽ được ngồi sáng. Nhưng kể từ 30.4.75 đạo ấy đến nay đã trên 24 năm qua rồi mà thảm họa củ xáy đến triền miên bởi những người còn khát khao theo đòi chủ nghĩa Cộng Sản kế nhau ngự trị, khiến nước mất mẹ Việt Nam vẫn phải chảy dài. Khó cho những đứa con đã vùi thân nơi biển cả hay núi rừng trong những chuyến hành trình đầy gian nan nguy hiểm để đi tìm tự do; những đứa con rũi sa cơ, bị tù đầy, lao động công lưng hay gục ngã trong cái tạo; những đứa con muốn có nhân quyền cho dân tộc đứng ra đấu tranh thì bị quản thúc, cấm không được sinh hoạt hội, đoàn, làm ăn hay có chỗ ở yên thân cố định. Niềm tin và Tôn giáo bị bãi bỏ, bức bách giải tán dần, để độc tôn còn toàn quyền lãnh đạo của đảng. Khiến đất nước sau chiến tranh lâm nghèo mà dân tình lại càng có cực thêm. Túi thay thế giới đã đẩy mình vào hàng các quốc gia nghèo nhất.

Các em ở Đức hẳn các em đã rõ. Sau thế chiến thứ II, nước Đức cũng bị bom đạn tàn phá, điêu tàn và tang hoang cả nước. Họ cũng đã bị chia cắt đôi miền

như đất nước của chúng ta, kể từ năm 1949. Miền Đông theo chế độ Cộng Sản. Miền Tây theo chế độ Tự Do. Khoảng 10 năm sau miền Tây Đức đã phát triển và trở nên giàu mạnh. Còn 45 năm sau khi bức tường ô nhục Bá Linh (Berlin) bị sụp đổ (9.11.89) người ta mới thấy được sự nghèo nàn và lạc hậu ở phần đất bên Đông. Cũng như một Liên Xô thành trì của chế độ Cộng Sản người ta đã huênh hoang tuyên truyền rằng một nước mẫu, văn minh và giàu mạnh; nhưng khi chế độ tàn ròi (tháng 8.91) thì lòi ra cả sự sụp đổ sụp nghèo nàn.

Mùa Xuân năm đó (Mậu Thân 1789), Quang Trung Nguyễn Huệ kéo quân về để chiếm lại thành Thăng Long, áo ngự nhuộm đen mùi khói súng. Đuổi quân Thanh ra khỏi bờ cõi. Ăn một cái Tết vui mừng và quang vinh của dân tộc.

Quang Trung không những có cái Dũng mà còn có cái Trí và cái Bi trong đó nữa. Bởi ngoài cái vũ dũng ra, Vua Quang Trung còn là một người độ lượng, am hiểu việc nước, quý trọng kẻ hiền tài và có tinh thần canh tân lại nền văn hóa, chính trị cũng như xã hội của nước ta, làm cho đất nước Việt Nam lúc bấy giờ đi vào thời kỳ phồn thịnh.

- Cái Dũng là lối hành quân tốc chiến, tốc thắng, biến hóa như thần, oai phong dũng võ của Ngài.

- Cái Trí là lúc gặp biến, khó khăn, Ngài đã nghĩ ra nhiều mưu lạ, tỏ ra Ngài có một bộ óc thông minh lỗi lạc khác thường.

- Cái Bi là sau khi đánh đuổi được quân Thanh ra khỏi bờ cõi rồi, Ngài nghĩ tới hậu quả của nó, nên Ngài đã nói với quần thần rằng: "*Quân Thanh khi đã thua trận rồi, tất chúng lấy làm xấu hổ, lại mưu báo thù. Như thế thì cứ đánh nhau mãi không thôi, dân ta sẽ bị hại nhiều, ta đâu nỡ thế...."* Cho nên, một mặt Ngài sai sứ sang Tàu cầu hòa, một mặt lo canh tân việc nước, củng cố quân sự và giám thuế khóa để dân lành đỡ khổ. (Tham khảo lịch sử Việt Nam).

Sở dĩ những dẫn chứng trên, để cho người Phật Tử chúng ta và các em thấy rằng, cái châm ngôn BI, TRÍ, DŨNG của GDPTVN chúng ta, nó có một ý nghĩa thâm thúy, quan trọng và cần thiết; nó phải đi liền với nhau trong con người, mới có kết quả viên mãn được. Chúng ta không mong ước để trở thành Thánh nhân hay Hiền nhân như lịch sử đã ghi, nhưng khi chúng ta phát triển được tinh thần đó sẽ làm cho chính mình, cho xã hội và cho cả thế hệ mai sau trở thành tươi sáng. Cũng như đạo Phật và GDPT chúng ta không làm chính trị để mưu cầu lãnh đạo quốc dân, không mưu cầu được quan liêu chức tước, lợi lộc cá nhân mà sự tranh đấu ấy chỉ để đòi lại sự công bằng, bác ái, tự do cho dân tộc và cho đạo mình mà thôi. Do đó GDPTVN đã gần bó, chia sẻ và cùng chung gánh nhận bao nỗi thăng trầm, vinh nhục của

Dân Tộc và Đạo Pháp trong hơn nửa thế kỷ qua là vậy.

Nhắc đến vị anh hùng Quang Trung và để đền đáp công ơn Người, nên hằng năm vào ngày mùng 5 Tết, dân ta làm lễ kỷ niệm "chiến thắng Đống Đa" để ghi nhớ một chiến công lừng lẫy của Ngài và của quân dân ta trong sứ mệnh cứu nước và giữ nước. Chúng ta cũng mong ước những người lãnh đạo quốc dân trên thế giới hôm nay nói chung và cho Việt Nam nói riêng cũng được như thế. Để cho mọi nơi sống trong thanh bình, máu xương và oán thù không còn chôn cất nữa. Quê hương thấm đượm tình người.

Mùa Xuân quê hương đã đến, năm Con Rồng trở về. Trong bối cảnh nơi quê người, đất khách. Các em là những Đoàn Sinh thuộc GDPTVN/ĐQ, trong niềm vui tuổi trẻ mang dòng máu Việt và tinh thần Đạo Pháp; dưới ánh Đạo Vàng hãy chấp tay nguyện cầu cho thế giới hòa bình và chúng sanh an lạc.

Sau đây theo dõi tinh thần tu học của các em, tôi sẽ lần lượt dẫn dắt các em đi vào chữ "Nhân" mà Hòa Thượng Thích Nhật Long (cũng pháp hiệu RỒNG trong năm Rồng) hiện trụ trì chùa Vĩnh Tràng ở quê nhà đã giảng giải, để các em hiểu ý nghĩa của nó, hầu mong thực thi cho mình trong mai hậu. Và con cũng xin Hòa Thượng cho phép lược lại phần giải Việt ngữ mà thôi. Còn phần Hán ngữ mà Hòa Thượng đã dày công sao cứu xin cho qua, và đổi thay một số câu hay văn tự hợp thời để các em dễ hiểu. Kính bạch. Đa tạ.

### Thứ 1. Lược sử di tích chùa Vĩnh Tràng

Tọa lạc ở xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho. Chùa có từ đầu thế kỷ thứ 19, do ông Bùi Công Đạt xây dựng. Đến năm Kỷ Dậu (1849), Hòa Thượng Huệ Đăng đứng ra xây dựng thành ngôi Đại Tự với tên VĨNH TRĂNG.

Đến năm 1907, Hòa Thượng Chánh Hậu tôn tạo lại. Mặt tiền, chánh điện và nhà Tổ được xây dựng lại, trang trí theo kiểu mới, pha hòa cả nét kiến trúc Á-Âu.

Ở chánh điện có nhiều pho tượng và bao lam được chạm trổ công phu. Đặc biệt là bộ Thập Bát La-Hán là những tác phẩm chạm khắc gỗ độc đáo của các nghệ nhân ở Nam Bộ vào những năm đầu thế kỷ 20.

Chùa hiện đặt văn phòng Ban Trị Sự Phật Giáo tỉnh Tiền Giang, Trường Trung Học Phật Học tỉnh Tiền Giang. Đây là ngôi chùa cổ danh tiếng bậc nhất ở Nam Bộ.



Chùa Vĩnh Tràng

### Thứ II . Nhân

Như mây trắng nhẹ nhàng, trời trong xanh, gió nhẹ đưa, dòng nước gợn trong veo. Trăng mùa thu, gió nhẹ, Xuân về. Nhân như hoa xuân nở, như én trời bay, như bướm trường gió, như cá ngớp trời.

*Lúc nào mây cũng nhẹ  
Tia vàng phủ trên không  
Bình minh Thái dương hồng  
Chậu hoa vàng đơm bông  
Trái nắng pha sương hồng..*

#### Nhân chi nhứt tự vạn hạnh vi tiên.

Có nghĩa: *Chỉ có một chữ Nhân mà đứng đầu cả muôn hạnh.*

Trên đường đi: đường đi thì doi vịnh, sóng gió; đường mòn thì cong queo, gồ ghề, gai góc; đường cái thì xe cộ nguy hiểm, người đi đường phải kiên nhẫn, thận trọng mới đi hết quãng đường, nóng tánh không sao khỏi vấp ngã, vấp và nhiều phen, nhiều khi ngã quỵ giữa đường.

Mỗi lần giận giận hơn thua, thấy mình mạnh thì cứ la ó đánh mắng, đến khi còn nguội xét lại, tuy mình phải nhưng còn giận quá trợn mắt cả lẽ phải; những cơn phẫn nộ thấy mình yếu thế nên cố nén giận mà nhịn, là vị sợ không dám chống lại, nhờ nhịn được mà bớt tai hại.

Còn nóng giận ý mình thế mạnh đánh mắng người ta là gây căm thù, nếu có cơ hội là bị trả đũa ngay; khi hơn thua biết thế yếu, tuy mình thế yếu mà không dẫn được cứ nói thẳng cho hà giận là bị trả đũa ngay, hoặc bị tù đày, hoặc bị chết.

Cam chịu nhục mà nhẫn, dầu mình mạnh thế hơn kẻ yếu, nhưng đối phương

Tôi thấy nhân tình càng ngày càng xáo trộn đổ vỡ, từ trong gia đình rồi tới xóm giềng ra đến quốc gia xã hội vì không nhẫn được mà gây ra nhiều tai hại ghê gớm.

Đạy nhẫn hòa thì xưa nay sách vở biết bao nhiêu đã dạy như: Chuyện Hàn Tín lòn tròn, truyện Tấm Cám, Lâm Sanh Xuân Nướng, Trần Minh khổ chuối, chuyện Thị Kính v.v... Nhưng có thấm vào đâu, nay tôi có giảng cũng bằng thừa, có viết ra như bóng trúc quét sân, những giờ yên tĩnh tu hành, lấy giấy bút làm vui, thì tôi cũng viết ra và thành tâm kính khuyến người đời nên để tâm vào những sách vở có dạy chữ Nhân.

Lời Phu-Tử nói: *Bá hạnh nhân chi vi thượng*. Nghĩa là: Trăm hạnh nhân là hơn hết.

Người đời nhẫn mà nên danh phận, người tu hành nhờ nhẫn mà thành công đắc quả vậy.

#### (Lời phi lộ của Hòa Thượng Nhật Long)

Đầu tiên ta xem đoạn văn của đức Phu Tử dạy Tử Trường. Tử Trường muốn đi xa, đến tạ tử Phu Tử xin Ngài dạy lời cần yếu tu thân.

Phu Tử dạy rằng: Trăm hạnh nhân là hơn hết.

Tử Trường hỏi: Thế nào là nhân ?

Phu Tử trả lời: Thiên Tử mà nhẫn, nước không hại; Chư hầu mà nhẫn, nên việc lớn; Quan lại mà nhẫn, lên chức vị; Vợ chồng mà nhẫn, tình chung thủy; Anh em mà nhẫn, là giàu sang; Bằng hữu mà nhẫn danh không hư; Tự thân mà nhẫn không họa hoạn.

Tử Trường hỏi: Không nhẫn thì thế nào?

Phu Tử trả lời: Thiên Tử không nhẫn, nước tiêu hủ; Chư hầu không nhẫn mất thừa mạng; Quan lại không nhẫn bị hình phạt; Vợ chồng không nhẫn tình ý xa; Anh em không nhẫn chia lìa nhau; Tự thân không nhẫn họa khó trừ.

Tử Trường nói: Lành thay: khó nhẫn, lành thay: khó nhẫn, không nhẫn không phải người, không phải người không nhẫn được.

Đoạn này trong sách Minh Tâm viết tiếp: nhẫn nhẫn nhẫn tất cả ác duyên do đây dứt; nhường nhường nhường muôn tai ngàn họa thảy đều tiêu, thói thói thói trong đời công danh chẳng tự do.

Xem đoạn văn trên ta thấy: Đức Phu Tử dạy về chữ NHÂN rất thâm thúy, chỉ có một chữ mà làm được, thì từ nói tự thân đến dạy nhà, trị nước bình thiên hạ.

Thông thường người ta gọi nhẫn nhục. Lẽ tất nhiên nhẫn phải chịu nhục, như Hàn Tín chẳng hạn. Đứng về mặt đức hạnh mà luận thì Nhân là hạnh của

ngu si bùng tức ngay lên, là mình nhịn ngay, như vậy bị khinh chê là đại, nhưng cố nhẫn nhục, kẻ thông thường khinh chê, mà người quân tử, hiền thánh khen là hay.

Trăm kinh ngàn sách đều ca ngợi chữ nhẫn là quý báu hơn vàng. Người muốn nên danh phận đầu, phải học lấy chữ nhẫn, người tu lại cần cù học nhẫn.



hiền nhân quân tử. "Quân tử tánh như thủy năng phướng năng viên ủy khúc tùy hình, ủng chi khả dĩ tại sơn, kích chi khả dĩ quá tàng". Nghĩa: Quân tử tánh như nước, hay chịu uốn theo vuông tròn theo sông cong ngay, ngăn đó vẫn ở trên núi cao, tác đó hay vượt qua trán.

Nhẫn nhục là kèm chế vọng tâm dứt trừ tham, sân, si ngã mạn. Lại nhẫn là mềm mại (như nhục) như "Thiệt nhu thường tồn, sĩ cang tác chiết": Lưỡi mềm thường còn, răng cứng ắt gãy. Nhưng không phải nhẫn nhục là hèn hạ, thất bại bởi "Nhu thắng cương nhưộc thắng cường": mềm mỏng thắng cương cường.

**Về chữ "Nhẫn" trong đạo Phật**

Nhẫn là phương pháp đệ nhất cho thế gian và xuất thế gian. Nhờ tu nhẫn mà người tại gia làm nên sự nghiệp, gia đình yên vui, quốc gia thịnh trị. Người xuất gia tu nhẫn mà thành công đắc quả.

Nhẫn là nhẫn nhục, tiếng Phạn gọi là Sân-Đề ba mật, nghĩa là: nhẫn nhục đến bỏ giải thoát. Và nhẫn có ba hạnh:

**A.-Nại oán hại nhẫn:** Là cam chịu kẻ oán hại, kẻ oán ghét hại, ta chỉ tránh né, không được thì cam chịu, vui chịu không trả thù, vì xét kẻ oán hại ta ắt có oan gia đời trước, nên nay cam chịu vui trả.

Cũng ví như trâu cày ruộng phải cày cho thửa ruộng mà lại không chịu cày, vắn nài bẻ ách, rồi thì chủ cũng làm cái ách khác chắc hơn, phải cày cho xong thửa ruộng.

Nhẫn chịu cho nghiệp trước hết, lạiặng thêm tuổi thọ cho hiện tại, nhẫn lo tròn cả bốn phận hiếu, trung, nhân, lễ, nghĩa, trí, tín.

Đạo hiếu của người con sống trong gia đình êm ấm thuận hòa, con lo phụng dưỡng cha mẹ là nằm trong phạm vi hiếu đạo. Còn nghịch cảnh như ông Thuấn mà tròn hiếu đạo là do nhẫn nhục mà nên: Mẹ ghê, em khác cha ganh hại, cho đến cha là ông Cổ Tấu cũng nghe lời vợ nhỏ mà oán ghét. Ông Thuấn nhẫn nhục cho tròn hiếu đạo là "nại oán hại nhẫn".

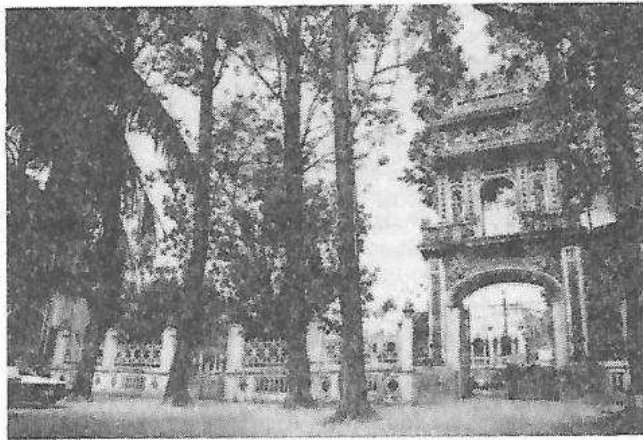
Nguyên cha ông Thuấn rất hung bạo, người đứng thời gọi là Cổ Tấu (người mù). Mẹ ông mất sớm, cha lấy vợ kế sanh con tên Tụng, vì nghe lời gièm pha của vợ nhỏ, nên Cổ Tấu không ưa ông Thuấn và định giết đi. Mẹ ghê thì oán ghét, em là Tụng thì ngạo nghễ, nhưng ông Thuấn cam chịu, chiều chuộng khổ sở, nhờ vậy mà trong nhà vẫn êm ấm, và tròn đạo hiếu. Có lần Cổ Tấu sai Thuấn leo lên lợp nóc lẫm, rồi rút thang đốt lẫm, Thuấn nhờ có nén lớn bọc gió nhảy xuống an toàn. Ở Hàm Tân có rất nhiều thú dữ, Cổ Tấu sai Thuấn đến đó lấy đất làm đồ gốm định cho thú dữ

ăn đi, nhưng Thuấn đến đó vẫn bình yên vô sự.

Đầm Lôi Trạch thường có sóng to giông lớn làm chìm ghe thuyền. Cổ Tấu sai Thuấn đến đó chài cá, ba năm liền vẫn sóng lặng gió êm. Cổ Tấu sai Thuấn đào giếng, chõ đào giếng sâu rồi lấp đất lại, để chôn Thuấn, nhưng Thuấn biết trước nên đào gạch núp rồi lên được.

Cổ Tấu sai Thuấn và Liệt Sơn cày ruộng, giao ba ngày phải xong, không xong bắt trị tội. Với thửa ruộng mênh mông không sao ba ngày xong. Thuấn vào ruộng khóc lên vì sợ mắc tội; cảm động, trời đất sai voi ra cày ruộng, chim xuống nhổ cỏ, ba ngày xong trở về phục lịnh cha.

Vua Nghiêu nghe danh hiếu liền cho vời Thuấn về cung gả hai người con gái



Cổng vào chùa Vĩnh Tràng

là Nga Hoàng và Nữ Anh, rồi được vua Nghiêu truyền ngôi. Nổi ngôi Đường Nghiêu lấy hiệu là Đường Ngu, vua Thuấn trị vì được mười tám năm chỉ ngồi đàn khúc Nam Phong mà thiên hạ âu ca lạc nghiệp.

Ông Thuấn nổi tiếng là đại hiếu, nhưng người ta quên cái hạnh năng nhẫn của ông, cái nhẫn mà bao nhiêu người ghét hại: Cha nghe lời vợ nhỏ định giết hại, em khác mẹ khinh lờn ghét hại, mẹ ghê ghét hại, cái việc đáng nhắc nhở muôn đời là sức năng nhẫn mà thành đại hiếu và hoàn toàn các hạnh tu thân tề gia trị quốc bình thiên hạ.

Ông Thuấn nhờ hiếu hạnh mà làm nên nghiệp lớn. Chớ không nghĩ đến ông Thuấn nhờ nhẫn mà nên hiếu trung và nên sự nghiệp vĩ đại.

Ông Thuấn tu nhẫn trong hoàn cảnh đó gọi là "Nại oán hại nhẫn".

**Mẫn Tử Khiên**

Tử Khiên tên là Tôn, học trò Không Tử, sanh vào thời Xuân Thu, mẹ mất sớm, người di ghê đối với ông vô cùng ác

nghiệt, nhưng ông vẫn kham chịu một lòng hiếu thuận. Mùa đông rét mướt, hai em con riêng của di ghê thì mặc áo lót bông ấm, còn Khiên bị di ghê cho mặc áo độn bông lau bên trong không ấm được. Tuy lạnh lắm, nhưng không khi nào Khiên hở môi than trách. Một hôm, cha ông đi dạo chơi, ông đi theo đẩy xe, vì lạnh quá cóng tay làm rơi tay xe, thấy thế cha ông xem kỹ, mới biết mẹ ghê ác nghiệt cho con chônng bộn áo độn bông lau để cho bị lạnh đến thế. Khi về nhà cha ông định đuổi người đàn bà ác nghiệt ấy đi, Mẫn Tử Khiên khóc nói:

- Xin cha đừng đuổi kẻ mẫu, vì người còn ở lại thì chỉ mình con chịu rét thôi, còn người đi rồi cả hai em cũng chịu rét...

Ông cha nghe theo, người kẻ mẫu cảm động củ chỉ của Khiên, nên đổi tánh thưởng Khiên nhiều hơn.

Mẫn Tử Khiên kham chịu oán ghét của mẹ ghê cho tròn đạo hiếu là nhờ "nại oán hại nhẫn" và lại cam phục được mẹ ghê ác độc.

Nhẫn mới là căn bản cho muôn pháp lành khác, trong đạo Phật dùng pháp nhẫn tu hành vừa tế độ, vừa thành công đắc quả. Xưa Phật còn tại thế, một hôm ông Buộc-Na muốn đến xứ người chưa biết đạo, để hóa độ cho họ, nên đến bạch Phật xin đi, Phật hỏi:

- Ông đến đó người ta không ưa họ mắng chửi

ông thì sao?

Buộc-Na bạch:  
- Họ vẫn tốt vì họ chưa dùng cây gậy để đập con.  
- Nhưng họ dùng cây gậy đánh đập con thì sao?

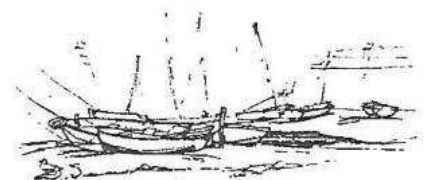
Bạch Thế Tôn:  
- Họ vẫn tốt, vì họ chưa giết hại con.  
- Như họ giết hại ông thì sao?  
Bạch Thế Tôn:  
- Họ giết hại con vẫn vui vẻ và xả bỏ xác thân ô uế này.

Phật dạy:  
- Được, vậy ông nên đến xứ đó để hóa độ họ vậy.

"Nại oán hại nhẫn" là một tâm lực đại hùng vô ngã vị tha vô thường chỉ có người ngộ được lý vô sanh mới làm trọn vẹn được.

**Các em sẽ được xem tiếp những mẩu chuyện trong các kỳ báo tới.**

● Thiện Căn



# Vọng cố hương

**T**hế kỷ thứ 20 gần 100 năm sắp trôi qua. Từ đây đến cuối năm 1999 chỉ còn lại mấy chục ngày nữa thôi. Thiên hạ bàn tán đủ điều, nào động đất, thiên tai, tận thế... Riêng tôi, một nỗi lòng bùi ngùi củ dôi trông về cố quốc, như chờ đón một tin gì đó; nhưng vẫn mãi còn xa. Vì đã gần 30 năm xa quê rồi còn gì nữa!

Khi người ta còn ở trong quê hương, sống với tình người, núi sông, cây cỏ. Người ta thường không để ý đến những điều ấy. Vì lẽ chúng ta xem chúng như một lẽ tự nhiên của cuộc đời; nhưng khi xa quê rồi, mỗi thấy nó thấm thía làm sao! Cảm giác này lấy gì để diễn tả được? Dầu viết lên thành lời, hay ca ngợi quê hương dưới bất cứ một hình thức nào đó, cũng chỉ bằng thừa. Vì quê hương đã có trọn vẹn nơi mỗi người, và chính mỗi người tự cảm nhận tình cảm quê hương như thế nào và bằng nhiều nỗi khác khác nhau, không ai giống ai cả.

Ngày xưa Hạ Tri Chương đã xa quê từ lúc còn tấm bé và lúc về lại quê hương mình thì tóc mai đã bạc. Tuy giọng nói là của người quê. Lũ trẻ con gặp lại người xưa rất lạnh lùng và chúng cười hỏi khách rằng từ đâu tới? Tôi và quý vị có lẽ cũng giống tâm sự này chăng? Mười năm có là bao! rồi hai mươi năm, ba mươi năm, bốn mươi năm, hay còn nhiều hơn thế nữa, để rồi một ngày nào đó, mình sẽ trở lại thăm quê, cũng giống như tâm sự của Hạ Tri Chương chăng?

Tôi chép lại bài thơ này bằng chữ Hán như sau:

回鄉偶詩  
少小離家老大回  
鄉音無改鬢毛崔  
兒童相見不相識  
笑問客從何處來

## Hồi hương ngẫu thi

*Thiếu tiểu ly gia lão đại hồi  
Hương âm vô cải mấn mao thôi  
Nhi đồng tương kiến bất tương thức  
Tiếu vấn khách tòng hà xứ lai.*  
Hạ Tri Chương

Trên đây là bài thơ nguyên văn bằng chữ Hán và đã phiên âm ra phần Hán Việt. Nữ sĩ Ái Cầm, tức phu nhân của nhà thơ Thái Tú Hạp, chủ nhiệm tuần báo

Sàigòn Times ở Mỹ, đã chuyển ngữ bài này thành 2 đoạn thơ ý vị như sau:

### Cảm xúc về làng

#### I.

*Trẻ lãng du già về cố xứ  
Giọng không thay pha tuyết mái đầu  
Đám trẻ nhỏ thờ ở không biết  
Cười hỏi ta khách đến từ đâu?*

#### II.

*Trẻ đi già trở về nhà  
Giọng quê vẫn giữ tóc đã pha sương  
Thiếu nhi gặp gỡ lạnh lùng  
Cười hỏi khách hỏi, khách phương nào về?*

Riêng tôi không có tài làm thơ; nhưng khi nghe và đọc đến bài thơ này, tự nhiên cảm xúc giống với tâm trạng của mình; nên đã dịch lại như sau:

### Về thăm làng cũ

*Lúc nhỏ xa quê già trở lại  
Tiếng xưa không đổi tóc mai thay  
Trẻ con trông thấy không hề biết  
Cười hỏi khách rằng đến nơi nao?*

Ái ra đi mà không mong ngày trở lại? vì quê hương chính là giọt mật, là gạo cơm, là tình người, là sông núi, lúc nào chúng ta cũng hướng về, để rồi một mai kia sẽ có ngày trở lại. Chúng ta sẽ trở lại thăm quê hương nay mai, cũng có thể ở cuối cuộc đời; nhưng cũng có thể còn lâu hơn nữa. Giống như con cháu của vua Lý Thái Tổ đã xa quê gần 900 năm, bây giờ từ Đại Hàn đã về lại quê xưa thăm mồ mà ông bà tổ tiên. Dầu rằng đã bao thế hệ thay ngôi, đổi chủ, con cháu của dòng họ này đã bị biến đổi với thời gian; nhưng có một điều không đổi. Đó là tình quê. Khi còn nhỏ, chúng ta ra đi cũng chỉ để ra đi mà thôi. Có người vì lý do này hay vì lý do khác; nhưng dầu cho lý do nào đi chăng nữa, ở nơi sâu kín của tâm hồn họ, là một tình quê chất ngất muôn màu. Họ tự điểm tô tình quê này bằng nhiều hình thức khác nhau như: bảo vệ tiếng nói, bảo vệ phong tục tập quán của mình khi xa quê. Tuy xa quê như vậy; nhưng giọng quê vẫn không thay đổi. Dầu cho năm tháng có đổi thay. Dầu cho trên đầu đã hai thủ tóc, tóc mai đã đổi màu, thân thể đã già nua. Khi gặp lại người xưa tại làng cũ, chỉ còn thấy trẻ con ngó ngác nhìn mình. Vì không biết rằng ông già này từ đâu đến; nên đã cười hỏi bảo nhau như thế!

Nếu quả thật là vậy thì người xa quê cũng lắm nỗi ngậm ngùi. Vì lúc nào trong tâm khảm của chúng ta cũng có quê hương; nhưng quê hương đó lại chối từ ta, chối từ những đứa con xa xứ chăng?

hay tại không gian và thời gian cách trở nên mọi vật đã đổi thay? và từ đó nói ta chỉ còn một tâm sự là trông vời cố quốc và mòn mỏi ngóng trông một ngày về?

Tôi chắc rằng quý vị cũng như tôi, có người xa quê lâu hơn tôi; nhưng cũng có người còn ít hơn tôi. Cũng có lắm người chết chìm nơi biển cả. Cũng có kẻ làm mồi cho thú dữ nơi rừng sâu. Hoặc già, cũng có người gỏi nắm tro tàn nơi đất tạm dung và hồn thiêng thì vất vưởng đâu đó để tìm một hướng trở về. Có người ra đi cũng tạo nên được nhiều công trạng; nhưng cũng có lắm người ra đi vì chạy trốn quê hương. Có người chối bỏ tình quê, chối phăng đi quá khứ, muốn hội nhập vào nơi chốn này để trở thành một người Mỹ, một người Anh, một người Pháp, một người Đức chánh hiệu ở những thế hệ sau này. Điều ấy hẳn có lý do riêng của từng cá nhân; nhưng tựu chung, con người, chúng ta còn tình cảm, còn cội rễ, nguồn gốc và còn xứng đáng là con người, khi con người đó còn biết cội nguồn của dân tộc.

Dưới đây là một số câu chuyện có thật, diễn tả tâm trạng của những người xa quê, mà thời gian cách đây không quá 30 năm. Câu chuyện đầu do báo Nhân Bản tại Paris kể lại. Câu chuyện thứ hai do truyền hình Đức loan tin và câu chuyện thứ ba do chính tai tôi nghe và mắt tôi thấy.

Câu chuyện thứ nhất được kể lại như sau:

"Có một thanh niên Việt Nam sinh ra và lớn lên tại Pháp. Ở gia đình thì cha mẹ muốn cho con mình giỏi tiếng Pháp; nên nói chuyện với nhau không dùng tiếng Việt, mà dạy dỗ con mình như một người Pháp. Cậu bé Việt này lớn lên trong lòng của thủ đô Paris mang quốc tịch Pháp. Lúc nào cậu ta cũng hiểu rằng mình là một người Pháp chánh cống. Vì nói tiếng Pháp như Tây và phong tục, tập quán, học hành, cậu ta đều theo Tây một trăm phần trăm. Một hôm nọ vào một ngày cuối tuần, cậu ta say sưa với bạn bè Pháp và trên đường đi bộ về nhà, cậu ta trúng gió ngã lăn ra đường lúc nào không hay biết; đến khi tỉnh dậy thì cậu ta nghe thoang thoang bên tai của những người qua lại nói bằng tiếng Pháp rằng: "Tại sao người Tàu này lại nằm đây?". "Hắn là người Tàu hay Việt Nam vậy?". "Tụi ngoại quốc vào đây chiếm hết công ăn việc làm của chúng ta, kệ, bỏ mặc xác cho nó chết v.v... và v.v...". Khi cậu ta nghe được những lời mạ lỵ của những người địa phương bằng những câu Pháp ngữ không gì khó hiểu mấy, cậu ta tự đứng dậy và ngẫm nghĩ mãi về những điều vừa qua mà cậu ta đã nghe được.

Lâu nay cậu ta cứ đinh ninh rằng mình là người Pháp chính hiệu. Vì mình



nói tiếng Pháp như Tây; nhưng không ngờ mình vẫn còn là dân da vàng, mũi tẹt, còn mái đầu đen v.v... và cộng đồng này vẫn không chấp nhận mình. Kể từ đó cậu ta hay suy nghĩ về thân phận của mình và lúc nào cậu ta cũng tự vấn lương tâm, thế là bây giờ mình phải làm gì đây? phải chứng minh như thế nào mình là người Việt. Đầu tiên cậu ta tìm đến các Chùa và các Hội Đoàn tại Paris nơi có dạy tiếng Việt và thế là cậu sinh viên ấy, người da vàng tóc đen ấy sinh tại Pháp đã đem hết khả năng của mình trau dồi Việt ngữ, học văn hóa Việt, ăn cơm Việt, thực hành tập quán Việt trên xứ Tây. Chẳng mấy chốc cậu ta trở thành một người Việt Nam thuần túy có văn hóa Tây phương".

Câu chuyện thứ hai như thế này:

"Có một chú bé Đại Hàn không cha mẹ. Lúc nhỏ chú ở trong Cô Nhi Viện tại Hán Thành. Ở Đức có một gia đình không có con, muốn nhận chú làm con nuôi. Sau đó chú được đưa về Đức lúc vừa 2 tuổi. Dĩ nhiên là sau đó tiếng Đại Hàn của trẻ thơ đã được quên đi mau chóng và nhường chỗ cho việc phát triển khả năng Đức ngữ. Đến khi chú bé này lớn lên trong xã hội Đức, về sự giáo dục, chú là người được học hỏi và ảnh hưởng bởi mọi vấn đề ở đây. Ở trong gia đình Đức, chú bé này rất được thương yêu, chiều chuộng. Đến khi lớn lên đi học thành tài, ra trường với bằng cấp của Đại Học, chú đi làm việc. Tại hãng xưởng chú bị đối đãi như là một người ngoại quốc. Vì người Đức nhìn vào, thấy chú là người Á Châu, mặc dầu chú nói tiếng Đức sành sỏi như người Đức. Sau những tháng ngày làm việc mệt nhọc nơi hãng, chú luôn luôn ưu tư về thân phận của mình và cuối cùng thì chú quyết định là phải về lại Đại Hàn để tìm lại phong tục, tập quán nơi đó. Thế là chú đã ra đi.

Khi về lại Đại Hàn chú thấy cái gì cũng khác lạ với mình, không giống như những gì ở Đức chú đã học được, nhất là ngôn ngữ. Chú bây giờ là một thanh niên với vóc dáng là một người Đại Hàn; những thực tế thì chú bị xa lạ đối với quê hương của chú. Chú cũng rất buồn và dài truyền hình Đức hôm đó kết luận rằng: "Vấn đề đa văn hóa phải được đặt ra tại xứ Đức"; nhưng về số phận và tâm tư của chú thanh niên Đại Hàn này sau đó biến đổi như thế nào thì tôi không được biết".

Riêng câu chuyện thứ ba này liên quan đối với cố hương Việt Nam, mà câu chuyện này chính bản thân tôi đã chứng kiến, gặp gỡ và nhận vật ấy hiện sống tại Đức này. Câu chuyện như sau:

"Nguyên là trước năm 1975 tại miền Nam Việt Nam có nhiều Cô Nhi Viện. Nơi đó nuôi nhiều trẻ em mồ côi của chiến

tranh, các em bị mất cha lẫn mẹ, hoặc con cái vô thừa nhận v.v... Vào thời điểm năm 1973, có một gia đình người Thổ Nhĩ Kỳ qua Việt Nam thăm chơi và xin một chú bé về nuôi. Chú bé này sinh năm 1971. Năm nay đã được 29 tuổi rồi. Chú này sau đó được đưa về Thổ Nhĩ Kỳ. Chú lớn lên trong một gia đình giàu có và theo Hồi Giáo. Chú nói tiếng Thổ và tiếng Anh cũng như tiếng Đức, riêng tiếng Việt thì không còn nhớ một tiếng nào cả. Sau khi tốt nghiệp tú tài tại Thổ, chú được gia đình cho sang Đức du học. Khi sang Đức học thì chú tự tìm đến Niệm Phật Đường Tâm Giác tại München để làm quen với những người Việt Nam tại đây. Mới đầu ai cũng tưởng chú là người Thổ thật. Vì màu da, nét mặt và tóc tai giống hệt như Thổ, chỉ còn một chút tánh tình là giống người Việt Nam thôi. Khi gặp mọi người chú dùng tiếng Anh và tiếng Đức trao đổi; nhưng chú cảm thấy cái gì đó không ổn nên mới tìm học tiếng Việt Nam. Sau một thời gian học tiếng Việt, chú đã dùng chữ khá rành.

Một hôm gặp tôi chú bảo là con sẽ đi về Việt Nam để tìm lại cha mẹ sinh ra của mình tại đó. Tôi rất cảm động và thăm nghĩ trong bụng rằng đúng là: "lá rụng về cội". Sau hơn 3 tháng ở Việt Nam qua chú gởi cho tôi 3 cuộn băng Video thu tất cả mọi sinh hoạt của Việt Nam từ Hà Nội cho đến Sài Gòn và các phong cảnh miền Tây. Từ nời bánh chưng nấu vào đêm 30 Tết. Lễ đón giao thừa, lễ cáo gia tiên. Các tập tục cưới hỏi, ma chay, nuôi cá, nuôi gà, nuôi heo, cho đến cây ổi, cây nhãn, cây xoài v.v... chú đều quay rất tỉ mỉ. Riêng tôi khi xem phim này lại còn nhớ quê hương nhiều hơn nữa. Nhớ tận cùng cho đến trong tâm thức sâu thẳm của mình.

Vì tôi cũng sinh ra tại nơi đây; nhưng gần 30 năm rồi tôi đâu có cơ hội để quay về như chú vậy đâu. Nơi nào trên thế giới tôi cũng đã đi và đến; nhưng những cảnh cũ, người xưa như thế tôi đã chưa một lần tiếp xúc. Hơn 50 tuổi, mà thời gian ở ngoại quốc gần 30 năm, thì chắc chắn rằng cái gốc ở Việt Nam gần hơn là cái thân đang được trưởng thành tại ngoại quốc rồi. May mà tôi còn có những liên hệ sau này với quê hương; nếu không thì thời gian cũng sẽ bị mai một đi mất rồi.

Sau khi xem phim xong tôi trả lại cho chú và chú khoe với tôi bằng tiếng Việt rằng: Bạch Thầy, sau này con sẽ lấy vợ Việt Nam và con theo Phật Giáo chú con không theo Hồi Giáo nữa. Khi nghe chú nói như vậy, tôi vừa mừng vừa lo và bảo với chú rằng: Như vậy cha mẹ của chú tại Thổ Nhĩ Kỳ sẽ buồn chú lắm đó. Chú đắn đo một hồi và trả lời với tôi rằng: "Nhưng con là người Việt Nam kia mà".

Tôi làm thinh không nói gì nữa cả và tự nhiên trong tâm tư mình lại xúc động mạnh. Đúng là: cáo chết 3 năm quay đầu về núi. Con vật còn tìm lại núi rừng của chúng mà quay về để nướng tựa với hồn thiêng, thì ở đây con người như thế là phải. Dĩ nhiên đây chỉ là một số trường hợp cá biệt mà thôi, chủ còn không biết bao nhiêu trường hợp dị biệt nữa. Nghĩa là: xin nhận nơi này làm quê hương, chủ không nhìn nhận mình là con Hồng cháu Lạc. Nhưng tôi mong rằng những người như thế khi đọc về 3 câu chuyện bên trên tôi vừa kể sẽ tự nhận thức về vị trí của mình để làm gương; nếu không, thời gian sẽ chôn vùi mình vào dĩ vãng, với bả lợi danh và mùi vinh hoa phú quý của những xã hội nặng về tiền tài mà nhẹ về nhân nghĩa vậy.

Tại sao người Việt Nam chúng ta lại có những khổ nạn ấy? Chúng ta không có lỗi gì hết; nhưng có lẽ vì chính kiến bất đồng. Vì tự hào tôn giáo, vì văn hóa sai biệt v.v... chúng ta đã bị vẽ mặt để đá nhau từ thời lập quốc cho đến bây giờ. Đã có không biết bao nhiêu chuyến ra đi. Cũng đã có không biết bao nhiêu thành công tại Đại Hàn, Đài Loan và Âu Mỹ ngày nay; nhưng cũng đã có không biết bao nhiêu chuyến ra đi không có ngày trở lại.

Người Trung Quốc yêu quê hương Trung Quốc như Hạ Tri Chương đã diễn tả tâm trạng của mình khi trở về thăm lại quê hương làng cũ qua bài thơ trên. Người Nhật, người Đại Hàn, người Mông Cổ, người Việt Nam v.v... chắc chắn ai ai cũng giống như thế. Vì ai cũng có một nỗi niềm riêng, mà nỗi niềm ấy đã chôn chặt nơi cố hương, nơi mà đã chôn nhau cắt rún của họ; nơi mà tiếng khóc chào đời họ đã thốt lên trong khoảng không gian vô tận ấy.

Người Đức cũng có câu tục ngữ là: "trái táo không rơi khỏi gốc táo" cũng nhằm để chỉ cho ý nghĩa: lá rụng về cội này. Không biết những người Âu Châu khi sang Mỹ Châu và Úc Châu định cư trong những thế kỷ trước và những năm tháng gần đây có cùng tâm sự ấy không, chủ chắc chắn một điều là họ không bao giờ quên đi cội nguồn của họ. Bằng chứng là tôi đã đến Úc để xem những làng làm rượu nho của người Đức, mà cha ông họ bao đời đã đến đây lập nghiệp; nhưng mầu mã của rượu nho và ngôn ngữ của họ dùng vẫn là tiếng Đức. Tôi cũng đã có ghé thăm những giáo đường và trường học của người Đức tại Úc, họ cũng đã rập y khuôn mẫu như tại nước Đức ngày nay.

Tại Canada và Hoa Kỳ cũng thế. Đến đâu người Âu Châu cũng thành lập những trường học, nhà thờ và đặt tên các địa danh giống hệt như tại Âu Châu. Một

hôm tôi lấy máy bay từ Washington DC để trở về Hannover - Đức, cách đây 10 năm về trước. Người làm vé lên tàu bảo với tôi là chuyến bay đi Hannover đã hết chỗ. Tôi tròn xoe đôi mắt và hỏi lại người cân kiểm hành lý là có thật như thế không? vì lẽ trước khi từ Đức đến đây tôi đã xác nhận ngày về rồi. Tại sao lại có chuyện này? Người nhân viên phụ trách sau khi xem Computer một lần nữa, đã xin lỗi tôi rằng: Xin ông thứ lỗi cho, vì cử tưởng là đi Hannover tại nước Mỹ, chứ không ngờ là Hannover tại Đức. Tôi nhòen miệng cười an tâm; nhưng đồng thời tôi cũng đã biết thêm được một điều lạ là tại Mỹ cũng có thành phố Hannover. Sau này tôi phát hiện thêm là tại Mỹ cũng có những thành phố Düsseldorf và Mannheim nữa. Điều ấy hẳn có lý. Vì người Âu Châu trước đây đến chinh phục Mỹ Châu, Úc Châu và Á Châu, họ ở vào thế mạnh là dân đi chiếm đất để làm thuộc địa. Còn thân phận bèo giạt mây trôi như người tỵ nạn Việt Nam chúng ta thì sao? Cũng có thành phố Sài Gòn nhỏ tại thành phố Westminster thuộc Tiểu Bang California để nhớ về một Hòn Ngọc Viễn Đông ở một thời điểm xa xôi nào đó; nhất là thời điểm của năm 1975, mà mọi người Việt Nam đã bỏ nước ra đi, chỉ vì không đồng chính kiến của người Cộng Sản.

Một hôm tôi đi lang thang trên đường phố của Hồng Kông để tìm những trái cây Việt Nam như măng cầu, chuối tiêu, măng cụt v.v... bỗng nhìn lên tên đường thì thấy bản đề là Saigon Street. Đường này cũng là đường mà tôi đang ở khách sạn Majestic tại đây. Khi đến đây, tôi chỉ biết tên khách sạn thôi; vì có người đưa đón. Không ngờ tên Sài Gòn lại đội ngược vào tâm tôi, như một kỷ niệm gì thật đẹp, mình đã mất mát lâu nay và bây giờ đã tìm lại được, mà thời điểm ấy là vào ngày 20 tháng 10 năm 1999 mới đây, khi phái đoàn hành hương từ Trung Hoa lục địa trở về, để ngày 21.10 trở về lại Đức Quốc, chứ không lâu gì mấy.

Hồng Kông đã được Anh trả lại sau hơn 100 năm chiếm làm thuộc địa vào cuối năm 1997 và nay mai Macao cũng sẽ được Bồ Đào Nha trả lại cho Trung Quốc vậy. Trên phương diện hành chánh, bây giờ Hồng Kông đã trả về lại cho Trung Quốc; nhưng sau 2 năm tôi trở lại đây, người Hồng Kông vẫn nói mình là người Hồng Kông chứ họ không nói họ là người Trung Quốc và người Đài Loan cũng vậy. Điều quan trọng với tôi là con đường mang tên Sài Gòn vẫn không đổi, chứ không phải là việc đổi chủ thay ngôi. Vậy nhân đây thủ hỏi những người lãnh đạo Cộng Sản Việt Nam, vì lý do gì mà thay đổi tên thành phố Sài Gòn thành một cái tên xa lạ với người dân Việt Nam như thế?

Những ai học lịch sử đã biết điều này. Thành phố Karl-Marx tại Đức đã được mang lại tên cũ ngày xưa của nó là Chemnitz. Thành phố Lénin Grad tại Nga đã đổi lại thành thành phố St. Peterburg như những thời cộng sản chưa nắm quyền tại Nga cách đây 80 năm về trước và hy vọng thành phố Sài Gòn cũng sẽ được trả lại như xưa, để con cháu của người Việt Nam từ ngoại quốc trở về lại thăm cố hương không còn ngỡ ngàng như trong hiện tại nữa.

Tôi đã đi Trung Quốc 2 lần, mỗi lần 21 ngày. Tổng cộng là 42 ngày ở Trung Quốc. Một xứ Trung Quốc rộng lớn như thế phải đi và ở con số ngày phải gấp 5, 6 lần như thế mới gọi là đầy đủ; nhưng chắc chắn một điều không có thành phố nào mang tên Mao Trạch Đông hay Karl-Marx hoặc Lénin cả; chỉ thấy mang tên Nam Kinh, Bắc Kinh, Thượng Hải, Trùng Khánh, Thiên Tân, Quảng Châu v.v... rất quen thuộc với những người xa xứ, dầu chế độ đã đổi thay và một điều đặc biệt khác nữa cũng cần nên lưu ý, khi Bác sĩ Tôn Dật Tiên, người cha của chủ nghĩa Tam Dân (Dân Sinh, Dân Tộc, Dân Quyền) đã đứng lên lật đổ triều đại nhà Thanh vào ngày 10 tháng 10 năm 1911. Từ đó cho đến năm 1949 Quốc Dân Đảng và Cộng Sản Trung Hoa thù tai với nhau. Tưởng Giới Thạch thua phải chạy qua Đài Loan lập nên Trung Hoa Dân Quốc. Trong khi đó Mao Trạch Đông thành lập nước Cộng Sản Trung Hoa vào ngày 1 tháng 10 năm 1949. Điều đáng nói ở đây là sau khi Bác sĩ Tôn Dật Tiên chết vào năm 1925, các đồng chí Quốc Dân Đảng của ông đã xây lăng mộ của ông tại Nam Kinh to lớn gần như lăng vua và trên trần lăng mộ có lá cờ của Quốc Dân Đảng mà ngày nay nước Đài Loan đang dùng, cho đến hôm nay vẫn còn đó. Nếu ai có lần đến Nam Kinh hãy nhìn lên nóc lăng tẩm của Bác sĩ Tôn Dật Tiên để thấy được điều này. Mặc dầu chính kiến giữa Quốc - Cộng lại khác nhau; nhưng cái nhìn của người Cộng Sản Trung Quốc chắc khác cái nhìn của người Cộng Sản Việt Nam chăng? - Việt Nam chúng ta cũng tranh đấu cho một độc lập của Dân Tộc; nhưng tinh thần của Yên Bái, tinh thần của Nguyễn Thái Học có được Cộng Sản Việt Nam tôn trọng như Cộng Sản Trung Quốc đang treo hình của Bác sĩ Tôn Dật Tiên tại Quảng trường Thiên An Môn đối diện với Mao Trạch Đông vào ngày 1.10.1999 kỷ niệm 50 năm ngày thành lập nước Cộng Sản Trung Hoa?

Tôi cũng rất đau lòng và xúc động khi viếng mộ của liệt sĩ Phạm Hồng Thái, người anh hùng Quốc Dân Đảng Việt Nam đã hy sinh vào ngày 19.6.1924 tại Trung Quốc và mộ của liệt sĩ Phạm Hồng

Thái hiện đang được chôn cất, thờ tự tế chung với 72 anh hùng liệt sĩ của Hoàng Hoa Cương tại thành phố Quảng Châu, thủ phủ của tỉnh Quảng Đông ngày nay. Nhìn về quê hương mà đau lòng không ít. Có bao nhiêu người đã hy sinh cho nền độc lập của dân tộc; nhưng người Cộng Sản đã cướp công, còn đào mồ cuốc mả của những đồng chí của mình thuở ấy nữa. Như vậy cũng là Cộng Sản, mà cũng có Cộng Sản còn một chút lương tâm. Còn những tập đoàn Cộng Sản khác thì đã mất hết lương tâm rồi.

Từ phi trường Thượng Hải đi Thành Đô, tôi đã chụp được một tấm hình qua Thanh long Việt Nam đang bày bán tại đó. Tôi thì vui mừng; nhưng nhiều người khác chắc thấy nó bình thường. Vì đây là hình ảnh, là kỷ niệm để nhắc về quê hương của tôi mà. Tôi sẽ viết về Trung Quốc một quyển thứ hai nhan đề là "**Vọng Cố Nhân Lâu**" để ghi lại chuyến hành hương từ ngày 2 đến ngày 21 tháng 10 năm 1999 và sách này có thể sang năm 2000 mới xuất bản được. Kính mong quý vị sẽ đón xem.

Bây giờ tuổi đã về chiều rồi; nên niềm thao thức với Quê Hương, với Đạo Pháp càng ngày càng trào dâng lên trong tâm thức; cho nên khi đọc đến bài thơ của Hạ Tri Chương tôi đã cảm xúc về cố hương trong vô vàn. Vì một mai đây khi trở về lại cố quốc, tôi đâu có khác gì tâm sự của Hạ Tri Chương và chắc rằng còn có nhiều vị đồng tình với tôi như thế nữa. Nhưng tôi đoán chắc một điều dầu quê hương, dầu thời gian và không gian có cách trở; nhưng tâm trạng của tôi vẫn là tâm trạng của một người Việt Nam xa quê không bán rẻ lương tâm của mình khi còn phải sống nơi đất khách quê người như ngày hôm nay.

Thế kỷ thứ 21 là thế kỷ của tin học, của khoa học kỹ thuật, của phát triển kỹ nghệ. Cái gì cũng phải cho mau chóng thành tựu; nhưng chắc chắn một điều tâm thức của con người cũng chỉ quay theo nhịp đập của con tim và sự nhận thức của các cơ quan nội giới, chứ không bị nô lệ hóa bởi những vật mà con người đã làm ra nó.

Kỷ niệm năm 2000 tôi chỉ có mấy lời thơ tiễn ghi lại tâm tư của mình khi vọng về cố quốc và mong rằng những cảm xúc này vẫn còn mãi trong tôi, trong quý vị cho đến tận bao giờ, chứ không phải chỉ có thời gian của năm 2000 mà thôi.

*Viết tại thư phòng chùa Viên Giác ngày 4 tháng 11 năm 1999*



● Bút ký thiên môn

## Ngoại, Mẹ và Chú



N ắng chiều đã dịu bớt cơn oi bức, trên hai bên đường không có nhiều nhà, vài cơn gió thoảng nhẹ lướt qua cũng đỡ cơn mệt nhọc của cả một buổi trời đội nắng đi đến bến phà. Cụ già là một bà ngoại, tay quệt mồ hôi trên trán rồi đi chậm chậm lại chờ... Tiếng cậu cháu nhỏ từ phía sau vọng lại "Ngoại ơi! "Cu đen" đi hết nổi rồi! "Cu đen" mới chán quá!". Cụ già đứng lại nhìn ra phía sau, ba chị em đang dắt nhau từ từ đi tới, bé gái lớn 8 tuổi, bé gái kế 7 tuổi và cậu út nhất là bé "Cu đen" gần 5 tuổi. Cậu muốn nhong nhéo bắt ngoại công tiếp nữa đây chủ gì? Ngoại nhìn dáng bộ già mệt của cậu cháu nhỏ vừa mắc cười, cười thường thường, đợi ba chị em đi tới, Ngoại nói như la: "Con trai chi đi bộ một tí đã kêu, mần răng lớn lên lo chuyện nhà chuyện nước!". Bị la chung, 3 chị em đứng làm thinh. Ngoại tiếp: "Con coi hai chị con có kêu mệt mõi rằng có mình con". Cu đen bộ mặt tiu ngriu vùng khỏi hai tay chị đứng một bên lấp bắp: "Hai chị lớn hơn Cu đen chủ bộ, Ngoại không thưởng Cu đen gì hết!". Ngoại lại xoa đầu, vuốt lại tóc cho 2 cô chị, rồi kéo Cu đen lại: "Thôi đi ông trời con, lại đây Ngoại công cho một đoạn nữa, rồi phải xuống đi bộ, Ngoại mới công tiếp, chủ Ngoại già rồi công chi nổi, Cu đen mỗi ngày mỗi nặng". Chờ có thể cậu ta xà nhanh lên lúng, khi Ngoại vừa ngồi xuống, hai tay bám chặt vào cổ Ngoại. Ngoại cũng bị lão đảo khi đứng lên, xốc hai chân cậu ra phía trước: "Ôm cho chặt Ngoại đó". Hai cô cháu nhỏ cũng vùi nín tiếp hai bên áo của Ngoại, bốn bà cháu chậm chậm đi trên con đường để ra đến bến phà Cần Thơ. Mỗi kỳ là vậy, như đã hẹn cuối tháng Ngoại từ Sài Gòn xuống Cần Thơ hai tuần

thăm cô con gái, mẹ của 3 cháu bé, bởi đến ngày đi thăm nuôi ba của Cu đen đang học tập cải tạo ở rừng Tràm, tại vùng U-Minh xa xôi, rừng thiêng nước độc. Để đi đến được trại cải tạo thăm chồng, chị cùng các thiếu phụ đồng cảnh ngộ, phải gánh gồng cả hai ngày một đêm mỗi thẩu tối nổi với bao vất vả của sóng lam chướng khí. Đi phà qua bến, đi xe đến bìa rừng, lên xe thồ vào trung "búng", rồi gánh bộ đồ đạc mấy cây số mới đến khúc rạch, lại lên mấy ghe nhỏ để qua bờ, tối đây còn đi tiếp một khoảng đường dài nữa mỗi thẩu nổi chồng đang cải tạo. Đoạn cuối này là đã hơn một ngày một đêm đã quá thấm mệt, nhưng ở niềm vui, niềm hy vọng là gặp được người thân yêu của mình, nên mọi người ai cũng gắng gượng sức lực và tinh thần mong đừng ngã quỵ ở khúc đường cuối này. Nên thường ở đoạn này bà con đi thăm nuôi ai cũng kiếm thuê người khiêng gánh dùm đồ đạc, người nào đem ít đồ thì của hai ba người dồn chung lại để thuê gánh cho đỡ tốn tiền. Các nông dân nghèo các xã quanh khu vực, như quy luật đến "mùa thăm nuôi" là tập trung lại bìa rừng để làm công việc gánh gồng "lấy công làm lời" để cải thiện một chút cho đời sống gia đình trong cảnh khó khăn. Nhìn những đoạn đường ngoằn ngoèo, dốc ngược khó đi, đi bộ đã mồ hôi tai rồi, mà các "anh bạn" (tiếng gọi lịch sự của bà con đi thăm nuôi chỉ các anh gánh xách dùm đồ), các anh cũng oằn vai nặng nhọc qua các khúc quanh, thấy mà tội nghiệp, đúng là bát mồ hôi đổi lấy bát cơm của những người nông dân chất phác, chịu khó cần cù siêng năng. Nên thường khi đến nơi, ngoài tiền công, các bác, các chú thường hùn tiền thêm một tí nữa để gọi là bồi dưỡng chút trà nước thêm cho các "anh bạn". Và họ đều vui vẻ hoan hỷ giữa người đưa và kẻ nhận. Không ai nọ ai điều gì, xem như sự sòng phẳng mà bình thường trong cuộc sống xã hội thường xảy ra. Nhưng thật sự vẫn động lại trong mỗi người một chút gì đó kỳ niệm: Đó là tình người với nhau trong những lúc đồng khổ đồng cực. Mà bây giờ khi kể lại chị vẫn cảm ơn những "anh bạn" gánh đồ dùm trong con đường rừng giúp chị và các bà con trong những chuyến đi gian khổ để thăm người thân trong những trại cải tạo. Nên khi được phép cho thăm nuôi, như hẹn trước, chị Huỳnh -trước kia chị là cô giáo dạy Văn cấp Trung Học- luôn liên lạc nhờ Mẹ ở Sài Gòn xuống Cần Thơ ở với chị vài ngày, cùng chuẩn bị mua sắm đồ đạc cần thiết mà trong trại anh Huỳnh gọi thứ ra xin. Ngoại xuống phụ cô con gái để lo gánh gồng đi nuôi chồng và năm ngày trời chị vắng nhà, là Ngoại chăm sóc dùm 3 cháu nhỏ. Đến ngày thứ 5 đúng ngày về của đoàn thăm nuôi,

Ngoại thường dắt cả 3 đứa cháu đến bến phà chờ đón mẹ của chúng, đoạn đường chỉ hơn chục cây số mà bà phải đi vất vả các cháu đi từ sớm sau bữa cơm sáng. Cụ già hơn 60 tuổi rồi, cái tuổi được sách xưa gọi là "tri thiên mạng", Ngoại đã qua bao nhiêu thăng trầm của thời thế, qua bao nhiêu Triều đại, bao nhiêu chế độ Cộng Hòa, Quốc Gia và bây giờ là Cộng Sản. Sở dĩ gọi là Triều đại, bởi khi Ngoại sanh ra, đất nước Việt Nam vẫn còn chế độ phong kiến nửa thuộc địa, vẫn còn vua Khải Định rồi vua Bảo Đại tuy hư vị nhưng vẫn tại vị trong dòng lịch sử của dân tộc Việt Nam.

Phùng chi Ngoại lại là con cháu của một vị Thượng Thư trong triều đình của kinh thành Huế, cũng thuộc dòng "đanh gia vọng tộc" mà quan niệm vào những thập niên 20, 30, Ngoại cũng được xem như một tiểu thư kim chi ngọc diệp. Được lớn lên trong khu vực Thành Nội, thường được các Ông Mẹ đưa dẫn vào nội cung thăm các mệnh phụ, được hầu kiến Đức Từ Cung Hoàng Thái Hậu -Mẹ vua Bảo Đại-, rồi được tham dự các lễ nghi, các trò chơi vui của cung nội. Tất cả đã trở thành quá khứ, trở thành dĩ vãng, một dĩ vãng đẹp theo thời thơ ấu của Ngoại. Đến khi được gả lấy chồng. Xuất giá theo chồng đi đồn thú tại vùng biên giới Việt-Lào. Rồi chiến tranh lan dần, chính trị đổi thay, dẹp bỏ chế độ phong kiến mà Ngoại cho là "đề thương" của Ngoại, thay vào nền Đệ nhất, Đệ nhị Cộng Hòa. Rồi bom đạn và những cuộc tàn cư chạy loạn, Ngoại đã diu dắt đàn con trôi giạt vào đất Sài Gòn làm ăn sinh sống, nghỉ dưỡng cho trọn kiếp người, nào ngờ sau năm 75 con dân lại ly tán: con trai bị đi học tập, con rể bị đi cải tạo. Ngoại đi đâu thăm con cái, cũng chỉ là con dâu, con gái và một đàn cháu nhỏ "mồ côi cha". Đếm số con gái, con dâu, cháu gái trong nhà, Ngoại chất lưỡi: "Sao giống Thập Nhị Quả Phụ... quá hà!". Một tiếng than như bao tiếng than, mà vẫn chưa động đến trời!?

Cụ già kiếm được băng ghế dài trống nhìn ra bến phà, với đứa các cháu lại ngồi nghỉ; gió hiu hiu từ bờ sông thổi vào, hai bé gái đã tựa vào nhau để ngủ, còn cậu Cu đen Ngoại cho nằm xuôi áp đầu vào lòng Ngoại mà ngủ. Nhìn các cháu ngủ ngon lành, mệt mỏi của một ngày lợi bộ, lòng Ngoại sao trào dâng một niềm thương cảm. Chị Huỳnh sanh đứa con út, là bé Cu đen, vào đúng năm 75. Chỉ sau thời gian ngắn ngừng tiếng súng là chị trở dạ sanh con. Cơn đau đẻ của bao nhiêu bà mẹ trên thế giới phải chịu đựng. Cái tình mẫu tử thiêng liêng của 9 tháng cưu mang và cơn đau quặn thắt ruột để con được chào đời, là cái tình thiêng liêng vô bờ bến, không bút mực nào tả xiết.

Trong lúc cơn đau sanh con, chị còn thêm nỗi đau thầm kín, chồng đã bị tập trung đi học tập cải tạo. Con chị sanh ra không được cha thấy mặt, và những ngày sắp tới của chị và đàn con nhỏ quả là vất vả và gian nan. "Đi biển mò côi một mình" là ví người đàn bà trong lúc sanh con, phải chịu đựng cơn đau đó, vì phải chịu mò côi một mình, bởi không san sẻ được cho ai ngay cả người chồng! Chị đã sanh hai cháu gái đầu, nhìn đứa con nhỏ mỗi sanh ra là con trai, lòng chị len lén một niềm vui an ủi, thường con không có cha bên cạnh, bao nhiêu tình thương chị dành hết cho đàn con, để bù đắp khoảng trống thiếu cha. Chị thường nhất là cậu út này; nên chị và cả nhà ai cũng gọi nựng "Cu út cưng". Sanh con ra trong thời khó khăn, khan hiếm chất dinh dưỡng nuôi trẻ, chị chỉ cho con bú sữa mẹ mà thôi. Mà gần 2 tuổi rồi, cậu cu út vẫn đòi bú sữa mẹ, thường con chị vẫn phải chịu. Nhưng bản thân chị cũng không đủ chất dinh dưỡng nuôi thân, nhỏ chồng thường con chị còn phải tằn tảo nuôi cả 3 đứa trẻ, nên sức đã kiệt, xác đã ốm, bắt đầu cảm thấy tức ngực, mệt mỏi khi trở trời. Tội nghiệp Cu út ngoài sữa mẹ là chất dinh dưỡng tốt nhất cho cậu, cậu chỉ được trợ thêm nước cơm pha đường, cháo độn bo bo, độn bắp, độn khoai. Trong ý thức non nớt ngán ngẩm ế chề các thức ăn Xã hội Chủ nghĩa, cậu quyết chỉ bám nguồn dinh dưỡng tuyệt diệu cuối cùng là bầu sữa mẹ, dù rằng mỗi ngày bầu sữa mẹ đó đã cạn dần, nhưng Cu ta quyết không chịu buông. Cậu sẽ khóc thét lên không chịu nín, khi tới cử uống sữa mà bị đổi bằng cháo bo bo. Còn người mẹ lại phải tìm cách cai sữa cho con để bảo tồn sinh lực còn lại mà tiếp tục sống làm việc để nuôi chúng. Nghe vài người chỉ bảo, chị lấy dầu xanh bôi vào vú tập cai cho con, bầu sữa bị chất dầu xanh làm cay nóng họng, Cu út khóc thét đến xanh mặt, chị cắn răng làm thình dút cháo cho cậu, cậu phun ra hết, khóc thét và vắn vỏi tay đòi bầu sữa mẹ. Chất dầu có cay nóng, cậu vẫn vừa khóc ngặc vừa bú, và hình như cậu phát hiện, chịu "lì" qua lúc đầu cay nóng, nếu bú lâu hơn thì vẫn tìm được sự ngọt lịm của dòng sữa mẹ. Nên thế là cậu ta cứ lì "cổ đằm ăn xôi", dù rằng xôi có bị bôi dầu xanh. Biết chị Huỳnh cai sữa cho con không thành, Ngoại xuống thăm Ngoại là chị quá, vì không chịu dứt khoát để tập ăn cho con, để giữ sức mà còn lo chơ mảy mút khác. Thế là Ngoại bày cho một "mẹo" lấy lọ nôi bôi đen hết bầu sữa, rồi kêu "ông kẹ" đến bắt con nít hừ khóc - lớn rồi không chịu ăn cơm mà cứ đòi bú sữa mẹ. Các lọ nôi đen láng đã biến bầu sữa mẹ thành hình thù quái dị, trông đến kinh hồn, rồi còn nghe dọa là "ông kẹ" đến bắt

con nít mà ăn thịt. Cu út ta bị "áp lực" ba bốn phía đến kinh hoàng sợ hãi, khi mẹ đưa "ông kẹ" ra bảo: "Ngon lại đây ông kẹ ăn thịt liền à!". Cu ta khóc sợ đến xanh mặt, tự hậu Cu ta không dám đòi mẹ đưa "ông kẹ" ra và cũng không dám nhìn "ông kẹ" của mẹ nữa. Thế là Cu ta phải chịu cai sữa mẹ. Từ đó để kỷ niệm chuyện vui cai sữa này, cả nhà đổi tên "cúng cơm" Cu út cưng của cậu thành "Cu đen". Và cậu cũng hồn nhiên vô tư quên lãng quá khứ với "ông kẹ" đáng kinh hoàng đó đi. Mà mỗi lần vồi vỉnh hay nhong nhèo với Ngoại hay mẹ, cậu đều xưng "Cu đen": "Ngoại ơi! công Cu đen đi. "Mẹ ơi! Cu đen muốn ăn kẹo". Sự trong sáng hồn nhiên của đứa trẻ trong giấc ngủ an lành là vậy.

Có tiếng ồn ào ở bến sông. À! phà đã cập bến rồi. Cụ già vội đánh thức 3 cháu nhỏ dậy sửa soạn cho chúng đón mẹ. Dòng người ào ào tuôn lên bờ, tiếng gọi nhau ơi ời của những người đứng chờ khi gặp người thân, mọi người túa nhau từng nhóm riu rít thăm hỏi sôi động cả bến phà. Thấp thoáng cuối cùng là chị Huỳnh, tay xách chiếc giỏ lác, vừa giỏ chiếc nón lá huơ huơ trên đầu khi thấy Ngoại và các con. Ba đứa trẻ thấy mẹ là ùa chạy đến vừa la lớn: "Mẹ về. Mẹ về". Dáng vẻ mệt nhọc bề mặt của 2 ngày đi đường trên khuôn mặt chị hầu như tan biến khi nhìn thấy đàn con. Ngồi vội xuống đón lấy Cu đen ôm vào lòng, hai tay cũng ôm chầm lấy hai con gái "mì" mỗi đứa một cái thiệt là thương, rồi mở giỏ lấy gói quà phát cho chúng: chuối khô, kẹo dừa. Ngoại cũng vừa đi đến, chị đứng dậy chào mẹ trong ánh mắt hiểu nghĩa. Ngoại chỉ ừ rồi hỏi: "Mệt lắm hả!", rồi quay sang 3 cháu "Mấy đứa ni buồn gì Mạ mì ra cho hần thờ đã chứ". Chị cười, rồi bỗng xốc lại Cu đen "thôi kẹ nó mà mẹ, bây giờ chủ mình ra đón xe về nhà". Chiếc xe lam chở 5 bà cháu mẹ con chạy vút lên con đường đất, khói bụi vàng tủa ra phía sau, khói chiều cũng đã đến, cảnh vật và người mất hút sau hoàng hôn.

#### CHIA TAY

Đêm nay đã qua rằm tháng giêng rồi, bầu trời không có trăng sao, một khoảng không u tịch, nửa năm nay Ngoại cũng ít xuống Cần Thơ thăm chị và các cháu. Vì Ngoại bận lo "đại sự" khác ở Sài Gòn với cô con gái út chưa chồng. Chuyện "đại sự" đó là chuyện gì đây? Không phải giả chồng cho con dâu! Mà đại sự đó là cùng con đi biển, tức là... vượt biên! Tính toán kỹ rồi, không ờ nổi quê hương của mình nữa, cô con gái út đã chạy lo gom góp, bán đồ đạc để cùng Ngoại vượt biên. Các anh chị lớn khác đều đã có gia đình con cái, họ đều đã yên bề. Chị thì chưa lập gia đình và lòng hiếu thảo muốn

phụng dưỡng mẹ, nên đã thuyết phục Ngoại ra đi với chị cho có mẹ có con, nếu khi qua ở được xử người còn được ấm tình mẫu tử. Ngoại đã cả một đời gian truân vì chồng, nay vì con, còn chặng cuối cùng này nữa đây sao? Con nào cũng thương, thương đứt ruột lặn, Có Út đã quyết chí và cùng bạn bè tổ chức chuyến vượt biên này. Ngoại đã trên 60 tuổi, nghe nói cũng giảm được một phần nhỏ nào đó trong số vàng đóng góp. Cuộc đời Ngoại không ngờ có cảnh này, phải bỏ quê hương xứ sở mà đi! Xưa kia bỏ "cung đình", hương, thôn, làng, xóm "xuất giá tòng phu" ra ở đồn thú biên giới, đã đem theo trong Ngoại một dĩ vãng trẻ trung huy hoàng đẹp đẽ của thời con gái. Nay qua 60 năm thăng trầm dâu bể cuộc đời, Ngoại đã từng trải, từng chứng kiến bao điều ngang trái mà vẫn không ngờ có giờ phút này, bỏ nước ra đi! Lòng Ngoại nghẹn đắng, nuốt lệ vào trong, không dám quá lộ liễu cho con cái thấy. Vì chúng đã quyết rồi, mình cũng ráng cho tròn câu "tòng tử" vậy.

Chuyến vượt biên lần này, tổ chức điểm tập trung tại Cần Thơ, đi xuống Rạch Giá ra biển vào Vịnh Thái Lan và điểm đến là trại tỵ nạn Thái Lan, dự định chuyến đi suôn sẻ là như vậy. Ba ngày trước khi khởi hành, Ngoại và Di Út khăn gói xuống Cần Thơ ở nhà mẹ con Cu đen. Biết ý định của mẹ và em, chị gạt hết nước mắt khóc cả đêm. Trời ơi! Sao có cảnh phân ly oái oăm này. Di Út không cho khóc nhiều vì "không hên" cho chuyến đi -Chưa gì đã đầy nước mắt! Nước mắt chỉ dành cho người nằm xuống- Một câu của bài hát là vậy. Nên chưa "tử" thì đừng khóc chí mà khóc dữ nữa! Di Út luôn dầm bầm câu này khi thấy ai muốn chực "trào" nước mắt.

Đêm nay Ngoại ra đi, chị ôm con tiễn Ngoại một đoạn đường, vì an toàn bảo mật, chuyến đi thường xuất phát vào nửa đêm. Buổi chiều sau cơm tối chị đã gọi 2 bé gái sang nhà người quen, hẹn nửa đêm sẽ lại đón. Chỉ còn Cu đen, vì cậu còn nhỏ sẽ khó đỡ cậu khi vắng mẹ, và cũng muốn hai mẹ con đi tiễn Ngoại.

Trong đêm tối những bước chân âm thầm, không ai nói với nhau lời nào, bao nỗi niềm tâm sự đã tuôn ra trong hai ngày qua rồi. Không gian bây giờ chỉ vắng lặng qua từng bước đi, qua từng hơi thở, nhưng chắc một điều là trong lòng mỗi người đang ngổn ngang trăm mối. Đi ngang qua một ngôi chùa làng, như quán tính Ngoại dừng lại, bỏ túi đồ trên tay xuống đất, đứng nghiêm lại hướng vào trong chùa, chấp hai tay bái dài cúi gập xuống thật sâu, rồi từ từ ngước lên vẫn giữ hai tay chấp nguyện và xá "tử tạ" 3 xá nửa trước ngực. Cung cách làm lễ bái của Ngoại xem ra cũng một chút gì "đài các" còn sót lại của một cuộc vượt biển



mệnh mộng với chân trời xa tít mù ở phía trước. Đang ẩm Cu đen ngủ vùi trên vai, chị cũng đứng nghiêm với tay đỡ đầu đỡ lưng Cu đen và cúi xá dài theo Ngoại. Chị không lạ gì với hình ảnh này của Ngoại, vì Ngoại là một Phật tử thuần thành đi chùa lễ Phật tử thuở nhỏ, và đã quy y Tam Bảo với Ôn Hòa Thượng Đôn Hậu ở Chùa Linh Mục từ những thập niên 30-40. Mấy ngày trước chuyển đi chị đều theo và đưa Ngoại đến các ngôi chùa để Ngoại lễ bái cầu nguyện, nhìn sự thành kính của Ngoại mà chị cảm động, thường mẹ quá đi thôi, chị cũng tâm nguyện cầu mong Phật Bồ Tát cũng thương yêu tử bi với Ngoại như vậy. Ngoại còn lấy ra một tượng Phật nhỏ, xò bằng dây chỉ đeo vào cổ Cu đen, quà tặng tâm linh của Ngoại dành cho Cu đen đó, chị đeo cho con mà lòng xúc động, Ngoại bảo ở nhà có chuyện chi cứ niệm Phật là được, đừng khóc la chi cả! Có lẽ một câu nói hồ cho chuyển "sanh ly tử biệt" này chãng!? Lòng chị nặng trĩu se thắt lại, nước mắt chực sẵn nơi khóe mắt mà không dám trào ra sợ "xui" cho Ngoại.

Đi đến khúc đường mà hai bên đều là đầm trồng sen, đêm khuya cơn gió thoảng nhẹ hướng sen thơm ngát, lá sen đong đưa phát ra âm thanh rạt rào, hướng sen mỗi chút mỗi sàng khoái cho tinh thần. Ngoại bảo chị đến rằm và mùng một cúng Phật mua một bó sen cho đẹp cúng trên bàn thờ cho được trang nghiêm. Nỗi lưu luyến quê hương và lời dặn dò cuối cùng ngát thoảng mùi sen của Ngoại chỉ đón giãn có vậy - Hoa sen cúng Phật.

Qua hết đoạn đường này là phải dừng, sẽ có người đón lồng những người đêm nay ra đi rẽ vào một con đường khác, người nhà không nên đi nữa, đi đồng dễ lộ. Sau khi buông tay Ngoại ra, hình như Ngoại không quay lại nhìn chị thì phải, chị chỉ cảm nhận như vậy bởi đôi mắt đã nhòa nước mắt, bóng Ngoại từ từ khuất dần trong lùm cây của con đường mòn trong bóng đêm xa tít, xa tít nhỏ dần và mất hút. Chợt nghĩ tới cảnh Ngoại một mình lênh đênh trên sóng biển mệnh mệnh với phương trời vô định, tuổi già của Ngoại sẽ chống chọi với sóng gió đại dương, lòng chị ghen đắng, bao uất ức dồn chứa mấy ngày nay bùng nổ tung. Chị òa lên khóc tức tưởi nấc nghẹn trong tiếng lòng đau đớn. Cu đen ngái ngủ bỗng giật thốc người quay đầu qua vai mẹ ngó ngác cũng khóc ré lên. Chị không dỗ ru con nữa, chị tự do khóc, chị muốn để con cũng tự do khóc. Thế là hai mẹ con đều khóc, những với hai tâm trạng khác nhau, trong một đêm trường tịch mịch.

## KỶ NGỘ

Tiếng trống chùa nhịp thúc từng hồi mỗi lúc mỗi lớn trong nghi thức khai chung bàn chuẩn bị cho thời công phu khuya tụng Lăng Nghiêm. Đã đánh thức suy nghĩ đưa tôi trở lại với hiện thực, đang ngồi trong ngôi Phật điện hùng vĩ của ngôi Già Lam Viên Giác. Đang trong mùa an cư của chư Tăng Ni Âu Châu và đặc biệt có khóa Tu Gieo Duyên lần đầu tiên tổ chức cũng tại Chùa Viên Giác dành cho các Phật tử phát tâm "tu thử" 10 ngày. Có lẽ phát nguyện xuống tóc trong thời gian Tu Gieo Duyên này (không bắt buộc). Và những vị thọ Bồ Tát Giới tại gia, được Giáo Hội Âu Châu, qua Thầy Tăng Sự cho phép đắp chiếc cà-sa màu nâu, đây là một biểu tượng vinh hạnh, thúc đẩy Bồ Đề Tâm, biểu hiện sự tinh tấn tu tập của các "tập sự nhơn" được "ấn chứng" trong thời gian tòng hạ an cư. Mà có sự chứng minh hộ trì của Chư Tôn Thiền Đức Tăng Già trong Giáo Hội Âu Châu nói chung và của hiện tiền chư Tăng chúng an cư tại Viên Giác nói riêng.

Việc hình thành chương trình tu tập, tu gieo duyên như thế nào, sẽ có những bài viết tường trình, cảm nghĩ của các vị khác. Ở đây, chỉ xin đưa quý vị trở về lại với tựa của bài viết về khúc quanh của những cuộc đời, mà mỗi người trong chúng ta ai cũng có, mà đặc biệt là với những nhân vật được giới thiệu với quý vị: Một Bà Ngoại - Một Người Mẹ và một cậu bé Cu Đen để thương, nhòe nhòe, nũng nịu, sợ "ông ke" đến chừng nào! Bấy giờ họ đã ra sao? Cuộc đời của họ tiếp tục xảy ra như thế nào? Qua những cơn phân ly, tan tác mà tôi đã đưa quý vị trở về của 20 năm về trước. Nước mắt của chúng sanh không bao giờ cạn - Trong kính tặng Phật đã dạy như vậy - Mà có những giọt nước mắt an lạc, có những giọt nước mắt hệ lụy, có giọt nước mắt vinh quang, có giọt nước mắt tủi nhục, có giọt nước mắt sum họp, có giọt nước mắt chia ly tan tác. Cùng là một vị mặn đắng! nhưng cảm thọ khác nhau đều do nhân duyên nghiệp quả riêng biệt.

Trên bàn thờ hai đóa hoa sen điện tỏa sáng biến ngũ sắc nhấp nhô khi biển màu, một loại đèn điện bóng sen hơi lạ, một kỹ sảo của công nghệ Đài Loan, để đưa hành giả đến sự an lạc khi biết nhìn ngắm và quán tưởng, hướng thơm của bông huệ Á Châu, mà phải đặt trước đã được mua cùng, cắm vào 2 bình hoa pha-lê, mua tại Tiệp Khắc, được đặt trên bàn hướng án, trên Phật điện trước vị trí tọa thiền của Thượng Tọa Viện Chủ.

Chư Tôn Đức Tăng Ni hội về gần 40 vị, thời kinh công phu khuya luôn luôn được trang nghiêm, hùng hồn trong lời trì tụng và qua các pháp khí thiền môn: Chuông, mõ, tang linh, khánh, trống, đều được

mỗi vị Tăng sĩ sử dụng nhịp nhàng, rập ràn trong những lời tán tụng uy nghiêm, tán dương công đức Chư Phật, chư Bồ Tát, được phối tấu hài hòa lúc nhặt lúc khoan, lúc lướt từ láy chữ xuống câu tạo nên một âm thanh du dương an lạc giải thoát. "Nhị giả xứng tán chư Phật" bằng một thời kinh trang nghiêm an lành, thanh tịnh như vậy để xứng tán Chư Phật quả là công đức vô lượng.

Tôi nhẹ nhìn ngang xuống Chư sư đệ Hạnh Hòa (H.H) một vị Tăng trong hàng pháp đệ của tôi, cũng là một người sử dụng tay trống điều luyện, đánh rất giỏi, rất vững qua những tiết tấu nhặt khoan trong một bài tán dù khó vẫn không "rớt" một nhịp trống nào! Với khuôn mặt thông minh hiền lành qua cặp mắt kiếng, mà nhất là nụ cười của chú, chú có một nụ cười rất tươi, với môi hồng răng trắng, nụ cười làm rạng rỡ trên khuôn mặt của người xuất gia tu hành giải thoát.

Chú là đệ tử (tính theo Tăng) ở hàng thủ bầy của Sư phụ tôi, Chú xuất gia tu học đã bước vào năm thứ 4 và cũng đang học năm thứ 4 tại một Đại Học tại Hannover. Có thể xem đây là một mầm non, một Tăng tài trong tương lai của Phật Giáo hải ngoại, nếu biết bồi dưỡng và phát triển đúng khả năng thiên phú sẵn có của chú. Nhìn đôi tay điều luyện gõ đều trên mặt trống, thành trống, qua trống con, tán vào phèng la, một mình chú "múa" với các pháp khí như vậy, miệng vẫn chú tâm tán tụng theo lời kinh, trong tư thế quỳ ngồi oai nghi đĩnh đạc. Bất giác chợt nghĩ tới bài viết, trong lòng tôi bỗng len lén một nụ cười.

Quý vị đọc giả thân mến, bây giờ quý vị có thể đoán được chú Sư đệ khả ái mà tôi vừa kể trên là ai rồi chứ? Thôi thì kể vui "bật mí" ra luôn vậy! Đó là cậu "Cu đen" năm xưa ở Cần Thơ mà sợ "ông ke" đó. Bấy giờ chú đã "đường đường Tăng Tử" phát tâm xuất gia tu học nghiêm minh, lo việc Phật sự giúp đỡ Sư phụ trong việc giấy tờ dịch thuật một cách nhiệt tâm. Tâm hạnh tu tập của chú mỗi ngày đang được rèn luyện thủ thách qua nghiệp quả. Bốn năm chưa phải là nhiều cho một đời tu hành! Trong khi đây, với tuổi trẻ, sự thông minh, hiền lành mà trong cuộc sống hiện tại với bao phức tạp, chạm bẩy cám dỗ. Những ngoại chướng và nội chướng cũng đang từng ngày từng giờ phát sanh. Nên mong sao "Chú Bầy của tôi" sẽ vượt qua những cám dỗ vi tế như sợ "ông ke" thuở nào cho trọn tâm hạnh trên con đường xuất gia tu hành của mình.

Thời kinh tụng vang đều, và sau khi đi kinh hành nhiều Phật 3 vòng trở lại Phật điện, sang phần lạy tán thù ân, mỗi lời xuống lễ thật trầm bổng của Thượng Tọa Thiện Thông, ca ngợi tán dương công đức, hạnh nguyện của từng chư Phật,

chữ Bồ Tát với tiếng chuông và đại chúng đồng lay bát.

Nhìn qua bên Ni phía hàng trên bên các Sư chị -Quý Sư Cô lớn tuổi, bây giờ chỉ còn có 3 Sư Cô: Sư Cô Hạnh Ân (HA), Sư Cô Hạnh Châu (HC), Sư Cô Hạnh Ngọc (HN)- Quý Sư Cô bây giờ đã cao niên cả rồi gần 70 và trên 70 cả. Cá biệt có Sư Cô H.C đã bước vào tuổi 80. Sư Cô xuất gia tu học và ở tại Chùa Viên Giác gần 15 năm. Bước vào đạo với tuổi đời "cổ lai hy", những ngày còn lại của cuộc đời Cô dốc tâm tu tập và lo công quả việc chùa, nhất là chuyện bếp núc trong nhà Trù.

Từ ngày vào chùa tu tập và công quả tại chùa, Sư Cô đã cố gắng vượt qua những khó khăn về thân bệnh như sức khỏe, với tâm bệnh như những vui buồn thuộc phiền não thô tế quá nhiều, để cùng gánh vác công việc chung với chư huynh đệ mà qua những năm tháng "căng thẳng" nhất của thời kỳ xây dựng chùa. Với những lễ lạc quan trọng có tầm cỡ "quốc tế" đã được tổ chức tại chùa, như Đại Hội Tăng Già Thế Giới, Cung đón Đức Đạt Lai Lạt Ma đến thăm, lễ Hoàn Nguyên có cựu Thủ Tướng Tiểu Bang đến dự, Đại Hội Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại v.v... Sư Cô cùng Tăng chúng và tất cả các Phật Tử thuần thành đều đã hoàn thành sứ mạng trọng trách trong công việc được giao. Không ngại già, ngại khó, ngại lớn tuổi. Mấy năm gần đây xem ra Sư Cô có yếu sức đi nhiều. Sư phụ đã hứa khả miễn cho Sư Cô hết mọi việc công quả, ngay cả thời công phu khuya nếu mệt đau, Sư Cô có thể ở tại phòng niệm Phật. Những Sư Cô rất ít khi chịu bỏ tụng thời kinh quan trọng đó cùng với Tăng chúng.

Ồ đây rē một dấu ngoặc để kể, tôi vào chùa tu sau Sư Cô mấy năm, trước khi xuất gia là phải học thuộc kinh Lăng Nghiêm và khi khào công khai trong ngày lễ xuất gia. Kính Lăng Nghiêm với những vần điệu trắc tréo khó học thế nào "đoạn trường ai có câu cầu mới hay"! Thấy tôi than khó học, khó thuộc nổi. Sư Cô luôn an ủi và bảo: "H.C già rồi không biết chữ nhiều, mỗi ngày cử học một đoạn, học riết cũng tụng thuộc theo được, huống chi Chú còn trẻ, đâu có chi mà khó!", một câu nói "khích tướng" như vậy làm tôi phải học cho thuộc "Ngũ đệ" Lăng Nghiêm trong vòng một tháng trước ngày xuất gia.

Nhìn dáng lay chậm rãi của Sư Cô tôi thấy thương lắm, Sư Cô hay nói những câu đón giã: "H.C rắng "bòn phước" được chút nào hay chút nấy để đem theo, có lỡ trả nghiệp cho kiếp sau, thì cũng có một chút mà trả". Người tu hành đạo Phật là hiểu được nhân quả để mà hành trì xử sự trong đời sống. Nghe Sư

Cô tâm tình những ý niệm đón giã mà lòng tôi nhiều thương cảm. Quý vị ơi! Quý vị có biết "Lão bà" Sư Chị đó là ai không? Đó là "Bà Ngoại" của bé "Cu đen" của 20 năm về trước đó. Quý vị có thấy hy hữu chưa, không ngờ những hình ảnh hoa sen trong đầm, hình Phật nhỏ, những lần ẩm dẫn cậu cháu đến lễ chùa năm xưa đã là ẩn tượng là nhân duyên cho việc xuất gia tu đạo của Bà và Cháu, thật hy hữu!

Qua buổi lễ trong Phật điện xong, tuần tự Chư Tôn Đức Tăng Ni từ từ bước sang nhà thờ Chư Tổ phía sau để lễ Tổ. Thông thường sau khi lễ Tổ xong Sư phụ cũng hay dặn dò, nhắc nhở chúng tôi những công việc gì cần thiết, cần làm trước giờ ăn sáng và trong ngày. Vài tiếng ho nhẹ bên Ni chúng, chắc có vài người bị cảm, có các cô Ni trẻ nhỏ bên Na-Uy qua tòng hạ an cư và thời tiết mấy ngày nay biến đổi ngày nóng đêm lạnh thất thường. Dặn dò xong Sư phụ cũng quan tâm nhắc nhở phải xem lại sức khỏe mà uống thuốc, hoặc ngủ đắp ấm vào, coi chừng cửa nẻo gió máy... Sau đó mọi người giải tán tại nhà Tổ, quý Cô, Chú từ từ về phòng nghỉ, giải y và lo công việc. Tôi đi ngang nhà thờ Vọng Linh, đốt thêm nhang cắm vào các bình hương và cũng đứng đợi Ni Cô Tâm Phương (TP) lễ bái tượng Đức Địa Tạng xong. Tôi mới hỏi thăm sức khỏe xem sao, mấy bữa nay thấy Cô cũng ho nhiều. Cô TP là một trong 3 vị lớn tuổi vừa mới xuất gia một tuần trước lễ Phật Đản (năm 1999) vừa qua. Ba cô mới xuất gia là: cô Thị K., Cô T.P và Cô D.C đều trên 50 tuổi cả, được xem là "mầm non" là em út của Chúng Tăng chùa Viên Giác, có lẽ sắp tới Sư phụ chuẩn cho quý Cô thọ Sa Di Ni thì Ngài sẽ cho quý cô Pháp tự đứng đầu bằng chữ Hạnh cho đều chung hết với Tăng Chúng trong chùa. Tôi hỏi thăm sức khỏe cô và cũng hỏi thăm "sức khỏe" của ngày lễ xuất gia ra sao? Vì ngày đó tôi còn đang ở Đài Loan. Và nghe đâu việc thuyết phục "ông bạn" của cô cũng khó khăn lắm mới được thuận tình cho phép xuất gia, tuy "ông bạn" cũng là Phật tử thuần thành cũng cố về chùa công quả thường xuyên nhiệt tình ở lại vài tuần trong các ngày lễ lớn của chùa.

Anh hiểu đạo lắm chứ! mà anh cũng thương gia đình con cái lắm chứ! Con anh, cô gái lớn đã có chồng con và ở riêng; chỉ còn cô gái kế còn đang học nghề là cùng ở chung nhà với anh chị. Họ có với nhau một cậu con trai út độc nhất, cho đi vượt biên từ hồi cậu nhỏ mới 13 tuổi, đành lòng gởi mạng con trên sóng biển. Mấy năm trôi trong trại cải tạo, anh đã ê chề cho tương lai con mình. Con sĩ quan ngục, không có tương lai trong một xã hội mà ý thức hệ kẻ thắng người thua; 13 tuổi vượt biên qua

Thái Lan, ở đảo hơn một năm, được người Di bảo lãnh qua Đức. Còn đang tuổi vị thành niên, nên cậu con trai bảo lãnh gấp cho cha mẹ và hai chị gái sang đoàn tụ. Sau gần 2 năm đến Đức vừa vui sum họp đoàn tụ, vừa tập học tiếng để hội nhập cuộc sống tại xã hội Đức này. Cuộc sống gia đình yên ấm gần 4 năm, cậu con trai học tốt nghiệp xong Trung Học và thi đậu để bước vào Đại Học. Cậu trai trẻ đã được 20 tuổi. Rồi bỗng nhiên cậu quyết chí xin cha mẹ cho cậu được xuất gia tu hành, trở thành tu sĩ! Anh thật sự bị cú "sốc" qua lời xin và sự quyết chí của cậu con trai độc nhất xin xuất gia. Nhiều đêm trăn trở bàn luận cùng vợ, sau cùng với tâm hiểu đạo của người Phật tử với bao nhiêu năm học hỏi giáo lý theo quý Thầy từ trong nước đến khi ra hải ngoại này. Anh đã đồng ý. Và với nhân duyên đặc biệt cậu con trai đã chọn ngôi chùa Viên Giác để xuất gia tu học, mà nơi đó bà Ngoại của cậu đã tu hành hơn 10 năm rồi.

Bây giờ sau 4 năm cậu con trai đi tu, Anh lại đứng ở ngã rẽ, khi nghe vợ cũng "thỉnh nguyện" xin được xuất gia. Biết ý vợ đã quyết, anh khó ngăn được lý tuồng cầu đạo của vợ. Còn bệnh cũ trong thời gian cải tạo bộc phát phải đi nằm điều trị. Đau trong cơn đau mà trăn trở trong suy nghĩ. Rồi một buổi sáng hiểu được lý vô thường của vũ trụ, của cuộc đời rõ ràng tinh nhạy như trong các kinh điển mà Đức Phật đã dạy. Anh đã để cho vợ toại nguyện xuất gia, con đường mà vợ anh đã chọn lựa là tu hành, an lạc, giải thoát. Anh với cảnh "gà trống nuôi con" nhưng cũng phát nguyện hết sức mình hộ đạo đứng trong cương vị của mình để những người thân thương trong cuộc đời của mình được yên tâm tu hành trên con đường họ đã chọn, đó là con đường "xuất trần thượng sĩ". Nếu hiểu theo thế gian đó là một nghĩa cử cao đẹp đáng quý, khó có ai làm được như anh. Nhưng hiểu sâu về Đạo thì anh quả là một Thiện Trí Thúc hộ đạo. Xin tán dương công đức. Nghe cô kể xong "ngọn ngành lạch sông" tôi vừa cười vừa phải thốt lên: hy hữu, hy hữu, thật hy hữu!!!

Thế là quý vị cũng hình dung, cũng đoán được rồi đó, một trong 3 vị Ni Cô mới được Sư phụ tôi chuẩn cho xuất gia, sau khi đã yên ổn việc nhà và được sự đồng ý của người phối ngẫu.

Một điều nghe kể lại mà cảm động là Cô T.K, trước đó được anh Thị L. là "ông bạn đời" cùng về chùa, sau thời tụng kinh sáng tại nhà Tổ, anh đã lễ Tổ, lễ Sư phụ tác bạch với lời lẽ chân tình hiểu đạo của một người Phật tử thuần thành để xin Thượng Tọa viện chủ chùa Viên Giác thuận cho "người bạn đời", cô T.K, được xuất gia. Nghe kể mà thấy cảm động.



## ngày xuất gia

**Đ**ồng hồ điểm tí tách, tí tách không ngừng. Từng giọt thời gian nhỏ xuống. Count-down. Hẹn đại chúng ở chùa, Thầy bảo: Phần hai chú, chuẩn bị; áo quần đã có đầy đủ hết cả chưa? Thầy hướng dẫn phái đoàn đi hành hương Trung Quốc. Tí tách, tí tách. Còn một tháng. Nửa tháng. Thầy về. Giỗ giáp năm sư phụ của Thầy, Thầy nói: Tuần tới, thứ tư 27.10.99, mời quý Bác tới dự lễ xuất gia của Minh Vinh và Đức Thụ, hai người sắp bước vào hàng 'thánh' - những có làm được hạnh thánh hay không, lại là chuyện khác-, Thầy cười bảo thế. Rồi cuối tuần trôi qua rất mau. Thứ hai. Thứ ba, ăn sáng, Thầy dặn: hôm nay nhớ mua bông chuẩn bị cúng Phật. Chỉ còn vài tiếng nữa thôi là gia đình và bạn bè sẽ về, để ngày mai dự lễ sớm, 6 giờ sáng.

Mới đó mà đã hơn 6 tháng. Nhờ ngày nào tôi bỏ nghề chùa, không biết việc chi làm, lang thang ngoài sân, Thầy nhớ quét lá đa; mà nay đã có công việc làm rõ ràng ở trên Thư viện và ngày mai đây sẽ được xuất gia, nhập chung với tăng chúng của chùa.

Có thể nói, không có mùa hè nào Phật sự đa đoan như mùa hè năm nay. Những khóa tu mở ra liên tiếp. Đầu tiên là khóa tu cho Gia Đình Phật tử, từ 2-5.4.99 rồi khóa Giáo lý, do quý TT Nhất Chơn, Thiện Huệ từ Paris, và TT Thiện Thông từ Việt Nam sang. 28-30.5, lễ Phật Đản tại chùa. Tiếp liền sau đó là mùa An Cư Kiết Hạ của quý chú Tăng, Ni. Năm nay chúng tôi nhận thấy có quý Thầy: Thiện Thông, Quảng Bình (Đan Mạch), Từ Trí (München), và Tăng chúng trong chùa. Ngoài 2 thời công phu chính là sáng và chiều ra, ngày nào cũng ăn cơm quá đường, đi kinh hành, lạy Phật theo kinh Đại Bát Niết Bàn, mỗi chữ mỗi lạy, mỗi tối trung bình từ 300 đến 350 lạy. Xen kẽ trong mùa An Cư Kiết Hạ (3 tháng) là các tuần lễ thọ Bát Quan Trai, và đặc biệt, lần đầu tiên tại Châu Âu, có khóa tu gieo Duyên 2 tuần tại chùa Viên Giác, đây là khóa tu thử, cũng được đắp y (màu nâu) và sống đời tịnh hạnh giống như một tu sĩ thực thụ; khóa học của GĐPT/VN hải ngoại; khóa Giáo lý Âu-châu ở Oslo, Na Uy, từ 24.7 đến 3.8.99. Khóa tu học này đồng học viên nhất từ trước đến nay, 600 người, chưa kể chú Tăng Ni, và tiếp liền sau đó, là lễ Khánh thành chùa Khuông Việt (Trong buổi lễ vớt vong tại đây, có một hiện tượng lạ do chính mắt tôi trông thấy. Hôm đó, bầu trời trong vắt, bỗng

xuất hiện một cụm mây trắng, kết thành hình Quan Thế Âm đứng trên đài sen, tay cầm bình cam lộ. Và qua ngày hôm sau, lễ Chấn tế Cô hồn, mây trắng cũng kết thành hình con rồng, phun nước xuống (mưa dầm).

Cũng chính trong thời gian đầu ở chùa này, tôi đã chứng kiến được sự linh nghiệm của Phật pháp, đã làm cho tâm bồ đề của tôi càng thêm kiên cố. Hôm đó, mẹ tôi đau một trận kịch liệt, đã hấp hối. Điện đánh ra cho các người con ở năm châu bốn bể phải về gấp để thọ tang. 7 người đã về quỳ dưới chân giường bệnh của mẹ. Chỉ còn tôi, vì ở chùa, nên sự liên lạc bị trễ. Trong khi chờ đợi làm thủ tục, tôi đã chí thành cầu nguyện, và đồng thời dâng số lên Chủ Tôn Đức cầu an cho mẹ. Tôi đã đặt xong vé máy bay, chỉ chờ lấy visum là đi. Thế rồi, tôi điện thoại về Sài Gòn, thì má tôi đã tỉnh lại, và qua vài ngày sau, bình phục. Ai nấy cũng đều ngạc nhiên, không hiểu vì sao, thật là một phép lạ!

Tối nay, Đức Thụ vào rú xuống dự tiệc trà. Tất cả ngồi thành vòng tròn, trước mặt là một dây đèn cầy và bánh trái. Tôi thấy nhiều nhất là anh em Huỳnh Trường và Đoàn Sinh trong GĐPT Tâm Minh, các anh Huỳnh trưởng Trung ương, vài người Đức ở hội Chölling (hội Phật tử Đức tu theo Tây Tạng), 3 người Đức - và gia đình Đức Thụ,... Những lời "phỏng vấn", nhẩn nhủ, tâm sự, những bài hát và những tràng pháo tay... "Thôi con hãy về để ta vui ánh vàng", đó là bài hát "đòng Anôma" tôi đã hát mừng Đức Thụ và cũng muốn gửi gắm một cái gì. Đến 10 giờ thì buổi tiệc gần như tàn.

Độ 10:30 giờ khuya gia đình tôi mới về tới. Có thêm 2 Bác Sơn, An, Bách. Nhìn các con vẫn khỏe mạnh, rất mừng. H. thấy ốm nhiều. "Các con ơi, ngày nay các con đã đủ trí khôn, nên người hữu dụng, ba đâu còn tiếc gì nữa. Ba đã làm hết bốn phận của mình, lo cho gia đình. Nhưng đời sống có những cái bất toàn. Và mình sinh ra để mà học hỏi. Mình gặp nhau trong cuộc đời này là do duyên kiếp xa xôi để lại, mình đã thương yêu, đùm bọc giúp đỡ nhau. Ba cảm ơn mẹ con các con đã tạo cho ba điều kiện dễ dàng đi vào đường đạo, sớm từ bỏ cuộc tử sanh, trở về với bốn lai diện mục mà mình đã đánh mất từ lâu... Xuất gia là xuất tam giới gia, xuất phiền não gia, và xuất thế tục gia. Cảm ơn mẹ con, các con và tất cả những người ba đã gặp trên đời. Đó đích thực là những thiện tri thức, nhờ đó mà ba có được như ngày hôm nay. Con đường ba đã chọn, không phải tự nhiên mà có. Nó phải do những nguyên do trùng trùng điệp điệp đẩy đưa, và biết đâu, không là những nguyên do từ muôn triệu kiếp về trước. Ba rất mãn nguyện là ngày hôm nay mình đã đặt

Còn Cô D.C thì thuộc diện "độc thân" nên không có gì ràng buộc, chỉ khó một chút là quyết chí buông bỏ quá khứ "đã lái qua tay 19 chiếc xe, hơn 100 bộ quần áo "modern", gần 500 cuộn băng Video ca nhạc, kịch, cài lưồng, đủ loại đồ đeo trang sức với các loại giá trị". Cô đã đem "cho không biếu không" tặng mọi người để nhẹ nhàng "trắng tay" bước vào con đường tu học.

Chỉ có Cô T.P là gặp chút "trục trặc" qua sự trăn trở của "ông bạn" và cuối cùng được chấp thuận trong hoan hỷ.

Vậy quý vị biết rồi đó, một trong 3 Ni Cô vừa xuất gia, có một Ni Cô là Mẹ của bé "Cu đen" năm xưa.

Nam Mô A Di Đà Phật, quả là nhân duyên hy hữu. Sư phụ tôi đã thế độ cho cả 3 thế hệ: Bà, Con và Cháu. Tôi luôn nghĩ đây là một đại sự nhân duyên hy hữu, phải không quý vị? Riêng tôi được "cộng duyên" bởi Sư phụ tôi đã cho tôi một "Bà Ngoại" làm Sư Chị (Sư Tỷ), một Cô Giáo làm Sư Mẹ và một cậu bé "Cu đen" làm Sư đệ. Tôi nghĩ chắc "Chú Bày sư đệ" khả ái của tôi sẽ không buồn giận gì khi đọc bài viết có một chút chi tiết hủ cấu nhỏ của Sư huynh khi đã "lật tẩy" đúng cái tên "cúng cơm" thuở nhỏ đặt cho Chú phải không?

Và cuối lời, đây không phải quảng cáo mà là một chút lời "giới thiệu sản phẩm". Nếu quý vị nào đã từng về chùa tham dự các kỳ Đại Lễ và có ghé qua gian hàng phát hành bánh trái rất phong phú của chùa Viên Giác do quý Bác, quý Cô, quý Phật Tử công quả làm ra, trong đó có hai loại bánh, nếu ăn không ngon lắm, không vừa khẩu vị, hoặc bị lỗi kỹ thuật mà quý vị cần khiếu nại, đóng góp ý kiến. Tôi sẽ giúp quý vị "nín áo đúng người" chịu trách nhiệm. Đó là loại bánh Khoai Mi Nướng với bơ, sữa, đường cát trắng (món bánh được bí truyền khi ở đảo Thái Lan) thì xin gặp "Bà Ngoại năm xưa" là Sư Cô Hạnh Châu. Loại bánh thứ hai là bánh Xu-Xê gân dừa sợi, nhân đậu xanh, được gói trong giấy bạc vuông vẫn rất đẹp thì xin tìm "Cô Giáo gánh gồng nuôi chồng cái tạo năm xưa" là Ni Cô Tâm Phương. Và xin quý vị lên Chánh điện dự được một thời trì tụng công phu khuya thật trang nghiêm trong tiếng trống hùng hồn, khoan nhặt rõ ràng tạo cho quý vị cảm nhận được sự an lạc thanh thản giải thoát trong tâm hồn, thì xin dừng ngần ngại đến thăm làm quen với "Cậu bé Cu đen ngày xưa" tức Sư chú Hạnh Hòa.

Đó là một thiện duyên tốt đẹp. Ba thế hệ xuất gia tu hành tại ngôi Phạm Vũ Viên Giác Tự.

*Viết xong trong những ngày tĩnh tu và sau những cơn Động đất tại Đài Loan*  
Mạnh Thu năm Kỷ Mão

được "viên đá đầu tiên" cho công cuộc thoát ra khỏi vòng sanh tử luân hồi về sau này. Biết đâu, triệu triệu năm về sau, sẽ có một chuyện tiền thân như thế này: "Vào thuở lâu xa, có Đức Phật ra đời, hiệu là "MV" chẳng hạn" (!). Phật thị hiện vào cõi ta bà này cũng có vợ, có con. Các bậc cao Tăng như HT. Thích Thanh Từ, HT. Thích Minh Châu cũng thế. Có lẽ vì như thế, thì bồ đề tâm càng kiên cố, không có gì có thể lay chuyển nổi chăng...? "

Sáng nay, thứ tư, 5 giờ đã thức dậy. Qua một đêm ngủ ngắn nhưng trong người vẫn cảm thấy khoẻ. Việc đầu tiên là tắm gội, để chuẩn bị cho một ngày quan trọng. Từng giọt nước ấm gội xuống, như mang đi tất cả phiền cấu còn sót lại, trôi chảy ra biển khơi, hoà nhập vào cõi mệnh mông vô tận.

5:40 giờ, vào chánh điện để bắt đầu giờ công phu sáng. Sau đó, Thầy và chú Tăng Ni bước ra phía trước, ngồi vào các dãy bàn đã được sắp sẵn từ chiều hôm qua. Tôi nhận thấy có Ni Sư Diệu Tâm đến từ chùa Báo Quang, Hamburg, Ni Sư Như Viên, Đại Đức Thích Hạnh Vân, Sư cô Thích Nữ Hạnh Châu, Sư cô Huệ Nhứt, Từ Khánh, Sư cô Tuệ Đàm Vân, Tuệ Đàm Hương; Chú Sa di Thích Hạnh Hòa, Thích Hạnh Hào (người Đức) và Thích Hạnh Luận; các Ni cô Thị Khiêm, Tâm Phương và Diệu Cam.

Thầy tuyên bố khai mạc buổi lễ. Sau đó là phần "dò bài". Thầy nói, trước khi xuất gia, phải dò kinh điển. Thầy dò chú Lăng Nghiêm, chú Đại Bi, Thập Chú. Cái học búa nhất là chú Lăng Nghiêm, vừa dài, vừa khó, vừa dễ lộn từ đệ tam qua đệ ngũ. Bởi thế, cho nên người ta thường nói: "Đi linh sợ ải, làm sai sợ Lăng Nghiêm" là vậy. Thầy hỏi thật khó: Thầy đọc một câu, rồi bắt tôi phải đọc tiếp. Thập chú và đệ nhị thì dễ rồi, nhưng qua đến đệ ngũ chú Lăng Nghiêm thì tôi hồi hộp quá, đọc lộn qua đệ tam. Thầy biết vậy, nhưng vẫn cho qua, có lẽ vì trước đó, Thầy đã dò bài tôi trong lớp học về giới luật rồi, và tôi đã thuộc lâu lâu. Sau đó, Thầy và đại chúng tụng kinh, niệm chú. Rồi Thầy đứng dậy, đi về phía chúng tôi, bắt đầu làm lễ xuống tóc. Đức Thọ trước. Thầy cầm nhánh dương liễu rày nước cam lồ lên đầu, lên vai, vừa cắt tóc, vừa rày nước, vừa niệm chú liên miên. Chú Hạnh Luận theo sau phụ Thầy. Tôi quỳ bên cạnh, hồi hộp chờ đợi đến phiên mình. Còn độ chừng 5 phút nữa thôi là đến phiên tôi. Giờ này, tôi có thể bỏ cuộc, chạy trốn, về với gia đình, với cuộc đời đầy màu sắc; với những bữa ăn ngon, thơm phức mùi vị; với cuộc sống đầy tiện nghi, dễ chịu. Chặng đường sắp tới đầy đầy chông gai, thử thách. Phải sống thiếu dục, tri túc. Phải

theo giới luật thiền môn, thức khuya, dậy sớm, tụng kinh, niệm chú, ngồi thiền; những bữa ăn thanh đạm..., liệu mình có kham nổi không? Quyết định nhanh lên! Chạy trốn? Bất quá là Thầy sẽ la và giận một chốc rồi cũng thôi, (vì người tu không được giận quá một đêm mà!). Nhưng không, tôi vẫn quỳ yên. Không phải vì tôi sợ, mà vì tôi đã quyết định từ lâu. Tôi nghĩ đến sự màu nhiệm của Phật pháp. Tôi nghĩ đến sự linh nghiệm đã xảy ra cho mẹ tôi, đến sự thị hiện của Phật Bà Quan Âm ở bầu trời Oslo và con rồng phun nước. Tôi quyết chí noi theo con đường mà Đức Phật đã đi. Người xưa đã lặn lội khai sơn phá thạch, mở đường, ngày nay mình chỉ việc đi theo. Dễ quá mà. Tôi quyết đi tìm cái Phật tánh, cái "bản lai diện mục" trong tôi. Chân lý phải được thể hiện ra cho mọi người đều thấy, đó là một cách hữu hiệu nhất để chống lại tội ác đầy dẫy trên thế gian này. Tôi nhỏ đến lời khai thị của Thầy Thích Nhất Hạnh: muốn làm việc xã hội, muốn giúp đời một cách có hiệu quả thì nên đi tu. Người thường giúp đời được một, người tu giúp đời được 10, 100, 1 triệu lần hơn. Cảnh tay bồ tát là dài vô tận....

Những giọt nước mát lạnh nhỏ lên mặt, lên vai, khiến tôi giũ mình tỉnh lại. Thầy đang đứng trước mặt tôi, câu niệm chú bất diệt. Tôi nghe tiếng máy *tông-đó* chạy rè rè. Những mảng tóc rớt xuống mặt, xuống vai. Đây này, những phiền não của cuộc đời. Thôi nhé, từ nay xin chào mi. Từ nay là đầu tròn áo vuông. Là cuộc đời đạo hạnh của một người tăng lữ. Già từ một kiếp lang thang không định hướng; già từ những âu lo, nghĩ ngợi, tính toán mông lung; già từ gia đình, già từ người thương, để dẫn thân vào chốn thiền môn, chan hoà ánh đạo vàng.

Thầy cho ra ngoài để các chú cắt lại những sợi tóc còn sót, và thay áo. Vài phút sau, vào trở lại chánh điện, Thầy trao máy vi âm cho chúng tôi để phát biểu cảm tưởng. Đức Thọ nói trước. Tôi không biết nói gì, chỉ cảm ơn Thầy đã chấp nhận cho tôi được xuất gia ngày hôm nay, và nguyện sẽ tinh tấn, phấn đấu để vượt qua những thử thách sau này. Tôi chỉ nói ngắn thôi, mặc dầu trong tôi đang thốn thốn. Tôi biết, mình sẽ nường vào đức hạnh của Thầy rất nhiều để có thể vượt qua mọi khó khăn. Đạo đức của Thầy sẽ là bóng mát, che rợp chúng con. Sau đó, Ni Sư Diệu Tâm ban huấn tử. Sư nói nhiều, có nhắc lại những kỷ niệm của tôi hồi còn ở Đà Nẵng. Sư chúc mừng, từ nay có thêm 2 người bạn đạo. Ni sư Như Viên cũng có bài phát biểu trao tay rất chân tình, những thời giờ eo hẹp nên không đọc. Đến phần phát biểu của gia đình, bên Đức Thọ có người em trai lên nói rất xúc động, 2 anh em đã khóc, làm mọi người ai nấy cũng đều mũi

lòng. Bên tôi, có An, em gái, đại diện gia đình lên chúc tụng. Vàng, anh sẽ cố gắng sống đời đạo hạnh để xứng đáng là người anh cả trong gia đình. Đến phần quan khách, bác Thị Tâm Ngô Văn Phát, Hội trưởng Hội Phật Tử, khuyển như và vài điều rất chân tình. Các anh Huynh trưởng Thị Lộc, Thị Hiện, Quảng Niệm đại diện cho Ban Huynh Trưởng Trung Ương lên chúc tụng. Tất cả đều là những lời vàng ngọc, chung vui và khuyên chúng tôi phải cố gắng, tinh tấn, dũng mãnh để vượt thắng những trở ngại đang bủa vây trước mặt. Vàng, đúng vậy, thời gian qua đã đầy chông gai thử thách. Thử thách về đủ mọi phương diện. Những dẫn vật nội tâm, những chướng ngại về mặt tinh thần, về mặt thể chất. Những bữa riu của dư luận, những tin đồn, những lời gièm pha, hiểu lầm trong đại chúng... làm tôi chết điếng. Những lúc như thế, tôi yên lặng, thờ và mỉm cười, cử bình tĩnh, lấy chữ nhẫn làm đầu. Đôi lúc chịu không nổi, muốn bỏ cuộc. Tôi thảng thốt tự hỏi, mình đã từ bỏ cuộc đời ô trọc để vào chùa tu, muốn yên mà tại sao lại vẫn không yên? Tôi học ra rằng, cuộc đời này không phải là dễ. Chúng ta có rất nhiều trình độ, có những cái nhìn, tập quán khác nhau, nên sự sai biệt, hiểu lầm lúc nào cũng có, dù cho mình có ý muốn sống tử bi, thể hiện tâm bồ tát đối với mọi người đi chăng nữa thì cũng vẫn gây đau khổ cho người khác. Cái khác của người tu và người đời là ở cách hành xử sau đó. Người tu thì có thể bỏ qua, nhưng người đời thì rất khó.

Về mặt thể chất, không hiểu sao bệnh tật ở đầu ập đến. Lúc đầu, tôi chỉ thấy nặng nặng ở chân, về sau, đau nhức bên chân trái dữ dội. Bác sĩ nhà chuyển qua Bác sĩ chuyên khoa thần kinh, nhưng cũng không tìm ra bệnh (vì nào có cách gì chữa xin mạch cho). Người ta bảo, đó là do nghiệp chướng lâu đời tạo nên -nhất là nghiệp sát- cần phải sám hối cho nhiều. Và những khó khăn mà tôi đã trải qua đó là do chuyển nghiệp, chúng tôi quấy rầy, làm cho điên đảo, để không cho mình tu. Không biết có đúng không. Có điều vui là bệnh nghẹt mũi kinh niên của tôi nay đã bớt đi rất nhiều mà không dùng thuốc gì cả. Một le lói trong đường hầm chẳng??

Sau phần chụp hình lưu niệm, với Thầy, với đại chúng, với gia đình, bè bạn là phần tặng quà. Những gói quà, những bì thư cầm tay xinh xắn. Nhìn mọi người đứng sắp hàng dài nối đuôi nhau thật cảm động.

Đức Thọ có cuốn sách luận án ra trường nói về Phật giáo Việt Nam tại Đức bằng Đức ngữ vừa hoàn tất, tặng lại. Còn tôi, chẳng có cái gì cả, nên hôm nay ngồi viết lại mấy hàng này gởi đến tất cả quý Bác, bạn bè, các em, và gia đình, gởi là chút quà đầy đạo vị vậy. ●



Thích Như Điển

# Hãy dành một ít tâm tư hướng về ngôi chùa mới Khánh Anh tại Paris - Pháp quốc

**H**ần Phật Tử chúng ta tại Âu Châu cũng như ở ngoại quốc đã biết rằng, ngôi chùa mới Khánh Anh, nằm về phía Nam của ngoại ô Paris chừng 25 km đã làm lễ đặt viên đá đầu tiên vào ngày 18 tháng 5 năm 1995. Kể đến nay đã hơn 4 năm rồi. Trong hơn 4 năm đó, Hòa Thượng Thích Minh Tâm trụ trì chùa Khánh Anh, cũng là Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu đã nỗ lực rất nhiều trong việc mua đất và kêu gọi thầu cũng như vay tiền ngân hàng... Nhưng tất cả hầu như bị giậm chân tại chỗ; vì kinh tế khó khăn; vì nhà Bank bảo chưa hội đủ điều kiện v.v... chỉ còn trông đợi vào Phật Tử khắp nơi đóng góp, do vậy mà thời gian cứ kéo dài mãi ra như thế.

Nóng lòng trước đám đất đã đào móng, nhưng chưa lên hình thể, nên đã có nhiều nguồn động viên khác nhau. Cuối cùng rồi tháng 9 năm 99 vừa qua, ngôi chùa mới đã chính thức thi công và vào ngày 15 tháng 11 năm 99 vừa rồi tầng trệt chùa xe của chùa đã hình thành. Rồi nay mai sẽ lên tầng 2 chùa xe, rồi đến Chánh điện, Đông đường, Tây đường và Bảo tháp, cổng Tam quan v.v... Có biết bao nhiêu chuyện đáng phải làm; nhưng tài chánh thì giới hạn, phải chạy từng đồng cho công thợ, mặc dầu mỗi chỉ là giai đoạn khởi đầu mà đã lên đến 10 triệu quan Pháp rồi.

Tôi có thưa với Hòa Thượng rằng : Nếu chùa xây lên đến nóc, lợp ngói xong thì mỗi chỉ một nửa công chuyện thôi. Còn nhiều việc phải làm lắm, mà diện tích xử dụng 4.000 m<sup>2</sup>, nghĩa là lớn hơn chùa Viên Giác tại Hannover 1.000 m<sup>2</sup> thì số chi chỉ dừng ở con số 40 triệu quan chủ không ít. Nếu tính 1 m<sup>2</sup> là 10.000 quan là con số khả dĩ để vào ở được. Nói như vậy sẽ có nhiều người lo, nhưng đó là sự thật. Vậy nếu tính nhẩm, từ nay đến ngày hoàn thành phải cần chừng 30 triệu quan Pháp nữa, tức gần 10 triệu Đức Mã nữa. Con số ấy đào đâu ra?

Nhỏ lại thuở xưa, hồi 10 năm về trước, khi làm ngôi chùa Viên Giác tại Hannover, tôi đã xuôi ngược khắp nơi để cổ động và Hòa Thượng Thích Minh Tâm cũng như Phật Tử chùa Khánh Anh và các Phật Tử Việt Nam tại Pháp đã hỗ trợ rất mạnh mẽ cho sự hình thành ngôi chùa Viên Giác tại Hannover này. Do vậy tôi vẫn thường hay nói với quý Phật Tử rằng : Nếu không có Hòa Thượng Minh Tâm thì các Giáo Hội và các chùa tại Âu Châu không thành hình và đặc biệt là ngôi chùa Viên Giác cũng thiếu đi những cây trụ cột chính. Chúng ta là những kẻ ăn quả, nên nhớ công ơn của kẻ trồng cây. Vậy tôi xin tha thiết kêu gọi Phật Tử Việt Nam tại Đức nói riêng và khắp nơi trên thế giới nói chung hãy cố

gắng biểu lộ tấm lòng của mình đối với ngôi chùa Khánh Anh bằng nhiều cách như đóng định kỳ hằng tháng, cúng dường, cho mượn hội thiện không lời v.v... tất cả đều hướng về một mục đích chung là làm sao cho ngôi Già Lam này chóng thành tựu viên mãn. Mọi sự đóng góp, cúng dường quý Phật Tử có thể gửi thẳng về :

Pagode Khánh Anh  
14 Avenue Henri Barbusse  
92220 Bagneux - France. Tel.: 00331- 46558444

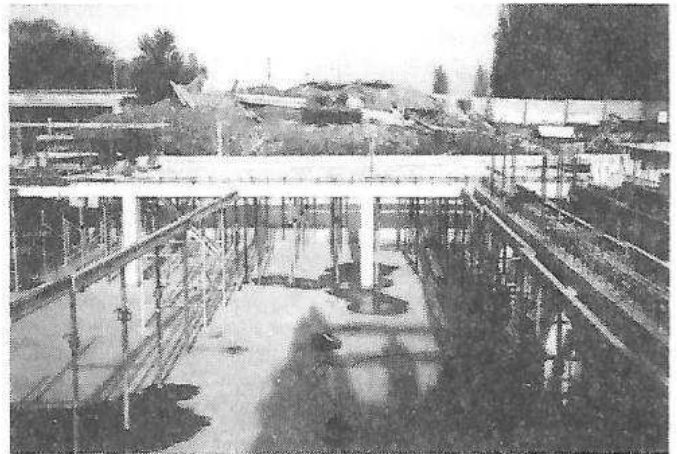
hoặc chuyển vào :

Deutsche Bank Hannover  
Konto-Nr. 866 1860. BLZ 250 700 70  
Mr. Le (Pagode Khanh Anh)

Xin vô vàn đa tạ tấm thịnh tình của quý Đạo Hữu và quý Phật Tử xa gần vậy.

Kính nguyện

Nam Mô A Di Đà Phật



Công trường Chùa Khánh Anh đang xây cất



Phái đoàn viếng thăm Chùa mới Khánh Anh

## Chương Trình sinh hoạt Phật sự của chùa Viên Giác vào năm 2000

### ● Tháng 1 năm 2000

Ngày 16.01.2000 (chủ nhật) :  
Lễ Phật tại chùa Phổ Hiền (Pháp)  
Ngày 29.01.2000 (thứ bảy) :  
Tết tại Frankfurt  
Ngày 30.01.2000 (chủ nhật) :  
Tết tại Mannheim

### ● Tháng 2 năm 2000

Ngày 04.02.2000 (thứ sáu) :  
vào lúc 24 giờ đón giao thừa và nghinh  
Xuân Di Lặc  
Ngày 05. và 06.02.2000 (thứ bảy và chủ  
nhật)

**Nhằm ngày mồng 1 và mồng 2 Tết :**  
suốt những ngày này tại chùa có phát  
lộc, lì xì đầu năm, xin xăm, lễ Phật  
Ngày 07.02.2000 (thứ hai) :

Từ sáng đến tối tại chùa trì tụng bộ kinh  
Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa để cầu  
nguyện cho thế giới hòa bình và  
nhân sinh an lạc

Ngày 12.02.2000 (thứ bảy) :

Tết tại Nürnberg

Ngày 13.02.2000 (chủ nhật) :

Tết tại Künzelsau

Ngày 19.02.2000 (thứ bảy) :

Rằm tháng Giêng tại chùa Viên Giác

### ● Tháng 3 năm 2000 :

Ngày 04. và 05.03.2000 (thứ bảy và chủ  
nhật) :

Thọ Bát Quan Trai tại Stuttgart

Ngày 11. và 12.03.2000 (thứ bảy và chủ  
nhật) :

Thọ Bát Quan Trai tại Berlin

Ngày 18. và 19.03.2000 (thứ bảy và chủ  
nhật) :

Thọ Bát Quan Trai tại Nürnberg

Ngày 25. và 26.03.2000 (thứ bảy và chủ  
nhật) :

Thọ Bát Quan Trai tại  
Aschaffenburg

### ● Tháng 4 năm 2000 :

Ngày 01. và 02.04.2000 (thứ bảy và chủ  
nhật) :

Thọ Bát Quan Trai tại Reutlingen

Ngày 07. đến 09.04.2000 (chiều thứ sáu  
đến chủ nhật) :

Khóa Tu Học cho quý vị Thọ Bồ Tát  
Giới do T.T. Thích Nhất Chơn  
hướng dẫn tại Karlsruhe

Ngày 15.04.2000 (thứ bảy) :

Lễ Phật tại Koblenz

Ngày 16.04.2000 (chủ nhật) :

Lễ Phật tại Saarland

Từ ngày 21. đến ngày 24.04.2000 (thứ sáu  
đến chủ nhật) :

Khóa Tu Học của GDPT Đức quốc  
cũng như Âu Châu và Đại Hội Huynh  
Trưởng GDPTVN Hải Ngoại tại chùa  
Viên Giác dưới sự hướng dẫn của T.T.  
Thích Như Điển và T.T. Thích Thiện  
Huệ

Ngày 28.04.2000 (thứ sáu) :

Họp Chi Bộ tại chùa Linh Thủ Berlin

### ● Tháng 5 năm 2000 :

Ngày 01.05.2000 (thứ hai) :

Du ngoạn với GDPT Tâm Minh

Ngày 07. và 08.05.2000 (chủ nhật và thứ  
hai) :

Họp tất cả Tăng Ni đang sống tại Đức,  
tại chùa Viên Giác (gồm Việt Nam  
và các quốc tịch khác nhau)

Từ ngày 12. đến 14.05.2000 (thứ sáu đến  
chủ nhật) :

**Lễ Phật Đản 2544 tại chùa Viên Giác**

Ngày 19.05.2000 nhằm ngày 16.04. âm lịch  
:

Lễ nhập hạ an cư và lễ lạy kinh Đại Bát  
Niết Bàn vào mỗi tối

Ngày 20.05.2000 (thứ bảy) :

Lễ Phật Đản tại chùa Thiện Hòa

M. gladbach

Ngày 27.05.2000 (thứ bảy) :

Lễ Phật Đản tại München

Ngày 28.05.2000 (chủ nhật) :

Lễ Phật Đản chung với Phật Giáo Đức  
tại Hannover

### ● Tháng 6 năm 2000 :

Từ ngày 01 đến ngày 04.06.2000 (thứ năm  
đến chủ nhật) :

Khóa Giáo Lý định kỳ của Phật Tử Việt  
Nam tại Đức dưới sự hướng dẫn của  
T.T. Thích Như Điển, T.T. Thích Nhất  
Chơn và T.T. Thích Thiện Huệ tại  
Karlsruhe

Ngày 09. đến 12.06.2000 (thứ sáu đến thứ  
hai) :

Khóa giáo lý tại Thụy Điển

Ngày 17. và 18.06.2000 (thứ bảy và chủ  
nhật) :

Thọ Bát Quan Trai tại NPD Viên Ý  
(Italia)

Ngày 24. và 25.06.2000 (thứ bảy và chủ  
nhật) :

Họp Hội Phật Tử và các Chi Hội tại  
chùa Viên Giác

### ● Tháng 7 năm 2000 :

Từ ngày 01. đến ngày 14.07.2000 :

Tại chùa Viên Giác có khóa Tu gieo  
duyên ngắn hạn. Mọi người ở khắp  
mọi nơi đều có thể về chùa tu tập,  
không cần thông báo trước

Từ ngày 15 đến ngày 23.07.2000 :

Khóa Tu học Phật Pháp Âu Châu kỳ  
thứ 12 sẽ được tổ chức tại Pháp  
(Paris)

Ngày 29. và 30.07.2000 (thứ bảy và chủ  
nhật) :

Thọ Bát Quan Trai tại chùa Viên Giác

### ● Tháng 8 năm 2000 :

Ngày 05.08.2000 (thứ bảy) :

Lễ Vu Lan tại chùa Phật Bảo Bartrup

Ngày 12.08.2000 (thứ bảy) :

Lễ Vu Lan tại chùa Linh Thủ Berlin

Ngày 14.08.2000 (thứ hai) :

Rằm tháng Bảy âm lịch và 15.08.2000  
lễ mãn hạ tự tử

Từ 18. đến 20.08.2000 (thứ sáu đến chủ  
nhật) :

### Lễ Vu Lan tại chùa Viên Giác Hannover

Ngày 26.08.2000 (thứ bảy) :

Lễ Vu Lan tại chùa Bảo Quang  
Hamburg

### ● Tháng 9 năm 2000 :

Ngày 02.09.2000 (thứ bảy) :

Lễ Vu Lan tại chùa Thiện Hòa  
M. gladbach

Ngày 03.09.2000 (chủ nhật) :

Lễ Phật tại Anh Quốc

Ngày 09.09.2000 (thứ bảy) :

Lễ Vu Lan tại chùa Quan Thế Âm  
Aachen

Ngày 16. và 17.09.2000 (thứ bảy và chủ  
nhật) :

Lễ Vu Lan và Thọ Bát Quan Trai tại  
München

Ngày 23. và 24.09.2000 (thứ bảy và chủ  
nhật) :

Thọ Bát Quan Trai tại Nürnberg

Ngày 30.09. và 01.10.2000 (thứ bảy và chủ  
nhật) :

Thọ Bát Quan Trai tại Berlin

### ● Tháng 10 năm 2000 :

Ngày 07. và 08.10.2000 (thứ bảy và chủ  
nhật) :

Thọ Bát Quan Trai tại Rottweil

Ngày 14. và 15.10.2000 (thứ bảy và chủ  
nhật) :

**Họp Báo Viên Giác tại chùa Viên Giác**

Ngày 21. và 22.10.2000 (thứ bảy và chủ  
nhật) :

Thọ Bát Quan Trai tại Wiesbaden

Từ ngày 23. đến ngày 29.10.2000 :

Phật Giáo Đức đại hội tại chùa Viên  
Giác đồng thời dự lễ bế mạc EXPO  
2000 (triển lãm thế giới)

### ● Tháng 11 năm 2000 :

Ngày 04. và 05.11.2000 (thứ bảy và chủ  
nhật) :

Thọ Bát Quan Trai tại Norddeich và  
Bremen

Ngày 11. và 12.11.2000 (thứ bảy và chủ  
nhật) :

Thọ Bát Quan Trai tại Mannheim

Ngày 18. và 19.11.2000 (thứ bảy và chủ  
nhật) :

Thọ Bát Quan Trai tại Freiburg

Ngày 25. và 26.11.2000 (thứ bảy và chủ  
nhật) :

Thọ Bát Quan Trai tại Frankfurt

### ● Tháng 12 năm 2000 :

Ngày 02. và 03.12.2000 (thứ bảy và chủ  
nhật) :

Thọ Bát Quan Trai tại Karlsruhe

Ngày 10.12.2000 (chủ nhật) :

Lễ Phật tại Münster

Trên đây là chương trình tổng quát của năm  
2000. Phần chi tiết sẽ được thông báo đến  
quý vị từng tận của từng lễ một. Mong quý  
Đạo Hữu và quý Phật Tử lưu tâm đến  
những ngày lễ Phật trong năm và ghi vào  
lịch sinh hoạt của chính mình để mọi việc  
được thuận tiện hơn. Xin chân thành đa tạ.  
Nam M6 A Di Đà Phật



## CÂU CHUYỆN Y HỌC



**Chứng tê thấp cơ mềm và mô liên kết, chứng mệt mỏi kinh niên và rối loạn tiêu hóa (Fibromyalgie -Syndrom = FMS, Chronisches Müdigkeitssyndrom = CFS und Colon irritabile)**

**S**au những năm dài thường trú trong bệnh viện, thời gian gần đây, khi về cộng tác với anh em Bác sĩ Drs. Hey - Fachärzte für Allgemeinmedizin (Bác sĩ Toàn khoa) tại Bückeburg - được thấy một trong những thành công của ông ta trong việc điều trị bệnh Chứng Tê Thấp cơ mềm (Weichteilrheuma) và các biến chứng kèm theo đã gây cho tôi một chú ý đáng kể.

Không phải không có lý do, khi có những bệnh nhân từ miền cực Nam hoặc cực Bắc của nước Đức, hoặc từ các nước lân cận chẳng hạn như ở Hòa Lan hoặc Pháp... qua các tạp chí Y-học, Internet tìm đến hoặc liên hệ cầu tôi sự giúp đỡ của ông.

Một vấn đề đa dạng và phức tạp, một chứng bệnh mà đến nay nguyên do gây ra chưa được giải thích rõ ràng đã làm cho các bệnh nhân, hầu

như đã tuyệt vọng, được gửi đi từ khoa này qua khoa khác, bệnh viện nọ tới bệnh viện kia, uống hết thuốc này đến thuốc nọ..., đến nỗi bị cắt bỏ vài cơ quan trong cơ thể vì bị nghi là nguyên do gây ra (như ruột dư, túi mật, tử cung...), mà kết quả chẳng đạt được gì cả.

Đứng trước số bệnh nhân đó, có lúc chúng tôi đã phải ngỡ vực rằng, có thực đây là bệnh tật cơ thể hay là một biến chứng tâm thần? Bệnh nhân thường kể về đau nhức toàn thân, lúc như kim chọc, lúc như kiến cắn, nay chỗ này, mai chỗ nọ, đầu óc nặng nề, nghe, nhìn yếu kém, kém minh mẫn sáng suốt, không còn có hứng thú hoặc khả năng làm việc gì nữa, rối loạn tiêu hóa..., thật là muôn hình vạn trạng.

### I. LIÊN HỆ GIỮA SIÊU VI TRÙNG E-COLI-BAKTERIOPHAGEN VÀ BỆNH CHỨNG TÊ THẤP CƠ, MÔ MỀM VÀ CÁC BỆNH CHỨNG KÈM THEO - BỆNH LÝ HỌC :

Không phải là một sự tình cờ ngẫu nhiên, sau hơn 14 năm theo dõi, chăm sóc và dự phần điều trị các nhóm bệnh nhân kể trên, chính Bác sĩ Hey đã phải nhiều lần thốt lên rằng: Trong hơn 26 năm hành nghề, trước kia phải ngồi trước mặt các bệnh nhân mà chính ông đã phải bó tay, không biết làm cách nào để giúp đỡ họ hơn nữa. Các khám nghiệm huyết học, các xét nghiệm yếu tố nhiễm độc, nước tiểu, dịch bài tiết, nội khoa, quang tuyến, chỉnh hình... đều không tìm được lời giải thích thỏa đáng nào hoặc những biến đổi đáng kể nào. Sau những thất bại để tìm lời giải thích như việc cấy các dịch bài tiết trong lòng trứng, phổi vẫn không tìm được sự liên hệ giữa bệnh tật và nguồn gốc gây ra, vẫn không tìm được một giải thích liên hệ thỏa đáng nào.

Qua theo dõi, ông ta thấy có sự liên hệ giữa Bệnh Chứng Tê Thấp cơ mềm và rối loạn tiêu hóa. Được sự cộng tác của Khoa vi-trùng và siêu-vi-trùng-học thuộc Đại Học Y Khoa Hannover (MHH), qua xét nghiệm người ta thấy trong phân bệnh nhân có sự hiện diện của loài siêu-vi-trùng Bakteriophagen. đặc biệt sống trên

ký chủ Escherichia Coli. Tùy theo các giai đoạn cấp tính của bệnh chứng, sự xuất hiện của E-Coli và siêu-vi-trùng Bakteriophagen với một tỷ lệ khác biệt. Đó là đầu mối có thể để giải thích bệnh trạng.

Trong đường ruột, đặc biệt là ruột già - một đoạn cơ trơn phần cuối của bộ máy tiêu hóa làm nhiệm vụ chính để chuyển chở chất tiêu hóa và bài tiết dài độ 1,5 mét - thường có các loài vi khuẩn, men sống cộng sinh. Trong số đó được kể đến nhiều nhất là cầu khuẩn hình dũa, trong số đó có các nhóm vô hại, giúp cho sự lên men thối, có nhóm gây ra các bệnh đường ruột... Thường có thể nhiễm trùng nay do việc tiêu thụ các thực phẩm không được nấu chín kỹ. Bình thường các nhóm E-Coli này "có thể là những con vi trùng vô hại" khi ở tại chỗ mà nó sinh sống trong ruột già hoặc không bị tàn phá do tác nhân bên ngoài - như thuốc trụ sinh hoặc kháng sinh... chẳng hạn. Khi bị tiêu hủy, trong đó có chất Lipoid A có ở thành vi trùng được xem như Endotoxine (nội độc tố) di chuyển theo đường tuần hoàn máu, làm tổn thương các cơ quan dù với một lượng cực nhỏ. (Pg).

Với kính-siêu-vi điện tử (1932), cách đây rất lâu giới khoa học đã khám phá ra Bakteriophagen T2 là nguyên do gây ra sự tàn phá các ruộng thuốc lá ở Hoa Kỳ. Thường thì các loài Phagen chỉ có đời sống ký sinh trên một loài ký chủ nhất định. Như loài E-Coli-Bakteriophagen với ký chủ E-Coli. Trong chu trình phát triển, nó gây ra sự hủy diệt một lượng lớn E-Coli. Các nội độc tố (Endotoxine) được tiết ra là nguyên nhân dẫn đến sự nhiễm độc các bộ máy chức năng trong cơ thể, rối loạn chức năng sinh học qua sự kích thích hoạt động của các tế bào bạch cầu (Monozyten, Granulocyten), hệ thống đông máu và các yếu tố đông máu, gây tiết ra các yếu tố trung gian (Mediatoren) như: Histamin, Kinine, Interleukine, Arachidonsäure... mà hậu quả là gây rối loạn hoạt động tim, mạch và các cơ quan chức năng khác...

### II. BỆNH CHỨNG & CÁCH ĐỊNH BỆNH

## 1. Bệnh chứng

Như đã nêu ở trên, bệnh nhân thường kể về các đau nhức toàn thân, cử động khó khăn thường kéo dài qua nhiều năm tháng. Từ lúc phát bệnh đến lúc được định bệnh có khi kéo dài đến cả chục năm. Mất ngủ, nghe kém, thay đổi vị giác và khứu giác. Chán nản không còn có khả năng suy nghĩ, làm việc gì cả. Kèm theo là các rối loạn về tiêu hóa, đầy bụng, tiêu chảy, táo bón, mất ngủ, đau nhức như kim chích, bồn thần mất cảm giác. Có đến một nửa số bệnh nhân trên bị mất khả năng làm việc.

Thường thì các điểm đau nhức trên cơ thể ở các vùng gân của bắp thịt. Nếu đủ 11 điểm nhức trong số 18 điểm thì việc định bệnh xem như rõ ràng.

## 2. Cách định bệnh

- Thu thập các dữ kiện về bệnh trạng, thời gian kéo dài.

- Khám nghiệm, tìm các điểm đau nhức.

- Thủ và xét nghiệm máu, nước tiểu, phân.

- Xét nghiệm nội khoa, chỉnh hình, quang tuyến.

Mục đích các giai đoạn trên, để loại bỏ các nghi vấn về các bệnh tật khác như ung thư, lở ruột, thấp khớp...

Nếu trong 3 mẫu phân trong các ngày khác nhau của bệnh nhân có E-Coli-Bakteriophagen thì có thể xem như có sự liên hệ giữa bệnh tật và tác nhân theo thuyết của Hey.

## III. PHƯƠNG THỨC ĐIỀU TRỊ

Vì là loại đơn bào cực đơn giản, chỉ có một loại Acid nhân D.N.A. hoặc R.N.A., sống và phát triển trên ký chủ là các vi trùng, có biến đổi bất thường cho đến nay vẫn chưa có được chất nào có khả năng tận diệt siêu-vi-trùng Bakteriophagen.

Nguyên tắc điều trị là làm giảm ký chủ, nhờ đó mà các siêu-vi-trùng Phagen này không có nơi sinh sôi nảy nở, đồng thời cũng làm giảm lượng Endotoxine do các vi trùng này khi bị hủy diệt sinh ra.

Như các khám phá khác, ban đầu, cách điều trị bệnh chứng CFS chưa có sự tán thành hoàn toàn của các đồng nghiệp khác, cho đến nay thường được áp dụng:

### 1. Điều trị dược học.

Mục đích làm giảm và loại bỏ các mầm mống bệnh, ở đây là E-Coli - nơi mà Bakteriophagen sống. Qua đó "thức ăn" của siêu-vi-trùng bị tước bỏ và độc chất ở thành vi trùng cũng bị giảm đi theo lượng vi trùng, qua 2 giai đoạn:

a) **Làm sạch ruột** (rửa ruột): Bộ máy tiêu hóa được tẩy rửa với Casara - Salax ® (Magnesium-sulfat), hoặc với X-Prep ® (Sensonid B). Trong ngày đầu bệnh nhân phải uống từ 3 đến 6 lít nước kèm chung với một trong 2 loại thuốc kể trên và cử ăn hoàn toàn. Người ta thấy số lượng E-Coli, vi khuẩn cộng sinh, Bakteriophagen giảm đi đến hơn 3/4. Các dược chất này thường được dùng cho bệnh nhân trước khi được soi khám ruột, dạ dày (Endoskopie) hoặc trước khi mổ ruột...

Năm ngày tiếp theo bệnh nhân được cho uống các dược chất thuộc nhóm kháng sinh đường ruột như Diarönt-Momo ® (Polymycine, Colistin-sulfat). Trong quá trình tẩy ruột số lượng các loài vi trùng có lợi cũng như có hại giảm thiểu đi rõ rệt, lúc này có sự rối loạn về môi trường trong bộ máy tiêu hóa, đây là cơ hội để các loài nấm dễ sinh sôi nảy nở. Do đó bệnh nhân được điều trị kèm theo với Nystatin như Biofanal ®.

b) **Tạo cân bằng đường ruột, gây ưu thế cho các loài công khuẩn có lợi phát triển**, khi ruột già đã đạt được phần nào việc giảm thiểu vi trùng và siêu-vi-trùng. Để trám vào chỗ các loài vi trùng độc hại, qua các dược chất:

- Perocur forte ®, Santax-S ® (Saccharomyces boulardii, Sproßpilze, một loài như men bia từ Saccaromyces.

- Paidoflor ® (Lactobacillus acidophilus) - Vi khuẩn lên men đường sữa.

- Phụ trợ vào, bệnh nhân được cho uống 1 liều lượng nhỏ Bifital ® (Lactulose = đường sữa) để tạo môi trường cho 2 loài cộng khuẩn có lợi trên có môi trường sinh sống. Việc điều trị trong giai đoạn b) này có thể kéo dài qua nhiều năm tháng.

Qua sự liên hệ, cơ chế và tiến trình điều trị trên, qua xét nghiệm cho thấy lượng Endotoxine (nội độc tố) trong máu giảm đi rõ rệt. Bệnh nhân cảm thấy như được phục hồi sau những năm tháng dài triền miên trong bệnh tật. Vì không thể tận diệt được E-Coli và Bakteriophagen, nên việc tái nhiễm bệnh cũng thường được kể đến. Ở đây đòi hỏi phải có sự kiên nhẫn giữa bệnh nhân và thầy thuốc.

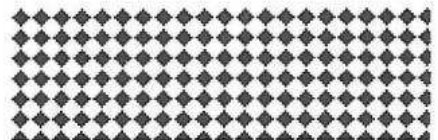
c) **Tránh việc tái nhiễm trùng**: E-Coli hiện diện khắp nơi, có nhiều trong phân thải của các loài động vật, có trong thịt không nấu chín kỹ. Việc tưới cây bằng phân xanh trong nông nghiệp gây nhiễm các rau, đậu với E-Coli. Do đó chỉ nên ăn thực phẩm đã nấu kỹ và rau, đậu sống không tưới bằng phân xanh, và đặc biệt là nước uống phải nấu sôi.

d) **Ngoài ra bệnh nhân còn được điều trị bằng** các phương pháp vật lý, nhiệt học... Các thuốc trị chứng mãn cảm (Anti-depressiva) cũng giúp phần nào cho việc đem lại tâm thần thoải mái.

Chúng ta không khỏi ngạc nhiên, khi có những bệnh nhân từng thuật, qua nhiều tuần dưỡng sinh bằng thực vật, uống nhiều nước (3 - 6 lít) trong ngày thì bệnh tật của họ được giảm đi rõ rệt.

Khi một lượng nhỏ Endotoxine gây ra, thì cơ thể con người, qua hệ thống kháng thể, có thể có đủ khả năng đối phó nhờ vào những kích thích này.

Với đóng góp trên, Y-khoa có được một bước nhỏ nữa trong việc chống lại bệnh tật. Dù học thuyết và phương pháp điều trị này cần có các nghiên cứu lâu dài kèm theo để bổ túc và kiểm chứng sâu rộng hơn.





**Đi tìm con cháu  
thuyền nhân 849  
năm trước:**

*Nguyên tổ hai  
dòng họ Lý  
tại  
Đại-Hàn.*

*Tác giả chân thành cảm tạ Tiến-sĩ Thái Văn Kiểm, hội viên Hàn-lâm viện Pháp-quốc hải ngoại, đã giúp đỡ rất nhiều khi viết bài này.*

**N**gày 17 tháng 9 năm 1957, Tổng-Thống Ngô-Đình Diệm công du Đại-Hàn (1). Năm sau, ngày 6 tháng 11 năm 1958, Tổng Thống Đại-Hàn Dân Quốc là Lý Thừa Vãn, viếng thăm Việt-Nam. Trong dịp này ông đã tuyên bố rằng tổ tiên ông là người Việt. Báo hồi ấy có tường thuật sơ sài. Còn chính quyền thì gần như không để ý đến chi tiết lịch sử này.

Bấy giờ, Đệ nhất Cộng-Hòa thành lập chưa quá hai năm, mới chỉ có viện Khảo-cổ, không có cơ quan nghiên cứu lịch sử. Cho nên không ai nghĩ đến việc sang Đại-Hàn tìm hiểu xem họ Lý từ Việt Nam, đã *đi* sang đây từ bao giờ? Ai là nguyên tổ của họ?

Thời gian này tôi mới 19 tuổi, vừa bước chân vào đại học. Nhưng nhờ thấm nhuần Nho-giáo, nên đã chững chạc lắm rồi. Tôi viết thư cho Sứ quán Đại-Hàn tại Việt-Nam để hỏi về chi tiết này. Dĩ nhiên tôi viết bằng chữ Nho. Hơn tháng sau tôi được thư trả lời của tộc Lý tại

Nam-Hàn. Trong thư, họ cho tôi biết rằng:

*"Tổng-thống Lý Thừa Vãn là hậu duệ đời thứ 25 của Kiến-Bình vương Lý Long Tường. Kiến Bình vương là con thứ 6 của vua Lý Anh-Tông. Người cùng tông tộc sang Cao-ly vào đầu thế kỷ thứ 13 vì quốc nạn".*

Ánh sáng đã mở ra trước mắt tôi. Nhưng tôi tra trong Đại-Việt Sử Ký Toàn Thư (ĐVSKTT), trong Việt-Sử lược (VSL), trong Khâm-định Việt-Sử thông giám cương mục (KĐVSTGCM), không bộ nào nói đến Kiến Bình vương Lý Long Tường cả.

Tò mò chưa được thỏa mãn, nhưng tôi đành bỏ qua, vì bấy giờ tôi phải dồn hết tâm tư vào việc học.

Năm 1959, trong khi lục lợi tại thư viện Paris, vô tình tôi đọc được *Tập-san sử địa của Nhật-bản*, số 2 năm 1941, trong đó nói vắn tắt rằng:

*"Năm Bình Tuất, 1226, bấy giờ là niên hiệu Kiến-Trung thứ nhì đời vua Thái-Tôn nhà Trần. Biết mình là con thứ sáu vua Lý Anh-tông, lại đang giữ chức Đô Đốc, Tư lệnh Hải quân, trước sau gì cũng bị Trần Thủ Độ hãm hại, nên ông đã đem tướng sĩ dưới quyền, tông tộc, cùng hạm đội ra đi, sau đó trôi giạt vào Cao-ly".*

Tôi tự hẹn, sau này có tiền sẽ sang Đại-Hàn tìm hiểu chi tiết này.

Thế nhưng, sau khi ra trường, 1964, tuy đã có chỗ đứng vững chắc về phương diện tài chánh. Ngặt vì nghề sinh nhai lối dọc đường ngang, tôi vẫn không thực hiện được cái ước vọng sang Hàn quốc, tìm hiểu về nguồn gốc họ Lý tại đây.

Mãi tới năm 1980, tháng 8, tôi đi trong phái đoàn Pháp, sang dự Đại hội Y khoa tại Hàng-Châu Trung-Quốc. Ở đại hội, tôi được tiếp xúc với phái đoàn Bắc-Cao. Phái đoàn này có bác sĩ Lý Chiếu Minh ở Hùng-Xuyên (Hunchon) và bác sĩ Lý Diệp Oanh ở Thuận-

Xuyên (Sunchon). Bấy giờ tôi đã 41 tuổi, còn Diệp Oanh mới 30 tuổi. Tuy là bác sĩ, thế nhưng cô tươi như hoa lan, phơi phơi như hoa thủy tiên ban mai. Thấy mỗi bữa ăn cô lằm nhằm đọc kinh mà không làm dấu thánh giá, tôi cho là cô đọc kinh Phật. Tôi cũng đọc kinh Bát-Nhã bằng tiếng Việt. Cô hỏi tôi:

- Ủa! Anh đọc kinh cảm ơn Tổng-Thống Valéry Giscard đây à?

- Không! Tôi đọc kinh Phật. Thế cô đọc kinh gì vậy?

- Phật đâu có cho anh cơm ăn, áo mặc?

- Vậy cô đọc kinh gì?

- Tôi đọc kinh cảm ơn cha già Kim Nhật-Thành đã cho chúng tôi được tự do, có cơm ăn, áo mặc! (2)

Nghe cô nói, tôi rùng mình. Song thấy cô xinh đẹp, tôi đùa:

*"Ở nước tôi, vào thế kỷ thứ 12, dưới triều vua Lý Anh-Tông, tổ tiên tôi là Trần Thủ Huy được gả công chúa Đoàn Nghi...".*

Diệp Oanh cất lời:

*"Sang đầu thế kỷ thứ 13, cũng tổ tiên anh là Trần Liễu được gả công chúa Thuận Thiên, Trần Cảnh được vua Chiêu Hoàng tuyển làm chồng. Rồi tổ tiên anh xua đuổi, nên tổ tiên tôi thành thuyền nhân, ngày nay Hàn quốc mới có họ Lý".*

À! Vạn lý tha hương ngộ tri kỷ đây. Biết rất rõ Diệp Oanh là con cháu của Kiến Bình vương Lý Long Tường, tôi đùa thêm:

*"Biết đâu cô không là công chúa Đoàn Nghi, tôi không là Trần Thủ Huy tái đầu thai? Có lẽ chúng mình nên đi tiếp con đường tổ tiên mình đã đi".*

Diệp Oanh *vả* tôi một cái vào má trái, tỏ cử chỉ thân thiện. Song chúng tôi *bắt con tim ngừng phiêu lưu* ở đây, vì bấy giờ bà vợ tôi còn sống, còn quá trẻ; vợ chồng lại rất tương đắc ngoài đời, nồng thắm trong phòng the.

Thế rồi chúng tôi nhận họ. Suốt đại hội, tôi với Chiếu Minh, Diệp Oanh gần nhau như bóng với hình. Tôi kể cho hai người nghe về

những trang sử rực hào quang dưới thời Lý, nhất là huyền sử về Linh Nhân hoàng thái hậu (Ỗ Lan). Sau đại hội, Chiêu Minh, Diệp Oanh rủ tôi du lịch Bắc-cao. Bấy giờ là thịnh thời của Chủ tịch Kim Nhật Thành, Bắc-Cao khép kín cánh cửa với thế giới bên ngoài. Tuy nhiên nhờ mang thông hành Pháp, nên tòa đại sứ Bắc-Cao ở Bắc-Kinh cho tôi cái chiếu khán được du lịch nghiên cứu về nhân sâm trong 8 ngày.

Tới Bắc-Cao, ông đại sứ Pháp tưởng tôi đi nghiên cứu nhân sâm thực. Ông lệnh cho văn phòng tùy viên văn hóa giúp đỡ tôi. Tôi không muốn nói dối ông đại sứ. Tôi thú thật là đi tìm một số tài liệu lịch sử. Dù biết tôi mượn danh đi nghiên cứu y khoa, cơ quan trao đổi y học dư thừa tài chánh đài thọ tất cả phí tổn cho tôi. Thế nhưng sứ quán Pháp vẫn giúp đỡ tôi tận tình. Nào cung cấp xe, cung cấp tài xế, gửi thư giới thiệu v.v... Kể ra làm công việc nghiên cứu của Pháp cũng sướng thực. Xin vạn vạn lần cảm ơn tinh thần yêu văn hóa của nước Pháp.

Tại Hùng-Xuyên, cũng như Thuận-Xuyên, các chi họ Lý tiếp đón tôi rất niềm nở. Buồn là các cuộc đàm thoại bị giới hạn khá nhiều, tôi phải dùng tiếng Quan-thoại nói với Chiêu Minh và Diệp Oanh. Hai vị này dịch sang tiếng Đại-Hàn. Các chi họ Lý xin phép chính quyền, rồi tổ chức những buổi hội, để nghe tôi nói chuyện về thời đại Tiêu-Sơn. Khi nghe kể đến đoạn công chúa Bảo Hòa tu tiên, cho đến tuổi 90 vẫn trẻ như hồi 17 tuổi, cử tọa suýt xoa sung sướng. Lại khi nghe tôi thuật giai thoại vua Lý Thánh-Tông, đang đêm trốn khỏi hoàng cung, gặp cô thôn nữ Yến Loan, rồi sau đưa về cung phong làm Ỗ Lan phu nhân; cử tọa vỗ tay hết tràng này đến tràng khác. Khi nghe tôi kể đến các công chúa Bình Dương, Kim Thành, Trường Ninh trấn ngự biên cương khiến các quan Tống ở Nam-biên nghe đến tên đều kinh hồn vỡ mật. Các cô ngửa mặt lên

nhìn trần nhà cười đầy vẻ hãnh diện. Lúc mà tôi thuật đến đoạn Quách Quý, Triệu Tiết đem đại quân phá vỡ phòng tuyến Như-Nguyệt, tiến đến rừng tre, cách Thăng-Long có 25 cây số... Trong phòng có đến hơn 700 người, mà không một tiếng động. Rồi tôi kể tiếp: Công chúa Thiên Ninh đánh bật quân Tống trở về Như-Nguyệt, thì phòng hội hoan hô đến muốn rung động thành phố. Tôi thuật tiếp đến đoạn công chúa tuần quốc, thì cả phòng hội đều khóc nức nở. Những người khóc nhiều nhất lại là những thiếu niên.

Hầu hết những chi họ Lý đều đem gia phả ra hỏi tôi những chi tiết mà họ không hiểu. Tất cả gia phả đều viết bằng chữ Nho. Như gia phả của chi Thuận-Xuyên, có đôi câu đối:

*Thập-bát anh hùng giai Phù-đồng,*

*Tam thiên nữ kiệt tỷ Mê-linh.*

*(Mười tám anh hùng đều như Phù-đồng thiên vương. Ba nghìn nữ kiệt đều có thể sánh với Trưng-vương).*

Tôi phải moi trí nhớ, để đọc cho họ chép lại tiểu sử 18 danh tướng vào thời vua Lý Nhân-Tông, kháng Tống tuần quốc. Tôi lại phải thuật cho họ nghe về công chúa Thiên Ninh (Bà chúa kho) có 3 nghìn nữ binh. Khi Quách Quý, Triệu Tiết mang quân sang Đại-Việt, phá vỡ phòng tuyến Như-Nguyệt tiến về Thăng-Long. Quân Tống nhập vào phòng đại phòng thủ chỉ cách Thăng-Long có 25 cây số, bị công chúa đánh bật trở về Bắc sông Như-Nguyệt. Sau đó công chúa cùng 3 nghìn nữ kiệt đều tuần quốc.

Hầu hết các chi, khi nghe tôi nói rằng: Triều Trần kế tục triều Lý. Nhưng các vua triều Trần đều dành ra một số ruộng đất lớn, cho tá điền cấy cấy, thu tô để làm phương tiện hương khói, thờ cúng, tu bổ lăng tẩm 9 đời vua triều Lý... đều hài lòng. Các triều đại kế tiếp như Lê, Nguyễn vẫn giữ nguyên truyền thống này. Mãi đến năm 1956, trong cuộc cải cách ruộng

đất, những ruộng đất này mới bị tịch thu. Tuy nhiên đây là những di tích lịch sử, nên kể từ năm 1962, Bộ Văn-hóa miền Bắc Việt-Nam đã ban nghị định công nhận là di tích văn hóa, lịch sử, và bảo quản rất kỹ.

Bác-sĩ Diệp Oanh dẫn tôi thăm những vùng đất linh của dòng họ Lý. Thực là kỳ diệu, dưới chế độ Cộng-Sản cực đoan, chủ trương hủy diệt tất cả những gì là văn minh của tổ tiên, để chỉ còn biết đến Mác, Lê, biết đến cha già dân tộc Kim Nhật Thành. Thế nhưng dòng họ Lý vẫn giữ gìn được những di tích của tổ tiên. Nào cửa biển Phú-Lương giang nơi hạm đội của Kiến-Bình vương cập bến Cao-Ly, nào Ung-Tân, nơi đầu tiên họ Lý làm nhà ở, nào ngọn đồi Julhang thuộc xã Đỗ-Môn (Tô-mơ-ki) nơi có lăng của Kiến Bình vương Lý Long Tường. Tôi cũng được lên Quảng-đại sơn thăm Vọng-quốc đài, là nơi vương lên nhìn về quê hương.

Sau đó, năm 1983, tôi lên đường đi Nam-Hàn để tìm hiểu thêm về dòng họ Lý. Tiếc rằng khi Lý Long Tường tới Hàn-Quốc tấp vào miền Bắc, vì vậy dường như tại Nam-Hàn không có một chút di tích nào của ông. Dòng họ Lý sống tại Nam-Hàn rất ít, tổng số chưa quá nghìn người. Họ cũng giống như người Bắc hồi 1954 di cư vào Nam, mang theo rất ít di vật, gia phả về tổ tiên mình. Không nhà nào mang được gia phả cổ. Gia phả mà họ cho tôi xem, hầu hết là mới chép gần đây. Nội dung lại quá nhiều sai lạc. Như chép về việc ra đi của Kiến Bình vương, gia phả nói rằng họ Lý bị Trần Thủ Độ cướp ngôi, Lý Long Tường cầm quân chống lại, bị thua. Về Lý Chiêu Hoàng, họ chép là Hoàng hậu của vua Lý Huệ-tông! (3)

*Họ Lý, hậu duệ Kiến Hải vương, hay họ Lý Tinh-thiện.*

Thế nhưng, tại Nam-hàn tôi gặp ông Lý Gia Trung. Ông cho biết, tổ tiên ông là người Việt, nhưng không thuộc dòng dõi Kiến



Bình vương. Tổ tiên ông là Kiến Hải vương Lý Dương Côn, đã đến Cao-Ly hồi đầu thế kỷ thứ mười một.

Quý độc giả có biết tâm trạng tôi bấy giờ ra sao không? *Kính ngạc, bàng hoàng, đờ đẫn cả người ra.* Vì trong khi nghiên cứu về triều Lý, tôi biết một huyền sử vẫn tắt như sau:

"*Vua Lý Nhân-tông không có hoàng nam, người nhận con của các thân vương trong hoàng tộc làm con nuôi. Năm Đinh Dậu (1117) nhận con của hầu Sùng Hiền, Thành Khánh, Thành Quảng, Thành Chiêu, Thành Hưng làm con nuôi. Sau truyền ngôi cho con của Sùng Hiền hầu là Lý Dương Hoán, tức vua Lý Nhân-Tông. Khi Lý Nhân-Tông băng, Thái-tử Thiên-Tộ còn bế ngửa, triều thần muốn tôn con của Thành Quảng hầu là Lý Dương Côn lên nối ngôi. Cuộc tranh quyền trong dòng họ Lý diễn ra, sau vợ của vua Lý Nhân-Tông nhờ có tình nhân là Đỗ Anh Vũ giúp đỡ, mà loại hết các địch thủ. Năm Canh Ngọ (1150) nhân vụ chính biến, Cầm Thánh thái hậu mưu với tình nhân Đỗ Anh Vũ giết hết tông tộc của các hầu Thành Khánh, Thành Chiêu, Thành Hưng. Bấy giờ con Thành Quảng hầu là Kiến Hải vương Lý Dương Côn đang là Đô đốc Thủy-quân, bèn đem gia thuộc xuống chiến thuyền lưu vong. Song không biết đi đâu (1150)".*

Bây giờ, sau 831 năm, tôi gặp lại hậu duệ của Kiến Hải vương. Tâm tư rúng động! Hỡi ơi! **Tại Hàn-Quốc có tới hai dòng họ Lý, gốc là thuyền nhân Đại-Việt.**

Tôi ghi chú tất cả những gì mà dòng họ Lý của Kiến Hải vương cung cấp để khi viết về thời đại Tiêu-Sơn còn có thêm tài liệu.

Cuối năm 1996, một nhà nghiên cứu tộc phả nổi tiếng của Nam-Hàn là giáo sư Phiến Hoảng Cơ (Pyon Hong Ke) công bố kết quả cuộc nghiên cứu của ông rằng ông đã phát hiện một dòng họ Lý

thứ nhì, tại Đại-Hàn, được gọi là *Lý Tinh-thiện*. Dòng họ này, chính là dòng họ Lý, con cháu Kiến Hải vương mà tôi đã có cơ duyên gặp hậu duệ là ông Lý Gia Trung.

Giáo sư Phiến Hoảng Cơ cho biết, căn cứ vào gia phả của dòng họ này mang tên *Tinh-thiện Lý thị tộc phả*, được lưu trữ tại thư viện Quốc-gia Hán-Thành, thì ông tổ của dòng họ Lý Tinh-thiện là Lý Dương Côn (Lee Yang Kon) tới Đại-Hàn vào đầu thế kỷ thứ 12:

"*Lý Dương Côn hiệu là Nguyên Minh, hoàng tử thứ ba con vua Càn Đức, được Tống triều phong tước Nam-bình vương*".

Tra trong sử Việt, thì vua Càn Đức chính là tên của vua Lý Nhân-Tông. Vua Lý Nhân-Tông là con của vua Lý Thánh-Tông với Ý-Lan phu nhân, sau được tôn là Linh-Nhân hoàng thái hậu. Người chỉ đạo cuộc đánh Tống, kháng Tống lừng danh lịch sử Việt-Nam. Theo ĐVSKTT, Lý kỷ, Nhân-Tông kỷ thì:

"**Niên hiệu Hội-tường Đại-khánh thứ 8 (DL.1117, Đinh Dậu)...**

*...Tìm con trai trong tôn thất để nuôi trong cung. Xuống chiếu rằng: Trẫm cai trị muôn dân mà lâu không có hoàng nam, ngôi báu của thiên hạ biết truyền cho ai? Nên trẫm nuôi con của các hầu Sùng Hiền, Thành Khánh, Thành Quảng, Thành Chiêu, Thành Hưng, chọn người giỏi lập làm thái tử. Bấy giờ con Sùng Hiền hầu là Dương Hoán, lanh lợi, vua rất yêu, bèn lập làm Thái-tử*".

Vậy thì Lý Dương Côn là con nuôi của vua Lý Nhân-Tông, chứ không phải con đẻ. Con nuôi thứ ba, thì là con của Thành Quảng hầu tên Lý Dương Côn, tước phong Kiến Hải vương.

Giáo-sư Phiến Hoảng Cơ dựa theo *Tinh-thiện Lý thị tộc phả* và bộ Cao-Ly sử, ông công bố: Hậu duệ đời thứ sáu của Lý Dương Côn là Lý Nghĩa Mẫn (Lee Unimin) trở thành nhân vật kiệt hiệt trong lịch sử. Bấy giờ Cao-Ly đang ở dưới triều đại vua Nghị-Tông (Ui-jiong

1146-1170). Nhà vua rất sủng ái Lý Nghĩa Mẫn, phong cho chức Biệt-trưởng. Nước Cao-Ly trong thời gian này, phải chống trả với cuộc xâm lăng của Khiết-Đan tức Đại-Liêu, nên các võ tướng nắm hầu hết quyền hành. Năm 1170 tướng Trịnh Trọng Phu (Jeong Jung-bu) chuồng môn một võ phái, đảo chính vua Nghị-Tông lập vua Minh-Tông (Mycong 1170-1179). Trọng Phu bị các võ phái, võ tướng nổi lên chống đối. Lý Nghĩa Mẫn là người phụ tá đắc lực cho Trịnh Trọng Phu, đem quân dẹp các cuộc nổi dậy. Ông được thăng chức Trung-Lang tướng, Tướng-quân, Đại-tướng quân (1173), Thượng-tướng quân (1174), cuối cùng là Tây Bắc bộ binh mã sử (1178). Năm 1179, một võ quan khác là Khánh Đại Thăng (Kyung Dae-Seung) làm cuộc chính biến, giết chết Trịnh Trọng Phu, lên nắm quyền. Bấy giờ Lý Nghĩa Mẫn giữ chức Hình-bộ Thượng thư (1181). Vì ông thuộc phe Trịnh Trọng Phu, nên bị nghi ngờ, chèn ép. Ông cáo quan về hưu.

Sau khi Khánh Đại Thăng chết, vua Minh-Tông mời Lý Nghĩa Mẫn vào bệ kiến, được trao chức *Tư-không, Tả-bộc xạ, Đồng-trung thư môn hạ bình chương sự* tức Tế-Tướng trong 14 năm (1183-1196).

Năm 1196, một phe võ tướng do Thôi Chung Hiếu (Cho Chung Heon) cầm đầu làm cuộc đảo chính, giết Lý Nghĩa Mẫn. Ba con ông là Lý Chính Thuần, Lý Chí Vinh, Lý Chí Quang đều là tướng cầm quân, cũng bị giết chết. Quân phiến loạn chỉ tha cho người con gái ông là Lý Hiến Bật. Dòng họ Lý Tinh-Thiện tưởng đâu tuyệt tự. Nhưng may mắn thay, dòng họ này còn kế tục là nhờ người anh Lý Nghĩa Mẫn và các con không bị hại.

Phối hợp chính sử với gia phả, giáo sư Phiến Hoảng Cơ kết luận rằng: Dòng họ Lý tại Tinh-Thiện thuộc đạo Giang-Nguyên, phía Đông Nam Đại-Hàn ngày nay là con của Hoàng tử Lý Dương Côn thuộc triều Lý, Việt-Nam (1010-

1225). Lý Dương Côn bỏ quê hương ra đi vì sự đe dọa của nước Kim đối với Tống, năm 1115. Tới năm 1127 thì Bắc Tống bị diệt.

Qua cuộc nghiên cứu của Phiến Hoàng Cơ, tôi thấy có đôi chút nghi vấn:

**Một là**, vua Lý Nhân-Tông nhận con nuôi năm 1117. Vua Thần-Tông sinh năm 1116, vậy thì Lý Dương Côn chỉ có thể sinh năm 1116 hay 1117 mà thôi. Năm Lý Dương Côn rời Đại-Việt ra đi là năm 1150. Bấy giờ ông mới 32-33 tuổi. Thế nhưng gia phả Lý Tinh-Thiện nói rằng năm 1170 Lý Nghĩa Mẫn, hậu duệ đời thứ sáu của Lý Dương Côn, được vua Nghị-Tông phong cho chức Biệt-trưởng. *Đây là điều vô lý.* Bởi năm đó chính Lý Dương Côn có còn tại thế thì ông mới có 54 tuổi, làm sao ông đã có cháu 6 đời? Tôi, thì tôi cho rằng Lý Nghĩa Mẫn là con Lý Dương Côn. Còn hậu duệ đời thứ sáu là kể từ vua Lý Thái-tổ:

1. Lý Thái-tổ.
2. Lý Thái-tông.
3. Lý Thánh-tông.
4. Lý Nhân-tông.
5. Kiến Hải vương Lý Dương Côn.
6. Lý Nghĩa Mẫn.

**Hai là**, trong gia phả Lý Tinh-thiện nói rằng, Lý Dương Côn rời quê hương ra đi vì quốc nạn. Giáo-sư Phiến Hoàng Cơ cho rằng vì sự đe dọa của Kim. Có lẽ khi giải đoán việc ra đi của Lý Dương Côn, ông đã bị ảnh hưởng bởi sử Cao-Ly. Vì hồi ấy, nước Kim đang từ một bộ lạc Nữ-Chân, nổi lên diệt nước Liêu, rồi đem quân đánh Tống. Sau đó, họ bắt vua Tống mang về Bắc. Nhưng con cháu nhà Tống lại tái lập triều Nam-Tống. Khoảng cách Kim với Đại-Việt còn một nước Tống quá rộng, quá xa. Dù Kim hùng mạnh cũng không ảnh hưởng gì tới Đại-Việt khiến Lý Dương Côn phải bỏ nước trốn đi. Nhất là giai đoạn 1161 đến 1174, bấy giờ binh lực Đại-Việt đang mạnh, muốn hướng lên Bắc tái chiếm lại Quảng Đông, Quảng Tây! (xin đọc *Anh-hùng Đông-A*

*dụng cờ Bình-Mông hồi 4 và hồi 16-17-18).*

Lần lại trang sử Đại-Việt thời đó: Vua Thần-Tông được vua Nhân-Tông đem vào cung nuôi cùng 4 người anh em họ. Nhưng Ngài được lập làm Thái-tử, rồi lên ngôi vua. Theo Hội-diễn sự lệ triều Lý thì những chức như: Thái-úy, Tổng-linh Thiên-tử binh, Đại Đô-đốc Thủy quân, luôn trao cho các hoàng đệ. Vì vậy trong 5 con nuôi của vua Lý Nhân-Tông, thì Thái-tử Dương Hoán được truyền ngôi, còn 4 con nuôi khác, là con của các hầu Thành Khánh, Thành Quảng, Thành Chiêu, Thành Hưng ắt được phong vào các chức trên. Con của Thành Quảng hầu là Lý Dương Côn được phong tước Kiến Hải vương, lĩnh chức Đại Đô-đốc Thủy-quân. Khi vua Thần-Tông băng (1138), Thái-tử Thiên-Tộ mới có 2 tuổi, triều thần muốn tôn hoàng đệ Lý Dương Côn lên ngôi vua, vì ông là người thông minh, tài trí, đang là Đại Đô-đốc, ở tuổi 22. Nhưng rồi mẹ của Thái-tử Thiên-Tộ là Cẩm Thánh hoàng hậu đã dùng vàng bạc đút lót cho các quan, bà lại được tình nhân Đỗ Anh Vũ là em của Chiêu Hiếu thái hậu, (mẹ vua Thần-Tông) hết sức ủng hộ. Thiên-Tộ lên ngôi vua, sau là vua Anh-Tông.

Dĩ nhiên vua Anh-Tông lên ngôi, khi còn bé ngửa, thì mẹ là Cẩm Thánh thái hậu thính chính, nói khác đi là làm vua. Bà phải diệt hết những mầm mống có thể nguy hiểm cho con bà. Bà cùng Đỗ Anh Vũ vu cáo, giết hết các em nuôi của vua Thần-Tông là con của các hầu em vua Nhân-Tông. Toàn gia các hầu, từ thê thiếp, con, cháu, thân binh, nô bộc đều bị giết sạch. Riêng Lý Dương Côn đóng quân ở Đồn-Sơn, được mật báo. Ông đem hết gia thuộc, xuống chiến thuyền, bỏ quê hương ra đi, rồi tấp vào Cao-ly.

Dù Lý Nghĩa Mẫn là cháu 6 đời của Kiến Hải vương Lý Dương Côn hay là cháu 6 đời vua Lý Thái-Tổ, thì ta vẫn kết luận rằng: Năm 1150, Kiến Hải vương Lý Dương Côn, lĩnh

chức Đại Đô-đốc đã cùng tông tộc dùng thuyền tỵ nạn tại Cao-ly. Đời sau có nhân vật kiệt hiệt là Lý Nghĩa Mẫn, đóng một vai trò trọng yếu trong lịch sử Cao-ly. Dòng họ Lý này, nay vẫn còn truyền tử lưu tồn tại Đại-hàn.

Dòng thứ nhì, hậu duệ của Kiến-bình vương Lý Long Tường, còn gọi là Lý Hoa-sơn.

Dòng họ Lý thứ nhì tới Đại-Hàn sau dòng họ Lý Tinh-Thiện 76 năm, là hậu duệ của Kiến Bình vương Lý Long Tường, con thứ 7 của vua Lý Anh-Tông. Mà tôi đã trình bày ở trên.

Theo *Trần-tộc vạn thế ngọc phả*, của chi bốn, thuộc dòng dõi Chiêu-quốc vương Trần Ích Tắc, để tại nhà từ ở thị xã Lãnh-Thủy, huyện Chiêu-Dương, tỉnh Hồ Nam, Trung-Quốc; phần chép về Ninh-Tổ hoàng đế Trần Lý. Có đoạn nói về các con vua Lý Anh-Tông, nguyên văn như sau:

*Vua có bảy hoàng tử.*

**Hoàng trưởng tử Long Xưởng** do Chiêu Linh hoàng hậu sinh vào niên hiệu Đại Định thứ 12 (DL. 1151, Tân-Mùi). Được phong tước Hiến Trung vương, lập làm Thái-tử. Niên hiệu Thiên-Cầm Chí-Bảo nguyên niên (DL.1174, Giáp-Ngọ) bị giáng xuống làm con út, tước Bảo Quốc vương. Niên hiệu Trinh Phù thứ sáu (DL.1181, Tân-Sửu) làm phản, bị hạ ngục, rồi bị Đỗ An Di giết cả nhà, thọ 31 tuổi.

**Hoàng-tử thứ nhì Long Minh** do Thần-phi Bùi Chiêu Dương sinh vào niên hiệu Đại Định thứ 11 (DL. 1152, Nhâm-Thân). Tước phong Kiểm-hiệu Thái-sư, Thượng-trụ quốc, Khai-phủ nghị đồng tam tư, Trung-vũ quân tiết độ sứ, lĩnh đại đô-đốc, Kiến Ninh vương. Bị giết niên hiệu Thiên-Cầm Chí-Bảo thứ nhì (DL.1175.). Thọ 24 tuổi.

**Hoàng-tử thứ ba Long Đức**, cũng do Bùi Thần-phi sinh niên hiệu Đại Định thứ 12 (DL.1153, Quý-Dậu) ra. Chức tước phong như



sau: *Dao-thụ Thái-bảo, Khu-mật viện sử, Thượng-thư tả bộc xạ, Phụ-quốc Thượng tướng quân, Long-Thành tiết độ sứ, Kiến An vương. Bị giết niên hiệu Thiên-Cảm Chí-Bảo thứ nhì (1175), thọ 23 tuổi.*

**Hoàng-tử thứ tư Long Hòa** do Quý-phi Hoàng Ngân Hoa sinh niên hiệu Đại Định thứ 11 (DL.1152, *Nhâm-Thân*). Chức tước phong như sau: *Đặc tiến Thiếu-sú, Khu-mật viện sử, Thượng-thư tả thừa, Trấn Nam tiết độ sứ, Thượng-thư lệnh, Tả kim ngô thượng tướng, Tổng-lĩnh Thiên-tử binh, Kiến Tĩnh vương. Bị giết niên hiệu Thiên-cảm Chí-bảo thứ nhì (1175) thọ 24 tuổi.*

**Hoàng-tử thứ năm Long Ích**, do Đức-phi Đỗ Kim Hằng sinh niên hiệu Chính-Long Bảo-Ứng thứ 5 (DL.1167, *Đinh-Hợi*). Chức tước phong như sau: *Dao-thụ Thái-phó, trấn Nam tiết độ sứ, Thượng-thư tả thừa, Kiến Khang vương. Hoảng niên hiệu Kiến-gia thứ 2 (DL.1212 *Nhâm-Thân*), thọ 46 tuổi.*

**Hoàng-tử thứ sáu Long Trát**, do Thực-phi Đỗ Thụy Châu sinh niên hiệu Chính-long Bảo-ứng thứ 11 (DL.1172, *Nhâm-Thìn*), tháng 5, ngày 25, niên hiệu Thiên-cảm Chí-bảo nguyên niên được lập làm Thái-tử. Năm thứ nhì được truyền ngôi. Bấy nhiêu niên hiệu Trị-bình Long-ứng thứ 6 (DL.1210, *Canh-Ngọ*), ngày 28 tháng 10, thọ 38 tuổi.

**Hoàng-tử thứ bảy Long Tường** do Hiên-phi Lê Mỹ Nga, sinh vào niên hiệu Chính-long Bảo-ứng thứ 12 (DL.1174, *Giáp-Ngọ*). Đức Thái-Tông nhà ta (tức Trần Cảnh) phong chức tước phong như sau: *Thái-sư Thương-trụ quốc, Khai-phủ nghị đồng tam tư, Thượng-thư tả bộc xạ, lĩnh đại đô đốc, tước Kiến Bình vương. Niên hiệu Kiến-trung thứ nhì đời đức Thái-Tông nhà ta (tức Trần Cảnh), tháng tám, ngày rằm, vương cùng gia thuộc hơn 6 ngàn người bôn xuất.*

So sánh giữa *Tộc phả Hoa-sơn* và *Trần tộc vạn thế ngọc phả*, có một chi tiết khác nhau. *Tộc phả*

Kiến Bình thì chép Kiến Bình vương là con thứ sáu vua Anh-tông. Trong khi *Trần tộc vạn thế ngọc phả* lại chép vương là con thứ bảy. Vì sao? Phả Trần tộc chép theo huyết tộc, ai sinh trước là anh, ai sinh sau là em. Vì vậy Kiến Bình vương là con thứ 7. Phả Kiến Bình thì chép thứ tự theo chỉ dụ của vua Lý Anh tông, Long Xưởng bị giáng xuống làm con út, thì Long Tường trở thành con thứ sáu.

Hồi đó Lý Long Tường dẫn tông tộc rời Đại-Việt ra đi. Trần triều không biết đi đâu. Nay chúng ta mới được biết vương với hạm đội bị bão phải ẩn ở Đài-Loan. Nghỉ ít lâu, hạm đội của vương lại tiếp tục lên đường rồi giạt vào Cao-Ly. Duy một người con của vương tên Lý Long Hiên cùng gia thuộc hơn hai trăm người ở lại Đài-Loan. Vương là khai tổ của dòng họ Lý tại Đại-Hàn, thế tử Long Hiên là khai tổ của dòng họ Lý tại Đài-Loan hiện nay? Sự kiện này tôi sẽ tìm hiểu sau.

Tôi đã bỏ công sang Bắc cũng như Nam-Hàn, tìm các chi, hậu duệ của Kiến Bình vương Lý Long Tường, khảo gia phả của họ. Phần chi tiết tuy có sự khác biệt, nhưng đại lược vẫn giống nhau. Tổng-Thống Lý Thừa Văn của Đại-Hàn là hậu duệ đời thứ 25 của Kiến Bình vương Long Tường. Còn Tổng Thống Lý Đăng Huy của Đài-Loan có phải là hậu duệ của thế tử Lý Long Hiên hay không, thì tôi không dám quyết, bởi Lý là dòng họ chiếm đa số ở Trung-Quốc.

Cả ba bộ sử ĐVSKTT, VSL, KĐVSTGCM cùng chép rất mơ hồ về việc vua Anh-Tông phế Long Xưởng lập Long Trát. Nhà vua có tới bảy hoàng tử. Nếu sự thực Long Xưởng phạm tội, phế xuống, sao không lập các con đã trưởng thành, tài trí xuất chúng, đang cầm đại quyền như Kiến Ninh, Kiến An, Kiến Tĩnh vương? Hoặc cùng quá, thì lập Kiến Khang vương Long Ích, năm ấy đã chín tuổi? Mà phải lập Long Trát mới có 26 tháng làm

Thái-tử, rồi phải cử Tô Hiến Thành làm phụ chính? Cái khúc mắc này tôi đã giải thích rất chi tiết, rất rõ ở hồi 21-23 **bộ Anh-hùng Đông-a dụng cờ binh Mông**. Trong bài ngắn này không thể giải thích hết.

Dưới đây là phần tôi thuật theo *Tộc-phả Lý Hoa-sơn*:

Niên hiệu Kiến-Trung thứ nhì đời vua Thái-Tông nhà Trần (DL.1226, *Bính Tuất*), lo sợ bị Thái-sư Trần Thủ Độ hãm hại, vì vị thế trọng yếu của mình:

- Là con vua Anh-Tông, em vua Cao-Tông, chú vua Huệ-Tông.

- Thân vương duy nhất nắm quyền hành.

- Chức tước cực phẩm *Thái-sư Thương-trụ quốc, Khai-phủ nghị đồng tam tư, Thượng-thư tả bộc xạ, lĩnh đại đô đốc*. Vương âm thầm cùng Bình Hải công Lý Quang Bật từ căn cứ Đồn-sơn về Kinh Bắc, lạy ở lăng miếu Đình-bảng. Lại đến Thái-miếu mang bài vị, các tế khí ra trấn Đồn-Sơn, rồi đem hết tông tộc hơn 6 ngàn người, xuống hạm đội ra đi.

Việc Kiến Bình vương ra đi, có lẽ bắt nguồn từ việc ra đi của Kiến Hải vương trước kia chăng?

Sau hơn tháng lênh đênh trên biển, thì gặp bão. Hạm đội phải ngừng lại một đảo (Đài-Loan?) rồi tiếp tục lên đường. Một trong các con của vương là Thế-tử Lý Đăng Hiên cùng vợ con ở lại đảo. Hạm đội lênh đênh trên biển một thời gian, thì tấp vào cửa Phú-Lương giang, quận Khang-Linh (Ong Jin-Gun) tỉnh Hoàng-Hải (Hwang-hac) thuộc Bắc Cao-Ly. Nơi hạm đội tấp vào, dân chúng gọi là Nak-nac-wac có nghĩa là *Bến cửa khách phương xa có đồ thờ cúng*.

Kỳ diệu thay, đêm hôm trước, vua Cao-Tông (Kojong) mơ thấy một con chim cực lớn bay từ phương Nam lại đậu ở bờ Tây-hải. Tỉnh lại, vua sai người tới đó tìm kiếm, thì gặp hạm đội của Kiến-Bình vương. Kiến-Bình vương được bệ kiến. Vương dùng bút đàm với vua Cao-Tông và các đại thần Cao-Ly. Triều đình Cao-Tông đối xử với vương rất tốt, chu cấp lương

thực. Cho làm nhà ở Ung-Tân phủ Nam-Trấn sơn (Chin-sang).

Lý Long Tường cùng tướng sĩ, gia thuộc bắt đầu cuộc sống mới. Trồng trọt, đánh cá, chăn nuôi làm kế sinh nhai. Ông mở trường dạy học: Thi phú, lễ nhạc, tế tự, binh pháp, võ thuật. Ông soạn sách *Học vấn giảng hậu*. Vì học trò đông, ông cho xây *Độc-thư đường*, *Giảng võ đường*. Đệ tử của ông lúc nào cũng trên nghìn người.

Tháng 7 năm Quý-Sửu (1253) đời vua Cao-Tông thứ 40, quân Mông-Cổ xâm lăng Cao-Ly, vượt Hồn-Đổng giang, chiếm Tây-Hải, phá An-Giang Tây-thành. Về mặt thủy, Mông-Cổ chiếm các đảo Đại-Thanh, Tiểu-Thanh, Sáng-Lân, rồi tiến chiếm Tây-Đô (Giang-hoa). Thủ-đô Cao-Ly bị đe dọa. Các tướng sĩ hầu hết bị tử trận.

Thấy tình hình Cao-ly nguy ngập, Kiến Bình vương đến gặp Thái-úy (tướng tổng chỉ huy quân đội) là Vi Hiến Khoan, cố vấn cho ông về binh pháp Đại-Việt. Địch thân vương cỡi bạch mã chỉ huy cuộc giữ thành: Đắp thành cao lên, đào hào đặt chông quanh thành. Trong thành đào giếng để có nước uống, tích trữ lương thảo. Ông đem tất cả binh pháp Đại-Việt trong những lần đánh Tống, bình Chiêm ra giúp Cao-ly.

Đánh nhau suốt 5 tháng, quân Nguyên bị tuyệt lương thảo, bị chặn đường rút lui, xin hàng (6). Tết năm ấy, toàn Cao-Ly mừng chiến thắng. Triều đình khen ngợi Lý Long Tường, lấy tên ngọn núi ở quê hương ông là Hoa-Sơn; phong cho ông làm Hoa-Sơn tướng quân. Cho đổi tên ngọn núi nơi ông cư ngụ là Hoa-Sơn (4). Nhà vua sai dựng bia ghi công ông trên núi Hoa-Sơn, đích thân vua viết ba chữ *Thụ hàng môn* (Cửa tiếp thụ giặc đầu hàng). Cho đến nay, sau 746 năm, trải biết bao nhiêu mưa nắng, thăng trầm; tấm bia ấy vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt, nhắc nhở du khách nhớ huân công của một Việt-kiểu trên Hàn-Quốc.

Trong dịp thăm Hoa-Sơn năm 1981, tôi xin người đại diện tộc Lý

cho phép được mượn thợ khắc vào một phiến đá bài thơ cổ phong, đặt cạnh tấm bia trên, gọi là chút lòng của người sau, tế người trước:

*Phúc tại Tiêu-sơn linh,  
Thất đại bôn Bắc Cao,  
Bình Mông danh vạn đại,  
Tử tôn giai phong hầu.  
Học phong nhân bất cập.  
Vọng quốc hồn phiêu phiêu,  
Kim tải quá bát bách,  
Hà thời quy cổ hương?*

*(Ngài là người họ Lý, được hưởng phúc tại ngọn núi Tiêu-Sơn. Kể từ vua Lý Thái-Tổ tới Ngài là đời thứ bảy, phải bôn tẩu đến xứ Bắc Cao-Ly. Nhờ chiến công đánh Mông-Cổ, mà con cháu Ngài đều được phong hầu. Ngoài ra, Ngài là người đem học phong tới Cao-Ly, công đức ấy không ai sánh kịp. Thế nhưng trải trên 8 trăm năm, hồn Ngài lúc nào cũng phiêu phưởng, không biết bao giờ được về cố hương?).*

Ngày nay trên ngọn đồi Julbang thuộc xã Đổ-Môn (Tô-mơ-ki) cách núi Hoa-Sơn 10 cây số về phía Tây còn lăng mộ Ngài và con, cháu cho đến ba đời. Trên Quảng-Đại sơn có Vọng-Quốc đàn, nơi cuối đời Ngài thường lên đó, ngày ngày nhìn về phương Nam, ôm mặt khóc, tưởng nhớ cố quốc. Mỏm đá mà Ngài đặt chân đầu tiên lên bờ biển Cao-Ly, được gọi là *Việt-thanh nham*, tức đá xanh in vết tên Việt.

Trên Hoa-sơn còn rất nhiều di tích kỷ niệm huân nghiệp của vương. Khi đến Hoa-Sơn hành hương, thay vì chào nhau, du khách được hướng dẫn viên du lịch dạy cho nói câu: *Hữu khách, Hữu khách, kỳ bạch mã*. Nghĩa là *Có người khách cỡi ngựa trắng*, tức Lý Long Tường.

Cho đến nay, dòng họ Lý Hoa-Sơn truyền trải 28 đời. Tại Nam-Hàn chỉ có khoảng hơn 200 hộ, với trên dưới 600 người. Tại Bắc-Hàn thì đông lắm, không thống kê

được. Lý tộc tại Nam-Hàn, hầu hết họ là những gia đình có địa vị trọng yếu về giáo dục, kinh tế, kỹ nghệ. Kỳ ứng cử vừa qua, một ứng viên Tổng Thống họ Lý suýt trúng cử.

Theo tấm bia trên mang tên *Thụ-hàng môn bi ký*, thì Kiến Bình vương Long Tường có nhiều con trai, tất cả đều hiển đạt. Không thấy nói tới Lý Long Hiến, cùng tông tộc hơn 200 người ở lại Đài-Loan. Lý Cán Đại lĩnh Đễ-học nghệ văn quán, Kim-tử quang lộc đại phu. Lý Huyền Lương, Tham-nghị lễ tào, Chính-nghị đại phu. Lý Long Tiễn Giám- tu quốc sử.

Ngày nay, tại Bắc-Hàn, cứ đến dịp tết Nguyên-Đán, hậu duệ của Kiến Bình vương Lý Long Tường khắp lãnh thổ Đại-Hàn đều kéo về Hoa-Sơn để dự lễ tế tổ. Khởi đầu của cuộc tế, đánh chín tiếng trống, gọi là *Tâm-thanh* để mọi người cùng tưởng nhớ cố quốc. Theo gia phả của chi Thuận-Xuyên, sở dĩ đánh chín tiếng, vì muốn ghi lại triều Lý trải 9 đời vua, kể cả Lý Chiêu-Hoàng. (4)

Năm 1995, con cháu của Kiến Bình vương Lý Long Tường, quy tụ hơn trăm người trở về Đình-Bảng, huyện Tiên-Sơn, tỉnh Bắc-Ninh dự lễ hội làng vào ngày rằm tháng ba Âm-lịch. Tại thiên chi linh, hẳn 9 đời vua triều Tiêu-Sơn, cũng như Kiến Bình vương Lý Long Tường đã thỏa nguyện: Những đứa cháu lưu lạc, nay trở về chầu tổ.

*Lời quê gửi tới người Việt hải ngoại.*

Hiện nay gần ba triệu người Việt lưu lạc khắp mọi góc biển, mọi chân trời. Có nơi sống tập trung như Hoa-Kỳ, Thái-Lan, Cao-Miên, Ai-Lao, Canada, Úc, Pháp, Nga-Sô. Có nơi sống rải rác cô độc như Do-Thái, Irak, Gabon... Nhìn vào tấm gương của hai dòng họ Lý tại Đại-Hàn. Dù con cháu quý vị không còn nói được tiếng Việt. Dù con cháu quý vị đã kết hôn với người địa phương. Nhưng quý vị phải luôn nhắc nhở cho chúng biết rằng: Chúng là người



Việt, lấy chủ đạo là con Rồng cháu Tiên. Xin quý vị khấn chép lại:

1. Nguồn gốc dòng họ mình từ làng nào, xã nào, tỉnh nào. Hoặc liên lạc với họ hàng trong nước để xin bản sao gia phả.

2. Tiểu sử những tiền nhân. Nếu không nhớ được hành trạng của các tổ xa đời, thì ít ra cũng chép được từ đời ông, đời cha.

3. Rời Việt-Nam ra đi vì lý do gì? Bắt đầu đến đâu? Lập nghiệp ra sao?

4. Mỗi năm vào dịp tết, quý vị sai đọc cho tất cả con cháu đều nghe.

5. Hằng năm, nếu có thể, khuyên con cháu, nên trở về quê hương, viếng thăm đất tổ, thăm mộ mã tiền nhân. Khi về già, các vị sai chép ra thành nhiều bản, cho mỗi con một bản.

Vài lời thô thiển. Biết rằng các vị cho là thường. Thưa quý vị, bây giờ là thường, nhưng sau đây trăm năm, nghìn năm, sự ghi chép của quý vị sẽ trở thành quý báu vô cùng.

Mong lắm thay! Cầu xin như vậy đây. ●

(Những tài liệu tôi dùng để viết bài này rất phong phú, rất nhiều. Xin xem phần **Những nguồn tài liệu**, trong bộ **Anh-hùng Đông-a dựng cờ binh Mông**, quyển 1)

(1) Trong chuyến đi này, Tổng-thống Ngô Đình Diệm cho một sĩ quan tháp tùng, mà người úu ái vì lòng yêu nước, tin tưởng vì lòng trung thành là Dương Văn Minh. Nhưng cũng tương đương với ngày tháng này, sáu năm sau, Dương Văn Minh tuân lệnh Hoa-kỳ, giết chúa.

(2) Chế độ Cộng-Sản cực đoan của Bắc-Cao là một chế độ suy tôn lãnh tụ vào bậc nhất thế giới, bậc nhất trong lịch sử nhân loại. Khi ăn cơm, sáng dậy, tối đi ngủ đều đọc kinh tạ ơn Kim chủ tịch.

(3) Sau đó tôi đã giúp họ hiệu đính lại những chỗ sai lầm trong gia phả của họ.

(4) Tôi tra trong địa lý thời Lý, trên lãnh thổ Đại Việt không có ngọn núi nào tên Hoa-Sơn cả. Có lẽ là núi Tiêu-Sơn, nơi phát tích ra triều Lý chăng?

(5) Chín đời vua triều Lý là:

1. Thái-Tổ Lý Công Uẩn.
2. Thái-Tông Lý Đức Chính.
3. Thánh-Tông Lý Nhật Tông.
4. Nhân-Tông Lý Càn Đức.
5. Thần-Tông Lý Dương Hoán.
6. Anh-Tông Lý Thiên Tộ.
7. Cao-Tông Lý Long Trát.
8. Huệ-Tông Lý Long Sảm.
9. Chiêu-hoàng Lý Phật Kim

(6) Có một sự trùng hợp. Năm năm sau, tháng 1-1258, Thái-sư Mông-Cổ là Ngột-Lương Hợp-Thai (Uriyangqadai) đem quân đánh Đại Việt, cũng bị tụtệ đường lương, rồi bỏ chạy. Xin đọc **Anh-hùng Đông-a dựng cờ binh Mông hồi 50**.



## Hãy tìm đọc những bộ sách của

**Yên-tử cư-sĩ Trần Đại-Sỹ**

ca tụng chiến công giữ nước của tổ tiên ta.

**Do Nam-á Paris xuất bản.**

- \* **Anh hùng Lĩnh-Nam**, 4 quyển, 1318 trang, 1987.
- \* **Động-đình hồ ngoại sử**, 3 quyển, 886 trang, 1990.
- \* **Cẩm-kê di hận**, 4 quyển, 1305 trang, 1992.

**Do Xuân-thu Hoa-kỳ ấn-hành.**

**Viện Pháp-á Paris (Institut Franco-Asiatique) xuất bản.**

- \* **Anh hùng Tiêu-sơn**, 3 quyển, 907 trang, 1991
- \* **Thuận-Thiên di sử**, 3 quyển, 909 trang, 1991
- \* **Anh-hùng Bắc-cương**,

- \* 4 quyển, 1254 trang, 1993
- \* **Anh-linh thần-võ tộc Việt**, 4 quyển, 1334 trang, 1993

**Do Đại-Nam Hoa-kỳ ấn hành. Viện Pháp-á Paris (Institut Franco-Asiatique) xuất bản.**

- \* **Cốt tủy Tử-vi tuổi Tý**, 1 quyển, 362 trang, 1994.
- \* **Nam-quốc sơn-hà**, 5 quyển, 2230 trang, 1996.



Tìm đọc lịch sử tiểu thuyết **Anh hùng Đông-a Dựng cờ binh Mông**, 5 quyển, 2540 trang, Giá 80US. Của Yên-tử cư-sĩ Trần Đại-Sỹ. Viện Pháp-á xuất bản, Đại-Nam Hoa-kỳ ấn hành.

Thuật cuộc chiến thắng Mông Cổ lần thứ nhất của tộc Việt. Suốt 700 năm qua, các sử gia thế giới đều thắc mắc rằng: Quân Mông Cổ chinh phục các nước từ Âu sang Á, đặt nền móng cai trị đến mấy trăm năm. Nhưng chỉ bại tại Việt Nam và Nhật Bản. Có thực hay không? Đọc **Anh-hùng Đông-a dựng cờ binh Mông** để biết đây là sự thực. Và tổ tiên ta đã chiến thắng Mông Cổ như thế nào?

**Xin hỏi mua tại :**

**Đại-Nam (Hoa Kỳ)**

PO Box 4279 Glendale, CA. 91202  
Tel. 01.45 84 81 87

**Khai-Trí (Pháp)**

93 av. de Choisy, Paris 13  
Tel. 01 45 82 12 40

**Viện Pháp-á (Pháp)**

5, Place Félix Eboué, Paris 12  
Tel. 01 43 07 51 46 &  
Fax 01 43 07 18 25  
E-Mail. Trandais@Micronet.fr.

**Sẽ xuất bản:**

**Anh-hùng Đông-a,**  
*Gươm thiêng Hàm-tử.*

## Nhân Lễ giỗ 60 năm (1940-2000)



Thi hào

## Hàn Mặc Tử

**H**àn Mặc Tử tên thật là Nguyễn Trọng Trí, sinh ngày 22 tháng 9 năm 1912 tại làng Lệ Mỹ (1), cũng gọi là Tam Tòa (2), khu vực Công giáo Đồng Hới (3), thuộc tỉnh Quảng Bình. Thân phụ là Nguyễn Văn Toàn, viên chức của Sở Thương Chánh (Quan Thuế), gần nhà thờ Công Giáo địa phương, đối diện với sông Nhật Lệ (4), nơi đã xảy ra nhiều trận đánh quyết liệt trong thời kỳ Nam Bắc phân tranh.

Trong khung cảnh đầy di tích lịch sử và đượm mùi tôn giáo với hương thơm kín đáo tản mạn trong hầu hết thi phẩm của chàng, Hàn Mặc Tử đã lớn lên bên bờ đại dương nơi sớm chiều những làn sóng dịu dàng mơn trớn, những bức thành cổ kính rêu phong; và chính nơi đây Nguyễn Trọng Trí, thánh danh Pierre François, đã sống một quãng đời thơ

ấu êm đềm, vô tư trong một gia đình đạo đức.

Những đêm trăng huyền ảo, gió biển thổi vi vu xuyên qua những rặng phi lao mở buồn bên bờ biển chính là lúc cậu Trí lắng nghe những khúc hát điệu hò từ nghìn xưa trên sông vang lại:

*Núi Đầu Mâu<sup>(5)</sup> cao bao nhiêu  
trượng?*

*Sông Linh Giang<sup>(6)</sup> sâu mấy nghìn  
trùng?*

*Cắm thuyền đội bạn tri âm,  
Non mòn sông cạn lòng nàng không  
phai!*

\* \*  
\*

*Tiếp hát ngư ông giữa sông Nhật Lệ,  
Tiếng kêu đàn nhạn về áng Hoành  
Sơn,  
Một mình em ngồi giữa lòng thuyền,  
Tiếng ca du nguyệt đoạn trường ai  
hay?*

Những khúc hát bình dân đầy thi vị và tình tứ này là cái vốn quý báu, là hương hỏa của Tổ tiên truyền lại cho dân ta, tạo dựng cơ bản cho văn hóa Lạc Việt vững chãi và trường tồn, mặc dù phải trải qua nhiều cuộc bể dâu và biết bao thăng trầm của lịch sử. Ngần lên giữa một bầu trời bao la, trong sáng, những bài hát câu hò bình dị đã ảnh hưởng sâu đậm tâm hồn của nhà thơ tương lai.

Ra đời trước sản kỳ của thân mẫu, Nguyễn Trọng Trí đã bị bẩm chất suy nhược từ nhỏ, khiến cho sau này nhà thơ phải chịu đau đớn nhiều trong một tấm thân tàn phế suốt đời. Cách mấy năm sau, thân phụ trúng tuyển kỳ thi Tham Tá Thượng Chánh, phải từ giã Đồng Hới vào nhậm chức ở Sa Kỳ, một hải khẩu nhỏ ở phía Bắc tỉnh Quảng Ngãi. Rồi theo bước công danh, gia đình ông Tham Trí phải liên tiếp đổi chỗ ở, hết Bồng Sơn (Bình Định) đến Qui Nhơn, và sau cùng trở lại Sa Kỳ. Thế là nhà thơ Hàn Mặc Tử đã sống luôn luôn trên bờ biển, từ thuở còn nằm trong nôi cho đến khi từ giã cõi trần.

Nguyễn Trọng Trí theo đuổi chương trình tiểu học ở Quảng Ngãi

đến 1926, là năm thân phụ qua đời tại bệnh viện Huế. Việc tang xong, cả gia đình dọn đến ở chung với người con trưởng Nguyễn Bá Nhân, hồi ấy làm thầu khoán cho Sở Lục Lộ Qui Nhơn. Như thế là gia đình của Trí gồm có: Mẹ là bà Nguyễn Thị Duy, anh cả Bá Nhân, hai chị Như Nghĩa, Như Lễ rồi đến Trí và hai em trai Bá Tín, Bá Hiếu. Gia đình có đủ Ngũ Thường là Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín còn thêm chữ Hiếu nữa cho đủ Lục Đức.

Theo nhà văn Trần Thanh Mai, tiên tổ Nguyễn Trọng Trí nguyên họ Phạm, ông cố tên Phạm Nhuận, ông nội là Phạm Bồi, vì liên quan quốc sự nên từ Nghệ Tĩnh trốn vào Thừa Thiên và đổi ra họ Nguyễn để tránh né sự truy lùng của nhà chức trách thời đó.

Theo thi sĩ Quách Tấn thì lúc đầu, bút hiệu nhà thơ họ Nguyễn là *P.T. Qui Nhơn*, ký dưới mấy bài thơ đăng trong *Phụ Nữ Tân Văn*, Sài Gòn, sau mới biết là Phong Trần, thư sinh bạch diện của trường trung học Qui Nhơn. Sau đó, Trí vào Nam làm báo, nhờ một bài thơ ký bút hiệu *Lệ Thanh* (do chữ đầu sinh quán Lệ Mỹ ghép với chánh quán Thanh Tân - Thừa Thiên) trúng giải thưởng của một Thi xã Gia Định mà được nổi tiếng.

Khoảng 1934-1935, Trí được báo Sài Gòn mời giữ mục văn chương, rồi Trí chủ trương mục Công Luận Văn Chương và viết giúp các báo *Trong Khuê Phòng*, *Tân Thời*. Thời kỳ này, Trí sống cuộc đời bừa bãi, ở những gác trọ thiếu kém vệ sinh, xóm Chợ Cũ, Sài Gòn, và có thể từ đó đã nhiễm vi trùng cùi (bacille de Hansen), ẩn núp cả chục năm mới xuất hiện chứng bệnh. Vào Nam trong những năm 1950-51 để công tác thông tin, báo chí, tôi đã cố gắng tìm kiếm căn phòng trên tầng gác trọ nhà 107 đường d'Espagne cũ, là nơi đã dung dưỡng nhà thơ.

Có người chê bút hiệu Lệ Thanh quý yếu điệu thực nữ, Trí bèn đổi ra Hàn Mặc Tử, có nghĩa là *Người Trong Rèm Lạnh* (Hàn Mặc). Trong một cuộc viếng thăm Quách Tấn (tác giả tập thơ *Mùa Cổ Điển*), Trí bị trêu chọc và chính Quách Tấn khuyên Trí nên thêm dấu "ã", mái trắng non,



trên chữ " của chữ Mạc, thành ra **Mặc**. Và như thế đối được nghĩa ra hàn mặc là bút mực, Hàn Mặc Tử là *Người Bút Mực*, nghĩa là Nhà Nho, Nhà Văn.

### Bước đầu trên đường văn thơ Nhà thơ cổ điển

Học đòi anh cả Bá Nhân, Trí làm những bài thơ đầu tiên theo Đường Luật. Năm 15 tuổi, chàng lấy thi hiệu *Minh Duệ Thị*, Thi tài sớm nở đã biểu lộ trong bài diễm tình thi *Gởi Chim Nhạn* sau đây:

*Vội vàng chi lắm nhận lũng mây  
Chậm chậm cho mình gởi mối dây,  
Về đến Thần Kinh khoan nghĩ đã,  
Ghé miền Gia Hội tỏ tình ngay.  
Suốt năm canh mộng hồn mê mỗi,  
Chỉ một lòng son muốn giải bày.  
Này nhận ta còn quên chút nữa,  
Con tim non nớt tặng nàng đây.*

Trong nhiều bài thơ khác, chúng ta còn tìm thấy nhiều câu đượm mùi cổ kính:

*Bóng nguyệt leo song sờ sẫm gối,  
Gió thu lọt cửa cọ mài chăn.*  
(Đêm Không Ngủ)

Vẻ đẹp chốn kinh đô trầm lặng và huyền bí có một sức hấp dẫn mãnh liệt khiến cho một buổi sớm kia, sau khi được mẹ và anh cho phép, Trí đáp tàu ra Huế theo học trường dòng Pellerin, bên dòng sông Hương thơ mộng. Những chàng đã say theo Nàng Thơ quyến rũ hơn là môn Toán học khô khan! Vốn là người đa tình đa cảm, chàng không thể thờ ở trước vẻ đẹp dịu dàng của những thiếu nữ Thần Kinh, dù cho người đẹp đã xuống tóc, vào chốn thiền môn tu thân tích đức:

### Gái ở chùa

*Rừng thiêng thấp thoáng dạng quần  
thoa  
Khuê các trâm anh cũng rửa à?  
Mùi tục chứa chi mà vội chán!  
Cuộc đời mỗi thế đã lo xa!  
Nhặt mùi son phấn say mùi đạo,  
Chán cảnh thiền ba mển cảnh chùa.*

*Di nguyệt trở trên lòng dạ hiềm!  
Trăm năm nở để thiet thời hoa*

Ta phải công nhận bài thơ này là một viên ngọc toàn bích, cho nên các cụ Phan Bội Châu và Ứng Bình Thúc Giạ đã không ngớt lời khen. Và nhà giáo Ứng Thiều dạy Việt Văn ở Trường Petrus Ký, trong mấy lần gặp chúng tôi ở Nha Văn Hóa, vẫn xác nhận Hàn Mặc Tử là một hiện tượng kỳ lạ (un cas phénoménal) !

### Một cuộc cách mạng văn chương Nhà thơ lãng mạn

Vào năm 1932, một cuộc *cách mạng văn chương lãng mạn* đã thật sự xảy ra tại Việt Nam. Cuộc cách mạng này được chuẩn bị từ năm 1925 bởi những nhà văn học thuộc văn phái mới như Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu với văn tập *Khối Tình Con*, Song An Hoàng Ngọc Phách với *Tố Tâm*, Tương Phố nữ sĩ với trường ca *Giọt Lệ Thu*. Tuy thế, phải chờ đến ngày 10.3.32 tạp chí *Phụ Nữ Tân Văn* đăng bài thơ mới *Tình Già* của Phan Khôi, Tân Văn Phái mới được khẳng định. Bài thơ này bất chấp niêm luật, thanh thoang có vần, đọc lên nghe êm tai và kích động tâm hồn, không gò bó như thơ cũ, đã gióng lên hồi chuông canh tân trong làng văn học. Bài thơ diễm tình này là cả *một tiếng gọi khiêu chiến* với các nhà thơ phái cổ.

Phái thơ mới muốn vượt ra ngoài khuôn khổ chật hẹp của Đường luật để cho câu thơ được một thể cách tự do hơn, với phép gieo vần không quá nghiêm khắc, số chữ của mỗi câu không hạn định. Và từ đấy những bài sẽ được cảm tác theo yên sĩ phi lý thuần (inspiration) của tao nhân mặc khách. Thơ cũ có tính chất súc tích, tổng hợp và cân đối bao nhiêu thì thơ mới có vẻ canh tân, rộng rãi và phóng khoáng bấy nhiêu. Theo dấu chân của phái lãng mạn Pháp, đồng thời hấp thụ văn học Âu Tây, văn phái lãng mạn Việt Nam chiếm được một địa vị ưu thế về tình cảm và có óc tưởng tượng. Thời đó là lúc thịnh hành của chủ nghĩa cá nhân và của ý chí thoát ly gia đình với những ràng buộc gắt gao của truyền thống và tập quán từ ngàn xưa để lại. Cái "Ta"

không còn là một vật khả ố nữa (le moi n'est plus haïssable), nó được trưng bày khắp nơi trong sự trần trường thỏa thích, lập dị và rên than.

Chẳng những có tính cách cá nhân, nhà thơ lãng mạn còn tiến đến tính cách ngoại lệ (vô tiết độ, hiếu lạc, phóng đảng...) và ưa có thái độ phi thường, như ta thấy trong Thơ Ngông của Tản Đà, Thơ Điên của Hàn Mặc Tử và Thơ Say của Vũ Hoàng Chương. Nguyên ủy hai chữ lãng mạn là sóng nước phóng túng, không có gì bó buộc, tràn ra không có gì ngăn chặn.

Pháp gọi là Romantisme như nhà thơ Alfred de Musset đã giải thích gọn gàng trong một câu: *Lãng mạn là một ngôi sao úa lệ, hồi gió rên gào, bóng đêm run rẩy* (Le romantisme, c'est l'étoile qui pleure, c'est le vent qui vagit, c'est la nuit qui frissonne.. c'est le jet inespéré, l'extase alanguie...) (Mélanges de Littérature et de Critique).

Chống lại phái cổ điển quá mùa chuyên mượn đề tài trong chuyện cổ nước Tàu, quá thiên trọng về điển tích, phái lãng mạn Việt Nam diễn tả cảm tình, tư tưởng của mình trong lời văn thuần túy Việt Nam dễ hiểu và tìm nguồn cảm hứng ngay nơi quê hương xứ sở, trong hoàn cảnh thiên nhiên, trong các đạo giáo, những đề tài xưa mà mới mẻ, chẳng hạn như tập thơ *Điêu Tàn* của Chế Lan Viên than khóc nền văn minh Chiêm Thành ngày xưa rực rỡ mà ngày nay điêu tàn!

Sự chống báng giữa hai phái văn đã gây nên một cuộc bút chiến kịch liệt, những cuộc tranh luận sôi nổi và chua cay. May thay, trong phái mới đã xuất hiện nhiều thi sĩ có chân tài và nghệ thuật điêu luyện của họ có thể chứng minh cho giá trị Thơ Mới, với những thi phẩm siêu đẳng của Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Huy Thông (7), Thái Can v.v...

\*\*\*

Chúng ta hãy bước vào năm 1936 để thấy Hàn Mặc Tử cho xuất bản tập thơ mới đầu tiên là *Gái Quê*, do Phạm Văn Ký, Tiến sĩ Văn chương đề tựa (8). Trong *Gái Quê*, nhà thơ đã gởi gắm khá nhiều tâm tình cho người yêu đầu tiên là Hoàng

Cúc, quê quán Vỹ Dạ, Thừa Thiên, mà sau này chàng sẽ gặp lại ở đường phố Khải Định ở Qui Nhơn. Người đẹp Hoàng Cúc đã ảnh hưởng nhiều bài thơ của Hàn Mặc Tử, ví dụ như *Vịnh Hoa Cúc, Trồng Hoa Cúc*, và nhất là bài thơ trữ danh *Đây Thôn Vỹ* đã được nhạc sĩ Phạm Duy phổ nhạc và phổ biến khắp năm châu trên 40 năm nay:

### Đây Thôn Vỹ

*Sao anh không về nơi thôn Vỹ,  
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên,  
Vườn ai mướt quá, xanh như ngọc,  
Lá trúc che ngang mặt chữ điền.  
Gió theo lối gió, mây đường mây,  
Dòng nước buồn hiu, hoa bắp lay,  
Thuyền ai đậu bến sông Trăng đó,  
Có chở trăng về kịp tối nay?  
Mơ khách đường xa, khách đường xa,  
Áo xem trắng xóa nhìn không ra...  
Ở đây sương gió mờ trăng ảnh,  
Ai biết tình ai có đậm đà?*

Qua bài thơ này, chúng ta nên tìm hiểu hai chữ Vỹ (hay Vĩ) Dạ và cùng hấp dẫn: Vĩ (Vĩ) là lau, lau lách, cũng như Vĩ lô là lau sậy. Còn chữ Dạ là đồng, cánh đồng. Biết rằng: Vĩ là biến dạng của Vi, Dạ là biến dạng của Dã, vậy thì Vĩ Dạ là cánh đồng mọc đầy lau lách, loài thảo mộc luôn luôn ám ảnh Hàn Mặc Tử, như ta nhận thấy trong bài thơ Bên Lên:

### Bên Lên

*Trăng nằm sóng soãi trên cành liễu  
Đội gió đông về để lá lồi,  
Hoa lá ngây tình không muốn động,  
Lòng em hồi hộp chị Hằng ơi!  
Trong khóm vi lau rào rạt mái,  
Tiếng lòng ai nói sao im đi  
Ô kia, bóng nguyệt trần trường lấm,  
Lộ cái khuôn vàng dưới đáy khe..  
Vô tình để gió hôn lên má,  
Bên lên làm sao lúc nửa đêm,  
Em sợ lang quân em biết được,  
Nghĩ ngờ cái tiết trinh em.*

Ngoài những "vi lô san sát hơi mây", chúng ta nhận thấy có trăng sao rơi trong dòng suối, lại thêm làn gió hữu tình lọt vào màn, hôn lên má

lúc đêm khuya, khiến cho Nàng then thùng bên lên, ái ngại lang quân nơi xa vắng... Những yếu tố thiên nhiên đó là những ám ảnh thường xuyên trong thi ca Hàn Mặc Tử. Còn khuôn mặt chữ Điền có lá trúc che ngang chính là khuôn mặt của Nàng Thơ Hoàng Cúc, mối tình đầu của Hàn Mặc Tử.

Thi tập Gái Quê ca ngợi đời sống bình dị, hiền lành của những cô gái quê, cuộc sống thanh thản hàng ngày nơi xóm làng, đồng ruộng, qua những phong tục miền quê, những cuộc tình duyên đắp xây với hoa đồng cỏ nội, những nét đan thanh của mạ mùa, lúa chín, luống sắn nướng khoai, của những tà áo màu nâu màu chàm, bay lượn dưới bóng tre xanh hay bên đồi cỏ lục:

### Mùa Xuân Chín

*Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời,  
Bao cô thôn nữ hát trên đồi,  
Ngày mai trong đám xuân xanh ấy,  
Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi.*

khiến cho lòng Trí cũng băng khuâng rạo rức:  
*Khách xa gặp lúc mùa xuân chín,  
Lòng Trí băng khuâng sức nhỏ làng!  
Chị ấy năm nay còn gánh thóc,  
Đọc bờ sông trắng nắng chang chang.*

### Triệu chứng của bệnh phung Nhà thơ điên

Cuối năm 1936, những triệu chứng của bệnh phung ghê gớm phát hiện một cách rõ rệt. Hàn Mặc Tử rất đau đớn trong thể xác, quyết định sống riêng biệt ở Gò Bồi, gần bờ biển, ở khoảng giữa Qui Nhơn (9) và Gành Ráng (quê hương của nữ sĩ Ngọc Sương Huyền Châu, hiện sống ở Paris 13). Nhà thơ đã kiên trì, chịu đựng những thiếu thốn, khổ cực trăm bề để mà sống lây lất trong một căn nhà tranh rách nát, mưa táp gió lùa... Gò Bồi cách Qui Nhơn 15 cây số là nơi nhà thơ trú ẩn, đoạn giao với xã hội loài người!

Cuối năm 1937, Hàn Mặc Tử tập hợp tất cả những bài thơ Điền thành một tập nhan đề *Đau Thương*, đặc

hiển cho Nàng Trăng huyền diệu mà tâm hồn chàng luôn bị ám ảnh, những muốn lướt đến trên một phi thuyền không gian! Nơi nào Hàn Mặc Tử cũng thấy trăng, toàn là trăng gieo rắc cho thế gian một bầu ánh sáng huyền ảo, linh lung và kỳ diệu. Nhà thơ cũng gán cho trăng cái tâm lý của con người, đích thực là Hằng Nga với ghen tuông, hờn giận, say đắm yêu đương...

Hình như những tia sáng huyền ảo do trăng chiếu xuống trần gian đã gây được ảnh hưởng về tâm linh và còn có tác dụng chữa bệnh cho thiên hạ, đặc biệt là cho những người bị chứng phong hủi. Hơn nữa, mặt trăng thuộc về âm, biểu tượng cho âm lịch ngũ trị toàn cõi Đông Á từ mấy chục thế kỷ. Nhà thiên văn học Charles Nordmann nhận rằng: "*Khi trăng giãi bóng hoa tử đinh hương trên cánh đồng sương phủ, ai mà không cảm thấy mỡ mộng êm đềm? Cả đến loài thú cũng biết say đắm chị Hằng, và khắp nơi trong thiên hạ, chó đều sủa trăng*". (Quand la lune fait pleuvoir d'impalpable lilas sur la plaine vaporeuse, quel être humain ne se sent porté à rêver doucement? Les animaux eux mêmes sont un peu lunatique et, dans tous les pays du monde, les chiens aboient à la lune).

Bị trăng ám ảnh và thôi miên, Hàn Mặc Tử đã có nhiều ảo tưởng thanh cao, kỳ diệu:

*Gió rít từng cao trăng ngã ngửa,  
Vỡ tan thành vũng đọng vàng khô,  
Ta nằm trong vũng đêm trăng ấy,  
Sáng dậy điên cuồng mửa máu ra!*  
(Say Trăng)

Hồn thi sĩ sẽ thoát ra khỏi xác để bay vào giữa khoảng trăng sao. Trong những cuộc viễn hành đó, chàng đã ghi lại nhiều ấn tượng lạ lùng:

*Vì không giỏi nổi trầm hưởng vắng lạnh,  
Nên hồn bay vùn vụt tới trăng sao.  
Sóng gió nổi ùng ùng như địa chấn,  
Và muôn ngàn thần phách ngã lao đao.  
Cả hội hám muôn xưa theo ám ảnh,*



*Hồn chó vớ không biết lạc vào đâu?  
Và vưởng phải vớ vờ tình khí lạnh,  
Hồn mê man bất tỉnh một hồi lâu.*  
(Hồn Lìa Khỏi Xác)

Trong sự cô quạnh thê thảm, Hàn Mặc Tử đã chiến đấu một cách vô vọng với chứng bệnh. Tuy vậy chàng vẫn còn một tia hy vọng sau cùng: các bạn bè, thân thuộc, những đệ tử thân thương trong vùng Bình Định như Ngọc Sương ở Gòanh Ráng thỉnh thoảng tìm đến viếng thăm, có người còn gửi chút ít tiền cho chàng thuốc thang điều trị. Hồi đó chỉ có thủ thuốc *sulfones* thuộc loại *sulfamides* là một thủ dầu trích từ hạt cây mốc chó mà người Cao Miên gọi là *chaulmougra*, chứ chưa có thuốc đặc biệt *dialide* do hai nhà bác học Việt Nam Bửu Hội và Nguyễn Đạt Xướng phát minh tại Pháp. Nhưng khổ nạn thay, những thủ thuốc gia truyền, kể cả chút ít vàng lá, vàng bột củ thế mà nuốt vào, đã không làm giảm bệnh mà ngược lại còn làm cho bệnh thêm trầm trọng. Bấy giờ Hàn quân như một cái xác ướp Ai Cập, da bọc lấy xương, trông rất thảm hại!

Cảm thấy vô phương trước nan y tử chúng (phong, lao, cổ, lại), Hàn quân quyết định tuyệt dục, chịu đau đớn hoàn toàn trong yên lặng. Và từ đó Hàn Mặc Tử chỉ biết cầu nguyện Hóa công dung thân vạn đại! Chính lúc đó, những kỷ niệm xa xưa về một mối tình tuyệt vọng bỗng nhiên xuất hiện trong ký ức làm gia tăng sự đau khổ đến cực độ. Người nhớ lại cách đây mấy năm đã làm quen và thường yêu tha thiết một thiếu nữ địa phương tên Mộng Cầm.

Lúc gặp nhau ở Nha Trang năm 1953, thi sĩ Quách Tấn cho tôi biết Mộng Cầm là cháu của thi sĩ Bích Khê, em ruột nữ sĩ Ngọc Sương. Cả gia đình này quê quán ở Thu Xà, Quảng Ngãi. Hai chị em vào Phan Thiết mở trường dạy học.

Đối với Ngọc Sương, Hàn Mặc Tử tỏ nhiều tình cảm qua thi văn, còn đối với Mộng Cầm thì mối tình của Hàn Mặc Tử rất đậm đà và chân thực. Hai người đã thật sự yêu nhau đắm đuối. Mối tình này bắt nguồn từ một tin rao vặt trên một tờ báo ở Sài Gòn mà Hàn Mặc Tử đang cộng tác. Từ Sài Gòn, mỗi cuối tuần Hàn

Mặc Tử đã đáp tàu lửa ra Phan Thiết thăm Mộng Cầm. Một lần nọ, hai người rủ nhau đi thăm Lầu Ông Hoàng, chẳng may gặp mưa giông bèn kéo nhau chạy vào núp trong nghĩa địa Phan Thiết và rất có thể đã bị tiêm nhiễm hơi độc từ các ngôi mộ hoang tàn bốc lên với giông tố:

**Phan Thiết! Phan Thiết!**

*Rồi ngầy đại nhờ thất tình chỉ hưởng,  
Ta lang thang tìm tối chốn lầu trắng?  
Lầu Ông Hoàng, lời thiên hạ đồn vang:*

*Nỗi đã khóc, đã yêu thương tha thiết.  
Ôi! Trời ơi là Phan Thiết, Phan Thiết!  
Mà tang thương còn lại mảnh sao rơi.*

*Ta đến nơi: nàng ấy vắng lâu rồi,  
Nghĩa là chết từ muôn trăng thế kỷ.*

Lầu Ông Hoàng nguyên là lầu của Hầu tước Duc de Montpensier, cháu đích tôn của vua Louis Philippe. Hầu tước và người yêu đi tàu thủy tới Sài Gòn ngày 27.1.1907 rồi chọn Phan Thiết, nơi Phố Hải, gần tháp Chăm Pajai để xây một lầu đài tuyệt mỹ bên cạnh Bàu Sen thơm ngát. Cặp uyên ương đã lưu ngụ nơi này 5 năm, và trong thời gian đó đã mở trường đua ngựa Phú Thọ ở Sài Gòn, trồng cao-su ở vùng phụ cận, v.v... Còn lầu đài Pajai đã được



(Mẫu đàn bà Việt xinh đẹp ngày xưa)

trang bị với những tấm gương lớn của Saint-Gobains, những tấm thảm quý giá của xưởng dệt trứ danh Les Gobelins và những đồ sứ thượng hạng của Limoges từ Pháp quốc chở sang.

Hầu tước de Montpensier đã ghi lại những kỷ niệm đẹp nhất đời ông trong quyển hồi ký **En Indochine: mes chasses, mes voyages** (Paris 1912). Ông cũng là tác giả quyển **Notre France d'Extrême-Orient** (Paris 1913, Librairie Académique), mở đầu bằng một tấm hình khả ái của một phụ nữ Việt Nam mang chú giải: *Joli type de femme annamite*.

Bài thơ của Hàn Mặc Tử nhắc lại hai mối tình kế tiếp nhau: mối tình ông Hoàng và nàng công chúa Tây phương và mối tình giông tố giữa Mộng Cầm và Hàn Mặc Tử.

Năm xưa, 1950-1951, khi rời Huế vào công tác miền Nam Trung, tôi có ghé thăm những hàm hộ như cụ Hồ Tá Bang, đại gia đình BS Hồ Tá Khanh, Dục sư Phạm Tu Tề. Ông này có đưa tôi đi thăm Lầu Ông Hoàng trong cảnh hoang phế từ cuộc đảo chính Nhật 9.3.45. Than ôi! Cảnh vật tang thương, nhà hoang của vắng khiến tôi nhớ tới người xưa cảnh cũ: Hầu tước và Hàn quân, Công nương và Mộng Cầm dường như hiển hiện trong giấc mơ nơi Bồng Lai tiên cảnh:

*Nào rừng thẳm nghìn cổ cây linh động*

*Nào mạch nước với cánh đồng xa rộng,*

*Hồ xanh xanh, hố nọ với đời hoang.*

*Thượng Đế ban cảnh tạm một thời gian,*

*Để ta bận tâm tình và ảo mộng.*

(Mối Sầu Olympio - Victor Hugo)

Nguyên văn là:

Dieu nous prête un moment les prés et les fontaines,

Les grands bois frissonnants, les rocs profonds et sourds

Et les cieux azurés et les lacs et les plaines,

Pour y mettre nos coeurs, nos rêves, nos amours.

(Tristesse d'Olympio)

## Buồn Thu



Ấp úng không ra được nửa lời,  
 Tình thu bi thiết lắm thu ơi!  
 Vội vàng cánh nhận bay đi trôi.  
 Hiu hắt hơi may thoảng lại rồi...  
 Nằm gắng đã không thành mộng  
 được,  
 Ngâm tàn cho bỏ lúc mộng trôi.  
 Ngàn trùng muôn liễu trông xanh  
 ngắt,  
 Chỉ có thông kia chịu với trời.  
 Hàn Mặc Tử

### Sự hy sinh của một người đàn bà : Nữ sĩ Mai Đình

Hàn Mặc Tử đau đớn từ thịt da  
 đến xương tủy. Cả thân thể chàng  
 nhả nheo nứt nẻ và không thể nào  
 tránh khỏi một sự hủ lạn dần dà.  
 Mùa thu năm 1938, một người đàn  
 bà gốc Thanh Hóa từ Nam Việt ra tới  
 Gò Bồi, phía Bắc Qui Nhơn, tìm  
 thăm Hàn Mặc Tử đang đau khổ  
 trong túp lều tranh, tình nguyện hiến  
 cho chàng cả một đời son trẻ. Nàng  
 tên là Mai Đình, bạn của Lê Minh,  
 cháu của Lê Văn Trưởng. Nàng  
 quyết vượt ra ngoài khuôn phép gia  
 đình, bất chấp dị nghị quần chúng,  
 tình nguyện "phục vụ" Hàn Mặc Tử  
 mặc dầu lúc đầu chàng quyết liệt từ  
 chối. Là một phụ nữ cao thượng,  
 nàng đã chăm nom Hàn Mặc Tử rất  
 chu đáo, mang lại cho chàng một  
 mối tình chân thành và tinh khiết.  
 Hàn Mặc Tử được thêm nguồn cảm-  
 hứng, đã viết tặng nàng những câu  
 thơ rất thống thiết:

Cưỡi chi lắm cho dầm dề nước mắt,  
 Chết ruột gan mà ngoài mặt như  
 không,  
 Anh nhìn Mai chua xót tấm lòng,

Không biết nói làm sao cho da diết.

.....

Đây Mai Đình tiên nữ ở Vu Sơn, (10)  
 Đem mộng xuống gieo vào muôn  
 sóng mắt,  
 Nàng, ôm nàng hai tay ta ghi chặt:  
 Cả bài thơ êm mát lạ lòng thay!

Do thơ viết ngày 29.10.1990, nữ  
 sĩ Vân Nường Lê Ngọc Chấn, từ  
 Sarlat, Dordogne (Pháp), đã gởi cho  
 tôi hai bài thơ: một bài **Tinh Hoa Đất  
 Nước** tưởng niệm Hàn Mặc Tử, và  
 bài **Gửi Mai Đình Người Bạn Tuổi  
 Thơ** cảm tác từ năm 1976 khi còn  
 hội ngộ ở Sài Gòn.

### Tinh Hoa Đất Nước

tưởng niệm Hàn Mặc Tử nhân ngày  
 giỗ 50 năm của thi sĩ  
 (11.4.40-11.11.90)

Không gian theo với thời gian  
 Nửa vòng thế kỷ chứa tàn ý thơ  
 Cõi xa dù khói sương mờ  
 Vẫn như phảng phất người xa hiện  
 về  
 Từng trang hoa gấm còn kia  
 Trời Âu đất Việt trau tria thế tinh!  
 Vân Nường, Sarlat Nov.90

### Gửi Mai Đình Người Bạn Tuổi Thơ Mai Đình, người yêu của Hàn Mặc Tử

Đâu biết vườn trăng lại chúng mình  
 Phù trầm nghe mỗi cánh phiêu linh  
 Thuởng ai vũ trụ nghiệp văn chường  
 ấy  
 Đem cái tài hoa cột Chử Tinh!  
 Bạn dứt cung cầm, yên sóng gió  
 Tôi hồn dâu bể nợ ba sinh! (\*)  
 Nhỏ xưa làn tóc thơm hương cốm  
 Một mái trường xưa gọi dáng hình  
 Cổ muốt chân non say đuổi bướm  
 Ngọt ngào đủ vị ý nguyên trình  
 Vườn Thanh tuổi mộng êm như lụa  
 Hoa phượng tuổi màu áo nữ sinh  
 Trong trắng trang đời không chút  
 bợn  
 Hồn xanh như ngọc chuốt bình minh  
 Hương xuân Mai vẫn còn phong độ  
 Mặt nước Mây chứa gợn bất bình  
 - Hôm nay ôn lại thời xa cũ,  
 Chợt thấy trôi về dĩ vãng xanh

Một mối hận trường vuông vấn mãi,  
 Hàn giang ghê lạnh gió Mai Đình  
 Vân Nường

Lê Ngọc Chấn sương phụ (1976)  
 (\*) Năm 1976 gặp lại Mai Đình giữa lúc  
 nhà tôi bị đi cải tạo ngoài Bắc.

### Hàn Mặc Tử : nhà thơ Công giáo

Là người Công Giáo nhiệt thành  
 kể từ ngày ra đời nơi xứ đạo Tam  
 Tòa, bên cạnh những di tích hùng vĩ  
 của Định Bắc Trường Thành do Đào  
 Quốc Công xây dựng từ đầu thế kỷ  
 17, Hàn Mặc Tử cảm thấy lòng tin  
 của mình tăng gia gấp bội trong một  
 thân thể điêu tàn. Bị xem là một vật  
 ký sinh ngoài lề xã hội, Hàn quan đã  
 luôn luôn tìm nơi ẩn náu dưới chân  
 và trong lòng Thượng Đế. Những bài  
 thơ đượm nhuần Công Giáo của  
 chàng được hợp lại thành hai tập.

Tập thơ thứ nhất là **Xuân Như Ý**,  
 mùa xuân của Sáng Thế (Genèse),  
 nhằm lúc vũ trụ sơ khai với hai tiếng  
 Big Bang, nói cách khác là Âm  
 Dương cũng thế. Linh khí sơ nguyên  
 của Thượng Đế tràn đầy vũ trụ vô  
 biên và luôn luôn nức nở (l'univers  
 en perpétuelle expansion), chắc  
 chắn là hình tròn, mà điểm trung ở  
 cùng cả và đường tròn thì khắp nơi  
 (l'univers est une sphère  
 incommensurable, dont le centre est  
 partout et la circonférence nulle  
 part), theo quan niệm của triết gia  
 Blaise Pascal (1623-1662).

Theo quan niệm của Hàn Mặc Tử  
 thì mùa Xuân Như Ý vĩnh viễn nói:  
 Són cùng thủy tận nghi vô lộ,  
 Liễu ám hoa minh biệt nhất thôn!

Nơi đây vang dội những lời cầu  
 nguyện, những hương lạ mê ly,  
 những âm thanh kỳ diệu, tất cả chìm  
 ngập trong bể hào quang và trong  
 tinh hoa của thi vị, như Charles  
 Baudelaire đã diễn tả trong bài thơ  
 bất hủ *Correspondances: Les  
 parfums, les sons et les couleurs se  
 répondent*.

Cũng theo Hàn Mặc Tử, Thi Ca là  
 một sáng tạo thuần túy của Thượng  
 Đế và để báo đáp công ơn đó, thi sĩ  
 phải là kẻ xuống Thánh Ca, cảm  
 thông với Thượng Đế, ca ngợi chân  
 thành sự nghiệp thiêng liêng và vinh



quang bất diệt của Người. Thi sĩ là gạch nối, là trung gian ưu tú giữa Hóa Công và Nhân Loại.

Đức tin tuyệt đối nơi Thượng Đế đã giúp Hàn Mặc Tử trải qua những thống khổ nơi trần gian, đồng thời hoàn bị thi tài của chàng đến mức độ cao siêu và thành tựu. Nhờ thế mà **Xuân Như Ý** được xem là tập thơ có giá trị vượt bậc, so sánh với những thi phẩm của chàng. Vài đoạn sau đây có thể chứng minh điều đó:

#### AVE MARIA

*Maria, linh hồn tôi ôn lạnh,  
Run như run thần thấy long nhan.  
Run như run hồi thổ chạm tỏ vàng,  
Những lòng vẫn thấm nhuần ôn trù  
mến.*

.....

*Hồi sứ thần Thiên Chúa Gabriel,  
Khi Người xuống truyền tin cho  
Thánh Nữ,*

*Người có nghe xôn xao muôn tinh tú?*

*Người có nghe náo động cả muôn  
trời?*

*Người có nghe thơ màu nhiệm ra  
đời?*

.....

*Thơ tôi bay suốt một đời chưa thấu,  
Hồn tôi bay đến bao giờ mới đậu?  
Trời Trời thiên ngời chói vạn hào  
quang...*

Đọc kỹ bài thơ trên, chúng ta nhận thấy Hàn Mặc Tử đã vô tình hay hữu ý đi vào lãnh vực khoa học không gian và thời gian, đã đi sát với Thuyết Tương Đối Tổng Quát và Tương Đối Thu hẹp (Théorie de la Relativité Générale et de la Relativité Restreinte) của nhà bác học Albert Einstein đã nói rằng các ảnh tượng của Dĩ Vãng hãy còn bay qua hàng ức triệu cây số trong không gian, giữa muôn vàn tinh tú, và rồi đây nhờ khoa học, người ta cũng sẽ có thể đi ngược thời gian để tìm lại những hình ảnh xa xưa đã lùi vào vũ trụ.

Sau tập Xuân Như Ý là tập Thượng Thanh Khí, trong đó Hàn Mặc Tử, nhờ đắm đuối trong Trăng mà đã ghi chép những điều thấy

trong mơ, giữa những đêm sầu muộn, trong lúc tâm hồn tự do du lãm giữa khoảng trắng sao bất tận. Thơ chàng vừa u uẩn vừa huyền bí, như thơ Baudelaire và Malharmé của nền thi ca Pháp.

#### Mối tình cuối cùng

Mặc dầu đang sống lây lất những ngày tàn tạ của cuộc đời, Hàn Mặc Tử còn phải chịu đựng đau khổ một lần cuối cùng, do một mối tình bất ngờ, bắt gặp trong khi trao đổi thơ văn với một cô gái Huế nhỏ tuổi tên là Thượng Thương.

Cô này rất mê thích thơ Hàn Mặc Tử, vốn là bạn học quen thân của người anh ruột tên là Trần Tá Phùng, Tham Tá Tòa Sứ và là con của cụ Trần Thanh Đạt, Thượng Thư Bộ Học, tức là Bộ Quốc Gia Giáo Dục. Hàn Mặc Tử chỉ có thư đi thư lại với Thượng Thương, qua người anh ruột, và chưa bao giờ gặp mặt. Đây là một mối tình văn thơ, trong trắng (platonique), có tác động làm nhà thơ bớt đau khổ và yếm trợ hữu hiệu việc sáng tác thi ca. Tất cả những bài thơ cảm tác trong thời kỳ này đã được gộp lại thành một thi tập được ấn hành dưới tiêu đề **Duyên Gấm Ngọc Trai**, trong đó có nhiều bài rất thống thiết, nói lên mối sầu vụn cổ của nhà thơ đang "rên than trong niềm gió":

*Sầu lên cho tôi ngàn khối, <sup>(11)</sup>*

*Ai đâu ráo lệ chứa lời nói ra!*

*Chiều nay tàn tạ hồn hoa,*

*Nhỏ Thuởng Thuởng quá xót xa tâm  
bào!*

.....

*Nghe ai xé lụa mà đau, <sup>(11)</sup>*

*Gió than niềm gió, biết đâu hện hò.*

Nỗi Buồn Vô Duyên

Mối tình lý tưởng và tưởng tượng này đã giúp Hàn Mặc Tử viết được hai vở kịch thơ **Duyên Kỳ Ngộ** và **Quần Tiên Hội**. Hai vở này bổ túc cho nhau để diễn tả một cuộc ân tình tình khiết trong một khung cảnh siêu nhân thế (dans un cadre supra-terrestre). Thi sĩ dẫn chúng ta đến một thế giới lạ lùng, nơi Thiên Đình của Khuất Nguyên thời thượng cổ, gồm có những nhân vật được tuyển chọn vì đức độ và tài năng. Nơi đây

tiếng chim hát, tiếng suối róc rách, tiếng sáo mê ly, mùi hương ngào ngạt hòa lẫn nhau, tạo nên khúc nhạc thần diệu và du dương. Trong kiếp lai sinh ấy, nhà thơ Hàn Mặc Tử và nàng tiên Thượng Thương sẽ gặp nhau trong khung cảnh thiêng liêng và màu nhiệm.

#### Nghệ thuật của Hàn Mặc Tử

Trong vòng 10 năm, Hàn Mặc Tử đã tiến từ trường thơ cổ điển rất thuần túy đến trường thơ lãng mạn phóng túng để sau cùng, đi sâu vào trường thơ tượng trưng và bí ẩn (poésie symboliste et hermétique).

Hàn Mặc Tử rất thiện nghệ trong thuật diễn tả những cảm giác thoáng qua, tao nhã của tâm hồn, một tâm hồn đa ưu và nhuốm bệnh. Nghệ sĩ đã dùng nét bút đậm bạc, mờ hồ, những nét chấm phá khi ẩn khi hiện để diễn tả tâm tình với nhiều uẩn khúc đa đoan, hơi giống như Verlaine thiên trọng về âm điệu. Nhà thơ của chúng ta bám thụ được cái thiên tử cao quý là nhìn thấy được cái hư ảo, cảm được cái vô lượng và nghe được sự yên lặng của "vô thủy vô chung".

Tôi đã nói về nghệ thuật Hàn Mặc Tử từ năm 1950 tại Alliance Française de Saigon như sau: "*Il excella dans l'art de peindre les sensations fugitives et délicates de l'âme, une âme tourmentée, malade et souvent morbide. Ce fut le peintre consommé du flou, de l'indécis des nuances et comme Verlaine, il était partisan de la "musique avant toute chose". Lui seul était pareillement doué de cette faculté maitresse de voir dans l'irréel, de sentir les impondérables et d'écouter le silence de l'Eternité!*" :

*Đang khi màu nhiệm phủ ban đêm,  
Có thử gì rơi giữa khoảng im,  
Rồi từ thượng tầng không khí xuống,  
Tiếng vang nhẹ nhẹ vội vào tìm.  
Ánh trắng nhẹ quá không che nổi  
những vẻ xanh xao của mặt hồ,  
Những nét buồn tỏ liễu rừ,  
Những lời năn nỉ của Hư Vô.*

Huyền Áo

Trong thi ca, Hàn Mặc Tử đã khéo tạo nên những ảnh tượng đặc trưng trong việc "nhân tính hóa" các sự vật:

*Thuyền ai đậu bến sông trăng đó?*

*Có chỗ trăng về kịp tối nay?*

Đầy Thôn Vỹ

Hoặc là:

*Trăng nằm sóng soãi trên cành liễu,*

*Đội gió đông về để lá rơi.*

Bên Lên

Nhìn những đám mây bay về phương trời xa xăm, vô định, như thi bá Lý Bạch đời Đường ngồi trên núi cao, nhìn cô vân độc nhận khủ, Hàn Mặc Tử đã nảy sinh nhiều ý tưởng kỳ dị:

*Mây chết đuối ở dòng sông vắng lạnh,*

*Trôi thây về xa tận cõi vô biên.*

Rồi tất cả, người và vật, từ cõi vô biên, có thể tái sinh và xuất hiện trong vô vi và im lặng:

*Hàng thông lấp loáng đứng trong im,*

*Cành lá in như đứng lặng chìm.*

Đà Lạt, Trăng Mờ

### Vào nhà thờ Phụng Quy Hòa

Bệnh tình của Hàn Mặc Tử càng ngày càng trầm trọng. Ngày mồng 8 tháng 9 năm 1940, nhà thơ bị Sở Y Tế Qui Nhơn dò biết chứng bệnh đã quá nặng, bèn mời đến khám nghiệm. Nói đây xác nhận bệnh tình đã tiến tới giai đoạn chót.

Đêm 20.9, một chiếc xe hơi của Hồng Thập Tự, bốn bề che kín, đã đưa Hàn Mặc Tử đến Nhà Thờ Cùi ở Quy Hòa, nơi Vũng Dừa, ba cây số phía Nam Qui Nhơn, do những bà phước Dòng Thánh Phan-Xi-Cô (Franciscains) trông nom, dưới quyền của Bà Xó Maria Saint Venant.

Hàn Mặc Tử đến đây được đăng ký với số 1134. Dù được săn sóc và trị chữa rất chu đáo, bệnh tình mỗi ngày mỗi nặng thêm. Biết rằng không thể nào qua khỏi, Nguyễn Trọng Trí đã nhờ người bạn đồng phòng là Nguyễn Văn Xe viết giúp một bức thư rất thống thiết gửi về cho mẹ ở Qui Nhơn

Sau cùng, đúng 11 giờ ngày 11 tháng 11 năm 1940, trong lúc khắp nơi trên toàn cõi Đông Dương cử hành lễ Thăng Trận (Fête de la Victoire) Đệ Nhất Thế Chiến (1914-1918), thi hào Hàn Mặc Tử từ biệt cõi trần, với đầy đủ nghi lễ của một đạo hữu Ki-Tô giáo. Thiên Chúa đã đem nhà thơ về trời, chấm dứt mọi sự khổ đau, hành hạ trên thế gian. Và nhà thơ đã đem theo niềm luyến tiếc và nhớ thương của thân bằng quyến thuộc, với lòng hâm mộ của tao nhân mặc khách. Và trong lời cầu nguyện của Mẹ Bề Trên và các bà xó còn vang lên lời kinh: *Sic Transit Gloria Mundi - Ainsi passe le Gloire du monde!* Người về tiên cảnh tâm thư thái, Kê ở trần gian luống ngậm ngùi!

Trong buổi tấn liệm, các bà xó tìm thấy trong bọc áo của nhà thơ một mảnh giấy lấm lem như mảnh giấy của Pascal ngày xưa, có ghi những dòng viết tay của Hàn Mặc Tử bằng Pháp văn như sau:

*Pureté de l'âme*

*anges du Ciel, anges de Dieu,*  
*anges de paix et de Gaieté,*  
*apportez-moi une couronne.*

*Je veux me baigner dans l'océan*  
*de Lumière et d'Amour divin.*

*Car, ici-bas, s'accomplissent des*  
*miracles qui tiennent les hommes*  
*muets d'admiration en contemplant*  
*l'oeuvre mystique du Très-Haut...*

*anges du Ciel, anges de Dieu,*  
*anges de paix et de Gaieté, lancez*  
*des roses et des nénuphars, des*  
*chants mélodieux et des notes*  
*embaumées et versez avec effusion*  
*les vertus, le courage et le bonheur,*  
*parmi les servantes de Dieu.*

*Nuit de mercredi 24 Octobre*  
1940

*François Trí - Deo Gratias*

Chúng tôi đã cố gắng phiên dịch ra Việt ngữ như sau:

*"Hồi thiên thần ở trên Trời, thiên thần của Chúa, thiên thần của Hòa Bình và Hoan Lạc, hãy đem tôi cho tôi một tràng hoa.*

*Tôi muốn tắm mình trong biển Hào Quang và Tình Thương cao cả. Bởi vì, ở chốn hạ giới này, những phép linh dị của Chúa khiến mọi*

*người phải im lặng để say sưa chiêm ngưỡng công nghiệp huyền diệu của Đấng Chí Cao.*

*Hồi thiên thần ở trên Trời, thiên thần của Chúa, thiên thần của Hòa Bình và Hoan Lạc, hãy tung lên không gian những cánh hồng và những đóa sen, những khúc hát du dương và những âm phù thơm ngát, và hãy rót đầy thánh đức, can đảm cùng hạnh phúc xuống giữa các nô tỳ của Chúa.*

*Đêm thứ tư 24 tháng 10 năm*  
1940

*Phan-Xi-Cô Trí - Tạ ơn Thiên Chúa"*

Mấy hôm sau, các bà xó của dòng Thánh Saint François d'Assises, cùng thân bằng quyến thuộc, đã cử hành lễ mai táng rất đơn giản, bên cạnh các ngôi mộ kê đồng bệnh nơi nghĩa địa Vũng Dừa, có sóng biển Thái Bình Dương vỗ về sớm tối, có lá dừa rợp bóng quanh năm và lời than trong gió:

*Một mai kia ở bên khe nước ngọc,*  
*Vội sao sống anh nằm chết như*  
*trăng,*

*Không tìm thấy nàng tiên mô đến*  
*khóc,*

*Đến hôn anh và rửa vết thương tâm.*

Duyên Kỳ Ngộ

Như thế Hàn Mặc Tử đã quy tiên với 28 tuổi đời (1912-1940)! Cũng giống như thi bá Vương Bột xưa bị đời Đường Cao Tông (650-683) đã bị đắm thuyền nơi biển Nam Hải trên đường viễn du thăm cha đang làm Thái Thú Giao Châu. Khiến cho chúng ta vào giờ này, liên tưởng một đoạn hay nhất trong bài Đăng Vương Các:

*Hồng tiêu vũ tễ, thái triết vân cù,*

*Lạc hà dữ cô vụ tề phi,*

*Thu thủy cộng trường thiên nhất sắc*  
mà học giả lão hữu Lãng Nhân Phùng Tất Đắc đã dịch ra thơ Việt như sau:

*Mưa vừa tạnh cầu vồng vừa lặn,*  
*Đường mây xa, bóng nắng còn*  
*vuông.*

*Cò đón ráng lẻ bay ngang,*

*Trời thu liền với trường giang một*  
*màu.*



### Một vụ án văn chương

Tuồng như số trời đã định rằng phùng danh Hàn Mặc Tử còn phải được nhắc đến trong một vụ án ly kỳ và náo nhiệt xảy ra trong năm 1942 trước tòa án tỉnh Thừa Thiên, do nhà thơ cổ điển Quách Tấn, bạn thân của Hàn Mặc Tử, đã vì quyền lợi gia đình thi sĩ quá cố mà đứng lên kiện nhà văn Trần Thanh Mại, tác giả quyển sách **Hàn Mặc Tử**, xuất bản ở Huế năm 1941, đã trích đăng thơ của Hàn Mặc Tử mà không xin phép.

Đó là vụ án văn chương đầu tiên của Văn Học Sử Việt Nam. Ngày xử án, có rất đông nhân sĩ, trí thức và sĩ tử, cùng với gia đình và thân hữu, hơn 100 người đứng chật công đường Thừa Phủ Huế. Vị quan tòa không phải ai xa lạ mà chính là văn sĩ Hán Thu Nguyễn Tiến Lãng (1904-1976), với chức vụ Phủ Thừa, tức là Phó Tỉnh Trưởng Thừa Thiên, kiêm Chánh Án, đã từng được Huy Chương của Viện Hàn Lâm Bi Ký và Văn Chương Pháp (Médaille de l'Académie des Inscriptions et Belles Lettres de France).

Sau những bản cãi sôi nổi, quan tòa Nguyễn Tiến Lãng, rất sáng suốt và công minh chính đại, đã phân xử một cách vô tư là:

"Xét nhà văn Trần Thanh Mại vừa có công nêu cao thanh danh Hàn Mặc Tử, vừa có lỗi trích đăng thơ Hàn Mặc Tử hơi nhiều, công và lỗi ngang nhau, Tòa tuyên án miễn tố".

Tuy nhiên, với tư cách cũng là nhà văn, ông Nguyễn Tiến Lãng đã khuyến cáo riêng Trần Thanh Mại nên trích một số tiền bán sách có lời mà trao cho gia đình Hàn Mặc Tử.

Thân thế và sự nghiệp Hàn Mặc Tử bị bệnh phong hủi khiến ta nhớ tới tật mù lòa của Lord Byron nhà thơ Anh Cát Lợi, tới chứng lãng tai của nhạc sư Đức Quốc Beethoven và bệnh trạng cuồng tín của Edgar Poe, nhà thơ Hoa Kỳ ca ngợi Con Quạ Đen.

Và cũng khiến chúng ta nghĩ rằng: những nỗi oái oăm của một đời bạc mệnh là số phận thường dành cho những người lỗi lạc, tài hoa, đúng như lời nhận xét của thi bá Nguyễn Du:

Anh hoa phát tiết ra ngoài  
Nghìn thu bạc mệnh một đời tài  
hoa.

Paris, Tân-Niên Thế Kỷ XXI  
(1er Janvier 2000)

Hương Giang Thái Văn Kiểm

#### Chú giải:

(1) Lệ Mỹ: Xinh đẹp tuyệt vời  
(2) Tam Tòa: ba tòa nhà nơi của Lũy Thầy, do Đào Duy Từ xây dựng năm 1631.

(3) Đồng Hới: tức Động Hời, động của người Hời (Chàm), phiên âm Hán Việt là Đông Hải (Biển Đông)

(4) Nhật Lệ: Sắc đẹp của mặt trời, rực rỡ của ban ngày.

(5) Đầu Mâu là ngọn núi phía Tây Đồng Hới, nhọn như xà mâu.

(6) Linh Giang: Sông Ranh (Gianh), ranh giới giữa Đàng Ngoài (Bắc Hà) và Đàng Trong (Nam Hà) từ thế kỷ 17.

(7) Phạm Huy Thông, nhà thơ tác giả Anh Nga, Tiếng Địch Sông Ô, Tiến sĩ Luật Khoa và Văn Chương, Giáo sư Thạc sĩ về Sử Địa.

(8) Phạm Văn Ký, Tiến sĩ Văn Chương, tác giả thi tập Une Voix sur la Voie.

(9) Địa danh Qui Nhơn bắt nguồn từ hai chữ Cri Vini của Chiêm Thành xưa, cũng như Trà Bàn (Chà Bàn) nguyên là Cri Banoy.

(10) Vu Sơn: trong thơ Cao Đường Phú của Tống Ngọc có chép rằng: "Sở Tuồng Vương đến chơi Cao Đường, mộng thấy một thiếu nữ đến xin chung chăn gối và tự xưng là Thần Nữ Vu Sơn, sớm làm mây tối làm mưa trên núi Vu.

(11) Chinh Phụ Ngâm: *Bóng cỏ tiếng trống xa xa,*

*Sầu lên ngọn ải,  
oán ra cửa phòng.*

(12) Nàng Bao Tự, vợ vua Chu U Vương, rất thích nghe xé lụa mà vui, vì thế mà nhà Chu mất nghiệp vương.



THO

NGUYỄN THỊ HOÀ



### Trở Về Đất Mẹ

Em trở lại giữa khung trời xưa cũ  
Đứng lặng nhìn dấu ấn thuở còn  
thở

Mà tháng năm trong dòng đời lũ  
thứ

Thiết tha chờ từng tiếng hát lời  
ru

Em trở lại với dòng sông xưa ấy  
Trên thuyền nan đầy ắp mảnh  
trăng anh

Mà hôm ấy sóng ghen đời trở  
dậy

Xé tan dòng nhật ký tuổi xuân  
xanh

Em về đây khi triều dâng sóng  
vỗ

Máu trào sôi trong từng ngõ nhỏ  
thở

Quê hương ơi người trở về thiên  
cổ

Bỏ lại em trở giữa vạn nẻo  
đường

Em quỳ gối dưới hương hồn đất  
mẹ

Nghe xót xa tê tái triệu mờ oan  
Chỉ còn đây những mảnh đời  
hưng phế

Đỏ máu cỏ ôi vóc dáng Việt  
Nam

Em đứng dậy lau ngang dòng  
nhật lệ

Quên phận mình đón lễ giữa trời  
đau

Em phải sống dấu ngàn sầu  
nhân thế

Viết sử đời cho thế hệ mai sau

# "Tiếng trống đồng" Những phát hiện mới về Việt Nam thời tiền sử - Nền văn minh Đông Sơn -

Tài liệu tham khảo :

(Trích Luận Cưỡng về Văn Hóa Việt Nam in lần ba 1999)

- La Voix des tambours Vietnam - Indonésie - Pacifique Musée Royal de Mariemont - Belgique. Catalogue rédigé par Catherine Talon Noppe (1983)
- Musée Cernuschi, Paris
- Musées royaux d'art & d'histoire à Bruxelles
- Pierre Sosensen - Note on Vietnamese Archacology (1980)
- Bulletin de l'École Française d'Extrême Orient. V. Goloubew. Âge du Bronze au Tonkin & dans le non Annam. B.E.F.E.O. 29 - 1929 p. 1-46.
- Le tambour du Débye (Paris 1977) Jean Dominique Jabuss.
- G. Condominas - l'exotique est quotidien (Paris 1965).
- Louis Bezacier - Maison dongsonienne d'après un tambour de bronze.
- B.E.F.E.O. 29 - 1929 - 1933 ...

## Các giai đoạn di dân của dân Việt ở miền Bắc Việt Nam thời tiền sử

Lịch sử di dân của dân tộc Việt Nam chưa được biết chính xác. Tuy thế, vài dữ kiện thiết yếu cho thấy rằng những dấu vết đầu tiên về nhân dạng xuất hiện trước nhất trong những vùng đồi rời lan rộng mau chóng đến các vùng đồng bằng lừ giang. Các đồng bằng dọc theo bờ biển mới được thành lập trễ muộn sau này, sau khi các trung châu xuất hiện, phỏng độ đầu thiên niên kỷ thứ 3 trước Thiên Chúa. Và thời đại này tương xứng với sự phát triển cao độ của thời tân thạch khí cuối cùng.

Đầu tiên, ở vùng đồi Đông Bắc (tỉnh Lạng Sơn) trong một hang đá, người ta phát hiện những răng người, xương người của một loại người cổ sơ, thuộc thời cổ thạch khí, vào năm 500.000 trước Thiên Chúa. Rồi từ đó, cũng ở vùng Lạng Sơn, những di hài vụn vặt của mẫu người được xem là thủy tổ loài người (homo sapiens) Việt Nam đầu tiên được tìm thấy ở hang đá Keo Long ...

1. Keo Long (tỉnh Lạng Sơn): di hài thủy tổ người Việt đầu tiên trong hang đá Keo Long.

2. Sơn Vi - người Sơn Vi - dụng cụ bằng đá - kỹ thuật làm đồ đá - trên các bờ sông.

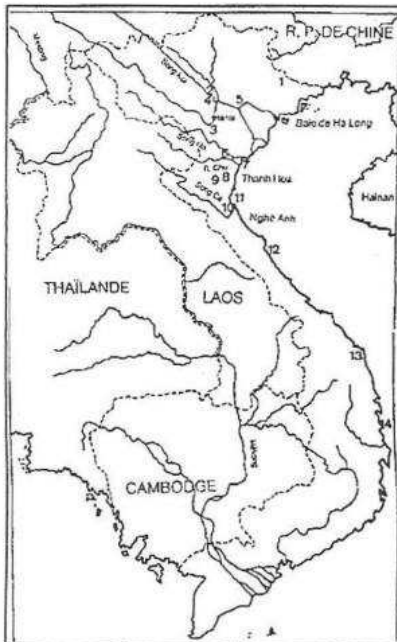
3. Hòa Bình - vùng Sông Cái - Văn minh Hòa Bình - săn bắn - hái trái - lượm sò ốc - Dùng búa - dao mài bằng đá bờ sông - Vùng trải dài đến Nghệ An, vùng Bắc Sơn miền núi rồi đi sâu xuống Quynh Van - Bàu Tro - thời tân thạch.

....

7. Hoa Loc. Ở vùng Thanh Hóa mới tìm thấy nền văn hóa Hoa Loc, các đồ sành, đồ gốm rất tinh xảo, làm ngưỡng mộ những con người hiện đại về thẩm mỹ và khéo cổ.

4. Ngưỡng lại, giữa Thanh Hóa và miền Bắc, văn hóa Phùng Nguyên rất nổi tiếng. Đồ sành, đồ gốm, đồ đồng xuất hiện. Cây lúa nước. Xã hội có tổ chức.

6. Đông Sơn. Gồm 3 thời từ độ 1000 trước TC đến 0 năm. Vào 500 năm trước TC văn minh Đông Sơn bước vào thời văn minh cuối cùng của đồ đồng.



## NỀN VĂN MINH ĐỒNG SƠN

### ● Đại Cưỡng

Các cuộc sưu tầm, tra cứu, khảo cổ và khai quật suốt 30 năm gần đây

ở miền Đông Nam Á đã cho biết đại cương về văn minh Đông Sơn với nguồn gốc dân tộc Việt Nam. Và cũng được trình bày mạch lạc và tạm đầy đủ trong tập Thủ Mục do Bà Catherine Talon Noppe phụ khảo Viện Bảo Tàng Hoàng Gia Bỉ Mariemont viết (1983). Tập Thủ Mục có nhan đề "*Tiếng Trống Đồng*" (La voix des tambours) khảo sát vùng Việt Nam - Nam Dương - Thái Bình Dương.

Nhờ sự hợp tác chặt chẽ và rộng rãi của Viện Bảo Tàng Cernuschi (Paris), các Viện Bảo Tàng Nghệ Thuật và Sử Học Hoàng Gia Bỉ ở Bruxelles, chúng tôi - lời của Bà C.T. Noppe - có thể có cái nhìn toàn diện và liên tục về nền văn minh Đông Sơn và từ đó bao quát sự tỏa rộng của nền văn minh này khắp miền Đông Nam Á đến cả Nam Dương và Úc Châu nữa. Cũng nên nói rõ là chúng tôi không nhận xét rằng các giống dân Batak, Niassien hay Maoris của các miền Đông Nam Á này là những con cháu trực tiếp của dân Đông Sơn đâu. Bởi vì dân Nam Dương (Indonésien) có lý lịch riêng của họ, có nền văn hóa đặc thù riêng biệt xen lẫn vào với nhiều ảnh hưởng khác, giống như văn minh Đông Sơn hoặc Ấn Độ hay Hồi Giáo. Nhưng giữa các dân tộc ấy về văn hóa có nhiều tương quan để không nói rằng có nhiều giống nhau về nguồn gốc, truyền thống và văn minh vì có cùng chung ít nhiều một gốc rễ. Ví dụ họ ở nhà sàn, có tục xâm mình, mang nữ trang, có tục ăn trầu, sử dụng trống và trâu để tế lễ trong các nghi tiết và giao thiệp với nhau. Bao nhiêu điều ấy là những sơ đồ văn hóa mà ta tìm thấy ở Việt Nam cũng như ở vài quần đảo Úc Châu khác.

## Nền văn minh Đông Sơn và sự tỏa rộng của nó

Ngày nay, người ta nghiên cứu nền văn minh Đông Sơn không phải cốt tìm hiểu nguồn gốc của nó mà cốt theo dõi tiến trình và sự tỏa rộng của nó là điều rất quan trọng.

Ở lưu vực sông Hồng trước kia là nền văn hóa Phùng Nguyên chiếm giữ gần 1000 năm bởi thời đại đồ đồng, nền văn hóa Đông Sơn nối



tiếp nền văn hóa Gomun, từ 800 năm trước Thiên Chúa.

Ta tạm chia ra 3 thời kỳ Đông Sơn: Đông Sơn 1 tiếp theo thời đại đồ đồng có nhiều vết tích giữa sông Mã và sông Chu ở cuối thiên niên kỷ thứ hai trước TC. 3 thời kỳ Đông Sơn này với những đặc tính của nó được phát hiện bởi sự khai quật được gần 200 mộ phần trong phạm vi Đông Sơn.

Ở thời đại Đông Sơn 1, thiên niên kỷ 1, các dụng cụ đồ đồng rất hiếm - một loại đồ gốm thô sơ. Đến thời đại Đông Sơn 2 - đệ nhị bán thiên niên kỷ 1, đến thời đại cổ điển tức Đông Sơn 2 - Đồ gốm được tô màu đỏ. Trong thời đại này, việc sử dụng đồ đồng nâng cao tốt đẹp: các búa có hình chân người, gươm, mác và trống đồng khá nhiều. Trong thời đại này xuất hiện các dụng cụ bằng sắt.

**Bảng tóm lược nền văn minh Đông Sơn**

(Theo sách "Tiếng Trống Đồng" Tác giả: Catherine Talon Noppe - Viện Bảo Tàng Hoàng Gia Vương Quốc Bỉ - Mariemont - 1983)

Các dấu hiện khảo cổ Vùng lưu vực sông Hồng	Thanh Hoá	Vùng lưu vực sông Cả	Những sự kiện lịch sử
Độ 1.000 năm trước TC	Nền văn hóa GOMUN	Đồ gốm loại Đông Sơn I	Vương quốc Văn Lang với những vua Hùng (bộ lạc Lạc Việt)
Độ 800 năm trước TC	Nền văn minh Đông Sơn tối cổ I		
Độ 500 năm trước TC	Cổ điển (II) tiếp xúc với miền Văn Nam (vùng trung lưu và thượng lưu sông Koi) Tiếp xúc vùng Thanh Hóa (vùng đồng bằng)	Tiếp xúc vùng Thanh Hóa (vùng đồng bằng)	258 trước TC. Hủy bỏ Vương quốc Văn Lang và thành lập Vương quốc Âu Lạc bởi An Dương Vương, thủ lãnh Âu Lạc Việt năm 257.  211 trước TC. Quân Tàu (nhà Tần) xâm chiếm miền Bắc. Thành lập bộ chỉ huy Tây An.
Độ 100 năm trước TC	? ↑ Thời trẻ muộn (III)	Đông Sơn III thời trẻ muộn tìm được nhiều đồ vật Tàu trong các ngôi mộ	207 trước TC. Thành lập nước Nam Việt bởi Triệu Đà 206 trước TC. Bên Tàu thành lập triều đại nhà Hán 111 trước T.L. Miền Bắc chịu sự kiểm soát nhà Hán. Vương Quốc Nam Việt chấm dứt.
Độ 0 năm ...		Ngôi mộ làng Vạc	

**THỜI ĐẠI CUỐI ĐÔNG SƠN III**

Được du nhập nhiều đồ vật có gốc Tàu trong các ngôi mộ (tiền tệ, gương soi mặt, gươm giáo) và nhiều đồ sành đồ gốm có khuôn hình ăn rập mà ta đã thấy xuất hiện ở khắp miền Nam nước Tàu. Thời kỳ này nằm trong thiên niên kỷ của chúng ta.

Trong miền Nghệ Tĩnh, phía nam Thanh Hóa, các nhà khảo cổ phát hiện một sắc diện thứ 3 của nền văn minh Đông Sơn, phía bắc Sông Cả (lưu vực sông Lam Giang), ở thặng cảnh Làng Vạc, xuất hiện 100 ngôi mộ cổ, những hố đào sâu đầy đá hoặc mẻ sành, ở thời kỳ thứ nhất trước TC, kỷ nguyên của chúng ta. Đồ dùng bằng đồng vô cùng tinh xảo, rục rỏ gồm một loại búa có cán, lưỡi rộng, đuôi hình chim én.

**Bối cảnh lịch sử:** Trong những bộ lạc Lạc Việt thành lập nước Văn Lang, các nhà khảo cổ đều đồng ý rằng họ là những người khai lập nền văn minh Đông Sơn. Tiếc rằng sử sách không nói nhiều về thời đại này, kể cả sự nắm quyền của An

Dương Vương người cầm đầu Âu Việt, vào năm 258 trước Thiên Chúa. Chúng ta được biết rằng thủ đô của tân vương quốc này đóng ở Cổ Loa (phía Đông Bắc Hà Nội) trong tỉnh Bắc Ninh, ở đó còn có một đền miếu thờ An Dương nữ. Thời kỳ tiếp theo trùng hợp với cuộc xâm chiếm của Tàu vào cuối thế kỷ thứ 3 trước Thiên Chúa. Về sự thành lập vương quốc Nam Việt thì được nhiều sử gia Tàu và Việt Nam thời đó nhắc đến.

**Quang cảnh - Nhà cửa:** Dụng cụ vào thời văn minh Đông Sơn đều được thiết định ở các lưu vực và trung châu tam giác các sông ngòi như Sông Koi, Sông Mã (Thanh Hóa) Sông Cả (Sông Lam) ở các vùng thuận lợi cho sự trồng trọt lúa gạo. Nghệ thuật đồ đồng được trau dồi tinh xảo cho chúng ta một ý niệm đúng về sự phong phú các thú vật thời đó. Nào voi, tê giác, cọp, trâu, heo rừng, các chim nước, ếch nhái (đến cá sấu) có rất nhiều. Người ta phát hiện ở vùng thặng cảnh Đông Sơn, gần bờ Sông Mã, nhiều bộ phận vật liệu nhà cửa đã ở như đồ gốm nung, lưỡi chài, xương trâu, sành và vôi đồ dùng bằng đồng. Trong các vùng đầy nước, có sông, bể và gió mùa, nhà đều làm trên sàn (hình 1). Trụ nhà cắm thẳng đứng đến 4m5 dưới mặt đất, nền nhà có nhiều lát đan tre, nhà không có vách, cửa và mái nhà lợp bằng cỏ rơm, cỏ tranh chạy thấp sà xuống. Nhiều cảnh vật trên các mặt trống đồng cho thấy cảnh những nhà sàn, mái ngoác lên y như một cái đầu con chim, có khi giống như những chiếc ghe, kiểu nhà như thế giống như nhà Batak Toba vùng Nam Dương (Sumatra), vùng Célebes, vùng Tân Tây Lan bây giờ.

Các đồ vật được khai quật từ các nắm mộ (hình 2), cho biết các giai cấp xã hội tùy theo số lượng, và phẩm chất dụng cụ được chôn cất. Các võ quan, chiến sĩ thì mang khí giới đủ loại và thêm những trang sức bằng kim khí như vòng đeo tay, nịt chân có lạc ngựa, có băng hiệu may vào áo quần. Ở các lễ lạc, các chiến sĩ, võ quan này mang đủ thủ lông chim... Cũng như các giống dân Việt khác, dân Đông Sơn này xăm mình và tục lệ này còn rất thịnh hành ở các bộ lạc, dân tộc thiểu số ở các

miền Cao Nguyên hoặc vài đảo ở Thái Bình Dương.

"Trong thời kỳ này (vương quốc Văn Lang), dân chúng khi lội xuống nước, thường bị thương tích bởi các rỗng nước. Nhà vua truyền lệnh cho họ vẽ bằng mực trên thân thể họ hình thù thủy quái. Từ lúc ấy họ thoát được sự tấn công của các thú vật ấy. Và tục lệ xăm mình cũng bắt đầu từ đó".

Nhiều vũ khí đủ loại được khai quật từ các mộ phần cho thấy các cuộc giao chiến là thường trực ở một số dân chúng vùng này. Hơn nữa, tính chất hiếu chiến và thiện chiến của dân Đông Sơn được phát hiện bởi những bằng chứng nhiều chứng ngôn của chính họ viết lại trong cổ sử và còn cho ta đọc trên các bản văn cổ của những cổ dân Trung Hoa mà biết được (Huainan Zi - bản dịch L. Auronsseau - Shyi - bản dịch E. Chavannes. Mémoires historiques (Paris 1967). Đã thiện chiến về du kích chiến, dân Đông Sơn còn giao tranh dưới nước nữa. Các trống đồng để lại nhiều hình vẽ ghe thuyền, có nhiều người chèo đầu đội lông chim và một mái chèo dài làm bánh lái (hình 3). Các sách Tàu còn nói đến các ghe thuyền nhiều tầng do các tướng Tàu điều khiển để chống quân Việt. Một số các tướng ấy thường mang danh tính liên hệ đến thủy vận, thủy tính. Khi rút quân vì thất thế, dân Việt trong thời đại Đông Sơn thường cố thủ trong những thành trì kiên cố: Như đền Cổ Loa (Đông Bắc Hà Nội) có những di tích về phen vách, tường thành cao đến 10 - 12 m, nhiều vòng rào (nguyên sơ có đến 9 vòng thành) ở đền An Dương Vương có thành trì bảo vệ, có vọng gác, đó là những yếu tố của nền kiến trúc Việt Nam bấy giờ như ở các thời Đại Việt và ở các làng Việt Nam cổ truyền còn sót lại.

### Một nghệ thuật đúc đồng độc đáo

Những chắc là một kỹ thuật đúc chế đồ đồng rất thiện nghệ mà dân Đông Sơn nổi bật hơn các dân tộc khác. Các nguyên liệu như đồng, thiếc hiện có ở các vùng phía Bắc và Nam nước Tàu (Vân Nam, Quảng Đông, Quảng Tây), những kim khí dự trữ ngoài thiên nhiên ở đó không có chất sắt. Còn sắt nguyên chất thì có

ở phía Bắc nhưng không được du nhập vào vì năm 184 trước Thiên Chúa, nữ vương Lữ Đế của Tàu cấm xuất cảng sang đất Việt. Dân Đông Sơn dùng khuôn gồm 2 lớp vỏ để đúc vũ khí hoặc các lọ, chum, ghè. Người ta còn tìm thấy các mảnh bằng đá hoặc đất nung. Rồi họ đem đập giập đi, hàn lại và đóng đinh tán. Trong ngôi mộ ở làng Ca (vùng Việt Trì, nơi giao lưu của Sông Hồng và Sông Cái) người ta cũng tìm thấy ngôi mộ một nghệ nhân được chôn cất với đầy đủ dụng cụ hành nghề của người ấy: khuôn bằng đất nung để đúc búa, guơm, chuông, một cái chảo hứng kim loại nóng chảy có vòi, còn có nhiều cút sắt thô động lại trong ấy...



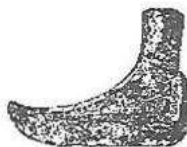
Chiếc gàu màu xanh lá cây Thanh Hóa, Đông Sơn II, III. Viện Bảo Tàng Vương quốc Bỉ.



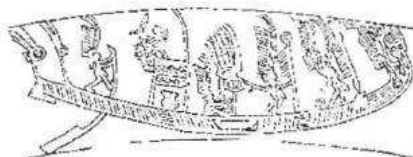
Búa để trang trí - Thời Đông Sơn II, III - giống búa dân Nam Dương. (của Sưu tập tư nhân).



Búa để trang sức - Hoặc búa ngày lễ - Đông Sơn II, III - Viện Bảo Tàng Cernuschi (Paris).



Búa hình chân người. Phát minh của người Lạc Việt - Đông Sơn II, III - Viện Bảo Tàng Cernuschi (Paris).



Hình trên mặt trống. Hình chiếc ghe dân Đông Sơn dùng để thủy chiến.

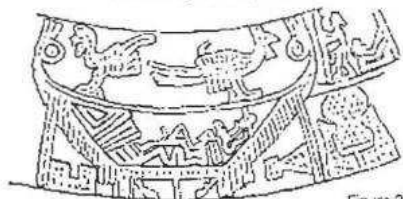


Figure 3

Mẫu nhà không vách có hình ghe. (Mặt trống đồng).

Các hình được sáng tạo bởi các nghệ nhân thì thường có hình chân người, nhất là trên các búa. Hoặc trên các trống, có nhiều hình vẽ đặc biệt giống như trên đồ vật (hình 4) khắp miền Đông Nam Á và ở Nam Dương. Các hình trang trí đường nét theo kỹ hà, chim thú đủ loại, các nhân hình trong thiên nhiên, nhà cửa và ghe thuyền. Tường tượng dồi dào và khai thác mọi nơi trống trên mặt các đồ vật để vẽ. Các đường nét chạm trở thẳng góc hoặc hình tròn đồng tâm điểm. Đường đứng, đường ngang, đường xiêng, đường thẳng, có chấm, có vòng tròn, có vòng khu ốc, có hình thoi, hình hy lạp. Có hình chịu ảnh hưởng mỹ thuật cổ Tàu còn tìm thấy ở Quảng Đông, Quảng Tây. Đó là những kiểu vẽ, chạm biến đổi của dân tộc Đông Sơn mà ta còn được thấy. Có lẽ còn những kiểu khác ngày nay đã mất rồi. Sự nghiên cứu về đồ đồng thời Đông Sơn chưa hoàn thành được vì còn rất nhiều hình vẽ đường nét trên các trống đồng chưa thể liệt kê và sắp xếp theo tin học và theo ký hiệu học được để có thêm ánh sáng mà dẫn giải bình luận. Trong những lọ bình thì loại gàu là hình thức đặc biệt riêng của nghệ thuật Đông Sơn (hình 4). Nó gồm có một cái miệng loa bên trên, có hai quai nắm đứng.

### Tương quan giữa nền văn minh Đông Sơn với các dân tộc đồng thời

Hình như - một điều rất hiển nhiên - là phần lớn các thắng cảnh vùng Đông Nam Á - Mã Lai - Đông Dương đều có liên hệ tới nền văn minh Đông Sơn. Nhưng ta không rõ do động cơ và lý do nào? Trên căn bản nào? Do việc giao thương? Do quan hệ chính trị, tôn giáo? Do trao đổi ảnh hưởng văn hóa? Có lẽ do tất cả các lý do trên.

Vùng thắng cảnh Ban Chiang ở Thái (Đông Bắc Thái) vào thời kỳ tân thạch (niên kỷ thứ 5 trước TC) đến thời kỳ đồ đồng chỉ cách Đông Sơn chỉ có 400 km đường chim bay, vài nữ trang và trang sức ở đó rất giống với Đông Sơn Việt Nam. Mặt khác có liên hệ giữa Đông Sơn với Vân Nam, một tỉnh Trung Hoa, ở đó



mà Sông Hồng phát nguyên. Những đồ đồng ở vùng Liang Wang (?) được biết đến nhiều ở Tây Phương vào cuối các năm 40 rất giống với các vũ khí được phát hiện ở Đông Sơn. Các trống đồng ở vùng này cũng giống như ở Đông Sơn để làm dụng cụ âm nhạc và lễ nghi trang trọng.

Bây giờ nhìn sang Nam Dương thì sự tỏa rạn của Đồng Sơn mang một sắc thái hết sức đặc biệt. Những luới búa hình luới liềm, những bình, hũ và những trống khai quật ở các đảo Java, Bali, trên bờ biển Makassar đều giống như các kiểu ở Việt Nam, thời Đông Sơn, hơn là chịu ảnh hưởng của Ấn Độ hay Hồi Quốc. Những sự kiện cần biết ở lĩnh vực này chính là trung tâm những nghiên cứu tìm tòi của nền khảo cổ hiện đại. Sự chói lọi rực rỡ của nền văn minh Đông Sơn là một sự kiện dễ dàng phát hiện khắp miền Đông Nam Á Châu, suốt 4 hay 5 thế kỷ trước Thiên Chúa. Và trước khi sụp đổ bởi vương quốc Trung Hoa, Đồng Sơn rõ chắc là một ngọn hải đăng chói sáng vào các thời kỳ thuở ấy.

Xin đề cập thêm về trống đồng mà ta đã nói rõ ở phần trước:

Một số các bản văn Trung Hoa vào đời Đường (618-906) cho ta thấy sự ngạc nhiên và vui sướng của dân chúng Việt Nam hồi đó khi phát hiện tinh cở các trống đồng, vào lúc bấy giờ mà nước Việt đang chịu sự bảo hộ của Tàu. Dù cho vào thế kỷ thứ nhất của Thiên Chúa, sự chế tạo trống có bị gián đoạn và một số trống bị người Tàu mang đi thì vẫn có một số nhiều trống khác được người Việt cất giấu và đem chôn dưới đất. Chắc rằng các trống ấy được xem như những bảo vật quốc gia, cái kho tàng quý hiếm ấy được đào xới lên, vào thời kỳ độc lập nước Việt tức là vào thế kỷ thứ 10. Và rồi dân chúng Việt trở lại đúc tạo các loại trống ấy lại. Vào thế kỷ 19, vẫn còn có sự thờ cúng trống và xem nó như đồ vật thiêng liêng để tế lễ.

Trống còn được sử dụng như một nhạc khí quan trọng. Ở vùng Vân Nam, người ta còn tìm thấy sách sử dụng nó vào thời xưa: cột trống vào một thân cây nằm ngang đặt trên hai cột trụ cắm thẳng dưới đất, và trống được đánh lên với một chiếc vò, âm

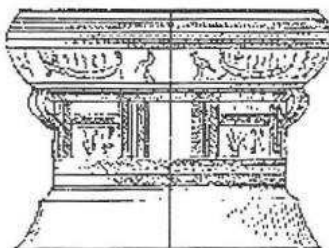
thanh phát ra hòa nhịp với điệu múa của vũ công.

Trống đồng được sử dụng luôn luôn một cách trọng thể trên vương quốc Đại Việt mãi đến gần một nghìn năm sau đó. Nhưng nếu trống là biểu tượng và dấu chỉ của quyền lực thì cố nhiên, có những giai đoạn mà sự chế tạo của nó phải bị gián đoạn và ngưng lại. Cũng cần biết có những thế kỷ dài trong tiến trình lịch sử mà sự bang giao diễn ra khá căng thẳng giữa hai nước Tàu và Việt, nhưng rồi người Việt cũng sẵn sàng chấp nhận một sự thích dụng cần thiết với Tàu về mặt văn hóa hồng đem lại lợi ích và thành quả cho mình. Những di dân của một bộ phận dân chúng Tàu sang Việt Nam được tổ chức vào cuối thế kỷ thứ 3 chắc hẳn đã đóng góp một vai trò khá quan trọng trong sự thâm nhập và vãng lai ảnh hưởng (osmose và symbisse) giữa hai nền văn hóa Tàu Việt ấy.

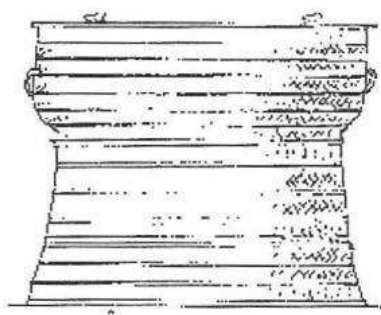
Tổng quan, qua một thời kỳ dài lâu biểu lộ một sự thống nhất, một tiến trình phức tạp với một trình độ văn hóa khá cao trên đất Việt, nền văn minh Đông Sơn sau đó đã biến dạng. Những sự tỏa rạn của nó vẫn sáng ngời, vượt ra khỏi biên giới nước Việt còn trải ra nhiều làng bang khác và kéo dài trong nhiều thế kỷ nữa.

Vào thế kỷ thứ 20, người ta phân loại trống thành nhiều loại, mỗi loại có vùng tỏa rạn và niên hiệu đặc biệt của nó. Tuy rằng loại 1 chỉ còn ở Đông Sơn mà chúng ta đang nghiên cứu, ta cũng kể sơ qua đủ 4 loại với những sắc thái của nó:

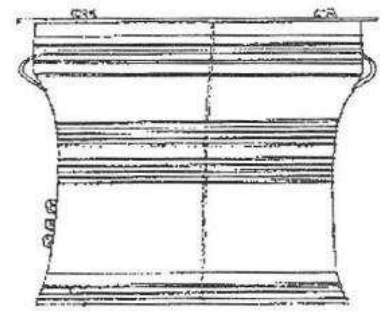
**Loại 1:** Theo sự phân loại của F. Aéger - loại cổ sơ ở Bắc Việt Nam, Tàu, Nam Dương.



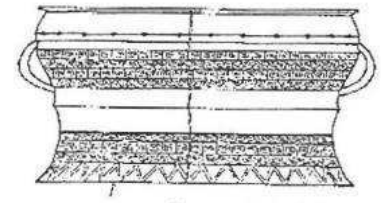
**Loại 2:** Mới nhất tìm thấy ở phía nam Tàu và Bắc Việt Nam.



**Loại 3:** Giống như loại 2, nhưng cao hơn và còn ở các bộ lạc Korren ở Miến Điện.



**Loại 4:** Loại của Tàu, giống như loại 1.



Mặt trống hình loại 1



Nên nói thêm là những loại trống mỗi phát hiện cùng với 80 đồ vật khác ở thành Cổ Loa, bên cạnh đền An Dương Vương, gần đây đều sơn màu xanh nước biển.

### ● Phụ Lục:

**A. Bảng viết chữ tay** (chữ nôm?) khắc trên tấm gỗ, đặt trong điện thờ làng Đan Né, gần một chiếc trống đồng (Trích Bulletin de l'École Française d'Extrême Orient gọi tắt là B.E.F.E.O = Bản tin của Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp Quốc, số 3 (1933) trang 347-348).



Ở phía Thanh Hóa, trong làng Đan Né (?), có ngọn núi Đổng Cổ (tức ngọn núi Trống Đổng). Ba đỉnh chóp núi vây thành ngôi sao; do đó dân làng còn gọi là núi Tam Thái (3 ngọn sao côi). Phía dưới thung lũng, bên cạnh núi, có một điện thờ cổ, thờ sơn thần mà dân khắp vùng đồn rằng ở đó thần linh có nhiều quần năng linh thiêng. Vào mùa Xuân năm 1799, tuân theo lệnh quân vương, tôi Hoàng đế thân phụ, tôi đảm nhận chức vụ Tổng Đốc trong tỉnh hạt vùng biên giới này. Sau đó ít lâu, dân vùng thượng du gần đó nổi loạn buộc, tôi lại phải cầm quân lĩnh đạo cuộc chiến đấu. Khi đi ngang qua vùng này, tôi thường dừng chân lại ở điện thờ ấy để nghỉ chân và nhân đó, tôi luôn luôn dâng lời cầu nguyện với vị thần linh. Được sự trợ lực thiêng liêng màu nhiệm, binh sĩ của tôi tiến quân không gặp một trở ngại nào. Biết rằng vị thần đã hết lòng cứu giúp và che chở cho tôi, tôi nói với các hào mục trong làng cho tôi biết vài điều cần thiết về vị thần và cả cái trống đồng dựng ở đó mà do vị thiếu tài liệu ghi chép, tôi không được biết gì cả về những điều cần biết ấy. Quả đúng là thời gian xóa nhòa dĩ vãng khỏi ký ức con người. Vào năm 1800, trước hai ngày cúng tế tiệc lễ 9 tháng 9 âm lịch, tình cờ tôi phát hiện trên bờ sông ở phía Nam, một chiếc trống đồng có một thuộc chín tác (ta) vòng kính (độ 0m75 thuộc tây) và một thuộc 4 tác (ta) (0m56) bề cao và trống giữ còn tốt nguyên vẹn, hơn nữa được chế

đúc và chạm trổ trau chuốt. Nhưng nguồn gốc trống thì hoàn toàn không ai biết. Vào mùa Xuân năm 1802, trong một chuyến kinh lý, tôi trở lại viếng điện thờ ấy và khi về nhiệm sở tôi ra lệnh cho Bá tước Tạ Trí Trường Hữu Tạ và Xuân Hòa Nguyễn Xuân truyền cho khiêng trống đồng ấy đến điện thờ để dâng lễ cho vị thần linh.

Trên đây là lời chú dẫn vào năm thứ 2 Bảo Hưng (danh hiệu cuối cùng triều Tây Sơn) (1804) được ghi lại bởi bảo đệ của Vua, Ngài Đức Tuyên, thanh tra chính trị vụ ở Thanh Hóa, bằng chữ viết tay của ông Trần Đình Hữu, Tổng đốc Thanh Hóa. Lời chú dẫn được khắc trên gỗ bởi quan quân sử Hoàng Danh Đổng.

(Trích Thư Mục của Bà Catherine T. Noppe - Viện Bảo Tàng Hoàng Gia Bỉ - VŨ KỸ chuyển dịch)



**B. Tiếng Trống từ Hồng Thủy** (Le tambour du Déluge - Jean Dominique Jalon - Paris 1977)

Trong phần sách tham khảo, chúng tôi có nhắc đến tác phẩm này của tác giả nói trên kể sự tích về nguồn gốc thần bí của những dân làng Hodrung Plei Hytte trong vùng Cao Nguyên Việt Nam. Dân Hodrung, dân tộc thiểu số này sống lân cận với dân Jorai và dân Hodrung đều nói một loại ngôn ngữ Úc Châu.

Để thuật lại nguồn gốc sâu xa của họ như sau trong tác phẩm nói trên: Nhiều đàn ông và đàn bà chung sống ở vùng này đã từ lâu, rất

lâu; rồi một ngày nào đó, mặt trời bỗng nhiên xám ngắt trên thượng đỉnh. Dần dần, tối xẫm lại đến tất cả mọi sự vật đều đen nghịt, không còn nom thấy một cái gì. Ban đêm kéo dài tưởng như vô tận nhưng rồi ánh sáng dần dần trở lại, mưa xối xả rơi xuống, mưa suốt bao nhiêu ngày không ngớt. Lụt lội liên tiếp trở thành những thảm họa kéo dài trên mặt đất.

Nước dâng cao lên; một người phụ nữ quyết định tự nhốt mình trong một chiếc trống thật là lớn, gọi là Yaggor, dựng bên cạnh và làm thời để Bà có thể làm một chiếc ghe dùng tạm. Bà mang theo với mình một con chó, một chiếc nồi đất nung, một con dao và lúa gạo. Nước dâng cao dần và chiếc trống trôi theo dòng nước. Trống trôi giạt rất lâu, không biết đến nơi nào. Một ngày nọ, Bà nghe tiếng gõ trên chiếc trống. Tò mò muốn biết đó là những tiếng động gì, bí mật đến như thế, Bà liền đục một lỗ trống để nhìn ra phía ngoài. Nhưng lỗ quá nhỏ, Bà không thấy được gì cả. Thế rồi, Bà đục lỗ lớn dần dần đến chừng thấy rõ một con chim, chim nó đang lấy mồi vào trống để báo cho Bà biết nước đã rút xuống hết rồi. Bấy giờ Bà mới vọt ra khỏi trống và rất ngạc nhiên không còn thấy một người nào chung quanh mình nữa. Tất cả dân chúng trên mặt đất đều chết cả. Bà sống một mình với con chó, cái nồi, con dao, cùng với cái trống và một ít gạo. Bà thầm nghĩ: Mình sẽ sống ra sao đây trên mặt đất trống rỗng không bóng người này? Bởi lẽ Bà đang có thai, Bà nhất quyết muốn có được nhiều con để sống với mình. Thế là sau đó Bà thực sự có được 18 người con, 7 con trai và 11 con gái. Các con trai của Bà trở thành những thanh niên đi khắp tứ xứ và mỗi ngày sinh sôi ra một dân tộc khác biệt. Một số gây ra giống Hodrung, số khác giống dân Annam, số thứ 3 giống da trắng và cử thế tiếp theo là các giống khác. Còn con gái, thì sinh ra con trong nhiều trường hợp đặc biệt. Họ đặt tên cho chúng nó. 11 đứa con gái ấy, sinh con đẻ cháu nhiều vô số và đó là dòng dõi của xã hội Hodrung. ●



## Công đức xây dựng chùa chiền

### Phước phần của bạn

*Hồng ân ánh đạo vàng sẽ tỏa hào quang thấp sáng mười phương, chứng giám cho những tác lòng thành của những con người Phật Tử mộ đạo hiền lương không hàng sản.*



**T**ính chất diệu huyền của pháp Phật là ở chỗ đó...

Và bạn có thể tự mình vẽ hình Phật để thờ, để khỏi phải mất thời gian tìm nơi linh thiêng đi thỉnh Ngài về. Hay nói cách khác, là đồ phải tốn công bước vào hàng quán để mà mua tượng... Phật. Trong trường hợp ngoại lệ đó, bạn đúng là một vị hành giả có đạo lực thâm sâu, đã từng ngộ đạo trong hoàn cảnh đặc biệt khác thường khi đang sống.

Còn bây giờ, nếu bạn vẫn tiếp tục phân vân trong đầu óc với ý niệm "Thà ngàn năm không ngộ, không cam một phút sai lầm". Và cũng nếu hình ảnh của đạo Phật trước đó, mà bạn tưởng chừng như nó là cả một cái gì bằng bạc ở tận không gian, thì

giờ đây, chính bạn đã hiểu khoảng cách đó không còn. Khi này, lúc bạn đang đứng ở từ xa nhìn vào đạo Phật, thì ở thời quá khứ, chính các tế bào sống từ trong cơ thể của bạn đã từng thể hiện ra biết bao lần tính chất thấm nhuần Phật tính từ lúc nào mà bạn cũng không từng hay biết!

Hàng ngày, trong đời sống cá nhân gia đình của bạn, có thể bạn là người đã tỏ ra có lòng sùng đạo hơn bất cứ người nào hết. Nhưng bạn đôi khi hãy còn phiền muộn vì chính những lời qua, tiếng lại trong nhà về khái niệm khai phóng và hình thức tu tập tự do để đạt thành đạo quả giữa họ hàng, bè bạn đã làm cho ảnh hưởng đến nghiệp tạo phước phần của mỗi cá nhân. Do vậy, nếu mỗi ngày nào bạn đã từng là một trong những tác nhân cố ý hay vô tình của vấn đề gì gây ra điều xấu, thì nay, bạn hãy sung sướng tìm dịp chứng minh cho người khác biết được mọi sự màu nhiệm của lẽ đạo mà bạn đã hưởng ứng, trung thành thực hiện và sám hối thành công.

Tôi biết chắc chắn trong đời bạn, ít nhất cũng đã có một lần (hay nhiều lần) mà bạn từng thẳng tay nguyên rủa ác tính của con người - dĩ nhiên trong số đó có bạn nữa - bằng những ngôn từ không mấy chi gọi là hoa mỹ. Nhưng thôi! Điều tôi muốn nói bây giờ hơn, là trình độ giác ngộ và lòng thành tâm của bạn đã đạt tới mức độ nào?

Dưới con mắt của bạn. Nếu sám hối được quan niệm coi như là một trạm đường dừng chân, nghỉ ngơi của tâm hồn để có lúc thành thời, bình tâm sáng suốt soi lại bao ẩn tình sai trái của cuộc đời, như quay đầu nhìn lại hậu cảnh của một màu sắc tảm tranh đa dạng, thì giác ngộ hôm nay đối với bạn là một cơ duyên không phải do sự tình cờ.

Chính chân lý của đạo Phật là vàng thái dương xuất hiện ở chân trời hừng sáng phương Đông, đã đánh thức từng đoàn người lũ hành vất vả trong sa mạc hàng ngàn năm qua đang cần tìm mạch nước. Do vậy, mọi sự định đoạt hưởng đi tìm sinh lộ giải thoát tâm linh của bạn cùng đồng đạo đó, tuy cùng ý nghĩa mục đích, nhưng lại có khác nhau rất nhiều về hình thức xả thân cầu đạo, cầu đời.

*Tôi muốn nói đến công trình dẫn thân của những vị tăng lữ thoát tục, lãnh đạo tinh thần, hiện đang tích cực tìm cách nuôi dưỡng, chấn hưng giềng mối đạo Phật vốn là nguồn gốc văn hóa tín ngưỡng của tổ tiên ta.*

Lê đó, thay vì một mình trong động đá cheo leo, tha hồ thiền định, quán tưởng như hình ảnh của một Thiền sư, thì bạn có thể ung dung công phu, tịnh độ tìm dịp tạo phước phần ở giữa chợ đời, bên cạnh gia đình, xã hội mà không một may mắn nào mặc cảm về mức độ hào tâm, thấm nhuần công đức.

Thực vậy, vì hàng ngày bên cạnh bạn vẫn còn có sự hiện diện của các ngôi chùa và hình ảnh công phu của các vị Tăng Ni. Ngoài ra, chỉ còn lo ngại thêm cho bạn sẽ không có được yếu tố thì giờ để đến tham gia, góp sức, hầu tìm dịp tạo được phước phần trong công cuộc giữ gìn kho tàng bản sắc truyền thống tín ngưỡng của dân tộc. Và cũng chắc bạn đồng ý, hễ mỗi khi nói đến kho tàng bản sắc lưu trữ đó, thì người ta có thể hình dung ra ngay tức khắc những hình ảnh quen mắt, quen tai với tiếng mõ chuông sớm chiều nguyện cầu bình an liên tục đêm ngày cho bá tánh thập phương, cho âm siêu dương thọ ở tại các Bồ Đề Đạo Tràng đã được trùng tu, kiến tạo không ngừng ở rải rác khắp nơi trên thế giới từ bao thế kỷ đã trôi qua.

Chính mỗi ngôi chùa là một đạo tràng có mạng hồn thiêng, đã từng đào tạo nên biết bao vị anh hùng hào kiệt, văn võ song toàn cho đất nước của chúng ta. Trong lịch sử lập quốc và kiến quốc Việt Nam của tổ tiên ta, chỉ thấy xuất hiện độc nhất có một trường hợp đặc biệt; đó là trường hợp của vị Vua hiền Lý-Công-Uẩn xuất thân dưới mái hiên Chùa. Và với quốc sách chỉ đạo tinh thần "Trụ tích trấn vương kỳ" của Thiền-Sư Vạn-Hạnh thuận lòng trăm họ muôn dân; nơi cửa Phật khai sinh ra tám đời nhà Lý, trường trị để nghiệp 215 năm, lâu dài hơn bất cứ triều đại nào của dân tộc. Từ lâu, chúng ta đã từng tán thán công đức của bao hàng Phật tử thuần thành, sắt son một lòng xấp mình hộ trì Tam Bảo qua mọi hình thức cúng dường...

Nhưng nếu chúng ta vô tình quên đi việc làm công đức âm thầm của các tín hữu tiền nhân tốn hao nhiều công quả trong thời gian quá khứ để xây dựng nên được một ngôi chùa linh thiêng như trong trường hợp đó, thì phải nói đó là một điều thiếu sót lớn lao!

Ngôi chùa là phương tiện nền tảng về vật chất của đạo Phật, mà cũng là nơi đã góp phần chứa đựng nhiều gia tài pháp bảo, dọn đường hướng dẫn chúng sinh tìm về chân lý. Ngôi chùa vừa là một hình thức ý nghĩa tượng trưng cho nền văn hóa dân tộc, vừa là nơi chốn sinh hoạt, tiêu biểu cho đặc tính tôn giáo của giống nòi. Chính vì lẽ đó, vẫn biết rằng chùa rách Phật vàng nhưng nếu ngôi chùa có vị trí thuận lợi, Khang trang, rộng rãi, thì tức là đã có thêm phương tiện tốt hơn, để có thể vận tập cùng một lúc được con số đông đảo tín đồ kéo đến dự lễ nhiều hơn. Và hình ảnh thái bình, âu ca, an lạc, hạnh phúc vui vẻ đó càng biểu lộ thêm cho ân đức của các Phật tử càng được sâu dày.

Vậy mong bạn chớ dừng nên đặt vấn đề nông cạn, ngần ngại nổi đường xa nển hướng tàn lụi, mà sao không nghĩ lại tới những hình ảnh từng thời đại huy hoàng một thuở: từ Ba-Ti-Luân (Babylone), Kim Tự Tháp (Pyramides), Bức Tường Than Thở (Le mur des lamentations) cho đến ngay cả Đế-Thiên Đế-Thích (Angkor Thom - Angkor Vat) gần đây v.v... cũng không sao tránh khỏi chịu ở dưới số phận nạn tai của định luật vô thường, biến hoại, điêu tàn theo giá trị của thời gian. Chính vì lẽ đó mà bạn hãy nghĩ rằng: *thời gian này là hơn cả lúc nào để ít nhiều công của bạn có dịp chứng tỏ phước phần*, để cùng nhau chan hòa vào trong nếp sinh hoạt tốt đẹp cổ hữu, cổ truyền của dân tộc, thể hiện qua mọi hình thức trách nhiệm tinh thần đóng góp chung trong công cuộc xây cất, trùng tu những nền tảng di sản văn hóa của quê hương.

Một lần nữa, dám mong bạn đừng ngộ nhận về mục đích phát huy văn hóa đạo Phật của giống nòi chúng ta trong giai đoạn hiện tại. Vì nó có giá trị ý nghĩa nhiều hơn khác với đôi điều suy nghĩ ở tầm gần, nghĩ

rằng là việc xây chùa chỉ để cho có nơi sau này cầu nguyện và phụng thờ tro cốt hướnglinh. Đó là những lý do thật là tế nhị, mà là Phật tử, chúng ta phải cần nên cùng nhau bàn luận rõ ràng, để có những bước công đức dần sâu thêm trên con đường chinh phục phước phần và ủng hộ mọi hình thức hộ trì ngôi Tam Bảo.

Rồi đây, trong tương lai bạn sẽ thấy người da trắng tiếp tục hân hoan nồng nhiệt, ra sức đón chào đạo Phật, đến các sân chùa thực hành những phương pháp tu thiền nhiều hơn. Và nếu có hoàn cảnh thuận duyên hơn, thì chính họ sẽ là những người có bổn phận kế thừa, thi hành nhiệm vụ của người sứ giả Như Lai để đứng thay thế thế hệ của chúng ta, để mà gánh lấy trọng trách bảo tồn, gìn giữ các ngôi chùa ở ngay trên quê hương, đất nước tổ tiên thân yêu của họ. Giờ đây, theo bánh xe chánh pháp chuyển luân, sự kiện này xảy ra nhanh hay chậm là chỉ còn chờ ảnh hưởng của thời gian và khoảng cách của không gian cần có thêm yếu tố chín muồi. Lúc bấy giờ, bạn phải hiểu rằng mục tiêu hoằng dương đạo pháp của giáo lý Thích Ca của chúng ta cũng chỉ có những ước mong sao như vậy. Giống như ở thời quá khứ, trong thời kỳ mà ảnh hưởng đạo Phật vừa mới bắt đầu được truyền bá vào các quốc gia Á-Đông (nói chung) và ở tại Việt Nam (nói riêng), các Tăng đoàn đi rắc gieo mầm hạt giống Bồ Đề cũng đã phải trải qua biết bao nhiêu là những giai đoạn khó khăn, trở ngại.

Hơn thế nữa, phút giây này sẽ bước sang thiên niên kỷ thứ 3 hiện là cột mốc quan trọng của thời gian bắt đầu cho một kỷ nguyên mới về sự bành trướng ảnh hưởng của đạo Phật trên quê hương bản địa của người da trắng, mà công đức lớn lao này là do bởi sự hy sinh gánh vác khổ nhọc của hàng Tăng lữ Việt Nam đang có mặt ở khắp các Châu. Cộng thêm vào với yếu tố thời cơ, sự kiện Đức Đạt Lai Lạt Ma triều đại thứ 14 (giải Nobel Hòa Bình 1989) có mặt bên ngoài lãnh thổ Tây Tạng từ gần nửa thế kỷ qua cũng đã tạo thêm cho ảnh hưởng đạo Phật có hoàn cảnh thuận duyên hơn để tiếp tục vững chãi, mở mang lớn mạnh

không ngừng. Triệu chứng này là một tin lành tìm thấy cần được vinh danh, mà về hàng Phật tử của chúng ta cũng phải cần nỗ lực để góp sức có thêm được những công trình sáng tạo, trùng tu chùa chiền, để sẵn sàng kịp lúc đáp ứng thích hợp với nhu cầu.

Đã đến giờ điểm hẹn! Đã đến lúc mà bạn đừng ngần ngại mọi sự đóng góp chỉ có giá trị khiêm nhường, để quên đi những hình ảnh hợp quần, chung sức cố công của từng đàn kiến tha lâu đầy tổ, và bạn phải cần nhìn chút thì giờ để đến với tất cả gặp nhau nối vòng tay lớn. Đòi người ngắn ngủi thật như câu chuyện thần tiên của tuổi ấu thơ, như khúc phim nằm trong ống chỉ phép màu. Mỗi ý nghĩa của một đoạn quay, là cả một quãng thời gian mất hút đi qua không bao giờ trở lại. *Hồng ân ánh đạo vàng sẽ tỏa hào quang thấp sáng mười phương, chứng giám cho những tấc lòng thành của những con người Phật tử mộ đạo hiền lương không hằng sản.*

Và hình ảnh Đức Phật, một nhân vật siêu phàm cứu rỗi cho đời, hân hũ của thế gian, mà cho dù ở trong bất cứ môi trường sống nào, thì người ta cũng đều phát hiện được Phật tính linh hiển của Ngài (Vô sở bất tại), nhất là, điển hình qua những hành vi sống đạo vì đời của hàng Tăng lữ thoát tục. Vì vậy, với ảnh hưởng tâm linh càng ngày lan rộng, vượt qua khỏi biên cương của chủng tộc, màu da, thì nhu cầu tu đạo chùa chiền của đạo Phật trước tiên cần phải được coi như là thuận lẽ với thời trời, mà người Phật tử chúng ta nên lạc quan, tin tưởng. Để cùng nhau tiếp tục tô bồi công đức, như hình ảnh của những người thủy thủ đam mê sống vì lý tưởng, hiến dâng trọn cuộc đời cho bể cả và lúc nào cũng luôn luôn hăng hái giữ vững tay chèo.

Trong mục đích tinh thần cầu nguyện giác ngộ và giải thoát, các vị Sư trụ trì sẽ là những vị thuyền trưởng khả kính, giàu kinh nghiệm về phương diện lãnh đạo tinh thần, sẽ lèo lái cỗ xe đại thừa của đạo Phật ngự trị ở trong các ngôi Chùa.. Đó là những cỗ xe kết hoa thơm cứu độ, thấp sáng ngời ánh lửa tử-bi lúc nào



cũng còn trống chỗ để đợi chờ, đón vớt phước phần của bạn, để chuẩn bị bằng dặm hành trình qua lớp sương mù và cùng nhau hoan lạc tách bến ra khỏi khi trời vừa sáng...

Trở lại câu chuyện phước phần của bạn đã đến hôm nay, khi tinh thần của bạn còn thật nhiều minh mẫn, thì quả đó là một điều may mắn cho bạn hết sức bất ngờ. Và không ai có thể nghĩ rằng sẽ có những thiếu sót, vô tình nào để cho vượt ra khỏi tầm tay mọi dịp kết nối mối dây công đức của người Phật tử chúng ta. Do vậy, tôi viết thư này với tất cả tấm lòng thành tha thiết, và gửi đến quý bạn đạo gần xa với ý nghĩa không ngoài mục đích là đem đến cho quý bạn những tin lành, phụ giúp giải tỏa đôi điều suy tư của quý bạn lúc cần được thành thối sau những giờ làm việc nhọc nhằn.

Trong cuộc sống cá nhân hàng ngày, ngoài hạnh phúc gia đình bạn còn có những mối bận tâm về tương lai cho số phận bản sắc cộng đồng của chúng ta với nhiều câu hỏi đặt ra những chưa tìm được những câu trả lời nào thỏa đáng. Một trong những điều lo nghĩ đó là về ý nghĩa của cuộc sống văn hóa tinh thần của dân tộc đang héo hon ở xứ người với mọi hành tung từng ngày một đều bị ảnh hưởng của Âu-Mỹ hóa. Trong khi thế hệ tương lai, dù chúng ta có cố gắng diu dắt chu đáo đến đâu đi nữa, thì cũng không thể nào giữ gìn cho được trọn vẹn bản sắc giống như hình ảnh của cha anh. Do vậy, phương tiện để tập hợp cho các tổ chức sinh hoạt cộng đồng là một điều kiện thích nghi không thể không có cho một tập thể kiêu bào của chúng ta mà đa số là Phật Tử. Lẽ đó, khi bạn nhìn thấy hình ảnh của một ngôi chùa được trùng tu hay được đang kiến tạo thì bạn phải hiểu rằng thêm một tầng cao của lâu đài văn hóa, tôn giáo của tổ tiên ta đã may mắn có thêm cơ hội bám rễ, nảy mầm hoa thơm trên đất lạ. Sự vui mừng đó chẳng khác nào lúc bạn đứng tần ngần cảm động trước những công trình thành tựu hiện hữu của cộng đồng ở khắp mọi nơi.

Hồi tưởng lại mỗi ngày nàc tha phương, lưu lạc xứ người trong những ngày đầu tiên, chúng ta thật

là cô đơn buồn bã vào những khi có dịp lễ hồn thiêng dân tộc. Không một cơ sở cộng đồng được tổ chức thành hình, không một bóng dáng văn hóa tôn giáo cổ truyền ngàn xưa của dân tộc được tái tạo trên quê hương của người bản địa, để cho đa số kiều bào của chúng ta có dịp tìm đến làm nơi tụ họp sống trong bầu không khí ấm áp của tình đồng hương, đồng bào. Nhưng may thay! Không bao lâu duyên lành đã đến bằng sự hiện diện của các ngôi chùa lớn nhỏ, đã nói lên được tấm lòng thủy chung của người Phật tử Việt Nam quyết tâm bảo vệ tôn giáo và phát huy nền văn hóa cổ hữu của tổ tiên. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp không giống như nhau và vì điều kiện không gian khác biệt. Cho nên hoàn cảnh tồn tại của tình trạng những ngôi chùa đều có những khó khăn riêng, mà hầu hết những tín hữu thuần thành quanh năm phụ lo làm việc công quả ở trong chùa đều đã am tường và từ lâu không ngần ngại góp phần, chia nhau trách nhiệm để gánh vác phần hành công đức.

Nếu cần phải nói sự thật, thì bạn phải hiểu rằng hiện nay cũng đã có những ngôi chùa Việt Nam trên thế giới, vì tọa lạc ở tại những vị trí bất lợi về nhiều mặt cho việc trùng tu (một thí dụ tế nhị như không được phép của chính quyền quản hạt) cho nên các vị Sư trụ trì không thể nào có thể làm gì khác lại hơn, là đành phải tiếp tục giữ y nguyên tình trạng. Với thời gian, sự kiện này tiếp tục kéo dài quả là một lực cản quan trọng cho việc xiển dương đạo pháp và gây nhiều trở ngại cho các tổ chức sinh hoạt tôn giáo cộng đồng của người Phật tử của chúng ta. Lẽ đó, là những nhà lãnh đạo tinh thần Phật tử ở từng địa phương từ bao năm qua. Nay, các vị Sư đã can đảm tự đặt mình trước những trách nhiệm mới, sẽ vô cùng hoan hỉ khi nhìn thấy được sự quan tâm của hàng Phật tử có lòng mộ đạo mến Tăng lại đứng lên, liên tục tiếp tay kêu gọi đồng đạo: -Hãy tích cực đóng góp, tham gia dưới mọi hình thức, để cùng nhau trùng tu hay kiến tạo lên được những ngôi chùa thích nghi với trong hoàn cảnh thuận duyên đặc biệt, để đặt móng chân cầu cho công cuộc giới thiệu màu sắc tôn giáo của

giống nòi. Do đó, công đức tán thành đóng góp dù là khiêm tốn của quý bạn đạo hôm nay, sẽ có một giá trị tinh thần cao cả gấp bội phần mọi điều hưởng ứng nồng nhiệt của sau này.

Hơn thế nữa, từ lâu tôi biết bạn là những con người nhiệt thành lòng tin và quả cảm thâm lặng dưới hình thức hành đạo tại gia (thứ nhất tu ở nhà, thứ hai tu ở chợ, thứ ba tu ở chùa). Và vì lý do sức khỏe, vì lý do hằng ngày bận việc mưu sinh cho nên đôi khi đành phải giới hạn việc tới lui lạy Phật dưới mái hiên chùa. *Số bạn đạo rất đông, và đó cũng là điều chứng tỏ tính chất tinh thần thấm nhuần tư tưởng tự do tu tập của đạo Phật.* Do vậy, mục đích thành khẩn duy nhất của tôi hôm nay là chỉ nhằm nhắc nhở, đánh thức lẫn nhau (khi Bạn khi Tôi) hầu để truyền trao cho nhau ngọn đuốc soi đường trong cuộc hành trình lần tìm đạo quả.

Chính vì vậy mà tôi trộm nghĩ, nếu không có những người chiến sĩ tiên phong thoát tục cố gắng đứng lên kêu gọi Phật tử sốt sắng tham gia công sức giữ gìn tôn giáo nguồn cội của tổ tiên trên đất khách tha phương, thì hôm nay đây, cộng đồng người Việt Nam hải ngoại của chúng ta còn lại có những giá trị căn bản văn hóa nào để có thể gọi là đáng được tôn sùng, hành diện hơn, để đóng góp sắc thái đặc thù của dân tộc nước nhà vào nới xứ lạ quê người. Và riêng về phần bạn, bạn sẽ nghĩ sao nếu mai này trong cơn mệt, lạc lõng, bỏ vó trên miền xa lạ mà chúng ta chưa tiện có được một mái nhà chung thích hợp, ấm cúng hơn để nương náu tinh thần?

Sau cùng, hẳn bạn thừa hiểu đạo Phật của chúng ta vốn là một tôn giáo rất gần gũi của những con người nghèo lòng tham nhưng bao giờ cũng vị tha, nguyện cầu cho kẻ khác được giàu lòng nhân ái. *Và từ ngàn xưa trong dân gian xã hội Việt Nam, hình ảnh của một ngôi chùa luôn luôn bao giờ cũng được coi như là cái Thiện của làng, như bóng với hình không thể không có được.*

Paris, Xuân Canh Thìn-2000



# Đông chảy?



**Đ**ã khá lâu, hôm nay tình cờ tôi có dịp gặp lại hân. Một thanh niên đẹp trai sáng sủa ngày nào nay trông xanh xao gầy ốm vì thiếu ăn, thiếu ngủ trong một đất nước tự do đầy đủ, một điều mà người ta khó có thể ngờ đến! Vẫn xúng xính trong bộ đồ Weste mượt mà năm xưa nhưng nay đã trở nên nhàn nhạt bạc màu, cùng mái tóc hớt ngắn đúng theo kiểu Mode đang thịnh hành nhưng lại thiếu đi sự chăm sóc, chải chuốt đến nỗi những sợi tóc như muốn bện chặt vào với nhau. Biết không thể tránh né tôi kịp, miễn cưỡng dừng lại và tỏ vẻ quan tâm, hân vồn vã:

- Sao rồi ông bạn? Lúc này làm ăn phát đạt chứ?

Rồi cất tiếng cười nham nhở để lộ hàm răng vàng khè đầy khói thuốc, khề hạ giọng, như mọi khi, nửa đùa nửa thật, hân dò hỏi:

- Có tiền không? Cho mình vay một ít đi, để làm giấy tờ... Bạn luôn chơi đẹp với mình mà, phải không?

Hân nịnh nọt, nhưng rồi dường như biết rằng màn kịch này không lừa được tôi hoài, vì hân còn gì nữa đâu để mà lo! Chuyện giấy tờ à? Khỏi bàn tới! Đã lâu rồi ai cũng biết hân sống đúng nghĩa là một người vô Tổ Quốc, vô gia cư, nay đây mai đó, không một mảnh giấy tùy thân, thì lo kiểu gì bây giờ nữa? Hay là hân đang nghĩ về món nợ cũ mà từ lâu rồi hân cố ý không muốn đề cập đến nữa... Do vậy, hân vội vàng bảo chữa:

- Giỡn chút thôi! Mình biết là ông bạn tốt của mình vừa đi học vừa đi làm thì đâu thể có tiền mà cho vay mượn, phải không?

Không cần biết tôi có quan tâm hay không, hân chuyển ngay sang một đề tài thú vị khác:

- Mình đang tìm việc, bạn có biết chỗ nào ngon không? Khoảng 13 ngàn Schilling trở lên là O.K ngay! Ngồi không riết rồi cũng đâm ra chán!

Tôi không lạ gì cái kiểu cách này. Đã không có giấy tờ, đi làm chui mà còn đòi hỏi này nọ! Thật ra hân nên an phận và vui mừng khi người ta nhận hân làm. Đàng này, hân chỉ làm vài ba bữa rồi lặng lẽ chuồn đi theo mấy ông bạn nhậu, nên bây giờ hể nghe đến tên không nhà hàng Tây hay Tàu nào muốn nhận một con người lười biếng mất uy tín như vậy cả. Đứa cặp mắt đỏ ngầu nặng trĩu đầy mệt mỏi qua những đêm thức trắng bên men rượu, hân nhìn tôi chờ đợi như mọi lần. Tuy nhiên, có lẽ hân không ngờ rằng sự chờ đợi này chỉ là hảo huyền thôi vì tôi đã quyết định không bao giờ tạo cho hân một cơ hội nữa. Và lại, cũng như mọi người, tôi không luôn là một Mạnh Thường Quân, một Caritas hay một Hội Từ Thiện hoài cho hân được. Tôi cũng có nhiều khó khăn trong cuộc sống nhưng tôi luôn vui vẻ sẵn sàng đón nhận và tìm cách giải quyết chúng. Còn hân, chỉ biết kêu cứu, nhờ vả hay chạy trốn rồi sau đó lại dửng dưng lao vào con đường cũ... Hân dễ dàng quên đi những giây phút khó khăn vừa qua, phụ lòng những ân nhân đã hết lòng giúp đỡ và sẵn sàng phung phí thời

gian cho việc vui chơi, hưởng thụ một cách nghĩa lý... Như vậy, thì tại sao tôi cần phải quan tâm đến một con người lêu lổng như thế? Không do dự, tôi nhấn mạnh từng chữ:

- Bạn đã đánh mất những cơ hội rồi!

Hân tỏ vẻ bất cần, khuôn mặt nhăn nhó khó chịu thể hiện đậm nét trên hai nếp nhăn sâu trũng bên vành mép, đôi môi khô lõe loét run run, nói lầy:

- Mình thử ông bạn cho vui thôi. Sự thật mình chưa có ý định đi làm đâu. Đi chơi cho sướng cuộc đời cái đã. Còn trẻ mà lo chi xa!

Hân lại bắt đầu lừa dối với chính bản thân nữa rồi. Trẻ trung gì nữa so với cái bản mặt đầy tính toán đó. Tại sao đến giờ này hân chưa chịu nhìn ra thân phận u ám của mình để lo tu chính làm ăn đàng hoàng lại, hay là hân muốn che đậy một sự thật đáng buồn mà càng ngày hân càng bị lún sâu vào không có lối ra, hoặc là hân chấp nhận và hài lòng với cuộc sống đó? Tôi không hiểu nổi về con người đang đứng trước mặt. Tò mò tôi muốn tìm hiểu chút ít về hân:

- Ở đây có cái gì vui để bạn chơi nào?

Hân lúng túng, im lặng. Tôi cảm thấy thương hại cho người thanh niên này quá! Tuy nhiên khi nghĩ đến sự bội bạc, cầu thả và thiếu trách nhiệm mà hân luôn gây ra, đã làm cho tôi thêm cứng rắn hơn cũng như không còn tin tưởng chút gì dù cho bây giờ hân có thật lòng. Tôi không muốn sự giúp đỡ của mình bị hân lợi dụng mãi để có điều kiện sống buông thả hoài, vì màn bi kịch luôn tái diễn này cần phải kết thúc... Tôi nhắc nhở:

- Mười năm sắp sửa đi qua rồi! Có bao giờ bạn thử nhìn lại mình và đoạn đường đã đi qua không vậy? Chẳng lẽ bạn cứ sống buông thả, không có một hướng đi nào tốt đẹp hơn cho tương lai sao?

- Cái số mình nó là như vậy! Hân chua chát tự trách phận. Ông bạn quả thật may mắn hơn tôi nhiều.

- Không phải thế đâu! Tôi phân giải tiếp: Hên xui là chuyện bình thường trong cuộc sống mà ai cũng trải qua. Điều quan trọng là mình cần phải biết linh động giải quyết những hên xui đó, đồng thời cần hòa mình với môi trường và mọi người



chung quanh. Nên vạch cho mình một hướng đi và hãy tin tưởng, tự lo cho mình, đừng nên trông chờ hay ý lại vào người khác khi những điều đó mình có thể làm được... Bạn còn nhớ chứ? Chúng ta đến đây cùng thời gian và hoàn cảnh. Trong khi mọi người lo buồn chài và vật lộn với cuộc sống đầy khó khăn, để theo kịp với nhịp sống mỗi luôn biến chuyển từng ngày, hầu cho khỏi bị thụt lùi và cho cuộc sống có ý nghĩa tốt đẹp, thì bạn chỉ biết vui chơi, ý lại và cho rằng sống là hưởng thụ, tuổi trẻ cần phải xả láng... Đang có những công việc ngon lành, bạn cũng không ngần ngại từ bỏ để chạy theo những giây phút giải trí tầm thường, để rồi bây giờ cuối cùng bạn đạt được gì và mất gì nào?

- Những người khác cũng ăn chơi mà! Hấn cãi bùng.

- Tại sao bạn không nhìn ra những cái hay để học hỏi hả? Người ta vui chơi khi họ đã có nền tảng vững chắc, có nghề nghiệp và công việc ổn định. Còn bạn, không có gì cũng đua đòi theo. Như vậy có nghĩa lý và hay ho gì đâu! Thủ hỏi, bạn có biết tối nay sẽ ngủ ở đâu chưa? Rồi ngày mai, ngày mốt và cả một quãng đời dài nữa, ai sẽ là người sẵn sàng nâng đỡ hay tạo điều kiện cho bạn mãi. Những người mà bạn thường lui tới để mua vui cho họ, có bao giờ họ vạch cho bạn một hướng đi hay hứa hẹn gì không?

Hấn cúi đầu không nói rồi nhìn mông lung xa vời như thể trước mặt đang có một đám mây mù che phủ hết vạn vật. Dưới ánh nắng chói chang, khuôn mặt tái xanh của hấn trông bơ phờ, mồm meo và thoáng đượm vẻ buồn buồn. Phải chăng hấn đã nhìn ra sự thật và muốn thoát khỏi cái vòng luẩn quẩn đó, hay hấn buồn vì tôi đã đụng chạm đến cuộc sống riêng tư mà hấn tưởng rằng đã che đậy được hết bằng cái vỏ cũ rích kia?

Bây giờ cũng chưa muộn đâu nếu bạn tu chỉnh và bắt đầu một cuộc sống bình thường như mọi người lại. Hãy cố gắng thật nhiều và đừng nản chí. Tôi an ủi, động viên tiếp: Điều quan trọng lúc này là bạn phải từ bỏ cuộc vui để tự cứu lấy mình trước.

- Bạn có thể giúp cho mình được điều đó? Hấn dò hỏi.

- Mình không muốn giúp gì hết ngoại trừ những lời khuyên mà bạn vừa nghe thôi. Bạn nên tự quyết định lấy vận mệnh của mình đi, nếu bạn không muốn sẽ bị thế giới này bỏ rơi! Thế kỷ 21 đã đến, nó không còn chỗ để cho những người lười biếng và ham vui chơi như bạn sinh hoạt thoải mái nữa. Ai không thích nghi được, sẽ tự bị đào thải. Đó là quy luật sinh tồn của tự nhiên mà bạn đã học qua. Tôi muốn cảnh cáo hấn.

Hấn lại cười, trong tiếng cười dường như chứa đựng một sự chua chát, đầy cay đắng, hờn tủi! Có lẽ hấn đang trách tôi là tại sao không muốn giúp đỡ một người đồng hương đang hoạn nạn, hay hấn đang cười buồn cho sự đời bất công mà hấn là một nạn nhân xấu số nhất, hoặc khinh khi những người gọi là cùng hội cùng thuyền chỉ biết chè chén cho vui và sau đó hấn sống ra sao thì mặc kệ... Tuy nhiên tôi biết rõ rằng, hấn cũng có những ước mơ tốt đẹp cho cuộc sống như bao người khác, một người bạn đời để thương, hay không nheo nhùng sẵn sàng cùng hấn chia sẻ mọi vui buồn trong kiếp sống tha hương và cho khỏi lẻ loi như hiện tại, một công việc nhân



hạ với mức thu nhập cao, một căn hộ hay một gian phòng nhỏ mà nơi đó hấn được tự do làm chủ tất cả chứ không như một kẻ lang thang không bờ bến như bây giờ, một chiếc xe hơi tuyệt đẹp sẽ được hấn sử dụng trong bất cứ lúc nào để đi chu du khắp đó đây chứ không phải là một kẻ nổi tiếng đi xe Bus lậu nữa... Tất cả những điều này chắc chắn sẽ trở thành hiện thực, không còn là một giấc mơ xa vời, nếu hấn có đủ nghị lực để thực hiện sự mong muốn đó.

Hấn hay than buồn chán vì đây không phải là quê hương mình và tôi hiểu vì sao hấn thường có mặt trong

mọi cuộc vui, đánh mất đi bao nhiêu thời gian quý báu cho sự nhàm chán, mà quên đi một điều quan trọng là nỗi buồn sẽ không đến khi người ta sống có lý tưởng và mục đích. Có được như vậy quả là một điều không dễ, nhưng đó là chìa khóa của cuộc sống mà mọi người và chính tôi đang có trong tay. Sau những cuộc vui dĩ nhiên hấn luôn thấy trống vắng, cô độc và vô vị hơn, thì nên tránh những cuộc vui đó có lẽ sẽ hay hơn. Người biết sống là tự biết làm chủ lấy bản thân mình và hiểu rằng mình đang muốn gì?

Nhìn bóng dáng xiêu vẹo khuất dần trên đường phố nhộn nhịp đông người trong những ngày cuối năm, tôi cảm thấy buồn và thương cho một kiếp người lang bạt, lạc lối. Ước nguyện duy nhất của tôi là mong sao lần gặp gỡ tôi đây, hấn sẽ khoác lên người một bộ y phục khác, không cần mới đẹp mượt mà để che đi sự trống rỗng trong một tâm hồn héo hon, mà chỉ cần bình dị như bao người khác với những ước mơ xa xôi... Mười năm đã đi qua với bao nhiêu điều biến chuyển trong cuộc sống, nhìn lại, tôi cảm thấy mình quá bé nhỏ so với thời gian, tuy nhiên đó là một chặng đường dài của một kiếp sống với bao nhiêu thử thách khó khăn, bao nhiêu vui buồn lẫn lộn mà tôi đã vượt qua và trong phút chốc tôi như vụt lớn từ bao giờ. Có những điều tốt và xấu, thành công và thất bại nhưng tôi luôn tự hào vì đó là tất cả những gì do chính tôi tự tạo dựng nên và quý trọng, giữ gìn nó. Tôi vui sướng vì qua đôi tay và khối óc của mình được góp cho đời một chút hương vị ngọt ngào nào đó và nhờ thế tôi luôn yêu cuộc sống, yêu mọi người, không cảm thấy lẻ loi buồn chán. Tôi cũng vui mừng vì mình hòa nhịp với thời gian và dòng đời, không phải bắt đầu lại từ con số không như hấn, một thanh niên hai mươi đầy nhựa sống của thuở nào với những ước mơ nồng cháy cho một tương lai tuyệt vời, chưa cất cánh bay đã lạc lối, chẳng lẽ nay hấn không tiếp tục xuôi theo dòng chảy được hay sao?

Linz-Österreich / 10.1999



# Yêu người tình phụ



Sau một ngày âm u vần vũ, bầu trời bỗng trở nên trong sáng hiền hòa. Cái nắng ban trưa diu diu của một ngày chớm đông vẫn làm cho vạn vật, muôn loài luôn cảm thấy thoải mái, dễ chịu. Màu xanh thắm của núi rừng dọc theo duyên hải như tươi mát hơn, màu thiên thanh của da trời như óng ả hơn, màu trắng bạc của sóng biển như lấp lánh hơn. Tất cả tưởng như muốn san sẻ niềm vui, trao đổi tâm tình cùng người lính biển đang sắp sửa cặp bến sau những ngày dài bồng bênh, lênh đênh.

Tàu đang bọc theo hòn Miếu đi lên, mon men tìm đường vào hải cảng. Không mấy chốc cảnh phố thị sẽ hiện ra. Thay cho các đảo hoang hạo hoàn xuất hiện bên phải và núi non thường xuyên trùng điệp của rặng Trường Sơn nằm bên tay trái. Trước tiên, vẫn phải là Cầu Đá với Hải Học Viện và Dinh Bảo Đại uy nghi cổ kính nằm trên sườn đồi cao. Kế đến Chutt, xóm nhà lá mà phần lớn là nhà sàn cất tuốt ra ngoài khơi. Làm như cả xóm được mọc lên từ biển, với những trụ chống khẳng khiu như hàng trăm cây tăm xia rặng chung lại. Rồi, tiếp theo, khuôn viên của Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân, vừa ngoạn nghệ vừa nên thơ

trông ra đại dương. Từ nơi đó, bọn Tần, hơn hai năm hơn đã rèn luyện ôn tập, cho một thời là sinh viên sĩ quan. Và cũng nơi đó, bọn Tần, ngày hôm nay sẽ ùi bãi đi bỏ với vai trò người sĩ quan thực thụ.

Đây là lần đầu tiên Tần trở lại thành phố thân yêu này kể từ ngày mãn khóa, tốt nghiệp, ra trường. Bỏ lại sau lưng biết bao kỷ niệm của tuổi hoa niên, chấp chững bước vào đời lính. Với bạn bè, với người thương. Với những lần thi cử, với những buổi rong chơi. Với những ngày tù tội, với những tháng mờ tối... Giờ sẽ ra sao? Tất cả còn đó hay đã đổi thay? Kể cả lòng người! Tình trạng quay về bến cũ này như đặt chàng vào trạng thái nửa buồn nửa vui! Buồn vì chàng vẫn thích những nơi xa lạ chưa từng ghé qua, những bến mới chưa từng đặt chân tới lần nào. Chẳng hạn như Huế, Đà Nẵng, Phan Thiết, Phan Rang, Côn Sơn, v.v... những địa danh quen thuộc mà bọn lính tàu thường tới lui, xuôi ngược. Vì, từ lâu, hình như chàng chỉ đi công tác trong lãnh thổ Quân Khu 4 mà thôi, nên có dịp ghé Cần Thơ, Năm Căn, Rạch Giá, Hà Tiên, Phú Quốc... Còn vui là, biết đâu, trong cảnh cũ chàng có thể gặp lại người xưa!

Ngoại trừ những mối tình keo sơn gắn bó, những mối tình ngắn hạn qua đi thì, theo truyền thống Hải quân, bố sẽ bàn giao lại cho con (tức khóa đàn anh bàn giao lại cho khóa đàn em) những gì mình dày công xây dựng được. Hoặc cho cháu, nếu mình xui xẻo bị tuyệt tử, không có con nối dõi tông đường (trường hợp khóa đàn anh nhiều hơn khóa đàn em). Tần có con nhưng kể như không có cháu, vì con của chàng đã ra trường trước cha. Vì phạm kỷ luật. Ấy, cũng đỡ bận lòng. Cho Tần khỏi mang tiếng làm cha "tối nước," đã chẳng có một người tình hời hợt qua đường để bàn giao lại cho con. Tuy vậy, lẽ dĩ nhiên chàng vẫn thầm mong cho nó "sáng nước" hơn mình trên đường binh nghiệp, *con hơn cha là nhà có phúc* mà ỉ!

Người xưa của Tần? Lại là con bé Hiền của một thời yêu dấu? Người đã làm chàng buông bỏ hết, không có thêm một mối tình nào khác ở xứ Thùyl Dương! Và cũng chính là người

đã lẳng lẳng quay lưng bỏ chàng đi lấy chồng trước ngày chàng ra trường vài ba tháng. Cho dù bị gả ép đi nữa. Nhưng giờ đây, trong lòng chàng vẫn còn đọng lại biết bao câu hỏi không có câu trả lời! Tỷ dụ như giờ này có nên ra phố, ghé lại nhà chị Diệu không? Và hỏi thậm về Hiền? Rồi xa hơn, có thể tìm gặp Hiền? Mà gặp để làm gì? Bất giác, Tần buông tiếng thở dài!

Chẳng biết Thành và Thắng, hai thằng bạn thân của mình, đã có lần nào trở lại Nha Trang chưa, Tần thầm hỏi? Có lẽ chưa, chàng đoán vậy! Một thằng đi HQ 11, tuần dương hạm Chí Linh, đang nằm trong danh sách biệt phái dài hạn cho bộ tư lệnh Vùng I Duyên Hải. Chắc chắn Thành sẽ có dịp trôi nổi ở các bến bờ Tiên Sa, Sơn Chà, Sao Mai. Còn một thằng thì đi HQ 06, tuần dương hạm Vân Đồn, chuyên yểm trợ các đoàn công voa chở vật liệu cùng nhu yếu phẩm lên Nam Vang. Hiền nhiên Thắng sẽ có dịp lang thang ở các xóm làng Tân Châu, Hồng Ngự, Châu Đốc. Lâu rồi chàng cũng chẳng được tin hay nhận thư từ của hai thằng nối khổ tử quân trường...

Tiếng còi nhiệm sở vận chuyển bỗng kêu vang và con tàu đang từ từ quay ngang, chuẩn bị ùi bãi, cắm mũi vào bờ. Tần coi sân trước, bây giờ chỉ tạm đứng ngó cho có chừng thôi. Vì nhiệm vụ của sân trước, trong lúc ùi bãi, là hai sợi dây mũi bự tổ chàng. Cũng chẳng cần phải quăng dây nhỏ để kéo dây lớn như lúc cặp cầu. Đợi khi nào mũi tàu cần bãi, tàu nằm im không nhúc nhích, cho nhân viên mang dây lòi tới tròng vào các trụ bít và giữ dây căng là xong. Những trụ bít làm bằng mấy cây thông lớn chụm lại, đóng sâu xuống lòng cát. Hai cái neo trước không được sử dụng cũng nằm im trong ổ neo.

Mấy tên ở sân giữa càng sướng hơn nữa, không có chuyện gì làm. Không có chuyện dây chéo, dây ngang. Hoặc thả những trái độn bằng vỏ xe hơi khi tàu va vào thành cầu, chân cầu. Chỉ có sân sau là bận rộn với cái neo to tổ bố. Sợi dây cáp cũng không nhỏ, cỡ bằng cườm tay, phải giữ cho thật căng để lái tàu khỏi dạt vì gió, nước. Và còn dùng để phụ



vào sức máy, hai máy lùi *full*, khi tàu tháo bãi nữa.

Nói chung, khi học thì học đủ thủ nhưng khi thi hành thì từng phần, từng thời điểm. Nhiệm vụ ai người nấy lo khi đã được phân công. Thủy thủ nào quăng dây, thủy thủ nào kéo dây, thủy thủ nào giữ dây... Hạ sĩ nào coi máy neo, Hạ sĩ nào đánh bật chốt an toàn cho neo rơi xuống, Hạ sĩ nào mang máy vô tuyến liên lạc đài chỉ huy... Trung sĩ nào chia cắt nhân viên và kiêm phần lập lệnh xuất phát từ sân thượng... Đại khái như vậy, để rồi sau cùng, thiếu úy nào trông coi tổng quát toàn sân và nghiệm biết lúc nào thì thi hành lệnh. Tất cả tuân tự diễn ra một cách máy móc. Tất cả đều tùy thuộc vào một người, Hạm trưởng. Hạm trưởng là người ra lệnh và Hạm trưởng cũng hoàn toàn chịu trách nhiệm về những hậu quả sẽ phải xảy đến do các lệnh của mình ban ra. Trong từng nhiệm sở. Nhiệm sở vận chuyển, nhiệm sở hải hành, nhiệm sở phòng tai cứu hỏa, nhiệm sở yểm trợ hải pháo, nhiệm sở tác chiến, nhiệm sở cứu người... Ngay cả nhiệm sở đào thoát, bỏ tàu mà hầu như bất cứ người lính biển nào cũng đều không muốn nghĩ tới. Nhất là Hạm trưởng, sống chết với con tàu theo truyền thống cao đẹp của Hải quân...

Cửa *ram*, cửa đổ bộ, từ từ hạ xuống sau khi hai cánh cửa kín nước mở ra, "há mồm." Tất cả mọi người trên tàu đều nôn nóng lên bờ, xếp hàng dài ngoằn ngoèo trong hầm chiến xa, HQ 406, hải vận hạm Hậu Giang. Giữa những kết đạn đại bác, súng cối chồng chất lên nhau, giữa những bao tài gạo đầy ắp, sắp lộp cao hơn đỉnh đầu. Tất cả phải chờ. Vì người đầu tiên rời tàu phải là Hạm trưởng. Có phần ngược lại so với khi tách bến, thông thường Hạm trưởng lại là người cuối cùng lên tàu. Anh thủy thủ gác "hạm kiều" đã nai nịch sẵn sàng kể cả vai mang khẩu *carbine*, đang đứng ở một bên của *ram*. Để chào tay khi Hạm trưởng hay sĩ quan bước qua. Quan liêu có khác phải không? Những truyền thống là truyền thống! Và cần phải biết thế nào là "gin vàng giữ ngọc" cho khỏi phai mờ!

Hạm trưởng đã được xe *jeep* tới đón đi rồi, do bạn bè cùng khóa hoặc là nhân viên, sử gia của Bộ Tư Lệnh Vùng II Duyên Hải, túc trại Tây Kết. Kể ra cũng có cái oai phong của nó mà một ngày nào, hy vọng là không xa lắm, Tần sẽ được hưởng cái vinh hạnh kia. Chàng cười thầm với ước mơ nhỏ nhoi của mình. Các sĩ quan đàn anh cũng đã lục tục kéo nhau đi, nhanh chân lẹ cẳng thiết.

Riêng phần Tần thì sao? Chàng không trực ngày hôm nay thì cũng phải chúng diện, đi bờ, sửa sửa với người ta chớ? Tối thiếu gì cũng xuống Chutt ăn phở hay ra phố xem phim ở rạp Tân Tân như thuở nào? Hoặc ghé lại quân trường thăm khu sinh viên sĩ quan, câu lạc bộ, phạn xá? Nhìn các con *nai tơ* trong vòng thành trường lớp, đóng khung trong khuôn viên học đường sẽ kính nể, thèm thường địa vị của chàng qua bộ quân phục úi hồ trắng thớm cùng đôi *ga-lông* sáng ngời. Chàng đã qua rồi cái cảm giác tuy rất là trẻ con nhưng không kém phần yêu đời đó nên chàng biết!

Với bao dự tính phải làm, vậy mà rốt cuộc rồi Tần lại phóng lên xe Lam, chuồng một mình ra phố. Mà lạ quá, chàng cảm thấy dường như thiếu thiếu một cái gì. À, đúng rồi, trong lòng chàng không còn cái nao nao lo sợ như ngày nào của thời thụ huấn. Khi chàng nhay rào, trốn trại đi chơi đêm. Đi thăm bố. Đi thăm người yêu. Cho một bữa ăn tối hay một buổi *ciné*. Có vòng tay ấm áp, có môi hôn mặn nồng. Chắc chắn sẽ không bao giờ tìm lại được, vì *chẳng ai tắm hai lần trên cùng một dòng sông!*

Thì ra Nha Trang vẫn vậy. Vẫn là thành phố của lính mới, chưa ra trường. Khắp đó đây nhan nhản những bộ đồ tiểu lễ trắng của Hải quân, những bộ ka-ki vàng của Không quân, Đồng Đế... Xen lẫn cùng những lính cũ, từng xông pha nơi trận tuyến. Với những bộ *treillis* màu xanh cứt ngựa của Bộ Binh, những cánh áo rằn ri của Biệt Động Quân, Nhảy Dù, Thủy Quân Lục Chiến... và thỉnh thoảng có những bộ đồ bay, áo dính liền quần của phi công... Không phải chỉ thấy trên đường Độc Lập, Trần Quý Cáp thôi,

mà ngay nơi này, khu chợ Xóm Mới, cũng có năm bảy chàng len lỏi tới lui. Ô hay, hôm nay đúng là ngày thứ bảy, ngày bắt đầu cho một cuối tuần "dập diu lính chiến, giai nhân" đấy mà...

Căn nhà quen thuộc của vợ chồng chị Diệu anh Thiện đã hiện ra dưới mắt Tần. Cảnh cũ xem chừng cũng chẳng có gì thay đổi. Họa chăng là nước sơn mặt tiền có phần sáng sủa hơn, vách ván sơn màu trắng ngà thay vì màu vàng như quét vôi của những căn nhà gạch. Chàng tần ngần không biết có nên ghé vào thăm hay không vì trông vắng vẻ, im lìm. Có lẽ không ai ở nhà, chàng nhủ thầm, những vãn gỗ cửa cầu may...

- Ô, anh Tần...

Chàng rất đỗi ngạc nhiên vì người mở cửa không phải là chị Diệu hay mấy đứa cháu mà là Hiền. Trong cánh áo len màu hồng nhạt, quần đen và "xí xọn" trùm khăn mỏ quạ kín đầu. Sao lại thế này? Hiền đã có chồng và hẳn đã ra riêng từ lâu rồi mà, chàng tự hỏi? Chẳng lẽ cơm không lành canh không ngọt? Nhìn cánh cửa khép hờ, Tần dò xét:

- Em vẫn ở với chị Diệu à? Anh vào nhà có được không?

Hơi lúng túng, Hiền đỡ lời:

- Ủa, anh vô đi kẻo gió...

Xem trong cách đối xử, dường như Hiền đã cố tình giữ khoảng cách, Tần cảm thấy vậy. Minh từng là người yêu của nhau mà, sau bao ngày vắng bóng nhỏ thường, lúc gặp lại nhau phải mừng rỡ, ôm chầm lấy nhau chớ sao dè dặt, bước thụt lùi? Ấy, bây giờ "người ta" là gái đã có chồng mà, chàng tự nhắc nhở!

- Mời anh ngồi...

Trời đất, định làm mặt lạ, xem chàng như người dưng nước lã đây, Tần than thầm. Nhớ lại một đêm nào, dạo Hiền và chàng tha thiết yêu nhau, nguyện sống chết có nhau, dẫu có giận hờn đi nữa cũng đâu có màn lạnh lùng, tẻ nhạt như vậy. Tuy nhiên, cũng như ngày nào thôi, chàng bao giờ cũng phải chiều theo ý của "người đẹp". Không làm gì khác hơn được, chàng đành ngồi xuống ghé và e dè, rụt rè chẳng biết phải mở đầu câu chuyện như thế nào cho ra vẻ thân thiện hơn, quen thuộc hơn. May quá, sau khi ngồi

vào ghế đối diện, Hiền đã lên tiếng trước:

- Minh xa nhau cũng gần nửa năm hơn rồi anh hà? Anh đi tàu mỗi tối phải không? Hay là đã ghé qua Nha Trang nhiều lần rồi mà không rảnh để lên đây thăm em?

Mèn đi, ít ra cũng phải vậy chỗ, phải có tình có nghĩa với nhau một chút chứ! Chỉ cần nghe lại tiếng... em ngọt ngào quá sức, Tần tưởng chừng như mình đang sống lại thuở xa xưa với những trách hờn yêu dấu. Cầm lòng chẳng đậu, chàng nói thật lòng mình:

- Đây là lần đầu tiên anh ghé lại Nha Trang sau ngày rời trường, và người trước tiên anh nghĩ tới, tìm tới ở nơi này vẫn là em. Bằng không thì giờ này có lẽ anh đã lang thang ngoài phố với bạn bè...

Hiền cất ngang:

- Em tưởng anh đã quên em luôn rồi đó!

- Em nói vừa phải thôi...

Tần thờ dãi rồi nhìn vào nhà trong thắc mắc:

- À, tại sao em lại ở đây? Một mình? Còn chị Diệu và các cháu đâu?

Hiền cười tươi:

- Tụi em có nhà riêng mà, ở dưới phố Độc Lập gần Ty Thông Tin anh à! Nhưng em mỗi sanh nên anh Khiêm đưa em về đây cho có chị có em, và luôn thể, nhờ chị Diệu săn sóc mẹ con em cho tiện...

Tần có hơi giựt mình, ngỡ ngỡ khi nghe Hiền nhắc đến chồng! Khiêm? Cái gì... Khiêm? Quả là chàng mới nghe lần đầu! Chàng giả là:

- Hèn chi nghe mùi dầu khuynh điệp nức nồng! Anh có hơi ngạc nhiên khi thấy em trùm khăn và nước da mét mét, nhưng anh chỉ đoán là em bị bệnh mới bắt thôi chỗ đâu dè em sanh. Lâu mau rồi và trai hay gái vậy em?

Hiền hồn nhiên, hờn hờ:

- Gái! Được hơn tháng rồi! Anh muốn nhìn mặt nó không? Vào đây...

Úi chà, con của ai mà bắt mình nhìn mặt! Ác vừa vừa thôi chỗ em, Tần trách thầm trong bụng! Ý chàng lưỡng lự, nửa muốn đi nửa muốn không. Nhưng mà, có lẽ đàn bà nhạy cảm hơn nên nàng thấy ngay là chàng đang do dự, lại càng hối thêm:

- Vào đây, anh theo em vào đây... Hồng có ai ở nhà hết trốn á...

Ý da, sao có vụ... "hồng có ai ở nhà hết trốn á" như thế này? Định "bắt cóc" chàng lần nữa hay sao đây? Tuy nghĩ vậy nhưng trong lòng chàng cảm thấy bạo dạn hơn, chàng lót tót đi theo nàng.



Hiền bật đèn ở buồng trong và trước mắt Tần bây giờ đã gọi lên hình ảnh cái "phòng ngủ của hai vợ chồng hồ năm xưa" đây mà và hầu như chẳng có gì thay đổi hết. Ôi, biết bao nhiêu kỷ niệm đang đội mồ sống dậy trong lòng chàng. Kể cả những kỷ niệm gối chăn mà một đêm nào chàng đã lặn lội tới đây trong một chiều thanh vắng. Bất giác chàng bước đến tựa sát bên nàng, đang đứng gần chiếc nôi con kê trong góc phòng. Rồi như không kiềm giữ được nữa, chàng choàng tay ôm nàng xiết nhẹ một bên hông. Cả hai yên lặng nhìn con bé hồng hào, đỏ hồng vành môi đang nằm ngủ ngon lành trong tấm chăn bông trắng nõn. Chàng buột miệng khen:

- Con bé dễ thương quá hà? Có cái mũi cao và cái miệng nho nhỏ giống em ghê đi nghen! À, mà em đặt cho nó tên gì?

Ngước mắt nhìn Tần và ngần ngừ một lúc, Hiền đáp:

- Em đề nghị và anh Khiêm đặt cho nó tên Hường, Phạm thị Thanh Hường...

Hường? Tần có nghe lầm không? Chẳng cần nói ra nhưng chàng cũng biết là nàng muốn giữ lại một vết tích nào đó cho cuộc tình không đoạn kết, vì chữ lót của chàng là Hường, Nguyễn Hường Tần nếu

muốn biết rõ hơn. Liệu anh chàng Khiêm, chồng nàng, sẽ nghĩ thế nào nếu tình cờ khám phá ra cái ẩn ý rất thâm tình này? Thì ra Hiền vẫn còn với chàng trên một cõi riêng xa vời, diệu vợi nào đó! Trong ngõ ngang chàng ôm nàng chặt hơn thay tiếng cảm ơn, bầu sữa nóng căng phồng chạm nhẹ vào ngực chàng...

Song, bỗng dưng Hiền có phản ứng, nhẹ nhẹ gỡ tay Tần ra và nổi lòng vòng ôm như một lời nhắc khéo. Lại hững hờ, lại xô đẩy? Hay nàng muốn cả hai dừng lại nơi đây vì nàng đã có chồng, muốn thủ tiết cùng chồng cho đôi đàng đều trọn tình vẹn nghĩa? Thật ra, trong thâm tâm, chính chàng cũng chẳng muốn đi xa hơn nữa. Chẳng muốn để lại một "vết nhớ" nào trên trang tình sử tuyệt vời kia, tuy nay đã sang chương, chỉ vì một cảm dỗ không đâu. Với ý nghĩ phải tôn trọng người đàn bà đã có chồng xui chàng rút tay về và thốt ra câu đánh trống lảng:

- Thôi mình trở ra phòng khách đi em. Lỡ con bé thức giấc quấy rầy thì phiền em lắm đó...

Trong tình huống này có lẽ Hiền cũng rất mong Tần nói lên câu nói như vậy! Bởi phận gái luôn luôn dễ mềm yếu trước ánh mắt dịu dàng tha thiết, những cử chỉ triu mến yêu thương, cho nên mặc dầu hơi tiếc rề cái giây phút êm đềm đầm ấm bên nhau, nàng cũng biểu đồng tình:

- Ủa, mình ra ngoài phòng ngoài ngồi nói chuyện. Chị Diệu, anh Thiện và hai thằng nhóc chắc cũng sắp về đến nơi rồi. À quên, anh uống gì không? Hay để em làm cho anh một ly cam tươi như hồi xưa anh thích. Vườn cam của má năm nay cây nào cũng cho trái sai ồan...

Câu nói của Hiền đã gọi lại cho Tần một kỷ niệm khó quên, một hình ảnh thân thương chưa phai nhòa trong ký ức. Một căn nhà nhỏ, lợp lá và vách tre đan, lẫn khuất dưới tàn... cây cao bóng cả bên bờ sông Cái. Chàng buột miệng:

- Em nhắc đến vườn cây trái của má làm anh nhớ lại chuyến đi có một không hai của bọn anh trong dịp Tết năm nào! Em còn nhớ Thành và Thắng chỗ? Em biết lúc về tụi nó nói sao không? Tụi nó bảo nếu anh vì mê em mà bị Việt Cộng bắn sè, chết bỏ xác trên Thành thì cũng không



oan ức gì, chỉ tội cho tụi nó chỉ vì nể bạn mà chết một cách tức tưởi thì chắc là không nhắm mắt được...

Hiền "xì" một cái thật dài:

- Anh nói vậy mấy đứa bạn em, con Thúy con Thảo mà nghe được là tụi nó không hài lòng đó nghen. Chỗ không phải anh Thành anh Thắng cũng theo ve vãn hai đứa nó hay sao? Tất cả đều quen nhau cùng một lúc trong ngày lễ gần *alpha* của mấy anh mà...

Sợ Hiền hiểu lầm thêm, Tần vội giải bày:

- Thì ai chẳng biết vậy, nhưng tình nghĩa giữa hai cặp đó không sâu đậm như giữa hai đứa mình, em đồng ý không? Mà thôi, bỏ qua chuyện đó đi! Má vẫn mạnh hả em? Và có còn tráng bánh tráng như hồi xưa không?

- Cám ơn anh, má em vẫn mạnh. Có điều má già yếu rồi nên không buôn bán gì hết. Chỉ chăm sóc vườn tược, cây trái thôi. Và lại, hai vợ chồng tụi em bảo bọc và lo lắng cho má cũng như hai thằng em em cũng không đến nỗi nào thiếu thốn, chật vật...

Tần lấy làm lạ khi nghe Hiền phân trần mấy chữ... "hai vợ chồng tụi em" khi chàng, tuy dạo đó chưa biết tên nhưng đã gặp chàng nàng một lần, trong đêm dạ vũ ra trường tốt nghiệp của khóa. Người đàn ông đứng tuổi kia, tức là Khiêm như chàng vừa nghe Hiền nói, lại bị ghép với Hiền làm em chàng trong hai chữ... "tụi em", mới nghe qua có vẻ không ổn chút nào hết. Nhưng với câu nói này, thì quả đúng như tiếng đồn, Hiền lấy chồng giàu, chủ hãng xuất nhập cảng. Thôi thì nếu không vẹn chữ tình thì cũng tròn chữ hiếu, chàng mừng thầm cho nàng...

Tần định nói thêm là chàng những mong có ngày nào đó về lại Thành, trước thăm má Hiền, sau là nhìn xem cảnh vật, dòng sông đã thay đổi ra sao, nhưng bỗng có tiếng gõ cửa bên ngoài. Và có tiếng láo nháo của trẻ con. Hiền đứng dậy, vừa đi vừa nói:

- Chắc chị Diệu về tối...

Cánh cửa xịt mở, Tần vội vàng đứng dậy:

- Dạ, chào chị Diệu, chị mạnh giỏi?

- Ủa, Tần mới đến hả? Lâu dữ quá nghen! Chào cậu Tần đi con, bộ không nhận ra cậu sao?

- Ồ, hai cháu ngoan quá! Đi chơi với má có vui không?

Tần trầm trồ khen khi hai đứa nhỏ cúi đầu, Hiền xen vào:

- Còn anh hai đầu chị?

- Ảnh ghé lại đằng nhà in Bác Ái, chắc tối tối mới về. Ngồi chơi đi Tần. Nè, nếu không chê thì ở lại dùng cơm với tụi chị...



Tần không dám nghĩ câu mời mọc kia là câu đuối khéo vì tánh chị Diệu thật thà và mến thương chàng như em. Như em rể tướng lai thì đúng hơn. Có điều là cuộc tình tan vỡ và bây giờ chàng trở thành... em rể hựt. Và vì là em rể hựt cho nên, rất có thể chị sẽ có câu hỏi lớn trong đầu, rằng thì là chàng đến đây với mục đích gì một khi Hiền đã yên bề gia thất. Mặc dầu chủ tâm của chàng chỉ là đến đây để thăm chị thôi, việc gặp lại Hiền là tình cờ duyên may đưa đẩy chỗ chẳng phải cố tình sắp đặt trước, nhưng đầu làm sao cấm chị không nghĩ đến những gì "trên Bọc trong dâu" đâu. Ủ, ở lại đây thêm giây phút nào càng thấy bất tiện thêm giây phút nấy, cho nên sẵn dịp này chàng cũng nên lựa lời xin kiếu từ luôn:

- Dạ, chắc em phải đi ngay bây giờ chị. Có mấy đứa bạn đang đợi em ngoài phố...

Chẳng biết chị Diệu có cảm thấy áy náy không khi Tần chào từ biệt, chị lại tinh thiệt, lịch sự thêm một lần nữa:

- Còn sớm mà. Hay là ở nán lại đây ngồi nói chuyện với Hiền cho có bạn. Chị xuống nhà dưới nghen...

Lỗ leo lên lưng cọt rồi nên Tần không đắn đo, do dự:

- Thôi để dịp khác đi chị. Tàu em còn qua lại Nha Trang hà rằm mà. Chị sợ mấy anh bạn phiên hà vì này giờ tách bầy cũng khá lâu. Thôi em đi, chị ở lại mạnh giỏi, Hiền mạnh giỏi...

Hiền tiễn Tần ra cửa trong im lặng, chị Diệu nói với theo:

- Hứa là phải nhớ đó nghen Tần.

- Dạ...

Lại một cuộc chia tay không hẹn trước! Và có cuộc chia tay nào mà không gây vướng vẩn trong lòng với biết bao nhiêu hình bóng thân thương, ẩn hiện xa gần. Chỉ tiếc rằng cuộc hội ngộ có hơi ngắn ngủi vì giữa Hiền và chàng còn biết bao nhiêu điều cần tâm sự. Không riêng gì chàng mà cả Hiền nữa có thể, chàng đoán mò như vậy, đã chưa kịp nói ra những gì mình muốn nói. Trời xui đất khiến thế nào mà chị Diệu lại về nhà sớm như vậy để kè ở người đi sau dăm ba câu nói hời hợt, hững hờ. Chân rảo bước trên đường mà lòng chàng như ngầy như dại.

Mãi đến bây giờ chàng mới chợt nhỏ ra là Hiền vẫn đẹp một cách thủy mị, duyên dáng như thuở nào. Tuy nước da có màu tái tái nhưng khuôn mặt trái soan đó, đôi mắt long lanh đó, đôi môi mọng đỏ như son đó vẫn như xưa mà trong nỗi mừng vui, rộn ràng chàng đã quên đi một lời khen nồng nàn, tha thiết. Quả là thiếu tế nhị. Những bài học "đắc nhân tâm" mình đã bỏ đi nơi đâu, Tần lẳng lặng cười thầm.

Còn chị Diệu nữa, đã biết hai đứa đang ở trong tình trạng trái ngang mà mờ miệng mời ở lại ăn cơm mỗi khổ đời. *Ăn sao cho được mà mời, dù thương cho lắm cũng vợ người ta thôi*, thì làm sao mà chàng không "nhỏ neo, tách bến" sớm đây chỗ? Đành phải đánh một vòng lên khu Ty

Thông Tin, xem như trung tâm thành phố, tìm cái gì ăn qua loa cho xong. Hoặc giả lộ ra bờ biển tấp vô mấy cái Bar mang số, từ số 1 đến số 5, nhậu một châu cho đã. Nhưng cả hai thú, chỉ một mình "đón thân độc mã" thì lấy gì làm vui, Tần băng khuônghĩ ngợi!

Chẳng mấy chốc đã gặp đường Quang Trung. Phố xá xem có phần tấp nập, ồn ào hơn nhiều. Có một vài bộ đồ trắng tiểu lễ Hải quân xuất hiện cách xa xa trước mặt chàng. Cùng những người tình, những em gái hậu phương, lẽ dĩ nhiên. Thôi, hãy lánh mặt cho bọn đàn em khỏi phải chào tay, khỏi phải lo lắng không biết chàng là sĩ quan của Trung Tâm Huấn Luyện, của trại Tây Kết, hay của chiến hạm. Với ý nghĩ vụn vặt đó, chàng thẳng hướng đi luôn về phía Phan Chu Trinh. Hừ, cũng nên lắm, vì thêm một lý do nữa là để bọn nó khỏi cho rằng chàng "tối nước," đã mang lấy thân đường đường là một sĩ quan hải quân mà giữa phố phường hoa lệ lại không có được một bóng hồng cùng nhau sống bước...

Một cơn gió thổi qua lao xao cành lá. Từng chiếc, từng chiếc... lá vàng rơi là tà trên mặt đường. Một chiếc lá bàng lớn rớt ngay trước mặt. Bóng nắng chiều le lói xuyên qua kẽ lá thân cây, tung tăng nhảy múa trên lối đi. Chàng ước gì phải có Hiền bên cạnh, dung dăng dung dè như ngày nào. Chẳng biết nàng nghĩ sao một khi đã phụ tình nhau, chỗ riêng chàng thì đường như chàng vẫn còn yêu nàng rất nhiều thì phải? Trong xa vắng, mơ hồ của thường mển vô vàn, chàng nảy ý tìm lời ghi lại cảm xúc của mình qua mấy vần thơ:

Thà em ngày ấy... đừng yêu anh  
 Chờ yêu rồi phụ, phụ sao đành  
 Nửa đường gãy gánh, sầu xa cách  
 Thao thức tìm em suốt năm canh...

Sao nỡ rời nhau hỏi người ơi  
 Tình yêu nào phải để đùa chơi  
 Lỡ lậm vào người e khó thoát  
 Trái tim đã cố lại cần rời

Quái lạ, đàn bà ác thế sao?  
 Có nghĩa gì đâu cuộc đời trao  
 Men tình mật ngọt trên môi thắm

*Lòng đã manh tâm chuyện xé rào*

*Bực quá, vì sao tôi vẫn yêu...  
 Yêu người tình phụ đã một chiều  
 Ôm cầm cuốn gói sang thuyền khác  
 Quên cả nguồn cơn đã chất chiu*

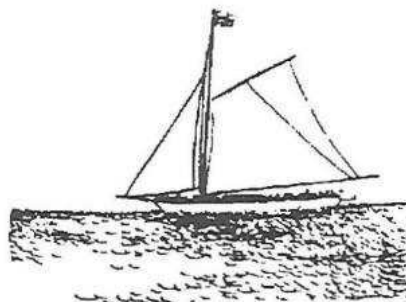
*Thôi thế thì thôi cũng một đời  
 Duyên làm, tình lỡ hỏi ai ơi  
 Sang, giàu, trẻ, đẹp... ôi ngao ngán  
 Tự trách mình hơn chỗ trách người...*

Những bước chân không chủ đích đã đưa chàng lần đến công viên Yên Phi, một thời là chỗ hẹn cho cả bọn Thành, Thắng và Tần cùng với bên phe nữ, Thúy, Thảo và Hiền. Cảnh xưa còn đó mà người xưa thì đã về nơi đâu? Họa chẳng chỉ nghe tiếng trả lời của những con sóng rì rào từ bãi xa vọng lại! Chẳng màng để tâm đến những cặp tình nhân đang chìm đắm trong côi riêng tư, Tần mon men lại chiếc băng đá trống, móc giấy bao thuốc ghi lại bài thơ... yêu người tình phụ cho khỏi quên.

Rất có thể chàng sẽ trở về tàu để ăn... cơm tàu, nếu không gặp bạn bè hay người quen. Bên tai chàng như cứ nghe tiếng mời mọc, dụ dỗ của anh chàng thủy thủ chiêu đãi viên trong carré sĩ quan mỗi lần chàng đi chơi về trễ, không đúng giờ cơm:

- Sao, Thiếu úy đói bụng chưa để thằng em dọn cơm cho Thiếu úy ăn. Bữa nay nhà bếp có nấu món canh chua cá bống mú, gà xào sả ớt... ngon lắm...

Ừ, ngon thì có ngon đó, nhưng hỏi ôi, lúc nếm mùi vào môi hay mình vỗ về món... cơm tàu...



Thơ : Trần Minh Hòa



## Lỡ Chuyện

*Xưa anh chẳng nói một câu,  
 Để em mang mãi nỗi sầu  
 trong tim.*

*Người dẫu nhút nhát im lìm,  
 Để cho thuyền đắm, dò chìm  
 giữa sông.*

*Bây giờ em đã lấy chồng,  
 Rào xưa, dẫu mới đường  
 không lối vào.*

*Đâu còn trăng sáng bờ ao,  
 Để ai dùng đó nao nao nhỏ  
 mình.*

*Trách người, người đã vô  
 tình,*

*Người sang bên mỗi, người  
 nhìn trăng rỏi.*

*Phải chăng duyên kiếp do  
 trời?*

*Phải chăng ai chẳng một lời  
 với ai?*

*Để cho thuyền tui sông dài,  
 Cho thuyền lỡ chuyến hỏi ai  
 đi về.*

*Chân quê, em vẫn chân quê,  
 Đêm nằm em vẫn mở về  
 buồm nâu*

*Buồm nâu ơi hỏi buồm nâu  
 Giờ này ai biết ai sầu hơn ai!*

(Đêm trăng Châu Âu)



# THƯƠNG MỘT CUỘC TÌNH



**S**au vài ngày vất vả đi xin việc làm không được, Phan buồn rầu trở về. Vừa bước chân về đến nhà, Phan được chị Dung đưa cho một phong thư nhỏ. Chị nói:

- Đã bốn ngày qua, ngày nào cô Thủy cũng chờ cậu về. Đợi đến đỏ cả con mắt. Tối qua, không thể đợi được nữa, cô ấy đã xuống thuyền ra đi. Trước khi đi, Thủy gửi chị lá thư này để chuyển đến cậu.

Cầm lá thư trên tay và nhìn dòng chữ viết trên bì thư giờ đây với Phan đã quá quen thân, anh vội mở ra đọc:

"Anh yêu thương,

Hôm nay anh về kịp, anh và em cùng ra đi thì tình yêu của chúng ta sẽ chấp cánh bay xa. Còn như, sau chiều nay anh không về, em sẽ một mình ra đi. Em phải đi để tìm tự do cho em và cũng để quên đi nỗi cay đắng trong đời mà anh và em đã

cam chịu. Anh ơi, chỉ sau hôm nay, anh và em thật sự mất nhau sao? Ai đã gây ra chia lìa này? Ai đã làm cho mong ước của anh và em mãi mãi chỉ là mong ước..."

Phan không đọc được nữa, anh có cảm giác quanh chỗ anh ngồi bỗng trở nên trống vắng lạ thường. Phan thần thờ nhìn lên cửa sổ, nơi đó có một cành vạn niên thanh khẽ rung nhẹ trước gió. Phan chợt nhớ đến câu nói của Thủy ngày nào. Vài kỷ niệm cũ lại hiện về trong ký ức...

...

- Anh Phan này...

- Có. Anh nghe đây.

- Có người nói, nếu cành vạn niên thanh trồng trong nhà bỗng úa tàn thì thế nào trong nhà cũng có chuyện chẳng lành gì đó. Anh có tin không-

- Anh không tin.

- Anh có tin rằng tình yêu của đôi ta sẽ có một ngày nào đó úa tàn không?

- Sao em có thể ví tình yêu của anh và em với một cành vạn niên thanh nhỉ?

- Anh Phan ơi, mấy hôm nay em linh cảm sẽ có một chuyện gì chẳng lành. Có thể...

- Thôi, em đừng nói những chuyện làm chúng ta xa nhau.

- Anh Phan ạ, không phải vì em nhìn thấy chiếc lá úa của cành vạn niên thanh kia đâu. Mà thực sự...

- Mà thực sự là em xinh đẹp vô cùng! Phan cố đẹp bỏ lo lắng của Thủy, anh nói tiếp: Mắt em nhìn anh lúc này trông đẹp vô ngần.

- Không.

Thủy lắc đầu buồn bã, cô hất mái tóc dài phủ che trước ngực, nhìn Phan cố vẻ trách móc. Thủy nói trong tiếng nấc nghẹn ngào:

- Không. Lúc này em muốn nói với anh một việc...

- Thủy ạ, lúc này em đang giận anh, trông em vẫn đẹp. Nếu anh bỗng mất em, cuộc đời đối với anh chẳng còn ý nghĩa gì hết.

- Anh Phan ơi. Anh có bao giờ nghĩ đến, một khi chiếc lá vạn niên thanh kia lìa cành, cũng như tình yêu đôi ta vì lẽ nào đó xa cách. Anh sẽ mất em...

- Em nói chuyện chỉ nghe kỳ vậy, Thủy?

- Em vẫn linh cảm như vậy, anh Phan ạ.

- Em đừng đùa nữa. Nếu mất em, cuộc đời anh sẽ...

- Sẽ sao?

- Sẽ hoàn toàn vô vị!

Hai người nói với nhau những lời này cách đây mấy hôm. Phan không ngờ chỉ vài ngày sau, hai người đã ở hai góc trời khác nhau. Anh cầm lá thư của Thủy lên đọc tiếp:

"Từ khi em yêu anh, em nghĩ rằng cuộc tình của chúng ta giúp anh và em với bất khổ lụy. Trước kia em tưởng rằng tương lai chúng ta mỗi ngày thêm sáng lạn và đôi ta vĩnh viễn sống bên nhau. Nhưng giờ đây, anh Phan ơi, em không thể sống nổi ở nơi này một khi em vẫn yêu thương anh, vẫn chung thủy với cuộc tình em đã chọn. Hôm nay cha mẹ em đã định liệu em sẽ sống với một người em không yêu thương. Cha mẹ em còn nói, người này là con của một cán bộ. Cha em nói: "Bố mẹ cũng khổ tâm về cuộc hôn nhân này. Làm cha làm mẹ ai cũng muốn con có hạnh phúc, lấy được một người đúng như ước nguyện và yêu thương lẫn nhau. Nhưng có khi hoàn cảnh xô đẩy người ta đến những lựa chọn oan nghiệt. Vài ngày nữa con sẽ sống trong một nhà giàu. Có thể cuộc hôn lễ này sẽ tốt cho tương lai của con".

Một cuộc hôn nhân chỉ có giàu mà không hạnh phúc. Nhưng em nào phải là kẻ chỉ biết lấy tiền của làm niềm vui trong cuộc sống. Em có cuộc đời riêng của em, em có tình yêu riêng của em. Hôm bàn tính việc cưới hỏi, một người bên họ nhà trai nói: "Lúc này đi xin việc làm, thủ tục đầu tiên phải là "Tiền dâu?". Người tình của cô hiện nay đâu có khả giả gì, có đi hết nơi này nơi khác cũng chẳng xin được việc làm ở cái xã hội này. Đó là thực tế phũ phàng cô cần phải hiểu. Tôi và vài người nữa vẫn thừa nhận người tình của cô đẹp trai và rất tốt. Nhưng sống thời thế này, đẹp trai và tốt không thể nuôi nổi vợ con nếu không biết lan lạn xoay vần. Còn Phan của cô ngay thật quá. Những người như Phan sinh bất

phùng thời, nhất là tại cái thời như hiện nay”.

Em rất đau xót khi nghe vài lời nói này”.

Phan đọc xong phần cuối lá thư, người anh nóng bừng như lên cơn sốt. Phan cầm chiếc phong bì lên, anh cảm thấy trong bì thư còn một cái gì đó. Anh cầm chiếc phong bì dốc nghiêng, một chiếc ảnh tử trong rơi ra. Ảnh của Thủy. Phan thấy lòng bồi hồi, ánh mắt anh chăm chăm nhìn tấm ảnh.

Trong ảnh, Thủy mặc một chiếc áo màu phơn phớt tím. Mái tóc đen thả buông trước ngực, đôi mắt nhìn Phan như muốn nhắn gửi đến anh một điều gì...

Phan lật phía sau tấm hình, anh đọc được dòng chữ sau:

*"Em gửi tặng anh tấm ảnh này*

*Trong lòng mang nặng nỗi chua cay*

*Hẹn anh năm trước cùng chung sống*

*Nay lẻ phượng trời mãi cánh bay..."*

Ngày hôm sau, Phan tìm đường đến bến đò Nan, nơi Thủy đã xuống thuyền rời xa. Anh đứng trên bờ nhìn dòng sông nước cuộn cuộn chảy. Phía xa tít tận nơi cuối đất cùng trời, màn đêm đang dần dần buông xuống. Phan đứng lặng lẽ, anh biết ngoài khơi xa kia, trên một con thuyền mỏng manh, có một người con gái đã yêu anh, nay gạt nước mắt ra đi để tìm tự do cho cuộc đời.

Đêm hôm nay, đêm cuối tháng, trên biển không trăng sao. Có thể trên con thuyền mong manh đó, Thủy đang nhớ về anh cũng như anh đang nhớ về Thủy, với một nỗi nhớ da diết.

Sương mờ phủ dần quanh người Phan một màu trắng đục. Anh dắt chiếc xe đạp ra về. Đường về nhà mưa phùn bay lất phất. Phan châm một điếu thuốc hút. Nhìn khói thuốc thoảng chốc tan biến trong gió và mưa, Phan chợt nhớ đến dòng chữ trong thư Thủy đã viết gửi anh: "Anh ơi... Ai đã gây ra chia lìa này?"

Gió và mưa mỗi lúc một mạnh. Vài vệt mưa chạy dài trong không trung theo từng cơn gió thổi mạnh vùn vùn như những ngọn roi quất

xuống người Phan. Trên đường trở về nhà, Phan đi như một người đang đi vào cõi hư vô. Anh không thấy đau và lạnh, anh chỉ thấy những phút vô vị của cuộc đời ập đến.

\*

- Kể tiếp đi anh. Những ngày sau đó ra sao?

- Đọc vài lá thư anh đã gửi đến em, em có thể hiểu tình cảnh anh lúc đó. Em đau khổ lia bỏ người thân, còn anh ở lại đau nỗi đau tiếc nuối muộn màng. Nhiều lúc anh ngồi trầm tư nhìn cảnh vạn niên thanh bên cửa sổ. Anh nhớ đến kỷ niệm xa xưa và nhớ em rất nhiều...

Thủy nhìn Phan và lắng nghe những lời Phan nói. Sau bảy năm chờ từng lá thư của Phan, hôm nay Thủy đã ngồi bên anh, hưởng trọn niềm vui sau bao ngày xa vắng.

- Anh Phan ơi, những ngày xa nhau em nhớ anh nhiều lắm. Nhìn vài tấm hình anh gửi cho em, thường anh sống cực nhọc quá. Tấm ảnh nào em cũng thấy anh dăm chiêu, nghĩ ngợi. Em cũng thấy lạ và không hiểu tại sao các tấm ảnh từ quê nhà gửi sang, trông ai cũng có vẻ héo hon và già hơn trước tuổi. Em không rõ tại sao?

- Có vài người lâu nay chưa về thăm người nhà vừa gặp anh, họ cũng băn khoăn về việc này. Chắc em cũng hiểu, anh và nhiều người đã sống một thời vất vả triền miên, đối diện với muôn vàn khó khăn, ai cũng tất tả ngược xuôi lo cho đủ những thiếu thốn trong gia đình.

- Anh Phan ạ. Nói chuyện nào vui đi anh. Tuần trước, chị Dung gửi thư cho anh và em. Chị khen anh đã dựng giúp cho chị và các con của chị ngôi nhà mới trước khi anh ra đi.

- Việc này là niềm an ủi với anh khi anh nhớ về quê hương, Thủy ạ. Tuy nhiên anh vẫn biết, còn nhiều người ở quê nhà hiện nay vẫn còn vất vả trong cuộc sống.

Sau một phút trầm tư, Phan nói:

- Nhiều lúc anh ngồi nghĩ đến ngày anh và em về thăm lại quê hương. Quê hương với những con đường anh từng lần hồi kiếm sống. Quê hương với bến đò Nan mưa phùn bay. Ngày anh và em trở về...

Thủy chợt nhớ ra việc lo bữa ăn sắp đến, cô nói với Phan:

- Chà, chút nữa quên mất. Anh vất vả nhiều ngày qua, hôm nay em mời anh nếm thử một món nấu đặc biệt của em. Nhưng anh Phan này, nếm thử xong anh đừng chê như bữa trước nghe.

Phan cười hiền:

- Chê vậy thôi, nhưng anh vẫn yêu em.

- Phải vậy sao?

Thủy nhìn Phan cười vui vẻ, cô nói tiếp:

- Anh Phan ạ, vài bữa nữa anh và em viết một lá thư gửi về nhà. Năm hết Tết đến, lúc này ở nhà ai nấy lo bận mua bán sắm sửa đón Xuân.

Ngúng một chút, ánh mắt Thủy như nhìn vào cõi xa xăm kỷ niệm sầu thương của vài năm sống lẻ bóng hiện về trong tâm tưởng Thủy, cô nói:

- Em nhớ năm nào, nhiều người sống gần quanh chỗ em ở nhận nhíp đón Xuân mới. Còn em, lẻ loi trong phòng này, ngồi đợi thư của anh. Nhưng em vẫn tin, vẫn tin có ngày anh và em sống bên nhau. Có thể là may mắn vẫn đón đợi và thương đến những người như anh và em. Anh có tin như thế không?

Phan mỉm cười:

- Anh cũng tin tưởng như em. Bởi vì anh và em tin tưởng nên lúc này anh có niềm vui được ngồi gần bên em. Em có vui không, Thủy?

Thủy cười vui, cô nói:

- Để sau này em sẽ nói cho anh nghe. Còn bây giờ anh xắn tay áo lên vào bếp giúp em nghe. Anh nhìn kia, nắng đã lên rồi!

## ● Ân-Hữu Viên-Phượng

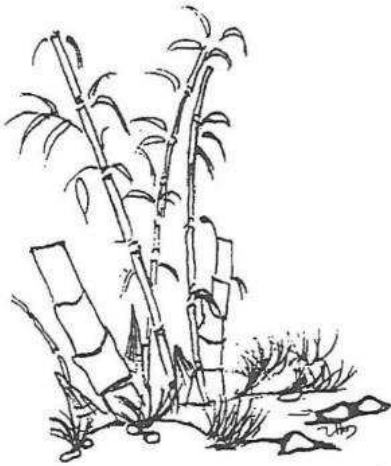




# FALUN GONG

*Một giáo phái mang tên Falun Gong đang làm phẫn khởi lòng dân Trung Quốc và làm khiếp sợ những nhà lãnh đạo cộng sản ở Bắc Kinh. Đây là một giáo phái Thiên Định mang màu sắc Phật Giáo và Lão Giáo, dạy người ta luyện tập khí công cổ truyền tại các nơi công viên, chẳng hạn như các vườn hoa...*

Bài của Terry McCarthy - Thượng Hải - Tuần báo Mỹ TIME - Thời báo, ngày 9.8.1999. Quỳnh Anh chuyển ngữ.



**C**ái gì làm cho người ta trở thành một người bị đặt ngoài vòng pháp luật tại Trung Quốc? Khuyến khích nền dân chủ, tổ chức một công đoàn bất hợp pháp (vì tại Hoa Lục chỉ có một Công Đoàn Cộng Sản được chính thức hoạt động theo chỉ thị của Đảng Cộng Sản), hay là buổi sáng sớm với nhiều người tập tành chuyển động tay của mình chung quanh theo hình dáng một bánh xe luân hồi tưởng tượng.

**Thật là quá dễ dàng để luyện tập**

Có thể một người bạn cho biết rằng một số người mỗi tụ họp tại một công viên để tập Gi Gong (Khí công) truyền thống. Một buổi sáng bạn tới

nơi ấy, bạn thấy họ khoảng từ 20 đến 30 người đang tập thở hít, vung tay theo hình bánh xe, dưới một lá cờ vàng đỏ của Falun Gong. Họ làm những động tác chậm chạp thong thả theo điệu nhạc phát ra từ một máy ghi âm. Không tốn kém gì và cũng không bài giảng dạy. Họ mời bạn ngay tham gia vào cuộc tập và bắt chước những cử động của họ.

Thật là nhẹ nhàng thoải mái, yên tĩnh, và không gây ra sự nghi ngờ nào cả. Sáng hôm sau, bạn trở lại nơi tập. Sau nhiều buổi tập, bạn được tặng một cuốn sách do "Thầy" Li Hongzhi viết. Cuốn sách nói về sự tự kiểm soát lấy mình và sự Giác ngộ Phật giáo, hành văn theo kiểu nói chuyện, dễ hiểu và chỉ tốn có 2 Mỹ kim. Nhóm người này đọc và thảo luận những phần nội dung sau những buổi tập luyện.

Bạn không biết rằng cái gì đang rình mò bạn, cái mà bạn cũng như bao nhiêu triệu người như bạn đã bị mắc kẹt vào mạng lưới của cuộc hành quân lớn nhất của cơ quan an ninh nội bộ. Sau vụ đàn áp khủng khiếp tại Thiên An Môn đầu tháng 6 năm 1989. Một trong những hội viên khác của nhóm bạn đã gửi điện thư (e-mail) cho bạn về việc chừng 10.000 hội viên Falun Gong đã tập họp ở Bắc Kinh hồi tháng 4 để phản đối cái mà nhà nước gọi là tôn giáo. Nhưng không ai bị bắt cả và bạn suy nghĩ ít về việc này. Những buổi tập luyện làm cho khí huyết bạn lưu thông và Thiên Định đã giúp bạn làm tiêu tan những thất vọng do công việc hàng ngày tạo ra và làm bạn thoải mái ở trong các chung cư đông người.

Trung Quốc bắt đầu hình như lại sống dễ chịu thoải mái. Nhưng rồi sự xúc động choáng váng lớn lao đã xảy ra.

Ngày 22 tháng 7 Chính phủ Trung Quốc thông báo cấm không cho Falun Gong hoạt động và loại ra khỏi vòng pháp luật vì tập luyện "tứ tưởng ma quái" và đe dọa ổn định xã hội. Tại Hoa Lục, cảnh sát ở khắp nơi bắt hàng ngàn hội viên Falun Gong đang tập luyện và đưa họ đến những vận động trường. Tại đây, họ bị thẩm vấn, đôi khi hàng nhiều giờ và bắt họ phải ký vào các bức thư từ chối không nhận nhóm của mình.

Những cảnh này làm người ta nhớ lại cuộc Cách Mạng Văn Hóa, trên hai triệu cuốn sách và các băng ghi âm chỉ bảo tập luyện tuần qua bị các xe hủ-lô nghiền nát. Và có những tin tức lạ lùng là một số đảng viên cao cấp của Cộng Sản cũng bị bắt trong đám hội viên Falun Gong. Ngày thứ năm, Chính quyền Bắc Kinh đưa Li, 48 tuổi, vào danh sách những phạm nhân tội ác và yêu cầu cảnh sát quốc tế (Interpol) giúp Bắc Kinh bắt giữ Li. Li Hongzhi đã sống tại thành phố Nữu Ước (New York City) từ tháng 2 năm 1998. Một phát ngôn viên Bộ Ngoại Giao Mỹ bảo đảm rằng Li sống bình yên bao nhiêu lâu cũng được khi Li còn ở lãnh thổ Mỹ. Chính cảnh sát quốc tế cũng từ chối lời yêu cầu của Bắc Kinh vì cơ quan quốc tế này không tìm thấy một tội ác nào trong quá khứ, hiện tại của Li.

Dù rằng cảnh sát Trung Quốc không làm gì được Li, nhưng cơ quan công lực này đang uy hiếp các đồ đệ của Li tại Hoa Lục. Không ai dám ra các công viên để tập nữa. Nhiều hội viên Falun Gong đã tạm thời bỏ nhà đi lánh nạn và những người khác sống trong đe dọa, đợi chờ công an cảnh sát đến gõ cửa bắt giam. Bà Sophia Xiao sinh trưởng ở Bắc Kinh là nhà phân tích đầu tư hiện nay đang ở Hồng Kông nói rằng: "Mẹ tôi bị giữ 44 giờ liền. Tôi rất lo ngại vì mẹ tôi bỗng bình và không chịu ký vào bức thư thú tội. Mẹ tôi phải tới hai đồn cảnh sát để bị thẩm vấn". Thân mẫu của bà Sophia Xiao cũng là một đảng viên Cộng Sản, đảng đã dành cho bà sự đối xử đặc biệt. Các giới thẩm quyền nhắc đi nhắc lại hỏi bà về cấu trúc tổ chức Falun Gong. Cuối cùng, bà cự chối không nhận tội, như vậy bà đã trở về nhà. Sophia Xiao nói tiếp: "Lực lượng công an cảnh sát có thể giam cầm thể xác họ, nhưng không khuất phục được những tấm lòng của họ".

Sau ba tháng điều tra bí mật của cơ quan an ninh Hoa Lục về Falun Gong, cuộc đàn áp bắt bỏ được thi hành khắp nơi. Nhiều nhân viên mật vụ xâm nhập vào các hoạt động của giáo phái này và đã thu hình trộm băng video những buổi tập luyện.

Sau vụ biểu tình của 10.000 hội viên Falun Gong ngày 25 tháng 4 ngoài khuôn viên Trung Nam Hải,

một khu vực của Bắc Kinh dành cho các viên chức cao cấp của Đảng Cộng Sản và Nhà nước sống với gia đình họ, chính Chủ Tịch Giang Trạch Dân ra lệnh cơ quan an ninh điều tra vụ Falun Gong và cũng chính Giang sau khi được báo cáo về hoạt động của Falun Gong, ra lệnh cấm hoạt động và bắt giữ các hội viên của giáo phái. Trong thời gian điều tra này, các hội viên Falun Gong phản đối các Tạp chí nhà nước cho rằng đây là một tôn giáo mê tín, sự tố cáo ấy đã đưa đến sự cấm đoán. Ngược lại Falun Gong chỉ muốn được công nhận là một nhóm tôn giáo được hợp pháp hoạt động.

Cái gì đã làm cho giới lãnh đạo Cộng Sản lo ngại là số đông người tự hợp mà thường không có cơ quan an ninh trật tự phát giác và kiểm soát hữu hiệu. Nhiều nhà quan sát phương Tây đã ví sự việc Falun Gong giống như một phi công tài tử trẻ tuổi người Đức (lúc bấy giờ ngoài 20 tuổi) hạ cánh chiếc phi cơ nhỏ của anh ta bình an tại Quảng trường Đỏ ở Mạc Tú Khoa năm 1987, một việc làm liều lĩnh của Rust đã chứng tỏ rằng lực lượng phòng không của Liên Xô mà người ta tưởng ghê gớm, thực ra không có gì đáng sợ cả. Một phi cơ của Mathias Rust bay từ Phần Lan xâm nhập không phận để quốc Xô Viết vào tối thứ đồ Mạc Tú Khoa mà mạng lưới radar khắp nơi, không phát hiện được. Một việc làm liều lĩnh của tuổi trẻ, xét ra đơn giản thế mà thể chế Xô Viết lúc bấy giờ cho là trọng đại. Lập tức viên Nguyên soái Tú lệnh phòng không và một số tướng lĩnh cao cấp bị cách chức ngay. Lẽ dĩ nhiên Mathias Rust cũng phải nằm ở nhà tù một thời gian sau khi cơ quan an ninh KGB điều tra kỹ càng kết luận Rust không phải là gián điệp. Đối với Cộng Sản, bất cứ cái gì không hợp lý của họ là nguy hiểm đe dọa an ninh lãnh thổ họ. Vụ Falun Gong tại Trung Quốc cũng vậy, cũng tạo ra sự lo ngại cho công an mật vụ vì vụ Thiên An Môn năm 1989 luôn luôn ám ảnh họ nhất là các nhà lãnh đạo ở Hoa Lục hiện nay, không ít thì nhiều nhúng tay vào vụ đàn áp đẫm máu của các sinh viên đại học và thanh niên đòi tự do dân chủ. Cảnh sát khám phá ra vụ biểu tình phản đối tháng 4 vừa qua

có hoạch định qua mạng lưới điện thư (e-mail) và Falun Gong là một tổ chức có khả năng thật sự, có tới 39 chi nhánh tinh bộ với 1900 cơ quan chủ đạo hạ tầng và 23.000 nơi tập luyện.

Chính phủ Bắc Kinh ước chừng rằng Falun Gong (cũng còn được gọi là Falun Data) có tới 2 triệu đoàn viên kể từ khi được thành lập năm 1992. Những nhóm Falun Gong nói rằng có 100 triệu người tập luyện. Chứng cuồng ám chính thức và sức mạnh vô hình của giáo phái trên làm bắn loạn nhà nước Hoa Lục nhất là Chủ Tịch Giang Trạch Dân, 72 tuổi, bị ám ảnh vì Falun Gong với khả năng của nó tổ chức những hoạt động qua mạng lưới điện tử tin học. Hình như Giang Trạch Dân còn được biết Falun Gong nói chuyện với người ngoại quốc cao cấp viếng thăm Trung Quốc và theo nguồn tin ngoại giao Tây phương, Giang còn di hành ngoài khu Trung Nam Hải bằng một xe ô-tô có cửa kính sơn màu để không ai biết, ngô hầu tự mình quan sát cuộc biểu tình yên tĩnh phản đối tháng 4 vừa qua.

Những người lo âu ngại ngùng vì bóng tối. Nếu giới lãnh đạo nhìn qua cặp kính màu nghi ngờ lo sợ và chỉ nhìn thấy khả năng đe dọa của tổ chức quần chúng này, thì ngược lại thực tế lại khác hẳn, Falun Gong không phải là một tổ chức của những sinh viên tranh đấu như vụ Thiên An Môn, mà là tổ chức của các bà nội trợ, của các ông già hưu dưỡng và các nhân viên hành chánh của chính quyền. Họ luyện tập theo phương pháp Falun Gong giống như cách Thiền của Phật giáo với lối luyện thở cổ truyền và tập luyện tu dưỡng đạo đức không hút thuốc, không uống rượu v.v... không tán thành chủ nghĩa duy vật thô bạo của Trung Cộng ngày nay.

Sophia Xiao đã tập luyện Falun Gong hai năm nay và nói rằng "Falun Gong đã giải tỏa cho tôi những ưu tư của đời sống hàng ngày. Tôi cảm thấy vui tươi và không còn phiền muộn gì nữa".

Xiao đã 32 tuổi, được giáo dục khắc khổ ở Lục Địa Trung Hoa trong thời kỳ cuồng loạn của cuộc Cách Mạng Văn Hóa từ 1966 đến năm 1976. Thân phụ nàng trở nên điên

cuồng sau khi bị tố cáo là không trung thành với Mao Trạch Đông và tại gia đình ông đã biểu lộ sự giận dữ của ông bằng cách đánh đập tàn bạo Xiao và mẹ nàng.

Ngày nay, ông đã qua đời, nhưng Xiao nói rằng "tôi hay búồng bình, gắt gồng, hịm mình, làm những điều không tốt cho tôi vì lý do trên". Xiao đã tiếp xúc với Falun Gong qua sự giới thiệu của thân mẫu nàng. Bà cho con gái bà cuốn sách của Li Hongzhi. Xiao nói tiếp: "Mẹ tôi luôn luôn bệnh hoạn. Nhưng từ khi mẹ tôi theo các khóa tập Falun Gong, mẹ tôi cảm thấy khỏe mạnh hơn trước nhiều và cảm thấy có hạnh phúc, giải quyết công việc nhẹ nhàng". Xiao thấy nhóm Falun Gong rất hợp với nàng và tập luyện mỗi buổi sáng sớm. "Falun Gong thay đổi con người chúng ta và tạo cho chúng ta những ước muốn nhân bản, chúng ta trở thành yêu chuộng hòa bình rồi chúng ta không sợ gì cả. Có thể điều này đã làm cho chính phủ Trung Quốc lo sợ".

Falun Gong có thể biến hình thành một tổ chức chính trị, đây là điều sợ hãi nhất đối với Bắc Kinh, cũng như đã xảy ra trong lịch sử Trung Hoa cận đại, một giáo phái tôn thờ luyện tập võ nghệ đặc biệt nổi tiếng từ 1851 đến 1864 là Thái Bình Thiên Quốc của Hồng Tú Toàn đã gây ra cuộc nội chiến làm thiệt mạng trên một triệu người. Bị ám ảnh sợ hãi như vậy, cảnh sát theo lệnh của Giang Trạch Dân phải đàn áp ngay phong trào Falun Gong dù rằng họ không tìm thấy cái gì gọi là âm mưu chính trị, nhưng các đài phát thanh và phát hình của Nhà nước Cộng Sản củ phải tố cáo Li Hongzhi được tôn thờ là lãnh tụ đang khuyến khích mê tín, dị đoan và phù thủy.

Những một đoàn viên Falun Gong ở tuổi trung niên phản bác lời tố cáo của Nhà nước: "Chúng tôi không phải là Tôn Giáo mà chúng tôi chỉ giản dị học hỏi để trở thành những người tốt hơn và để sửa soạn cho cái chết của chúng tôi. Chúng tôi không ham muốn cuộc sống ở thế giới này".

Đừng là cái gì Falun Gong gắn bó và như thế nào nhóm này được tổ chức, bây giờ hãy còn là cái gì bị



mật. Tháng Tư vừa qua, trong một cuộc phỏng vấn của Tuần báo TIME, Li Hongzhi nói về những cái vui của hiện tượng tự nhắc mình bay bổng và khẳng định người ở ngoài địa cầu đã xâm lăng nhân loại từ đầu thế kỷ này. Li tránh những câu hỏi về các đoàn viên của Li tổ chức như thế nào và phủ nhận Li không có liên quan gì đến vụ biểu tình phản đối bất ngờ xảy ra ở Bắc Kinh ngày 25 tháng 4. Nhưng tuần vừa rồi, chính phủ Bắc Kinh đưa ra những văn kiện để chứng minh rằng Li đã viếng thăm Bắc Kinh từ 22 đến 24 tháng 4. Li khẳng định ông ta chỉ quá cảnh để tới Úc-Đại-Lợi.

Cuộc chiến giữa tôn giáo hay Falun Gong với các Ủy viên Chính trị đã đưa tới mạng lưới Internet. Chính phủ Bắc Kinh tìm đủ mọi cách để ngăn chặn và phá hủy mạng lưới thông tin điện tử của Falun Gong. Nhưng trung tâm nghiên cứu Falun Gong đặt ở New York vẫn tiếp tục gửi những bản tin đều đặn cho các đoàn viên bằng cách của họ về cuộc đàn áp đang diễn ra ở khắp lãnh thổ Trung Hoa. Tuần qua hệ thống điện tử của Falun Gong đã cảnh cáo "các nhà cầm quyền Hoa Lục phải ngừng các cuộc bách hại tàn bạo" hay là tình thế có thể trở nên trầm trọng để biến thành vụ Thiên An Môn nữa. (Ngày 4.6.1989, chính quyền Cộng Sản tàn sát những sinh viên thanh niên đòi tự do dân chủ ở Thiên An Môn. Quân đội Cộng Sản đã dùng xe tăng cán chết các người biểu tình không có vũ khí).

Thời gian này, chính phủ Bắc Kinh đã thắng thế. Phần lớn các người Hoa bị uy hiếp vì những vụ đàn áp vừa qua và rất ít người dám ủng hộ phong trào đang bị bao vây truy nã. Nhưng rồi cuộc tranh đấu còn kéo dài và tình hình kinh tế sẽ xấu đi, lúc đó giới lãnh đạo chắc phải hối tiếc những chiến thuật bạo lực của họ. Một nhà khoa bảng ở Bắc Kinh - ông ta không muốn cho biết tên - nói rằng: "Chính phủ đã đối vụ đàn áp Falun Gong thành nguyên nhân chống Cộng Sản của tổ chức này. Đây là một chính sách ngu xuẩn, chính sách ấy đã tạo ra những kẻ thù ở nơi mà họ không có kẻ thù - Thật là đúng nghĩa - của chúng cường ám".●



● THƠ

## Trở Về Thăm Mẹ

Năm lên mười mấy tuổi  
Tôi đã vội xa nhà  
Bên hàng cau nhỏ mẹ  
Chiều chiều bỗng xót xa

Mái chùa sau lũy tre  
Trên trời đời vắng lặng  
Lá khô buồn rơi rụng  
Nhóm lửa giữa đêm hè

Cây khô buồn nhỏ nước  
Từng gánh trâu oằn vai  
Sương rơi vào hạt nắng  
Hoa mới đã thêm dài

Tôi trở về thăm mẹ  
Đường thôn giấy đỏ hường  
Mùi hương thơm cỏ dại  
Áo vải sờn bên nường

Từng buổi sáng mờ sương  
Đôi tay hai gàu nước  
Tuổi từng hàng cây thuốc  
Vóc mẹ gầy thêm thường

Ngoài đồng gieo luống mạ  
Mẹ tát nước gàu sông  
Nước xanh bên cỏ biếc  
Nắng cháy dài quanh năm

Dưới trăng đi hái mè  
Gió hiu hiu đêm hè  
Trên nửa đời tóc bạc  
Mẹ vẫn cười hiền lương

Đêm đêm mẹ vẫn thức  
Canh giấc ngủ đàn con  
Từng tấm chăn mẹ đắp  
Cho con an giấc nồng

Đèn mù u lặn dần  
Sương khuya rơi thấm lạnh  
Theo đường kim mối chỉ  
Mẹ vẫn ngồi bên song

Hoa mai vàng trước ngõ  
Giàn trầu không lộng gió  
Tử biệt mẹ tôi đi  
Lệ tràn đôi mắt đỏ

Saigon những mười năm  
Mấy lần về thăm mẹ  
Mái tranh nghèo vắng vẻ  
Khoai sắn vẫn xanh chồi

Đông Kinh mười bảy năm  
Cũng mấy lần thăm mẹ  
Nường rẫy khô cần cỗi  
Mẹ vẫn ở mái tranh

Sydney tròn sáu năm  
Tôi lại về thăm mẹ  
Buổi tiễn đưa lặng lẽ  
Mẹ nắm chặt tay con

Đưa đến cuối đường thôn  
Mẹ tôi òa lên khóc  
Đôi theo con, ánh mắt  
Màn lệ mờ như sương

Nào ngờ lần đưa tiễn  
Đó là lần sau cùng  
Giờ mẹ nằm yên giấc  
Trong nấm mồ cuối thôn.

● Như Tạng

# Khúc ca hoa sen



**T**rong các giống hoa ở quê hương thì hoa sen chiếm một địa vị đặc biệt và độc đáo.

*"Trong đầm gì đẹp bằng sen*

*Lá xanh bông trắng lại chen nhụy vàng.*

*Nhụy vàng, bông trắng, lá xanh,*

*Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn"*

Lúc còn nhỏ, đã bao lần tôi tần ngần đứng lặng, ngắm nhìn cái bầu sen nằm dọc theo con hướng lộ. Lá sen tròn xanh ngắt một màu, nhô cao lên khỏi mặt nước chen lẫn những búp sen còn nhọn hay những hoa sen nở rộng, cánh trắng hồng. Trên mặt nước lá súng tròn nhỏ trải phẳng lôm bôm một vài nơi, điểm thêm những hoa súng cánh nhỏ nhọn màu tím nhạt tạo thành một bức tranh đồng quê đẹp tuyệt. Mùi thơm của nhụy sen thoảng nhẹ trong gió thanh khiết lang lang đem đến cho khách lang du một cảm giác êm đềm thoát tục.

Theo "*Cây Cỏ Việt Nam*" của giáo sư Phạm Hoàng Hộ, họ Sen (*Nelumbonaceae*) là loại hoa đẹp có ngó, củ dài, hạt (bể quả) đều ăn được. Tiểu nhụy dùng ướp trà, ngòi

màu lục có tánh chất trấn an, làm ngủ. Ngày xưa, trong những chuyến đi hái sen đồng, tôi đã từng bẻ bao nhiêu chiếc gương sen no tròn đầy những hạt, bóc bỏ vỏ xanh ở bên ngoài, ăn vừa ngọt ngào dòn rụm vừa mát cả ruột. Hạt sen già đen ròn để dành đem rang ăn vào những đêm trăng rằm. Tiếng cắn hạt sen rôm rốp, tiếng nhai rào rào, mùi sen ngọt ngào thơm phức thật là thú vị. Vài thằng bạn tiểu yêu của tôi còn dám nhai luôn rau rầu cả cái vỏ đen lẫn ngòi đắng rồi nuốt chửng đi không để mất một tí gì. Đó là chưa nói đến món chè hạt sen thơm phức trắng ngà, tinh khiết, gần như chỉ có những gia đình khá giả mới nấu ăn. Nhiều gia đình lại thích nấu một nồi "xâm bổ lũng" ăn cho mát người nhưng cũng phải có một nắm hạt sen, vài lát củ sen phơi khô, nếu thiếu thì thật là mất hết cả hưởng vị của nồi chè. Rằm tháng tám, Tết Trung Thu, dưới ánh trăng ngà bàng bạc mông lung huyền ảo mà ngòi uống trà ướp nhụy sen, thỉnh thoảng ăn một vài hạt mứt sen thơm ngọt hay một miếng bánh Trung Thu nhân hạt sen thì thật là phong lưu tiêu sái và dù không phải là Lý Bạch hay Đỗ Phủ cũng thấy hồn thơ lai láng rồi. Còn nói gì đến cái ngó sen thuần dài trắng nõn, lấy phần non hay nếu cần thì tuốt lớp chỉ bên ngoài, cắt khúc độ ba phân rồi đem xào với thịt bò hay thịt ba rọi, tếp tỏi, mùi thơm bốc lên ngào ngạt thơm phức. Thật là một món ăn vừa thanh khiết vừa ngon miệng. Các bà nội trợ khéo tay còn biết làm dưa chua ngó sen trắng nõn để ăn với thịt bắp đùi kho nước dừa với cá lóc to con. Thịt béo cá tươi, dưa sen dòn rụm, nghe mùi vị cũng đã thấy đói cồn cào rồi. Củ sen cũng được chiếu cố, đem xắt mỏng từng lát lớn dày độ hai li, nấu canh với đuôi heo hoặc sườn non thì ngọt tuyệt, ăn mát, dễ tiêu hóa và giải nhiệt nên các cụ già thường ưa thích. Lá sen tròn xanh để hái, lại có nhiều nên cũng có chỗ công dụng ở chốn đồng quê mộc mạc. Trong "*Món Ngon Việt Nam*" nhà văn lão thành Phạm Thăng đã nhắc đến cốm giẹp Bạc Liêu, gói trong những lá sen để giữ cho cốm dẻo ngọt đồng thời nồng đượm thêm một hương vị thanh khiết của mùi lá

sen. Miệt Châu Đốc hay Vĩnh Long, các bà cũng thường dùng lá sen để gói mắm rước, mắm lóc, mắm thái trộn đủ đủ mỡ vịt làm cho người đọc cũng thấy chảy cả nước bọt rồi, ước mong sao cho đất nước sớm thật sự thanh bình để trở về hưởng lại hương vị của quê hương ngày xưa.

Trong họ sen thì sen bạch tướng đối hiếm hơn sen hồng nhiều. Các đầm sen lớn ở miệt Châu Đốc hay các tỉnh Vĩnh Long, Cần Thơ hầu hết đều là sen hồng. Tuy chưa được ra Huế để thăm Thành Nội lần nào, nhưng tôi cũng được một bạn đồng nghiệp tả cho nghe hồ Tịnh Tâm là một hồ sen lớn, giữa có nhà thủy tạ nối liền với bờ bằng một chiếc cầu gỗ xinh xắn. "Sen trong hồ có màu trắng, loại sen bạch điệp búp to, hạt lớn, thơm ngát" làm cho tôi ngỡ ngàng tự hỏi là khi nào có dịp, sẽ nhận dạy một ít giò ở Đại Học Huế để luôn tiện thưởng thức hồ sen của các vị Vua nhà Nguyễn. Lỡ ước chưa kịp thực hiện thì vận nước nổi trôi, nay đang trôi giạt ở xứ người không biết đến bao giờ mới thành toàn được ước mơ cũ.

Sen bạch, hoa trông thật tinh khiết, đài các nên một vài nhà giàu xưa thường hay tưng tiu trồng trong những bồn nhỏ hay hồ nhỏ bên cạnh nhà. Nội tôi trước kia cũng có một bồn sen bạch đặt trước sân nhà gần bàn Ông Thiên, nên anh em tôi lâu lâu phải đi móc sinh non dưới sông, đem về đổ vào bồn để bón cho sen được thêm phần tươi tốt. Đến lúc sen nở rộ là dịp nội tôi cắt hoa đem đến nhà chùa để dâng cúng Phật gọi là công quả với nhà chùa. Nhìn những búp sen bạch đài các nhô cao hay những đóa hoa nở rộng với những cánh hoa trắng muốt, nhụy vàng, chen lẫn với những chiếc lá tròn xanh, thoang thoang một mùi thơm êm dịu u nhã, thấy mình lang lang thoát tục như đang ở một thế giới thần tiên nào. Lúc nhỏ, tôi cũng có nghe nói đến sen bá biện, màu hồng, lớp cánh lớn bao bọc phía ngoài, bên trong là những lớp cánh nhỏ hơn, nhưng không hẳn phải là trăm cánh. Sen bá biện có lẽ rất hiếm nên không thấy bán như các loại sen hồng thông thường.

Trong văn chương, hoa sen cũng được đề cập đến nhiều. Một trong Tú



Kiệt thời Số Đường là Lữ Chiến Lân đã để lại Khúc Trì Hà, sen hồ khúc, mà Giáo sư Trần Trọng San đã phỏng dịch:

*Hưởng nổi vồn bờ nước,  
Bóng tròn phủ mặt ao.  
Thường sợ gió thu sớm,  
Phiêu linh bạn biết đâu.*

Hay đọc "Thái Liên Khúc" của Vương Xương Linh, nhà Thi Thiên Tử thời Thịnh Đường mà tiên sinh Trần Trọng Kim đã thoát dịch:

### Khúc hát hái sen

*Lá sen, quần lụa một màu,  
Mặt tươi hoa thắm như nhau đậm nồng.  
Dưới ao trà trộn khôn trông,  
Nghe ca mỗi biết là trong có người.*

Theo Đường Thi Tuyển Dịch của Chi Điền tiên sinh thì Lý Bạch, vị Trích Tiên nhân chuyển đi chơi thuyền trên sông Lục Thủy, hái rau tần và ngắm hoa sen trong một đêm trăng sáng vàng vạc, đã phóng bút viết:

*Hoa sen như hé miệng cười,  
Trên thuyền dễ chết lòng người sầu thường.*

Đỗ Bằng Đoàn & Bùi Khánh Đan dịch.

Nhớ lại, lúc vào tuổi hoa niên, nhân đọc Hồng Lôu Mộng, bản dịch của Nguyễn Quốc Hùng, thấy Lâm Đại Ngọc đã nhắc đến thơ của Lý Nghĩa Sơn và đặc biệt câu thơ:

*Lưu đắc tàn hà thánh vũ thanh.*

Nghe tiếng mưa rơi trên lá sen tàn. Kể cũng lạ, câu thơ này lúc trẻ đã làm cho tôi thích thú rung cảm nhẹ nhàng mặc dù tôi cũng không hiểu rõ tại sao, và lại tôi cũng không có cái vinh hạnh được góp mặt vào hàng ngũ của các nhà văn hay nhà thơ mà tôi thường hâm mộ. Gần ta hơn, nhà thơ Quách Tấn, mà tôi được biết qua tập thơ Giọt Trắng, nhẹ nhàng man mác nhưng thật bồi hồi xúc động, cũng để lại mấy vần thơ:

### Hoa Sen

*Nắng sưởi ao xanh, hoa ửng hồng,  
Bèo lây cốt cách, súng lây hưởng.*

*Sắc ngời Ngân Hán, thô màu gấm,  
Bóng gợn Thiên Cung, thẹn dáng gương.*

Trong phạm vi điển tích, các câu chuyện có liên hệ với hoa sen cũng không ít. Lúc nhỏ, tôi vẫn thường nghe người cô kể lại chuyện **Bát Tiên Quá Hải**, trong ấy chỉ có một vị tiên duy nhất phái nữ là bà Hà Tiên Cô, vốn là một cây sen tu luyện nghìn năm, đắc đạo cùng một lớp với các tiên trưởng khác như Hồn Chung Ly, Lã Đồng Tân hay Lý Thiết Quả. Liêu Trai Chí Dị, bản dịch của Đào Trinh Nhất cũng có kể chuyện "**Bông Sen Hóa Người**". Một cây sen bông đỏ nhờ tu luyện lâu đời, nên biến được thành người dưới dạng là một tiên nữ có vẻ đẹp thoát tục siêu phàm và đã kết duyên với một văn nhân tao nhã người phàm tục. Thật là "Hoa rơi cửa động, nước xuôi cõi trần" cứ làm tôi mơ mộng vấn vương mỗi lần ngồi câu cá rờ bên bờ hồ sen trong làng. Có điều đặc biệt là hồ ly hay rắn độc tu luyện cũng hóa được hình người, nhưng các loại này luôn luôn hại người để bổ đốn luyện khí, ngược lại với hoa sen thì lại đạo cốt tiên gia, thanh khiết chẳng khác gì người tu tiên vậy. Truyện Phong Kiếm Xuân Thu, bản dịch của Tô Chấn, cũng có đề cập đến một vị tán tiên ngoài biển biệt hiệu là Liên Huê Tiên. Vị tiên này tưởng mạo thanh nhã, đạo pháp cao cường, nhưng khác với các tiên khác là phép bấu của ông đều lấy từ sen trong ao Thiên Trì của nhà trời, luyện nơi lò bát quái. Gươm chỉ đến đâu, các vùng bông sen hiện ra đến đó. Miệng nhà hoa sen ngăn đỡ các phép màu không cho đến gần đặng, bao nhiêu binh thần thì cũng có bao nhiêu cái bông sen ngăn đỡ gươm đao. Thật là thanh nhã đạo hạnh từ bi khắc hẳn với các bủu bối giết người ghê gớm của các tiên trưởng khác.

Trở về lịch sử Việt Nam, đời nhà Trần, Mạc Đĩnh Chi đi thi, trúng cử Trạng Nguyên, nhưng hiềm vì nhà vua thấy ông tướng nhỏ bé xấu xí, có ý không vừa lòng. Ông đã làm bài phú "Ngọc Tinh Liên" dâng lên vua để tỏ rõ cái phẩm giá thanh cao tinh

kiết của mình cũng giống như loài sen quý mọc trong giếng ngọc. Vua Trần Anh Tôn cảm động, phục tài ông và bổ ông làm quan to. (Theo Việt Nam Văn Học Sử của Dương Quảng Hàm).

Đối với đạo Phật thì hoa sen quả đã chiếm một địa vị độc tôn gần như biểu tượng của nhà Phật vậy. Những danh từ như: Tòa sen, Liên đài, nơi chú Phật hay Đại Bồ Tát ngồi, chấp tay búp sen, Bạch Liên Đồng Tử... thường thấy nhắc đến trong các kinh sách Phật. Các đặc san Phật Học hay chọn bìa có hình hoa sen biểu tượng cho sự thanh khiết thoát tục của chốn không môn. Chùa lớn nào cũng có ao sen để làm tăng thêm vẻ u nhã tịch mịch của nhà thiền. Bộ kinh Diệu Pháp Liên Hoa thường hay gọi vắn tắt là kinh Pháp Hoa vốn là một bộ kinh lớn của Đại Thừa. Theo Đại Thừa Phật Giáo Tứ Tướng Luận thì kinh Diệu Pháp Liên Hoa đại biểu cho đạo Bồ Tát và sứ mệnh bản lai là mở ra con đường bao dung cả Tam Thừa (Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát) để quy về một Thừa hay nhất là Phật Thừa. Hết thầy chúng sinh, cuối cùng đều có thể đưa về một Phật Thừa, tất cả đều có Phật tính và có khả năng giác ngộ thành Phật được. Hai chữ "Sen Trắng" trong tên kinh, ngoài cái ý nghĩa trong trắng tinh khiết còn bao gồm cả ẩn ý đại biểu cho cái tâm Phật tính, đã có sẵn trong tâm của tất cả mọi người như lời Đức Thế Tôn đã dạy.

Và cũng để chấm dứt bài phiếm luận về hoa sen này, tôi cũng xin rì tai nói nhỏ với quý vị nào muốn đạt được trường sinh bất tử thì chỉ cần tìm cho được một hạt của cây sen trắng nghìn năm, một loại tuyết liên chỉ mọc trên các đỉnh núi tuyết cao nhất của dãy Hy Mã Lạp Sơn, mà ăn thì chắc chắn thành công đắc đạo. Chỉ có điều việc này là do Kim Dung tiên sinh ghi chú trong các bộ chưởng của ông ta, đã từng bán ở Việt Nam ngày xưa, khi chúng ta còn được cái diễm phúc ngồi uống trà thơm, ăn mút sen, đọc sách chưởng. Việc có đúng hay không thì thú thật tôi cũng mù tịt. ●



# Tiếng Cười của dân Việt

## qua văn thơ chữ nôm và truyền khẩu

**R**abelais, một văn hào Pháp, đã từng cho rằng "Cười là đặc tính của con người" (1). Loài người khác với loài vật ở chỗ loài người cười mà loài vật không biết cười. Trên thế gian này, không có dân nước nào là không biết cười. Nhưng ở mỗi dân tộc, cái cười lại còn tùy thuộc vào văn hóa và hoàn cảnh lịch sử của dân tộc ấy.

Nhìn chung, tiếng cười của dân ta thể hiện qua ba phương diện : Cười để biểu hiện một sắc thái tâm lý, cười để giải tỏa ẩn ức sinh lý, cười để tác dụng xã hội.

Những tiếng cười ấy không phải chỉ được nhận thấy trong cuộc sống bình thường mà còn qua những sáng tác thơ văn, chuyện kể dân gian và bác học.

### Tiếng cười ở cuộc sống bình thường

Các tự điển Pháp ngữ như Larousse, Le Robert định nghĩa chữ "rire" (cười) là bày tỏ niềm vui hay chê bai, bằng một cử động của miệng, kèm theo những hơi thở ra đứt đoạn, ít nhiều ồn ào".

Từ xưa, cuộc sống của dân gian ta vốn lao碌 khó nhọc suốt tháng quanh năm. Cho nên, gặp được những lúc ngừng tay, nghỉ việc, hoặc những ngày vì thời tiết mà không ra đồng canh tác được, họ thường tập hợp nhau lại để kể cho nhau những chuyện vui cười gọi là "tiểu lâm" (lâm: nhiều; tiểu: cười) để xả hơi, cho quên bớt mọi mệt, hay để giải trí cho vui cửa, vui nhà giữa thân thuộc, bạn bè. Đó là một nhu cầu như bất cứ nhu cầu nào khác, một giải trí không tốn kém gì, đồng thời còn là một niềm an ủi cho cuộc sống lam lũ mệt nhọc của dân quê nữa.

Cuộc đời của họ nào có gì đâu, nếu không phải là những mối tình thơ ngây giữa trai gái gặp gỡ hát hò trong những lúc canh tác chung, ở những hội hè trong làng xóm, hay những buổi kể chuyện vui cười giải trí giữa bà con, láng giềng trong nhà, cùng những lúc nghỉ việc rảnh tay ngoài đồng mà thôi!

Những câu chuyện tiểu lâm phần lớn còn nhằm giải tỏa ẩn ức dục tình. Và hình như đó là một hiện tượng thường xảy ra trong hầu hết các sắc dân trên thế giới. Dân Việt không thể tự phụ những câu chuyện của mình về loại này kỳ thú hơn những câu chuyện của các dân tộc khác. Chúng ta chỉ có thể ghi

nhận rằng sự ẩn ức dục tình, vì bị kiểm chế lâu đời suốt bao nhiêu thế kỷ trong lễ tục khắc nghiệt của Nho giáo, nên đã bùng nổ tràn đầy trong kho tàng chuyện tiểu lâm của dân ta mà thôi.

*Đại Nam quốc âm tự vị của Huỳnh Tịnh Của (1895) cũng định nghĩa "cười là để tỏ niềm vui, hay chê bai" như tự điển Pháp, nhưng còn thêm "cười để có ý gì". Có lẽ vì "các ý gì" ấy mà Từ điển tiếng Việt (1991) gần đây, đã ghi thêm 47 chữ "cười", mỗi chữ ghép với một trạng-từ (adverbe) hay túc-từ (complément) để trình bày cái dụng hay nguyên nhân của tiếng cười.*

Chẳng hạn như: Vui một cách hỗn nhiên thì cười rộ, cười ha hả, cười hi hi, không bằng lòng thì cười nhạt, hờn dỗi thì cười mát, hằn học thì cười gằn, che dấu ngượng nghịu thì cười gượng, khinh miệt thì cười khà, mỉa mai thì cười khẩy, tự ép uống để làm vừa lòng kẻ khác thì cười ruồi, xí xóa một lỗi lầm thì cười trừ, chê bai trong lòng thì cười thắm, cười một cách vô duyên là cười nham nhở, vân vân ...

Có thể nói dân Việt ta ở trường hợp nào cũng có thể ứng đáp bằng một tiếng cười. Chỉ có dân Việt mới nhận được những khía cạnh tinh tế của mỗi tiếng cười, cũng như phân biệt được nghĩa của tiếng Việt qua các dấu thanh (sắc, huyền, hỏi ngã, nặng) mà lỗ tai Tây phương khó nhận ra được, nên thường có trường hợp họ bị phạt lòng vì ngộ nhận về tiếng cười của người Việt chúng ta.

Nguyễn Văn Vĩnh trong bài "Xét tậ mình" đăng ở Đông Dương tạp chí, số 6, năm 1913, đã chê: "Dân An Nam ta có một thói là gì cũng cười. Người ta khen cũng cười, người ta chê cũng cười. Hay cũng hi, mà dở cũng hi, phải cũng hi, quấy cũng hi. Nhãn răng hi một tiếng, mọi việc hết nghiêm trang".

Vì sao dân ta có "thói gì cũng cười" như thế? Phải chăng vì tiếng cười lệ thuộc vào sắc thái văn hóa, cũng như vào hoàn cảnh lịch sử của dân Việt chúng ta. Suốt bao nhiêu thế kỷ dưới các thời đô hộ, dân ta bị ngoại bang đàn áp một cách tàn bạo, bị quan lại, cường hào trong nước ức hiếp, tù đày, nếu gặp phải những trường hợp ứng xử gay gắt, khó khăn, một câu trả lời sơ suất có thể bị nguy hại, có khi còn



bị thiệt mạng nữa là khác. Cho nên thay vì dùng lời nói để đối đáp, thì dân ta thường chỉ buông ra một tiếng cười, để che đậy mọi tình ý thâm kín của mình, khiến cho đối phương không thể vin vào đâu để bắt bẻ, buộc tội được.

*Và ở miệng ra, bệnh qua miệng vào...*

*Thứ nhất là tội miệng mà...*

**Khôn thì ngậm miệng, khỏe thì cắp tay.**

Bọn đô hộ ngoại bang, cùng các tay sai của chúng rất ghét lối ngậm miệng, dùng tiếng cười để che đậy những gì mà người dân bị áp bức đã nghĩ về họ, và cho đó là một "tật xấu", là giả dối, "làm cho mọi việc hết nghiêm trang", có thể tổn thương đến uy quyền của chúng.

Lê Văn Siêu đã phân trần: "Làm thế nào khác hơn được? khi một dân tộc bị sống trong hoàn cảnh đe dọa diệt tộc thường xuyên, bởi một kẻ mạnh gấp trăm ngàn lần mình, ở ngay bên nách mình, nếu chẳng nghĩ tha thiết đến sự sống còn, đến con cái nối nghiệp, thì chỉ sơ sẩy để đầu óc viển vông một chút thôi, cũng đủ mất tích vào trong bản đồ của địch thủ. (2)

Trước một vấn đề không biết trả lời thế nào, mà cũng không thể làm thinh được, thì dân Việt ta ngày xưa chỉ dùng cái cười để "ứng đáp". Làm thinh và tiếng cười, cả hai đều làm đối phương phật ý. Nhưng làm thinh thì có thể bị coi như là có ý chống đối, còn cười thì đối phương không hiểu được ta muốn gì, nên rất bực tức và qui tội dân ta là "vô lễ" vì làm cho "mọi việc hết nghiêm trang".

Tóm lại, ứng đáp bằng tiếng cười ở những trường hợp gay gắt, khó khăn như thế là một cái khôn riêng của dân ta. Đó là một đặc tính hằng hữu của nền văn hóa Lạc Việt đã giúp nòi giống chúng ta còn sống sót cho đến ngày nay. (3)

Nhưng dùng tiếng cười để khỏi trả lời, để kín đáo che đậy một sắc thái tâm lý, theo thời gian dần dần trở thành một thói quen, một tập tục, mà không khỏi có nhiều người lạm dụng bừa bãi, nên Nguyễn Văn Vĩnh mới có thể vin vào đấy mà chê trách như trên được.

### Tiếng cười qua thơ văn và truyện kể



Dân Việt không phải chỉ dùng tiếng cười để mua vui, để thỏa mãn nhu cầu nghỉ ngơi, giải trí, để được an ủi, để tránh không ứng đáp trước những trường hợp khó khăn, nguy hiểm, mà họ còn dùng tiếng cười qua các thơ văn trào

phúng hay những chuyện vui cười do họ sáng tác hay hư cấu ra, để chỉ trích, châm biếm, đả phá uy tín của

những hạng người lỗ lã, xu thời, phản quốc, bóc lột áp bức họ.

Theo Henri Bergson, cười còn là một "phương tiện trừng phạt", trước hết để sửa trị, (sau đó) dùng để hạ nhục. *Qua tiếng cười, xã hội trả thù những hỗn xược mà người ta đã làm cho mình [...] Đối với những hỗn xược ấy, xã hội đáp lại bằng tiếng cười là một hỗn xược còn bội phần mãnh liệt hơn. (4)*

Một cách thông thường, tiếng cười thuộc về hài kịch, tiếng khóc thuộc về bi kịch. Ở bi kịch, hướng quan sát "đi sâu vào cá tính", vào nội tâm của nhân vật, từ đó đi sâu vào ý nghĩa cuộc đời.

Còn hài kịch chỉ dùng trí tuệ để hướng quan sát nhằm vào bên ngoài, vào các đặc tính chung của từng hạng người trong xã hội, và những hiện tượng xã hội, chứ không nhằm vào các phạm trù siêu hình. Như vậy, hướng quan sát ở hí kịch chú trọng vào tổng thể (généralité), chứ không nhằm vào bản thân, vào cá tính người được quan sát.

Đi sâu vào cá tính sẽ làm trì hoãn hiệu lực của hí kịch, vì lẽ phần sâu kín bên trong có thể cản ngăn sự phát sinh ra tiếng cười. Muốn chọc cười thì phải hạn chế sự quan sát, để chỉ nhìn vào phạm trù trung bình của tâm hồn mà thôi. Đi sâu hơn nữa vào "bên trong" đối tượng, hí kịch sẽ hóa thành bi kịch, tiếng cười hóa ra tiếng khóc.

Nhân vật trong các màn hí kịch trước hết là người đang đối thoại với ta. Câu khôi hài chọc cười là những câu trả lời trực tiếp cho một trong những người cùng hạng. Có thể đương sự vắng mặt, nhưng đối thoại với một người vắng mặt ở đây, là coi như người ấy đã nói, nên tác giả mới trả lời. Phần nhiều là trả lời chung cho cả một hạng người hay cho tất cả mọi người, bằng cách dẫn ra một lời nói thông thường, một dư luận, một lẽ tục, một thành kiến, một câu thơ văn có sẵn, để lật ngược lại mà chế diễu, chọc cười.

Chẳng hạn như ở đoạn "Thúc Sinh gặp lại Kiều bị bán vào nhà Hoạn Thư" trong Đoạn Trường Tân Thanh của Nguyễn Du, độc giả có thể nhận thấy "ranh giới giữa tiếng cười và tiếng khóc thật mong manh", như Beaumarchais đã từng cảnh giác: (5)

Trong lúc Thúc Sinh đi vắng, Hoạn Thư cho người đến đốt nhà, bắt cóc Kiều, đem một xác chết vô chủ ném vào lửa, rồi đem Kiều về "bán" cho Hoạn Thư làm nô tỳ. Thúc Sinh tưởng Kiều đã chết thật, buồn rầu quay về nhà vợ cả là Hoạn Thư. Thúc Sinh vừa bước vào nhà, Hoạn Thư bảo Kiều ra chào. Thúc Sinh và Kiều biết ngay là bị mắc mưu Hoạn Thư nhưng kẹt ở cương vị chủ và tôi đòi, nên không dám nhìn nhau. Thúc Sinh xúc động khóc. Hoạn Thư hỏi mới đi về, vì sao mà khóc?

*Sinh rằng: Hiếu phục vừa xong,*

*Suy lòng trắc Dĩ, đau lòng chung thiên.*

*Khen rằng: Hiếu tử đã nên! (câu 1831-1862)*

Khóc vì gái, mà nói dối là khóc vì thương nhớ mẹ đã qua đời. Qua lời chế diễu, mỉa mai của Hoạn Thư

về "đạo lý trong chữ hiếu", cái bi kịch nơi lòng Thúc Sinh đã chuyển thành một màn hài kịch đối với người đọc. Hướng quan sát nhằm vào một đặc tính chung của "hạng người sợ vợ": vì quá sợ (vợ) nên đem cái chết thiêng liêng của mẹ mình ra "đỡ đòn" cho một cô gái giang hồ. Ngày xưa, chúng tôi đã từng thấy các cụ, khi đọc đến mấy câu nầy, liền vỗ đùi, phá lên cười ... nhưng tiếng cười bỗng nghẹn lại, khi các cụ đọc tiếp đến các câu đi sâu vào tâm tình của chàng Thúc hay của nàng Kiều:

... Sinh càng như dại, như ngây,  
Giọt dài giọt ngắn, chén đầy, chén vơi.  
Ngoảnh đi, chợt nói, chợt cười,  
Cáo say, chàng đã tỉnh bài rút lui. (câu 1839-1842)

... Bốn dây như khóc như than,  
Khiến người trên tiệp cũng tan nát lòng!  
Cùng trong một tiếng tơ đồng,  
Người ngoài cười nụ, người trong khóc thầm!  
(1853-56)

Khi Trần Tế Xương mượn lời chúc năm mới:  
Bắt chước ai ta chúc mấy lời,  
Chúc cho khắp hết cả trên đời  
Vua, quan, sĩ, thú, người muôn thuở  
Sao được cho ra cái giống người!

Hoặc:

... Nào có ra chi lữ hát tuồng,  
Cũng hò, cũng hét, cũng y uông!  
Dẫu rằng đối được đàn con trẻ,  
Cái mặt bôi vôi nghĩ cũng buồn!

Tác giả không đi sâu tâm tình một cá nhân nào, mà nhằm vào tổng thể nhân dân để mượn mấy lời "chúc năm mới", ngụ ý cười chê rằng trong xã hội đương thời chẳng có ai cho ra người cả! (Vây thì ra giống gì?) Hoặc dùng phường chèo mà cười chê bọn vua quan tay sai của thực dân, trơ bộ mặt bôi vôi "vô liêm sỉ", không lừa dối được ai. (Tiếng cười nơi đây nghe ra chẳng khác gì một tiếng chửi, một tiếng mắng để cảnh cáo người và đồng thời để nói lên nỗi bức tức của mình).

Đề tài "phường chèo" nầy cũng được Nguyễn Khuyến dùng để cười chê xỉ vả triều đình bù nhìn một cách hóm hỉnh hơn:

Xưa bên Đông có phường chèo trợ,  
Đang nửa đêm với vợ chuyện trò:  
"Rằng ta thường làm quan to,  
"Sao người coi chẳng ra trò trống chi?"  
Vợ giận lăm mắng đi, mắng lại:  
"Tuổi đã già sao dại như ri? (mọi rợ)  
"Nửa đêm ai chẳng biết chi,  
"Người ta biết đến, thiếp thì hổ thay!  
"Ở đời chỉ có hai điều sợ:

"Sống chết người quyền ở trong tay,  
"Thế mà chàng đã chẳng hay,  
"Còn ai sợ đến thứ nầy nữa chẳng?  
"Vả chàng cũng lằng nhằng túng kiết,  
"Cuộc sinh nhai chèo hát qua thì.  
"Vua chèo còn chẳng ra gì,  
"Quan chèo bôi nhọ khác chi thằng hề!"

Tiếng cười chê "nhẹ như bấc mà nặng như chì", như búa tạ giáng xuống uy quyền của hàng vua quan tay sai của thực dân!

Dân gian ta còn hư cấu nhiều truyện hài hước rất nổi tiếng mà nhân vật chính đại biểu cho một hạng người nào đó trong xã hội, để dùng tiếng cười mà chế diễu, sửa trị,

Chẳng hạn như ở các truyện:

- *Trạng Éch, Trạng Lợn*: hạng người không học hành gì nhưng gặp thời may mà nên danh phận, nhờ vận đỏ, nhờ những tình cờ mà dùng được văn chương, dịch lý làm cho vua Tàu phải thần phục, ban cho học vị "lưỡng quốc trạng nguyên".

- *Trạng Quỳnh*: hạng Nho sĩ có tài, chuyên trêu ghẹo, miệt thị vua quan, chế diễu uy quyền sứ Trung-hoa.

- *Ba Giai, Tú Xuất*: hạng nhân vật phản diện của Nho gia, chuyên lừa bịp, phá phách xóm làng.

- *Xuân tóc đỏ* (trong *Sổ đỏ* của Nguyễn Trọng Phụng): hạng người xu thời, dùng mánh khoe lừa bịp mà làm giàu, được nổi danh thi sĩ, rồi được liệt vào hàng anh hùng cứu quốc.

- *Lý Toét, Xà Xệ, Bang Bạnh*: hạng lý hương hủ lậu, ngờ nghệch, vẩn vẩn...



Mặt khác, chủ đích của cái cười là chế diễu và "sửa đổi", do đó cũng cần làm sao cho hiệu lực của cái cười bao gồm càng nhiều đối tượng, càng có nhiều "tiếng dội" (écho, để dùng lại một từ của Henri Bergson trong *Le rire*) vang rộng trong xã hội, phổ biến khắp nơi trong quần chúng.

Những tiếng cười, cũng như những bức hí họa, là những sáng tạo nghệ thuật nhằm giải trí một cách vô tư, đem lại sự vui vẻ thoải mái cho con người, song tiếng cười (hí kịch) lại không giống các môn nghệ thuật khác, là có hậu ý chế giễu để sửa đổi hoặc trừng trị con người trong xã hội, cho nên hài hước ở đây là một loại nghệ thuật phần nào thiên về nhân sinh, tức là đứng giữa nghệ thuật thuần túy và đời sống xã hội và thường xuyên biến đổi theo những xung động của xã hội.

Nhìn chung, tiếng cười trong chính nghĩa không phải chỉ là khí giới của kẻ yếu để đương đầu với đối phương lớn mạnh hơn mình, mà còn là một trợ lực,



một vũ khí văn hóa có khi mạnh hơn mọi sức mạnh vật chất.

### Tiếng cười buồn dí dỏm

Nhà văn trào phúng phần nhiều chỉ thấy những lỗ lã trong người khác xung quanh mình, chớ ít khi tìm ra được những lỗ lã trong chính con người của họ. Vì chúng ta thường không chịu thoát ra khỏi ý thức của bản thân, để đứng vào địa vị khách quan mà quay lại nhìn mình. Nhưng khi kẻ bị cười không phải là một tha nhân, mà lại là chính tác giả tự cười mình, thì tiếng cười lại có tính cách dí dỏm, mà đặc điểm là bi, hài lẫn lộn theo cấu trúc thông thường của tiến trình sân khấu kịch trường. Tiếng cười dí dỏm của dân Việt không giống tiếng cười của các dân tộc khác ở chỗ đã hướng nhiều vào chính mình, tức là tự trào, tự cười mình. Tiếng cười tự trào ấy nhẹ nhàng, mà mỉa mai châm chọc, ngụ ý vừa tự phê phán, vừa tự biện minh chữa thẹn hoặc tự hào.



Trong con người trí tuệ của nhà văn hài hước dí dỏm, có một phần nhà thơ, với ít nhiều tình cảm không kém đậm đà.

Có thể nói tiếng cười dí dỏm xuất hiện như những màn hí

kịch, một cách kín đáo, với một thoáng buồn phớt qua, đến nỗi khi khán giả vừa nhận diện được thì màn kịch cũng vừa hạ xuống.

Một số tác giả vào buổi giao thời ở cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, đã dùng thơ văn để tự cười mình. Trong bài Tự trào, Nguyễn Khuyến có mấy câu:

*Cũng chẳng giàu mà cũng chẳng sang,  
Chẳng gầy, chẳng béo, chỉ làng nhàng.  
Cờ đương dở cuộc, không còn nước,  
Bạc chửa trâu canh, đã chạy làng.  
Mở miệng nói ra, gàn bát sách,  
Miệng môi chén mãi, tít cung thang.  
Nghĩ mình lại gớm cho mình nhỉ,  
Thế cũng bia xanh, cũng bằng vàng.*

Câu 3, 4 ngụ ý về quốc sự: Đánh nhau với quân Pháp đang dở dang (dở cuộc, chửa trâu canh) mà đã bị lâm vào thế bí, chừa đầu hàng (không còn nước, đã chạy làng). Câu 5, 6 chỉ về tác giả: Suốt ngày chỉ ăn nói gàn dở, rượu chè say sưa (mấy chữ "bát sách", "thang" là tên của 2 con bài tổ tôm; một tiểu xảo để chọc cười). Hai câu chót, tác giả tự cười mình không xứng với học vị tam nguyên, tên ghi bằng vàng bia đá. Tiếng cười ở đây dí dỏm, mà phảng phất tâm sự buồn tủi của một hiền Nho, một đại thần, về cái bất lực của mình trước nạn nước mất, nhà tan:

*Sách vở ích gì cho buổi ấy,*

*Áo xiêm nghĩ lại thẹn thân già!...*

*... Ôn vua chưa chút đến công*

*Cúi trông thẹn đất, ngẩng trông thẹn trời !*

Về sau, Trần Tế Xương đã tự cười về thân phận của mình:

*Ở phố hàng Nâu có phổng sành,*

*Mặt thì lơ láo, mắt thì nhanh.*

*Vuốt râu nịnh vợ : " Con bu nó",*

*Quắc mắt khinh đời : "Cái bộ anh!"*

*Bài bạc kiêu cờ, cao nhất xử,*

*Rượu chè, trai gái, đũa tam khoan.*

*Thế mà vẫn nghĩ rằng ta giỏi,*

*Cứ việc rong chơi chẳng học hành.*

Sau tiếng cười dí dỏm, xuyên qua các cảnh nịnh vợ (vì ăn nhờ vào vợ), bài bạc rượu chè, trai gái, biếng nhác, thoáng hiện một cái buồn của một hàn nho mặt vắn, "vợ lăm le ở vú, con tấp tểnh đi bồi" ở buổi giao thời.

Tản Đà cũng tự cười trong một bài "Tự Trào " khác:

*Vùng đất Sơn Tây nẩy một ông,*

*Tuổi chửa bao nhiêu văn rất hùng.*

*Sông Đà, núi Tản ai hun đúc?*

*Bút Thánh, câu Thần sớm vãi vung.*

*Chữ chữ nôm nôm, nào kém cạnh,*

*Khuyên khuyên điểm điểm, có hay không?*

*Bởi ông hay quá, ông không đỡ,*

*Không đỡ ông càng tốt bộ nông.*

Ở đây, ta cảm thấy một nỗi buồn khác: buồn của một nhà Nho bất đắc chí ngông nghênh ở thời Khổng giáo vào cuối mùa.

Tuy nhiên, cũng qua các câu tự chê cười, các tác giả đã gián tiếp bộc lộ lòng tự phụ hãnh hữu của các nhà Nho: Nguyễn Khuyến, "bang hữu đạo tắc trí, bang vô đạo tắc ngu" nước có đạo lý thì đem tài trí ra giúp đời, nước vô đạo thì làm ra ngu dại để khỏi bị ép ra làm tay sai hại nước, hại dân (ăn nói gàn dở, say tít cung thang), theo đúng lời dạy của thánh hiền. Tú Xương trong cảnh "thanh bần" vẫn "quắc mắt khinh đời". Tản Đà ngông nghênh, tự phụ về văn tài của mình, mỉa mai rằng "Bởi ông hay quá, ông không đỡ!"

Một bất công lớn nhất ở chế độ phụ quyền là tục đa thê: "Trai năm thê bảy thiếp, gái chính chuyên một chồng". Nhưng ở thời Nho giáo phong kiến, nếu có người đàn bà nào lên tiếng trực tiếp chỉ trích, chống đối, thì không thể nào khỏi bị ghép vào tội "dâm loạn". Cho nên họ chỉ có thể mượn những lời nửa đùa nửa thật để tự chế diễu: đem cái tội mà người ta gán cho mình, thậm xưng lên, phóng đại ra một cách quá đáng, để chọc cười, theo lối nói lầy, cho đã nư, đã tức. Đồng thời cũng để gián tiếp châm biếm, chống đối cái lạm quyền phi lý, cái quan niệm hẹp hòi, lỗ lã về hai chữ "tiết trinh" của bọn đàn ông:

*Chữ trinh đáng giá nghìn vàng,*

Từ anh chồng cũ đến chàng là năm.  
 Còn như yêu vụng giấu thắm,  
 Hạp chợ trên bụng đến trăm con người.  
 ... Hai tay cầm hai quả hồng,  
 Quả chát phần chồng, quả ngọt phần trai.  
 Đêm nằm vuốt bụng thở dài,  
 Thương chồng thì ít, thương trai thì nhiều.

Và cũng để tự chế giễu cái tình lằng lờ hoa nguyệt mà khi người chồng hay ghen bóng, ghen gió đem vu khống cho mình:

...Anh đánh thì tôi chịu đòn,  
 Tánh tôi hoa nguyệt mười con chưa chừa.  
 Anh đánh thì tôi xin thưa,  
 Tánh tôi hoa nguyệt chẳng chừa được đâu !

Phụ nữ ngày xưa còn dùng cách tự chế diễu để tố cáo, chống đối tục lệ bất nhân buộc người đàn bà chồng chết phải thủ tiết, không được làm lại cuộc đời của mình theo ý muốn:

Hỡi thằng cu lớn, cu bé, cu tí, cu tí, cu tí, cu tí,  
 Con đây, con ăn, con ngủ, con bú với bà,  
 Để mẹ đi xuất giá kiếm thêm một vài đứa em.

Kể từ ngày bố con gục đi, bố con thác đi, bố con chết đi, lòng mẹ đây nó vẫn còn thêm,

Mẹ xem quẻ bói nói, nó vẫn còn có đàn em ở trong bụng này.

Con ra, con gọi chú con vào đây.

Để mẹ trao trả cái cơ nghiệp này, mẹ mới bước đi.

Mẹ nào có dám tiếc gì!

Và cuối cùng, khi thông cảm được với tâm trạng đau khổ, với nguyện vọng tha thiết và lời kêu van não nuột của góa phụ, tiếng cười hẳn có thể biến thành tiếng khóc chẳng!

Ngày sau con tế ba bò,

Sao bằng lúc sống con cho lấy chồng! (6)

Sống trong suốt bao nhiêu thế kỷ bị đô hộ áp bức, nên trong tiếng cười của con người Việt Nam đã lẫn lộn bao tình tự vui buồn, bi hài hỗn tạp, đến nỗi ông cha chúng ta đã từng than lên:

Khi vui muốn khóc, buồn tanh lại cười.

### Tiếng cười trong đời sống dân Việt

Trong các thành tố tinh thần của triết lý một dân tộc, theo Lâm Ngữ Đường, chủ yếu có tính hài hước, óc thực tiễn và khuynh hướng lý tưởng. Óc thực tiễn và khuynh hướng lý tưởng là hai động lực đưa đến tiến bộ. Và sự tiến bộ đúng nghĩa chỉ được thể hiện nhờ sự hài hòa giữa hai động lực ấy. Một lý tưởng mơ hồ, thiếu suy xét, thường dẫn đến lối lằng lờ, trái lại quá nhiều lý tưởng có thể là một nguy hại cho nhân loại và đưa nhân loại đến sự đeo đuổi những mục đích viển vông, phiêu lưu. Những dân tộc lành mạnh về tinh thần, như người Anh chẳng hạn, đã biết điều hợp đúng đắn giữa óc thực tiễn và khuynh hướng lý tưởng.

Còn hài hước vốn là tính bẩm sinh của con người, mà chức năng là "phẩm bình, chế diễu những mộng mơ của ta" và đưa những mộng mơ ấy cọ xát với thực tại. Kể ra như thế cũng "độc ác", vì đã làm cho ta đánh mất những "ảo ảnh vui đẹp của mộng mơ" của mình,



nhưng ít ra cũng hoàn thành được vai trò cần thiết là giúp cho ta khỏi bị va đầu vào bức tường cứng rắn của Sự Thật. Tập cho quen thuộc với những "giải hoặc" (désillusion), hài hước giúp con người tránh được những

sự đổ vỡ khó bề cứu vãn, những thất vọng đau hận bình sinh. Tiếng cười cảnh giác chúng ta về tính chất độc ác, mà khuynh hướng lý tưởng và sự giải hoặc đã phối hợp nhau để tạo nên trong cuộc sống của con người. (7)

Sự khôn ngoan của dân Việt trong cuộc sống thoát thai từ sự tổng hợp, dung hoà sáng suốt giữa tính hài hước với óc thực tiễn và khuynh hướng mộng mơ, hẳn đã được minh thị phần nào qua "tiếng cười dân Việt" với những sắc thái trình bày trên đây.

### CHÚ THÍCH :

- (1)- Le rire est le propre de l'homme (Rabelais)
- (2)- Lê Văn Siêu, *Văn minh Việt Nam*, Saigon 1955, tb HK, tr. 92.
- (3)- Xem bài số 7, Triết lý dân tộc Việt Nam, trên đây.
- (4)- Henri Bergson, *Le rire*, P.U.F., Paris 1990, tr. 128-130 (Le rire est avant tout une correction. Fait pour humilier. La société se venge par lui des libertés qu'on a prises avec elle.[...] A ces impertinences, la société réplique par le rire qui est une impertinence plus forte encore).
- (5)- Beaumarchais: Le frontière est fragile entre la comédie et la tragédie.
- (6)- Trích từ bài số 3, Tinh nghĩa vợ chồng, trên đây.
- (7)- Theo Lâm Ngữ Đường, *The importance of living*, đoạn dẫn nhập.





# Vào Long Môn động

Hơn 3000 năm trước nhà Tây Chu đã đóng đô ở Lạc Dương, mang ý nghĩa vàng Thái Dương bên bờ sông Lạc, một nhánh của Hoàng Hà, cho đến năm 774 TTL., mỗi đời đô qua phía Đông đổi thành Đông Châu, mở đầu thời Xuân Thu. Bối cảnh thành Lạc Dương thời đó đã phát triển, lấy cung thất nhà Chu làm trung tâm, rồi sắp các dinh thự của quan lại bao quanh và xếp đặt tiếp những nhà phố thị dân hai bên những con đường tương đối ngay ngắn. "Lục Công", tức các chuyên ty đời Ân-Thương đã mở rộng thành "bát tài". Các hoa văn chạm khắc trên đồ đồng, đồ chạm ngọc và đồ gốm bạch đào của triều Thương đã được nhà Chu thừa kế để mở đầu cho nghệ thuật điêu khắc về sau. Đến nhà Đông Hán lại trở về đóng đô ở Lạc Dương, nên khi đạo Phật lần đầu tiên từ Tây vực truyền vào Trung thổ, cũng bén rễ này mầm từ chốn kinh đô này. Xã hội Trung Quốc lại trải qua một thời đại loạn lạc kéo dài gần 14 thế kỷ từ giai đoạn Xuân Thu Chiến Quốc cho đến Tam Quốc, dân chúng vô cùng khổ sở, chẳng kiến biết bao cuộc sinh ly tử biệt, nên phần đông đã tìm về nương tựa bên cửa Phật. Phần các vua chúa, quan tướng sau mỗi cuộc chiến tương tàn, tranh bá đồ vương, chẳng những kẻ bại còn sống sót phải tìm nơi ẩn náu và an dưỡng tinh thần, mà người thắng trận sau giây phút vinh quang hưởng thụ, cũng thấy mỏi mệt, ngán sợ việc tranh đoạt, chém giết nhau, nên cũng muốn được an bình với hy



vọng mọi thành phần bị trị chịu an phận, để thiên hạ được bình và họ có thể yên hưởng ngôi vị vừa đoạt được, đất đai của cải vừa chiếm được lâu dài hơn. Do đó vua chúa, với sự đồng tâm hỗ trợ của dân chúng, bắt đầu xây dựng chùa tháp ở nhiều nơi, vừa tạo phúc cho gia tộc và bá tánh, vừa tỏ chút lòng sám hối việc tàn hại sanh linh. Nghệ thuật tạc tượng Phật nhân đây cũng tiến triển nhiều. Hạt giống Phật giáo gieo trồng đã sinh sôi nảy nở nhanh chóng từ sau thời Ngô, Thục, Ngụy phân ba thiên hạ qua Lục Triều. Chỉ riêng nội ngoại thành Lạc Dương dưới triều Bắc Ngụy đã xây lên trên nghìn chùa Phật, điêu khắc hàng vạn tượng Phật và nhứt là đục chạm các hình tượng trên các vách đá trong các chùa hang đầu tiên ở Vân Cương, Thiên Long Sơn, Mạc Tích sơn, Đôn Hoàng và Long Môn.

Công trình điêu khắc Phật tượng lên vách động, đục trong núi đá, ở nơi mà hai dãy Tường-Hướng Sơn (Đông) và Long Môn Sơn (Tây) giáp mặt tại cửa sông Y, thành hàm rồng, khi Hiếu Văn Đế nhà Bắc Ngụy dời đô từ Bình Thành (Đại Đồng Thị, tỉnh Sơn Tây) trở về Lạc Dương vào năm 493. Từ đó trở đi các công trình đục núi, kiến tạo chùa hang và chạm khắc tượng Phật trên vách động tiếp diễn không gián đoạn trải qua Bắc Triều, nhà Tùy, nhà Đường cho đến triều Bắc Tống. Lúc Hoàng đế nhà Tùy cho xây cung điện lớn tại đây, cách thành phố Lạc Dương 13 km, mở cổng Nam Môn hướng về Y Quyết (vọng lâu trên cung môn,

giang khẩu) đã đem lại danh hiệu Long Môn cho cả lưu vực hai bên bờ sông giới hạn bởi những hang động điêu khắc nổi tiếng, chen chúc dày đặc cả cây số, dưới chân cũng như trên sườn hai dãy núi thấp. Tuy qua các trận chiến, loạn lạc hơn 800 pho tượng đẹp đã bị mất cắp và nhiều hang động bị hủy hoại. Nhưng Long Môn vẫn còn.

Những chùa hang tiêu biểu vào thời Bắc Ngụy là:

- **Cổ Dương động**, trên vách phía Nam đục khám tượng lớn thờ đức Phật Thích-Ca ngự trên bệ chạm hai Tăng đoàn hướng về bia đá khắc chữ ở giữa. Chung quanh quây quần nhiều khám tượng nhỏ. Trên vách phía Bắc đục ba hàng khám tượng thờ chư Phật mười phương xen kẽ vô số những tượng Bồ Tát nhỏ hơn và nhiều vị Long Thần Hộ Pháp. Dưới mỗi bia đá trên mỗi vách động hay khám tượng lớn đều khắc tên nhà sư cúng dường. Trên trần động cũng chạm nhiều hàng tượng Phật nhỏ bao quanh một vài tượng lớn.

- **Tân Dương động**, chạm hai bên động khẩu hai tượng Kim Cang Lực Sĩ. Trên tường cuối điêu khắc pho tượng Phật chính với vàng hào quang lên đến trần động, hai tượng nhỏ của hai Ngài Ca-Điếp và A-Nan chầu hai bên, rồi đến hai tượng lớn hơn của hai vị Bồ Tát Văn Thủ và Phổ Hiền.

- **Liên Hoa động**, đặc biệt trên trần khắc tòa sen lớn với các hình thiên nữ ca múa chung quanh. Bên vách Bắc chạm hai tầng khám tượng Phật tọa thiền và một tượng Phật

đứng với nhiều khám tượng nhỏ bao quanh.

- **Ngụy Tự động** với bức phù điêu chạm cảnh niết bàn.

- **Hoàng Phố công** với bức phù điêu khắc hai đoàn hành hưởng của Vua quan và các bà Hoàng hậu Vương phi và các tùy tùng mang theo nào tàn lọng, cờ quạt, tiết việt.

Các Phật động đại diện triều nhà Đường:

- **Phụng Tiên tự** mang kích thước lớn nhất và cũng đạt đến tột đỉnh nghệ thuật chạm khắc trên núi đá quy mô bề thế của Phật giáo Trung Hoa. Trong dáng ngồi trang nghiêm, đại Phật tượng Lữ-Xá-Na, tiêu biểu cho suốt dãy Long Môn động và cả nghệ thuật điêu khắc Trung Hoa, cao 17m 14, mà nguyên đầu tượng đã đo được 4m và đôi tai dài 1m 90, với vẻ mặt đầy trí tuệ uy nghi những vẫn hiển lộ nhiều nét tử bi, qua vầng trán bao rộng đôi mắt hé mở rất đẹp, đã tăng thêm phần diễm lệ cho khuôn mặt và đôi môi hơi mỉm lên như hàm ẩn một nụ cười. Người xưa gọi tượng Đại Lữ Xá có thể muốn tán dương sự vĩ đại của Phật tượng, vì theo Luận Tỳ Đàm, một lữ xá bằng 500 cung, một cung bằng 4 cùi tay (tử khâu). Tượng nhỏ của Ngài Ca Diếp, người đại đệ tử cao tuổi đứng hầu bên trái trong dáng cẩn trọng, còn Ngài A-Nan trẻ tuổi đứng bên mặt trong dáng hiền lành, tinh lặng mà cao quý. Hai vị Bồ Tát Văn Thù và Phổ Hiền đội vương miện, đứng kế hai bên tựa và vách động, đắp y dài, kết nhiều dải lụa và đeo nhiều chuỗi trân châu ngọc báu. Rồi đến hai vị Thiên Vương cầm bảo tháp pháp lực với vẻ mặt trang trọng và trầm tĩnh và hai vị Kim Cang Lực Sĩ, với đôi vai trần trong dáng cường quyết giận dữ, Kim Cang Mật Tích cầm cây bảo sù, hiện oai thế ủng hộ Phật Pháp. Sau hết là tượng những Thiên nữ, bởi hai búi tóc nhỏ trên đầu, mặc áo nhiều tà dài và đi hài vân. Quần tượng này đã đưa mỹ thuật điêu khắc đời Đường vào thời cực thịnh của văn học nghệ thuật Trung Hoa.

Ngoài ra còn **Vạn Phật Động** với hàng vạn tượng Phật lớn nhỏ, **Tiêm Khê tự** với những tượng chú thiên tấu nhạc cúng dường, **Khán kinh**

**Tự, Đại vạn ngũ Phật động...** chạm khắc nhóm tượng Tây Phương Tam Thánh, A-Di Đà Phật, Quan Thế Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí Bồ Tát; phù điêu cảnh Niết Bàn, tượng quý vị La hán, những môn đồ, đệ tử đứng sau cây Bồ Đề, lại có cả tượng quỷ dạ xoa và từng đôi sư tử châu bình xá lợi.

Mặc dầu hầu hết các hình tượng chạm khắc trong dãy Long Môn động đều là những trân bảo mỹ thuật Phật giáo, nhưng những hình thể thon ốm của thời Bắc Ngụy, những gương mặt tròn đầy của thời Đường cũng nói lên những bước tiến của lịch sử nghệ thuật điêu khắc Trung Hoa và khoảng 2800 bia ký với 40 bảo tháp cùng hơn 100.000 hình tượng Phật, Bồ Tát, La Hán, Thiên Vương Hộ Pháp, các Tăng đoàn, Thiên nữ Thiên nhạc, các đoàn hành hưởng trong các sinh hoạt và cả thú vật, cây, hoa... do 800.000 nghệ nhân nối tiếp nhau đục đá chạm khắc trong 2345 hang động và khám tượng trải qua hơn sáu thế kỷ, trên cả hai dãy sườn đồi Đông và Tây ở hai bên bờ Y Thủy, cũng đã phản ảnh tình trạng chính trị, kinh tế cùng văn hóa qua mấy triều đại và nhiều dữ kiện lịch sử để hậu thế khảo cứu về tôn giáo thời xưa, với mỹ thuật, kiến trúc, thư họa cùng âm nhạc, y phục và cả y khoa nữa.

Tuy tượng Phật chính Lữ Xá Na ở Long Môn cao tưởng đứng với đại Phật tượng ở Vân Cương, nhưng dãy động Vân Cương mở rộng hơn và vài động còn nâng cao lên suốt hai ba tầng bằng hàng cột đá thiên nhiên, trông bề thế chẳng kém các thần đường Ai-Cập thượng cổ, lại xây thêm hai ngôi chùa ở đầu dãy cao bốn tầng lầu. Hơn nữa đại tượng Vân Cương mang nét chạm rắn rỏi, thể thức hóa vẻ hùng tráng trên khuôn mặt người Nam; còn tượng Lữ Xá Na lại thể hiện nét đẹp dịu dàng của phái Nữ, với đường cong, nếp áo gần hiện thực hơn. Ưu điểm của tượng Phật chính bằng đá này là, trong một kích thước to lớn như thế, nhà điêu khắc đã diễn tả được tinh cảm của nhân vật, mà vẫn giữ được tỷ lệ cân đối trong một dáng ngồi tự nhiên. Vẻ đẹp của gương mặt tượng Đại Lữ Xá được người đời ca tụng, do không xa rời thực tế, mà theo tục truyền nhà

điều khắc nổi tiếng đời Đường, Hàn Bá Thông, đã tạc chính gương mặt của vị Nữ hoàng đầu tiên Trung Quốc: Võ-Tắc-Thiên.

Như vậy các điều khắc gia thời đó đã dám phá bỏ những ràng buộc của các qui luật tôn giáo, để chọn đời sống thực làm nguồn sáng tạo, đã sử dụng nhiều thể loại, kích thước khác nhau, hầu sáng tác ra những hình tượng nghệ thuật Phật giáo linh hoạt và cung cấp nhiều đối tượng, chất liệu quý giá cho nghệ thuật điêu khắc cổ truyền. Cùng với Vân Cương và Đôn Hoàng, Long Môn động chẳng những đã hợp thành Tam Đại trân bảo mỹ thuật Phật giáo, mà còn được xem là kho tàng điêu khắc chính yếu của Trung Hoa. Nhưng nếu các chùa hang nổi tiếng Vân-Cương được đục khắc từ đầu thời Bắc Ngụy, dưới chân một rặng núi cần cỗi; thì những Phật động Long Môn được tạo tác từ cuối triều đại này qua thời nhà Đường, trên sườn hai dãy đồi Tượng Hưởng và Long Môn, từng bách xanh um, cảnh trí ngoạn mục soi bóng xuống dòng Y Thủy, đã được chọn làm đệ nhất danh lam trong bát đại thắng cảnh quanh chốn đế đô Lạc Dương từ thời cổ xưa.

#### **Ngôi chùa Tổ: Bạch Mã Tự**

Nằm cách Lạc Dương, kinh thành xưa nhất nhì của Trung Quốc, 30 cây số, ngôi chùa Phật đầu tiên của Trung Hoa trông như cung phủ của một vương hầu. Theo Huyền Mặc đạo nhân trong Nam Phương Phật tích, ngôi chùa Trung-Hoa nếu không kể tháp, thì trông bên ngoài cũng không khác cung phủ bao nhiêu, vì ngôi chùa đầu đã từng đặt trong công thự còn đầy vẻ nguy nga, rực rỡ, chỉ khác bên trong theo sử dụng môi để thờ phượng mà bố trí khác biệt. Chẳng thế mà khoảng đời Võ Đế nhà Bắc Chu (574), vua bãi bỏ Phật giáo, dùng chùa làm phủ cho các Vương hầu.

Lịch sử Phật giáo Bắc phương còn ghi chép:

"Đời Đông Hán nhằm triều Hiếu-Minh Đế (58 -75), Ban Siêu được cử qua Tây Vực, thấy đạo Phật thịnh hành tại xứ ấy, khi về triều mới tâu bày lên vua. Minh Đế bèn sai Thái Âm qua các nước ở Tây Thiên-Trúc tìm kiếm, thỉnh được bộ kinh Tứ



Thập Nhị Chương và rước được hai thầy Tăng là Ma-Đẳng và Trúc Pháp Lan về nước giảng đạo Phật. Thuở ấy kinh thịnh về được chõ trên lưng con ngựa bạch và được nhà vua cho cất giữ tại Hồng-Lô tự (tòa quan Hồng Lô tự Khanh). Cho nên sau khi tu bổ lại tòa công thự của chức quan hàm tú phẩm này làm ngôi chùa đầu tiên ở kinh đô Lạc Dương, vua nhân dùng chữ Tự làm chùa thờ Phật, mà đặt tên cho nơi thờ phụng mới là Bạch Mã Tự, vào năm Vĩnh Bình thứ 11 (68) ...

(theo *Kiến Trúc Phật giáo Việt-Nam* - Nguyễn-Bá-Lãng)

Ngôi chùa đã trải qua hơn 1930 năm lịch sử vẫn mở ra bên ngoài với cổng tam quan, tường gạch đỏ nâu, xây lôm vào bên trong vòng tường rào, thành khoảng sân nhỏ bày hai tượng sư tử, mới tạo sau này, chầu hai bên. Hai cửa cuốn nhỏ làm giả quan và không quan lợp mái thấp, trong khi cửa cuốn trung quan lớn rộng hơn, lợp mái cao hơn. Thêm hai cửa sổ nhỏ hai bên cũng xây củng phía trên. Vào đến sân trong đã gặp ngay tượng đá Bạch Mã đầy đủ yên cương đứng trong vòng rào trụ đá, đầu hướng về các điện đường thờ Phật bên trong. Đường nét đục chạm rất mới chứng tỏ tượng chỉ mới tạc vào thời cận đại. Phía tường rào kia, ngay góc tường đầu hồi Thiên Vương Điện, vọng lâu tháp của phủ Hồng Lô Tự Khanh khi xưa đã được cải biến thành gác chuông chùa.

**Thiên Vương điện** chỉ mới được xây dưới đời nhà Minh, vào thế kỷ 16: Chính giữa đặt hai khám tượng đầu lưng nhau, tượng Phật Di-Lặc ngồi cười hướng ra chính môn, tượng Ngài Vy Đà mặc giáp võ tướng đứng chống gươm hướng vào sân trong và 4 Thiên Vương Hộ Pháp đứng ở 4 góc. Kế tiếp nhiều đại điện nằm trên trục chính cách nhau một vườn cây phần nhiều là tùng bách. Trong Đại Phật Điện thờ Phật Thích Ca ở giữa, bên trái thờ Quan Âm Bồ Tát ngự trên tòa sen và bên phải thờ Bồ Tát Văn Thù cỡi sư tử xanh, như muốn minh thị rõ rệt hơn ở Phật Quang Tự trên Ngũ Đài Sơn: Khả năng thấy nghe khắp thể gian để cứu khổ và căn bản trí tức Đại trí của nhị vị đại Bồ Tát đều chầu hai bên Phật trí, Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác

của Đức Thế Tôn. Trong Nhứt thiết chủng Trí của Đức Phật đã bao hàm đặc tánh Từ Bi Quán Thế với cánh tay trái cứu khổ cứu nạn và Tuệ Giác lớn với cánh tay phải Diệu Kiết Tường cầm kiếm báu để đoạn trừ phiền não và chặt đứt vô minh. Phật tử chúng tôi hành hương tới đây được cơ hội học hạnh lắng nghe, tập thấy chảnh những nỗi khổ của riêng mình mà cả niềm đau của những người bên cạnh và chú tâm tìm hiểu, mong biết được cách dẹp bỏ thành kiến, vọng tưởng và phá được những cố chấp, để gột rửa giận hờn cho với bớt khổ sở, tâm hồn được thư thái.

Trong **Đại Hùng điện** thờ Tam Thế Phật nhưng tại vị trí Phật Di Lạc lại an bày tượng Dược Sư Phật, có lẽ vì Phật Di Lạc đã được thờ ngoài Thiên Vương điện. Và lại chú Tôn Đức bày tượng thờ nhứt định có ý nhắc nhở khách hành hương về phương thuốc hay chữa bệnh thế gian của Đức Phật đã để lại. Lời Phật đã dạy tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Kinh Phật đều giúp mọi người *hiển Tánh*. Hình ảnh Phật Dược Sư như khuyên ta nhỏ dùng thuốc tức *hiển Hành*, chỉ cách hành, nghĩa là trưng ra phương pháp để tự khai mở cho tới lúc *Tánh Sáng suốt* hiển lộ. Hai dây tượng thập bát La Hán dựng thờ ở hai gian bên, tượng trưng cho các bậc Nhất Thiết Trí, tức những bậc đã có trí huệ, hiểu biết tất cả. Bức tường phông làm hậu cảnh cho các Phật tượng được chạm trở cả hai mặt: Mặt trước khắc vẽ hình các hoa sen ngũ sắc xen kẽ với từng đôi phượng hoàng vũ và viền kết lại bằng những cánh sen cuốn màu xanh, cùng viền ngoài bằng những lưỡi lửa màu đỏ sẫm. Mặt sau chạm những lượn sóng xanh lục, xanh nước biển và những vàng mây nâu chen các làn khói lam, làm nền cho pho tượng Bồ Tát Quan Thế Âm thếp vàng, mặt hướng về cửa sau, rất từ bi và hiện thực trong tư thế ngồi rất đặc sắc, chưa hề thấy từ xưa tới nay: Tay phải Bồ Tát vẫn cầm tịnh bình, nhưng lại tựa trên một đóa sen búp, còn tay kia để hở trên một chân xếp bằng, trong khi chân kia buông thòng xuống khỏi tòa sen, đặt bàn chân lên một đóa sen nhỏ, trước đầu một con cá chép vừa nhô ra khỏi làn

sóng như chờ nghe kinh. Con đường phía sau dẫn ngay lên sân thượng lát gạch, rất rộng và cao. Cuối sân mọc lên sừng sững một tòa bảo tháp cao 13 tầng, trên nền gạch cao ngang đỉnh nóc nhà bia chữ nhứt nằm ngay xéo bên trái. Tòa tháp gạch vuông này mang biển đề tên **Tê Vân Tháp** ở tầng trệt, rồi cứ cách một tầng lầu lại mở một cửa cuốn tò vò nhỏ. Các mái phân tầng cũng rất đặc biệt, cứ xây nhô dần ra đủ 10 lớp gạch, thành bốn mặt lôm cong ngược lên, rồi mới tồ hồ dốc vào tường làm mái trên. Xéo phía trước tháp còn dựng tòa viên đỉnh lục giác với 6 cột sơn son chịu 6 mái dốc cao. Ngay trên cửa chính vào đại điện thứ ba treo biển đề ba chữ **Tiếp Dẫn Điện**, trong thờ bộ tượng Tây Phương Tam Thánh từ hơn 400 năm nay, trong tư thế đứng để tiếp dẫn. Cả ba pho tượng gỗ của Đức A Di Đà Phật ở giữa và hai Đức Quan Thế Âm cùng Đại Thế Chí ở hai bên đều được chạm rất tinh tế và thếp vàng khéo léo. Chỉ tiếc những màn lụa, trướng gấm vàng treo thêm bên trên nhứt là áo choàng đỏ sậm phủ trên vai đức Phật cùng áo choàng vàng phủ thêm trên vai nhị vị Bồ Tát đã che bớt những đường nét khắc nếp áo, hoa văn và các vòng trân châu bảo ngọc trên mình tượng. Hai bên cột chính còn treo đôi liễn đối:

*Quá hóa tồn thần lễ chi hộ  
phước ngộ vô sanh*

*Tử bi phổ độ tín giả đắc cứu  
thành chánh giác*

Vào tiếp Tổ Đường mang biển đề 4 đại tự **Tổ Ấn-Trùng Quang**, bên trong thờ Phật Tỳ-Lô Giá Na và chú Bồ Tát Văn Thù cùng Phổ Hiền, như lời nguyện hãy gắng *chăm chú biết nhìn sâu để thấu hiểu* (học hạnh Đại trí) và có thể *thực hành, đi vào cuộc sống một cách sáng suốt* (Đại hạnh), hầu rõ *thấu mọi việc mọi chỗ, đến mức bản thể đạt được hoàn toàn giác ngộ* như ý nghĩa tiếng Phạn của Phật hiệu Tỳ-Lô Giá-Na, dịch là *vĩ đại, khắp tất cả mọi nơi*. Đoàn hành hướng đi qua hai gian tà hữu để chiêm bái tượng nhị Tổ Ấn Độ đầu tiên đến Trung Hoa: Ma Đẳng và Trúc Pháp Lan, rồi ra ngoài quay quần xem bia đá khắc kinh 42 chương. ●

# Môi tình Hồ Xuân Hương và Hiệp-Trấn Sơn Nam Hạ Trần Quang Tỉnh

**T**rong Lưu Hương Ký có bài thơ, tôi cho là tuyệt bút của Hồ Xuân Hương, đó là bài thơ chữ Hán: Dữ Sơn Nam Hạ Hiệp Trấn Quan Trần Hầu. Bài Họa nguyên vận Quan Hiệp Trấn Sơn Nam Hạ Trần Quang Tỉnh. Bài thơ dùng điển tích lạ và tài tình, chỉ dùng ít chữ mà tả được những tâm sự, tình ý uốn khúc của nàng, đúng như lời khen của Cú Đình: "học rộng mà thuần thực, dùng ít chữ mà đầy đủ, từ mới lạ mà đẹp đẽ, thơ đúng phép mà văn hoa, thực là một bậc tài nữ".

Theo Đại Nam Thực Lục Kỳ I quyển 31 trang 3b.

Trần Quang Tỉnh nguyên làm quan Cai Bạ, doanh Quảng Bình, tháng Giêng năm Đinh Mão (1807), được bổ làm Hiệp-Trấn Sơn-Nam-Hạ, Quang Tỉnh ở trấn được hai năm bốn tháng. Tháng 4 năm Kỷ Tỵ (1809), ông bị bệnh và xin về nghỉ.

Có thể rằng ông lên Thăng Long cáo từ quan Tổng Trấn Bắc Thành, và nhân đó ông đến từ biệt Xuân Hương.

Theo Trần Trọng Kim -Việt Nam Sử Lược, quyển 2, Bộ Giáo Dục, Sài Gòn, 1971, trang 172. Đời Gia Long đến trước năm 1831, đất Bắc Phần gọi chung là Bắc Thành, đặt dưới sự cai trị Tổng Trấn Bắc Thành, vị quan đầu tiên là Hữu Quân Nguyễn Văn Thành (1802-1809). Sau đó ông về Kinh giữ chức Trung Quân thống lĩnh toàn quân đội làm Tổng Tài Sử Quán và soạn luật Gia Long, Nguyễn Huỳnh Đức thay thế (1810-1816). Lê Chất làm Tổng Hiệp Trấn. Từ năm 1818 đến 1826 Lê Chất làm Tổng Trấn, Phạm Văn Đăng làm Tổng Hiệp Trấn. Lê Chất là người khai tội làm sắc phong thần cho tướng nhà Trịnh Hoàng Ngũ Phúc và tội ẩn lậu ao đầm, ruộng của Thượng Thư Bộ Binh Đặng Trần Thường khiến ông bị giam và xử tội giào, thắt cổ.

**Bắc Thành chia làm 11 trấn** : gồm 5 nội trấn: Kinh Bắc, Sơn Tây, Hải Dương, Sơn Nam Thượng, Sơn Nam Hạ; sáu ngoại trấn: Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hưng Hóa, Yên Quảng, ngoài ra có đạo Thanh Bình (Ninh Bình) và Hòa Bình, còn gọi là Thanh Hoa ngoại trấn, và Phủ Hoài Đức gồm Thăng Long và vùng phụ cận...

**Gia Định Thành chia làm 5 trấn** : Phiên An, Biên Hòa, Vĩnh Thanh, Vĩnh Tường và Hà Tiên. Tổng Trấn Gia Định Thành là Tả Quân Lê Văn Duyệt. Sau khi Lê Văn Duyệt mất các chức Tổng Trấn bị Vua Minh Mạng bãi bỏ.

**Đất kinh kỳ có 7 Trấn và 4 Doanh**:

**7 Trấn là** : Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Nghĩa, Bình Định, Phú Yên, Bình Hòa (Khánh Hòa) và Bình Thuận.

**4 Doanh là** : Quảng Đức (Thừa Thiên), Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Nam, cầm đầu các Doanh có quan

Cai Bạ và quan Ký Lục, Nguyễn Du giữ chức Quan Cai Bạ doanh Quảng Bình từ năm 1809-1813.

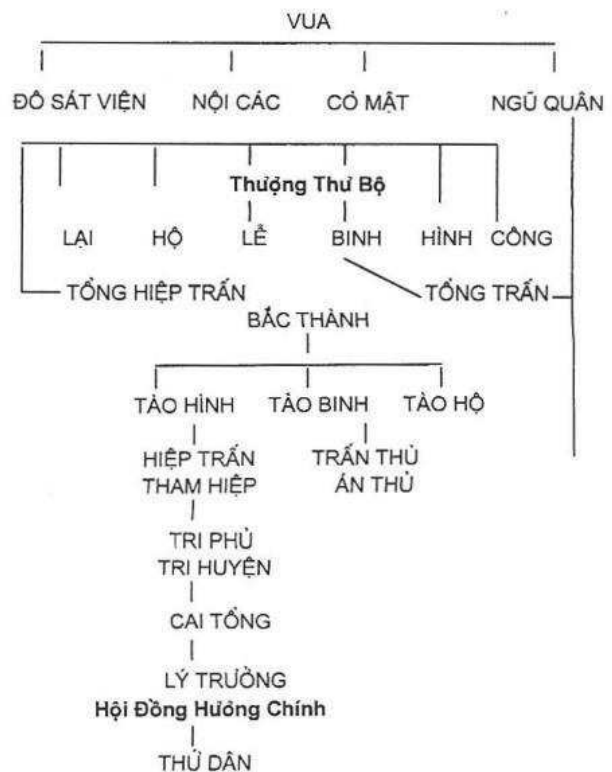
Cầm đầu mọi Trấn về an ninh, có viên Trấn Thủ, một quan võ cao cấp. Từ năm 1831, Vua Minh Mạng đặt ra Tỉnh thay Trấn, có Trấn được chia ra làm nhiều Tỉnh như Sơn Nam Thượng được chia làm hai tỉnh Hà Nội và Hưng Yên, Sơn Nam Hạ được chia làm Nam Định và Thái Bình. Tỉnh lớn có Quan Tổng Đốc, tỉnh nhỏ có Quan Tuần Vũ hay Tuần Phủ bên cạnh có quan Bố Chánh lo về hành chánh, Án Sát lo về Hình Pháp và Đốc Học lo về Giáo Dục.

Trước năm 1831 Quan Hiệp Trấn lo mọi việc, Hiệp Trấn còn có một cộng sự gọi là Quan Tham Hiệp cũng vào hàng đường quan cấp trên, đứng trên hàng Tri Phủ, Tri Huyện, Tri Châu. Những trấn nhỏ ít công việc dân, thì không có quan Hiệp Trấn mà chỉ có Quan Tham Hiệp như Trấn Yên Quảng.

Theo Gs Hoàng Xuân Hãn, cơ quan trung ương cai trị toàn bộ Bắc Thành, cầm đầu bởi Quan Tổng Trấn và Quan Tổng Hiệp Trấn còn gọi là Phó Tổng Trấn. Tổng Trấn là một Đại Tướng trong Ngũ Quân: Trung, Tiền, Hậu, Tả, Hữu. Tổng Hiệp Trấn là quan văn vào hàng Thượng Thư, được tán trợ bởi ba Tào, ngang với Tham Tri ba bộ: Tào Hình, Tào Binh, Tào Hộ, lo về Hình sự, Binh bị và Tài chánh. Ba người giữ chức Tam Tào đầu tiên là Nguyễn Văn Kiêm, Đặng Trần Thường và Phạm Văn Đăng. Trần Quang Tỉnh về sau được thăng chức Tào Binh Bắc Thành.

Sơ đồ sau đây tóm tắt Hệ thống Hành Chánh Việt Nam tại Bắc Thành, từ năm 1802-1831, thời gian Hồ Xuân Hương có liên hệ với các quan Bắc Thành.

## HỆ THỐNG HÀNH CHÁNH VIỆT NAM 1802-1831





Trần Quang Tĩnh, vốn quê ở Gia Định, mới ra Bắc Hà làm quan lần đầu. Được nghe tiếng Xuân Hương, đã tới thăm Xuân Hương và tỏ tình qua lại nhiều lần, nhưng vì một lý do nào đó không cưới nàng, có lẽ do cha mẹ, chàng không muốn chẳng?

Trần Sơn Nam Hạ gồm đất Nam Định và Thái Bình ngày nay trấn lỵ tại thị xã Nam Định. Trần Quang Tĩnh nhân dịp lên Thăng Long cáo tử Quan Tổng Trấn Bắc Thành tháng 3 năm Kỷ Tỵ 1809, ghé thăm Xuân Hương, Xuân Hương bày tiệc tiễn đưa dưới trăng. Trần Quang Tĩnh xuống bài thơ chữ Hán, tôi dịch như sau:

*Nâng chén dưới đèn, tiệc tiễn chân,  
Tổ sàu dằng dặc lặng cầm buồn,  
Cây lặng gió im chim lặng tiếng,  
Ngoài rèm trăng xế, khách kêu ồn.  
Ta thẹn không tài thơ Bạch tuyết,  
Khen bạn duyên cao sinh Cửa sơn.  
Trùng phùng còn biết ngày nao gặp,  
Ngổ ngẩn tình si nặng mộng hồn.*

Bài thơ nguyên tác phiên âm Hán-Việt như sau:

**Trần Hiệp Trấn**

**xướng gửi Hồ Xuân Hương**

*Tống biệt đáng tiền bả tửu tôn,  
Sầu ti lữ lữ dục vô ngôn,  
Thụ biên phong tế diều thanh cấp,  
Liên ngoại nguyệt tà nhân ngữ huyền,  
Lân ngã bất tài hủ Bạch tuyết,  
Hân quân hữu phận thác Chu môn.  
Trùng trùng thử hậu tri hà nhật,  
Thác đắc tình si nhạ mộng hồn.*

*Diễn tích:*

*Khách: con chim khách.*

*Bạch tuyết: tên khúc hát hay nhưng khó hát.*

*Chu môn: sử so, gia đình danh vọng.*

Cổ nhân từ biệt nhau, bạn tiễn chén rượu hết chén này đến chén khác, lòng băng khuâng tổ sàu dằng dặc không nói được. Gió hiu hiu lay động bóng cây, chim đã ngủ im tiếng. Bên rèm ngoài trăng xế chỉ có tiếng chim khách kêu. Câu 5, 6, Quang Tĩnh khách sáo cho rằng mình tài mọn, nên không nhiều thi tử, tôi bất tài không làm được khúc hát Bạch tuyết. Và khen Xuân Hương duyên cao nàng dòng dõi con nhà. Không biết lúc nào còn gặp lại nàng nữa. Tình đã nặng, đêm mộng chắc khó mà nguôi được. Bài thơ bốn vế đầu Quang Tĩnh cảm động trước sự đưa tiễn của Xuân Hương, nhưng bốn vế sau tình không đậm nữa chỉ nhạt dần.

Xuân Hương đã họa trên bàn tiệc bài thơ của Quang Tĩnh, tôi dịch như sau:

**Họa nguyên vận Quan Hiệp**

**Trần Sơn Nam Hạ, Trần Hữu**

*Gặp gỡ bèo mây dưới nguyệt tròn,  
Ngổ ngang sàu vọng nói gì hồn,  
Phượng Cầu ai gảy đàn đưa ý,*

*Chim Khách gọi chi ngô vắng buồn.  
Ai chuộc tiếng kèn về Hán khuyết,  
Lòng ta luyến thẹn, biệt Hồ môn,  
Chia tay giữa tiệc tình lưu luyến,  
Ngây ngất hồn tan mộng Sảnh Nường.*

nguyên tác phiên âm Hán-Việt như sau:

**Dũ sơn Nam Hạ Hiệp Trấn Quan Trần Hữu**

*Bình Thủy tưởng phùng nguyệt hạ tôn,  
Cường trường phiến phiến thuộc nam ngôn,  
Khiêu cầu hữu ý minh hoàng xuống,  
Nhiều thụ vô đoan ngữ thuộc huyền  
Thùy tục già thanh qui Hán Khuyết,  
Tự tu liên bộ xuất Hồ môn,  
Bán diên biệt hậu tình đa thiếu,  
Mạch mạch không ly Sảnh Nữ hồn.*

*Diễn tích:*

*Bình thủy: Bèo trên nước, khi hợp khi tan.*

*Khiêu cầu: Tích Tử Mã Tướng Như gảy khúc Phượng cầu kỳ hoàng, chim phượng trống tìm con mái quyến rũ Trác Văn Quan một gái góa chồng.*

*Ngữ thuộc: Chim khách kêu ngoài ngõ báo hiệu khách tới.*

*Hán khuyết: Diễn tích nàng Thái Diệm con gái nước Hán có tài thổi kèn, bị phiêu bạt vào đất Hung Nô miền Tân Cương bây giờ, rồi phải lấy trai Hồ, Tào Tháo mền tiếng kèn nàng bèn chuộc về đất Hán.*

*Hồ môn: Cửa ải đi từ đất Hung Nô về, trong bài này có nghĩa là cửa nhà dòng dõi họ Hồ Xuân Hương.*

*Sảnh Nường: chuyện Liêu Trai Chí Dị: Nàng họ Sảnh và Vương Trụ yêu nhau, nhưng cha mẹ nàng không bằng lòng, nàng lâm bệnh bất tỉnh, Vương Trụ buồn rầu bỏ làng đi xa làm ăn, một hôm Vương Trụ dừng thuyền chợ thấy Sảnh Nường khăn gói bước xuống. Hai người lấy nhau và đem đi xa làm ăn. Năm năm sau vợ chồng về làng. Vương Trụ tới nhà trước xin lỗi cha mẹ nàng, đã làm trái ý ông bà. Cha mẹ nàng sống sót vì Sảnh Nường ôm nặng bất tỉnh nằm trong buồng suốt 5 năm qua. Khi vợ chồng vào đến sân, Sảnh Nường lia buồng chạy ra đón. Hai Sảnh Nường ôm lấy nhau nhập làm một, thì ra hồn Sảnh Nường đã lia xác đi theo Vương Trụ đã năm năm.*

Từng quen nhau, nay gặp lại như bèo trên nước tan rồi hợp, hợp rồi tan, giây phút tao ngộ cùng nâng chén rượu dưới trăng mờ nhau, lòng ngổ ngang không nói được nên lời. Xuân Hương trách Quang Tĩnh xưa đã ngộ ý quyến dụ xin cưới nàng như Tử Mã Tướng Như gảy khúc Phượng cầu kỳ hoàng. Nàng đợi chàng tới như chàng đã hứa hẹn, như lời chim khách báo tin trước ngõ, nhưng chàng lại không tới. Chàng đã yêu thơ văn thiếp, sao không như Tào Tháo chuộc nàng Thái Diệm về đất Hán, sao chàng không cưới thiếp? Lòng thiếp tự thẹn đã vượt ra ngoài khuôn mẫu vọng tộc họ Hồ. Hán Khuyết đối với Hồ Môn thật là khéo léo, tài tình. Chia tay nhau hôm nay, lòng còn lưu luyến. Hồn ngây ngất muốn thoát xác như nàng Sảnh Nường, để đi theo cùng chàng.

Thật là một bài thơ tuyệt bút của Hồ Xuân Hương, chỉ tám câu mà dùng bao điển tích thật khéo léo kết hợp với nhau, tài tình. Hồ Xuân Hương không chỉ là bà Chúa Thơ Nôm, mà thơ chữ Hán cũng vào bậc thi hào.

Tôi chép sau đây các bài dịch của Học giả Trần Thanh Mại và Gs Hoàng Xuân Hân:

Bài dịch của Trần Thanh Mại:  
*Gặp gỡ dưới trăng chuốt chén mời,  
Lòng son đòi đoạn chẳng nên lời,  
Khúc đàn ai gảy dả đưa ý,  
Ngoài ngõ khách kêu chẳng thấy người.  
Ai chuộc tiếng kèn về Hán đó?  
Tủ lệ gót ngọc đất Hồ rồi!  
Biệt ly dở tiệc tình lưu luyến,  
Hồn Sánh sầu đau mạch mạnh khơi.*

Gs Hoàng Xuân Hân dịch ra lục bát, như sau:  
*Nước bèo nâng chén dưới trăng  
Ngổn ngang lòng thắm nói năng được nào!  
Đàn xưa gảy khúc Phụng cầu,  
Trên cây khách gọi, những sầu không ai  
Ai mê kèn Hán chuộc người?  
Ta đây luống thẹn đã rồi Hồ Môn,  
Chia tay giữa tiệc, tình còn,  
Ngẹn ngào ngậy ngắt tan hồn Sánh Nường.*

Bài thơ này còn được chép trong Tục Hoàng Việt thi tuyển của Nguyễn Đình Hồ, một nho gia người huyện Nam Trực tỉnh Nam Định, cốt để nối tiếp tập Hoàng Việt thi tuyển của Bùi Huy Bích. Cuối năm 1960, ông Nguyễn Đình Hồ gửi tác phẩm mình cho Viện Văn Học, nhưng không dân bài thơ lấy từ đâu, ông Trần Thanh Mại cố tìm hỏi thẳng nhưng tác giả đã mất. Trong mục thơ Hồ Xuân Hương bài này còn chép với bài Tố Khổ, nhưng truy nguyên ra bài Tố Khổ của một thi sĩ Trung Quốc.

#### Đang quét sân

*Vừa đi vừa than để trả lời  
Cô chi người đẹp phải chau mày?  
Chẳng mách cùng chàng, chàng chẳng hay,  
Mưa tuyết phun phun, củi ứt hết,  
Gió xoay ngùn ngụt, bếp khôn gáy.  
Phòng trong cô lôn kêu canh nguội,  
Vách trước ông chàng mắng cổ chày,  
Rười quét trước sân còn chưa hết,  
Trong nhà trẻ khóc giục bông ngay.*

Bài thơ này cho thấy qua cách nói tương truyền vô tình hay cố ý, sự việc gán quàng thơ văn của người này cho người khác, điều đó đã gây nhiều lầm lẫn trong thơ văn truyền khẩu được chép lại.

#### Tài liệu tham khảo:

- Hoàng Xuân Hân. Hồ Xuân Hương với Vĩnh Hạ Long. Tỉnh sử Hồ Xuân Hương. TC Khoa Học Xã Hội. số 10-11. Paris. 12.1983.
- Thơ Hồ Xuân Hương, nxb Đồng Nai. 1996.
- Bùi Hạnh Cẩn. Hồ Xuân Hương thơ chữ Hán, chữ Nôm, Giai thoại. Văn Học 1995.
- Trần Trọng Kim. Việt Nam Sử Lược. Bộ Giáo Dục. Trung Tâm Học Liệu. Sài Gòn, 1971.
- Quốc Sử Quán Triều Nguyễn. Đại Nam Thực Lục Chính Biên. Kỳ 1. nxb KHXH. Hà Nội. 1970.

## Ngày Xuân Đi Lễ Chùa



*Đất khách tha hương đã mấy mùa  
Xuân về ray rứt nhỏ chùa xưa  
Quê em trong khoảng mù sương ấy  
Một mái đình rêu phủ gió mưa...*

*Khói lam che khuất đường lên núi  
Một dãy hàng cây đứng chọc trời  
Em nhỏ con đường trơn đất đỏ  
Mỗi lần trèo núi muốn tàn hơi!*

*Mẹ dặt tay em tới cổng chùa  
Áo quần lem luốc những bùn nhớ  
Bồi em trượt té trên con dốc  
Cực khổ bao nhiêu cũng phớt lờ...*

*Chùa nhỏ nhưng người đến rất đông  
Chùa xa nhưng chẳng ngại trong lòng  
Tay bông tay dất, tay mang giỏ  
Rạng rỡ trên môi những nụ hồng*

*Một mái đình sơn son thếp vàng  
Bụi rêu bao phủ bởi thời gian  
Nhặt nhòa trong khói hương nhang ấy  
Phật tử cầu kinh cõi Niết Bàn...*

*Ta bà thế tục chốn trần ai  
Lệ dầm thương vay trả nợ đời  
Hãy cố tu tâm rèn luyện tánh  
Lên thuyền Bát Nhã trở về xuôi*

*Bây giờ lặng lẽ mùa Xuân đến  
Pháo đỏ còn dâu giữa chợ người  
Mẹ có còn dâu, tay dặt tay  
Chùa xưa khuất dạng phía chân trời...*

● Ngọc An 99





# Nguyên của tôi

## ● ĐỒNG VĂN

**N**guyên là thằng cháu kêu tôi bằng Dì, Tếu lắm! Mẹ Nguyên sanh chỉ có hai đứa con trai nhưng đến sáu đứa con gái, nên hai anh em Nguyên được mẹ Nguyên cưng như cục ngọc. Hai anh em Nguyên lớn lên trong sự nuông chiều của mẹ, song ở hai đứa con trai có hai tánh tình khác nhau hoàn toàn. Anh Nguyên thì suốt ngày làm không hết việc, nào lên ruộng, xuống ghe, còn Nguyên thì thân thân như một ông Đạo, không sờ tay vào một việc làm nào cả. Ở nhà chán, Nguyên lang thang lên chùa theo mấy ông Đạo nghe kinh và làm công quả.

Nhà Nguyên có một chiếc ghe chở hàng loại lớn, chuyên chở hàng liên tỉnh, anh Nguyên được giao trách nhiệm vừa là tài công vừa là người quản lý. Mỗi lần đi hàng, không có người đi theo, mẹ Nguyên năn nỉ hết nước với Nguyên, đi theo anh để cho có người, nhưng Nguyên nhất quyết không nhận nhiệm vụ. Một người chị và một đứa em gái của Nguyên phải đi ghe với anh. Ba Nguyên không bao giờ la con, đánh con, chỉ có mẹ Nguyên quát tháo đôi ba lời thôi, nên việc Nguyên sống theo ý thích của mình vẫn được tồn tại theo tháng ngày.

Mỗi lần tôi về thăm gia đình, Nguyên mừng lắm, theo ngồi bên tôi kể chuyện huyền thoại nào là chuyện nhà, chuyện bà con, chuyện trên chùa, chuyện làm công quả, chuyện thuốc nam, rồi chuyện tu hành... trông mặt Nguyên sáng hẳn lên như mẹ Nguyên vừa trúng được một chuyến buôn lớn. Nguyên nghĩ tôi là chiếc máy nghe của Nguyên, tha hồ mà phát trăm ngàn muôn chuyện. Tôi chiều cháu vì thủ nhất không nỡ để Nguyên mất hứng khi trút bầu tâm sự, thủ hai tôi biết ở trong gia đình chị Hai, từ anh Hai cho đến con út, có ai đủ

khả năng chịu đựng nổi bầu tâm sự, từ những chuyện sâu kín trong tâm hồn của Nguyên đâu! Mẹ Nguyên than với tôi rằng:

- *Thằng đó là cục nợ của tôi đó Dì Sáu! Nó ăn rồi suốt ngày đi lòng bông ngoài đường, không bao giờ đá động đến việc nhà.*

- Tôi hỏi:

- Nguyên đi đâu?

Mẹ Nguyên bảo:

- *Từ sáng sớm nó lên chùa theo nghe mấy ông Đạo giảng kinh, rồi đi làm công quả. Ở nhà, cái chén ăn xong nó không rửa tay vào, mà lên chùa leo lên tận nóc nhà lợp ngói, đóng trần! Dì Sáu biết không, sáng đi Nguyên mặc chiếc áo, chiều về lưng trần, tôi hỏi áo đâu? Nó bảo con cho rồi! Tôi mắng nó, mày có bố thí thì đi làm lấy tiền mua đồ mà bố thí, tại sao cái áo tao may cho mày mặc, đem cho người ta. Mày làm việc thiện kiểu đó Phật không có chứng cho mày đâu! Dì Sáu biết không, đi tôi chùa nó mạnh ù, làm đủ trăm chuyện, về đến nhà nó rên hừ hừ kêu bệnh. Thuốc men tôi chạy chữa xong, hết bệnh, lại lên chùa nghe mấy ông Đạo kể chuyện đời xưa.*

Tôi cười. Tôi là em ruột của má Nguyên, tôi biết má Nguyên hơn ai hết. Chị Hai tôi, má Nguyên, là người đàn bà tần tảo nuôi chồng nuôi con. Lấy chồng từ thuở đôi mươi, chị đã xắn tay áo gánh vác gia đình. Anh rể tôi là một nông dân Nam Bộ thật thà chất phác, như người miền Nam thường nói "hiền như cục đất". Cuộc đời anh không ra khỏi đồng ruộng cò bay thẳng cánh của miền Nam quê tôi. Ngược lại với anh, chị Hai tôi là người phụ nữ hoạt bát giỏi giang. Cơ đồ sự nghiệp gia đình anh chị được xây dựng lên từ hai bàn tay của chị. Chị không chỉ có mạng "thiên quyền" mà còn có bàn tay "phước tiện" nữa. Không biết chị học được câu "Phi thường bất phú" ở đâu?, mà sau khi lập gia đình chị để việc coi sóc việc nhà và ruộng rẫy lại cho anh Hai,

chồng chị, chị lao vào cuộc đời buôn bán thương mại. Chị buôn bán đủ loại, vàng, bạc, kim cương, hột xoàn, vải, lụa v.v... Có lần chị còn lên tận Cao Nguyên hùn với người ta buôn gỗ. Ghe hàng của chị chở muối gạo từ miền xuôi lên miền ngược, rồi chở gỗ, mật, trái cây từ miền ngược về miền xuôi... Chuyện gì người ta làm được chị làm được. Người ta sắm ghe vận tải hàng hóa, chị cũng sắm ghe. Ghe chở hàng của chị lúc đầu chỉ là chiếc ghe bầu nhỏ nhỏ, rồi chị thay lần lần theo thời gian, bây giờ là một chiếc ghe hàng thật to, trọng tải đến sáu mươi tấn rồi! Thế nhưng chị vẫn chưa chịu dừng lại! Dù tuổi đã năm mươi nhưng chị vẫn còn xoay vần trong kinh doanh và làm giàu. Một lần nợ chị đốn độc một mình phóng xe cúp 70 xuống Long Xuyên giao hàng, chị dắt xe qua cầu gỗ sao đó mà cả chị lẫn xe rơi tòm xuống sông, cũng may chị bơi giỏi nên không hề hấn gì, người ta vớt dùm xe chị lên. Tôi dọa chị, nếu chị còn đi như thế nữa có ngày chị không về nhà được. Tôi nói với chị rằng: Chị Hai à! Chị lớn tuổi rồi! Gia tài sự nghiệp chị đã làm nên. Bây giờ không còn khổ sở nữa. Con cái chị đã lớn, chị để cho con chị làm. Chị ở nhà hưởng dẫn và chỉ đạo thôi.

Con chị đứa nào cũng thật thà và dịu hiền, ngoài thằng Nguyên ra, tất cả đều răm rắp nghe theo mẹ. Tám đứa con của chị được chị phân công công tác hẳn hoi. Con út học gần nhà. Hai đứa con gái lớn hơn học đại học; một đứa học ở Cần Thơ, một đứa học ở Long Xuyên, được sống theo tiêu chuẩn cơm áo gạo tiền cung cấp. Hai đứa con gái khác đã nghỉ học phải theo anh mình xuống ghe làm việc thu ngân và quản lý.

Đứa con gái đầu lập gia đình được một năm chồng mất vì tai nạn, chị đem về ở với chị mở tiệm may và trông nhà. Chỉ có thằng Nguyên sống ngoài quy luật gia đình, làm nghề "đồng rì" (đi rong) thôi! Anh Hai quanh năm suốt tháng làm bạn với ruộng đồng. Còn chị từ sáng sớm đã lên đường chạy theo con hàng, nay chị mua cái này, mai chị bán thủ kia. Nhà chị ở Chợ Mới mà chị dám lên tận Long An mua đất. Nghe ở đâu bán đất, bán vườn chị lặn lội đến mua. Tôi hỏi chị, chị mua đất làm chi ở xa vậy, ai mà coi? Chị bảo thời này đất có giá lắm, mua để đó chừng hai ba năm sau

bán lại là lời gấp đôi gấp ba rồi. Chị tôi là như vậy! Thăng Nguyên không bao giờ nói một lời phản đối mẹ nó cả, nhưng Nguyên cũng không tuân theo lời mẹ như các anh chị em của Nguyên. Nguyên sống theo ý Nguyên, nghĩa là không cờ bạc, không rượu chè, không đua đòi, mẹ Nguyên sắm cho cái gì, mặc cái nấy. Ăn thì ăn chay. Sống biệt lập với gia đình và niềm vui của riêng mình. Mẹ Nguyên nói với tôi rằng:

"Cái thằng nọ đó như thế mà ông thầy bói bảo tôi nhờ nó sau này đó đi Sáu. Tôi không hiểu tôi nhờ nó cái gì?! Đồ của tôi sắm cho nó, nó mang đi cho người ta. Tôi bảo nó có muốn đi tu thì dứt khoát cởi áo vào chùa mặc đồ tu đứng có lòng ưỡng. Nó lại không chịu. Nó bảo, nó đâu có muốn làm ông thầy tu, nó chỉ muốn làm người tu thôi! Di nghe có được không?! Nó là cục nợ của tôi đó đi Sáu à!".

Giã từ quê nhà, lên đường du học đã hơn bốn năm rồi, đời tôi luôn bận rộn trong nghiệp sách đèn. Hết hai năm Cao Học, tôi bắt tay vào việc nghiên cứu cho luận án Tiến sĩ Phật Học của tôi. Thấy các bạn đồng học ai cũng được về thăm Thầy Tổ một lần, lòng tôi cảm thấy nôn nao nhưng tôi chưa dám quyết định cầm một cái vé về thăm quê hương, phần vì túi tiền của tôi không được nặng lắm, phần vì trước lúc ra đi tôi có hứa với lòng mình khi nào học xong rồi mới trở về.

Ấn Độ, quê hương của Phật không vắng minh như các nước vắng minh khác. Đời sống người dân còn nghèo thật nghèo, nhưng ở đây lại giàu thật giàu về tinh thần. Tôi thích vô cùng tiếng kinh Sanskrit cầu nguyện vào mỗi buổi sáng tinh sương. Tôi cũng thích ánh mắt đầy thiện cảm của người Ấn dành cho những sinh viên nước ngoài như chúng tôi. Tôi sống trong ký túc xá sinh viên nữ, ở đây Ban Giám Đốc quản lý nữ sinh viên không khác nào quý Ni Sư quản lý chúng tôi trong Ni Viện ngày nào, khi còn ở Việt Nam. Chúng tôi sống, ăn học và sinh hoạt theo một thời khóa biểu nhất định và lẽ dĩ nhiên phải mày râu không được bén mảng vào khuôn viên hòa bình của chúng tôi. Tôi được đi chiêm bái các thánh tích Phật Giáo, nơi mà Ngài Huyền Trang ngày xưa và Hòa Thượng Minh Châu của chúng tôi đã từng đặt chân đến, khi quý Ngài tham

học ở đây. Tôi cũng rất muốn viết một cuốn sách về cảm tưởng của mình, khi chiêm bái bốn thánh tích thiêng liêng, ghi dấu lịch sử của bậc minh sư, như người xưa đã từng viết, song trong tôi chưa hứng phấn trọn vẹn. Tôi hứa với lòng tôi phải làm sao có một tác phẩm viết về quê hương của Đức Phật và người Ấn hiện tại của chính mình để tri ân quý Thầy Cô, quý bạn bè, quý thân hữu và thiện hữu ở đây, trước ngày mình về lại quê hương, giống như ngày trước Ngài Huyền Trang và Hòa Thượng Viện Trưởng của chúng tôi có những tác phẩm Tây Du Ký và Đường Về Xứ Phật nổi tiếng không người Phật Tử Việt Nam nào mà không biết. Hôm tôi đến Bồ Đề Đạo Tràng, trong nỗi ước của tôi bỗng ước rằng chị Hai tôi được sang chiêm bái đất Phật một lần. Hình ảnh chị chạy ngược chạy xuôi, trong cuộc đời để kiếm tiền thật nhiều lại hiện ra trước mắt tôi, phải như chị được qua Ấn Độ để chị chúng kiến cây Bồ Đề lịch sử, nơi mà ngày xưa Phật chứng ngộ chân lý trung đạo của cuộc đời. Tôi lại nhớ đến Nguyên, cháu tôi, thằng cháu mà mẹ Nguyên bảo cục nợ của chị. Nguyên tuy nhỏ nhưng Nguyên có niềm niềm suy tư của Nguyên. Tâm mẹ Nguyên thì bận rộn trong tiền bạc làm sao hiểu được niềm suy tư ấy! Tôi muốn kêu lên chị Hai ơi! Ông thầy bói nào đó nói rằng sau này chị nhờ Nguyên là đúng đấy! Nguyên là con của chị, Nguyên đã giúp chị thật nhiều mà chị nào đâu thấy! Nguyên muốn chị biết rằng của cải, chị làm ra đó rồi cũng vô thường như sương sớm mai lúc còn lúc mất thôi. Bằng chứng chị vừa thất bại sau khi đổi chiếc ghe lớn, chị phải bán miếng đất gần nhà chị, để chạy nợ. Khi nào chị hiểu được Nguyên thì khi ấy chị mới hết khổ chị a!

Chị sanh con, nuôi con và luôn luôn bắt con mình phải theo ý chị. Chị dùng quyền lực người mẹ bắt các con chị phải rập rập tuân thủ theo mình. Con gái đầu lòng của chị lấy chồng cũng do chị quyết định. Chị tìm chồng cho nó, một năm sau chồng nó mất vì tai nạn. Rồi bây giờ chị lại tìm vợ cho thằng con trai của chị. Chị bảo đâu của chị phải đủ các điều kiện nào là đẹp, thông minh, hoạt bát như chị. Kết quả con trai chị đã hơn ba mươi tuổi rồi mà vẫn chưa lập gia đình.

Ngày ba tôi còn sống, ông cứ bảo rằng tôi giống chị, nhưng lạ thật tôi có giống chị đâu, hay là tôi đã là người xuất gia nên tâm tánh tôi đổi khác, tôi cố tìm trong tôi có điểm nào giống chị không, nhưng tôi vẫn chưa tìm ra được, tuy nhiên tôi thương chị nhất nhà, và có lẽ chị cũng thương tôi nhất nhà. Những lần tôi về thăm gia đình, tôi ghé nhà chị trước, có hôm hai chị em mãi mê nói chuyện, nên phải ngủ lại đêm nhà chị, sáng hôm sau về thăm ba, ba giận bảo các cháu rằng đi tụi bây nó sinh ra ở trên nhà má tụi bây đấy! Hôm sau tôi gọi điện thoại về thăm chị, chị hỏi: Di Sáu chừng nào đi về? Ở nhà trông di lắm ...

Tôi hỏi: Nguyên bây giờ ra sao?

Chị bảo: Nó cũng vậy đấy đi.

Tôi nói: Cho Nguyên xuất gia đi.

Chị bảo: Nó có muốn xuất gia đâu đi!

\*

Mùa đông Delhi lạnh và lạnh ngắt, đã hơn mười giờ sáng rồi mà mọi vật vẫn còn lờ mờ trong màn sương mù đặc. Nhìn ra xa, cây cối dường như im lìm chết lặng, không một cánh chim, không một tiếng hót như ngày nào cách đây đôi tháng. Cái lạnh như xé rách da thịt của tôi. Từng nổi nhỏ như len vào trong tận hồn một du học sinh xa quê như tôi. Tôi gấp sách, đứng lên, vung vai hít một hơi thật dài cho lòng ấm lại. Công việc hằng ngày của tôi phải đọc sách thật nhiều để tìm ý cho việc hoàn thành luận án của tôi. Luận văn của tôi gồm có sáu chương nhưng hai năm trôi qua mà tôi vẫn chưa xong chương nào ra chương nào cả! Tôi lo lắm! Nỗi lo đã làm cho tôi nhiều đêm không chợp mắt được. Tôi nghĩ đến Chị Hai, nghĩ đến Nguyên... tôi có khác gì chị Hai tôi đâu... tôi cũng lo lắng. Nếu chị Hai tôi vất vả ngược xuôi chạy tiền chạy gạo thì tôi cũng đang ngược xuôi trên con đường học vấn. Tôi ý thức bốn phận học tập của tôi không chỉ cho riêng tôi mà còn cho Thầy Tổ, cho huynh đệ, cho những người Phật tử thân yêu, cho chị Hai và chắc chắn cho Nguyên nữa! Tôi phải cố gắng và cố gắng hết sức mình, để đạt được kết quả như quý thầy cô đã đạt được. Tôi không dám thối tâm vì ở bên kia nhiều ánh mắt thân thương đang từng ngày, từng giờ dõi theo từng bước tôi đi, trong số đó có Nguyên, cháu tôi, người đặt hết mọi



niềm tin của nó vào tôi. Tôi biết sự thành công của tôi là niềm vui và hạnh diện của Nguyên. Ánh mắt hân hoan và mừng vui, mỗi khi tôi về thăm nhà Nguyên đã dành cho tôi, vẫn mãi mãi ngự trị trong tôi. Ánh mắt đầy tin yêu và kính trọng, tôi không thể nào quên. Hẳn nhiên tôi không bao giờ muốn nhìn thấy đôi mắt này với bao sự giận hờn, trách móc...

Giờ cơm trưa lại đến, tôi lững thững bước ra khỏi phòng, một chút nắng ấm ấm chiếu vào mắt tôi cái hưởng vị của mùa đông Ấn Độ. Màn sương đã tan đi ít nhiều để lại một màu trắng ngà ngà, dịu dịu dễ thương. Đi ngang qua hộp thư ở dãy B gần nhà ăn, mắt tôi dán vào một loại bì thư quen quen; Ờ thư Việt Nam! tôi reo lên, thư của tôi! Thư Nguyên gửi cho tôi! Tôi ngồi vào bàn ăn mắt vẫn không rời hàng chữ dễ thương trên phong thư nhỏ nhỏ. Trong đầu tôi, từng câu hỏi hiện lên sao Nguyên lại viết thư? Rồi tôi tự trả lời cho mình chắc là Nguyên nhớ dì Sáu. Ăn vội vã, tôi về phòng ẹ hơn bao giờ hết, tôi ngã mình lên giường đọc thư Nguyên.

*Dì Sáu ơi!*

Chắc Dì rất ngạc nhiên khi đọc những dòng chữ này của con. Lâu nay những trang thư gia đình gửi sang Dì đều do các chị và em của con viết cả, những trang thư này chính con viết cho Dì, để san sẻ cùng người Dì xa gia đình từ tấm bé. Dì ơi! Ba mẹ con, anh Hai, các chị em con vẫn khỏe và hằng ngày hưởng mát về phượng trời xa thăm ngóng chờ tin Dì; còn riêng con không có gì khác lúc nào cũng trông lên bầu trời cao xanh, hỏi làn mây trắng bao giờ Dì tôi trở về? Có những đêm con thấy Dì trong mơ, Dì về với con, Dì nghe con kể chuyện chùa, chuyện làm công quả, chuyện hốt thuốc nam, chuyện mấy ông Đạo tu trên núi Cấm. Dì bảo con đi tu, con không chịu con bảo con không dám làm thầy tu, chỉ thích làm người tu thôi. Dì cười thật tươi, Dì bảo con mở mộng! Con bảo rằng con không mở mộng? Dì bảo con ngộ ngẩn, con không ngộ ngẩn, Dì bảo con không thực tế, con bảo rằng con rất thực tế. Dì cười Dì bảo thì con sao cũng được. Dì ơi! Dì và mẹ con là chị em ruột thịt những Dì khác mẹ con nhiều lắm! Dì đã ra đi và chọn cho mình một con đường riêng biệt khi con mới được sanh ra, Dì bỏ lại sau lưng tất cả bụi trần, hưởng về khung trời thanh nhàn

và tinh khiết. Nói Dì ở, không nặng màu lo toan cơm áo, đừng Dì đi, không bận rộn bạc tiền. Người ta gọi Dì là "Sư Cô" vì lý tưởng của Dì không dừng lại nơi giải thoát cho mình, mà còn giải thoát cho người nữa. "Sư" có nghĩa là "Thầy" phải không Dì? một địa vị luôn luôn được mọi người tôn kính. Dì ơi! rồi đây hình bóng của Dì ngàn người ngưỡng mộ, lời nói của Dì muốn kẻ ghi tâm, và trong trăm ngàn muôn người ấy chắc chắn có cháu Nguyên của Dì nữa!

Dì ơi! Nhiều khi con cảm thấy hổ thẹn vì thân con yếu đuối, trí con kém hèn, con không sao gánh vác những trọng trách lớn lao trong gia đình, con chỉ muốn làm sao đèn ờn sanh thành dưỡng dục của cha mẹ con thôi. Con biết "Công ơn cha mẹ chẳng gì bằng, Nuôi nấng bao năm rất nhọc nhằn", nhưng trả hiếu theo quan niệm thông thường là làm sao kiếm được thật nhiều tiền để phụng dưỡng cha già, mẹ yếu, thì đối với trường hợp của con không tiện cho lắm, vì tiền bạc ba mẹ con không thiếu, gia tài của ba mẹ con không chỉ nuôi đủ ông bà khi tuổi về già, mà còn nuôi nổi tất cả anh em chúng con nữa. Mẹ con cho đến bây giờ tuổi đã năm mươi mà vẫn không quản ngại chạy theo tiền bạc. Ba con làm việc tuy không như mẹ những mỗi vụ mùa, lúa ông thu hoạch nuôi sống gia đình đến đôi ba năm, thì con làm chi nữa phải không Dì? Người xưa thường nói "Tiền tài như phấn thổ, Nhân nghĩa tợ thiên kim", song giống như mọi người, ba mẹ con mãi xoay vần trong phấn thổ quên bằng thiên kim. Vì thế con đã quyết định làm người tu rồi Dì ạ! Con không dám làm thầy tu như lời Dì khuyên, mà con chỉ làm người tu thôi. Con chỉ tu cho con và cho ba mẹ, con mong rằng con làm một người tu thật xứng đáng để đáp đền công ờn sanh thành dưỡng dục của ba mẹ đã dành cho con. Có lẽ khi trang thư này đến Dì, là con đã trở thành người tu hoàn toàn rồi. Mong Dì hưởng tâm cho con tròn bổn nguyện.

Kính thư Con NGUYỄN

Tôi kêu lên Nguyên ơi! con đúng! Những gì con suy nghĩ hoàn toàn đúng với lời Phật dạy không sai tí nào cả! Bổn phận của một người xuất gia là tự giác và giác tha, nghĩa là tự mang lại cho chính mình một cuộc đời an lạc và đem an lạc đó đến cho mọi người. Khi người xuất gia đã tự an lạc được

cho mình rồi, thì mọi kết quả xuất phát từ việc làm, lời nói và tư duy của họ đều mang lại lợi lạc cho mọi người. Con tự giới hạn cho con là người tu chứ không phải thầy tu cũng đúng, bởi vì khi con chưa tự tìm ra cho chính mình một niềm an lạc thật sự thì con chỉ là người tu, người đang cố gắng trên con đường Đức Phật đã đi và chú Tăng đang đi, nhưng khi con tìm thấy được sự thanh thản trong tâm hồn con, sự giải thoát mọi phiền phức vô minh trong tâm hồn con; khi con không còn thấy cái này là của tôi, là tôi, là tự ngã của tôi; khi con quán chiếu bằng tinh thức, mọi vật trong thế gian này là không, thì khi ấy đầu con không nói con là thầy tu thì con cũng là thầy tu rồi! Phật có bao giờ cho rằng Ngài là Thầy, là Đạo sư đâu, nhưng sau khi giác ngộ ở cội Bồ Đề tại thành Dạ gia, Ngài bắt đầu sống và thuyết giảng những điều gọi là chân lý cuộc đời, thì khi ấy qua cuộc đời Ngài, qua lời dạy của Ngài, người Ấn Độ lúc bấy giờ mới gọi Ngài là Đạo sư phải không con? Chú Tăng bây giờ cũng vậy! Tuy nhiên có những trường hợp có người chưa được an lạc, nhưng vẫn được gọi là thầy tu, bởi vì người ấy sống trong Tăng Đoàn của Phật. Chính sức mạnh của Tăng Đoàn đã làm cho người ấy được gọi là thầy tu. Tại sao vậy? tại vì nhờ sự sống chung với nhau, sự san sẻ tình thương cho nhau và sự sách tấn nhau người tu sĩ sẽ dễ dàng giúp cho nhau loại bỏ những phiền não từ thô đến tế. Nguyên ơi! người ta nói rằng: "một cây làm chẳng nên non ba cây chụm lại thành hòn núi cao", chính năng lực sống chung trong một tập thể bốn người trở lên này đã tạo thành sức mạnh để người tu sĩ Phật giáo được gọi là "thầy tu" con ạ!

Hình ảnh Nguyên, hơn bao giờ hết hiện ra rất rõ trong tôi như tôi thường nói đùa với các anh chị em của Nguyên, Nguyên là hình bóng ông ngoại tụi bây ngày trước đó. Ba tôi ngày ấy tánh tình và nói năng cũng như Nguyên bây giờ, chính ông đã giúp tôi trở thành người tu sĩ và bây giờ Nguyên lại trở thành người tu sĩ, tôi sẽ là ba tôi hưởng dẫn cho Nguyên đi đúng con đường.

(Delhi University)

Delhi mùa đông năm Mậu Dần

27.12.1998

Hồi ký:  
Võ Trường Sa

# GIÓ

## chuyển mùa



Tôi đã ngồi trên chiếc xe ca độc nhất của tỉnh Quảng Bình, chuyên dùng để chở khách đi máy bay của hãng Hàng không Cosara - Đồng Hới. Người ta không cho một ai đi trước được quá giang. Các bạn bè của tôi, 5 - 7 đứa sẽ rời thành phố tuyến đầu lửa đạn này vào cuối hè 1953, làm tôi yên tâm. Tôi tiễn đưa tôi hôm nay, ngay tại nơi mà ba năm về trước cũng chỉ mình tôi đưa tiễn chị tôi vào Nam một mình. Lần đi này có một nỗi náo nức đầu dây vì con đường đoàn tụ với gia đình, dù trên đất khách, được rút ngắn lại. Mười hai năm đón còi trên quê hương chất ngất máu lửa đã ghi lại dấu ấn bi thảm trong tâm thức đứa trẻ.

Phi trường Đại Lộc nằm phía bắc thành phố Đồng Hới, cách xa độ 7 km, bờ vó trên lưng đồi thoải thoải rất quanh hiu. Một đồn binh nhỏ cạnh phi đạo bằng đất sỏi đá dò nham nhỏ. Phát phở lá cờ tín hiệu màu trắng đỏ báo hướng gió, giúp máy bay hạ cánh. Bụi đỏ tung trời khi có

chiếc máy bay Dakota màu sáng bạc hạ cánh và cất cánh vội vã với số hành khách chứa đầy khoang máy bay. Sân bay trở nên trống vắng kỳ lạ, bởi vậy nó còn mang một tên gọi hình khác, sân bay Bờ-Hó, có ý nghĩa ngổ ngàng, đón lễ bằng quô.

Hướng đông là Thái Bình Dương, đại trường sa màu vàng nhạt chất chiu và cù mang làng quê nội Trung Bình, là một dãy cát hình tam giác, có đáy rộng 5, 6 cây số nằm về phía nam, đỉnh ở phía bắc là cửa Nhật Lệ; tất cả thoáng hiện qua ô cửa của thân máy bay. Dòng sông Nhật Lệ xanh biếc trong mùa hè muốn thuơ đang có nắng vàng trải rộng, dòng sông xanh niên thiếu của hồn tôi. Bến phà Quán Hàn quê ngoại, hững hờ chuyển đồ cồn hoang dã chia đôi dòng nước trôi xuôi. Âm u ngọn núi Đâu Mâu, dãy Giăng Màn, đèo Barèn... xa rồi dần theo cao độ và tốc độ của máy bay.

Máy bay đang bình phi, hướng về Nam trên quốc lộ 1, như sợi chỉ trắng mỏng manh ẩn hiện giữa màu xanh ruộng đồng và rừng núi. Trùng điệp và chất ngất của Trường Sơn thăm thẳm một màu huyền bí không còn biên giới nữa. Ngó ngác, bồn chồn, lo âu và nuối tiếc vẫn vó dấy lên trong lần đầu tiên tôi đi máy bay.

Phi cơ ghé phi trường Đông Hà thuộc tỉnh Quảng Trị sau 30 phút bay để lấy thêm khách. Ngọn gió Lào da diết và độc nhất của Việt Nam là đây. Không khí được hâm nóng từ nam Lào quốc như được nhiệt luyện, thổi qua những dãy núi đá, đồi trọc đầy sỏi nhỏ. Cái nóng tích lũy ngày và đêm cùng với bụi mù trời. Điều hiu đến thê lương, con đường số 19 Việt-Lào bị phế bỏ lâu ngày với đèo Lao Bảo bờ vó hoang dại.

Sân bay Phú Bài thật xa lạ và vắng lặng. Vài căn nhà gạch nho nhỏ, mái thấp, quét vôi màu vàng nhạt cạnh phi đạo hẹp như nằm gọn lòn vào rừng cây phi lao quen thuộc. Không quen một ai ở đây kể cả khách đồng hành nên tôi cặng bỏ ngõ hơn với núi đồi trùng điệp cận kề phía tây. Xe ca chạy qua trường Phú Bài vì có người bên cạnh chợt nhắc đến địa danh này, một thời nào trước đây là nơi bất an với nạn trấn lột, bắt nạp tiền mãi lộ đối với khách lữ hành. Cát xin màu, lùm bụi cây lá thấp bé vởi về xác xơ sa mạc. Không một bóng cây ven đường, không một mái nhà trên nhiều cây số đường trải nhựa nhỏ hẹp. Tôi cảm thấy khá thất vọng nếu đây là khởi điểm kinh đô Huế, những lòng vẫn chờ mong những cái mới lạ sắp đến.

Xe chạy đón điệu đến xã Hương Thủy mới thấy cảnh vật hồi sinh, những lũy tre làng quen thuộc, ngôi giáo đường nho nhỏ nóc nhọn vùng Gia Lệ, nếp nhà tranh có vẻ thanh bình...

Có vậy chủ, tôi tự nhủ mình. Xe đang chạy qua An Cựu, người đi lại rộn rịp hơn, nhiều quán nhỏ ven đường. Đồn cảnh sát ở ngã ba. Nhân viên cảnh sát giao thông mặc sắc phục, đang làm nhiệm vụ, trông đến hay mà ở Đồng Hới chưa hề thấy. Dây lều Morin, cầu Trường Tiền tuyệt diệu làm tôi ngẩn ngơ với ánh bạc màu sơn trên sáu vại mười hai nhịp như ôm lấy chiếc xe qua cầu, soi mình trên dòng nước Hường Giang xanh. Xe đỗ khách ngay trước cửa trụ sở của hãng máy bay, đối diện với chợ Đông Ba đông đúc. Tôi xuống xe gọn nhẹ với chiếc va-li nhỏ, lên xích-lô tìm nhà Cựu tôi ở đường Nhà Đồ trong thành nội Huế.

Đường Nguyễn Hoàng nằm giữa cổ thành và dòng sông Hương có nhiều cây xanh bóng cả bên đường đang rộn rã tiếng ve kêu. Tiếng chuông xe xích-lô nghe nặng nề khi quẹo mặt, ập vào cổng thành kỳ lạ, rất đồ sộ màu rêu phong, chậm rãi bò lên vòm cầu nổi liền hai bờ hào đầy sen đang khoe màu tó thắm, ngan ngát hương đưa và xao động mặt hồ.

Chiếc xe lòn qua đường hầm vòm cổng Thượng Tú man mác gió lồng. Xe rẽ trái giữa hai hàng phượng vĩ nặng trĩu ngàn hoa đỏ thắm đang mùa, chen lẫn những trái phượng dài thông thân mỏng. Cửa Ngọ Môn im lìm, dãy bên phải đối diện quảng trường cỏ úa rất rộng đến chân kỳ đài quá đồ sộ, có cờ vàng ba sọc đỏ tung bay trên cột cao chói vót. Tôi choáng ngợp cái vĩ đại đầu đời mình trông thấy.

Đến ngã ba Chuông Đúc, xe lại quẹo phải. Một vùng bình lặng. Vườn cây vuông vẫn bao quanh những ngôi nhà gạch, những villa nhỏ, những ngôi nhà tranh vách đất có quét vôi đài các. Những cây nhãn, cây đào cổ thụ, cây buôi đầy trái râm vàng đong đưa. Không còn cảnh rộn ràng bon chen ở đây.

Hai thế giới nội và ngoại thành chỉ cách nhau một bức thành cao sáu thước, một mặt hào rộng không sâu mà đã khác biệt hẳn.

Nhà của Cựu tôi ở ngay ngã tư đường rất dễ tìm. Cái xa lạ buổi đầu mới gặp mặt không làm tôi ngổ ngàng vì đã có nhiều liên lạc thư tín từ trước.

Giọng Huế nhẹ hơn qua hơi thở so với quê ngoại nhưng có phần gần gũi với quê nội của tôi về âm sắc cuối của các mẫu tự T, C và N, NG... Ngôi nhà tranh hai gian nhỏ và dãy nhà ngang thấp, cạnh cây đào đang đầy trái, bờ rào bằng trà tàu ôm mấy gốc cây vại và nhãn lồng, toát ra một vẻ yên tĩnh. Tôi gọi mẹ của mẹ tôi bằng Mẹ. Các Mẹ còn là danh xứng của các ông thuộc dòng hoàng phái đã đứng tuổi. Thế giới của con vua cháu chúa bây giờ không còn lộng hành như xưa, nhưng vẫn còn nhiều nề trọng vì Quốc Trường Bảo Đại đang tại vị, dù ở



xa tận thành phố Đà Lạt. Rất nhiều người ở đây còn muốn níu kéo thời gian trở lại để "vang bóng một thời" lâu bị mai một. Những cảnh mua quan, thẳng trật, lên lon... vẫn còn đầy dẫy.

Mẹ tôi giỏi tiếng Pháp, nguyên là nữ sinh trường Đồng Khánh trước năm 1940. Bà biết đàn bầu, đàn nhị, thổi sáo v.v... vì người anh ruột - ông Nguyễn Hữu Hòa - giỏi âm nhạc, đang làm Trưởng ban Cổ nhạc đại nội. Gia đình này thuộc bà con bên ngoại của vua, nên đều được lấy tên lót là Hữu. Đây là người vợ thứ năm của cậu tôi, tính theo lời ông ngoại tôi xưa kia.

Tôi trở thành cậu giáo dạy kèm cho 2 con riêng của mẹ và một con riêng của cậu, cũng may là đứa con trai chung mới vừa biết đi. Tôi dành nguyên một tuần lễ để tìm hiểu các trường học của xứ Huế. Khuôn viên trường Khải Định do nhà binh Pháp chiếm làm doanh trại. Học sinh trường Khải Định bấy giờ học chung nhưng khác đây lâu với trường Đồng Khánh. Đây là ngôi trường công nổi tiếng và đồ sộ nhất miền Trung, là cái đích thềm muốn của mọi người và cũng là niềm tự hào nếu gia đình có con em được theo học. Trường tư thực Providence, Pellerin do các Linh mục và thầy Thiên Chúa giáo điều hành, dạy dỗ, còn học theo chương trình Pháp từ năm thứ ba trở lên với học phí rất cao và cũng khó xin vào. Trường tư thực Trung học Bồ Đề trong thành nội, gần xé của Đông Ba, mỗi chỉ mở đến lớp năm thứ hai. Tôi ghi tên vào trường tư thực Trung học Nguyễn Du đang mở một lớp đệ tử lần đầu tiên, niên khóa 1953-1954.

Mấy dãy nhà gạch nằm sâu vào phía trong của đường Hàng Bè, trên bờ sông Gia Hội là cơ ngơi của trường. Trường nổi tiếng ngay, dù chưa khai giảng, nhờ Ban Giáo Sư chọn lọc và uy tín với nhiều thể hệ học sinh trước đây. Giáo sư Triêm dạy sử địa. Giáo sư Âu, thầy cũ của tôi từ Đồng Hới chuyển vào dạy lý hóa. Bác sĩ Chính dạy vận vật. Giáo sư Dương Kỳ dạy quốc văn. Giáo sư Chung Song dạy toán. Nhạc sĩ Nguyễn Hữu Ba dạy nhạc. Dạy về có Họa sĩ Đào. Pháp văn do Giáo sư Thâm và Anh văn do Giáo sư Hanh. Huyền thoại của một số lớn giáo sư đã có từ lâu.

Tôi nóm nớp chờ ngày khai giảng và lo âu về năm thi nhưng cũng hành diện về đội ngũ giáo sư dạy lớp đệ tử của mình. Các vị đều đang dạy các trường Đồng Khánh và Khải Định, là một bảo đảm rất đáng tin cậy đối với mọi người.

Truyện Kiều dưới sự dẫn giải của thầy Dương Kỳ làm nhiều người vừa tưởng tượng vừa thưởng xót cho cảnh hồng nhan bạc phận trong thuyết tài mệnh tương đố. Nỗi đau thương vay khóc muốn và nỗi đau hiện hữu của người dân ly loạn như cuốn

cuốn, chẳng thấy đâu là nước non một cõi thanh bình cả trăm năm qua. Thầy gây nhiều nỗi bâng khuâng xúc cảm, liên tưởng đến phận mình phận người, đến lòng thương nước yêu với các bài Thăng Long Thành Hoài Cổ, Qua Đèo Ngang... nhỏ nước đau lòng con quốc quốc. Người thầy trông khác khổ nhưng điềm tĩnh và mẫu mực tận tâm, sửa từng chữ, từng câu văn cho học sinh không bao giờ nhảm chán.

Giờ sử của thầy Triêm là một bài tràng giang đại hải không cần sách vở. Thầy nhớ từng chi tiết ngày tháng, sự kiện, gọi cảm, gọi hồn non nước trời đất dây dây với nỗi nhục mất nước, khổ đau man man tủi nhục của biển cố cung đình "Tứ Nguyệt Tam Vượng" sau khi vua Tự Đức băng hà, giữa cảnh cơ đồ nhiều nhường thủ trong giặc ngoài. Cả lớp gần 70 người, nhiều lúc cảm nín giữ lại niềm đau cho riêng mình hưởng về quá khứ và trong hiện tại về bánh xe lăn oan nghiệt của dòng lịch sử Việt Nam cận đại.

Thầy Nguyễn Hữu Ba như con ve mùa hạ, luôn luôn dùng tiếng đàn vĩ cầm quen thuộc thay cho bài giảng. Bàn đàn nhẹ nhẹ ngân vang khúc nhạc "Lửa Rừng Đêm" đầm ấm đoàn kết thổi thục, "Mở Tiếng Loa Xưa" gửi gắm tấm lòng nhủ thanh niên trong thời loạn lên đường cứu nước...

Những ngày mưa đi học rất cực nhọc. Gió bắc mưa phùn, mây đen phủ kín đầy trời. Mặt trời đi đâu mất, có khi hàng tháng trời âm u. Buồn tịch mịch đêm đông với tiếng trầm thống bi ai của loại côn trùng, cóc nhái, ếch ương, trong nhiều ao bàu ngập nước trong thành và khu đại nội. Âm thanh quá buồn nản, như đe dọa, tạo thành hợp âm ma quái, phản âm trầm đục của nhiều lầu son gác tía u uẩn quanh quanh.

Cũng may, những ngày đi bộ đến trường chấm dứt sau 3 tháng khai giảng. Cha tôi cho tiền lắp ráp chiếc xe đạp đầu đời. Chiếc xe mới nhất trong lớp tôi: sườn Peugeot, vô ruột Hutchinson, cảm và vành Mavic, phanh lam, giò đĩa hiệu Stronglight... toàn là của Pháp. Giã từ những ngày đầy luyện tiếc kéo lê đôi guốc, tạo âm vang cổ ý thật lớn trong những lúc trời nắng ráo, để trêu ghẹo mấy thầy cảnh sát gác cổng Thượng Tú, Cửa Ngăn là lối vào ra một chiều cho tất cả loại xe.

Lớp Đệ Nhất của trường Khải Định rất được coi trọng. Nấc thang học vấn cao nhất của miền Trung nằm tại Huế và dân Huế muốn học tiếp đại học thì vào du học Sài Gòn, ra Hà Nội hoặc sang Tây. Một vài ưu đãi nào đó dành cho học sinh nhưng không ai lợi dụng để phá phách, ngoài một vài sự đùa nghịch trêu chọc cảnh sát gác đường.

Địa phương có nhiều loại thuế tạp thu. Đám phụ quốc phòng 50 đồng một năm được miễn cho nam sinh trên 18 tuổi nhưng thuế xe đạp 10 đồng được thi hành triệt để, tạo bất mãn cho học sinh rần rần. Chiếc xe đạp được nhắc ngược yên xe, nối giấu sẵn thẻ thuế xe bằng đồng, để trình cảnh sát khi bị khám xét, hàm ý nhục mạ chính quyền. Có lẽ sự phản kháng tiêu cực này có kết quả nên chính quyền ngưng thi hành không lâu sau đó.

Cả thành phố Huế lúc bấy giờ chỉ có 2 cơ học sinh đệ tử trường Tư thực Nguyễn Du ngồi bàn đầu. Nam học sinh của trường này có đầy đủ thành phần từ Quảng Bình, Quảng Trị, Huế và Đà Nẵng... nơi tụ các anh hào ngà ngựa trường công lập Khải Định. Tôi không đón lễ, bên mình vẫn còn 8 đứa bạn của trường Trung học Châu Phước Phụng, Đồng Hới, chuyển trường như tôi.

Đêm Trung Thu 1953 của cố đô có tổ chức thi lồng đèn ở bến Thượng Bạc trên bờ sông Hương, dưới cơn mưa nhẹ chột đến chột đi. Ngàn sao thấp thoáng trong đám bụi hơi sương. Lễ phát thưởng khá tưng bừng khi đêm đã về. Trăng rất tròn nhưng không rõ mặt vì màng mây mỏng bay qua.

Tôi nằm nhà nghe mưa rơi nặng hạt giữa khuya. Cường độ mưa tăng mãnh liệt, không có gió quay cuồng báo hiệu giông bão sắp đến. Con đường trước mặt nhà rất vắng vẻ, ướt át, không được mắc điện từ lâu. Trời rất tối, đêm Trung Thu nhưng không còn ánh trăng dù sức xé màng mây dày kết sùng nước.

Tôi chợt thức vào lúc gần sáng. Không khí có vẻ xôn xao và trời trở lạnh hơn. Một hiện tượng là lạ bỗng bành đầu đó.

Nước bắt đầu ngập sân. Nước tràn vào nhà rất nhanh. Cả nhà đều thức giấc, kê nâng cao giường phản, thu gọn vật dụng để tránh nước lụt. Vô ích, nước dâng rất nhanh vào lúc trời sáng. Rất nhiều tiếng la cầu cứu ở xóm nhà quanh hồ, quanh các ao rộng và rất sâu mà ngày xưa được đào để lấy đất xây kinh thành. Phải tàn cư tránh lụt, tôi bàn với mẹ tôi khi không còn có thể đôn cao ghế bàn làm điểm trú chân.

Tầng lầu cao của ngôi nhà đang xây dang dở của hàng xóm đã chật người. Một mình tôi lội trên dòng nước đục ngầu, lênh bành các vật dụng trên đời đang trôi nổi, để chuyển nhanh 6 người nhà đi tránh lụt.

Biển nước mênh mông sâu hoắm. Ngay trên nền nhà, nước đã dâng ngập quá đầu gối. Khu nội thành trở thành một hồ chứa nước, giới hạn bởi bốn tường thành cao, có chu vi gần 10 cây số. Những đôi mắt thất thần của đám gia súc heo, bò trầm mình dưới nước đang rã rời tìm nơi dừng chân. Những cặp mắt hiền từ vô

vọng ấy nhìn tôi qua cửa sổ, có một vẻ cầu khẩn của loài vật tham sinh úy tử. Tôi bỗng cảm thấy sợ băng quố trong một nỗi thương tâm. Những bộ vó quấy nước đỏ dần, bôi lội chậm chạp xa dần, để lại mình tôi với bầu chuột leo trên đòn tay, mái nhà trốn lụt. Chuột hình như không sợ người trong buổi ấy, chúng giương đôi mắt tròn xoe, run run bộ lông xù dầm nước.

Hai ngày sau nước rút. Nước rút ngày càng nhanh vì trời đã ngừng cơn mưa lớn. Nhiều chiếc dờ ven sông đã vào tận đại nội để tránh lũ và nước xoáy, phải tất tả vượt ra khỏi mấy cống thành có nước chảy rất xiết.

Núi điện Hòn Chén nổi tiếng thiêng liêng nhất ở vùng thượng lưu sông Hương, sạt lở mất một phần tiền điện. Vùng Kim Long, Nguyệt Biều có nhiều dây nhà ven bến bị cuốn trôi trọn vẹn. Ruộng biển ở ven sông bị xóa gọn một phần lớn. Thiệt hại vật chất thật lớn nhưng mất mát vĩ đại về phương diện lịch sử. Nhiều cống thành sụp đổ do nước xoáy mạnh vào lòng đất trong khi rút nhanh như dòng thác hẹp.

Cửa Chương Đức, Nhà Đờ, Chánh Tây... bị bật móng, ngổn ngang gạch ngói. Vùng nước xoáy kế cận chân thành biến thành ao sâu. Một phần bức tường thành đây hàng chục thước đồ sộ, chông chắt lên nhau. Vọng lâu ba tầng cao, lẫn kèn trên mặt bùn. Những cây đại thụ, những nạp tre dày kịt, vườn cây trái của nội thành tróc gốc rễ, ngã rạp càn lồi.

Cổ thành Huế gặp đại nạn hồng thủy lần đầu tiên từ ngày được xây dựng hơn 150 năm nay, đã xóa nhòa nhiều dấu vết của triều Nguyễn. Cũng rất may, lụt không đi kèm với bão nên nhiều sự nghiệp vẫn còn, chưa quá đổi tang thương. Dù sao, Huế thơ mộng, rồi Huế hưng dữ đã lưu lại nhiều dấu vết nào nung, làm chạnh lòng ai, của trận lụt lịch sử năm Thìn này.

Quân Lục Việt Nam đang hình thành những hoàn toàn nằm trong tay quân đội Pháp, do tướng Nguyễn Văn Hinh, dân Tây và vợ dầm, chỉ huy. Đại tá Nguyễn Ngọc Lễ, nguyên Chỉ huy trưởng Việt Binh Đoàn Trung Việt, là sĩ quan cao cấp nhất của Việt Nam tại đây. Chính sách thay màu da cho xác chết man nha từ đây với nhiều Tiểu Đoàn lưu động Việt Nam nhưng vẫn do Pháp chỉ huy trực tiếp, trong thế sa lầy và dần mòn quân trên diện địa rộng.

Một tôi xin đi học khóa đầu tiên Nữ Trợ Tá quân đội tại Sài Gòn trong 6 tháng. Tôi thật sự trở thành vợ em, ngoại trừ chiều thủ bầy và ngày chủ nhật có cậu tôi từ Trung Tâm Huấn Luyện Văn Thánh về thăm nhà.

Việc học chiếm hết thì giờ của tôi. Năm đệ tử là năm bàn lễ của một đời người trong buổi ấy, nếu không thì đậu. Phòng

động viên Đệ Nhị Quân Khu, đóng gần cửa Thượng Tử, đã bắt buộc tất cả học trò đang học từ Đệ Tử trở lên, trong hạn tuổi 1935 phải đăng ký vào danh sách Sĩ Quan Trữ Bị Thủ Đức. Việc bắt lính thật vô tội vạ và tùy tiện. Người anh con bác tôi - Võ Văn Sang - đang học lớp Đệ Ngũ trường Đồng Hới cũng bị bắt đi học Hạ Sĩ Quan tại thành Mang Cá, Huế, để đáp ứng tổn thất đang gia tăng về phía Liên Hiệp Pháp.

Một cái Tết tha phướng trong khung cảnh trầm nhang khói tòa âm u của xứ Huế. Người ta cúng bái quá nhiều, từ trong nhà đến bàn thờ ở ngoài sân được gọi trọng vọng là thiên đài rồi đến của ngô, bụi tre, những nắm mồ vô chủ rải rác đó đây.

Nạn ăn cắp vặt rất phổ biến. Những nài chuối cúng chùa tàn cây nhang có thể bị biến mất nếu không canh gác. Con gà luộc đầu năm để cúng thờ địa cũng bay nhanh dù không còn đủ lông cánh. Không ai dám chửi bọn cô hồn sống, sợ trả thù và kiêng cử đầu năm.

Tôi và mấy bạn cùng quê lần đầu tiên vân cảnh chùa Linh Mục, chùa Tử Đàm, Bảo Quốc rồi tò mò qua chùa Sư Nữ nhìn trộm các sư cô trầm lặng trong tà áo màu lam kín đáo. Các kỳ bí và âm thầm nhẩn nhục của con người và cảnh vật thật yên tĩnh ở chốn này, tương phản với cảnh ba đào của những cơn lụt chột hiện chột biến trong mùa mưa và cái xô bồ, kính khiếp, lợm giọng của một khúc đường Chi Lăng gần mà ông Trọng là xóm yêu hoa lộ liễu, cũng như "hạm đội" thuyền dọc bến sông Hàng Bè, khúc gần cầu Gia Hội, đầy đầy "chị em ta" niu kéo sỗ sàng khi trời vừa sẩm tối.

*"Sông Hương nước chảy lờ đờ*

*Dưới sông thời dĩ trên bờ thời vắng"*

Chuyện ầu đã giữa linh ta, linh tây, do ăn quýt chơi lường, vào những ngày cuối tuần xảy ra liên miên. Quân Cảnh và Hiến Binh Pháp chắc không có nhiều việc để làm, ngoài việc đi giải quyết các chuyện thường tình mà bị đất hủy hoại gia phong này.

Huế vẫn thanh bình trong chiến tranh. Một Trung Tướng Pháp, Tư Lệnh Lục Lữ Lượng Liên Hiệp Pháp có mặt thường trực tại đây với đầy quyền uy. Ông Phan Văn Giáo, Thủ Hiến Trung Việt, vẫn chiều chiều lái ca-nô trượt nước, xuôi ngược dòng sông Hương, qua cầu Trường Tiền đến vùng Vi Dạ hoặc có mặt ở sân quần vợt náo nhiệt ở cạnh phía bắc chân cầu này với tiếng reo vang, cổ vũ của đám thuộc hạ tán thưởng cú đánh hay của chủ và cũng không thiếu tiếng xầm xì về con đường tình sung mãn, là lượt của ông được theo dệt thêm.

Quân nội thành nằm gọn giữa 4 bức tường thành với 10 cửa cống nhưng chỉ

có 3 lối lưu thông được canh gác ngày đêm. An toàn hầu như tuyệt đối và sự yên tĩnh của cư dân được bảo đảm. Xa rời tiếng đại bác bắn yểm trợ và cũng vắng bật tiếng đạn bom gầm thét. Tôi bỏ ngoài tai mọi việc khác. Nỗi lo thì củ bắt buộc tôi quên ngày nghỉ. Bài vở nhiều và khó hơn. Cùng mấy bạn thân, tổ truy bài được thành lập và tìm nơi yên tĩnh hơn để "gạo" bài thi.

Bến Phu Văn Lâu rất quen thuộc vào những chiều nắng. Tám mát nước chảy qua thềm Phu Văn Lâu để nhận ra niềm sâu tui như câu hò mái chèo ngậm ngùi xưa ... *"Chiều chiều trên bến Phu Văn Lâu ai ngồi ai câu ai sầu ai thảm..."*. Một vài con thuyền lại bến cắm sào đong đưa đội khách tìm hoa kín đáo ban ngày.

Hoạt cảnh thường thấy dưới bóng râm của rừng cây chốn này là vài cô gái mình dây, đơn đả, đong đưa chiếc đòn gánh như nhún nhảy theo bước chân đất thon thon. Vò đậu hủ bằng sành, ú kín trong giỏ mây đan công phu. Thấu đường cát với chông chén cạn lòng. Tiếng rao trầm đục những hơi thanh: đậu hủ!, mời chào khách hóng mát công viên đẹp nhất của Huế đô. Tà áo dài khép nép như tất cả đàn bà khác ở đây mỗi khi có việc phải ra khỏi nhà. Chén đậu hủ mang dáng vẻ tinh khiết, được trình trọng mức từng lát sữa trắng rất mỏng, mấy muỗng đường cát trắng tinh thêm vào và vài giọt chanh tươi. Thật mát lòng mát dạ, dù đậu hủ rất nóng, phải vừa ăn vừa thổi.

Không ai ăn một chén đậu hủ bao giờ, phải ăn liên tiếp nhiều chén mới đã thêm, làm cô gái bận rộn liễn tay nhưng không quên nụ cười chiêu khách.

Lúc cao hứng, bạn bè mấy đứa kết hợp lại "ăn bao" đậu hủ, ăn đến lúc không ai có thể ăn thêm được nữa, với một số tiền nhất định phải trả đã được thỏa thuận trước. Trên thực tế người bán không bao giờ bị lỗ vốn vì bọn học trò háu ăn do đói mất nhưng bao tử ai cũng có giới hạn. Lối ăn quà vặt như vậy luôn luôn tạo một sự vui vẻ cởi mở cho cả hai phía.

Buổi trưa nắng gắt thì thân nóng sùng to rộng của 9 khẩu đại thần công trước của Ngọ Môn và kỳ đài là giường nằm, là bệ học, để nghiên ngâm bài vở của trường. Muốn tuyệt đỉnh yên tĩnh, hãy tìm đến các vọng lâu của mấy cống thành đang khóa kín, tầm mắt được phóng ra xa, nghe gió vi vu nhẹ nhàng qua vòm cổng nặng nề có ánh sáng trong vắt những mát mẻ đến rộn người. Tưởng soái, quân reo, ngựa hí ở đây một thời, bây giờ ở đâu! Lòng hoài cổ bỗng mang mang. Trong cái trầm mặc ấy có nét tự hào và khâm phục tiền nhân đã có công dựng nước, mở mang bờ cõi.

Một nỗi buồn chợt đến. Cha tôi phải vào nhà thương để mổ bao tử. Thời bấy giờ,



1954, việc mổ xẻ này như một tai họa khó lường. Tôi phân vân lo lắng dù biết mình chẳng giúp được gì. Cha và con đang ở hai phương trời Miên-Việt xa cách hơn 1.500 cây số nhưng nỗi đau lòng của người con ly biệt trên 10 năm qua đâu phải thường tình. Trong khi truyền thống Việt Nam, tội bất hiếu qui vào ba điều: Không nuôi dưỡng cha mẹ lúc còn sống; không lo thuốc thang lúc đau yếu và không chôn cất khi tử trần. Tôi đã bắt đầu hiểu nên lòng thương tủi xót xang, tự dẫn vật.

Có may cũng đã đến với gia đình. Một bác sĩ quân y Pháp đã tận tình giải phẫu ung loét kịp thời, cứu được bệnh nhân đau bao tử kinh niên với lời hứa hẹn sống thêm ít nhất cũng 10 năm.

Tôi cảm ơn đấng Thiêng Liêng mà tôi hằng tin rằng có ở trên đời này để một ngày gần đây gia đình chúng tôi được đoàn tụ.

Học sinh của miền bắc Trung Việt phải tập trung tại Huế để dự kỳ thi Trung Học Phổ Thông Đệ Nhất cấp. Cảnh rộn rịp lều chông ngày xưa không còn, nhưng những nét mặt ngỡ ngàng, những tia nhìn ngạc nhiên, khâm phục về cổ thành nguy nga của đám thanh niên xa lạ, tự nói lên mình là sĩ tử tỉnh lẻ mới đến cố đô lần đầu. Sự rộn ràng của mùa thi, sắc hồng thắm của phượng vĩ, tiếng ve sầu âm vang lầu son gác tía, thành quách cổ, hòa nhập vào nhau tạo ra một trạng thái hưng phấn, hy vọng trong tiếng nhạc rền rĩ từ loa phóng thanh của Ty Thông Tin, qua bài hát thời thượng:

... *Thi ôi là thi, sinh mi làm chi... để khóc cùng cười...*

Hai ngày thi viết đầy hơi hớp. Một tuần lễ sống trong phạm phòng hơi hớp tới đa để ôn thi và chờ kết quả. Trên 400 thí sinh cho một miền Trung có chiều dài gần 1.000 cây số bờ biển, đều có chung tâm trạng này.

Lễ xướng danh đậu thi viết được tổ chức tại trường Đồng Khánh. Tà áo trắng ai bay, làn tóc xỏa đen huyền ngang vai và chuyển dò Thừa Phủ như đi vào cõi mộng, không làm ai quan tâm nữa. Không nghe ai nhắc đến tên mình là một thất vọng cực kỳ. Đệ nhất buồn là cái hồng thi. Có một cái tên rất lạ trong lúc xướng danh năm đó: A-Trang. Cái tên tạo ra một cơn sóng cuồng reo hò: A... A... A...! Làm nhốn nháo sân trường. Cô gái Huế ấy được qua kỳ thi viết.

Thi vấn đáp thật ngộp thở. Thầy hỏi bài tùy hứng mà trò thì nặng mối lo âu, thần sắc hầu như không còn bình thường, trống ngực rộn ràng muốn bật cả con tim. Tôi vượt qua "vũ môn" này với kết quả không tồi. Trên 50% học sinh trúng tuyển kỳ nhất. Bức điện tín của cha mẹ tôi hân

hoan về trái ngọt đầu mùa này đã quá đủ cho tôi.

Pháp đã thua trận ở Điện Biên Phủ sau gần 2 tháng bị bao vây và lấn chiếm. Sự bại trận này góp phần không nhỏ trong việc rửa mối nhục vong quốc với 100 năm nô lệ. Hội nghị Genève đến hồi quyết liệt. Tiếng sáo chiêu hồn nước bên bờ hồ Thụy Sĩ của ông Hồ Thông Minh không làm xao động những trái tim sắt đá vị lợi của các cường quốc. Ông Mandès Franc được bầu làm Thủ Tướng Pháp với toàn quyền hành động trong thời hạn 60 ngày để giải quyết vấn đề Việt Nam. Biến cố theo nhau dồn dập đến những đầu đây có một niềm hân diện chiến thắng của dân tộc, đồng thời có nỗi buồn ly cách đang dâng.

Một Ngoại Trưởng Việt Nam, Bác sĩ Trần Văn Đỗ, khóc trong ngày kết thúc hội nghị là nỗi ngậm ngùi cay đắng giữa cái được và cái đang mất. Bài *Hồn Sông Gianh* một thời phân tranh chưa quên đang được nối tiếp theo *Hồn Sông Bến Hải*.

... *Nhìn dòng Bến Hải chia xa  
Mà nay cách trở sông hà dẫu đau...*



Tôi thấy rõ lòng mình đang mất đi nhiều thứ. Vĩ tuyến 17 ngăn đường quê hương. Việt Nam chia cắt cũng chính là lòng tôi bị chia cắt. Cuốn cuộn như sóng cồn thường tiếc nhớ nhung. Cái tâm thường nhất sẽ trở thành vĩ đại sau khi đã mất đi vĩnh viễn!? Chỉ có những ai bị thật sự mất quê hương mới cảm thông nỗi buồn xé ruột nát lòng đó.

Cậu tôi khuyên tôi nên về quê một chuyến trước khi quá muộn để sắp xếp dùm việc gia đình của cậu. Bà vợ cả của cậu mấy năm nay sống cô đơn để giữ nhà, vườn, ruộng rẫy ở quê hương. Gia tài tạo dựng từ một đời người chắt chiu cho mai hậu. Người con gái độc nhất của mẹ đã vào Nam mấy năm trước.

Trên các chuyến bay tăng cường vội vã, nhiều gia đình đã lệch thếch ra đi. Sông Nhật Lệ đã thật sự chày nước mắt già tử. Thành phố Đồng Hới đang giãy chết với tốc độ nhanh, sau khi Hiệp định Genève được ký kết. Cảnh tắt bật hồi hà trên

đường phố được phối bày qua nhiều bộ mặt bi thương.

Đến ngày 1.8.1954, chỉ còn một đường bay duy nhất, hạn chế hoạt động ngày một chuyển. Bạn thân của tôi, Nguyễn Hùng Khanh, về quê ở vùng Quảng Khê, thăm gia đình lần cuối, đã vội vã trở lại Huế với hình ảnh sông Gianh ly hận.

Phong trào dịch vận của Việt Minh thật rầm rộ. Nhiều lính đảo ngũ, trong số này có người anh họ từ Huế về bằng chuyến bay cuối cùng. Nét bi ai của kẻ bại trận đầy thống khổ. Khi nào liệt liệt oanh oanh, bây giờ quần thần Pháp-Việt im hơi, ló láo bước qua cầu tàu tạm bộ của Hải quân Pháp ở bến Chùa Tàu. Con đường độc đạo vào Nam bây giờ là đường biển thông qua cửa Nhật Lệ vào Đà Nẵng.

Cả hai bên địch và bạn đều tuyên bố cho thường dân được đi lại tự do. Tôi và chị họ rời vùng tạm chiếm những đường đường nhiên được giải phóng, ngao du vào an toàn khu của Việt Minh. Tôi không nhớ rõ, những làng ấy ở thượng nguồn và nằm ven sông Kiến Giang, một nhánh của sông Nhật Lệ. Chúng tôi phải mất 5 giờ đồng hồ đi bộ từ làng Trung Bình quê tôi.

Anh Đoàn Chí Thiện, con trai duy nhất của O (bà cô) tôi, thoát ly từ 7 năm về trước, bây giờ đã có vợ, làm y tá địa phương. Chúng tôi rất mừng gặp lại nhau. Một vùng quê mới hồi sinh trên những tro tàn, những căn nhà tạm bộ bé nhỏ tí teo; thấp lè tè qua hàng chục lần bị tàn phá. Gạo ăn được tính chi ly từng lon sữa bò. Nồi cơm nho nhỏ. Thức ăn rất đạm nhưng tinh thần được thỏa mãn nên rất khoái khẩu. Một đêm ngủ trong vùng "địch" rất bình yên, không có một ngọn đèn dầu le lói vì quen thói tiết kiệm và giữ bí mật trong thời chiến. Hàn huyện bất tận. Giấc ngủ đến tự bao giờ.

Chúng tôi phải thức dậy sớm, khoảng 4 giờ sáng để đi xem chợ theo thông lệ cũ, tránh máy bay oanh kích. Cảnh chợ âm phủ, mờ ảo mặt hàng. Sự nghèo nàn có cực của vùng giải phóng như trùm lấy ngôi chợ tạm bộ, thừa thớt, không có một quán hàng ăn. Mấy thúng khoai sắn, mớ rau lang, vài quả bầu bí, mùng gạo nhỏ, rổ cá bé xíu mới được đánh bắt, những bó chè tươi xộc xệch, vài trái bắp và củ sắn luộc gầy guộc với giá rất cao, gấp hàng trăm lần so với tiền Đông Dương Ngân Hàng. Họ tiêu dùng bằng bạc Cự Hồ nên giá trị thấp. Tôi hết ngạc nhiên vì sao nhiều người đi chợ phải mang theo cả rổ bạc bộn bề. Sinh khí đã trở lại nơi đây, không ai còn nơm nớp sợ Tây tới bắt thần nhưng lo âu nào đó còn thoáng hiện. Sự đổi đời này chưa thể làm thay đổi tức khắc thói quen cảnh giác xưa nay.

Tôi rời vùng "tự do" sau hai ngày mà không hề luyến nhỏ, còn cào một nỗi đau của đất nước chậm phát triển mà gặp nhiều tai ách, nhưng lòng thỏa mãn đã được gặp lại anh minh.

Quê nội của tôi bây giờ đã có nhiều cán bộ mới, là nơi tiếp nhận đào binh, rã ngũ tử thành phố Đồng Hới. Dẹp râu, xắn-cốt bên hông, hom hem trong bộ quần áo xám xịt nhần nheo, cán bộ Việt Minh cấp tỉnh về làng để tuyên truyền chính sách mới của chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa.

Hàng đêm, trên bãi cát sau đồi, dưới ngọn đèn dầu leo lét, tôi phải cùng bà con đi họp để nghe cán bộ giải thích. Mấy tờ truyền đơn nhàu nát, tờ báo của Liên Khu Tư khổ nhỏ, in lem luốc bằng giấy rất thô, được mang ra đọc và bình luận theo cảm tính tự cao. Họ quanh co giải thích vì chính họ cũng chỉ hiểu lơ mờ nội dung và không ai dám dồn họ vào ngõ bí. Một bầy cừu trên hoang mạc. Một tâm trạng nửa tin nửa ngờ.

Qua mấy lần tham dự, tôi nhận ra nhiều vấn đề bế tắc như buôn bán tự do, đi lại, tôn giáo v.v... sau khi hòa bình lập lại. Tôi đã có chủ tâm và thực tế đang cùng cố ý định của tôi.

Chính quyền Việt Nam trong những ngày còn lại khá tồi mốt. Họ cho tôi được thăm viếng một người anh họ, anh Võ Thạch, đang bị cầm tù tại nhà lao Đồng Hới vì bị tình nghi thân Việt Minh. Anh khuyên tôi nên tiếp tục học về chuyên môn và không đề cập đến chuyện tôi nên ở lại hay ra đi. Tôi cũng không cho anh hay ý định vào Nam của mình, ngoại trừ một ông chú họ, chú Võ Hữu, khích lệ tôi lên đường.

Pháp đã tháo gỡ nhiều cơ sở để chuyển dần xuống tàu thủy. Toàn bộ hệ thống cầu phao bắc qua sông Nhật Lệ để thay thế phà Quán Hàn thuộc làng ngoại Văn La của tôi, đã được kéo về Đồng Hới, dưới sự phản kháng của đoàn biểu tình đi bộ dọc bờ sông. Việt Minh đang tổ chức nhiều bộ phận dân chúng khác để làm tri hoãn, ngăn chặn việc chuyển vận vật liệu và nhiều hàng hóa quan trọng. Cảnh vận động thân nhân níu kéo người nhà trên bến sông thật ảo não, làm không ít người mũi lòng bỏ cuộc khởi hành. Cuộc phản kháng mạnh nhất xảy ra khi tất cả tù nhân tại Đồng Hới bị mang xuống tàu di chuyển vào Nam. Họ sẽ được trao trả trong vòng 50 ngày sau ngày Hiệp định Genève có hiệu lực.

Đêm nay trời trong, trăng biển rất sáng. Cán bộ không tập họp dân có lẽ vì đề tài đã cạn và ai cũng bắt đầu chán nản. Con đường làng như chỉ dành cho tôi đi. Vẩn bãi cát vàng mịn màng. Kề đá im lìm sóng vỗ nhẹ, hơi thở của sông. Hàng đũa soi bóng nước đẹp nào nùng. Dây

cây phi lao vắng lặng thăm thì. Lòng tôi rộn rã nỗi buồn chia ly dưới giải trắng suông.

Người bạn gái duy nhất không dám đưa tiễn, phút chia tay thật lặng lẽ. Lời hẹn hò trở lại mở hồ vào hai năm sau ngày Nam Bắc tổng tuyển cử. Một đêm thao thức, đần đo cũng bằng thừa. Tôi vẫn nhớ lại rất rõ lời chú tôi nói như khẩn thiết: "Cháu nên đi, cháu hãy nên đi...". Cả một gia đình toàn vẹn đoàn tụ ở phường Nam Nũ, có một trọng lượng quyết định sau cùng.

Chuyến dò ngang sông Nhật Lệ sáng nay có thêm một người trai mới lớn băng khuâng trong lòng. Tôi ngồi ở mũi thuyền nhìn dòng nước chảy xuôi. Con sông tình tự của chuỗi ngày thơ ấu vẫn vô tình. Cơn sóng nhẹ mơn man ở mạn thuyền dưới hai mái chèo quẩy nước chậm chậm. Không ai vội vã, bon chen ở khung trời này. Thuyền không trôi mau nhưng lòng tôi dần xa vắng; man mác một nỗi u buồn ly cách. Tôi đã lên viết mấy dòng thư gửi biệt cất trong hộc tủ mà O tôi thường mở hàng ngày. Tôi không có can đảm nói lời từ biệt trực diện với con người ruột thịt ấy. Biết đâu tôi lại bị thuyết phục. Biết đâu tôi bị cản trở ở lại để yêu quê hương thường mến do Việt Minh mới tiếp thu này.

Con đường Huỳnh Côn quá quen thuộc đưa tôi đến nhà người bạn, Hoàng Quốc Anh. Tôi không dám lộ mặt ra khỏi nhà này. Hôm nay là ngày 15.8.1954, ngày cuối cùng của Pháp rời tỉnh Quảng Bình theo phụ ước của Hiệp định Genève.

Bạn tôi là con thoi đi quan sát, nghe ngóng, thu thập tin tức liên quan về chuyển đi của tôi. Tôi thông cảm với bạn phải ở lại với bà nội quá già và mấy đứa em còn nhỏ. Chúng tôi đã hiểu nhau từ lâu qua 4 năm gần bó cùng trường.

Con người ấy tầm thước, tóc hớt ngắn, bóng ngà dài trên đường chiều vào khoảng 5 giờ còn nắng gắt, đi trước tôi một đoạn để dò đường. Tôi giả mình là một gã vô tâm đang lang thang via hè vắng lặng có nhiều nhà vắng chủ đang khóa kín. Tàu đổ bộ của Pháp đang vào bến Chùa Tàu. Tầm búng thép trước tàu vừa hạ xuống, tôi nhanh chân hòa vào dòng người di cư bước vào lòng tàu, không kịp nói với nhau lần cuối cùng. Chắc bạn hiểu cho lòng tôi đầy cảnh giác và đang bấn loạn buổi ấy.

Sinh ly!

Lớ nhố trên bến sông, phía trước mặt đình Đồng Hải kề cận, một đám người đang níu kéo nhau. Nước mắt và nước mắt. Lời vỗ về, phù dụ thân ái. Kề muốn ở lại, người quyết ra đi trong tâm trạng rối bời. Man man trên bến sông Nhật Lệ, sầu muộn và giọt lệ này cho ai!

Tôi quay mặt như ẩn người giữa boong tàu đã chứa chất nhiều người đều cảm

nín và cảm thấy yên tâm khi máy tàu rộn rịp chuyển động hơn. Tàu chậm rãi lui bãi, rời bến đèo hiu ra giữa sông rộng và cập vào mạn chiếc tàu buôn Tôn Thất Kỳ đang có nhiều người đồng cảnh di cư.

Hồi còi già biệt sao mà làm ly thốn thức. Giọng trầm buồn chế ngự khúc sông chiều im gió.

"Kéo neo tàu chạy ra khơi..." là câu hò quen thuộc xa xưa của vùng này, đã âm thầm trở lại nơi chốn quanh quê này, để ai tiễn đưa ai trong một lần đi mịt mù cả nước.

Màu xanh bích ngọc của nước sông mang màu sắc biển khơi, tiếp nối màu vàng trùng điệp của động cát nối nhau hàng hàng rồi rừng cây phi lao buồn thâm và bên kia, phía đối diện của dòng chày, là sắc trời chiều đang nghiêng bóng cả Trường Sơn chập chùng xuống đáy nước - tiễn tôi đi. Tôi chậm bước thân thờ trên boong con tàu sắt âm âm run rẩy tiếng máy và cuộn cuộn sóng ở phía cuối thân tàu, như cố quên đi nỗi sầu xa xứ. Lòng hoang vắng, chùng lại. Đôi mắt ngẩn ngó, cố tóm thâu hình ảnh cuối cùng của quê hương tôi đang xa mờ.

*Mây biếc nồng hương bồ cát lạnh*

*Hàng hàng đường liễu lướt song song*

*Thường lên ngọn sóng đau lòng núi*

*Ta khóc Trường Sơn nước chuyển dòng.*

Làng Tam Tòa và hai làng đối diện bên kia sông, tiếp giáp với cửa bể Nhật Lệ: Cảnh Dương và Mỹ Cảnh, đều bỏ tất cả nhà cửa con nguyên vẹn để ra đi từ mấy ngày trước. Các làng này hầu như toàn tông Thiên Chúa giáo, từ bỏ thế gian nhỏ bé hôm nay để linh hồn được cứu rỗi vì "Chúa đã vào Nam" ! Có người nói nhỏ với tôi như thế, nhưng tôi không tin vì Đấng Cứu Thế nào lại bỏ rơi con chiến trong cơn bĩ cực nếu họ còn ở lại với quê hương mình ?

Chiếc tàu tăng tốc ra khơi sau khi thận trọng vượt cửa biển hẹp. Sóng lớn đã rạt rào. Mũi tàu xé nước. Hồi còi tàu từ già bến cảng Nhật Lệ vẫn còn níu kéo mảnh hồn tha phương như nức nở truyền thống. Không còn bến bờ nữa. Trăng hạ tuần lên chậm. Ráng đỏ cuối cùng còn le lói trên chóp đỉnh Trường Sơn ở phía tây nhưng không còn đủ sáng để soi đường. Hoàng hôn đi rất vội. Bầu trời thoắt đã trở nên tím ngắt để ngã thành một đêm đen có sao lấp lánh. Chỉ còn tiếng máy gầm thét trong gió khơi lồng lộng qua boong tàu. Con tàu rất bề thế trong sóng đường ấy nhưng bây giờ nhỏ bé đến vô nghĩa giữa bể khơi mịt mù tăm tối. Tôi chỉ còn không bằng hạt cát của Thái Bình Dương không bến bờ trời nước tiếp màu.

Mỗi mặt, buồn phiền, thường nhớ và tiếc nuôi dân vật. Tôi không cảm thấy đói khát mặc dù một ngày qua chưa hề ăn uống. Cái thể xác và hồn đốn đau như



bỗng quên đòi hỏi theo thói quen sinh lý. Tôi liên miên nghĩ suy nhiều chuyện không đầu đuôi, không kết luận. Phi lý hiện hữu nhưng là sự thực trong lòng tôi. Niềm tin chưa đến.

Khoảng giữa khuya trắng mỗi nhô dần lên từ đáy nước mênh mông. Sắc trời bây giờ băng lạnh mấy đám mây thưa. Gió về càng mạnh hơn giữa lòng trắng soi mờ ảo sương đêm. Đoàn người di cư thưa thớt những lại cầm nín. Tâm sự nào nề đối đời riêng mang bây giờ có dịp để hồi tưởng. Não nùng như những bóng ma, họ ngồi từng nhóm nhỏ, quay lưng về phía mũi tàu để tránh gió và che lạnh cho nhau. Mặt biển đã ngời những đợt sóng vàng. Chất lân tinh hiện hình trên sóng biển xôn xao như hàng triệu con đom đóm lập lòe. Gió rít đầu dây lồng lộng vào hồn. Người ta đang chao đảo, không phải bằng lời nói và tiếng động run rẩy của con tàu mà bằng những con tim đang thổn thức chuyển ly hưởng hàng loạt này, một lần ra đi không hẹn ngày về.

Tàu cập bến sông Hàn vào sáng hôm sau. Mạnh ai nấy lo. Không tìm thấy Ban Tiếp Cú, tôi chẳng quan tâm điều đó. Tôi lang thang trên đường phố xa lạ. Thành phố bình yên này có biết chăng có thêm một kẻ độc hành hôm nay.

Tôi tìm đến nhà tù Đà Nẵng để mong gặp lại người anh vừa bị chuyển trại từ Đồng Hới vào mấy ngày trước. Hạn trao trả tù của cả hai phía còn dài ngày, theo điều ước của Hiệp định Genève. Kỷ luật nhà tù ở đây đã vào nề nếp từ lâu. Việc thăm nuôi thật khó khăn làm tôi nản chí sau một ngày lần la, đi vòng quanh dãy tường cao âm u gần nhiều mảnh chai sắc cạnh, chẳng chịt dây kẽm gai. Anh hãy biết cho lòng em như thế! Chỉ còn tiếng keng tù khua từ các điểm canh giám sát theo sau bước chân tôi.

Nhà ga Đà Nẵng thật hoang phế. Hành khách không cần mua vé. Chuyển xe lửa đưa tôi trở lại Huế sau 13 năm kể từ ngày tôi về quê ngoại. Toa xe màu xám rất bẩn thỉu, đầy bụi than, có hai hàng ghế gỗ dựa hông xe. Xe chạy chậm qua vùng biển rộng Đà Nẵng - Lương Chiểu ở phía bắc, chui vào đường hầm dài nhất Đông Dương ngộp thở khói than, làm mọi người phải che mặt, bịt miệng, nín thở. Một bóng đèn điện vàng nhợt nhạt được bật lên giữa dòng xoáy cuộn cuộn bụi mù.

Có mấy tiếng thét không ra lời. Tôi bỗng thấy một cánh tay mờ ảo từ trần xe với qua cửa sổ đang cố giật một gói đồ treo gần đó. Quân đạo tặc ban ngày lợi dụng đường hầm âm u để hành nghề cướp giật công khai, bất kể khổ chủ là dân di cư khốn khổ.

Nắng tháng tám nám trái bưởi. Cái nắng lửa hung hân nung người của đất Huế

làm tôi nghệt thở trong ngôi nhà nội thành kín cổng. Lốp học hè tại nhà với mười đứa học trò học miễn phí. Điều này cũng làm tôi vui vì được dịp thi thố tài năng sau khi thi đậu bằng Trung Học Phổ Thông vốn còn hiếm hoi. Học trò rất ngoan và lễ phép, toàn là bà con và lối xóm, học rất tiến bộ hai môn toán và chính tả. Tôi rất thành thới sau giờ dạy. Một tôi đã mãn khóa chuyên nghiệp Trại Tá Xã Hội ở Sài Gòn vừa trở về Huế để chờ bổ sung, là một yên tâm lớn cho tôi.

Hòa bình đã thật sự trở lại. Các vùng cấm đã được giải tỏa hoàn toàn. Anh bạn tôi, Nguyễn Hùng Khanh, và tôi tổ chức một chuyến thăm lăng ở ngoại thành bằng xe đạp. Đây là một sự náo nức mong đợi, ngay cả người dân cổ đô cũng vậy trong những năm chiến tranh.

Qua khỏi đèo Nam Giao, chúng tôi lọt vào một vùng gần như hoang vu. Những túp nhà cỏ cực, nhỏ bé tạm bợ và đổ nát của một thời chinh chiến quá dài chưa được tu sửa. Những mảnh vườn đã biến thành rừng, um tùm cỏ dại, cây hoang mọc chi chít. Con đường chính bị tắc lổ, thành khe nhỏ xuyên ngang, tàn lá chẳng chịt che phủ rất nhiều đoạn dài dẫu và bị phá hoại từ gần 10 năm nay. Nhưng có hề gì, với sức trai đang hăm hở khám phá và như đầu dây có hồn xưa đang thôi thúc mời gọi.

Chúng tôi cho xe lăn bánh trên những con đường vòng vèo xa lạ, bắt gặp vài mảnh đời hiu quạnh ẩn hiện sau mấy rừng cây tàn lá um tùm, gặp vài người bản địa còn sót lại sau mùa chinh chiến. Họ trầm mặc, nghèo nàn đến thương tâm. Nhưng riêng chúng tôi có một vùng trời tự do bỏ ngõ.

Nghỉ chân bên quán nước chợ Tuần rồi men theo bờ sông Tả Trạch đến lăng Gia Long xa nhất, chúng tôi lạc vào một rừng thông bát ngát bao quanh hàng chục ngọn núi nhỏ, chia thành hai thế tá Thanh Long, hữu Bạch Hổ. Tiếng thông reo củ rồ dầm, rồ dầm điệu nhạc thiên nhiên hùng tráng. Hai trụ biểu cao vút giữa màu xanh ngắt của cây cỏ và da trời màu lam nhạt. Lên chín bậc thềm và bày cấp sân khá rộng là một bờ thành vây quanh vùng đỉnh đồi không cao. Từ đấy trông ra một sân châu thật rộng. Hai hàng tượng đá thật sinh động qua các tác phẩm điêu khắc quan văn, quan võ, lính hầu, voi ngựa như thi gan cùng tuế nguyệt.

Một chút ngồ ngàng thoáng hiện. Hai nắm mồ song song được xây bằng gạch đá đơn giản như hai mái nhà tranh nghèo thường thấy nơi thôn dã. Hai chiếc bàn đá vuông vắn, phẳng mặt và thấp trước mộ, có chạm vài nét hoa văn ở chân bàn. Tấm bia đá xanh thẫm cao ngất khoảng

4 thước nổi bật lên giữa khung trời lồng lộng.

Đất trời và cỏ cây đều hòa hợp một điệu buồn tĩnh lặng. Cái hư không như man mác mảnh hồn của giang sơn Tổ Quốc Việt Nam.

Một vài kiến trúc, bên phải của lăng mộ, đã bị hư hỏng khá nhiều nhưng vẫn còn lại dấu vết và vài khí mảnh cổ xưa. Hậu duệ của nhà Nguyễn vẫn còn vài người lưu ngụ tại đây, dù bom đạn vô thường, để chăm lo nhang khói quanh năm.

Vị vua khai sáng nghiệp đế nhà Nguyễn nằm trong cái đôn giản nhưng hùng vĩ của đất trời muôn thuở. Trong lòng người chiêm ngưỡng dấy lên một niềm cảm phục. Cái hiền hách của một đời người ngang dọc để đạt được thành công lớn lao ấy, không tự nó khoa trương, nhưng được mọi người đánh giá cao với tình cảm man mác. Những gì còn lại giờ đây là nén hương lòng thoáng hiện trong im lặng kính cẩn.

Ngược đường về khoảng 3 cây số là bến nhỏ ngã ba sông. Chúng tôi gọi xe đạp, lội qua sông bằng chân đất. Sông Hương phát xuất từ chốn này bởi hai nguồn tả trạch và hữu trạch, nước rất cạn giữa mùa hè. Những hòn đá sạn được nước xoáy lâu ngày, tròn lẳn, phơi mình trên bờ hoặc trầm mình dưới làn nước ngọt trong vắt.

Đây là đất "sơn hồi thủy tụ", có bức tường cao 3 thước khép kín. Chu vi của lăng dài gần 2 cây số. Qua đại hồng môn đồ sộ, có cửa sắt gắn vào mấy trụ cao có cánh hoa văn, là một sân rộng dẫn đến bi đình xây trên nền cao 4 thước với nhiều bậc cấp tượng ứng truyền thuyết "thiên địa nhân".

Chúng tôi náo nức đi một vòng từ ngoài vào phía trong cùng, nơi gọi là Bửu Thành, một quả đồi nhỏ tròn đều đặn có tường xây riêng bao quanh rất kín đáo. Mộ vua Minh Mạng ở nơi đây, xây xong năm 1843, có thể bao quát nhìn ra một vùng rất rộng, cây rừng hoang sơ, đồi thông cao vút.

Tổng thể lăng Minh Mạng thật đồ sộ và vững chắc trong thiên nhiên u nhã, thôi thúc người xem đi mãi đến mỗi chân đồi nào chẳng hay. Chúng tôi bắt gặp hàng chục nhà nhiếp ảnh tài tử và nghệ thuật dàn hàng các máy ảnh gắn trên giá đỡ 3 chân ở chốn này. Họ cũng như tôi, sau 10 năm ly loạn, là khách vắng lai đầu tiên, dù họ là cũ dân Huế nối tiếp từ nhiều thế hệ.

Trời nắng rất tốt, nhưng họ phải kiên nhẫn chờ những đám mây xuất hiện đúng lúc để tô điểm nền trời, tạo hài hòa cho hậu cảnh để có bức ảnh mong muốn. Họ đều là những nhà săn ảnh nổi tiếng của đất đế đô này.

Chúng tôi có thuê máy ảnh mang theo và nường theo nghệ thuật tạo hình và cách

bố trí của họ, cũng ghi lại được mấy bức hình lưu niệm tuyệt đẹp. Ăn trưa ngay dưới mái lều dựng bia, cạnh chân bia đá cao, đầy nét khắc chữ Hán ghi lại công lao của nhà vua lúc sinh tiền. Bữa ăn thật ngon miệng: bánh mì, bơ tươi, cá hộp Sardine mua tại cửa hàng độc nhất của một tư nhân Pháp kiều gần khu Morrin từ sáng sớm.

Rời chợ Tuần mái tranh đơn sơ mới dựng và hiu quạnh ven sông, rẽ trái trên con đường lồi lõm lổm chổm gần hai cây số, Lăng Khải Định trên đồi cạnh đường. Cửa sắt sân châu rất thoáng nhưng nóng bỏng bởi lối kiến trúc quá nặng phần đá cát, sắt thép, xi-măng. Hàng trăm bậc đá cần phải trèo lên để đến chính điện khai-thành. Cảnh quan đồ sộ nhưng tập trung trong hạn hẹp không gian này được xây dựng từ năm 1920-1931.

Tượng vua Khải Định to hơn người thường, bằng xi-măng cốt thép, đang ngồi trên ngai vàng, tay cầm bút. Các đề tài Long Lân Quý Phụng, Xuân Hạ Thu Đông được bố cục hài hòa trong nội điện tạo được nhiều ngổ ngàng thích thú. Một số trang trí khác do dùng nhiều mảnh sành, đủ kiểu gốm men sứ, nên có nhiều chuyển sắc kim cổ giao duyên nhưng làm giảm đi cái thi vị u trầm của một nắm mồ. Việt Nam hóa xây cất, dưới bàn tay một nghệ nhân Pháp, làm ngổ ngàng nhiều người còn nặng lòng hoài cổ.

Bốn hàng tượng đá văn quan, võ tướng, binh lính túc vệ và ngựa voi đối diện nhau ở sân châu lát gạch và tráng xi-măng hắt nắng nóng rực, không mang lại nổi ngậm ngùi muôn thuở mà như lạc lõng giữa cái văn minh vật chất đầy đọa nhanh.

Đã 4 giờ chiều, nhưng nắng hạ để đô Huế vẫn còn ngùn ngụt lửa. Chúng tôi đã thấm mệt thể xác những tinh thần vẫn còn phấn chấn trước cảnh lạ non xanh, đèn miếu lẳng tằm. Trên đường đất sỏi đỏ trở lại, chúng tôi ghé vào một quán nhỏ bên đường, dưới chân núi Ngự Bình, để thưởng thức món bánh bèo nhân tôm chấy màu hồng điều rất đẹp mắt, chấm nước mắm nguyên chất, cay nồng mùi ớt xanh thôn dã.

Ngọn núi án phong này của kinh thành Huế trở trợ. Lớ thớ ở chóp núi, mấy cụm thông già đón lè, bờ vó giữa trời chiều lặng gió. Đám mây trắng bằng bạc như không muốn trôi đi. Đốc núi hoang vu đến thế lương vì vẻ trống không của bờ đá sỏi rất cần cối, xác xơ của con đường mòn quá nhỏ.

Dân quanh vùng đã từ lâu, với sự cố ý làm ngơ của quân đội Pháp, mạo hiểm đón vội mấy lùm cây, hạ cả cây thông ở cạnh sườn núi làm chất đốt trong chuỗi ngày dài ly loạn. Một sự khai quang tự phát, để đề phòng du kích Việt Minh hoạt động. Đây không phải là cấm địa một

thời, nhưng là nơi mà Pháp và tay chân của mình ít dám lui tới, ngoại trừ đám dân quê liều mạng đi khai thác vật vãnh tìm chút sinh kế. Đâu đây, có câu hát dân dã phản kháng nhẹ nhàng:

"Ngự Bình không cây chim đậu đất Sông Hương vắng khách đi kêu trời"

Thật vậy, vào thời ấy, tất cả thuyền trên sông Hương đều được tập trung ở mạn dưới của cầu Trường Tiền, khi đêm về. Riêng hai bờ sông Gia Hội, là khách sạn nổi của mấy trăm chiếc thuyền cho khách qua đêm, gây thêm nhiều nỗi ngại ngùng cho ai kia của xứ Huế muốn lạc bước tìm hoa dưới sự kiểm soát an ninh của chính quyền.

Chiến trường đã dứt tiếng súng. Huế lại rộn ràng thêm. Nổi mừng và lo đan chéo nhau. Đinh Thủ Hiến Trung Việt do Phan Văn Giáo cầm đầu, sơn màu trắng, vẫn lồng lộng đầy nước sông Hương. Người ta náo nức về một biến cố mới, chắc chắn phải xảy ra rất gần.

Lần đầu tiên tôi thấy một đoàn xe dân sự khá đông chạy chậm trên con đường quanh đại nội. Có nhiều người nhận ra vị Thượng Thư Bộ Lại ngày xưa từ nhiệm đã trở về.

Ông Ngô Đình Diệm, dáng thấp lùn, đưa bàn tay qua cửa xe vẫy chào đáp lễ dân chúng hiếu kỳ đang hân hoan. Vị Thủ Tướng toàn quyền của Việt Nam, thay thế nguyên Thủ Tướng Bửu Lộc, vừa được Quốc Trưởng Bảo Đại bổ nhiệm. Ông từ Pháp mới về, đi thăm lại cố đô Huế và gia đình mình ở miệt Phú Cam.

Nhiều huyền thoại về nhà ái quốc này. Một "chí sĩ" mới được tôn vinh. Người ta xem ông như người của thời cuộc, trong tay đang có cây gậy thần để xây dựng Việt Nam đổi vở.

Tiếng đồn ông thân Mỹ, có mối ác cảm đối với Pháp trong quá trình quan hệ chính trị trước đây. Lời tuyên bố đầu tiên của ông được bàn tán sôi nổi nhất, là chính phủ của ông dành nhiều chức vụ quan trọng cho những người thật tình yêu nước, dù ở bên kia chiến tuyến, về hợp tác.

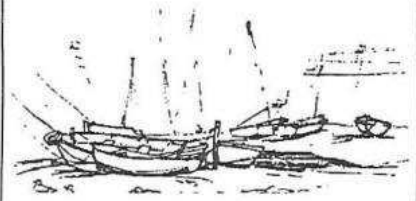
Những năm tháng hoạt động âm thầm ở Mỹ, được một vị Hồng Y Giáo Chủ đỡ đầu, ông được xem như lá bài của Mỹ tung ra đúng lúc và có sự hậu thuẫn của khối Thiên Chúa giáo phương Tây và phương Đông.

Dù sao Việt Nam đang trên đà chiến thắng.

(Trích *Dòng Nhật Lệ*)



## BIỂN VẮNG



Chiều nay  
Lang thang trên bãi vắng  
Không em  
Bát ngát biển buồn tênh!  
Nắng ủa chềnh chềnh  
Bờ phẳng lặng  
Chim nghiêng cánh mới  
Bạt đầu ghềnh!

Em ơi! biển không cùng  
Tình Anh không biên giới!  
Trời bao la, thương nhớ bao la!  
Cánh buồm nào, không mở gió tôi?  
Chân trời nào, không mở bóng em  
qua?

Em làm chi biển xanh  
Cho Anh rào rạt sóng?  
Tháng ngày đu đưa vông  
Ru hát mãi cuộc tình!

Dù em là biển lặng  
Thuyền Anh vẫn ngửa nghiêng  
Đầy khoang tình sóng sánh  
Chở mộng đến đảo nguyền.

Nếu em là biển động  
Thuyền Anh sẽ ra khơi  
Chìm nổi nguyện một đời  
Cùng em trong muôn sóng!

Phải em là biển cạn?  
Để Anh hóa trăm sông  
Gom hết nguồn mệnh mỏng  
Đổ về em lai láng!

Em hỏi em! dù núi rừng già cõi  
Dù ngọn triều đổi thay sớm tối  
Biển vẫn xanh  
Bên muôn sóng bạc đầu  
Nước vẫn biếc  
Lòng đại dương mặn muối  
Như tình Anh  
Mãi mãi biếc xanh màu!

● Quang Tuấn



# Thông cảm



Căn nhà lợp thiếc kang trang bên đường đất xóm lò rèn trở thành Trung Tâm Văn Hóa Giáo Dục Âm Nhạc từ khi thầy Sang, một giáo viên trẻ tốt nghiệp trường Quốc Gia Sư Phạm được bổ thẳng về dạy ngay lớp Nhứt đầu tiên trường tiểu học Quận. Phụ huynh nghèo không đủ khả năng chu cấp cho con ra tỉnh tiếp tục học, vui mừng khi thấy con mình có cơ hội học lớp Nhứt tại chỗ. Ăn cơm nhà đi học đỡ tốn kém vừa đỡ dần công việc. Nhiều phụ huynh khó giấu vẻ đắc chí, "Học lớp nhứt với thầy Sư phạm a; hổng phải chơi a!" Học sinh lớp Nhứt, qua cách cử xử theo thầy, tỏ vẻ nghiêm trang hơn, chúng tỏ mình xứng đáng là tư cách đàn anh trong trường, được mặc quần ngắn xanh, áo trắng, chân đất đi diễn hành và hát quốc ca chào cờ.

Thầy Sang có vóc dáng thơ sinh nhờ cặp kiếng trắng tăng thêm vẻ trí thức nghiêm trang, thầy sửa giọng nói cho đúng nguyên tắc sư phạm. Trường tiểu học Quận có khá đông giáo viên, hầu hết ở tuổi trung niên, chỉ có bằng Certificat và vài giáo viên trẻ có trình độ đệ tử. Thầy Sang chẳng những dạy Trung học Đệ Nhứt Cấp

(chưa ai có bằng này trong Quận) lại học thêm một năm Quốc Gia Sư Phạm, ngạch trật khác xa đồng nghiệp. Học trò đã quá quen mặt thầy cô gốc địa phương, phụ huynh thì lờ mờ, Phật nhà không thiêng, nên một giáo viên có ngạch "Sư Phạm" là đối tượng cho mọi người ngưỡng mộ.

Lần đầu tiên trong quận, phụ huynh được nghe danh từ "Sư Phạm". "Sư Phạm là bằng cấp gì kia?" Có người dám quả quyết "Sư Phạm lớn hơn Diplôme Tú Tài". Các thầy ký luôn cả giáo viên địa phương, ngạch trật thấp, làm quen với ngạch mới "Ngạch giáo viên Tiểu học" của thầy Sang, lương bổng thầy Sang dù mỗi ra trường gấp đôi lương họ. Thình thoàng vài giáo viên địa phương ghé thăm thầy Sang, tò mò nhìn tủ sách, lén lặt xem sách gì, đều lắc đầu vì học chưa đủ trình độ hiểu, "khó quá, cao quá, toán gì mà có chữ a, chữ x, ẩn số, đại số...". Các thầy giáo già này quanh đi quẩn lại cũng mấy cuốn văn quốc ngữ, tập đọc, toán nhón hai con là cao lắm rồi. Mấy chục năm nay quen theo lẽ lối cũ, thụ động, năm nào cũng ngân nga

*"O tròn như quả trứng gà*

*Ở thời đội mũ, ở thời mang râu*

*I tờ hai chữ khác nhau*

*I ngắn có chấm, tờ dài có ngang."*

Buổi trưa nghe vang vang tiếng dạy đánh vần buồn ngủ, hắc o a anh hắc hoành huyền hoành, hắc o a xê hắc hoách nặng hoách, hoành hoách". Ngoài ông Đốc già lẩm cẩm, thầy Sang dạy lớp Nhứt, lớp cao nhứt, vài năm ông Đốc hủu trí thì thầy Sang thay thế. Thầy Sang gốc ở tỉnh, một thanh niên có tư tưởng cấp tiến, lý tưởng, đầy nhiệt huyết, muốn đem tài năng truyền bá kiến thức học hỏi, những điều thầy phát biểu dù ở tiệm nước, đều được đồng nghiệp và phụ huynh lắng nghe, học hỏi và lập lại. Thầy Sang sử dụng từ ngữ êm tai, bóng bẩy, đưa học sinh vào thế giới hoa bướm, mơ mộng. Học trò quê say mê từ ngữ mới được giới thiệu như "mái tóc thề của nàng tiên áo trắng đất thần kinh", đọc hay hơn những bài học thuộc lòng "Bốn phận đối với ông bà vv...". Phụ huynh hết sức hài lòng thấy chương trình toán lớp Nhứt cao quá, lâu nay nghe trẻ

đọc bảng cửu chương chín, "chín lần hai mươi tám", làm như toán chỉ có cửu chương chín và toán nhón ba con, toán chia hai con là hết rồi. Học sinh lớp Nhứt, lớp Nhứt đầu tiên mà, đêm đêm nhai bài vở ấp a ấp úng, "Muốn kiếm diện tích hình tròn lấy bán kính nhón bán kính nhón Pi, muốn kiếm diện tích hình tam giác lấy cạnh đáy nhón chiều cao chia hai..."

Ông Quới, một phụ huynh từng học hết lớp ba rất tự tin, "tôi học có lớp ba hà, mà viết giáo lý để lại cho con đọc", ông chê con ông đọc không đúng, phải đọc cho suông vầy nè,

*"Trong đầm gì đẹp bằng sen,*

*Lá xanh bông trắng lại chen nhụy vàng*

*Nhụy vàng bông trắng lá xanh*

*Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn"*

chủ mầy đọc cái gì mà bán kính bị nghe không lọt tai chút nào!"

Ngoài giờ học buổi sáng, sau buổi cơm trưa, nhiều học sinh có lý do chính đáng ghé thăm thầy, để giúp việc nhà.

Căn nhà thầy mượn, thầy đặt tên "Thú trai" cho giống ngôn ngữ trong quyển Liêu trai. Xóm nhà này khá xa chợ, yên tĩnh nên thầy vừa ý lắm, cái không khí man man trưa nắng thích hợp với bản tính nghệ sĩ của thầy. Trên bàn phòng khách của Thú trai, thầy chưng vài bình hoa tươi. Dây trầu bà treo bên khung cửa sổ gần cây ngải mọi, thầy đặt tên là Vạn Niên Thanh, nên ai bước vào cũng cảm thấy dễ chịu, mát mẻ và thú thái. Xứ này chưa có nhà nào biết chưng hoa cỏ như thầy. Mấy ông điền chủ giàu xưa, vàng ô, có cả dây phố trệt cho mượn, trong nhà họ chỉ có cái bàn thờ cấm nhang, bình tích trà và mấy cái ly uống nước là sang rồi, họ làm sao hiểu thú vui tao nhã như thầy Sang. Thầy thích mang đờn guitare gảy những khúc nhạc êm dịu hay đêm đêm thổi sáo nhựa tiếng cao vút.

Thời năm 1959, động từ "thông cảm" bắt đầu phổ thông trong giới có học thức, dân vùng này chưa nghe, thầy là người đầu tiên đủ khả năng sử dụng nó, thầy ưa nói, "thầy giáo là kỹ sư tâm hồn". Học trò nghe đắc ý, phụ huynh chưa thấu hiểu được.

Hàng xóm khu này có một số học trò, ai cũng quý nể thầy, trừ lão thợ rèn sau nhà và ông Chệt chạp phở kế bên. Tiệm chạp phở mở cửa từ sớm đến tối, ông chệt kéo đôi guốc vòng chát chúa bất lịch sự, miệng bỏ bô, bán buôn suốt ngày, bất chấp giò ngũ trưa của thầy. Thầy Sang nhiều lần nhắc ông chệt chạp phở "thông cảm", mà ông chệt trở trở cười hề hề cho qua chuyện. Con ông đã lớn, học trường Tàu ở Chợ Lớn, ông chệt chạp phở chỉ thông cảm với cảnh sát nhờ cậy. Nhưng ông chệt cũng "thông cảm" tuy bụng mình vì tiếng đồn sáo vô nghĩa làm rộn tai khi ông đang nói thách từng đồng với khách hàng.

Lần thầy Sang thả hồn theo mây bay trên khung trời xanh bao la, "những chiều mái tóc buông lơi, những chiều đem áo ra phơi..." thì bên kia ông chệt cộc lốc, "Sao trưa hồng phơi cho mau khô, chiều có nắng đầu mà phơi?" Khi nghe thầy hát, "Kìa rừng chiều âm u rét muốt, chờ người về vui trong giá buốt..." , ông chệt quạt phành phạch vừa kéo cái áo thun lá góp ý, "Hát tầm bậy tầm bạ, trời nóng đổ mồ hôi mà rét muốt cái gì." Thầy lắc đầu, "Ba tàu". Còn cái lão thợ rèn sau nhà càng tệ hại hơn. Từ sáng sớm, lão đã đốt một lò than, vùi những thanh nhíp xe nung cho đỏ. Lão mặc độc chiếc quần xà lỏn đen cũn cỡn, cái áo thun pha màu khói dầm mồ hôi, đầu quấn khăn rằn. Buổi trưa, lúc đuối sức, lão nhúng khăn vào lu nước bên hè chùi mặt cho đỡ nóng và lau cái ghét trên mình, đó là cách tắm gội của lão, đỡ tốn xà bông.

Mùa nắng, hơi nóng than trong lò hừng hực tấp vô mặt vô người, lò than là Hòa Diệm Sơn, lão tưởng mình là con thỏ đốt lò Bát quái cho Thái Thượng lão quân luyện thuốc linh đôn. Cây búa lão là cái chày ngọc đâm thuốc. Lúc ngồi chễm chệ mài dao giống "tráng sĩ mài gươm dưới nguyệt", theo giọng cải lương nghe đài Ra đô cuối tuần.

Gặp tháng gió bắc mưa dầm, nước mưa từ mái lò rèn dột lồm bồm trên sàn nhà đất nện, lão ngồi co ro bên lò lửa ăn khoai nướng lửa lò, thường thức cái không khí ẩm áp chung quanh, mùa mưa làm không thấy mệt.

Thế giới lão là đồng nhíp xe, cây búa tạ, cây kềm lớn, hòn đe, hai cái ống bể và lu nước. Lâu lâu có người tới xin nước cho người bị chó điên cắn uống trừ nọc chó. Từ ngũ lão dùng hàng ngày là những thủ kể trên, khách hàng lão dùng từ ngũ lão sử dụng để đối thoại với lão. Các bà nội trợ nghèo sống trong xóm nhà lá xa chợ là khách hàng thường trực của lão. Dân chợ giàu, biết xài dao kéo cắt thịt cá rau cải không dính sét.

Lão đập những thanh sắt nung đỏ trên đe dính tai chát óc, chũa kê thủ âm thanh bất thường bịnh hoạn khi thanh nhỏ ngồi thụt phùm phụp hai cái ống bể. Tệ hơn ông chệt chạp phở, lão thợ rèn làm việc ngày đêm bất kể, nhứt là khi ông mua được những cây nhíp xe bị mìn cong queo. Thầy Sang lúc đầu không tưởng tượng nổi nhờ đâu mà lão thợ rèn còn sống. Lửa lò rèn và rượu nung người đỏ gấc, lão uống rượu không trật ngày, âm thanh lò rèn không làm hàng xóm khó chịu, hình như họ điếc không nghe thấy, chỉ duy nhứt làm khổ thính giác nhạy bén âm nhạc của thầy. Âm thanh đàn sáo của thầy Sang và tiếng búa đập chan chát trên đe hợp thành khúc đại hòa tấu chói tai.

Thầy Sang là con chim hồng bay trên bầu trời xanh bao la, dân quận này là những con cá sống dưới búng nước phèn. Thầy hăng hái tham gia nâng cao dân trí, chia xẻ kiến thức với tầng lớp lớn tuổi xưa không có cơ hội đi học, những kiến thức thầy từng được may mắn học ở trường Trung học và Sư Phạm.

Trong các buổi tiệc cưới hay cúng cơm, người có chút đỉnh trình độ tìm đủ cách ngồi chung bàn với thầy Sang - để có dịp học hỏi thêm kiến thức mới. Thầy giảng thoáng qua "về phương trình bậc 2, ẩn số, tiếng Tây có giống đực giống cái, có số ít, số nhiều thêm chữ s, tiếng Việt không chia vệc bờ như tiếng Tây nên tối nghĩa, hôm qua là passé, hôm nay là présent, ngày mai là future. Còn cái người Ảng Lê nghe, buổi sáng tốt trời nó mới chào gut mó nìng, trời xấu thì nó không chào..." Người có trình độ mới hiểu thầy. Thầy than thi Trung học khó lắm, cả ngàn người mới có người đậu, rồi thi tuyển vô Sư Phạm

càng khó hơn. Tội nghiệp các ông giáo lá già, hầu hết có trình độ Tiểu học, vài ông chỉ học hết Sơ học, lớp Nhì xưa, đứng một chỗ không tiến bộ, nên nín khe ít dám đóng góp câu chuyện, trở mắt ngó ra nghe thầy nói về điện trở R bằng R1 cộng R2 vv... Người như thầy mà ở bên ông chệt chạp phở và lão thợ rèn thật vô lý hết bực.

Thầy Sang là nhà mô phạm, biết tự chế, nhìn xa hiểu rộng, biết thông cảm, nhưng tiếng trả giá bên tiệm chạp phở của kẻ tham tiền và tiếng búa đập trên đe lò rèn như gáo nước bùn đen đổ vào giòng nước thanh khiết của âm thanh đồn sáo thầy.

Thầy đang tìm nhà dời đi nhưng vấn đề an ninh, thầy e ngại dời về xóm sân banh, nằm trên đường pháo kích. Thầy chờ cơ hội trực tiếp giảng cho hai người hàng xóm bất lịch sự này xin thông cảm là công tác giáo dục của thầy rất quan trọng, khuyên họ ngưng làm phiền thầy.

Cơ hội đến vào buổi xế trưa, khi thầy chuẩn bị rời được Thảo, cô chị đứa học trò, đến duýt vài bài hát cho buổi văn nghệ bãi trường. Thầy Sang quen cô Thảo mấy tháng nay. Buổi trưa, chờ em đứa tận lớp, cô ngả nón mỉm cười e ấp cúi chào thầy. Buổi chiều, cô đứng trước lớp chờ rước em, e lệ mỉm cười cảm ơn thầy. Thầy có cho cô mượn vài quyển tiểu thuyết mua ở tỉnh. Thầy có tặng cô mấy câu thơ viết ngay trong trang sách.

*Ngoài kia hoang nắng, nắng ban trưa*

*Nắng hoang nắng dãi, nắng trường quê*

*Nắng phai tà áo màu hoa dại*

*Nắng nhạt hoang tàn héo tóc xưa*

Ánh mắt và nét e lệ trên mặt Thảo là món quà tinh thần an ủi nhà giáo, man man khó tả.

Thầy xao xuyến chờ đợi, vừa đặt đĩa hoa dại, hoa màu trắng trôi nhẹ trong đĩa và một bình hoa trinh nữ mimosa tím như môi người con gái.

Cô khách vừa ngồi, thầy thông thả dạo đàn cho không khí lắng xuống. Đứng vào lúc cô bắt giọng thì tiếng đập ben ben dính tai trên lò rèn bắt đầu hòa tấu át mất tiếng đàn ngọt ngào và âm thanh sáo nhựa. Thầy Sang nhóm người dậy, sửa lại cặp



kiếng trắng cho ra vẻ Sứ Phạm, gương mặt nghiêm lại, tỏ vẻ khó chịu. Thầy bước vào lò rèn, lần đầu tiên bước vào lò rèn ngón gang sắt thép vụn, giọng nhũn nhặn nghiêm trọng, "thưa bác, xin bác thông cảm giữ chút yên lặng để tôi duyệt nhạc cho cô Thảo hát vào kỳ lễ phát phần thưởng cuối năm". Thầy nhấn mạnh chữ "thông cảm", giọng rất sừ phạm, trầm tĩnh.

Lão thợ rèn không biết chữ, ngày ngày làm bạn với cây búa, cái đe, lò lửa nóng và hai cái ống bễ. Món nào cũng ngoan ngoan, tuân lời lão, dù là thủ nhíp xe cồng của chiếc xe GMC nhà binh, lão muốn nó thành dao yếm thì nó thành dao yếm, muốn thành dao dâu thì thành dao dâu. Tai lão đã quen âm thanh đe búa, ống bễ máy chực năm nay mà chưa bị tổn thương thính giác. Nghe thầy Sang "xin thông cảm", chữ "thông cảm" làm lão bị nội thương hơn nghe tiếng chửi thường nhật của mẹ vợ. Cái tự ti mặc cảm thiếu học, an phận dốt nát, suốt đời chưa được ngồi chung bàn hay tiếp chuyện với dân thầy chú, lão biết thân lắm. Lòng tự ti làm lão ghen tị, không đủ tự tin và ngôn ngữ phát biểu - dù là câu trả lời có mạch lạc, trước cái uy của thầy giáo Sứ Phạm. Miệng lão suốt đời chỉ la hét, chửi mắng vợ con, uống rượu. Cái nghề thợ rèn, không đập thì lấy gì sống. Lão nhúng vôi thanh thép đập dờ vào lu nước, buông búa bước ra, ngớ ngáo chào thầy Sang, vừa nhăn nhó cười gượng, hàm chứa sự xin lỗi.

Thầy Sang rất biết điều, giọng nghiêm trang, "xin bác thông cảm", rồi trở vào nhà. Lại thông cảm, tiếng thông cảm nặng hơn những tiếng đe búa. Lão lịch kịch bước vào lò rèn, vùi cây dao yếm vào lò lửa nóng cho dao đỏ hồng, lão tiếp tục đập, âm thanh có vẻ bớt chất chứa hơn. Lão không tìm ra cách giải quyết ổn thỏa, chiều nay lão đã hứa giao cây dao yếm cho chủ lò heo.

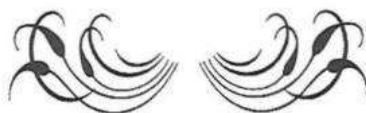
Lão kiểm ăn từng ngày, lấy công làm lời, tay làm hàm nhai. Tay cầm thanh thép, tay cầm búa đập beng beng, và mài kèn kẹt, chỉ có mấy động tác đơn giản không thay đổi từ lúc học nghề rèn.

Cây búa nặng chịch, miếng thép khó kèm hơn, tiếng đập rời rạc, mệt mỏi.

Quanh năm đập rời mài thép thành dao kéo chưa biết mệt. Lần này tiếng "thông cảm" mắc mỏ của thầy giáo Sứ Phạm, có học, tuổi đáng con cháu mình làm lão xuy ló. Chữ nghĩa nặng hơn búa lò rèn, bao nhiêu sinh lực tiêu tan hết, lòn tuổi mà để cho con nít nói nặng, tui nhục quá!

Cách bên kia nhà một căn, bà hai chè đậu, vợ ông Biện Sừu này giờ theo dõi câu chuyện từ đầu, bà biết thì cả xóm này biết, cả quận cũng biết. Bà hai chè đậu, một thời theo gánh hát bội, từng đóng vai Phàn Lê Huê, Tô Đắc Kỳ mỗi lần xây chầu hát đình, cũng bòm bẻm chút ít chữ nghĩa. Lúc trước có qua lại nhà bà, thầy khen đứa cháu gái bà "sáng dạ", có "hoa tay". Bà thăm ước ao được làm dì vợ thầy giáo Sứ Phạm, như nàng Cám lấy Hoàng Tử. Bây giờ thầy nuông chiu galant cô Thảo thấy phát ghét, bà không nhịn được, tức tốc vạch hàng rào sau hè bước qua sân nhà thầy, lúng túng đập nhằm cụm hoa tím tím. Thầy Sang buông đồn, sửa kiếng bước ra, nghiêm nét mặt, "Thưa dì Hai, xin dì Hai thông cảm, dì đập hư khóm hoa trinh nữ Mimoso."

Bà Hai luống cuống vương ống quần trong đám gai bông giấy vừa hít hà gỗ gai dưới bàn chân, quay lại oang oang cho cả xóm nghe, "Bông mắc cỡ gai đâm nhức thấy bà nội mà thầy nói hoa trinh nữ misa, bông móng bò thì thầy dạy học trò là hoa hoàng hậu, thầy có học, thầy Sứ Phạm, tui tui dốt đặc, thầy ăn nói theo văn chương tao đàn, cài lương đại nhạc hội, nghe nó mệt quá. Hề mở miệng là thầy nói thông cảm. Người ta ăn muối nhiều hơn thầy ăn cơm mà! Anh Chín lò rèn nghe lời thầy thông cảm thì lấy gì ăn, ôi, thầy để cho người ta mần ăn chỗ. Người ta đập ra bạc ra tiền, ra cơm ra gạo, ai mà rành rang đờn địch như thầy?" Bà chống nạnh hất hàm, nuông nuông đôi mày như mẹ Phàn Lê Huê ve vãn chàng Tiết Đình San, "Thầy thông cảm nghe, thầy giáo Sứ Phạm."●



## Chào em, thế kỷ 20



Chào em, thế kỷ hai mươi  
Tang thường còn đọng trên mười  
ngón tay  
Giã tử em, trời mưa bay  
Trời mưa từ những tháng ngày  
chiến chinh.

Nụ cười em nhuộm tử sinh  
Bao dòng lệ ứa trên kinh nguyệt  
cầu  
Lệ tan theo phép nhiệm màu  
Hòa bình theo nước giang đầu  
cuốn trôi.

Hòa bình ơi, hòa bình ơi  
Thế gian mong được một đời bình  
yên!  
Này em, thế sự đảo điên  
Anh theo con nước tìm miền tịnh  
an.

Đừng trách nhau, nghìn quan san  
Em đi về giữa non ngàn hát ru  
Lời ru chìm giữa sương mù  
Thân danh nát với thiên thu cũng  
buồn!

Là em, thăm thăm cội nguồn  
Là em, nước chảy mưa tuôn cuối  
mùa  
Em về lưu dấu chân xưa  
Nghìn năm son sắt vẫn thừa dấu  
yêu.

Một mình đứng giữa nương chiều  
Nhớ ơi là nhớ tiếng diều què  
hương  
Mà thôi, từ cuộc tang thương  
Đã nghe thế sự vô thường đổi ngôi!

Chào em, thế kỷ hai mươi  
Sang năm, hăm mốt lại nuôi mộng  
đầu...

● Tùy Anh  
(Thất Sơn, 9.9.99)



**S**au hơn 3 tháng chờ đợi, rồi cũng đến ngày mà chúng tôi gọi đùa cho vui là: "Ngày Hò Hẹn" của Thầy Thích Từ Trí; cùng Phật tử tại Ý Đại Lợi.

Vào hai ngày 11 và 12.9.99 là ngày lễ an vị tượng Phật đầu tiên, do Thầy Thích Như Điển nhà tặng chùa VIÊN Ý và Đại lễ Vu Lan lần thứ nhất trên đất Ý.

Do công việc đa đoan vào giờ chót, chúng tôi không thể đến chùa kịp buổi sáng, nên trên đường đi, để bớt nôn nóng và thu ngắn lại đường dài, bắt chước người tân binh thuở xưa khi thao diễn, hay hát bài "Đường Trường Xa...", thì nay tôi lại đọc bài "Đi Chơi Chùa Hương" thơ của cụ Nguyễn Nhược Pháp, cho "bác tài" có tuyên hứa trọn đời: "đi đâu cũng chờ tôi đi theo cùng" và "tay trái" tôi đặt lên "vô-lăng", tuyên thệ là: tuy thích bài thơ, nhưng không

hề mở gặp "văn nhân" như cô gái trong bài chùa Hương:

*Hôm nay đi chùa Hương  
Hoa cỏ mờ hơi sương  
Cùng thầy me em dậy  
Em vấn đầu soi gương*

....  
*Thầy me ra đi đó  
Thuyền mấp mênh bên bờ  
Em nhìn sông nước chảy  
Đưa cánh buồm lơ lửng  
Mở xa lại nghĩ gần  
Đời mấy kẻ tri âm?  
Thuyền nan vừa lẹ buồm  
Em thấy một văn nhân  
Người đầu thanh lạ thường  
Tưởng mạo trông phi thường  
Lung cao dài trán rộng  
Hỏi ai nhìn không thưởng?*

....  
*Thuyền đông giời ời chen  
Chàng thưa: vâng thuyền đông  
Rồi ngắm trời mênh mông  
Xa xa mờ núi biếc  
Phơn phớt áng mây hồng  
Thuyền đi bến đục qua  
Mỗi lúc gặp người ta  
Thẹn thùng em không nói  
"Nam Mô A Di Đà"  
Réo rắc suối đùa quanh  
Ven bờ ngọn cỏ xanh  
Nhịp cầu xa nhỏ nhỏ  
Cảnh đẹp gần như tranh*

....  
*Thầy me em sắp sửa  
Vàng hướng vào chùa trong  
Đường mây đá cheo leo  
Vi thường me quá mệt  
Săn sóc chàng đi theo  
Me bảo đường còn lâu  
Cứ vừa đi ta cầu:  
Quan Thế Âm Bồ Tát  
Là tha hồ đi mau  
Em ử? em không cầu  
Đường vẫn thấy đi mau  
Chàng cũng cho như thế  
Ra ta hộp tâm đầu  
Ờ chùa trong đây rồi  
Động thắm bóng xanh ngời  
Đá rêu trần thạch phủ  
Động nhuộm hồng trầm rồi*

....  
Đường đến chùa tuy có xa, nhưng tâm tư tôi còn bay xa hơn nữa, đi về mãi tận chùa Hương nay hoang phế,

điều tàn, trên quê hương, ta thử nghe chùa Hương ngày nay (1):

*Hôm qua đi chùa Hương  
Nghĩ lại thấy mà thương  
Nếu vài lần như vậy  
Chắc em còn nắm xương*

....  
*Những trời ời hết biết  
Nháo nháo chẳng ra sao  
Thuyền đông ời là đông!  
Ngồi bằng nửa cái mông  
Đường mà xa chút nữa  
Chắc em phải học gồng*

....  
*Chùa Hương sao mà dở  
Chẳng còn gì nên thơ  
Mọi thứ đều nhếch nhác  
Lôi thôi đến không ngờ  
Chuyến đi rồi cũng xong  
Ai hỏi đi nữa không?  
Chấp hai tay em vái  
Nam Mô A Di Đà...*

Lời thơ giễu cợt cho nhẹ phần, xong đọc lên vẫn nghe ê chề đến xót xa, quê hương còn bị phá nát; thì chùa chiền sao khỏi tan hoang!

Và có lẽ nhờ vào: *Cứ vừa đi ta vừa cầu - Quan Thế Âm Bồ Tát - Là tha hồ đi mau*. Thoát một cái đã thấy thị xã Castelforte đây rồi. Từ đây vào chùa, hai bên đường là những hồ sen trải dài với những tàu lá sen màu xanh lục, nổi bật lên trên là những búp sen hình tháp chen lẫn với những bông hoa đã khai mãn hàm tiếu; màu trắng thanh thoát của bạch-liên, xen kẽ hài hòa với màu hồng phấn duyên dáng của hồng-liên, đua nở rục rở giữa cánh trời nước bao la; có thật sự là một ngẫu nhiên hay thiên định? để chọn nơi này an vị Phật, xây dựng một cảnh chùa; để từ đây các thầy "định kỳ" sẽ đến giảng pháp, lo Phật sự, chấn đất người có thiện tâm, lo vun bồi, đem lại lợi lạc tinh thần cho chúng ta; những Phật tử tại Ý.

Trước đây trong tháng 8, chúng tôi có đến chùa (lúc ấy chưa có tượng Phật), anh San, gia chủ, hướng dẫn chúng tôi đi thăm khắp nơi (nhìn thấy anh và một số anh em đang làm việc sửa chữa, sơn phết, quét dọn lại nhà cửa; để được thích nghi hơn cho việc Phật sự; anh phác



họa từng phòng ốc cho Niệm Phật Đường; đầu là chánh điện, giảng đường, phòng ăn, phòng nghỉ lại qua đêm, nơi làm thư viện, nơi chiếu phim v.v... Nên trưa hôm nay đến chùa, chúng tôi không thấy xa lạ, đi một mạch lên chánh điện dâng hương đánh lễ Đức Phật, mùi trầm hương thoang thoang quyện cùng làn khói sương nghi ngút, trên cao chánh điện, Đức Phật hiền từ, uy nghiêm đang ngồi xếp bằng thành đạo dưới cội Bồ Đề; hình ảnh cao quý; đẹp nghìn đời (ở đây chúng ta phải tán thán tài hoa của một họa sĩ Việt Nam đã khéo tay tác tạo bức tranh đẹp cúng dường).

Sau phút chiêm bái, chúng tôi trở xuống giảng đường nghe Thầy giảng pháp. Đến giờ chỉ tịnh, chúng tôi đến chào Thầy và hân hạnh được nghe Thầy nói thêm một ít sự việc, vẫn không ngoài việc Phật sự.

Chiều đến, phòng ăn được kê thành 2 dãy bàn dài thẳng tắp, tất cả Phật tử đều quây quần lại, trong một không khí gia đình, để dùng chung bữa cơm chay với Thầy; phải thật tình mà nói, hiền nội của ông Tổng thư ký Hội quả có tài tháo vát, bằng với tất cả phẩm vật do các Đạo hữu mang đến trong ngày; Chị phối hợp nhịp nhàng để chế biến thành những món ăn tinh khiết, ngon miệng và đẹp mắt; ngoài đại gia đình của anh chị ra, còn có 2 chị Nga, Cẩm Hoa (hiền nội của hai anh Trường và Phó Hội), Chị Mai, Bác sĩ Thu cùng một số anh chị em khác mà tôi chưa được hân hạnh biết tên. Xin tán thán công đức này của tất cả.

Buổi tối, được Thầy cho biết sẽ có buổi trà đàm; thế là giảng đường nhanh chóng được thu xếp biến thành nơi trà đàm. Thầy chỉ dạy cho mọi người nghỉ thức dùng trà đạo của Nhật Bản (nhưng lại đậm đà hơn với đầy đủ hương vị bánh ngọt quê hương; đã được các Đạo hữu khéo tay, tỉ mỉ làm mang đến). Tối đó Thầy giảng: Thế nào là giác ngộ, giải thoát, hữu ích của việc tọa thiền, lần chuỗi, niệm Phật A Di Đà, mục đích là tập cho tâm ta trụ lại, lắng xuống (tâm có thanh tịnh thì trí mới sáng suốt, việc gì cũng giải quyết tốt đẹp); và để được rõ ràng, dễ nhỏ hơn; Thầy lấy thí dụ: Nếu ta múc một ly nước bùn ngoài ao sen đem vào

nhà để yên cho bùn đó, cặn bã lắng xuống; thì ta sẽ gạn lấy được nước trong; cũng bằng cách tương tự như thế; lần lần ta sẽ thanh tẩy được trí não. Sau đó ai có điều gì thì hỏi Thầy; đến đây thì không khí sôi động lên; có một số câu hỏi về Phật Pháp, một số câu hỏi liên quan đến: "Có tội hay không" trên một số nghề nghiệp mà người Phật tử đang hành nghề? Thầy đã khéo léo và tâm lý giải đáp mọi thắc mắc; chung lại thì nếu đã hiểu biết rồi, thì người Phật tử nên chọn chánh nghiệp. Buổi trà đàm chấm dứt, mọi người thoải mái tìm bằng hữu để trao đổi nhau "tình đời ấm lạnh".

Tôi lạ làng làm một cuộc phỏng vấn bỏ túi:

Hỏi: Xin anh Hội Trường cho biết cảm tưởng của anh?

Đạo Hữu Hội Trường: Nở một nụ cười thật tươi (như đóa hoa hồng đang cài trên áo) và bằng một giọng Huế nhỏ nhẹ, anh nói: Tôi thật hết sức vui mừng và cảm động ở buổi Lễ an vị Phật và Lễ Vu Lan vào ban sáng nay, lúc Thầy Tử Trí cùng 10 vị Đạo hữu của Niệm Phật Đường Tâm Giác (München) hiệp với chúng ta tụng niệm; thật là "rực rỡ, huy hoàng"; và chùa Hương "cây nhà lá vườn" thật là đây rồi chị ạ! (không còn cảnh ăn nhờ ở đậu chùa Tây Tạng nữa); để khỏi e dè lúc đi ra đi vào cú phải "Buon giorno" (2) với ông Ý ngồi ở cổng! Chị có thấy thoải mái không?

- 100%

- Và điều hoan hỉ thứ hai là Thầy Tử Trí nhận là Thầy trụ trì cho chúng ta.

- Tôi đáp: Vậy chúng ta cùng tán thán công đức vô biên của Thầy.

Hỏi: Xin anh cho biết, sắp tới đây, chúng ta có những dự án nào?

- Anh Hội Trường say sưa nói: Hẳn là có đó chị, đã có một số anh em quá nhiệt tâm, dự thảo ngay việc mua đất, lập chùa (việc 1 thuộc đất cho chùa hẳn sẽ có; nếu mai này việc Phật sự tiến triển tốt đẹp), nhưng không phải ngay bây giờ; vì tôi thà đi chậm mà an toàn, hơn là nhanh mà bị tai nạn! Cũng như muốn được bà con Đạo hữu hỗ trợ việc lớn, thì trước hết phải chúng tỏ là Ban Trị Sự và một Niệm Phật

Đường khả tin; sau đó phải có chương trình rõ ràng và điều hợp lý nhất hiện nay là chúng ta phải nghĩ đến việc anh San, gia chủ, đã sửa chữa nhà cửa cho chúng ta mượn; nay vừa mỗi an vị Phật xong; lẽ nào chúng ta lại tính chuyện thiên di nữa, coi sao được?!

- Congratulazioni ông Hội Trường.

Tôi đến gặp anh Nguyễn Văn Hoàng (Hội Phó Ngoại Vụ): thay lời chào anh bằng một câu xin lỗi; vì bài báo kỳ rồi tôi thiếu sót tên anh trong Ban Chấp Hành chùa.

Anh vui vẻ nói mau: Đầu có gì, chị; quan trọng là chị có viết bài, tôi đọc là được rồi!

Anh là một Kỹ sư trẻ, cởi mở, nhiệt thành, anh là một biểu tượng rằng giới trẻ trí tuệ ngày nay; ngoài sự nghiệp và vui chơi ra, họ còn có chiều sâu "tâm linh"; con người càng hiểu biết, khoa học càng tiến bộ, thì con số người đi tìm học giáo lý Phật càng nhiều. Ở đây xin nhắc lại một lần nữa tên nhà Bác học Albert Einstein cha đẻ ra thuyết "tương đối" đã nói: Phật giáo là một tôn giáo mà khoa học có thể dựa vào đó để phát triển; ngoại trừ Phật giáo ra, không có một tôn giáo nào có thể có được tinh thần khoa học đó; bởi lẽ từ ngàn xưa, khi khoa học chưa tiến bộ; thì Phật đã nói trong kinh A Di Đà: "Ngoài cái thế giới chúng ta sống; còn có đến tam thiên, đại thiên thế giới"; mà mãi đến ngày nay, qua bao nhiêu nghiên cứu; khoa học mới chứng minh điều Phật nói là đúng.

Anh Hội Phó bộc bạch rằng: Lúc nghe Thầy Tử Trí đề nghị về sau này nên làm một ống Xăm, bên trong đựng những thẻ xăm, để bá tánh đến trước lễ Phật, sau xin xăm đoán quẻ, như thói quen nơi quê nhà. Anh đã không đồng ý, vì cho rằng: đem mê tín, dị đoan vào chùa! Thì Thầy có giải thích rằng: "đó chẳng qua là dùng phương tiện, để tải lời Phật dạy"; vì trên mỗi thẻ xăm, ngoài những con số biểu tượng các vì sao trên trời, còn có ghi lời Phật dạy trên đó. (Chính trước đây tôi cũng nghĩ như anh; làm thế nào mà những vì sao nằm trên dây thiên hà xa lắc, xa lơ với quả đất của chúng ta; mà lại có ảnh hưởng đến vận mệnh may rủi của con người trên địa cầu được...! Ta thử trích dẫn một đoạn sau đây;

mong làm sáng tỏ hơn chăng? SAO: là tinh thể kết hợp khí của vũ trụ mà thành, sao chiếu xuống thiên hà thành linh khí (linh khí bằng bạc trong trời đất) gặp cây nuôi cây, gặp hoa nuôi hoa, gặp người tạo có thể người hùng tráng; thần minh sáng suốt. Thần minh đó gọi là Hồn và Phách (Hồn và phách làm cho 2 người khác nhau (như một Đại tướng, một trẻ chăn trâu) (3).

Từ già anh Hoàng, tôi tìm gặp chị Huệ An (Hội Phó Nội Vụ) không khó khăn gì, vì chị luôn năng động ra vào, tôi chưa kịp chào, chị đã sốt sắng lên tiếng bảo tôi: Lúc nào ra về, nhắc chị lấy cuộn băng Cassette do chị thu lại lời của Thầy Thích Như Điển giảng pháp ở Treviso, đem về cho bác nghe hi! Thay lời mẹ; tôi cảm ơn chị đã dâng tặng mẹ tôi món quà quý trong ngày Vu Lan. Nhìn đóa bạch hồng trên ngực áo chị. Tôi chân thành chia sẻ nỗi buồn không còn mẹ trên đời của chị!

Tôi định đi tìm ông Tổng thư ký Hội (anh Võ Văn Quế) thì may quá, trước khi gặp anh, tôi đã được gặp hiền nội của anh. Tôi ngỏ lời xin lỗi về việc nhầm lẫn đã thay đổi họ Võ của anh thành họ Nguyễn (trong báo Viên Giác số 112), thì chẳng những "Võ đại tấu" hết lòng hi xả; mà còn ngược lại đã tán dương miệng lưỡi "quảng cáo" của tôi ở bài đăng vừa qua; đã khiến kỳ này đoàn Phật tử ở Đức hăng hái đi thăm di tích "Mối tình đẹp thiên thu của Romeo & Guilietta" ở gần chùa VIÊN-Ý. Và cũng được biết anh Tổng Thư Ký đã nhiệt thành vượt cả ngàn cây số qua chùa Viên Giác để thỉnh về Ý tượng Phật, cũng như đã sang tận Paris để thỉnh kinh sách. Mọi người xin Phật gia hộ cho anh và toàn gia.

**Hỏi:** Một bác cao niên: Thưa bác, bác có được thoải mái khi đến chùa?

**Đáp:** Rất thoải mái, lại có được bạn già trò chuyện tự nhiên hơn, nhất là được nói cùng chung một tiếng nói, không phải ngượng nghịu, khó khăn quơ tay chân ra dấu; thú 2 thấy được nhiều an ủi, bởi sự thân thiện, chân thành giữa bạn đạo với nhau, được lay Phật, nghe Kinh thì thấy trong lòng được nhiều an lạc; nhất là được cầu siêu cho thân nhân

quá vắng rồi thì nghe rất nhẹ nhàng trong lòng.

- Nam Mô A Di Đà Phật. Xin mừng bác được vô lượng an lạc.

Có một chị rất trẻ tâm sự: Chị có gia đình và 2 con, hai vợ chồng cùng đi làm, nên đời sống ngày này tiếp ngày kia với sự quần quật, chạy đua với thời giờ, vật lộn với cuộc sống, thở không ra hơi, bị căng thẳng nặng hay cãi cọ lớn tiếng với chồng, gấu gông với các con. Lần trước đi chùa về tập tọa thiền 10 phút vào buổi sáng, lần cuối, niệm Phật A Di Đà trước khi đi ngủ; bây giờ thấy bớt căng thẳng, vui hơn nên cũng ngọt ngào hơn với chồng con.

- Mong chị bền chí tọa thiền, hằng niệm Phật A Di Đà. Xin Phật tổ gia hộ cho chị được nhiều hạnh phúc.

Sau cùng, tôi đến gặp gia chủ, anh Ngô Bá San, Thủ quỹ Chùa VIÊN-Ý. Thấy anh vui vẻ, nên tôi đưa: Chào ông viện chủ; xin tán thán công đức lớn lao, đã tạo cho mọi Phật tử có nơi học Pháp, lễ Phật. Xin Phật chứng.

Anh cười rất tươi, đoạn hỏi lại tôi: Gọi anh là viện chủ gì đây?

Tôi nói: Tại lúc này, anh đã tự ý giới thiệu tôi là văn sĩ, với cô con gái của anh; bây giờ tôi gọi anh là viện chủ, như vậy là một huê (OK ?). Viện: ở đây là Thư Viện; Chủ: chẳng phải là từ nay anh cầm giữ chìa khóa thư viện của chùa là gì? Vậy xin anh hoan hỉ nhận thêm chức Viện Chủ vậy! Thấy vừa đủ dài, tôi chào anh định ra về; nhưng cũng như lần trước, tình bằng hữu giữa bạn đạo như keo dính! dù không may may tơ hào nào trói buộc, chúng tôi đã định ra về thì gặp ngay "Vũ" tiên sinh vừa đến (hôm nay anh làm ca muộn), tôi vội đi tìm cho anh một hoa hồng cài áo, nhưng có lẽ vì tối trời, các bông hoa cũng đã đi ngủ sớm!... đang thất vọng; thì tôi gặp chị Thanh Tùng (chị tự giới thiệu là Phật tử trong đoàn từ München đến); chị trao ngay cho tôi đóa hoa hồng của chị và nói: Mẹ người như mẹ ta, và tuy vừa biết nhau, chị đã thân thiện chia sẻ: Phật tử ở chùa Viên Ý rất là được phước duyên; vừa có chùa là được Thầy nhận là Thầy trụ trì ngay; còn chúng tôi bên đó có chùa đã 8 năm rồi, chỉ mới có Thầy 2 tuần qua! Tôi chìa tay

bắt tay chị vì từ nay chúng ta là bạn đạo của 2 chùa kết nghĩa TÂM GIÁC & VIÊN Ý; nhất là cùng chung một Thầy, chúng tôi vô cùng hoan hỉ với thuận duyên này. Có lẽ được bù trừ chăng? nên một lúc vừa được Thầy Thích Như Điển nhận là lãnh đạo tinh thần cho Hội Phật Tử Việt Nam tại Ý, vừa được Thầy Từ Trí nhận là Thầy trụ trì (trên tinh thần). Tôi từ già chị Thanh Tùng và anh Tài, Hội Phó Hội Phật Tử München và hẹn ngày tao ngộ. Tôi trân trọng đem cài đóa hoa hồng lên áo "Vũ" tiên sinh, và không kịp chuyện trò chi cả, từ già ra về vì đã gần 23 giờ đêm.

Sau đó tôi được biết, vào trưa chủ nhật hôm sau, sau khi hoàn mãn, Thầy và đoàn Phật tử München (trong đó có chị Thanh Tùng, anh Tài) đã được chính "Vũ" tiên sinh tình nguyện đưa đi thăm thành Arena (4) và mộ Romeo & Guilietta (thay vì theo chương trình thì việc đó là của anh Hoàng (Ngoại vụ); ở đây tôi muốn nói do cái nhân duyên "tâm vô phân biệt" của chị Thanh Tùng (Mẹ người như mẹ ta) mà có được cái: "Dĩ tâm truyền tâm" (nếu cùng tinh lặng, thì người ta có thể nghe qua tư tưởng của nhau) nên tuy cả hai (chị Thanh Tùng và anh Vũ) đều không hề hay biết kẻ tặng, người đáp đền; mà sự việc đã thể hiện rõ ràng, lại nữa tánh anh "Vũ" thường khi đã có biệt danh là: "Ngộ - nửa chừng", bởi anh thường hay nói: "tin việc gì cũng nên tin phân nửa thôi". Nay tôi mong anh sẽ thay đổi: bởi vì đức tin như dầu; làm cho bộ máy của cuộc đời chạy êm hơn.

Xin chân thành chúc mọi người trên địa cầu, mỗi một phút giây của cuộc đời đều được vô lượng an lạc.

Via Cialdini 203  
20036 MEDA (MI). ITALY

#### **Ghi chú:**

- (1) Thổ... thần của Cú Mèo (báo Văn Nghệ chủ nhật; tháng 8/99).
- (2) Chào buổi sáng
- (3) Xin phép được trích dẫn (quên tên tác giả)
- (4) Xưa thành Arena, người ta đem tử tội ra thủ súc với mãnh thú; nếu thắng thì được tha; ngày nay tại di tích này thường tổ chức ca nhạc, hòa tấu.



# Liêu trai chí dị

Tuyển dịch



### Lời người dịch :

Các bậc tiền bối như Tản Đà, Đào Trinh Nhất, Hiếu Chân đã từng dịch một số truyện tưởng đối dài trong cuốn *Liêu Trai Chí Dị* của Bồ Tùng Linh (1640-1715). Nhằm mục đích trau dồi thêm kiến văn về chữ Hán, nên chúng tôi cũng mạo muội dịch một số những truyện rất ngắn và dễ để giới thiệu với độc giả. Phần chú thích là của người dịch.

Chúng tôi sử dụng :

- *Liêu Trai Chí Dị* do Văn Nguyên Thư Cục Ấn Hành năm Trung Hoa Dân Quốc thứ 62, tái bản, để tuyển dịch.
- Bạch thoại toàn bản *Liêu Trai Chí Dị* do Thượng Hải Cổ tịch Xuất Bản Xã tái bản năm 1996 để tham khảo đối chiếu.
- Tử Hải, Đài Loan Trung Hoa Thư Cục ấn hành, năm Trung Hoa Dân Quốc thứ 58.
- *Trung Quốc Điển Cố Từ Điển*, Bắc Kinh Xuất Bản Xã, năm 1996.
- *Thực Dụng Hán ngữ Thành ngữ Từ Điển*, Thượng Hải Viễn Đông Xuất bản xã, năm 1995.
- *Thường dụng Phân nghĩa từ Từ Điển*, Thủ Đô Sư Phạm xuất bản xã, năm 1997.
- *Thường dụng Đồng nghĩa từ Từ Điển*, Thủ đô Sư phạm xuất bản xã năm 1996 để tra cứu.

Nếu có điều gì chưa đúng, không đủ, kính mong quý vị lượng thứ và sẵn lòng chỉ dạy thêm cho. Chân thành đa tạ.

## Tam Triều Nguyên Lão

Có một vị đại học sĩ mỗ đã từng làm Tế Tửng của triều nhà Minh. Ông ta đã từng đầu hàng bọn giặc cướp, cho nên kẻ sĩ bàn luận chê trách việc ấy.

Ông ta cáo lão trở về quê và làm lễ tổ tiên tại nhà từ đường. Đêm đó có một số người ở lại. Đến sáng, trông lên từ đường thấy có một tấm biển viết:

**"Tam Triều Nguyên Lão"**

(Người nhiều tuổi có chức cao trải qua ba triều đại.)

và một câu đối viết:

**"Nhất nhị tam tứ ngũ lục thất  
Hiếu để trung tín lễ nghĩa liêm"**

(Một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy Hiếu, để, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm)

Cả nhà chẳng biết ai đã treo tấm biển lên từ lúc nào, nên lấy làm quái lạ và nhất là chẳng giải thích được ý nghĩa.

Có người nghĩ rằng:

- Về đầu ẩn chứa 2 chữ "vong bát" (1) (lời nói mắng người ta)

- Về sau ẩn chứa 2 chữ "vô sỉ" (không có liêm khiết và biết điều sỉ nhục).

Quan Kinh Lược họ Hồng (2) đi chinh phạt phương Nam, chiến thắng trở về đến Kim Lăng, lập đàn tế lễ vong hồn chiến sĩ chết trận.

Có một người ở nhà cũ đến xin yết kiến, lạy xong rồi, dâng hiến một bài văn.

Họ Hồng chẳng muốn vì từ lâu đã chán việc văn chương, thơ phú đã lờ mờ tối tăm. Nhưng người đó xin quan Kinh Lược nán phiên ngồi lại để nghe. Nói xong, liền rút ra trong tay áo bài văn, lên giọng đọc sang sảng. Đọc xong, khóc lớn rồi đi.

Nguyên Hoàng Đế Sùng Trinh đời Minh có bài văn tế Hồng Liễu Dương tử nạn vậy.

**Chú thích :**

(1) *Vong bát*: do điển tích Vương Bát. Theo cuốn *Ngũ Đại Sử Tiền*

Thục Thế Gia: "*Vương Kiến lúc còn nhỏ là kẻ vô lại, làm những việc trộm cướp, buôn lậu, cho nên người trong làng gọi là: giặc Vương Bát*".

Theo cuốn *Thất Tu Loại Cáo*: "*Nay mắng người ta thì nói: vương bát, hay nói vong bát. Tức là nói mất hết: hiếu, để, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ vậy*".

(2) *Hồng Thừa Trù*, đời Thanh (1644-1911), quê Nam An, tên chữ Hạnh Cửu, tiến sĩ niên hiệu Vạn Lịch (1579-1619) đời Minh (1368-1643). Thời cuối nhà Minh, niên hiệu Sùng Trinh (1628-1643) làm quan Tổng đốc Kế-Liêu, đánh nhau với quân Thanh ở Tùng Sơn, bị thua, sau hàng quân Thanh. Sau đó theo Đa Nhĩ Cổn vào Quan Bình làm giặc cướp, rồi lại giúp đỡ Đa Đặc bình định Giang Nam, thăng quan tới chức Vũ Anh Điện Đại Học Sĩ. Chết có tên thụy là Văn Tường.

Hồng Kinh Lược, Hồng Liễu Dương, Hồng Thừa Trù đều chỉ là một người.

## Chu Sinh

Có thời Chu Sinh làm thư ký cho quan huyện huyện Chuy Xuyên tỉnh Sơn Đông. Nhân dịp quan huyện ra ngoài vì công việc. Phu nhân của quan huyện họ Từ, có ước nguyện đi lễ bái *Bích Hà Nguyên Quân* tại Thái Sơn. Đường xa xa xôi, sai đầy tớ sửa soạn lễ vật để đi, bảo Chu làm bài văn tế.

Chu làm theo lối văn biền ngẫu (1), tả cuộc đời của Từ phu nhân, hơi có giọng văn hài hước đùa bỡn, trong đó có câu:

*"Lạc Dương trồng khắp huyện đầy hoa, thích người trai đẹp; để núi hang um tùm cây cỏ, chỉ thích đào dứ"*. (2)

Những câu văn khiếm nhã như thế rất nhiều, khiến cho phu nhân bực tức.

Bài văn làm xong, đưa cho bạn đồng sự Lăng sinh xem. Lăng lấy làm dở dáy, khuyên răn chỗ dưng.

Chu chẳng nghe, giao cho đầy tớ mang đi.

Không lâu, Chu sinh mất ở dinh quan huyện nơi làm việc. Mà bài văn gửi người đầy tớ thì người đầy tớ cũng chết.

Lại không lâu, Tử phu nhân bị bệnh hậu sản cũng chết. Người ta cũng chữa cho làm lạ vậy.

Chu sinh có được một đứa con, tử kinh đô đến đón linh cữu của cha. Ban đêm cùng với Lăng sinh ở trọ, mộng thấy cha dặn rằng:

"*Văn chuông không thể không thận trọng vậy. Ta không nghe lời bạn Lăng, bèn dùng những lời khiếm nhã đến nỗi thân linh tức giận. Liền bị tai vạ ngàn năm. Lại còn để lụy cho Tử phu nhân, rồi lại tai vạ cho người đầy tớ đốt tờ văn tế, rất lo sợ không thể thoát khỏi tội nơi âm phủ*".

Tỉnh dậy, kể lại cho Lăng nghe. Lăng nằm mơ cũng như vậy.

Nhân đấy đọc lại bài văn. Đứa con của Chu vừa đọc xong, lấy làm kinh sợ.

#### *Dị Sử Thị bản:*

Phóng túng tình cảm, buông thả ngòi bút, liền tự nhiên thích thú. Đây là sự thường của khách văn chương vậy.

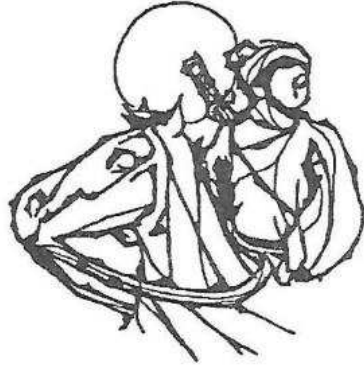
Tuy nhiên những lời dâm dục lãng mạn, sao dám kết tội thân mình. Ôi kẻ cuồng không biết, coi âm phủ trách phạt đúng tội. Khiến phu nhân hiền thực, tên đầy tớ xa ngàn dặm, cả hai chết không biết tội của mình. Mà lại không giống hình luật của cõi trần tục, phân biệt rõ thủ phạm và tông phạm, trái lại sao hồ đồ lắm vậy? Oan uổng thay !!

#### **Chú thích :**

(1) *Biên ngẫu*: hay là biên văn, là văn không có vần mà có đối, như hai con ngựa sổng nhau vậy.

(2) *Chỉ thích đào dử*: là lấy từ điển tích về Di Tử Hà, người thời Xuân Thu (722-479), là một kép hát rất đẹp trai được vua Vệ Linh Công rất yêu quý. Lệnh của nước Vệ, ai sử dụng xe của nhà vua thì bị xử chém. Mẹ của Di Tử Hà bị bệnh. Di Tử Hà lấy xe của vua đi. Vua cho rằng có hiếu mà không trách phạt. Di Tử Hà đang ăn trái đào, còn dở dang, bèn dâng cho vua. Vua khen là đang ăn

ngon biết nhường cho người khác. Đến khi hết yêu thích Di Tử Hà thì bèn lôi ra tất cả những việc ăn dờ đảo dâng vua, sử dụng xe của vua, để xử tội.



## Họa Mã

**T**hư sinh họ Thôi ở huyện Lâm Thanh tỉnh Sơn Đông, gia đình nghèo túng khổ, tưởng vây quanh nhà hư hỏng sửa không được. Mỗi sáng thức dậy lại thấy con ngựa nằm trong đám cỏ sượng, lông đen vằn trắng, duy chỉ có lông đuôi không ngay ngắn, giống như bị hó lửa cháy. Đuổi đi, nhưng ban đêm nó lại tới, chẳng biết nó tới từ đâu.

Thôi có một người bạn tốt, làm quan ở đất Tấn (Sơn Tây). Muốn đến thăm bạn, mà khốn nỗi không nổi không biết làm cách nào để đi đến đó được, bèn bắt con ngựa, đóng dầm, rồi cuỗi lên đi. Thôi dặn người nhà rằng:

"*Nếu có người đi kiếm ngựa, bảo tôi đất Tấn mà kiếm ta*".

Nói xong, lên đường. Ngựa phi như bay, nháy mắt đã đi được trăm dặm. Ban đêm ngựa không chịu ăn đậu non, có ý như bị đau. Đến ngày sau, đóng dầm gấp không được, mà ngựa lại hí phun ra bọt, rồi lại khoẻ mạnh tráng kiện như hôm qua, tiếp tục đi. Giữa trưa đã đến đất Tấn. Thôi cho ngựa đi vào trong chợ. Người ta đứng nhìn không ai không khen lạ kỳ vậy.

Tấn Vương nghe chuyện ấy, trả cao giá để mua ngựa. Thôi sợ chủ ngựa đi tìm, không dám bán.

Ồ được nửa năm, không có tin tức gì của gia đình ở quê nhà, Thôi bèn bán ngựa lấy 600 lượng vàng ở vương phủ. Sau đó Thôi đi ra chợ mua một con lừa mạnh khỏe để trở về quê.

Sau Tấn Vương có công việc khẩn cấp, sai quan Hiệu úy đóng ngựa đi Lâm Thanh. Đến nơi, ngựa trốn mất. Quan ra lệnh truy lùng cho đến nhà hàng xóm phía đông của Thôi.

Vào cửa, không thể trông thấy ngựa được nữa. Bắt chủ nhà. Chủ nhà họ Tăng, thật thà thừa rằng chưa từng nhìn thấy con ngựa. Lại vào sâu trong nhà, trông thấy ở trên tường treo một bức tranh vẽ ngựa của Tử Ngang (1). Trong bức tranh có một con ngựa, màu lông giống y như màu lông của con ngựa phi thường ấy, ở đuôi là chỗ bị hường đốt cháy.

Mỗi đầu dù nghĩ rằng con ngựa ở trong tranh tác quái vậy, nhưng quan Hiệu úy cũng thấy khó khăn để trình lại với Tấn vương, nhân đấy mới đến nha môn tố cáo họ Tăng.

Từ lúc được bán ngựa, họ Thôi trở nên giàu có muôn nghìn, tự nguyện đút của cho họ Tăng và cho quan Hiệu úy để quan đi.

Họ Tăng rất cảm ơn ân đức ấy của Thôi, mà chẳng biết rằng Thôi là người bán ngựa trong tranh của mình.

#### **Chú thích :**

(1) *Tử Ngang*: là tên chữ của Triệu Mạnh Phủ (1254-1322), hiệu Tùng Tuyết Đạo Nhân, Tuyết Tùng Trai, Thủy Tinh Cung Đạo Nhân, quê ở Ngô Hưng, Hồ Châu, nói ở có đình Âu Ba, nên người đời gọi là Âu Ba, là thứ họa gia nổi tiếng đời Nguyên (1277-1367). Có tài vẽ sơn thủy, cây đá, hoa diều, người, vật, đắp tượng, viết chữ đẹp.





# Một gương đức hạnh

Vân Nương

Vừa nhận được thiệp của chị bạn trên Paris mời lên dự lễ Khánh Thọ chị vừa tròn tám mươi mùa Xuân trong vườn hoa nhân thế, tôi bỗng giật mình không ngờ thời gian sao đi mau quá chừng thế nhỉ? Những cảm tình chen lẫn lòng kính phục tôi đã dành cho chị trong suốt bao nhiêu năm dài đằng đẵng mà tôi tưởng chừng như vừa mới hôm qua!

Tôi chợt nghĩ phải có món quà gì đặc biệt tặng chị trong dịp này và không gì hơn là viết kể những gì tôi đã biết về chị để ca tụng Đức Hạnh của một Phụ Nữ Việt Nam như chị. Vì tôi nghĩ dù đem tất cả vàng ngọc châu báu trên cõi đời này đã dễ gì mua được Đức Hạnh của một người đàn bà suốt cuộc đời tận tụy với chồng con giữa cái xã hội văn minh Âu-Mỹ hiện nay.

Đức Hạnh phải gồm tất cả những gì cao đẹp như tài sắc mà nhu thuận, thông minh nhưng hiền hòa, gặp gian nan vẫn kiên nhẫn... Chị đã có diễm phúc được trời ban cho tất cả những đức tính ấy nhưng lại các cô bắt chị phải chịu đựng bao nhiêu thử thách, giữa thời loạn lạc chị phải tuân chuyên gai góc đủ điều để sau cùng mới ban cho chị một phần thưởng xứng đáng: cảnh vợ chồng đoàn tụ, chung hưởng hạnh phúc vào những buổi hoàng hôn của cuộc đời.

Người Phụ Nữ Việt Nam qua tấm gương sáng của các vị anh thư Bà Trưng, Bà Triệu đã vào trang sử gấm muôn đời còn sáng chói như trăng rằm trên nền trời nước Việt. Chị T. cũng xứng đáng có một địa vị cao quý của những Phụ Nữ Việt Nam Đức Hạnh trong thời buổi nhiễu nhương của đất nước ngày nay.

Tôi nhớ lại thời xa xưa nơi tỉnh nhỏ miền Trung quê nhà, hồi đó tôi đang còn đi học lớp Tư trường Nữ thì chị đã thi xong bằng Tiểu Học, thành thạo chị vẫn tới trường thăm các Thầy học: Cô Quyên, Cô Nhiệm, Cô Ái ... Khi đó chị là một thiên kim tiểu thư, con gái cứng của quan Tổng Đốc, một tiểu thư kiều diễm, dáng vẻ đài các, đẹp như hoa, mềm như liễu. Chị khép nép đứng khoanh tay hầu chuyện mấy cô giáo đang ngồi trên ghế dài trong nhà chơi (Préau) giữa giờ học trò nghỉ giải trí, dáng chị hiền dịu, lễ độ với giọng Huế nhẹ nhàng thánh thót như những nốt nhạc trên cây lục huyền cầm miền sông Hương núi Ngự đã khiến tôi và lũ nhỏ bạn say mê cứ đứng ngây người ra nghe mà ngắm.

Phải công nhận suốt thời gian tôi học trường Nữ đã có nhiều chị ra trường những

số học trò quay lại trường cũ thăm Thầy chỉ đếm được trên đầu ngón tay mà chị T. là người lui tới nhiều hơn cả. Cũng bởi từ hồi nhỏ tôi vốn đã thích chiêm ngưỡng cái đẹp, cho nên hình dáng đẹp của một thiếu nữ đang thời xuân sắc như chị T. vẫn quyến rũ tôi mãi tới bây giờ.

Vài năm sau, cụ thân sinh về Kinh giữ chức Thượng Thư Bộ gì đó, tiếp đến tin vua trẻ tuổi sắp về nước. Người ta đồn chị là một trong số mấy cành vàng lá ngọc, con các vị Đại Thần đương Triều được Đức Từ Dũ dự tuyển vào cung ngà điện tía. Tôi và mấy nhỏ bạn lại một phen bàn tán xôn xao, nhỏ lại dung nhan yêu kiều ấy, chúng tôi cùng đồng ý cho chị xứng đáng bậc mẫu nghi của thời đại. Những sự việc đã xảy ra khác hẳn làm cả nước ngạc nhiên! Ông vua trẻ tuổi tân học đã bất chấp luật lệ triều đình! Nước Việt Nam bỗng nhiên có một bà Hoàng Hậu theo đạo Thiên Chúa! Điều nghịch lý nhất là theo "Luật Gia Long" nhà Nguyễn không lập Hoàng Hậu cũng như không lấy Trạng Nguyên trong các kỳ thi tuyển nhân tài trong nước.

Thế rồi trải qua mấy chục năm chuyển biến, con người cũng bị lôi cuốn theo dòng thời gian để vào giữa thập niên 50 nước Việt Nam bị phân chia làm hai mảnh! Cây cầu Hiền Lương là cái mốc phân ranh giới hai vùng Bắc Nam Quốc Cộng! Dòng sông Bến Hải đã chứng kiến bao cảnh phân ly chan hòa nước mắt:

*Một dòng Bến Hải đau hồn nước  
Mấy nhịp Cầu Lương nhục sử xanh!*



Vào năm 1965 trong một buổi họp thơ tại Sài Gòn, chị bạn tôi đưa ra giới thiệu cuốn thơ của chị T. và cho biết hiện chị đang dạy học trên Cao Nguyên. Những kỷ niệm xưa nơi trường cũ tỉnh nhỏ miền Trung bỗng ập

về trong tâm trí tôi. Đọc những vần thơ sâu muộn, tôi thương chị vô cùng! Chao ôi! Cái cô tiểu thư cành vàng lá ngọc, đẹp như hoa, mềm như liễu của thuở nào sao bây giờ lại truân chuyên đến thế! Có phải vì hai chữ sắc tài mà chị bị con tạo ghét ghen chăng? Qua những vần thơ ai oán của người cô phụ không may sống vào thời khói lửa đến nỗi gia đình phải tan tác chia lìa chồng Bắc vợ Nam! Chị bạn còn kể những đoạn trường chị đã trải qua.

Hồi đó, chị T. đã kết hôn với một trí thức hào hoa phong nhã cân xứng với chị, anh này vừa ở Pháp về sau khi đỗ đạt thành tài. Khi cách mạng nổi lên vào Mùa Thu 1946, chồng chị đang làm An Sát ở một tỉnh gần Huế. Dĩ nhiên chuyện gì đã xảy ra và gia đình đành phải tuân theo áp lực cách mạng. Hồi bấy giờ họ thường chỉ bắt đi người chủ gia đình nhưng chị đã "tự nguyện xin mang hai đứa con nhỏ theo chồng kháng chiến chống Thực Dân". Đây cũng là một cử chỉ khôn ngoan mà chị đã cứu được người bạn trăm năm không bị thủ tiêu như mọi trường hợp khác. Từ đó gia đình trôi giạt theo cơn gió lốc ra tận Việt Bắc cho tới năm 1952 vì cuộc sống quá cực khổ chị lâm bệnh nặng, tại Cộng Sản đã chấp thuận cho chị mang theo hai đứa con gái nhỏ về Hà Nội, vùng Pháp chiếm đóng, nơi đây hai mẹ con được người anh cứu mạng, còn chồng và đứa con trai độc nhất vẫn bị giữ lại! Hỏi người phụ nữ nào mà không cảm thông nỗi đau khổ của một người vợ khi dứt áo ra đi, phải để lại chồng con trên vùng Việt Bắc mà tại Cộng Sản cố tình giữ lại làm con tin? Khác nào như đứt ruột xé gan con người ta vậy đó! Nhất là đọc những vần thơ ai oán của chị, người mà tôi còn giữ những hình ảnh đẹp thuở xa xưa đã khiến tôi vô cùng thương cảm người bạn gái đã phải hứng chịu một hoàn cảnh đầy éo le khổ lụy!

Rồi chị đành ôm mối hận lòng theo làn sóng di cư vào miền Nam năm 1954, tìm lên miền Cao Nguyên hẻo lánh, xin dạy học tại một trường tư thục do người bạn thân của chồng làm Hiệu Trưởng, cố gắng chăm nuôi đứa con gái bây giờ là nguồn an ủi duy nhất của chị. Những khi canh tàn chiều vắng chị đành mượn thơ để giải tỏa nỗi uất ức cho nhẹ bớt tâm can.

Tuy nhiên trời cũng phú cho chị một nghị lực phi thường; nếu con người ta không nhờ nghị lực để vượt qua những gian nan khổ lụy thì làm sao mà sống nổi với thời loạn lạc của đất nước hiện nay? Ngoài giờ sinh hoạt hàng ngày, chị dắt con tới Nhà Thờ cầu nguyện, dưới tượng Đức Mẹ và mặt tử ái, tay bồng Chúa Hài Đồng, chị cảm thấy sao mà giống hình ảnh hai mẹ con chị quá! Chị dốc tâm cầu nguyện cho chồng con được bình an trong tay Chúa, xin Chúa che chở họ đang sống dưới nanh vuốt của quân dữ nơi rừng rú xa xôi chân trời cuối đất! Chị

đã xin rửa tội, các bổn đạo thấy chị luôn có mặt ở Nhà Thờ cầu nguyện.

Hoàn cảnh này đã động mỗi từ tâm bác ái của Mẹ Bề Trên, vào năm 1960 nghe tin chồng con đã về Hà Nội, chính Mẹ Bề Trên đã vận động với Ủy Hội Quốc Tế cho chị ra miền Bắc thăm chồng và con một tháng. Các Soeur còn nhận trông nom đùm đũa con gái. Thế nhưng chị chỉ được gặp chồng với thân hình tiêu tụy còm cõi, mang bệnh sốt rét, hậu quả của những năm sống khổ cực trên miền rừng núi. Còn đứa con trai nhà nước đã bố trí cho đi công tác tận Trung Quốc thì làm sao mẹ con gặp nhau được?! Bút mực nào tả được hết nỗi đau thương của cặp vợ chồng này? Vậy mà bề ngoài họ vẫn phải tươi cười hoan hỉ: "em yên tâm, nhờ ơn Bác và Đảng, anh và con sống rất đầy đủ" họ thừa hiểu nơi đây "rừng có mạch, vách có tai" cần phải cảnh giác, nhưng qua ánh mắt họ đã nói với nhau bằng cả vạn lời! Thời gian một tháng trôi qua, phút chia tay như một cục hình!... Về tới miền Nam chị ngã bệnh trầm trọng. Bệnh thể xác vì cuộc hành trình vất vả những nặng nhất là bệnh tâm hồn vì bao nỗi đau thương đang lắng đọng nay bỗng bùng dậy. Ngoài ra bao nhiêu hy vọng được gặp lại đứa con trai độc nhất đã bị tiêu tan! Đây là sự cố ý tàn nhẫn, thâm độc của chính quyền Cộng Sản! Ngày nghe tin chị được Ủy Hội Quốc Tế can thiệp cho ra Hà Nội thăm chồng con thì lập tức họ bố trí cho người con trai sang Trung Quốc công tác!

Khi cuộc chiến lan tràn, tiến sâu vào miền Nam, nhà Dòng di chuyển sang Pháp. Hai mẹ con cũng được đi theo. Họ giúp chị có công việc làm và cho đứa con gái rất thông minh, ngoan hiền được theo học trường nhà Dòng. Học xong Đại Học đã đi làm giúp mẹ thêm tiền tiếp tế cho cha, anh ngoài Bắc. Ấu cũng là luật "bù trừ", đền bù cho chị những năm tháng gai góc phải hứng chịu, một cuộc sống đầy sầu đau khổ hận tiếp diễn suốt 25 năm trường! một phần tư thế kỷ! một phần 3 cuộc đời người ta chủ phải ít đâu?

Tôi đã phải khâm phục sức chịu đựng của một người đàn bà yếu đuối, may sao không hóa thành một loại đá Vọng Phu ôm con đứng đợi chồng mà tôi đã thấy trên ngọn núi Nhồi, nơi tôi sinh trưởng. Tình cảnh chị nào có khác gì người vợ mòn mỏi hóa đá kia? ...

Vào giữa thập niên 70, một hôm có tiếng chuông reo, khi mở cửa thấy ông chồng xuất hiện bên cạnh một cán bộ cộng sản, chị tưởng như chiêm bao, như mộng mị, không tin ở mắt mình, cơ hồ muốn té xiêu! Người cán bộ giải thích:

- Chồng chị nay đã hưu nên nhà nước đề nghị cho anh chị đoàn tụ trên đất Pháp...

Chị hoảng hốt:

- Thế còn con trai tôi?

- À còn B., đang còn phải công tác chứ.

Một lần nữa chị lại thăm hiểu. Vì quá quen thuộc chính sách nắm giữ tình cảm, một mưu kế thâm độc của những con người không có trái tim. Chị tự hỏi còn phải ôm mối hận lòng cho đến bao giờ? Đứa con trai độc nhất của chị còn phải đóng vai con tin cho đến bao giờ?

Năm 1979, tôi gặp hai anh chị vừa ra Hà Nội thăm con trai, tiện đường ghé Sài Gòn thăm gặp bà con bằng hữu, dĩ nhiên làm sao chúng tôi nhận được ra nhau nếu không có lời giới thiệu của người bạn? Tôi đã kể chị nghe những kỷ niệm từ hồi tôi còn là con bé học lớp Tư mà đã biết chiêm ngưỡng sắc đẹp cô tiểu thư đài các vào giờ ra chơi hay tới trường thăm Thầy cũ. Tôi là một trong lũ nhỏ củ dứng ngây người ra ngắm chị đó! Tôi tuổi trưởng thành, tôi còn xót xa thương hoàn cảnh chị qua những vắn thơ sâu muộn, chị làm sao mà biết được? Chị rất xúc động, mắt rưng rưng, nỏ một nụ cười buồn, hình như tôi đã vô tình khơi dậy vết thương lòng của chị về cậu con trai yêu quý nhất đời đang còn mắc trong mào lưới của chế độ ngoài kia!

Từ đó chúng tôi trở thành đôi bạn, trở về Paris chị luôn viết thư an ủi, chia sẻ với tôi trong hoàn cảnh nhà tôi đang đi tù cải tạo ngoài miền Bắc, ân cần khuyên nhủ khi tôi trở thành một phạm! Nghe tin tôi tới Paris, chị đã tổ chức một buổi họp thơ bỏ túi chỉ mỗi mấy người bạn thăm giao, tuy nay đã luống tuổi, đã trải qua nhiều năm tháng đoạn trường những với chị vẫn còn sót lại những nét đẹp thuở xưa, vẻ duyên dáng, phong độ hòa nhã vẫn còn để xiêu lòng người!

Thời gian sau tôi nhận thấy có một cái gì cách biệt giữa cặp vợ chồng này với một số người Việt ở Paris! Đã có lần trong một bữa tiệc do một nhà thơ khoản đãi, nhân câu chuyện hưởng về thi văn tôi có nhắc tới thơ chị, một thực khách người Huế đã có ý cho vợ chồng chị là Cộng Sản, không nên nhắc tới! Tôi tuy bất bình nhưng giữ được bình tĩnh, xin phép mọi người kể một câu chuyện:

"Nhà tôi có người em cô cậu làm giáo viên ngay chính quê mình. Hồi cách mạng Mùa Thu 1946, hai vợ chồng tích cực hoạt động, chồng làm Chủ tịch xã, vợ là Chủ nhiệm Phụ Nữ địa phương. Vậy mà năm 1954, Cộng Sản mở chiến dịch Cải Cách Ruộng Đất, hai vợ chồng vẫn bị khép vào thành phần phú nông! Tuy họ đã kịp trốn thoát ra Hà Nội mà vẫn bị truy lùng ra tổng tích. Chú em bị dẫn giải về bản quán xét xử. Tên công an đã dùng một sợi dây thừng dài trói hai tay chú, còn đầu kia buộc vào Porte Bagage phía sau xe đạp, trong tình trạng đó chú phải chạy bộ theo xe đạp của tên công an suốt quãng đường dài 30 cây số từ gare Thanh Hóa về xã Hải Quang! Tiếp tôi là màn đấu tố với bao nhiêu tội trạng bịa đặt, vu khống! đến nỗi họ còn tạo dựng cảnh bố mẹ một đứa học trò tổ giặc chú đã làm chuyện tôi bại với con nhỏ mới 9 tuổi đầu! Sau khi chịu đựng bao điều sỉ vả nhục nhã, thêm một trận đòn nhừ tử, chú bị kết

án 10 năm tù! Một hai năm sau có chính sách sửa sai, chú mới được tha và phục hồi chức giáo viên. Nhưng bắt đầu từ ngày ấy, đối với chế độ chú đã mang một tâm trạng "khạc chẳng ra cho, nuốt chẳng vào". Nói tôi đây chú dáo dác nhìn quanh căn phòng khách nhà tôi tại Sài Gòn như còn sợ những bóng ma Cộng Sản lờn vờn đầu đây theo dõi! Chú hạ giọng khẽ nói: "Chị ơi! từ ngày ấy từ đây ra (chú đưa tay ra hiệu từ cổ lên) còn thì ai oán lắm!". Mặt chú còn hằn sâu vết gian truân, ngổ ngán như bị ma ám ảnh trông đến tội nghiệp. Qua câu chuyện này tôi nghĩ hoàn cảnh anh chị T. cũng thế thôi! Nếu chúng ta không gặp hoàn cảnh đó cũng đành cúi đầu chịu theo số phận đấy chứ để bảo toàn mạng sống chứ! Tôi dám quả quyết hạng người như anh chị T., hạng người trí thức, có đầu óc suy xét thì làm sao họ có thể trở thành Cộng Sản được?".

Sau khi biết rõ hoàn cảnh, tôi càng thương chị T. hơn! Vợ chồng chị đứng chơi với giữa sự nghi kỵ của cả hai bên Quốc Cộng vì dĩ nhiên với thành phần lý lịch của cả hai người, Cộng Sản cũng không bao giờ chấp thuận cho đứng vào hàng ngũ của họ.

Hôm nay khi nhận được thiệp chị mời, tôi phân vân, loay hoay trong đầu óc tìm ra món quà mừng chị. Bất chợt tôi nảy ra ý nghĩ nên viết một bài tặng chị, một món quà không giống những món quà người ta thường tặng nhau vào những dịp vui mừng, một món quà nêu cao đức hạnh của một người bạn mà tôi đã kính yêu tự thuở thiếu thời. Hơn nữa tôi còn muốn nêu lên để mọi người chung quanh hiểu chị như tôi đã thấu rõ hoàn cảnh chị: Vào cái thời còn là một tiểu thư lá ngọc cành vàng, con quan Tổng Đốc, với tuổi trẻ và địa vị ấy chị đã không kiêu hãnh như thói thường thiên hạ! trái lại, mỗi lần tôi trường cũ thăm Thầy học, chị vẫn lễ độ, đứng khép nép khoanh tay hầu chuyện các Cô. Một con người như thế, một phụ nữ gồm đủ tài sắc, đức tính, hạnh kiểm như thế mà sao con tạo trở trêu nỏ đầy đọa, bắt chị sinh vào giữa thời loạn lạc, trôi nổi điêu linh, hứng chịu bao nhiêu truân chuyên thử thách, nhưng chị vẫn sáng rõ như nén vàng mười!

*Thật vàng có phải thau đầu  
Mà đem thử lửa cho đau lòng vàng!*

Tôi xin tặng chị hai câu cao dao quen thuộc của Đất Nước Việt Nam yêu dấu nền nếp nho phong, vì tôi nhận thấy chị xứng đáng đứng vào hàng ngũ những người Phụ Nữ Việt Nam Đức Hạnh của cuộc Thế Kỷ Hai Mươi này ●





# Cô nữ sinh áo tím

Phạm Thăng

*Kính tặng bạn:  
Phong Hùng Lưu Nhỏn Nghĩa  
(Thân tặng độc giả báo Viên Giác, Đức  
Quốc, - Thân gửi các độc giả tuổi đời mười -  
Thân tặng các bạn Châu Đốc của lứa tuổi  
65-70)*

Tỉnh Châu Đốc là một tỉnh của miền biên giới Miền Việt xa xôi nơi có Thất Sơn huyền bí, có nhiều thắng cảnh, có thị xã Châu Phú sung túc nằm soi bóng hiền hòa bên bờ sông Bassac (Hậu Giang) trước thập niên 50, khi chưa có trường Trung học công lập Thoại Ngọc Hầu, học sinh nào muốn học lên cấp trên chỉ có hai con đường để chọn lựa: lên học tại Sài Gòn hoặc đến Cần Thơ trọ học.

Đa số chúng tôi thích học tại Cần Thơ vì giá sanh hoạt vừa với khả năng gia đình mà lại... gần nhà. Châu Đốc đi Cần Thơ chỉ hơn 130 cây số. Từ Châu Đốc chạy ngang Long Xuyên 55 cây số rồi qua Thốt Nốt, Ô Môn, tới Bình Thủy đã thấy đến Cần Thơ rồi. Đi học xa nhà được kêu là du-học-sinh, bảnh tềng lắm, ai lại không ham.

Nhưng thích là một chuyện còn được đến đó học là chuyện khác. Lúc bấy giờ, đi học Cần Thơ mà lại được mang danh học sinh trường Trung học Cần Thơ (Collège CanTho) mặc đồng phục áo sơ mi trắng, quần trắng, trên cổ áo có gắn hai miếng ni đen thêu hai chữ CC bằng chỉ vàng lấp lánh mới thật le lói.

Tiếng tăm của trường vang dội khắp miền Tây. Được là học sinh của trường đâu phải dễ. Không biết ngày xưa sĩ tử mang lều chông đi thi Tú Tài, Cử Nhân sau 10 năm đèn lửa ra sao, chỗ muốn học tại trường Cần Thơ phải qua cuộc thi tuyển chọn trò giỏi (concours) thật gian khổ. Vì như đã nói, ở Miền Tây Nam Việt từ Hà Tiên đến Châu Đốc, qua Rạch Giá, Long Xuyên, Vĩnh Long, Sa Đéc không nơi nào có trường Trung học, thế nên hàng năm trên 1000 học sinh các tỉnh đó, kể luôn Cần Thơ, Sóc

Trăng, Bạc Liêu phải đem sức học của mình suốt từ lớp chót ABC đến lớp Nhứt cũng đã 7 năm... đèn điện, để chỉ được chọn có 20 người có học bổng, sau đó từ hạng 21 đến 120 được nhà trường nuôi ăn ở nội trú, chỉ phải đóng 17 đồng 50 xu thôi. Nếu ở ngoại trú thì tự túc đóng tiền ăn ở, khỏi trả học phí. Sau số này, nhà trường có lấy thêm 20 đứa kế tiếp (đậu vớt) để đề phòng có đứa thi đậu nhưng bị bính.

Đó là niềm hy vọng và ước mơ có thể thành sự thật cho những cậu học sinh chăm chỉ, còn phần tôi chắc có ngôi sao chiếu mạng là con ngựa cô đơn (Canh Ngọ) và lại là con ngựa ham đi lang thang nên chỉ thích học Sử Địa và Toán, nên điểm của các môn khác còn thua xa... sự ham chơi ở sân trường.

Cũng may nhờ các môn kia kéo lại nên năm nào các thầy học cũng thấy tôi lên lớp, nên gặt gủ bảo nhau: "Thằng này liếng xáo có hạng, may nhờ siêng vẽ bản đồ đầy đủ và làm toán khá khiến nên số điểm trên trung bình đó nghe. À, nó lên học lớp của anh thì anh sẽ có một tay vẽ trang trí cho lớp đó". Nghe lôm bôm như vậy tôi mới chột nhỏ ra là học ở lớp nào tôi cũng ít bị thầy la rầy, mặc dầu sau giờ ra chơi nào, tôi vẫn là đứa chạy lại sắp hàng sau chót để vỗ lốp với mặt mày mồ hôi, mồ kê nhễ nhại, miệng thở



phì phò, là vì tôi có khả năng vẽ trang trí cho lớp học như: Bảng Danh Dự, Bảng Bài Học Thuộc lòng, Bảng Thành Tích Biểu

hàng tháng, Bảng Thời Khóa Biểu v.v. Tôi đã "nổi danh" từ lớp ba. "Tài nghệ" của tôi được các thầy bào nhau nên khi lên lớp được một tuần lễ là tôi có công tác rồi.

Cũng vẫn những bảng đó nhưng tôi chịu khó thay đổi lối trang trí và "cốp pi" trong các sách Mẫu Thêu của chị tôi. Tôi vẽ hoa lá cành có chim, có bướm, có khi tôi cao hứng vẽ vào bảng Bài Học Thuộc Lòng cảnh dòng sông có cây to (cây gì không biết, mà có ba tầng lá) có chim bay dang cánh xa xa, có cánh bướm trắng học gió như hình tam giác nghiêng nghiêng...

Bạn bè nhóc tí của tôi thì le luối thán phục, đến các thầy cũng "chịu"lắm.

Tôi nhớ mãi những thầy của tôi ngày xưa ở Châu Đốc như ông Đốc Châu Văn Đồng, thầy Phan Cao Nhứt, thầy Thân, thầy Thuận, thầy Thời, thầy Tổng... của những năm 1942-1947, mà nhỏ nhất là thầy Nhứt, một thầy giáo tận tụy chỉ dạy học trò đầu lúc đó thầy đang đau mắt hột. Những bữa trưa nào nắng gắt, thấy thầy vào lớp với kiếng đen trên mắt, thì hãy... coi chừng. Thầy đang xốn mắt, đừng để thầy phải dùng đến roi mây, nhờ vậy học trò đều cố học thuộc bài. Ông Đốc Đồng, thầy Tổng bỏ công dạy thêm ngày nghỉ cho học trò lớp nhứt để chúng tôi giỏi thêm toán mà hy vọng trúng tuyển vào Trung học Cần Thơ.

Tôi trở thành họa sĩ sau này chắc nhờ thầy Phan Cao Nhứt. Thầy đã cho tôi điểm cao mỗi khi tôi vẽ bản đồ cạnh bài Địa lý cũng như bài Khoa học Tự nhiên. Lúc trước, học trò trường Sơ học (primaire) phải vẽ hình kèm với bài học Địa lý, vì các thầy nói: "nếu các em vẽ theo đúng bản đồ thì các em sẽ nhớ hơn". Riêng tôi lại ý "có hoa tay" nên ngoài bài Địa lý, tôi còn vẽ chim thú, hoa lá v.v... cho bài Khoa học Tự nhiên. Tôi vẽ nhiều hơn là ráng học bài cho thuộc lòng. Một hôm tôi bị thầy gọi trả bài. Chắc chắn tôi sẽ trả bài ngút ngát, nhưng tôi lạnh trí xin thầy cục phấn để lên bảng đen... trình bày. Tôi nắn nót vẽ nên đầu không thuộc bài vẫn như thuộc trơn tru. Thầy Nhứt lần nào cũng cho tôi điểm Rất giỏi (Très bien). Thầy dạy tôi cách xếp đặt và gợi ý để tôi tiến bộ hơn.

Ngày chưa nhứt đó, tôi gò lưng ngồi nắn nót, tô tô vẽ vẽ (nhỏ lại thì hình ảnh màu mè coi sặc sỡ lắm, chỉ có tên bảng thì nét chữ quá non). Tôi say mê vẽ mà quên đi tắm sông ở bến đò Châu Giang để vớt trái chà mẹp mẹp màu nâu tử Nam Vang trở về.

Sau khi bảng vẽ dán lên bia cứng xong, treo lên vách lớp, tôi nở mũi vì được khen tặng. Mỗi cuối tháng tôi lại có công tác là "được hân hạnh" gắn tên học sinh lên bảng vàng. Tôi cắt từng rẻo giấy bia để tên học sinh và cắt nhọt hai đầu để cài vào bảng theo thứ tự số điểm trong tháng. Thầy tôi nhắc: "Phải đổi màu của tên học sinh, như bảng Danh Dự chỉ có 5 tên thì làm bảng giấy màu hồng. Trên bảng Xếp Hạng hàng tháng, 5 tên này vẫn nằm trên, màu hồng, từ thứ 6 trở đi, các tên khác bằng giấy màu xanh".

Tháng đó tôi mang bảng Danh Dự và bảng Thành Tích Biểu về gắn tên. Tôi say mê

làm mà không hề nghĩ đến hạng bậc của mình, vì có lo gì... ba cái lè tè đó, chột chí Hai tôi đứng sau lưng hỏi:

- Ủa, sao hồng thấy tên em trên màu hồng? Chỉ còn có ba tháng nữa là bãi trường, học như em làm sao thi đậu vô trung học Cần Thơ?

Lúc đó tôi mới nhỏ là từ trước đến nay tôi chưa bao giờ được đứng tên trên bảng Danh Dự màu hồng hấp dẫn này. Chao ơi, câu hỏi của chị làm tôi nhột nhột kéo tôi về thực tế. Đúng rồi, tôi chỉ lệt đệt trên giấy xanh thì làm sao tranh đua nổi với trên 1000 thí sinh, chỉ lấy có 120 đứa? Học như thằng Trinh, thằng Lộc đứng nhứt nhì hoài mà chúng còn lo lắng, còn tôi chỉ ham về và ham lợi sống?

Quá nhiên năm đó chị tôi dẫn tôi đến Cần Thơ để đua tài. Châu Đốc cũng có mười mấy đứa đi dự thi, kết quả chỉ có thằng Trinh đậu payant (được tuyển vào học, được nuôi nội trú nhưng phải trả 17 đồng 50 xu hàng tháng).

Năm sau, tôi học lớp Tiếp Liên (lớp dành riêng cho những học sinh đã đậu Certificat nhưng chưa thi đậu tuyển vào Trung học). Năm này tôi khôi vẽ Bảng cho lớp nhưng với tài học dở hơn tài vẽ này, tôi lại ê mặt vì xuống Cần Thơ lần thứ hai để ... trở về không.

Vài bạn tôi của kỳ thi rớt năm trước, có vài đứa vì nhà giàu, có khả năng, vẫn được đến Cần Thơ, mệnh danh là Thủ phủ Miền Tây, để vào Trung học tư thục Institution Bassac và Trung học Nam Hùng, nên có bộ mặt kènkiệu, ra về ta đây là "du học sinh", mà là "học sinh trung học" đây. Bọn chúng tôi nhìn chúng mà thèm thường ước ao, khi nghe vài đứa khoác lác kể những vui nhộn của tỉnh Cần Thơ lúc bấy giờ. Nào là Vườn Thầy Cầu có trồng kỳ hoa dị thảo, có cầu gỗ bắc ngang nhiều ruộng nước uốn quanh, có chim lạ, có khỉ, có vượn... nào là bến Bắc Cần Thơ đập diu, nào là mỗi buổi chiều đi dạo từ dinh ông Chánh, qua nhà đèn, hăng nước đá, đi lên về chợ chiều, có gió thổi sóng Hậu thổi lên mát nực (lúc đó chưa xây dựng bến Ninh Kiều), nào là ở Cần Thơ, ngoài Collège Cần Thơ (Trung Học) còn có hai Trung học Bassac, Nam Hùng nên học sinh ần mặc tươm tất, nữ học sinh thì khôi chề, xinh xắn, duyên dáng, áo dài thướt tha...

Nghe mà ham! Đúng vậy. Đã đến tuổi dậy thì, tuổi 15, 17 rồi, còn gì là trẻ con nữa. Có đứa đã biết mộng mơ, đã biết chép lại những bài thơ trữ tình của Thâm Tâm, T.T.KH. thì nghe Tây Đố có những "cái hay" như vậy sao không rần học để được đến đó? Bạn tôi là thằng Lộc nhà nghèo, học giỏi mà có phải vì "học tài thi phận" nên vẫn còn... tầm sống ở bến đò Châu Giang như tôi. Phần tôi đi thi hai năm đều bị rớt, chỉ làm tốn tiền cha mẹ và tốn công chị tôi hướng dẫn. Lần đầu thi không nói gì, đến lần thứ hai, thay vì đến Cần Thơ trọ nhà quen xong thì phải cầm cúi học ôn bài chờ ngày thi và ngày xem kết quả, nhưng tôi bị đám học sinh cũ tuyên truyền, nên xin phép chị đến Vườn Thầy Cầu, đến Cầu đòi Cái Khế, đến bung-ga-lô có cầu sắt dài trước dinh ông Chánh để hóng gió và tán dóc nên

học sinh Châu Đốc vẫn hoàn là học sinh Châu Đốc.

Về lại trường nhà chưa biết tính sao, chẳng lẽ lại mài đũa quần trên băng ghế lớp Tiếp Liên. Đang mắc cổ với bạn bè thì nghe nhà trường có thông cáo: "Theo nhu cầu của trường Mỹ Thuật Gia Định, sẽ có cuộc thi tuyển sinh cho trường này, tại... văn phòng ông Đốc". Tôi mừng lắm, quyết tâm đi học Gia Định, kể bên Sài Gòn mà lại có học bổng toàn khoá 4 năm. Xem thông cáo xong, tôi chạy bay về nhà năn nỉ ba tôi cho thi vào trường đó. Ba tôi là họa viên Sở Công Chánh, chuyên vẽ bản đồ và nhà cửa, nghe vậy chịu liền nhưng ông cần dặn cố thi đậu vào trường về, nếu có dạy ngành Kiến trúc thì phải học để nổi nghiệp ông.

Tôi vàng dạ không phải vì tôi có hiếu mong nổi nghiệp nhà mà vì muốn trở thành du học sinh của Sài Gòn hoa lệ. Tôi chắc mèm thi đậu lấy một trong 3 học bổng do trường đài thọ vì còn đứa học trò nào... "về giỏi" như tôi? Nghĩ vậy chỗ lòng tôi cũng lo lắng. Đã hai lần hy vọng để lần nào cùng tu nghỉ trở về. Mà lo lắng cũng phải, vì biết đâu số tiền học bổng hấp dẫn nhiều cậu học trò dở chữ như tôi?

Rồi ngày trọng đại cũng tới. Tôi khởi đi Cần Thơ tốn tiền, tôi chỉ chuẩn bị đến văn phòng trường với bút chì, thước đo, compas, màu vẽ. Những thứ này đâu lạ lũng gì với tôi. Tôi chỉ lo có quá nhiều học sinh tranh tài lấy học bổng thôi.

Tôi đến trường sớm hơn nửa giờ. Mùa này còn bãi trường nên sân trường vắng hoe. Tôi đảo mắt nhìn những cây me keo đã cho tôi bóng mát suốt bảy năm qua, tôi nhìn cái trống chầu to tướng. Tiếng trống báo hiệu giờ ra chơi, giờ vô lớp, giờ về, quá quen thuộc với tôi bao nhiêu năm, giờ đây đã nghe hơi rè. Vì da trống quá sòn da hay vì bác gác đàn già, gân tay đã mỏi?

Nhỏ đến tiếng trống tôi nhỏ lại giờ thi. Ủa sao không có đứa nào đến dự thi? hay là tôi đi nhầm chỗ. Chột thấy chú tùy phái, tôi hỏi: - Phải hôm nay thi tuyển vô trường về tại đây, hả chú ba?

- Đúng rồi. Mày tới thi đó hà?

- Sao không thấy đứa nào vậy chú ba?

Chú nhìn tôi cười:

- Chú mày ăn chắc rồi. Tao nghe như chỉ có một đứa thi, nên ông Đốc biểu dọn sạch sẽ có một cái bàn ... hi... hi....

Tôi lo sợ hỏi:

- Vậy là hủy bỏ cuộc thi sao chú?

- Đâu có mậy. Một đứa cũng phải thi cho trường Gia Định thấy linh mình cũng có học trò giỏi về chồ... hi...hi... chú mày đậu là cái chắc.

Vừa lúc đó, như để tôi hết ngạc nhiên, ông Đốc Châu vẫn Đờng bước ra nói:

- À, tôi rồi hả? Vô đây trò.

Tôi mừng rơn trong lòng. Tôi 3 học bổng mà có mình tôi. Ngon như ăn chè rồi.

Thi xong, ông Đốc dặn dò, (coi như tôi đã được chọn) phải rần học, nếu học dở không đủ điểm, cha mẹ bị đòi tiền học bổng v.v....

Tôi vui mừng nhưng lòng tôi chùng xuống. Rồi đây tôi được đến thành đó nhưng sẽ rời mái ấm gia đình thân yêu!

Lúc bấy giờ chiến tranh chống thực dân Pháp đang mong trở lại Việt Nam càng

ngày càng sôi động nên những nẻo đường về miền Tây thường bị đắp mỏ, gài mìn, không còn xe cộ lưu thông. Gia đình tôi e ngại nên khuyên tôi đừng đi, nhưng tôi đã chí quyết, phải đi học xa chỗ ở lại Châu Đốc thì học nơi đâu? Phương tiện giao thông đi và về từ Sài Gòn - Châu Đốc chỉ có tàu thủy là an toàn. Những chiếc tàu thủy hai tầng, có ống khói to tướng được hành khách đi buôn hay hành khách có chuyện đi xa như tôi, tha hồ hốt bạc. Tuyển đường tau thủy từ Châu Đốc chạy đến Sài Gòn sẽ qua Long Xuyên, Chợ Mới, Sa Đéc, Vinh Long, Mỹ Tho lúc nào cũng nhộn nhịp. Tôi sẽ đi Sài Gòn trên chiếc tàu Ngọc Lợi bằng giấy miễn phí của ngân khố tỉnh cho và sẽ ngồi trên tàu thủy suốt hai ngày một đêm.

Ngày ra đi, anh rể tôi hướng dẫn tôi lên Sài Gòn, cả nhà bịn rịn. Lần đầu tiên đi xa, tôi khóc mũi mẩn tại bến tàu, không cần mắc cổ với đám bạn gái tiễn đưa, không còn nét hãnh diện mình là du học sinh Sài Gòn ...

Tàu rời khỏi bến đò Châu Giang nhộn nhịp ghe xuồng và gia đình thân yêu. Những hàng cây dầu cao vút trước đình Thần Châu Phú mở dần sau màn nước mắt của tôi...

Mùa tựu trường là mùa nước đổ xuôi ra biển nên tàu chạy khá mau nhưng nhìn hai bờ sông phong cảnh thân thường vẫn thấy chầm chầm lướt qua.

Anh rể tôi muốn hai ghế bố xếp nằm cạnh boong tàu ở tầng trên. Anh đã từng đi Sài Gòn nhiều lần nên không lạ gì với sự biệt ly, xa cách, nên nằm đọc tiểu thuyết, riêng tôi đang nhớ đến kỷ niệm gia đình, với bạn bè nên lòng tôi quận đau.

Xế chiều tàu chạy đến Long Xuyên và khi bóng chiều vừa xuống, màu tím lam của hơi nước đang tỏa mờ trên mặt sông thì tàu chạy ngang chợ Cái Tàu Thượng.

Vì là chợ nhỏ, không có bến đậu nên hành khách nào từ Cái Tàu Thượng muốn đi tàu thủy phải nhờ ghe dò đưa ra hoặc rước vào. Tôi lơ đãng nhìn cảnh những chiếc ghe thường hò xuôi ngược trên sông cũng như thấy chiếc ghe dò chèo tay đang từ chợ Cái Tàu hướng đến bến tàu Ngọc Lợi. Chiếc tàu đã quá quen cảnh này nên chạy chậm lại. Trên chiếc dò nhỏ, lơ nhỏ cạnh bên mấy chị bán gà vịt có bóng dáng một cô gái và một cậu áo trắng. A, là học sinh đi học xa nhà vì trông giống mặt còn nét nhà trường, đầu phải là người mua bán hay đi thăm ai. Mùa tựu trường mà!

Hai chị em này có người anh dấn dất y như tôi thì chắc chắn là học sinh tỉnh lẻ lên Sài Gòn học đây. Lên được tàu, người cùng cảnh ngộ và cùng trang lứa hay đến gần nhau. Anh kia và anh tôi chào hỏi làm quen và muốn ghé bố nằm cạnh, vậy là chúng tôi, ba đứa học sinh sau một lúc bên lên thẹn thỏ cũng để quen nhau. Hỏi ra mới biết người anh đã từng học Sài Gòn nên hướng dẫn hai em. Cô chị tên Kim vừa đưa tuyển vào trường nữ Trung học Gia Long, nổi danh là trường áo tím. Cậu em tên Nam sẽ xin vào học tư thục.

Nghe cô gái đậu vào trường Trung học, tôi bỗng thấy mình ngượng nghịu. "Người ta cũng khoảng tuổi mình mà sao học hay vậy?". Nhưng sau đó tôi lên tinh thần trở lại



vi khi nghe tôi là học sinh năm thứ nhất trường Mỹ Thuật Gia Định, hai chị em Kim thích lắm (đầu có ngỡ tôi thi đậu lấy được học bổng vì thi có một mình). Từ giờ phút đó, mặc cho hai thanh niên đã trưởng thành nói chuyện xi-nê, ca nhạc, ba đứa chúng tôi kể chuyện học trò...

Quả là cô nữ sinh duyên dáng như mi lại ăn nói rất thông minh. Qua chuyện trao đổi mới biết Kim, đầu ở tại quận Cái Tàu xa xôi nhưng đọc sách nhiều nên có tâm hồn thích đường xa xứ lạ cũng như yêu quê hương.

Từ lúc có Kim hiện diện, tự nhiên tôi cố ăn nói chững chạc. Hình ảnh những cây dừa lá ngọn bên bờ sông Hậu, những cánh buồm nâu nghèo nàn bực gió không còn gây chú ý tôi nữa. Tâm hồn tôi thấy xao xuyến không biết vì sao?

Tàu chạy xi xít hết một ngày. Bóng đêm phủ trùm cảnh vật. Không gian toàn một màu đen. Chỉ có những tàn lửa đỏ nhỏ từ miệng ống khói tàu vọt lên cao để rồi bay theo gió và tắt ngấm trước khi đến mặt nước. Chúng tôi chỉ trò, và chợt Kim nói:

- Anh có đọc bài Những Vì Sao của văn hào người Pháp không? Bài đó nói đến những ngôi sao đổi ngôi...

Tôi đáp mau mắn:

- Có nhỏ chớ. Nếu ai có điều gì ước mơ, nhắc điều đó kịp trong khoảng thời gian ngôi sao di chuyển thì ước mong sẽ thành tựu.

Cô bạn gái tên Kim nghe tôi nhắc, cô cười tươi, hàm răng trắng đều dưới ánh đèn dầu vàng vọt của chiếc tàu.

Chắc Kim vô tình nhìn những tàn lửa nên hỏi, vậy mà sau khi trả lời, tôi bỗng thẩn thờ... Tôi nhìn theo đám tàn lửa bay bay, tự nhiên muốn ước mơ. Nhưng đám tàn lửa của tàu Ngọc Lợi bay mau quá...

Ngọn gió đêm trên mặt sông Hậu đã làm tàn lửa tàn lụi thật sớm. Biết tôi ao ước có kịp không? Mà ao ước gì đây khi mỗi bữa gặp mặt lần đầu?

Cuộc đi chung đường đầu xa bao nhiêu cũng phải tới đích. Chúng tôi chia tay nhau tại bến tàu Chợ Lớn. Tôi vì lần đầu thấy cái ồn ào náo nhiệt của Chợ Lớn, nên hồi hộp bước theo anh vì sợ lạc, đã quên một việc cần hỏi là địa chỉ nhà chị em Kim sẽ ở.

Tôi vào trường Mỹ Thuật học những lòng dạ buồn thắm thía. Vừa buồn nỗi nhớ nhà vừa buồn đã đánh rơi "mối tình đầu chớm nở".

Mấy tuần lễ liền, tôi muốn đến trường Gia Long để tìm nhưng không dám vì là học sinh tỉnh xa vừa lên Sài Gòn còn xa lạ và bỏ ngổ, rồi khi gặp mặt Kim, biết nói gì đây? Tôi ôm cái buồn vào lòng đến một hôm bạo gan hỏi thẳng bạn cách thức đến trường nữ sinh áo tím. Thằng bạn nó cười thắm vì cho tôi là đứa học sinh si tình hay không, mặc dầu tôi nói dối là đến tìm người em họ?

Trường về Gia Định cho học sinh ra ngoài trời tập vẽ, và hàng tuần, vào chiều thứ bảy được nghỉ những với điều kiện là phải có bài vẽ thu vật tại Sở Thú. Đa số chúng tôi thường lấy hình thu vật trong tư điển Larousse về theo nên giống nhau, các thầy dư sức biết... Lợi dụng có buổi chiều thứ bảy, tôi đã diện quần áo trắng hoàng, sơ-mi

trắng, quần xanh, ngồi xe ngựa Bà Chiểu - Chợ Lớn, đến góc Mayer (Hiền Vương sau này) nhảy xuống trong khi trống ngực đánh lung tung từ đó đến cửa trường Gia Long chỉ hơn 100 thước.

Tôi nào dám chường mặt nơi gần của trường. Tôi đứng thập thò bên kia đường Hồ Xuân Hương và Le Grand de la Liraye (sau là đường Phan Thanh Giản) nhìn qua.

Đứng xa như vậy mà tôi muốn run vì lo sợ, một nỗi lo sợ vô cớ. Có nhiều người đứng chờ em cháu để rước về, và chắc cũng có người đến đón người yêu, mình là bạn đến đón bạn mà lo sợ nỗi gì. Tôi cố trấn an lòng mình như vậy mà vẫn hồi hộp. Tôi muốn bỏ ra về, biết nói gì với Kim, nếu được gặp thỉnh linh? Nhưng ra về thì biết đến bao giờ mới tìm gặp nhau? Rồi lại còn lo không biết Kim còn nhớ đến cậu học sinh chỉ mới quen nhau trên chuyến tàu cách đây hơn hai tháng?

Cổng trường được mở ra. Từng nhóm nữ sinh xinh xắn trong tà áo tím thướt tha. Những tà áo tím, có màu tím Huế nhạt, có màu tím than đậm đà... Ôi những màu tím mà học sinh trường về pha trộn rất khó giống!

Tự nhiên tôi đứng lủi vào gốc cây. Tôi hồi hộp nếu được gặp Kim. Những tà áo tím bắt đầu, bắt đầu... tôi vẫn chưa thấy Kim bước ra.

Tôi lên xe ngựa ra về mà lòng bâng khuâng. Thứ bảy tuần sau, tôi lại đến nữa, để lo sợ hồi hộp, rồi thất vọng thất thểu về nhà trọ.

Sau mấy tháng đứng chờ, lòng hồi hộp bớt đi, tôi đã dám đến gần của trường để nhìn rõ mấy cây đại (cây sủ cùi) đứng uốn éo, thân sần sùi ở đây chắc lâu đời. Hai cây phượng vĩ mùa này chứa ra hoa những thân, cành của hai cây này in sâu vào trí nhớ các cô nữ sinh áo tím trường Gia Long cũng như các cây phượng vĩ khác khi ra hoa là tượng trưng cho mùa bãi trường.

Tôi nuôi hy vọng để mà thất vọng sau hai tháng chờ đợi thì bỏ cuộc. Nhưng một buổi chiều, vừa bước ra của trường tôi gặp cậu em trai của Kim. Nổi mừng nào hơn. Tôi hỏi thăm Kim thì cậu chỉ tay về phía bên kia đường, nói có lăng mộ của Thống chế Nguyễn Văn Học. Tôi mừng quá vội đi theo đứa em trai Kim băng qua đường.

Lúc bấy giờ nơi này chưa xây nhà, còn là vùng lảng u tịch, có nhiều cây đầu cao che bóng mát.

Tôi mừng rỡ không còn biết mắc cỡ với đám học sinh trường về đang nhìn theo. Thì ra Kim và em nàng cũng tiếc cho cuộc quen nhau mà quên hỏi địa chỉ. Hôm nay Kim nhờ em trai dắt đi tìm tôi ở đây, vì biết chắc trường về ít học sinh nên dễ tìm. Kim đến để nhờ tôi về cho quyển Lưu Bút. Đây là lý do nàng nói ra cho chắc chắn nàng muốn đến tìm tôi... Gì chớ chuyện này quá dễ, nhờ vậy chúng tôi gặp lại nhau. Tôi ngưng ngưng kể lại những lần đến tìm Kim ở cổng trường. Cô nàng nghe xong chớp mau đổi mắt đệp.

Không biết có phải vì cảm động mà từ đó ba chúng tôi liên lạc nhau thường xuyên. Khi thì vào Sở Thú xem cạp, khi, khi ra Sài Gòn ăn đậu đỏ bánh lọt... Dĩ nhiên kỷ bãi

trường Tết năm đó chúng tôi hẹn nhau đi chung chuyến tàu thủy về quê.

Tình bạn thân thiết dần dần. Qua năm học thứ hai rồi thứ ba, chúng tôi hiểu nhau nhiều hơn. Màu tím tà áo nữ sinh của Kim ẩn sâu vào trí đến nỗi khi về trang trí hay về phong cảnh, sắc tố màu tím đã hiện ra nhiều nhứt trên hình vẽ của tôi.

Chúng tôi hợp nhau vì tha thiết yêu thương đồng quê nên thường đưa nhau đi suốt Lồ ò, Thủ Đức để được hòa mình với thiên nhiên, hoặc cùng đạp xe đạp đến bên cầu Gò Dưa, hái bông sen bên vệ đường. Cái ồn ào náo nhiệt của Sài Gòn hấp dẫn cậu em trai ham vui nên lúc ban đầu, cậu còn đi theo để ăn quà, nhưng sau này, cậu theo bạn bè đi xi-nê nên tôi và Kim được đạp xe sóng đôi với nhau vào những ngày nghỉ đến những vùng quê ven đô.

Ba năm trôi qua đẹp đẽ giữa anh học sinh trường về yêu màu tím và cô nữ sinh áo tím này, bỗng chốc chợt tôi chờ hoài không thấy Kim đến. Tuần sau rồi tuần sau nữa cũng bật vô âm tín, tôi đến trường tư thực Huỳnh Khương Ninh, nói em nàng học để hỏi mỗi biết Kim và em nàng về chịu tang cha rồi sau đó mẹ nàng bắt phải ở nhà lo tiếp với gia đình. Tôi buồn quá, hỏi tại sao Kim không gởi thơ cho tôi biết, em nàng cũng không biết trả lời sao.

Những ngày nghỉ cuối tuần sau đó, tôi đạp xe một mình đến cầu Gò Dưa, Thủ Đức, Châu Thới để lòng nặng trĩu...

Tôi chờ, tôi chờ mãi, rồi sau đó thì ra trường, tôi dần dần vào làm báo. Cuộc tình đẹp ban đầu phai dần với thời gian...

Cuộc đời thăng trầm đưa đẩy tôi đến định cư tại vùng sáu tháng tuyết phủ trắng xóa của Canada.

Một hôm, tôi được là thơ mang nét chữ lạ, gởi từ Thái Lan:

*Kính anh T.*

*Tôi muốn viết: Thân gởi anh T. nhưng không biết anh còn nhớ và thân như ngày xưa chăng? nên xin kính gởi vậy.*

*Chắc anh ngạc nhiên khi thấy con dấu bưu điện của xứ Thái xa xôi, cách xa anh tới nửa vòng trái đất? Thế nào anh cũng tìm trong trí coi có đứa bạn nào vượt biên, vượt biển rồi... bị kẹt ở Thái Lan?*

*Không phải đâu. Tôi là kiều bào Việt Nam sống trên đất Thái từ năm 1960 kia.*

*Anh khoan vội tìm chữ ký để biết ai viết thư này, hãy đọc từ từ rồi sẽ hiểu thôi.*

*Gần 7 tháng, tôi thư từ qua lại với nhà báo mỗi biết chắc anh là anh T. của Châu Đốc ngày xưa, nhất là tôi vừa đọc mấy tác phẩm mới đây của anh nên chắc hẳn anh là học sinh đi trên tàu Ngọc Lợi từ miền Tây lên Sài Gòn học... về lưu bút cho bạn gái.*

*Đọc đến đây anh đã đoán tôi là ai chưa? hay lại cần viết thêm chuyện đi hái sen bị té ướt áo quần ở cầu Gò Dưa, Thủ Đức.*

*Hy vọng anh nhớ rồi. Hy vọng sau mấy mươi năm thành phố hoa lệ Sài Gòn chứa làm nhạt nhòa hình bóng người bạn gái áo tím của trường Gia Long ngày xưa. Làm sao tôi trách anh được. Làm sao anh tìm được địa chỉ của tôi khi tôi rời mái trường thân yêu và thành phố có nhiều lá me bay, có*

nhieu trái đầu rơi như chong chóng xuống mặt đường nhựa... và vì từ đó đến mấy năm sau, tôi không viết cho anh chữ nào, lại cấm em tôi không cho anh địa chỉ, thì trách anh làm sao được, phải không nè? Chỉ xin anh thông cảm cho một thiếu nữ nhút nhát ở vùng quê Cái Tàu, đầu là nữ sinh lớp đệ tam trung học Áo Tím, vẫn còn e lệ thẹn thùa.

Sau khi tôi về quê cư tang cha chết, mẹ tôi không cho đi học nữa vì cảnh nhà đơn chiếc, bắt tôi phải lấy chồng. Tôi buồn lắm. Phải rồi bỏ tuổi học sinh mộng mơ để bước vào vòng lễ giáo và bốn phận chồng vợ quá sớm. Lúc nghe mẹ nói, tôi có nghĩ đến anh. Nghĩ đến, không phải mong thực hiện những gì ta đã xây dựng, vì biết anh là trai quá trẻ, chưa xây dựng được gia đình lúc này, trong lúc gia đình tôi phải cần một nơi nương tựa.

Tôi tủi thân bé bỏng mà sớm làm dâu. Tôi nhớ mấy cây sủ củi dựa hàng rào sắt trường Gia Long, tôi nhớ đến mấy cây dầu cổ thụ, thân to xù xì đã cho đám nữ sinh chúng tôi bóng mát. Tôi nhớ những ngày chúng mình đạp xe đi núi Châu Thới... Tôi cố ôn lại trí nhớ, quay lại những đoạn phim tình cảm trong đầu lúc đó, để rồi khi bước qua xác pháo vu qui, tôi phải quên đi hết, hầu lo tròn bốn phận làm dâu, làm vợ.

Lúc còn đi học, chị em nữ sinh chúng tôi đều thuộc bài thơ của Nguyễn Bình có những câu:

" Em ơi, em ở lại nhà,

Vườn dâu em đón, mẹ già em thương.

Mẹ già một nắng hai sương,

Chỉ đi một bước trăm đường xót xa..."

để mà lo sợ vắng vẻ cho tương lai mình. Nhưng tôi không bị vậy đâu. Chồng tôi thường và quý trọng tôi lắm, nên khi bước vào vòng môi thấy cái may mắn của mình. Chồng tôi chỉ là nhà thầu khoán trẻ tuổi, chuyên xây cất nhà phố thường thường những anh rất tháo vát. Rồi theo thời cuộc, chúng tôi theo bạn lên Paksé xứ Lào để thầu xây dựng nhà cửa của phi trường Séno. Sau mấy năm hít bụi đỏ cao nguyên, chúng tôi về sống tại Vạn Tượng. Chắc anh đã qua Vạn Tượng vì tôi có đọc Những Chuyến Đò Ngày Xưa của anh.

Đúng như anh tả. Dòng sông Cửu Long thân yêu của chúng ta chảy ngang Vạn Tượng hiền hòa và trầm lặng, mặc dầu có những tháng nước lũ từ thượng ngàn đổ về ầm ầm, nhưng sau đó lại hiền hòa trở lại như tấm hồn dân Lào nên chúng tôi chọn định cư nơi đó.

Nhiều buổi chiều tôi ra nhìn sông Cửu Long mà nhớ về sông Tiền Giang của tôi. Có lần tôi khóc, nước mắt nhỏ âm thầm, khóc vì nhớ vùng Cái Tàu Thượng thân yêu của tôi, biết đến bao giờ tôi trở về đó để nghe lại giọng hò của cô gái bán vằm trong đêm khuya. Có một lần tôi chợt nhớ đến anh.

Đó là dịp mỗi năm vào tháng 12, ngày trăng tròn, thủ đô xứ Lào từng bừng với hội chợ tại chùa Thất Luông. Chồng tôi dẫn tôi đến xem gian hàng của Việt Nam Cộng Hòa để cho tôi xem nhiều tiết mục ca múa của các ca sĩ Việt Nam nổi danh: Sơn Ca, Kim Cường, La Thoại Tân, Ban AVT... và gian hàng Việt Nam có triển lãm hình ảnh chụp cũng như hình vẽ sơn dầu... Đẹp quá, mê

quá. Tôi chợt nhớ đến người bạn họa sĩ ngày xưa. Anh có được tác phẩm nào để treo nơi đó chăng? Tim hoài không thấy tranh vẽ vì đây là phòng triển lãm hình chụp về đẹp Đất nước. Tôi thường thức hình Lăng tẩm Huế, cảnh đẹp Đà Lạt mờ sương, Vũng Tàu sóng vỗ, Sài Gòn mến yêu, nhưng than ôi sao lại không có cái tranh nào chụp trường Trung học áo tím chúng tôi?

Trường trung học Gia Long vào mùa phượng nở đẹp lắm chỗ. Thân cây phượng uốn éo, những cành nhỏ nào cũng cong xuống để rồi vút lên khoe khoang mấy chùm bông năm cánh đỏ với những nụ như đuôi phượng. Sao anh không đứng bên góc đường Bà Huyện Thanh Quan, hay trước cổng chùa Xá Lợi nhìn qua để ghi lại hình dáng những cây đại thân yêu trước mái trường tôi? Anh là họa sĩ, anh có ghi vội cảnh tan trường buổi chiều? Bao nhiêu xe cộ chạy hối hả vội vàng, vậy mà khi máy tà áo tím tím của chúng tôi tha thướt bước ra là không gian như đọng lại. Anh đã nói với tôi là có.... đứng ở đó bấy lâu mà! Đẹp quá phải không anh?

Đêm đó, đi dạo xem các gian hàng xong, vợ chồng tôi ngồi trước sân chùa để ăn khao lăm, loại cơm nếp nấu bằng ống tre, làm tôi lại nhớ đến buổi chúa nhật chúng mình đi Châu Thới về dọc đường bị mưa, phải núp dưới gốc cây. Trong khi mình chờ mưa dứt hạt, tôi và anh lấy bánh tét ra ăn. Bữa đó, dưới cơn mưa tầm tã, sao mà bánh tét ngon vậy? Mặc dầu mình ngồi dưới gốc cây cứ lo sợ sét đánh.

Đêm đó tôi ăn khao lăm không thấy ngon. Làm sao có hưởng vị quê hương, làm sao có được lòng trong trắng ngày thơ như lúc đó!

Sau thời gian ở Vạn Tượng, vợ chồng tôi qua định cư tại Bangkok, thủ đô xứ Thái. Nhà chúng tôi nằm phía bên kia bờ sông Chao Phay Da, đối diện thủ đô. Đó là quận Thonburi, như quận Thủ Thiêm mình. Ở đây tôi có dịp đi tàu du lịch chạy trên sông những rất tiếc nó tiện nghi và sạch sẽ không như chiếc tàu Ngọc Lợi của dòng sông Hậu. Nó chạy bằng dầu cận nên ban đêm không có tàn lửa bay bay... để học sinh ước mơ.

Cái thơ đầu tiên tôi viết nhiều quá, mà tự nãy giờ chỉ nói đến tôi. Tôi chưa hỏi lúc này tình cảm và gia đình anh ra sao ở xứ tuyết lạnh phủ trắng cây thông suốt nửa năm đó. Tôi tin rằng anh hạnh phúc lắm vì qua giọng văn của anh lúc nào cũng rộn hậu. Anh chưa bị buồn nên nhìn đời rất lạc quan. Tôi mong như vậy và cầu chúc anh không có cảnh "thất tình" như cuốn tiểu thuyết Dẫu rặng Thông của nhà văn Nguyễn Dân Giám đã dịch qua một bài thơ Pháp:

... Ôi mùa xuân đậm ấm ngày xưa,  
Mùa xuân đi mất đã tuyệt mù tăm tích...  
Ta chẳng còn trông thấy mùa xuân trong  
vắt ở đầu cành.

Ý trung nhân ơi, ý trung nhân đi, mang theo của ai một mối hạnh phúc...

Để xuân kia trở lại cùng bằng thừa...

Thủ đô xứ Thái, ngày...  
KIM

## Tình thức

(Riêng tặng Dư Thị Diễm Buồn - Đ.T.Đ.T)



Tôi đã từng  
thu mình trong vỏ ốc  
Nhìn trời xanh  
một khoảnh nhỏ hư vô  
Trái tim đau  
vì sống kiếp hững hờ  
Dòng tâm tưởng  
đầy cuồng bao sóng cá

Tôi cứ ngỡ  
trong mây sương trọn kiếp  
Sẽ trầm mình  
trong miền viễn cô đơn  
Ngọn lá rơi  
một thực thể vô thường  
Hạt sương nhỏ  
mong manh đầu ngọn cỏ

Tôi đã biết  
Chân Như không diệu vợi  
Một nụ cười  
rạng rỡ cả bình minh  
Một nét nhìn  
đem an lạc yên bình  
Một hơi thở  
thấy trời xanh mây trắng

Bước tình thức  
đất hiền hoa nở rộ  
Nén tâm hương  
thấp sáng vạn nẻo đường.

● THIÊN NGHIỆM  
Chân Định Nhãn



# Hạnh Bố Thí

**T**rong vô lượng pháp môn tu theo đạo Phật, bố thí là một hạnh tu chủ yếu mà mười phương chư Phật, chư vị Bồ Tát dạy chúng ta thực hành, để đem lại ích lợi, đem lại an lạc cho tất cả chúng sanh, ngay trên thế giới ta bà này.

Bố thí là hạnh tu hàng đầu trong "*lục độ ba la mật*", gồm có: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ.

Bố thí cũng là hạnh tu hàng đầu trong "*tứ nhiếp pháp*", gồm có: bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự.

✱

Trước hết, "*bố thí*" có nghĩa là "*cho một cách rộng rãi*". Cho một cách rộng rãi có hai nghĩa: một là, cho tất cả mọi thứ đến tất cả mọi người; và hai là, cho với tất cả tấm lòng rộng rãi, không kỳ thị, gọi là "*bất tùy phân biệt*". Chúng ta sống trên thế gian này gặp nhiều phiền não và khổ đau từ nhiều nguyên do, trong đó lòng tham lam là yếu tố hàng đầu. Do lòng tham lam, ích kỷ, con người không bao giờ thấy đủ. Có được chín đồng con người cố gắng kiếm thêm cho đủ mười đồng, để dành khi hữu sự cần đến, hay để dưỡng lão mai sau. Đến khi đã được chín trăm ngàn rồi, con người vẫn cố làm việc, cố dành dụm, cố đấu tranh, cố giành giật, bất chấp thủ đoạn, để có nhiều thêm nữa, dù rằng lúc đó tuổi tác đã già nua, gần đất xa trời, vẫn không thức tỉnh. Đó là lòng tham lam tiền tài, lợi lộc.

Lòng tham danh, háo danh cũng thúc đẩy, sai khiến nhiều ông bà già tiếp tục bon chen trên đường đời, tiếp tục giở những thủ đoạn bất chánh, bất lương, những tuyệt chiêu điêu luyện, những kinh nghiệm hại người, để đoạt cho kỳ được, giữ cho thực lâu các chức vụ hay danh vị nào đó trong các tổ chức bất vụ lợi trá hình, đôi khi đó chỉ là các chức dõm, danh hàm, danh hão mà thôi, chẳng có chút giá trị nào cả.

Lòng tham luôn luôn thúc đẩy con người đấu tranh, giành giật, bất chấp thủ đoạn, làm sao cuộc sống thực sự được an lạc và hạnh phúc? Người hiểu hai chữ "*tri túc*" là người biết an phận với những gì đang có, biết cần kiệm, biết sống một cuộc sống đơn giản, an nhàn, trong sạch, là người được an lạc và hạnh phúc lớn nhất trên đời. Nếu chúng ta không có những gì mình thích thì chúng ta hãy thích những gì mình đang có. Được như vậy, cuộc đời đâu còn gì gọi là khổ đau.

Sách có câu:

*Tri túc chi nhơn, tuy ngoại địa thuợng, du vi an lạc.*

*Bất tri túc giả, thân xử thiên đờng, diệc bất xứng ý.*

Nghĩa là: Người biết thế nào là đủ, tuy nằm trên đất cũng thấy an vui, hạnh phúc. Người không biết thế nào là đủ, tuy thân xác ở trên cảnh giới thiên đờng, tâm ý vẫn không thỏa mãn!

Cũng có câu:

*Tri túc tiện túc, đãi túc hà thời túc.*

*Tri nhàn tiện nhàn, đãi nhàn hà thời nhàn.*

Nghĩa là: Nếu biết thế nào là đủ thì lúc thời thấy đủ, biết thế nào là nhàn thì lúc thời thấy nhàn. Như vậy "*cái đủ, cái nhàn*" thực ra rất cần thiết, rất quan trọng cho cuộc đời, nhưng chúng ta không bao giờ đạt được "*cái đủ, cái nhàn*", nếu không chịu "*biết đủ, biết nhàn*".

Bởi vậy, cho nên Đức Phật dạy pháp bố thí, để dẹp bớt lòng tham lam, ích kỷ, đòi hỏi, bòn sèn, keo kiệt, bần tiện của con người.

Hạnh bố thí gồm có ba thứ: "*tài thí, pháp thí và vô úy thí*".

**1. Tài thí:** Về "tài thí" có hai phần: "nội tài thí và ngoại tài thí".

Chúng ta có thể cho những gì bên ngoài thân thể, như là tiền bạc, của cải, cơm gạo, quần áo, thuốc men, vật chất nói chung, gọi là "ngoại tài thí". Khi thực hành ngoại tài thí, chúng ta cần chú ý các yếu tố đúng người, đúng thời và đúng lượng. Chẳng hạn, người nào cần tiền bạc, chúng ta giúp tiền bạc; người nào cần thuốc men, chúng ta giúp thuốc men và chỉ giúp lúc cần thiết với số lượng hợp tình, hợp lý mà thôi. Nhiều khi giúp đỡ tiền bạc quá nhiều, có thể làm cho người nhận sanh tâm ý lại, sanh lòng lười biếng, không thích làm việc, không chịu cực khổ, không kham nổi những khó khăn trong cuộc sống, chỉ biết nằm chờ viện trợ từ kẻ khác mà thôi. Nhiều khi giúp đỡ tiền bạc có thể đưa đến chuyện hại người nếu chúng ta không biết người nhận sẽ sử dụng số tiền đó với mục đích sai lạc, mục đích xấu.

Chúng ta có thể đem cho những gì thuộc về thân thể, thân mạng của mình, các bộ phận trên thân thể như là mắt, tim, gan, phổi, gọi là "*nội tài thí*". Điều này khó thực hiện được khi còn sống, nhưng chúng ta có thể làm được khi vừa mới tắt thở. Có nhiều người dù không theo đạo Phật, không hiểu giáo lý đạo Phật, nhưng họ đã ký sẵn giấy cam đoan cho các bộ phận trên cơ thể, hoặc cho luôn thân xác của họ, cho bất cứ ai cần đến, hoặc cho các viện nghiên cứu, để giải phẫu, học hỏi, tìm hiểu, ngay khi họ vừa mới tắt thở. Điều này giúp chúng ta hiểu rằng, trong tận cùng thâm tâm của mỗi con người, "*thiện tâm*" đều giống nhau, *ai ai cũng có*, không phân biệt con người theo bất cứ tôn giáo nào trên thế gian này.

Ngày nay, chúng ta ít người thực hành nổi hạnh bố thí thân mạng như người xưa, nhưng chúng ta có thể dùng thân mạng để làm những việc ích lợi cho người, như công quả trong chùa, góp công sức trong các cuộc lạc quyên cứu giúp người gặp nạn bão lụt, gặp hỏa hoạn, làm việc thiện nguyện giúp người khó khăn, khốn khổ. Thực ra, từ xưa đến nay, trên thế gian này, có biết bao nhiêu người sẵn lòng xả thân cứu người, nhiều khi gặp hiểm nguy đến tánh mạng. Đó cũng gọi là "nội tài thí".

**2. Pháp thí:** Về "pháp thí" có hai nghĩa: một là, đem cho tất cả mọi việc, đem cho tất cả các pháp trên thế gian này; và hai là: đem cho giáo pháp của Phật, còn gọi là Phật pháp. Chúng ta có thể cho tất cả những gì không thuộc phần nội tài thí và ngoại tài thí nói trên. Chẳng hạn như chúng ta có sở học, có kiến thức, có sự hiểu biết về một vấn đề nào đó, về một phương diện nào đó, về một ngành nào đó, chúng ta có thể đem ra chỉ bảo, hướng dẫn, truyền dạy, giúp đỡ cho người, một cách bất vụ lợi, không mong cầu báo đáp, không kể lễ ơn nghĩa. Việc này bất cứ ai cũng có thể làm được, không tốn đồng xu cắc bạc, chỉ cần tấm lòng vị tha, chỉ cần tấm lòng thực sự "vì người quên mình" mà thôi.

Đối với hàng Tu sĩ xuất gia hay Cư sĩ tại gia có học hiểu giáo pháp của Phật, đem ra giảng giải cho mọi người được biết để áp dụng, để xây dựng cuộc sống an lạc và hạnh phúc hiện đời, giúp mọi người hiểu được chân lý để giảm bớt phiền não và khổ đau. Theo nghĩa này, *pháp thí là điều quan trọng hơn cả*. Tại sao vậy?

Bởi vì khi chúng ta giúp người về vật chất, như tiền bạc, cơm gạo, có thể làm cho người được qua cơn khó khăn trong ngắn hạn, trong một thời gian nào đó mà thôi. Khi chúng ta giúp người về tinh thần, như dạy chữ, dạy nghề, hướng dẫn cách sống đúng phép vệ sinh chẳng hạn, có thể làm cho người được qua cơn khó khăn trong một thời gian nào đó, thậm chí có thể giúp họ sống vui, sống khỏe trọn một đời này mà thôi.

Còn nếu chúng ta có học hiểu giáo pháp của Đức Phật, còn gọi là Phật pháp, đem ra giảng giải cho mọi người được biết để áp dụng trong cuộc sống, chẳng những có thể giúp con người sống an lạc và hạnh phúc ngay hiện đời, ngay kiếp này, cao hơn nữa là giúp con người được giác ngộ và giải thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi khổ đau, vĩnh viễn muôn kiếp.

Bởi vậy cho nên Đức Phật dạy hàng Phật tử tại gia "*pháp cúng dường*" chú Tăng Ni, để các vị xuất gia yên tâm tu hành, không phải lo chuyện sinh sống, chuyên tâm nghiên cứu kinh điển, rồi đem ra giảng cho mọi người được biết,

được hiểu rõ ràng, để áp dụng tu hành theo đúng Chánh pháp. "Pháp cúng dường" như vậy là thanh tịnh nhất dành cho các bậc chân tu thanh tịnh. Đó là một dạng khác của sự bố thí.

Tuy nhiên, không phải giáo pháp luôn luôn cần hơn cơm gạo, hoặc ngược lại không phải cơm gạo luôn luôn là ưu tiên hàng đầu trong cuộc sống. Chúng ta gọi đó là "*tùy duyên*", nghĩa là tùy theo trường hợp, tùy theo hoàn cảnh, tùy theo con người. Trong một buổi đức Phật thuyết pháp, có một người nghèo khó đến dự. Đức Phật liền bảo dọn cơm cho người đó ăn, xong rồi mới giảng pháp cho nghe sau. Khi nghe xong thời pháp đó, người nghèo khó ngộ đạo, chúng ngay quả tu đà hoàn, phát tâm quy y Tam Bảo.



Do đó, ngày nay chúng ta có câu: "*có thực mỗi việc được đạo*" nghĩa là phải được tam no lòng, mỗi hy vọng hiểu được đạo lý cao siêu. Chúng ta không thể đem giáo pháp cao siêu ra giảng dạy cho những người đang đói khổ, đang cần cơm gạo trước hết. Cũng như không thể đem giáo pháp tối thượng dạy ngay cho người sơ cơ, mới học đạo. Nhu cầu tại thế gian của con người đi từ vật chất đến tinh thần, rồi sau đó mới bàn đến chuyện tâm linh xuất thế gian.

**3. Vô úy thí:** Về "vô úy thí" thì có nhiều nghĩa rộng rãi, cao siêu hơn. Vô là không, úy là sợ, thí là cho. Vô úy thí là đem cho sự không sợ hãi. Hay nói cách khác, vô úy thí là làm sao giúp đỡ cho con người bớt sự lo âu, giảm thiểu phiền muộn hay không còn sợ hãi.

Con người sống trên thế gian này có rất nhiều điều lo âu, phiền muộn hay sợ hãi. Nào là sợ thiếu tiền, sợ thiếu ăn, sợ thiếu mặc, sợ bệnh hoạn, sợ thiên tai, sợ mất công ăn việc làm, sợ mất hạnh phúc gia đình, sợ *đủ mọi thứ chuyện* trên trần đời. Nhưng nỗi lo sợ lớn nhất của con người chính là sợ chết! Tự cổ chí kim, từ người nghèo hèn cho đến người sang trọng, từ người bình dân cho đến người học thức, từ người trẻ cho đến cụ già, từ người thường dân cho đến vua quan hay hàng quý tộc, từ giới phàm phu tục tử cho đến các bậc hiền triết thánh nhân, nào có ai tránh được cái chết đâu, mặc dù con người vớ *tham sinh úy tử*, ham sống sợ chết!

Con người thường hay nghĩ "*đời còn dài*", cho nên chỉ bận tâm đến chuyện mưu sinh, chuyện tranh danh đoạt lợi, chuyện đấu tranh tranh đấu, chuyện hơn thua thị phi, dùng sai phải quấy, *đủ thứ chuyện linh tinh lang tang*. Đến khi sắp từ giã cuộc đời mới giật mình tỉnh giấc thì đã quá muộn màng. Thực ra, con người có thể chết bất cứ lúc nào, bất cứ cách nào, bất cứ nơi nào.

"Vô úy thí" có nghĩa là giúp người qua cơn sợ hãi mọi thứ, bớt sự lo lắng mọi điều trong tâm trí qua các biến cố, trước các điều hiểm nguy, và còn có nghĩa là *chúng ta không nên gây não phiền, không nên gây bức dọc cho bất cứ ai*, để yên cho mọi người được sống cuộc đời an vui, yên ổn, dù cho họ là người thân hay kẻ thù. Đó là tâm lượng "bất tùy phân biệt".

Còn đối với sự sợ chết, chúng ta khuyến hóa mọi người tu hành, cầu đạo giải thoát. Bởi vì chỉ có giáo pháp của Đức Phật mới có thể chỉ bày cho con người hiểu rõ ràng, tường tận "pháp vô sanh", tức là chỉ dạy đường lối tu hành để giải thoát khỏi mọi thứ phiền não và khổ đau, không còn sanh tử luân hồi nữa. Đạo Phật không phải chỉ có hình thức cúng kiến, lễ lạy, cầu nguyện mà thôi.

Thực hành hạnh "vô úy thí" còn có nghĩa là giúp chúng sinh khắc phục tư tưởng khiếp nhược, sợ hãi, tự ti mặc cảm yếu hèn, giúp chúng sinh hiểu được điều Đức Phật giác ngộ dưới cội cây Bồ Đề và giảng dạy trong tam tạng kinh điển. Điều đó chính là: "*Tất cả chúng sanh ai ai cũng đều có Phật*



tính như nhau, tất cả đều bình đẳng, và tất cả chúng sanh đều sẽ thành Phật, giải thoát mọi khổ đau phiền não nếu biết tu tập, thực hành đúng Chánh pháp".

Trong các kinh điển Phật giáo, đó là bốn bức "khai, thị, ngộ, nhập". Nghĩa là: đức Phật mở cánh cửa giải thoát; chỉ thị cho con người thấy được, hiểu được thế nào là "pháp vô sanh". Đó chính là "con người chân thật bất sanh diệt" của tất cả chúng ta, chủ chúng ta không phải là cái xác thân giả tạm đang có này. Sau đó giúp cho con người làm sao giác ngộ được "pháp vô sanh" và chỉ rõ đường lối tu hành làm sao chúng nhập được "pháp vô sanh" đó.

Chúng ta cần nên biết rằng: *Con người sợ dĩ sợ chết, bởi vì con người sợ mất cái thân tử đại mấy chục kí-lô giá tạm này, cử tử ông đó là mình, mà không hề biết mình có cái không hề chết, không hề bị tiêu diệt mất, đó chính là "con người chân thật bất sanh diệt" của tất cả chúng ta vậy.*

Chúng ta biết rằng khi thọ hưởng một tài sản hay của cải, vật chất nào, không nên chỉ dùng cho riêng mình. Chúng ta nên bố thí ra, chia sẻ với mọi người, để tạo an vui cho những người chung quanh và cũng tạo an vui cho chính chúng ta nữa. Cái gì chúng ta tích trữ, dành dụm, chỉ được nhất đời mà thôi, chắc chắn chúng ta sẽ bỏ lại tất cả khi ra đi. Nhưng tất cả những gì chúng ta cho ra, những gì chúng ta bố thí, sẽ trở lại với chúng ta, dưới dạng phước báo, quả báo lành, sự bình an, sự may mắn, *giúp chúng ta được tai qua nạn khỏi*. Chủ thực sự không có Chúa Trời, không có Ngọc Hoàng Thượng Đế hay Đức Phật nào, vì lòng riêng tư, mà đến cứu giúp, theo lời van xin cầu khẩn của chúng ta cả.

Nói cách khác, cái gì chúng ta đã tiêu xài, bây giờ không còn nữa. Cái gì chúng ta đã mua sắm, bây giờ phải để lại cho người khác, khi ra đi. Chỉ có cái gì chúng ta "đã cho, đã bố thí" với lòng từ bi, là vẫn còn "thuộc về chúng ta" khi tử giả cõi đời. Đó chính là nghiệp lành, là phước báo, là quả báo tốt, là sự may mắn, luôn luôn theo

cùng với chúng ta như hình với bóng. Danh ngôn Tây Phương cũng có câu: "If you continually give, you will continually have".

\*

Trong Kinh Địa Tạng, phẩm thứ mười, khi Bồ Tát Địa Tạng từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay cung kính và bạch Phật rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn, con xem chúng sanh trong nghiệp đạo, so sánh công đức bố thí, hiệu quả có sự nhiều ít khác nhau, có người được hưởng phước một đời, có người được hưởng phước mười đời, có người được hưởng phước hàng trăm, ngàn đời, lợi lạc lớn lao. Tại sao như thế, cúi xin Đức Thế Tôn từ bi giảng trạch cho chúng con được biết.

Đức Phật dạy tóm lược như sau:

- Bất cứ ai gặp những người già yếu, bần cùng, hèn mạt, tàn tật, câm ngọng, đui mù, ngây điếc, không được toàn vẹn, mà tự tay đem bố thí với lòng từ bi, thương xót, dùng lời mềm mỏng an ủi họ tử tế, khiến cho họ được an ổn, vui vẻ, thì được hưởng phước báo vô lượng.



Tuy nhiên, nếu làm được những việc thiện như thế mà đem hồi hưởng cho pháp giới chúng sanh thì những người làm công đức ấy được hưởng những sự vui sướng nhiệm màu hàng trăm ngàn đời, nếu đem công đức ấy hồi hưởng cho quyến thuộc nhà mình, hay muốn tự mình hưởng những lợi ích, thì ba đời được vui vẻ, làm một phần thì được hưởng vạn phần.

Tại sao vậy? Bởi vì những người làm phước đó đã phát tâm rộng lớn đem "hồi hưởng cho khắp pháp giới chúng sanh", không cử công đức ít nhiều,, không dành riêng cho mình và người thân của mình, đó chính là những

người đã "diệt được lòng tham", cho nên được sự "giải thoát hoàn toàn", cho nên được hưởng quả "phước báo lớn lao" như vậy.

Còn những người chỉ phát tâm hạn hẹp, đem công đức ấy hồi hưởng cho người thân hay cho chính mình mà thôi, họ sẽ được hưởng quả phước báo hạn chế hơn, tùy theo tâm lượng còn nhỏ hẹp của chính mình.

\*

Trong Kinh Kim Cang, Đức Phật cũng có dạy: "Nhược bố tát ử pháp, ứng vô sở trụ hành ử bố thí. Sở vị bất trụ sắc bố thí, bất trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp bố thí. Bồ tát ung như thị bố thí, bất trụ ử tướng. Nhược bố tát bất trụ tướng bố thí, kỳ phước đức bất khả tử lường". Nghĩa là: Nếu chúng ta không chấp bốn tướng: ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả và không chấp sáu trần; sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, mà thực hành hạnh bố thí, thì phước đức không thể nghĩ, không thể lường được.

**Không chấp bốn tướng:** ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả, có nghĩa là: Khi thực hành hạnh bố thí, chúng ta không nên thấy có mình là người cho để cầu mong được báo đáp, được cảm ơn, được tán thán; chúng ta không nên thấy có người nào là kẻ nhận sự bố thí đó để kể lể chuyện ơn nghĩa; chúng ta không nên thấy có bao nhiêu người đã nhận sự bố thí đó để khoe khoang, và chúng ta cũng không nên thấy có vật gì, điều gì đã được đem cho để khỏi tiếc nuối về sau, có khi tiếc của, còn muốn đi đòi lại!

Nếu được như vậy, sau khi thực hành hạnh bố thí, chúng ta sẽ an trụ được tâm của chúng ta. Chúng ta sẽ không bị dục vọng khi gặp những người bội bạc, không biết ơn, thậm chí còn trở mặt với chúng ta nữa. Lòng từ bi của chúng ta cũng không bị hạn chế, khi không còn nhớ là đã bố thí bao nhiêu tiền của, đã bố thí cho bao nhiêu người, đã dành bao nhiêu thời giờ để làm hạnh bố thí đó.

Muốn hàng phục được tâm ý của chính mình, chúng ta phát nguyện độ tất cả chúng sanh mà không thấy có chúng sanh nào được độ. Bố thí xong rồi thì thôi, đừng nhớ nghĩ gì nữa. Khi chúng ta xả bỏ được hết tất cả vọng

niệm, tức là chúng ta đã thực hành hạnh bố thí ở mức độ cao nhất, mà ít người hiểu được. Hàng phục được tâm ý của chính mình thì mau tiến đến chỗ giải thoát, cho nên Đức Phật dạy phước đức không thể nghĩ, không thể lường được là nghĩa đó vậy.

**Không chấp sáu trần:** sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, mà thực hành hạnh bố thí, có nghĩa là: chúng ta không chấp vào sắc tưởng dễ nhìn hay khó nhìn, không chấp vào âm thanh dễ nghe hay khó nghe, không chấp vào mùi hương dễ ngửi hay khó ngửi, không chấp vào mùi vị dễ nếm hay khó nếm, không chấp vào xúc chạm dễ chịu hay khó chịu, không chấp vào sự việc, ý tưởng vừa ý hay không vừa ý, thích hay không thích, ưa hay ghét.

Sở dĩ tâm ý của chúng ta thường hay loạn động, bởi vì chúng ta thường hay dính mắc với sáu trần. Hễ mắt thấy bất cứ sắc gì thì liền khởi vọng niệm phê phán đẹp hay xấu, hễ tai nghe bất cứ tiếng gì thì liền khởi vọng niệm phê phán êm dịu hay chói chói, hễ mũi ngửi bất cứ mùi gì thì liền khởi vọng niệm phê phán thơm quá hay thúi quá, hễ lưỡi nếm bất cứ vị gì thì liền khởi vọng niệm phê phán ngon quá hay dở quá, hễ thân xúc chạm bất cứ vật gì thì liền khởi vọng niệm phê phán mát mẻ mịn màng hay nhám nhúa thô ráp, hễ ý tưởng bất cứ chuyện gì thì liền khởi vọng niệm phê phán hài lòng hay bức bối. Cứ như thế, cả ngày, suốt tháng, quanh năm, tâm của chúng ta luôn luôn bất an, loạn động.

Chúng ta thực hành hạnh bố thí còn có nghĩa là chúng ta buông xả hết các vọng niệm, các tạp niệm, để an trụ tâm, để thanh tịnh tâm thì mau tiến đến chỗ giải thoát. Cho nên Đức Phật dạy thực hành được hạnh bố thí, thì phước đức không thể nghĩ, không thể lường được là nghĩa như vậy.

Chúng ta thực hành hạnh bố thí với tấm lòng "rộng rãi", với tất cả tấm lòng "vì người quên mình", với tất cả tấm lòng tử bi, cung kính, không cầu danh lợi, không cầu báo đáp, không vì hơn thua, không mê hoặc lòng người, không chọn lựa món xấu đem cho, món tốt giữ lại, tức là không trụ sắc; cho rồi không cần nghe lời khen, tiếng

cám ơn, tức là không trụ thanh, v.v... và của đem bố thí phải thanh tịnh, chơn chánh; người nhận bố thí phải được tôn trọng, bình đẳng, phải được cảm ơn!

Đó chính là sự bố thí thanh tịnh, trong sáng, "bất tùy phân biệt" nam phụ lão ấu, người tu hay người đời, đẳng thí vô sai biệt, phổ đồng cúng dường, thượng cúng chú Phật chú hiền thánh, hạ cấp lục đạo phẩm, cho nên đem lại phước báo vô lượng, vô biên, cho nên được gọi là "bố thí ba la mật".

**Tại sao chúng ta phải tu hạnh bố thí?** - Tu hạnh bố thí là kiến tạo một kho tàng phước báu, là tu tập nghiệp lành. Bố thí tiêu trừ đau khổ, làm cho tâm trí được an vui, thành thói, hạnh phúc. Tu hạnh bố thí được người thương mến, dễ thu phục lòng người, phát triển lòng tử bi. Tu hạnh bố thí là gốc rễ của tất cả các thiện pháp. Bố thí là pháp tu, hạnh tu mà những người kém phước đức và trí huệ cần noi theo. Chú vị hiền thánh như kim cổ đều trải qua các hạnh tu bố thí.

\*

Tóm lại, nhờ tu hạnh bố thí chúng ta diệt được lòng tham lam ích kỷ ở tự tâm, thể nhập tự tánh bình đẳng đại từ đại bi, đem lại sự no ấm, thoát khổ đặng vui, đều nhờ công năng tài thí. Chúng ta cũng có thể phát triển chánh trí, phá trừ vô minh, si mê, thể nhập chân lý, đem lại bình tĩnh, cởi mở sự lo buồn sợ hãi, khiến chúng sanh được sống thanh thản, tự tại, đó là nhờ công năng của pháp thí và vô úy thí.

Hạnh bố thí là nền tảng của các nghiệp lành, nghiệp thiện, giúp con người sống trong chánh đạo, dẹp bỏ được tam độc: tham lam, sân hận, si mê. Pháp môn này, nói chung, mọi người ai ai cũng có thể thực hành được, nhưng muốn thực hành cho đến mức độ cao thâm, rốt ráo tột cùng, gọi là "ba la mật", chúng ta phải phát tâm Bồ đề kiên cố, dũng mãnh, bất thoái chuyển, tức là phát tâm lượng của các bậc Bồ Tát và Đại Bồ Tát vậy.

(Toronto - Canada)

THƠ Tuệ Nga



## Cõi tịnh yên

*Biết rằng đời đã vô thường  
Việc gì cũng vậy, chẳng vương vấn  
nhiều*

*Viết hoài hai chữ Thương Yêu  
Như lòng Hoan Hỷ là điều trọng  
tâm*

*Kiếp người như bóng phù vân  
Trước sau thì cũng một lần ra đi  
Mà đời, đâu có vui gì*

*Đến, đi, quán tạm có chi mà buồn  
Thơ tôi mấy cánh Hoa Sương  
Cổ Thi vài vài nụ, Hoang Đường  
một t cây*

*Hoang đường, vào mộng thơ say  
Có Hoa Nhân Ái nở đầy sông  
trăng*

*Yêu Thương xóa hết bất bằng  
Tịnh yên một cõi như trăng đêm  
rằm*

*Không ưu phiền, chẳng phân vân  
Chữ Vô Thường đã trong tâm  
niệm hoài*

*Bao nhiêu ướ trước bỏ ngoài  
Cõi ta hoa nở đầy với bốn mùa  
Trời không nắng, cũng chẳng  
mưa*

*Êm êm gió mát nghe Thơ vào  
Thiên  
Cõi Thơ, một t cõi tịnh yên.*



## Một vài suy nghĩ về dạy và học tiếng Việt tại Hải ngoại

**H**ơn hai thập niên đã qua. Cộng đồng người Việt hải ngoại đã không ngừng tăng trưởng ý thức về nguồn. Các trung tâm giảng dạy tiếng Việt mở ra khắp nơi, nói lên nguyện vọng của mọi gia đình Việt Nam là trao truyền tiếng nói dân tộc cho thế hệ con em lớn lên trong hoàn cảnh xa xứ. Tiếng nói là cửa sổ của văn hóa, là biểu hiệu cho ý thức dân tộc. Đã gần như một sự tự nhiên là ở đâu có cộng đồng người Việt là ở đó có lớp dạy tiếng Việt. Cũng đã gần như là mọi người đều thống nhất ý kiến về chuyện gìn giữ tiếng mẹ đẻ cho con em, chẳng phải là vì tiếng mẹ đẻ đem lại mối lợi vật chất nào cả, mà vì cộng đồng chúng ta hiểu rằng chúng ta không muốn thế hệ con cháu lâm vào tình cảnh mất gốc, rằng chúng ta xem việc gìn giữ tiếng nói dân tộc là thể hiện ý thức về gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc.

Đồng ý với nhau về những nguyên do vì sao phải học tiếng Việt cũng không vì thế mà việc dạy và học tiếng Việt sẽ dễ dàng hơn đâu. Hiện nay một số câu hỏi liên quan đến việc dạy và học tiếng Việt tại hải ngoại hầu như vẫn chưa được đặt ra một cách rộng rãi và nghiêm túc<sup>1</sup>. Trong bài này, chúng tôi muốn được bàn góp về một số vấn đề liên quan đến phương hướng, phương pháp và nội dung của một kế hoạch chung cho việc dạy và học tiếng Việt tại hải ngoại.

### 1. Dạy tiếng Việt là phương tiện để truyền đạt văn hóa Việt

Để vượt qua những trở ngại ban đầu về mặt tài liệu giảng dạy, các thầy cô giáo đã hết sức linh động tìm tòi trong thư viện địa phương để có được những quyển dạy học văn tiếng Việt, những bài giảng bài tập đọc, những bài giảng văn rải rác trong các sách có được trong tầm tay. Một số nhà xuất bản cũng kịp thời nhận thấy sự cần thiết phải đáp ứng nhu cầu tài liệu cho các trung tâm dạy tiếng Việt, và họ lần lượt sao lục để tái bản các sách được biên soạn từ trước 1975 tại Sài Gòn. Rải rác đã có thêm một vài công trình biên soạn mới để cung ứng tài liệu cho việc dạy và học tiếng Việt tại hải ngoại. Công trình của nhóm soạn giả tại đại học Victoria (Úc) là một cố gắng mới nhất. Sự quan tâm của học giới đối với việc cung ứng tài liệu học tập là một khích lệ lớn cho các thầy cô giáo đứng lớp.

Tuy nhiên, đến nay chúng ta vẫn thấy một khoảng trống rất lớn về mặt tài liệu giảng dạy cho đối tượng trẻ em Việt sinh ra và lớn lên tại hải ngoại. Thời gian đã đủ dài để chúng ta nhìn lại sự việc, và đầu tư vào một việc cần thiết là đi tìm một phương thức dạy tiếng Việt cho lớp trẻ em này - những học viên nhỏ tuổi, có những nhu cầu học hỏi khác với các học viên tương đối lớn tuổi hơn. Những học viên nhỏ tuổi này cũng chính là những học viên song ngữ, hằng ngày các cháu không nói tiếng Việt trong trường học mà phải dùng chuyển ngữ là một ngôn ngữ Ấn Âu.

Đối tượng đã khác xưa, khung cảnh học tập cũng khác xưa. Đó là những yếu tố cần xét đến khi nghĩ đến việc biên soạn tài liệu giảng dạy tiếng Việt cho trẻ em tại hải ngoại. Nhìn lại các sách biên soạn từ trước 1975 tại Sài Gòn, có thể thấy ngay là các sách được biên soạn cho một đối tượng khác hẳn: học viên là những trẻ học tiếng mẹ đẻ và học toàn thời gian trong trường. Hậu cảnh văn hoá cũng

nâng đỡ cho việc học nói và viết tiếng Việt trong lớp học.

Khi còn ở trong nước, hằng ngày được sống trong lòng dân tộc, nói tiếng nói và sống, nghĩ theo cung cách văn hóa dân tộc, thì việc dạy và học tiếng mẹ đẻ là củng cố một tập quán văn hóa. Dạy tiếng mẹ đẻ trong một bối cảnh như vậy có những điều kiện thuận lợi mà ngày nay, trong hoàn cảnh xa xứ, chúng ta không dễ tìm thấy bối cảnh văn hóa truyền thống để hỗ trợ cho việc dạy và học tiếng mẹ đẻ. Hãy chỉ cần nhìn lại trường hợp các cháu tuổi mới vào trường, sẽ thấy sự khác biệt giữa hai khung cảnh học tập: trẻ ở trong nước được nâng đỡ bằng cả một xã hội, một khung cảnh văn hóa, một môi trường ngôn ngữ. Hằng ngày các cháu được hít thở trong khung cảnh văn hóa một cách tự nhiên không cần điều chỉnh, không cần dẫn đo gì cả. Ở cùng lứa với các cháu, một bạn nhỏ ở nước ngoài sẽ phải tạm quên một bối cảnh xã hội và văn hóa tại nước chủ nhà nơi các cháu có thể đã sinh ra và nay đang sinh sống cùng với gia đình. Cháu chỉ có những buổi cuối tuần để học tiếng Việt, hoặc giả ở một số quốc gia các cháu có thể được học tiếng Việt ngay trong trường cháu học hằng ngày. Trong giờ học tiếng Việt cháu được dẫn dắt về một cộng đồng dân tộc thu hẹp trong chốc lát. Nhưng khung cảnh văn hóa này không kéo dài lâu hơn buổi học. Cháu sẽ phải tự điều chỉnh tâm trạng mình khi hoà nhập trở lại với khung cảnh văn hoá Âu Tây mà các cháu quen thuộc hằng ngày. Đó là nói những lớp học may mắn có những phương tiện trợ huấn cụ về mặt thính thị để giúp các cháu hội nhập với khung cảnh văn hoá dân tộc suốt thời gian ở trong lớp tiếng Việt. Theo sự quan sát của chúng tôi thì tuyệt đại đa số các lớp học tiếng Việt không hề quan tâm đến điều kiện chuẩn bị này. Trong điều kiện tổ chức lớp học nghèo nàn như thế thì các cháu học sinh ngồi trong lớp tiếng Việt là một cực hình: lớp học thiếu sinh động, lối dạy học vẫn chỉ là nhồi sọ buồn

tẻ. Trong điều kiện học tập như thế, các cháu bé không hề thiết tha gì đến tiếng nói mẹ đẻ, đến ý nghĩa sâu sắc của việc học tiếng Việt. Vì không gây nổi hứng thú học tập cho lớp tiếng Việt nên mới có hiện tượng buồn cười là các học sinh lớp học tiếng Việt lại chỉ thích nói tiếng Tây với nhau. Vì không có phương hướng thích hợp cho nên các lớp tiếng Việt chỉ dậm chân tại chỗ, và phụ huynh rất thường than phiền là con trẻ đến lớp bao nhiêu năm mà trình độ không tiến thêm được gì.

Điều kiện học tập khác biệt như thế đã có tầm chi phối rất lớn đến việc dạy và học tiếng mẹ đẻ, mà những ai quan tâm đến việc dạy và học tiếng Việt tại hải ngoại không thể bỏ qua. Một cháu bé ở trong nước nghe cô giáo dạy đọc: *Mẹ đi chợ, Tí về quê...* có thể hình dung được rất rõ những hình ảnh cụ thể của người mẹ quê trong khung cảnh sống quen thuộc hằng ngày của đất nước, cháu cũng hiểu được hình ảnh cậu bé tung tẩy trở về quê vào dịp nghỉ hè. Nói cách khác hậu cảnh văn hóa xã hội đằng sau bài học đã có thể giúp cháu nhận được lượng thông tin từ bài học. Bạn bè của cháu ở hải ngoại không có được hậu cảnh văn hoá đó, không có dịp nhìn thấy con đường làng và người mẹ quê đi chợ xa đang rảo bước về nhà, cháu cũng khó hình dung được hết ý nghĩa của hình ảnh cậu bé học trò tung tăng về làng để nghỉ ba tháng hè sau chín tháng dài học tập... Hai cách gợi tả hình ảnh quê hương khác nhau như thế không thể trùng lặp với nhau được. Trong hoàn cảnh của cháu bé ở xa xứ, muốn gợi lên hình ảnh quê hương dân tộc trong tâm khảm cháu thiết tưởng cần tìm những hình ảnh khác sao cho có động sức tích để có thể để lại ấn tượng sâu và sắc. Nói cách khác, nội dung bài học cần phải khác. Thì giờ học ngắn quá, ít quá, mà yêu cầu học hỏi thì nhiều, bài học cần có động chứ không nên dàn trải loãng nhạt quá.

Ngày nay chúng ta dễ dàng nhận ra mức độ loãng nhạt về nội

dung truyền thụ văn hóa trong các sách giáo khoa học vẫn do các tác giả trước đây biên soạn từ khi ở trong nước. Ngày trước, cả thầy cô giáo và các thế hệ học sinh ở nhà đều không cảm thấy bài học nhạt nhẽo, vì tất cả đều đang ở giữa khung cảnh văn hóa dân tộc, cho nên hình ảnh nào rồi cũng gợi lên hình ảnh cảnh sắc văn hóa dân tộc dù là ở những cấp độ loãng nhạt nhất. Chúng ta không hề thấy phí phạm ngày giờ với những bài học như thế. Nhưng mà trong hoàn cảnh sống tại hải ngoại, thầy trò đều không có nhiều ngày giờ, và cảnh sắc văn hóa cũng khác nhiều với cảnh sắc quê hương. Nhu cầu dạy tiếng Việt để qua đó truyền đạt văn hóa Việt càng trở nên bức xúc. Đó chính là nguyên do ẩn kín cất giấu vì sao phần lớn thấy cô giáo và học sinh các lớp tiếng Việt tại hải ngoại cảm thấy không hứng thú khi phải dạy và học những bài văn "không chở hồn sống của dân tộc".

Vậy thì sắc thái văn hóa dân tộc nằm ở đâu, và bài học tiếng Việt cần truyền đạt những nội dung văn hóa gì? Trả lời câu hỏi này không đơn giản. Ở đây chúng tôi chỉ xin gợi một vài ý nhỏ: vẻ đẹp của văn hóa dân tộc có khi nằm ở câu chữ ngắt hùng khí của bài Bình Ngô Đại Cáo, có khi lại chỉ lảng đãng thoáng tha trong nhịp cân phương dịu dàng của câu ca dao lục bát; có khi lại sâu kín trong những hoa văn trống đồng nhưng lại cũng có thể phảng phất những hình nét cụ thể qua lời ăn tiếng nói, qua lối xưng hô, qua nếp cư xử với nhau trong đời sống hằng ngày; bản sắc văn hóa dân tộc có khi ẩn tàng qua cung cách hùng tráng của hội nghị Diên Hồng, nhưng cũng có thể ẩn tàng trong cả điệu thơ Kiều trữ tình lãng mạn... Vẻ đẹp muôn màu của văn hóa dân tộc đang rất cần hệ thống hóa lại để nhắc nhở con cháu đã đành, mà cũng còn là điểm tựa cho thầy cô giáo khi soạn bài dạy học tiếng Việt cho học trò.

Trong hướng nhìn như thế, chúng tôi không thấy có gì trở ngại khi chúng ta tập cho các cháu mới

học vỡ lòng tiếng Việt tập đánh vần và đọc một đôi bài ca dao lục bát, tập kể lại những câu chuyện bát ngát tinh cảm nhân văn trong kho tàng truyện cổ dân gian. Cũng không phải là quá cao nếu thấy cô giáo cho các học sinh tập đánh vần các chữ có khuôn vần **ông** trong nhóm từ *trống đồng Đông Sơn* chẳng hạn. Nếu đồng ý rằng cần phải có động nội dung văn hoá khi biên soạn bài giảng tiếng Việt tại hải ngoại, thì phải thực hiện ngay từ rất sớm những bài học có sức chuyên chở sắc thái văn hóa dân tộc cho các lớp vỡ lòng trở lên. Cụ thể là mỗi bài học là một mảnh nhỏ của nét đẹp dân tộc, một gợi ý về bản ngã dân tộc.

Cũng trong hướng nhìn như thế, chúng tôi thấy cần nhắc lại kinh nghiệm biên soạn bộ sách *Quốc Văn Giáo Khoa Thư*. Các soạn giả đã tỏ ra đi rất sát với quan niệm dạy quốc ngữ là dạy quốc văn, dạy quốc học. Các tác giả đã phân phối, dàn trải nội dung văn hoá dân tộc dưới nhiều dạng phong phú. Có nhiều nội dung còn bền vững đến ngày hôm nay, sau hơn nửa thế kỷ văn hoá dân tộc trườn qua những ngã rẽ lịch sử khác nhau. Nếu mà hôm nay thế hệ chúng ta không thể đem bộ sách này ra dạy cho học trò thì chẳng phải là vì bộ sách đã hoàn toàn hết giá trị, mà chỉ vì có rất nhiều nội dung đã cần phải thay đổi. Nhưng thế hệ hôm nay vẫn cần phải học hỏi người trước về sự nhất quán trong phương châm dạy và học tiếng Việt được thể hiện trong bộ sách đó.

Chúng tôi quan niệm rằng một giáo trình tiếng Việt tại hải ngoại đang rất cần được biên soạn một cách hệ thống, nhất quán theo tinh thần phương châm mà *Quốc Văn Giáo Khoa Thư* đã đạt được. Muốn có được một giáo trình như thế thì việc đầu tiên là phải nghĩ đến những hướng chung về việc dạy và học tiếng Việt tại hải ngoại để xác định phương hướng và mục đích đã. Đến đây xin trở lại câu hỏi vừa nêu ra ở trên: đâu là nội dung của văn hóa dân tộc, bản sắc dân



tộc cần phải truyền đạt trong một giáo trình tiếng Việt tại hải ngoại ?

Trước hết, xin góp ý về những nội dung có tính cách khái quát cần được nhất quán trong toàn bộ giáo trình. Đó là:

1. cảnh trí đất nước quê hương;
2. truyền thống lịch sử hào hùng;
3. quan niệm về đời sống gia đình;
4. quan niệm về các mối quan hệ xã hội;
5. đức tính con người theo quan điểm đức lý Việt Nam.

Nội dung (1) chính là những nét chính của *địa lý* Việt Nam. Nội dung (2) là ôn lại lịch sử của đất nước ngàn năm. Nội dung (3) trình bày những nét cơ bản về quan niệm người mình về *đời sống gia đình* mang đậm tình cảm tập thể như là tình nghĩa vợ chồng, tình cảm cha mẹ và con cái (đạo hiếu), tình cảm anh em, tình nghĩa thầy trò. Nội dung (4) là những gợi ý về các mối *quan hệ xã hội* đã từng ăn sâu vào nếp sống của cả dân tộc kinh qua bao nhiêu thay đổi về tập quán, ý thức hệ tư tưởng. Đó là những quan niệm về xã hội nặng tính cách gia đình: trên kính dưới nhường, chính danh. Đó cũng có thể là nghĩa đồng bào, tình đoàn kết tương thân... Nội dung (5) chính là những quan niệm về *triết lý nhân sinh* của người Việt: tinh thần nhân nghĩa, tính quân bình động, tính lạc quan, óc thực tế... Tất cả những tính cách nêu trên đây có thể đã từng được các học giả khác nhau mô tả qua những tên gọi khác nhau nhưng thật ra cùng là những nội dung như nhau. Những khác biệt chỉ là ở trên bình diện ngôn từ mà thôi, thiết tưởng nhà giáo dục không nên quá sa vào chi tiết tranh luận về những khác biệt.

Những nội dung như trên bao gồm kiến thức về nhiều lĩnh vực nhân văn và xã hội. Điều này không thể tránh được khi chúng ta muốn soạn thảo một giáo trình tiếng Việt mang những hoài bão như trên vừa trình bày. Thể hiện

những nội dung trên như thế nào lại là phần việc thuộc về phương pháp sư phạm. Tuy nhiên, dù thế nào đi nữa thì năm nội dung trên cần được dàn trải theo mô hình những vòng tròn đồng tâm đi từ cấp nhỏ lên đến các cấp học cao hơn. Nghĩa là năm nội dung trên đây được dạy đủ tại các cấp lớp, chỉ khác nhau về mức độ khái quát, mức độ sâu sắc mà thôi. Một ví dụ: nội dung liên quan đến đời sống gia đình được thể hiện ở cấp lớp nhỏ nhất là những lễ thói ứng xử cụ thể (đi thưa về trình, gọi dạ bảo vâng...), lên cao một bậc có thể là tình gia tộc, cao hơn nữa là tinh thần cộng đồng làng xóm (tứ hải giai huynh đệ...)

## 2. Dạy tiếng Việt tại hải ngoại theo phương pháp dạy song ngữ

Ngày nay, tại hải ngoại, việc dạy và học tiếng Việt không còn như ở trong nước nữa. Các lớp học thường chỉ tổ chức trên cơ sở tình nguyện vào những ngày cuối tuần. May mắn được học trong trường của nhà nước như tại Hòa Lan thì số giờ học cũng không hơn gì tại các trung tâm dạy tiếng Việt do các tổ chức cộng đồng mở ra. Giờ học ít ỏi như thế, nhưng yêu cầu đặt ra cho các giờ học tiếng Việt như thế lại rất cao, không kém gì đòi hỏi của môn học Tiếng Việt tại quê nhà: học tiếng Việt để nắm bắt được hồn tinh dân tộc, bản sắc dân tộc.

Khung cảnh học tập đã khác, khiến cho việc biên soạn tài liệu phải khác trước. Đến cả phương pháp biên soạn tài liệu và phương pháp giảng dạy e cũng phải thay đổi cho phù hợp với khung cảnh mới, đối tượng học sinh khác. Trong muốn một các sách dạy tiếng Việt được biên soạn từ trước, hoạ hoàn chỉ có một bộ sách *Quốc Văn Giáo Khoa Thư* là có khả năng tham khảo cả về mặt phương châm lẫn phương pháp biên soạn. Tuy nhiên, về mặt sư phạm, một tập sách giáo khoa gọi là thích hợp thì cần phải chứa đựng những nội dung truyền đạt hiện đại mà

vẫn không thời thượng, trái lại phải có tính bền vững ổn định. Cả hai điểm này đều đã thấy nhẹ lắm trong bộ sách soạn ra đã ngót nghét một thế kỷ rồi. Vì thế vẫn cần phải đặt ra vấn đề biên soạn một giáo trình tiếng Việt cho trẻ Việt tại hải ngoại vào cuối thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI, trong hoàn cảnh sống tại khung cảnh song ngữ và bối cảnh giáo dục rất tiến bộ.

Phương pháp song ngữ là gì ? Thật ra cho đến giờ vẫn không có một lý thuyết về phương pháp dạy học mang tên là phương pháp song ngữ. Gọi là phương pháp song ngữ chẳng qua là để chỉ một lối thực hành giảng dạy dựa theo điều kiện xã hội ngôn ngữ học của các học viên song ngữ.

Hiện tượng song ngữ khá phổ biến tại rất nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có sự chung sống giữa hai cộng đồng ngôn ngữ. Trong sinh hoạt nói năng của cộng đồng song ngữ thường có hiện tượng chuyển hóa ngôn ngữ: đang lúc nói với nhau bằng ngôn ngữ A người ta thường bật ra những từ hay những lối nói của ngôn ngữ B, và ngược lại. Hiện tượng này cũng khá thông thường trong môi trường học ngôn ngữ thứ hai.

Cộng đồng song ngữ thường gồm có một ngôn ngữ dùng làm chuyển ngữ chung cho toàn xã hội, và một ngôn ngữ của nhóm thiểu số. Thực tế cho thấy luôn luôn có sự cạnh tranh ảnh hưởng và vị trí xã hội của hai ngôn ngữ. Những kinh nghiệm từ cộng đồng song ngữ (chẳng hạn cộng đồng Hispanic) tại Hoa Kỳ và Canada cho thấy là khuynh hướng giáo dục song ngữ không phải là đã ổn định. Vẫn đang còn những tranh cãi giữa ít nhất là hai khuynh hướng trái ngược nhau:

(1). khuynh hướng thứ nhất - tạm gọi là khuynh hướng 'bảo tồn' - cho rằng duy trì tiếng mẹ đẻ là để bảo tồn văn hóa truyền thống của cộng đồng song ngữ trong hoàn cảnh sinh hoạt đa văn hoá. Dạy học theo phương hướng song ngữ là gia tăng khả năng hội nhập

xã hội, tạo ổn định tâm lý của học viên trẻ, đồng thời cũng tăng thêm sự bén nhạy về khả năng ngôn ngữ và khả năng nhận thức của trẻ. Để được như vậy, việc dạy và học theo phương pháp song ngữ cần được duy trì liên tục từ những cấp học nhỏ cho đến lứa tuổi thiếu niên;

(2). khuynh hướng ngược lại - tạm gọi là khuynh hướng "chuyển tiếp" - thì cho rằng giáo dục song ngữ sẽ khiến cho trẻ thiên về khuynh hướng tách ly, cô lập, tự hạn hẹp tầm nhìn xã hội. Về khả năng ngôn ngữ, trẻ song ngữ thường cũng không đạt tiêu chuẩn mong muốn về khả năng diễn đạt cả hai ngôn ngữ ở trình độ cao, làm hạn chế khả năng hội nhập xã hội, và điều này chẳng có lợi gì cho việc học tiếng mẹ đẻ nữa. Vì thế chỉ nên duy trì việc học tiếng mẹ đẻ của cộng đồng ngôn ngữ thiểu số ở một chừng mức giới hạn nào đó mà thôi.

Dù là theo quan điểm "bảo tồn" hay "chuyển tiếp", có một điểm đáng nói là nơi nào chủ trương giáo dục song ngữ cũng đều tận dụng khả năng chuyển dịch ngôn ngữ để giảng dạy tiếng mẹ đẻ cũng như dạy ngôn ngữ dùng làm chuyển ngữ của cả xã hội. Tận dụng lợi thế của cả hai ngôn ngữ là then chốt của phương pháp tạm gọi là phương pháp song ngữ. Đây là kinh nghiệm của cộng đồng song ngữ ở Québec.

Vào những năm 1960, cộng đồng thiểu số nói tiếng Anh ở Québec áp dụng phương pháp dạy song ngữ cho trẻ như sau: người ta muốn cho trẻ nói lưu loát tiếng Pháp ngay từ những ngày mới cấp sách đến trường. Vì thế các cô giáo cứ cho trẻ tự do nói tiếng mẹ đẻ (tiếng Anh) với cô giáo, nhưng các cô giáo - vốn cũng là những người song ngữ - sẽ đáp lại trẻ bằng tiếng Pháp (lúc này chỉ là ngôn ngữ thứ nhì đối với trẻ). Dần dần trẻ có thể nói lưu loát ngôn ngữ thứ nhì (tiếng Pháp) này.

Đến giai đoạn sau của bậc tiểu học trẻ mới lại dùng tiếng Anh. Chương trình nghiên cứu thực

nghiệm này đã dẫn đến một mô thức dạy học như sau: giai đoạn mẫu giáo hoàn toàn dùng tiếng Pháp; đến giữa học trình tiểu học thì trẻ được học khoảng 60% thời gian cho tiếng Anh và 40% cho tiếng Pháp; lên bậc trung học thì trở lại hoàn toàn bằng tiếng Pháp. Mô thức giáo dục song ngữ này xem ra được ủng hộ nhiều vì những thành đạt tỏ ra rất khích lệ. Mức độ lưu loát cao hẳn lên so với trước kia, thái độ của trẻ nói tiếng Anh đối với cộng đồng nói tiếng Pháp cũng trở nên tích cực hơn so với các thế hệ trước được dạy theo phương pháp truyền thống.

Những kinh nghiệm giảng dạy tại các cộng đồng song ngữ đều xác nhận rằng việc tận dụng khả năng chuyển dịch ngôn ngữ để ứng dụng vào giảng dạy ngôn ngữ sẽ giúp đỡ học sinh rất nhiều so với học chuyên một ngôn ngữ mà thôi. Một vấn đề có liên quan đến trường hợp của chúng ta: phương pháp song ngữ có thể ứng dụng được chăng đối với hai ngôn ngữ khác hẳn nhau về tính cách, như trường hợp tiếng Việt và một ngôn ngữ Ấn Âu? Phương pháp song ngữ không phải là phương pháp so sánh điểm giống nhau và khác nhau giữa các ngôn ngữ, mà chỉ nhằm giúp học viên tiếp thu hai cơ cấu ngôn ngữ qua sinh hoạt nói năng mà thôi. Do vậy sự gần gũi hay khác biệt tính cách giữa hai ngôn ngữ không phải là điều kiện để áp dụng phương pháp song ngữ.

Từ những lợi thế của phương pháp song ngữ dẫn đến một hệ luận cho việc làm mới việc dạy và học tiếng Việt tại hải ngoại là: cần xúc tiến biên soạn những tài liệu giảng dạy có thể phù hợp với phương pháp song ngữ. Vả chăng cũng là điều phải lẽ thôi. Thời thế đã đổi khác, hoàn cảnh đã khác, đối tượng học viên cũng đã không như trước kia. Giáo dục không thể đứng chân tại chỗ cũ mãi, tự giam hãm mãi trong ao tù của quá khứ.

### 3. Phân bố chương trình giảng dạy tiếng Việt tại hải ngoại

Mỗi quốc gia có thể chế giáo dục riêng cho mình. Cộng đồng người Việt định cư tại các nước đều phải thích ứng với chế độ giáo dục tại đó, do vậy lịch phân phối chương trình học có thể khác nhau tùy theo điều kiện mỗi nơi. Trong chừng mức nào đó chúng ta chỉ nên bàn những điểm chung nhất về một lịch phân phối chương trình dạy và học tiếng Việt mà các nơi đều có thể đáp ứng được.

Điểm chung đầu tiên là: trừ các tuần lễ nghỉ giữa học kỳ và các kỳ nghỉ dài trong một năm học, trung bình mỗi năm học kéo dài khoảng 30-32 tuần lễ. Một điểm chung khác nữa là: tại một phần lớn các nước định cư, việc dạy và học tiếng Việt tùy thuộc vào các tổ chức cộng đồng, và các lớp tiếng Việt thường chỉ có thể hoạt động vào ngày cuối tuần. Mỗi tuần lễ học sinh phải học nhiều môn học khác nhau, do vậy trung bình mỗi tuần học sinh có thể học được ít nhất là 2 tiết học môn tiếng Việt, và giờ học môn tiếng Việt khó có thể nhiều quá 4 tiết mỗi tuần.

Thế có nghĩa là thì giờ dạy và học tiếng Việt không được nhiều, chỉ thu lại một vài giờ mỗi tuần. Điều kiện khách quan này dẫn đến việc hoạch định một chương trình học có tính cách dài hạn, kéo dài suốt thời kỳ tiểu học và trung học, tối đa là 12 năm. Nhìn như thế thì không phải là thiếu thốn thì giờ cho lắm - nếu không nói là khá phong phú. Vấn đề đặt ra cho các giới quan tâm đến việc giáo dục tiếng mẹ đẻ tại hải ngoại là: chương trình học sẽ phân phối như thế nào?

Một chương trình học môn Tiếng Việt có hiệu quả cần phải hội đủ một số yếu tố sau đây:

(1). Học sinh có đủ điều kiện *học nghe và nói, đọc và viết một cách cân đối*, không quá nghiêng về hội thoại, cũng không thể nặng phần học từ chương như phương pháp quen thuộc xưa nay;

(2). Chương trình học cần chuyên chở *năm nội dung* như đã trình bày ở trên kia;



(3). Chương trình học cần nhằm mục đích giúp trẻ *năng động phát huy khả năng ngôn ngữ* của chính mình chứ không nhằm giúp trẻ thụ động tiếp nhận kiến thức do thầy cô giáo giảng giải các tác phẩm văn chương dưới hình thức giảng văn;

(4). Chương trình tiếng Việt cần theo sát mục đích yêu cầu của toàn bộ chương trình giáo dục phổ thông, là nhằm *phát triển tư duy độc lập của học sinh* trong một môi trường lớp học tôn trọng sự phát triển tự do sáng kiến cá nhân.

(5). Để thực hiện được một chương trình dạy và học tiếng Việt có hiệu quả cũng cần phải đặt phương châm "*thầy giáo hướng dẫn, học sinh chủ động làm việc*". Mỗi giờ học là một khung cảnh sinh hoạt mà học sinh phải được tạo điều kiện tham gia vào việc thu nhận kiến thức cho chính bản thân mình chứ không thụ động tiếp nhận kiến thức do thầy cô giáo truyền đạt cho.

Một thí dụ điển hình cho phương hướng phân bố thời lượng và phương pháp giảng dạy môn học Tiếng Việt ở giai đoạn đầu tiên đã được cụ thể hoá trong việc biên soạn các Giáo Án cho từng bài học theo đó học sinh được tạo điều kiện làm việc theo phương hướng như kể trên".

#### 4. Dạy học đọc ở bước đầu tiên (học vỡ lòng)

Mọi chương trình dạy và học tiếng mẹ đẻ đều bắt đầu với phần nhập môn. Ý nghĩa của việc nhập môn này rất lớn, vì đây là lần đầu tiên học sinh được tiếp xúc với thế giới ngôn ngữ viết của ngôn ngữ tiếng mẹ đẻ - vốn là một thế giới mới mẻ đối với các cháu. Giai đoạn nhập môn này chính là giai đoạn mà chương trình dạy môn Tiếng Việt xưa nay vẫn gọi là "học vỡ lòng" hoặc "học đánh vần".

Chúng ta không thiếu sách dạy học vần tiếng Việt. Những sách này đều đã được soạn ra từ lâu, đã từng dạy dỗ không biết bao nhiêu là thế hệ thiếu nhi Việt học

chữ quốc ngữ từ đầu thế kỷ XX đến bây giờ. Nhìn chung các sách soạn ra đều theo một trình tự như nhau: (1) giới thiệu bảng chữ cái của chữ quốc ngữ, rồi đi vào chi tiết để giới thiệu các nguyên âm và phụ âm tiếng Việt; (2) dạy các vần tiếng Việt bao gồm vần mở và vần đóng; (3) các phép ghép từ.

Truyền thống dạy học đánh vần tiếng Việt trước nay thường không chú trọng phát âm đúng các âm vị, mà thường chú trọng giới thiệu chữ viết. Đây là một nhược điểm dẫn đến tình trạng không khắc phục được lỗi phát âm địa phương.

Có thể nói là trong suốt bao nhiêu năm, kể từ 1917 là năm ra đời bộ sách *Quốc Văn Giáo Khoa Thư - Lớp Đồng Ấu*, các sách dạy học vần ra đời sau này chỉ là nối theo truyền thống biên soạn của QVGKT. Ở đây lại một lần nữa chúng ta thấy công lao mở đường của nhóm soạn giả Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Ngọc, Đặng Đình Phúc và Đỗ Thận.

Những tiến bộ của khoa ngữ học cho phép thế hệ thầy cô giáo hôm nay nhìn lại các công trình biên soạn đã lâu đời nhằm đáp ứng nhu cầu của những thời kỳ đã qua. Nhìn từ quan điểm ngữ học thì có thể nhận ra những điểm cần bổ sung cho hệ thống "học vần" được trình bày trong *Quốc Văn Giáo Khoa Thư - Lớp Đồng Ấu*. Xin đưa ra một số gợi ý như sau:

Ở phần (1) giới thiệu bảng chữ cái, chúng ta có thể thấy là giới thiệu bảng chữ cái sẽ dẫn đến những rắc rối không thể giải quyết được, chẳng hạn cùng phát âm là / i / mà có khi viết là *i*, có lúc lại viết là *y*, hoặc là cùng đọc là /g/ mà lại vừa viết là *g*, vừa viết *gh*,... Vậy thì thầy cô giáo muốn giới thiệu các âm vị tiếng Việt hay là giới thiệu chữ viết? Ngay cả việc giới thiệu bảng chữ cái cũng phải đặt lại: thầy cô giới thiệu thế nào về các trường hợp *c/k/q*, *g/gh/ng/ngh*, *i/y* ? Các trường hợp vừa kể viết khác nhau nhưng đọc như nhau cả, trong khi đó ba trường hợp sau đây lại được kể là ba đơn

vị khác nhau *a/ă/â*, trong khi chúng là những cặp đối lập của hai đơn vị *a/ă* và *ơ/â*.

Thiết tưởng một bảng giới thiệu hợp lý phải giúp học sinh nhận biết được các **đơn vị phát âm** của tiếng Việt. Việc giới thiệu như thế cần bắt đầu từ hai thành phần cơ bản của một *tiếng* <sup>iii</sup> là nguyên âm và thanh điệu; sau đó là các đơn vị phụ âm đầu và phụ âm cuối. Phân loại như thế sẽ làm sáng lên tính cách hệ thống của cấu trúc âm tiết tiếng Việt.

Giai đoạn (2) dạy về các vần trong tiếng Việt. Có 149 lối ghép vần trong tiếng Việt. Cho đến nay học thuộc lòng các vần từ đơn giản đến phức tạp. Chúng tôi thấy là có thể rút ngắn thời gian học 149 vần tiếng Việt bằng cách hệ thống hóa hai loại vần: vần mở (còn gọi là vần thông) và vần đóng (còn gọi là vần cản). Ta biết là khuôn vần của tiếng Việt gồm có thành phần âm chính (tạo thành vần mở) hoặc các âm chính kết hợp với các âm cuối mà thành (tạo thành vần đóng). Khi đã biết phát âm các phụ âm cuối như đã được học ở giai đoạn (1) trước đó rồi thì việc học vần sẽ không còn gì phức tạp nữa, không cần phải tốn quá nhiều thì giờ để học đủ 149 vần như phương pháp hiện hành.

Nhưng có một câu hỏi đáng đặt ra ở đây là: học vần có cần thiết hay không? Nếu khi trẻ được học tiếng *tam* các cháu cần phải học vần **am** thì tại sao lại không được học các lối kết hợp giữa phụ âm đầu và nguyên âm: **ta** ? Nói cách khác, vần của tiếng Việt có thật là một cấu trúc riêng biệt cần phải học mới biết đọc một từ của tiếng Việt không? Nên chú ý là vần trong học vần không phải là khuôn vần trong thơ phú, vì vần thơ luôn có thanh điệu. Tách thanh ra khỏi khuôn vần là một việc làm không thực tế, và do vậy việc dạy đọc trở nên cầu kỳ mà học sinh phải học một cấu trúc không thật.

Giai đoạn (3) là học ghép từ. Thật ra giai đoạn này đã lồng vào

trong hai giai đoạn trên rồi, nếu việc học vẫn thật sự được dạy chu đáo. Một *từ/tiếng* trong tiếng Việt được cấu tạo do bốn thành phần: âm đầu + âm chính + âm cuối + thanh điệu. Học sinh được học kỹ các nguyên âm để biết nhận ra các âm chính, và các phụ âm đầu để nhận ra các âm đầu, phụ âm cuối để nhận ra các âm cuối, học sáu thanh để nhận ra bậc cao thấp của mỗi tiếng được học. Tất cả các đơn vị vừa kể cộng lại chỉ có 52 âm vị mà thôi. Nếu được học kỹ cách phát âm 52 đơn vị này, và nhận rõ các đồ vị để ghi lại 52 đơn vị nói trên là học xong phần gọi là "học đánh vần". Đây là một hướng đúng để giúp trẻ Việt học đọc tiếng Việt ở giai đoạn đầu tiên.

Trên đây chúng tôi có nhắc đến sáu thanh của tiếng Việt. Sách *Quốc Văn Giáo Khoa Thư - Lớp Đồng Ấu* có 34 bài học vần, nhưng các tác giả để đến bài thứ 14 mới dạy trẻ học về thanh. Chúng tôi cho rằng như thế không hợp lý: thanh phải được học ngay từ bài học đầu tiên. Một tiếng đơn giản như *A !, Ổ ! U ? Uả ?* đã phải có ba thanh ghép với ba nguyên âm mới thành đầy chữ ! Cho nên dạy về thanh ngay từ bài đầu tiên là hợp lý cả về mặt ngữ âm học cũng như về mặt sư phạm.

Trong bài này, chúng tôi không có ý đi vào chi tiết việc phân bố chương trình dạy và học tiếng Việt tại hải ngoại. Đây chỉ là những ý tưởng để dẫn về một đại cương kế hoạch chung mà cộng đồng hải ngoại trước sau gì cũng phải để tâm giải quyết. Một chương trình tiếng Việt cho trẻ Việt tại hải ngoại hiện nay chưa ra đời thật sự, cho dù các trung tâm dạy tiếng Việt đang có mặt khắp nơi tại các quốc gia có người Việt định cư. Các trung tâm vẫn theo một quán tính là nối dài những sinh hoạt mình đã quen làm khi còn ở trong nước. Có sao thì cứ lặp lại nguyên vẹn. Cho gọn ! Nhưng điều đáng buồn là gia sản giáo dục môn Tiếng Việt của chúng ta trước 1975 có phải nhiều

điều đáng duy trì một cách không cần xét lại !

Ngày hôm nay chúng ta có thừa phương tiện kỹ thuật để làm tốt việc dạy học, kể cả môn Tiếng Việt. Nhưng mà phương tiện kỹ thuật chỉ là yếu tố hỗ trợ cho sự nghiệp giáo dục mà thôi, nó không thể thay thế nội dung chương trình giáo dục được. Bài viết này mong làm một cố gắng nhỏ góp vào việc làm tốt nội dung một chương trình dạy học tiếng Việt tại hải ngoại mà chúng ta sẽ hướng đến. Đấy chính là một công phu mà tập thể hải ngoại sẽ tự hào trong việc góp phần canh tân giáo dục cho đất nước ngày mai vậy. ●

<sup>(1)</sup> Từ năm 1986 đến nay chúng tôi đã can dự vào những cuộc vận động lớn để phát triển sinh hoạt dạy và học tiếng Việt tại Anh Quốc. Qua đó chúng tôi đã từng tham dự một số hội thảo về vấn đề dạy và học tiếng Việt tại hải ngoại do các tổ chức người Việt tại London tổ chức. Cảm tưởng chung là một sự thất vọng lớn. Những người tổ chức tỏ ra không hiểu gì về ý nghĩa giáo dục đối với việc gìn giữ bản sắc văn hóa đã dành, họ còn tỏ ra không nắm vững phương hướng để dẫn thảo luận. Kết quả là người tổ chức không rút được kế hoạch hoạt động sắp đến, mà người tham dự cũng không rút được kết luận gì bổ ích cho bản thân mình. Kết quả chỉ là những màn kịch hời hợt để các tổ chức có thành tích để báo cáo mà xin tài trợ tiếp cho tổ chức của mình.

Một điều cơ bản mà không hội nghị nào đề cập đến, là: có gì khác nhau giữa việc dạy trẻ học tiếng Việt ở trong nước và trẻ ở hải ngoại hay không, và nếu có thì hệ quả của nó là gì? Chúng tôi quan niệm là phải được nghiêm túc đầu tư vào việc dạy và học tiếng Việt tại hải ngoại ngõ hầu có thể giúp thế hệ trẻ ý thức rõ hơn về bản sắc văn hóa của mình trong quá trình hội nhập. Muốn thế thì phải có những cố gắng song hành và liên tục: các lớp dạy tiếng Việt cần tổ chức theo quy cách giáo dục Tây phương: học vui và tích cực, thấy có hướng dẫn, trò năng động làm việc. Một chương trình vận động rộng lớn do Ban Văn Hoá Giáo Dục của Cộng Đồng Tỵ Nạn Tại Vương Quốc Anh được phát động từ khi tổ chức này vừa ra đời (1986). Cho đến nay, sau gần 15 năm, tình trạng dạy và học tiếng Việt tại London vẫn như thế: bài vở theo lối *Quốc Văn Giáo Khoa Thư*, phương pháp cổ lỗ buồn tẻ. Các trường dạy tiếng Việt thường chỉ eo sèo một số rất nhỏ dân số

trẻ em tại địa phương. Đây là một sự phí phạm rất lớn mà tổ chức cộng đồng người Việt chưa ý thức đầy đủ: trong khi các sắc dân thiểu số khác có kế hoạch dạy và học tiếng mẹ đẻ của họ thì cộng đồng Việt Nam vẫn hài lòng với những di sản thâm hại của một chế độ giáo dục tiếng mẹ đẻ rất lạc hậu. Vì bản thân các trung tâm dạy tiếng Việt chưa sẵn sàng để góp phần vào việc vận động nâng cao chất lượng cho việc dạy và học tiếng Việt tại hải ngoại, chương trình học và thi GCSE Tiếng Việt mà chúng tôi đã soạn thảo và được Hội Đồng Khảo Thí Phía Nam chấp thuận (1988) đã trở thành lạc lõng, và mất tác dụng trong công trình dài lâu; và mấy cuộc tổ chức Đố Vui Để Học (1986, 1988, 1993) cũng không đủ sức vực dậy một phong trào. Những người bi quan thường cho rằng người Việt chúng ta thiếu ý thức tự hào dân tộc, và sẵn sàng mất gốc, không như những cộng đồng Do Thái, Hoa, Mỹ La Tinh, Ấn... Chúng tôi thì chỉ nghĩ rằng cộng đồng chúng ta coi rẻ việc gìn giữ tiếng mẹ đẻ vì nhiều nguyên do rất cụ thể: tình trạng dân trí thấp kém, ý thức tổ chức và vận động quần chúng của cộng đồng không mạnh, và trường lớp dạy tiếng Việt thường nghèo nàn nên không đủ sức lôi cuốn được sự chú ý của quần chúng. Một công trình chung của xã hội thì cần những tài khéo về mặt xã hội mới có thể được việc chứ không cần viện đến những chuyện xa vời như ý thức dân tộc, lòng yêu văn hoá dân tộc, hay lòng yêu nước...

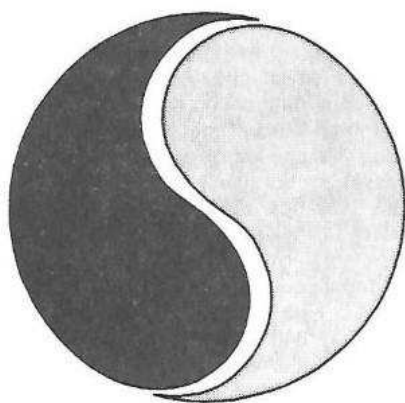
Chúng tôi quan sát việc dạy và học tiếng Việt ở Hoà Lan, Na Uy, Pháp và Đức đều thấy tình hình như vậy. Điểm khác biệt lớn giữa các nơi là ở chỗ: trình độ hiểu biết và quan tâm đến giáo dục của các nhân vật hoạt động cộng đồng giúp cho việc dạy và học được chặt chẽ, liên tục và tiến bộ hơn. Đặc biệt là nơi nào quan tâm đến ý nghĩa văn hoá của việc dạy tiếng Việt thì nơi đó việc dạy và học tiếng Việt khá hẳn lên. Ở đây có thể kể đến vai trò rất quan trọng của các cộng đồng công giáo và các tổ chức Gia Đình Phật Tử trong vai trò làm những cơ sở văn hoá dân tộc tại địa phương. Một điểm thuận lợi đặc biệt mà trẻ Việt ở Hoà Lan có được là Bộ Giáo Dục Hoà Lan đưa việc dạy tiếng Việt vào trường học như là một môn học chính thức. Hiện nay, học sinh tại Hoà Lan được học đọc tiếng Việt ở bước đầu tiên qua bộ sách *Học Kỹ Đọc Đúng* của chúng tôi, do nhà xuất bản Zwijsen ấn hành (Tilburg 1998). Nhưng đây mới chỉ là bước đầu tiên mà thôi. Còn phải quan tâm đến những bước tiếp theo nữa thì mới có được một công trình hoàn chỉnh.

<sup>(2)</sup> Một *tiếng* trong tiếng Việt là một đơn vị của lời nói của tiếng Việt. Đây là đơn vị căn bản của cấu trúc ngữ âm tiếng Việt, gọi là một âm tiết (syllable).



# Những điều cần biết về Phong Thủy tại ngôi nhà chúng ta

Thân tặng độc giả  
Tạp Chí VIÊN GIÁC, Germany



**N**ếu chúng ta chú ý đến sự tương quan giữa bất động sản là nhà ở hoặc cơ sở thương mại, và người sinh hoạt ở đó với tính cách sở hữu chủ hay người thuê, thì sau một thời gian, một là ta nhận thấy nơi đó mang lại cho gia chủ những điều thuận lợi, thành công nhiều hơn là rủi ro, vấp vấp. Hay là ta cũng có thể nhận thấy có những xui xẻo, mất mát, thất bại... xảy ra cho gia chủ nhiều hơn, sau khi dọn vào cơ sở mới này. Vậy ta có thể kết luận một cách chính đáng là bất động sản hợp với ta khi ta nhận thấy được những điều tốt đẹp, vui vẻ, may mắn nhiều hơn là điều xấu; và không hợp với ta khi có nhiều xui xẻo, rắc rối, lo buồn thường xuyên "chiếu cố", trong khi có ít sự tốt tới, hoặc chỉ có điều tốt nhỏ nhoi hạn

hoàn mỗi "viếng thăm" theo mức độ một hai lần trong cả năm (xuân thu nhị kỳ).

Chúng ta có thể đã nghe thấy những nhận xét tương tự như dưới đây từ những người thân hoặc bạn bè:

"Từ khi dọn vào ở nhà này, gia đình chúng tôi gặp được nhiều may mắn tốt lành: toàn gia khỏe mạnh, yên vui, tấn phát mọi sự, công việc làm của hai vợ chồng cũng như việc học của con cái. Tạ ơn Trời đã ban cho chúng tôi đủ cả an khang, thịnh vượng, hạnh phúc"

Một ông bạn khác tâm sự với một giọng than van chán ngán: "Lạ quá ông ơi, bỏ bao nhiêu công sức, tâm trí, tiền bạc dành dụm nhiều năm để đầu tư vào ngôi nhà khang trang đẹp đẽ này, hy vọng sẽ được mọi tốt đẹp để có thể dưỡng già nơi đây. Nào ngờ từ khi "tân gia" đến giờ mới có chưa được một năm mà dồn dập hứng toàn xui xẻo rắc rối, mất việc làm, bệnh hoạn, vợ ốm con đau, gia đạo kém hẳn yên vui thuận hòa, việc mới chưa kiếm được mà xe hơi bảo hiểm một chiều bị đụng hai lần trong vòng bốn tháng. Lần mình phải thì xe bị nhẹ, bảo hiểm bên kia bồi thường số số. Lần này mình trái thì xe tan beng, bất khiển dụng, toàn thân đau nhức, ngực tức, cổ cứng, không biết mai mốt có làm sao không. Đúng là mình ở nhà này không hợp hưởng, chắc phải bán nhà cho lẹ để sớm dọn ra cho hết xui. Nhờ ông mách giùm việc làm và cũng mách nhà cho thuê luôn".

Một bà cô họ kia ngán ngẫm trong lời tâm tình: "Tôi không phủ nhận sự ấm cúng an vui, tốt lành, hứng vượng toàn gia chúng tôi được hưởng từ khi ở ngôi nhà này. Tuy nhiên có một điều kỳ lạ, không thể hiểu mà cũng không giải thích nổi là các cháu trai cũng như gái củ "dậm chân tại chỗ", không thể nhúc nhích gì được về phương diện tình cảm, hôn nhân, mặc dầu các cháu ngoan ngoãn, đậu đạt xong cả, có nhan sắc trên mức trung bình, và cũng hiểu lẽ thường tình ở đời là "traai khôn tìm vợ, gái ngoan tìm chồng", nhất lại ở lứa tuổi sắp si gần tứ tuần cả. "Trai ba mươi tuổi đang soạn, gái ba mươi tuổi đã toan về già" là trường hợp các cháu gái nhà tôi đây các bác ạ".

Nỗi lòng đầy ưu tư, băn khoăn, thắc mắc của một ông chồng trẻ, tuy hai vợ chồng đều đậu đạt cao có chức vụ khá, "không hiểu sao vợ tôi bị sẩy thai hai lần rồi, mặc dầu chúng tôi thèm có con, bà ấy lại khỏe mạnh và đi khám bác sĩ theo đúng định kỳ và dưỡng thai rất cẩn thận kỹ càng. Có người quen nói có thể là do các hướng xấu kỵ mạnh mẽ về phương diện có con hoặc sinh nở ở ngôi nhà mới mua này chăng?"

Qua mấy mẫu tâm tình bao hàm sự vui thích mãn nguyện hoặc đượm vẻ than van chán chường, thất vọng kể trên, chúng ta liên tưởng tới khoa Địa-Lý Phong-Thủy Dương-Trạch với những hướng *tốt/xấu* và những ảnh hưởng của chúng đối với chúng ta.

Theo khoa này, mỗi người chúng ta đều có bốn hướng tốt và bốn hướng xấu. Vị trí những hướng này tùy thuộc vào năm sinh của mỗi người, và chiếm cứ những phương vị khác nhau. Những hướng tốt và xấu của một người nam và một người nữ cùng tuổi, thường *không có* cùng phương vị, và đôi khi lại còn đối nghịch với nhau về *tốt/xấu*: những hướng tốt của người nam lại là những hướng xấu của người nữ, và ngược lại. Cứ cách quãng mỗi chín (9) năm kể từ năm Tân Mùi (1871) (rồi Canh Thìn 1880, Kỷ Sửu 1889 v.v...) trở xuống, thì nam nữ cùng tuổi có những hướng *tốt/xấu* giống hệt nhau.

Tùy theo năm sinh, một người có thể là Đông mạng hay Tây mạng, nghĩa là thuộc Đông tứ trạch hay Tây tứ trạch. Những hướng mang lại may mắn thuận lợi cho người Đông tứ trạch là Bắc, Nam, Đông, Đông-Nam, và những hướng xấu là những hướng còn lại: Tây, Tây-Bắc, Tây-Nam và Đông-Bắc. Người Tây tứ trạch đón nhận sự thuận lợi, tốt đẹp từ những hướng Tây, Tây-Bắc, Tây-Nam và Đông-Bắc, trong khi những hướng mang sự xấu rủi tới là Đông, Bắc, Nam, Đông-Nam.

Trong khi bốn hướng xấu lúc nào cũng là hại và xấu, thì 4 hướng tốt không nhất thiết phải tốt cả bốn. Có người chỉ được hưởng cách tốt của hai, có người lại được ba trong bốn hướng tốt. Lý do là hướng nào cũng gồm hai yếu tố: cung, và sao (tinh)

đóng trong cung đó. Sự tương sinh hay tương hòa giữa cung và tinh là tốt, và ta được cách tốt này phù trợ. Nhưng khi cung và tinh tương khắc nhau về hành, cách tốt bị phá nên ta không được hưởng trọn vẹn cách tốt, mà có khi người thân trong gia đình lại còn phải gánh chịu thiệt thòi. Khi cung khắc tinh, còn được gọi là nội khắc ngoại, thì sự xấu là vừa phải, những khi tinh khắc cung hay là ngoại khắc nội thì sự xấu lại còn mạnh hơn nữa. Khi Dương tinh khắc Âm cung, phái nữ chịu sự xấu, và khi Âm tinh khắc Dương cung, sự xấu về phía phái nam.

### Những hưởng tốt, xấu và ảnh hưởng của chúng

**Bốn hưởng tốt** gồm: Sinh-khí, Thiên-y, Duyên-niên và Phục-vị, và các sao (tinh) đóng tại các cung vừa kể, theo thứ tự ghi trên, là Tham Lang, Dương Mộc; Cự Môn, Dương Thổ; Vũ Phúc, Dương Kim; và Tả Bờ/Phụ Bật, Âm Thủy.

**Bốn hưởng xấu** là Tuyệt-mệnh có sao Phá Quân, Âm Kim; Ngũ-qui có sao Liêm Trinh, Âm Hỏa; Lục-sát với sao Văn Khúc, Dương Thủy; và Họa-hại với sao Lộc Tồn, Âm Thổ.

#### ● Ảnh hưởng thuận lợi

**-Hưởng Sinh-khí** thường mang lại sự Khang kiện, an vui, hòa thuận, tấn phát về sự nghiệp tiền bạc (đại phú), tránh được nhiều bệnh họa, có nhiều cơ may dịp tốt để đưa tới thành công đắc ý. Tấn phát vào những năm/tháng Hợi, Mão, Mùi.

**-Hưởng Thiên-y** thường mang lại hòa khí trong nhà, toàn gia an vui, khỏe mạnh, ít bệnh họa, không lo mắc những ác bệnh, cường thịnh, thắng lợi về công danh, tiền bạc (giàu có ngàn vàng), giao dịch. Phát vào những năm/tháng Thìn, Tuất, Sửu, Mùi.

**-Hưởng Duyên-niên** lợi nhiều cho tuổi thọ (đại thọ), thành công về sự nghiệp tiền bạc (trung phú), nhiều may lành về tình cảm, hôn nhân, cưới hỏi, nhiều hi sự, thêm người

thêm phúc lộc. Phát vào những năm/tháng Ty, Dậu, Sửu.

**-Hưởng Phục-vị** thường mang lại nhiều may mắn trên mức trung bình để công danh tiền bạc thăng tiến dễ chịu (tiểu phú), gia đạo an vui, trung thọ, nhiều con gái hơn con trai (ba hưởng tốt kể trên lại sinh nhiều trai hơn gái). May tốt vào những năm/tháng Thân, Tý, Thìn.

#### ● Ảnh hưởng bất thuận lợi

**-Hưởng Tuyệt-mạng** chủ những điều hại cho sự mang thai, sinh nở, nuôi nấng dạy dỗ con cái; gia chủ rất ít con, có thể tới mức tuyệt tự, bệnh và họa nhiều trong gia đình, không sống lâu được, tiền bạc suy thoái, nhà đất hao tán, lụn bại, gia đạo mất hòa khí, an vui. Ứng vào những năm/tháng Ty, Dậu, Sửu.

**-Hưởng Ngũ-qui** gây mâu thuẫn, chia rẽ, bất hòa, thị phi, tranh chấp trong ngoài gia đình, ly tán, bạn bè/cộng sự viên phản trắc, nhiều bệnh họa xui xẻo, họa về trộm cắp cướp, lừa dối, súng đạn, mổ xẻ, hao người hao của, túng bấn, công việc bế tắc. Lâm nạn vào những năm/tháng Dần, Ngọ, Tuất.

**-Hưởng Lục-sát** gây lụn bại về tiền bạc công danh, tiêu hao nhà đất, súc vật, vườn ruộng mất mùa, thị phi khẩu thiệt, bệnh họa có thể đến mức tử vong. Ứng hại vào những năm/tháng Thân, Tý, Thìn.

**-Hưởng Họa-hại** gây thị phi, thừa kiện, bệnh tật, tiền bạc suy bại, nhiều lo nghĩ, rắc rối phiền phức, trở ngại về công việc làm, khó khăn từ học hành thi cử. Ứng hại vào những năm/tháng Thìn, Tuất, Sửu, Mùi.

Khi biết được những ảnh hưởng thuận lợi và bất thuận lợi của tám hưởng tốt/xấu nói trên và duyệt lại những nhận xét vui/buồn của mấy gia chủ kể trên, ta có thể suy ra những nguyên nhân sau:

-Ngôi nhà mang lại tốt lành cho toàn gia về sức khỏe, phú quý, gia đạo an vui hạnh phúc trong trường hợp thủ nhất gồm một số đặc tính của những hưởng Sinh-khí, Thiên-y,

Phục-vị, mang đến cho gia đình đó. Cần lưu ý rằng những hưởng tốt cho gia chủ vừa kể trên không bị ngăn chặn bởi những chuông ngại vật hoặc thiên nhiên hoặc nhân tạo. Ngoài ra, nếu những hưởng xấu như Tuyệt-mạng, Ngũ-qui, Lục-sát không phá phách hoặc mang những sự độc dữ tới, có lẽ là vì những hưởng hung xấu này đã bị ngăn chặn, yếm chắn bằng những màu sắc, tranh ảnh lồng kiếng, gương trang trí, âm thanh... hoàn toàn do tình cờ tự nhiên nên chính chủ nhân cũng không nhận thức được điều may mắn lớn lao này của ông ta.

-Lời than van thủ nhị kể trên làm chúng ta không thể không nhớ tới hưởng Ngũ-qui với những bất hạnh nó mang lại, khi sự độc hại không bị ngăn chặn, cấm cản. Vì vậy, nó mới ngang nhiên hoành hành tác họa, gây nhiều khổ não cho gia đình chủ nhà. Các hưởng tốt của các gia chủ trong trường hợp này ắt hẳn không sinh được những nét tốt lành, chắc chắn phải có lý do. Có thể hưởng tốt bị ngăn chặn cấm cản, hoặc sự bài trí các phòng ốc phản lại những nguyên tắc địa lý thông thường, nghĩa là các phòng được đặt nhằm địa điểm, ít nhất cũng là ở sai vị trí đối với tuổi của gia chủ. Thí dụ phòng ngủ, phòng ăn tọa lạc khu xấu; bếp, nhà để xe, phòng tắm chiếm cứ những phương tốt lành của gia chủ.

**-Hưởng Duyên-niên** là hưởng mang lại những hi sự, may mắn, thuận lợi về phương diện tình cảm, nhân duyên, thêm người thêm phúc, ngoài sự tăng tuổi thọ, và những may mắn về sự nghiệp, tiền bạc, giao dịch. Bởi vậy, trong trường hợp thủ ba kể trên, tình duyên hoặc cưới hỏi, sinh nở của con cái không hanh thông, bị nhiều gàn quai, xui xẻo, ắt phải có liên quan tới sự bị phá cách của hưởng tốt này. Như vậy, hưởng Duyên-niên của gia chủ không thể làm được những việc may lành nó vẫn thường làm, khi không bị xâm phạm, triệt tiêu. Nếu mặt tiền căn nhà nhìn về hướng Duyên-niên của gia chủ và hưởng này không bị phá cách tốt, thì gia đình đó được hưởng cách tốt là thêm người do cưới hỏi,



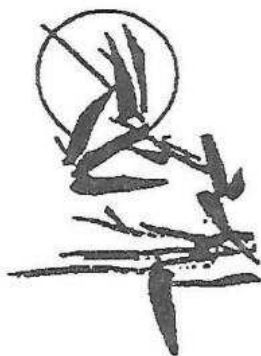
sinh nở, thêm con thêm cháu, thêm phúc lộc, may lành và tuổi thọ.

**-Hưởng độc hại** cho sự có thai hay dưỡng thai, gây trục trặc về sinh nở, về nuôi nấng con cái, dễ gây sảy thai, có thể bị tuyệt tự, tuổi thọ giảm sút nhiều..., trong trường hợp ông chồng trẻ chán ngán than phiền sự xui xẻo ở đoạn trên, là hưởng Tuyệt-mạng. Cách chữa về phong thủy để tổng xuất những ảnh hưởng độc hại hưởng này gây ra, và làm cho những tốt lành kết tụ lại được, là dùng những đặc tính của hướng Thiên-y về màu sắc, âm thanh, con số, ngũ hành tương khắc, vật dụng trang trí, bếp lò đặt đúng phương vị, và mặt lò day đúng hướng tốt, hướng đầu giường... Ta nên nhớ khi phạm hưởng Tuyệt-mạng, chỉ những đặc tính của hướng Thiên-y và sao Cụ-môn đóng tại cung này mới cứu nguy được. Khi phạm hưởng Ngũ-quĩ, phải nhớ đến Sinh-khí cứu giải; và những ưu điểm của Duyên-niên thừa khả năng để hóa giải những sự hung đó do hướng Lục-sát gây ra.

Tóm lại, nếu ta được hưởng những may lành tốt đẹp là nhờ ở những căn nhà hợp hướng tốt cho tuổi của ta, với sự bài trí phòng ốc, đồ đạc, màu sắc... đúng cách, trong khi những hưởng xấu lại không thể phát tác được những hung kỵ, độc hại. Trái lại, sự không hợp hướng nghĩa là những hưởng xấu được tụ do tác họa đối với tuổi gia chủ trong khi những hưởng tốt lại bị cấm cản, ngăn chặn, sẽ gây nhiều xui xẻo, bệnh họa, buồn phiền, lo lắng... cho gia đình chủ nhà. Trong trường hợp này cần biết cách triệt tiêu hoặc ít nhất cũng giảm thiểu được những sự xấu của hung phương và khai thác được sự tốt của hướng tốt, thì mới chuyển xấu sang tốt để đón nhận những cát tường, hi vọng. Đành rằng khoa Phong Thủy với những nét chính xác tinh vi, hiệu nghiệm tuyệt diệu, vẫn có tầm mức giới hạn, chẳng hạn như không thể làm cho một người ăn mày thành một bậc vương giả được, nhưng khoa này có thể làm cho ông ăn mày cũng như ông vua an vui, sung sướng, khỏe mạnh hơn trước nhiều lắm. Chính vì vậy mà khoa này rất thịnh hành ở

bên Đông phương, và bắt đầu phổ thông ở Tây bán cầu qua rất nhiều tài liệu, sách vở, tạp chí Anh, Pháp ngữ khá nổi tiếng do những nhà nghiên cứu, trí thức biên soạn, nên được dân chúng Tây phương tin theo. Vì họ rất thực tế nên đã cố gắng áp dụng những nguyên tắc phong-thủy căn bản tại nơi cư ngụ và nơi làm việc, với hy vọng sẽ tăng tốt, giảm xấu trong cuộc sống. Những người tin vào sự hiệu nghiệm của khoa Phong-Thủy, đều cẩn thận nhờ những chuyên gia phong-thủy có thực học thực tài thẩm định địa lý những bất động sản (tư thất hoặc cơ sở thương mại hoặc sản xuất kỹ nghệ) và áp dụng những biện pháp

sửa chữa địa lý, trước khi mua, dọn vào/khai trường nhà/cơ sở mới. Họ suy luận rằng với một tổn phí nhỏ nhoi cho dịch vụ phong-thủy so với số vốn liếng đầu tư rất lớn lao, họ sẽ có một bản thẩm định giá trị địa lý thực sự với những thuận lợi/bất thuận lợi của bất động sản, những đề nghị sửa chữa địa lý cần thiết hầu đón tốt, đuổi xấu mãi mãi về sau, để dễ đạt hững thịnh, an bình, tấn phát tài lộc. Biết áp dụng kiến thức khoa học một cách khôn ngoan, để cố gắng cải thiện đời sống vật chất, tinh thần, tình cảm, tâm linh, phải chăng là một trong những cái "biết" trong câu của người xưa, "Khôn cũng chết, dại cũng chết, chỉ có biết thì sống". ●



### Chữ Không Tuyệt Vời

*Thật giàu là chẳng có chi  
Còn ai lấy của so bì thú ngói ?*

*Tìm nơi không chỗ dựa ngồi  
Thì đâu sợ mất, sợ rời chõ che.*

*Khi nghe chẳng lấy tai nghe  
Để tâm thanh tịnh gạn bề vô  
minh.*

*Khi nhìn chẳng lấy mắt nhìn  
Nhận chân bản thể ẩn hình bên  
trong.*

*Không tham cũng chẳng cầu  
mong  
Thì còn vọng động, ngóng  
trông làm gì ?*

*Không màn chức tước, quyền uy  
Ngoài thì quên cảnh, trong thì  
quên thân.*

*Ung dung lạc đạo, an bản  
Không lo vinh nhục, chẳng cần  
hơn thua.*

*Riêng tư biết mấy cho vừa  
Nên không chắc mót của thừa rời  
rời.*

*Không lo còn mất ở đời  
Hễ đây thì đổ, hễ vơi thì còn.*

*Đá mòn nhưng nước chẳng mòn  
Nước luôn chảy xuống, nhún  
nhường tha nhân.*

*Tâm không hòa nhập pháp thân  
Đức sinh, huệ phát đúng chân tu  
rời.*

*Chữ không là chữ tuyệt vời  
Giúp ta thanh thân giữa đời  
phong ba.*

*An nhiên, tự tại mới là  
Cội nguồn hạnh phúc bao la cõi  
trần.*

● Quang Tuấn

# Tổng quát về thế kỷ XX và đôi dự đoán về thế kỷ XXI

**T**hế kỷ XX trôi qua, để lại một di sản khổng lồ vừa tạo tin tưởng vô hạn vào tương lai, đồng thời gây hãi hùng, hoang mang không ít cho ngày hôm nay.

Trong khuôn khổ bài báo, chỉ xin nêu ra một cách tổng quát những dữ kiện đã qua để cơ sở vào đây thủ "nhìn" diễn tiến của nhân sinh trong thế kỷ đầu của Thiên kỷ III. (Vì thiếu Tự điển tiếng Việt và cũng không thông thạo nhiều về Hán-Việt nên nơi đây có một số từ ngữ ngoại quốc, người viết tạm dịch sang tiếng Việt, xin bạn đọc bỏ khuyết và chỉ giáo, những từ không dịch được, xin để nguyên tiếng ngoại quốc).

## A. -TỔNG QUÁT VỀ THẾ KỶ XX

### 1) THẾ KỶ XX : THẾ KỶ BÀNH TRƯỚNG CỦA ÂU CHÂU VÀ SỰ XUẤT HIỆN MỘT SỐ CƯỜNG QUỐC MỚI- LIỆU CÓ THỂ CHIẾN VÀO THẾ KỶ XXI KHÔNG ?

Sau cuộc triển lãm quốc tế vào tháng 4/1900 tại Paris quy tụ 83.000 gian hàng xem như tổng kết thành tựu của thế kỷ 19, đặc biệt tại Cựu Lục địa này, sức mạnh bành trướng của Châu Âu lan tràn khắp thế giới. Trước tiên là làn sóng người đổ xô đến khắp nơi: Mỹ châu, Phi châu, Á Châu, ngoài những vùng thuộc địa mà các quốc gia Âu Châu đã chinh phục và thống trị trong hơn 25 năm cuối trong thế kỷ trước. Gia Nã Đại, Trung Mỹ, Nam Mỹ, Úc Châu, Á Châu (ngoại trừ Nhật Bản, Tây Tạng và một đôi nước theo Hồi Giáo ở vùng Cận Đông và Trung Á), Phi Châu, cả đến một số quốc gia hải đảo như Nouvelle Zélande, Nouvelle Calédonie,... nếu không là thuộc địa thì cũng nhận chịu ảnh hưởng văn hóa, văn minh Âu

Châu về mặt Kinh tế, Kỹ nghệ, Tài chánh và lối sống Tây phương. Với diện tích chỉ 7% địa cầu, có thể xem Âu Châu hoàn toàn ngự trị thế giới, tự hào về nền văn minh của mình và có "sứ mạng" truyền bá nền văn minh đó đến mọi dân tộc. Văn hào Rudyard Kipling nói đến "gánh nặng của người da trắng" (fardeau de l'homme blanc) tức ám chỉ sứ mạng đó của người Âu Châu. (Xem Cent ans de Souvenirs et d'Événements). Đây là nền Văn minh kỹ nghệ đang trên đà phát triển và nền Văn hóa Ky Tô giáo qua Giáo hội Thiên Chúa giáo Vatican và Giáo hội Tin Lành tại Anh được các nhà truyền giáo phần lớn là Pháp, Tây Ban Nha và Anh quốc truyền bá sâu rộng nhiều khi như "áp đặt" dựa vào sức mạnh chinh phục của các quốc gia này nhưng cũng kèm theo mục đích nhân đạo và bài trừ bệnh tật (Cent ans...).

Có thể xem từ 1900 đến đầu hậu bán thế kỷ XX là thời kỳ bành trướng mạnh mẽ của dạng "chiếm hữu thuộc địa" trên khắp thế giới do chủ trương của một số cường quốc Âu Châu cho mãi đến sau Thế chiến thứ 2 mới cáo chung, tuy còn rơi rớt ít nhiều tại đôi nơi.

Sau Thế chiến I, đôi quốc gia tiến lên hàng cường quốc, đặc biệt là Hoa Kỳ và Nhật Bản. Đứng vào hàng thủ tu trên thế giới về diện tích đất đai và dân số, sau Thế chiến I, Hoa Kỳ đã chiếm một vị thế lớn trên thế giới rồi sau Thế chiến II, trở thành "Quốc gia mạnh nhất của lịch sử" (la nation la plus puissante de l'histoire) theo lời Tổng Thống Truman. Với nguồn tài nguyên phong phú tại quốc nội và thu nhập từ bên ngoài, với nền kỹ nghệ qui mô và tân tiến, với sức phát triển khoa học và kỹ thuật cao độ, với nền Kỹ nghệ và thương mại bành trướng, với sức mạnh đồng đô-la chi phối hết mọi tiền tệ thế giới, Hoa Kỳ nghiêm nhiên trở thành "người cha hay mẹ nuôi" của mọi dân tộc, người "sen đầm quốc tế", người "chủ nhân ông" toàn địa cầu nhất là sau Thế chiến II khi các cường quốc Âu Châu trước đây trên đường phá sản vì chiến tranh và sau khi địch thủ đáng sợ là Liên Xô tan rã. Không chỉ về mặt Quân sự, Kinh tế, Chính trị, Tiền tệ, Khoa học kỹ thuật mà cả về mọi mặt khác: thực phẩm, y trang, các môn thể thao, âm nhạc, phim ảnh, ca vũ,... hầu hết mọi mặt biểu hiện Văn minh, Văn hóa tốt và xấu của thời đại đều được xuất hiện tại đây và được "xuất cảng" khắp cùng thế giới" (theo Bilan du XXème Siècle). Lối sống Hoa Kỳ thâm nhập vào hầu hết mọi giai tầng xã hội, đặc biệt là giới trẻ trên khắp địa cầu. Từ sau Thế chiến II, "bàn tay Hoa Kỳ" "sờ mó" khắp cùng thân thể địa cầu và bắt đầu "sờ mó" đến cả một số cầu thể khác trong không gian. Có thể nói, hiện nay, không một vấn đề nào khá rắc rối trên thế giới được giải quyết cách này cách nọ nếu không có sự can thiệp của Hoa Kỳ.

Sau Hoa Kỳ là Nhật Bản. Do chủ trương khôn khéo và thực tế, Minh Trị Thiên Hoàng đã đưa nước Nhật thoát khỏi nạn xâm lăng, đồ hộ hoặc chi phối của Tây phương trong thế kỷ trước khi chủ nghĩa thực dân đang trên đường bành trướng thuộc địa. Bắt đầu thế kỷ XX, nơi gương văn minh phương Tây, Nhật Bản xúc tiến việc canh tân xú sở với một tốc độ đáng sợ đưa dẫn đến chủ trương phát xít và quân phiệt gây nên cuộc chiến đẫm máu ở Thái Bình Dương tiếp tay với Đức Quốc Xã và



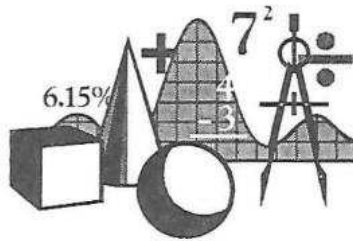
Phát-xít Ý ở Âu Châu. Sau thế chiến hai, bị Hoa Kỳ chiếm đóng (từ 1945 đến 1952), với sự tài trợ của Hoa Kỳ (do nhu cầu đường dầu với cuộc "chiến tranh lạnh" với Liên Xô), Nhật Bản hầu như hoàn toàn rập khuôn theo "mẫu mực" phương Tây về đủ mọi mặt: kinh tế, kỹ nghệ, khoa học, kỹ thuật và cả về nghệ thuật, cách sống. Do biết đoàn kết và với tinh thần kiên trì, sáng tạo, chẳng bao lâu, từ một nước tới tà, hoang tàn bởi chiến tranh, Nhật Bản phứt chốc tiến lên hàng cường quốc về kinh tế, kỹ nghệ có thể xem ngang ngửa với Hoa Kỳ và "sáng giá" hơn cả các cường quốc Âu Châu.

Trong hậu bán thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI, các quốc gia gọi là "cường quốc" (giàu mạnh về mọi mặt) là Hoa Kỳ, Nhật Bản, Đức, Anh, Pháp (ba nước đầu đàn của Cộng Đồng Âu Châu), Úc, Gia Nã Đại hợp thành khối "G7", gần đây thêm nước Nga thành G8, có thể nay mai thêm Trung Quốc (dù còn Cộng Sản hay không). Thế giới trong thế kỷ XXI nằm trong sự chi phối của các quốc gia đó nếu không có trường hợp nào ra ngoài dự liệu. Hoà bình hay chiến tranh thế giới là do các quốc gia đó. Chiến tranh thế giới sẽ không xảy ra dù trên bộ hay từ không trung giáng xuống trừ trường hợp nước Nga phục hồi mạnh mẽ về kinh tế lại lần xà vào mộng đồ bá chủ như Staline trước đây vì nền khoa học kỹ thuật của Nga, đặc biệt về mặt không gian hiện nay so ra không kém Hoa Kỳ bao nhiêu. Nhưng có thể -nếu không vì sĩ diện-Nga cũng sẽ gia nhập Cộng đồng Âu Châu và giữ một địa vị quan trọng nếu không là hàng đầu một khi nền kinh tế được phát triển. Có thể Nga cùng với những quốc gia trong C.E.I (Communauté des États indépendants = Cộng đồng những Quốc gia độc lập, sau sự tan rã của Liên Bang Cộng Hòa Xã Hội Sô-Viết) sẽ thành lập một khối mới nhưng chắc khó lòng vì những khác biệt về sắc tộc, tôn giáo, văn hóa,... nhất là khi Nga không đủ khả năng kinh tế để có thể cung ứng cho nhu cầu toàn khối. Cộng đồng Âu Châu nhất định không gây ra chiến tranh vì kinh nghiệm của hai cuộc thế chiến và kinh nghiệm về chủ nghĩa thực dân đã phải trải qua, hơn nữa phải lo xúc tiến hoàn thành khối Âu Châu đoàn kết. Hoa Kỳ sẽ không gây chiến tranh ngoài trường hợp phải đường dầu với chiến tranh và nhu cầu bảo vệ hòa bình thế giới. Chỉ còn Trung Quốc với thể chế Cộng Sản có thể là "châm ngòi" cho chiến tranh một khi không rời bỏ mộng đồ "thiên tử" để trở thành những Mao Trạch Đông, Staline hay Milosevitch hoặc những Hoàng đế thời Đường, Minh, Tống bắt buộc các lân bang phải thần phục vừa để bành trướng vừa để giải quyết nạn nhân mãn. Một số quốc gia khác như Do Thái, Iran, Irak, Ấn Độ, Pakistan không thể gây thế chiến được. Bao nhiêu điểm nóng trên thế giới hiện nay như "Do Thái-Palestine", Irlanđe, Trung Quốc-Đài Loan, Ấn Độ-Pakistan (vụ Cachemire), vụ Trường Sa Hoàng Sa, Nam và Bắc Triều Tiên, vụ Đông Timorre (ở Nam Dương), cả vụ tranh chấp Tôn Giáo (có thể dẫn đến chiến tranh Tôn giáo- đặc biệt giữa Hồi Giáo và Thiên Chúa giáo) sẽ được dàn xếp bởi sự can thiệp của quốc tế (khối G8) và Liên Hiệp Quốc. Có thể còn dây dưa những chiến tranh nhỏ về biên giới, về sắc tộc (minorités ethniques), về tôn giáo nhưng khối G8 sẽ ngăn chặn và aiài auvết để tránh đưa đến chiến tranh qui mô rộng lớn

(vụ chiến tranh vùng Vịnh và vụ Serbie-Kosovo là chứng minh). Nhìn chung, vì nhu cầu "ổn định địa cầu" để có thể ung dung hợp tác tiến vào kỷ nguyên không gian, nhân loại sẽ không còn gây ra chiến tranh tiêu diệt và hoà bình thế giới cùng những yêu cầu về Tự do, Dân chủ, Nhân đạo, Nhân quyền sẽ được phát triển.

## 2) THẾ KỶ XX : THẾ KỶ CỦA KHOA HỌC KỸ THUẬT VỚI NHỮNG PHÁT MINH VÀ SÁNG CHẾ TÂN KỶ:

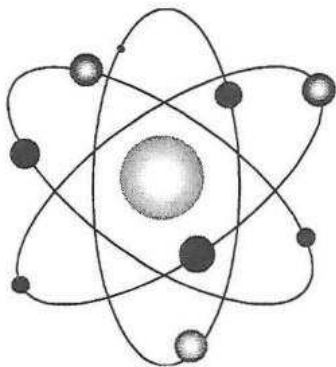
Nền khoa học thế kỷ XX làm đảo lộn phần lớn một số quan điểm hàng bao thế kỷ trước về vũ trụ và nhân sinh.



• **TOÁN HỌC**, vị "Hoàng hậu của các Khoa học" (la Reine des Sciences) tiến những bước khá dài mà chỉ những đầu óc siêu đẳng mới hiểu nổi. Ngoài 3 nhà toán

học nổi tiếng ở thế kỷ XIX là Frederich Gauss, Nicolas Lobachevsky và Riemann đã làm cuộc "Cách mạng" về nền hình học Euclide, bao nhiêu nhà toán học thế kỷ XX đã đưa toán học đến đỉnh cao chưa từng thấy: Georges Cantor với "Lý thuyết về những Tập hợp" (théorie des Ensembles), David Hilbert với "phương pháp Công lý hóa" (méthode axiomatique), Emmy Noether (nữ) với khoa "Tân Đại số" (Algèbre moderne), Benoit Mandelbrot với khoa "Hình học fractale" (Géométrie fractale, người viết chưa biết dịch sang Việt ngữ; fractale có nghĩa một tập hợp hình học của một vật thể mà các thành phần cấu tạo cùng một cấu trúc như toàn bộ nhưng ở những cấp độ khác nhau) và bao bao nữa. Toán học chi phối hầu hết mọi sinh hoạt xã hội từ việc kiểm phiếu bầu cử đến các tác vụ ngân hàng, từ việc xây cầu cống đến đường bay của phi cơ, từ những bộ phận nhỏ nhất nhất của xe cộ đến những mạch điện trong nhà,... từ Thiên văn học, Vật lý học, Hóa học, Sinh học, Y học, Nhiệt động học, Kỹ thuật truyền thông đến Nghiệp vụ Kinh tế, Thương mại, bảo hiểm và cả các trò chơi,... (xem Le Bilan du XXème siècle). Kỹ thuật càng cao lại cần đến Toán học ở mức độ cao. Toán học càng ngày càng có khuynh hướng tiến đến không còn dùng đến "chữ" (mots) để chỉ dùng những "dấu hiệu" (signes) và "biểu tượng" (symboles, Mathématiques des Symboles). Ngôn ngữ toán học càng lúc càng trở nên trừu tượng, dần dần chỉ có thể nhận ra bằng "ý niệm, khái niệm" (concept) hơn là bằng nhận thức theo Luận lý thường nghiệm. Tuy nhiên, người ta cũng nói đến những "giới hạn của Toán học". Nhà Toán học Kurt Godel cho thấy sự bất khả "duy thức hóa" hoàn toàn trong Toán học. (Le Bilan... trang 148) (Duy thức hóa=formalisation=sự việc dùng ký hiệu toán học để biểu thị một công lý (axiome), hầu chứng minh một tập hợp dữ kiện hay một tập hợp mệnh đề (énoncé) như một định lý, một đẳng thức). Năm 1931, nhà Toán học này "chứng minh rằng trong Toán học có những mệnh đề không thể

chứng minh được. Cũng thế, không thể chứng minh được tất cả bởi Toán học. Trí óc con người không thể nào hiểu được hết tổng thể vũ trụ" (xem Trịnh Xuân Thuận: La mélodie secrète, trang 339). Vì hầu như có những chân lý thường hằng, bất biến nào đó, những chân lý nằm trong một "Thế giới Ý niệm" (monde des Idées) của Platon mà Toán học cũng như mọi ngành Khoa học cổ công phát hiện ra nhưng không bao giờ đạt đến toàn vẹn, chung cục được. Nói theo nhà Toán học Anh Roger Penrose(1931): "Chân lý toán học nằm bên kia chủ trương công lý hóa thuần túy. Những khái niệm toán học vượt qua những tranh luận của bất kỳ nhà Toán học nào. Hầu như từ tưởng con người được hướng dẫn vươn tới một chân lý bên ngoài, một chân lý có một thực tại riêng mà chỉ từng phần nào đó được mặc khải cho mỗi người chúng ta" (xem Trịnh Xuân Thuận: Le Chaos et l'Harmonie, trang 420). Mặc dù thế, các nhà Toán học vẫn luôn đi tìm cái "thực tại riêng biệt", cái chân lý tối thượng đó để có thể "duy thức hóa" hoặc "công lý hóa" qua một biểu thức nào đó nói lên được những liên hệ khả thể bất biến giữa các vật thể với các "ý niệm" (concept) của con người nghĩa là giữa "thực tại" (réalité) bên ngoài với "trí óc" (esprit) con người.



● **LÝ THUYẾT TƯỢNG ĐỐI** - "giới hạn và tổng quát" hay "hẹp và rộng" [relativité restreinte (1905), relativité générale (1917)]- của Albert Einstein và **LÝ THUYẾT LƯỢNG TỬ** (théorie quantique) của Marx Planck mở rộng chân trời khám

phá cho trí óc con người. Cái "vô minh" của vũ trụ và của cuộc sống vạn hữu dần dần được đẩy lùi để con người không phải đến "rùng mình, thảng thốt" như lời Pascal trước đây về cái "vô hạn lớn" và "vô hạn nhỏ" nữa. Vũ trụ không còn giới hạn nơi Thái Dương hệ và giải Ngân hà (trong đó có Thái Dương hệ) như trước đây mà gồm cả 100 tỷ quần tinh (galaxies) đã được nhận ra, nhiều quần tinh gồm cả 100 tỷ tinh tú hoặc nhiều hơn như riêng giải Ngân hà đã đến 300 tỷ ngôi sao và đường kính đến 100.000 năm ánh sáng. Đã thế, các quần tinh còn hợp nhau thành những "tinh đoàn" (amas) với hàng trăm quần tinh hay nhiều hơn như "tinh đoàn" Chevelure de Bérénice có đến 1000 quần tinh. Các tinh đoàn lại còn hợp nhau thành những "siêu tinh đoàn" (superamas) như "siêu tinh đoàn" Hercule có 3 tinh đoàn với 3000 quần tinh và đường kính đến 15 triệu năm ánh sáng (La passion de connaître...). Rồi thuyết **BIG-BANG** (đại bùng nổ) nêu ra sự hình thành vũ trụ cách đây 15 tỷ năm do năng lượng dồn nén đến cùng độ, nổ tung ra tạo nên những đám "bụi mù", những tinh vân, tinh tú và từ các tinh tú, các vi tử xuất hiện dần dần qua thời gian kết hợp nhau tạo nên hết vật thể này đến vật thể nọ vô số từ vô

có đến hữu cơ. Với những khám phá về "tốc độ ánh sáng", về "Thủ nguyên 4 chiều" (continuum espace temps à quatre dimensions - Thủ nguyên, theo vật lý học, là tập hợp của nhiều yếu tố mà ta có thể đi từ yếu tố này sang yếu tố khác một cách liên tục), về "không gian cong" (espace courbe), về "ánh sáng vừa là hạt vừa là sóng",... thuyết của A.Einstein và bao Khoa-học-gia tiếp theo giúp tiến xa trong việc tìm hiểu vũ trụ. Khoa Thiên Thể Vật lý học nói đến sự "trường nở của vũ trụ" (univers en expansion) đồng thời đặt giả thuyết về sự "co rút của vũ trụ" (univers en contraction) khi sự "trường nở" kia ngưng lại để đến thời điểm nào đó nhiệt độ gia tăng đến mức độ khủng khiếp cả ngàn tỷ độ thì tất cả mọi sự mọi vật, cả quần tinh, tinh đoàn, cả nguyên tử, vi tử đều tan rã, đấy là thời điểm "Đại tan vỡ" (Big-Crunch) của vũ trụ để lại khởi đi trở lại như thuở ban đầu tức trở lại với thời điểm Zéro absolu để lại bắt đầu tạo nên một vũ trụ mới.

Với thuyết 'Cơ học lượng tử' (mécanique quantique), khoa học đi sâu vào cái "Vô hạn nhỏ" tìm ra những thành phần bé nhỏ nhất cấu tạo nên vật chất. Vật chất là thủ "Vi thể" (corpusculaire) được cấu tạo bởi những thành phần bé nhỏ gọi là "nguyên tử" (atome), nguyên tử lại do những vi thể khác kết hợp nên và cử thể, trên tiến trình nghiên cứu, khảo nghiệm, ngoài những "vi tử sơ đẳng" (particules élémentaires) đã biết trong thế kỷ trước là proton, électron, neutron, người ta tìm ra nhiều vi tử cực nhỏ hơn nữa (có thể gọi là vi-vi tử) từ cấu tạo của những vi tử sơ đẳng đã tìm thấy. Tự điển Vật lý của Mathieu, Kastler và Fleury năm 1985 đã liệt kê một số vi tử như sau: hadrons, mésons, photons, baryons, hypéron, nucléon, neutrinos, électrons, protons, neutrons (xem La passion de connaître, phần Univers). Dần dà sẽ có thêm những vi tử khác, càng cực tiểu hơn nữa và biết đâu sẽ đến lúc nhận ra một "vi tử tối hậu", một "vi tử mẹ của các vi tử", một "vi tử tự thân nội tại với nó", có thể nào là một thủ Monade phỏng theo Leibniz. Nhưng biết đâu cái "vi tử" đó cũng chỉ là một khái niệm chủ không có thực nghĩa là không có những tính chất vật lý (propriétés physiques) về cấu trúc, hình thể, trường độ, vị trí, chuyển động theo khoa học.

Đi sâu vào hai lãnh vực "cực đại" và "cực tiểu", Khoa học tìm ra **Bốn Lực Căn Bản** chi phối vũ trụ là "Lực Hấp dẫn" (force gravitationnelle, do Newton từ thế kỷ XVII), "Lực Điện từ" (force électromagnétique, do Maxwell từ 1873), "Lực Yếu" (force nucléaire faible) và "Lực mạnh" (force nucléaire forte). Vũ trụ (từ vi tử đến các tinh đoàn) biến đổi thế này thế nọ, gắn chặt (se coller) hay tan rã (se désintégrer) là qua trung gian của bốn lực đó {lực Yếu [còn gọi là "lực hạch nhân Fermi", tên nhà khoa học đã tìm ra thuyết "Phóng xạ Beta" (radioactivité bêta)] làm tan rã các vi tử tức một vi tử tan ra thành nhiều vi tử khác như vi tử Neutron biến đổi thành proton (vỏ điện tích dương) và électron (vỏ điện tích âm)}(xem La mélodie secrète và La passion de connaître). Từ bốn lực đó, người ta "hình dung" một thủ "Lực" duy nhất (force unique) nào đó đã chi phối bốn lực này. A. Einstein đã đề ra rất nhiều nghiên cứu về một "Trường thống nhất" (champ unifié) kết hợp "lực hấp dẫn" và "lực điện từ" vào một lý thuyết duy nhất nhưng chưa tìm ra. Công việc đó



gây hứng khởi cho các nhà Khoa học kế tiếp. Paul Davies nghĩ đến một "Siêu lực" (tạm dịch Super force) đã "tạo nên vũ trụ và cung cấp cho vũ trụ ánh sáng, năng lượng, vật chất và cấu trúc..." (xem La passion de connaître). Hiện nay, các nhà Vũ trụ học và Vật Lý học đang trên đường cố tìm ra một "Lý thuyết nhất thống toàn triệť" (théorie complète unifiée hay Grand Unified Theory, viết tắt là GUT) tức một "Lý thuyết toàn bộ" (tạm dịch Théorie du Tout) như Stéphan Hawkings và nhóm nghiên cứu của ông đang tiến hành (xem La mélodie secrète, La passion de connaître, Le Commencement du temps et fin de la physique). Một số đồng nhà Vật lý gần đây như F. David Peat, Ilya Prigorine trong nghiên cứu về thuyết "Nhiệt động học một chiều" (tạm dịch Thermodynamique irréversible) nghĩ đến những mô hình vũ trụ vượt qua những mô hình cổ điển để bao gồm cả "thế giới vô tri và thế giới hữu tình", những mô hình dự tưởng này không tuân theo "nguyên lý nhân-quả" (principe de causalité) mà tuân theo một "thực tại" nào đó cao hơn tinh thần và vật chất (dimension supérieure à l'esprit et la matière) mà mọi liên hệ không tuân theo luật nhân quả thường nghiệm. Người ta hình dung ra khái niệm "Đồng bộ" (tạm dịch Synchronicité = trường hợp xuất hiện đồng thời những hiện tượng đồng nhất) cho phép một "mô tả toàn bộ" (description holistique) về vũ trụ (xem Le Bilan du XXème Siècle). Bao nhiêu câu hỏi đặt ra, bao nhiêu vấn nạn được giải tỏa, bao nhiêu lý thuyết, bao nhiêu phương trình bổ túc, tương hệ nhau (như lý thuyết tương đối và lý thuyết lượng tử, phương trình bất định (équation d'incertitude) của Werner Heisenberg và nguyên lý "bổ túc tính hay bổ khuyết tính" (principe de complémentarité) của Niels Bohr và bao nhiêu khái niệm lý thuyết được nêu ra, đến cuối thế kỷ XX vẫn chưa giải quyết rõ ràng, cần để các câu hỏi: do đâu có bốn lực, do đâu có vi tử, do đâu có sự sống,... vũ trụ diễn tiến tử hỗn độn (chaos) đến trật tự hay ngược lại,... tóm lại câu hỏi vẫn tất, ngắn gọn của Leibniz: "Tại sao có cái này cái nọ mà không là không gì cả ?" (pourquoi y-a-t-il quelque chose plutôt que rien ?) chưa được trả lời dứt khoát. Khoa học dù mọi ngành trong thế kỷ XXI và tiếp theo sẽ giải đáp câu hỏi đó. Trên hành trình đó, khoa học càng lúc càng trở nên rắc rối, khó hiểu và trừu tượng và, theo người viết nghĩ, sẽ bắt gặp những điều Tôn giáo và Triết lý đã nói mà khoa học tuy không loại bỏ hẳn những không mấy cùng quan điểm hoặc nghi ngờ. Cái "Thực tại nhất thống toàn chân" (Réalité ultime), cái "Lực duy nhất" ( Force unique), cái "Siêu Lực" (Super force) nếu tìm ra được thì có thể cũng chỉ là một "Khái niệm", một "Ý niệm" hơn là một thủ "Vi thể" có thể nhận biết, quan sát, đo đạc được cấu trúc, vị trí, chuyển động, tốc độ dù bằng một công thức toán học trừu tượng đến đâu. "Sáng tạo" (Création) và "Tiến trình" (Processus), hai vấn đề liên quan đến "Tiến hóa luận" chưa được kết hợp theo một luận lý hợp lý. Khoa học chú ý đến Tiến trình, giải thích và chứng minh diễn tiến biến đổi của mọi sự, mọi vật chủ không nói đến Sáng Tạo trong lúc Tôn giáo lại xác quyết có một Đấng Sáng Tạo dù mệnh danh bằng danh xưng nào. Tuy nhiên, trên đường đi tìm cái "Lực duy nhất" đó, Khoa học mặc nhiên trên hành trình truy tầm cái "Nguồn gốc sinh

thành" vạn hữu. Cái "Nguồn gốc" đã "sáng tạo nên vũ trụ cùng mọi thủ hiện hữu, ngoài Tôn giáo ra, Hữu thể học Tây phương và Đạo học Đông phương đã nói (Être hay Thể hay Thượng Đế theo đôi Tôn giáo) hoặc một "Thế giới Ý niệm" sinh thành "Thế giới hiện tượng" này theo Platon nhưng không chứng minh được. Các nhà Toán học và Khoa học luôn nghĩ rằng không một sự kiện nào lại không thể chứng minh được nên họ không mấy quan tâm đến Thần học hoặc Siêu hình học. Do đó, Khoa học không dừng lại ở một khám phá nào cả mà luôn nêu ra nhiều giả thuyết khác, từ đó càng ngày càng thêm nhiều khám phá, nhiều lý thuyết mới, chẳng hạn nhà Thiên thể vật lý học người Pháp Laurent Nottale thuộc viện nghiên cứu Paris-Meudon, dựa theo môn "Hình học fractale" đưa ra biểu thức:  $T_n = T_c + (T_0 - T_c)g^{-n}$  xem như một qui luật toán học mô tả cuộc tiến hóa và có thể tiên đoán phần nào cuộc tiến hóa đó và dự đoán độ 800.000 năm nữa sẽ có một "thay đổi hình thể" (changement morphologique tức thay đổi cấu trúc) con người để này sinh một chủng loại mới (theo tạp chí Eurêka số 47 tháng 7/99) [người viết đã nói đến sự thay đổi này trong tác phẩm "Nhân loại mới: từ Nhất thể khởi nguyên đến Nhất thể hồi phục" khi đưa ra quan điểm: "Tiến hóa là diễn trình liên tiếp thay đổi "dạng tồn tại" (état d'être) từ thấp lên cao qua nhiều kỳ nguyên sinh hóa thuận hành theo dòng Sủ lịch" (vận hành của Lê Đạo = chemin de l'Être) chi phối dòng "Lịch sử tại thế" (chemin de l'histoire) để thăng hoa dạng tồn tại đứng tại sang dạng cao hơn với một môi trường sinh hoạt mới, một cấu trúc mới và sử dụng một năng lượng mới (năng lượng tự thân nơi con người) cho đến thời điểm "cái Khởi nguyên trở về trong cái Chung cực" lúc Sủ lịch và Lịch sử, "Thời thế" (temps de l'Être) và "Thời sử" (temps de l'histoire) hội nhập vào nhau]. Trong buổi truyền hình đêm 31/8/99 trên đài 5 (người viết không xem được trọn vẹn), nhà Khoa học Michio Kaku nói đến cái "champ des Cordes" xem là cái Lực duy nhất kết hợp và chi phối 4 Lực đã tìm ra, sẽ giải thích được tất cả mọi thủ ngay cả tình yêu (!). Cứ thế khoa học tiếp tục công trình của mình để truy tìm cho ra "Nguồn gốc vũ trụ, nguồn gốc con người, nguồn gốc sự sống", những vấn đề Tôn giáo, Đạo học nêu ra nhưng không chứng minh. Trên đường truy tìm ra "Nguồn gốc" đó, Vật Lý học lại cùng mục đích với toán học trong việc kết hợp những "Ý niệm" của trí óc con người với cái "Thực tại bên ngoài" tức thế giới hiện hữu bằng một biểu thức duy nhất nào đó.

● **VỀ HÓA HỌC, SINH HỌC, Y HỌC** cũng nhiều



bước tiến chưa từng thấy. Hóa học, môn học nghiên cứu sự cấu tạo, tính chất và tương tác giữa các vật thể, cho phép mô tả và biến đổi khá nhiều vật liệu cùng những biến đổi của Tự nhiên (décrire et modifier de nombreux matériaux et processus de la Nature - xem Bilan...). Những chất liệu tổng hợp

được chế tạo và được dùng trong cuộc sống thường ngày. Năm 1907, chất "nhựa tổng hợp" (résine synthétique) đầu tiên gọi là Bakélite do nhà hóa học người Bỉ Léon Baekeland thực hiện; năm 1922, nhà hóa học Đức Hermann Staudinger nghiên cứu mù cao-su, mở đầu cho kỹ nghệ plastique và tơ sợi tổng hợp (fibres synthétiques). Nghiên cứu về sự "xúc tác" (catalyse = sự thay đổi vận tốc của phản ứng hóa học bởi những chất liệu -chất xúc tác- mà những chất liệu vẫn nguyên vẹn sau phản ứng) đưa đến việc tìm hiểu những biến đổi của các thể khí, thể lỏng và thể đặc. Nền "hóa học về phân hóa tố" (chimie des enzymes), sự phân tích và phát triển những vitamines và những "kích thích tố" (hormones) cùng sự tìm ra những virus và những chất "kháng sinh" (antibiotiques) mở đầu cho nền hóa học về di truyền (chimie génétique). Biết bao phát kiến về lãnh vực hóa học được áp dụng ngay vào kỹ thuật và vào kinh tế. Hóa học liên quan đến nhiều bộ môn khoa học khác, đặc biệt là "Sinh hóa học" (biochimie) trong hóa học về phân tử (chimie moléculaire), Vật lý hóa học (physicochimie) trong việc khai thác năng lượng hạch nhân (énergie nucléaire) qua nghiên cứu những nguyên tố transuraniens {transuraniens: những nguyên tố mà số nguyên tử (numéro atomique) cao hơn số nguyên tử của uranium, thực hiện được trong những động cơ phản ứng nguyên tử (như plutonium, neptunium, amériçium,...)}.

Những thành tựu về Sinh Học (Biologie) đem lại rất nhiều khả năng trong chữa bệnh, chế thuốc và sản xuất thực phẩm nhưng lại đặt ra nhiều vấn đề về bản chất và giá trị con người. Thành công lớn nhất của Sinh học là khoa "Di Truyền Học" (la Génétique) với việc tìm ra "Năng Tính Di Truyền" hay "Năng Thần Di Truyền" (tạm dịch Le Génie génétique) và "Tín Hiệu Di Truyền" (hoặc "Mật hiệu di truyền" tạm dịch Code génétique). Bắt nguồn từ những "qui luật" của nhà Bác học Áo Mendel khám phá năm 1865, các nhà Sinh vật học thế kỷ XX tiến xa trong việc nghiên cứu về cấu tạo, cấu trúc và chức năng tế bào, từ đó tìm ra những "Nhiễm sắc thể" (chromosomes, mỗi tế bào có 46 nhiễm sắc thể: 23 của cha (nơi tinh trùng) và 23 của mẹ (nơi noãn sào), cả 46 nhiễm sắc thể gọi chung là Génome), công trình của nhà sinh vật Mỹ Thomas Hunt Morgan năm 1920, trong thập niên 1930, người ta tìm ra hai loại Acide nucléiques ADN (tiếng Anh thường dùng ADN = Acide Déoxyribonucléiques) và ARN (Acide RiboNucléique), hai thành phần quan trọng trong vấn đề di truyền; năm 1940, nhà Sinh học Mỹ Oswald Avery chứng minh các "phân tử di truyền" (gène) được cấu tạo bởi acides nucléiques; năm 1953, ba nhà bác học J. Watson (Mỹ), F. Crick (Anh) và M. Wilkins (Anh) khám phá cấu trúc của ADN (phân tử mang tính di truyền); năm 1952, ba nhà khoa học J. Dausset (Pháp), B. Benacerraf (Mỹ) và G. Snell (Mỹ) tìm ra hệ thống HLA (Système HLA = Hystocompatibilité Leucocytes et Antigènes, tiếng Anh là Human Leucocytes Antigens tức là những "kháng sinh thể" (antigènes) của Bạch cầu (Leucocytes) nơi con người); năm 1960, ba nhà bác học Pháp F. Jacob, A. Lwoff và J. Monod tìm ra những "cơ cấu điều chỉnh trong

các tổng hợp Protéines" (mécanismes de régulation dans la synthèse des protéines) (xem La passion...).

Những khám phá đó đưa đến xác định "Năng tính di truyền" được thực hiện qua "Tín hiệu di truyền" nơi sinh vật. "Năng tính di truyền" (le génie génétique) có thể hiểu là "tất cả các năng lực, tất cả các chức năng của tế bào đều được thông báo trước bởi những "phân tử di truyền" nơi những "nhiễm sắc thể" (toutes les facultés, toutes les fonctions d'une cellule sont dictées par les gènes de ses chromosomes - xem Bilan..). "Năng tính di truyền" (hay ví "Thần năng di truyền") cho phép ta "tái chương trình hóa" một tế bào để sản sinh ra một vật liệu ta mong muốn hoặc để hoàn thành một chức năng nào khác (le génie génétique, né vers 1972, permet de reprogrammer une cellule pour lui faire fabriquer un produit désiré ou pour accomplir une fonction différente- La Passion..., trang 243). "Tín hiệu di truyền" theo một định nghĩa của Joel de Rosnay là: "Tín hiệu di truyền dùng tập hợp các thành phần căn bản cơ sở của sinh vật (les protéines, tiếng Tàu dịch là Đản bạch tinh) và kiểm soát những phản ứng cơ sở của sự sống" (Information héréditaire servant à l'assemblage des constituants fondamentaux de base des êtres vivants (les protéines) et au contrôle des réactions de base de la vie- xem La passion...) . Ba lãnh vực ứng dụng của "Năng tính di truyền" là: "sự thắp đặt (implantation) một vật thể ngoại lai vào từng tế bào nhằm mục đích tạo ra những protéine phức tạp (protéines complexes), sự "tẩy bỏ" (gommage) những khuyết điểm di truyền (défauts génétique) bằng các phương pháp đột biến (mutation), sự chữa trị những khuyết điểm di truyền nơi những tế bào của phôi thai (embryon) ít lâu sau khi thụ thai và sự cấy lại (réimplantation) phôi thai nơi tử cung (utérus) (xem Bilan...)). Những thành tựu này mở ra Khoa "Giải phẫu di truyền học" (chirurgie génétique) và giúp cho Y học, Dược học phát triển cũng như trong việc sản xuất những thực phẩm qua một số loại ngũ cốc và thịt được gọi là "OGM" (organismes génétiquement modifiés). Nhiều kỹ thuật chế tạo các "thuốc chủng" (vaccin) để chữa và ngừa một số bệnh truyền nhiễm như bệnh "sốt rét vàng", dịch hạch, phung hủi, bệnh về gan (hépatite) (xem Bilan...)). Những bệnh xem là khó chữa trị nhất như Ung thư, Aid (Sida) cũng dần dần bị chế ngự do nghiên cứu chế tạo nhiều thuốc mới. Môn "Hóa học liệu pháp" (chimiothérapie) trở nên dễ dàng và kiến hiệu hơn, ngoài những vật liệu lấy từ súc vật (heo, cừu, bò con), người ta có thể dùng những chất liệu của cơ thể (lấy các bộ phận của những người sắp chết tặng hiến thay cho bộ phận của người bệnh). Ngoài chế tạo những thuốc men và biện pháp phòng ngừa (kích thích tố, kháng sinh thể, thuốc chủng, huyết nhân tạo,...), "Năng tính di truyền" với hệ thống HLA còn hướng đến việc loại bỏ được những khuyết điểm của các phân tử di truyền tức những mầm mống của những căn bệnh di truyền (maladies héréditaires) ngay nơi phôi thai. Áp dụng vào kỹ nghệ, người ta thực hiện khoa "lai tạo vô tính" (clonage) tức "đúc nguyên trạng" một con vật từ một tế bào của cha mẹ nó bằng cách cấy DNA vào phôi thai như nhà Di truyền học Anh Wilmot năm 1997 đã lấy tế bào của con



trừ trắng cấy vào noãn sào con trừ đen cho nó mang thai và sau năm tháng sinh ra nàng trừ trắng Dolly. Tiếp theo, người ta "lai tạo" một con khỉ nâu và nhiều nhà Khoa học khác nghĩ đến cách "lai tạo vô tính" cho con người. Rồi những kỹ thuật "sinh sản ngoài tử cung" (fécondation extra-utérine) tạo nên những "bébé éprouvette", những "bà mẹ mang thai hộ" (mère porteuse) để từ đó nảy sinh việc lưu giữ và bán buôn tinh trùng cho những người hiếm muộn hay vì khuyết điểm nào của cơ thể không thể sinh con. Người ta cũng nghĩ đến việc tạo nên những "thiên tài" (bébé Einstein) về những mặt nào đấy (thể thao, nghệ thuật, khoa học...) do việc chọn lựa tinh dịch (sperme) thích hợp với ý muốn. "Năng thần di truyền" và "Tín hiệu di truyền" ngoài việc tạo nên nhiều lưỡng thực (áp dụng vào cây cối, súc vật) còn đẩy đưa ý muốn và óc tưởng tượng con người đi xa hơn với kỹ thuật "sinh sản vô tính" (reproduction asexuée) và "bơm ký ức vào người con hay kẻ nào khác" (để người đó sống trong trạng thái *coma* nghĩa là không có trí nhớ nào cả rồi dùng phương pháp truyền hết trí nhớ mình vào người đó, như vậy là tiếp tục sống trong thân thể người con hay kẻ đã được truyền trí nhớ - theo báo Dân Chủ (Demokratin) của Cộng đồng người Việt Tự Do tại Thụy Điển, số 1 tháng 10/97). Với kỹ thuật "clonage vô tính" và "bơm trí nhớ" trên, người ta nghĩ rằng con người sẽ "trưởng sinh bất tử và có thể phân thân sống khắp nơi trên thế giới" (trích tạp chí Demokratin nói trên) nghĩa là có thể tạo nên một thứ "Nhân loại nhân tạo" (Humanité artificielle) biết đâu sẽ thay thế cho cái "Nhân loại Sinh vật lý tự nhiên". Dĩ nhiên, đây còn là "tưởng tượng" nhưng không phải là điều "ngông cuồng" nói một số nhà Khoa học. Những khám phá và kỹ thuật trên đặt ra rất nhiều rối rắm về mặt đạo đức, pháp lý và quan hệ xã hội. Giáo hội Vatican cùng nhiều quốc gia chống và cấm chỉ việc thực hiện Clonage vô tính nói con người. Những thực phẩm thực hiện theo cấy tế bào ADN vào ngũ cốc như bắp, đậu nành... (gọi chung là plantes transgéniques) cũng như thịt bò mang nhiều kích thích tố cũng bị một số quốc gia hạn chế, chưa cho vào sản xuất. Vụ "thịt bò" Mỹ bị khối Âu Châu không cho hoặc hạn chế nhập cảng đã gây nên "cuộc chiến thịt bò" giữa hai bên và Hoa Kỳ đã có những biện pháp trả đũa đối với hàng hóa nhập cảng từ Âu Châu. Những phương pháp và kỹ thuật vận dụng tính cách di truyền (manipulations génétiques) vào cuộc sống con người gây bàng hoàng, lo sợ vì có thể đem lại những lợi ích to lớn cho con người nhưng đồng thời cũng có thể đưa đến tàn phá, hủy hoại con người. Bác sĩ và nhà Di truyền học Pháp Jean Dausset, Nobel 1980, trước những khám phá của Sinh học, đã viết: "Những nhà Sinh vật học cũng như những nhà Vật lý học trong thập niên 40-50 đang đứng trước một vấn đề trầm trọng của lương tâm. Họ nên tiếp tục mọi nghiên cứu bất chấp mọi hậu quả hay phải tự đặt ra một giới hạn nào đó hoặc ít ra họ nên dành ít thì giờ suy nghĩ lại". Bởi vì sự việc can thiệp, động chạm đến bản chất kín nhiệm của con người có thể đưa đến việc tạo con người thành những thú siêu quý (super-monstres) hay một loại người ti tiện, hạ đẳng (sous-hommes)". "Sinh sản vô tính" áp dụng vào con người loại bỏ một số

mạng cao quý của phụ nữ, đây là tình "mẫu tử", biến người đàn bà thành công cụ của tình dục, không còn nhiệm vụ sinh sản và giáo dục, chăm sóc con cái. Ngày nay, bất cứ hoạt động nào cũng phải "mau": đi mau, nói mau, ăn mau (fast food), làm mau (fast work)... Tình cảm cũng phải "mau", trai gái chiếm hữu xác thân của nhau thật mau để rồi tan rã tình cảm cũng mau; ngay cả việc "làm tình" giữa vợ chồng hay cả với gái điếm cũng phải "mau"! Việc chế tạo những xe hơi, xe lửa, phi cơ, tàu bè với vận tốc càng lúc càng nhanh, việc phát minh và chế tạo ra "điện thoại cầm tay", máy điện toán và Internet đã phục vụ hữu hiệu cho cái "mau" đó.

Một ngành cũng nằm trong sinh học là Khoa thần kinh học (Neurologie), nghiên cứu, tìm hiểu về "bộ óc" sinh vật và con người. Nghiên cứu về hoạt động của não bộ qua các tế bào thần kinh (neurones) và hệ thống thần kinh (système nerveux), người ta tìm ra những chức năng và ứng dụng của bộ óc, đại để có thể lược kể như sau:

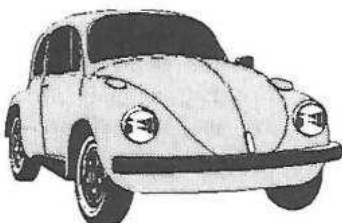
- 1) Điều khiển và phối trí các hoạt động của tế bào thần kinh lúc tiếp nhận các cảm giác và tri giác;
- 2) Lưu trữ và thực hiện những chương trình hành động;
- 3) Xây dựng những biểu tượng về thế giới (représentation du monde) theo tri giác;
- 4) Ghi nhận, sắp xếp và liên kết mọi dữ kiện và phong phú hóa bằng những kinh nghiệm đã tích lũy;
- 5) Hình thành và tưởng tượng ra những chương trình hành động (xem La Passion...).

Dĩ nhiên, bộ óc nói chung còn nhiều khả năng khác, từ việc phản ứng bằng "phản xạ" đến việc tiếp thu, tạo tác kiến thức (connaissance), ý thức (conscience), tình cảm, tư tưởng... để hiểu biết, sáng chế, phát minh, tổ chức cuộc sống cá nhân và cộng đồng về mọi mặt. Nghiên cứu về bộ óc, người ta so sánh "luồng thần kinh" (influx nerveux) với "dòng điện" (courant électrique) và hình dung máy điện toán cũng gần giống như một "bộ óc" với những khả năng: "tính toán thật nhanh; lưu trữ thật nhiều dữ kiện, tín hiệu; thực hiện những quyết định hợp lý" (calculer à très grande vitesse, stocker des quantités d'informations, prendre des décisions logiques - xem La Passion...). Ba khả năng đó càng nhiều và càng nhanh thì hiệu dụng của máy càng lớn. Từ nhận thấy cách thức truyền nhận tín hiệu điện hóa (electrochemic) của các neurone (tế bào thần kinh) gần giống với cách thức của các mạch logic điện tử, người ta chế tạo ra những "hệ thần kinh nhân tạo" và chế tạo "phần mềm" của máy điện toán và qua các "mạch vi điện tử", tiến đến việc chế tạo bộ não silicon mô phỏng bộ óc con người. Từ đó, nhiều nhà khoa học nghĩ đến tạo ra một thứ "trí tuệ nhân tạo" (intelligence artificielle, arti-lect) qua những "cơ nhân tự động" (automates) nghĩa là những "con người máy" với một "bộ óc nhân tạo" gồm hàng tỷ tế bào thần kinh, có thể tự xoay sở trong những trường hợp nào đó không cần đến sự can thiệp của con người (xem Sciences et Vie, số 968 tháng 5/98). Liệu công trình này (đang được Tiến sĩ Hugo de Garis, Viện Đại học Kyoto cùng một số Khoa học gia quốc tế hy vọng thực hiện vào năm 2010) thành tựu chăng? Có thể trên một số phương diện nào đó những "cơ nhân tự động" này vượt hẳn khả

năng con người trong việc học hỏi, tính toán và trí nhớ. Dần dần kỹ thuật điện toán càng lúc càng tinh vi tiến đến chế tạo những sản phẩm có thể "sáng tạo" nên những thứ không cần đến "năng khiếu" và trí thông minh con người như những công trình nghệ thuật (thơ, ca, nhạc, họa, chơi cờ...) cũng như những khả năng khác (thích nghi với môi trường, ứng phó, xoay xở trong từng hoàn cảnh, khám phá, tiên liệu...). Trong phần tử cuối của thế kỷ XX, Điện toán được ứng dụng trong hầu hết mọi sinh hoạt từ sáng tác, in ấn, ngân hàng, dịch vụ kinh tế, thường mại, y học, trò chơi... đến chiến tranh và còn nhiều nữa trong nay mai. Công dụng của Điện toán và "bộ óc nhân tạo" (cerveau artificiel) sẽ rất vô cùng lớn lao, có thể thay thế hẳn bộ óc con người trong học hỏi, suy tư, tìm tòi, khám phá, sáng tạo, biết đâu cả về mặt tình cảm. Và, biết đâu, theo người viết nghĩ, kỹ thuật điện toán sẽ có thể "biến đổi" cả không gian, thời gian bằng cách tạo nên những "không gian ảo" (espace virtuel), "thời gian ảo" (temps virtuel) nghĩa là tạo nên một "thế giới ảo" (monde virtuel) "ru" con người sống trong một "thực tại ảo" (réalité virtuelle) để luôn luôn bàng hoàng, thảng thốt, bán loạn vì thấy "minh không còn là mình nữa", thấy mình "thừa thãi, vô dụng", thấy mình và cuộc sống của mình chỉ là "trò chơi" của kỹ thuật điện toán. Liệu có như thế chăng? Có thể lắm vì các nhà khoa học, kỹ thuật luôn luôn đi theo cái "logic khoa học" trong tìm tòi, khám phá, phát minh, chế tạo. Đến lúc đó, liệu các thứ được xem là cao quý, thiêng liêng, cần thiết cho con người: nhân bản, nhân quyền, tự do, bình đẳng, bác ái cùng các lãnh vực Tôn giáo, Triết lý, Chính trị, Nghệ thuật... nào có còn quan trọng và cần thiết nữa đâu. Người ta đã hình dung ra một "chế độ kỹ trị" trong đó các chuyên gia kỹ thuật là "chủ nhân ông" và "kỹ thuật" sẽ biến thành một thứ "bạo lực" khủng khiếp mà con người không thể nào thoát ra ngoài vòng 'bủa vây' của nó .

### 3) THẾ KỶ XX : THẾ KỶ CỦA KỸ NGHỆ VÀ KỸ THUẬT:

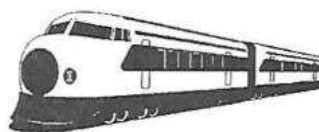
(phần lớn những điều trong phần (3) này được rút ra từ quyển "Le Bilan du XXème siècle"). Có thể nói hầu hết mọi nhu cầu của con người về mọi mặt: ăn uống, ở mặc, đi lại, du hí, truyền thông, chữa bệnh, học hỏi v.v... đều được "thỏa mãn" phần lớn do kỹ nghệ với những kỹ thuật chế tác càng lúc càng tinh vi thích hợp với từng lớp tuổi, từng địa phương từ cuộc sống gia đình đến xã hội nhằm đem lại cho con người bốn tiết kiệm: tiết kiệm không gian, thời gian, công sức, tiền nong đồng thời đem lại nhiều tiện nghi, nhiều khoái cảm và nhiều sở thích trong cuộc sống. Không thể kể hết, chỉ xin đề cập đến đôi phương diện:



Trước tiên về mặt lưu thông và truyền thông :

● **KỸ NGHỆ XE HƠI** phát triển khá nhanh khi Henry Ford năm 1913

đưa ra hệ thống sản xuất dây chuyền rồi từ 1963, các "người máy kỹ nghệ" (robots industriels) được đưa vào sản xuất, tiếp theo là những "người máy tự động đa năng" (robots autonomes multiservices) ngày nay, kỹ nghệ xe hơi tạo công ăn việc làm cho hàng triệu người (hãng sản xuất xe và phụ tùng, ga-ra sửa chữa, trường dạy lái và nhân viên các hãng bảo hiểm, ngân hàng...). Xe hơi trở thành phương tiện không thể thiếu tại các nước tiên tiến trong nhu cầu đi làm, đi học, đi chợ, du lịch và vận chuyển hàng hóa cùng mọi dịch vụ giao thương, đồ đồng mỗi gia đình ít ra một chiếc xe hơi các nước này. Người ta ước tính trên 500 triệu xe lưu thông hàng ngày trên thế giới, tại Paris, ước chừng hơn 2 triệu rưỡi xe di chuyển mỗi ngày và trên các xa lộ từ 3000 đến 6000 xe mỗi giờ tùy theo mùa. Sự gia tăng nhanh chóng xe cộ gây ra nhiều nguy hại: sự ô nhiễm không khí ảnh hưởng đến cây rừng, tại các thành phố lớn luôn đến mức báo động. Hệ thống đường sá và những bãi đậu xe luôn được kiến thiết vẫn không thể thỏa mãn với số lượng xe cộ lưu thông. Nhất là tai nạn xe cộ, sự ứ đọng xe cộ nhiều khi cả hàng chục cây số, số người chết và bị thương tăng mãi, hầu như mỗi năm trên thế giới hàng 400.000 người chết và 12 triệu người bị thương, thêm vào đó là tiếng động. Để giảm thiểu những tai hại trên, người ta hạn chế bớt lưu thông xe cộ (khuyến khích đi xe đạp), giới hạn tốc lực (ngoại trừ tại Đức), kiểm soát kỹ thuật, sử dụng năng lượng ít ô nhiễm hơn, ngăn ngừa tình trạng ngủ quên, say rượu và tìm mọi phương cách an toàn như "dây an toàn", cấm xe hạng nặng chạy ban đêm, giảm bớt tiếng động... Ngoài xe vận tải và các loại thường dùng, còn những loại xe hạng sang như Rolls-Royce, Bentley, các loại xe thể thao như Porsche, Jaguar, Lotus, Ferrari..., lại còn những giải đua xe (Formulin) hàng năm khá nguy hiểm. Người ta đang sản xuất xe chạy bằng điện với giá rẻ (xe hơi điện đã có từ 1899 với chiếc Malçontenta (la Jamais contente = cái không bao giờ bằng lòng) do người Bỉ Camille Janatzy lái, vận tốc 100km/h) và nay mai có thể chạy bằng Hydrogène hoặc năng lượng mặt trời.

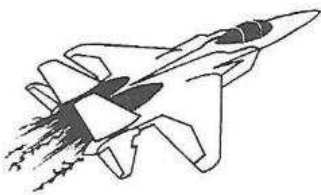


● **XE LỬA** , phương tiện vận tải lớn cũng phát triển không ngừng . Từ 1907 xuất hiện những đầu máy kéo bằng hơi nước rồi

1912 bằng diesel-électrique; năm 1963, chiếc Shinkansen của Nhật với vận tốc 210km/h, năm 1916, chiếc Transsibérien nối liền Mạc-Tử-Khoa với Hải-Sâm-Uy (Vladivostok) qua 97 nhà ga suốt quãng đường dài 9438km trong 8 ngày 4 giờ và 25 phút. Ngày nay, những TGV (train à grande vitesse của Pháp), ICE (Inter City Express của Đức) càng lúc càng đạt vận tốc càng lớn (chiếc ICE năm 1991 trung bình 280km/h, đạt kỷ lục thế giới 409,9KM/h năm 1988; chiếc TGV trung bình 300km/h năm 1992, đạt kỷ lục quốc tế 515,3km/h năm 1991). Xe lửa chuyên chở số lượng lớn đủ mọi thứ hàng hóa, vật liệu và hành khách. Tại Paris, vào mùa nghỉ hè, có tuần đến gần 3 triệu khách du lịch chờ chực tại các nhà ga. Hệ thống đường rầy xe lửa hiện nay trên thế giới



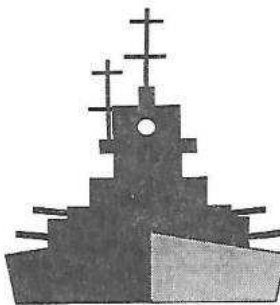
uốc chừng 1.300.000 km. Tuy nhiên, xe lửa cũng gặp nhiều khó khăn như gây tiếng động và làm dờn đổi không khí, thêm vào đó sự tu bổ, sửa chữa và đòi hỏi vật liệu quá nhiều tốn phí nên luôn cần sự trợ cấp của nhà nước hoặc phải giảm thiểu nhân viên.



● **MÁY BAY** (từ Avion do Clément Ader người Pháp đặt ra từ 1890) trong thế kỷ XX trở thành kỹ nghệ cạnh tranh với Xe Lửa do vận tốc nhanh và xuyên được các đại dương.

Chuyến bay đầu tiên do Orville và Wilbur Wright (Mỹ) thực hiện năm 1903, năm 1909, Louis Blériot (Pháp) bay qua biển Manche, từ 1911, máy bay quân sự được sử dụng đầu tiên bởi người Ý trong công cuộc thực dân hóa xứ Lybie. Sự phát triển hàng không (aéronautique) tối tân ngày nay bắt đầu với Hugo Junkers (Đức) năm 1915 sử dụng đầu tiên chiếc máy bay hoàn toàn bằng kim loại. Rồi những kỹ thuật mới giúp chế tạo những máy bay tối tân cả về hàng không dân sự và quân sự càng lúc càng đạt được vận tốc càng nhanh và độ cao càng lớn cũng như không cần phải ghé từng trạm để lấy nhiên liệu. Năm 1927, người Mỹ Charles Lindbergh nối liền Paris - New York trong 33,30 giờ bay thẳng không lấy nhiên liệu, máy bay phân lực đầu tiên là chiếc Heinkel He-178 (He-178) bay với vận tốc 700km/h, Boeing 707 với 850km/h nối liền Paris - New York trong 8 giờ năm 1958, cũng thế, chiếc Concorde năm 1969 trong 3giờ 55 với vận tốc 2200km/h, chiếc Air bus trung bình 896 km/h trong 7 giờ năm 1980 (có thể bay thẳng 14.000 km không ghé trạm như "Air Bus 340") và những chiếc Hypersonique (máy bay siêu thanh) nay mai có thể 5500km/h với 2,5 giờ bay. Từ 1937 xuất hiện loại "trực thăng" với chiếc đầu tiên "Focke-Wulf FW-61 V1" của Đức. Kỹ nghệ máy bay luôn luôn cạnh tranh nhau về vận tốc (từ 40km/h năm 1903 (với O và W. Wright) đến 1 rồi 2 và có thể 5 mach (Mach = tốc độ âm thanh trung bình 331m/s trong không khí ở 0 độ C), về độ cao (loại siêu thanh mở đầu cho kỷ nguyên vào không gian (ère spatiale) với chiếc X-15 với độ cao 107.960m và 7.297km/h vào những năm 1961-1967, từ 1986, máy bay Siêu thanh với tầm hoạt động xa (Hypersonique à long rayon d'action = AGV = Avion à Grande Vitesse) như chiếc Hotol của Anh có thể bay cao 300km với tốc độ 28.000km/h) về số lượng chuyên chở (chiếc Jumbo-Jet (Boeing 747) chở 500 hành khách, nay mai với hai tầng như Boeing hoặc hai buồng (cabine) song song như Air-Bus, có thể chở 1.000 khách trên những chuyến bay đường dài) và về an toàn cũng như tạo thích thú cho hành khách (ghế ngồi, trò chơi, video, phim ảnh, ăn ngon, chiêu đãi viên (bắt đầu có từ 1930 trên chuyến bay San Francisco - Chicago) duyên dáng, lịch sự...). Về quân sự, càng lúc càng xuất hiện những phi cơ tối tân: loại chiến đấu nhanh, xạ kích hữu hiệu, chính xác (như Mirage, Rafale...), loại thám thính, quay phim, chụp hình chiến trận, loại thả bom hàng loạt (như B.52), loại "tàng hình" (tránh được kiểm soát của radar), có thể tiếp nhiên liệu trên không... Kỹ nghệ máy bay cũng gặp

nhiều khó khăn như gây quá nhiều tiếng động (đánh thuế nặng hay cấm đậu ở một số sân bay, cấm cất cánh về đêm những máy bay quá "ồn" để dân chúng khỏi phản đối), tốn quá nhiều nhiên liệu, gây ô nhiễm không khí và nhất là đòi hỏi quá nhiều tài chính trong chế tạo và cạnh tranh (vì thế các hãng chế tạo có khuynh hướng sát nhập nhau). Máy bay cũng dễ gây tai nạn do trục trặc kỹ thuật, do khủng bố hoặc do thời tiết.



● **VỀ TÀU** bè so với các thế kỷ trước đã tiến rất xa. Những tàu bằng gỗ và cánh buồm chỉ còn tại đôi quốc gia chưa mấy phát triển kỹ nghệ hoặc còn dùng trong du lịch giải trí, còn tất cả đều dùng sắt và thép. Từ đầu thế kỷ XX, các máy hơi nước nhường chỗ cho động cơ Diesel và những

Turbines hơi nước, than đá được thay thế bằng dầu mazout. Những "động cơ phản ứng nguyên tử" (réacteurs nucléaires) từ 1954, những "turbines gaz" từ 1970 được sử dụng riêng cho các tàu quân sự vì giá quá đắt. Để tăng tốc độ, tránh được sức cản của nước, những hydroptères (tàu có cánh hai bên) vượt quá 100km/h (60 gút = noeud, mille maritime = 1852m), những aéroglisseurs (hovercrafts = tàu có lớp nệm không khí (coussin d'air) phía dưới) với vận tốc 140 km/h (80 gút) bay là trên mặt nước khoản vài phân. Rồi những tàu hàng lớn (paquebot, cargo) xuất hiện với 20.000 tấn "dung lượng nguyên" (jauge brute, viết tắt tjb) năm 1901, rồi 80.000 tjb năm 1932, các tàu dầu (pétrolier) đến cả 560.000 tjb từ năm 1980. Các tàu buôn hạng lớn này chuyên chở hàng hóa nhất là dầu thô, dầu mỏ, than đá, các loại ngũ cốc. Về mặt quân sự, các loại tàu chiến đấu, tiếp tế, tàu ngầm, hàng không mẫu hạm và gần đây những tàu ngầm nguyên tử như chiếc Nautilus (khánh thành năm 1954, Nautilus, tàu ngầm nguyên tử đầu tiên thuộc Hải quân Hoa Kỳ, vận tốc 21 gút, tầm hoạt động 41.000 hải lý (gần 76.000km), có thể lặn sâu 220m, tốn phí trên 100 triệu đô la). Nước Pháp vừa hoàn thành chiếc Hàng không mẫu hạm nguyên tử Charles De Gaulle và đang còn trong vòng thử nghiệm nơi đại dương. Để bảo đảm an toàn, mọi tàu đều có những radar, những radiophare và nhiều hệ thống an ninh khác, những vấn đề không tránh được tai nạn như đụng phải băng đảo (iceberg), đụng nhau hoặc vì bão lớn như chiếc Titanic của hãng White Star Line chở 2435 hành khách, chìm vì băng đảo năm 1912, 1400 người chết, và bao tàu dầu khác sau này. Tàu thủy đòi hỏi những bến cảng lớn, những đầu tư khổng lồ và không cạnh tranh lại với máy bay về mặt du lịch đường dài mà ngắn hạn di chuyển. Tuy nhiên cũng rất nhiều tàu du lịch với đầy đủ tiện nghi còn hơn cả Titanic được sản xuất để phục vụ những khách hạng sang; những tàu du lịch trên sông, những "tàu ruồi" (bateau mouche) cho du khách tại các thành phố lớn.

Còn bao nhiêu dữ kiện của Thế kỷ XX về truyền thông (vô tuyến truyền thanh, vô tuyến truyền hình, vệ

ting, Internet, điện thoại) và các kỹ nghệ về canh nông, chài lưới, chế tạo vũ khí, chế tạo mọi dụng cụ khác phục vụ cho nhà bếp, thể thao, trò chơi, sách báo, vệ sinh, sắc đẹp phụ nữ... không thể nêu ra hết. Với phát triển của khoa học kỹ thuật, với tính cách cạnh tranh của nền kinh tế thị trường, tất cả mọi thiết yếu của cuộc sống được thỏa mãn đã đành mà Thế kỷ XX cùng các thế kỷ kế tiếp luôn tìm cách thỏa mãn nhu cầu (besoins) và sở thích (plaisirs) cho con người. Nhu cầu, sở thích lại "đề" ra thêm nhu cầu, sở thích mới và cử thế tiếp diễn không ngừng, chỉ tiếc một điều là người dân (mỗi người, mỗi gia đình) sẽ không đủ điều kiện hưởng dụng trong lúc vẫn phải bị bắt buộc chạy theo thời trang, và đấy là cái "mất tự do", cái "giới hạn tự do" của con người.

#### **4) THẾ KỶ XX: THẾ KỶ CỦA CHIẾN TRANH, NỘI CHIẾN, BẠO ĐỘNG, KHỦNG BỐ VÀ TAI NẠN, THẾ KỶ "MAN RỘ CỦA VĂN MINH" :**

Không thế kỷ nào loạn lạc, bất ổn trên hầu khắp địa cầu bằng thế kỷ XX. Từ cuộc nổi loạn của nhóm Boers (hay paysans, tên gọi chung những người Hòa Lan và Tin Lành Pháp sau Edit de Nantes di tản sang Mũi Hảo Vọng đánh đuổi người da đen Phi Châu, thành lập quốc gia Orange và Transwaal (1836-1852), sau bị thực dân Anh đánh chiếm và sát nhập thành Nam Phi Châu) với người Anh vào đầu thế kỷ (1899-1902) và cuộc nổi loạn của nhóm Thiên Địa Hội (les Boxers) tại Trung Hoa (1901) (chống các nhà truyền giáo và các nhượng bộ của nhà Thanh cho ngoại nhân), hầu như không một năm nào không xảy ra biến động. Tính ra, ngoài hai cuộc thế chiến, có đến 55 cuộc chiến cả chiến tranh xâm lăng cả chiến tranh cách mạng giành độc lập, có cuộc chiến kéo dài hàng chục năm hay hơn nữa. Lược qua một số cuộc chiến tiêu biểu: chiến tranh Nga-Nhật (1904-1905), 3 cuộc chiến tại vùng Balkan (1912, 1913, 1919), giữa Nga-Balan (1919-1920), giữa Nhật-Trung Hoa (1937-1945), 4 cuộc chiến giữa Do Thái và khối Ả Rập (1948, 1956, 1967, 1973, không kể bao nhiêu cuộc khủng bố), chiến tranh giành độc lập của Nam Dương (1945-1949), chiến tranh Đông Dương (1945-1954), chiến tranh Triều Tiên (1950-1953), chiến tranh tại Việt Nam (1954-1975)... Bao nhiêu cuộc nội chiến xảy ra tại Âu Châu (Irelande), tại các nước Phi Châu, Mỹ Châu La Tinh, Á Châu. Gần đây nhất, cuộc chiến tại Kossovo, cuộc chiến tại Đông Timorre, cuộc chiến giữa Ấn Độ và Pakistan. Hai cuộc Thế chiến sát hại trên 60 triệu sinh linh, gây điều tàn đồ nát cho toàn Âu Châu; hai quả bom nguyên tử làm sụp đổ hai thành phố lớn hạng nhì, hạng ba trên thế giới, tàn sát hàng trăm ngàn người Nhật trong nháy mắt. Chưa có tổng kết nào về thiệt hại nhân mạng do các cuộc chiến tranh, nội loạn, đảo chính, khủng bố, cách mạng của Thế kỷ XX, biết đâu có thể cả tỷ người quân nhân và dân sự. Lý do chiến tranh: bành trướng và bảo vệ thuộc địa, tham vọng quyền hành, tranh chấp biên giới, nổi rộng lãnh thổ, buôn bán vũ khí, chống xâm lăng, chống độc tài, kỳ thị chủng tộc, tôn giáo... Không kể những cuộc chiến tranh lạnh, chiến tranh kinh tế, chiến tranh gián điệp cùng bao

hiều vụ bạo động, bắt con tin, không tặc, hải tặc tiếp tay với chiến tranh. Thế kỷ XX cũng chứng kiến bao điều man rợ chưa từng thấy, không riêng do ý đồ hay tính độc ác của cá nhân mà còn do chủ trương, chính sách nhân danh ý thức hệ, lý tưởng, nhân danh quyền lợi Quốc gia Dân tộc, nhân danh bảo vệ con người... Đức Quốc Xã với Hitler, Ý Đại Lợi với Mussolini, Nhật Bản với chế độ quân phiệt, Liên Xô với Staline, Trung Hoa với Mao Trạch Đông, Cambodge với Pon-Pot, Bắc Triều Tiên với Kim Nhật Thành, Cu Ba với Fidel Castro, Chili với Pinochet, Việt Nam và các nước Đông Âu với các tập đoàn Cộng Sản cầm quyền, Irak với Sadam Hussein, gần đây nhất Kossovo với Milosevitch cùng những phong trào khủng bố do nhiều Chính phủ hay các tổ chức bí mật. Làm sao quên những trại tù tập thể của Đức Quốc Xã, những Goulag của Liên Xô, những vụ đầu tổ dã man tại Trung Quốc thời Mao Trạch Đông, tại Việt Nam thời Hồ Chí Minh (nhân danh cải cách ruộng đất), những mồ tập thể tại Việt Nam (vụ Tết Mậu Thân 1968), vụ bức tử Bá Linh, vụ giết và chôn người tại Kossovo do chủ trương của Milesovitch. Chưa một thế kỷ nào tàn sát di tàn quá cao như thế kỷ XX, rõ ràng nhất trên 2 triệu người Việt Nam di tản tránh nạn Cộng Sản (1954 rồi từ 1975), gần 600.000 người Kossovo, không kể tại một số nước Phi Châu.

Cũng chưa có thế kỷ nào, nhân loại sợ hãi phập phồng về một cuộc chiến tiêu diệt toàn cầu như thế kỷ này. Suốt hơn 30 năm từ sau Đệ nhị thế chiến đến 1985, thế giới phân chia thành hai chiến tuyến đối nghịch theo hai thể chế chính trị, kinh tế khác nhau, tranh chấp nhau: một bên là Chủ nghĩa Mácxít-Lêninnít với thể chế độc tài đảng trị nhân danh chuyên chính vô sản và nền kinh tế tập sản kế hoạch hóa tử trung ương đến địa phương của Cộng Sản; một bên là thể chế Dân chủ Tự do với nền Kinh tế thị trường của Chủ nghĩa Tư bản. Sự đối nghịch gây ra bao chiến tranh địa phương và ủy nhiệm có mồi đưa đến một thế chiến mồi hủy diệt toàn cầu với những thủ vũ khí khủng khiếp. May sao tình trạng không xảy ra do sự sụp đổ của Cộng Sản Liên Xô và khối Đông Âu.

Cũng nên nói đến bao nhiêu đời trụ xã hội đe dọa sinh mạng và phẩm giá con người: nạn buôn lậu và nghiện ma túy, nạn bắt cóc trẻ con, nạn mãi dâm và buôn bán gái vị thành niên, nạn hiếp dâm trẻ nhỏ, nạn sách nhiễu tình dục, nạn phạm pháp của tuổi nhỏ (ngay tại học đường), nạn hạ giá phẩm cách phụ nữ...; tình trạng sa đọa của đạo đức, luân lý đã khiến dư luận cùng chính phủ nhiều quốc gia bối rối, lo âu.

Cũng nên thêm rằng trong thế kỷ này, tai nạn thiên nhiên quá nhiều: núi lửa, động đất (trong những năm gần đây tại Nhật Bản, Afghanistan, Iran và vào tháng 8/99 tại Thổ Nhĩ Kỳ làm 14.000 người chết, 20.000 bị thương rồi Hy Lạp, Đài Loan), bão lụt (nặng nhất là tại Honduras, Guatemala), cuồng phong và lốc cuốn (nhiều nhất tại Hoa Kỳ) cùng sức nóng làm chết người.

Có thể nói Thế kỷ XX là thế kỷ của bạo lực: bạo lực vũ khí, bạo lực ngôn từ, bạo lực tiền tệ, bạo lực chủ nghĩa, bạo lực quốc gia quá khích, bạo lực nhân danh tín ngưỡng, bạo lực kỹ thuật và cả bạo lực thiên nhiên. Không thế kỷ nào mà "mị dân, giả hình, trá tạo, lừa bịp,



tham nhũng..." nhiều như thế kỷ này không chỉ riêng cá nhân, tập đoàn mà trở thành chủ trương của nhiều chính phủ nhân danh "chiến thuật, chiến lược", nhân danh chủ nghĩa, nhân danh quyền lợi quốc gia.

## 5) THẾ KỶ XX, THẾ KỶ CỦA TRIẾT LÝ, NGHỆ THUẬT, BÁO CHÍ... CỦA VĂN HÓA NÓI CHUNG:

Trong thế kỷ XX, Triết lý mặc lấy những kích thích mới, không hoàn toàn chỉ hướng về tâm linh hoặc thuần tri thức mà vị trí hóa con người trong dòng đời, giữa dòng tại thế. Bốn dòng triết học chính là: Hiện sinh, Nhân vị, Hiện tượng luận và Cơ cấu luận (structuralisme). Xin không đi sâu vào nội dung, chỉ xin nêu một cách tổng quát nơi đây. Triết lý Hiện sinh, Nhân vị phản ánh thân phận con người đối diện với nền văn minh kỹ thuật và đặt lại giá trị con người cùng cuộc sống của nó đặc biệt nơi Jean Paul Sartre, E. Mounier, Lansberg. Hiện tượng luận của E. Husserls, Triết lý của Karl Jaspers, Gabriel Marcel, Merleau Ponty, Berdiaef, Herbert Marcuse, Jean Huxley... cùng tư tưởng Simone Weil và tư tưởng bàng bạc nơi các nhà văn, nhà thơ, tất cả đều phản ánh cái tình trạng xao xuyến, bất an của con người trước thế giới và xã hội để hướng về việc "đi tìm một chỗ cư ngụ bằng an", đạt được cái "bản thể" của sự vật, của cuộc sống.

Tư tưởng M. Heidegger càng sâu xa và "bí hiểm" vì đề cập đến tư tưởng ban sơ cùng dòng vận hành của tư tưởng đã chỉ đạo diễn trình sinh hóa của nhân sinh chủ không chỉ giới hạn vũ trụ ở cấu trúc cùng những biến thiên của nó trong trường tượng tác cũng như không giới hạn con người trong phạm vi tri thức và trong cuộc sống trong vòng thời sử (temps de l'histoire). Con người là một "hữu thể tại thế" (dasein) đồng thời là "hữu thể của viễn ly" (l'être du lointain), mang sẵn nơi mình cái "tự tính lịch sử" (sujet historial), miên viễn trên hành trình với bất cái "Hữu thể căn nguyên" (l'Être fondamental), nền tảng của mọi hiện thể mà mỗi dạng tiến bộ, văn minh chỉ là một chặng trên dòng tiến hóa, một giai đoạn của lịch sử sinh hóa trong hành trình miên viễn đó.

Các bộ môn nghệ thuật cũng lắm cái tân kỳ. Các trường phái "Tượng trưng, Lập thể, Siêu thực..." gây ấn tượng cho suy tư hơn là tác động thuần về cảm giác. Hội họa, điêu khắc, kiến trúc càng ngày càng thêm nhiều mới lạ trong lúc không quên làm sống lại những công trình nghệ thuật trước đây qua rất nhiều cuộc triển lãm và bán đấu giá. Những tiểu thuyết, kịch bản trước đây như của Shakespeare, Victor Hugo.. những siêu phẩm âm nhạc như của Beethoven, Mozart... được đưa vào kịch trường hay phim ảnh với những "cải tân" hiện đại. Bao nhiêu kiến trúc đã hoặc dự trù thực hiện nơi lòng biển, trên không trung, ngay cả các mô hình về vệ tinh, phi thuyền không gian... chuẩn bị cho con người hoặc mở rộng hoặc rời khỏi địa bàn cư trú nơi quả đất. Âm nhạc phát triển mạnh mẽ, ngoài những nhạc thính phòng, nay thêm những "Rock and roll", Disco và trình diễn ngoài trời cho số đông khán giả có khi lên đến cả trăm ngàn người. Băng Cassette, video, disque compact lan tràn, phổ biến âm nhạc khắp nơi ngay cả khi đi đường và làm giàu cho

bao ca sĩ nổi tiếng. Nghệ thuật Pop-art, loại hình "nghệ thuật đại chúng" sản sinh từ Hoa Kỳ với chủ trương "đưa con người gần với cuộc sống" càng khiến âm nhạc, ca vũ thêm trẻ trung, sinh động nhưng cũng lắm lúc lố lăng. Nghệ thuật này khiến phát sinh nghệ thuật "trang trí thẩm mỹ vật dụng" (design) thích ứng với thời trang và quảng cáo.

Thi ca đi vào trí tuệ, đi vào tư tưởng và cảm tính, không dừng lại nơi những bộc lộ xúc cảm bình thường mà mang sắc thái biểu tượng. Thi ca cũng như văn chương tiểu thuyết, truyện ngắn, những tác phẩm lớn luôn phản ánh cái tình trạng "ổn định mà bất an, tự do mà ràng buộc, sung mãn mà nghèo nàn" của xã hội được tổ chức "hợp lý" (société rationalisée), nói lên những rầy rụa, dằn vặt của con người trong chiến tranh, trong những chế độ độc tài áp bức và hướng đến tìm kiếm những giá trị cao hơn, nhân bản hơn, thánh thiện hơn cho cuộc sống. (Từ ngày Cộng Sản thống trị đất nước, người Việt Nam (trong nước và hải ngoại) đã hình thành và phát triển một nền "Văn nghệ chống Cộng" vừa tố cáo độc tài vừa mang nhiều tính nhân bản). Tuy nhiên, trước phát triển quá nhanh và tân kỳ của Khoa học kỹ thuật, của nghệ thuật đại chúng, của văn hóa quần chúng (culture de masse), thi ca cũng như triết lý và cả tôn giáo hầu như "xuống giá" nghĩa là bị quên hay không còn được chú trọng nhiều trong những năm gần cuối thế kỷ. Thời gian gia tốc do phát triển khoa học kỹ thuật, đã đưa tất cả mọi hoạt động của con người phải chạy theo cái "mau" hối hả nên chẳng còn mấy ai chịu trầm tư suy nghĩ về những trang triết lý hay thơ, văn, nhạc, họa có chiều sâu tâm linh. Quần chúng phần đông không mấy đặt hết niềm tin vào "Đức Tin" tôn giáo mà chú trọng vào các hoạt động của tôn giáo về mọi mặt chính trị, nhân đạo nhiều hơn. Hồi Giáo phần nào cỗi mờ hơn (ngoại trừ tại Iran và nhóm "bào thủ", chính nhóm này đã gây nên nhiều bạo động, khủng bố, đặc biệt tại Algérie), thiên về tư tưởng tự do hơn. Riêng Phật Giáo ảnh hưởng vào Âu Châu và Hoa Kỳ, đặc biệt phương pháp "Thiền" (Zen) của Nhật Bản, Ấn Độ và Tây Tạng, phần nào giúp một số người phương Tây giải tỏa bớt những quay quắt của cuộc sống chạy theo kỹ thuật và thời trang.

## 6) THẾ KỶ XX, THẾ KỶ PHÁT TRIỂN CỦA NHÂN ĐẠO VÀ QUYỀN NGƯỜI:

Tuy là thế kỷ của chiến tranh và tội ác nhưng thế kỷ XX cũng là thế kỷ phát triển của nhân quyền và lòng nhân đạo. Trước tiên, những tên ác ôn đầu sỏ không chỉ bị lên án bởi dư luận mà còn bởi luật pháp quốc tế. Tòa án Nürnberg đã xử tử hình và kết án nặng một số lãnh tụ Đức Quốc Xã; tòa án La Haye lên án số người Serbia đã tàn sát dân lành tại Bosnie và sẽ xử nhà độc tài Milosevitch. Cả nhà độc tài xứ Chili là Pinochet cũng đang bị dư luận và một số quốc gia lên án là "tội phạm chiến tranh".

Tiếp theo, tổ chức Liên Hiệp Quốc với những tổ chức bảo vệ quyền người và cứu trợ đã liên tiếp cảnh cáo, khuyến cáo những quốc gia độc tài phải cải tổ chính

sách cai trị, tuân hành đúng những cam kết đã ký, thực hiện đúng theo các điều khoản của bản "Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền", cải cách kinh tế để xóa nghèo đói cho nhân dân.

Bao nhiêu tổ chức nhân đạo của nhiều Chính phủ, của Tôn giáo, của tư nhân không ngớt cứu trợ những vùng và những người bị hoạn nạn tai ương vì chiến tranh, vì tai nạn thiên nhiên, vì nghèo đói do các chế độ độc tài gây nên hoặc lâm vào cảnh thiếu cùng. Các Hội Hồng Thập Tự tại các quốc gia, các tổ chức Secours Catholiques, các tổ chức Médecins sans frontiere, Médecins du monde, Restaurant du Coeur, Cap Anamur ... luôn luôn có mặt bên cạnh những lớp người hoạn nạn với hàng ngàn người giúp đỡ, với hàng trăm, hàng nghìn tấn thực phẩm, thuốc men, áo quần cùng phương tiện cứu trợ (trường hợp những tàu cứu người Việt Nam ty nạn nơi biển Đông chẳng hạn).

Một điều cần thêm là việc định cư cho những người ty nạn, việc nhận trẻ em mồ côi hay vô gia đình làm con nuôi, nhận đón những gia đình ty nạn (như trường hợp người Bosnia, người Kosovo). Ngoài ra biết bao người hảo tâm, thiện nguyện (bénévole) tự xung phong vào công việc giúp đỡ những kẻ khốn cùng trong mùa đông buốt giá hoặc trong những trường hợp bệnh tật hay kém cỏi, khuyết tật về phương diện nào đó. Người Việt hải ngoại, ngoài những hưởng ứng tham gia cứu trợ cùng với các tổ chức từ thiện các nước, đã có đôi việc làm quý giá đối với đồng bào mình: gây quỹ ủng hộ việc thành lập ngôi làng ty nạn Việt Nam tại Phi Luật Tân, thành lập tổ chức cứu giúp thương binh Việt Nam Cộng Hòa tại quốc nội (theo Tuần san Đẹp ở Houston).

Ngoài ra, một số ít nhà tư bản cũng thành lập những tổ chức nhân đạo, từ thiện như Bill Gates và vợ ông tại Hoa Kỳ (tuần san Đẹp số 415 ngày 28/8/99).

Làm sao không hoan nghênh tấm lòng nhân đạo đó của nhân dân các nước, nhất là tầng lớp trung lưu và nghèo nàn đã vì tình nhân loại, vì lòng vị tha, bác ái, tử bi, vì lương tri con người, tóm lại vì tình người mà chia xẻ, đùm bọc cho hàng vạn, hàng triệu người lâm cảnh khổ đau dù không hề biết mặt, quen tên.

Nhìn chung, Thế kỷ XX, thế kỷ của chiến tranh, tội ác, thế kỷ của đổ nát, điêu tàn nhưng cũng là thế kỷ của phát triển, phát triển của trí tuệ và tình người.

## B. ĐÔI DỰ ĐOÁN VỀ THẾ KỶ XXI

Thế kỷ XXI thừa hưởng di sản đồ sộ trên của Thế kỷ XX và hoàn thành những công trình còn dở dang cũng như phát triển và tạo thêm nhiều thứ mới lạ khác. Nơi đây xin nêu lên đôi dự đoán về Thế kỷ tới vừa trong tin tưởng nhưng cũng vừa trong bàng hoàng lo ngại.

### 1) THẾ KỶ XXI : THẾ KỶ CỦA NỀN VĂN MINH KHÔNG GIAN (CIVILISATION SPATIALE) VÀ CỦA NỀN VĂN MINH SIÊU KỸ THUẬT (CIVILISATION

## HIGH-TECH) - NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT CỦA THẾ KỶ XXI.

Ngoài việc mở rộng chỗ cư trú trên địa cầu bằng cách khai thác các vùng băng tuyết nơi Bắc và Nam cực cùng kiến tạo thành phố nổi biển cả, từ hậu bán thế kỷ XX với những chế tạo vệ tinh nhân tạo, phi thuyền không gian và những máy móc thám hiểm mặt trăng, hỏa tinh cùng sự việc đổ bộ người lên nguyệt cầu (với Amstrong và hai người nữa vào năm 1969), người ta nghĩ đến việc mở rộng địa bàn cư ngụ của nhân loại nơi những tinh cầu khác, đặc biệt là sao Hỏa và Chi Hằng. Một nền Văn minh mới bắt đầu: nền "Văn minh không gian" sau hai nền "Văn minh lục địa" (civilisation continentale) và "Hải đảo" (civilisation maritime) xét về mặt địa lý. Thời kỳ "kỹ nghệ hóa vũ trụ" (auto-industrialisation du Cosmos, xem 2100: récit du prochain siècle) bằng cách khai thác mọi nguyên liệu của vũ trụ vào kỹ nghệ, thêm một bước "kỹ thuật hóa thiên nhiên" ngoài địa cầu (techno-nature = sự biến đổi thiên nhiên bằng những công trình của con người; sự việc đã có từ xa xưa nhưng ở mức độ thấp như phá rừng làm rẫy, đào kênh dẫn nước, xây nhà, làm đường sá, cầu cống, trồng hoa... đến nay tiến đến phạm vi toàn cầu và nay mai đến những tinh cầu khác- xem : 2100: récit du prochain siècle). Việc tạo được môi trường sống cho con người (nước, không khí, xây dựng nhà cửa, sản xuất lương thực) trên những tinh cầu đó còn đòi hỏi rất nhiều nghiên cứu cùng kỹ thuật nhưng những chuyến du lịch những nơi đó sẽ tạo ra khá nhiều ngành kỹ nghệ và dịch vụ (chẳng hạn như huấn luyện phi hành gia, vài vốc áo quần cho phi hành gia, v.v...) nhưng chắc chỉ dành riêng cho những kẻ giàu và tầng lớp có trình độ kiến thức cao (classe savante, knowledge class). Sự việc tất yếu xảy đến dù có phải qua nhiều thất bại. Gia tài của "Mẹ đất" không đủ sức chứa, nuôi đàn con lúc nhúc mỗi ngày thêm nhiều nên "đàn" để một số con cái ra đi phiêu lưu nơi miền đất lạ. Cái "Far-West" của người Âu Châu trước đây nơi xứ Mỹ nay trở thành cái "Far-Cosmos" của con người mà phần lớn lại cũng là người Âu Châu, Hoa Kỳ và Nhật Bản, thêm một số người giàu ở các quốc gia khác. Ngành Vũ trụ học, Vật lý học, Hóa học càng thêm điều kiện phát triển qua các vệ tinh, những Viên vọng kính mới và những chất liệu từ mặt trăng và sao Hỏa. Những thắc mắc về "Nguồn gốc vũ trụ, nguồn gốc sự sống..." cùng việc tìm ra cái Lực duy nhất chi phối 4 lực đã tìm ra có thể thêm những dữ kiện mới để chứng minh hay nêu ra những giả thuyết mới.

Nền Hóa học sẽ tiến thêm nữa trong việc chế tác ra những "sản phẩm tổng hợp" (produits synthétiques) thay thế cho những vật liệu được dùng lâu nay từ thực phẩm đến thuốc men, chữa bệnh, kiến trúc, vài vốc và thiết bị cho những chế tác các khí cụ khám phá không gian cũng như trong các kỹ nghệ khác.

Các phương tiện về giao thông sẽ thêm những bước tiến mới với những xe hơi, những tàu bè, máy bay càng lúc càng tối tân, đẹp đẽ, tiện nghi, tốc độ nhanh hơn, an toàn hơn, có thể không cần đến người lái và tự động tránh được những tai nạn lưu thông. Nhiên liệu sử dụng



lâu nay có thể thay thế bằng những thủ nhiên liệu ít ô nhiễm hơn như điện năng, khí hydrogène và nhiên liệu mặt trời. Với sự sử dụng năng lượng mặt trời, có thể nhiều vật dụng trước nay sử dụng bằng hơi đốt, xăng dầu và cả điện năng sẽ được cải tiến hoặc hủy bỏ một khi giá cả không còn cạnh giằng dây điện chẳng chịt ngang trời.

Ngành Tin học sẽ được đẩy mạnh. Kỹ nghệ điện toán và truyền thông càng tinh vi hơn ảnh hưởng lớn lao đến tất cả mọi hoạt động khác và tạo ra nhiều nghiệp vụ mới. Máy móc điện toán sẽ chi phối hết mọi mặt sinh hoạt từ công việc bếp núc, chữa bệnh, lao động, giáo dục, thể thao, du hí, lao động, kinh doanh, ngân hàng, kỹ nghệ, kiến trúc, in ấn, lưu trữ hồ sơ, tài liệu, cả về mặt sinh học, khảo cổ học, địa chất học, sử học... đến các ngành nghề nghệ thuật cũng như kỹ nghệ chế tạo vũ khí và chiến lược, chiến thuật trong chiến tranh. Kỹ thuật truyền thông qua Internet sẽ nhiều cải tiến mỗi mề hơn giúp giao dịch thương mại, kinh tế, tiền tệ và phổ biến tin tức, kiến thức vừa rộng rãi vừa mau lẹ. Điều này giúp cho những tự do tư tưởng, tự do ngôn luận vô cùng thuận lợi (ai cũng có thể nêu ý kiến hoặc phát biểu quan điểm của mình cũng như mọi sáng tác, phát minh về mọi mặt qua Internet), giúp cho ý thức tự do, dân chủ được phổ cập sâu rộng, làm giảm thiểu hoặc hủy phá mọi ý đồ, mọi hành động độc đoán, phi nhân bản của các chế độ độc tài. Tuy nhiên, cái "ác" cũng tiến bộ theo đà văn minh. Máy móc điện toán có thể dùng "giết người" từ xa hoặc hủy phá đối phương trong các cạnh tranh kinh tế, trong chiến tranh theo một cách thế nào đó như tạo ra những virus tinh vi. Internet sẽ có thể là những "ổ" gián điệp, khủng bố, mại dâm, những trao đổi, nhắn gửi giữa các trùm buôn lậu cũng như việc phổ biến những ý tưởng xấu xa tác hại đến đạo đức, luân lý hoặc những điều bịa đặt, gian dối nhằm phá hoại lẫn nhau. Biết đâu sẽ có thể xảy ra chiến tranh giữa hệ thống điện toán, giữa Internet và giữa các vệ tinh của nước này nước nọ một khi mà các hệ thống phương tiện đó được dùng cho mục đích chiếm hữu do ý đồ của giới tư bản tài phiệt và số Mafia. Người ta đã nói đến một "Triết lý" hay một "Lý thuyết về giao lưu" (théorie de communication, xem: "Internet et après" của Dominique Wolton) để có thể tránh được những tai hại của các kỹ thuật truyền thông siêu đẳng tác hại đến cuộc sống con người và xã hội. Công pháp quốc tế, qua Liên Hiệp Quốc sẽ thêm những điều khoản mới để ngăn ngừa những lạm dụng các kỹ thuật mới để bảo vệ Hòa bình và bảo đảm mọi nhân quyền.

Các bộ môn Sinh hóa học, Thần kinh học sẽ thêm những khám phá mới mề do từ Điện toán và Internet cùng những khí cụ mới. Dược học sẽ thêm nhiều thủ thuốc nhiệm màu (có thể do từ những chất liệu từ các hành tinh khác) giúp chữa hẳn những chứng bệnh hiện còn xem là nan y; Y học thêm những biện pháp chữa bệnh và phòng bệnh tối tân, không gây đau đớn cho con bệnh, sửa trị những lệch lạc, khuyết điểm di truyền ngay từ lúc mới sinh hoặc ngay từ bào thai cùng ngăn ngừa được nạn "chết non" và kéo dài tuổi thọ cũng như bảo đảm được sức khỏe cho con người do từ điều kiện vệ sinh và dinh dưỡng. Khoa Lai giống tạo vô tính áp dụng

vào gia súc và ngũ cốc một khi nghiên cứu thật kỹ lưỡng, đề phòng được những ảnh hưởng tai hại về lâu về dài cho sức khỏe, sẽ tạo nên những thực phẩm OGM sẽ làm gia tăng thực phẩm trên thế giới có thể làm giảm được cảnh đói nghèo cho nhiều dân tộc. Tuy nhiên việc áp dụng kỹ thuật này vào con người và việc chế tạo ra những "cơ nhân tự động" với bộ óc nhân tạo đang gặp nhiều chống đối và bị ngăn cấm. Các nhà Khoa học và Kỹ thuật với yêu cầu của "Tự do nghiên cứu, tìm tòi" (liberté de recherche) vẫn tiến hành và thực hiện trong các phòng thí nghiệm và dù thành công thì cũng phải qua một thời gian thử nghiệm lâu dài trước khi áp dụng vào kỹ nghệ và thương mại. Hình như người ta đã nói đến một số dị biệt giữa con trữu sinh sản theo tự nhiên với con trữu Dolly được sinh sản theo phương pháp lai tạo vô tính, so ra phẩm chất nang trữu Dolly kém thua hẳn những trữu sinh sản theo tự nhiên (người viết chưa có tài liệu nên không thể nói rõ). Với "con người lai tạo vô tính" (l'homme cloné) có lẽ rồi cũng giống như thế. Người viết nghĩ rằng máy điện toán tinh vi đến mấy và "con người nhân tạo" (nếu chế tác được) dù có những khả năng nào vượt được "sức người" thì chung quy cũng chỉ là một "công cụ" (outil) cho con người sử dụng, trước tiên vì những khả năng của chúng đều do những "chương trình" (programmes) của người sáng chế cung cấp trước cho chúng; tiếp theo, năng lượng nuôi con người do chính con người tạo ra trong lúc năng lượng nuôi những "con người nhân tạo" lại do con người cung cấp như chiếc xe hơi phải lấy xăng nơi một trạm xăng và khả năng chúng có sẽ rất giới hạn vì là khả năng của người sáng chế (dù với sự cộng tác của nhiều nhà khoa học) mà khả năng một người hoặc của một số người không thể đầy đủ được hết mọi mặt của đời sống chẳng khác một Bertrand Russell, nhà Toán học và Khoa học lớn của thế giới nhận định rất lệch lạc về phương diện tôn giáo; ngoài ra những khả năng tâm linh (trí tuệ, tình cảm, những giá trị tinh thần siêu vật chất) nuôi chúng không thể nào đầy đủ được vì nếu có thì cũng là của riêng người sáng chế phổ vào; "con người nhân tạo" đó không thể có những lo lắng, phiền muộn, những thắc mắc siêu hình về ý nghĩa cuộc sống, cuộc đời, không có cái "ưu tư" (le souci) về mình, về người, về định mệnh, về lịch sử, về tương lai, về sự sống, sự chết, về sáng tạo, tiến trình, về tiến hóa. "Con người nhân tạo" đó biết tính toán, biết tích lũy kinh nghiệm và phát huy khả năng xoay xở, ứng phó trước mỗi tình huống, mỗi trường hợp hay mỗi hoàn cảnh nhưng không thể có năng khiếu cùng khả năng tiên liệu, tưởng tượng trong hiện tại những gì chưa xảy đến, không tự đặt ra cho mình những ước mơ, những mộng ảo, dù là những cảnh thế ảo tưởng (monde des illusions) vì lẽ chúng được sáng chế bởi nhà khoa học. Một điều nữa, khi đã được tạo ra rồi thì "con người nhân tạo" đó có còn lệ thuộc vào người sáng chế hay hoàn toàn "độc lập" đối với số người đã sáng chế ra nó?; trong trường hợp nó hoàn toàn là một "chủ thể độc lập" thì nhà khoa học đã tạo ra nó có còn uy quyền, khả năng và điều kiện sửa chữa nó không, chẳng hạn khi nó đau yếu, bệnh tật, gặp tai nạn hay làm một việc tai hại nào đó như giết người chẳng hạn? Liệu tự nó có thể sửa chữa được không? Và

nếu những "con người nhân tạo" đó được sáng chế và sản xuất ra một số lượng lớn thì sẽ sống đơn độc, lẻ tẻ từng cá thể hay biết kết hợp thành xã hội như xã hội loài người chẳng chịt những giao lưu, những định chế, những qui ước về quyền lợi, bổn phận, những qui điều đạo đức, pháp lý, những tương giao về văn hóa, chính trị, kinh tế, tình nghĩa... như xã hội của "con người tự nhiên"? Đây là không kể đến cấu trúc của "con người nhân tạo" (con người với bộ óc nhân tạo) có hoàn toàn giống với con người tự nhiên về kích thước, trường độ, màu sắc, thanh âm, hướng vị với đầy đủ máu thịt, da xương... Tóm lại, theo người viết, "con người nhân tạo" (dù theo phương pháp lai tạo vô tính hay "cơ nhân tự động" với bộ óc nhân tạo) nếu sáng chế được cũng chỉ có thể sinh hoạt trong một "thế giới hữu hình cơ năng" (monde sensible et mécanique) chứ không có khả năng hình dung và sống trong "thế giới thực hữu" (monde réel) chấp chớn, gùn ghè, ẩn hiện, viễn ly mà cận lập với cái "thế giới hữu hình cơ năng" thường ngày như "con người tự nhiên" vì con người tự nhiên sống cùng một lúc cả hai thế giới đó. "Con người nhân tạo" đó chỉ giúp "con người tự nhiên" khắc phục được những khả năng chậm lụt của mình chứ không thể hoàn toàn thay thế được con người tự nhiên. Vì thế, người ta nghĩ rằng những "con người nhân tạo" đó nếu không là những "siêu quỳ" thoát ra khỏi tầm quản chế của con người thì cũng là những loại "người hạ đẳng" (sous-hommes) so với con người tự nhiên.

Về mặt lao động và kinh tế, với những tiến bộ thần tốc của kỹ thuật, nhiều ngành sản xuất mỗi cùng với những dịch vụ mỗi đòi hỏi một trình độ kiến thức cao về khoa học kỹ thuật. Mọi sản xuất, phân phối, mọi giao dịch thường mãi hầu hết đều do "người máy" và qua điện toán. Đây là thời kỳ "tự động hóa" trong kỹ nghệ. Cuộc cách mạng "hậu kỹ nghệ" (révolution postindustrielle) được nói từ lâu sẽ thành tựu vào thế kỷ XXI này. Từ khi Khoa học bắt đầu phát triển, đến nay, người ta phân biệt ba cuộc Cách mạng trong kỹ nghệ và lao động: cuộc cách mạng kỹ nghệ bằng sử dụng năng lượng hơi nước (vapeur), từ 1860 và trong thời Đệ nhất thế chiến, năng lượng sử dụng là "điện" và "dầu hỏa", ngay sau Đệ nhị thế chiến, năng lượng sử dụng là "năng lượng nguyên tử" và năng lượng của trí óc con người được chuyển vào cho những "cơ nhân tự động", những "chiếc máy biết suy nghĩ" (machines pensantes) (xem J. Rifkin: La fin du travail). Trên đà tiến đó, sức lao động của con người dần dần không còn được sử dụng. Công ăn việc làm giảm dần đi đôi với sự sa thải công nhân hàng loạt do tiến trình "tự động hóa" và do nhu cầu cạnh tranh quốc tế đưa đến việc kết hợp qui mô giữa nhiều ngành kỹ nghệ sản xuất, dịch vụ (như những kết hợp giữa các hàng ô-tô, các hàng bào chế thuốc, các ngân hàng, các công ty về siêu thị (grandes surfaces) đã xảy ra trong năm 1999). Jeremy Rifkin trong tác phẩm "La fin du travail" đã nói đến tình trạng "canh nông không nông dân", "xí nghiệp không công nhân" và cả những văn phòng điều hành, giao dịch cũng là những "Văn phòng ảo" (bureau virtuel) nghĩa là chỉ cần đôi người, còn tất cả đều thông qua điện toán.

Trong thế kỷ XXI, "nghệ thuật đại chúng" (tạm dịch pop-art) sẽ lan tràn khắp thế giới với chủ trương "hủy bỏ

khoảng cách giữa nghệ thuật và đời sống" bằng cách sử dụng mọi hình ảnh của đời sống thường nhật nơi đô thị (xem Grand Larousse universel, tome 12). Với kỹ thuật phối kết, tạo hình, ghép hình cùng điều chỉnh, kết hợp âm thanh, cử động, màu sắc, hội họa, nhiếp ảnh, phim ảnh, truyền hình, ca vũ, nhạc kịch đưa con người gần gũi với đời sống thường ngày, giúp khá nhiều cho việc chế tác các mô hình xe hơi, máy bay... cùng những vật dụng trong đời sống. Khoa "trang trí thẩm mỹ" (tạm dịch design) và quảng cáo càng thêm phát triển. Cái tĩnh lặng, thanh thoát đòi hỏi trầm tư, viễn ly, suy tư, tưởng tượng của những nhạc cổ điển, những tiểu thuyết dài, những họa phẩm, những điêu khắc... có tính cách biểu tượng, siêu thực dần dần mất giá trước yêu cầu của cuộc sống quay cuồng, hối hả, sống mau, sống vội do đà phát triển của kỹ thuật càng lúc càng cuốn hút con người theo vận tốc của thời trang và của phát triển, nhường bước cho nghệ thuật "pop-art" càng lúc càng lan tràn. Các bộ môn thể thao, các trò du hí dần dần nghiêng về cảm giác mạnh, sử dụng điều luyện tài nghệ thân xác và biết bao nhiêu ngành sản xuất để phục vụ cho "kỹ nghệ thân xác" (!) này. Phụ nữ càng lúc càng chú trọng đến thân xác, không riêng trang điểm nhan sắc mà chú ý tập luyện tấm thân quyến rũ, hấp dẫn cùng làm đẹp mọi bộ phận bên ngoài của thân thể (tóc, da, lông mày, lông mi, ngực, mông...). Nghệ thuật "pop-art" này rất cần thiết cho phát triển kỹ thuật về tất cả mọi mặt của đời sống nhưng, theo người viết, chỉ nên ở một chừng mực nào đó thôi, nếu quá đáng sẽ có thể đưa đến tạo nên một "thế giới ảo" (monde virtuel) ru con người triền miên và bấn loạn, quay cuồng theo ảo giác. Chủ trương "đưa nghệ thuật sát với đời sống", điều này đúng thôi nhưng vấn đề nên đặt lại rõ ràng "đời sống là gì, như thế nào?". Đời sống, theo lối hiểu thường tình lâu nay là cuộc sống tức toàn bộ sinh hoạt của mỗi người đối diện với cái "thế giới hữu giác, cơ năng" thường ngày diễn ra. Tiến trình "nhân bản hóa" của con người không dừng lại nơi cái thế giới đó mà do từ khuynh hướng bẩm sinh hướng về tuyệt đối, luôn hướng vọng thực hiện cái "thế giới thực hữu" bên trong và bên trên con người, cái thế giới trong đó con người không chỉ chú trọng vào mặt "hiện sinh" (existence) mà còn để hoàn thành cái "tự tính lịch sử" (sujet historial) nơi mình. Khoa học, Kỹ thuật cũng như mọi ngành kỹ nghệ, kinh tế thường mãi và cái nghệ thuật Pop-art trên chỉ mới chú trọng đến mặt "hưởng ngoại" mà chưa chú ý đến phần "hưởng nội" nơi con người. Phần "hưởng ngoại" chính là cuộc sống trong cái "thế giới hữu giác cơ năng" vận hành theo những qui luật vật lý mà Khoa học khám phá và nêu thành công thức, định lý để khắc phục mọi trở ngại thiên nhiên, chinh phục ngoại giới, tìm cách sử dụng và tạo thêm những nguồn năng lượng đưa cuộc sống con người sang từng "dạng hiện hữu" (état d'existence) cao hơn, đầy đủ và hạnh phúc hơn. Phần "hưởng nội" là phần sống nội tâm với những ưu tư, thắc mắc về ý nghĩa, cứu cánh cuộc sống, cuộc đời, xác định giá trị và vị trí con người trong vũ trụ và trong xã hội, dùng đấy làm căn bản chỉ hướng xây dựng cuộc sống mình và cuộc sống chung để giá trị hay phẩm chất con người nơi mình và nơi nhân loại thêm thăng hoa, siêu vượt để qua từng kỷ nguyên



sinh hóa tiến sang từng "dạng tồn tại" (état d'être) cao hơn cho đến thời điểm "bản chất người" đạt đến toàn bộ viên dung. Cả hai phương diện cần bổ túc cho nhau, dung hợp với nhau. Nếu chỉ phát triển riêng một mặt nào đấy thì hoặc sẽ khiến xã hội trì trệ, lạc hậu hoặc sẽ biến tuyệt đại đa số nhân loại thành một "bầy người" thúc hối nhau đi theo "điều kèn phù thủy" của phát triển cơ năng. Khoa học kỹ thuật hầu như không chú ý đến phần "hưởng nội" này nên có thể dựa theo ý kiến M. Heidegger mà bảo rằng: "Khoa học không hề tư tưởng" (les sciences ne pensent pas) mà chỉ tìm tòi, nghiên cứu, lý luận, suy luận.

Thừa hưởng quá trình phát triển của Thế kỷ XX, thế kỷ XXI càng nâng những thành quả của thế kỷ trước lên mức độ cao hơn, hoàn thành những gì còn dang dở về mặt lý thuyết cũng như về mặt thực dụng, đưa nền văn minh đến trình độ "siêu kỹ thuật" cơ sở vào điện toán, vệ tinh, Internet, năng lượng nguyên tử, năng lượng mặt trời và tính cách "tự động hóa" qua những "máy móc biết suy nghĩ" trong việc chinh phục không gian cũng như trong tạo tác ra những khí cụ mới mẻ về mọi mặt. Đây là thời kỳ cao độ của nền "văn minh khí cụ" (civilisation instrumentale), "văn minh của rỗi rãi và của tiêu thụ" (civilisation de loisirs et de consommation). Và cũng là thời điểm cao độ của dạng "chiếm hữu thị trường" với nền "Kinh tế thị trường" trong đó cạnh tranh kỹ thuật, cạnh tranh mồi lực và cạnh tranh về giá cả giữ vai trò chính, chuẩn bị cho giờ cáo chung của dạng chiếm hữu thị trường do tính cách "toàn cầu hóa", tính cách "liên châu" (intercontinental) cùng nhu cầu ổn định địa cầu để cùng hợp tác tiến vào kỷ nguyên không gian khá nhiều khó khăn, trở ngại.

Trong hướng đó, Thế kỷ XXI phải giải quyết một số vấn đề căn bản:

\* Tiếp tục phát triển mọi chương trình chinh phục không gian và phát triển hơn nữa các công trình nghiên cứu của các ngành học khác đồng thời ngăn ngừa những hậu quả tai hại do những phát minh kỹ thuật ảnh hưởng đến giá trị và cuộc sống tư riêng của con người cũng như cuộc sống chung của xã hội nhân loại bằng những luật pháp quốc tế.

\* Bảo vệ môi sinh theo đòi hỏi của "Sinh thái học" (écologie) nhất là ngăn ngừa mọi ô nhiễm do kỹ nghệ và phương tiện lưu thông, đặc biệt do các chất "sa thải hạch nhân" (déchets nucléaires), không chỉ riêng cho con người mà còn cho cả cây cối và thú vật. (Trong thế kỷ XX, biết bao sự việc nguy hại xảy ra: vụ nổ lò nguyên tử Tchernobyl, vụ chất amiante được dùng nhiều trong kiến trúc đã dần dà gây ung thư, chết chóc nên đành hủy phá hết những kiến trúc trước, những vụ "bò dại" (vache folle), gà bị nhiễm chất dioxyne cùng các thú fromage, sữa... và lần lượt đến các thú khác như giày dép gần đây sản xuất từ các nước Á Châu cũng chứa ít nhiều chất nguy hại cho người dùng. Biết đâu những thực phẩm OGM cũng có thể gây di hại không ngay tức thời thì về lâu về dài sau này như trường hợp máy hấp Micro-ondes, cả điện toán và Internet cũng có thể tạo rắc rối cho người sử dụng có thể liên quan đến cả quốc phòng).

\* Trị liệu mọi chứng bệnh chưa tiêu diệt được, ngăn ngừa những chứng bệnh mới do ô nhiễm và do lương thực nhiều hóa chất.

\* Dự phòng vấn đề thiếu nước uống và nhiệt độ tăng giảm của trái đất, ngăn ngừa những tai nạn thiên nhiên: động đất, núi lửa, cuồng phong, bão lụt, thay đổi thời tiết bất thường (cùng những tai họa có thể đến với trái đất và loài người như những "thiên thạch" (météorites) từ những mảnh bề của các tinh cầu khác và đối đầu với những can thiệp của những "nhân loại ngoài địa cầu" (humanités extra-terrestres) với những "đĩa bay", nói chung là những OVNI (objets volants non identifiés) đã nhìn thấy trong thế kỷ XX nhưng chưa rõ xuất xứ và tác dụng).

\* Ổn định địa cầu, hủy diệt hết mọi bạo lực có thể dẫn đến chiến tranh cùng những chế độ độc tài, phi nhân bản để bảo vệ hòa bình thế giới cùng phát triển mọi nhân quyền căn bản và lòng nhân đạo trên khắp địa cầu, đồng thời tiến đến sự hợp tác quốc tế tiến vào kỷ nguyên không gian, giải trừ hết mọi nạn khủng bố, mọi hành động mafia.

\* Giải quyết tình trạng chênh lệch giàu nghèo giữa các quốc gia phát triển với các quốc gia còn chậm tiến.

\* Giải quyết những tệ nạn xã hội còn tồn tại như buôn lậu ma túy, giả mạo các mặt hàng, nạn đồng tính luyến ái, sách nhiễu tình dục, nạn kỳ thị chủng tộc, tôn giáo...

\* Quan trọng nhất là vấn đề giáo dục về đủ mọi phương diện nhất là về mặt đạo đức, luân lý để bảo vệ thuần phong mỹ tục, bảo vệ gia đình, bảo vệ phẩm giá người phụ nữ, ngăn chặn tình trạng tuổi trẻ phạm pháp và nạn suy đồi xã hội...

Những vấn đề thật lớn lao đòi hỏi thật nhiều kỹ thuật cao cấp, nhiều nguồn tài chánh khổng lồ, nhiều nỗ lực cộng tác và nhiều lòng tri, thiện chí. Nhìn chung, trên tiến trình nhanh chóng của Khoa học kỹ thuật, rất nhiều hy vọng, rất nhiều tin tưởng rằng con người sẽ được giải phóng hết mọi khổ đau, cuộc sống mỗi ngày một dễ dàng, sung túc và hạnh phúc hơn. Mọi điều lâu nay con người đòi hỏi như "tự do, bình đẳng, dân chủ, công bằng, bác ái..." sẽ có đầy đủ cho con người, không riêng theo cái nhìn của các nhà Khoa học kỹ thuật mà là cái nhìn toàn diện kết hợp hài hòa giữa các hoạt động và công trình của tất cả mọi bộ môn khoa học thực nghiệm và nhân văn.

## 2) THẾ KỶ XXI, THẾ KỶ CÓ THỂ HÌNH THÀNH CHẾ ĐỘ KỸ TRỊ (RÉGIME TECHNOCRATE) ĐƯA ĐẾN SỰ 'NỔI LOẠN CỦA QUẦN CHÚNG' (RÉVOLTE DES MASSES) :

Chế độ kỹ trị là chế độ mà quyền lực nằm gọn trong tay một thiểu số chuyên gia ngoại hạng về đủ mọi lãnh vực, đặc biệt là về mặt Khoa học kỹ thuật và sức mạnh họ hành xử là kỹ thuật qua những khí cụ siêu đẳng do kỹ thuật chế tác. Thiểu số chuyên gia đó sẽ hợp thành một giai cấp, "giai cấp thông thái" hay "giai cấp trí thức" (classe savante, knowledge class) cách biệt hẳn với tuyệt đại đa số quần chúng. Những chuyên gia này, ngay

từ ngày còn trên ghế nhà trường, khi được phát hiện năng khiếu chuyên biệt nào, đã được tài trợ, nuôi dưỡng bởi nhà nước hoặc bởi các nhà tư bản, các chủ nhân các cơ sở sản xuất và dịch vụ; lúc thành tài thì có ngay việc làm, vị trí chuyên môn nơi các công, tư sở; cuộc sống cá nhân và gia đình hoàn toàn được bảo đảm về mọi mặt, không một chút lo lắng nào về mưu sinh, không phải trải nghiệm những cảnh vất vả, thiếu thốn, lo nghĩ về sinh kế cho mình và gia đình. Họ đủ mọi điều kiện để chu toàn về sức khỏe, về sự học hành của con cái hoặc do chính họ hoặc do mọi chăm sóc của nhà nước và của các hãng xưởng, các xí nghiệp sản xuất và doanh nghiệp. Mọi công trình của họ đều được nhà nước hoặc các nhà tư bản, các chủ nhân hãng, xưởng tài trợ, đầu tư. Kỹ thuật đi đôi với kinh tế, thương mại. Kỹ thuật cần vốn đầu tư thật lớn và thành tựu của kỹ thuật lại đem đến những lợi tức khổng lồ. Công việc của họ là miệt mài nghiên cứu trong phòng thí nghiệm với đầy đủ phương tiện cần thiết ngoài trừ những nhà địa chất học, khảo cổ học nhiều lúc phải lặn lội đó đây. Phần dục tính (hiểu về mặt sinh lý) không mấy thôi thúc họ, phần cảm tính nơi họ không mấy bận rộn tâm tư. Tính nhân bản nơi họ quy đi vào niềm tin tưởng vào khả năng sáng chế, phát minh của họ sẽ làm giảm thiểu mọi đau khổ của nhân sinh. Cuộc sống đó mặc nhiên cách biệt họ với quần chúng; họ không chia sẻ, chịu đựng mọi nhọc nhằn, khổ lụy, mọi tai ương, hoạn nạn, âu lo như quần chúng. Trường hợp phải cứu giúp người thì họ, cũng như các nhà tư bản, các tỷ phú, gởi một số tiền cho các cơ quan từ thiện của Nhà nước hay tư nhân chứ không mấy trực tiếp chứng kiến, chia sẻ, cảm thông, xúc động như quần chúng nhân dân. Một điều cần chú ý là những chuyên gia đó không hề có tham vọng quyền hành, họ không muốn nắm quyền, không bao giờ có ý kết hợp thành "giai cấp cầm quyền", họ còn ngại hay sợ quyền hành nữa là khác. Nhưng rồi chính sự phát triển Khoa học kỹ thuật đã mặc nhiên đưa họ lên vị trí đó ngoài ý muốn của họ. Khoa học, kỹ thuật, như đã biết, khi phát triển đến mức độ siêu đẳng sẽ thoát ra mọi hiểu biết của con người bình thường và chỉ có những chuyên gia mới biết sáng chế, vận dụng, điều khiển. Quần chúng chỉ còn biết mua sắm (tiêu thụ), sử dụng và hưởng thụ tác dụng cùng thành phẩm do kỹ cụ tinh vi của kỹ thuật sáng chế ra thôi vì quần chúng không dễ gì có trình độ trí tuệ siêu đẳng như họ. Kỹ thuật càng tinh vi, số chuyên gia càng ít và số quần chúng không theo kịp vận tốc phát triển kỹ thuật càng nhiều. Sự việc này đưa đến tình trạng cách biệt giữa tầng lớp chuyên gia kỹ thuật với quần chúng cũng như sự ly dị giữa kỹ thuật với đại đa số nhân dân. Khoa học kỹ thuật là "con đẻ" của tư bản, do tư bản tài trợ mà phát triển và trở lại phục vụ cho tư bản, mối liên hệ "hữu cơ" đó đưa đến tình trạng "người giàu giàu mãi, người nghèo nghèo thêm" và Khoa học kỹ thuật trở thành công cụ củng cố và phát triển của chủ nghĩa tư bản. Các chuyên gia không lưu ý đến điều này (họ không làm chính trị hay kinh tế cũng không muốn biến mình thành nhà tư bản) mà chỉ chú ý đến cái "tự do nghiên cứu, tìm tòi" cùng sự tiến bộ của xã hội nhân loại. Phần lý tính phần nào làm lu mờ phần cảm tính nơi họ, thật ra công cuộc tìm tòi, nghiên cứu, phát minh khiến họ

không còn thì giờ để nghĩ đến, hơn nữa họ luôn luôn chiều theo cái "luận lý khoa học", không lưu ý đến những gì không nằm trong cái luận lý đó. Khoa học, kỹ thuật càng tiến đến mức độ siêu đẳng càng loại dần khả năng trí tuệ của quần chúng vì tất cả những gì vừa học hỏi nơi nhà trường, nơi sách báo hay qua truyền hình, Internet đã trở thành lỗi thời ngay trước vận tốc phát minh, sáng chế mới không lâu sau đó của Khoa học kỹ thuật. Muốn đạt đến mức độ chuyên môn thì phải học, học mãi, mà quần chúng thì mấy người có điều kiện để theo đuổi việc học hỏi triền miên đó. Từ đó, các chuyên gia nếu không thực sự nắm quyền thì cũng biến thành công cụ của thiểu số cầm quyền gồm các chuyên gia về chính trị, kinh tế, tài chính do đồng ý và được tài trợ bởi các nhà tư bản, các chủ nhân xí nghiệp sản xuất, doanh nghiệp, các công ty dịch vụ, ngân hàng.

Khoa học kỹ thuật giúp kỹ nghệ phát triển, sản xuất ra khối lượng sản phẩm tiêu dùng. "Sản xuất, phân phối, tiêu thụ", ba yếu tố chỉ huy nền kinh tế nhưng với giai đoạn "tự động hóa" thì yếu tố thứ ba (tiêu thụ) hầu như không đáp ứng với hai yếu tố trước. Lực lượng tiêu thụ lớn lao luôn luôn là đại đa số nhân dân trong nước và trên thế giới nhưng quần chúng không còn khả năng, điều kiện tiêu thụ nữa. Kỹ thuật với mức độ tiến bộ hiện nay chỉ tạo ra công ăn việc làm cho một thiểu số giới hạn vì đòi hỏi trình độ kiến thức cao, còn thì sa thải hàng loạt, hàng loạt công nhân, nông dân trong sản xuất cũng như trong tất cả mọi nghiệp vụ khác. Các cơ sở nhỏ không theo kịp đà phát triển của kỹ thuật và vốn ít liền tiếp phải phá sản, càng tạo thêm số người thất nghiệp. Ngay cả các cơ sở nhà nước cũng phải loại dần công chức vì kỹ thuật đã thay thế họ vừa nhanh, vừa tốt, vừa hiệu quả hơn. Số thất nghiệp nghĩa là không nơi làm việc sẽ gia tăng đến mức độ khủng khiếp. J. Rifkin đã nói rõ tình trạng đó nơi Hoa Kỳ và một số nước tiên tiến, không cần thiết nêu ra đây để tránh dài dòng. Không công ăn việc làm thì không có thu nhập, không có thu nhập thì lấy gì để tiêu thụ hàng hóa do kỹ thuật sản xuất? Tình trạng thất nghiệp dẫn đến tình trạng nghèo đói từng ngày và nhân dân chỉ còn sống vất vưởng do trợ cấp về mọi mặt của nhà nước. Nhưng nhà nước làm sao cung ứng nổi số lượng người thất nghiệp lớn lao càng ngày càng tăng trong khi phải chu toàn bao nghĩa vụ quốc tế cùng phải đầu tư thật nhiều vào công cuộc phát triển khoa học càng ngày càng cao cấp mà mọi thủ thuế đánh vào lợi tức người dân cũng như vào hàng hóa chẳng là bao vì số thất nghiệp không tạo ra được lợi tức và cũng không thể tiêu thụ nhiều. J. Rifkin bảo: "Cha ông ta ngày trước nghĩ rằng phải làm việc để sống, ngày nay, người ta có khuynh hướng rằng sống để làm việc" (xem La fin du travail, trang 455), cả hai, thật ra trong thời kỳ "tự động hóa" này khó lòng thỏa mãn. Mọi biện pháp như "bớt giờ làm việc" chẳng hạn chỉ có tính cách giai đoạn, càng lúc càng tỏ ra không mấy hiệu nghiệm để giải quyết được tình hình.

Không việc làm, không nơi làm việc, không thu nhập mà lại bị cuốn hút bởi thời trang phải tiêu thụ cho kịp đà văn minh vì hàng hóa mỗi lúc một tinh vi, tốt đẹp, lôi cuốn, hấp dẫn lại giá rẻ, người dân bình thường phải



quay quắt trong trạng thái tâm thần đó. Rảnh rỗi mà vẫn phải bị bắt buộc tiêu thụ, sản xuất thật nhiều mà khả năng tiêu thụ bị hạn chế, đây là nghịch lý của nền văn minh "tự động hóa" hiện nay. Tình trạng đó dẫn về đâu? Quần chúng trong tâm trạng quay quắt, bất an đó cùng điều kiện sống mỗi lúc khó khăn thêm, không thấy một bảo đảm vững chắc nào cho cuộc sống (cá nhân và gia đình) trong hiện nay và ngày tới, sẽ đi đến tình trạng nổi loạn, nổi loạn không để chống khoa học kỹ thuật mà nổi loạn để đòi hỏi nhà cầm quyền phải bảo đảm đời sống của họ. Nhưng nhà cầm quyền không thể nào bảo đảm nổi như đã nói trên. Cuộc nổi loạn không có lãnh đạo, cuộc nổi loạn tự phát, một thứ "cuồng điên bất lực" (rage impuissante, phỏng theo theo Karl Bednarik trong tác phẩm nói về tâm lý các phong trào hippy trên thế giới, người viết đọc trên 30 năm qua, không còn nhớ). Dĩ nhiên nhà nước phải giải tán, không bằng các biện pháp lâu nay mà bằng những kỹ thuật siêu đẳng, chẳng hạn dùng một chất keo hóa học nào đó khiến người nổi loạn dính chặt thành khối hoặc khiến mỗi người trở nên bất động. Một điểm cần thêm là trong giai đoạn "tự động hóa" này, không có những biểu tình của các nghiệp đoàn vì hầu như không có hoặc không còn cần thiết tổ chức nghiệp đoàn, lý do số công nhân trong các xí nghiệp chỉ một số nhỏ quá ít ỏi (xem La fin du travail).

Chế độ kỹ trị không có lý thuyết, không người lãnh đạo, không do ý muốn của một ai nhưng lại mặc nhiên thành hình và trở thành hiện thực do những điều kiện khách quan là sự phát triển quá nhanh chóng của khoa học kỹ thuật siêu đẳng. Làm sao giải quyết cuộc khủng hoảng to lớn trên, một bên là cần thiết của phát triển khoa học kỹ thuật với quyền "tự do tìm tòi nghiên cứu" và cần thiết của tiến bộ, một bên là tình trạng rối loạn của xã hội và tình trạng nghèo đói, bất loạn của tuyệt đại đa số quần chúng? J. Rifkin có đưa ra một số biện pháp giải quyết nhưng người viết nhận thấy cũng khó lòng hoàn hảo. May sao còn một hy vọng, hy vọng không do tưởng tượng, không do thiện chí một ai mà do từ diễn tiến khách quan của lịch sử. (Chế độ "kỹ trị" có xảy ra không? Người viết nêu ra như là một "dự tưởng" nhưng cũng không phải là hoàn toàn hảo huyền).

### **3) THẾ KỶ XXI, THẾ KỶ ĐƯA DẪN ĐẾN THỂ CHẾ "LIÊN BANG TOÀN ĐỊA CẦU" VỚI CHẾ ĐỘ "DÂN CHỦ XÃ HỘI" (DÉMOCRATIE SOCIALE) TẠI KHẮP CÁC QUỐC GIA VÀ VỚI NỀN "KINH TẾ HỖ TƯƠNG" (ÉCONOMIE MUTUELLISTE) GIỮA CÁC KHỐI. SỰ PHÁT TRIỂN NHÂN QUYỀN VÀ VAI TRÒ TÔN GIÁO.**

Ta đã biết từ hậu bán thế kỷ XX và trong thế kỷ XXI sắp tới, sự phát triển thần tốc của khoa học kỹ thuật nếu có thể đưa đến tình trạng khủng hoảng nêu trên thì đồng thời cũng khiến cho mọi giao dịch giữa các quốc gia dân tộc tiến đến tình trạng liên châu, nghĩa là "toàn cầu hóa" về mọi mặt. Người ta đã nói và thực tế đang diễn ra tính cách "toàn cầu hóa" của nền Kinh tế. Nền Kinh tế toàn cầu hóa đưa dẫn đến "toàn cầu là thị trường". Khi "toàn

cầu là thị trường" thì sự "cạnh tranh thị trường" không còn, và như thế, mọi cạnh tranh khác về kỹ thuật, về giá cả cũng sẽ không còn hay bớt phần gây cản.

Tiến bộ nhanh chóng của khoa học kỹ thuật về mặt vũ khí và truyền thông cùng sự phát triển của nền kinh tế thị trường là sức ép làm thay đổi quan niệm về độc lập, tự chủ lâu nay. Do thay đổi giữa các mối quan hệ và sự phát triển quốc tế cùng điều kiện và yêu cầu riêng của đất nước và dân tộc, các quốc gia dần dần tiến đến những kết tập mới không còn tính cách liên minh về một mặt nào đó thôi (như riêng về an ninh, kinh tế hay tôn giáo) mà trong một cách thế rộng lớn hơn. Quan hệ trong những kết tập mới này không còn tính cách chi phối, áp lực lẫn nhau mà trên căn bản hợp tác bình đẳng và tương nhượng. Khối Âu Châu hiện nay đã được thành lập trong hưởng đó. Từ sau Đệ nhị thế chiến, để cứu vãn nền kinh tế suy sụp, để thoát bớt sự chi phối của Hoa Kỳ và để phần nào cân bằng thế tranh chấp giữa hai siêu cường Hoa Kỳ và Liên Xô, khởi đầu từ "Thị trường chung Âu Châu", các quốc gia Âu Châu, qua gần 50 năm thương thảo, đến nay đã vững mạnh với một Quốc Hội chung, một Chính Phủ chung, một tiền tệ chung và càng lúc càng đón thêm nhiều hội viên, càng lúc càng trở nên một "thực thể" quan trọng đối với sinh hoạt của thế giới về đủ mọi mặt. Khởi đầu chỉ là do yêu cầu của riêng mình, những người chủ trương ban đầu nào đâu có ý thức rằng việc thành lập Khối Âu Châu lại phù hợp với vận hành lịch sử nhân sinh. Lời của Jean Paul Sartre: "Lịch sử tự tạo mà không tự thức" (l'histoire se fait mais ne se connaît pas) phần nào có thể ứng dụng trong trường hợp này. Nó (khối Âu Châu) là mô hình cho một "quần cư mới" của nhân loại (từ bộ lạc đến dân tộc, quốc gia nay là vùng, khối để tiến đến liên châu) đáp ứng được điều kiện chủ quan, khách quan của tình hình. Nó chứng minh rằng nhu cầu của mỗi quốc gia từ an ninh đến phát triển, từ nhân lực đến tài lực, vật lực của riêng một quốc gia không thể bảo đảm và cung ứng cho sự an toàn và phát triển của mình, không thể cạnh tranh lại với sức phát triển của kỹ thuật và kinh tế trên thế giới, vì sự tiến bộ chung của nhân loại đã thực sự vượt ra khỏi phạm vi địa phương, vượt qua phạm vi quốc tế để tiến đến phạm vi liên lục địa. Sự đoàn kết của khối Âu Châu làm xóa đi những hận thù, những dị biệt giữa các dân tộc trong khối để chung sức xây dựng cuộc sống an lạc, hoà bình, tiến bộ và đủ sức mạnh đứng đầu với mọi trở ngại bên ngoài cho toàn nhân dân trong khối. Khối này đang trên đường xây dựng thể chế Liên Bang Âu Châu (Europe fédérale). Sự kết hợp thành "Khối" này là mô hình cho sự quần cư của nhân loại từ nay. Khối "Đông Nam Á" đang trên đường đó, khối "Liên Hiệp Phi Châu" có thể đang trong khuynh hướng đó, nay mai sự kết hợp thành Khối sẽ tiếp tục diễn ra vì đây là yêu cầu của lịch sử tiến hóa, phù hợp với tính cách "toàn cầu hóa" mọi mặt sinh hoạt của nhân sinh. Sự kết hợp Khối này sẽ dần dà hình thành một "Thể chế Liên bang toàn Địa cầu" để ổn định địa cầu, để hợp tác chặt chẽ nhau hơn về kỹ thuật, về tài lực và nhân lực tiến vào kỷ nguyên không gian mà riêng "gia tài" mỗi quốc gia không thể nào cung ứng nổi. Sự kết tập thành Khối và sự thiết lập Thể chế Liên bang toàn Địa

cầu sẽ xóa đi những trang sử đau buồn, thù hận giữa các dân tộc, dung hòa những dị biệt về tôn giáo, tín ngưỡng, văn hóa, ngăn ngừa mọi ý đồ và hành động độc tài, độc đoán, mọi ý đồ khống chế, bành trướng, "chủ nhân ông" ăn trên ngồi trước của bất kỳ quốc gia nào, cùng lúc xóa được (hoặc giảm thiểu dần) sự chênh lệch "giàu-nghèo" giữa các quốc gia. Toàn địa cầu là một Liên bang, mỗi Khối là một tiểu bang, tất cả tuân theo một nền pháp lý và đức lý chung mà vẫn tôn trọng những sắc thái văn hóa riêng biệt của từng quốc gia dân tộc. Một cơ quan quyền lực chung (Chính phủ toàn cầu, Liên Hiệp Quốc sẽ cải tổ cho phù hợp với tình hình) điều hành mọi tương giao, một (hoặc 2,3) ngôn ngữ chung được công nhận làm tiêu chuẩn, một tiền tệ chung làm đơn vị phổ quát cho các tiền tệ mỗi Khối. Chính thể tại mỗi quốc gia dù với sắc thái riêng biệt của dân tộc ra sao, trên đại cương sẽ là "Chính thể Dân chủ Xã hội" ("Dân chủ" để thực hiện tự do, bảo đảm trật tự và bình đẳng xã hội; "Xã hội" để phát huy tương trợ, hợp tác, phát huy tình thương, đức bác ái). Trong những điều kiện đó, dạng thức "chiếm hữu thị trường" với tính cách "toàn cầu hóa" về mọi mặt sẽ đổi chiều hoặc xem như đã hoàn thành cái "nghiệp" của nó. Quyền tư hữu vẫn còn những sự việc chiếm hữu sẽ chuyển sang "chiếm hữu là để giải thoát, giải phóng cho nhau chứ không để bóc lột mọi thứ của người cho mình", điều này không do thiện chí một ai mà do từ những điều kiện khách quan của lịch sử đã đẩy đưa đến đó, nói phỏng theo lời Jésus là "có kẻ phạm tội nhưng không còn có gây nên phạm tội". Chủ nghĩa tư bản xem như đã đi trọn con đường phát triển để "tự nó cáo chung" và chuyển sang nền "Kinh tế hỗ tương" trong đó "sản xuất, phân phối và tiêu thụ" đồng đều và đều khắp nhân quần vì lẽ "chiếm hữu" không còn cần thiết, không còn là "cớ" gây nên phạm tội. Với phát triển của khoa học, kỹ thuật và với nền kỹ nghệ tự động hóa, hàng hóa, lương thực sẽ sản xuất dồi dào, không còn tình trạng "khủng hoảng thừa hay thiếu" cũng như hối xuất tiền tệ không trôi sụt bất thường như lâu nay vì sự cạnh tranh mậu dịch, thị trường cùng sự tích lũy do óc chiếm hữu không còn cần thiết với nền kinh tế hỗ tương này.

Để thúc đẩy tiến trình đó, Tôn giáo, Triết lý, Nghệ thuật nắm giữ vai trò quan trọng bên cạnh Khoa học kỹ thuật. Tạm gác qua các vấn đề Thần Học, Đức Tin, một yêu cầu cấp bách của Tôn giáo đối với lịch sử là ngăn chặn cuộc "nổi loạn bộc phát" của quần chúng đã nói ở trên trong trường hợp Khoa học kỹ thuật cùng "thời đại tự động hóa" mãi lờn lộn trên đường phát triển có năng nhân danh thực tế đời sống và nhân danh tiến bộ văn minh. Quần chúng tôn giáo đông và phần lớn nghèo khổ, thêm vào "niềm tin tôn giáo" cùng sự vâng lời Giáo Hội sẽ là sức mạnh ngăn chặn được tình trạng trên. Yêu cầu "đối thoại giữa các Tôn giáo" đang được cổ võ, đặc biệt Giáo Hoàng Jean Paul II tích cực hoạt động cho vấn đề này. Sự việc này cần thiết để góp phần "nhân bản hóa" Khoa học kỹ thuật vì từ lâu hầu như các bộ môn khoa học thuần túy nhân văn không theo kịp đà phát triển của các bộ môn khoa học thực nghiệm. Sự việc này cũng sẽ đưa đến một "dung hòa quan điểm" giữa Văn hóa Đông Tây. W. Leibnitz, nhà Toán học và triết gia Đức từ thế kỷ

XVIII phần nào từ thuyết "âm-dương" của Đông phương đã tìm ra "phép đếm nhị phân" (énumération binaire) đến nay được dùng trong Điện toán (theo nhà biên khảo Võ Thu Tịnh cho biết). Phật Giáo dần dà được Tây phương đón nhận và đã tạo khá nhiều ảnh hưởng nơi miền đất này, thêm nữa, số đông nhà khoa học dù không là tín đồ nhưng nhìn nhận giáo lý nhà Phật phần nào không trái với tinh thần "luận lý khoa học" của họ. Tất cả giáo lý của tất cả mọi Tôn giáo đều cần thiết cho nền "Kinh tế hỗ tương" sắp đến và là chỗ tựa vững mạnh cho tiến trình "nhân bản hóa" con người. Trong hướng đó, Triết lý, Nghệ thuật vừa phản ảnh thực tại đời sống, vừa thăng hoa thực tại đó để cả hai thế giới, "thế giới hữu giác cố năng" và "thế giới thực hữu" cùng đồng hành trong một hòa điệu tốt đẹp, mà cứu cánh là dẫn về "nhân bản hóa" một ngày một thêm con người và cuộc sống nó cùng cuộc sống chung của xã hội nhân loại. (Xem thêm: "Nhân loại mới: từ Nhất Thế khởi nguyên đến Nhất Thế hồi phục). Tiến trình này dĩ nhiên không thể một sớm một chiều xảy đến ngay những thế kỷ XXI là thế kỷ chuẩn bị cho tiến trình đó xảy ra.

Những ý kiến vừa nêu có là ảo tưởng, huyền hoặc, mộng mơ, có là "niềm tin tự tạo" hay không? Tùy nhận định của mỗi người. Người viết luôn tin tưởng rằng vận hành tiến hóa của nhân sinh sẽ dẫn đến đây vì lịch sử của "thế giới hữu giác cố năng" luôn được điều hướng bởi lịch sử tiềm tàng ẩn mật của lẽ Tiến hóa (người viết gọi là Lê Đạo).

Cơ sở trên những dữ kiện của Thế kỷ XX, từ đầu Thế kỷ XXI, ta vừa bi quan vừa lạc quan, cái bi quan của các nhà Đạo đức và của tuyệt đại đa số quần chúng và cái lạc quan của các nhà khoa học kỹ thuật, của các nhà kinh tế và tư bản. Dù sao vẫn hy vọng. Hy vọng là khuynh hướng bản nhiên nơi con người, khuynh hướng trong hiện tại, vượt thoát hiện tại, hướng về tương lai để hiện thực hóa tương lai trong hiện tại. Xét theo lý thuyết "âm-dương" của Đông phương, có thể nói tình hình thế giới ngày nay tiến đến thời kỳ "cực thịnh" của phần Dương để, phỏng theo Nguyễn Du, có thể nói: "*Tôi khi dưỡng cực, âm hồi khôn hay*".

Trévoux (France) tháng 9/1999

#### Sách tham khảo :

- 1- Cent ans de Souvenirs et d'Evenements, Sélection du Reader's Digest, Belgique 1997,
- 2- Le Bilan du XXème Siècle, Harenberg, Bruxelles 1992 ,
- 3- La Passion de connaître: l'Univers, la Vie, l'Homme, l'Esprit- André Valenta, éd. du Rocher, 1991,
- 4- 2100, récit du prochain siècle- Thierry Gaudin, Payot-Paris 1990,
- 5- La Mélodie secrète - Trinh Xuân Thuận, Gallimard 1988,
- 6- Le Chaos et l'Harmonie - Trinh Xuân Thuận, Fayard 1998,
- 7- Commencement du temps et fin de la physique - Stephen Hawking, Flammarion 1992 ,
- 8- La fin du travail - Jérémy Rifkin, bản dịch Pháp ngữ của Pierre Jouve, éd. La Découverte, Paris 1997,
- 9- "Nhân loại mới: từ Nhất Thế khởi nguyên đến Nhất Thế hồi phục" - Nguyễn Thùy & Trần Minh Xuân (hoàn thành lên lút tại Việt Nam, Saigon 1979) - nxb Mékong Ty nạn, California 1992.



# Hình ảnh Việt Nam cuối thế kỷ 20

**T**ừ năm 1975 đến năm 2000 chỉ các h nhau có 1/4 thế kỷ, hay nói cho rõ hơn là khoảng thời gian của 25 năm. Trong 25 năm của 67 triệu người Việt Nam có vinh nhục, có sinh tử, có thống trị và có tù đầy. Tự do, dân chủ, hạnh phúc, ấm no, là những thứ sản phẩm chỉ có trong ước mơ hay trong tưởng tượng của người dân.

Người cộng sản đã cần 20 năm để chiếm miền Nam, nhưng với hai mươi lăm năm qua là khoảng thời gian quá đủ thừa để Hà Nội đưa giai cấp vô sản lên thành giai cấp tư bản đồ. Tư bản đồ trong nước, tư bản đồ ở hải ngoại. Tư bản đồ ở bất cứ những nơi nào mà chúng có thể hút được máu mủ và phè phởn trên mồ hôi nước mắt của người Việt Nam.

Miền Nam, trong chiến tranh là nơi để sống, để chiến đấu bảo vệ tự do. Nhưng miền Nam trong hòa bình là nơi để chạy trốn, chạy trốn chế độ, chạy trốn tội ác của những kẻ đã nhân danh cách mạng, nhân danh giải phóng. Nhiều thế hệ đã sinh ra và lớn lên trong chiếc nôi của chủ nghĩa cộng sản, nhưng khi đến tuổi lớn khôn, lại cũng chỉ còn có một hy vọng là chạy trốn cộng sản!

Hàng triệu người đã phải bỏ nước ra đi tìm tự do ở những phương trời không định hướng, có vô số người đã đi sâu vào lòng của biển cả, hay đã phải vùi chôn cuộc đời trong chốn lao tù cải tạo.

Tại Việt Nam, hàng ngày người dân phải nghe những lời tuyên truyền về chủ thuyết Mác-Lê, về tài lãnh đạo sáng suốt của đảng và nhà nước v.v... Nhưng hai mươi lăm năm qua, người dân miền Nam đã hiểu rõ được thế nào về thực tế ý nghĩa của bốn chữ X.H.C.N. Xã Hội Chủ Nghĩa có nghĩa là : Xạo Hết Chỗ Nói, Xếp Hàng Cả Ngày, Xiết Họng Cả Nước, Xiết Họng Công Nhân, Xực Hón Cả Ngụy, Xực Hết Cái Ngon.

Khi những gian dối đã bị lộ dạng, những tội ác đã bị phơi bày, thì sự thật cần phải được khéo léo búng bít. Những người chân thật bị tù đầy, nhưng những kẻ đã gây tội ác thì lại được khen thưởng. Từ thành thị cho đến thôn quê đâu đâu dân chúng đều phải học nói dối, học ca tụng tội ác, học chê bai sự thật, học nói hoan hô và đá đảo cho liền miệng. Trẻ con phải học về lòng yêu kính những lãnh tụ đã giết chết tướng lai của chúng. Lớn lên chúng phải học thêm về thành tích chống Mỹ, chống Ngụy.

Hàng triệu người bị nghèo khổ, làm không đủ sống hay bị thất nghiệp, chỉ vì: "Bác Hồ vĩ đại sống mãi trong sự thất nghiệp của chúng ta". Hàng triệu người bị "giải phóng" mất hết nhà cửa, nên phải sống lang thang ở

khắp các via hè, lề đường, cũng chỉ vì: "Bác Hồ vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta". Cho đến những cô gái buôn hương bán phấn cũng phải thốt lên lời than van: "Cụ Hồ vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chị em ta".

Sài Gòn trước năm 1975 là hòn ngọc Viễn Đông, là trái tim của miền Nam, nay đã mất tên. Sài Gòn yêu dấu bị khoác vào cái tên mới: Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau đây là đại khái tên của một số đường phố ở Sài Gòn, đã bị thay đổi kể từ 1975 cho đến nay. Trong tương lai, Sài Gòn sẽ có thêm quận mới, tên các quận có thể không còn mang chữ số như hiện nay. Riêng về tên đường, sẽ bị sắp xếp lại và chắc chắn sẽ còn bị thay đổi lần nữa.

<b>Tên đường cũ</b>	<b>=&gt; Tên đường mới</b>
Cộng Hòa (Q. 5)	=> Nguyễn Văn Cù
Công Lý	=> Nam Kỳ Khởi Nghĩa
Đông Khánh	=> Trần Hưng Đạo B
Gia Long	=> Lý Tự Trọng
Hiền Vương	=> Võ Thị Sáu
Hồng Thập Tự	=> Nguyễn Thị Minh Khai
Lê Văn Duyệt	=> Cách Mạng Tháng Tám
Minh Mạng	=> Ngô Gia Tự
Nguyễn Hoàng	=> Trần Phú
Nguyễn Văn Thoại	=> Lý Thường Kiệt
Phan Thanh Giản	=> Điện Biên Phủ
Tự Do	=> Đồng Khởi
Thống Nhất	=> Đại lộ Lê Duẩn
Trần Hoàng Quân	=> Nguyễn Chí Thanh
Trần Quý Cáp	=> Võ Văn Tần
Trần Quốc Toàn	=> Ba Tháng Hai
v.v..	

Ngay sau khi vài con đường bị đổi tên, người dân Sài Gòn đã "phấn khởi và hồ hởi" tặng cho đảng một câu nghe thật chí lý :

*Nam kỳ Khởi Nghĩa tiêu Công Lý,  
Đông Khởi vùng lên mất Tự Do.*

Khắp các nơi trên quả địa cầu này, nhân loại đang chuẩn bị chào đón một kỷ nguyên mới. Ở các nước Âu Mỹ, pháo bông sẽ được đốt lên cho sáng rực bầu trời, rượu xâm-banh sẽ được rót mời nhau kèm theo những câu chúc mừng cho kỷ nguyên mới. Đêm giao thừa sẽ được tổ chức thật tưng bừng ở thành phố Nữu-Uớc, tất cả các khách sạn trong thành phố đã được du khách đặt trước trong tháng 9 năm nay. Báo Viên Giác của Kiều bào và Phật tử ty nạn tại Đức cũng cho ra số đặc biệt về năm 2000.

Nhưng đối với đồng bào ruột thịt của chúng ta ở quê nhà, họ sẽ chào đón kỷ nguyên mới bằng những niềm hy vọng gì? Kỷ nguyên mới sẽ đền bồi được những gì cho sức chịu đựng kiên cường của họ trong suốt hai mươi lăm năm qua? Hay đó chẳng qua chỉ là sự xoay tròn của vũ trụ, mà người dân không có thời gian để quan tâm đến? Theo bản tin của tạp chí "Der Spiegel" số phát hành 39, ngày 27.09.1999, có ghi đại khái về Việt Nam như sau :

- Lợi tức tính trung bình cho mỗi đầu người dân là 247 \$US (trước đây khoảng 190 \$US), riêng người dân ở thành phố thì vào khoảng 370 \$US.

- Việt Nam là quốc gia xuất cảng gạo đứng hàng thứ nhì trên thế giới.

- Trong tương lai tổng sản lượng quốc gia sẽ tăng khoảng 3% một năm.

- 3 lý do đã làm cho Việt Nam bị chậm tiến, so các quốc gia khác ở Á Châu và đã gây trở ngại lớn cho các nhà đầu tư ngoại quốc: khủng hoảng, tham nhũng, quan liêu. Chúng ta còn có thể tin được gì về những con số thống kê đã do Cộng Sản Việt Nam dựng lên, khi mà hàng chục triệu người dân trong nước vẫn còn bị đói khổ?

Vài hình ảnh về Việt Nam vào khoảng 70 ngày sau cùng của thế kỷ 20 này, có thể để cho những vị đồng hương đã rời Việt Nam lâu năm và cũng để cho những thế hệ trẻ sinh ra ở Đức, sẽ thấy được phần nào sự thật về "tài lãnh đạo sáng suốt" và những "thành quả tốt đẹp", mà đảng và nhà nước đã đạt được trong suốt 25 năm cai trị ở miền Nam:



### "TIẾN NHANH, TIẾN MẠNH, TIẾN VỮNG CHẮC LÊN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA"

Nhiều nước trên thế giới đang lo sợ về những hậu quả nguy hiểm, sẽ do máy điện toán ( cộng sản gọi là máy vi tính ) gây ra trong năm 2000. Nhưng ở Việt Nam thì chẳng có gì để lo lắng, vì cả nước đã tiến nhanh và tiến mạnh được lên đỉnh cao của xã hội chủ nghĩa rồi. Hình ảnh trên có khác gì những hình ảnh của 25 năm trước đây, mà có lẽ chính chúng ta đã từng trải qua hoặc đã từng chứng kiến hay không?

### "NGƯỜI NGƯỜI SẢN XUẤT, NHÀ NHÀ SẢN XUẤT, TOÀN DÂN TOÀN QUÂN THI ĐUA SẢN XUẤT"

Trong thời kỳ chiến tranh, giai cấp "vô sản" và giai cấp "bần cố nông" bị Hà Nội kêu gọi đứng lên làm cách mạng, chống Mỹ-Ngụy và họ cũng từng được đảng cộng sản Việt Nam đề cao là những giai cấp lãnh đạo đất nước ? Nhưng trong hòa bình thì khác hẳn, họ chỉ là giai cấp nô lệ của đảng và nhà nước trong suốt 1/4 thế kỷ qua. Chỉ có giai cấp được ngụy trang với cái tên mị dân



là "đầy tớ nhân dân", mới thật sự là giai cấp ăn trên ngồi trước thiên hạ.

Chiếc xe ba bánh là sự sống của trọn gia đình: bà mẹ già, con trai, con dâu và ba đứa cháu nội. Cả gia đình phải làm mới có tiền để sống. Trẻ con cũng phải "thi đua lao động" chứ không được đi học, dù rằng là "cháu ngoan của bác Hồ".



### "LAO ĐỘNG LÀ VINH QUANG"

Trong thời kỳ chiến tranh, Cộng Sản đã tuyên truyền rằng, giai cấp lao động dưới chế độ Việt Nam Cộng Hòa đã bị Mỹ-Ngụy bóc lột v.v... Nhưng đầu sao thì ghe xuồng của họ cũng được gắn chiếc máy đuôi tôm, khỏi phải chèo chống cho mệt sức. Hai mươi lăm năm qua, người lao động đã "được giải phóng và đã được làm chủ đất nước", thì phải rán lấy hết sức lực ra làm để phục vụ cho đảng và nhà nước. Việt Nam trong 1/4 thế kỷ qua đã đi ngược lại nền văn minh của thế giới và thụt lùi trước sự tiến bộ của nhân loại.

### "LÀM NGÀY KHÔNG ĐỦ, TRANH THỦ LÀM ĐÊM, LÀM THÊM GIỜ NGHỈ"

Họ không phải là những tay buôn bán "chuyên nghiệp", mà họ chính là những nhà trí thức, những nhà mô phạm... Họ chỉ được trả đồng lương chết đói, không xứng đáng với sức lao động, mà họ đã bị đảng và nhà nước





bóc lột. Chỉ có một lối thoát duy nhất, là ngoài những giờ làm việc ở sở, họ phải buôn bán hay làm thêm bất cứ nghề gì khác, miễn sao có thể kiếm thêm được chút ít tiền để lo trang trải cho cuộc sống hằng ngày trong gia đình. Chỉ có "giai cấp đầy tớ của nhân dân" được sống trong các căn nhà sang trọng, mới có đầy đủ phương tiện và tiền bạc để hưởng các thú vui sướng sau giờ làm việc.

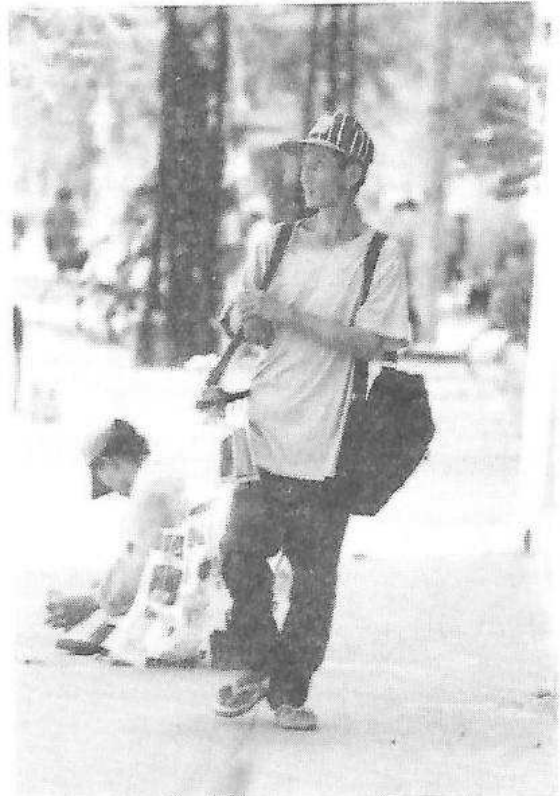
### "NƯỚC VIỆT NAM THỐNG NHẤT, ĐỘC LẬP, TỰ DO VÀ GIÀU MẠNH MUÔN NĂM"

Trong các thành phố tại Đức, ở những nơi nào có gần bằng cấm đậu xe, tức là ở những nơi đó có xe đậu rất nhiều. Còn ở Việt Nam thì cũng chẳng khác gì, hễ ở bất cứ nơi nào mà có ghi hàng chữ "*Cấm phóng ước bữa bãi*", thì chắc chắn tại những nơi đó rất hôi hám và dơ bẩn.



Còn ở những nơi nào thấy có ghi câu "*Cấm đổ rác*", thì chắc chắn tại những nơi đó rác được đổ ngập lên đến cổ.

Khắp miền Nam Việt Nam, chỗ nào cũng thấy ghi câu: "*Nước Việt Nam Thống Nhất, Độc Lập, Tự Do và Giàu Mạnh muôn năm*", như vậy ở những nơi đó có cái gì? Nếu đơ-la Mỹ là sự sống của "giai cấp đầy tớ nhân dân", thì rác của người nghèo cũng còn là sự sống của giai cấp vô sản. Ở xã hội Việt Nam sau 30.04.1975 chỉ còn có hai giai cấp: Một giai cấp "sống để mà ăn" và một giai cấp khác "ăn để mà sống". Đau lòng thay cho một "*nước Việt Nam giàu mạnh muôn năm!*".



### "KHÔNG CÓ GÌ QUÍ HƠN ĐỘC LẬP TỰ DO"

Trong suốt hai mươi lăm năm qua, người dân chỉ mỗi hưởng được có 1/3 của chín chữ trên, có nghĩa là mỗi "không có gì". Hai phần ba còn lại chắc chắn sẽ không bao giờ được thấy.

Thời Việt Nam Cộng Hòa người ta chỉ biết có chợ trời, nhưng dưới sự cai trị của Cộng Sản Việt Nam, người ta còn biết thêm những thú chợ mới, như: chợ đứng, chợ chui, chợ chồm hổm, chợ chạy... Người bán hàng phải mang hàng hóa trên người, vì đó là toàn bộ vốn liếng của họ và còn là sự sống cho cả gia đình họ. Khi bị công an bố ráp, họ phải chạy trốn cho thật nhanh, phải giấu hàng cho thật kỹ. Nếu không thì sẽ bị bắt, hàng hóa bị tịch thu, gia đình phải chịu đói khổ. Khi mà người ta đã biết quý củ khoai lang, khoai mì, thì tất nhiên người ta mới biết "không có gì quý hơn độc lập tự do"!

### "HỌC TẬP TỐT..."

Kể từ sau khi miền Nam bị rơi vào tay Cộng Sản, con nít khi bắt đầu đi học, chúng phải khoác khăn quàng đỏ vào cổ rồi học thuộc bài hát vỗ lòng: "*Ai yêu bác Hồ Chí*

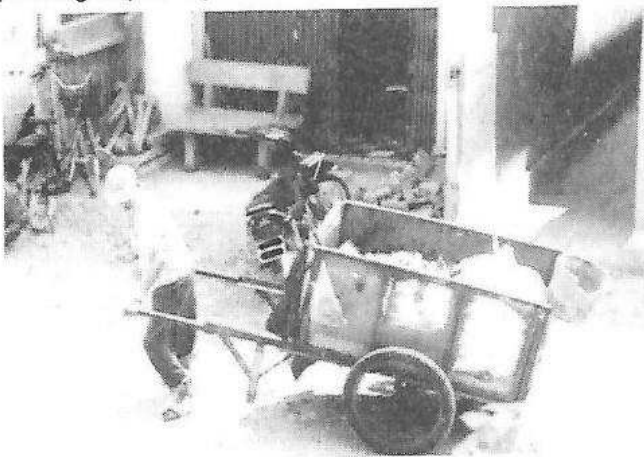
Minh hồn chúng em nhi đồng... ", đồng thời chúng còn phải học thêm "năm lời dạy của bác Hồ" như sau:

1. Yêu tổ quốc, yêu đồng bào
2. Học tập tốt, lao động tốt
3. Kỷ luật tốt
4. Giữ gìn vệ sinh thật tốt
5. Khiêm tốn, thật thà, dũng cảm



Nhưng trong hai mươi lăm năm qua, nhiều thế hệ đã được sinh ra và chắc chắn đã có hàng triệu đứa trẻ là nạn nhân của mặt trái năm lời dạy đó!

Hình của một đứa trẻ đang đánh giày ở lề đường, là thảm cảnh của hàng triệu đứa trẻ ở Việt Nam không được đi học. Đây không phải là "tàn dư của chế độ Mỹ-Ngụy để lại", mà là một trong những sản phẩm mới do Cộng Sản Việt Nam tạo ra. Hai mươi lăm năm qua Việt Nam không còn chiến tranh, Việt Nam đã được độc lập, người dân Việt Nam được "làm chủ" đất nước, nhưng tại sao trẻ con lại không được đi học?



"... LAO ĐỘNG TỐT"

Trẻ con chẳng những không được đi học, mà còn phải đi làm để làm kiếm tiền, đôi khi phải làm những công việc nặng nhọc của người lớn. Hình ảnh đứa nhỏ phải kéo chiếc xe rác nặng trĩu đó, là số phận chung của hàng triệu đứa trẻ khác ở miền Nam sau ngày 30.04.1975 và chắc chắn sẽ còn được tồn tại ở thế kỷ 21 sắp đến.

(Frankfurt am Main 19.10.1999)

THƠ

● DÝ SỸ

## Ta Sẽ Về... Hỡi Việt Nam Yêu Dấu... !!!

Ta sẽ về, hỡi quê hương yêu dấu,  
Về quê xưa, tìm lại chốn thân yêu,  
Làng xóm kia : những con đường quen thuộc,  
Phố xá này : thân thiết biết bao nhiêu...

Ta sẽ thấp nhang nơi đền Quốc Tổ,  
Lòng nhủ thầm : đất nước lại bình yên,  
Hương tự do lan rộng khắp mọi miền,  
Cả non sông như từng bừng mở hội!!!

Ta sẽ về, với bao lòng mong mỏi,  
Góp bàn tay, xây dựng lại quê hương,  
Để quên đi những lạc lõng, chán chường,  
Sầu vong quốc, ngậm ngùi, nơi xứ lạ...

VIỆT NAM ơi! bốn ngàn năm lịch sử,  
Theo gương xưa, ta dành lại nước ta,  
Đời tự do sẽ vô cùng ý nghĩa,  
Không Cộng nô, không phù phiếm, xa hoa...

Nòi QUANG TRUNG, ta vốn giòng bất diệt,  
Lấy tình thương, quyết xóa bỏ hận thù,  
Lòng một lòng xây dựng lại quê xưa,  
TỔ QUỐC ta, luôn ở trên tất cả...

Các tôn giáo, đảng, đoàn, không chia rẽ,  
Nước hùng cường do sức của toàn dân,  
Quyết xóa đi những đen tối, tị hiềm,  
Để kiến tạo, nước VIỆT ta trù phú...

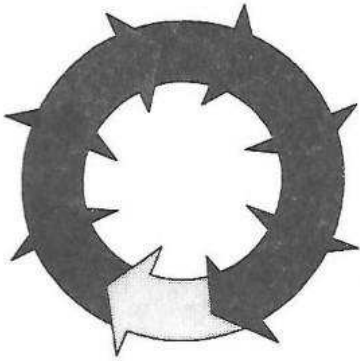
Lấy tự do là phương châm xử sở,  
Kiến thức chuyên môn : ta sẽ giúp đời,  
Nghệ thuật kia : làm nước VIỆT thêm tươi,  
Óc sáng tạo : vẽ vang nòi giống VIỆT...

Ta sẽ góp những cần cù, nghị lực,  
Những bàn tay nối tiếp với bàn tay,  
Thêm kiên nhẫn, để xây dựng ngày mai,  
Nước VIỆT mạnh, khi toàn dân nhất trí...

VIỆT NAM ơi! Ôi non sông hùng vĩ!  
Quê hương tôi, thân thiết biết bao nhiêu!  
Dù lạc loài, dù vất vả trăm chiều,  
Con của mẹ! sẽ quay về với mẹ... !!!



# Từ thế kỷ cũ nhìn sang thế kỷ mới



**N**ăm 2050, hàng tỷ người sinh ra từ ống nghiệm giống nhau như khuôn đúc theo kỹ thuật di truyền hoàn hảo nhất, trong những điều kiện chắc chắn nhất. Thế nên không ai phân biệt được tuổi đời. Người 60 tuổi cũng có những sinh hoạt, dáng dấp, lòng ham muốn giống như người 20 tuổi. Đến cuối đời, con người vui lòng nhờ người khác chích thuốc độc vào thân thể để ra đi mau chóng kín đáo không đau đớn. Loại người mới này hoàn toàn tự do vui thú, sống nhàn nhã xem trên đời không có gì gấp rút. Đối với họ, tìm chân thiện mỹ không phải là một việc làm cần thiết. Cũng có lúc họ chán nản u buồn và hoài nghi. Nhưng họ có sẵn trong tay các loại thuốc an thần, chống suy nhược giúp họ yêu đời trở lại. Một viên thuốc chữa được mười mối lo âu.

Lớp người mới này không biết ai sinh ra mình, không có quan hệ thân tộc, cha mẹ con cái. Họ không có ký ức như quá khứ, lịch sử. Nhưng lịch sử lúc nào cũng hiện hữu, luôn chế ngự con người, để lại nhiều hậu quả khó chống trả, không phai nhạt... Một hôm tình cờ, họ khám phá sử sách của lớp người xưa. Tò mò, họ lật lại trang sử của thế kỷ XX

Từ một sĩ quan Quốc Xã hành hạ nạn nhân cùng lúc thường thức nhạc cổ điển, đến một nhà nho làm cách mạng mà Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam rất mực tôn thờ, xem khủng bố tù đầy như những phương tiện chính đáng nhất để phục vụ sự nghiệp, hai hình ảnh mâu thuẫn luôn ám ảnh thế kỷ XX nói chung, người dân Việt nói riêng! Hình ảnh một đao phủ thủ có học thức, hình ảnh một người nham hiểm có bề ngoài văn nhã nho phong.

Tấm gương này còn phản chiếu một câu hỏi đau nhức: Tiến bộ khoa học thật sự có phải là một tiến bộ không? Không còn nghi ngờ gì nữa. Khả năng kỹ thuật liên quan đến phát triển khoa học là một thực tế khó chối cãi. Ô tô, Hàng không, TV, xa lộ tin học Internet, máy vi tính bỏ túi, kỹ công Y sinh học (khám phá Penicilline, phát minh kỹ thuật nối mạch máu đưa đến ghép tim và các nội tạng khác, chứng minh sự di truyền, sửa đổi gia sản di truyền ứng dụng vào việc sản xuất thực phẩm, vào sự dự đoán bệnh ung thư), chinh phục không gian, nói ngắn gọn những gì mà người ta ca tụng trong ba thập niên 30, 60 và 90 gợi nhắc đến năm 2000 như một biểu tượng nền hiện đại trở thành sự thật hiển nhiên. Nhưng sự tiến hóa này có xác thực không? Nó có thể làm cho nhân loại sống hạnh phúc hơn không? nhân loại có đạo đức hơn không?

Nếu ngược dòng thời gian, mọi người đều thấy rõ nhiều tai họa lớn đã xảy đến trong thế kỷ XX và ai cũng biết con người có thể trở thành văn minh cùng lúc phát minh ra nhiều hình thức tàn phá dã man nhất được thể hiện qua các cuộc chiến tranh trải dài suốt thế kỷ. Quả thật thế kỷ XX là một thế kỷ đầy mâu thuẫn.

## Chiến tranh Thế giới lần I : 1914-1918 .

Hậu quả của một biến cố càng sâu rộng bao nhiêu thì nguyên nhân của nó càng nông cạn bấy nhiêu. Thế chiến thứ I là một bằng chứng.

Ngòi nổ chiến tranh là vụ ám sát Hoàng thái tử Áo tại Bosnie lúc ấy thuộc đế quốc Áo-Hung, một khủng hoảng thủ yếu vùng Balkan. Liên sau đó, các liên minh chiến lược bắt đầu chuyển động. Một bên Áo-Đức, một bên Anh-Pháp-Nga, sau cùng có Mỹ. Nhưng mỗi quốc gia tham chiến đều đeo đuổi mục tiêu rõ như ban ngày. Hai triều đình Áo-Hung và Đức muốn cản đường tiến của Nga về phía Đông Âu. Nga muốn gây ảnh hưởng đến các dân tộc gốc Slave vùng Balkan. Pháp dòm ngó đến vùng Alsace-Lorraine thuộc Đức. Đức mưu tính tìm thuộc địa thị trường. Áo-Hung gây chiến về vấn đề sống còn. Anh muốn duy trì ưu thế hàng có từ trăm năm trước.

Trong khoảng thời gian hai tháng từ vụ ám sát đến lúc các nước động binh, người ta có thể hăm lại guồng máy chiến tranh nếu họ muốn. Nhưng bất cứ một nguyên nhân nào có thể gây chiến tranh cũng không thể giải thích tại sao chiến tranh bùng nổ mau lẹ, ngoại trừ các âm mưu ngoại giao chính trị giữa các cường quốc. Các cường quốc đều chấp nhận chiến tranh, xem chiến tranh không thể tránh khỏi. Và nếu đem đối chiếu các quyết định của các nhà lãnh đạo với những gì họ đã gây ra, người ta nhận thấy họ hành động hết sức khinh suất, hết sức nông nổi.

Đệ nhất thế chiến là cuộc đấu tranh toàn diện và toàn lực. Nó đòi hỏi kỹ nghệ phải sản xuất tối đa, kinh tế phải lệ thuộc quốc phòng. Đây là cuộc chiến tranh nhân dân với vô số người tham dự, vô số người chết. Hàng chục triệu người nhập ngũ không biết ngày về. Chiến tranh gây ra không biết bao nhiêu thảm kịch, cho đến đổi mỗi gia đình đều có người thân chết, mất tích hoặc mang thương tật. Không những chiến tranh là một cuộc tàn sát, một cuộc tự sát tập thể chưa từng có xét trên khía cạnh tầm vóc, và thời gian mà còn là một sự sụp đổ to lớn trong lịch sử Âu Châu. Một cái nhục chung cho nhân loại.

Một trong những nguyên nhân gây chiến tranh là tìm thuộc địa thị trường. Nhưng khi guồng máy chiến tranh chuyển động, chiến tranh

thoát khỏi tầm tay của các nhà chủ xướng. Đến năm 1917, chiến tranh bắt đầu mang mùi vị ý thức hệ. Lênine cướp chính quyền, ký hiệp ước hòa bình với Áo-Đức, thành lập chế độ cộng sản tại Nga. Sau đó, Mỹ tham chiến nhân danh tinh thần đoàn kết, dân chủ, lý tưởng giải phóng dân tộc. Bắt đầu từ đây, chiến tranh trở thành phương tiện thiết lập nền dân chủ. Cho nên chỉ đạt được hòa bình khi nào đối thủ đầu hàng, đế quốc và các ngai vàng sụp đổ. Với giá phải trả là tạo lập các nền Cộng Hòa mới rửa nhục các dân tộc bị sỉ nhục.

Vì thế, hiệp ước hòa bình Versailles quy định cắt đất Áo-Đức, cho ra đời các nước nhỏ đa chủng tộc từ Varsovie đến Prague, từ Bucarest đến Belgrad. Các chủng tộc sống cách biệt với nhau, thù ghét lẫn nhau trong cùng một biên giới. Chiến thắng đã thổi lên luồng gió hận thù liên chủng tộc nhân danh đặc quyền dân tộc. Hận thù có lúc sôi sục, có lúc âm ỉ kéo dài mãi đến cuối thế kỷ vẫn chưa chấm dứt và sẽ tiếp tục cháy lan qua thế kỷ XXI.

Một trong những đế quốc từng chia xẻ Đông Âu từ thế kỷ XIX - Thổ Nhĩ Kỳ, Nga, Áo, Hung, Đức - còn sót lại là đế quốc Đức. Tuy bại trận nhưng trong dài hạn Đức sẽ phục hồi lại sức mạnh vì các đối thủ đã tan rã, vì các nước lân cận quá yếu. Pháp trở thành cường quốc duy nhất của cựu Lục địa, nhưng Pháp chỉ có vỏ bên ngoài. Và lại Anh không bao giờ muốn Pháp mạnh. Mỹ rút về nước và Âu Châu bấp bênh hơn bao giờ hết.

Cuộc phân tranh gây thương vong cho hơn 20 triệu người, thương tật cho hàng chục triệu người. Điều này đã lay động mạnh các xã hội, các chế độ. Công dân cùng khắp đều nêu lên câu hỏi tại sao họ phải hy sinh, bắt đầu nghi ngờ các nhà lãnh đạo, tự hỏi kẻ ước xã hội là kẻ ước nào, chế độ nước họ là chế độ gì?

Chế độ đầu tiên ngã quỵ là chế độ Sa Hoàng, chế độ yếu nhất không đủ khả năng chịu sức ép chiến tranh, về mặt phương tiện cũng như tinh thần. Chế độ quân chủ chuyên chế cuối cùng đã lung

lay từ năm 1905 sau chiến tranh Nga-Nhật... Cách mạng tháng 10 xảy đến dễ dàng vì nền tảng xã hội, quốc gia suy sụp. Từ khủng hoảng này đến khủng hoảng khác, chế độ nghiêng dần về phía tả cho đến lúc Lenine và đồng bọn thu lượm quyền hành trên đường phố Saint-Peterbourg, dựng lên chế độ vô sản chuyên chế dưới quyền lãnh đạo của một đảng phái đồng hóa với quốc gia. Thế chiến thứ I thay đổi toàn diện nếp sống, biên giới, chế độ, tập quán, tư tưởng, tinh thần trên toàn cõi Âu châu. Nó ghi dấu sự suy tàn của Âu Châu, từng là trung tâm quyền lực của thế giới. Chiến tranh 1914-1918 còn thai nghén chủ nghĩa Cộng Sản và cuộc cách mạng vô sản. Từ một cuộc đảo chánh thành công, thời thế biến đổi nó thành một kiểu mẫu hướng dẫn dòng lịch sử sau này từ Âu Mỹ đến Á Phi.

Thế giới sống những năm tháng hy vọng chưa được bao lâu, thì xảy ra cuộc khủng hoảng kinh tế trầm trọng nhất của thế kỷ vào cuối thập niên 20. Hàng loạt người một sớm một chiều tan gia bại sản, nhưng cũng có người chỉ nội trong ngày thu lời lên đến 15 triệu đô-la. Hàng loạt người tự sát, hàng loạt người thất nghiệp, bần cùng. Khủng hoảng kinh tế đưa đến khủng hoảng xã hội rộng lớn. Chiến tranh là điều không tránh khỏi!

### **Chiến tranh thế giới lần thứ II : 1939-1945**

Hiệp ước Versailles giải quyết thế chiến thứ I kết hợp với cuộc khủng hoảng kinh tế là mầm mống thế chiến thứ II. Chiến tranh gồm hai mặt trận:

- Mặt trận Á Đông (Liên minh Anh-Mỹ-Trung Hoa quốc gia chống mưu đồ thành lập đế quốc Đại Đông Á của quân phiệt Nhật)

- Mặt trận Âu Châu (Liên minh Anh-Pháp, sau có Liên Xô, sau cùng thêm Mỹ chống phát xít Ý-Đức)

Mặt trận Âu Châu quan trọng hơn, vì chính nhờ mặt trận này, Liên Xô tiến đến ngôi vị trí siêu

cường, có cơ hội thuận lợi xuất cảng chủ nghĩa cộng sản.

Bóng dáng chiến tranh lấp ló sau khi Hitler nắm quyền năm 1933. Thế chiến lần thứ II không giống thế chiến lần thứ I. Thế chiến lần thứ I là hậu quả khó dự đoán, dính liền với sự cạnh tranh giữa các cường quốc, nhưng có thể tránh được nếu cấp lãnh đạo khôn khéo. Ngược lại, chính Hitler muốn và chuẩn bị thế chiến thứ II như muốn viết lên một trang sử mới.

Từ 1936-1939, Âu Châu nhìn thấy chiến tranh tiến đến gần, nhưng không thể chế ngự bằng thủ tục trọng tài xét xử hoặc bằng thương nghị vì các thủ tục này cuối cùng dẫn đến một chuỗi dài nhượng bộ trước kẻ khiêu chiến. Vì lẽ ấy, đệ nhị thế chiến mang màu sắc ý thức hệ nhiều hơn đệ nhất thế chiến. Một lối đường đầu giữa hai quan niệm về con người trong xã hội: quan niệm quốc xã, quan niệm dân chủ tự do. Và dù nó xảy ra trong cảnh huống nào, vụ tàn sát dân Do Thái năm 1942-1944 vẫn noi theo một ý thức hệ bao quát hơn quốc gia dân tộc, do tham vọng điên cuồng thống trị thế giới nuôi dưỡng, đeo đuổi chiến thắng với tất cả lòng độc ác dã man tàn bạo nhất. Chiến tranh bùng nổ đúng theo mưu đồ của kẻ chủ xướng, bởi đa số dân tộc Đức thời ấy hành động như thể đúng theo chủ tâm của mình. Cuối cùng không biết bao nhiêu người phạm tội, hoặc tiêu cực hoặc tích cực. Thật là một tội ác tập thể quá lớn.

Thế chiến thứ II làm rung động toàn cầu, nếu đem lên bàn cân cuộc đấu tranh và các lực lượng trực diện. Cuộc sống mái này mang bản sắc ý thức hệ càng ngày càng rõ, cho đến nỗi nó huy động tất cả sức lực, tiềm lực của các cường quốc kinh tế thế giới. Tiên khởi, là chiến tranh Âu Châu, giữa Hitler và các chế độ dân chủ. Mỹ đứng ngoài vòng chiến. Hiệp ước bất khả xâm phạm Liên Xô + Đức làm cho chiến tranh mở hồ thêm. Nhưng kể từ khi Đức xua quân xâm chiếm Liên Xô, thì chiến tranh không còn mập mờ nữa. Sau đó Nhật tấn công Trân Châu Cảng bắt buộc Mỹ phải tham chiến. Do đó, chiến tranh Âu Châu



trở thành chiến tranh thế giới, phân phối rõ ràng các vai trò, các lực lượng: Tự do chống độc tài, dân chủ chống phát xít quân phiệt Nhật. Chiến tranh còn nêu rõ hai quan niệm về bạo lực: Quan niệm Quốc Xã, quan niệm Mác-Lê.

Cũng như thế chiến lần thứ nhất là cái nô, thế chiến lần thứ hai là lon sữa, nuôi nấng chủ nghĩa Cộng Sản lớn khôn, để Cộng Sản mang cờ đỏ cắm tại trung tâm Âu Châu. Đức thua trận tạo nên một lỗ hổng giữa lòng Âu Châu và nêu bật sức mạnh của Liên Xô nếu xét trên phương diện chính trị, đạo đức. Pháp không còn đứng trong hàng ngũ cường quốc vì mang nhục năm 1940. Anh tuy chiến thắng nhưng kiệt quệ, mất khả năng làm trọng tài, mất uy tín trước Liên Hiệp Anh. Tây Âu không đủ phương tiện cũng như sức bật tinh thần để gióng lên tiếng nói giữa khoảng trống Đông và Trung Âu. Chỉ còn lại viên Tây là Mỹ, một sức mạnh chiến thắng lớn nhất xét dưới góc độ kinh tế. Tuy là con đẻ của Âu Châu, nhưng Mỹ rất xa Âu Châu và truyền thống của Mỹ là theo chính sách biệt lập, chỉ can thiệp khi tới cần thiết. Hơn nữa, Tổng Thống Mỹ Roosevelt tin tưởng thâm kịch đã chấm dứt sau khi Hitler chết, tin chắc chế độ Liên xô dần dà trở thành một chế độ dân chủ thực sự. Do đó, lúc đầu vô tình Mỹ là đồng lõa giúp Liên Xô củng cố hàng ngũ, bành trướng thế lực ngay cả trong những trường hợp không cần thiết.

Đệ nhị thế chiến giết gần 50 triệu người (2/3 dân sự), giá phải trả quá đắt cho một nhóm độc tài thỏa mãn cuồng vọng bành trướng lãnh thổ, hoặc thực hiện lý thuyết chủng tộc.

### Liên xô bành trướng

Thế chiến lần thứ II xác nhận những gì thế chiến lần thứ I báo trước: Âu Châu suy tàn tột độ. Tinh thần hiệp ước Versailles tan rã, sau khi Âu Châu hậu Versailles phá sản. Những gì thay thế không phải như Hitler mong muốn, có nghĩa là Đức làm chủ trọn Âu Châu, mà là Cộng đồng Âu Châu yếu thế kẹt

giữa hai sức mạnh rất gần cũng như rất xa.

Sức mạnh xa nhất là Mỹ về phương diện không gian, nhưng rất gần về phương diện chính trị. Để có lý do tham chiến, Mỹ chỉ cần giương lên ngọn cờ tự do dân chủ. Khi tự do chiến thắng độc tài, quân Mỹ trở về nước tìm lại các công việc thường ngày. Trái lại, Liên Xô thuộc Âu Châu về địa lý nhưng rất xa Âu Châu vì Liên Xô có những tập quán, truyền thống chính trị riêng biệt. Quan niệm Cộng Sản độc tài giúp các nhà lãnh đạo Liên Xô thừa hưởng gia sản quân chủ chuyên chế sẵn có. Tuy mang danh nghĩa Cộng Sản, tuy lúc đầu âm mưu với Đức chia xẻ mâm cỗ, nhưng sau này nhờ đứng về phía dân chủ chiến thắng, Liên Xô thành công gia nhập Cộng đồng Âu châu.

Huyền thoại chống phát xít cộng với lòng yêu nước che đậy một chế độ độc tài khắc nghiệt. Vai trò mỗi của Liên Xô cạnh đồng minh, cũng như bộ mặt mỗi của Liên Xô trước sau chỉ là những phương tiện bổ túc cho nhau để phục vụ một bạo quyền, một chế độ chuyên chế không bao giờ thay đổi. Chủ nghĩa Cộng Sản thu hút không biết bao nhiêu nhà lãnh tụ, không biết bao nhiêu trí thức, chư hầu, đệ tử. Chủ nghĩa Cộng Sản còn thôn tính các nước Đông Âu, một phần nước Đức gây ảnh hưởng lớn tại Trung Quốc, Triều Tiên, Việt Nam, Cu Ba v.v..., cuối cùng thành lập đế quốc đỏ. Người ta quên mất đi những năm tháng tù đầy, khủng bố, vô số quần đảo ngục tù. Khó mà phán xét kẻ chiến thắng.

Sau thế chiến thứ I, Liên Xô bắt đầu gia nhập vũ đài chính trị Âu Châu nhờ thổi lên luồng gió cách mạng chống đế quốc. Nhưng lúc ấy Liên Xô chỉ là một sức mạnh quần chúng chưa thể lôi cuốn lâu dài các nước khác ngay cả các nước sống dưới chế độ thực dân thuộc địa. Năm 1945, Liên Xô mang sức mạnh quân sự ghép vào sức mạnh của một đạo giáo thông báo chế tạo con người mới. Một đạo giáo có sức hấp dẫn lạ thường.

Chủ nghĩa Cộng sản có tất cả để mê hoặc nhiều người. Nó có tầm vóc kinh tế, khoa học triết lý mang

bộ mã dân chủ. Qua cuộc cách mạng tháng 10, Liên Xô đã bắt một nhịp cầu cho thế giới không Âu Châu, mang hy vọng tiến nhanh đuổi bắt kịp Âu Châu. Mác-Lê đã quynh rũ các đầu óc ư lý luận, cũng như các đầu óc què mùa. Còn các đầu óc thông minh lanh lợi nhấn mạnh đến chủ Mác có nghĩa là sẵn đuổi huyền thoại SISYPHE, mở đến giấc mộng mà chẳng bao giờ thực hiện được. Các đầu óc cực mịch giữ lại chủ Lê có nghĩa là phải quyết liệt nhấn tâm, phải triệt để tàn bạo miễn sao đạt được mục tiêu cho dù đi ngược lại quyền lợi quốc gia dân tộc. Mác-Lê tập hợp các nỗi uất ức của dân tộc các nước nhược tiểu, bị đô hộ hoặc lệ thuộc vào các nước mạnh. Hơn nữa, các nước mạnh tìm thuộc địa bề ngoài rêu rao khai hóa các dân tộc lạc hậu, bề trong thực thi chính sách thực dân tàn nhẫn. Cho nên các dân tộc bị trị đón nhận thông điệp cách mạng hơn là lời hứa dân chủ tự do.

Sự buồn bán chủ nghĩa này mang về nhiều lợi lộc nằm ở chỗ Cộng Sản chứng minh người ta có thể dùng bạo lực cướp chính quyền, sau đó thực thi quyền tuyệt đối. Nói theo tiền lệ Liên Xô, các vua con đồ khác vào hậu bán thế kỷ XX (Việt Nam, Cu Ba, Angola, Ethiopie v.v...) dựa trên khát vọng giải phóng tự phong họ là nhà lãnh đạo chân chính nhất. Họ dẫn đưa đất nước tiến đến "Xã Hội Chủ Nghĩa" dưới hình thức mà họ cho là "dân chủ hiện đại không phàng phát mù vị tư bản. Công thức này quá mơ hồ, lấp lửng nhưng nó thể hiện một quyền hành tập trung trong tay độc đảng "nhân danh lịch sử" mà người đứng đầu là Tổng Bí Thư. Nhờ gian dối, một chế độ độc tài độc đoán thành hình sau ngọn cờ cách mạng, dưới lớp sơn "dân chủ nhân dân".

Để thúc đẩy bước tiến của lịch sử, người ta gây chiến tranh, làm cách mạng, san bằng tất cả và hủy diệt phần tinh túy nhất của quá khứ

### Chiến tranh lạnh

Phát-xít tàn rụi để lại hậu quả hết sức đơn giản. Hai đối thủ mỗi xuất hiện: Tư bản - Xã hội Chủ

nghĩa; Tự do dân chủ - Dân chủ Nhân dân; Tôn giáo - Vô thần; Tự do kinh tế - Chuyên chế tập sản: Cuộc tương tranh này không biên giới, không mặt trận còn gọi là chiến tranh lạnh.

Thật sự chiến tranh lạnh mở màn lúc thế chiến thứ II chưa chấm dứt, khi ba đồng minh Anh-Mỹ-Liên Xô hợp bàn phân chia vùng ảnh hưởng. Về mặt chính trị, Liên Xô đầu tư ở các nước do Hồng quân chiếm đóng trên đà tiến quân đến Bá Linh, qua trung gian các Mặt Trận Tổ Quốc hoặc các đảng Cộng Sản địa phương. Sau này Liên Xô từ chối kế hoạch MARSHALL tái thiết Âu châu, thôn tính Ba Lan, đảo chính ở Tiệp Khắc, nhốt đế quốc đỏ sau bức màn sắt. Chưa bao giờ Liên Xô thiết lập một đế quốc như thế, xét về tầm vóc và tính chất chuyên chế. Chưa bao giờ một số lớn quốc gia phải chịu sức thống trị của một ý thức hệ chuyên chế như thế. Đế quốc, chủ hầu hợp lại một phe - phe Xã Hội Chủ Nghĩa.

Chưa có một cuộc đấu tranh nào mà người ta xem như một tiền định. Các nhà lãnh đạo hai phe chẳng những chấp nhận chiến tranh, mà còn xem chiến tranh như một lẽ sống còn. Liên Xô tìm mọi lý lẽ để kết án đế quốc tư bản, Mỹ đứng mũi chịu sào, xem chống Cộng là nhiệm vụ cao cả nhất. Nhưng đôi bên đều siêu vũ trang quy ước cũng như nguyên tử. Khối VARSOVIE không dám ra tay trước vì sợ NATO trả đũa, đánh nhau là chết hết. Đây là cuộc chiến tranh cân não, giai đoạn tuyên truyền phản tuyên truyền, thời kỳ Liên Xô gây hết khủng hoảng này đến khủng hoảng khác. Vụ phong tỏa Bá Linh là một vụ báo động đầu tiên, Mỹ lập cầu không vận chống đỡ. Liên Xô quay tìm kẻ hở khác, thủ thách khối tự do qua vụ hòa tiền Cu Ba, nhất là hâm nóng chiến tranh lạnh ở các nơi xa xôi, xa đường tiếp vận của Mỹ qua trung gian các đệ tử Triều Tiên, Việt Nam.

## CHIẾN TRANH VIỆT NAM

(gồm hai thảm kịch Pháp và Nam Việt Nam.)

### ● Thảm kịch Pháp

Trước thảm kịch chiến tranh, còn có những thảm kịch hòa bình kéo dài từ 1941-1945. Năm 1941, trong lúc mà úc thế da trắng gần như tuyệt đối, dân da trắng chắc phải có can đảm lắm mới cộng tác với dân da vàng. Tuy nhiên, khi Pháp bại trận cách xa Việt nam 12.000 km, khi quân đội Pháp bất lực trước quân đội Phù Tang, các tướng lãnh, công chức cao cấp, các nhà thực dân Pháp dù muốn dù không cũng phải chấp nhận cho quân Nhật chiếm đóng Việt Nam. Như thế họ hy vọng cứu vãn điều mà họ cho là quan trọng hơn hết sự hiện diện của Pháp. Do đó mới có giải pháp DECOUX, một vụ đánh cá ngoài sức tưởng tượng. Họ tưởng họ thành công bởi Nhật từng tiêu diệt dân da trắng trên toàn cõi Á Đông, nhưng vẫn tôn trọng chủ quyền Pháp ở Việt Nam, một ngoại lệ duy nhất. Mùa thu 1944, Pháp chỉ cần chịu đựng thêm vài tháng, hay một vài tuần thì rồi mọi việc đâu đó sẽ hoàn tất như ý.

Nhưng tất cả lại sụp đổ trong một đêm. Ngày 06.3.1945, Nhật đảo chính. Dự đoán sẽ bại trận. Nhật quyết định trả thù, Nhật vừa tàn sát quân Pháp (toàn thể quân Pháp đồn trú tại Lạng Sơn bay đầu dưới làn kiếm Nhật là một ví dụ điển hình) vừa khơi dậy lòng yêu nước của dân tộc Việt Nam. Toàn quốc nổi lên chống Pháp, cách mạng bùng nổ đốt cháy Việt Nam trong một vài ngày. Chớp thời cơ, Hồ Chí Minh và bộ hạ chiếm Hà Nội, thành lập Cộng Hoà Nhân Dân Việt Nam. Sau cùng quân Anh-Pháp đổ bộ lên Sài Gòn, Pháp chiếm lại Nam Việt Nam và Nam Trung Việt, nhưng gặp phải sự chống trả quyết liệt của các chi đội đỏ. Sau vài tháng hàng quân, tướng Pháp LECLERC hiểu rằng không thể tái chiếm Việt Nam bằng vũ lực. Người ta không thể khuất phục một dân tộc đang phát động chiến tranh nhân dân theo kiểu Mao Trạch Đông, Tướng Pháp kết luận phải điều đình với Hồ Chí Minh, một lãnh tụ Cộng Sản khét tiếng có bộ vỏ khả ái. Nhưng dân tộc Việt Nam không bao giờ chấp thuận cho Pháp trở lại Việt nam.

Sau một vài tháng căng thẳng tốt độ, điều gây ngạc nhiên hơn hết là Hồ Chí Minh thuận cho Pháp đổ bộ lên miền Bắc. Theo Hồ Chí Minh thì liên hiệp với Pháp là một giải pháp xấu nhưng đúng theo biện chứng Pháp: Dùng một điều xấu để khử trừ một điều xấu hơn. Việt Minh mời Pháp đến để nhờ Pháp tống xuất quân đội Trung Hoa Quốc Dân Đảng đang chiếm đóng miền Bắc và sắp sửa lật đổ chính phủ Hồ Chí Minh.

Sau khi Nhật đầu hàng, các cường quốc quyết định quân Anh đến miền Nam, quân Trung hoa đến miền Bắc giải giới quân Nhật. Nhưng quân Trung hoa không muốn rời khỏi Việt nam sau khi hoàn tất nhiệm vụ vì sau lưng có Mỹ. Mỹ muốn loại Pháp khỏi hẳn Việt nam và có ý định đặt Việt nam dưới quyền bảo hộ gián tiếp của Trung hoa. Nhưng Hồ Chí Minh nhanh tay hơn, từ rừng núi lao nhanh xuống Hà nội. Khi quân Trung hoa cùng đảng viên Việt nam Quốc dân đảng đến Hà nội, mọi việc đều quá muộn, Hồ đã nắm quyền.

Quân Trung hoa dưới quyền chỉ huy của tướng Lữ Hán ra tay cướp phá. Chính lòng tham không đáy của họ đã cứu Hồ Chí Minh. Thay vì giết Hồ giúp Việt nam Quốc dân đảng chấp chính, hưởng Việt nam qua một hưởng khác tốt hơn, thì Lữ Hán lại đòi vàng. Cho nên Hồ tung ra "tuần lễ vàng", gom góp vàng của dân đóng cho Lữ Hán, để đánh đổi ghế Chủ tịch. Sau cùng, Hồ Chí Minh kiệt quệ. Thấy Hồ không còn mang đến lợi lộc gì, Lữ Hán quyết định ám sát Hồ và triệt hạ Việt minh. Hồ vội vàng cầu cứu Pháp. Pháp đổ bộ lên Hải phòng và sau một vài tuần mưa chuộc, Lữ Hán rút quân.

Từ đây, Pháp Việt minh mặt chạm mặt. Giờ sự thật đã điếm. Một chế độ "nhân dân độc tài" có thể nào đề huề với thực dân cũ không? Pháp nuôi hy vọng vì Pháp không hiểu thế nào là thù hận từng nung nấu một dân tộc bị thực dân áp bức. Một sự ghê tởm điều ác gần như huyền bí, mà hình dáng điển hình nhất là thực dân đế quốc. Phải phi nhổ, phải trừng trị những gì gọi



nhắc đến da trắng thống trị. Nhưng Việt minh sử dụng thù hận một cách tinh vi khoa học. Phải tự học và dạy học thù hận. Phải sống với thù hận từng phút từng giây. Không có tình cảm nào khác. Thù hận là món ăn nguội. Đến độ chín mùi, Việt minh khủng bố cưỡng ép khối dân đen lao vào chỗ chết đường đầu một đạo quân với trang bị hiện đại.

Đối với Việt minh, Pháp đã thù xong vai trò, Pháp phải ra đi. Đảng Cộng sản phân tích tình hình và quyết định dùng đòn xoa dịu. Nhưng xung quanh bàn hội nghị Đà Lạt, FONTAINEBLEAU đôi bên đều nói lên tiếng nói khác nhau. Pháp không muốn trao trả độc lập, chỉ muốn Việt nam gia nhập liên hiệp Pháp, đứng trong vòng quỹ đạo của Pháp, một cách thực thi chủ nghĩa thuộc địa kiểu mới. Ngược lại Việt minh muốn nhào nắn ra một Việt nam do có chủ quyền dựa trên nền tảng "dân chủ độc tài". Không đạt kết quả bằng thương lượng, Việt minh chỉ còn phương cách duy nhất là tổ chức cuộc tàn sát dân Pháp ngày 19.12.1946. Mưu sự bất thành, Hồ Chí Minh trốn vào rừng sâu. Bắt đầu từ đây, Việt minh cường quyết chạm trán với Pháp bằng vũ lực, nuôi dưỡng chiến tranh càng lâu càng tốt. Chiến tranh kéo dài chắc chắn sẽ dẫn đến thắng lợi.

Từ năm 1946 đến năm 1949, Pháp có thể đánh bại Việt minh nếu Pháp dồn hết sức lực quốc gia vào cuộc chiến. Nhưng Pháp không có những cố gắng cần thiết. Thật sự, Pháp không biết Pháp muốn gì và không làm những gì phải làm. Khi Mao Trạch Đông chiếm Hoa lục năm 1949, lịch sử rẽ sang khúc quanh mới. Quân Trung quốc tiến đến sát biên giới Hoa Việt. Do đó, Việt minh có một hậu cần an toàn vững chắc từ Bắc kinh ngang qua Mạc tú khoa, đến tận Đông Bá linh. Giờ đây, Pháp đón phương không thể thắng.

Năm 1950, Pháp còn giữ niềm tin vì Mỹ ủng hộ. Tiền bạc, khí giới Mỹ đổ xô vào Việt nam. Thế giới đang thay đổi-chiến tranh Triều tiên, cờ Trung quốc bay phất phới, toàn cõi Á đông sôi sục cảm khí giới và chiến tranh thế giới thứ III đang đe

dọa. Nhưng quân đội viễn chinh Pháp vẫn chiến đấu với những phương pháp cũ, với mưu toan cũ. Dù sao chăng nữa, nội trong một vài tuần, chiến tranh thuộc địa biến thành chiến tranh chống cộng.

Tướng De Lattre sau một vài thắng lợi nhận định phải tiêu diệt Trung hoa đỏ. Ông muốn bày ra một cuộc chiến tranh lớn ở Á đông. Mac Arthur chỉ huy mặt trận phía Bắc, De Lattre, mặt trận phía Nam. Nhưng tướng Mỹ bị cách chức, tướng Pháp chết, nên ý định khai chiến với Bắc kinh không thành và xuất hiện trở lại lần cuối cùng tại lòng chảo Điện biên phủ nhưng hoai công vô ích.

Pháp tiếp tục cuộc phiêu lưu ở Việt nam còn lâu hơn nữa. Nhưng Pháp không biết cuộc phiêu lưu sẽ đi về đâu. Chính phủ, bộ tổng tham mưu Pháp, tìm mọi cách đánh lạc hướng dư luận. Mục đích là kéo dài, tránh né thảm họa, dần dà đi đến sa lầy với giá phải trả rất đắt. Người ta không thể luôn mãi thoát hiểm trong đường tơ kẽ tóc, cho dù phi lý đến đâu, sự việc đều phải chấm dứt.

### ● Thảm kịch Nam Việt nam

Cộng sản nắm quyền tại Bắc kinh, chiến tranh Triều tiên, viễn ảnh chiến tranh thế giới lần thứ III, Mao Trạch Đông đe dọa "sẽ giải phóng toàn thể dân tộc Á Đông" là những yếu tố biến chiến tranh thuộc địa tại Việt nam, thành chiến tranh của thế giới tự do chống thế giới cộng sản. Từ đây, điều quan trọng hơn hết là phải có một đạo quân bên hông Nam Trung quốc. Nhưng tại sao Mỹ bình chân như vại, năm 1949 khi Mao Trạch Đông nuốt miếng mồi ngon Tưởng Giới Thạch, sau đó lại bận tâm đến Việt nam? Vì sau khi Trung quốc rơi vào tay Cộng sản, Mỹ khẳng định Việt nam là tiền đồn chống cộng tại Đông Nam Á và nếu Việt nam lọt gọn vào tay Hồ Chí Minh, các nước Đông Nam Á khác sẽ rơi rụng theo lý thuyết DOMINO.

Hoa thịnh đốn đồng ý cho Pháp ở lại Việt nam. Mặc nhiên Pháp là kẻ đánh thuê cho Mỹ, Mỹ sẽ đảm nhận 2/3 phí tổn chiến tranh cho

Pháp. So với trước, mỗi năm Pháp lời hằng tỉ quan. Chiến tranh càng kéo dài, Pháp càng có lợi. Sở dĩ Mỹ tiếp tay cho Pháp không phải vì có Việt minh, trước tiên là chống Mao Trạch Đông trong khuôn khổ một chiến lược lớn của Mỹ ở Á đông. Theo thỏa thuận ngầm, Pháp xây bức tường chặn đường tiến của cộng sản về phía Đông Nam Á! Chung quy Mỹ dùng Pháp theo giai đoạn.

Mỹ trực tiếp can thiệp vào Việt nam sau hiệp định Geneve. Lúc đầu, Mỹ gởi cố vấn, quân trang quân dụng. Năm 1965, Mỹ cùng đồng minh Nam Hàn, Úc, Tân tây lan đưa quân đến trực tiếp tham chiến. Nhiều lần các tướng lãnh Mỹ thông báo quân Cộng Sản sẽ thảm bại, chiến tranh sẽ kết thúc sớm cho đến lúc xảy ra biến cố Tết Mậu Thân 1968.

Cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân là một hướng rẽ mới hết sức quan trọng. Quân Cộng Sản từ rừng núi tràn xuống tấn công các căn cứ của Mỹ và Việt Nam Cộng Hòa. Tiếng súng hòa lẫn với tiếng pháo mừng xuân. Một cuộc tấn công mà không có một cơ quan tình báo nào dự đoán. Một trong những sự kiện sẽ làm rung chuyển những năm tháng cuối cùng của thế kỷ XX.

Trên phương diện quân sự, Cộng Sản Bắc Việt thất bại nặng. Việt Cộng mất một số lớn quân tinh nhuệ, nhất là không thành công lôi cuốn dân miền Nam nổi lên chống Mỹ như Hà nội dự trù. Nhưng về mặt tâm lý biến cố Mậu Thân đưa đến những hậu quả có tính chất quyết định. Quân Cộng sản Bắc Việt mà ai cũng tưởng như kiệt sức, ngược lại chứng tỏ khả năng kiểm soát các thành phố lớn miền Nam trong một vài tuần. Với sự liêu lĩnh, quân Cộng Sản gây không ít hoang mang trong dư luận, nhất là cho Mỹ thấy nếu muốn dứt điểm, Mỹ phải tăng quân số. Điều mà toà Bạch Ốc không thể thực hiện xét dưới khía cạnh chính trị nội bộ Mỹ. Dân Mỹ không muốn con em họ chết vì miền Nam!

Vì lẽ ấy, Mỹ phải xét lại chiến lược sẵn có từ lúc đệ nhị thế chiến chấm dứt, có ý nghĩa là Mỹ có mặt bất cứ nơi nào Cộng Sản đe dọa an

ninh trật tự hòa bình thế giới. Hậu quả trước mắt là Mỹ đề ra "chương trình Việt Nam hóa chiến tranh", một sáo ngữ che đậy ẩn ý rút lui. Mỹ bỏ rơi miền Nam không phải vì các nhà chiến lược tính toán lợi hại. Ván cờ đã được đặt ra giữa lòng quốc gia Mỹ. Dân Mỹ dưới sự lôi cuốn của trí thức sinh viên, bắt đầu nghi ngờ tự hỏi việc làm của Mỹ có chính đáng không? Có đi ngược lại quyền lợi quốc gia tối thượng không? Cuộc chiến có xứng đáng với một nước lớn như Mỹ không?

Biến cố Mậu Thân là cớ sét đánh. Hai tháng sau, Tổng Thống Johnson kêu gọi Bắc Việt giảm leo thang chiến tranh. Sau đó, Tổng Thống Nixon vừa đắc cử quyết định ngưng dội bom miền Bắc. Thảm kịch miền Nam Việt Nam bắt đầu từ đó.

Thực dân cũng như Cộng Sản đặt dân tộc Việt Nam trước số phận tối đòi như nhau. Cả hai đều tiêu diệt phần quý báu nhất nơi con người: Bản năng tự do và đời sống con người mất hết ý nghĩa nếu mất tự do.

## CHIẾN TRANH CỦA THẾ KỶ XXI

Ai ai cũng hy vọng sau khi căng thẳng Đông Tây chấm dứt, các vụ xung đột vũ trang sẽ ngưng hẳn. Nhưng không phải như vậy, cuối thế kỷ XX, người ta còn ghi nhận 27 vụ xung đột: 11 vụ ở Phi Châu, 2 vụ ở Nam Mỹ, 4 ở Cận Đông, 9 ở Á Châu và 1 ở Âu Châu, đó là chiến tranh Kosovo.

Chiến tranh Kosovo bắt nguồn từ chủ nghĩa chủng tộc thanh khiết do một số trí thức SERBE quy hoạch từ 1937, được truyền bá thời phồn thịnh trong lòng dân Serbe từ năm 1986, chắc chắn sẽ lưu lại nhiều hậu quả tâm lý, ngoại giao cũng như chiến lược phức tạp.

Năm 1999 là năm Âu Châu thống nhất tiền tệ, tiến thêm một bước trên con đường độc lập với Mỹ và cũng là năm Âu Châu đánh giặc trong nhà. Nhưng Âu Châu phải nhờ cậy Mỹ, vì chỉ Mỹ mới có đủ phương tiện thực hiện cuộc hành quân. Chiến tranh này còn xảy ra

nơi giao điểm của hai biến cố quan trọng! thống nhất đồng Euro và cài tổ NATO. Hai biến cố này sẽ vẽ lại gương mặt của Âu Châu sau năm 2000. Hiểu theo ý nghĩa này, chiến tranh Kosovo là chiến tranh đầu tiên của thế kỷ XXI.

Tất cả mười lăm nước thuộc Cộng đồng Âu Châu đều muốn và cố vô chiến tranh. Về mặt kỹ thuật, cuộc hành quân do nhóm quốc gia liên lạc với Liên Bang Nam Tư đảm nhận (Đức, Anh, Pháp, Mỹ trừ Nga). Về mặt chính trị, toàn thể Âu Châu đều đồng ý xem cuộc chiến tranh như việc cần phải làm sau khi thấy tận mắt các hình ảnh tiêu diệt các chủng tộc Kosovo gốc Albanie. Những hình ảnh gợi nhớ đến những hình ảnh tương tự thời đệ nhị thế chiến.

Sau khi hội nghị RAMBOUILLET tìm thỏa hiệp liên quan đến quy chế của Kosovo thất bại, Âu Châu nhận định khoan hồng với Tổng Thống Serbe có giới hạn, uy tín của Âu Châu đã được đặt lên bàn cân. Sau cùng Âu Châu khẳng định đầu là tương lai của Âu Châu, đầu là vấn đề chấp nhận hay không chấp nhận rác rưởi trước cửa nhà. Âu Châu quyết định trừng phạt Serbie nhân danh đặc quyền xen vào nội bộ quốc gia, cho dù đi ngược lại Hiến chương Liên Hiệp Quốc. Âu Châu bó tay về mặt kỹ thuật, nên bắt buộc phải giao nhiệm vụ cho NATO. Hơn nữa, tiền tệ BOSNIE cho thấy Liên Hiệp Quốc bất lực vì thiếu phương tiện.

Ngay từ đầu, lúc cựu Liên Bang Nam Tư tan rã, Ngoại Trưởng Baker tuyên bố: Mỹ chẳng có việc gì phải làm ở Balkan. Vấn đề Balkan là vấn đề nội bộ Âu Châu. Ngay cả Tổng Thống Clinton cũng dè dặt thận trọng. Nhưng vì Âu Châu năn nỉ nhiều lần. Mỹ thay đổi quan điểm và bắt đầu chú ý đến Balkan, nhân tiện biểu dương ưu thế tuyệt đối trước NATO, Âu Châu và thế giới.

Khi Liên Xô không còn là mối đe dọa lớn nhất, thế thì làm thế nào để duy trì NATO, một Minh Ước phòng thủ tập thể Âu Châu + Đại Tây Dương, cũng là minh ước giúp Mỹ trở thành cường quốc Âu Châu? Bằng cách ghép cho NATO một khái niệm mới, một nhiệm vụ mới

như nhiệm vụ giải quyết các vụ khủng hoảng sau chiến tranh lạnh giống như vụ Kosovo. Bởi vụ Kosovo xảy đến vài tháng sau khi Âu Châu thống nhất tiền tệ và vài tháng trước khi NATO kỷ niệm 50 năm thành lập.

Chiến tranh Kosovo đánh dấu một khúc quanh căn bản trên địa hạt ngoại giao quốc tế. Chiến tranh do NATO phát động, một tổ chức phòng thủ mà không một hội viên nào bị tấn công. Ngược lại với trường hợp Bosnie, một quốc gia có chủ quyền bị một quốc gia khác xâm chiếm, Liên Bang Nam Tư tuy phạm tội ác chiến tranh, tội ác chống nhân loại, nhưng lại phạm tội trên phần đất nhà và không đe dọa một quốc gia nào cả. Nguyên tắc chủ quyền quốc gia, tôn trọng biên giới, hai nguyên tắc được quốc tế công nhận từ 200 năm nay phải rút lui trước nguyên tắc tôn trọng nhân quyền.

Mặt trái chiến tranh Kosovo, còn để lộ ra hai vấn đề khác không kém phần tế nhị. Có thể trách cứ những nước Tây phương là những "quái vật" vô tình cảm, sẵn sàng áp dụng "2 cân nặng 2 cách đo lường". Tiêu diệt chủng tộc đã và đang xảy ra ở nhiều nơi, ví dụ như ở Tây Tạng, Đông Timor, nhưng thử hỏi có ai bận tâm đến "nơi khác"? Tại Á Châu, Phi Châu, Cận Đông, nhiều dân tộc là nạn nhân của độc tài, của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa chủng tộc + tôn giáo cố chấp không độ lượng khoan dung. Nhưng các nước Tây phương nhất là nước đứng đầu có bao giờ tích cực lên án?

Có thể nghĩ rằng trong hiện tại Mỹ không có đủ phương tiện để can thiệp ở khắp nơi và nếu có đủ phương tiện, chắc gì Mỹ can thiệp để mang tiếng "sen đầm quốc tế".

Tóm lại, Mỹ, Âu Châu can thiệp vì quyền lợi chiến lược, kinh tế hơn là vì quan điểm đạo đức. Cho nên người ta chỉ yêu cầu Âu Châu một điều là dẫn thân bảo vệ nguyên tắc đại đồng nhân quyền, mà Âu Châu yêu sách nơi sân sau nhà, cho dù nêu lên vấn đề tôn trọng nhân quyền trước sau chỉ là một xảo thuật hùng biện cần thiết về mặt



chính trị, ngoại giao để dễ dàng ra tay hành động.

Chiến tranh Kosovo còn chấm phá một vài nét gương mặt của chiến tranh tương lai. Tại sao chiến tranh diễn tiến sai binh pháp: oanh tạc có nghĩa là đổ bộ, vì chiến tranh tương lai dựa trên một học thuyết mới gồm hai ý chính. Muốn khuất phục đối phương, phải làm chủ tin tức chiến trường, có nghĩa là biết nhiều hơn đối phương nhờ hệ thống thông tin truyền tin hiện đại (vệ tinh nhân tạo, hệ thống tin học) hơn là giết hại sinh mạng đối phương. Giàn ra cùng một lúc nhiều mặt trận nhỏ (vai trò các toán biệt kích). Mỗi quân biệt kích liên lạc với nhau, chỉ huy trưởng các toán biệt kích liên lạc với nhau và với không quân. Các toán biệt kích hợp thành một lực lượng lớn để tấn công khi cần thiết, sau đó phân tán mỏng trở lại). Phối hợp hai yếu tố này cho phép sử dụng quân số nhỏ (1/10 quân số đối phương) với hiệu năng cao.

Vào những năm tháng cuối cùng của thế kỷ XX, đa số sống trong cô đơn, tuyệt vọng, bất hạnh, lo âu, luôn bị nghèo đói rình rập. Ý thức tình yêu, nhân ái, bác ái không có ý nghĩa gì. Trong quan hệ với nhau, con người thường khi lãnh đạm, thờ ơ lắm lúc độc ác. Người ta xem nhân sinh quan không quan trọng chỉ lắm về mặt thực dụng, cũng không phải là một mục đích cần đạt. Những nhân sinh quan mà cộng đồng xã hội lựa chọn trong một giai đoạn nào đó sẽ định hướng đi cho nền kinh tế, chính trị, phong hóa của xã hội ấy.

Thủ phóng tầm nhìn về tương lai, có thể dự đoán sang thế kỷ XXI, thế giới sẽ hỗn loạn, nổi loạn nhiều hơn. Các vụ xung đột vũ trang dân tộc + chủng tộc; chủng tộc + tôn giáo, các cuộc nội chiến sẽ khốc liệt hơn, chưa kể đến chiến tranh "bất ngờ" có thể xảy ra vì thiếu tin tức liên quan đến ý đồ thật sự của đối phương, như trường hợp Ấn Độ-Pakistan sống chết vì Cachemire, các "quốc gia khủng bố", các công ty Mafia sẽ sản xuất, mua các loại vũ khí nguyên tử bỏ túi để phá hoại, khủng bố, làm sãn-ta. Còn phải nêu lên chiến tranh kinh tế giữa ba gốc tam giác Mỹ Châu, Âu Châu, Á

Châu. Vụ rắc rối thực phẩm như thịt bò chứa kích thích tố, bắp có gia sản di truyền biến đổi, hạt giống có công dụng một lần do một viện bào chế độc quyền sản xuất, tranh chấp chiến lược giữa Mỹ và Trung quốc, một nước khổng lồ về nhân số có tham vọng trở thành siêu cường của thế kỷ XXI, không phải vì có vũ khí nguyên tử mà vì có mưu đồ gây rắc rối trên chính trường quốc tế. Chương trình chống hòa tiền liên lục địa, liên kết Mỹ-Nhật-Nam Hàn-Đài Loan có thể đưa đến sự thành lập khối "NATO Á Châu". Trung Quốc sẽ leo thang vũ trang lôi cuốn theo khối ASEAN, luôn cả Việt Nam. Cho dù đi đến thỏa hiệp hòa bình, Cận Đông còn mất an ninh qua mối hiềm khích lâu dài giữa Do Thái-Palestine; Do Thái khối Ả Rập. Tranh chấp nguồn nước dùng là lẽ sống còn. Hòa tiền, vũ khí nguyên tử sẽ đổ xô đến Iran, Syrie. Phi Châu sẽ đứng bên bờ vực thẳm vì xung đột liên chủng tộc, tranh chấp chiếm đoạt tài nguyên quốc gia quá giá, vì bệnh Aids tiếp tục hoành hành. Nga sẽ ôm lại mộng đế quốc, tìm cách thôn tính các cựu thuộc địa theo đạo Hồi có nhiều tài nguyên phong phú. "Thánh chiến" sẽ có đà bùng nổ. Nam Mỹ với ma túy và phong trào du kích Mác-xít lung lay đoạn.

Khoa học sẽ tiến xa, tiến nhanh gấp bội. Đời sống vật chất sung túc hơn. Sự ứng dụng lý thuyết khoa học vào địa hạt kỹ nghệ sẽ gây nhiều ảnh hưởng tốt cũng như xấu. Sản xuất sẽ gia tăng, sản phẩm rẻ mạt. Những kỹ nghệ sẽ tai hại đến môi sinh nặng hơn. Không khí ô nhiễm ngột thở, nước dùng hiếm hoi, nhiễm độc. Thời tiết đảo lộn. Nhiệt độ địa cầu ngày càng tăng. Nguy cơ băng, đá vùng Bắc cực tan rã nhận chìm các nước thấp dưới mặt biển như chơi. Vũ khí càng tinh xảo hơn. Bom nổ hai lần, lần thứ I tung ra nhiều quả bom nhỏ như lon bia nổ tiếp giết người nhiều hơn, bom than chỉ cần điện đẩy toàn quốc vào đêm tối, gây kinh hoàng sợ hãi, làm tê liệt mọi hoạt động quốc gia được sử dụng trong chiến tranh Kosovo là những "món ăn khai vị". Không nhắc đến Internet là điều thiếu sót. Xa lộ tin học sẽ

thênh thang hơn. Nhưng tác hại của xa lộ không nhỏ. Nguy hiểm nhất là tin tưởng những gì xuất hiện trên mạng lưới là thật, cuối cùng không thể phân biệt được đâu là ảo, đâu là sự thật!

Trầm trọng không kém là các sinh học gia sẽ dùng kỹ thuật di truyền, giọc chơi người sống trong phòng thí nghiệm như món đồ chơi, như thế sẽ xâm phạm đến nhân phẩm, đến loài người. Nếu không ngăn cản, các nhà "tập tành làm phù thủy" sẽ tạo ra loại người mới giống nhau như đúc, những người máy dễ sai dễ khiến dẫn đến một sự nô lệ kiểu mới.

Nêu ra mặt trái của khoa học để đi đến câu hỏi mấu chốt: Khoa học vì nhân sinh, hay khoa học vì khoa học? Làm khoa học chỉ vì khoa học hay làm khoa học để phục vụ con người? Thế thì con người là thủ gi mà bắt buộc người ta phải tôn trọng?

Con người là một sinh vật không khác chỉ mấy loài khỉ, cũng bất hạnh và can đảm, đau khổ và hèn hạ, xem mình như trung tâm vũ trụ và hay gây chuyện, nhỏ mọn và đôi lúc hung dữ lạ thường. Nhưng con người luôn tin tưởng vào tình yêu, lòng nhân ái, có ý thức cộng đồng, có những hoài bão cao cả, tin chắc vào những gì thiêng liêng trường cửu. Một sinh vật sinh ra từ hơn 4 triệu năm trước, biến hóa liên tục mới có bộ mặt tươi đẹp ngày hôm nay. Cho nên sang thế kỷ XXI, phải chăng mục đích của đời sống là nhận con người làm gốc, tạo hạnh phúc cho con người, vì con người là một bí ẩn huyền diệu, vì đời sống lắm lúc còn đẹp hơn giấc mộng?

Vật chất phù phê chưa đủ. Đôi lúc con người cũng cảm thấy hiu quạnh, sống trên bãi sa mạc giữa tâm hồn với chia ly ngăn cách khổ đau. Con người cần có một điểm tựa để có một đời sống nội tâm thanh thản.

Thế kỷ của Cộng Sản và Quốc Xã đã chấm dứt.

Để kết luận, xin mượn lời của một văn hào nổi tiếng: *Thế kỷ XXI phải hoặc không phải là một thế kỷ tôn giáo.* ●

## Nhìn lại 10 năm của người Việt Đông-Âu xin tỵ nạn tại Cộng Hòa Liên Bang Đức

**Ở** trong nước Đảng Cộng Sản tuyên truyền mạnh mẽ về Chủ nghĩa Cộng Sản và Đảng Cộng Sản là tốt đẹp gây niềm tin từ trẻ nhỏ đến người già cho đến nay rất khó tháo gỡ. Thể hiện từ bài hát của trẻ thơ là: "Em là búp măng non, lớn lên trong lòng cách mạng là ơn nhờ có Đảng tiên phong..." và "Em tung tăng hát ca, em có áo hoa là ơn nhờ có Đảng ta..." Lên lớp chính trị là: "Đảng ta dựa theo chủ thuyết Mác-Lênin đưa toàn dân thoát khỏi đói nghèo và lạc hậu, người dân được làm chủ nhân ông, làm chủ đất nước, có cuộc sống ấm no và hạnh phúc. Không có người bóc lột người tiến tới thiên đường Cộng Sản = làm theo năng lực hưởng theo nhu cầu. Chúng ta có Liên Xô là anh cả dẫn đầu, là thành trì vững chắc của phe xã hội chủ nghĩa không gì lay chuyển nổi v.v...". Nào một bất ngờ không tưởng tượng nổi, làn gió dân chủ tự do đã thổi bạt "thành trì vững chắc" ấy làm cho các nước Cộng Sản Đông Âu là tà bay theo và sụp đổ. Chủ nghĩa Mác-Lênin bay xa tới Trung Quốc, Việt Nam và Cu Ba cùng Bắc Triều Tiên để tỵ nạn chính trị. Làm cho những nước này càng thêm u mê trong màn đêm đen tối của chủ nghĩa Cộng Sản. Cho đến nay các nước này vẫn còn đói nghèo và lạc hậu, vẫn phải van xin từ bản viện trợ, hợp tác đầu tư về kinh tế và khoa học kỹ thuật... để cứu vãn chế độ.

Trước tình hình ấy nhiều người Việt lao động, học tập, nghiên cứu sinh ở các nước Đông Âu khi thấy biến chuyển của thời đại rất mạnh mẽ. Thế giới đã và đang chuyển qua giai đoạn mới, thay vì đối đầu chạy đua vũ trang sang giai đoạn là đối thoại, hợp tác và phát triển kinh tế

cũng như khoa học và kỹ thuật. Cùng nhau chung sống hòa bình, tự do, dân chủ và nhân quyền được ưu tiên hàng đầu trong các quan hệ hợp tác và phát triển song phương. Anh chị em thấy được cuộc sống hiện tại của các nước Đông Âu họ tiến lên chủ nghĩa Cộng Sản thông qua con đường tư bản chủ nghĩa nó hơn hẳn Việt Nam tiến thẳng lên chủ nghĩa Cộng Sản không qua chủ nghĩa tư bản mà đảng đã dẫn dắt dân tộc Việt Nam đến đói nghèo là khổ cực mọi mặt. Những người có tầm nhìn xa và trông rộng thấy được các nước tư bản văn minh giàu có gấp trăm, gấp ngàn lần so với Việt Nam. Do đó họ quyết định không về nước hoặc chọn con đường vào Đức xin tỵ nạn. Một số về nước không sống nổi nên tìm mọi cách chạy sang các nước Đông Âu, rồi sau đó vào Đức xin tỵ nạn, còn kéo theo nhiều người trong nước cũng ra đi tỵ nạn. Vì vậy vinh danh người Việt tỵ nạn mới này là Người Việt Đông Âu. (Nói rõ đây là nguồn gốc xuất thân, không phải là phân biệt).

Nói về người Việt Đông Âu là những người xuất thân từ chế độ Cộng Sản Việt Nam ra các nước Đông Âu học tập, lao động nói chung. Họ là những đoàn viên, đảng viên Cộng Sản, là người tiên tiến ở trong hai cuộc chống ngoại xâm, trong lao động sản xuất và học tập cùng với một số con em cán bộ có chức có quyền trong chế độ mới được nhà nước cho ra đi hợp pháp. Một số do đứt lốt hối lộ nhiều cũng được đi. Qua vụ việc Cộng Sản Đông Âu sụp đổ và tan rã. Họ tiếp thu luồng dân chủ tự do ở các nước sở tại. Một số anh chị em có nhận thức tốt xin tỵ nạn chính trị, một số được chấp nhận ở lại làm ăn kinh tế ở các nước Đông Âu như: Nga, Đức, Tiệp, Balan... Một số về nước thấy cuộc sống khó khăn nên đã vào lại Đức xin tỵ nạn. Đã vào tỵ nạn nhưng đa phần lao vào làm ăn kinh tế, ít người lo về tỵ nạn bản thân lâu dài và lo cho đất nước mai sau. Đến tháng 7.1995 do hai nhà nước Đức-Việt ký Hiệp định Hồi hướng. Vậy là "nước đến chân mỗi nháy" để lo "cứu lấy mình" của những người xin tỵ nạn tại Đức.

Nói đến tỵ nạn, có muôn vàn câu chuyện khác nhau. Hay tốt cũng nhiều, xấu dở cũng không ít. Cũng chẳng sách báo nào viết hết được những chuyện đã xảy ra khắp nước Đức. Chính bản thân tôi thu thập được khá nhiều, nhưng khó mà viết hết được. Nói lý do xin tỵ nạn mỗi người khai báo khác nhau. Có nhiều người nói là xin tỵ nạn chính trị thì cũng chẳng biết khai báo thế nào. Lại thể hiện lời nói và việc làm không đủ tư cách tỵ nạn chính trị, cho nên bị bác đơn 96%, có nói chẳng được phần trăm nào. Số đông người Việt lao vào làm ăn kinh tế đã. Một số không nhỏ nhận trợ cấp xã hội đi làm chui trốn thuế, buôn bán gian lậu thuế, trộm cắp trốn lột, cướp của giết hại người mình. Do có những "con sâu làm rầu nồi canh" làm xấu cho người Việt Nam nói chung và làm khó khăn cho người xin tỵ nạn nói riêng. Khi Hiệp định ký lần đầu tháng 6/1992 còn nhồn nhơ. Ký lần hai tháng 7/1995 nhiều người cho rằng Hiệp định đã ký giữa hai nhà nước. Vậy không trước thì sau sẽ về hết, ta củ kiếm tiền đã. Một số cầm chừng để kéo dài thời gian, mục đích "bắt cá hai tay" nghĩa là hoạt động để được ở càng tốt mà phải về cũng được. Ta làm nhẹ nhàng để còn "đường về quê mẹ". Một số lao vào các dịch vụ lấy người Đức (giả tạo) để ở lại, có người tốn 30.000 Đức Mã vẫn bị lừa. Có người chấp nhận lấy thật không phân biệt tuổi tác, nghiệp ngập, dở hơi và chẳng cần yêu đương gì cả. Có người nay sống thời gian người này, rồi ăn ngủ với người khác như thay đổi áo quần. Có người chồng dẫn dắt đi tỵ nạn. Nhân lúc va chạm vợ chồng và gặp khó khăn giấy tờ về việc xin ở lại đã bỏ chồng đến sống chung với người Đức hoặc người Việt có giấy tờ hợp lệ. Cũng có nhiều người chấp nhận ra về không quản ngại. Mấy năm gần đây một số tình ngộ nhìn ra vấn đề thì hối muộn. Nhưng dù sao vẫn hơn không. Từ đó một số tổ chức hội đoàn và báo chí ra đời với nhiều tên gọi khác nhau đồng thời có bản sắc khác nhau nội dung cũng như hình thức. Làm cho các cơ quan cứu xét tỵ nạn họ chỉ còn cách nhìn vào sự hoạt động như thế nào? Tư cách của các đảng phái hội đoàn và cá nhân đó ra sao? Khi



bị lộ rõ là "cơ hội" thì bị bác đôn hàng loạt. Vì thấy đó là giả tạo phù phép, lừa bịp có quan cứu xét tỵ nạn. Nó làm ảnh hưởng cho nhiều người khác chùn bước. Bên cạnh đó, có số ít người tham gia hoạt động chính trị thực sự, họ không lấy bằng chứng để nộp đơn tỵ nạn lần hai mà chấp nhận ra về. Điều này có thật mà chính là con cán bộ cao cấp của Cộng Sản, làm tôi rất khâm phục những tấm lòng này là họ đấu tranh cho mọi người, cho dân cho nước chứ không phải là đấu tranh cho quyền lợi tỵ nạn chính trị của mình.

Ồ hải ngoại còn nhiều người mong muốn phục thù lợi dụng xu thế thời đại kêu gọi đấu tranh. Họ đã "bơm" cho một số người Việt Đông Âu luồng "chính trị dở hơi" nghĩa là chính trị không phải là chính trị. Một số hình thức đấu tranh kiểu quá khích gần như bạo động. Nó làm ảnh hưởng lớn cho phong trào đấu tranh ôn hòa bất bạo động của người Việt Đông Âu nói chung. Nhiều người không hiểu biết về chính trị và thời sự cũng như xu hướng thời đại hiện nay là "Diễn biến hòa bình" và đối thoại với nhau mà Cộng Sản Việt Nam rất lo sợ qua bài học của Cộng Sản Đông Âu. Buồn cho những người mồm nói là làm chính trị thực sự, nhưng lại không hiểu về chính trị. Họ chỉ nói cho sướng nhưng không biết ngượng mồm và làm nhiều việc chuồng tai gai mắt gây trò cười cho thiên hạ. Trong vấn đề tỵ nạn và chính trị tại Cộng Hòa Liên Bang Đức còn có những người Việt Đông Âu kém nhận thức bị lợi dụng làm viên gạch lót đường cho người ta và bỏ tiền vô báo người lãnh đạo họ mong được ở lại Đức. Họ luôn cúi thậm thụt, tự làm mất nhân phẩm của mình. "Đến mức trong nhiều trường hợp không thể là không đặt câu hỏi liên quan đến quyền lợi của đất nước, quyền dân chủ của nhân dân. Chính những người Việt Đông Âu này tự họ đặt vào cái thể cần phải giáo dục về dân chủ, chủ chưa phải là những người đòi ai đó thực hiện dân chủ". Vì chúng ta muốn làm dân chủ thì trước tiên phải làm từ chính bản thân mình, không bị ràng buộc bởi một thế lực nào. Phải vì lợi ích chung không độc quyền độc lợi. Xây dựng nền dân chủ là mỗi người

đều có chủ quyền và bình đẳng trong xã hội và công việc cần mạnh dạn đấu tranh cho lẽ phải và cho sự thật thì mọi vấn đề sẽ được tốt đẹp. Độc quyền độc lợi của một số lãnh đạo dẫn đến tỵ nạn tham nhũng và hối lộ như một số tổ chức hội đoàn công quỹ thâm thụt nhiều và lắm kẻ nịnh bợ "ôm nhân" cùng gây "bè cánh" lẫn ý đồ đen tối khác... (Nhưng mồm lại kêu gào đấu tranh dân chủ, chống độc quyền và chống tham nhũng...). Tại hải ngoại Người Việt Đông Âu nói chung đang sống trong thế giới tự do, dân chủ bình đẳng và nhân quyền. Đồng thời có công bằng xã hội, luật pháp nghiêm minh. Vậy không biết tận dụng và học tập thì đáng buồn! Cũng từ đây những người làm lãnh đạo, những người tập làm dân chủ và làm công tác tư tưởng không biết đấu tranh cho lẽ phải và cho sự thật chẳng đề cao thực hiện thì làm sao đấu tranh cho dân cho Tổ quốc được. Người Việt Đông Âu biết lựa chọn con đường hoạt động chính trị để xin tỵ nạn là "ích nước lợi nhà" và rất thực dụng. Nhưng đa phần là rất sợ sệt và e ngại, vì còn gia đình và thân nhân dưới sự kiểm chế của Đảng. Nếu không được ở lại, bản thân rất nguy hiểm. Vì tại Việt Nam vẫn đàn áp những người bất đồng chính kiến. Nếu về nước không trước thì sau sẽ bị đàn áp như con cá để trong chậu nước đợi ngày mổ thịt. Do đó rất khó khăn cho người Việt Đông Âu xin tỵ nạn chính trị tại Đức bị hạn chế tinh thần rất nhiều (họ sợ có tên trong sổ đen theo dõi của Cộng Sản).

Trong mấy năm gần đây sự kiện trong nước có nhiều biến chuyển lớn. Đây cũng là một phần đáng kể của người Việt Đông Âu đóng góp công cuộc đấu tranh chung. Vì là người xuất thân từ trong chế độ, có nhiều hiểu biết thực tế về chế độ lại có liên quan đến thân nhân trong chế độ cũng như trong nước. Việc đấu tranh của họ do sớm thức tỉnh với thời cuộc sôi động có khác với đấu tranh hận thù "đã yêu, yêu cả đường đi; đã ghét, ghét cả tông ty họ hàng". Họ biết phân biệt đâu là phải trái chứ không thể "đánh bùn lẫn phân trâu" là một như những người Việt khác. Họ hơn người khác là đã chọn phương thức đấu tranh theo thời đại không cần súng đạn, dao búa đâm

chém nhau không gây hận thù, không tàn phá đất nước. Cho ta thấy Cộng Sản Việt Nam trong nước rất lo sợ khối người Việt Đông Âu như các báo trong nước đăng tải hẳn học. Đồng thời những người làm dân chủ ở trong nước đặt niềm tin và dễ tiếp xúc hơn...

Người Việt Đông Âu từng sống nhiều năm dưới chế độ chính thể độc tài và có thời gian trải qua một chế độ chính trị khá dân chủ ở nước sở tại. Những người Việt Đông Âu này càng hiểu sự quý giá của dân chủ và họ rất tâm huyết với mục tiêu dân chủ hóa nước nhà. Chính vì thế họ vững tin vào thái độ của họ trước những vấn đề chính trị của cộng đồng và của đất nước. Họ lên tiếng lý giải những vấn đề nhạy cảm, mà không sợ bị vu là "Cộng Sản nằm vùng". Họ không e ngại đối thoại với bất kỳ một cá nhân hay một tổ chức chính trị nào của người Việt hải ngoại. Họ quan niệm việc đoàn kết trong cộng đồng không có nghĩa "ngậm miệng ăn tiền" trước những vấn đề liên quan đến tình trạng vi phạm dân chủ ở ngay trong cộng đồng. Mà đoàn kết chính là tinh thần đồng thuận trong dân chủ và vì dân chủ, không bị áp đặt những dị biệt đối với nhau, không bị đánh đồng một cách thiếu cơ sở những dị biệt với mục tiêu chung của toàn dân Việt Nam hiện nay là dân chủ hóa và sẵn sàng đối thoại với nhau không phân biệt quan điểm, nhằm tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau. Tiếc rằng, nhiều cá nhân và tổ chức chính trị đang "đấu tranh vì dân chủ" đã thiếu tinh thần dân chủ, cố tỏ ra kẻ cả che giấu những người Việt Đông Âu này...

Chúng ta đều biết tình hình thế giới và trong nước đã có biến đổi sâu sắc. Bên cạnh đó tình hình người Việt hải ngoại nói chung và tình hình người Việt Đông Âu nói riêng có nhiều sự kiện đáng kể. Trước những chuyển động của thời cuộc và những va chạm chuyển động chính trị đầy những mưu đồ gian trá phức tạp tại hải ngoại. Để tránh "mất mát và lạc đường". Chúng ta phải vững vàng trong đấu tranh, dẫn dắt giúp đỡ những người yếu kém, đó là trách nhiệm lớn lao của những người làm chính trị nói chung và lãnh đạo các đảng phái, tổ chức, hội đoàn nói riêng. Phải thể hiện tinh thần đấu tranh phục quốc chứ không phục

thù, đấu tranh bất đồng quan điểm chủ không đấu tranh "nợ nước, thù nhà". Người Việt Đông Âu có nhiều liên quan với nhau, liên quan với trong nước và liên quan với các cộng đồng hải ngoại. Chính vì thế một số đảng phái, tổ chức, hội đoàn của người Việt Đông Âu đã quy tụ nhau thành lập Ủy Ban Điều Hợp Người Việt Đông Âu tại Cộng Hòa Liên Bang Đức. Sáng kiến này rất hay. Vì từ trước không ai chịu nghe cả, nay nhằm tập hợp nhau về một mối thống nhất những người có cùng chí hướng và quan điểm đấu tranh khác biệt những người đấu tranh khác họ.. Nó có sự điều hành phối hợp làm mọi việc được tốt hơn xưa. Nào ngờ đâu! cái Ủy Ban này chưa quy tụ được hết các tổ chức, hội đoàn, báo chí của người Việt Đông Âu tại Đức thì ban lãnh đạo đưa anh em người Việt Đông Âu vào thành "Khu Bộ Đông Âu" trực thuộc một Liên minh Người Việt hải ngoại tại Mỹ Quốc. Vậy đã làm cho gần trăm tổ chức, hội đoàn, báo chí ở Đức bắt bình rút ra khỏi, vì không đồng quan điểm!! Cho đến nay chỉ còn chưa nổi hai chục. Đây là một đau thương và tổn thất lớn về sự đoàn kết đấu tranh chính trị của người Việt Đông Âu!

Qua bài viết với cái nhìn phiến diện còn thiếu sót, dẫu vậy nó cũng cho phép chúng ta khẳng định người Việt Đông Âu đang tự nạn tại Đức đã và đang có vai trò quan trọng, không thể thiếu được trong công cuộc cách mạng dân chủ nhân quyền cho Việt Nam. Nếu tất cả dần thân mạnh mẽ thì tương lai tươi sáng nhanh chóng đến với Việt Nam. Vì cùng xuất thân trong chế độ mà ra, có nhận thức tốt, biết tiếp thu nền dân chủ mới và có liên quan trong nước nên có thể thức tỉnh nhiều người Cộng Sản. Còn vấn đề tự nạn khó khăn cùng nhau tháo gỡ. Tất cả chúng ta cùng nhau đấu tranh đòi quyền tự nạn chính trị cho anh em tích cực để ở lại củng cố và yểm trợ cho Việt Nam. Cần trang bị kiến thức cho những người phải ra về tự họ suy nghĩ lớn hơn qua sự tiếp thu nền dân chủ tự do và nhân quyền ở nước đang sống. Cùng với những kiến thức văn hóa, chính trị, khoa học kỹ thuật đem ra để phục vụ Tổ Quốc được tốt hơn. ●



## Hồng Mai

*Phạ sầu tham thuy độc khai tri  
Tự khùng băng dung bất nhập thi  
Cổ tác tiểu hồng đào hạnh sắc  
Thuởng dư cô sấu tuyết sương tư  
Hàn tâm vị khảng tùy xuân thái  
Tều vụng vô đoan thuởng ngọc cô  
Thi lão bất tri mai cách tại*  
Cánh khan lục điệp dữ thanh chi  
TÔ THỨC (\*) (1037-1101)

Dịch xuôi:

### Mai Hồng

-Sợ buồn nên ham ngủ riêng mình  
chậm nở hoa.  
-Tự hãi kính dáng lạnh lẽo chẳng  
vào đúng thời tiết.  
-Cổ làm một chút hồng của màu đào  
hạnh.  
-Nên thừa gầy yếu lẽ loi của vốn  
tuyết sương.  
-Lòng lạnh chưa có thể được tùy  
theo về xuân.  
-Hời rượu vô lý tỏa trên hình dáng  
tươi đẹp.  
-Nhà thơ già chẳng biết sự tồn tại  
cốt cách của mai.  
-Bên ngắm lá thắm và cành xanh.

Dịch thơ :

*Ham ngủ sợ buồn nên nở chậm  
Hãi kính dáng rét chẳng vào thời  
Cổ theo đào hạnh hồng đôi chút  
Héo hắt còn thêm sương tuyết rơi  
Lòng lạnh về xuân theo chừa được  
Không đâu hời rượu tỏa nhan tươi  
Mai hồng cốt cách già không rõ  
Lá thắm cành xanh lại ngắm chơi*

Chú thích:

- Mai: tên một loại thực vật (Prunus mume) thuộc loại cây hoa hồng, cao 2 hay 3 trượng ( 1 trượng là 3,33m), lá rộng tròn mà dài, đầu nhọn, có răng cưa. Đầu xuân nở hoa, sau đó mới ra lá. Đài hoa đỏ tía hoặc xanh thắm. Hoa có năm cánh màu trắng, hồng, hồng nhạt, hoặc có khi điểm những chấm đen (gọi là mặc mai = mai đen). Hoa kết quả. Quả chứa chín màu xanh, khi chín màu vàng, có vị chua, ngâm đường ăn được, khá ngon. Cây này ở miền Bắc Việt Nam gọi là cây mơ, có rất nhiều ở vùng Mỹ Đức, tỉnh Hà Đông.  
- Băng: lạnh lẽo, trong trẻo thanh cao.  
- Dung: vóc dáng, hình dáng. Kinh Lễ, thiên Ngọc Tào có câu: *Quần tử chi dung thứ tri.* (Dáng đẹp của quần tử thông thà).  
- Đào: tên thực vật (Prunus armenica, var. vulgaris), thuộc loại hồng vi. Ngày xuân nở hoa. Hoa có màu trắng, hồng... Hoa có 5 cánh. Quả thường có lông bên ngoài, chín màu đỏ, vị ngọt chua, ăn được.  
- Hạnh: tên thực vật (Prunus armenica, var. Ansu), thuộc loại hồng vi. Tháng xuân nở hoa. Hoa có 5 cánh, màu trắng pha hồng, giống như hoa mai mà ngọn lớn. Quả hình

葉上霜時怕  
與玉姿故愁紅  
青肌寒作貧梅  
枝詩心小睡  
老未紅獨  
不肯飛閑  
知隨杏色自  
梅春態尚恐  
格在酒餘冰  
更暈孤容不  
看無瘦入  
綠端雪

tròn, chín màu vàng. Vị ngọt nhạt có pha thêm chút chua. Hạt trong quả gọi là hạnh nhân: hình lệch và nhọn, có mùi thơm, đem rang ăn được, dùng làm thuốc.

- Tú: nường nhỏ, vốn, bản chất.

- Thái: tình trạng - thái độ.

- Hàn tâm: lòng lạnh. Hàn Thư, truyện Triều Thác, có câu: *Thiên hạ hàn tâm, mạc an kỳ xử!* (Thiên hạ lòng lạnh, chỗ ở yên chỗ của mình) (Khuyên răn kinh sợ tâm huyết lạnh lẽo của người đời vậy). Văn Tuyền, bài phú Cao Đương của Tống Ngọc, có câu: *Quả phụ cô tử, hàn tâm toan tị.* ( Bà góa con cô, lòng lạnh buốt mũi ) ( ý nói run sợ).

- Khảng: thật thắn, thật sùng- có thể được, do ước mong. Kinh Thi, Bắc phong. Chung phong, có câu: *Huệ nhiên khảng lai.* (Nhân ái tất nhiên có thể đến).

- Vụng: hơi mặt trời, mặt trăng - mắt mờ, quáng - vàng sáng.

- Vô đoan: -không bền bờ. Hoài Nam Tử, thiên Chủ Thuật, có câu: *Vận chuyển nhi vô đoan.* (vận chuyển mà không có bờ bến). Không lý do, vô lý. Lý Thường Ẩn có câu thơ: *Vô đoan giả đắc kim qui tế.* (Không lý do đổ lỗi cho chẳng rõ được rửa vàng) .

- Ngọc cô = Ngọc dung: vẻ đẹp của dáng dấp - vẻ đẹp của da dẻ. Điều Hợp có câu thơ: *Kinh lý triều triều cận ngọc dung.* (Sáng sáng trong gương gần dáng đẹp)

- Cách: phong thái của người. Thời xưa ví cây mai là bậc quân tử, nên mai cách là cốt cách của mai như nhân cách của người quân tử vậy. Truyện Kiều của Nguyễn Du có câu thứ 17 là: Mai cốt cách, tuyết tinh thần.

(\*) Tác giả: Tô Thức (1037-1101) tên chữ Tử Chiêm, hiệu Đông Pha Cư Sĩ, quê ở Mi Sơn (nay thuộc tỉnh Tứ Xuyên), tiến sĩ niên hiệu Gia Hựu. Có tài văn thơ, thứ pháp, kiến thức uyên bác, là một trong tám nhà văn (Hàn Dũ, Liễu Tông Nguyên, Âu Dương Tu, Vương An Thạch, Tăng Công, Tô Tuấn (cha của Tô Thức), Tô Triệt (em ruột Tô Thức), và Tô Thức) nổi tiếng nhất của hai triều đại Đường và Triệu Tống. Bài thơ này tác giả làm vào năm Nguyên Phong thứ 5 ( 1082). (trích: MAI LAN CÚC TRÚC Thi Tuyển)

● HUYỀN THANH LỬ





## Những áng văn hay

Hơn hai năm dài, kể từ cuối năm 1997 đến nay là cuối năm 1999, mẹ chúng tôi (Nữ sĩ Trinh Chung) củ phải ra vào nhà thương về chứng tai biến mạch máu não. Lê tất nhiên đời sống của tất cả mọi người, con cháu trong gia đình cũng theo đó mà bị ảnh hưởng, đó là một lý do trong các lý do chính mà tôi ít viết được những **Lá Thư Bắc Mỹ** gửi về trời Âu hầu quý bạn đọc. Nhờ ơn Phật đến nay, mẹ tôi đã dần dần lấy lại một phần sức khỏe và bắt đầu vui với đời sống dưỡng già. Nhân đây tôi cũng xin thay mặt mẹ xin hết lòng cảm ơn quý Thầy và quý bác, quý anh chị đã hỏi thăm, an ủi và chú nguyện cho mẹ và gia đình chúng tôi được an lành.

Trong những ngày tháng ra vào nhà thương với mẹ, tôi đã nhìn đời với một cặp mắt khác ngày xưa, cho hay mọi sự trên đời này tùy lúc, tùy thời, tùy hoàn cảnh mà có thể đổi thay, đổi thay ra làm sao, tốt hơn hay xấu hơn thì hạ hồi phân giải. Từ từ tôi sẽ xin kể hầu quý vị bạn đọc thân mến. Hôm Thầy về, được các em báo tin cho hay, tôi cố gắng về thăm Thầy được 15 phút. Vì có tôi đến, các bác ở chùa Quan Âm, Montréal, nhắc đến tờ báo Viên Giác và than rằng bài vở thì hay nhưng "Thưa Thầy,

nay tụi con mắt đã mờ hết rồi, đọc hết nổi nữa, mà dùng kính lúp thì chữ có lớn ra nhưng đọc hoài không hết một trang và nhức mắt quá" (Lời của bác Hồng Hoa). Mỗi hay rằng, Phật Tử trung thành ngày xưa của Thầy hồi 1985-90 nay đã thành bộ lão trên 80 tuổi cả rồi. Mẹ tôi cũng là một thế hệ của các cụ Phật Tử nói trên. Nay lại ở nhà thương, thuộc Viện Dưỡng Lão (Hôpital Chinois), mắt đã mờ, chân tay đã run, thân thể yếu dần đi nhưng được cái cụ bà vẫn giữ được tâm hồn thi sĩ. Và những giờ phút vui nhất, đắm thắm nhất mẹ con bên nhau là ngồi nghe mẹ đọc thơ, mẹ tôi thuộc rất nhiều thơ tử ca dao, tục ngữ cho đến những câu hò điệu hát nhân gian miền Trung xứ Huế, tôi ngồi ghi không kịp, vẫn thầm tiếc nếu không ráng ghi lại thì sẽ bỏ lạc mất một kho tàng thơ văn.

Sau đây, để cố gắng góp mặt vào số báo Tết đầu năm 2000, tôi xin ghi lại một buổi nói chuyện với mẹ về thơ văn, xem như một kỷ niệm đẹp và để chia sẻ tâm tình với hai lớp thế hệ trẻ già vào thời điểm chúng ta phải bỏ nước ra đi. Lúc đó bà cụ vẫn còn ở lại Sài Gòn. Đây là lời kể của cụ:

Vào năm 1976, tôi có một đứa cháu kê bằng thím tử Bắc vào thăm, có lẽ nó phần uất chế độ Cộng Sản dữ lắm cho nên đã đậu ra kỹ sư rồi mà vẫn nghèo khô, tài trí học hành cũng có đầy đủ mà không làm được việc gì, tôi không nên kể tên nó ra đây làm gì vì sẽ gây khó cho nó. Lúc đó tôi cũng vừa bị nạn chông chết, con cái xa lìa, gia đình tử tán nên hai thím cháu cảm thông nhau dễ dàng. Nhân một hôm nói chuyện nó tâm sự rằng:

- Cháu có một bài thơ tựa đề là Thân Thế Nàng Kiều, thím có muốn nghe không?

Vốn thích thơ, nên tôi bảo cháu cứ đọc đi. Ngờ đâu, khi nghe được bài thơ tôi thán thía đến rúng động tâm can và nhắm đi nhắm lại, đọc đến thuộc lòng. Bài thơ có tựa đề, nhưng không có tên tác giả và rất được truyền tụng trong nhân gian, thuộc giới trí thức. Tưởng truyền rằng bài thơ do một nhà cách mạng làm ra và được lưu hành bí mật. Mẹ tôi thêm rằng:

- Nay đã 1/4 thế kỷ qua đi, người làm ra bài thơ chắc đã già, rất già, hoặc là tử già coi đời rồi, còn người đọc cho mẹ nghe bài thơ này thì đã mất tầm mắt tích từ lâu, nếu còn sống thì cũng lão niên rồi, còn mẹ tuổi gần đất xa trời rồi, nhưng mẹ vẫn nhỏ mãi bài thơ với người, với cảnh, với thời thế năm xưa, nay thế giới đã biến chuyển khá nhiều, mẹ có ước vọng được ghi lại ra đây một áng thơ hay mà lại có dính dáng đến thời thế lịch sử và tâm tình người dân, mẹ muốn gọi lại cho lớp trẻ để nhỏ đến người cháu năm xưa, và để quý vị bạn đọc thường lăm, khen chê, và nếu có thể tìm ra tác giả là ai thì quá quý, chủ đề nó mai một đi thì uổng lắm. Bài thơ như sau:

### Thân Thế Nàng Kiều

200 năm chầy dài vô tận

Thúy Kiều ơi, nàng sống tháng năm dài

Trái đất này,

cho đến tận hôm nay

Cũng như cả một đời Kiều còn lại

Thời gian, còn nửa ngày là đêm tối

Đồng tiền, còn đổi trắng thay đen

Còn sắc tài? Bạc mạng, bởi hồn ghen

Còn Mã Giám Sinh

Hoạn Thư

Hồ Tôn Hiến

Còn, người cỡi lên người đè nén

Thúy Kiều ơi, người sống tháng năm dài

Còn văn tài của chúng ta!

ôm trọn cuộc đời

Còn tất cả,

nhân dân và đất nước

Trong đời, ai đã nghe qua những lời sau trước

Bốn tiếng đàn Kiều gãy tình tang

Bốn tiếng đàn lẳng đọng cả không gian

Bốn tiếng đàn in sâu vào tâm tưởng

Ôi!! người đời để chi mà tưởng tượng

Ôi!! người đời cay đắng thế này chẳng?

Không gian,

đọng lại buồn tênh

Những trang Kiều

là những mộng mệnh cuộc

đời

Bác thang lên hỏi ông trời

Có phải nàng Kiều là số trời định!

là cuộc đời đó chẳng?

Nguyễn Du người đã yên nằm

Mà lời định mệnh hãy còn nhắc ai!!

(Vô Danh)

Ngâm xong bài thơ, bà cụ nhìn nài hỏi tôi hỏi lui là tôi có hiểu 4 tiếng đàn là gì không? Tôi thú thật là không rõ ý lắm, cụ lại nhìn nài giảng giải thêm như sau:

- 4 tiếng đàn Kiều gảy là *tích tịch tinh tang*, cũng có nghĩa là:

- Cách mạng

- Độc lập

- Tự do

- Hạnh phúc

Mọi người dân từ trên xuống dưới trong chế độ Cộng Sản thời đó đều biết đến những chủ bóng lộn nói trên những thật sự là họ không được nếm mùi độc lập - tự do - hạnh phúc gì trớn.

Còn lớp người làm cách mạng, đi theo cách mạng, cũng giống như trót làm thân Kiều bán mình vào cửa giang hồ, luôn mồm ca hát, hoan hô cách mạng nhưng mà chỉ vì bắt buộc phải đàn hát mà thôi. Vì thế tiếng đàn của Kiều xem ra ngậm đắng nuốt cay thế nào...

Đã đến lúc tôi phải rời nhà thương, rời mẹ để trở về nhà, tôi mang theo bài thơ mẹ cẩn thận ghi lên giấy và trao phó cho tôi, bảo tôi phải xem lại chính tả cẩn thận trước khi gởi về báo Viên Giác.

Vì nay mẹ mất yếu rồi, nét chữ loạng choạng, chữ quên chữ nhỏ, sợ trật lỗi chính tả thì phiền cho Ban Biên Tập. Có nhiều thủ tình cảm, dấy lên rồi lắng đọng trong tâm tư, rồi tan biến mất, nhưng biểu tả lại thì vô phương, chỉ có thể thầm cảm nhận và giao cảm cùng nhau. Đó là cảm giác của tôi trong buổi chiều nay, trên đường về giữa cơn gió đầu đông.

Tôi là một người thuộc thế hệ trẻ (nếu so sánh với thế hệ của mẹ) do đó tôi không thể nào sống được cùng một rung động cùng thời, cùng cảnh của mẹ.

Tuy nhiên với tuổi đời gần 60 năm trên vai, đã sống qua bao biến cố lịch sử, dù có ngậy thơ đến đâu tôi cũng hiểu được rằng trong chế độ gọi là dân chủ, tự do, hạnh phúc mà không có tự do, dân chủ, hạnh phúc thì sớm hay muộn gì chế độ đó cũng phải đổi thay, vì nếu không đổi thay thì tiếng đàn của nàng Kiều vẫn vang mãi, vang mãi trong lòng muôn người! Một chế độ hạnh phúc, dân chủ, tự do mà sao vẫn còn có Mã Giám Sinh, Hồ Tôn Hiến, Hoạn Thư, vẫn còn hờn ghen, lừa lọc, còn đổi trắng thay đen, còn người dè nèn

người, và nàng Kiều ơi, vẫn sống suốt năm dài...

Thôi thì với một áng văn hay làm duyên giao cảm, tôi nguyện cầu và xin quý bạn đọc cùng nguyện cầu cho đất nước Việt Nam thân yêu của chúng ta vào thế kỷ thứ 21 sắp tới sẽ thực sự đổi mới, có độc lập, có tự do, có hạnh phúc và người dân sẽ không còn ăn mãi bánh vẽ như năm xưa.

Kính bút.

### *Thế Kỷ Hai Mươi Một*

*Cả nhân loại,  
Đang nhộn nhạo,  
Để bước vào,  
Thế kỷ,  
Hai mươi một...*

*Người thi "đêm ngày" lo buồn thảng thốt,*

*"Sẽ sao đây: ngày tận thế đến rồi?"  
Người thi dửng dưng... phó mặc sự đời...*

*"Thế kỷ nào... thì... cũng thế mà thôi!"*

*Kẻ thì sống gấp... kẻ uổng đời người!*

*Kẻ vì tiền... lặn ngụp vũng bê tha...*

*Kẻ vì quyền lực - Dám làm tất cả:  
"Cuộc bóc, giết người... Chiến tranh hủy diệt!"*

*Người thi ngày đêm nguyện cầu khẩn thiết:*

*"Cầu TRỜI PHẬT cho nhân loại :  
bình an!*

*Cho con người vượt trở ngại gian nan,*

*Cho cuộc đời đầy tình thương, nhân nghĩa!"*

*Mặc cho thiên hạ trăm chiều nghiêng ngửa...*

*Trời vẫn xanh, trái đất vẫn vẫn xoay...*

*Vạn vật, cỏ cây... tươi tốt từng ngày...*

*Nắng, mưa vẫn trải; trăng, sao vẫn đây!!!*

● *Trần Kim Lan*

## Gia Chánh CHAY



### *Đậu Hủ Tiềm*

Vật liệu :

- 100 gr. hạt sen khô đã lột vỏ sẵn, loại xò xầu cũng được
- 100 gr. bạch quả
- 100 gr. đậu phộng
- 5 trái táo đỏ
- 2 miếng đậu hủ chiên
- 150 gr. nấm rơm búp
- 2 trái dưa xiêm
- Tiêu, muối, nước tương, đường, bột ngọt, ngò thơm, dầu mè

Cách làm :

I.- **Giai đoạn một** : chuẩn bị.

- 1) Hạt sen : bỏ nhụy đắng, ngâm nước cho mềm, nấu chín.
- 2) Bạch quả : lột vỏ, ngâm nước, nấu chín.
- 3) Đậu phộng : ngâm nước, lột vỏ, nấu chín.
- 4) Trái táo : ngâm nước rửa sạch, để cho ráo nước.

5) Đậu hủ chiên : xắt miếng vừa ăn.

6) Nấm rơm : gọt rửa sạch với nước có pha chút muối, nấm to chẻ đôi.

II.- **Giai đoạn hai** : cách tiềm.

Cho nước dừa tươi vào soong, bắc lên bếp nấu sôi, cho chút muối, sau đó cho hỗn hợp : táo, hạt sen, bạch quả, đậu phộng, đậu hủ chiên, nấm rơm vào tiềm; để lửa vừa; nêm chút tiêu + nước tương + đường + bột ngọt cho vừa ăn. Khi tất cả đều chín, nhắc xuống, cho chút dầu mè vào cho thơm ngon.

III.- **Giai đoạn ba** : trình bày.

Múc hỗn hợp đậu hủ ra thố, trên rắc thêm tiêu + ngò cho thơm, dùng nóng.

Số vật liệu ghi trên sửa soạn cho 5 người ăn. ●



# Tìm lại hủ không



Từ Âu châu khi vừa đến Houston, việc đầu tiên là Đạt theo ngay ước muốn từ lâu của mình: đi tìm Xuyên. Qua thú tử bạn bè Đạt nghe nói Xuyên sau những ngày tháng sống khổ cực trên đảo đã được định cư Houston, tiểu bang Texas, nên Đạt đã hỏi ngay một nhà báo khi anh vừa đặt chân đến thành phố này:

- Anh có biết ở Houston này có ai tên Xuyên không vậy anh?

- Có tôi biết. Xuyên có một cái tiệm sách nhỏ ở Downton. Anh đến tiệm Phở Tàu Bay hỏi thì ai cũng biết, một anh nhà báo địa phương trả lời lạ lùng như thế.

Đạt ngạc nhiên bởi vì Xuyên không phải mẫu người đã từng ham mê với sách vở, bây giờ trở thành một chủ tiệm sách cũng là việc lạ. Hai người bạn cùng học dưới một mái trường ngày xưa, tính tình của Xuyên, Đạt đâu còn gì lạ. Chỉ thích vui đùa, ít ham thích miệt mài với sách vở. Hơn thế nữa Xuyên lại có đầu óc kinh doanh, nhưng không phải là kinh doanh trong ngành sách báo. Nhưng dù sao cũng phải chờ cái đã. Biết đâu ngày xưa Xuyên không thích sách báo nhưng bây giờ chẳng cô thích sách báo thì sao? Cũng có thể vợ chồng cùng mở ra tiệm sách vậy. Đạt đến ngay tiệm Phở Tàu Bay ở khu chợ Hòa Bình hỏi ra mới biết cô Xuyên nào đó đã dẹp tiệm sách lâu rồi. Mọi câu hỏi vì thế vẫn chưa có lời giải đáp. Về nhà một người bạn Đạt lật tung cuốn niên giám điện thoại để mong tìm cho ra được cái tên Trần Thị Kim-Xuyên, dù biết rằng chỉ có những cô còn độc thân mới dùng tên mình trong niên giám điện thoại. Tìm được hai tên như thế ở hai địa chỉ khác nhau. Bóc điện thoại lên

người thủ nhất cho biết ngay không phải là dân Bà Rịa. Đạt hồi hộp ở lần điện thoại thủ nhì. Chuông điện thoại cứ reo: ren.. ren.. ren..và Alo, Xuyên đây, ai đầu dây đó?

\*

Những ngày sau đó, hai người không còn gặp gỡ nhau trong căn phòng kín đáo của thằng bạn học, nhưng lại thường gặp nhau dưới khung trời lồng lộng, bên mùi nước biển mặn nồng, và bên những tán cây mà quanh năm cho ra những tán lá xanh muốt. Cứ chiều chiều, khi trời chạng vạng, Đạt hay chờ Xuyên trên chiếc xe Honda của mình ra ngồi bên những tảng đá ngăn nước biển và hàng cây đuốc xen kẽ trên đường gần đến cầu Cỏ Mây, từ Bà Rịa ra Vũng Tàu để trò chuyện. Chuyện tưởng lại, chuyện học hành, chuyện chiến sự, và dĩ nhiên là phải có chuyện tình trong đó rồi. Qua những lần trò chuyện tâm tình như thế Đạt mới khám phá ra ở Xuyên một điều bí mật làm anh đến đờn đầu, là Xuyên cũng đang có người tình là chàng Sinh viên Sĩ quan đang theo học ở Học viện Hải Quân Nha Trang. Trong một lúc Đạt tự hỏi tại sao Xuyên có thể cùng một lúc yêu hai người thanh niên một cách nồng nhiệt thiết tha như thế. Và tưởng lại đây Xuyên sẽ chọn ai và sẽ lợt về tay ai? Cả những lần Xuyên tự hào đem khoe những tấm hình của chàng Hải Quân tử bãi biển Nha Trang gửi về cho cô ta, để làm tang vật cho một đời sống hứa hẹn nhiều hào hùng sôi nổi của người trai trong thời chinh chiến. Trong khi đó thì chính Xuyên cũng biết được nỗi hoài bão của Đạt chỉ là một người công chức bình thường mà thôi. Thảo nào các đàn anh đã đi lính tráng của Đạt đã nói đúng: Thằng nào có bồ thì làm lẹ đi, không rồi sau này xa nhau tụi bây sẽ tiếc hùi hụi. Nhưng dù có khoe hình người tình thứ hai đầy hào hùng như thế, Xuyên vẫn trao cho Đạt những nụ hôn dài nơi đời mỗi mộng mơ mà lúc nào cũng tươi thắm. Và với Đạt, kể từ ngày khám phá ra chuyện riêng tư này của Xuyên, anh lại thấy một nỗi buồn băng quố len lén vào hồn, nhưng dứt khoát không yêu Xuyên nữa thì anh không thể nào dứt khoát được, bởi một lý do dễ hiểu là Xuyên vẫn mặn nồng với anh. Nhưng rồi một ngày không xa cũng đã đến, chỉ một năm sau, đó là ngày Xuyên bước lên xe hoa để về nhà chồng, sau khi anh chàng Sinh viên Sĩ quan đã ra trường và về phục vụ trong một đơn vị Hải Quân ở Vũng Tàu. Đêm chia tay Xuyên lại để lại cho anh những giọt nước mắt nhẹ nhàng. Cô nàng kể lể:

- Anh Tường -tên người chồng tương lai của Xuyên- em quen trước khi quen anh. Anh Tường ở bên Long Hương và học trên anh đầu đó vài ba lớp. Tính ra, anh Tường đâu có xa lạ gì với tụi mình, cùng quê hương, cùng một trường. Em yêu anh Tường cũng giống như em yêu anh, nhưng trước khi anh Tường vào Hải Quân em có lời hứa hẹn với anh là sẽ trở thành vợ anh sau khi anh ra trường, giờ em phải thực hiện lời hứa. Trước khi chia tay anh mãi mãi em có đề nghị với anh như thế này là con Duyên, em của em, nó cũng rất thương anh. Anh có nghĩ là nếu không còn gì với em, anh có thể nối kết tơ duyên gì đó với con Duyên không?

Duyên, em của Xuyên, nhan sắc đâu thua gì chị mình, nhưng tình yêu thì đâu thể gì một ngày một buổi mà thay đổi được trong lòng Đạt.

\*

Cuối cùng thì Đạt cũng tìm được Xuyên. Qua một người đồng hương Bà Rịa, Đạt biết Xuyên về định cư ở Tiểu bang Florida. Lúc đầu anh không định đi đến Florida để tìm Xuyên, nhưng bởi câu chuyện vừa biết được về Xuyên nên anh quyết định đi tìm người tình cũ để thăm viếng một lần. Mọi chuyện thật êm xuôi, vì Đạt cứ điện thoại đến hãng phi cơ, xin phép trên đường về lại Âu Châu được dừng chân ở Florida vài ba ngày để thăm thân nhân. Hãng phi cơ bằng lòng và đã sắp xếp lại các chuyến bay cho anh.

Bây giờ Đạt đang đi bên Xuyên trong một thành phố nằm trên bờ biển. Hai người đứng xa xa nhìn một người đàn ông đang đứng câu cá sát cạnh bức tường cao chỉ đến bụng. Mặt nước biển thâm thấp xa xa, bên dưới. Những con cá trắng thấy bắt mỗi khi người đàn ông kéo cần câu lên. Câu chuyện về một đất nước ít còn cá tôm vì không theo kịp sự tiến bộ của Nhật, Đại Hàn trong ngành đánh cá, như những người về Việt Nam thăm và đã kể lại. Hình ảnh mùa đông đầy băng tuyết ở Thụy Sĩ, quanh năm chỉ nhìn thấy rừng rậm ao hồ. Bởi vì những sự việc đã được nghe và thấy như thế, nên khi đang ở biển, nhìn được những con cá trắng to lớn, cùng với cách câu như để mà chơi, mà giải trí, tự dưng Đạt cảm thấy vui vui. Đôi lúc anh quên luôn cả là đang đi bên cạnh Xuyên, với hoàn cảnh hiện tại không mấy được vui. Anh nắm tay kéo Xuyên đi lại gần người đàn ông đang ngồi câu cá vì muốn xem những con cá nằm trong giỏ của ông ta. Xuyên vội vàng lấy cả hai tay kéo tay anh lại. Miệng nài nỉ: Thôi đi anh, đừng lại sát bờ tường! Em sợ, em

sẽ... Dáng cô nàng sợ sệt làm Đạt rất đổi ngạc nhiên. Nhưng chiều theo ý Xuyên, Đạt không rủ đi nữa. Gió từ biển thổi về đất liền sao mạnh quá, tóc tai, quần áo của hai người bị hất tung, rối loạn. Đạt hỏi Xuyên:

- Biển ở đây bao giờ cũng vậy sao em? Gió quá!

- Hình như là vậy. Ra biển bao giờ cũng thấy gió. Mặc dù trời mùa hè trong đất liền đang nóng. Nhưng từ ngày về đây định cứ em có bao giờ để ý là lúc nào biển có gió và lúc nào không. Hầu như cứ mỗi lần ra biển là mỗi lần gặp những làn gió mát lạnh đến cả người!

Không biết Xuyên có nhớ đến hoàn cảnh hiện tại của mình, đến Tường, đến Hải Quân, mỗi khi nhìn cảnh biển không, nhưng trong giọng nói đã nhuộm buồn buồn. Xuyên tiếp lời. Nhờ thế mỗi giải đáp được những câu hỏi đang có trong đầu của mình.

- Mỗi lần nhìn những chiếc thuyền bè màu trắng em lại nhớ đến Tường. Nhớ đến chiếc áo Hải quân màu trắng của anh ngày xưa. Cũng như mỗi lần nhìn những cô cậu thanh niên học sinh trước cổng trường, dù là các cô cậu người Mỹ, em lại nhớ đến anh. Nhớ đến thời kỳ tụi mình còn là học sinh ở Bà Rịa, với mối tình đầu tiên của em đã trao cho anh. Không phải vì công anh lặn lội đến đây tìm em mà em đã nói nịnh anh như thế. Thú thật, cứ mỗi hình ảnh lại gợi cho em một kỷ niệm nào đó từ những ngày cũ đã qua.

Câu nói của Xuyên mang lại cho Đạt ít nhiều kỷ niệm ngày trước ở quê nhà. Ngày đó, khi tuổi vừa mới lớn, yêu Xuyên, Đạt yêu bằng một tình yêu vừa tinh thần vừa thể xác hoà lẫn nhau. Anh thích chiêm đoạt thân xác. Bây giờ trong anh, dù đang đi bên Xuyên lại không còn những rung động về thể xác như ngày trước nữa. Có phải vì Xuyên không còn hồng hào này nữa như năm Xuyên vừa mười tám tuổi? Có phải vì anh đã già? Nhớ lại những điều ngày trước Đạt cảm thấy ân hận! Tại sao, ngày đó anh lại có ý nghĩ nên lấy Xuyên ngay trước khi từ giả ngôi trường, như lời những đàn anh "dạy bảo". Đạt đặt câu hỏi: Nếu ngày đó anh lấy được Xuyên thì sự thể sẽ ra sao đã đến? Xuyên sẽ thuộc về anh từ ngày ấy đến bây giờ hay có những gì thay đổi khác nữa. Nhìn mái tóc nhuộm màu đen tuyền của Xuyên. Nhìn dáng vẻ Xuyên bây giờ thon nhỏ gầy gò, nơi mí mắt và cổ có những đường da nhăn nhúm, bất giác Đạt nghĩ đến thời gian qua mau quá, mỗi đây mà đã hai mươi năm rồi.

- Từ ngày Tường mất, em vẫn ở vậy để nuôi con? Xem ra em vẫn còn nhớ đến Tường lắm hả? Dù lúc sống Tường đối

xử không tốt với em. Xin lỗi! Anh nghe như vậy.

- Anh hiểu làm em rồi. Em chỉ còn nhớ đến Tường nhưng em không còn yêu Tường kể từ ngày Tường mất. Hay là trước ngày Tường mất lặn kia.

- Em nói gì anh chưa hiểu!  
Không giải thích thắc mắc của Đạt, Xuyên nói tiếp:

- Cũng như bây giờ anh đến đây, em không thể đối xử với anh như những ngày chúng ta còn ngồi chung với nhau dưới mái học đường nữa được. Ngày đó em yêu anh thật tình. Nhưng em vẫn bị cái hào nhoáng bên ngoài của chàng Sĩ quan Hải quân thu hút, mỗi khi gặp anh ta về phép. Anh thì lúc đó còn là học trò. Mà mấy cô học trò ít khi nào yêu các anh học trò ngang ngang lớp lằm. Anh không thấy như vậy sao? Nghĩ lại bây giờ em vẫn còn ân hận đã đối xử khá tàn nhẫn với anh khi đã chọn Tường mà còn giới thiệu em Duyên của em cho anh.

- Anh không yêu Duyên nên không thể làm theo ý muốn của em được.

- Em biết.

- Thôi. Bây giờ hãy trở lại chuyện của tụi mình!

- Tụi mình thì sao?

- Chiều rồi. Chuẩn bị về. Còn tính chuyện ăn chiều.

- Không! Anh ở lại đây với em cho qua đêm. Lâu rồi, kể từ ngày Tường mất em không còn dịp ra đây trong ban đêm nữa. Đêm về trên mặt biển rất đẹp, để rồi anh coi em nói có đúng không.

- Nhưng chắc không đẹp bằng nơi chúng ta ngồi với nhau chiều chiều trên con đường ra Vũng Tàu như trong những ngày còn đi học.

- Em không biết. Nhưng anh cũng sống bằng kỷ niệm nhiều đủ đó!

- Nếu chưa chịu về thì chúng ta lại cái bằng đá ngồi. Chủ đứng và đi từ trưa đến giờ anh thấy muốn rụng cặp giò rồi đây. Phải ngồi một chút!

Khi đã ngồi xong, để tìm chuyện nói, Đạt lại hỏi lại câu hỏi mà từ lúc gặp Xuyên chàng đã hỏi, nhưng nàng chỉ trả lời qua loa, kết cuộc chàng vẫn còn thắc mắc:

- Em nói Tường chết vì chết đuối khi tắm biển. Anh chẳng hiểu ra sao cả. Hải quân mà chết đuối thì có ai mà tin. Đầu em kể rõ cho anh nghe coi tại sao mà ra nông nỗi vậy.

Xuyên vẫn kiếm chuyện để nói lằng, không trả lời trực tiếp câu hỏi của Đạt. Bóng đêm đã phủ xuống hoàn toàn. Khuôn mặt Xuyên bấy giờ như hun hút thật sâu vào mái tóc được nhuộm đen bóng loáng, bóng bèn. Khi có ánh đèn của xe cộ qua lại rọi, mặt Xuyên lại nổi lên một màu xanh kỳ lạ. Đêm về mà cú kéo nài hỏi chuyện về người

chết, bất giác Đạt cũng rùng mình. Thêm lúc này khuôn mặt Xuyên sao trở nên xanh xao quái đản. Đang yên lặng Xuyên lên tiếng:

- Tường chết ngay chỗ ông câu cá hồi chiều. Em sợ nên đã kêu anh đừng lại gần chỗ đó.

Đạt ngạc nhiên:

- Như vậy thì chết đuối cái nỗi gì!

- Không, em đã xô Tường té xuống dưới biển. Biển đầy đá dưới đó. Em muốn giết Tường. Và Tường đã chết.

Đạt bỗng nhiên thấy sợ. Anh chưa hiểu nổi đầu đuôi câu chuyện ra sao. Bạn quen nói rằng Xuyên góa chồng đang ở vậy nuôi con. Nhớ lại chuyện cũ tình xưa anh muốn ghé thăm Xuyên một lần, chủ anh đâu ngờ chuyện của Xuyên giờ đây xem ra không còn đơn giản như anh nghĩ lúc đầu nữa.

- Sao từ lúc gặp anh hỏi em không nói ngay cho anh biết. Sao em giấu việc ấy đến bây giờ mới nói ra? Rồi có ai biết em đã giết Tường không?

Xuyên nhún vai:

- Dĩ nhiên là không. Vì nếu biết thì bây giờ em đã ngồi trong tù rồi. Em khai với cảnh sát, Tường đang ngồi trên bờ tường, lơ dềnh bị té.

Đạt lắc lư cái đầu:

- Bây giờ thì anh không còn hiểu em ra sao nữa.

Đạt đâm ra sợ như không còn muốn ngồi gần bên Xuyên nữa, dù là chỗ đang ngồi không phải là trên bờ tường đá. Trong bóng đêm, giờ Đạt tưởng tượng ra chắc gương mặt Xuyên đang mang vẻ hung tợn lắm. Vì qua giọng nói đã có âm hưởng cộc cằn, dữ tợn. Anh vì uất ức, dù là sợ nhưng cố làm gan để hỏi Xuyên cho ra lẽ:

- Nhưng tại sao em lại giết Tường?

- Tại anh đào hoa quá! Hết cô tình nhân này, đến cô tình nhân khác. Em yêu anh mà anh lại nở phụ bạc em.

- Té ra mọi chuyện cũng chỉ vì tình. Nhưng em có thể xin ly dị kia mà.

- Thôi bỏ chuyện cũ đi! Chuyện đồng dài. Ly dị với không ly dị. Bây giờ nếu anh muốn về thì em đưa anh về. Trời đã khuya rồi. Hay là bây giờ anh muốn xuống biển lại?

- Thôi cô! Tôi sợ biển rồi.

- Ha.. ha.. ha...Giọng cười Xuyên, Đạt nghe sao lạnh lốt.

Chiếc xe bỏ cảnh biển ban đêm sau lưng. Đến một khúc quanh, đường không còn một ánh đèn, trong xe tối như đêm ba mươi, Đạt quay qua thấy người ngồi bên cạnh mình bây giờ không phải là Xuyên nữa, mà là Tường. Rõ ràng là Tường. Mặt mày đầy máu me. Đạt la lên ú ó... ●



# Giới Thiệu Sách

## Mới Xuất Bản

### Những Mảnh Đồi Gạo Chợ Nước Sông

Tập truyện của Phạm Thăng, Tựa của Hồ Trường An, sách dày 162 trang, do Trung Tâm VHXX Phật Giáo VN tại Đức xuất bản, 1999.

"Những Mảnh Đồi Gạo Chợ Nước Sông" là một tập truyện của nhà văn Phạm Thăng. Kèm theo đó, ở phần cuối có chương viết về lịch sử thắng trầm của Bàn Vọng Cổ, coi như phần phụ lục.

"...Ở tập truyện này, tác giả Phạm Thăng nói về nghệ thuật trình diễn của miền Nam Việt Nam trong vòng bán thế kỷ 20. Đó là các bộ môn hát bội, hát cải lương, hát xiếc, hát trong các cuộc Sơn Đông Mãi Võ, hát dạo trong các cuộc ăn xin..."

"...Nhà văn Phạm Thăng không viết bộ môn hát bội và bộ môn ca kịch cải lương dưới hình thức biên khảo. Anh dựng lên cảnh đời các nghệ sĩ nghèo của hai bộ môn này dưới hình thức của truyện ngắn, có nhân vật, có bối cảnh, có diễn biến cuộc đời, có diễn biến tâm lý tâm tình. Ở mọi yếu tố để dựng nên truyện ngắn, ngôi bút diễn tả của anh rất chi ly, rất sắc sảo và cũng rất tha thiết mến thương..."

"Các bạn đọc giả suốt 24 năm qua, cũng đã thừa biết rằng trên văn đàn Việt Nam ở hải ngoại, Phạm Thăng là một cây bút viết về quê hương rất cụ phách, đứng trong hàng ngũ các cây bút miền Nam như Xuân Tuốc, Xuân Vũ, Lê Bảo Trân, Hồ Trường An, Hứa Hoàn, Nguyễn văn Sâm, Nguyễn văn Ba..."

(Tựa của Hồ Trường An).  
(Giá Mười Đức Mã)

#### Địa chỉ liên lạc:

Chùa Viên Giác, Karlsruher Strasse 6  
30519 Hannover / Germany  
Tel : 0511 / 87 96 30  
Fax : 0511 / 87 90 963  
E-Mail : chua@viengiac.de  
E-Mail: viengiacu@t-online.de  
Homepage: http://www.viengiac.de

## Như Khôi Lam Buồn

Tập truyện của Hồng Lan, Tựa của Xuân Vũ, Bìa của Trương Bửu Giám. Ảnh phụ bản của Lê Quang Xuân, sách dày 260 trang do Viên Giác xuất bản 1998.

"Nét nổi bật trong tập truyện Như Khôi Lam Buồn của nhà văn nữ Hồng Lan là sự hồn nhiên và duyên dáng... Nếu vẫn là người thì từ những truyện này đọc giả có thể suy ra rằng tác giả là một người duyên dáng. Truyện của Hồng Lan viết gồm phong cảnh, con người và sự việc xảy ra ở nông thôn mà tác giả sống. Tôi vốn là dân quê biết chút ít chữ, nên tôi thích truyện đồng quê hơn các loại truyện khác".

"Cây chuối, cây dứa, bờ ao, bến đò, vườn cây, lúa mạ, ruộng đồng, cây me, cây ổi, chuyện cây bừa, cấy gặt, chính là cuộc sống của tôi. Đi xa cái sinh hoạt này hơn 20 năm, tôi rất nhỏ. Nay đọc Hồng Lan, chẳng khác nào trở lại quê hương trên mặt đất. Hơn thế nữa trong nhiều đoạn, tôi tưởng nhân vật đó chính là tôi..."

"Đọc Hồng Lan, ta thấy một sự gần gũi, mến yêu nhân vật như những người thân của mình hay chính mình sống trên quê hương mình. Đó là sự thành công của cây bút Hồng Lan vậy". (Tựa của Xuân Vũ).

Giá Mười Mỹ Kim.

#### Liên lạc:

Chùa Viên Giác, Karlsruher Strasse 6 -  
30519 Hannover / Germany.  
Tel : 0511 / 87 96 30  
Fax : 0511 / 87 90 963  
E-Mail : chua@viengiac.de  
E-Mail: viengiacu@t-online.de  
Homepage: http://www.viengiac.de

## Tâm Quê

Thi tập duy nhất của EP. Lê Kiều Phương (Thụy Sĩ). Lời giới thiệu của Cung Vũ, Bạt của Tuy Anh, do Làng Văn (Canada) xuất bản tháng 7.99 và tác giả vĩnh viễn đi vào cõi thơ tháng 8.99.

"Tôi quen gọi những bài thơ ngắn ngắn trong tập này là "thơ ép", thơ của Ep. Ep, đúng ra là E.P.- Emil và

Phường- tên chàng và tên nàng ghép lại".

"Mới đầu, tôi không biết E.P. là ai; nhưng có là "Elvis Phường" hay "Em Phường" cũng không quan trọng. Điều quan trọng là sức sống. Sinh khí của tác phẩm, của một bài thơ là cảm xúc. Thơ hay phải truyền đạt được sự rung động của tác giả; và trước hết, tác giả phải có cái gì đó để truyền đạt. Lễ luật, ý tứ, ngôn từ, hơi thở, kỹ thuật... chỉ là con đường để hướng dẫn, là phương tiện để trao truyền. Lễ luật đúng, ý tứ mới lạ, ngôn từ chuốt lọc, hơi thở mạnh, kỹ thuật cao, ... giúp một bài thơ đi tới nơi tới chốn, thành hình, có dung mạo, nhưng không nhất thiết tạo được xúc động. Đọc giả chú ý đến E.P. không phải vì cái tên lạ, mà vì tâm tình của tác giả gói gắm trong tác phẩm".

"Cảm ơn E.P., Phường, Lê Kiều Phương, đã góp sức làm cho cuộc đời đẹp hơn, có ý nghĩa hơn với những lời thơ hồn hậu thanh khiết. Cảm ơn Emil, người đã góp sức vun quén cho hồn thơ lớn dậy. Cảm ơn lòng sâu man man, quện vào chốn cũ. Chắp tay hoa, ước nụ nhiệm màu. Tạ ơn người làm trời mưa mau. Tạ ơn nắng gió đường lưu xứ. Tạ những lời buồn thăm thăm sâu..." (Tựa của Cung Vũ)

Giới thiệu thi tập "Tâm Quê" của E.P. như là một lời nguyện cầu cho hương linh nhà thơ Lê Kiều Phương sớm được siêu thoát.

#### Địa chỉ liên lạc

Làng Văn, P.O.Box. 218, Station "U"  
Toronto, Ontario., M8Z 5P1- Canada.

## Tình Yêu Nuôi Tôi Lớn

của Trúc Giang, Tuyển tập Văn, Thơ. Tựa của Hoài Việt, Bạt của Tú Nguyễn, sách dày 198 trang do VIDİ, Dortmund / Đức, Nhóm Bạn Văn Paris phát hành năm 1999.

Giá 80 F / 22,- DM. Liên lạc: Trúc Giang  
5, rue de la Forêt - 57910 Neufgrange /  
France

## Suối Hoa

Thi tập của Nữ sĩ Tuệ Nga, Hồng Trúc xuất bản 1999, in theo khổ DIN

A 4, 220 trang. Trình bày Tuấn Hải. Phụ bản Thứ Họa của Họa sĩ Vũ Hối. Suối nhạc (Cô gái đàn tranh) của Họa sĩ Trịnh Minh Trí. Thơ phổ nhạc của Tử Công Phụng, Ngô Mạnh Thu, Mạnh Bích, Mộng Lan, Trọng Nghĩa, Trúc Tâm, Tô Mai Lê, Việt Hồ, Nguyễn Nhu, Hoán Trần.

Nữ sĩ Tuệ Nga là một trong những nhà thơ nổi danh trong thi đàn Quỳnh Giao ở quốc nội cũng như ở hải ngoại. Thi tập Suối Hoa- thơ thiên, thơ Đạo, thơ mang chỗ Đạo vào Đời...

Liên lạc : Tuệ Nga  
20370 SW Lela Lane -  
Aloha, OR 97006- 6525 - USA

## Vietnamesischer Buddhismus in Deutschland

Darstellung der Geschichte und  
Institutionalisierung

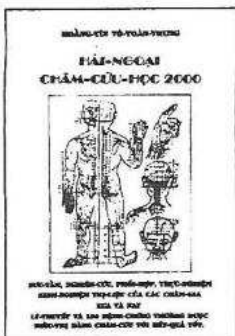
Sách tiếng Đức do Ho Loc viết, dày khoảng 160 trang, đã được Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt Nam tại Đức xuất bản trong tháng 11 1999. Quý vị muốn có sách xin liên lạc về Chùa Viên Giác. (10 Đức Mã)

## Sống và chết theo quan niệm của Phật Giáo

của Thượng Tọa Thích Như Điển

Sách dày trên 500 trang. Bìa in 4 màu. Gồm Đức và Việt ngữ. Quý vị muốn có sách xin liên lạc về Chùa Viên Giác. (10 Đức Mã)

## Hải Ngoại Châm Cứu Học 2000 & Hỷ Thương Người Phụ Nữ



Cho những quý vị muốn tìm hiểu về khoa châm cứu. Do đạo hữu Hoàng Tín Vô Toàn Trung đã dày công nghiên cứu và soạn thảo trong 5 năm.

Có giải thích và chỉ dẫn đầy đủ bằng hình vẽ rõ ràng.

● Hải Ngoại Châm Cứu Học 2000 :  
Dày trên 500 trang, khổ lớn A4. Bìa in màu. Giá phát hành 60 DM (chưa kể cước phí gửi)



● Phụ bản :  
**Hỷ Thương  
Người Phụ Nữ**  
:  
Dày trên 200  
trang, khổ lớn  
A4, Bìa in 4  
màu. Giá phát  
hành 30 DM  
(chưa kể cước  
phí gửi đi)

Do Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật  
Giáo Tại Đức Quốc mỗi mùa xuất bản  
xong vào tháng 9 / 1999.  
Muốn có sách xin quý vị hãy liên lạc :

Chùa Viên Giác , Karlsruher Str. 6  
30519 Hannover . Germany

Tel. 0511 / 87 96 30.

Fax : 0511 / 87 90 963

E-Mail : chua@viengiac.de

E-Mail : viengiac@t-online.de

Homepage : <http://www.viengiac.de>

Hoặc :

Ông Võ Toàn Trung.  
Barsbütteler Strasse 34  
22043 Hamburg.

Tel . : 040 / 653 14 48

## Nường về Bát Nhã



Nường về Bát Nhã Tâm Kinh  
Soi dòng tịnh thủy thấy hình chân  
như  
Trăng sao lấp lánh bóng thơ  
Hương trầm bay khắp cõi bồ tịnh yên

Về nhìn ngày tháng như nhiên  
Lửa Tam Muội đốt tan miền trầm  
luân

Thả trôi theo cánh phù vân  
Cho thân khỏi nhuộm bụi trần còn  
bay

Nường về màu nhiệm Như Lai  
Tiếng chuông tịnh độ ngân dài hư  
không

Một mai thanh thoát cõi lòng  
Qua bao năm vẫn ngược dòng oan  
khien

Nường về Bát Nhã Tâm  
Kinh  
Gạn lòng sạch bụi vô minh  
vô thường  
Tỏa hào quang ánh Kim  
Cường  
Ngàn năm lóng lánh hạt  
sương Cam Lộ

Thấm nhuần cây cỏ héo khô  
Đón bình minh uớt nắng  
thưa tỏa hồng  
Trải bao ân núi nghĩa sông  
Thơm lừng nghĩa mẹ ấm  
lòng tình cha

Thấp lên ánh sáng thái hòa  
Lòng người ấm áp muôn  
nhà hân hoan  
Tình quê còn mãi chứa chan  
Muôn đời thánh thiện xanh  
trần bến thơ

Quê nhà ngàn cánh tay chờ  
Đón chào nắng mỗi giấc mơ  
thanh bình

Nường về Bát Nhã Tâm  
Kinh  
Cầu cho lòng mãi thấm tình  
quê hương

Kính dâng một nén tâm  
hương

Cúi xin Chủ Phật mười  
phương Đại Từ.

● Đan Hà





# Những trái khổ qua

● Huy Giang

*Nước mắt  
còn đây chút mái nhà  
Đứng nhìn  
để thấy cuộc can qua:*

*Hai miền Giải Phóng, người tuôn chạy  
Bốn cõi Thành Bình, lệ cũ sa!  
Nam-Bắc xưa nay thường chẳng hợp  
Đông-Tây đây đó chắc chi hòa?  
Mẹ ôm không hết bầy con dại  
Thôi, giận mình thôi, lỗ để ra!*

Hải Vân

San Jose, USA - 06.10.1998

(Thơ họa: những trái khổ qua -  
của Huy Giang)

**B**é Mận múc chén nước đầy vun thêm lần nữa đưa ra khỏi miệng khạp da bò, nín thở uống một hơi dài; uống cho tới khi đem chén rời ra khỏi đôi môi thì dưới đáy chén đã cạn queo, không còn sót tới một giọt nước nhỏ nào hết. Thăng Ổi - đứa em kế của cô bé đang đứng kè bên, nãy giờ như quên hết mọi chuyện xảy ra chung quanh; đầu óc củ ngẩn ngơ, mắt mờ trừng trừng lo chăm chú dòm chị Hai của nó uống nước kiểu cách gì mà kỳ cục quá dzậy không biết! Nó nuốt lệ mở nước miếng đang đọng nhào nha, nhào nhử trên lưỡi vô cố họng một cách khó khăn, ra vẻ đang thêm khát lắm! Rồi lắc đầu như thể quá ngao ngán cho chuyện đi ra ngoài chợ xã lúc này, mỗi khi phải bắt buộc giao lưới cào đan, lạnh thêm nhờ hay là ghé qua chợ mua một chút hàng gì đó mà trong lúc nhà đang cần thiết như mắm muối, dầu lửa, rau cải... Có lúc một mình ênh nó đi, cũng như hai chị em nhiều lần đi chung xuống ba lá với nhau. Nghĩ tới đó, giọng của nó như yếu xìu khi cất lên tiếng hỏi:

- Bữa nay chị ra ngoài nhà bác Sáu giao lưới cào đan với lấy tiền công, rồi chị có lạnh thêm được nhờ mới đem đĩa nữa hay không, vậy chị Hai?

Úp ngược cái chén lại, với tay để nhẹ lên tấm ván thông - tủ ba, bốn miếng nhỏ ghép lại thành nắp đậy miệng khạp da bò đựng nước uống kê bên vách nhà; bé Mận

nheo mi mắt nhấp nháy dòm ra ngoài hàng hiên. Trời bây giờ đã giữa trưa, cho nên nắng nóng gay gắt thêm hơn khi đổ xuống nằm trên mấy lá dừa nước; ánh nắng như nổ ra ngàn ngàn tia hào quang sáng lấp lánh, sáng hơn tia sáng sau đuôi của những con đóm đóm mà cô bé đã thấy trong những đêm tối trời bu quanh trên ngọn cây bần mọc xen kẽ với bụi dừa nước dưới bờ con kênh đào, khi gặp ngọn gió nhẹ thoảng qua hiu hiu làm cho xao động mấy bẹ non. Không khí oi bức lạ thường, mùa hè qua hơn một tháng rồi vậy mà không có đĩa ngang trận mưa nào hết, dù nhỏ nhoi dù ngắn ngủi xuống mái nhà, vườn tược, ruộng rẫy... trong xóm Cầu Ngang này - đã bị bọn phá hoại giệt mìn sập tử đầu năm 1975, tới nay chưa bắc lại được; nơi gia đình cô bé đã cư ngụ bấy lâu nay như những năm trước đây. Bà con lối xóm ở chung quanh cá chục ngày trước xì xào bàn tán, hay ngoài chợ xã đồn đại om xòm mà cô bé tình cờ nghe được lỏn ngổn sáng nay, rằng: "*Môi hồi năm kia năm kia gì đây, chỗ có xa xôi gì đâu. Bão ôi thôi là... bão dữ ở đâu không biết trôi lạc đĩa phía ngoài biển khơi miền Nam, lùa lên đảo Phú Quốc rồi ven theo mấy tỉnh Cà Mau, Kiên Giang... nằm sát vịnh Rạch Giá cũng hứng chịu lây với nhà cửa sụp đổ tan hoang; đất liền thì lụt lội, thất mùa quanh vùng Cao Lãnh, Châu Đốc, Long Xuyên... làm cho thiệt hại vô số mùa màng, cho chết, cho nghèo đói thêm; cho nặng gánh oan ức cả trăm ngàn, cả triệu dân ngư phủ cũng như nông dân chất phác, hiền lành chịu đựng khổ cảnh tội tình gồng gánh! Rồi năm nay, ông Trời lại dám gây ra thêm thảm cảnh hạn hán lắm đó, bà con ơi. Ủ hự... Không biết dân của mình còn phải gánh thêm bao nhiêu nạn kiếp như vậy nữa đây, hả bà con?". Mà thiệt tình, lời bà con xì xào đồn đãi đúng y chang như vậy; đúng thêm nói chỉ ở đâu xa cho mặc công môi miệng, lấy chứng minh rằng ràng ra mặt là ngay dưới bến con kênh đào trước nhà cô bé đây nè; hai bên bờ, đất sinh dưới lòng kênh đã nổi trở lên xa mấy thước cách dòng nước lững lờ vẫn đục ngầu, càng ngày càng chảy chậm hơn ra hưởng con sông Cái ngoài vàm Tắc Hóa. Củ mỗi lần, thiệt... cục chẳng đã phải ra ngoài*

nhà bác Sáu giao lưới cào đan rồi, hoặc lạnh nhờ thêm, xuống chợ xã mua chút mắm muối... Lúc quay đĩa, lúc bận đi, khổ cực muốn chết khi đắm chân lội ịch dưới bùn non mà nắng, gió đã làm khô ran lớp mặt hồi nào không biết; có lúc thì gặp dưới bùn chỗ đất cạn, có lúc gặp chỗ sâu lên tới ngang đùi của cô bé với thằng Ổi. Hai đứa, đứa cong lưng đằng sau hai tay đẩy tới, đứa khác trước mũi cũng công lưng như nhau trong khi hai tay kéo thêm chiếc xuống ba lá nặng chình chịch ra khỏi lạch nước. Ủa, lúc đi còn kha khá... "khỏe", chỗ bận đĩa thì nào đẩy, nào kéo xuống; nào vai vác, tay bưng đồ v.v.. Lên tới bến, hai chị em như đồng một lượt, không hẹn hò nhau buông mình nặng nhọc ngồi bệt xuống mặt đường dề đất; cố họng hai đứa thì đắng nghét, miệng lưỡi thì khát khô giữa trời mênh mông nắng lùa chang chang, không có một chút gió nhẹ thoảng qua; ngồi núp dưới bóng mát cây trâm bầu vậy mà hai chị em củ thi đua nhau thờ đốc. May mắn cho bé Mận là sáng bữa nay gặp được luồng nước ngoài Sông Cái đổ mạnh vô kênh đào hơi bộn, và lúc ra chợ xã mua giệt mua chạy mảy món cần dùng sau khi ghé nhà bác Sáu giao lưới cào đan rồi, với lạnh thêm nhờ mới về đan; cô bé đã vội vàng bơi như chạy trốn nợ vì sợ nước vực rông; mà nước kinh vực rông thì mau lắm, chỉ độ... hơn nửa tiếng đồng hồ một chút xíu thôi, là... cạn sát dưới đáy lòng kênh đào liền lập tức. Hứ hờn, hứ vĩa... Nếu không, chắc chắn cô bé phải khàn cổ ỏi a dầy xóm, dầy làng kêu thảng Ổi xuống bến tiếp kéo xuống ba lá vô bờ. Thiệt là may phước cho cô bé quá chừng.

- Có... Kỳ này bác Sáu cho chị lãnh tới 10 ký nhờ lặn đó Ổi. Chị sẽ chia lại cho em 1 ký, vì tính tới bữa nay em đã tập đan hơn tháng rồi, chị thấy là được lắm; nhưng mà bữa nào chị cũng phải coi lại để sửa những mắt lưới em đan hủ, thưa hay chùng. Ráng đan lẹ lên chút xíu nữa để theo kịp chị (!), mà giao cho bác Sáu. Lấy tiền công đó mua lúa lép của thím Chín Su nuôi bầy gà con của em mới nở, nghe không... Ổi?

- Dạ.

Không biết thằng Ổi đã có dự định gì trong đầu đầu từ hồi nào, mà sau khi nghe bé Mận dặn dò dứt câu là nó "Dạ" lia "Dạ" lịa như vậy không biết?

- Thôi, bây giờ chị em mình xuống bến lấy mở nhờ mới lãnh đĩa, với mở cá sặc chị mua được ngoài chợ xã lên nhà không thôi gặp nắng trưa này thì cá sinh hết trơn hết troi; mà... chắc cá cũng ươn ươn rồi đó; em thì làm cá, chị nấu cơm. Ủa, sáng nay cô Năm có đĩa nhà không vậy Ổi?

Bé Mận lên tiếng hỏi như vậy, nhưng không đợi cho đứa em trai của mình trả lời trả vốn gì hết, mà chùn cô bé bước xuống sân nhà ra hưởng bốn kinh đào, chỗ buộc chiếc xuống ba lá. Thằng Ổi bộ tịch hờ hải, lúp xúp đi theo bên chùn chị, trong khi hai tay nó bận kéo cái quần đùi đen đã đổ ra lốm đốm màu nước phen lên cho cao khỏi rún một chút, vì dây thun cũ quá rồi nên lỏng la lỏng lẻo mỗi khi đứng lên ngồi xuống củ tuột xuống đít hoai. Nó khó chịu lắm, nhưng gia cảnh cô cháu nó quá nghèo nên cam lòng phải gắng chịu vậy; chỗ biết than vãn với ai đây?

- Có. Cô Năm mới đi nhà, rồi trở lại đặng bốn đồ chũng chút xíu thì chị Hai đi đi chỗ đâu lâu lắc gì. Cô có mua đem đi mấy keo chao, một xi nước tương, nửa lít nước mắm với hai, ba con khô cá mặn để trên giàn bếp; cô cũng có hỏi chị. Em nói chị đi giao luối cà đan ngoài bác Sáu chưa đi.

Bé Mận ngoài lại đặng sau hỏi thêm thằng Ổi:

- Cô Năm có cần dặn thêm gì cho chị nữa không?

- Cô biểu chị chiều nay nếu nấu cơm thì lấy nửa con khô cá mặn nấu với nước, rồi bỏ mỡ rau đắng vô làm canh; chị em mình ăn cơm với canh rau đắng, với chén ba khía trộn chanh, đường, tỏi còn lại bữa qua. Còn ở tương hột cô kho với tàu hũ, chị luộc thêm khúc bầu để em xách ra bến đò cho cô Năm ăn trưa; vậy là đủ rồi, đừng nấu nướng gì thêm nữa hết. Ủa mà... chị Hai ơi, hồi này đi Chín "lái" có kêu em qua nhà bà lấy một rổ đựng tám, chín trái hủ qua đèo; bà tiếp bà bữa trước; còn mỡ rau đắng bị hờn nắm tay là em lật thêm được ở kế bên lạch nước, chỗ gần cây cầu khi bắc qua mường ranh vườn đi Chín "lái" đó chị Hai.

- Ủa... Ủa... Bé Mận miệng thì trả lời ậm ừ với em như vậy, nhưng đầu óc lại nghĩ tới cô Năm của chị em cô bé.

Có lẽ đã mười năm rồi, kể từ lúc cô bé chưa được tròn bảy tuổi, thằng Ổi vừa bốn tuổi lố mấy ngày. Vậy mà thời gian trôi qua lẹ quá. Thời gian tuy lẹ trôi qua mà mang theo thêm với muôn ngàn thống khổ thâm trầm để trút lên thực cảnh đau xót xuống mái tranh xiêu vẹo của cô cháu bé Mận, của xung quanh bà con cô bác láng giềng cứ ngụ ở xóm Cầu Ngang này. Có phải đây là nghiệp chướng tiền căn? Trong khi đó cô Năm của bé Mận, thằng Ổi vẫn như bà tiên trẻ đẹp, dịu hiền có đôi cánh tay êm hơn dây mây trắng trên cao ngắt trời xanh đã che chở, đã đùm bọc chị em cô bé bắt đầu từ những ngày bỏ vợ, lạc lỏng giữa cảnh gà con mất mẹ, mất cha trong ngập đầu tang thương, khổ hận!

Lúc mà tuổi thơ của chị em cô bé oằn nặng đốn đau oan nghiệt hẳn sâu vào tâm thức, với mãi mãi quanh mi nước mắt đọng lũng tròn! Cho tới bữa nay, tâm thức của cô bé chỉ còn ghi nhận lại được lờ mờ "cái" thảm cảnh bị thương đã xảy ra vội vã cho gia đình, và cũng ngay giây phút đó làm thay đổi hẳn đi niềm hạnh phúc đón thuần của nếp sống chân chất hiền lành một thế giới nhỏ nhỏ dưới mái chòi tranh xiêu vẹo dựng ven bên bờ đê đất mới ngập nước phen chua, sát ranh rừng đước xa lạ, không tên - hay vừa mang một tên gọi thật đẹp viết lên bảng đỏ chữ vàng "Vùng Kinh Tế Mới - Hòa Bình" dựng đứng sừng sững như thách thức, như đe dọa trong bóng rợp ngàn ngàn lá cờ màu máu đỏ thể hiện cho uy quyền của một thể chế diệt chủng cộng sản Việt Nam.

*giữa đồng hoang cỏ cháy  
trên đất cần mênh mông  
rợp bay màu cờ máu  
anh dựng chòi thi công*

*sẽ là cơm... sỏi đá  
lao động đến... vinh quang  
bên tai thảng thất học  
giảng nghĩa chữ thiên đàng!*

*đứa con nằm thiêm thiếp  
đói lá mấy ngày qua  
vợ anh lên cơn sốt  
vàng bệch mắt - màu da!*

*bốn năm dài huấn nhục  
trưởng cái tạo gian truân  
đốn - đào và tập... đói  
qua rừng núi, lầy búng*

*anh trở thành... vô sản*

...

(Trích: *trong còi u linh* - Thơ Huy Giang)

Ông ngoại, ba má, dượng cô Năm, bé Mận thằng Ổi chen chúc, san sẻ nhau chỗ nằm trên nền chòi chưa ráo; miếng khoai, trái bắp, chén bo bo trộn mấy hột cơm dếm được qua đầu ngón tay ăn cầm hơi cho cơn đói run người, đổ mồ hôi; đói mờ ánh mắt! Đâu được bao nhiêu ngày thì bữa sáng sớm kia, lúc cô bé với thằng Ổi còn mê man trong giấc ngủ muộn màng, co ro nằm trong tấm chăn đắp mỏng manh khâu vá, lớn nhỏ lổ chỗ khắp nơi; bên góc chòi tranh gần đó cô Năm đang hí hục khom lưng giữa làn khói mịt mù vì những que củi dầm ướt mù sương, nước mắt ứa ngập đôi mi, húng hắng ho từng hồi nhỏ nhỏ mà vẫn cố thổi từng hơi ngắn cho bếp thêm ngọn lửa mạnh lên làm sôi

nồi khoai mì nước đã riu riu. Tiếng động xung quanh thì hình như không có gì hết, kể cả tiếng chim hót ríu rít vang lên mừng buổi bình minh đầu ngày hay tiếng đé, tiếng ếch nỉ non giọng buồn theo bụi trâm bầu, lạch nước... Ngoài trừ âm thanh ứ oài của tiếng búa chặt vô thân cây, tiếng xạc xào của luối phạng cắt qua đám cỏ tranh rậm rạp, khoảng ngắn thừa thốt từng hồi tiếng cuốc bở xuống nền đất cứng của cánh rừng hoang dã từ những đôi tay trở xuống, đen mốc và nổi cao mấy đường mạch máu của ngoại, của ba, của má, của dượng Năm thì đua lao động trên mảnh ruộng 9 thước bề ngang, 20 thước bề dài ngập đầu cỏ tranh trùng trùng mọc hoang chắn lối, dày đặc những thân cây tràm, cây đước, cây giá... nhỏ, lớn có tuổi thọ từ hai mươi mấy năm hơn; do nhà nước xã hội chủ nghĩa hiện hành ưu tiên cấp phát cho dân chúng theo nhân số tính trong hộ khẩu được đưa về "*thị địa biến đất rừng hoang thành đồng lúa*" nơi Vùng Kinh Tế Mới - Hòa Bình này. Đây cũng là một kế hoạch đại qui mô; một sáng kiến diệt chủng độc đáo do Stalin và Hitler truyền lại cho đảng viên cộng sản Việt Nam.

Àm...

Bỗng nhiên có tiếng nổ xé không gian tĩnh mịch vang lên bất chợt theo sau ánh chớp sáng lòa bùng những thân cây tróc rễ, gãy ngọn; tung lên đầu cụm khói xám vô số đất cần, lá cỏ tranh bay bay tứ tán để rồi thoáng chốc lại rơi xuống rào rào lên nóc mái chòi tranh xiêu vẹo; nồi khoai mì nhảy tung ra khỏi bếp, nước sôi lênh láng đổ ra dập tắt ngọn lửa đang cháy bập bùng; cô Năm như vừa được một sức mạnh vô hình nào đó hất văng tới một góc, lưng chạm vô cột tràm chống đầu cửa chòi làm sập đi bên mái; bé Mận thằng Ổi cũng bị hất ra khỏi chỗ nằm, tám đập bay xuống mường nước phen; nước mắt hai đứa trào ra khỏi mi, chảy ràn rụa xuống đôi má thỏ ngây mịn màng da non nớt; khóc thét trong niềm hốt hoảng, sợ hãi kêu lên giọng thất thanh giữa trời mây đen giăng thấp chập chùng, như báo trước có trận mưa lớn về ngang qua trong ngày!

Ngoại ơi... Ba ơi... Má ơi... Dượng Năm ơi!..

Bốn manh đệm cũ được bó lại thành nhiều lớp; buộc chặt cứng, vòng quanh bằng những sợi dây mây rừng dóm qua giống giống như bốn đòn bánh tét! Phía trong bốn manh đệm đó, bà con cô bác láng giềng cứ ngụ xung quanh - Những người đã cùng một lượt với gia đình ông ngoại, ba má, cô dượng Năm của bé Mận, thằng Ổi trong đợt đầu tiên *xung phong* xuống Vùng Kinh Tế Mới - Hòa Bình, thì đua nhau ra sức lực còn xót lại trong thân



thể gãy còm để "biến đất rừng hoang thành đồng lúa"; đã chậm chạp do từng bước bàn chân trong cơn xúc động, buồn buồn nét mặt, trong lòng... ánh mắt dòm xuống đất kiếm láo liên đây đó. Đi quanh quần rộng, hẹp nương theo trung tâm lỗ trái đạn nổ mà lượm từng mảnh thân thể rách nát, mà xúm xít khiêng phần xương thịt bầy nhầy còn lại của ông ngoại, của ba má, của dượng Năm gói ghém lại cho gọn ghẽ, tươm tất. Mái chòi tranh được thêm vài cây trám bầu chống lại cao hơn, bốn bề trống trơn không vách chắn; không đèn, không nén nhang; không có được mảnh khăn tang đội đầu cho cô Năm, bé Mận, thằng Ổi đang nức nở qui trước bốn manh đệm gói phần xương thịt những người thân yêu; gần đó, trên gò đất nằm xéo xéo căn chòi tranh xiêu vẹo, cô bác lối xóm kẻ lên người cuốc đào, xới vùi vĩa bốn phần huyết dành làm chỗ an nghỉ vĩnh viễn cho ông ngoại, ba má, dượng Năm của bé Mận thằng Ổi.

- Ổi, chao ôi... như rậy nà tốt đẹp, nà ấm áp nắm rồi! Chả bù hồi năm 68, 72... bộ đội ta hy sinh trong những trận chiến với bọn lính Mỹ-Ngụy nhiều năm nhiều. Nấy đất dàu ra mà chôn; xác bộ đội ta trên ruộng, chắt chùng nhau nằm hy sinh cong queo. Đành để rậy nằm mời cho nũ... nang sỏi rừng!

Thằng công an Xã đội miền Bắc mạnh dạn, lớn tiếng phát ngôn "bữa bãi", thằng thừng trước mặt một nhóm dân Mỹ-Ngụy miền Nam Việt xung phong xuống Vùng Tế Mới - Hoà Bình như vậy.

trái đèo - vàng lá khổ qua  
trông mùa quái hạn nắng sa bốn bề!

(Thơ Huy Giang)

Qua bữa chôn cất ông ngoại, ba má, dượng Năm yên bề đầu đó. Bé Mận thằng Ổi đau đớn đi theo cô Năm lên ruộng bới ra xóm Chùa - chỉ còn trở lại nền gạch loang lổ cháy nám đen, dựng tạm căn chòi lá trên miếng đất bở của cậu Tú. Rồi, cô Năm hằng ngày lội bộ ra xóm Cầu Ngang đưa đồ lấy tiền độ nhật cho cô với bé Mận thằng Ổi, chiều đi cô cũng ráng bỏ ra vài tiếng đồng hồ dạy bé Mận biết đọc biết viết chữ Quốc ngữ để sau này thay thế cô mà dạy lại cho thằng Ổi; vì tiền công đưa đồ không đủ mua gạo, mua khoai, mua muối mắm cho ba miệng ăn thì lấy đầu ra đóng học phí. Và lại ngôi trường mẫu giáo, nguyên trước năm 1975 là Hội Đồng Xã - Cầu Ngang trong đồn Dân Vệ, cách trở ruộng vườn, kinh rạch... xa xôi cả ngàn thước. Bé Mận còn nhỏ, thằng Ổi lại còn nhỏ hơn thì làm sao cô Năm có thể yên tâm bỏ cho bé Mận lội bộ đi học một mình ênh tử chòi lá ra trường mẫu giáo ở Cầu Ngang? Còn thằng Ổi

nữa, ai coi chừng coi đỏi nó đây? Thời thì, củ sáng sớm cô nấu nồi cơm, hay nồi khoai gi đó... Nhà có chao, có tướng sẵn để trên gian bếp; nhờ mẹ Tú hay mấy anh em cô cậu của bé Mận thằng Ổi, trưa trưa chạy qua chòi thăm chừng chị em tụi nó, bởi mỗi bữa chén cơm cho ít chao, ít tướng hột lên nắm cơm là đủ rồi. Vậy mà nhờ ơn Trời Phật, với vong hồn ông ngoại, ba má, dượng Năm luôn đĩa phù hộ cô cháu bé Mận, thằng Ổi vẫn mạnh giỏi sống đăm bạc, dùm bọc lẫn nhau qua được những tháng năm dài cơ cực cho tới lúc bé Mận lên 11 tuổi tập tành nấu được nồi cơm, lúc rảnh rang chạy qua chạy lại bên nhà anh em cô cậu học đan lưới cào; rồi tự kiếm ra chút ít tiền nông phụ giúp, đỡ tay đỡ chân cho cô Năm mấy năm sau này. Thằng Ổi nay đã 14, và bé Mận gần tròn 17 tuổi rồi; phận làm chị cả thường bữa phải chỉ dạy cho đứa em trai cách thức đan lưới cào ngoài những lúc đi hái rau, bắt ốc, cắm câu quanh theo bờ kinh, vườn ruộng hoặc lấm lức bà con lối xóm nhờ vả có trả cho chút đỉnh tiền công; đêm đêm khi thì cô Năm, khi thì bé Mận cũng có chong đèn dạy thằng Ổi vài chữ i tờ, kính trên nhường dưới, lễ nghĩa phận làm người đối với Quê hương, Đạo Pháp, Ông Bà, Cha mẹ... Vì từ ngày mất đi ông ngoại, anh chị và chồng nơi Vùng Kinh Tế Mới - Hoà Bình, bản tánh cô Năm trở nên thâm trầm, ít nói; siêng năng, cần mẫn, thành tâm tụng Kinh, chay trường; ưa giúp đỡ những người bà con lối xóm, bất kể lạ hay quen khi cần nhờ cậy tới.

Bé Mận cúi đầu thật thấp, đôi chân như bước mau hơn, nước mắt bỗng ứa ra hoen mi, không dám dòm lâu hơn mấy lá cờ đỏ rũ xuống vì đùng gió, đang thấp thoáng sau khoảng trống của những lá con con hàng so đũa bên kia bờ kinh đào. Hình ảnh bốn thân xác rách tả tơi, nhuộm đầy máu và thuốc đạn trái nổ của ông ngoại, của ba má, của dượng Năm hơn mười năm trước đây ở Vùng Kinh Tế - Hoà Bình; bữa nay lại chợt hiện lên rõ ràng trong tâm trí cô bé!

Nỗi thống khổ và niềm bất hạnh chua cay không chỉ riêng dành cho những người dân lớn tuổi còm cõi gánh chịu, mà tuổi thơ Việt Nam giờ này - như bé Mận thằng Ổi, cũng oằn vai nhận chịu sự phủ phàng đó dưới một thể chế xã hội chủ nghĩa cộng sản đang áp đặt và cai trị. Người dân Việt Nam đã nghèo vì tham nhũng, bóc lột từ tháng 4 năm 75; nay lại nghèo hơn, chết chóc vì đói khát, bệnh tật nhiều hơn trong những năm nội chiến Bắc-Nam. Cơm no, áo ấm và hạnh phúc cho một mái gia đình người con dân Việt, chắc chỉ là câu mơ ước vượt ra khỏi tầm tay khi gặp gỡ quá nhiều đọa đày thống

khổ! Không bao giờ có thể thực hiện được trên đất nước có sự cai trị của lũ cộng sản. Bằng chứng là những khối cộng sản Nga Sô, Cuba, Đông Đức, Trung Hoa đỏ, Bắc Hàn v.v.. Thật đúng với câu "Môi hở thì răng... phải lạnh" đó mà.

Biết bao giờ nền Tự Do, Nhân Bản thực sự trên Quê Hương của bé Mận, thằng Ổi; để có sự đền bù - dù rất khiêm nhường cho người dân nói chung, và tuổi thơ Việt Nam nói riêng?

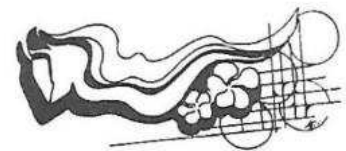
Ôi Việt Nam, Quê Hương của thằng Ổi, bé Mận vẫn u hoài thống hận trong gông cùm, đau đớn nơi vòng lao lý của loài xích quỉ, hồ tinh đã qua rồi 20 năm - từ khi bé Mận, thằng Ổi chưa được sinh ra. Và thời gian còn kéo dài cho đến khi nào nữa?

Việt Nam ơi...

Thương quá Việt Nam.

(Phổ nhỏ, tháng 10/1998)

## Tâm Sự



*Bao giờ dòng nước ra khơi không ý  
muốn trở lại  
Anh sẽ trao em nguồn hy vọng  
chẳng giữ gì cho đời anh  
Hãy thay anh vượt mặt xác chết vô  
thừa nhận với niềm tin vô tội  
Nếu lửa buồn cứ tiếp tục cấu xé  
tấm lòng lương tâm*

*Khuôn mặt trung thực dành cho  
loài chim anh trĩu mến  
Linh hồn phóng đảng sẽ bay tới  
những chòm sao  
Cánh tay còn khỏe xin chống giữ  
ngưỡng cửa tình yêu  
Để bóng tối không dám gần trẻ  
thơ, mặt trời thơ hay chời lợc  
Máu tươi còn được bao nhiêu đem  
bồi bổ thêm mạch đất  
Để lúa trĩu bông, cây nhân sinh  
oằn trái bao dung*

*Thơ anh sẽ lặn vào lá cỏ, lúc Tự  
Do chảy vào ánh sáng.*

● Nguyễn Hoàng-Bảo-Việt

## Thế đứng tất yếu của Việt Nam vào đầu thế kỷ 21

**T**ừ bán thế kỷ 20, sau Thế Chiến Hai, Việt Nam củmãi lạc vào *giấc mơ chiến thắng* trên cuộc cờ đối kháng giữa Trung Quốc và Huê Kỳ tại bàn cờ Đông Dương và Đông Nam Á. Nay, bước vào thế kỷ 21, Việt Nam vẫn chưa tỉnh giấc để chỗi dậy, bung ra tạo một thế đứng quân bình vững mạnh hồng tiến lên đuổi kịp trào lưu tân tiến trên thế giới trong Thiên Niên Kỷ mới.

### ● TẦM VỚI CỦA HUÊ KỲ

Huê Kỳ là cường quốc số một về kinh tế, khoa học, kỹ nghệ và quân sự, mà đặc chất của chính sách đối ngoại lại nặng tính thực dụng và tích cực. Giữa các đối phương trên thế giới, Huê Kỳ luôn cân nhắc "kẻ nào" Mỹ cần nâng đỡ, và "kẻ nào" Mỹ phải đối phó. Đầu thập niên 40, tuy vẫn chủ trương bài cộng sản, Huê Kỳ lại tiếp viện cho Stalin để diệt Hitler. Đầu thập niên 70, vì cần thọc tay xé lẻ khối Cộng Sản quốc tế, Mỹ xoay thế xáp lại thân thiện với Mao, và đối đầu với Breznev.

Năm 1972, giữa lúc "chiến tranh nóng bỏng" tại Việt Nam đang còn cò kè trả giá tại bàn hòa hội Balê cho Mỹ rút lui kết thúc việc tham chiến trong danh dự, và giữa lúc cuộc "chiến tranh lạnh" cực kỳ căng thẳng giữa hai siêu cường Nga-Mỹ còn chưa ngã ngũ ai thắng ai thua, Tổng Thống Hoa Kỳ, Richard Nixon, trên đường bay đến Bắc Kinh dự Trung Cộng vào thế cờ hiểm của Mỹ, đã ghi vào nhật ký mấy dòng: "Trung Quốc muốn gì? (1) Nâng cao uy tín cùng vị thế trên trường quốc tế. (2) Đài Loan. (3) Huê Kỳ rút chân khỏi Châu Á".

Nay, hơn một phần tư thế kỷ đã trôi qua, chiến tranh Việt Nam cũng như cuộc chiến tranh lạnh đều đã kết thúc, và mặc dù Huê Kỳ đã thay đổi năm trào Tổng Thống, chánh sách căn bản của Mỹ đối với Trung Quốc cũng lại vẫn còn y hệt như thời Mỹ hùng hổ can dự vào chiến tranh Việt Nam, trước sau như một. **Mỹ vẫn quyết tâm, trước sau như một, ngăn chặn sự bành trướng và bá quyền của Bắc Kinh tại Châu Á, dầu bề ngoài vẫn hòa hoãn nhân nhượng, dự Trung Quốc từng bước một tham dự vào các sinh hoạt và tiến trình thường thảo quốc tế.**

Trong thập niên 90, một mặt, tuy TT Clinton đã tăng cường mậu dịch với Bắc Kinh và còn muốn tiến lên xây dựng một

thế Chiến Lược với Trung Quốc, những mặt khác, Huê Kỳ cũng vẫn giữ y nguyên chủ trương duy trì 80 nghìn quân Mỹ tại Nhật Bản và Nam Hàn, cũng như vẫn tiếp tục yểm trợ quân sự cho Đài Loan, lại còn ký kết liên minh phòng thủ với Nhật Bản... Trên bình diện chính trị, Mỹ còn tích cực vận động cho Nhật, Đức, Ấn Độ... , mà đặc biệt là Nhật Bản, làm Hội Viên Thường Trực tại Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc.

Hơn nữa, sau khi Liên Bang Xô Viết bị giải thể và chủ nghĩa cộng sản phải tàn rụi, thừa thắng xông lên, Huê Kỳ liền nói rộng chính sách "toàn cầu hóa kinh tế" sang các nước ở bên kia bức màn sắt. Huê Kỳ tin rằng ở đâu có đầu tư phát triển kinh tế, có tự do mậu dịch, thì chóng chày sẽ phải có **một xã hội pháp trị và một nền chính trị dân chủ, tự do.** Vì kinh tế là trọng điểm của chính sách đối ngoại và là quan tâm hàng đầu của Mỹ nên tư bản Mỹ đã đặt chân đến 13 nước ở Đông Âu và Trung Âu. Cùng với sự đầu tư phát triển kinh tế, Mỹ đã trực tiếp giúp các nước này xây dựng những lực lượng quân sự địa phương hùng mạnh, nhằm ngang tầm với các nước thành viên trong khối NATO, để bao vây Nga. Cũng thế, tư bản Mỹ cũng đã ồ ạt đổ vốn và kỹ thuật khai thác dầu lửa vào Mông Cổ và đặc biệt vào các nước Tajikistan, Kazakhstan và Kyrgyzstan... thuộc Nga-Xô trước kia, giáp biên thù Trung Quốc. Đồng lúc, để bảo vệ khu vực kỹ nghệ này, Huê Kỳ cũng tiếp tay huấn luyện quân sự và thiết lập một mạng lưới an ninh bao quanh miền Bắc Trung Hoa lục địa.

Riêng tại khu vực Biển Đông, Thái Bình Dương, Huê Kỳ không những đang trở lui lại Phi Luật Tân, do lời mời của chính phủ Manila, mà còn dọn đường củng cố thế đứng tại Việt Nam.

### ● CÒN TRUNG QUỐC THÌ SAO?

Trung Quốc hiện có số dân cư đông nhất thiên hạ, bằng phần năm của nhân loại, là một thị trường tiêu thụ vô cùng hấp dẫn, khiến mọi kỹ nghệ đều muốn nhảy vào đầu tư. Mục tiêu tối yếu của Bắc Kinh là cố tranh thủ với Huê Kỳ để được gia nhập Tổ Chức Mậu Dịch Thế Giới (WTO), nhưng vẫn chưa đạt được sự thỏa thuận của Mỹ. Từ thời Đặng Tiểu Bình, với chủ trương *dân giàu, nước mạnh* để gấp rút vươn lên hàng siêu cường, Trung Quốc rất cần mở mang kinh tế, khuếch trương kỹ nghệ và mậu dịch, song song với nỗ lực tăng cường quân sự. Đến nay, Bắc Kinh vẫn bị Huê Kỳ nghi là đã dùng gián điệp phỉng tài liệu vũ khí tối mật của Mỹ để hiện đại hóa nền quốc phòng, thực hiện ý đồ bành trướng và bá quyền tại Châu Á, thách thức Huê Kỳ.

Hẳn chỉ vì nỗ lực của Bắc Kinh gấp rút tăng cường hiện đại hóa mọi vũ khí chiến lược, tỹ như cố chế tạo những đầu

đạn nguyên tử với chất liệu đặc, có tác dụng vừa nhanh vừa chính xác, (*phỏng theo đầu đạn "V.88" của Mỹ*) mà **tình báo Bắc Kinh đã lên chòm được**, để thay thế hàng loạt những đầu đạn cũ, lỗi thời, nặng nề, dễ sai lệch mục tiêu, nên Thượng Viện Huê Kỳ phải đột ngột lòi "Hiệp Ước Cấm Thí Nghiệm Nguyên Tử" ra thảo luận cấp kỳ. (Hành Pháp Bill Clinton đã vận động được 154 nước, kể cả Trung Quốc, Ấn Độ và Hồi Quốc tham gia ký kết, mà nay 48 nước đã chịu phê chuẩn bản Hiệp Ước) Kết quả là không những phe Cộng Hòa chiếm đa số tại Thượng Viện Mỹ đã không chịu phê chuẩn, mà còn bác bỏ cái rụp một Hiệp Ước Quốc Tế có tầm quy mô và cực kỳ quan trọng, khiến toàn cầu phải sùng sốt, hoang mang.

### ● TRUNG QUỐC CHUẨN BỊ ĐÁNH MỸ CHĂNG?

Chủ Tịch Giang Trạch Dân, trong cuộc phỏng vấn của tạp chí Time, số 27-10-1997, đã cố tình khẳng định: "*Huê Kỳ không phải là một quốc gia đang suy thoái, và tôi không nghĩ rằng Trung Quốc và Mỹ sẽ phải đi đến chỗ xung đột nhau*". Miệng thì nói vậy, nhưng đối đầu với chính sách đối ngoại lấp lửng của Mỹ và đúng trước một thực tế bẽ bàng, củ bị Mỹ lên án Trung Quốc về đường lối bá quyền và đàn áp dã man tại Tây Tạng và Tân Cương, cũng như vi phạm nhân quyền trầm trọng trên khắp Trung Hoa lục địa, Bắc Kinh vô cùng phẫn nộ, cho rằng Mỹ luôn âm mưu hãm hại Trung Quốc. Lòng căm phẫn của Bắc Kinh và quần chúng Trung Hoa lại càng quay cuồng, tức tối nhân vụ phi cơ Mỹ bắn "lầm" hòa tiễn vào Sứ quán Trung Hoa tại thủ đô Belgrade. Bắc Kinh đã tự kiểm điểm và nhận định rằng nếu mình đủ mạnh và ngang tầm thì hẳn Huê Kỳ đã phải ngần ngại, không dám liều lĩnh làm bi mật Trung Quốc, như ngày 7 tháng 5, 1999, ngang nhiên bắn phá tòa Sứ quán Trung Hoa trong trận chiến Sokovo. Vừa rồi, nhân ngày 1-10, kỷ niệm 50 năm ngày thành lập nước CHNDTH, nhằm phó trưởng thanh thế và đồng thời hù dọa Nhật Bản, Đài Loan, Nam Hàn, dọa luôn cả Mỹ ở Á Châu cũng như các nước tại vùng Tây Á và Đông Nam Á, Trung Hoa đã rầm rộ biểu dương sức mạnh quân sự. Đặc biệt là ngoài cuộc biểu dương một màn không lực hiện đại và những dàn hòa tiễn tầm xa tối tân, Trung Quốc trước đó còn loan báo đã chế cả vũ khí hạt nhân Neutron. Lại tuyên bố đến cuối năm 1999 này, Trung Quốc sẽ bắn phi thuyền có người lái lên không gian. Qua những trình diễn lỏp lang trên, Bắc Kinh như nhằm dẫn dắt thiên hạ, muốn cả thế giới phải hiểu rằng **50 năm chót của thế kỷ 20, Trung Hoa đã vùng dậy; và đương nhiên trong 50 năm tới của thế kỷ 21, Trung Quốc sẽ tiến lên hàng**



siêu cường. Có nghĩa là trước tiên, Trung Quốc sẽ loại Mỹ ra khỏi Châu Á, Biển Đông và Thái Bình Dương để rồi sẽ lần lượt tóm thâu thiên hạ.

#### ● PHẢN ỨNG CỦA Á CHÂU VÀ HUÊ KỶ:

Đối đầu với chủ trương bành trướng và bá quyền lộ liễu của Bắc Kinh, mọi quốc gia trong vùng, từ Đài Loan, Phi Luật Tân, Nam Hàn, Thái Lan, Tân Tây Lan, Úc..., từ lâu đã tăng cường củng cố quân lực và gần đây đã cùng với Huê Kỳ tổ chức dàn quân tập trận quy mô tại mỗi nước. Nhật còn dự tính thay đổi Điều 9 trong Hiến Pháp để tái vũ trang, hiện đại hóa quân lực quốc phòng, sẵn sàng đối đầu mọi bất trắc. Tháng 8 vừa qua, Nhật và Mỹ đã chính thức trao đổi văn kiện về kế hoạch nghiên cứu chương trình chống hòa tiến tầm xa. Riêng Mỹ lại mời vừa thủ nghiệm thành công trên bầu trời Thái Bình Dương loại phi đạn mới, loại vũ khí chiến lược có tác dụng phá tan hòa tiến địch đang trên đường lao mình phóng tới mục tiêu.

#### ● TRƯỚC MỘT TÌNH THẾ HIỂM NGUY, VIỆT NAM PHẢI LÀM GÌ ĐỂ SỐNG CÒN?

Trước hết cũng cần nhắc lại rằng: từ nghìn xưa đến nay, con đường Nam tiến huyết mạch của Trung Quốc là Việt Nam và Biển Đông. Trong quá trình lịch sử, Việt Nam đã từng bao phen đón độc đóng vai trò tiền đồn, ngăn chặn Trung Hoa tràn xuống Đông Nam Châu Á. Sau một nghìn năm đô hộ của Tàu và bao cuộc xâm lăng từ phương Bắc, ông bà ta đã phải nôm nớp tức trực đối đầu với một Trung Hoa đầy tham vọng bá quyền. Và ông bà ta đã hiểu được công thức cho công cuộc sinh tồn của dân tộc Việt là: - một nền chính trị tự chủ, và - một chính sách hòa hoãn với người láng giềng khổng lồ hung hăng ở phía Bắc, thể hiện qua việc những triều đại Việt xin tiếp tục triều cống Trung Hoa sau mỗi lần chiến thắng Bắc xâm. Và ông bà ta đã không gọi Trung Hoa là "kẻ thù", mà lại xem người Tàu là "khách", nhưng không phải là bạn, là cật ruột, là đồng minh, hay đồng chí. Ngay tại thủ đô Hà Nội, trong số 36 phố phường, ta gọi "Phố Khách" là nơi tập trung đông đúc những cửa hàng của người Tàu. Chừng ấy cũng đủ rõ ông bà tổ tiên ta trụ ở thế đứng chủ nhân, mà người Tàu, láng giềng của ta chỉ là khách. Thế đứng tự chủ và tuyên ngôn độc lập của Việt Nam ta đã được người anh hùng Lý Thường Kiệt khẳng định qua bài hịch lịch sử độc đáo, lẫm liệt, mà mọi người Việt Nam yêu nước đều khó mà quên được:

**Nam Quốc sơn hà, Nam Đế cử.**

**Tuyệt nhiên định phận tại Thiên thu ...**

Hần ông Hồ Chí Minh và Việt Minh cộng sản đã không quên. Nhưng chỉ vì nhận

lầm Phong Trào Giải Phóng (bánh vẽ) Thế Giới của Vô Sản Quốc Tế là thật, nên đã gán chặt sinh mệnh của Việt Nam vào Trung Quốc và Liên Xô. Đó là đầu mối của thảm trạng từng làm điêu đứng Việt Nam trong 60 năm qua. Và kể từ ngày Hà Nội liên kết chặt chẽ với Bắc Kinh như "ruột thịt", như *môi với răng, môi hở thì răng lạnh*, Trung Quốc khó mà chấp nhận cho bất cứ cường quốc nào ảnh hưởng đến Việt Nam, mà Trung Quốc nghĩ rằng sẽ đe dọa an ninh và chặn đường bành trướng của Trung Hoa. Chính đó là nguyên nhân buộc Trung Quốc phải tích cực viện trợ cho Hà Nội trong cuộc chiến tranh Việt Nam, đốc thúc Hà Nội bằng mọi giá, phải hy sinh xương máu của nhân dân Việt Nam để chống Mỹ đến kỳ cùng, cốt để bảo vệ biên thùy phía Nam cho Trung Quốc, cho đến ngày mà Mỹ chịu bắt tay, trực tiếp nói chuyện tay đôi với Bắc Kinh vào những năm 71, 72, như Bắc Kinh hằng mong muốn (1). Nhưng qua đến năm 1979, sau khi Mỹ rút khỏi Việt Nam, Trung Quốc lại ồ ạt và trắng trợn xâm lăng Việt Nam, để "dạy Hà Nội một bài học", khi Hà Nội vội vã rời ảnh hưởng của Bắc Kinh, nhập vào quỹ đạo của Mạc Tử Khoa!

**Điều rất may cho Việt Nam là Huê Kỳ lại rất quan tâm đến Việt Nam.** Từ thời Đế Nhị Thế Chiến, lúc Nhật Bản từ biên thùy Trung Hoa, xua quân đoạt lấy Việt Nam trên tay Pháp, Huê Kỳ lại đặc biệt quan tâm đến vị thế then chốt độc đáo của Việt Nam. Huê Kỳ thấy rõ ý đồ bành trướng của Nhật, muốn sử dụng bản đồ chiến lược của Việt Nam để tràn quân xuống Đông Nam Á, xuống biển Đông, vào eo biển Malacca, băng qua Ấn Độ Dương, để thắt chặt vòng tay nối với Đức và Ý trên bờ Đại Tây Dương, hòng chia nhau thế giới. Nhằm chặn đứng bước xâm lăng của Nhật Bản và đồng thời tháo gỡ ngòi nổ chiến tranh giữa Mỹ và Nhật trên Thái Bình Dương, Tổng Thống Mỹ, Franklin Roosevelt, đã yêu cầu Nhật rút quân khỏi Việt Nam, để quốc tế hóa và trung lập hóa Việt Nam và Đông Dương.

Nhưng chỉ vì, trong thời chiến cũng như trong thời bình, Việt Nam là địa bàn quân sự, chính trị, kinh tế quan trọng, then chốt tại vùng Đông Nam Á nên Nhật đã bác bỏ giải pháp hòa bình của Mỹ, rồi bất thần tấn công vào Trân Châu Cảng, buộc Mỹ phải lao đầu vào Thế Chiến Hai.

Tóm lại, có hiểu biết lịch sử và nhận thức được mưu đồ bành trướng và nhu cầu độc quyền ảnh hưởng và thôn tính Việt Nam của Trung Hoa, thì mới thấy được **Huê Kỳ là đối lực thiết yếu cho sự sinh tồn của Việt Nam trong thế kỷ 21.**

#### ● THẾ ĐỨNG TẤT YẾU CỦA VIỆT NAM.-

Điều cực kỳ quan trọng là Việt Nam phải biết cách sử dụng khéo yếu tố Huê Kỳ để tránh chiến tranh xảy ra trên đất nước Việt Nam, và đồng thời ngăn chặn Trung Hoa xâm lăng Việt Nam và Đông Dương.

Cần tránh không để cho Trung Quốc và Huê Kỳ -chỉ vì cần tranh giành ảnh hưởng về "địa dư-kinh tế-chính trị" trên vị thế độc đáo, then chốt của Việt Nam tại địa bàn Đông Nam Á, Biển Đông và Thái Bình Dương- mà đánh nhau ngay trên lãnh thổ hay lãnh hải và vùng trời không phận của Việt Nam.

**Muốn tránh chiến tranh, Việt Nam và Đông Dương không thể nào đứng vào vị thế tiền đồn, hay liên kết, dẫu là liên kết với Trung Quốc hay Huê Kỳ.**

#### ● VIỆT NAM PHẢI TRỤ VỮNG TẠI VỊ THẾ TRÁI ĐỘN.

Việt Nam và Đông Dương phải là một khối TRÁI ĐỘN (a Buffer Bloc) để ngăn chia, để dang xa ra sự va chạm quân sự trực tiếp giữa Huê Kỳ và Trung Quốc tại Đông Nam Châu Á. Việt Nam và Đông Dương vừa phải là yếu tố dung hòa, vừa là môi trường hòa hợp giữa ảnh hưởng của mọi nước trên thế giới quan tâm đến Việt Nam, đến Đông Dương mà đặc biệt là giữa Trung Quốc và Huê Kỳ.

Vào năm 1896, do sáng kiến của Anh Quốc chủ trương biển Thái Lan (Xiêm La, lúc bấy giờ) thành một Nước Trái Độn (a Buffer State), nhờ đó mà Pháp và Anh đã tránh được chiến tranh. Vào thời ấy, Pháp toan sử dụng bàn đạp Đông Dương để thôn tính nốt Thái Lan, bắt chấp sự hiện diện của Anh tại Miến Điện và Ấn Độ, những thuộc địa Anh nằm tiếp nối cạnh sườn phía Tây của Thái Lan. Cũng nhờ giải pháp đó mà Anh và Pháp đã tránh được sự va chạm, xung đột, có thể gây thành chiến tranh, khởi tử sự tranh giành chiếm đoạt Thái Lan. Nhờ vùng trái độn vô cùng lợi hại của Thái Lan mà Anh và Pháp đã sống chung hòa bình, thân thiện và hòa hợp tại Châu Á, cũng như tại Châu Âu. Và cũng nhờ ở vào thế đứng "trái độn" đó mà Xiêm La, tức Thái Lan, may mắn thay, đã giữ được hòa bình và an lạc; lại giữ được toàn vẹn lãnh thổ, và là một nước độc lập và tự chủ, vừa thấu thập ảnh hưởng văn hóa và kỹ thuật của cả Anh, Mỹ... lẫn Pháp.

Tóm lại, muốn có hòa bình, an lạc và hội đủ bề thế để củng cố độc lập, xây dựng dân chủ và tự do thực thụ cho đất nước tiến lên hàng phú cường thì đường nhiên thế đứng tất yếu của Việt Nam vào đầu thế kỷ 21, cũng phải giống y như thế đứng của Thái Lan vào cuối thế kỷ 19 và bán thế kỷ 20. Có nghĩa là phải tranh đấu cho Việt Nam và Đông Dương được quốc tế công nhận là một **Vùng trái độn** đứng giữa hai thế lực xung khắc, mâu thuẫn là Trung Quốc và Huê Kỳ.

### ● HUÊ KỶ MUỐN CỨU NGUY HÀ NỘI BẰNG THỎA ƯỚC THƯƠNG MẠI MỸ-VIỆT.

Hiệp ước này, sau bốn năm thương thảo, Hà Nội mới chịu đúc kết với Mỹ. Dẫu cũng thấy là "đi với Trung Quốc thì sẽ mất Nước" còn "đi với Mỹ thì có thể sẽ mất Đảng, nhưng Nước vẫn còn", Hà Nội lúc đầu đã tỏ ra hồ hởi. Nhưng rồi dưới áp lực quyết liệt của Bắc Kinh (sợ rồi đây Mỹ sẽ củng cố thế đứng tại Việt Nam bằng một hiệp ước phòng thủ chung giữa Mỹ-Việt, cũng như giữa Mỹ-Nhật vậy), và ắt phe bảo thủ lạc hậu trong Đảng và phe quân đội hiện nắm đa số Xí Nghiệp Quốc Doanh (lỗ vốn), hàng ử đầy kho không sao tiêu thụ được vì phẩm chất quá xấu, lại nghe nói hiện kết cấu làm ăn với quân đội Trung Quốc, đều nhất quyết *thà đi với Bắc Kinh để cứu nguy Đảng, hơn là đi với Mỹ để cứu Nước*, nên Hà Nội lại đình hoãn việc ký kết Thỏa Ước Thương Mại Mỹ-Việt.

Hệ lụy của Thỏa Ước Thương Mại Mỹ-Việt là Hà Nội phải đáp ứng với luật quốc tế về kinh tế, về giao thương, mậu dịch. Do đó Hà Nội phải nổi lòng việc kiểm soát về mặt chính trị và kinh tế của Đảng, phải giải thể các xí nghiệp quốc doanh. Phải thật sự đổi mới, phải dân chủ hóa thật sự xã hội và đất nước trên mọi phương diện, có nghĩa là bắt đầu phải bãi bỏ Điều 4 của Hiến Pháp. Nhưng dù có ký thỏa ước kinh tế với Mỹ hay không, rồi đây dưới mọi áp lực của quốc tế cũng như quốc nội, Hà Nội cũng phải thay đổi vậy, nếu không thì cũng đi đến kết quả thứ hai, như ông Trần Độ đã phải cảnh cáo:

#### "Đổi Mới hay Chết!"

Vì vậy, việc ký kết Thỏa Ước với Mỹ lại trở thành điều lợi. Vì lẽ, như trên đã nói, Huê Kỳ là yếu tố mâu thuẫn đối kháng thiết yếu cho Việt Nam để **quân bình và hóa giải** áp lực của Trung Quốc tại Á Châu, đặc biệt là tại Việt Nam, Đông Dương và Biển Đông.

Để giải trừ áp lực của Trung Quốc, Hà Nội cần *yêu cầu Mỹ đặt nặng vấn đề Bắc Kinh đồng ý ký kết một Quy Ước Quốc Tế nhằm đảm bảo và thừa nhận Việt Nam và Đông Dương là Vùng Trái Độn và Trung Lập, trước khi Huê Kỳ chấp nhận Trung Quốc tham gia WTO*, mà Trung Quốc rất mong muốn.

### ● PHẢN ỨNG CỦA THẾ GIỚI, NHẤT LÀ CỦA MỸ VÀ TRUNG QUỐC SẼ RA SAO?

Với lời yêu cầu trên của Hà Nội, đương nhiên Huê Kỳ sẽ đồng ý ngay, vì nhiều lẽ:

1)- Trong chiến tranh Đại Hàn, Mỹ Hoa đã trực tiếp đụng độ, vì Mỹ tiến quân sát tới biên giới Trung Cộng. 2)- Trong chiến tranh Việt Nam, Mỹ chỉ giới hạn tham chiến tại miền Nam thôi để tránh đụng độ trực tiếp với Trung Cộng lần nữa.

3)- Việt Nam bây giờ lại là lỗ hồng trong hàng rào chiến lược kèm tòa Trung Cộng mà Mỹ đang muốn giải quyết nốt, nhưng lại không muốn trực tiếp đụng độ với Trung Quốc.

4)- Lại nữa, giải pháp "vùng trái độn" tại Việt, Miên, Lào, cũng là giải pháp ROOSEVELT về Đông Dương, mà Huê Kỳ chưa gặp hoàn cảnh thuận tiện và thích nghi như hiện nay, để đem ra áp dụng hầu giải quyết một cách rót ráo vấn đề Việt Nam.

Còn đối với Bắc Kinh, với Quy Ước Quốc Tế nói trên, đảm bảo Việt Nam và Đông Dương **sẽ không biến thành căn cứ và tiền đồn chiến lược của Huê Kỳ**, là điều vô cùng quan trọng cho nền an ninh của Trung Quốc. Hơn nữa, Trung Hoa lại được gia nhập vào WTO hằng mong ước. Do đó, không có lý do gì để Bắc Kinh bác bỏ lời yêu cầu của Hà Nội.

Còn thế giới, nhất là Nhật và các nước ở Đông Nam Á thì hẳn sẽ thờ phào nhẹ nhõm. Vì thùng thuốc súng âm ỉ tại Việt Nam, đã từng là đầu mối gây nên ba trận chiến tranh khốc liệt trong bán phần chót của thế kỷ 20, đe dọa hòa bình chung trong vùng, nếu nay nhờ giải pháp trái độn mà được giải tỏa và dập tắt ngòi nổ, sao lại không hồ hởi, không đồng thuận ký kết và tích cực đảm bảo bản Quy Ước Quốc Tế về Đông Dương?

Tóm lại, việc các quốc gia ở Bắc Á, Đông Bắc, Đông Nam và Tây Á liên kết quân sự và chiến lược với Mỹ là điều đương nhiên không thể tránh. Tuy nhiên, về phần Việt Nam thì sau trận chiến tranh kéo dài từ Thế Chiến Hai, từ năm 1940, đến nay vẫn còn đe dọa tái diễn, Việt Nam **ắt không thể nào liên kết với Trung Hoa, cũng như không thể nào liên kết chiến lược với Huê Kỳ**.

Một Quy Ước Quốc Tế có cả Huê Kỳ, Trung Quốc, Nhật, Nga, Pháp, Anh, Đức, Ấn Độ, Hòa Lan, Gia Nã Đại... và Liên Hiệp Quốc đồng thuận đảm bảo Hòa Bình, Độc Lập và toàn vẹn lãnh thổ cho Việt Nam và Đông Dương là một ước vọng mà từ nghìn xưa ông bà ta, *trong thế cô và yếu*, hẳn đã từng mơ ước... Nay Việt Nam có cả thế giới để dựa, sao Hà Nội lại không CHỦ ĐỘNG xúc tiến cho thật khéo để chóng hình thành cái thế quốc tế cứu cánh ấy cho Việt Nam ta? Còn nếu dùng đảng để cho cuộc đụng độ giữa Mỹ-Nhật và Trung Hoa phải xảy ra, mà Việt Nam lại trở thành nạn nhân thê thảm, thì khi cần giải quyết chiến tranh, các thế lực đối đầu cũng sẽ phải lôi gáp giải pháp ROOSEVELT về Đông Dương ra áp dụng và thực hiện, vì không có cách nào khác hơn và thực tế hơn. Lúc đó, Việt Nam sẽ phải ở vào cái thế hoàn toàn bị động, và bị áp đặt, sẽ không có tiếng nói tại bàn hòa hội quốc tế để bảo vệ lập trường dân tộc và tự chủ của ta.

Giải pháp quốc tế đặt Việt Nam và Đông Dương trụ vào thế Trái Độn và Trung

Lập, với ứng dụng duy trì và đảm bảo hòa bình, độc lập, toàn vẹn lãnh thổ, xây dựng dân chủ tự do thật sự để thực hiện đoàn kết và hòa giải dân tộc, sẽ mở ra một **Vận Hội Mới** về vang cho Việt Nam. Trong thời Minh Trị, Nhật đã gởi ra nước ngoài chỉ vòn vẹn một vận thanh niên du học và đều đã trở về bắt tay xây dựng một nước Nhật văn minh và cường thịnh. Nay Việt Nam có được một khối hậu thuẫn sung mãn của hai triệu người Việt ở nước ngoài và đồng thời có sẵn, ít nhất, ba trăm nghìn chuyên viên ưu tú thuộc mọi ngành, thâu thập văn minh tiến bộ và kỹ thuật tân kỳ của mọi nước trên thế giới, sẵn sàng trở về để xây dựng lại Nước cho văn minh và giàu mạnh. Hà Nội sao không nghĩ đến?

### ● TỔNG KẾT LẠI

Chính quyền Hà Nội đang nắm trọng trách về vận mạng đất nước, mà sao sau khi đã vô vọng về thế đứng liên kết với Trung Cộng và Liên Xô, nay lại muốn đi đây trên thế giằng co của hai đối lực tại Đông Nam Á là Huê Kỳ và Trung Quốc? Đi đây thì rồi sớm muộn sẽ té nhào, mà rồi cũng chẳng đi được tới đâu! Lại nữa, CHÍNH TRỊ, ảnh hưởng đến vận mệnh sống còn của đất nước và nhiều thế hệ dân tộc, chủ đầu phải là phường XIẾC mà học đòi đi đây? Muốn bung ra khỏi vòng cương tỏa để tiến lên, Việt Nam chỉ còn có một con đường là **Tự Chủ** trên thế đứng Quân Bình vững mạnh là Trung Lập, với một Quy Ước Quốc Tế đảm bảo Độc Lập, Hòa Bình, Toàn Vẹn Lãnh Thổ cho Việt Nam và Đông Dương trên vị thế Trái Độn.

Việt Nam cần thuyết phục Huê Kỳ chấp nhận Bắc Kinh gia nhập WTO, với điều kiện Trung Quốc chịu tham dự ký *kết đảm bảo* bản Quy Ước Quốc Tế cho Việt Nam và Đông Dương.

Còn Thỏa Ước Thương Mại Mỹ-Việt, mở rộng cửa cho Việt Nam tiến vào thị trường mậu dịch quốc tế, đồng thời dễ dàng hóa việc xuất cảng với giá biểu quan thuế nhẹ, lại tăng cường vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, mở mang kinh tế, gia tăng kỹ nghệ và huấn nghệ, giải quyết tình trạng kinh tế tụt hậu thảm thương cùng nạn thất nghiệp trầm trọng hiện nay, ổn định xã hội rối loạn vì thiếu công ăn việc làm, làm cho dân giàu nước mạnh, **Việt Nam cần phải ký gáp.**

Trọng Thu Kỷ Mão (1999)

(1) Cũng cần nhắc lại, tại Hội Nghị Genève 1954, Thủ tướng Chu Ân Lai đã chia tay ra trước, nhưng Ngoại trưởng Mỹ, Foster Dulles, lại lỗ đi, không nhận bắt tay. Huê Kỳ lúc đó không muốn nhìn nhận Bắc kinh. Mỹ rất hậm hực việc Hồng quân của Trung Cộng đã sử dụng "chiến tranh biến người" quá ác, rùng rợn tại trận chiến Cao Ly 1950-53, để đứng đầu với Mỹ.



## Đất nước Bác Hồ chẳng những cao mà còn rộng nữa !

Thư gửi về Việt Nam cho Huy và các  
"cháu ngoan Bác Hồ"

**T**hường gửi cậu Hồ Ngọc Huy và tất cả thanh niên Nam Nữ cùng lứa tuổi như Huy, Tuy các cô, cậu như Huy và chúng tôi thật sự chưa quen nhau; nhưng về tinh thần, chúng ta đã biết nhau từ lâu rồi và có rất nhiều chuyện cần nói với nhau, vì chúng ta cùng là người Việt Nam.

Chúng tôi biết Huy qua bài "**Cội Nguồn Bất An**" đăng trên tờ OC Register ngày 13.6.1999 tại miền Nam Cali của tác giả Phan Trần Hiếu. Còn Huy cũng đã "thấy" chúng tôi qua tờ tuần báo Time, đăng tin về cuộc biểu tình chống Trần Trường treo cờ máu và hình Hồ Chí Minh. Chúng tôi nằm trong biển người đưa cao rừng cờ vàng ba sọc đỏ, miệng hô vang đội "**Đả đảo Hồ Chí Minh, tên sát nhân tập thể**". Có báo vẽ tranh hí họa là Trần Trường tức cháu ngoan Bác Hồ đang ở trần truồng, cầm ảnh Bác Hồ che hạ bộ để sửa lỗi của Phạm Văn Đồng nói "**Bác Hồ vĩ đại sống mãi trong lòng chúng ta**" thành "... sống mãi trong quần chúng ta". Có báo vẽ tranh Hồ Chí Minh cùng "giai cấp" tội phạm chống nhân loại như Hitler, Saddam Hussein và Milosevic. Nhưng khi Huy liếc nhìn vào bài báo Time có in hình nộm Hồ Chí Minh to bằng người thật bị treo cổ bên trên lối vào tiệm Hitek, máu già nhỏ giọt từ cặp mắt bị khoét lòi ra của ông ta. Huy kết luận rằng những người chống Hồ Chí Minh là "cuồng tin" là "quá khích" và "cực đoan". Huy khẳng định với biên tập viên báo Register rằng Bác Hồ của Huy "đã đưa đất nước lên cao".

Huy và các cháu cùng lứa tuổi sanh năm 1976, tức sau chiến tranh; 23 năm sống dưới mái nhà Cộng

Sản thì phải nói theo sách Mác-Lê. Vì vậy chúng tôi thấy có bốn phạm nói cho giới trẻ như Huy hiểu sự thật về "Bác Hồ". Xin dùng vài ba tài liệu thực tế trong nước, ai cũng kiếm chúng được để làm sáng tỏ, để tâm tình cùng giới trẻ vấn đề **Bác Hồ** đưa đất nước lên cao nhé?

Theo báo cáo chính thức của Hội Phụ Nữ trong nước thì XHCNVN vào năm 1994 cả nước có trên 200.000 người hành nghề mãi dâm. Đó chỉ là con số điểm chuyên nghiệp, còn nếu kể số người bán dâm "giai đoạn" thì phải đến cả triệu người.

Ông Trần Quốc Hoàn, Bộ Trưởng "Bộ Lao Động, Cựu Chiến Binh và Xã Hội" xác nhận trong số này, vào năm 1992, chỉ có 1,2% là trẻ em dưới 18 tuổi, đến năm 1994, tăng cao tới 11%. Mà trong số em dưới 18 tuổi đó, có từ 20% đến 30% em mãi dâm tập trung tại các thành phố lớn là trẻ em dưới 14 tuổi. Con số "lên cao" đó, trong buổi Hội Thảo tại thành phố mang tên Bác, do Đoàn Thanh Niên Cộng Sản tổ chức vào cuối tháng Giêng năm 1995; đã được chính ông Stephen Woodhouse, đại diện Cơ Quan Bảo Trợ Nhi Đồng Liên Hiệp Quốc (UNICEF) khuyến cáo rằng "*Việc trẻ em hành nghề mãi dâm đã trở thành vấn đề đặc biệt của riêng VN. Đây là việc khẩn cấp mà nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền cần quan tâm để có biện pháp cần thiết*". Vài năm trước đây, cũng chính Cơ Quan Quốc Tế UNICEF này xác nhận trẻ em VN bị suy dinh dưỡng kinh niên và vóc dáng trung bình bị lùn đi hơn trẻ Á Châu khác 1 phân tây.

Như vậy so sánh với thời Việt Nam Cộng Hòa thì Bác Hồ đã đưa đất nước lên "cao" thật! Vừa cao mà vừa rộng cả năm châu, vì con số trẻ em bán dâm cao độc đáo riêng của VNCS đã được cơ quan Liên Hiệp Quốc báo động và được các hãng thông tin ngoại quốc loan đi khắp thế giới.

Trong khi Bác Hồ của Huy đẩy hàng triệu thanh niên vào Nam làm chiến tranh "Chống Mỹ Cứu Nước", tuyên truyền rằng vì đế quốc Mỹ "bóc lột" làm miền Nam nghèo đói nên xã hội miền Nam biến thành ổ "đi đếm" v.v... thì VNCH lại không được thế giới nêu cao thành tích trẻ em phải bán dâm để sống này. Đã

không cao, VNCH còn thấp lè tè về con số các động mãi dâm.

Những ổ mãi dâm công khai của Sài Gòn xưa chỉ có Cầu Hàng ở Nhà Bè; Ngã Ba Chuông Chó ở Gò Vấp v.v... tóm lại, đếm chưa quá năm ngón tay. Còn thành Hồ, theo con số mới nhất vào tháng 4.1999 do *Nhật báo Sài Gòn Giải Phóng* cho biết thì trong số 401 tiệm ăn chính thức đăng ký tại thành phố, 301 tiệm là quán "bia ôm", một hình thức bên ngoài để che đậy mãi dâm". Một tờ báo ở Cali đã nhắc đến thành tích "cao" của Bác rằng: "*Tại thành phố (Hồ Chí Minh) bốn triệu người này, nghề mãi dâm có mặt tại rất nhiều quán rượu, tiệm ăn, phòng đấm bóp, tiệm Karaoke. Cũng có nhiều phụ nữ đón khách ở các góc đường*".

Hần Huy và các người khác đã và sẽ nói: XHCNVN bây giờ đã thay đổi, đã tiến bộ hơn lúc chúng tôi còn ở trong nước nhiều? Đúng, nhưng lại cũng là sự thay đổi theo lối tiến càng ngày càng cao tỷ số trẻ mãi dâm dưới 14 tuổi!

Này nhé, theo báo trích dẫn trên, chỉ xét riêng tại thành Hồ, ghi rằng "*Đặng Thanh Vân, Phó Giám Đốc Sở Bài Trừ Tệ Đoan Xã Hội thành phố Hồ Chí Minh cho biết theo cuộc thăm dò 2.000 gái mãi dâm hoạt động tại thành phố (HCM) Sài Gòn cũ, thực hiện vào năm 1988, thì 15,3 phần trăm tuổi từ 15 đến 17.. Các con số này báo động những thiếu nữ bị lôi kéo vào nghề mãi dâm*". Sự "báo động" này rất đúng. Vì sau khi cơ quan Bảo Trợ Nhi Đồng LHQ khẩn báo để nhà nước VN có "biện pháp cần thiết" thì sau đó có cuộc hành quân càng quét các động mãi dâm với con số 2.000 người bị bắt trong năm 1994.

Nhưng rồi hiện nay, tức 5 năm sau. Tờ báo trên cho biết năm 1999 này, số bán dâm tại thành Hồ tăng lên 10.000 tới 15.000 mà 70 phần trăm số này chỉ có trình độ không hơn bậc tiểu học. Vậy trẻ bán dâm dưới 14 tuổi tăng từ 20% - 30% năm 1994 lên ít nhất là 50% năm 1999.

Huy à, trong thời chiến tranh, trước khi các cháu ra đời, bộ đội "cụ Hồ" ra công khùng bố nông thôn miền Nam, trong kế hoạch "lấy nông thôn bao vây thành thị"; thế mà dân các tỉnh không rời làng quê lên Sài Gòn tìm sống nhiều đến thế? VNCH không nổi tiếng về trẻ vị

thành niên bỏ học đi bán dâm? Là vì mặc dầu "quân giải phóng" về làng giết thầy, đốt trường học, nhưng quân lực VNCH và Hoa Kỳ đã đẩy lui bọn cướp, xây lại trường cho dân làng, nhờ thế mà tuổi trẻ vùng quê VN, nếu đừng bị VC phá hoại, phần đông được học ít nhất là xong hết cấp tiểu học, hoàn toàn miễn phí. (Trong khi có phải hiện nay học sinh tiểu học cũng bị đóng tiền trường?). Còn nay hòa bình, "quân thù" vắng bóng, dưới sự lãnh đạo của "chủ nghĩa Mác-Lê và Tư Tưởng Hồ Chí Minh mà sao dân quê phải tự "giải phóng" khỏi làng, về thành phố bác để làm điểm?

Có phải sau 24 năm đuổi nửa triệu quân "xâm lược" đi để giải phóng miền Nam, Bác và Đảng đã thế vào bằng nửa triệu quân... mãi dâm mà gần 70% là lứa tuổi học trò? Lứa tuổi mà ở khắp thế giới đều được tung tăng cắp sách tới trường, trau dồi trí tuệ... Hèn chi thì sĩ Nguyễn Chí Thiện (trong nước các cháu chắc không được biết thì sĩ?) viết:

*"Đảng diu dất thiếu nhi thành trộm cướp*

*Giải phóng dân bà thành đi, thành trâu*

*Giúp người già bằng bắt bỏ rế đầu*

*Đảng thực chất chỉ là đảng cướp"*

Kết luận này từ năm 1973, Nguyễn Chí Thiện căn cứ vào những gì Bác và Đảng thực hiện cho miền Bắc. Nhưng sau khi "giải phóng" miền Nam từ 1975 cho đến nay, chính ông Nguyễn Văn Trấn, 60 tuổi đảng, nguyên Phó Xứ Ủy Nam Kỳ, cùng những người CS lão thành khác như Nguyễn Hộ v.v... cũng nhìn nhận Đảng CS mà mình đem suốt đời để tôn thờ... mà Hồ Chí Minh là Chúa Đảng... quả thật chỉ là đảng cướp, là đảng Mafia giết người.

Cướp gì? Cướp quyền sống của toàn dân. Giết ai? Giết tương lai nhiều thế hệ trẻ. Câu hỏi quan trọng là: tại sao con số trẻ vị thành niên bán dâm tăng cao kể từ ngày có kinh tế thị trường? Dĩ nhiên là vì nghèo đói. Nhưng tại sao không là tuổi trên 20 mà phải là dưới 14 tuổi? Tuổi này đã biết gì? Ai mới giới mà càng ngày càng tăng cao? Thì ra các ông Tư Bản Á Châu như Nhật Bản, Thái Lan, Đại Hàn, nhất là các "xi thầu" Ba Tàu Đài Loan, khi vào VN kiếm tiền còn muốn kiếm tình. Hưởng nhất

dạ để vương với người đẹp đầy kinh nghiệm phòng the chưa đủ, các ông còn tin tưởng rằng lấy được con gái còn trinh thì tăng tuổi thọ. Mà chỉ có các em dưới 14 tuổi mới bảo đảm còn "nguyên xi". Nhưng ở lứa tuổi đó, các em biết gì? Vậy ai bày cho các em?

Bác sĩ Dương Quỳnh Hoa, người có công theo Bác lập Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam để "chống Mỹ cứu nước", đã giải đáp các thắc mắc đó và đã làm cho đất nước VN của bác Hồ "cao thêm trên tờ báo lớn của Mỹ là tờ NỮ U ƯỚC THỜI báo (New York Times), rằng: Là Bộ Trưởng Y Tế của chính phủ Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, nhưng khi miền Nam được "giải phóng" bà bị hắt ghe, chỉ được phụ trách khu Nhi Khoa của Bệnh Viện Nhi Đồng tại thành Hồ.

Một buổi sáng, người ta đem tới phòng mạch tư của bà, ba em bé cỡ 10, 11, 12 tuổi, của mình rách te tua đầy máu. Các em run rẩy sợ hãi, không dám trả lời. Mãi sau mới có một em lấp lén, líu ríu cho biết rằng em được cha mẹ em bảo chở đi thăm "ông nội"...

□! Thì ra đây là những "ông nội" Đại Hàn, Đài Loan muốn vừa dâm dục vừa được sống dai trăm tuổi để tiếp tục tàn phá tuổi thơ. Chính Thủ Tướng Võ Văn Kiệt xác nhận trên báo Vietnam News ngày 31.12.1993 rằng Xã Hội Việt Nam đang có bệnh dịch bán gái còn trinh với giá 200 Mỹ kim. Nghĩa là khi chở các em gái 11, 12 tuổi đi "thăm" như vậy, "ông nội" em cho "cha" em được chừng 200 Mỹ kim, còn các em thì "được" da thịt rách bết, máu chảy đầm đìa! Chính đảng viên Dương Quỳnh Hoa đã điểm mặt những "thằng cha" mặt người lòng thú này là ai? Đó là những đồng chí CS của bà, nói là đi làm Cách Mạng vì lý tưởng, nhưng thật ra chỉ vì tiền! Phải chờ hơn nửa thế kỷ, chế độ Hồ Chí Minh đã phá tan tàn đất nước, những người CSVN mới khám phá ra sự thật "chỉ vì tiền" đó? Quý vị từng ca bài Quốc Tế Ca của Quốc Tế CS, kêu gọi giai cấp vô sản thế giới hãy đứng lên diệt trừ tư bản: "**Chế độ này ta quyết dẹp tan tanh/ Bao nhiêu lợi quyền sẽ qua tay mình**" kia mà?

Thật ra những người CS như BS Dương Quỳnh Hoa bị Hồ Chí Minh lợi dụng lòng yêu nước, các vị đó "**Yêu sai duyên và mến chẳng nhằm người/ Có kho vàng những tặng**

**chẳng tùy nơi**" nên "**Bị người phụ hay thờ ở chẳng biết**" để đến "**Khi hay thì gai nhọn đã vào xương**".

Hồ Chí Minh đã cầm đầu đảng cướp để vơ nắm mọi lợi quyền vào tay Đảng, bắt kể nhiều thế hệ tuổi thơ run rẩy, đau đớn trong máu lệ đầm đìa... Đập tan tư bản để rồi bảy giờ đói rách lại đem đàn bà con nít ra làm tiền tư bản. Có những tên Ba Tàu khùng điên hay bị bệnh tật không thể cưới vợ bản xứ, được trình trọng rước vào VN, tha hồ sờ nắn các cô gái dù cổ, sẵn sàng chờ lựa như lái lợn lựa heo. Hàng ngàn phụ nữ VN vì quá túng quẫn, đã theo chồng chịu chết đời mình nơi xứ lạ để cho gia đình mình được sống... Tin trong nước còn nói đến những tổ chức mua trẻ em để xuất khẩu. Mỗi công ty buôn người này gom được 40 em... Phải chăng các em đang chờ để được đi thăm những "thằng ông nội"? Ôi tuổi trẻ VN, tiền đồ dân tộc!

Cho nên người Việt hải ngoại chúng tôi vì: "**Đau xót cho lớp trẻ hiện hình (mà)/ Phải cứu chúng, phải tìm ra phương thuốc/ Dù là thuốc nổ**". Người hùng Lý Tống đã liều chết làm không tặc bay về VN cho "nổ" 50 ngàn truyền đơn kêu gọi đồng bào nổi dậy dẹp trừ đảng cướp đang hủy hoại đất nước. Hải ngoại chúng tôi hàng chục ngàn người đứng lên không phải "nổ" vào cá nhân Trần Trường mà là cho "nổ" tung tội ác Hồ Chí Minh trước thế giới để những người ngây thơ như lứa tuổi cháu Huy đừng lầm lẫn mà "trao thân làm tướng cướp".

Chúng tôi tố cáo tội ác Hồ Chí Minh vì 70 triệu đồng bào trong nước, chú không phải chỉ vì bị "sa lầy trong những hình ảnh mắt mắt: mất kế sinh nhai, mất nhà cửa, mất người thân yêu... nghĩa là thù oán riêng tư như Huy làm tướng. Chúng tôi đòi giải thể đảng CS vì "**Đảng tất thờ thì đời mỗi thờ/ Đảng còn kia thì bát phở chỉ là mơ**". Đây không phải là quá khích hay cuồng tín, mà là tình yêu dân tộc nồng nàn, nhất là yêu giới trẻ như Huy.

Xin hẹn bài sau sẽ nói tiếp về... **tội ác chẳng những cao mà còn rộng của Bác và Đảng** của Huy để chúng ta hiểu nhau hơn nữa. Thương mến,

(Miền Bắc California, ngày 1.11.99)



## Kinh tế trì trệ do đâu ?

Trong bối cảnh kinh tế các nước trong khu vực đang hồi phục trở lại thì kinh tế Việt Nam lâm vào suy thoái trầm trọng, tốc độ tăng trưởng kinh tế liên tục giảm trong 3 năm qua. Tiền tồn đọng không cho vay được trong các ngân hàng thường mại quốc doanh lên tới hàng ngàn tỷ đồng, mặc dầu từ đầu năm đến nay nhà nước đã 3 lần hạ lãi suất cho vay. Hàng hóa sản xuất ra không tiêu thụ được, sản xuất thu hẹp, nhiều người bị mất việc làm. Theo báo Diễn Đàn Doanh Nghiệp ra tháng 9/99 thì so với cùng thời gian này năm ngoái sản lượng than sạch giảm 22%, phân đạm giảm 41%, thép giảm 10%, xi-măng giảm 10% ... Lượng hàng hóa tồn kho chỉ tính ở 17 tổng công ty 91 đã lên tới 4.164 tỷ đồng. Đầu tư nước ngoài vào Việt Nam cũng giảm sút nhanh chóng.

Nguyên nhân nào đã dẫn đến sự đình đốn kinh tế? Trong khu vực kinh tế quốc doanh (KTQD) thì sự thua lỗ triền miên là điều không có gì mới mẻ mà nguyên nhân thì cũng đã quá rõ là: Tài sản được sử dụng trong khu vực này như tiền của, nhà xưởng, đất đai v.v... trên danh nghĩa là của toàn dân nhưng trong thực tế lại của một số cá nhân hoặc hoàn toàn do một nhóm nhỏ những người có chức quyền định đoạt. Vì không hề có một cơ chế giám sát nào của người dân nên nhóm người này tha hồ làm giàu cho bản thân cùng phe cánh bằng mọi thủ đoạn từ tinh vi đến trắng trợn nhất. Trong khi đó người lao động thì làm việc một cách thờ ơ, đối phó chế độ đãi ngộ và trả lương thấp kém lại không công bằng. Do vậy KTQD thua lỗ là điều đương nhiên.

Một vấn đề trọng tâm cần được làm sáng tỏ ở đây là: Tại sao kinh tế khu vực ngoài quốc doanh cũng đình đốn, thậm chí nhiều công ty liên doanh hoặc 100% vốn nước ngoài cũng bị lỗ nặng?

Để tìm câu trả lời khách quan, chúng ta sẽ tham khảo ý kiến của một số nhà doanh nghiệp, nhà báo trong nước qua báo Đầu Tư số 71 ra ngày 2.9.99 như sau:

1/ Ông Tạ Quyết Thắng, giám đốc Trạm tư nhân vận tải vật tư nông nghiệp Hải Phòng, qua thực tế vận tải hàng hóa đường bộ tuyến Hà Nội - Hải Phòng cho rằng lệ phí giao thông quá cao khiến cho các doanh nghiệp vận tải rất khó khăn. Cụ thể tiền lệ phí giao thông cao hơn tiền xăng dầu khoảng 2% mặc dầu trong tiền xăng dầu đã có 10% lệ phí giao thông. Mặt khác tiền lệ phí giao thông cộng với tiền xăng dầu đã chiếm tới hơn 50% doanh thu khiến cho doanh nghiệp không thể có lãi được. Để tồn tại các chủ xe buộc phải chở quá tải, nhưng nếu bị phát hiện thì sẽ bị phạt rất nặng. Để qua được gần 10 trạm cảnh sát giao thông mà không bị phạt, các lái xe buộc phải hối lộ.

2/ Nhà báo Mạnh Hùng có ý kiến cho rằng việc Bộ Tài Chính vừa thông qua thông tư đánh thuế thu nhập cao đối với các hộ gia đình sản xuất nông nghiệp (bao gồm cả Lâm nghiệp và Nuôi trồng, Thủy hải sản) có thu nhập trên 36 triệu đồng/năm, phải nộp thuế cho phần thu nhập vượt trên 36 triệu với thuế suất 32% là không hợp lý trên một số khía cạnh như sau:

- Việc thu thuế này là mâu thuẫn với chủ trương khuyến khích phát triển các hộ kinh tế trang trại của chính phủ.

- Không đảm bảo được sự công bằng vì các hộ gia đình sản xuất nông nghiệp có thu nhập bình quân tháng trên 3 triệu đồng đã phải nộp thuế thu nhập cao trong khi một người đi làm công không phải bỏ vốn kinh doanh có thu nhập bình quân trên 2 triệu đồng/1 tháng mỗi phải nộp thuế thu nhập cao với thuế suất là 20%.

- Hầu hết các hộ sản xuất nông nghiệp đều không mở sổ sách kế toán nên không có căn cứ để tính doanh thu và thu nhập. Để thu được thuế, ngành thuế chỉ còn cách khoán doanh thu. Điều này sẽ dẫn đến nhiều tiêu cực.

3/ Ông Nguyễn Bình Dương, Tổng giám đốc công ty VIT-METAL nêu ý kiến cho rằng việc Bộ Tài Chính tăng thuế nhập khẩu đối với các loại nguyên liệu làm tôn lợp từ 20% lên 30%, làm các nhà sản xuất tôn lợp đang khó khăn lại càng thêm lao đao. Ông đặt câu hỏi: "Phải chăng nhà nước tăng thuế nhập khẩu cũng như không cho hưởng các

ưu đãi thuế quan đối với mặt hàng này là để bảo trợ cho sản xuất trong nước?". Ông cho biết hiện tại Việt Nam có khoảng 40 nhà sản xuất tôn lợp chủ yếu bằng nguyên liệu nhập khẩu trong khi chỉ có một nhà máy duy nhất sản xuất tôn cuộn với công nghệ từ những năm 70. "Vậy khi nhà sản xuất này chưa đáp ứng được về sản lượng cũng như chất lượng hàng hóa thì tại sao lại đi bảo hộ cho một doanh nghiệp để làm khó khăn cho bao doanh nghiệp khác?".

Ông cho rằng bảo hộ sản xuất trong nước không hợp lý là tiêu diệt sức cạnh tranh tạo điều kiện cho độc quyền thao túng làm tăng giá thành sản phẩm từ đó làm giảm sức mua của dân.

4/ Nhà báo Bảo Duy thì cho rằng: "Không ít những chính sách bảo hộ được ban hành do sự thiếu kiên định của các cơ quan nhà nước, đáp ứng một cách tùy tiện những yêu cầu của một hay một nhóm doanh nghiệp". Nhiều chính sách bảo hộ đi ngược mục đích khuyến khích xuất khẩu vì đã làm tăng giá thành hàng hóa do đó khó cạnh tranh với hàng hóa các nước. Hậu quả là "giảm đầu tư và tiêu dùng, kìm hãm sự phát triển của đất nước và ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống nhân dân".

Ông còn nêu ra một hiện tượng nữa là "hiện nay nông dân phải bán nông phẩm với giá thấp, trong khi phải mua hàng công nghệ phẩm với giá cao gấp rưỡi, gấp đôi so với sản phẩm cùng loại trên thị trường quốc tế".

5/ Trong báo Đầu Tư số 75 ngày 16.9.99, ông Nguyễn Văn Lộc qua bài "Cán bộ tín dụng mới là Thượng đế" nêu lên một nghịch lý là trong khi các ngân hàng bị tồn đọng một nguồn vốn lớn không cho vay được thì có nhiều người dân cần vốn lại không vay được do các cán bộ tín dụng đặt ra nhiều "điều kiện" và thủ tục rất nhiều khế. Nên nhiều người phải đi vay nặng lãi. Hiện tượng chơi hụi rồi dùng tiền hụi cho vay với lãi suất 2% - 2,5% thậm chí 3%/1 tháng đã xuất hiện nhiều ở nông thôn ven biển miền Trung và khu 4 cũ (lãi suất vay ngân hàng cho khu vực nông thôn hiện là 1,05%/tháng).

Qua các ý kiến nêu trên, chúng ta có thể rút ra mấy nhận xét như sau:

- Có nhiều nguyên nhân gây trở ngại cho sản xuất kinh doanh tại Việt

## Thế kỷ 21 sẽ là thách thức và hy vọng của tuổi trẻ Việt Nam

Nam hiện nay nhưng nguyên nhân chính yếu nhất là do các loại thuế má, lệ phí quá cao cùng hàng loạt các chính sách do nhà nước đặt ra nhằm bảo hộ cho kinh tế quốc doanh (KTQD). Như trên chúng ta đã thấy nhà nước mới chỉ tăng thuế nhập khẩu đối với một ngoại nguyên liệu để bảo hộ cho một doanh nghiệp mà đã làm cho hàng chục doanh nghiệp liên quan điêu đứng. Vậy khi nhà nước bảo hộ cho cả một khu vực KTQD rộng lớn nắm trọn các ngành kinh tế chủ chốt và các huyết mạch kinh tế của đất nước, chiếm giữ một khối lượng tài sản hết sức lớn nhưng lại luôn thua lỗ thì hậu quả sẽ còn nặng nề như thế nào?

- Nhiều chính sách hiện hành của nhà nước chính là nguyên nhân làm nảy sinh sự bất công, sự tham nhũng, sự quan liêu của quyền. Thêm vào đó là một hệ thống pháp luật rối rắm và mập mờ, một hệ thống quản lý công kênh, sách nhiễu. Tất cả đều nhằm vào việc tăng cường bóp nặn người dân từ nhà kinh doanh đến người tiêu dùng.

Như vậy, nếu hàng chục năm trước đây nhà nước Việt Nam đã duy trì một nền kinh tế kế hoạch hóa do KTQD độc quyền thì giờ đây do tình thế thay đổi buộc họ phải cho phép kinh tế ngoài quốc doanh hoạt động những bằng hàng loạt các chính sách bảo hộ họ tiếp tục duy trì vai trò độc quyền mà họ gọi là "vai trò chủ đạo" của KTQD. Vậy xét cho đến cùng thì "nguyên nhân của mọi nguyên nhân" chính là sự cai trị vô cùng phi lý của nhà nước Cộng Sản Việt Nam trên cơ sở sự độc quyền về chính trị. Chính sự độc quyền về chính trị cho phép nhà nước làm những điều hoàn toàn trái ngược với nguyện vọng của người dân. Ngược lại việc duy trì mở rộng KTQD lại có tác dụng củng cố sự cai trị độc quyền của nhà nước cộng sản.

Việt Nam là một đất nước có tiềm năng vô cùng to lớn để phát triển do tài nguyên, vị trí địa lý... đặc biệt là nền văn hóa với truyền thống hiếu học cùng tinh năng động cần cù của gần 80 triệu người. Nhưng tất cả các tiềm năng này đã và đang bị vùi dập bởi chế độ độc tài. Do vậy việc thay thế chế độ độc tài Cộng Sản hiện nay bằng một thể chế chính trị dân chủ chính là điều kiện có tính then chốt, mở đường "cởi trói" cho sự phát triển kinh tế cũng như mọi mặt của đất nước. ●

(Halle)

Hầu như trong chúng ta, ai cũng hằng mơ ước rằng con người sinh ra trên trái đất này đều được sống với nhau trong bầu không khí tự do, công bằng và bác ái. Thì hướng chỉ đối với dân tộc Việt Nam, mà nhất là giới trẻ Việt Nam lại càng bần chồn và khao khát hơn lúc nào hết. Chẳng còn mấy ngày nữa, nhân loại bước sang một thiên niên kỷ mới, một thiên niên kỷ tự do, hòa bình, hợp tác và đối thoại. Ở đây chúng ta có thể nói là một bước ngoặt lớn trong lịch sử bởi sự chuyển hóa từ một thế kỷ này sang một thế kỷ khác. Từ một thế kỷ chiến tranh, bệnh tật, đói nghèo, lạc hậu, độc tài v.v... sang một thế kỷ tự do, dân chủ, phát triển, văn minh, tiến bộ và bao dung. Để nhận ra vấn đề gốc rễ của nó, chúng ta sẽ cùng nhau nghiên cứu và giải đáp.

### Tuổi trẻ Việt Nam dưới chế độ Xã hội Chủ nghĩa

Sống dưới chế độ Cộng Sản Việt Nam, thì tuổi trẻ coi như bị hủy diệt hoàn toàn về sinh lực cũng như năng lực, dồn mọi khả năng để phục vụ cho Đảng và "Bác Hồ". Khi mới lớn lên đã được đảng giáo dục bằng thủ văn hóa tuyên truyền và nhồi sọ. Thiếu niên nhi đồng phải đeo khăn quàng nhuộm máu đỏ, đi dép cao su và phải là "thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh". Bước sang tuổi thanh niên, phải trở thành thanh niên xung phong "đầu cần thanh niên có, việc gì khó có thanh niên". Khi vào bộ đội cũng phải là "bộ đội cụ Hồ", xả thân phơi thây trên chiến trường vì lý tưởng Cộng Sản hoang đường. Chung qui lại tất cả những danh hiệu đó đều mang tên "Made in Hồ Chí Minh" nhằm mục đích phục vụ, xây dựng sự độc tôn của đảng và nuôi dưỡng chế độ Hà Nội đến ngày hôm nay. Thế là hàng loạt thanh niên thay nhau bỏ xác trong cuộc chiến tranh huynh đệ, tương tàn Nam-Bắc vì ý thức hệ. Ai chết vì lý tưởng Cộng Sản sẽ được "Bác" và đảng tặng danh hiệu "Tổ Quốc Ghi Công" với con dấu Cộng Hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam. Ai còn sống sót được đảng trả công đưa đi lao động ở các nước Xã hội

Chủ nghĩa anh em như Liên Xô, Ba Lan, Tiệp Khắc, Bungaria... Trên danh nghĩa là hợp tác lao động hữu nghị của đại đồng xã hội chủ nghĩa, nhưng thực tế là đảng CSVN vì vay mượn tiền để phục vụ chiến tranh không trả nổi cho nên phải bán sức lao động rẻ mạt để trả nợ. Còn thành phần nào phản cách mạng tống đi vùng kinh tế mới để cài tạo lao động khổ sai.

Thật là bất hạnh cho nhân dân Việt Nam, nhìn lại quê hương như một giải khăn sô bao trùm lên đất nước. Trẻ em thiếu dinh dưỡng, học sinh lêu lổng, nghiện hút, trộm cắp, đi điếm, văn hóa suy đồi, xã hội xuống cấp. Tuổi trẻ là rường cột của đất nước, là mầm mống của tương lai, thì chính lại bị đảng CSVN lợi dụng, tiêu diệt làm cho thuần phong mỹ tục của ông cha suốt 4000 năm xây dựng tiêu tan theo thời gian.

### Tuổi trẻ hải ngoại là một nhân tố quan trọng để thúc đẩy đất nước phát triển

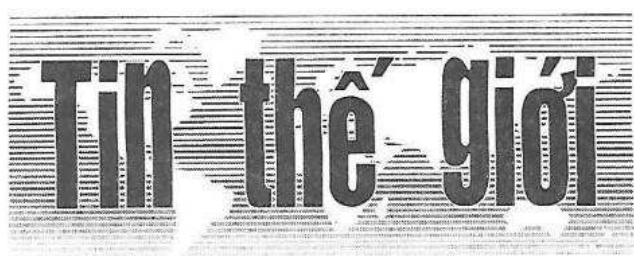
Lớp trẻ này tuy phải sống rải rác trên các châu lục cũng như các quốc gia khác nhau về ngôn ngữ, dân tộc và văn hóa v.v... Nhưng đều có chung một mục đích và chí hướng là xóa bỏ chế độ độc tài, xây dựng lại quê hương. Họ là những người được sống, ăn học, tiếp thu những kiến thức khoa học, văn minh tiến bộ và đa dạng của loài người. Có đầy đủ tầm vóc, trí tuệ cũng như kinh nghiệm để truyền bá cho nhân dân trong nước làm cuộc cách mạng dân chủ, thoát khỏi lao tù của CSVN, đồng thời là yếu tố quan trọng trong việc thúc đẩy và xây dựng lại quê hương.

### Tuổi trẻ Việt Nam của thế kỷ 21

Đây là yếu tố quan trọng nhất, thế kỷ 21 này sẽ không cho phép một tên độc tài nào cũng như một quốc gia nào tồn tại bằng sự độc tài. Chế độ Cộng Sản đã chính thức chấm dứt trên chính trường quốc tế. Liên Xô là thành trì của Xã hội Chủ nghĩa tưởng chừng không bao giờ bị sụp đổ. Thế mà đã phải sụp đổ một cách thảm hại và nhục nhã. Thì lý do gì CSVN lại có thể tồn tại được với một trình độ thấp kém, ngu tối, ù lì, lại không còn ai tin tưởng. Không có một quốc gia nào đứng độc lập mà phát triển được cả. Nhất là CSVN đang bước vào ngõ hẻm của thời đại. Đây chính là thời cơ tốt nhất cho lực lượng dân chủ chúng ta đi đến giải thể chế độ CSVN và đây cũng là chìa khóa mở ra cho chúng ta một kỷ nguyên mới văn minh tiến bộ, phát triển và thịnh vượng. Làm người Việt Nam ở thế kỷ 20 đã là một bất hạnh và một nỗi nhục, thì làm người Việt Nam ở thế kỷ 21 phải là một niềm hạnh phúc cho một dân tộc vốn thông minh và cần cù.

(Dessau ngày 20.9.1999)





## Tâm bình - thế giới bình

Câu trên đây là đề tài thuyết giảng của Hòa Thượng Thích Hộ Giác tại Chùa Viên Giác - Hannover năm 1982. Câu này cho đến nay vẫn còn giá trị và mãi mãi ngàn đời sau. Tâm Bình - Thế Giới Bình là một chân lý, dù núi có mòn, sông có cạn, chân lý này không bao giờ thay đổi.

Những biến động đã và đang xảy ra trên thế giới làm cho con người bị chết chóc, khổ đau cũng đều do cái tâm không bình của con người. Vì cái tâm không bình tức là cái tâm ô nhiễm, nên khi nói lên và hành động khổ não sẽ theo liền sau đó.

Chiến tranh cướp đất giành dân, diệt chủng, lãnh đạo độc tài đảng trị, đàn áp Tôn Giáo, kỳ thị chủng tộc v.v... và v.v... đều phát xuất từ cái tâm tham lam, cái tâm sân hận, cái tâm si mê, nói chung là cái tâm ô nhiễm.

Bước sang thế kỷ 21, không biết các nhà lãnh đạo các quốc gia có học được những bài học bằng máu, bằng xương trong thế kỷ đã qua để tránh những trường hợp tương tự sẽ xảy ra trong tương lai không? Vì thành ngữ Việt Nam có câu:

*Xe trước ngựa, xe sau phải tránh*  
hoặc:

*Tiền xa ký phúc, hậu xa giởi chi*  
có nghĩa là người trước đã vì một lỗi lầm nào đó mà thất bại, người sau nên tránh lỗi lầm ấy.

Người ta hy vọng thế kỷ mới sẽ là thế kỷ của lượng cả bao dung, của tình thương bao la không biên giới, của sự hợp tác bình đẳng, của một cuộc sống chung hòa bình v.v...

Hy vọng là lẽ sống của con người, còn thực hiện được hay không là do cái tâm của con người có *Bình* hay bị *Ô nhiễm* mà thôi.

Để biết được tình hình thế giới sẽ xảy ra như thế nào khi con người sắp bước vào thế kỷ mới, người viết xin tóm lược những gì mà con người đã làm trong năm cuối của thế kỷ 20

### 1/ CUỘC CÁCH MẠNG TIN HỌC VÀ ĐIỆN TOÁN

Từ cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật bước sang cách mạng tin học với những loại siêu kỹ thuật như bộ óc con người máy, những loại siêu vi tính, những phát minh về y học, di truyền học, sinh hóa học v.v... Những thành quả của sự phát minh về khoa kỹ thuật điện toán đã và

đang đi vào mọi lãnh vực trong đời sống của con người và hy vọng sẽ toàn cầu hóa trong một ngày không xa.

Song song với những phát minh lợi ích cho nhân loại, con người cũng không quên sáng chế ra những loại vũ khí giết người hàng loạt và trong nháy mắt

### 2/ BOM NGUYÊN TỬ

● **Ấn Độ - Pakistan** : Là hai nước láng giềng muôn đời thù nghịch đã sản xuất được bom nguyên tử, đang đe dọa lẫn nhau. Không biết có kèm chế được tham vọng không? Nếu không, thì sẽ gây đại họa chẳng những cho hai dân tộc Ấn, Hồi, mà còn cho cả vùng Đông Nam Á Châu. Hy vọng lịch sử sẽ không tái diễn như ở Hiroshima và Nagasaki.

● **Bắc Hàn** : Nước mạt, dân nghèo, nhưng mặc kệ, nhà cầm quyền dùng tiền để chế bom nguyên tử hầu đe dọa các nước láng giềng.

● **Mỹ** : Thượng viện Mỹ, đa số là Đảng Cộng Hòa vừa bác bỏ hiệp ước cấm thử bom nguyên tử của chính quyền Clinton. Cũng như trước đây Mỹ đã đứng ngoài hiệp ước cấm sản xuất và sử dụng mìn cá nhân. Hành động này chứng tỏ tánh hiếu chiến của Chú Sam và nhất là xem thường dư luận quốc tế.

### 3/ CHIẾN TRANH TÔN GIÁO

● **Nam Tư** : Theo Chính Thống Giáo, xua quân đánh giết người Kroatien theo Hồi Giáo.

● **Dân Irland** : Người theo Thiên Chúa Giáo, người theo Tin Lành, trên mấy chục năm qua đã đánh giết lẫn nhau, không biết đến bao giờ mới chấm dứt.

### 4/ CHIẾN TRANH DIỆT CHỦNG

● **Nam Tư** : Xua quân sang Kosovo cướp đất giết dân, với ý định loại bỏ chủng tộc thiểu số Kosovo gốc Albanien. Những sự tàn sát người đã man do lính Nam Tư gây ra. Làm rúng động lương tâm thế giới nên buộc lòng NATO phải nhảy vào can thiệp mới được tạm yên.

● **Nam Dương** : Dùng quyền lực hủy bỏ cuộc trưng cầu dân ý về sự độc lập của Đông Timor, đã tâm muốn biến Đông Timor thành tỉnh thứ 27 của Nam Dương. Những cuộc tàn sát người dân vô tội, những mồ chôn người tập thể v.v... làm cho Liên Hiệp Quốc phải gửi quân sang để bảo vệ người dân Đông Timor.

### 5/ CHIẾN TRANH BÀNH TRƯỚNG LÃNH THỔ

● **Nga** : Đưa cả không và lục quân tràn sang đánh chiếm thủ đô nước Tschetschenien, một cựu chủ hầu của mình, nói là để diệt quân du kích Hồi Giáo quá khích, nhưng thật ra là để bành trướng lãnh thổ. Cuộc chiến còn đang tiếp diễn và sẽ kéo dài sang qua thế kỷ mới.

● **Trung Cộng** : Luôn luôn hăm dọa Đài Loan, tuyên bố là không từ bỏ mộng xâm lăng cưỡng chiếm đảo quốc

này để xấp nhập vào lục địa, dù phải tốn hao bao nhiêu xương máu của nhân dân hai bên cũng không quan trọng!

● **Việt Nam - Cuba - Bắc Hàn - Trung Cộng** : Bốn nước theo chủ nghĩa Cộng Sản lỗi thời, cai trị dân bằng chánh sách độc tài đảng trị còn rớt rớt sang thế kỷ 21. Rồi đây luồng gió dân chủ của thời đại mới sẽ thổi mạnh làm trốc tận gốc rễ cái chủ nghĩa phi nhân tàn ác, tham nhũng này.

Ngoài ra còn biết bao nhiêu vụ việc khác xảy ra hằng ngày làm tổn hại người và vật, hủy diệt môi sinh v.v... đều phát xuất từ cái tâm ô nhiễm của con người.

Trong Kinh Pháp Cú, Đức Phật dạy:

*Tâm dẫn đầu các pháp*

*Tâm làm chủ tâm tạo*

*Nếu với tâm ô nhiễm*

*Nói lên và hành động*

*Khổ não bước theo sau*

*Như xe, chân vật kéo*

Còn ngược lại:

*Nếu với tâm thanh tịnh (hay tâm bình)*

*Nói lên và hành động*

*An lạc bước theo sau*

*Như bóng không rời hình*

Sang năm mới, cũng là thế kỷ mới, hy vọng con người cũng sẽ đổi mới; đổi từ cái tâm ô nhiễm sang cái tâm thanh tịnh để cho thế giới được hòa bình và nhân sinh được an lạc.

## TỬ AU SANG Á

● **ĐỨC** - Hai đảng liên minh đang cầm quyền (SPD + B90/Grüne) đã đi từ thất bại này đến thất bại khác. Trong vòng một năm cầm quyền mà đã bị thua 3 lần bầu cử cấp Tiểu Bang.

Lần 1 tại Tiểu Bang Hessen

Lần 2 tại Tiểu Bang Saarland và Brandenburg

Lần 3 ngày 19.9. tại Tiểu Bang Sachsen

CDU 56,9%

PDS 22,3%

SPD 10,8%

GRÜNE 2,7%

FDP 1,1%



Thủ Tướng Tiểu Bang Kurt Biedenkopf (69 tuổi, CDU) và vợ đang vẫy tay chào dân chúng khi đảng ông đạt được đa số tuyệt đối

Vi không đồng tâm nhất trí trong đường lối lãnh đạo quốc gia cả về mặt đối nội lẫn đối ngoại, nên làm cho dân chúng không còn tin tưởng hai đảng này nữa.

Về đối nội như :

- Giải quyết nạn thất nghiệp (khoảng 4 triệu người)

- Chánh sách tiết kiệm

- Cải tổ y tế

- Thời gian hoạt động của các nhà máy điện nguyên tử

- Hưu bổng

- Việc làm với tiền lương 630 Đức Mã v.v...

Về đối ngoại :

- Tham chiến tại Kosovo

- Bán xe tăng cho Thổ Nhĩ Kỳ v.v...

Thật ra thì những sự khó khăn như thất nghiệp, thâm thủng ngân sách v.v... đều do chính quyền ông Kohl sau 16 năm cầm quyền để lại. Dĩ nhiên chính quyền kế tiếp của ông Schröder phải giải quyết. Nhưng bằng cách nào? Bằng 2 cách:

1/ Chính quyền phải hạn chế tối đa những sự chi tiêu không cần thiết.

2/ hoặc, bắt dân chúng phải thắt lưng buộc bụng bằng cách đánh thuế.

Chính quyền chọn giải pháp thứ hai, nên đụng chạm đến quyền lợi của họ, do đó họ có phản ứng ngay. Ở một đất nước tự do, dân chủ, cái quyền của người dân là lá phiếu bầu cử. Nếu chính quyền làm tốt, họ bỏ phiếu cho tiếp tục. Còn làm không tốt, họ cũng bỏ phiếu nhưng để truất phế.

## ● XUẤT CẢNG VŨ KHÍ

Thổ Nhĩ Kỳ (Türkei) muốn mua của Đức 1.000 chiếc xe tăng loại Leopard 2.A5 loại tối tân nhất thế giới. Hội đồng An ninh Liên Bang (Bundessicherheitsrat), Thủ Tướng Liên Bang, ông Schröder (SPD), Bộ Trưởng Quốc Phòng, ông Scharping (SPD) đều đồng ý và sẽ cho chở sang Thổ trước một chiếc để trải nghiệm về khả năng băng rừng, lội nước, tác xạ v.v... cho chính quyền Thổ xem. Việc buôn bán này không có gì là vi phạm về an ninh cả, vì Thổ là thành viên của NATO.

Nhưng, phát ngôn viên về chính sách quốc phòng, Bà Angelika Beer và ông Reinhold Bütikofer Quản lý viên Liên Bang đảng B90/Grün tuyên bố là không bán xe tăng cho Thổ đến khi nào Thổ không còn vi phạm nhân quyền. Sự chống đối này làm cho sự liên minh hai đảng có thể bị tan rã?

Ngoài ra, có một vài chính trị gia khác thì nói là nếu Đức không bán xe tăng cho Thổ, thì Thổ vẫn mua được của Mỹ hay của Nga, khi đó Đức sẽ bị thiệt mất một số tiền và không giải quyết được nạn thất nghiệp.

Trong năm 1998, những nước xuất cảng vũ khí thâu về một số tiền khổng lồ như sau:

Mỹ	25 tỷ Đức Mã
Pháp	7,6 tỷ "
Nga	2,4 tỷ "
Đức	2 tỷ "



Nước nào mua vũ khí đều cũng bị lệ thuộc không ít thì nhiều vào quốc gia bán vũ khí, vì phải tiếp tục mua những bộ phận thay thế nếu không tự sản xuất được.

Riêng Đức, khách hàng quan trọng nhất là Thổ đã mua 1 tỷ Đức Mã - Hy Lạp (Griechenland) 280 triệu Đức Mã - Nam Hàn 180 triệu, ngoài ra Ấn Độ - Ai Cập - Litauen cũng muốn mua vũ khí tối tân của Đức.

Mỗi lần xuất cảng vũ khí đều phải được sự xác nhận của Hội đồng An ninh Liên Bang là nước đó không có căng thẳng về tình hình chính trị, hoặc không có chiến tranh.

Hiện giờ còn nhiều đơn xin mua vũ khí của Đức, bị ngâm tằm, cho nằm trong hộc tủ từ nhiều năm nay không được cử xét.

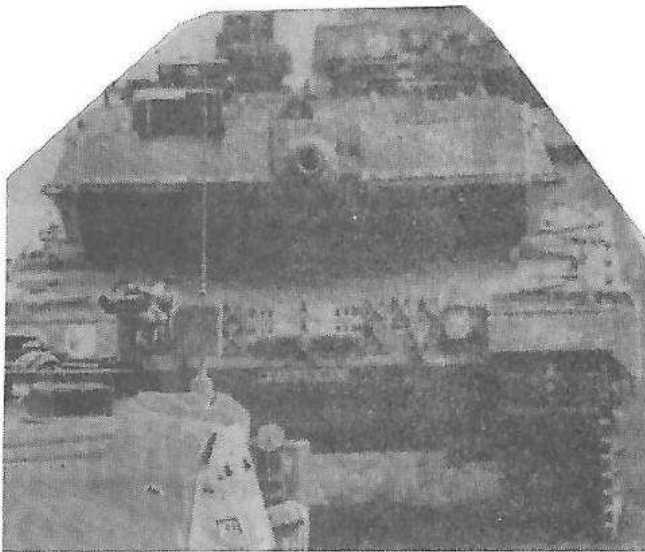
1/- Thổ xin mua 200 xe chuyên chở bọc sắt loại "Fuchs", 145 trực thăng chiến đấu loại "Tiger". Vũ khí - súng phóng lựu - đạn dược v.v...

2/- Arabischen Emirate và Thái Lan xin mua phản lực cơ đã dùng rồi loại "Alpha Jets".

3/- Saudi Arabien xin mua xe tăng loại "Leopard".

Những hãng chế tạo vũ khí chỉ được phép xuất cảng những loại vũ khí nào không nằm trong luật kiểm soát vũ khí chiến tranh của chính quyền.

Riêng việc xuất cảng bán 1.000 xe tăng cho Thổ sẽ bảo đảm cho 6.000 chỗ làm. Do đó dù muốn dù không hai đảng cầm quyền phải đi đến một quyết định chung để giải quyết một phần nào nạn thất nghiệp.



Xe tăng loại Leopard 2.A5 tối tân nhất thế giới. Xe đoàn gồm có 4 người. Trang bị đại bác 120 ly nòng láng (không có khóa,) bắn loại đạn như mũi tên làm cháy tất cả mọi loại thép xe tăng địch. Điều khiển bằng Laser - đi chuyển mọi thời tiết - khả năng tác xạ ngày cũng như đêm. Nặng 55 tấn - 1500 mã lực - tốc độ 70 cây số/giờ.

### ● Bức tường Bá-Linh

Nước Đức thống nhất, bức tường Bá Linh sau 10 năm bị đập bỏ, nhưng cho đến nay bức tường vẫn còn tồn tại trong đầu của người dân cả Đông lẫn Tây Đức!

Sau một cuộc thăm dò ý kiến của cơ quan Forsa, kết quả là một trong 5 người (1/5) dân Tây Đức mong ước bức tường được có trở lại như trước. Riêng ở Đông Đức chỉ có 14% dân còn thích bức tường.

Tại sao có sự kỳ lạ vậy?

1/- Tại vì sau khi thống nhất, người dân Tây Đức phải chịu quá nhiều loại thuế để lấy tiền tái thiết phần đất Đông Đức đã tan nát về mọi mặt sau 50 năm bị Cộng Sản Honecker thống trị.

2/- Còn 14% dân Đông Đức vẫn còn thích bức tường, vì số này là đám tàn dư của đảng Cộng Sản, họ đã quen ăn trên ngồi trước, được hưởng quá nhiều đặc quyền đặc lợi, sống trên xương máu, mồ hôi nước mắt của nhân dân. Bây giờ họ mất tất cả nên họ tiếc, họ muốn sống trở lại thời đại vàng son để tiếp tục thụ hưởng đến ngày khăn gói đi châu Mác-Lê.

### ● Bồi thường nạn nhân

Trong thế chiến thứ hai, Đức Quốc Xã dưới sự lãnh đạo của Hitler đã bắt những người Do Thái cũng như không Do Thái làm việc lao động khổ sai trong các hãng xưởng của Đức để chế tạo vũ khí, quân dụng cung cấp cho nhu cầu chiến trường. Trên 1/2 thế kỷ qua, những người còn sống sót đòi chính quyền Đức phải bồi thường thiệt hại cho họ, mặc dù chính quyền hiện tại không có dính líu gì tới chế độ Hitler cả.

Chính quyền Đức đề cử ông Otto Graf Lambsdorff (FDP) cựu Bộ Trưởng kinh tế dưới triều đại cựu Thủ Tướng Kohl, làm trưởng đoàn điều thuyết. Luật sư phía bên các hãng xưởng Đức đề nghị bồi thường các nạn nhân là 6 tỷ Đức Mã. Nhưng Luật sư Mel Weiss phía nạn nhân chỉ trích gắt gao đề nghị này và cho rằng sự thiệt hại về vật chất lẫn tinh thần của nạn nhân thân chủ ông không thể nào tưởng tượng được, không thể nào bù đắp bằng tiền được.

Tuy nhiên để xoa dịu một phần nào sự khổ đau của nạn nhân cũng như gia đình họ, Luật sư đoàn yêu cầu một số tiền bồi thường là 36 tỷ Đức Mã! Cuộc điều đình và thương thuyết còn đang tiếp diễn.

● **ÁO** : Từ nay đến năm 2005, chính quyền Áo (Austria) sẽ hủy bỏ luật thi hành nghĩa vụ quân sự. Quân đội Áo sẽ gồm có 40.000 người, toàn là lính chuyên nghiệp (Berufsheer) có nghĩa là những người lính này tình nguyện vào quân đội và sẽ phục vụ trong quân đội cho đến ngày về hưu (hiện dịch).

Hiện giờ ở Âu Châu chỉ có quân đội Pháp toàn là lính tình nguyện (hiện dịch). Chính quyền Pháp đã bỏ luật thi hành nghĩa vụ quân sự mấy năm nay rồi. Chính quyền Đức cũng đã có lần thảo luận về vấn đề này nhưng chưa ngã ngũ ra sao.

### ● Tăng giá dầu thô

Ngày 22.9.99, đại diện 11 quốc gia sản xuất dầu (OPEC) họp tại Wien (Áo) đã quyết định việc tăng giá dầu. Bên phía quan khách đại diện có 3 quốc gia không thuộc OPEC là Mexico - Oman và Russland.

Việc tăng giá vàng đen này là một thảm họa cho các nước kỹ nghệ đang phát triển và nhất là những nước ở Á Châu hiện đang cố gắng phục hồi kinh tế sau cuộc khủng hoảng tài chánh vừa qua.

Ba nước sản xuất dầu nhiều nhất chiếm 60% tổng số dầu sản xuất trên thế giới là Saudi Arabien - Kuwait - Venezuela.

Mỗi ngày 5.1.99, giá một thùng dầu thô là 10,68 \$US. Ngày 22.9.99 tăng vọt lên 22,86 \$US/thùng ! (1 thùng/159 lít).

Tại Đức ngày 22.9.99, giá một lít xăng thường không chỉ là 1,629 Đức Mã, qua ngày hôm sau nhảy vọt lên 1,759 Đức Mã! Hiện giờ (1.11.99) giá một lít xăng thường không chỉ là 1,739 Đức Mã! và có chiều hướng tăng lên đến 2 Đức Mã/lít!

● **BRASIL** - Ngày 23.9.99, một mỏ dầu lớn được tìm thấy tại Ba Tây. Trữ lượng dầu khoảng 700 - 800 triệu thùng. Giá thị trường lên đến khoảng 19 tỷ Mỹ kim. Nếu số dầu này được khai thác và bán ra thị trường, hy vọng giá dầu sẽ hạ bớt một phần nào. Tuy nhiên để giữ giá dầu, các nhà sản xuất dầu sẽ buộc Ba Tây phải khai thác theo Quota mà họ ấn định.

● **CHILE** - Chuyện của cựu lãnh tụ độc tài khát máu Pinochet (83 tuổi) nước Chile bị chính quyền Anh quản thúc tại gia ở London năm rồi khi ông qua chữa bệnh, vì tội khủng bố, tra tấn, sát nhân v.v... làm xôn xao dư luận thế giới. Người ủng hộ, kẻ phản đối.

Riêng chính quyền Tây Ban Nha thì chính thức yêu cầu chính quyền Anh cho dẫn độ Pinochet về Tây Ban Nha để đưa ra tòa xét xử về tội giết hại người Tây Ban Nha trong thời gian ông cầm quyền ở Chile.

Ngày 8.10.99, Tòa Anh cho phép dẫn độ tướng Pinochet qua Tây Ban Nha để ra tòa trả lời về tội trạng trên. Luật sư của Pinochet đã đưa đơn phản kháng quyết định của tòa. Thủ tục kiện tụng này sẽ kéo dài trong 2 năm.

Có quan bảo vệ nhân quyền hoan nghênh quyết định của tòa Anh. Trường hợp thực sự mà Pinochet có bị giải giao cho chính quyền Tây Ban Nha, thì cuộc xử tội ông có tính cách tượng trưng để cảnh cáo những tên lãnh tụ độc tài khát máu mà thôi. Còn ông Pinochet 83 tuổi rồi, gần đất xa trời, chắc tòa chỉ xử ông vài năm treo rồi cho ông về để đỡ phải tốn cơm và tốn tiền mua hòm chôn ông nếu ông bị tù giam cũng giống như tòa Tây Đức xử các cựu lãnh tụ đảng Cộng Sản Đông Đức vậy.

Trường hợp Pinochet là tấm gương phản chiếu vào mặt những tên lãnh tụ độc tài khát máu, trong đó có những lãnh tụ đảng Cộng Sản Việt Nam.

### ● **TRUNG QUỐC**

Sau khi nhuộm đỏ Trung Hoa lục địa, ngày 1.10.49, Mao Trạch Đông đã đổi tên nước Tàu là: "Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc" và chính ông ta vừa làm Chủ tịch Nhà Nước vừa Chủ tịch Đảng Cộng Sản Tàu, lấy Bắc Kinh làm thủ đô.

Mao Trạch Đông cho tiến hành cải tạo tận gốc xã hội, trong đó có cuộc Cách mạng Văn hóa làm hàng triệu triệu người bị giết. Mục tiêu của Mao là muốn xây dựng nhanh, mạnh, một nước-Tàu nông nghiệp và thủ công nghiệp thành một nước kỹ nghệ tấn tiến.

Ngày 1.10.1999, để kỷ niệm 50 năm ngày Cộng Sản nắm quyền sinh sát nước Tàu, nhà cầm quyền Bắc Kinh cho tiến hành một cuộc duyệt binh vĩ đại tại công trường Thiên An Môn, nơi mà trước đây 10 năm (1989) nhà cầm quyền Trung Cộng đã tàn sát dã man trên 2.000 người, phần đông là sinh viên biểu tình đòi tự do dân chủ cho

nước Tàu, 10 ngàn binh sĩ tham dự, hàng trăm ngàn người đi xem.

Ngoài ra dân số nước Tàu hiện nay là một tỷ hai trăm triệu người (1,2 tỷ). Tính ra thì cứ 5 người sống trên quả địa cầu này có 1 người Trung Hoa! Vì dân số hiện nay trên thế giới là 6 tỷ người.



Nữ quân nhân của quân đội Trung Quốc trong quân phục màu đỏ, tay cầm súng AK báng xếp, đang di chuyển trước khán đài, mắt nhìn về phía lãnh tụ.

### ● **Công dân thứ 6 tỷ**

Người công dân thứ 6 tỷ được sanh ra 2 phút trước giữa đêm 11 rạng 12.10.1999 tại Sarajevo. Mẹ của bé trai này tên Fatima Nevic, 29 tuổi, rất vui mừng và tự hào được làm mẹ một người thứ 6 tỷ.



Người mẹ đưa con trai thứ 6 tỷ đang tuổi cười nhìn về tương lai.

Ông Koli Annan, Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc trên đường Âu du đã đến chúc mừng gia đình Nevic và bồng em bé.

Thật ra thì khó mà xác định chính xác dân số trên thế giới, vì có những bộ lạc sống sâu trong rừng núi, xa hẳn với thế giới văn minh, khi họ sanh con có khai báo cho ai đâu, do đó làm sao biết được để thống kê. Ngay đến những nước thứ ba còn chậm tiến, những người sống ở miền núi, trong những làng xã xa xôi, họ có khai sanh khi sanh, hoặc khai tử khi chết đâu!



## ● INDONESIA

● **Một trang sử mới được lật qua** - Hơn một năm qua, kể từ khi cựu Tổng Thống độc tài gia đình trị Suharto từ chức, ông Jusuf Habibie Phó Tổng Thống lên thay bố già thì tình hình rất lộn xộn, hầu như không có ngày nào mà sinh viên học sinh không biểu tình đòi bầu cử, vì họ cho rằng chính quyền do J. Habibie đang lãnh đạo là chính quyền Suharto nhưng không có Suharto.

Dưới sức ép của khối Hồi Giáo, cộng thêm tình trạng kinh tế suy sụp sau mấy chục năm dưới sự thống trị của gia đình tướng độc tài Suharto, ngày 20.10.99, Hội đồng Cố vấn Quốc dân đại hội, cơ quan tối cao bảo vệ Hiến Pháp họp để bầu một vị Tổng Thống. Trong cuộc tranh cử gồm có 3 người: ông Abdurrahman Wahid, lãnh tụ Hồi Giáo, theo đường lối cải cách và dân chủ; Bà Megawati Sukarnoputri (con gái cố Tổng Thống Sukarno) mẹ người Nhật cha Nam Dương; và ông Yusril Mahendra, lãnh tụ đảng Bán Nguyệt.

Trước khi bỏ phiếu, ông Y. Mahendra tuyên bố rút lui để ủng hộ ông Wahid. Kết quả ông Abdurrahman Wahid được 347/691 phiếu đa số tuyệt đối đắc cử chức Tổng Thống Nam Dương. Liên sau đó ông đề cử bà Megawati Sukarnoputri làm Phó Tổng Thống. Được biết tân Tổng Thống Wahid đã có một lần bị chứng động kinh (Schlaganfall) nên mắt gần như mù.

Khi làm lễ tuyên thệ nhậm chức, ông tuyên bố là mặc dù bị bệnh nhưng ông vẫn đủ khả năng cùng với bà Megawati đưa dân tộc Nam Dương vượt qua mọi khó khăn hiện tại, hưởng tới tự do dân chủ và thịnh vượng.

Điểm đặc biệt là tướng Wiranto, Bộ Trưởng Quốc Phòng, người có nhiều quyền hành, nắm cả một quân đội và cảnh sát trong tay bị thay thế ngay bởi một người dân sự.

Hy vọng dưới sự lèo lái của cặp bài trùng Wahid-Megawati, Nam Dương sẽ mau chóng phục hồi được nền kinh tế, thoát khỏi cơn khủng hoảng về chính trị. Vì sự ổn định của Nam Dương cũng là sự ổn định của các quốc gia lân cận vùng Đông Nam Á vậy.



Tân Tổng Thống Nam Dương, ông Abdurrahman Wahid.

## ● PAKISTAN

Ngày 12.10.99, tướng Musharraf, Tư lệnh quân đội Pakistan làm một cuộc đảo chánh hạ bệ Thủ Tướng.

Sharif sau khi ông Sharif cách chức ông ta vì tội thiếu khả năng điều khiển quân đội trong các cuộc đụng độ với quân Ấn tại Kaschmir. Ngược lại Musharraf tố cáo Thủ Tướng Sharif là hối mại quyền thế, bao che tham nhũng và nặng nhất là đã đưa 150 triệu dân trong đó có 96% là Hồi Giáo đến bờ vực thảm về kinh tế lẫn chính trị.

Musharraf cho ban bố tình trạng thiết quân luật, bao vây dinh Thủ Tướng, giải tán Quốc Hội, hủy bỏ Hiến Pháp và tuyên bố tự làm Thủ Tướng. Tập đoàn quân phiệt hiện đang nắm quyền và có thể sẽ đi đến độc tài như ở Miến Điện chăng?

Quân đội Ấn được đặt trong tình trạng báo động. Còn Bộ Ngoại Giao Mỹ thì đình chỉ ngay sự trợ giúp chương trình thuốc men cho Pakistan một số tiền là 1,7 triệu Mỹ kim.

## ● BẮC HÀN

● **Chuyện khó tin nhưng có thật** - Kim Song Il, 57 tuổi, Chủ tịch Nhà Nước kiêm Chủ tịch Đảng Cộng Sản



Kim Jong Il - Con quý dò đội lối người.

Bắc Hàn, một trong vài lãnh tụ độc tài còn rơi rớt lại cuối thế kỷ 20, đã gửi 6 trong những tình nhân của ông ta sang Wien, thủ đô Áo, để chỉ học hai điệu nhảy Tango và Walz tại trường dạy khiêu vũ Elmayer.

Trong khi Kim muốn tìm những khoái cảm qua những buổi dạ vũ tại cung đình với những cô tình nhân bị cưỡng bức, thì 23 triệu con dân của

Kim hằng ngày phải ăn rau, ăn cỏ thay cơm!

Thật là vô lương tâm. Người Cộng Sản có óc nhưng không có tim!

## ● DO THÁI - PALESTINE

Theo báo Do Thái tờ "Harretz" tại Jerusalem đăng tin là chính quyền Do Thái sẽ đồng ý cho Palestine thành lập một quốc gia độc lập vào khoảng tháng 2 năm 2000. Tin này được loan đi làm phấn khởi những người yêu chuộng hòa bình. Việc gì đến sẽ phải đến. Cuộc đụng độ triền miên giữa hai phần tử quốc gia cực đoan Do Thái - Palestine chỉ đem đến chết chóc, khổ đau cho cả đôi bên, chỗ không có lợi ích gì cả!

Sự ổn định ở phần đất thánh địa này cũng là sự ổn định của vùng Trung Đông vậy. Liệu ông Arafat, Tổng Thống Palestine và cộng sự viên của ông có đủ khả năng để trấn áp những phần tử quá khích Palestine hàng ngày xuống đường liệng đá, bom xăng, vào khu dân cư Do Thái không? Con đường đi đến hòa bình là thành thật đối thoại, chỗ không phải xào trá đối đầu.

Còn người Kurden thì sao? Một sắc dân gần 10 triệu người mà không có quốc gia, số đông sống nghèo khổ trên miền rừng núi ở khu tứ giác Türkei - Iraq - Iran - Jordan, số còn lại họ sống rải rác khắp Âu Châu. Họ đã và đang tranh đấu từ ôn hòa đến bạo động, để có được một nơi dù là nơi đó đất đai cằn cỗi để thành lập một quốc gia, nhưng dường như các cường quốc đều ngoảnh mặt làm ngơ. Vì vậy ngày nào mà dân Kurden chưa có một quốc gia riêng biệt, cũng như dân Palestine vậy, thì ngày đó vẫn còn bạo động đấu tranh.

## ● HÒA LAN

Hãng máy bay KLM hủy bỏ hầu hết các chuyến bay trong nội địa Âu Châu ngày 31.12.99 rạng ngày 01.01.2000. Lý do vì hành khách sợ không dám đi chuyến đêm giao tiếp giữa hai thế kỷ này. Họ sợ máy điện toán chạy loạn xạ nên việc điều khiển đường bay cũng như lúc cất hoặc hạ cánh sẽ gặp trở ngại nguy hiểm.

Hãy chờ xem.

## ● Một giờ cho trẻ em nghèo (Children's Hour)

Khẩu hiệu này do sáng kiến của cộng đồng quốc tế cứu trợ trẻ em nghèo. Sáng kiến này là số tiền lãnh được giờ cuối cùng của ngày cuối cùng năm 1999 của tất cả những người đi làm không kể chủ nhân và nhân công trên toàn thế giới sẽ ủng hộ vào quỹ cứu trợ trẻ em nghèo ở thế giới thứ ba. Người ta hy vọng là số tiền sẽ thu được khoảng 400 triệu Mỹ kim.

Đây là một nghĩa cử hết sức cao đẹp mà mọi người trên thế giới nên ủng hộ để làm vơi bớt đi sự khổ đau của những trẻ em nghèo trước khi con người bước sang thế kỷ mới.

Đại công ty sản xuất xe hơi VW đã loan báo là ủng hộ nhiệt liệt sáng kiến này.

## ● MỸ

Để chào đón thế kỷ 21, Chủ Sam cho xây dựng một nhà chọc trời cao nhất thế giới tại Chicago Tiểu Bang Illinois. Cao 461 mét (cao hơn nhà chọc trời Sears 18 mét) 112 tầng - 162.000 thước vuông - nhà đậu xe chứa 1.000 chiếc - phí tổn xây dựng 932 triệu Đúc Mã và sẽ được hoàn thành vào năm 2003. Vật liệu toàn thép, kính và bê tông.

Hiện giờ nhà cao nhất thế giới là hai nhà song đôi Petronas tại Kuala-Lumpur (Mã Lai) 445 mét.

## ● VIỆT NAM

**Đường vào ngõ cụt** - Dưới sự cai trị độc tài của Đảng Cộng Sản, bước sang thế kỷ 21 người dân Việt không nhìn thấy ánh sáng cuối đường hầm. Viên ành một nước Việt Nam sẽ trở thành một con Cọp Con với *kinh tế thị trường theo định hướng Xã Hội Chủ Nghĩa* mà ông Lê Đăng Doanh đại diện nhà cầm quyền CSVN thuyết

trình ngày 26.3.99 tại Nhà Văn Hóa Quốc Tế ở Berlin là chuyện mò trăng đáy nước. Tại sao? Tại vì cái thông lọng Định Hướng XHCN nó luôn luôn tìm mọi cách siết cổ nền Kinh Tế Thị Trường. Nhưng cũng nhờ cái định hướng Hồ ly này mà các cấp lãnh đạo đảng mới mau chóng trở thành những tên đại tu bản đồ trên dưới có chục năm!

Sự cách biệt giữa giàu nghèo quá rõ nét khi nhìn vào xã hội Việt Nam hiện nay. Ai giàu? Kè thống trị, những đảng viên cấp lớn, cấp trung và các dây mô rề má. Ai nghèo? Người bị trị, đám dân khổ rách áo ôm.

Những ai sống chết mặc ai. Kè thống trị vẫn sống phè phờ trên xương máu của bao nhiêu triệu người đã hy sinh và những triệu người khác đang bị bắt buộc phải hy sinh.

*... Tất nhiên chỉ có súc vật mỗi quay lưng lại nỗi khổ đau của con người mà chăm lo riêng bộ da của mình (1).*

Thật ra không phải tất cả đảng viên Cộng Sản đều có cùng một bản chất như vậy. Trong số này có những đảng viên lão thành còn một ít lương tri, lúc tuổi trẻ xả thân cứu nước (?), khi thành công không bán nước nuôi thân, không phản bội lại lý tưởng lúc ban đầu, nên họ không chấp nhận chế độ *Đảng Chủ*. Họ công khai vạch trần bộ mặt gian xảo đảng Cộng Sản và đòi hỏi đảng phải thực hiện *Dân Chủ*. Vì chỉ có *Dân Chủ* đất nước mới phát triển được. Họ bị tập đoàn lãnh đạo trù dập, rút đảng tịch, khủng bố tinh thần, bao vây kinh tế, giam lỏng v.v... và v.v...

Họ là ai?

- Trần Độ với "*Đa Nguyên, Đa Đảng*"

- Nguyễn Hộ với "*Lột Xác*"

- Lê Hồng Hà với "*Xây dựng chế độ pháp quyền chứ không phải đảng quyền*".

- Bùi Tín với "*Hoa Xuyên Tuyết*", "*Mặt Thật*" v.v...

- Nguyễn Văn Trấn với "*Viết cho Mẹ và Quốc Hội*"

- Hoàng Minh Chính với "*Mỗi Công dân VN phải được bình đẳng và đất nước phải được Tự Do Dân Chủ*".

- Đỗ Trung Hiếu với "*Những người kháng chiến cũ*" - "*Thống nhất Phật Giáo*"

- Hà Sỹ Phu với "*Đôi điều suy nghĩ của một công dân - Chia tay ý thức hệ - Dắt tay nhau đi dưới tấm biển chỉ đường của ý thức hệ*" v.v...

- Dương Thu Hương với "*Thiên Đường mù*" - "*Tiểu thuyết Vô Đề*" - "*Tiếng vỗ cánh của bầy quạ đen*".

- Vũ Thư Hiên với "*Đêm Giữa Ban Ngày*"

và còn nhiều đảng viên khác đã và đang âm thầm đấu tranh để thực hiện Tự Do Dân Chủ cho đất nước.

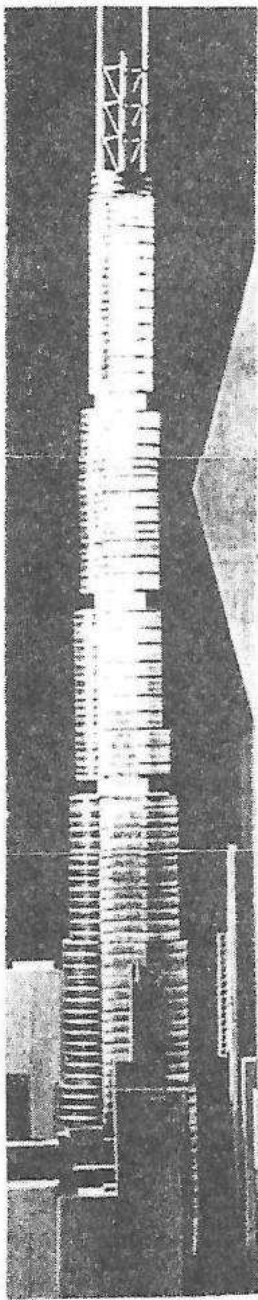
Riêng về những nhà thơ thì có Tiêu Dao Bảo Cự ... và nhất là nhà thơ Bùi Minh Quốc đã phải thốt lên:

*Trọn tuổi xuân ta hiến dâng cuồng nhiệt*

*Lại đúc nên chính cỡ máy này!*

Vậy cỡ máy này nó như thế nào? Tôi xin trích một đoạn sau đây trong bài "*Suy Tư Trước Thềm Năm 2000*" của ông Nguyễn Minh Cần, một cựu đảng viên Cộng Sản đã ly khai đảng và hiện đang sống tại Moskva: ... Đất nước ta cho đến cuối thế kỷ 20 vẫn là một trong những nước nghèo đói nhất thế giới, vẫn là một trong những nước vô quyền nhất thế giới; vì những quyền tự do sơ đẳng của con người, như tự do bầu cử và ứng cử, tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do lập hội, tự do tín ngưỡng v.v... vẫn còn là ước mơ xa vời.

*Nước ta thực tế đang phải sống dưới một chế độ độc tài vô cùng khắc nghiệt, với nền thống trị độc tôn của một*



Nhà chọc trời cao 461 mét.



*đảng duy nhất.* Nói là của một đảng thì cũng chưa đúng hẳn, vì thực tế đó là nền thống trị độc tôn của một nhóm người trong đảng mà thôi. Chính tập đoàn này chớ không phải ai khác, đã phản bội lại cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở nước ta, phản bội quảng đại dân chúng Việt Nam đã đổ xương máu, tính mạng, tài sản, khi tham gia cuộc cách mạng đó. Chính tập đoàn thống trị này, chớ không phải ai khác, đã bội ước, khi vứt bỏ những điều hứa hẹn về dân chủ tự do, về quyền con người mà họ đã hào phóng đưa ra khi bắt đầu kêu gọi dân chúng đứng dưới lá cờ đấu tranh của họ. Chính tập đoàn thống trị này, chớ không ai khác, đã đưa dân tộc và đất nước ta đến tình trạng khốn khổ, tủi nhục như ngày nay.

Điều phủ phàng nhất là sau bao thập niên đấu tranh cực kỳ gian khổ với bao nhiêu hy sinh lớn lao để giải phóng dân tộc, những tưởng thoát khỏi vòng nô lệ của nước ngoài rồi, dân ta sẽ được làm chủ thật sự (2) được làm người tự do, những, oai oăm thay, dân ta lại rơi vào vòng nô lệ của người trong nước, mà "bọn chủ nô" mỗi ngày lại chính là những kẻ đã từng vẫy gọi dân ta theo họ làm "cách mạng giải phóng", rồi bây giờ chính những kẻ này nắm lấy quyền lực, thực sự thụ hưởng thành quả "cách mạng" và lại nhân tâm tước đoạt quyền tự do dân chủ của dân ta! ...

#### ● LỜI KÊU GỌI

Hỡi những người đã từng chiến đấu dưới lá cờ "cách mạng" của đảng cầm quyền hiện nay, đảng tại ngũ hay đã phục viên có đảng tịch hay không có đảng tịch, dù muốn dù không các người cũng có một phần trách nhiệm đối với dân tộc và đất nước. Vì các người đã đóng góp một phần máu, nước mắt và khả năng của mình để tạo nên *cỗ máy này* mà do chính nhà thơ Bùi Minh Quốc đại diện cho thành phần phản tính đã thú nhận.

Thời gian không cho phép các anh chị cũng như chúng tôi, có nghĩa là chúng ta chờ đợi, vì chậm ngày nào đất nước và dân tộc ta sẽ khổ đau thêm ngày đó. Vậy chúng ta hãy cùng bắt tay nhau không phân biệt người bên này hay người bên kia vĩ tuyến; người trong nước hay người ngoài nước, vì chúng ta chỉ có một mục tiêu tối hậu là giải thể chế độ *Phi Nhân - Độc Tài - Đảng Trị* để thay thế bằng một chế độ *Nhân Bản - Tự Do - Dân Chủ*. Một chế độ hợp với tình dân tộc, tình người, mà cũng hợp với xu thế thời đại hiện nay.

Muốn thực hiện được điều này, chúng ta hãy quên đi những lỗi lầm về chính trị trong quá khứ, chấp nhận những dị biệt về đường lối đấu tranh từ cá nhân cho đến Tổ Chức, Hội Đoàn, Đảng Phái... miễn là những cá nhân Tổ Chức, Hội Đoàn, Đảng Phái đó cùng đứng chung với chúng ta trên một chiến tuyến, cùng có một mục tiêu chung là giải thể chế độ Cộng Sản lạc hậu, lỗi thời, đày dân hại nước.

... Cái đau xót lớn nhất của dân tộc ta là trước ngưỡng cửa thế kỷ 21, đất nước ta không được chuẩn bị đầy đủ để có thể lao vào cuộc cạnh tranh khốc liệt để sinh tồn trong tương lai. Làm sao dân tộc ta có thể tiến lên được khi còn bị trói buộc trong xiềng xích của chế độ độc tài đảng trị quá lỗi thời? Làm sao đất nước ta có thể phát triển tốt đẹp được khi người dân không có quyền *Tự Do Dân Chủ*? Mà chỉ có *Dân Chủ* và *Tự Do* mới tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của đất nước (3) ...

Nói tóm lại, để giải quyết bài toán *Quốc Nạn* này, chúng ta phải đồng tâm hiệp lực, có nghĩa là phải *Đoàn Kết*, phải dẫn thân đấu tranh chính trị liên tục bằng nhiều hình thức khác nhau như gửi kiến nghị, đơn yêu cầu,

khiếu nại, tố giác tham nhũng ... Cho đến biểu tình, đình công, bãi khóa, bãi chợ v.v... và v.v... để chống lại bộ phận đầu não bảo thủ nhất trong đảng và nhà cầm quyền bóc lột, tham nhũng, tàn ác hiện nay.

Thế tất thắng sẽ về phía chúng ta, những người bị trị. *Thế kỷ 21 này là thế kỷ của chúng ta, của một dân tộc Việt Nam thật sự Tự Do - Dân Chủ với chan chứa tình người và lượng cả Bao Dung.*

#### ● Gửi tiền về nước

Theo chi nhánh ngân hàng Việt Nam thành Hồ cho biết, thì trong 8 tháng đầu năm 1999, số ngoại tệ Việt kiều gửi về nước qua các ngân hàng thương mại và tổ chức kinh tế riêng tại thành Hồ là 243,6 triệu Mỹ kim, tăng hơn 50% so với cùng kỳ năm 1998 và đây là mức tăng cao nhất trong vòng 3 năm trở lại đây.

Dự đoán đến cuối năm 1999, số tiền có thể đạt đến 400 triệu Mỹ kim, cao nhất từ trước tới nay.

Theo ước tính, mỗi năm Việt kiều ở khắp năm châu gửi tiền về nước qua các ngân hàng khoảng 1,2 tỷ Mỹ kim! Còn một tỷ lệ lớn ngoại tệ được đưa lậu vào dưới nhiều hình thức khác nhau cũng khoảng 800 triệu Mỹ kim. Như vậy, tổng cộng mỗi năm khoảng 2 tỷ Mỹ kim được đưa về Việt Nam nuôi béo tập đoàn lãnh đạo Cộng Sản. Do đó đại gì mà họ từ bỏ chế độ độc tài đảng trị.

#### GIÁ THỊ TRƯỜNG TẠI VIỆT NAM (có giá trị đến 1.11.99)

##### ● Vàng và ngoại tệ

Giá vàng tăng khá mạnh trên cả nước. Giá bán vàng 999,9 ở phía Nam 487.000 - 490.000 đồng/chỉ; ở phía Bắc 492.000 - 500.000 đồng/chỉ. So với cuối tuần trước giá vàng ở Hà Nội tăng 15.000 - 16.000 đồng/chỉ, ở Đà Nẵng tăng 5.000 - 8.000 đồng/chỉ, ở thành Hồ tăng 10.000 - 13.000 đồng/chỉ, Cần Thơ, Long Xuyên tăng 18.000 - 23.000 đồng/chỉ.

Đô-la Mỹ tăng nhẹ. Tỷ giá giao dịch bình quân ở thị trường ngoại tệ liên ngân hàng 13.986 đồng/USD. Giá bán đô-la Mỹ của các ngân hàng thương mại 14.000 đồng/USD.

##### ● Lương thực

Ở một số tỉnh phía Bắc giá lúa gạo giảm 50 - 200 đồng/kg; đồng bằng sông Hồng giá lúa 1.500 - 1.600 đồng/kg, gạo 2.500 - 2.650 đồng/kg, ở thành phố 3.200 - 3.300 đồng/kg. Ở đồng bằng sông Cửu Long giá lúa hè-thu 1.600 - 1.700 đồng/kg, lúa vụ 3 độ ẩm cao 1.450 - 1.500 đồng/kg. Hiện giờ (5.11.99) miền Trung đang bị lụt nặng, do đó giá gạo chắc chắn sẽ tăng gấp 4, 5 lần so với thời giá.

##### ● Vật liệu xây dựng

Xi-măng Hà Tiên 44.000 - 45.000 đồng/bao - Sao Mai, Chinfon 43.000 đồng/bao. Thép 06-8 - 4.300 - 4.400 đồng/Kg. Thép 10-14 - 4.550 đồng/kg.

##### ● LỜI KẾT :

Khi quý vị nhận được tờ báo Xuân này, nhân loại sắp bước sang một năm mới mà cũng là một thế kỷ mới với niềm hy vọng bao la; riêng Người viết xin đốt nén hương lòng, chấp tay nguyện cầu **Thế Giới Hòa Bình, Nhân Sinh An Lạc**, và cũng không quên kính chúc quý độc giả **VIÊN GIÁC** khắp năm châu gặp được nhiều, thật nhiều thuận duyên trong cuộc sống ly hương, dồi dào sức khỏe và đầy đủ nghị lực để tiếp tục dẫn thân trên con đường đấu tranh thực hiện **Tự Do - Dân Chủ** cho đất nước mến yêu của chúng ta.

##### Ghi chú :

- (1) Phim *Hà Nội Dưới Mắt Ai*.
- (2) Người dân chỉ được đảng cho xói đến bội thực "bánh vẽ" về quyền làm chủ tập thể.
- (3) *Suy Tư Trước Thềm Năm 2000* của Nguyễn Minh Cần.



# Diễn Đàn Dân Chủ

## Bài phát biểu của Phạm Hữu Vui, Đại diện Phụ Tá Chủ Tịch Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Hải Ngoại tại Âu Châu, trong cuộc biểu tình trước Sở quán Cộng Sản Việt Nam tại Bonn ngày 2.9.99

Kính thưa ông Lai Thế Hùng, CĐNVQGHN

Kính thưa Ban Tổ Chức cùng các Phái đoàn đến từ các nước thuộc lục địa Âu Châu, Bắc Mỹ, Úc Châu, các đại diện các Hội Đoàn, Tôn Giáo, Báo chí và các quý vị Đồng hương từ khắp mọi miền nước Đức.

Tôi là Phạm Hữu Vui, thay mặt CĐNVQGHN có đôi lời gởi đến quý vị, các bạn cùng các ông các bà trong Tòa Đại Sứ nước CHXHCNVN về thảm cảnh của đất nước ta dưới chế độ độc tài tham nhũng của Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Kính thưa quý vị và các bạn,

Đất nước ta sau hơn 54 năm dưới sự độc tài tham nhũng của CSVN làm cho dân tộc nghèo đói, lạc hậu, đạo đức xã hội bị sa đọa trầm trọng, tôn giáo bị đàn áp, tù đầy v.v...

Kính thưa quý vị và các bạn,

Nhân quyền là khát vọng ngàn đời của dân tộc VN, Tự do tín ngưỡng tôn giáo không thể thiếu được trong nền văn hóa của dân tộc. Tôn giáo đã có từ lâu đời tại Việt Nam, bắt củ trong xã hội Vua, Chúa hay thời đại nào, tôn giáo đóng góp một vai trò quan trọng, bảo vệ và phát huy những giá trị văn hóa của dân tộc, giáo dục con người đi tới cái đẹp, cái thiện mỹ, loại trừ cái độc ác ra khỏi đời sống xã hội.

Đất nước ta từ khi có CS ngoại lai du nhập vào đã áp đặt một cách độc tài cưỡng bức tại Việt Nam, đó là chủ nghĩa thiên đấng mù của CSVN, chủ nghĩa không tưởng, phản khoa học, phản trời đất, bất chấp mọi qui luật phát triển tự nhiên của nhân loại, một chủ nghĩa vô thần đã được CSVN tôn thờ, đánh bóng và áp đặt tại VN, làm cho dân tộc VN nghèo đói, lạc hậu, văn hóa xã hội suy đồi, đạo đức đảo lộn, con giết cha, trò giết thầy v.v... Tôn giáo Việt Nam bị hủy diệt dần mòn. Những người CSVN luôn coi tôn giáo là "kẻ thù không đội trời chung, là thuốc phiện, là độc ác ru ngủ dân tộc..." Thế cho nên CSVN tìm cách tiêu diệt tôn giáo, cấm mọi người tự do tín ngưỡng, gây chia rẽ sự đoàn kết dân tộc, bôi nhọ tôn giáo... Cụ thể nhiều nhà thờ, chùa miếu bị đóng cửa, phá hủy, trường học đạo, tu viện, báo sách dạy kinh thánh truyền đạo bị cấm in ấn phát hành và bị đốt hủy bỏ, chùa miếu, nhà thờ, đất đai bị CS tịch thu biến thành nhà kho vũ khí, có nơi nhốt gia súc, làm trại giam cải tạo... Với chiêu bài chống dị đoan mê tín nhằm che đậy tội ác của mình. Người CSVN còn độc ác hơn nữa, như bắt giam, tù đầy những người đứng đầu Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất như Hòa Thượng Thích Huyền Quang, các vị Sư Thích Không Tánh, Thích Hạnh Đức, Thích Trí Tịnh, và các Tu sĩ Thiên Chúa giáo: Đức Cha Chân Tín, Cha Nguyễn Văn Thịnh, Mai Đức Chương và Phạm Ngọc Liên v.v...

Thưa quý vị, mỗi đây mọi người đều biết Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Viện Trưởng Giáo Hội PGVNTN vẫn đang bị bạo quyền CS Hà Nội giam cầm hơn 20 năm qua, giờ đây Ngài đang bị bệnh trầm trọng, bạo quyền CS Hà Nội không trả tự do cho Ngài (dù Ngài nay đã hơn 85 tuổi) mà không cho ai đến điều trị săn sóc. Trước tình trạng đau thương khẩn cấp này CĐNVQGHN Khu vực Âu Châu cùng với Phong trào yểm trợ quốc nội và Ủy ban Quốc tế vận Nhân quyền Tự do Tôn giáo cho Việt Nam, biểu tình trước Sở quán Hà Nội tại Bonn hôm nay, hãy bằng mọi cách CSVN phải trả tự do tức khắc cho Hòa Thượng Thích Huyền Quang và các vị lãnh đạo tỉnh

thần Tôn giáo cùng các tử nhân chính trị lương tâm khác v.v... Chúng tôi cũng khẩn thiết kêu gọi những đảng viên CS Hà Nội hãy buông gươm trở về với nhân dân, hủy bỏ độc tài đảng trị CS đã áp đặt trên đầu dân tộc gần nửa thế kỷ qua, hãy trở về với Phật với Chúa mà xin tạ lỗi.

Cuối cùng tôi xin cảm ơn các quý vị đã theo dõi và lắng nghe bài phát biểu của tôi, xin quý vị hãy cùng tôi hô to khẩu hiệu:

**Nhân quyền cho Việt Nam**

**Tự do Tôn giáo cho Việt Nam**

**Dân Chủ cho Việt Nam.**

Một lần nữa xin cảm ơn.



● Phạm Hữu Vui

Hauptststr.21

37345 Weilrode - GERMANY

### Nhân quyền, điều chưa bao giờ có ở Việt Nam

● Nguyễn Thị Thúy Loan (Bitburg)

Nhân quyền là những quyền căn bản của con người khi sinh ra trong cộng đồng nhân loại như quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc... nó được thể hiện cụ thể trong 30 điều của Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền, do Liên Hiệp Quốc đưa ra được các nước thành viên chấp thuận. VN sau ngày thống nhất đất nước được công nhận là thành viên của Liên Hiệp Quốc cũng đã ký vào bản cam kết này. Vậy thực tế nhân quyền ở VN hiện nay ra sao?

Như chúng ta đều biết vào ngày 2.9.1945 tại quảng trường Ba Đình - Hà Nội trong Bản Tuyên Ngôn Độc Lập nước của ĐCSVN do ông Hồ Chí Minh đọc có đoạn "... mọi người sinh ra đều bình đẳng, tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong các quyền ấy có quyền được sống và mưu cầu hạnh phúc...". Đó là lời trích trong Bản Tuyên Ngôn Nhân Quyền của nước Mỹ ngày 4.7.1776. Vậy mà từ đó đến nay đã hơn 50 năm trôi qua dưới sự lãnh đạo của đảng CSVN từ ông Hồ Chí Minh cho tới Lê Duẩn, Trường Chinh, Nguyễn Văn Linh, Đỗ Mười và ngày nay là Lê Khả Phiêu, nhân dân hoàn toàn không có tự do bình đẳng. Tất cả các quyền con người tối thiểu nhất trong các văn bản khi ký kết quốc tế chỉ là sự lừa đảo, là chiếc bánh vẽ để câu nhử. Trên thực tế các quyền con người ở VN đều bị đảng CSVN tước đoạt, được ban bố như những của bố thí. Với sự độc tài lãnh đạo của mình, đảng CSVN đã coi thường tất cả, tự cho mình đứng ngoài vòng pháp luật, xem thường các Công ước Quốc tế. Ngăn cấm con người thực hiện những quyền tự do chính đáng của mình. Trong tín ngưỡng họ chiếm chùa, phá nhà thờ, ngăn cản tín đồ hoạt động theo giáo lý, bắt bớ, giam giữ quản thúc Thầy tu, Linh mục và đứng đầu các giáo phái như Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Thích Huyền Quang, v.v...



Trong tư tưởng họ bắt tất cả nhân dân phải theo một hệ tư tưởng "chính thống" đó là tư tưởng của đảng, bắt bỏ giam cầm, xét xử vô nhân đạo với những người có tư tưởng khác chính kiến như các ông Hoàng Minh Chính, Vũ Đình Huỳnh... trong vụ án xét lại chống đảng những năm 1964-1967. Trong ngôn luận báo chí họ bịt mồm, khóa miệng bắt mọi người phải viết và nói cho đảng, theo đảng; Những ai đi ngược lại đều bị bắt bỏ, giam cầm quản thúc như những nhà văn, nhà thơ Trần Dần, Nguyễn Hữu Đang, Lê Đạt... trong vụ Nhân Văn Giai Phẩm những năm 1960. Và gần đây như các ông Hà Sĩ Phu, Lê Hồng Hà, Nguyễn Hộ. Trong tự do mưu cầu hạnh phúc họ cưỡng ép mọi người vào làm ăn tập thể, triệt hạ những người làm ăn tư nhân, cưỡng đoạt tài sản của những người bị coi là địa chủ, là tư sản, tư bản.

Tóm lại tất cả các quyền cơ bản của con người trong cuộc sống đều bị chế độ CSVN tước đoạt, những ai lên tiếng đòi hỏi đều bị bắt bỏ tù đầy. Vậy thử hỏi đảng CSVN đối với nhân dân VN là có công hay tội ác? Vấn đề này chắc khỏi phải bàn cãi nhiều, vì câu trả lời đã được trả lời bằng chính sự hy sinh của biết bao người dân VN trong mấy chục năm qua.

Ngày nay để cho cuộc sống của nhân dân VN được tự do, bình đẳng, nhân quyền được tôn trọng và bảo vệ thì con đường duy nhất là tất cả nhân dân VN phải đứng lên đoàn kết một lòng cùng đấu tranh loại bỏ sự thống trị của chế độ độc tài CS. Cùng nhau bắt tay vào xây dựng một cuộc sống mới tốt đẹp với một chế độ thực sự của dân, vì dân.

Để cho cuộc đấu tranh của dân tộc sớm đến ngày thành công, trách nhiệm của mỗi chúng ta những người VN yêu tự do và công bằng thuộc các Tổ chức và cá nhân trong Cộng đồng người VN tại hải ngoại cần phải phát huy hơn nữa các khả năng và điều kiện của mình trong môi trường tự do, đẩy mạnh các hoạt động đấu tranh nhằm hỗ trợ, cổ vũ và ủng hộ cho các hoạt động đấu tranh của đồng bào trong nước. Chỉ có như vậy chúng ta mới thực sự tạo lên được sức mạnh đủ sức lật đổ sự thống trị của chế độ độc tài CSVN.

## THÔNG CÁO

### ● Thiện Ngọc VÕ THỊ NGA

Theo như báo Việt Nam Dailly News ngày 27.4.1999, ông Nguyễn Hữu Chánh, nhân vật lãnh đạo Chánh Phủ Cách Mạng Việt Nam Tự Do (CPCM/VNTD) và 3 người phụ tá đã bị Cộng Sản Việt Nam (CSVN) bắt ngày 22.4.99. Đây là sự nhầm lẫn, vì đến 22 giờ ngày 29.4.99, các bộ phận truyền thông hoàn toàn mất liên lạc. Theo tờ báo Đông Dương ra tháng 8/99, ông đã có mặt trong việc theo dõi kết quả rải truyền đơn, thả cờ Việt Nam Cộng Hòa bằng những chùm bong bóng bay ngày 19.4.99 tại các điểm Sài Gòn, Cần Thơ, Châu Đốc và Đồng Tháp. Sau đó ông được toán bảo vệ kịp thời đưa ra khỏi khu vực và khẩn cấp di chuyển đến một địa điểm an toàn. Đây là một chặng đường tranh đấu gian nan sau gần 6 tháng hoạt động ở Đông Dương và ông đã trở lại California ngày 18.6.99, và ông Trần Văn Phương cũng đã vượt thoát cuộc bố ráp của công an (CSVN) đã bao vây. Có nhiều người dân đã bị bắt giữ, vì tình nghi có liên quan đến việc rải truyền đơn, trong số đó có bà Trần Thị Huệ và Trần Văn Tý. Và cũng theo báo Đông Dương cho biết, số 21 thành viên của CPCM/VNTD và Liên đảng Việt Nam Tự Do (LĐ/VNTD) đã mất tích và số bị CSVN bắt giữ là Vũ Đức Bình, Chung Khiêu và Lê Văn Minh, riêng ông Lý Ngọc đã bị CSVN sát hại tại Cambodia. Các ông này là những thành viên tham gia hoạt động đấu tranh, xây dựng tự do và dân chủ cho Việt Nam trên căn bản bất bạo động.

Theo lời cáo buộc của CSVN trong cuộc họp báo ngày 18.8.99 tại Hà Nội, về lý do bắt giữ ông Vũ Đức Bình và số thành viên của CPCM/VNTD là những người này mang bom, chất nổ về Việt Nam để phá hoại, khủng bố.

Đó là những lời buộc tội, vu khống hoàn toàn vô căn cứ. Đây chỉ là một phản ứng vội vã và hoang sợ của CSVN trước sự hình thành có ảnh hưởng của Đài phát thanh Việt Nam Tự Do đã được phát về quốc nội ngày 15.8.99 cho đến nay. Được biết hiện nay

CPCM/VNTD được sự giúp đỡ của nhiều nước bạn như Đào Clairview của Úc Đại Lợi là vùng đất hứa của người Việt tỵ nạn chính trị đã được CPCM/VNTD tiếp nhận chủ quyền ngày 30.11.99 vừa qua.

Nhận thấy rằng Đảng CSVN vẫn đi ngược lại khát vọng chung của toàn dân, đã và đang chà đạp nhân quyền, đàn áp tôn giáo, bắt giam người, sát hại, thủ tiêu mất tích v.v...

Do đó qua sự thông báo của ông Nguyễn Hữu Chánh đã tha thiết kêu gọi quý đại diện các Tổ chức đấu tranh, Đoàn thể xã hội, Tôn giáo và Đại diện các cơ quan truyền thông nhiệt thành tiếp tay với các cơ quan Quốc tế Nhân quyền lên án nhà cầm quyền CSVN về hành động độc tài, dùng bạo lực sát hại dân. Toàn bộ hoạt động đấu tranh giải thể chế độ CSVN đã và đang được điều hợp bởi Mặt Trận Dân Tộc Tự Quyết. Mặt Trận đã kết hợp với nhiều tổ chức để đấu tranh chống Cộng Sản. Toàn bộ hoạt động đấu tranh giải thể chế độ Cộng Sản, chủ trương bất bạo động, không gây chiến tranh, khủng bố có thể làm thiệt hại đến sinh mạng của đồng bào, luôn tìm kiếm một giải pháp thích hợp khả thi và nhanh chóng thống nhất cho vấn đề thay đổi chế độ CSVN.

Các biện pháp sử dụng vũ lực hay hoạt động đấu tranh bằng các phương tiện vũ trang của Mặt Trận đều là hình thức tự vệ, bắt buộc để đối kháng với chính sách cai trị hà khắc, độc tài của Đảng và nhà cầm quyền CSVN. Chiến dịch Hòa Bình dưới sự lãnh đạo của Nguyễn Hữu Chánh là một kế hoạch đấu tranh toàn diện và qui mô của Mặt Trận.

Muốn biết thêm chi tiết xin theo dõi Đài phát thanh Việt Nam Tự Do của CPCM/VNTD mỗi ngày phát vào lúc 22 giờ, trên làn sóng 9.930 SW (tiếp theo chương trình Đài Á Châu Tự Do) hoặc liên lạc về RFCN 12755 Brookhurst Street, Suite 104 Garden Grove, CA. 92840. Điện thoại (714) 636.9515 - Fax (714) 636.9513

## Mùa hoa xua



*Mai tôi sẽ về thăm Đà Lạt  
Thăm vườn xua man mát dáng hoa  
Hoa thuở ấy tuyệt mùi hương dạ lý  
Chùm xanh tuổi một thời xanh ủy mị  
Thoảng mỗi lần tôi trộm ghé môi hôn  
Xao xuyến lòng tôi sâu thắm tâm hồn  
Tha thiết mang theo cùng ngày xa đất nước.  
Đà Lạt ơi bao giờ ta lại được  
Mùa hoa đầu thơm trọn vẹn mùi hương ?*

● Nguyễn Văn Cường

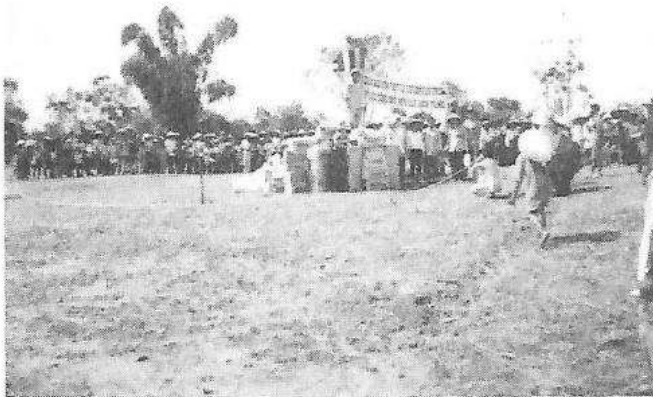
## Ghi nhận về chuyến đi cứu trợ bão lụt vào tháng 11/99 của Ni Sư Diệu Phước - Đại diện Phật tử Đức Quốc



Ủy lạo tại xã Hòa Nhơn, Huyện Hòa Vang, Quảng Nam

Nhờ thông tin nhanh chóng cùng sự giúp đỡ kịp thời của quý vị Phật Tử, cơn bão lịch sử vừa chấm dứt, chúng tôi đã có mặt tại Quảng Nam - Đà Nẵng. Đây là 2 trong bảy tỉnh miền Trung nằm trong cơn bão. Chứng kiến quang cảnh điêu tàn của hai tỉnh này: Đường sá hư hỏng, nhà cửa sụp đổ, tang tóc đói rét đau thương, chúng tôi không sao nên được xúc động.

Bắt đầu vào ngày 11.11 chúng tôi đến các thôn Hòa Phước, Đồng Lan, Kinh Tế Mới thuộc xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang thăm viếng phúng điếu các gia đình có thân nhân chết trong cơn bão lụt và ủy lạo 400 phần quà. Mỗi phần gồm gạo, quần áo, mì gói, thuốc tây, tiền mặt. Xã này có 28 người chết, nhà của bị nước cuốn trôi, hư hại nặng nề.



Ủy lạo tại xã Đại Thạnh, huyện Đại Lộc, Quảng Nam

Ngày 12.11 chúng tôi đến Điện Dương thuộc thị xã Hội An ủy lạo 100 phần quà.

Ngày 13.11 chúng tôi đến các thôn Cẩm Khê, Thanh Hà, Tân An thuộc thị xã Hội An ủy lạo 300 phần quà.

Theo báo chí thống kê, miền Trung đang có 1.400.000 người cần cứu đói. Thật vậy ở những nơi đầu sông cuối huyện, ít người lui tới, bình thường đời sống người nơi địa phương này đã "cơm không đủ no, áo không đủ mặc", nay bão lũ đã cuốn trôi tất cả tài sản, nhân mạng người dân, lúa thì đang sùng nước chết rũ ngoài đồng, chưa kịp hoàn hồn lại phập phồng lo sợ cơn lụt 23.10 âm lịch hàng năm dâng lên. Những nơi báo chí lên tiếng thì được mọi người quan tâm đến, còn đa số những vùng sâu vùng xa thì ít được cứu trợ. Ở những nơi này 1 kg gạo cũng quý, 1 bộ đồ cũ cũng cần, 1 chai dầu cũng mừng.

Tiếp đến ngày 14.11 chúng tôi đến xã Hòa Nhơn - Hòa Vang ủy lạo 400 phần quà.

Ngày 15.11 đến xã Đại Thạnh huyện Đại Lộc ủy lạo 300 phần quà.

Ngày 16.11 về Duy Xuyên ủy lạo 170 phần quà, ở đây mỗi phần chỉ còn mì gói và tiền mặt.

Ngày 17.11 trên đường về Sài Gòn, chúng tôi gặp từng đoàn xe căng biểu ngữ cứu trợ, trước tấm lòng tương thân tương trợ của mọi người, chúng tôi cảm thấy vui mừng, quên hết mệt mỏi. Thật là "Của tuy tở tóc, nghĩa so nghìn trùng".

Chuyến đi này, do Ni Sư trụ trì chùa Linh Thủ Berlin, nhân dịp về thăm quê hương gặp cảnh thiên tai, đã hưởng dẫn đoàn đi cứu trợ. Số phẩm vật trong chuyến đi này gồm có 15 tấn gạo, 1.100 phần thuốc Tây, 1.100 phần quần áo cũ và mới, 260.000 gói mì và tiền mặt. Tổng trị giá 120.000.000đ. Đây là sự đóng góp ủng hộ của quý vị Kiều bào Phật Tử Việt Nam tại Đức (80.000.000), Phật Tử chùa Bảo Vân-Việt Nam, Anh Cường Phật Tử Canada, Cơ sở dệt Thuận Hưng. Chúng tôi thay mặt đồng bào bão lụt cảm niệm công ơn quý vị.

Thời gian gần đây, trên thế giới liên tiếp xảy ra những sự cố như động đất ở Đài Loan, Thổ Nhĩ Kỳ; bão lụt ở Pháp, Ấn Độ, Việt Nam; sạt lở ở Brazil... Con người bất ngờ trước những sự kiện "họa vô đôn chí" và hoang mang cho số phận ở tương lai. Trước cộng nghiệp đau khổ này, chúng tôi chỉ xin ghi lại lời của các bậc Tôn Đức dạy chúng ta nên chí thành cầu nguyện cho nghiệp lực của chúng sanh tiêu trừ, cũng như dành dụm đóng góp san sẻ cho những đồng bào bất hạnh, thể hiện tinh thần bác ái của xã hội, phát huy tính tử bi nhân bản trong giáo lý Phật đà.

### ● Những chuyện đau lòng

Gia đình anh Trần Hoàng ở xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang có 4 người. Vào đêm ngày 3/11 nước dâng lên cao, mực nước cao dần từ 2m rồi 3m. Không còn cách nào thoát thân, cả nhà phải trèo lên mái tôn để lánh nạn. Những dòng nước kia cứ dâng lên, dâng lên từng đợt, ngôi nhà bé nhỏ kia như không đủ sức chống chọi lại, thế rồi một dòng nước khác ập đến và cuốn trôi cả mái tôn, nơi trú ẩn cuối cùng của gia đình anh. Đứa bé vừa lên 5, con của anh Hoàng chụp được ngọn bạc hà (loại cây để làm giấy hoặc tinh dầu) lác lủ theo dòng nước cuộn chảy, anh lao đến ôm con bơi vào bờ thì trong lúc đó anh thoáng nghe bên tai tiếng "Anh ơi! cứu em với!", nhưng nào ngờ đó lại là tiếng kêu cuối cùng của vợ anh. Ngoái nhìn sau lưng anh không còn thấy chị và đứa con trai 15 tuổi của mình đâu cả, có hết sức anh mới đưa được con lên bờ và chạy vào rừng... Giờ đây anh phải ngậm ngùi chôn 2 mẹ con chị lại chân đồi. Từ nay chị đã nằm yên nơi đây và sẽ không còn hải hùng lo sợ điều gì nữa. Chính quyền nơi đây vừa cho anh 10 tấm tôn để lợp lại mái nhà cho 2 cha con. Và bên trong căn nhà là một bàn thờ vừa mới lập với 2 lư hương. Ngày ngày anh bước ra cửa nhìn về phía bên kia chân đồi, nơi mà vợ con anh đang yên giấc ngàn thu. Mấy ngày gần đây có vài đoàn ủy lạo ghé qua ngôi nhà tang tóc ấy thấp cho chị nén nhang, phúng điếu và chia buồn cùng anh.

Gia đình anh Phan Qua có 5 người cũng ở xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang. Đêm hôm ấy cơn bão hung hãn ập xuống nhà anh, gia đình tan tác. Anh trôi giạt vào đám mía được bà con cứu sống. Tình cơn ác mộng, nhà cửa không còn gì cả, 2 đứa bé gái ngoan ngoan cùng thằng con trai nghịch ngợm của anh đã được bà con đưa xác về, còn vợ anh không biết trôi giạt nơi nào. Lo cho con xong, 7 ngày sau anh được báo tin vợ anh trôi xuống Sơn Trà và được bà con chôn cất tử tế, anh tìm đến đem áo quan chị về Hòa Phú chôn gần 3 đứa con. Anh lợp mái che, xếp gạch làm bàn thờ đặt 4 bát nhang và bắt một cái ghế dài nằm cạnh mẹ con chị. Khách qua đường nghe chuyện, len lỏi vào xóm nhỏ tìm đến tận nhà anh. Anh bảo "Tui không còn gì nữa cả, không còn ai ở với tui!". Người đàn ông có đôn đúng đó, đôi mắt không hồn khổ đau nhìn vào khoảng không vô tận; thấp cho chị nén nhang, an ủi anh xong chúng tôi lặng lẽ ra về nước mắt dâng tràn mi, cảm nhận lê vô thường. (Như Giác)

### Nỗi đau không của riêng ai

Trên mảnh đất thân yêu hình cong như chữ S. Lại một lần nữa chịu cảnh tang thương, chết chóc, bao nhiêu người dân trong



chốc lát bỗng rơi vào cảnh không nhà cửa, đói lạnh, bởi trận hồng thủy tàn khốc vừa qua đã nhận chìm 7 tỉnh miền Trung trong biển nước. Hẳn trong mấy ngày này những người con xa Tổ quốc đang đau xót hướng về đất mẹ thân yêu với nỗi đau vô xé tâm can.

Các dây đất miền Trung nhỏ hẹp quê tôi, vốn đã nghèo nàn từ bao đời nay, thời tiết luôn khắc nghiệt, mùa khô chỉ có nắng và gió, nắng như thiêu đốt con người và cảnh vật, kèm theo những cơn gió Lào thổi đến cú như xát muối vào mặt, mưa xuống thì lũ tràn về ngập trắng như biển đông, để có được cái ăn cái mặc qua ngày, đoạn tháng không phải là chuyện dễ, họ phải bán mặt cho đất, bán lưng cho trời, vất vả suốt năm chất chiu dành dụm được chút ít trang bị những thứ cần thiết trong gia đình thì nay trắng tay, bởi chỉ trong chốc lát lũ về cuốn sạch, cái nghèo cái khổ vốn là bạn đồng hành của đời họ, những tai ương cứ liên tiếp giáng xuống mà sức chịu đựng của con người thì có hạn.

Chỉ vòn vẹn có 2 ngày mà cơn lũ tàn khốc chưa từng có từ trước tới nay đã làm cho 7 tỉnh miền Trung có hàng ngàn ngôi nhà bị sụp đổ, hàng ngàn người chết, trong đó có hơn 70 em học sinh không còn được cắp sách đến trường, gây thiệt hại đáng kể về người và của. Mạng lưới giao thông bị tê liệt nhiều nơi, tuyến đường Đà Nẵng-Huế bị chia cắt bởi đoạn đường đèo Hải Vân sạt lở nghiêm trọng, vùng ngập lũ hoàn toàn bị cô lập vì mạng lưới viễn thông bị hư hại nhiều nơi, việc liên lạc rất khó khăn, thuyền cứu hộ không đến kịp vì lũ lên ban đêm nhanh quá, bất ngờ quá, nhiều nhà tử trước đến nay chưa hề có lũ vào nhà, mà nay nửa đêm nước tràn vào trở tay không kịp, cái đói cái rét trong những ngày này là điều không tránh khỏi.

Chùa Hương Sơn chúng tôi may mắn nằm trên mảnh đất cao hơn, nhờ vậy mà ngay khi nước lũ đang lớn, Thầy tôi chúng tôi tất bật đến với họ bằng những nắm cơm vắt, dưa muối lột da, nhìn những khuôn mặt nhàn nheo, những bàn tay run rẩy vì giá lạnh của các cụ già, nhận phần quà từ tay chúng tôi mà khóe mắt rưng rưng đôi dòng lệ. Những trẻ thơ trong manh áo mỏng manh không đủ ấm, làm cho đôi môi của chúng thâm tím củ run lên bần bật theo nhịp thở, trên khuôn mặt ngây thơ của các cháu nổi khiếp sợ còn in trên mắt. Nỗi bi thương thống thiết này bút mực nào tả xiết, có bao nhiêu cảnh ngộ làm người nghe phải tủi lòng. Một phụ nữ năm ngoài sáu mươi chồng vắng mặt hơn tất cả nỗi đau, đau vì mất con, vì không có tiền chôn cất, người mẹ ấy bỏ quanh xác con kêu gào thảm thiết, thường cho số phận của con, lúc sống ăn đói mặc rách, thiếu thốn khôn cùng. Khi lũ lớn về em trượt chân bị nước cuốn chết, mới 11 tuổi đầu làm gì nên tội, mà em sớm nhận lãnh những bất hạnh lớn lao vậy. Nỗi đau này không chỉ riêng ai, chúng tôi cũng những người chung quanh quên góp lo cho em một cách vội vàng vì sợ nước tràn về. Còn bao nhiêu chuyện đau lòng nữa.

Một người đàn ông nghe tiếng kêu thất thanh của hàng xóm vội chạy đến tiếp cứu, rùi thay chưa kịp cứu người, bỗng đứng cọt điện cao thế ngã đè thân anh chết không kịp trở.

Có một phụ nữ chuyển dạ sanh con một mình, con chết ngay thờ, chồng thì mãi lo đi cứu bà con chòm xóm không hay, khi về chỉ biết ôm đầu mà khóc. Còn bao nhiêu đứa trẻ bất hạnh chào đời trong cơn lũ lên cao điểm, đã vĩnh viễn rời xa bố mẹ.

Bên bờ hai dòng sông Thu Bồn Vu Gia, những đêm trắng về êm đềm lặng lẽ nên thơ, mà nay lũ về bỗng trở nên hung tợn gào thét như một tên đao phủ, đã nhận chìm bao nhiêu người ở đây. Có một phụ nữ thuyền cứu hộ đến, chị chỉ kịp đưa 3 con nhỏ vào thuyền, chậm chân một chút, chị đã bị nước lũ mang cát lấp cao quá ngực. Chị lặng lẽ nhìn theo con rồi tử tử nhắm mắt.

Hôm nay trước căn nhà của chị lòng tôi quặn đau, tìm tôi như se thắt lại không nói nên lời, cổ họng tôi đã khàn đặc từ lúc nào, một chút gì mẫn mẫn thấm bờ môi, hình như tôi đã khóc.

Mấy ngày nay chúng tôi đã kịp thời đến với họ bằng những bịch gạo ít ỏi, những chai nước tương, dầu hỏa, mì ăn liền, những bịch quần áo cũ, tuy nhỏ nhoi nhưng cũng giúp họ chống lại cái đói, cái rét trong lúc này, càng đi nhiều càng nghe, càng thấy, những cảnh tượng đau lòng cứ chập chờn theo tôi vào giấc ngủ, tôi trần trụi hàng đêm thao thức, nghĩ suy phải làm gì,

đây để giúp đồng bào giữa lúc này, để khắc phục hậu quả thiên tai, ổn định cuộc sống thấp nhất. Trong khi tài lực vật lực của chúng tôi có hạn và đã cạn kiệt. Miền Trung nói chung, quê hương tôi Quảng Nam-Đà Nẵng nói riêng mong đón nhận những tấm lòng vàng từ khắp mọi miền trong và ngoài nước, chia sẻ cùng chúng tôi những đau thương mất mát lớn lao này. May mắn thay cho đồng bào chúng tôi đã được Ni Sư Diệu Phước chùa Linh Thủ Đức Quốc, đại diện chư Phật Tử hải ngoại, và các Sư Cô chùa Bảo Vân, cùng về trong dịp này. Quý Sư đã giang rộng đôi tay đỡ lấy chúng tôi, được tiếp thêm sức mạnh cả vật chất lẫn tinh thần, bởi người dân quê tôi luôn mong đón nhận những phần quà từ tay các Sư trong lúc này thật quý hóa biết bao, lòng tôi sung sướng không sao kể xiết, và cũng trào dâng niềm vui ngùi thương cảm. Bốn câu thơ cảm hứng xin tặng Sư:

*Tôi về đất mẹ quê tôi  
Bao năm lúu luyến không rời là đây  
Gặp người tay lại cầm tay  
Nhìn nhau không nói mà cay cay lòng*

Thật vậy, gặp nhau trong hoàn cảnh như thế này, còn lời nào để nói, chúng tôi đã sát cánh bên nhau bằng những hành động thiết thực, ngô hầu giảm bớt nỗi cay đắng trong lòng mỗi người. Chúng tôi đã đến những nơi cần đến, mặc mưa gió, lầy lội, các Sư đã không ngại những nơi xa xôi, có lúc phải đứng xe đi bằng phương tiện tự có cả tiếng đồng hồ. Họ đã đứng dưới mưa chờ đợi chúng tôi từ sáng tinh mơ, mãi đến hơn 11 giờ chúng tôi mới đến được địa điểm, bởi đường sá sau lũ lụt bị ngập bùn lầy lội, mặc dù chúng tôi khởi hành từ lúc 5g30, chúng tôi đi bằng mọi thủ phương tiện, xe, thuyền, ca-nô, đồ ngang, đồ dọc, kể cả xe bò, có nơi các Sư phải lội hàng 3, 4 cây số, đến trực tiếp những ngôi nhà sụp đổ. Họ nhìn chúng tôi như muốn reo lên vì sung sướng, nào Điện Bàn, Hòa Vang, Hòa Quý, Hòa Phú, Duy Xuyên, Đại Lộc, trong lòng những người dân ở đây hình bóng các Sư khó phai nhòa.

Tôi xin dành trọn lời nguyện cầu, mong các Sư đại duyên, đại lực để thực hiện hạnh nguyện của Bồ Tát luôn ban vui cứu khổ cho chúng sanh.

**(Diệu Nguyên)**



Ủy lạo tại xã Điện Dường, Hội An, Quảng Nam

**Thích Như Thanh**  
**Quận Bình Thạnh. TP/HCM - Việt Nam**

Kính gửi : Thượng Tọa Thích Như Điển  
Pagoda VIÊN GIÁC. Karlsruhe - GERMANY

Nam Mô A Di Đà Phật  
Kính bạch Thầy,  
Lời đầu tiên chúng con thành kính chúc Thầy được dồi dào sức khỏe.  
Kính bạch Thầy,  
Mưa lũ vừa qua và sự thiệt hại của nó, về tài sản, nhân mạng ở 7 tỉnh Miền Trung nói chung, thì chắc rằng Thầy đã biết qua thông tin, báo chí, truyền hình. Nay theo yêu cầu của Thầy, con

xin sơ kết sự cố trầm trọng mà bà con quê mình đã phải gánh chịu.

Từ 1 đến 3.11.99 lượng mưa ở Huế dâng đến 1.000 mm, ở Nội Thành 2.118 mm. Lượng mưa trong 24 giờ (19h02-19h03) đến 918 mm. Theo các báo chí đưa tin. Đây là lượng mưa chưa từng có trong lịch sử Việt Nam. Các tỉnh từ Quảng Bình - Bình Định lượng mưa từ 100 mm - 1000 mm.

Về sự thiệt hại tính từ 6.11.99 :

- 1/ Quảng Trị 41 người chết, 8 người mất tích
- 2/ Quảng Bình 15 người chết
- 3/ Thừa Thiên-Huế 341 người chết, 41 người mất tích
- 4/ Đà Nẵng 28 người chết
- 5/ Quảng Nam 47 người chết
- 6/ Quảng Ngãi 26 người chết, 12 người mất tích
- 7/ Phú Yên 5 người chết, 1 người mất tích.

Riêng trong 26 người chết ở Quảng Ngãi có 12 người chết do bị đất sập lở đèo Ta Man xã Sơn Đông huyện Sơn Tây.

Tính đến 15/11 tổng số thiệt hại về nhân mạng:

- 613 người chết, 30 người mất tích
- 41.866m<sup>2</sup> Trường học, Y tế bị hư sập.

Tổng thiệt hại về tài sản là 3.313 tỷ đồng Việt Nam

Về công việc ủy lạo của chúng con từ ngày 13-14.11. Bạch Thầy, vì không nhân danh hội đoàn hay tổ chức, nên công việc tập trung dân rất là khó. Vì vậy số quà chúng con phải phân bổ cho các đơn vị địa phương cấp phát cho bà con tại chỗ, ngay sau khi chúng con phân phối. Huyện Đại Lộc gồm có các đơn vị: Thôn Lộc Nghĩa, Phường Trung, xã Đại Lãnh, Tú



Hiệp, Hà Tân, Tây An Tĩnh Đông Tây, Đức Đông xã Đại Hồng, Đông Phước. Đơn vị Duy Xuyên, Duy Trung, Duy Hải. Đặc biệt ở Đại Lãnh có 7 gia đình có người chết đang khó khăn, chúng con biểu riêng mỗi gia đình 100.000 đồng. Tuy số lượng quà tặng không là bao so với sự mất mát của đồng bào. Nhưng đây chỉ thể hiện tình thân tưởng thân, an ủi và xẻ chia sự đau thương mất mát trong giai đoạn ngặt nghèo nhất. Đến hôm nay thì đời sống của bà con đã được ổn định trên 7 tỉnh miền Trung. Tuy nhiên mầm mống dịch bệnh cũng đang xảy ra đến mức báo động. Và điều thương tâm là hiện nay các em học sinh nghèo Tiểu Học ở các vùng quê đất thấp, trường lớp hư sập, các dụng cụ học sinh bị cuốn trôi... Đợt này chúng con dự tính mua sắm tập vở, viết v.v... đem về cho và nếu có tiền mặt nữa thì các em cũng đỡ phần khó.

Kính bạch Thầy,

Chương trình vận động cứu trợ đợt 2 này. Thầy hoan hỷ dành cho chúng con một phần. Chúng con chờ Thầy cho để bổ sung đi về chung một chuyến cuối phân phát cho các em học sinh nghèo. Lạy Phật gia hộ Thầy được khỏe mạnh an lành, chúng sanh dị độ.

Sài Gòn 22.11.99. Con: Như Thanh

## Tin mới nhất về quyền tị nạn

**Lời Tòa Soạn:** Qua cuộc hội của Bộ Trưởng và Thống Đốc Nội Vụ các Tiểu Bang ngày 18 và 19.11.99 tại Görlitz để thảo luận về quyền cư trú cho người xin tỵ nạn sống lâu năm tại Đức, những người Việt Nam đang xin tỵ nạn rất xôn xao, muốn biết rõ coi mình hiện đang nằm trong diện nào? Được ở lại hay bị trục xuất?

Để giải đáp một phần nào các thắc mắc trên, Ủy Viên Xã Hội và Sinh Hoạt Cộng Đồng Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Đức chuyển ngữ nguyên văn Quyết Định này để quý vị tham khảo.

### QUYẾT ĐỊNH CỦA PHIÊN HỌP THỦ 159 CUỘC HỘI ĐÀM THƯỜNG TRỰC BỘ TRƯỞNG VÀ THỐNG ĐỐC NỘI VỤ CÁC TIỂU BANG VÀO NHỮNG NGÀY 18 VÀ 19 THÁNG 11 NĂM 1999 TẠI GÖRLITZ

**Đề tài 12:** Quyền cư trú cho người xin tỵ nạn sống lâu năm tại Đức.

#### QUYẾT ĐỊNH

I.

1/ Các Bộ Trưởng và Thống Đốc Nội Vụ các Tiểu Bang chào mừng những quyết định của Hội đồng Cố vấn Âu Châu từ Tamperec và yêu cầu chóng điều hòa quyền tỵ nạn trong khối Liên minh Âu châu về việc phân phối gánh nặng một cách hợp lý.

2/ Người tỵ nạn Kosovo có thể được nhanh chóng trả về nước. Cuộc hội đàm Bộ Trưởng Nội Vụ chào mừng bản báo cáo thường thuyết với UNMIK do ông Bộ Trưởng Nội Vụ liên bang gửi đến và biên bản những quy định thỏa thuận. Các Bộ Trưởng và Thống Đốc Nội Vụ đặt ra tức khắc những điều kiện để có thể đưa một số lớn những người Kosovo-Albaner trở về nguyên quán trong đầu năm tới. Việc này phải được kết thúc cụ thể trong năm tới.

3/ Sự cư trú của những người xin tỵ nạn đã bị bác đơn phải được chấm dứt cụ thể. Vì toàn bộ thời gian lâu dài của thủ tục qua những khó khăn trong việc trả về nguyên quán vì vấn đề thiếu giấy tờ hay sự từ chối của nguyên quán không chịu nhận công dân của họ nên sự trả về nguyên quán thành phần nói trên trong nhiều trường hợp không thể thực hiện được.

Một tổ làm việc trên bình diện nhà nước sẽ được lập ra để soạn thảo những đề nghị giải quyết những vấn đề này.

II.

1/ Mặt khác các Bộ Trưởng và Thống Đốc Nội Vụ của Liên Bang và Tiểu Bang đã nhất trí rằng việc trả về nguyên quán những người ngoại quốc không có quyền cư trú trong khuôn khổ Luật Ngoại Kiều và Luật Tỵ Nạn cho phép phải được cụ thể thực hiện. Liên quan đến con số người xin tỵ nạn từ trước cho đến nay càng cao, họ rời bỏ quê hương để đến Đức vì những lý do kinh tế và không phải vì một sự đe dọa truy nã chính trị, các Bộ Trưởng Nội Vụ khẳng định rằng những



người xin tỵ nạn không có lý do chính đáng sẽ không được phép hưởng sự cư trú lâu dài trên lãnh thổ liên bang Đức.

2/ Trong những trường hợp đặc biệt riêng, khi gia đình hoặc người sống một mình với con cái đã cư trú và hòa mình thực tế từ lâu vào cuộc sống ở nước Đức dựa trên cơ sở luật pháp trước ngày 1 tháng 7 năm 1993, trường hợp này đưa đến những khó khăn không tránh được. Qua sự kiện này, một quyết định của cuộc hội đàm thường trực Bộ Trưởng và Thống Đốc Nội Vụ các Tiểu Bang ngày 29.3.1996 về những kỳ hạn đã nêu trong các điểm 3.1 và 3.5 sẽ được tiếp tục biên soạn thích ứng dựa trên cơ sở của điều 32 Luật Ngoại Kiều.

3/ Những tiêu chuẩn sau đây có giá trị trong phần chi tiết:

3.1 Những gia đình xin tỵ nạn và những người xin diện bị xua đuổi đã bị bác đơn với một hoặc nhiều trẻ em dưới tuổi vị thành niên có thể hưởng sự cư trú tiếp tục trong lãnh thổ Liên Bang Đức khi họ đến Đức trước ngày 01.07.1993, họ phải sống liên tục trong lãnh thổ Liên Bang Đức và đã tự hòa mình trong trật tự kinh tế, xã hội và pháp luật tại đây. Nhưng họ phải có ít nhất một đứa con dưới tuổi vị thành niên cùng sống chung trong hộ gia đình, đứa trẻ này đã cùng sống chung trong hộ kể từ ngày 01.07.1993 hoặc sanh tại Đức. Những trẻ em đã trưởng thành trong thời gian cư trú tại Đức cũng có thể được đưa vào trong quy định, khi chúng đang đi học để lấy bằng tốt nghiệp học nghề hay học văn hóa được công nhận hoặc đã hành nghề rồi.

Quy định này cũng có giá trị cho những thành phần, mặc dầu đón xin tỵ nạn của họ vì những lý do không chính đáng của họ, nhưng họ lại không thể rời khỏi nước Đức được. Nhưng việc ở lại nước Đức sẽ không được, khi vấn đề chấm dứt cư trú đã bị chính họ cố tình kéo dài ra (thí dụ như họ tự làm mất thông hành, không biết quốc tịch, trì hoãn nộp đơn tỵ nạn, tái xin tỵ nạn nhiều lần, đi khám bệnh).

3.2 Sự cư trú tiếp tục sẽ được cấp và gia hạn một phép cư trú diện Aufenthaltserlaubnis cho mỗi lần cấp và gia hạn là hai năm. Kể cả việc cấp cũng như mỗi lần gia hạn phép cư trú diện Aufenthaltserlaubnis, việc này đặt điều kiện là ngoài bốn phạm phải có thông hành họ còn phải xuất trình chứng minh và sự tiếp tục duy trì những điều kiện hội nhập sau đây vào ngày 19.11.1999:

a) Sự nuôi sống gia đình bao gồm bảo hiểm sức khỏe phải được đảm bảo bằng công ăn việc làm hợp pháp không có sự giúp đỡ thêm của xã hội.

b) Những trường hợp ngoại lệ có thể được kể là những trường hợp khó khăn đặc biệt:

- đang theo học một nghề được công nhận,
- những gia đình ngoại quốc có con cái, họ phải tạm thời cần đến sự giúp đỡ thêm cho cuộc sống cũng như
- người sống một mình với những con nhỏ, khi họ không thể nhận việc làm được chiếu theo điều 18 khoản 3 BSHG (Bundessozialhilfe Gesetz - luật liên bang về trợ cấp xã hội)
- những người mất sức lao động, sự nuôi sống họ bao gồm sự chăm nom và nuôi dưỡng cần thiết khác phải được đảm bảo lâu dài không cần đến khả năng giúp đỡ của công cộng mà từ việc đóng tiền bảo hiểm sức khỏe của chính họ.

b) Gia đình phải có đủ phòng ốc để cư ngụ.

c) Những trẻ em đến tuổi đi học phải thực thi bốn phạm cấp sách đến trường.

d) Không có những lý do trục xuất theo điều 46 số 1 đến 4 và điều 47 luật ngoại kiều. Việc vào nước bất hợp pháp và cư trú bất hợp pháp ngắn hạn (ba tháng) không nguy hại.

e) Người ngoại quốc trong suốt thời gian cư trú tại Đức đã không có những hành vi phạm pháp cố ý. Bị phạt tiền cho đến 50 ngày tiền có thể không tính đến.

Việc thất nghiệp không do lỗi mình không cản trở việc gia hạn.

3.3 Ở những đôi vợ chồng thì việc đoàn tụ gia đình bị giới hạn ở thời điểm kết hôn. Ngoài ra không có diện xin đoàn tụ gia đình theo điều 22 luật ngoại kiều.

3.4 Những thân nhân gia đình được xem là thành phần cho một quyết định về trường hợp cũ phải tự quyết định trong khoản kỳ hạn do Sở Ngoại Kiều đặt ra lâu nhất là 6 tuần.

- liệu họ đang còn tiếp tục các thủ tục hành chính liên quan đến việc tỵ nạn, luật ngoại kiều và luật dành cho những người bị xua đuổi hoặc các thủ tục tòa án khác, hoặc

- liệu họ có muốn nộp đơn xin tiếp tục cư trú theo quy định về trường hợp cũ. Trong trường hợp này tất cả những thân nhân trong gia đình trong khoảng kỳ hạn phải làm đơn xin rút lại để chấm dứt mọi thủ tục đang chờ xử xét.

3.5 Những quy định trên có giá trị tương ứng cho những người sống một mình hoặc vợ chồng không có con cái, khi họ đến Đức trước ngày 01.01.1990. Điều này cũng có giá trị, khi họ trước đây đã có cư trú ở vùng Đông Đức cũ.

3.6 Các Bộ Trưởng và Thống Đốc Nội Vụ của Liên Bang và các Tiểu Bang xác định giải quyết tình trạng quyết định khác biệt của cuộc hội đàm Bộ Trưởng Nội Vụ về việc trả về nguyên quán những người tỵ nạn chiến tranh trước đây từ Bosnien và Herzegowine kể cả tình hình tại chỗ cũng như ích lợi của những đường sự liên hệ. Từ lý do đó, những công dân Bosnien và Herzegowine không được hưởng quyền cư trú dựa trên cơ sở của quyết định này.

3.7 Mặt khác các Bộ Trưởng Nội Vụ đã nhất trí rằng quy định này dựa vào quyết định ngày 29.03.1996 như trước đây không có giá trị cho những công dân Cộng Hòa Liên Bang Nam Tư (Jugos) kể cả Kosovo có bốn phạm phải ra khỏi nước Đức.

Việc thực thi quy định trường hợp cũ sẽ được Liên Bang tập trung làm thống kê. Các Tiểu Bang lập tức thông báo thường xuyên cho Liên Bang biết những đề nghị cần thiết về những quyết định của họ dựa trên quy định này.

Quyết định này đã được các Tiểu Bang đảm bảo lập tức giải quyết chấm dứt cụ thể chậm nhất đến ngày 31.12.2000 cho những người được xem là thành phần những trường hợp cũ.

Ngoài ra những quy định của quyết định ngày 29.03.1996 vẫn có giá trị tiếp tục không thay đổi.

Ủy Viên Xã Hội và Sinh Hoạt Cộng Đồng  
Hội Phạt Tử VNTN tại Đức chuyển ngữ

● Thị Chấn Ngô Ngọc Diệp

(Mọi thắc mắc (nếu có) xin liên lạc qua Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phạt Giáo VNTN tại Đức, địa chỉ Chùa Viên Giác)

# TIN PHẬT SỰ

## ● TÂN BCH CHI HỘI PTVNTN REUTLINGEN VÀ VPC

Ngày 7.11.1999, dưới sự chỉ đạo của Thượng Tọa, Viện chủ chùa Viên Giác và sự chứng minh của Ni Sư Thích Nữ Như Viên, Chi Hội Phật Tử VNTN Reutlingen và VPC đã bầu lại Ban Chấp Hành cho nhiệm kỳ 2000 - 2002.

Thành phần Tân Ban Chấp Hành như sau:

-Chi Hội Trưởng: Thiện Hậu Trần Xuân Hiền

-Chi Hội Phó Nội Vụ: Thiện Phát Dương Tường

-Chi Hội Phó Ngoại Vụ: Diệu Phước Hồ Thị Thanh Đạm

-Thư Ký: Hoa Xuân Nguyễn Thị Thanh Phượng

-Thủ Quỹ: Thiện Vũ Lê Thọ Hạng

**Địa chỉ liên lạc:** Trần Xuân Hiền

- Beim Herbstenhof 42

72076 Tübingen. Tel/Fax: 07071-67944

Nhân dịp này thay mặt BCH Hội Phật Tử VNTN tại Đức, chúng tôi xin chào mừng Tân Ban Chấp Hành và nguyện cầu Tam Bảo gia hộ cho quý Đạo Hữu thành viên trong BCH Chi Hội thân tâm an lạc, gặt hái được nhiều thành quả tốt đẹp trong nhiệm kỳ mới.

## ● KHÓA TU BÁT QUAN TRAI GIỎI VÀ LỄ PHẬT CẦU AN TẠI REUTLINGEN

Trời đã bắt đầu vào thu, bầu trời đã sầm tối, mưa đã nặng hạt nhiều, gió lạnh đã thổi rét lòng người, nhưng lạ lùng thay trong hai ngày 6 và 7.11.99, trong lúc Chi Hội Phật Tử VNTN Reutlingen và VPC tổ chức khóa Tu Bát Quan Trai Giỏi và Lễ Phật Cầu An định kỳ thì không khí trở nên ấm áp, ánh sáng mặt trời lúc ló dạng, lúc núp sau những đám mây xanh, tạo điều kiện tốt cho bà con Phật Tử đi lễ Phật.

Cũng như mọi năm, tôi đưa gia đình đến Hội Trường của nhà thờ Saint Andreas tại vùng Orschel Hagen của thành phố Reutlingen để tu học trong 24 tiếng đồng hồ. Các Thầy thường dạy: Đi tu 24 giờ còn hơn ở nhà lễ bái cầu nguyện cả năm. Vào đến chánh điện, bốn câu kinh đập vào trí tôi, làm tôi phải tự sám hối từ tâm. Đó là:

*Không lửa nào bằng lửa tham dục*

*Không ác nào bằng ác sân si*

*Không khổ nào bằng khổ ngũ ấm*

*Không vui nào bằng vui Niết Bàn*

Chánh điện được trang trí rất trang nhã với những dây cờ Phật Giáo treo lủng lẳng trên trần, với những hình ảnh Phật sự trong thời gian qua gắn trên tường, trên bàn thờ Phật được trưng bày nhiều lọ hoa đủ loại đầy màu sắc rực rỡ, xen lẫn những đĩa bánh ngọt, những đĩa trái cây làm tăng thêm vẻ cung kính và trang nghiêm.

Thấy tận mắt và nghe tận tai, tôi xin trình bày những điểm đáng chú tâm trong suốt hai ngày đi theo chánh đạo.

Chứng minh buổi lễ: Lần này ngoài Thượng Tọa Viện Chủ Chùa Viên Giác còn có Ni Sư Như Viên và hai chú Sa Di Hạnh Hòa, Hạnh Định.

Khóa Tu Bát Quan Trai bắt đầu truyền giới lúc 10 giờ 30 ngày thứ bảy 6.11.99.

Giới tử tu học: Tổng số 94 vị, gồm có 60 nữ, 34 nam, trong đó có 15 vị đã thọ Bồ Tát Giới tại gia.

Các Chi Hội tham dự: Ngoài đại diện Hội PTVNTN tại CHLB Đức, còn có đại diện các Chi Hội München, Nürnberg, Freiburg, Karlsruhe, Rottweil, Frankfurt và Ban Liên Lạc Phật Tử tại Stuttgart.

Đề tài thuyết giảng của Thượng Tọa trong hai thời Pháp: Niệm Phật Ba La Mật. Tụng kinh Dược Sư do Ni Sư Như Viên chủ lễ với phụ lục của hai chú Hạnh Định và Hạnh Hòa.

Số Phật Tử quy y Tam Bảo: 4 nữ, 2 nam và một em bé gái hơn 1 tuổi (cháu ngoại của ĐH Diệu Phước).

Qua ngày lễ Phật định kỳ thì số Phật Tử đến tham dự rất đông, gần 250 người.

Thượng Tọa đã chủ lễ Cầu An với sự phụ lục của Ni Sư Như Viên và hai chú Sa Di.

Sau lễ Phật, bác Chi Hội Trưởng từng trình Phật sự trong nhiệm kỳ vừa qua và toàn thành phần Ban Chấp Hành xin từ nhiệm. Được sự chỉ giáo của Thượng Tọa, toàn thể Phật Tử hiện diện đã đồng thanh yêu cầu bác Chi Hội Trưởng tiếp tục thêm một nhiệm kỳ nữa. Riêng Đạo Hữu Kiều Thái thì đề nghị bác làm thêm ba nhiệm kỳ nữa cho đến lúc bác đủ 80 tuổi thọ, mặc dù bác đã đảm trách 4 nhiệm kỳ rồi.

Sau khi Thầy hỏi ý kiến, tất cả hội trưởng đã đồng thanh đề cử các Đạo Hữu sau đây vào Ban Chấp Hành Chi Hội nhiệm kỳ 2000-2002:

-Chi Hội Trưởng: Thiện Hậu Trần Xuân Hiền

-Chi Hội Phó Nội Vụ: Thiện Phát Dương Tường

-Chi Hội Phó Ngoại Vụ: Diệu Phước Hồ Thị Thanh Đạm

-Thư Ký: Hoa Xuân Nguyễn Thị Thanh Phượng

-Thủ Quỹ : Thiện Vũ Lê Thọ Hạng

Tiếp đến bác Thiện An, Phó Hội Trưởng Hội PTVNTN tại Đức kêu gọi bà con cứu trợ nạn lụt và ĐH Đức Hướng, Ủy viên Văn Hóa của Hội lược trình một cách tổng quát về Hiến Chương Giáo Hội PGVNTN, về Đại Hội 8 của Giáo Hội, được bà con tán thưởng nhiệt liệt.

Sau đó, Thượng Tọa thuyết giảng một số lời nguyện của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai vì ngày 7.11.99 nhằm ngày 30 tháng 9 âm lịch là ngày Vía của Đức Phật.

Đặc biệt trước lễ Phật Cầu An, Đạo hữu Thiện Giới trình bày trước một số đồng Phật Tử, "Cẩm Nang Bệnh Tiểu Đường" do Đạo hữu sưu tầm nghiên cứu qua các sách báo về y-khoa và qua kinh nghiệm chữa trị của bản thân. Sự phát tâm của Đạo hữu Thiện Giới được bà con hoan nghênh nhiệt liệt, nhất là Đạo hữu

có phát hành một số băng cát-sét về "Cẩm Nang Bệnh Tiểu Đường" được bà con chiếu cố rất nhiều.

Một sự việc xảy ra ngoài sự dự đoán là việc cứu trợ nạn lụt miền Trung nước Việt Nam. Sau lời kêu gọi của Thượng Tọa cũng như của bác Phó Hội Trưởng Hội PTVNTN tại Đức, bác Chi Hội Trưởng đã động viên bà con Phật Tử hưởng ứng lời kêu gọi của Thầy với một số câu rất thấm thía "Lá lành đùm lá rách - Lá rách đùm lá rách hơn", nên số tiền quyên góp tại chỗ được 7.138 Đức Mã. Chi riêng gia đình Đạo hữu Ngọc Thủy và Ngọc Lợi ở Tübingen đã cứu giúp trên 4.000 Đức Mã.

Theo dõi các bữa thọ trai, được biết ĐH Diệu Vy Nguyễn Thị Mùi đã cúng dường ba bữa của 24 giờ thọ bát, phụ thêm có chè đậu trắng của ĐH Ngọc Thủy, bánh bao của ĐH Thành Ngọc, ĐH Ngọc Huệ, bánh bèo của ĐH Ngọc Năng, mì xào của ĐH Chím Thị Hiền, xôi nếp của ĐH Trần Văn Thanh. Qua bữa thọ trai ngày chủ nhật 7.11.99 thì gia đình ĐH Cam Văn Lũng cúng dường, phụ thêm có 3 mâm xôi gấc của ĐH Đỗ Văn Nho, và bún xào của ĐH Diệu Phước - Đồng Lai.

Theo sự tường trình của bác Chi Hội Trưởng thì có rất nhiều Phật Tử cúng dường tịnh vật mà tôi chỉ còn nhớ một số ít như ĐH Ngọc Lợi cúng toàn bộ vật dụng, chén bát tô đĩa ly tách... bằng nhựa, bình thủy, tọa cụ (gối), gia đình ĐH Nguyễn Đăng Hiếu cúng bánh ngọt, hoa quả và các thức giải khát, ĐH Đỗ Văn Nho cúng 20 két nước suối... Ôi thật nhiều vô số, không thể nhớ hết.

Sự cúng dường tịnh tài và tịnh vật của các Phật Tử đã nói lên sự phát tâm đại bi, phát tâm bồ đề của những người con của Đấng Thế Tôn tại Chi Hội Reutlingen rất là đồng mãnh, rất tán thán.

Hai ngày lễ thành công viên mãn là nhờ thọ đủ 3 yếu tố: Thiên Thời: Trời tốt đẹp - Địa Lợi: Địa điểm hành lễ thích nghi - Nhân Hòa: Được đông đảo Phật Tử, nam công như nữ vui vẻ và hăng say trong công việc vệ sinh, trật tự, dọn dẹp nhanh nhẹn và chu đáo.

Trước khi ra về, Bác Chi Hội Trưởng cho biết, Tết Canh Thìn, năm 2000, Chi Hội sẽ tổ chức Mừng Năm Mới vào ngày Mồng Tám Tết, nhằm ngày thứ bảy 12.2.2000 tại Hội Trường này, từ 9 giờ sáng đến 10 giờ đêm. Ngoài lễ cầu an, cầu siêu, cúng sao giải hạn và tiệc trà thân mật, nếu có thuận duyên sẽ tổ chức các trò vui, ca nhạc, xổ số Tombola, Karaoke v.v....

Buổi lễ hoàn mãn lúc 15 giờ ngày chủ nhật 7.11.99. Mọi người con Phật ra về, mỗi người ai cũng có tâm tu riêng, nhưng tất cả đều cùng một con đường để đi đến, đó là con đường Bát Chánh Đạo.

(Diệu Hướng ghi)

**GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM  
THỐNG NHẤT  
VIỆN HÓA ĐẠO**

Phật lịch 2543

Số 12/HHĐ/VNT/TB



**VIỆN TRƯỞNG VIỆN HÓA ĐẠO  
THÔNG BẠCH**

**Kính gửi toàn thể Tăng Ni Phật Tử**

Trong mấy ngày qua bão lụt đã tàn phá dữ dội suốt từ Quảng Trị đến Phan Thiết. Tuy chưa có thông tin chính xác, nhưng những thông tin sơ khởi về những tổn thất nhân mạng và tài sản đang khiến đồng bào cả nước đau lòng. Trước thảm họa này, Giáo Hội đang nỗ lực làm tất cả những gì có thể để chia sẻ cùng đồng bào những đau thương mất mát. Tất cả mọi ý nghĩa của danh tử, ngôn ngữ thày đều vô nghĩa trước hiện thực đau thương này. Vì vậy, tất cả những người con Phật, tất cả những người tin Phật và học Phật, trong hiện tại, hãy xóa bỏ mọi phân biệt tông môn, pháp phái, mọi dị biệt xu hướng, mọi mâu thuẫn tổ chức, để thể hiện lời dạy từ bi cao cả của Phật, bằng hành động thực tế, tùy theo điều kiện hoàn cảnh và phương tiện riêng biệt của mỗi người, tích cực đóng góp cả tâm và vật vào công cuộc cứu trợ, để làm vơi bớt vô vàn thống khổ mà đồng bào ruột thịt đang gánh chịu, và cũng để làm sống dậy nơi những người đang phải chịu quá nhiều mất mát niềm tin vào lẽ sống, vào ý nghĩa bao la của tình yêu nhân loại

Vì mọi hoạt động của Giáo Hội hiện đang bị cấm chỉ, nên Giáo Hội không thể công khai và trực tiếp lãnh đạo Tăng Ni Phật Tử tham gia công tác cứu trợ. Nhưng Giáo Hội sẽ hòa thân vào bất cứ nơi nào có thể, không danh tiếng, không hình thức. Vậy, một lần nữa, Giáo Hội khẩn thiết kêu gọi toàn thể Tăng Ni Phật Tử tích cực đóng góp tâm nguyện và tài vật vào công cuộc cứu trợ, tùy theo điều kiện và phương tiện riêng biệt của mỗi người. Hiện tại, trong nước, Giáo Hội ủy thác chủ trương Chùa Tử Hiếu, Thừa Thiên, tùy duyên thực hiện công tác cứu trợ. Vậy, mọi vấn đề liên quan sự nghiệp cứu trợ đề nghị liên hệ:

1. TT. Thích Tuệ Sỹ (thể danh Phạm Văn Thuởng), chùa Già Lam ở số 498/11 Lê Quang Định, F.1, Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

2. TT. Thích Thái Hòa (thể danh Nguyễn Trí), chùa Tử Hiếu, xã Thủy Xuân, TP Huế.

Giáo Hội cũng Ủy thác Văn Phòng II Viện Hóa Đạo tại Hoa Kỳ thành lập một Ủy Ban Vận Động Công Tác Cứu Trợ. Giáo Hội cũng đề nghị các Đoàn thể, các Tự viện, trên khắp thế giới, đang trực tiếp hoặc gián tiếp sinh hoạt với Giáo Hội sẽ tùy điều kiện và phương tiện thành lập các tổ chức cứu trợ.

Cầu nguyện ánh sáng từ bi, vô ngã của Thập Phương Chư Phật xoa dịu tất cả mọi thống khổ nhân sinh mà dân tộc Việt Nam đang phải gánh chịu.

Thanh Minh Thiền Viện, PL 2543 - Ngày 4 tháng 11.1999

**Viện trưởng viện hóa đạo  
Sa môn Thích Quảng Độ**  
(Ký tên và đóng dấu)

**CHÙA KHÁNH ANH**

Kính gửi các đoàn thể người Việt và bà con đồng hương

Kính thưa quý vị, Như tin tức quý vị đã biết, một trận lũ lụt chưa từng có (kể từ hơn 60 năm qua) đã đổ xuống Việt Nam, nhất là các tỉnh miền Trung. Nặng nhất là Thừa Thiên-Huế. Tin tức cho biết đến ngày hôm nay (9.11.99) đã tìm thấy gần 500 người chết. Những con số thực, chắc chắn cao hơn. Nhà cửa bị ngập lụt. Nhà trường, trường học, giao thông công cộng... hoàn toàn tê liệt. Thiệt hại vật chất, theo báo cáo chỉ ước tính, lên đến cả trăm triệu đô-la. Trước thảm cảnh thiên tai lũ lụt chưa từng thấy này, Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất đã ra Thông Bạch số 12 ngày 4.11.1999 kêu gọi mọi người ra sức cứu trợ, trong nước cũng như ngoài nước, hội đoàn cũng như cá nhân.

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu, vừa khi tiếp nhận được Thông Bạch đã cấp tốc quyền góp nội bộ gọi nhanh về đợt đầu để Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất trong nước có phương tiện tối thiểu đi ủy lạo ngay. Nhưng sự quyền góp cứu trợ vẫn còn tiếp tục kéo dài, vì tai họa quá lớn và sức người có hạn. Và lại miền Trung vốn là một xứ quá nghèo. Cho nên rất cần đến sự tiếp tay cứu trợ, giúp đỡ của tất cả bà con đồng hương, nhất là ở hải ngoại. Mọi sự giúp đỡ có thể gửi thẳng về Việt Nam qua những nơi quen biết, qua những địa chỉ liên hệ. Về phần Phật Giáo, trong Thông Bạch số 12 của Viện Hóa Đạo, Hòa Thượng Viện Trưởng có chỉ rõ 2 nơi phụ trách:

1/ **Thượng Tọa Thích Tuệ Sỹ (thể danh Phạm Văn Thuởng), Phó Viện Trưởng kiêm Tổng Thư Ký Viện Hóa Đạo) Chùa Già Lam, số 498/11 Lê Quang Định, F.1, Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.**

2/ **Thượng Tọa Thích Thái Hòa (thể danh Nguyễn Trí), Chùa Tử Hiếu, xã Thủy Xuân, Thành phố Huế.**

Trong trường hợp không liên hệ được với các địa chỉ trong nước, quý vị có thể liên lạc với các Chùa: **Khánh Anh (Pháp), Viên Giác (Đức) và Khuông Việt (Na Uy)** để tìm cách chuyển về nước giúp đỡ nạn nhân thiên tai.

Một lần nữa, xin thành tâm kêu gọi "**tinh bác ái, nghĩa đồng bào**" của tất cả bà con xa gần ở hải ngoại, nhất là tại Âu Châu, tiếp tay trong chiến dịch cứu trợ nạn nhân lũ lụt, một tai họa quá khắc nghiệt đối với đồng bào ở quê nhà.

Bagneux ngày 9.11.1999

TM. GHPGVNTN Âu Châu  
Hòa Thượng Thích Minh Tâm  
(ký tên và đóng dấu)

**Sao y chánh bản**

**Kính gửi:** quý Đạo Hữu Chi Hội Trưởng các Chi Hội Phật Tử VNTN tại địa phương

Kính xin quý Đạo Hữu phổ biến rộng rãi THÔNG BẠCH của Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, đồng thời kêu gọi quý Đạo Hữu, Phật Tử cũng như không Phật Tử ở địa phương mình tùy theo điều kiện phát tâm ủng hộ tình tài để cứu trợ những nạn nhân bị lụt.

**Một miếng khi đói bằng một gói khi no**  
Một Đức Mã của quý vị ủng hộ sẽ làm vơi bớt một phần nào nỗi thống khổ mà đồng bào ruột thịt mình đang gánh chịu.

Số tiền thu góp được xin chuyển vào Konto của Chùa:

**KONTO NR. 870 1633.**

**BLZ 250 700 24**

**DEUTSCHE BANK HANNOVER**

và xin nhớ ghi ở hàng

**Verwendungszweck: CỨU TRỢ LỤT**

Danh sách những vị ủng hộ xin quý Đạo Hữu gửi về Chùa một bản để đăng trên báo Viên Giác.

Nguyên cầu hồng ân Tam Bảo gia hộ cho quý Đạo Hữu và bửu quyến thân tâm an lạc và vạn sự như ý.

**Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát**

TM. Hội Phật Tử VNTN tại Đức

Hội Trưởng Thị Tâm Ngô Văn

Phát

(ký tên và đóng dấu)

**CHÙA KHÁNH ANH**

**THÔNG BÁO**

Báo cáo tổng quát về việc cứu trợ nạn nhân bão lụt Miền Trung Việt Nam, theo lời kêu gọi của Hòa Thượng Viện Trưởng Viện Hóa Đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, qua Thông Bạch số 12 ngày 4.11.1999. Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu đã đứng ra vận động, kêu gọi, quyền góp tính đến ngày 15.11.99, được kết quả như sau:

Giáo Hội PGVNTN tại Na Uy **13.000** Mỹ kim (đã gửi tất cả về Huế)

Giáo Hội PGVNTN tại Đức (**44.463DM**) **23.403** Mỹ kim (đã gửi về Huế, Quảng Nam và Sài Gòn **18.403MK**)

Giáo Hội PGVNTN tại Thụy Sĩ (**24.700SF**) **16.466** Mỹ kim (đã gửi về Huế và Sài Gòn **15.466MK**)

Giáo Hội PGVNTN tại Hòa Lan **10.000** Mỹ kim (đã gửi **3.000 MK** về Sài Gòn)

Giáo Hội PGVNTN tại Pháp (**131.476Fr**) **20.227** Mỹ kim (đã gửi về Huế, Quảng Trị và Sài Gòn **11.692MK**)

Giáo Hội PGVNTN tại Thụy Điển **6.500** Mỹ kim (đã gửi về Huế và Sài Gòn **5.500MK**)

Giáo Hội PGVNTN tại Đan Mạch **5.000** Mỹ kim

Tổng Cộng quyền góp được:

**94.596** Mỹ kim

Đã gửi về Việt Nam :

**67.061** Mỹ kim

Hiện còn :

**27.535** Mỹ kim

Công cuộc vận động kêu gọi cứu trợ vẫn còn tiếp tục.

(Xin xem các trang kế tiếp báo cáo chi tiết việc vận động của Giáo Hội từng quốc gia)

Xin tán dương công đức thù thắng của chú Tôn Đức, Phật Tử và bà con đồng hưởng xa gần đã tích cực hưởng ứng, ủng hộ chương trình cứu trợ nạn nhân bão lụt tại quê nhà, nhất là Miền Trung Việt Nam.

Bagneux ngày 16.11.1999  
TM. GHPGVNTN Âu Châu  
Hòa Thượng Thích Minh Tâm  
(Ký tên và đóng dấu)

### CHÙA KHÁNH ANH

Bảng báo cáo chi tiết công việc cứu trợ nạn nhân bão lụt miền Trung VN tại Các Giáo Hội Quốc Gia ở Âu Châu :  
(tính đến ngày 15.11.1999)

**-Giáo Hội PGVNTN tại Hòa Lan**  
10.000 Mỹ kim  
đã gửi 1 lần về Sài Gòn 3.000MK

**-Giáo Hội PGVNTN tại Na Uy**  
13.000 Mỹ kim  
đã gửi tất cả 2 lần về Huế

**-Giáo Hội PGVNTN tại Thụy Sĩ**  
16.466 Mỹ kim  
(tức 24.700SFr)  
- Gồm có: -Gia đình Phước Thiện quyền được: 13.000SFr  
-Nhóm Phật Tử vùng Bern quyền được 4.200SFr  
-Chùa Trí Thủ kêu gọi được: 7.500SFr  
đã gửi về Huế 11.466MK, và Sài Gòn 4.000MK

**-Giáo Hội PGVNTN tại Thụy Điển**  
6.500 Mỹ kim  
-Chùa Trúc Lâm (Malmo): đã gửi 2 lần về Huế 4.000MK + 1 lần về Sài Gòn 500MK  
-Chùa Phật Quang (Goteborg): 2.000MK  
đã gửi 1 lần về Sài Gòn 1.000MK

**-Giáo Hội PGVNTN tại Đức**  
23.403 Mỹ kim (tức 44.467DM)  
Gồm có: -Chùa Viên Giác và Chi Hội Hannover: 4.626DM đã gửi tất cả về Quảng Nam  
-Chùa Linh Thủ và Chi Hội Berlin: 19.000DM đã gửi về Huế 9.000DM  
-Chi Hội Phật Tử VN tại Reutlingen: 7.138DM đã gửi tất cả về Huế  
-Ban liên lạc Phật Tử VN tại Stuttgart: 4.323DM đã chuyển về Sài Gòn  
-Chi Hội Phật Tử VN tại Karlsruhe: 3.580DM đã chuyển về Sài Gòn  
-Chi Hội Phật Tử VN tại Nürnberg: 1.000DM đã chuyển về Sài Gòn  
-Gia Đình PT Chánh Dũng Nürnberg: 3.000DM đã chuyển về Sài Gòn  
-Một số cá nhân: 1.800DM đã chuyển về Sài Gòn  
-Giáo Hội PGVNTN tại Pháp : 20.227 Mỹ kim (tức 131.476FFr)

Gồm có: -Chùa Hoa Nghiêm (Paris) 6.000F  
-Hội Phật Giáo và Văn Hóa Toulouse: 3.300F  
-Chùa Phổ Hiền (Strasbourg): 2.500F  
-Hội Phật Giáo VN tại Bésancon: 1.000F  
-Chùa Khánh Anh quyền được: 30.476F  
-Chùa Phật Quang (Valence): 5.000F  
-Chùa Thiện Minh (Lyon) : 83.200F  
Gồm có: -Xuống đường 2 ngày quyền góp được: 29.000F  
-Bữa cơm xã hội 14.11.99: 39.190F  
-Ô.B Ysah + Hải Yến, Nguyễn Văn Giáo góp được: 5.350F  
-Pt Diệu Khanh, Võ Thị Giành quyền được: 9.660F  
Đã gửi về Sài Gòn (Thượng Tọa Tuệ Sỹ) :4.000MK  
gửi về Quảng Trị (10 tấn gạo + 200 thùng mì): 25.000F gửi về Huế (Chùa Kiều Đàm): 5.000F gửi về Huế (Chùa Tử Đàm): 20.000F

**-Giáo Hội PGVNTN tại Đan Mạch**  
5.000 Mỹ kim  
Đại Đức Giác Thanh vừa đến nhậm chức tại Đan Mạch, đã kêu gọi các Chi Hội PT hưởng ứng đợt đầu 5.000MK.

Xin chân thành tán dương công đức các Giáo Hội, các Chùa, chú Tôn Đức, Phật tử và bà con đồng hưởng.

Bagneux ngày 16.11.1999  
TM. GHPGVNTN Âu Châu  
Hòa Thượng Thích Minh Tâm  
(Ký tên và đóng dấu)

### TU VIỆN VẠN HẠNH, CANBERRA

Mến gửi quý Phật Tử tại Đức Quốc & Âu Châu

Tu Viện Vạn Hạnh tại thủ đô Canberra, Úc Đại Lợi, được thành lập từ năm 1984, với ý nguyện hình thành một trung tâm tu học quy mô để đào tạo Tăng Ni Phật Tử nào có chí nguyện phụng sự nhân sinh và dân tộc Việt Nam qua tinh thần dẫn thân của Phật Pháp. Theo đồ án dự trù, tính đến cuối tháng 11/99 chỉ mới hoàn tất được 20% (tổng A\$1.600.000) gồm có Tu Viện Vạn Hạnh 380m2, 3 tượng đài lộ thiên, và 80% của Cũ Xá La Hầu La 1650m2. Trong đó Tu Viện đang thiếu nợ A\$675.000.

Để giúp hoàn tất 20% còn lại trong chương trình xây cất Cũ Xá La Hầu La (dùng làm Tăng xá, Ni xá và Học xá cho tương lai; hiện nay đang để dành cung cấp chỗ ở tiện nghi cao, rẻ tiền cho đồng hưởng cổ quả, nghèo thiếu, hay bất cứ ai muốn ở thanh tịnh gần chùa), và các công trình tương lai như: chánh điện, học viện, thư viện, giảng đường, hội trường, bảo tháp Hòa Bình, cổng tam quan, khi hữu dụng cao niên, các biệt thất tịnh tu, v.v... và v.v..., khuyến thỉnh quý đồng hưởng Phật Tử xa gần góp phần ủng hộ ít nhiều, để Phật sự được sớm thành tựu hơn.

Quý Phật Tử phát tâm ủng hộ các Phật sự công ích dài hạn trên, có thể:

a) ký ngân phiếu cá nhân (Personal cheque), mua chi phiếu (Bank cheque) hay mua lệnh phiếu quốc tế (international money order) xin ghi **VAN HANH**, và gửi bằng thư thường (mỗi lần đổi, Tu Viện sẽ phải trả lệ phí A\$10); hay b) chuyển bằng trái phiếu (international transferred draft) tới: **UVBC of Canberra - VAN HANH, Commonwealth Bank 2904-1004 7440.**

Tu Viện thân mời quý vị đến viếng thăm Úc Châu, du ngoạn thủ đô Canberra, có thể lưu ngụ tại Tu Viện Vạn Hạnh (nếu dài hạn xin báo trước để giữ phòng Cũ Xá). Đặc biệt tháng 9-10 năm 2000 có Olympic tổ chức ở Sydney-  
Thư tử: Tu Viện Vạn Hạnh,  
PO box 1004 Dickson,  
ACT 2602 Australia.  
Phone +61-2-6257 5517;  
Fax +61-2-6257 7733;  
Handy: +6-412-224 553;  
Email: [tquangba@netspeed.com.au](mailto:tquangba@netspeed.com.au);  
Viện Trưởng TT Thích Quảng Ba kính thông cáo

### THÔNG CÁO BÁO CHÍ CỦA PHÒNG THÔNG TIN PHẬT GIÁO QUỐC TẾ - PARIS NGÀY 16.11.1999

● Đáp lời Kêu gọi cứu trợ của HT. Thích Quảng Độ, các Giáo Hội Phật Giáo ở hải ngoại đã quyền góp được gần 500.000 Mỹ kim chuyển về Việt Nam.

● HT. Thích Huyền Quang tán thán công tác cứu trợ, HT. Thích Quảng Độ ra Thông Bạch chỉ thị tiến hành công tác Cứu Trợ Bão Lụt Miền Trung sang đợt II

● Lời tán thán của HT. Thích Huyền Quang và tiến trình vận động cứu trợ đợt II

Hôm nay, Hòa Thượng Thích Quảng Độ vừa ra Thông Bạch mới, mang số 14/VHĐ/VT/TB, ký tại Thanh Minh Thiền Viện ở Sài Gòn ngày 16.11.99 chỉ thị cho các cấp Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN) tại hải ngoại tiến hành công tác vận động Cứu Trợ Bão Lụt Miền Trung sang đợt II. Mở đầu Thông Bạch, Hòa Thượng cho biết về cuộc vãn an Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Xứ Lý Thường Vụ Viện Tăng Thống, hiện bị quản chế tại Quảng Ngãi: "Vừa qua, Viện Hóa Đạo đã cử đại biểu ra tỉnh Quảng Ngãi để kính vãn an Đại Lão Hòa Thượng, Xứ Lý Thường Vụ Viện Tăng Thống GHPGVNTN và tường trình Ngài về tình hình bão lụt tại Miền Trung cũng như công cuộc vận động cứu trợ của Giáo Hội. Ngài rất cảm xúc khi được biết toàn thể Tăng Ni, Phật Tử thuộc GHPGVNTN và Cộng Đồng Việt Kiều nói chung tại Âu Châu, Bắc Mỹ và Úc Châu v.v... đã nhiệt liệt hưởng ứng lời kêu gọi của Giáo Hội ở trong nước, tích cực vận động quyền góp tài chính gửi về để cứu trợ đồng bào bị nạn một cách có hiệu



quả. Ngài chỉ thị cho Viện Hóa Đạo đại diện Hội Đồng Lương Viện và đồng bào nạn nhân lũ lụt, kính lời cảm tạ và tán thán công đức của toàn thể Tăng Ni và Phật Tử hải ngoại đã kịp thời giúp đỡ đồng bào trong cơn nguy khốn, làm vơi bớt phần nào trong muôn vàn thống khổ mà đồng bào đang phải gánh chịu.

Song song với việc cứu trợ về vật chất, Đại Lão Hòa Thượng cũng đã chỉ thị các cấp Giáo Hội ở trong và ngoài nước, tùy theo hoàn cảnh và ngày giờ thích hợp cho từng nơi, tổ chức các buổi lễ nguyện để cầu cho những đồng bào đã bị tử nạn trong các ngày vừa qua được siêu thoát và đồng bào sống sót được an lành. Vậy, Viện thiết tha thỉnh cầu Giáo Hội các cấp hãy nhất tâm tuân hành chỉ thị của Ngài". Tiếp theo, Hòa Thượng Thích Quảng Độ ra chỉ thị tiến hành cuộc vận động cứu trợ ở hải ngoại bước sang đợt II để thích ứng với nhu cầu của quần chúng lâm nạn ở 7 tỉnh miền Trung. Hòa Thượng viết:

"Trong đợt II này (bắt đầu vào ngày 14.11.99), ngoài việc tiếp tục cung cấp thực phẩm, thuốc men và đồ dùng hằng ngày ra, Giáo Hội sẽ tùy theo khả năng tham gia công cuộc xây dựng lại nhà cửa cho đồng bào, đặc biệt là giúp đỡ các cháu thiếu nhi của các gia đình nạn nhân để các cháu có phương tiện tiếp tục việc học hành.

Nói tóm lại, còn rất nhiều việc phải làm, vì hậu quả của trận bão lụt quá lớn lao, trầm trọng và sẽ còn kéo dài, những Viện cũng ý thức được rằng, khả năng của Giáo Hội rất có hạn, nên chỉ đóng góp được phần mình được đến đâu quý đến đó thôi, miễn là làm cho hết lòng thành và hết sức mình. Vậy, Viện đề nghị Giáo Hội Hải Ngoại ở các châu lục lại tiếp tục gửi tài chính về nơi Văn phòng Tổng Thư Ký và Chùa Từ Hiếu (Huế) như trước để hoàn thành việc cứu trợ đợt II".

Văn phòng Tổng Thư Ký của Viện Hóa Đạo, mà HT. Thích Quảng Độ đề cập, do Thượng Tọa Thích Tuệ Sỹ, hiện đang chỉ huy việc cứu trợ, đặt tại Chùa Già Lam ở số 498/11 Lê Quang Định, F.1, Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

**Các Giáo Hội Phật Giáo ở hải ngoại đã quyên góp được gần 500.000 mỹ kim gửi về Việt Nam cứu trợ:**

Toàn thể Tăng tín đồ Phật Giáo ở hải ngoại đã nhiệt liệt hưởng ứng Thông Bạch mang số 12/VHĐ/VT/TB viết từ Thanh Minh Thiền Viện, Sài Gòn, ngày 4.11.1999, của Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, GHPGVNTN, lên tiếng kêu gọi Tăng, Ni, Phật Tử trong và ngoài nước hãy khẩn cấp thành lập các "Ủy Ban Vận Động Công Tác Cứu Trợ" để thoả độn tâm cảnh bão lụt mà đồng bào Miền Trung đang quần quai lâm khốn.

Thành quả quyên góp cứu trợ của tất cả các Giáo Hội Phật Giáo ở hải ngoại, từ Văn phòng II Viện Hóa Đạo - GHPGVNTN Hải ngoại tại Hoa Kỳ, GHPGVNTN Hải ngoại tại Úc Châu và Tân Tây Lan, GHPGVNTN Âu Châu đến

các Giáo Hội Phật Giáo thuộc đủ các tông phái (Bắc Tông, Nam Tông, Khất Sĩ, v.v...), vô cùng phấn khởi với tổng số thu được gần 500.000 (năm trăm nghìn) Mỹ kim.

Gần Năm Trăm Nghìn Mỹ kim này đã được các Giáo Hội phân phối trực tiếp về các cơ sở chùa viện của Giáo Hội ở các tỉnh nguy cấp nhất như Thừa Thiên - Huế, Quảng Trị, Đà Nẵng, v.v... hoặc qua Văn phòng Tổng Thư Ký của Thượng Tọa Thích Tuệ Sỹ để điều phối gửi ra Miền Trung.

Hiện Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế chưa nhận đủ các tài liệu cứu trợ từ Miền Trung. Nhưng chỉ tính riêng Bảng Kết Toán đợt I, tính đến ngày 13.11.1999, của Thượng Tọa Thích Tuệ Sỹ gửi qua, thì tổng thu từ hải ngoại gửi qua Văn phòng Tổng Thư Ký Viện Hóa Đạo, quy chiếu ra tiền Việt Nam (từ Mỹ kim, Úc kim, Gia kim...) là 1.199.883.000 đồng (Một Tỷ Một Trăm Chín Mươi Chín Triệu Tám Trăm Tám Mươi Ba Nghìn Đồng VN). Tiền tổng chi của Viện cho việc cứu trợ miền Trung là 1.023.230.000 đồng (Một Tỷ Hai Mươi Ba Triệu Hai Trăm Ba Mươi Nghìn Đồng VN).

Hiện tiền quỹ là 176.653.000 (Một Trăm Bảy Mươi Sáu Triệu Sáu Trăm Năm Mươi Ba Nghìn Đồng VN). Số tiền quỹ này cộng với tiền ở hải ngoại đang chuyển về sẽ dùng ngay cho công tác cứu trợ bão lụt miền Trung vào đợt II như Thông Bạch nêu ra trên kia.

Cách đây mấy hôm, nước Cuba anh em với nước Việt Nam XHCN tuyên bố gửi 100.000 Mỹ kim cứu trợ miền Trung. Như thế, số tiền của một quốc gia chỉ bằng 1/5 so với sự đóng góp cá nhân của những người Phật Tử Việt Nam lưu vong. Nếu có thêm số liệu đóng góp của các tín hữu Công Giáo, Hòa Hảo, Cao Đài, Tin Lành và đồng bào hải ngoại nói chung, thì chắc hẳn số lượng còn gấp đôi, gấp ba? "Miếng khi đói bằng gói khi no; Cửa tuy tổ tóc nghĩa so nghìn trùng", chẳng ai nhẫn tâm so sánh chuyện đóng góp. Nhưng suy ra như thế để cùng nhau thấy rõ tâm niệm tự hào của người Việt dân tộc: Người Việt hải ngoại là một lực lượng đáng kể cho tiền đồ nước Việt, nếu được chân thành kêu gọi, chân thành tưởng kính, chân thành tưởng sinh trong bình đẳng, tự do và dân chủ.

Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế,  
Cơ quan Phát ngôn của Viện Hóa Đạo



# Tin Cộng Đồng

*Vội xúc cảm dâng đầy, chúng ta cùng nhau chia tay một Thế Kỷ vừa qua, cùng nhau bước sang Thế Kỷ mới với niềm tin, hy vọng về một Thế Giới Đại Đồng hòa hợp, không cách ngăn, không biên giới.*

*Một thế giới mà loài người sẽ càng tiến xa hơn về những thành tựu khoa học kỹ thuật. Song về mặt đời sống tâm linh cũng phải đặt cho mình cùng mọi người có một nền tảng nhận thức nhất định để tồn tại dung hòa với đồng loại và muôn loài, tìm về với bản lai diện mục của chính mình...*

*Trong phần tin Sinh Hoạt Cộng Đồng như bấy lâu nay đã đến với mọi người, tuy mỗi số báo chỉ đăng tải được những nội dung chính và tóm tắt. Nhưng qua đó cũng đã có nhiều Hội Đoàn và cá nhân cộng tác ở khắp các Châu lục trên thế giới, đóng góp bài vở thường kỳ gửi về cho Ban Biên Tập. Cùng với các trường mục khác, những thông tin cần thiết đã đến được với số đông quý độc giả trong vòng tay tưởng thân, tưởng ái.*

*... Cuộc vui nào rồi cũng tới lúc chia tay. Chia tay với thời gian, phần nào cũng bao hàm ý nghĩa đó. Chúng ta cùng nhau bước vào thiên niên kỷ mới, với cách nhìn mới, với tâm thức mới. Tương lai, hy vọng đang đón chờ chúng ta ở phía trước.*

**LỄ KỶ NIỆM 20 NĂM, TỔ CHỨC SINH HOẠT NGƯỜI VIỆT TỶ NẠN TẠI CHLB ĐỨC**

Trong không khí của những ngày cuối năm rộn ràng và phấn khởi. Tại cơ sở trang nghiêm rộng lớn tại Chùa Viên Giác - Hannover - Đức Quốc, vào hồi 10 giờ sáng ngày 06.11.99 đã chính thức khai mạc buổi lễ nói trên. Tôi tham dự buổi lễ chứng tôi nhận thấy sự có mặt của nhiều cá nhân, Hội đoàn tiêu biểu tại Đức như: Liên Đoàn Công Giáo Việt Nam tại Đức; Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại CHLB Đức; Tổ Chức Liên Minh Việt Nam Tự Do; Hội Hữu Nghị Việt-Đức; Ủy Ban Giải Trữ Pháp Nạn Hannover & VPC; Đảng Nhân Dân Hành Động, v.v...

Buổi lễ đã kết thúc tốt đẹp, Ban Chấp Hành của nhiệm kỳ mới được bầu bao gồm các Ông Bà: Phạm Công Hoàng, Tô Vinh Hòa, Phạm Công Niễn, Nguyễn Thị Thu Hiền, Nguyễn Thị Hồng, Quang Khánh và Nguyễn Đăng. Ông Phạm Công Hoàng tiếp tục được mọi người tin nhiệm đề cử giữ chức Chủ Tịch.

**ỦY BAN GIẢI TRỮ PHÁP NẠN ĐỨC QUỐC - TIỂU BAN TẠI HANNOVER & VPC (B.B.V.)**

Nằm trong khối cộng đồng người Việt tại Đức Quốc, thực hiện tôn chỉ và sự hướng dẫn của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, Hội Phật Tử VNTN tại Đức. Tổ chức chính trị này trong năm qua cũng đã cố gắng duy trì những hoạt động của mình. Đó là các buổi phân phát truyền đơn, tài liệu đấu tranh cho Nhân quyền, Tự do Tôn giáo tại Việt Nam, số lượng lớn các văn bản này đã được các thành viên trao cho những người dân tại các địa phương mà Tổ Chức đến như: Peine, Wolfsburg, Braunschweig, v.v... Ngoài ra, phối hợp với các Tổ chức chính trị lớn tại Đức đấu tranh biểu tình với mục tiêu giải trừ một thể chế chính trị độc tài của tập đoàn lãnh đạo Cộng Sản Việt Nam. Địa điểm diễn ra là những trung tâm có ảnh hưởng chính trị lớn như trước Đại Sứ Quán Cộng Sản tại Bonn; những đêm đốt đuốc đấu tranh cho Nhân quyền tại Braunschweig...

Trên thực tế mà nhìn nhận, do chính sách thay đổi thường xuyên về vấn đề tỵ nạn ở nước sở tại, nhất là thời gian từ giữa tới cuối năm. Do vậy số người có điều kiện để tham gia thường xuyên không còn đông như những thời gian trước. Có những buổi biểu tình ước chừng hơn một trăm người, hay có buổi lập bàn thông tin của Tổ chức chỉ tập trung được... 5 người, tuy giấy mời triệu tập Ban Chấp Hành gửi đi đầy đủ. Qua những kết quả như vậy, chúng ta càng thấy rõ rằng mọi người đang đứng trước những thử thách quá lớn của hoàn cảnh và đời sống. Tuy vậy những suy nghĩ trưởng thành ở thời gian trước là không có gì phủ nhận được. Một sự nghiệp lớn, ắt nó phải đòi hỏi ở mọi người có khả năng, nghị lực nhất định, khi đấu tranh cho một dân tộc, bảo vệ tương lai Đạo Pháp là vấn đề giải quyết trong một thời gian không xác định (!).

Về nhân sự của Tổ chức cũng có những đột biến bất thường, có một số lui vào "ổ ẩn"; có một số trở thành "cố vấn"; lại có một số mới xin gia nhập hội viên. Ban Chấp Hành vẫn luôn luôn giữ vững phương châm hành động như thời gian trước đây với những nỗ lực của mình. Về cơ bản là duy trì, phối hợp các hoạt động với nhiều đoàn thể cá nhân tích cực với phong trào. Trong các số báo thường kỳ đều có tin những hoạt động của mình. Mong rằng trong thời gian tới sẽ thu gặt kết quả tốt đẹp hơn, không phụ lòng mong mỏi, tin tưởng của mọi người.

(Ban Chấp Hành B.B.V.)

**ĐẠI HỘI VĂN THI SĨ QUỐC TẾ PHÁP THOẠI**  
(9è Congrès International des Ecrivains et Poètes Francophones)

PARIS, France (TG) - Đại Hội IX Văn thi sĩ Quốc tế Pháp thoại đã diễn ra từ ngày 26 tới 29 tháng 8 năm 1999 trên 4 thành phố mang tên Cahore, Gourdon, Souillac và Nadailac, thuộc miền Tây Nam nước Pháp, kế cận với thị trấn Bordeaux, thuộc vùng Lot et Dordogne, là nơi chứa đựng

nhiều di tích lịch sử và văn hóa lâu đời của nước Pháp, như hang động Lascaux, Padirac, Montignac và Rocamadour. Đại Hội đã được tổ chức hàng năm do Giáo sư Edmond Jouve và một ban tổ chức gồm nhiều chuyên gia và giáo sư Đại học, đã qui tụ hơn ba trăm văn thi sĩ và nghệ sĩ danh tiếng, thuộc rất nhiều quốc tịch, rải rác khắp thế giới. Đề tài thuyết trình và thảo luận năm nay là "Những cái nhìn qui về Vương quốc Maroc" (Regards croisés sur le Royaume du Maroc), nhằm lúc vua Hassan II băng hà và liền được Thái Tử Trường nam lên ngôi kế vị với danh hiệu Mahomed VI.

**Phái đoàn Việt Nam Hải Ngoại** gồm có Tiến sĩ Hàn Lâm Hương Giang Thái Văn Kiểm, hướng dẫn viên, đã thuyết trình đề tài "Sự gặp gỡ đầu tiên của tôi với nhà văn Ma-Rốc Admed Sefrioui tại Québec năm 1970" (Ma première rencontre avec l'écivain-contreur Marocain Admed Sefrioui); Luật gia Hà Vinh Phương, Tiến sĩ Luật khoa Quốc tế, Thủ khoa Đại học đường Toulouse 1950, cựu Đại sứ Việt Nam Cộng Hòa tại Bonn (Tây Đức), đã thuyết trình đề tài "Thân thế và Sự nghiệp nhà thơ Ali Skalli, cựu Đại sứ Maroc tại Âu Châu" vốn là bạn thân của ông ta. Đại sứ họ Hà hiện làm Cố vấn Luật pháp cho cơ quan Kiểm soát Nguyễn Tử Lực của Liên Hiệp Quốc tại Vienne (Áo quốc); Thi sĩ Hoài Việt, tức là Tiến sĩ Khoa học Nguyễn văn Hưởng, trong Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, đã trình ngâm, thuyết giảng và trao tặng những thi phẩm *Amour et Liberté*, và nhất là quyển "Mai Vàng Đất Việt" (L'abricotier d'Or du Vietnam - The Vietnamese Golden Apricot Tree); nhà văn Lê Hữu Thọ, 80 tuổi, đã từng tham gia Đệ nhị Thế chiến (1940-1945) tại Âu Châu, với tư cách chuyên viên và thông ngôn cho các đoàn lính thợ Đông Dương hỗ trợ Quân Đội Đồng Minh chống phát xít Đức Ý tại mặt trận Âu Châu và Hậu Cần. Tác giả quyển "Le Petit Mandarin" được giải đặc biệt của Hiệp Hội Nhà Văn Pháp ngữ ADELFI, 1998.

Ngoài ra, có hai sự kiện đáng ghi nhớ là :

1) Ngày 28.08.1999, phái đoàn VNHN đã đi hành hương lăng mộ vua kháng chiến Hàm Nghi tại nghĩa trang Thonac và con cháu nhà vua tại Château de Losse ở Montignac (Dordogne, gần nhà của nữ sĩ Văn Nương Lê Ngọc Chấn, trong Quỳnh Dao Thi Xã Gia Định nơi quốc nội.

2) Ngày 29.08.1999, Đại Hội đã ủy nhiệm TS/HL Thái Văn Kiểm, nhân danh Phó Chủ tịch Hiệp Hội Quốc Tế Văn Sĩ Pháp ngữ, trao tặng văn bằng Danh Dự và Huy Chương Vàng giải Văn Chương Âu Châu Ngoại Hạng (Grand Prix Europe Hors Concours, 1998) cho Quận Vương Hoàng Tế Đan Mạch, Henry de Monpezat, tác giả sách *Destin Oblige*, trong đó có hai thiên ca ngợi Dân tộc và Văn minh Việt Nam.

Mặt khác, tại Moncton, Canada, ngày 2.9.1999, Hội nghị Thượng đỉnh Pháp thoại (Francophonie) được tổ chức với sự

hiện diện của 53 vị Bộ trưởng từ 32 quốc gia đến tham dự. Bộ trưởng Don Boudria, chủ tịch Hội Nghị cho biết vấn đề vi phạm nhân quyền tại 15 nước chậm tiến, kém phát triển phải được ưu tiên bàn thảo tại Hội Nghị. Nhiều tổ chức nhân quyền và cộng đồng Việt Nam địa phương đã mở một cuộc vận động sâu rộng cho nhân quyền Việt Nam tại Hội Nghị.

Tổ chức CJFE tại Toronto lên tiếng đòi Tự do Báo chí tại Việt Nam, đã chuyển quyết nghị đến Thủ tướng Gia Nã Đại Jean Chrétien và Ngoại trưởng Lloyd Axworthy và Chủ tịch Hội nghị Pháp thoại Don Boudria. Các Liên Hội người Việt Canada, các Ủy ban Nhân Quyền Việt Nam tại Toronto và Ottawa đã gửi thỉnh nguyện thư, kháng thư đến các cơ quan liên hệ trong Hội Nghị yêu cầu can thiệp với nhà cầm quyền CSVN tôn trọng tự do, dân chủ và quyền căn bản của người dân Việt Nam.

**TÂM THỬ CỦA CÁC ĐOÀN THỂ TRẺ VIỆT NAM TẠI HẢI NGOẠI**

Như những măng non vườn mình thành những thân tre vững mạnh, Tuổi Trẻ Việt Nam đã chuẩn bị đón mừng Thiên Niên Kỳ mới bằng những vườn mình của Phù Đổng. Từ những hạt mầm nở rộ cho tinh thần Tuổi Trẻ Lên Đường trong Đại Hội Thanh Niên Sinh Viên Toàn Thế Giới vào tháng Giêng 1999 tại Melbourne, cho đến những ngọn lửa Tháp Sáng Niềm Tin, Cầu Nguyện Cho Tự Do, Dân Chủ và Nhân Quyền tại Việt Nam đã bùng sáng khắp nơi trong thời gian qua, Tuổi Trẻ Việt Nam đã thực sự dần thân tiếp nối thế hệ Cha Anh đứng lên đảm nhận trách nhiệm với Núi Sông. Với ý niệm Lên Đường, trong tinh thần Tuổi Trẻ Dấn Thân và hoài bão Tháp Sáng Niềm Tin, từ nhiều nơi trên thế giới, chúng tôi, những người trẻ Việt Nam, cùng nhau nhận định rằng:

- Tuổi Trẻ Việt Nam Hải Ngoại phải cùng chung vai sát cánh với thế hệ cha anh, nhận lãnh trách nhiệm Phát Triển Cộng Đồng Việt Nam Hải Ngoại và Đấu Tranh Chấm Dứt Chế Độ Độc Tài Cộng Sản, giành lại Tự Do, Dân Chủ và Nhân Quyền cho Việt Nam.
  - Cộng Đồng Việt Nam tại Hải Ngoại chỉ phát triển một cách vững mạnh nếu chúng ta cùng sinh hoạt trong tinh thần Dân Chủ và Tự Do. Qua đó mọi người cùng đối xử trong tinh thần tôn trọng lẫn nhau.
  - Mục tiêu Tự Do, Dân Chủ cho đất nước chỉ có thể đạt được nếu mọi người dân Việt Nam, trong cũng như ngoài nước, biết đặt quyền lợi của Tổ Quốc lên trên tất cả mọi quyền lợi riêng tư của mỗi cá nhân, của mỗi tổ chức, đoàn thể.
- Từ những nhận định trên, chúng tôi, các Phong Trào, Đoàn Thể Trẻ Việt Nam Hải Ngoại thiết tha kêu gọi tất cả mỗi người chúng ta:



● Bằng những hành động cụ thể, với tinh thần đoàn kết và trong sáng, tất cả mọi người chúng ta hãy đóng góp hết sức mình, để góp phần vào công cuộc xây dựng một Cộng Đồng Việt Nam Hải Ngoại vững mạnh và đấu tranh cho một nước Việt Nam sớm có Tự Do, Dân Chủ và Nhân Quyền.

● Trong tinh thần khiêm tốn như những viên gạch góp phần vào công việc chung, tất cả chúng ta hãy cùng nhau kết hợp, can đảm loại bỏ những hành động chụp mũ, vu khống, chia rẽ, bè phái làm phân hóa tập thể và tiêu hao tiềm năng, danh dự của tập thể Cộng Đồng Người Việt Hải Ngoại.

● Với sự đồng lòng quyết tâm nơi mỗi cá nhân, trong tinh thần đoàn kết tại hải ngoại và hiệp lực với đồng bào trong nước, Kỷ nguyên năm 2000 chắc chắn sẽ là thời đại của một Cộng Đồng Việt Nam Hải Ngoại vững mạnh, là thời đại của một đất nước Việt Nam thực sự Tự Do, Dân Chủ, Thịnh Vượng và Thái Hòa.

Ngày 1 tháng 8 năm 1999  
56 Đoàn Thể, Tổ Chức, Hội Đoàn  
Phong Trào cùng đứng chung tên.

**NGHỆ THUẬT VIẾT VĂN VÀ ĐỌC  
VĂN GIÁO SỬ NHÀ VĂN VŨ-KÝ NHÀ  
XUẤT BẢN NGUỒN SỐNG - HOA KỲ**  
(Giám Đốc:

Hòa Thượng Thích Giác Lượng)

In lần thứ 5. Hoàn toàn sửa chữa và bổ túc. Dày 800 trang. Ấn loát đẹp: Bìa cứng, mạ vàng. In trên giấy quý. Tranh và thư họa của Vũ-Hối. Giá 35 Mỹ kim (chưa kể cước phí).

Tác phẩm đã được các nhà văn hóa, trí thức, giới văn nghệ sĩ và đồng hương trên thế giới nhiệt liệt hoan nghênh và ca ngợi ở các lần in trước.

**Xin liên lạc: Pháp Duyên Tịnh xá**  
Nhà xuất bản Nguồn Sống  
766 S. 2nd Street  
San Jose, CA 95112 USA  
Tel. (408) 295-2436  
Fax: (408) 292-3804  
**Cô Vũ Tường Vân**  
Tel. & Fax: (408) 286-2569.  
(San Jose-USA)

**Thông Báo**

**Lịch Canh Thìn năm 2000**

Giá phát hành tại Chùa Viên Giác như sau:

Lịch Tử Vi: **27,-DM**  
Lịch Treo Tường: **22,-DM**

Nếu Chùa nhận được tiền trước, gửi lịch đi thì giá thành + tiền cước + bao bì, như sau:

Lịch Tử Vi: **30,-DM**  
Lịch Treo Tường: **28,-DM**

Còn gửi theo cách Chuyển Hóa Giao Ngân (Nachnahme) thì:

Lịch Tử Vi: **37,90-DM**  
Lịch Treo Tường: **32,90-DM**

**Ban Phát Hành chúng tôi nhận thấy gửi theo cách Chuyển Hóa Giao Ngân (Nachnahme) thì tiền cước quá đắt.** Do đó, đề nghị quý vị nên gửi tiền trước về cho chúng tôi bằng ngân phiếu (Check) hoặc tiền mặt gói kỹ bỏ trong bao thư hoặc chuyển vào Konto như sau:

**Congr. d. Verein. Vietn. Buddh. Kirche**  
**Konto Nr. 109594-307**  
**- BLZ 250 100 30**  
**Postgiroamt Hannover**

Trong thư, hoặc trên phiếu chuyển tiền xin ghi rõ loại lịch và số lượng để khỏi bị nhầm lẫn và địa chỉ rõ ràng để gửi lịch. Khi nhận được tiền chúng tôi sẽ gửi lịch ngay đến quý vị.

Kính mong quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần ủng hộ cho.

**Bánh Tết, Bánh Chung và những đặc sản chay ngày Tết**

Chùa Viên Giác có phát hành các loại bánh tết, bánh chung, bánh xanh, chả chay, mứt thái chay v.v... để Phật Tử vui Xuân trong 3 ngày Tết. Quý vị cũng có thể thỉnh tại Chùa, hoặc gửi qua Bưu Điện, giá thành như sau:

- Bánh tết 900gr : 10 đồng/1 đòn
  - Bánh chung 900gr : 15 đồng/1 cái
  - Mứt thái chay : 25 đồng/1 kg
  - Bánh bao : 2 đồng/1 cái
  - Bánh đa lợn: loại nhỏ 2 đồng  
loại lớn 5 đồng
  - Bánh bò : 1 đồng/1 cái
  - Bánh bột lọc : 2 đồng/1 cái
  - Bánh xanh : 1 đồng/1 cái
  - Bánh xanh có gân dừa : 2 đồng/1 cái
  - Bánh khoai mì nướng: 5 đồng/1 miếng
  - Chả chay : 10 đồng/1 đòn
  - Chả cuốn chay : 10 đồng/1 đòn to,  
và 10 đồng/1 bao 2 cái
  - Chả ổ chay bằng tàu hủ ky: 15 đồng/1 ổ
  - Chả ổ chay bằng đậu hủ : 5 đồng/1 ổ
  - Chả giò chay : 1,50 đồng/1 cuốn.
- (Số tiền trên chưa có cước phí Bưu điện)**

Mong quý Phật Tử xa gần hỗ trợ để gây thêm quỹ trả nợ xây chùa. Xin thành thật biết ơn quý vị trước.

**Đổi địa chỉ**

Đã nhiều lần Ban Biên Tập báo Viên Giác thông báo cho quý vị độc giả biết là khi nào có thay đổi địa chỉ phải ghi rõ bằng chữ in:

- HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ CŨ  
- HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ MỚI

Ví dụ :

NGUYỄN VĂN A  
KARLSRUHER STR.6  
30519 HANNOVER

để tránh sự nhầm lẫn khi có nhiều người trùng Họ và Tên nhau. Nhưng rất tiếc cho đến nay, chúng tôi nhận thư thay đổi địa chỉ của quý vị gửi đến trên 80% chỉ ghi địa chỉ mới mà thôi.

Một lần nữa, chúng tôi xin thông báo quý vị biết là trong tương lai nếu quý vị nào thay đổi địa chỉ mới mà không ghi địa chỉ cũ, thư của quý vị coi như không có giá trị và quý vị sẽ không có báo đọc.

Việc thay đổi địa chỉ chúng tôi không nhận qua điện thoại. Vì trong điện thoại nói tên đường không rõ ràng nên báo bị thất lạc.

Xin quý vị thông cảm những khó khăn của chúng tôi mà giúp đỡ cho.

**Ấn tống Kinh Sách**

Pháp Môn Niệm Phật là một pháp môn rất thù thắng cho những người chuyên tu về Tịnh Độ. Do vậy trong thời gian tới, Chùa Viên Giác tại Hannover sẽ ấn tống quyển kinh "Pháp Môn Niệm Phật" của Thượng Tọa Thích Hồng Đạo. Sách dày 130 trang; giá ấn tống mỗi cuốn là 6,50 DM. Quý vị nào phát tâm ấn tống kinh này, xin liên lạc về Chùa Viên Giác.

Xin thành tâm cảm tạ sự quan tâm của quý vị.

**Thư Mời**

Ban Chấp Hành Chi Hội Phật Tử VNTN Reutlingen và VPC. Trần trọng kính mời quý Đạo Hữu Phật Tử và Đồng Hương đến tham dự Lễ Phật Đâu Năm Canh Thìn 2000, tổ chức vào ngày thứ bảy 12 tháng 02 năm 2000 nhằm ngày Mồng 8 Tết Âm lịch.

**Địa điểm tổ chức:**

Hội trường Nhà thờ Saint Andreas, số 186 đường Nümbreger vùng Orschel Hagen (Nhà thờ chợ nhỏ), địa điểm thường tổ chức các Lễ Phật.

**Thời gian:** Từ 9 giờ sáng đến 10 giờ đêm.

**Nội dung:** Ngoài Lễ Cầu An, Cầu Siêu, Cúng Sao Giải Hạn, tiệc trà Mừng Xuân, còn có các mục Vui Xuân và Xổ số Tombola, Karaoke ...

**Tìm thân nhân**

**1/ Trang Hoa Hằng** muốn tìm **Hàn Diệp Tường Quang**. Lần cuối vượt biên bị bắt và tù tại Mỹ Tho. Nay ở đâu, tui em nghe tin anh đã thoát khỏi Việt Nam. Vậy được tin này xin anh liên lạc: **Nguyen Thi Le Hang**

Bernhard Köthenbürger Str.79 - 33102  
Paderborn - GERMANY  
Tel. 05251 - 30 03 86

2/ Nguyễn Thị Hảo, Pobrezni 1 -35002 CHEB, Tiệp Khắc - muốn tìm anh PHƯƠNG, hiện ở Đức. Xin liên lạc.

3/ Bà Phạm Thị Kim Do, ở Von Galenstr.3 - 41236 Mönchengladbach (Rheydt), bị bệnh tâm thần nặng. Thường ngày bà đi mua một số vật dụng đáng giá đem bỏ trước nhà của Ông Bà người Đức: Bernd Alfer, Königstr. 50 - 41236 Mönchengladbach.

Cơ quan xã hội sẽ đưa bà nhập viện thần kinh. Vậy ai là thân nhân của Bà DO xin liên lạc gấp với Ông Bà Bernd Alfer theo địa chỉ ghi trên để biết tin tức và nhận lại số hàng.

● **TÌM BẠN**

**Bùi Thị Kim Minh (Hưởng).** Mẹ là cô Khang, trước đây ở khu Bệnh Viện E - Từ Liêm Hà Nội. Qua Tiệp năm 1987, học nghề tại Rakovnik. Đã qua Đức tự nạn. Nay ở đâu? Xin liên lạc Điện thoại số 0172-4732415 vào chiều tối, để gặp bạn học cũ.

● **TÌM BẠN**

Tôi cùng Ngọc, Hằng, Hường sang Liên Xô 1988. Tôi và các em sống chung một phòng. Tôi 91 Ngọc qua Đức, sau đó 93 tôi qua Đức. Từ đó tới nay tôi tìm không biết Ngọc ở đâu. Nếu ai biết Ngọc, chỉ giúp tôi qua Điện thoại số 0721-955 47 22. Xin cảm ơn.

### CHIA BUỒN

Được tin buồn

#### Ông LƯƠNG KHAI

mãn phần lúc 7 giờ sáng ngày 22 tháng 10 năm 1999, nhằm ngày 14 tháng 9 năm Kỷ Mão. Hưởng thọ 79 tuổi.

Chúng tôi xin thành kính chia buồn cùng tang gia và nguyên cầu hướng linh Ông sớm siêu sanh Tịnh Độ.

**Các Gia Đình Việt Nam tại Bad Iburg**

### PHÂN ƯU

Được tin

#### Ông LƯƠNG HOÀ

đã mất ngày 24 tháng 10 năm 1999, nhằm ngày 16 tháng 9 năm Kỷ Mão. Hưởng thọ 79 tuổi.

Chúng tôi xin chân thành phân ưu cùng tang quyến. Nguyên cầu hướng linh Người Quá Cố sớm được siêu thăng về Miền Cực Lạc

**Kiều bào Việt Nam tại Bad Iburg**

## CẦN SANG \* CẦN SANG

Vì thiếu người chăm sóc cần sang ngay một nhà hàng Tàu, tầng trệt khoảng 50 chỗ ngồi, bên dưới là Gewölbekeller có 4 Räume và một sàn nhảy Disco, rất thuận tiện cho việc mở Karaoke, tiệc cưới, sinh nhật v.v... Có bãi đậu xe riêng cho khoảng 20 chiếc. Có kho chứa hàng. Có Aufzug chuyển hàng lên xuống  
Có Sommergarten trong Hof. Kaltmieter = 3900 Đức mã  
Nhà hàng nằm tại Neustadt / Weinstr. (53000 dân) là trung tâm điểm giữa 4 thành phố Ludwigshaven, Mannheim, Karlsruhe, Kaiserlautern.

Muốn biết rõ thêm chi tiết xin liên lạc :

**Tel: 06321 / 72 77. Fax : 06321 / 487 489**

## HỘ THƯ VIÊN GIÁC

Trong thời gian qua Viên Giác đã nhận được những thư tử, tin tức, tài liệu, bài vở, kinh, sách, báo chí của các Tổ Chức, Hội Đoàn, Tôn Giáo và Văn Thi Hữu khắp nơi gửi đến.

### THƯ TÍN

Nguyễn Thủy (Pháp), Nguyễn Tấn Hưng (Mỹ), Ngô Quốc Phong (Mỹ), Đoàn Văn Thông (Mỹ), Hoàng-Phi Lưu Hoàng-Nguyên (Úc), TS. Lâm Như Tạng (Úc), Quỳnh Anh (Đức), Hướng Giang Thái Văn Kiểm (Pháp), Hà Ngọc Bích (Đức), Duy Phương (Ý), Phạm Minh Châu (Áo), An Hữu Viễn Phương; Võ Thu Tịnh (Pháp), Yên Tử Cư Sĩ Trần Đại Sỹ (Pháp), Hồ Thuận Thành (Đức), Cư Sĩ Đông Phương Mai-Lý-Cang (Pháp), Lê Nghĩa Chi (Đức), Lê Hòa Huyền Thanh Lữ (Đức), Tùy Anh (Đức), Quỳnh Hoa & Trần Phong Lưu (Đức) Đoàn Xuân Kiên (Anh), Hồng Nhiên & Thiện Căn Phạm Hồng Sáu (Đức), Phan Hùng Nhón (Đức), Châu Kim Mỹ (Ý), Phan Ngọc Minh (Đức), GS. Vũ Kỳ (Bi), Trần Đăng Sủ (Đức), Đặng Đức Hùng (Đức), BS Trương Ngọc Thanh & DS Trương Thị Mỹ-Hà (Đức), Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế (Pháp), Lê Doãn Kim (Mỹ), Ca Hà Nghê (Đức), Ngọc Tuyết (Đức), Nguyễn Thị Thúy Loan (Đức), Phạm Hữu Vui (Đức), Võ Thị Nga (Đức), Hải Vân (Mỹ), Nguyễn Văn Cường (Na Uy), Thiện Như (Đức), Đan Hà (Đức), Huy Giang (Đức), Người Quan Sát (Đức), N.T. -Comb La Ville- (Pháp), Lê Thị Bạch Nga (Mỹ), Viện Hóa Đạo (Việt Nam), Văn Nướng (Pháp), Ban Mê (Đức), Nhật Trọng Trần Văn Minh (Đức), Minh Vinh (Đức), Nguyễn Chí Thành (Đức), Phù Vân (Đức), Từ Nguyên (Pháp), Thiện Đăng Đoàn Thanh Bình (Đức), Vũ Nam (Đức), Từ Tâm; Nguyễn Thị Hoa (Đức), Tôn Quang Tuấn (Đức), Trần Minh Hòa (Đức), Ngọc An; Dỵ Sỹ (Mỹ), Trần Châu Lam (Hòa Lan), Bình Wiêt (Đức), Hiếu Đệ (Mỹ), Trần Kim Lan (Đức), Thanh Bình (Thụy Sĩ), Phong Hùng Lưu-Nhơn-Nghĩa (Úc), Hà Huyền Chi (Mỹ).

### KINH, SÁCH & BÁO CHÍ

- ĐỨC : Diễn Đàn Việt Nam số 98, 99; Buddhistische Monatsblätter Nr.45; Tuổi Trẻ số 35; Dân Chúa Âu Châu số 204, 205; Đất Nước số 36; Phương Nam số 1; Dân Việt số 35; Phục Hưng số 30; Lotusblätter; Wissen und Wandel; Dân Chủ cho Việt Nam số 30; Neue Caritas Heft 1 10/99; Sinh Hoạt Cộng Đồng số 125, 126, 127; Entwicklung und Zusammenarbeit 10/99, 11/99; Cánh én số 94; Bản Tin Tâm Giác số 11/99; Développement et Coopération Nr.6; Development and Co operation 6/99; Dân Văn số 71; Dân Chủ Phát Triển số 16; Tạp Chí Việt Nam Hòa Bình số 26.

- PHÁP: Tiếng nói Người Việt Quốc Gia số 7; Bản Tin số 47; Định Hướng số 20; Nhân Bản số 34, 35; Việt Nam Dân Chủ số 37; Khánh Anh 10/99;

- THỤY SĨ: Mục Vụ số 182.

- HÒA LAN: Việt Nam Nguyệt San số 143, 144.

- NA-UY: Pháp Âm số 4.

- HOA KỲ: Chân Trời Mới số 9/99; Tin Lành số 44, 45; Bồ Đề Hải số 45; Niệm Phật Pháp Môn giải thoát cho đời mặt pháp; Đẹp Magazine; Trúc Lâm số 13; Đại Tạng Kinh Nhập Môn -Thích Viên Lý-; Meeting of Minds; Suối Thở -Tuệ Nga-.

- CANADA: Đặc San Từ Ân (kỷ niệm 20 năm thành lập Chùa); Đi Tới số 26.

- ĐÀI LOAN: Thiên Phật Són số 125, 126; Art News Nr.46; Art News 10/99.

- ÚC ĐẠ I LỢI: Chuyển Luân số 18; Pháp Bảo số 54.



**Khóa tu bát quan trai giới tại  
Chi Hội Phật Tử VNTN Mannheim &  
VPC và việc cứu trợ bão lụt  
miền Trung Việt Nam của  
Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu**

Ngày 20-21.11.99 vừa qua, Chi Hội Phật Tử VNTN Mannheim & VPC có tổ chức một khóa Tu Bát Quan Trai Giới do Thượng Tọa Thích Như Điển, Viện chủ chùa Viên Giác chủ trì và hướng dẫn.

Liên tiếp những cuối tuần vừa qua, Thượng Tọa đã ưu ái dành cho Phật Tử tại các địa phương Frankfurt, Freiburg, Wiesbaden, Berlin, Reutlingen và Mannheim những khóa Tu Bát Quan Trai và ngày 27-28.11.99, Thượng Tọa sẽ quan lâm về Chi Hội Nürnberg.

Mặc dầu có rất nhiều Phật sự; nhưng hàng năm, vào thời điểm này, Thượng Tọa đều sắp xếp những Termine cho các Chi Hội để Thầy có dịp gần gũi Phật tử, hướng dẫn sự tu học và làm lễ cầu an tại các địa phương.

Tổng số đã có 68 Giới Tử chánh thức ghi danh thọ Bát Quan Trai Giới. Ngoài ra, có một số Đạo Hữu chỉ tham dự từng phần. Năm nay, sau nghi thức truyền trao Bát Quan Trai giới, Thượng Tọa đã thuyết giảng đề tài Kinh Tịnh-Hạnh Ưu-Bà-Di. Thầy đã nhắc nhở các đức tính mà người nữ Phật Tử cần có, cần trau dồi để không hổ danh mình là con của Phật. Qua kinh này, các Ưu-Bà-Tắc cũng có thể quán chiếu và suy gẫm.

Khóa tu còn có sự hiện diện của quý Chú Hạnh Sa, Hạnh Hào và Đức Thọ; là những hình ảnh để cho Phật Tử noi gương trên bước đường tu học. Quý Chú đã hướng dẫn các Giới Tử thời khóa Hồng Danh Sám Hối Công Đức Kinh. Đặc biệt năm nay, vào tối thứ bảy 20.11.99, Thầy đã chủ tọa buổi trà đàm rất thân mật và tười vui. Thầy muốn tạo cơ hội để mọi người có thể ôn lại sinh ngữ, kể cả tiếng Việt và chúng tôi nghĩ là Thầy cũng muốn gợi lại những áng văn thơ tuyệt tác trong các tác phẩm nổi tiếng của Việt Nam để nhắc cho chúng ta nhớ về nền văn hóa đặc thù của Dân Tộc.

Một nhân duyên thú vị khác là: Vừa qua, một cơn bão lụt tàn khốc đã xảy ra tại 7 tỉnh miền Trung Việt Nam! Số tử nạn gần 600 người và hàng trăm ngàn mái nhà bị sập đổ, khoảng 2 triệu

đồng bào nạn nhân phải sống trong cảnh màn trời chiếu đất, thiếu thực phẩm, nước uống và thuốc men!

Đáp ứng lời kêu gọi của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất từ trong nước, theo Thông Bạch số 12 ngày 4.11.99 của Sa Môn Thích Quảng Độ, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo; cùng với Giáo Hội Phật Giáo Hải Ngoại, nhân các khóa Tu Bát Quan Trai Giới tại Chi Hội Reutlingen, Karlsruhe cũng như tại Chi Hội Mannheim, Thượng Tọa đã tha thiết vận động và đã được sự hưởng ứng nhiệt tình của Phật Tử cũng như Đồng Hương. Theo Thông Báo đề ngày 16.11.99 của Hòa Thượng Thích Minh Tâm -thay mặt Giáo Hội Phật Giáo Âu Châu- tổng số tiền quyên góp được riêng tại Âu Châu cho đến nay là 94.596 Mỹ kim và tổng số tiền cứu trợ do các Giáo Hội Phật Giáo ở Hải Ngoại đã lên đến 500.000 Mỹ kim. Cuộc vận động cứu trợ còn đang tiếp tục.

Thể hiện câu: *Máu chảy ruột mềm, Lá lành đùm lá rách* cũng như tấm lòng tử bi của người con Phật, chúng ta nên phát tâm nhiều hơn nữa để góp phần xoa dịu niềm đau, sự mất mát to lớn của Đồng Bào chúng ta đang trong cơn hoạn nạn.

Nhân đây, Phật Tử thuộc Chi Hội Mannheim & VPC xin thành tâm cảm

niệm ân đức Thầy và quý Chú lúc nào cũng gần gũi, hướng dẫn chúng con trên bước đường tu học, làm Phật sự.

Xin cảm ơn tất cả quý Cô Bác, quý Đạo Hữu cũng như Đồng Hương đã tham dự khóa tu Bát Quan Trai và buổi lễ Phật cầu an tại địa phương; đã nhiệt tình đóng góp tịnh tài, phẩm vật, phương tiện và hưởng ứng lời kêu gọi cứu trợ để khóa tu có được kết quả tốt đẹp.

Chúng tôi không quên tán thán công đức quý Đạo Hữu trong các Ban đã chu toàn phần hành của mình. Sau hết, chúng tôi cũng xin thành tâm mong mọi quý Đạo Hữu bỏ qua cho những sơ sót mà chúng tôi biết là không sao tránh khỏi; cụ thể, vì thời tiết, độ lạnh xuống nhanh nên Halle không đủ ấm!

Trước thềm Thế Kỳ 21, cũng là khởi đầu Thiên niên kỷ thứ 3; nhân viết Bản Tin ngắn này, chúng tôi xin thành tâm nguyện Hồng ân Tam Bảo hộ trì cho Thế giới Hòa bình, nhân sinh an lạc; cho Phật Tử chúng ta Bồ Đề tâm tăng trưởng, luôn quay về với Thanh tịnh tâm (Phật tánh) của mình, kiên trì tu học, chân thành thương nhau trong Giáo lý Tử bi của Như Lai và Phật Đạo được viên thành.

● Nhứt Trọng TRẦN VĂN MINH

*Hoàng Nam Chúc Mừng Năm Mới  
Lịch Vạn Sự Canh Thìn Năm 2000*



Con người là một bản thể của vũ trụ Âm Dương. Do vậy mà cuộc sống con người cũng không nằm ngoài sự chi phối của vũ trụ. Theo kinh Phật và kinh Thánh đã phán truyền vài thế kỷ trước. Từ năm 2000 có nhiều thiên tai dịch họa. Trái đất, mặt trăng, mặt trời cùng nằm một trục thẳng. Sự chi phối của Âm Dương sẽ có nhiều thay đổi lớn. Nhờ sự hiểu biết có thể chuyển họa thành phúc, để sống khỏe mạnh, an vui như ý. Bạn nên xem cuốn **lịch vạn sự năm 2000**, được xây dựng trên cơ sở Việt Nam, cuốn sách nhỏ này nhằm phục sự hữu ích cho con người trong sinh hoạt đời sống. Những ngày nên đã tính rất kỹ, rất có lợi trong việc chọn ngày lành, tháng tốt. Thiên thời địa lợi nhân hòa. Giúp cho việc làm nhà, kết hôn, kinh doanh, tang hiếu. v.v... được thuận lợi. Kính chúc quý vị đạt nhiều kết quả trong cuốn sách này. Dày 100 trang, in tại Đức. Khổ 20x14 giá 35 ĐM tại Đức. Ngoài nước Đức 40 ĐM Mã hoặc tương đương. Tất cả đã cộng cước phí bưu điện. Mua từ 5 cuốn trở lên sẽ có giá hạ. Đặt nhiều xin báo trước. Nên gửi tiền trong thư thường, không cần gửi bảo đảm, các bạn sẽ có một cuốn lịch như ý.

Konto Nr. : 200 726 370 . BLZ : 1201 Sparkasse Saarbrücken  
Địa chỉ liên lạc . Bà Lam Van Yen. Molkestr.52. 66117 Saarbrücken.  
(Tel: 0681 / 585525).

# Phương Danh Củng Đường

(Tiếp theo VG 113)

## ● AN TỐNG

ĐH. Đỗ Trần Thúy Bào (Duisburg) 10DM. Ấn danh (Buchholz) 40DM. Nguyễn Thu Hồng (Donaueschingen) 50DM. Lưu Thị Yến (München) 100DM. Kim Văn Minh (Esterwegen) 10DM. Đường Nhất Huy 20DM. Nguyễn Khắc Trình (Bochum) 20DM. Cao Thị Sâm (Hochdorf) 50DM. Nguyễn Hạnh Trình (Kün-Beisenburg) 30DM. Phạm Thị H. Hạnh (Löbba) 100US. Lê Thị Nga 100DM. Lâm Kim Khánh (MG) 150DM. HHLH ĐH Diệu Huệ Nguyễn Thị Bày. Nguyễn Thị Bé (Köln) 20DM. Ngô Văn Thuận (Landshut) 20DM. Ngô Quế Trân (Dachau) 20DM. Trịnh Thị Thanh (Nürnberg) 20DM. Trần Thị Anh Trâm (Münster) 50DM. Nguyễn Văn Lữ (Gersthofen) 50DM. Fam. Bathke Tuyết (Gießen) 100DM. Nguyễn Thị Sen (VN) 80DM. Trần Thị Sáu (VN) 50DM. Nguyễn (Bergkamen) 10DM. Diệu Hoàng (Liederbach) 20DM. Đỗ Văn Hường 50DM. Đỗ Kiều Thanh (Dresden) 20DM. Đường Nhật Huy 20DM. Lâm Vô Hồ (Pháp) 100FF.

## ● KINH PHÁP HOA

ĐH. Nguyễn Thanh Tỳ (Recklinghausen) 100DM. Nguyễn Văn Thuận (Köln) 100DM. Ấn danh 1.000DM.

## ● KINH A-DI-ĐÀ

ĐH. Ấn danh 1.000DM.

## ● KINH VU LAN

ĐH. Đào Thị Chuyền (Vallendar) 20DM.

## ● BA KINH TỊNH ĐỘ

ĐH. Trần Anh Tuấn (Suisse) 75DM. Võ Văn Thắng (") 50DM. Trần Kế Hà (Pháp) 300FF. Hoàng Khánh Duy (Aachen) 20DM. Thị Chánh Trùng Tấn Lộc (Laatzen) 135DM. Nguyễn Thị Bé (Köln) 30DM. Casanova Thái Lan (Suisse) 50FS. Võ Thị Mỹ (Wiesbaden) 52DM.

## ● KINH ĐỊA TẠNG

ĐH. Trần Văn Phi (FF/M) 20DM. HHLH ĐH Trần Phiến & Nguyễn Thị Không. Nguyễn Thị Sửu (Đan Mạch) 200Kr.

## ● KINH PHẠM VÔNG

ĐH. Hùng Thục Kim (Trossingen) 100DM. Nguyễn Thị Diệp (Darmstadt) 100DM.

## ● KINH DƯỢC SỬ

ĐH. Võ Thị Nhân (Ý) 50.000Lire. Trương Quang Thanh (Karlsruhe) 100DM.

## ● BẠCH Y THẦN CHỦ

ĐH. Võ Thị Nhân (Ý) 50.000Lire.

## ● MỘT TƯỢNG PHẬT

ĐH. Lê Thị Ngọc Hân 120DM. Dr. Waltraud Freese (Hannover) 130DM. Chung Thị Ly (Pháp) 500FF. Đỗ Văn Lăng + Nguyễn Thị Lân + Đỗ Văn Ứng + Phạm Đăng Thế + Phạm Thị Bé (") 2.000FF. Claude Lanquet (") 400FF. Trần Đức Linh 120DM. Trần Đức Trán 120DM. Huỳnh Thị Thu Trúc 120DM. Henry Huang 120DM. Trần Phố Cờ 120DM. Huỳnh Xuyên Lương 120DM. Christopher H. Huang 120DM. Huỳnh Đức Tang 120DM. Huỳnh Đức Cầu 120DM. Phùng Thị Minh (Tiếp Khắc) 120DM. Trương Phương Đông (") 120DM. Thiện Lương + Thiện Phúc (GM. Hütte) 120DM. Phạm Ngọc Thắng + Thiện Huệ (") 120DM. Phạm Ngọc Quang + Thiện Mỹ (") 120DM. Vũ Công Các (Erfurt) 120DM. Trần Thị Chất (") 120DM. Trần Thị Diệu (") 120DM. Ngô Thị Toán (") 120DM. Cao Bá Thìn (") 120DM. Hoàng Văn Lập (") 120DM. Cao Thị Hinh (") 120DM. LPT Nguyễn Công Bình 120DM. HHLH Huỳnh Hoa 120DM. HHLH Huỳnh Trần Thị 120DM. HHLH Huỳnh Thọ Diên 120DM. Đường

Xuân Phùng + Dương Nhật Đông + Dương Xuân Nhi + Dương Nhật Cường (Suisse) 500FS. Nguyễn Thị Sen 120DM. Trần Thị Sáu 120DM. Nguyễn Văn Duyên (Vechta) 100DM. HHLH Trí Hoa Phan Thị Liên (Unna) 120DM. HHLH Marcelle Vacher (Pháp) 430FF. Tạ Quốc Anh (Nordweiler) 10DM. Lê Thị Ngọc Hân (Buchholz) 20DM.

## ● TƯỢNG QUAN THẾ ÂM

ĐH. Casanova Thái Lan (Suisse) 30FS. Trương Quang Minh (Immendorfer) 40DM. Nguyễn Thị Minh Sáu 20DM. Đào Thiện Mẫn 10DM. Ấn danh 1.000DM. Nguyễn Thị Sửu (Đan Mạch) 200Kr. Lâm Kim Khánh (M'Gladbach) 100DM.

## ● TƯỢNG QUAN ÂM THIÊN THỦ THIÊN NHÂN

ĐH. Đỗ Phượng Liên 20DM.

## ● TỰ SỬ CHÙA

ĐH. Lý Thanh Hường 100DM. Đinh Văn Tuyển (Duderstadt) 20DM. Li Thúy Phượng (Pforzheim) 50DM. Vũ Thủy 100DM. Hồ Chánh Kỳ (HH) 40DM. Trương Thị Thủy Nga (Aschersleben) 20DM. Lê Thị Vân (Velpke) 20DM. Trần Thị P. Lan (Heidenheim) 20DM. Nguyễn Hường Giang (Halle) 20DM. Phạm Hoàng Tuấn (Marburg) 10DM. Nguyễn Thị Nhu (Leipzig) 50DM. Đỗ Thuyền (Tiếp Khắc) 50DM. Nguyễn Khôi Nguyễn (Dietz) 10DM. Nguyễn Hoàng Gia Triều (") 10DM. Nguyễn Thị Chi (Krefeld) 20DM. My Schmitt (München) 20DM. Tô Thành Quang (Bayreuth) 50DM. Giang Tân (Hamein) 20DM. Đinh Bá Chính (Trier) 30DM. Đỗ Bằng Sĩ (Seelze) 20DM. Gđ. Đỗ Ngọc Linh (Bad Arolsen) 10DM. Michael Hong (HH) 10DM. Melinda (") 10DM. Lâm Anh (") 10DM. Gđ. Vũ Tiến Hùng (Kempen) 20DM. Châu Thanh Sơn + Thu Hiếu 100DM. Nguyễn Thu Nguyệt (Lünen) 20DM. Phạm Văn Hải (Giesen) 20DM. Nguyễn Văn (Ludwigshafen) 30DM. Nguyễn (Bergkamen) 20DM. Đoàn Xuân Kiên (Anh Quốc) 100DM. Khúc Tony 50DM. Vũ Thủy 100DM. Nguyễn Trọng Quý (Stuttgart) 161,15DM. Lê Văn Lợi (Schwäb Gründ) 30DM. Triệu Lâm Nguyễn (Haßloch) 50DM. Nguyễn Thị Mai (VS-Villingen) 43DM. Lương Ngọc Phách (Bielefeld) 50DM. Fam. Đặng (") 50DM. Lê Thị Mọc (München) 40DM. Nguyễn Thị Dũng (Münster) 50DM. Đào Xuân Thanh (Giesen) 15DM. Trần Hoàng Anh 10DM. Ngô Quốc Việt (Einbeck) 20DM. Cao Thị Thanh Liên (Bielefeld) 50DM. Nguyễn Thanh Tỳ (Recklinghausen) 50DM. Trần Tú Trinh (München) 1.000DM (chuyển từ cổ phần Hội Thiện sang). Trần Công Tuấn (Gera) 50DM. Phạm Thanh Bình (Jena) 50DM. Frau Erika Wiedenroth (Langenhagen) 500DM. Rest. Mây Vàng (BS) 1.500DM.

## ● TRAI TẶNG

ĐH. Trần Thị Liên (Đan Mạch) 100Kr. Huệ Ấn (Ý) 100.000Lire. Cao Thị Sâm (Hochdorf) 50DM. Lê Thị Ngo (Saarlant) 20DM. Phạm Thị Bưởi (D'dorf) 20DM. Đặng Thị Kim Hoa (Wahlstedt) 10DM. Nguyễn Thùy Linh (Lippstadt) 20DM. Tiêu Thị Thi (Erlangen) 50DM. Cao Thị Yến (Berlin) 30DM. Hoàng Ngọc Minh (Pháp) 500FF. Hằng Ứng (Speyer) 50DM. GĐĐH họ Tôn (Saarlant) 20DM. Diệu Đông (Heidelberg) 500DM. Vũ Văn Đông (Mannheim) 10DM. Trịnh Đức Vương 50DM. Diệp Văn Sơn (Wuppertal) 20DM. Triệu Cẩm Nguyễn (Haßloch) 30DM. Vương Lệ Hoa (Bonn) 50DM. Trần Kim Cang (Bremerhaven) 30DM. Hoàng Minh Tuấn (Bad Beutheim) 50DM. Nguyễn Hường Giang (Halle) 20DM. Nguyễn Thị Vân (Nürnberg) 10DM. Vương Thị T. Hường (Bamtrup) 30DM. Ngọc Hân (Buchholz) 10DM. Gđ. Thị Chánh (Laatzen) 100DM. Trương Quang Thanh (Karlsruhe) 50DM. Vũ Cao (") 20DM. Nguyễn Ban (Freiburg) 50DM. Lương Văn Xinh (Pforzheim) 25DM. Tạ Nguyệt Trinh (Heilbronn) 20DM. Tiêu Thị Keo (USA) 50US. Ngo Victoria (HH) 100DM. Lê Thị Mai (Australia) 200FB. Nguyễn Thị Kim Sanh (Nürnberg) 30DM. Nguyễn Văn Lữ Gersthofen) 50DM. Diệu Trán (HH) 20DM. Fam. Đinh (") 20DM. Nguyễn Thị Chi (Krefeld) 50DM. Đoàn Tường Khánh (Bielefeld) 20DM. Phúc Duyên + M. Duyên + N. Duyên (FF/M) 30DM. Võ Thị Thu (Hundsangen) 100DM. HHLH ĐH Vô Ngọc Cấn + Huỳnh Thị Hai. Gđ. Bùi Đình Phú (Unna) 100DM. HHLH ĐH Bùi Đình Phú.

Bầu Đạt Nguyễn Thanh Tâm (Trier) 100DM. HHLH Từ Thân Phu Mậu. Lê Văn Phú (Wismar) 150DM. HHLH ĐH Lê Thị Thu Phượng. Phan Thanh Tuy (") 100DM. HHLH YT Phan Thị Linh Đan. Nguyễn Đăng Lộc (Nürnberg) 30DM. Minh Tôn & Thanh Hòa (Laatzen) 50DM. Bác Sáu (") 20DM. Diệp 20DM. Diệu Hường 20DM. Thiện Y 100DM. Tuấn 20DM. Quảng Ngộ 50DM. Tâm Lượng 50DM. Võ Thị Lợi 50DM. Nguyễn Văn Tân 20DM. Diệu Anh 20DM. Thiện Đức 50DM. Diệu Linh 50DM. Thiện Vũ 20DM. Diệu Tinh 50DM. Hồ Thị K. Hạnh 50DM. Viên Tuyết 50DM. Phát 20DM. Đoàn Thanh Hùng 50DM. Đỗ Thị Cúc 20DM. Quan Cảnh Nha 20DM. Diệu Phước 50DM. Nguyễn Anh 20DM. Diệu Cần 10DM. Nguyễn Thị Lập 10DM. Thiện Tĩnh 20DM. Quảng Niệm 20DM. Thiện Châu 20DM. Trần Sang 20DM. Lê Quang Tường & Hữu 20DM. Đường Hồng Yến 20DM. Huỳnh Thị Hạnh 20DM. Thiện Thanh & Thiện Niệm 50DM. Nhật Thủ 20DM. Đào Trọng Hiếu 50DM. Lý Khánh Minh 10DM. Fam. Mo 10DM. Hoa Thị Bình 10DM. Nguyễn Thị Hằng 20DM. Diệu Đức 100FF. Thiện Như 20DM. Thiện Lương 20DM. Trịnh Thị Thanh 20DM. Nguyễn Thị Mỹ Lan 50DM. Thiện Pháp 10DM. Thiện Thọ 40DM. Thiện Đạo 10DM. Nguyễn Xuân Quang 20DM. Diệu Minh 50DM. Ngọc Diệu 50DM. Diệu Hộ 100DM. Thiện Nguyễn 50DM. Trần Minh Nhật (Nürnberg) 20DM. Thiện Lương (") 30DM. Thiện Trí (Dachau) 150DM. HHLH ĐH Nguyễn Quang Bình. Lý Văn Hiệp (") 100DM. HHLH ĐH Đào Thị Hà. Thiện Hạnh 50DM. Thiện Giáo 50DM. Bùi Văn Dũng 10DM. Nguyễn Thị Hằng 20DKr. Hà Mộng Thúy 50DM. Đường Thị Kim Bích 20DM. Phan Lê Thủ (MD) 10DM. Thiện Trí 20DM. Trần Bửu Đạt (FF) 50DM. Huỳnh Tường (München) 20DM. Nguyễn Hữu Bình (") 20DM. Lê Thu Hường 10DM. Ngô Văn Thuận 10DM. Ông Tân Thái (HH) 20DM. Phạm Hồng Sáu (Lingen) 20DM. Phạm Thị Ngọc Loan (Herten) 20DM. Nguyễn Từ 20DM. Lê Nhất Hiền (FF) 20DM. Trần Văn Quế 20DM. Diệu Đạo 20DM. Võ Văn Trâm (FF) 20DM. Diệu Hoàng (") 10DM. Diệu Thanh (Wiesbaden) 10DM. Minh Thảo 50DM. Diệu Lý 20DM. Thiện Thủy 20DM. Như Lương 20DM. Nguyễn Ngọc Mỹ 10DM. Ngọc Thanh 20DM. Nguyễn Kiều Đông (HH) 10DM. Thiện Tánh 50DM. Tâm Liên 20DM. Phan Thế Mỹ 20DM. Nguyễn Văn Nhung 20DM. Thiện Hải 20DM. Hằng Ung 10DM. Thiện Thế (Hannover) 10DM. Diệu Nhân 20DM. Trần Thị Lệ 20DM. Thiện Hữu 20DM. Nguyễn Thị Liễu 20DM. Lê Thị Lan 20DM. Nguyễn Bích Thủy 20DM. Vũ Thanh Tùng 80DM. Từ Lạc 20DM. PTVN Thụy Sĩ 20DM. Thiện Trán 30DM. Nguyễn Thị Cẩm Thủy 50DM. Trịnh Quang (Köln) 20DM. Lê Thị Bích Tùng (Hannover) 50DM. Cẩm Lan (") 10DM. Trương Nguyễn Anh 10DM. Minh Tân 10DM. Nguyễn Hồng Quang (Uelzen) 20DM. Lê Thị Sinh 10DM. Nguyễn Thị Thế 10DM. Phan Đình Thúc 10DM. Phan Đình Tạo 10DM. Bích Văn 20DM. Diệu Yến 50DM. Hường (London) 10DM. Minh Thanh 10DM. Nguyễn Tất Thắng 20DM. Hồ Thu Anh 50DM. Lê Văn Tài 10DM. Diệu Thuận 20DM. Hoàng Tuấn 20DM. Diệu Anh 20DM. Diệu Minh 20DM. Nguyễn Thị H. Bình 10DM. Huỳnh Thị Xuân Hường 10DM. Phan Thị T. Nga 20DM. Tạ Thị K. Lan 20DM. Nguyễn Văn Ngọc 20DM. Diệu Nữ 50DM. Ngụy Triệu Vô 10DM. Tâm Khương 20DM. Lương Tô Tử (Hannover) 20DM. Nguyễn Lê Nghĩa (") 30DM. Ky, Chi Nghĩa (") 20DM. Ky, Chi Trúc (") 20DM. Lưu Anh 20DM. Lâm Thị Sáu 20DM. Võ Thị Hai (Bremen) 10DM. Nguyễn Thị Bé (Köln) 50DM. Diệu Văn 20DM. Nguyễn Văn Hùng 20DM. Phan Thị Liên 30DM. Nguyễn Biên 20DM. Lê Thị Hồng (Hannover) 50DM. Ha Hung (") 10DM. Huỳnh Phước 10DM. Trần Đức Văn 20DM. Nguyễn Vĩnh Liên 50DM. Trần Trung Hiếu 30DM. Ấn danh 20DM. Phạm Công Hoàng (Bremen) 20DM. Nguyễn Thị Tinh 20DM. Lê Anh Kiệt 10DM. Tạ Ngọc Hoàng 50DM. Diệu Phùng 10DM. Lê Thị Từ 20DM. Văn Ngọc Xuân 10DM. Diệu Kim 30DM. Ngô Thị Dũng 100DM. Lê Văn Mão (Đan Mạch) 10DM. Trần Thị Tố Liên (München) 10DM. Lê Việt Hùng 10DM. Ngô Thị Thiệp 20DM. Nguyễn Thị K. Thiên 20DM. Nguyễn Lệ 10DM. Mỹ Ly Video 10DM. Lê Hồng Hoa 10DM. Lam Mạnh 10DM. Lê Hữu Diên 10DM. Tinh 10DM. Vũ Ly 20DM. Dương Minh Anh 20DM. Châu 10DM. Trần Mười 20DM. Trương Tuy Thanh 20DM. Võ Thị Cho 10DM. Nguyễn Văn Đông 20DM. Cao Toán Tấn 5DM. Diệu Yến 10DM. Thủy 20DM. Trần Thanh Pháp 20DM. Diệu Lang 5DM. Đỗ Thị Hòa 10DM. Minh Vinh 50DM. Triệu Ngọc Thanh 10DM. Ông Thị Hĩa 20DM. Nguyễn



Thị T. Lan 10DM. Đặng Văn Thanh 10DM. Trần Minh Giang 20DM. Marie Louise Kunde 10DM. Binh + Anh 10DM. Giác Tịnh 10DM. Trưởng Tôn Châu (Giessen) 20DM. Nguyễn Châu (Koblenz) 10DM. Thiện Hy 5DM. Vũ Trọng Ánh (Bremen) 60DM. Nguyễn Thị Lan (\*) 10DM. Nguyễn Tuấn Ngọc 10DM. Phạm Thị T. Trang 10DM. Lưu Mạnh Đức (HH) 20DM. Lê Nhật Thanh (\*) 10DM. Phan Thị Minh (FF) 20DM. Trần Thị M. Hường 10DM. Nguyễn Quang 10DM. Nguyễn Quang Mạnh (Hannover) 10DM. Nguyễn Quang Lưu (\*) 10DM. Thị Chơn (\*) 20DM. Lê Thị B. Phượng 10DM. Đặng Thị T. Trang 20DM. Mai Xuân (Bremen) 5DM. Phan Văn Lý 10DM. Nguyễn H. N. Khanh 20DM. Võ Thị H. Lê (Berlin) 4DM. Nguyễn Thị H. Loan 40DM. Phạm Khiêm 10DM. Lê Gia Tuyển (Hannover) 20DM. Thiện An (München) 50DM. Lê Huy Dũng 20DM. Như Sương 50DM. Tô Thành Quang (Bayreuth) 50DM. Chơn Bình & Chơn Trọng (Krefeld) 50DM. Dương Xuân Lang (Darmstadt) 50DM. Nguyễn Thanh Tỷ (Recklinghausen) 50DM. Lâm Thị Múi 20DM. Đặng Văn Lương (BS) 50DM. Ngô Tuyết Trĩ (\*) 50DM. Diệu Ngọc (Liederbach) 20DM. Héliène Antony (D'dorf) 50DM.

**● QUẦY HÀNG TINH THƯỢNG**

ĐH. Bắc Sầu Lầu (Laatzen) 50DM. Quảng Ngô (\*) 50DM. Lê Thị Lan Anh 20DM. Thiện Ý (Hannover) 10DM. Trần Như Sơn (\*) 10DM. Gđ. Từ & Thu (\*) 20DM. Jasmine Restaurant (\*) 50DM. Tuấn (\*) 10DM. Minh Cẩm (\*) 10DM. Mai Bá Phước (\*) 10DM. Minh Tâm Hà Thị (\*) 10DM. Ngụy Sơn Hải (\*) 5DM. Ngụy Sơn Toàn (\*) 5DM. Chi Hội PTVNTN (\*) 50DM. Võ Lam Nguyễn 20DM. Bùi Thị Trâm (Bielefeld) 10DM. Phạm Đăng Anh Tuấn (Kassel) 50DM. Larry Ngọc (Göttingen) 20DM. Gđ. Trưởng 30DM. Gđ. Phạm Ngọc Đảnh (Berlin) 10DM. Phạm Hồ Tuấn Anh 5DM. Chùa Quán Thế Âm (Aachen) 50DM. Trí Nghĩa (\*) 30DM. Vũ Thị Dâu (\*) 30DM. Nguyễn Thu Thủy (Wittlich) 60DM. Nguyễn Thị K. Sanh (Nürnberg) 50DM. Trịnh Thị Thanh (\*) 50DM. Trần Thị Anh Trâm (Münster) 20DM. Nguyễn Văn Lô (Gertschhofen) 50DM. Huỳnh Thúc Kỳ (Hagen) 100DM. Lê Thị Vân (Velpke) 20DM. Nguyễn Thế Hiến (Oberhausen) 20DM. Võ Thị K. Anh (Kassel) 20DM. Đào Thị Chúc (Großrosseln) 15DM. Gđ. Lê Văn Bảo (Freiburg) 200DM.

Chùa Viên Giác 50 bánh xu xê gân. Vũ Đình Hải (Neustadt) 50 bánh xanh. Hồ Châu (\*) 50 bánh dừa nướng. Võ Minh Hoàng (Obrethausen) 25 bánh giò. Đặng Ngọc Trân (Reutlingen) 60 bánh ít. Đồng Lai (\*) 120 bánh bía. Diệu Nữ (Laatzen) 50 miếng xôi vị. Tiểu Chí Chung (St. Ingbert) 200 bánh lá gai. Hoàng Tôn Long (FF) 262 bánh xu xê. Phan Văn Dũng (Hildesheim) 20 bịch nước ngọt. Châu Hồng Hoa, sừng sa hột lựu. Cổ Hạnh (BS) Chả giò. Lương Văn Xinh (Pforzheim) 100 bánh ít trần. Gđ. Trần Định (Kleegasse) 50 bánh xu xê. Quảng Thái (Hannover) Bắp + Kẹo. Chí Nghĩa 75 bánh xu xê.

**● CÙNG DƯỠNG CHÙA VIÊN GIÁC**

ĐH. Jasmine garten Rest. (Hannover) 10 bao gạo. Dynastie Rest. (Benningen) 10 bao gạo. Từ Thu Múi (Laatzen) 10 thùng dầu ăn. Nguyễn Quốc Tấn (Freiburg) 30 miếng đậu hũ. Dynastie Rest. (Springe) 10 thùng dầu ăn. Hồ Châu (Neustadt) 50 bánh dừa nướng. Thiện Thanh & Thiện Thọ (Karlsruhe) 10 khăn lông lớn + 10 khăn lông nhỏ + 10 hộp trà. Diệu Nữ (Laatzen) 115 miếng xôi vị. Nguyễn Thanh Phượng (Reutlingen) Bao thủ đủ loại. Nguyễn Xuân Tân (Kunselzau) 113 bánh chưng + 16 bánh dệp. Chi Hội PTVNTN Mannheim 120 kg nước sơn. Ấn danh (Nürnberg) Thực phẩm khô. Quang & Hồng (Kempen) 35 hủ chao.

**● GIÚP NẠN BẢO LỤT MIỀN TRUNG**

ĐH. Nguyễn Thị Cẩm Linh (Neuwied) 10DM. Ấn danh (Buchholz) 60DM. Hoàng Thị Nga (Bad Beuthheim) 50DM. Diên Kim Chi (M'Gladbach) 20DM. Diên Kim Đình (Rösrath) 50DM. Diên Kim Thoa (\*) 30DM. Diên Văn Nhân (Wuppertal) 50DM. Huệ Ân (Y) 100.000Lire. Tony Phan (München) 30DM. Lê Trần Lan Phượng + Lê Trần Thanh Phượng + Lê Trần Minh Phượng (Pháp) 1.000FF. Ấn danh (Bietigheim) 200DM. GĐĐH họ Tôn (Saarland) 50DM. Casanova Thái Lan (Suisse) 30FS. Trần Thị P. Lan (Heidenheim)

10DM. Lê Thị N. Hân (Buchholz) 20DM. Trần Bá (Nordhorn) 50DM. Nguyễn Thu Thủy (Wittlich) 40DM. Nguyễn Thị Kim Sanh (Nürnberg) 20DM. Huỳnh Khương Tửông (Hagen) 100DM. Gđ. Trịnh Minh Tâm (Bad Pyrmont) 50DM. Nguyễn Thị Thế (Münster) 100DM.

**● RẪM THÁNG TÂM**

ĐH. Phạm Hữu Vui (Weilrode) 20DM.

**● CÔ NHI VIỆN + CỤI + MÙ + DƯỠNG LÃO**

ĐH. Nguyễn Khắc Hải (Mainz) 17DM. Bùi Văn Quang 50DM. Tony Phan (München) 30DM. Vương Khánh Giảng (Oberhausen) 30DM. Quỳ Hàng Tinh Thượng (Hannover) 2.700DM. GĐĐH họ Tôn (Saarland) 80DM. Casanova Thái Lan (Suisse) 30FS. Trưởng Quang Minh (Immendorfer) 40DM. Phạm Minh Thu (Regensburg) 50DM. Trần Thị P. Mai (Heidenheim) 20DM. Lê Đình Nhượng (\*) 20DM. Vũ Thị K. Toàn (München) 20DM. Lê Thị N. Hân (Buchholz) 40DM. Trần Bá (Nordhorn) 50DM. Nguyễn Thị Văn (Nürnberg) 20DM. Gđ. Trịnh Minh Tâm (Bad Pyrmont) 50DM. Trần Minh Nhật (Nürnberg) 40DM. Giang Tân (Hameln) 20DM. Gđ. Đỗ Ngọc Linh (Bad Arolsen) 10DM. Nguyễn Văn Ty (Weil am Rhein) 50DM. Hứa Trường Hưng (Oldenburg) 50DM. Nguyễn Thu Hà (Giesen) 20DM. Đào Thị Chuyên (Vallendar) 30DM. Lưu Phước Lợi (Nordhorn) 20DM. Lê Linh 20DM. Tô Thanh Quang (Bayreuth) 20DM. Thái Thị Thu (Hameln) 100DM. Nguyễn (Bergkamen) 10DM. Ấn danh 25DM. Phạm Đoàn Dũng (Mannheim) 1.000DM. Trịnh Trọng Hiếu + Thu Huệ (Paderborn) 300DM. Nguyễn Lệ Xuân (Ludwigshafen) 20DM. Trần Thúy Nguyễn (Pforzheim) 40DM. Nguyễn Thị Nhi Em (Bochum) 100DM. GĐĐH Vương (Oberhausen) 30DM. Thái Quang Minh (Erlangen) 50DM. Trần Đức Minh (March) + Đoàn Văn Minh & đồng bào Việt Nam (Freiburg) + Nguyễn Trọng Thanh 1.000DM. Trần Văn Nam (Pforzheim) 50DM.

**● TRẠI MÙ SÓC TRĂNG**

ĐH. Đoàn Xuân Kiên (Anh Quốc) 100DM.

**● CÔ NHI VIỆN ĐÀ NẰNG**

Quỳ Hàng Tinh Thượng (Hannover) 1.000DM.

**● ĐỘNG ĐẤT THỔ NHÍ KỲ**

GĐĐH họ Tôn (Saarland) 50DM.

**● TRẺ EM NGHÈO ẤN ĐỘ**

ĐH. Casanova Thái Lan (Suisse) 30FS. ĐH. Huỳnh Hào Kha (Hagen) 50DM.

**● TRẺ EM NGHÈO PHI CHÂU**

ĐH. Casanova Thái Lan (Suisse) 30FS. Lê Thị N. Hân (Buchholz) 20DM. Huỳnh Thị Thanh (Hagen) 50DM.

**● QUỸ HỌC BỔNG TẶNG NI**

ĐH. Trần Thị 150DM. Đặng Văn Hoa (Herme) 500DM. Nguyễn Văn Đồng (Freiburg) 100DM. Đoàn Văn Kiên (Anh Quốc) 300DM.

**● HỌC BỔNG TẶNG NI ẤN ĐỘ**

ĐH. Thiện Hiền Võ Thành Nao (Essen) 100DM. Ngô Victoria (HH) 50DM. Nguyễn Thanh Tỷ (Recklinghausen) 50DM. Trịnh Trọng Hiếu (Paderborn) 300DM.

**● CHÙA VIỆT NAM**

ĐH. GĐĐH họ Tôn (Saarland) 30DM. Trần Thúy Nguyễn (Pforzheim) 20DM. Trần Văn Nam (Pforzheim) 50DM.

**● ỦY BAN GIẢI TRỪ PHÁP NẠN**

ĐH. Trần Thị Minh Thu (Heidheim) 20DM. Bùi Thị Trâm (Bielefeld) 20DM.

**● HƯƠNG LINH KỶ TỬ**

ĐH. Tôn Nữ Thị Xuyên (Hannover) 150DM. HLDH Tôn Thất Biên. Nguyễn Văn Tân (Giesen)

150DM. HLDH Nguyễn Văn Khoa. Nguyễn Hồng Phong + Thúy Nga (Bremen) 150DM. HLDH Nguyễn Minh Loan.

**ĐỊNH KỶ HÀNG THÁNG XÂY CHÙA VIÊN GIÁC**

Chúng tôi thành tâm kêu gọi quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần hỗ trợ Chùa bằng cách đóng góp Định Kỳ Hàng Tháng qua Ngân Hàng bằng lối Dauerauftrag để việc thực hiện trả nợ xây chùa có khả quan hơn.

Khi chuyển tiền tài cúng Chùa, xin quý vị vui lòng ghi vào nơi (Verwendungszweck = mục đích cho việc gì) để Văn phòng dễ làm việc. Quý vị ở xa ngoài nước Đức cũng có thể gửi tiền mặt hoặc Check trong thủ, có thể gửi thường hoặc bảo đảm về Chùa. Xin thành thật cảm ơn quý vị.

Tất cả mọi sự Cúng Dưỡng định kỳ hoặc những lễ lạc khác cho Chùa, quý vị đều có thể lấy Giấy Khai Thuê Lại (bằng tiếng Đức) để cuối năm quý vị có thể khai khấu trừ thuế với Chính Phủ. Quý vị nào cần, xin liên lạc về Chùa bằng thư hoặc bằng điện thoại, chúng tôi sẽ gửi giấy đến quý vị.

Quý vị chuyển tiền tài về Chùa, xin chuyển vào một trong hai số Konto như sau:

**1. CONGR. D. VEREIN VIETN. BUDDH. KIRCHE E.V.**  
KONTO NR. 870 1633  
BLZ 250 700 70  
**DEUTSCHE BANK HANNOVER**  
**(MỖI NGÀY NGÂN HÀNG BÁO MỘT LẦN)**

**2. PAGODE VIEN GIAC**  
KONTO NR. 870 3449  
BLZ 250 700 70  
**DEUTSCHE BANK HANNOVER**  
**(MỘT THÁNG NGÂN HÀNG BÁO MỘT LẦN)**

Ngôi Chùa thành tựu và phát triển được hay không là nhờ vào sự hỗ trợ từ vật lực cũng như tinh thần của quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần. Vì thế chúng tôi xin kêu gọi quý vị hoan hỉ đóng góp phần mình vào việc chung trên để ước nguyện của chúng ta thành tựu viên mãn.

**NAM MÔ CÔNG ĐỨC LÂM BỒ TÁT MA HA TÁT**

**Phương danh cúng dường**

(TÍNH ĐẾN NGÀY 29.11.1999)

Trong thời gian gần đây, Chùa có nhận được tiền của quý Đạo Hữu gửi bằng cách chuyển qua Ngân Hàng hay bằng Bưu Phiếu, nhưng không có ghi rõ mục đích. Thí dụ như Cúng Dưỡng Tam Bảo, Xây Dựng Chùa, Ấn Tống Kinh, Pháp Bảo, trả tiền bánh trái v.v...

Ngoài ra có Đạo Hữu nhờ người khác đứng tên chuyển tiền nhưng không rõ là chuyển tiền dùm cho ai để Cúng Dưỡng hoặc thanh toán về vấn đề gì. Do đó khi nhận được tiền, Chùa không thể nào ghi vào sổ sách được.

Để tránh những trở ngại nêu trên, kính xin quý Đạo Hữu khi chuyển tiền hoặc gửi tiền về Chùa nhờ ghi rõ Họ & Tên, địa chỉ đầy đủ và mục đích, để Chùa tiện ghi vào sổ sách.

Ngoài ra khi quý vị xem Phương Danh Cúng Dưỡng xin đọc phần trên cũng là tính đến ngày...? tháng...? để biết rằng tiền đã chuyển đi ngày nào và tại sao chùa có tên trong danh sách. Chùa có 2 số Konto. Riêng số 870-3449 thì **Một Tháng** ngân hàng mỗi báo một lần, nên có sự chậm trễ đăng tải danh sách trên báo. Kính mong quý vị thông cảm cho.

Thành thật cảm ơn quý Đạo Hữu. Danh sách PDCD của quý Đạo Hữu và Phật Tử, chúng tôi xin phép chỉ đánh máy một lần chủ ĐH (Đạo Hữu) ở bên trên.

**● TAM BẢO**

ĐH. Nguyễn Chí Quang (Hamburg) 150DM. Ngô Quang Huy (Mannheim) 50DM. Lê Thị Hoa (Filderstadt) 50DM. Thu Uom 20DM. Tabahus (Lanstedt) 10DM. Phạm Thị Bách Dục (Langenhagen) 20DM. Fam. Teicker (\*) 10DM. Gđ. Phạm Ngọc Kỳ 30DM. Vũ Thị Phượng Nội (Việt Nam) 10DM. Ấn danh 10DM. Ngọc Hùng &

Hằng (Đan Mạch) 10DM. Lê Bích Lan (Hannover) 20DM. Tuu Minh Vương 20DM. Pisamai Sutarark 20DM. Lê Trung Diên (Wiesbaden) 20DM. Trưởng Thị Ánh Hoa (Neustadt) 100DM. Lương Kim Phượng 40DM. Oranong Jinaphan (Bielefeld) 20DM. Fam. Ong 20DM. Trưởng Phúc 200DM. Tino Tesmann 2,500DM. Ngô Anh Kiệt (Gummersbach) 50DM. Trần Ninh Kiều (Grevembroich) 10DM. Gđ. Mai Thị Tâm (Vlotho) 100DM. HHHH ĐH Mai Văn Trí. Hoàng Thanh Bình 20DM. Đặng Thăng 10DM. Fam. Hase + Netnakhon 10DM. Nam + Kai 10DM. Nguyễn Duy Tân (Bremen) 20DM. Nguyễn Văn Phan (Berlin) 20DM. Trần Duy Long (Papenburg) 20DM. Wuntong Rinau - Linda Rinau - Volker Rinau 135DM. Mai Bá Phước & Hà Thị Minh Tâm (Hannover) 100DM. Fam. Tsang (Rietberg) 80DM. Ngô Thị Thu Ba (München) 20DM. Từ Thu Muối (Laatzen) 50DM. Nguyễn Thị Hoàn (Elsfeth) 10DM. Đỗ Hữu Hưng 30DM. Ngô Thị Hồng Nhan 10DM. Thái Lan 20DM. Trần A Tài 10DM. Thiện Hưng Thu Hằng 20DM. Đỗ Quyên 20DM. Nguyễn Trọng Hải (Bemau) 20DM. Miu Si Tong 100DM. Phạm Văn Hải (Giesen) 20DM. Thailand 70DM. Nguyễn Hồng Điệp 20DM. Phạm Văn Út (Italy) 10.000Lire. Vũ Thúy Tuyết Phi (Mannheim) 50DM. HHHH ĐH Nguyễn Mạnh Hồng. Phan Đoàn Lanh (Magdeburg) 150DM. Nguyễn Tấn Hoài 40DM. Huỳnh Tường (München) 50DM. Lions Club (Isernhagen) 805DM. Cao Thị Sâm (Hochdorf) 50DM. Chi Hội Phật Tử VN tại Wiesbaden 500DM. Phan Thị Thu Hồng (Mainz) 50DM. Nguyễn Thị Ngao (Kleinstheim) 50DM. Minh Tấn (Darmstadt) 100DM. Nguyễn Trí + Nguyễn Tú (Usingen) 100DM. Nguyễn Biên (Neu Anspach) 100DM. Chúc Tiến (\*) 100DM. Đỗ Việt Hoa (\*) 20DM. Diệu Hồ (Langen) 100DM. Thiện Lâm & Thiện Đăng (\*) 100DM. Đông Thị Nga (Wiesbaden) 50DM. Tuấn & Vân (Hameln) 20DM. Bùi Ngọc Trân (USA) 20US. Quảng Hải & Diệu Bảo (\*) 30DM. Hữu Hỷ trong Ban Hộ Trì chùa Viên Giác 95DM. Diệu Thuận 20DM. Trí Hào 40DM. Nguyễn Thị Mỹ Lan (Frankfurt) 100DM. GĐH Thiện Giáo (Göttingen) 200DM. Nguyễn Thị Đường 50DM. Nguyễn Thị Liên 20DM. Trang Kiến Ngọc (Langenhagen) 20DM. Nguyễn Công Thành (Hameln) 20DM. Đào Quốc Trung 10DM. Thang Kiến Toàn (Oberhausen) 20DM. Vi Thiệu Trung (BS) 20DM. Công Xuân Trí (Ruhland) 50DM. Nguyễn Ngọc Ánh 10DM. Nguyễn Văn Hùng (Dresden) 50DM. Hồ Chánh Kỳ (Hamburg) 20DM. Cholkanok 10DM. Tino Tesmann 2DM. Trần Thị Hải (Löhne) 20DM. Phạm & Vũ (Hameln) 20DM. Nhung Long (Bad Salzuflen) 30DM. Nguyễn Đông 20DM. Vũ Hồng Hà (Việt Nam) 5US. Diệu Minh 20DM. Nguyễn Thị Sói (Hannover) 20DM. Trưởng Thị Kim 30DM. Huế Wollenberg 50DM. Trần Đức Vinh 500DM. Nguyễn Phú Nhan (Frankfurt) 30DM. Trần Tấn Tiêng 20DM. Trần Thị Xuân Mai (Fulda) 60DM. Khúc Antony (Rastadt) 50DM. Thiện Tài + Thiện Hiếu (Canada) 300Can. Thị Đạo (\*) 40Can. Phạm Gia Lữ (USA) 200US. Trưởng Thị Liễu (\*) 30US. Hoàng Thị Cúc (Obertshausen) 10DM. Đức Thụ + Minh Vinh (Hannover) 200DM. Fam. Jorsch (\*) 100DM. GĐH Lương Khai (Bad Iburg) 250DM. HHHH ĐH Lương Khai. Hồ Thị Thanh (Meerbusch) 50DM. Minh Thanh (Anh) 20 Anh kim. Đỗ Thị Vinh (Frankenthal) 20DM. Minh Thạnh Nguyễn Thanh Long (Berlin) 100DM. Chùa Linh Thủ và Chi Hội PT Berlin 500DM. Thiện Sơn và gia đình (Berlin) 100DM. Gđ. Sứ Cổ Huệ Niệm (\*) 150DM. Vương Tôn Sanh (Trung Quốc) 10DM. Tâm Tố + Nhật Định (Aachen) 20DM. Phú Di Tạ (Frankfurt) 100DM. Lê Tiến Bình 20DM. Trần Thị Nhuận (Esens) 20DM. Nguyễn Thị Bằng (\*) 20DM. F. Gloins 10DM. Trjohn Thị Anh Hoa 100DM. Fam. Đặng 80DM. Công Tăng Tôn Nữ Mỹ Hòa (Aachen) 50DM. Jasmin Kürster 20DM. Thomas + Naree + Nicola + Tobias 10DM. Ngô Quốc Trung (Việt Nam) 10DM. Trần Thị Kim Loan (Magdeburg) 40DM. Đào Thiện Mẫn (Ronnenberg) 20DM. Asia Cuisine Rest. (Hannover) 50DM. Nguyễn Thị Mai (Minden) 20DM. Fam. Ong 30DM. Đặng Đđ (Wuppertal) 100DM. Trần Trọng Hùng 20DM. Hùng + Linh Quách (Damme) 100DM. Trần Thị Bông (Nordenham) 40DM. Nguyễn Tuấn Anh (Schude) 20DM. Trưởng Văn Kies (Magdeburg) 20DM. Đoàn Thị Thanh Tú (Paris) 20US. Tan Chea (\*) 100FF. HHHH ĐH Nguyễn Thị Tâm (Oldenburg) 300DM. Minh Triết + Henrik (Göttingen) 300DM. Lương Đức Hữu (Garbsen) 1.000DM. Lê Thị Đỗ (Dietzenbach) 80DM. Dương Anh Tuấn 50DM.

Tsang (Rietberg) 100DM. Casanova Thailan (Suisse) 100FS. Thiện Liên Lâm Kim Loan (Neu Uim) 40DM. Lê Thị Hồng (Piezhausen) 20DM. Kiều Hùng (Hannover) 100DM. HH chủ HL từ thân Phụ Mẫu. Vũ Thị Ngọc Lan (Tiếp Khắc) 1.000Curen. Nguyễn Thị Thêm (\*) 300Curen. Lê Thị Thanh (\*) 500Curen. Hoàng Thị Thảo (\*) 500Curen. Trần Đoàn Mạnh Hùng (\*) 500Curen. Ngô Đức Hải (\*) (\*) 500Curen. Vũ Thị Hồng Nhung (\*) 1.000Curen. Nguyễn Thị Ngọc Hạnh (\*) 1.000Curen. Mai Đăng Hòa (\*) 500Curen. Trần Đoàn Yến (\*) 100Curen. Phạm Thanh Nam (\*) 300Curen. (6.200 Curen = 300 DM). Phạm Thị Tuyết Nhung (\*) 70DM. Phạm Thủy Khanh (\*) 5US. Nguyễn Tuấn Dũng (\*) 10US. Trần Đoàn Toán (\*) 50DM. Phùng Quốc Dũng (\*) 50DM. Vũ Thị Kim Oanh (\*) 50DM. Nguyễn Thị Rung (\*) 50DM. Lê Thị Vân (Velpke) 100DM. HHHH ĐH Đặng Công Nhu. Quảng Hiền Đào Hữu Chí (Hamburg) 100DM. Vũ Quốc Hoài (Papenburg) 20DM. Vũ Công Văn (Hundhaupten) 10DM. Nguyễn Văn Nho (Naumburg) 10DM. Đặng Vũ Lực (Seevetal) 20DM. Bích Nga Voigt (Breitungen) 20DM. Thái Thuần Dũng (Waltershausen) 20DM. Nguyễn Thị Dương 40DM. Phạm Văn Tuấn (Halle) 20DM. Đào Thiện Mẫn (Ronnberg) 10DM. Hoàng 20DM. Phan Thanh Hải (Lehrte) 10DM. Becker 20DM. Diệu Bảo 20DM. Thiện Ý + Thiện Y (Halle) 20DM. Nhựt Đạo (Hamburg) 20DM. Công Minh (Erfurt) 10DM. Vũ Ngọc Sơn (Hochdorf) 20DM. Vũ Thị Đức (Ingolstadt) 80DM. Vũ Đức Quỳnh Như (\*) 20DM. Chi Hội Phật Tử VNTN tại Reutlingen 1.500DM. Nguyễn Thị Thanh Hường (Emmendingen) 30DM. Phùng Thị Quảng (Freiburg) 20DM. Thiện Thành (Kassel) 100DM. Trần Thị Ba (Sindelfingen) 100DM. Dicks, Yến (Hasewinkel) 500DM. Trần Thu Liên Hường (Soest) 20DM. Nguyễn Thị Lệ Hằng (Paderborn) 50DM. Trần Ngọc Diệp (Essen) 70DM. HHHH ĐH Trần Văn Trí. Lê Thanh 30DM. Nguyễn (Homburg) 50DM. Nguyễn Xuân Yến (USA) 200US. Thiện Thanh + Diệu Quảng (Kunzelsau) 40DM. Trịnh Quang Phú (Ludwigshafen) 50DM. Nguyễn Thị Tâm (Burgdorf) 20DM. Nguyễn Thị Thế Phượng (Hof) 50DM. Cầu siêu HLĐH Nguyễn Văn Thuận. Tá Nhuận (Frankfurt) 50DM. Hồ Thu Thủy 30DM. Trần Khúc Công (Aschaffenburg) 100DM. Trưởng Lang & Đặng Thị Thế (Kaiserlautern) 200DM. HHHH ĐH Trưởng Long. Dr. Nguyễn Xuân Trang (Göttingen) 500DM. Đào Trọng Luân 30DM. Khúc Tony 50DM. Kiu Fu Man 120DM. Phạm Văn Dũng (Hildesheim) 300DM. HHHH ĐH Đỗ Thị Hoa. Chùa Thiện Hòa (M'Gladbach) và Chùa Quan Âm (Aachen) 500DM. Huỳnh Hữu Hạnh (Zell-Mosel) 20DM. Huỳnh Thị Cón (Pháp) 150FF. Thúy Hồng (\*) 500FF. Đỗ Văn Quý (Canada) 40Can. Chi Hội Phật Tử VNTN tại Karlsruhe 1.000DM. Đoàn Thị Liên (\*) 50DM. Kim Oanh (Hòa Lan) 20DM. Lê Thị Minh Hiền (Wernigerode) 10DM. Thiện Giới (Sindelfingen) 300DM (tủ băng Cassette về bệnh Tiểu Đứơng). Daniel 30DM. Mai Hồng Tuấn (Merseburg) 30DM. Thiện Chánh (Mannheim) 50DM. Lý Thanh Hường (Pforzheim) 50DM. Nguyễn Thị Dương 20DM. Nguyễn Đức Tâm 10DM. Trần Thị Văn Anh (Erfurt) 10DM. Vương Tú Mai (Singapor) 10DM. Choo Bee Hoon 60DM. Nguyễn Văn Tinh 10DM. Nguyễn Thị Minh Sáu (Empelde) 10DM. Nguyễn Thu Hà (\*) 10DM. Haus-Wilhelm Heine 20DM. Fam. Ong 30DM. Thiện Hưng 20DM. Nguyễn Thế Quang (Garbsen) 10DM. Hoàng Ngọc Long 50DM. Trịnh Bình Minh (Pattensen) 20DM. Quý + Hường (Erfurt) 500DM. Lê Thị Bích Lan (Hannover) 20DM. Aprita 20DM. Boonruen + Bernd 20DM. Nonglux Kremer (Hannover) 10DM. Vũ Chí Thiện (Armstadt) 10DM. Phan Liên (Nonnea) 41DM. Ôn Thanh Tâm 50DM. Lions-Club (Isernhagen) 300DM. Đoàn + Cúc + Chi (Stuttgart) 260DM. Fam. Ngô (Hannover) 450DM. Huỳnh Văn Liệu (Unna) 20DM. Nguyễn Thị Soan (Einbeck) 150DM. HHHH ĐH Nguyễn Văn Du. Lê Sanh (Pforzheim) 30DM. Phùng Văn Thanh 110DM. Herr Franz Furtineier (D'dorf) 200DM. Trưởng Quan Phúc (Moschheim) 30DM. Dr. Đào Trọng Hợp (Karlsruhe) 500DM. Phạm Thị Hồng (Herten) 30DM. Nguyễn Thị Hoàn (Elsfeld) 10DM. Ân danh (München) 400DM. Châu Thị Khanh 50DM. Trần Văn Các (Bremen) 20DM. Trịnh Anh Thó 20DM. Nguyễn Danh Tuấn (Việt Nam) 10DM. Dương Thị Minh Loan 10DM. Hàng Hữu Trang (Garbsen) 10DM. Nguyễn Thị Kim Phụng (\*) 10DM. Nguyễn Thị Thanh Mai (Berlin) 20DM. Phạm Thị Toan (Bahnsdorf) 20DM. Vũ Quốc Hoàn (Papenburg) 20DM. Phan

Thị Vân (Việt Nam) 20DM. Nguyễn Thị Thanh (\*) 10DM. Phạm Văn Hải (Hassede) 10DM. Jmm & Frank 10DM. Quảng Tín 20DM. Nguyễn Anh (Sehnde) 40DM. Vương Đại Kim (Neuruppin) 10DM. Phạm Quang Minh 10DM. Đoàn Thị Hồng Phướng (Köthen) 10DM. Nguyễn Văn Thảo (\*) 20DM. Thiện An Đồng Hoàng Việt (Hamm) 50DM. Nguyễn Thị Lan 10DM. Hoàng Ngọc Phượng (Kleinstheim) 20DM. Nguyễn Thị Vinh (Neustadt) 100DM. HHHH ĐH Nguyễn Văn Quang. Nguyễn Văn Lưu (\*) 20DM. Nguyễn Công Thanh 20DM. Huỳnh Thị Phận 50DM. Nguyễn Thị Ngọc Thanh 40DM. Chi Hội PTVNTN tại Mannheim & VPC 500DM. Dũng (Mannheim) 50DM. Hằng Ứng (Speyer) 100DM. Huỳnh Văn Khả (\*) 200DM. Thiện Lạc (Mannheim) 100DM. Quách Thị Phướng (Friedrichshafen) 100DM. Nguyễn Thị Thanh Hồng (Datten) 30DM. Tôn Nữ Thanh Vân (Friedsoythe) 40DM. Fam. Trưởng (A.) 50DM. Lý Chấn Lợi (Hannover) 40DM. Đinh Thị Thắm + Cade T. Văn (Pháp) 400DM. Dr. Đào Trọng (Karlsruhe) 300DM. Trần Tú Kinh (Freiburg) 20DM. Đào Quỳnh Hoa (Böblingen) 400DM. Quách Hải Quang (Frankfurt) 50DM. HHHH ĐH Trần Xéo Anh. Thái Trần (Duisburg) 60DM. Đồng Thị Xuân (Burgwedel) 10DM. Đồng Đức Thu (\*) 10DM. Nguyễn Việt Tiến (Esens) 10DM. Giang Thị 100DM. HHHH ĐH Giang Kim Điện. Nguyễn Thị Minh Sáu (Empelde) 20DM. Nguyễn Phượng Mai 10DM. Phùng Văn Linh (Berlin) 10DM. Lê Thái Bắc (Wildeshausen) 10DM. Phan Thị Ngọc (Wolfenbüttel) 20DM. Lê Quang Thịnh (Laatzen) 20DM. Đinh Hưng 30DM. Trần Xuân Phượng 60DM. GĐPT Chánh Dũng (Nürnberg) 120DM. Chi Hội PTVNTN tại Erlangen + Fürth + Nürnberg 1.800DM. Cao Thị Chi 100DM. Giang Lăng Muối (Nümbreg) 10DM. Dr. Đoàn Sơn (Langen/Frankfurt) 50DM.

● BẢO VIÊN GIÁC

ĐH. Ton (Blankenburg) 20DM. Fam. Teickner (Langenhagen) 20DM. Minh Thiện (USA) 20US. Lý Thị Kim Huệ (Pháp) 100FF. Patrick Trumont (\*) 200FF. Trần Kim Anh (\*) (\*) 100FF. Bành Thắm Cường (Wiesbaden) 20DM. Lưu Bảo Châu (Hörsten) 20DM. Mai Thị Tâm (Vlotho) 20DM. Mai Văn Lý (\*) 20DM. Nguyễn Công Khai (Cham) 30DM. Nguyễn Xuân Hạnh (Anh) 20 Anh kim. Vũ Chí Thiện (Armstadt) 20DM. Nguyễn Văn Kế (Furtwangen) 20DM. Tạ Tu Van (Wallenroth) 20DM. Hoàng Tuấn (Wistedt) 50DM. Trần Huỳnh (Frankfurt) 20DM. Lê Thị M. Khanh (Emden) 50DM. Hồ Phước Ban (USA) 40US. Ngô Kim Bằng (Kieselbronn) 20DM. Nguyễn Hồng Văn (Nürnberg) 50DM. Phạm Văn Út (Italy) 10.000Lire. Đỗ Thị Thanh Vân (Duisburg) 20DM. Trần Tấn Đạt (Bi) 20DM. Nguyễn Văn Thạch (Piochingen) 50DM. Phan Đoàn Lanh (Magdeburg) 20DM. Phan Thị Thu Hồng (Mainz) 20DM. Nguyễn Thị Thương (Wiesbaden) 20DM. Huỳnh Tuyết Vân (\*) 50DM. Khâu Cẩm Văn (\*) 50DM. Nguyễn Thị Thu Thảo (\*) 40DM. Ngô Thành Cát (\*) 50DM. Đinh Văn Trâm (\*) 30DM. Nguyễn Thị Kim Cúc (Hattensheim) 50DM. Diệu Trí Trần Thị Len (Neu Anspach) 50US. Trần Thị Hải (Löhne) 30DM. Lê Kim Hường (Heilbronn) 100DM. Nguyễn Quốc Định 20DM. Trần Văn Nhứt 30DM. Đoàn Thị (Berlin) 1.500DM. Dương Nhất Huy 20DM. Lý Văn Cúc (Neuss) 20DM. Phan Tuy 50DM. Nguyễn Khắc Hải 20DM. Tạ Văn Sơn 30DM. Stefan Weis 30DM. Ngô Thị Bích Liên (Canada) 100Can. Nguyễn Xuân Khương (USA) 20US. Trưởng Thị Liễu (\*) 30US. Nguyễn Thị Dung (\*) 30US. Thủy Nguyễn (\*) 170DM. Trần Văn Minh (Hòa Lan) 35Guld. Hoàng Thị Cúc (Obertshausen) 40DM. Kiều bảo Việt Nam tại Bad Iburg 140DM. Hồ Thị Thanh (Meerbusch) 50DM. Nguyễn Gia Quốc (Solingen) 20DM. Hoàng Thị Tuất (Lahr) 20DM. Bích Thủy (Parsberg) 20DM. Vũ Thị Dung (Nürnberg) 20DM. Niemi 20DM. Nguyễn Văn Lâm (Suisse) 100FS. Tan Chea (Paris) 100FF. Dr. Võ Vinh Hoa (Pháp) 300FF. Lâm Kỳ Thạch (Papenburg) 20DM. Phi Thị Lan Hường (Berlin) 50DM. Trần Ngọc Thạch (Hamburg) 20DM. Trần Thị Loan Anh 20DM. Lê Hoa (Na Uy) 100Kr. Trần Anh Tuấn (Wiesbaden) 50DM. Trịnh Thị Hồng (Stockelsdorf) 20DM. Đỗ Văn Nghiêm (München) 50DM. Nguyễn Văn Đạt (\*) 20DM. Dương Văn Quan 50DM. Nguyễn Hạnh Trinh (Kün-Belsenburg) 20DM. Nguyễn Hải (USA) 30US. Bùi Hải Văn (Albstadt) + Nguyễn Tuấn Bảo (Grundelfingen) + Ngô Việt Hùng (Neustadt) 50DM. Trần Mạnh Thắng (Hildesheim) 200DM. Nguyễn Lương Thuận (USA) 200FF. Quảng Hiền



Đào Hữu Chí (Hamburg) 50DM. Diệu Nữ (Stadthagen) 100DM. Nguyễn Thị Thanh Hương (Emmendingen) 30DM. Đinh Trọng Nghĩa 20DM. Phùng Thị Quảng (Freiburg) 30DM. Trần Ngọc Mỹ (Tübingen) 100DM. Trần Ngọc Anh (\*) 40DM. Trần Thu Liên Hương (Soest) 20DM. Nguyễn Tuấn Quốc (Hamburg) 20DM. Lê Văn Hóa (Nordhorn) 30DM. Võ Thị Dương Hạnh (Marl) 20DM. Cao Thị Yến (Berlin) 30DM. Trần Thị Dung Chi (Siegen) 20DM. Mai Thị Thúy (Seelze) 20DM. Nguyễn Văn Đông (Bi) 500FB. T. Nguyễn (Pháp) 100FF. Vương Quang Nghi (\*) 200FF. Phan Hoàng Đông (Schmalenberg) 50DM. Trần Lệ Chi (Sweden) 10DM + 50Kr. Bùi Đức Phương (Löhne) 30DM. Nguyễn Thanh Nguyệt (Hòa Lan) 25Guld. Lý Át (Seevetal) 30DM. Bùi Hữu Đạo (Pháp) 100DM. Trần Khương Ninh (Steinfurt) 30DM. Phạm Mai Sơn (Anh) 5Anh kim. Đặng Thị Thu Hằng (Ehrenburg) 20DM. Bùi Thị Tuyết Mai (\*) 20DM. Nguyễn Văn Con (Salzgitter) 50DM. Phạm Minh Tấn (Italy) 20.000Lire. Nguyễn Thị Thanh (Heubach) 50DM. Trương Văn Linh 30DM. K. Mai 50DM. Vũ Quốc Anh (Köln) 30DM. Trần Hữu Lộc (Heidenheim) 200DM. Trùng, Daniel 50DM. Huỳnh Hiệp Khoái 30DM. Trần Văn Tuấn 20DM. Tạ Văn Sơn (Freital) 20DM. Huỳnh Thị Cơn (Pháp) 150FF. Trần Văn Nhung (Canada) 40Can. Nguyễn Thị Phượng (Krefeld) 40DM. Asia Lily (Hannover) 65DM. Ân danh (Stuttgart) 100DM. Nguyễn Thị Bạch Huệ (Karlsruhe) 30DM. Choo Bee Hoon (Singapore) 25Guld. Mỹ Hạnh (Hannover) 60DM. Lý Quốc Đống (Hamburg) 30DM. Nguyễn Thị Mỹ Lan (Frankfurt) 50DM. Trùng Thị Em (Metzingen) 50DM. Đặng Thành Long (Hagen) 100DM. Nguyễn Thị Nga (Ostfilden) 20DM. Đặng Ngọc Hiền (Sindelfingen) 30DM. Dương Thị Mỹ (Wiesbaden) 200DM. Dominik Lưu 185DM. Lê Thị Kim Yến (Hòa Lan) 70DM. Phượng Thị Đại (Kleinostheim) 50DM. Huỳnh Văn Liệu (Unna) 20DM. Hồ Minh Chí (Salzgitter) 50DM. Tăng Quốc Hương (Oberhausen) 20DM. Vũ Văn Thanh 30DM. Trần Quang Thế (Neuss) 50DM. Phạm Văn Lợi 30DM. Vũ Thị Kiều Hạnh (Endingen) 30DM. Trương Quan Phúc (Moschheim) 20DM. Bùi Thủy Liên (Schwandorf) 20DM. Trình Thái Thuận 100DM. Thiện An Đồng Hoàng Việt (Hamm) 50DM. Nguyễn Văn Lập (Neustadt) 30DM. Hằng Ứng (Speyer) 50DM. Trần Thị Dung (Garbsen) 20DM. Hoàng Công Chủ (M'Gladbach) 600DM. Ngọc Anh Đăng Jung (Neukirchen) 30DM. Nguyễn Hoàng Trang (Roßdorf) 30DM. Nguyễn Khắc Hàn (Dorsten) 50DM. Trần Ngọc Tiến (Hamburg) 50DM. Vũ Khắc Hà (Worbis) 20DM. Huỳnh Văn Hiệp (Reutlingen) 20DM. Lê Viết Hòa (Hòa Lan) 50Guld. Đoàn Thị Liên (Karlsruhe) 20DM. Bùi Văn Dân (Pháp) 100FF. Lâm Văn Yên (Saarbrücken) 200DM. Trần Tử Kinh (Freiburg) 20DM. Bùi Ngọc Vạn (Göttingen) 20DM. Nguyễn Phú Thanh Vân (Ludwigshafen) 50DM. Nguyễn Thế Việt (Klautern) 185DM. Nguyễn Thị Hoa 50DM. Quách Hải Quang (Frankfurt) 20DM. Lê Văn Thuận (Münster) 30DM. Thái Cơn (Duisburg) 20DM. Thái Kim Huệ (\*) 20DM. Trần Quang Tuệ (Neuss) 20DM. Tiểu Thị Thị (Erlangen) 100DM. Đặng Như Nam (Fürth) 50DM. Kim Huệ (Sweden) 50Kr.

**● AN TỔNG**

ĐH. Đỗ Thị Sang (Darmstadt) 50DM. Liêu Thái Hòa (Weingarten) 100DM. Phan Thị Ngọc Thanh (Kleinostheim) 300DM. Trần Thị Phước (Reutlingen) 50DM. Dương Nhất Huy 20DM. Nguyễn Thị Tâm (Burgdorf) 10DM.

**● KINH PHÁP HOA**

ĐH. Nguyễn Kim Thu (Astheim) 20DM. Bích Thủy (Parsberg) 20DM. Bùi Duy Nguyễn (Erbach) 30DM. Vũ Thị Thành (Neustadt) 100DM. Nguyễn Thị Hương (Köln) 20DM.

**● KINH ĐỊA TẠNG**

ĐH. Vũ Thị Thành (Neustadt) 50DM.

**● KINH KIM CANG**

ĐH. Vũ Thị Thành (Neustadt) 50DM.

**● KINH DI ĐÀ**

ĐH. Vũ Thị Thành (Neustadt) 100DM.

**● THIÊN MÔN NHỰT TỤNG**

ĐH. Bích Thủy (Parsberg) 20DM.

**● KINH DƯỢC SƯ**

ĐH. Bùi Duy Nguyễn (Erbach) 30DM.

**● KINH PHÁP MÔN NIỆ M PHẬT**

ĐH. Thiện Thanh & Diệu Quảng (Kunzelsau) 200DM. Trần Sum Sến + Chiêm Thị Kiên + Trần Ngọc Anh + Trần Ngọc Dung 400DM. Dương Hồng Yến (Loccum) 100DM.

**● BA KINH TỊNH ĐỘ**

ĐH. Đỗ Thị Cúc (Hildesheim) 200DM, HHHL ĐH Đỗ Thị Hoa.

**● KINH CÁC BÀI SÁM**

ĐH. Trần Hữu Khiếu 200DM. Thiện Lâm Phạm Văn Lộc 100DM. Dharmasagara Trần Dĩ Nhón 100DM. Trí Hào Trương Kim Sướng 50DM. Thiện Bảo Nguyễn Thị Thắng 50DM. Nguyễn Biên Trần Hữu Lượng 50DM. Thiện Lương Hồ Minh Hoàng 20DM. Diệu Hồ 50DM. Thiện Đức 10DM. Thiện Kim Bành Thẩm Cường 100DM. Thiện Đặc Châu Thành Lợi 50DM. Đặng Thị Hương 40DM. Gđ. Thiện Hậu Nguyễn Ngọc Châu 50DM. Khưu Cẩm Văn 20DM. Diệu Quế 20DM. Diệu Tâm 10DM. Nguyễn Chấn Trần Hữu Hải 50DM. Phạm Trường Long 20DM. Dương Thị Thanh Thủy 20DM. Gđ. Quảng Mỹ Huỳnh Thị Xuân Hương 1.000DM. Diệu Minh 50DM. Diệu Kim Lê Thị Đỗ 100DM.

**● TƯỢNG QUAN ÂM**

ĐH. Nguyễn Văn Liêm (Stuttgart) 20DM. Lâm Kim Khánh (M'Gladbach) 200DM.

**● TƯỢNG QUAN ÂM THIÊN THỦ THIÊN NHÂN**

ĐH. Ân danh (Ludwigshafen) 500DM.

**● MỘT TƯỢNG PHẬT**

ĐH. Gđ. Trần Ban Lien 150DM, HHHL Trần Ban Lien. Nguyễn Thị Dung (USA) 60US. Nguyễn Thị Diễm Thủy (\*) 60US. Nguyễn Anh Tài (\*) 60US. Charin Kaewwing (Thái Lan) 120DM. Trần A Tài (\*) 120DM. Trần Thanh Văn (Bad Vilhel) 120DM. HLĐH Đoàn Hồ (Stuttgart) 120DM. HLĐH Trương Thị Luyến (\*) 120DM. Giang Kim Dục (Áo) 120DM. Giang Thị (\*) 120DM.

**● PHẬT ĐẼN**

ĐH. Nguyễn Thị Phượng (Krefeld) 20DM.

**● VU LAN**

ĐH. Nguyễn Thị Phượng (Krefeld) 20DM.

**● TU BỐ & SỬA CHỮA CHÙA**

ĐH. Lê Kim Hương (Heilbronn) 400DM. Lê Chí Dũng (Mannheim) 5.000DM (Hội Thiện tu sửa chùa VG đến 1.1.2006). Thái Quang Minh (Erlangen) 50DM. Tạ Minh Toàn (Wardenburg) 30DM. Neu Ton Neu (Blankenburg) 500DM. Nguyễn Thu Hồng (Donaueschingen) 50DM. Lê Phạm Thị Yến (Frankfurt) 300DM. Huyền + Long (Burgdorf) 1.000DM. Tạ Văn Sơn (Freital) 10DM. Thái Quang Minh (Erlangen) 50DM. Maier 50DM. Trương Thị Anh Hoa (Neustadt) 100DM. Thiện An Đồng Hoàng Việt (Hamm) 85DM. Nguyễn Thị Hoa 150DM. Ân danh (Fürth) 2.000DM.

**● HỘI THIỆN**

ĐH. Thiện Pháp (Stuttgart) 1.500DM.

**● TRAI TẶNG**

ĐH. Đồng Hoàng Việt (Hamm) 50DM.

**● CÔ NHI VIỆN + CÙI + MÙ + DỪNG LÃO**

ĐH. Thái Quang Minh (Erlangen) 50DM. Nguyễn Khắc Hải 30DM. Đào Thu Ngọc 50DM. Nguyễn Thục Vy (Hòa Lan) 50Guld. Huỳnh Hiệp Khoái 30DM. Thái Quang Minh (Erlangen) 50DM. Thiện

An Đồng Hoàng Việt (Hamm) 50DM. Lê Viết Hòa (Hòa Lan) 50Guld. Võ T.N. (Hòa Lan) 200Guld.

**● CÔ NHI VIỆN PG/ĐA NĂNG**

ĐH. Ân danh (Stuttgart) 1.000DM.

**● HỌC BỔNG TĂNG NI VN (CHÙA VIÊN GIÁC NHẬN)**

ĐH. Trần Thị (München) 50DM. Nguyễn Thục Vy (Hòa Lan) 75Guld. Phan Phước (\*) 25Guld. Hồ Thị Phượng Lan (Oberhausen) 50DM. Tạ Nhuận (Frankfurt) 30DM. Nguyễn Thị Hương (Köln) 30DM. Erika Thomas (\*) 10DM. Jasmin Thomas (\*) 10DM. Lê Thanh Đạt + Lê Thanh Đại + Lê Ngọc Thanh (Oberhausen) 100DM. Võ T.N. (Hòa Lan) 100Guld. Trần Thị (München) 50DM.

**● HỌC BỔNG TĂNG NI VN TẠI AN ĐỘ**

ĐH. Võ T.N. (Hòa Lan) 100Guld.

**● GIÚP NẠN ĐỘNG ĐẤT ĐÀI LOAN**

ĐH. Lê Văn Trường (Karlsruhe) 200DM.

**● GIÚP NGƯỜI NGHÈO & BẢO LỤT AN ĐỘ**

ĐH. Lê Văn Trường (Landau) 100DM. Vũ Thị Thành (Neustadt) 200DM.

**● HƯỜNG LINH KÝ TỰ**

ĐH. Gđ. Trần Ban Lien 150DM, ký tự Hường linh Trần Ban Lien.

**● CỨU TRỢ NẠN LỤT MIỀN TRUNG (CHÙA VIÊN GIÁC NHẬN ĐỢT I)**

ĐH. Nguyễn Thị Thanh Xuân (Düren) 200DM. Huyền + Long (Burgdorf) 200DM. Trần Thị Thúy (Hildesheim) 100DM. Lê Tiến + Thiện Bạch (Berlin) 20DM. Trần Quang Phú (Ludwigshafen) 50DM. Trần Bá Lợi (Cloppenburg) 20DM. Ban Hưởng Dân GĐPTVNTN Đức Quốc 100DM. Chiêm Liên (Altenkirchen) 50DM. Ân danh (Berlin) 100DM. Dương Văn Nghiệp (Regensburg) 20DM. Vũ Chang (\*) 20DM. Nguyễn Thị Mỹ Lê (Donaueschingen) 50DM. Đào Thị Chúc (Trier) 50DM. Nguyễn Hùng Anh (Ibbenbüren) 50DM. Lê Thị Bích Tùng (Hannover) 50DM. Trương Văn Xuân (\*) 50DM. Nguyễn Văn Phong (Laatzen) 200DM. Tạ Nhuận (Frankfurt) 20DM. Gđ. Võ Phước Lầu (Laatzen) 50DM. Gđ. Phan Công Độ (\*) 100DM. Gđ. Thị Tâm Ngô Văn Phát (\*) 100DM. Thiện Hy (Oldenburg) 10DM. Trần Văn Đán (Aschendorf) 10DM. Lê Văn Ánh (Papenburg) 10DM. Phan Duy Bình (\*) 10DM. Diệu Quả Sư Thị Nhón (Hannover) 50DM. Quầy Hàng Tỉnh Thường 250DM. Gđ. Trần Hoàng Việt (Hannover) 50DM. Tô Tú (\*) 30DM. Gđ. Quảng Ngộ Hồ Chuyên (Laatzen) 50DM. Trần Thị Thu (Hildesheim) 20DM. Trương Minh (\*) 15DM. Phạm Thị Tuyết Mai 15DM. Trương Tuyết Trinh 15DM. Trương Tuyết Nhung 15DM. Gđ. Thiện Hà Phạm Văn Sơn (Hildesheim) 50DM. GĐPT Tâm Minh 50DM. Văn Thái Sơn 10DM. Thiện Thế Nguyễn Thị Kim Thanh (Hannover) 20DM. Gđ. Phạm Văn Dũng (Hildesheim) 50DM. Chi Hội Phật Tử VNTN Hannover 100DM. Chöling Gruppe 31,45DM. Nguyễn Văn Phát (Stuttgart) 100DM. Thiện Liên Lê Thị Hồng (Hannover) 100DM. Thiện Niệm LIÊM (\*) 50DM. Ân danh (\*) 50DM. Như Thân (\*) 50DM. Cô Hạnh Châu (Chùa Viên Giác) 300DM. Cô Tâm Phương (\*) 50DM. Gđ. Tâm Lượng 50DM. Chủ Hạnh Luận 50DM. Các anh làm công quả Chùa Viên Giác 30DM. Chủ Hạnh Hòa 50DM. Cô Thị Khiêm 50DM. Chủ Đức Thu 50DM. Thiện Trí Nguyễn Anh Dũng 5DM. Tâm Lương Huỳnh Công Cú (Frankfurt) 20DM. Bạch Thị Dung (Nienburg) 5DM. Ân danh 10DM. Nguyễn Phú Minh (Garbsen) 20DM. Gđ. Thị Chánh Trương Tấn Lộc (Laatzen) 100DM. Quý xin Xám chùa VG 200DM. Chủ Minh Vinh (Chùa VG) 150DM. Vũ Trọng Anh (Wildeshausen) 100DM. Huỳnh Trường Nguyễn Hoàng + HT Thiện Liên (GĐPT Tâm Minh) 100DM. HT Quảng Niệm + Nguyễn Quế (\*) 100DM. Quảng Sơn (\*) 20DM. Thiện Luận (\*) 20DM. Nguyễn Thành (\*) 5DM. Nguyễn Thanh (\*) 5DM. Thiện Hà (\*) 20DM. Thiện Nhật (\*) 10DM.

Thiện Bạch (") 10DM. Quảng Bào (") 20DM. Quảng Giao (") 20DM. Thiện Dũng (") 25DM. Thiện Lực (") 30DM. Thiện Hữu (") 50DM. Giác Huệ (") 10DM. Marie Louise (") 10DM. Trần Uyên Như (") 10DM. Quảng Quý (") 50DM. Văn Bộ + Văn Ing (Berlin) 100DM. Gđ. Lê Văn Long (") 100DM. Gđ. Lê Thị Huệ (München) 100DM. Gđ. Thiện Giáo Nguyễn Xuân Nghiêm (Göttingen) 200DM. Ban Bảo Trợ ĐPPT Tâm Minh 100DM. Đào Thiện Mẫn 10DM. Gđ. Lâm Thị Yến Nga (Laatzten) 50DM. Hội Người Việt Ly Nạn Hannover 200DM. Dicks Yén (Harsenwinkel) 100DM. Chú Hạnh Định (Chùa VG) 50DM. Hoàng Anh + Kim Thoa (Hannover) 50DM. Huỳnh Kỳ (Reutlingen) 50DM. Lê Văn Hùng (") 20DM. Thiện Sơn (") 40DM. Lâm Minh Đức 23DM. Gđ. Thiện Mỹ 20DM. Thiện Giáo 20DM. Lê Thọ Hạng (Reutlingen) 45DM. Phan Thị Hường (") 50DM. Nguyễn Hữu Hậu 20DM. Trần Thị Mỹ Châu 50DM. Bành Thấm Cường 30DM. Lê Văn Tý (Reutlingen) 30DM. Cam Kim Hường 10DM. Nguyễn Thị Phần 30DM. Nguyễn Thị Nhịnh 50DM. Trần Thị Phước (Reutlingen) 50DM. Hàn Cường (") 30DM. Thiện Nguyên 30DM. Lê Thị Thanh 20DM. Thái Anh 100DM. Dương Thị Hồi 30DM. Nguyễn Thị Biền 20DM. Gđ. Nguyễn Ngọc Lâm 30DM. Võ Tiến Thịnh 20DM. Nguyễn Thị Tâm 20DM. Phan Chương 50DM. Vong Phổ Dương 10DM. Diệu Phước (Reutlingen) 50DM. Lâm Kiến Huệ (") 50DM. Cổ Kim Trường (") 40DM. Đỗ Ngọc Hải 50DM. Ngô Thị Bướm 30DM. Phan Thị Tuyết 50DM. Lê Thị Tiêm 20DM. Nguyễn Hạnh Trinh 20DM. Gđ. Đặng Ngọc Trần (Reutlingen) 300DM. Trần Văn Huyền (") 50DM. Viên Kim Huy 20DM. Nguyễn Thị Tú 50DM. Thiện Vinh 50DM. Nguyễn Đăng Hiếu 50DM. Dương Thị Minh Chi 50DM. Lý Thị Liên 30DM. Vũ Huy Phương + Vũ Huy Khanh (Hochdorf) 10DM. Trưởng Thực Thanh 20DM. Văn Hồng Bửu (Sindelfingen) 10DM. Văn Hồng Đức (") 10DM. Vũ Bá Cự (Herrenberg) 30DM. Huỳnh Lan (Metzingen) 20DM. Thiên Kim 20DM. Điền Thụy 20DM. Gđ. Huỳnh Văn Đức 30DM. Dương Tường 20DM. Thiện Liên Lâm Kim Loan 120DM. Dieter Maier + Daniel Minh Maier (Ulm) 100DM. Huỳnh Bảo Giao 10DM. Lê Thị Xuân 20DM. Thiện Vinh 10DM. Gđ. Họ Thái 20DM. Gđ. Trưởng + Lâm Bửu Trần 50DM. Thiện Tử Lộ Thị Chu 10DM. Trần Sun Són + Chim Thị Hiền + Trần Văn Út (Stuttgart) 1.000DM. Lâm Thành Khôi + Trần Ngọc Dung (Tübingen) 1.000DM. Lâm Như Hải + Trần Ngọc Mỹ (") 1.000DM. Lâm Minh Kỳ (") 1.000DM. Trần Văn Thanh (") 200DM. Huỳnh Thoại Nga + Trần Văn Lái (") 100DM. Trần Ngọc Anh (") 200DM. Trần Ngọc Nhung (Pforzheim) 100DM. Nguyễn Thị Lành (") 50DM. Nguyễn Thị Mùi (Reutlingen) 50DM. Trần Xuân Hiền (Reutlingen) 100DM.

**TỔNG KẾT ĐỢT I: 11.814,45 DM**

● (CHÙA VIÊN GIÁC NHẬN ĐỢT II)

ĐH. Diệu Nữ (Laatzten) 100DM. Kim Phượng Lê (Ispringen) 400DM. Ân danh (Stuttgart) 1.000DM. Lý Tố Phụng và các bạn Việt Nam tại ĐP (Konstanz) 200DM. Ban Liên Lạc Phật Tử tại Stuttgart 3.323DM. ĐPPT Chánh Dũng (Nürnberg) 3.000DM. Chi Hội Phật Tử VNTN Nürnberg + Fürth + Erlangen 1.000DM. Gđ. Ngô Chiếu (Reutlingen) 100DM. Gđ. Phan Ngọc Minh (") 100DM. Gđ. Huỳnh Kim Hui (") 50DM. Gđ. Nguyễn Thị Kềnh (") 50DM. Gđ. Trưởng Ngọc Quốc (") 100DM. Gđ. Trưởng Ngọc Toàn (") 20DM. Gđ. Trưởng Ngọc Đức (") 20DM. Gđ. Trưởng Thị Ẽm (") 20DM. Bà Hai Giang (") 20DM. Nguyễn Văn Hạnh (") 100DM. Nguyễn H. Trí Ân (") 100DM. Hùng (") 100DM. Hàn Hiến Quang (Stuttgart) 50DM. Hàn Vinh Quang (Schwetzigen) 50DM. Đỗ Văn Nho (Reutlingen) 100DM. Nguyễn Văn Xuân (") 50DM. Nguyễn Văn Viên (") 50DM. Trịnh Minh Hùng (") 20DM. Tạ Xuân Hải (Karlsruhe) 50DM. Kim Châu Trưởng Thị Lan (") 50DM. Thiện Thanh Lê Văn Trường (") 100DM. Thiện Liên Lê Thị Hoa (") 30DM. Thiện Huệ Lê Văn Mỹ (") 50DM. Diệu Quang Lê Thị Ánh (") 30DM. Thiện Thành Lê Văn Tâm (") 100DM. Gđ. Vũ Âu (") 70DM. Diệu Quế Dương Xuân An (") 30DM. Diệu Phát Phương Thị Đại (") 20DM. Đông Ngọc Đỗ Thị Sang (") 50DM. Diệu Yến Nguyễn Lê Xuân (") 20DM. Bác Hai (Mannheim) 20DM. Rodolf Degner (Düeburg) 50DM. Ân danh 200FF. Thiện Hùng Vũ Cao + Yến (") 50DM. Diệu Hạnh Nguyễn Ngọc Diệp (")

50DM. Lê Thị Thùy Linh (") 50DM. Viên Vô Danh (") 50DM. Thiện Vinh (") 50DM. Nguyễn Thị Tư (") 20DM. Minh Tấn (") 100DM. Diệu Minh (") 50DM. Đồng Ngọc Nguyễn Ngọc Lâm (") 50DM. Thiện Tánh Lý Khánh Minh (") 10DM. Thiện Kim Bành Thấm Cường (") 50DM. Hứa Kim Lang (") 10DM. Hứa Tuyết Nga (") 10DM. Jenny Kim Bathke (") 10DM. Thiện Tịnh Tạ Quang Thanh (") 50DM. Thiện Đạo Nguyễn Ngọc Mỹ (") 30DM. Nguyễn Bạch (") 150DM. Gđ. Lưu Đức Hiền (") 30DM. Diệu Vân (") 20DM. Diệu Hạnh Vũ Thị Đức (") 40DM. Hoa Xuân Nguyễn Thị Thanh Phượng (") 50DM. Trần Văn Tuấn (") 20DM. Thiện Huệ Nguyễn Thị Mỹ Lan (") 30DM. Diệu Tuyết Tạ Nguyệt Trinh (") 100DM + 2 ổ bánh khoai mì nướng + 2 ổ bánh bò nướng. Thiện Trí Đỗ Thị Huệ (") 85DM. Thiện Mỹ Lương Văn Xinh (") 100 bánh da lợn, 80 bánh ít trần, 1 vỉ bánh chuối nướng. Thiện Thơ Trần Thị Xê (") 50 bánh ít. Thái Thanh Thúy (") 15DM + 90 bánh quai vạt. Diệu Hiền Nguyễn-Trần Thị Hoài Nghĩa (") 20DM. Ngọc Đăng Trần Ngọc Anh (") 50DM. Ngọc Lợi Trần Ngọc Mỹ 100DM. Lâm Như Hải (") 100DM. Ngọc Huệ Trần Ngọc Nhung (") 100DM. Trần Sum Són (") 100DM. Ngọc Thủy Trần Ngọc Dung + Lâm Thành Khôi (") 100DM. Đạo Minh Bà Tôn Nữ Thị Tuy (") 50DM. Huỳnh Quốc Cường (") 50DM. Gđ. Nguyễn Ngọc Lâm (Heilbronn) 50DM. Dương Chí Mỹ (Wilbad) 100DM. Chim Mazgi (8 tuổi) (") 10DM. Lý Thanh Hương (Pforzheim) 50DM. Nguyễn Ngọc Hải Karlsruhe) 50DM. Ngô Thắng (") 20DM. Ngô Thị Nga (") 10DM. Ân danh (") 20DM.

**TỔNG KẾT ĐỢT II: 14.653 DM**

● (CHÙA VIÊN GIÁC NHẬN ĐỢT III)

ĐH. Vũ Viết Tân (M'Gladbach) 100DM. Thiện Hiện Nguyễn Hồng Quang (Uelzen) 163DM. Huỳnh Văn Tâm 1.000DM. Nguyễn Hồng Minh 50DM. Nguyễn Tử Ngọc Huỳnh 110DM. Trần Văn Tuấn 80DM. Nguyễn Văn Thuận (Landshut) 200DM. K. Vương (Oberhausen) 20DM. Nguyễn Thúy Hồng 50DM. Diệp Thị Són (Aalen) 50DM. Đỗ Việt Hào (Emchheim) 50DM. Nguyễn Thu Hồng (Donaueschingen) 100DM. Nguyễn Thị Thế (Münster) 100DM. Nguyễn Thế Dũng (") 100DM. Đỗ Thị Ẽp (") 100DM. Trưởng Thị Diễm (") 150DM. Trưởng Thị Hằng (") 150DM. Trưởng Giang (") 50DM. Trần Văn Biểu (") 50DM. Ngô Trường Pháp (") 20DM. Nguyễn Bá Lộc (") 100DM. Phạm Vinh Quang (") 80DM. Đặng Thu Hường (Großrosseln) 20DM. Thiện Phước Nguyễn Phú Đức 50DM. Huỳnh Tú Anh 200DM. Trình Thái Thuận 200DM. Châu Thị Khanh 50DM. Trình T. A. (München) 1.000DM. Trình Trọng H. (Emden) 500DM. Maier 100DM. Trần Văn Thạch (Regensburg) 100DM. Diên Văn Nghĩa (Rössa) 50DM. Phan Thị Thủy (Recklinghausen) 50DM. Lý Phách Mai (St. Georgen) 300DM. Trần Tấn N. (Ismaringen) 1.000DM. Bùi Văn Quang 50DM. Lê Thị Lập (Roßdorf) 50DM. Nguyễn Văn Dũng (Esslingen) 100DM. Đoàn Huy Phong 200DM. Nguyễn Tử Ngọc Huỳnh 345DM. Hội Y-Nha-Dược sĩ VN tại Đức 500DM. Hội Sinh Việt NN (Dortmund) 1.000DM. Đỗ Hữu Hùng (BS) 50DM. Goldenere Drache (") 200DM. Đỗ Văn Hải (") 50DM. Đỗ Trần Uy (") 50DM. Nguyễn Văn Ngọc (Salzgitter) 50DM. Lê Thanh Hà (") 50DM. Nguyễn Quốc Tuyết (") 20DM. Lê Ngọc Thắng (") 20DM. Nguyễn Xuân Bào (") 20DM. Nguyễn Viết Hùng (BS) 20DM. Nguyễn Khánh Đông (") 20DM. Trần Ngọc Phượng (") 20DM. Đặng Vũ Hùng (SZ) 10DM. Phạm Thanh Văn (") 20DM. Nguyễn Minh Trí (") 20DM. Lý Thị Sinh (BS) 50DM. Ngô Tuyết Trị (") 10DM. Vũ Thị Thanh Mỹ (") 20DM. Trần Bình (") 10DM. Kim Hào Katt (") 20DM. Mai (") 20DM. Nguyễn Văn Nam (SZ) 20DM. Hoàng Cường 10DM. Vũ Thị Hiền (BS) 20DM. Ân danh (") 10DM. Nguyễn Mỹ Hoa (") 20DM. Nguyễn Minh Phượng (Wolfsburg) 20DM. Trần Thành Quảng (SZ) 20DM. Nguyễn Minh Tuấn (BS) 10DM. Sin Yuen 50DM. Ân danh (BS) 20DM. Giang (") 20DM. Quỳn (Bad Harzburg) 10DM. Nguyễn Quốc Thịnh (SZ) 10DM. Nguyễn Mỹ Ý (") 20DM. Trần Thanh (BS) 50DM. Ân danh (") 20DM. Nguyễn Văn Lập + Nguyễn Thị Hòa (Feine) 20DM. Nguyễn Hải Oanh (SZ) 20DM. Dũng (") 5DM. Minh (") 5DM. Phạm Hồng Phong (GF) 10DM. Nguyễn Quốc Phong (SZ) 20DM. Lê Thị Kim Yến (") 20DM. Lê Thái (") 20DM. Lê Thị Vân (") 10DM. Nguyễn Thị Kim Loan (") 20DM.

Phạm Văn Hùng (") 10DM. Đặng Thị Bích Liên (") 20DM. Trần Đức Thu (") 20DM. Diệp Thế Dũng (") 50DM. Trần Ngọc Bé (BS) 50DM. Nguyễn Văn Quyền (Cremlingen) 20DM. Rest. Pacific (BS) 200DM. Cao Tiến Nhu (SZ) 20DM. Huỳnh Thai Thuận "Shin Shin" (BS) 50DM. Eddy (") 20DM. Hải (SZ) 20DM. Nghiêm Văn Khôi (") 20DM. Hùng (") 10DM. Nguyễn Văn Trọng (") 20DM. Nguyễn Anh Sơn (") 100DM. Nguyễn Oanh (GS) 30DM. Ân danh (") 10DM. Rest. Dynastie (") 100DM. May Saophouong (") 10DM. Nguyễn Văn Khang (") 10DM. Đỗ Khoang (") 50DM. Dũng (") 10DM. Bassam Fakhoe (SZ) 10DM. Fazzari Giovomni (") 100DM. Dynastie Wattenbüttel (BS) 100DM. Trưởng Thu Hương (") 50DM. Vũ Bắc Thắng (") 20DM. Đặng Túy Khanh (") 10DM. Choong (") 10DM. Lê Nguyễn Quỳnh (SZ) 20DM. Liêu Thị Thá (BS) 20DM. Nguyễn Thị Nhu (Wenigerode) 20DM. Nguyễn Ngọc Thuồng (Woffenbüttel) 20DM. Bernd Greiff (Wechelde) 20DM. Hồ Minh Chí (SZ) 100DM. Ân danh (Mannheim) 200DM. Nguyễn Khắc Mai (") 20DM. Nguyễn Khắc Mai (") 10DM. Nguyễn Thị Thủy (") 50DM. Nguyễn Thị Loan (") 20DM. Nguyễn Thị Yến (") 50DM. Nguyễn Khắc Long (") 20DM. Nguyễn Thị Cẩm Thủy (") 50DM. Thanh Bình (") 20DM. Tâm Bảo Nguyễn Thị Phượng (") 20DM. Trần Văn Tú (") 30DM. Vũ Thị Thành (") 50DM. Ân danh (") 50DM. Diệu Minh Jeny (") 50DM. Diệp Mỹ Quang (") 40DM. Bành Trúc Quán (") 50DM. Nguyễn Thị Goồng (") 30DM. Diệu Trí Trần Thị Lan (") 200DM. Viên Báo Phan Quỳnh Trâm (") 20DM. Vũ Thủy Tuyết Phi (") 50DM. Nhứt Trọng Trần Văn Minh (") 50DM. Thiện Đỗ + Thiện Chơn (") 40DM. Nguyễn Ngọc Diệp (") 20DM. Trần Mỹ Lệ (") 20DM. ĐH người Hoa (Speyer) 50DM. Mỹ Nhung & Mỹ Duyên (Mannheim) 20DM. Trí Tân (") 20DM. Ân danh (") 10DM. Ân danh (") 10DM. Gđ. Nguyễn Xuân Tân (") 50DM. Huỳnh Văn Khả 50DM. Ân danh 100DM. Trần Thị Mai (Mahnheim) 25DM. các ĐH Ân danh 140DM. Đào Thị Thu Hương 100DM. Ngô Thanh Long 10DM. Huỳnh Thị Xuân Huệ 20DM. Ân danh 20DM. Ân danh 10DM. Đỗ Tuyết Phượng 10DM. Nguyễn Thị Kim Xuân 50DM. Nguyễn Văn Neang 100DM. Nguyễn Thị Xinh 30DM. Nguyễn Thị Chúc 40DM. Ân danh 20DM. Gđ. Giác Nguyễn An Khôi 40DM. Ân danh 30DM. Nguyễn Thị Chung 10DM. Nguyễn Phượng Thanh 50DM. Diệp Mỹ Cầm 20DM. Hồng Ngọc Phượng 20DM. Nguyễn Xuân Phúc 50DM. Ân danh 50DM. Tôn Anh Tuấn (Hamburg) 50DM. Nguyễn Mạnh Thường (Nordstedt) 50DM. Lê Nhật Hien (Frankfurt/M) 50DM. Bùi Thị Hoa (Köthen) 20DM. Trưởng Thị Hòa (") 5DM. Đình Viết Hòa (Kempen) 10DM. Trần Hữu Hải (Bi) 100DM. Trần Văn Thuận (Xunerloff) 20DM. Bùi Minh Hải (Wildeshausen) 20DM. Phạm Công Niên (Kahla) + Vũ Thị Thúy Hà (") + Trình Thành Trung (Kühhausen) + Vũ Thị Thu Thủy (") 20DM. Nguyễn Lan Hương (Rostock) 5DM. Trần Đăng Ninh (Clausthal) 10DM. Nguyễn Chí Phong (Zellerfeld) 10DM. Lê Anh Kiệt (Harpstedt) 20DM. Đỗ Văn Thành + Nguyễn Thị Hoa (Eisenach) 10DM. Phùng Mạnh Cường (Wolffenbüttel) 20DM. Nguyễn Thừa Tin (Gelsenkirchen) 30DM. Lưu Xuân Lộc (Seevetal) 10DM. Đặng Ngọc Quyền (Hannover) 50DM. Nguyễn Bình Long 2DM. Nguyễn Thanh Ngọc (Hamburg) 20DM. Vương Đại Kim 20DM. Phạm Thị Toan (Bahnsdorf) 20DM. Huỳnh Thanh Hà (Nettertal) 30DM. Nguyễn Minh Lộc (WF) 10DM. Phan Văn Thiện (Đại diện Sáng Kiến) 100DM. Dân Chủ cho Việt Nam tại Würzburg) 612DM. Ân danh 118DM. Gđ. Võ Quang Châu (Bremen) 500DM. Trần Văn Các (") 50DM. Huỳnh Văn Tinh 50DM. Gđ. Lê Hữu Tinh (") 50DM. Gđ. Phạm Công Hoàng (") 50DM. Thiện Hỷ (") 20DM. Touch Mui Sim (") 20DM. Đoàn Vũ Phước Thành (") 10DM. Phan Văn Lý (") 50DM. Nguyễn Anh Vũ (") 20DM. Lê Huy Dũng (") 20DM. Chi Hội Phật Tử Bremen 100DM. ĐPPT Chánh Giác (") 100DM. Trần Thị Mai Loan (") 20DM. Nguyễn Thị Phần (") 50DM. Trần Thị Mai Phụng (") 50DM. Hội Chuyên Gia Việt Nam Phần Hội Đức Quốc 520DM. Vũ Trọng Ánh (Wildeshausen) 200DM. Lê Thanh Tâm (") 10DM. Anh Sỹ & Hà (") 10DM. Tuấn & Phượng (") 10DM. Dương Tấn Triều (") 10DM. Nguyễn Văn Hùng (") 10DM. Đặng Phú Tiên (") 10DM. Nguyễn Văn Lưu (") 13DM. Ngô Hồng Khánh (Oldenburg) 10DM. Mạc Kiên Cường (") 10DM. Phạm Quý Dương (") 10DM. Lương Văn Thủy (Hoàn) (") 10DM. Linh Minh Khai (") 10DM. Bùi Văn Nhất (") 10DM. Nguyễn Văn Hải (Firma Baltasar) 10DM. Đoàn Thị Chinh (") 10DM.



Nghiệp (\*) 10DM. Văn Thịnh (\*) 10DM. Phượng Loan (\*) 10DM. Hải Đăng (Thụy) (\*) 10DM. Anh Tiến (\*) 10DM. Phạm Tấn Nghĩa (Harpstedt) 10DM. Bình (\*) 6DM. Vũ Quốc Minh (Wideshausen) 10DM. Tiến & Hằng (\*) 10DM. Long & Dung (\*) 10DM. Huy (\*) 10DM. Lưu Vĩnh Hùng (\*) 10DM. Lê Đình Dũng (Cloppenburg) 20DM. Chị Nua (Neustedt) 10DM. Chị Thường (Wildeshausen) 10DM. Quảng & Sinh (\*) 10DM. Ngô Văn Nghiệp (\*) 10DM. Bắc (\*) 10DM. Trần Ngọc Tiến (Hamburg) 50DM. Phan Ngọc Tân, Đại diện ĐGPTVN tại Recklinghausen & VPC 200DM. Trần Thanh Pháp (Hannover) 100DM. Nguyễn Hoàng Quyên (\*) 20DM.

### TỔNG KẾT ĐỢT III: 19.040 DM

#### ● (CHÙA VIÊN GIÁC NHẬN ĐỢT IV)

ĐH. Nguyễn Ban (Freiburg) 100DM. Chị Lê Văn Bảo (\*) 500DM. Nguyễn Thị Tú (\*) 50DM. Huỳnh Thị Hoàng (\*) 50DM. Vương Ngô Anh (\*) 50DM. Nguyễn Thị Khoát (\*) 50DM. Chan Mai Fai (\*) 100DM. Nguyễn Văn Đồng (\*) 100DM. Nguyễn Thị Nga (\*) 100DM. Gđ. Quách Thu Anh (\*) 30DM. Trần Xía Lại (\*) 25DM. Phùng Thị Quảng (\*) 20DM. Bắc Ngành (\*) 20DM. Kim Anh (\*) 30DM. Châu Tú (\*) 10DM. Trần Trung Hiếu (\*) 20DM. Nguyễn Thị Thanh Hương (Emmendingen) 100DM. Trần Thị Sương (\*) 10DM. Huỳnh Văn Dân (\*) 40DM. Lâm Văn Tiến (Kenzingen) 50DM. Nguyễn Nam Kim (Tenningen) 20DM. Nguyễn Xuân Thoa (Gutacht 2) 170DM. Nguyễn Văn Dương (Freiburg) 10DM. Hoàng Văn Thạch (\*) 50DM. Vũ Thị Hòa (\*) 100DM. Tạ Thị Y + Trần Thanh Châu (\*) 40DM. La Hồng Tài (Basel) 20DM. Gđ. Anh Núi (Haltigen) 30DM. Gđ. Anh Tâm (\*) 50DM. Bá Tông (\*) 20DM. Lương Quan Thuận (\*) 50DM. Gđ. Dương Văn Quảng (Grenzach) 50DM. Anh Hải (Pháp) 50DM. Ngô Thị Thu Hồng 100DM. Minh Đức (Stuttgart) 20DM. Hậu Đào (\*) 45DM. Phạm Văn Hoanh (Freiburg) 50DM. Lê Văn Hương (\*) 40DM. Mỹ Nghiêm (\*) 50DM. Trần Tử Kính (\*) 20DM. Nguyễn Anh Dũng (\*) 23DM. Nguyễn Văn Long (Offenburg) 100DM. Schippens (Freiburg) 50DM. Đặng Văn Ty (\*) 10DM. Lê Quang Vinh (\*) 50DM. Một số quý vị ẩn danh 1.327DM. Cao Thúy Linh (Nürnberg) 50DM. Lê Thuà Nghiệp (\*) 50DM. Văn Nga (\*) 30DM. Văn Hùng (\*) 30DM. Nguyễn Anh Vinh (\*) 10DM. Huệ Từ (\*) 30DM. Nguyễn Thị Rót (\*) 50DM. Diệu Kim + Diệu Anh (\*) 200DM. Văn Ngọc Xuân (\*) 20DM. Ngô Mạnh Đức (\*) 55DM. (100FB=5DM). Quốc Hùng (\*) 10DM. Nguyễn Song Nghi (\*) 30DM. Văn Tuấn (\*) 100DM. Nguyễn Tăng Lộc (\*) 100DM. Trần Thị Ủy Hạ 20DM. Nguyễn Tường Nhân (\*) 30DM. Thiện Lý (\*) 10DM. Nguyễn Thị Tuyền (\*) 30DM. Nguyễn Chí Cường (\*) 10DM. Trần Thúc Hiền (\*) 20DM. Đỗ Xuân Lễ (\*) 50DM. Tuyết Nga + Kim Long (\*) 20DM. Lâm Diệp (\*) 20DM. Quách Thị Lý (\*) 50DM. Nguyễn Lạc (\*) 50DM. Nguyễn Tấn Bình (\*) 10DM. Trịnh Thị Thanh (\*) 50DM. Diệu Tịnh Đức Hương (\*) 100DM. Lý Văn Lân 20DM. Huỳnh Hiền 30DM. Phạm Văn Báo 50DM. Gđ. Nguyễn Cư 23DM. Trầm Thuận Đạt 100DM. Nguyễn Cao Tường 20DM. Trầm Quêi Thanh 50DM. Hà Thu Xuân 20DM. Thiện Thanh Trần Minh Hùng 10DM. Thái Quang Tâm 200DM. Thái Mỹ Huệ 50DM. Thái Quang Bình 300DM. Thái Quang Minh, Thiện Mãn, Tố Huyền 200DM. Thái Quang Trường 20DM. Trường Văn Tào 50DM. Bửu Nguyệt 20DM. Nguyễn Thị Tú 20DM. Diệu Hương Võ Thị Lý 200DM. Nguyễn Thị Thanh Văn 500DM. Một số quý vị ẩn danh 356DM. Phan Thị Oanh 20DM. Phan Thu Hằng 10DM. Phạm Văn Đức 30DM. Cao Thiên Quý 50DM. Lê Thị Minh Diệp + Phạm Khắc Tới 50DM. Nguyễn Tiến Hùng + Phùng Thị Tố Oanh 50DM. Đặng Như Thọ (\*) 20DM. Ngô Anh Xương (\*) 100DM. Nguyễn Kim Tân (\*) 40DM. Thiện Vũ (\*) 25DM. Thiện Hào (\*) 25DM. Trần Minh Nhật (\*) 200DM. Thiện Biên (\*) 100DM. Trần Hữu Đức (\*) 100DM. Lương Văn Xinh 20DM. Đỗ Thị Tố Nga (Nürnberg) 10DM. Diệu Lý (\*) 50DM. Thiện Chi (\*) 10DM. Thiện Dương (\*) 10DM. Như Sương (Lünen) 20DM. Họ Nguyễn (Việt Nam) 20DM. Nguyễn Cư (Nürnberg) 23DM. Vũ Đức Quỳnh Như (Herrenberg) 20DM. Nguyễn Văn Dũng (Nürnberg) 20DM. Trần Xuân Thủy (\*) 50DM. Trần Xuân Phượng (\*) 30DM. Lưu Ngọc Sơn (\*) 20DM. Chị Hiếu Huệ Quảng Hiền (\*) 25DM. Châu, Bảo Thanh Thị (Erlangen) 50DM. Hans + Barbara Heyer (\*) 50DM. Châu Bảo

Chứng (Bayreuth) 50DM. Thomas Doetze (\*) 50DM. Walter Steinegger (Bozen) 100DM. Karl Heinz Pollard (Bayreuth) 100DM. Phùng Thế Hùng 100DM. Lai Bửu Mộng 20DM. HLPPT Minh Thanh Lê Kim Long (Việt Nam) 30DM. PT Viên Hồ Trần Thị Oanh (Việt Nam) 20DM. Thiện Báo Lê Thị Ngọc Diệp 20DM. Nguyễn Ngô Hạnh 30DM. Huỳnh Thanh Hà và đồng bào tại M'Gladbach và Nettetal 360DM. Hội cứu Học sinh Petrus Ký (Darmstadt) 400DM. Đình Thị Mững (Áo) 500Schil. Nguyễn Thị Mai (\*) 1.000Schil. (1.500Schil = 200DM). Lê Thị Ngọc Hân (Buchholz) 40DM. Nguyễn Thúy Hà 200DM. Nguyễn Thanh Trúc (Suisse) 20FS (=22DM). Nguyễn Thị Hương (Köln) 50DM. Lê Công T. Nga + Kim Oanh (Regensburg) 40DM. Viên Mai (Koblenz) 100DM. Võ Thái Hoàng Tuấn 300DM. Lê Thị Văn (Velpke) 20DM. ĐGPT Minh Hải (Aurich) 100DM. Hồ Thị Chưởng (\*) 50DM. Ngô Kiều Oanh (\*) 20DM. Nguyễn Thanh Mai (\*) 30DM. Nguyễn Bốn (\*) 20DM. Nguyễn Chín (\*) 20DM. Thái Văn Mùi (\*) 20DM. Lâm Văn Hiệp (\*) 5DM. Trần Kinh (\*) 15DM. Hồ Thị Sáu (\*) 10DM. Trần Thị Liên Phượng (\*) 5DM. Danh Đồ (\*) 10DM. Dương Minh Thạch (\*) 10DM. Dương Minh Bình (\*) 20DM. Dương Ngọc Sương (\*) 10DM. Trần Thị Nam (\*) 10DM. Vũ Thị Nhiên (\*) 10DM. Phạm Hoàn Thiện (\*) 17DM. Nguyễn Tường Huân (\*) 10DM. Đỗ Đình Thạch (\*) 15DM. Trần Văn Nhung (\*) 10DM. Phạm Ngọc Quang (\*) 10DM. Lê Anh Tuấn (\*) 9DM. Nguyễn Đăng Dũng (\*) 10DM. Nguyễn Hằng (\*) 10DM. Danh Dung (\*) 10DM. Nguyễn Kim Duyên (\*) 10DM. Trần Nghiê (\*) 20DM. Bùi Thị Nữ (\*) 10DM. Diệu Hạnh + Thiện Mỹ (\*) 94DM. Phúông + Hân + Hoài + Hữu (Wolfburg) 80DM. Tú + Hằng (Brechtorf+V.) 40DM. Lương Thị Bạch Yến 50DM. Văn Hưng Châu (Koblenz) 10DM. Zimmerman Thị Phai 200DM. Lê Thị Hoa (Iattuhart) 70DM. Lê Viết Hòa (Hòa Lan) 50Gđ. (50Gđ=40DM). Châu Trần Phi (Bremen) 30DM. Hoàng Thị Nga (Bad Beutheim) 50DM. Điền Kim Chi (M'Gladbach) 50DM. Điền Văn Nhân (Wuppertal) 50DM. Điền Kim Đình (Rösrath) 100DM. Điền Kim Hoa (\*) 50DM. Trần Quang Tuệ (Neuss) 30DM. Nguyễn Thủy Hồng 500DM. Vietnam / China Restaurant Bambusgarten (Trier) 100DM. Bửu Đạt & Thiện Trang Asia Shop (Trier) 100DM. Từ Hùng Trần Phong Lưu (Saarburg) 20DM. Thiện Quang Trần Xuân (Minderlittgen) 30DM. Bắc Diệu Phong (Lebach) 50DM. Tạ Văn Khánh (Neufgrange) 50DM. Trường Minh Hiệp (SLS) 20DM. Vũ Minh Đức (Sbr.) 30DM. Vũ Hoàng Đức (Sbr.) 30DM. Viên Thanh Thanasak Quý (Riegelsberg) 30DM. Giang Lăng Cui (Saarbrücken) 30DM. Chung Văn Tấn (\*) 30DM. Giang Lăng Mai (\*) 30DM. Chơn Triết Nguyễn Văn Khánh (Bitburg) 20DM. Lý Kiến Cường (Sbr.) 30DM. Tuyết Hamburg (Lebach) 30DM. Vũ Quốc Hoài (Papenburg) 20DM. Vương Thiên Mạnh (\*) 10DM. Trần Văn Đán (Aschendorf) 20DM. Nguyễn Tuấn Minh (\*) 10DM. Trần Thanh Nam (Papenburg) 10DM. Nguyễn Quốc Khanh (\*) 10DM. Nguyễn Phú Tuấn (Aschendorf) 15DM. Nguyễn Đình Kim (\*) 10DM. Vũ Thị Bích Liên (Huê) (Papenburg) 10DM. Cao Văn Nhân (\*) 10DM. Nguyễn Ngọc Lam (\*) 10DM. Phạm Văn Đạt (Aschendorf) 10DM. Phan Quốc Chính (\*) 10DM. Bùi Anh Tuấn (Nghĩa) (\*) 10DM. Lê Hồ Nam (Papenburg) 15DM. Anh chị Nam Thủy (\*) 10DM. Nguyễn Văn Phú (\*) 10DM. Nguyễn Thái Thanh (\*) 10DM. Phan Duy Thanh (Esterwegen) 50DM. Nguyễn Văn Túc (\*) 20DM. Từ Minh Toàn (\*) 20DM. Phan Chính Hà (\*) 20DM. Nguyễn Công Trúc (\*) 20DM. Vũ Trọng Thông (\*) 20DM. Đặng Đình Hương (\*) 20DM. Lê Duy Long (\*) 20DM. Bùi Đức Dũng (\*) 40DM. Nguyễn Ngọc Chung (\*) 20DM. Phạm Vinh Biên (\*) 20DM. Nguyễn Văn Kỳ (\*) 20DM. Nguyễn Thanh Thủy (\*) 20DM. Nguyễn Văn Báo (Papenburg) 10DM. Lê Văn Anh (\*) 10DM. Trần Duy Long (\*) 10DM. Vũ Mạnh Ka (\*) 10DM. Đặng Phi Hùng (\*) 10DM. Trần Hữu Phước (Kluse) 10DM. Phạm Văn Cảnh (Neubörge) 10DM. Triệu Hoàng Sa (Emden) 10DM. Trần Quang Khánh (Westoierledingen) 20DM. Anh chị Trinh Thắng (Emden) 10DM. Lê Tiến Vinh (Papenburg) 10DM. Trần Quang Thành (Aschendorf) 10DM. Nguyễn Văn Hậu (Aurich) 50DM. Vương Ngọc Nghệ (\*) 10DM. Vương Gia Vỹ (\*) 20DM. Vương Tất Mạnh (\*) 20DM. Nguyễn Đình Biên (\*) 20DM. Đào Hải Hưng (\*) 10DM. Trần Thu Liên (Duisburg) 300DM. Trần Tiểu Cúc (\*) 200DM. Lê Hữu Luyến (Nieferr) 100DM. Phạm Văn Phú (Tübingen) 100DM. Sonnen Apotheke (Waiblingen) 400DM. Firma

Schnaitmann (Stuttgart) 70DM. Nhân viên hãng Alkon Kunststoff GmbH (München) 785DM. Nhân viên hãng Münzprägstatt (\*) 620DM. Hãng BMW Abteilung TM42 Band 3 (München) 200DM. Mai Trâm (München) 800DM. Ông Bà Nguyễn Kim Định (\*) 500DM. Đỗ Thị Hội 150DM. Gđ. Trần Hữu Phúc (\*) 100DM. Nguyễn Mạnh Hùng (\*) 100DM. Bà Nguyễn Khắc Căn (\*) 100DM. Ngô Tâm (\*) 100DM. Nguyễn Quý Cường (\*) 100DM. Hoàng Văn Trường (\*) 100DM. Thiện Liên (\*) 100DM. Ngô Thị Khi (\*) 80DM. Nguyễn Thị Lệ Thu (\*) 50DM. Văn Dung (\*) 50DM. Phan Thị Nguyễn (\*) 50DM. Nguyễn Thị Tú (\*) 50DM. Trường Thị Quỳnh Giao (\*) 50DM. Trường Thị Ngọc Quỳnh (\*) 50DM. Phan Chánh Đông (\*) 50DM. Trần Kim Hùng (\*) 50DM. Thủy Nhạc (\*) 50DM. Nguyễn Văn Toàn (\*) 50DM. Võ Thị Lợi (\*) 50DM. Lưu Thị Cẩm Hà (\*) 20DM. Huỳnh Thị Cẩm Hòa (\*) 20DM. Nguyễn Thị Vân (\*) 30DM. Trần Thị Kim Ngọc (\*) 30DM. Võ Thanh Hương (\*) 30DM. Nguyễn Thị Phúc (\*) 30DM. Huỳnh Thị Hương (\*) 30DM. Nguyễn Văn Long (\*) 20DM. Nguyễn Huỳnh Thị Lê (\*) 20DM. Minh Đại (\*) 20DM. Nguyễn Minh Lưu (\*) 20DM. Lê Thiệp (\*) 20DM. Nguyễn Trần (\*) 20DM. Lý Cổ Nường (\*) 20DM. Nguyễn Thị Giang (\*) 20DM. Dieter Maier (\*) 20DM. Thiện Liên (\*) 20DM. Daniel Maier (\*) 20DM. Phan Thị Dũng (\*) 20DM. Hải (Fürth) 20DM. Thiện Nhân (München) 10DM. Hoàng Anh Tuấn (\*) 10DM. Schönmann Thị Nhung (\*) 10DM. Gerund Văn Thị Kim Thủy (\*) 10DM. Một số quý vị ẩn danh 592DM. + 5.467 DM (Chỉ hội München sẽ chuyển) + 7.000 DM (Tổ chức Sinh hoạt CĐ Stuttgart)

### TỔNG KẾT ĐỢT IV: 28.091 DM

#### ● DO CHÙA LINH THỦY BERLIN QUYÊN GÓP

Sư Cô Tâm Viên 100DM. Sư Cô Từ Khánh 100DM. Thiện Giới 1.000DM. Diệu Bình 100DM. Tâm Bích 100DM. Nguyễn Trí 20DM. Nguyễn Lượng 100DM. Nguyễn Đạt 50DM. Kim Bình 100DM. D. Thanh & Minh Thông 100DM. Bắc Tâm 20DM. Thị Hạnh 200DM. Thiện Tiên & T. Bảo 500DM. ĐGPT Chánh Niệm (Đợt I) 100DM. Phật Tử tại Thụy Điển 93DM + 400Kr. Ấn danh 50DM. Chủ Quang 30DM. Tâm An Hạnh 20DM. Tâm Thanh Tịnh 50DM. Ấn danh 50DM. Ấn danh 20DM. Thiện Văn 30DM. Nguyễn Gia Thiện 50DM. Nguyễn Gia Huy 30DM. Nguyễn Văn Kha 100DM. Diệu Minh 200DM. Diệu Thủy 100DM. Đạt Huệ 50DM. Bắc Trúc Ngô 50DM. Tâm An Hạnh (Hội Thiện) 100DM. Từ Lương 70DM. Diệu Loan 50DM. Từ Phổ 50DM. Từ Huệ 70DM. Đồng Lê 50DM. Như Quảng 50DM. Thiện Mỹ 50DM. Diệu Phương 50DM. Diệu Phan & Thu Nhi & Ngọc 100DM. Nguyễn Thị Huệ & Diệu Huệ 10DM. Thiện Thiết 100DM. Cao Chánh Bé 50DM. Trần Văn Hùng 20DM. Nguyễn Đức Kiên 20DM. Hồ Thị Diễm 50DM. Ấn danh 20DM. Lê Thị Liên 20DM. Nguyễn Thị Ngợi 20DM. Dong Lê Thiện Sanh 100DM. Tâm 20DM. Tâm Gio 30DM. Chị Yến 20DM. Thọ Cẩn 30DM. Nghiê Vy 20DM. Bé Thanh Từ 20DM. Huỳnh Quang Đăng 20DM. Tâm Đắc 20DM. Diệu Thiện (Hồng Nhiêu) 60DM. Gđ. Bắc Diệu Loan 100DM. Vũ Thị Huệ 50DM. Đoàn Thị Mai 30DM. Nguyễn Minh Thanh 30DM. Diệu Quang 100DM. Trí Tâm 50DM. Thiện Hạnh 50DM. Thiện Văn 10DM. Thiện Trần 10DM. Quảng Diễm 50DM. Diệu Bình 50DM. Quảng Hiền 100DM. ĐGPT Chánh Niệm - Đoàn sinh 360DM. ĐGPT Chánh Niệm (Quý gia đình) 300DM. Nguyễn Thị Thảo 10DM. Minh Hương 10DM. Phạm Hồng Minh 10DM. Nguyễn Văn Bé & Thị Hoa 200DM. Ngọc Diễm & Ngọc Diệp 100DM. Khuất Thị Lan Anh 10DM. Diệu Nghiê 10DM. Nguyễn Huệ 20DM. Nguyễn Trọng 20DM. Thị Hiện Nguyễn Hữu Lộc 20DM. Nguyễn Bình Trang 30DM. Thị Nhơn Ngô Ngọc Hiếu 20DM. Huỳnh Thị Thu Thủy 50DM. Hồng Văn Papke 10DM. Phạm Thị Hương 10DM. Diệu Tịnh & N. Hải & Nga & P. Duyên 170DM. Thị Lộc 10DM. Diệu Nhân 20DM. Trần Nguyễn Long Hải 100DM. Gđ. Minh Thanh 40DM. Diệu Ngọc 30DM. Diệu Huệ 10DM. Trần Thiên Đoan 50DM. Trần Hiếu Quý 50DM. Trịnh Quang Minh 20DM. Trịnh Quang Phúc 20DM. Trịnh Văn Thoa 20DM. Trịnh Kim Phượng 20DM. Phùng Thế Tuấn 20DM. Khất thực các chợ và các hộ người VN 2.870DM. Tâm Nghĩa 100DM. C.P.T Yến & Minh Nguyễn, Tuy Hằng 70DM. Đỗ Thu Hương 20DM. Từ Ý Phạm Thị Huế 60DM. Gđ. Nguyễn Văn Tú 20DM. Gđ. Đình Ngọc Vũ 50DM. Gđ. Đình Nhự 20DM. Ấn danh 110DM. Nguyễn Văn Tuyên 20DM. Nguyễn

Văn Mạnh 20DM. Diệu Thuận Huỳnh Thị Thanh Thảo 50DM. Diệu Hào 50DM. Thiện Kiệt & Giác Mỹ 100DM. Thiện Tịnh & Giác An 100DM. Thiện Lễ & Giác Phổ 50DM. Hà Hiệp 30DM. Chị Lệ 30DM. Thiện Hải & Diệu Hường 50DM. Giác Chánh & Diệu Hoa 50DM. Tuệ Khai 100DM. Phùng Thế Phụng 50DM. Lê Anh Kiệt 25DM. Lê Anh Phong 25DM. Trần Thị Kim Châu 20DM. Tâm Việt & cùng PT ở Brandenburg 110DM. Tâm Bạch 100DM. Phùng Thúc & bạn hữu 145DM. Ân danh 20DM. Diệu Bảo 100DM. Diệu Trung 20DM. Gđ. Hoàng Thị Mai 10DM. Hiếu Phượng 100DM. Nguyễn Văn Nhò & Huỳnh Thị Luận 50DM. Trần Văn Búp & Nguyễn Thị Tâm 50DM. Đặng Tiến Thuận & Đỗ Phượng Anh 200DM. Anh em hãng BOSCH & SIEMENS 1.140DM. Nguyễn Thị Bích Hà 20DM. Tâm Giới Tử 20DM. Nguyễn Tiến Dũng 20DM. Trần Thế Ba 100DM. PT do ĐH Đồng Lê quyền góp 120DM. Anh chị em hãng JVC 230DM. Gđ. Lãnh Tuyệt Nhung 100DM. Gđ. Đình Văn Hồng 50DM. Gđ. Nguyễn Thanh Xuân 50DM. Gđ. Trịnh Thị Dụ 50DM. Thiện Hường & Thiện Khánh 30DM. Quý Bồ Tát Giới Bá-Linh 500DM. Gđ. Nguyễn Trọng Thảo 30DM. Gđ. Bùi Văn Hiền 20DM. Bé Phượng đi quyền góp 51DM. Bùi Văn Định 50DM. Đặng Hoàng Bá & Đặng Minh Châu 20DM. Gđ. Lê Tâm 50DM. Anh em hãng Schokolade 1.210DM. Diệu Nguyễn Nguyễn Huỳnh Ngân Khanh 50DM. Nguyễn Văn Hùng (Thô) quyền góp 1.075,50. Tiến & Phượng 20DM. Từ Kính 10DM.

**TỔNG KẾT ĐỢT I : 17.564 DM**

**● DO CHÙA BẢO QUANG HAMBURG QUYÊN GÓP**

**● ĐỢT I**

Ni chúng Chùa Bảo Quang (Hamburg) 500DM. ĐH. Quảng Lương (\*) 50DM. Bùi Thị Minh Thủy (\*) 50DM. Bùi Lưu Chương (\*) 40DM. Bùi Thị Ngọc Trân (\*) 10DM. Bùi Thị Ngọc Vân (\*) 10DM. Bùi Thị Ngọc Trúc (\*) 10DM. Trần Thị Văn Hường (\*) 10DM. Trần Thị Tường Vi (\*) 20DM. Nguyễn Huỳnh Đức (\*) 70DM. Diệu Trần Phạm Thị Cối (\*) 50DM. Diệu Đạo Quan Thị Dần (\*) 20DM. Thiện Hậu Nguyễn Nhân (\*) 20DM. Huỳnh Thế Mỹ (\*) 20DM. Tạ Mạnh Hùng (\*) 20DM. Quảng Hiền Đào Hữu Chí (\*) 30DM. Nhật Đạo Lưu Minh Thành (\*) 50DM. Trần Vinh Quang (\*) 50DM. Thái Thị Ngọc Cảnh (\*) 10DM. Nguyễn Đức Tiến (\*) 100DM. Gđ. Cụ Trần Hữu Khiếu (Uisingen) 500DM. Mã Ngân Trân (Hamburg) 200DM. Diệu Anh Lương Thị Bạch Yến (\*) 10DM. Diệu Ngọc Vương Thị Huệ (\*) 20DM. Ngô Văn Thạch (\*) 30DM. Huỳnh Thị Kim Tuyến (\*) 30DM. Nguyễn Thị Tớt (\*) 50DM. Nguyễn Quốc Cường (\*) 50DM. Nguyễn Thị Thanh Thủy (\*) 100DM. Mỹ Anh Hanisch Pfaff (Pulheim) 200DM. Hà Công Danh (Hamburg) 100DM. Thị Minh Văn Công Trâm (Iserlohn) 200DM. Nhóm PT Từ Tâm (Frankfurt) 200DM. Diệu Phước Phan Lê Vinh (Hamburg) 300DM. Trần Ngọc Thạch (\*) 20DM. Gđ. Trưởng Thị Liễu (\*) 70DM. Diệu Châu (\*) 30DM. Fam. Nguyễn (Kopenhagen) 400DM. Diệu Tâm Đặng Thị Soan (Kiel) 50DM. Nguyễn Tâm Đặng Thị Bảo (\*) 50DM. Thiện Giới Trần Trung Trực (Hamburg) 50DM. Ánh & Chín (\*) 100DM. Huỳnh Mỹ (\*) 100DM. Diệu Thanh (Wiesbaden) 100DM. HHHL Nguyễn Thị Tâm (Kiel) 100DM. Quảng Hải & Diệu Bảo (Frankfurt) 100DM. Fam. Diệu Bảo Trần Thị Quỳnh Anh (Hamburg) 40DM. Diệu Đắc Đinh Đắc Miêu (\*) 10DM. Phan Văn Thắng (\*) 20DM. Fam. Nguyễn Đạo Văn Công Tuấn (\*) 50DM. Hà Bình Tiên (\*) 100DM. Nguyễn Thị Bích Thủy (\*) 100DM. Cụ Phạm Thị Thơm (\*) 50DM. Quảng Phúc Đào Duy Khuê (\*) 10DM. Diệu Cao Nguyễn Thị Bé (\*) 10DM. Diệu Ninh Hà Ngọc Anh (\*) 30DM. Lý Minh Nghĩa (\*) 10DM. Nguyễn Huỳnh Liệu & Hải (\*) 20DM. Nguyễn Thịnh Minh Hùng Lễ (Seevetal) 50DM. Diệu Hiền Vi Thủy Trâm (Lüneburg) 50DM. Nguyễn Thị Liên (Hamburg) 20DM. Lưu Minh Khương & Diệp (\*) 50DM. Diệu Kim Hà Tú Anh (\*) 50DM. Diệu Nhơn Từ Dung Đệ (\*) 50DM. Diệu Hà Giang Ai (\*) 100DM. Tuấn Anh Tống (\*) 20DM. Nguyễn Thị Đệp (\*) 100DM. Ngô Kim Liên (\*) 100DM. Đàm Thị Bích Liên (\*) 100DM. Lưu Thế Hoàng (\*) 50DM. Ân danh (\*) 10DM. Diệu Thiện Nguyễn Thị Hiền (\*) 50DM. Đội Lân GĐPT Pháp Quang (\*) 177DM. Fam. Thiện Lâm Phạm Văn Mộc (Langen) 300DM. Lý Kim Thâm (Hamburg) 10DM.

**(TỔNG KẾT ĐỢT I : 6.037DM )**

**● CHÙA BẢO QUANG HAMBURG QUYÊN GÓP ĐỢT II**

ĐH. Phạm Xuân Mừng (Hamburg) 20DM. Liêu Thị Trinh (\*) 20DM. Võ Văn Bô (\*) 50DM. Thị Huệ Nguyễn Thị Lan (Regensburg) 100DM. Nguyễn Khánh Thin (\*) 50DM. Fam. Hà (Hamburg) 100DM. Nguyễn Thị Bầy + Trần Ngọc Anh (\*) 50DM. Chiêm Như Liên (\*) 100DM. Nguyễn Kim Yến (\*) 20DM. Gđ. Diệp Quý Minh (\*) 600DM. Fam. Cao (Kiel) 100DM. Dương Quốc Bảo (Hamburg) 50DM. Vogel, Torsten (\*) 50DM. Võ Toàn Trung (\*) 50DM. Chi Hội Phật Tử Mannheim 600DM. Diệu Sáng Hà Ánh Tuyệt (Frankfurt) 100DM. Lê Thị Nguyệt (\*) 50DM. Nguyễn Ngọc Diệp (Darmstadt) 50DM. Phùng Ngọc Mai (Mainz) 20DM. Phạm Thu Vân (\*) 10DM. Ana Maria (Hamburg) 10DM. Rodrigues Antina (Frankfurt) 10DM. Nitaya Thieten (Raunheim) 10DM. Nguyễn Thị Hồng (Frankfurt) 10DM. Ehhachi Thunahidamrøng (Mainz) 5DM. Scheben (Frankfurt) 5DM Rupp (\*) 5DM. Lưu Thị Ngọc Hà (\*) 5DM. Milona Panuccxa (Kelselbach) 10DM. Praving Weinthürter (Frankfurt) 20DM. Mohamed (\*) 4DM. Mkami Fatima (\*) 10DM. Sanh Hồng (Rüsselheim) 10DM. Kizenmehmet (Frankfurt) 10DM. Yasar Duran (\*) 10DM. Sarvotwre (Neu Isenburg) 30DM. Lê Văn Hùng (Frankfurt) 20DM. Nguyễn Hà Thanh (Mainz) 20DM. Trần Hoàng Ngọc Bích (Darmstadt) 50DM. Tsolank Cidem (Kelsterbach) 5DM. Dim Wissei (Frankfurt) 10DM. Senbess Evegebs (\*) 5DM. Raman (\*) 10DM. Fam. Kiều Công (Hamburg) 100DM. Fam. Nguyễn Hữu Tân (\*) 50DM. Peters Hans Peter (\*) 50DM. Phùng Quang Vinh (\*) 10DM. La Tu Viên (\*) 20DM. Nguyễn Trí Hùng (\*) 20DM. Nguyễn Thoàn (\*) 20DM. Tăng Hiến Trung (\*) 20DM. Trần Văn Đam (\*) 10DM. Nguyễn Tài (\*) 10DM. Hồ Chấn Phát (\*) 20DM. Nguyễn Phú Dũng (\*) 20DM. Nguyễn Thượng (\*) 6DM. Nguyễn Tích Phùng (\*) 10DM. Đinh Gia Lễ (\*) 20DM. Fam. Dương Kế Thanh (\*) 20DM. Fam. Đặng Phạm Tú Anh (\*) 50DM. Huỳnh Thọ Nguyễn (\*) 10DM. Trần Ngọc Tiến (\*) 100DM. Trương Hùng (\*) 10DM. Nicola Wahlen (\*) 10DM. Lam Chau Can (\*) 10DM. Hồ Chấn Kỳ (\*) 50DM. Ida Peters (\*) 20DM. Văn Tuấn (\*) 30DM. Nguyễn Hoàng Liệt (\*) 20DM. Nguyễn Bích Cường (\*) 50DM. Jäg Thulz (\*) 10DM. Sascha Rensch (\*) 10DM. Phạm Chính (\*) 10DM. Lê Hồng Hai (\*) 20DM. Đinh Kim Bàn (\*) 20DM. Phạm Thị Mai (\*) 20DM. Lữ Lang (\*) 20DM. Võ Văn Trung (\*) 20DM. Vũ Đình Việt (\*) 20DM. Lê Văn Tâm (\*) 20DM. Phước Trần (\*) 20DM. Nguyễn Hệ (\*) 20DM. Cao (\*) 10DM. Nguyễn Văn Học (\*) 20DM. Phùng (\*) 20DM. Vương Hiệp Văn (\*) 10DM. Nguyễn Hoàng Thi (\*) 50DM. Christian Gummig (\*) 250DM. Nguyễn Thị Mai (\*) 50DM. Lâm Thuận (Frankfurt) 50DM. ĐH. Nguyễn Thị Phượng (Wiesbaden) 50DM. Châu Thành Lợi (\*) 50DM. Võ Hiếu Liêm (\*) 100DM. Tống Liêm Dong (\*) 20DM. Trần Đình Lam 10DM. Dai Hy Dan (\*) 50DM. Lý Thu Chung 8\*) 30DM. Hau-Can (\*) 50DM. Trương Cẩm Huy (\*) 20DM. Phan Văn Nam (\*) 20DM. Trần Đỗ Thị Cẩm (\*) 100DM. Ngô Quội Chung (\*) 50DM. Nguyễn Thành Nghiệp (\*) 50DM. Trần Thành Nguyễn (\*) 50DM. Lô Nha Hà (\*) 20DM. Lê Quang Sang (\*) 20DM. Lâm Khai Huy (\*) 10DM. Phan Thị Thủy (\*) 20DM. Mai Tiến Tiêm (\*) 20DM. Lâm Thanh Thủy (\*) 20DM. Nguyễn Văn Chối (\*) 50DM. Trần Huân (\*) 20DM. Nguyễn Văn Học (\*) 40DM. Phạm Thị Luân Thâm (\*) 20DM. Nguyễn Văn Hai (\*) 30DM. Huỳnh Thị Xuân Hường (\*) 20DM. Dương Văn Kha (\*) 30DM. Sang (\*) 200DM. Hùng Vi (\*) 20DM. Tùng (\*) 100DM. Ngô Thành Cát (\*) 200DM. Nguyễn Quốc Nhật (\*) 50DM. Đinh Thành Duy (\*) 20DM. Phú Văn Huy (\*) 10DM. Châu Đức Văn (\*) 20DM. Dương Đồng Minh (\*) 50DM. Trần Kiến Tân (\*) 30DM. Nguyễn Thị Phượng (\*) 50DM. Đinh Thị Thanh (\*) 50DM. Đinh Văn Trâm (\*) 50DM. Đinh Văn Bé (\*) 50DM. Lữ Vinh Sướng (\*) 50DM. Huỳnh Thị Hoa (\*) 20DM. Nguyễn Thùy (\*) 20DM. Vương Thanh Dũng (\*) 20DM. Thế Phong (\*) 20DM. Ngô Văn Nâu (\*) 50DM. Lý Thu Chung (\*) 50DM. Lý Nghiên Cường (\*) 50DM. Nguyễn Xuân Tông (\*) 50DM. Nguyễn Văn Hồn (\*) 50DM. Phạm Văn Việt (\*) 20DM. Đặng Văn Tôn (\*) 20DM. Đặng Thị Hường (\*) 40DM. Võ Văn Tú (\*) 30DM. Nguyễn Văn Cựu (\*) 50DM. Nguyễn Văn Nhật (\*) 20DM. Ngô Minh Hải (\*) 50DM. Đinh Quốc Tuy (\*) 20DM. Nguyễn Văn Y (\*) 20DM. Hoàng Châu (\*) 50DM. Nguyễn Phúc Hậu, Thị Minh Nguyệt (\*) 20DM. Lê Văn

Châu (\*) 50DM. Nguyễn Phi Hùng (\*) 20DM. Ngô Hiếu Liêm (\*) 20DM. Nguyễn Huy Hoàng (\*) 50DM. Nguyễn Thanh Diệu (\*) 20DM. Nguyễn Văn Đức (\*) 20DM. Nguyễn Tuấn Dũng (\*) 50DM. Nguyễn Ngọc Châu (\*) 50DM.

Chị Hường (Frankfurt) 10DM. Chị Thủy (\*) 10DM. Chị Trinh (\*) 10DM. Chị Hòa (\*) 10DM. Chị Hường (\*) 5DM. Chị Toàn (\*) 20DM. Chị Thu (\*) 10DM. Chị Hoa (Trí) (\*) 10DM. Chị Lan Phong (\*) 100DM. Chị Lâm Văn (\*) 20DM. Chị Jahn Hường (\*) 10DM. Chị Phùng Thị Xuyên (\*) 10DM. Chị Vang Ngọc Hường (\*) 10DM. Chị Nguyễn Thị Kim Nhung (\*) 10DM. Chị Nguyễn Thị Thanh Thủy (\*) 10DM. Chị Đào Thị Xuân Hoa (\*) 10DM. Chị Trần Bích Hằng (\*) 10DM. Chị Nguyễn Thị Dung (\*) 10DM. Chị Vũ Minh Hợp (\*) 10DM. Chị Nguyễn Thị Bích Liễu (\*) 10DM. Chị Nguyễn Đức Thu Thủy (\*) 100DM. Chị Ánh Hồng (\*) 50DM. Nguyễn Đông Giang (\*) 100DM. Lê Nga (\*) 10DM. Hải Châu (\*) 20DM. Hồng Trung (\*) 100DM. Thanh Thủy (\*) 20DM. Hồ Trần (\*) 50DM. Bùi Hùng Sơn (\*) 50DM. Ân danh (\*) 50DM. Lê Thị Đỗ (\*) 50DM. Trần Kim Định (\*) 40DM. Nguyễn Lung (\*) 10DM. Anh Hoàng (Hanau) 20DM. Gđ. A. Minh (Köln) 100DM. Tạ Nhuận (Frankfurt) 50DM. Lê Thị Lan Anh (\*) 100DM. Nguyễn Thị Ngọc (\*) 50DM. Nguyễn Thị Thuận (\*) 50DM. Hồ Tuấn Sinh (\*) 20DM. Trần Hữu Đạt (\*) 200DM. Phan Văn Thanh (\*) 50DM. Tú Nguyệt Huệ (\*) 20DM. Phan Khánh (\*) 50DM. Thiện Lạc Giang Thái An (\*) 100DM. Trần Hoàng Minh (\*) 100DM. Huỳnh Cát Đăng (\*) 40DM. Văn Thị Bầy (\*) 50DM. Diệu Hồ (\*) 20DM. Đặng Văn Mỹ (\*) 30DM.

**TỔNG KẾT ĐỢT II : 9.883 DM**

Tổng số tiền 4 đợt đã thu được và đã gởi về Việt Nam là 107.090DM. Trong này gồm cả tiền của các Chùa và các Chi Hội Phật Tử VNTN tại Đức cũng như các Tổ Chức, Hội Đoàn và cá nhân người Việt hiện đang sinh sống tại Đức hỗ trợ.

Số tịnh tài hiện được sau, chúng tôi sẽ cho đăng trên Viên Giác số 115 tháng 2 năm 2000. Xin chân thành cảm tạ quý vị.

**ĐỊNH KỶ HÀNG THÁNG XÂY CHÙA VIÊN GIÁC**

Chúng tôi thành tâm kêu gọi quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần hỗ trợ Chùa bằng cách đồng góp Định Kỳ Hàng Tháng qua Ngân Hàng bằng lối Dauerauftrag để việc thực hiện trả nợ xây chùa có khả quan hơn.

Khi chuyển tịnh tài cúng Chùa, xin quý vị vui lòng ghi vào nơi (Verwendungszweck = mục đích cho việc gì) để Văn phòng dễ làm việc. Quý vị ở xa ngoài nước Đức cũng có thể gửi tiền mặt hoặc Check trong thư, có thể gửi thường hoặc bảo đảm về Chùa. Xin thành thật cảm ơn quý vị.

Tất cả mọi sự Cúng Dưỡng định kỳ hoặc những lễ lạc khác cho Chùa, quý vị đều có thể lấy Giấy Khai Thuê Lại (bằng tiếng Đức) để cuối năm quý vị có thể khai khấu trừ thuế với Chính Phủ. Quý vị nào cần, xin liên lạc về Chùa bằng thư hoặc bằng điện thoại, chúng tôi sẽ gửi giấy đến quý vị. Quý vị chuyển tịnh tài về Chùa, xin chuyển vào một trong hai số Konto như sau:

1. Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e.V.  
**Konto Nr. 870 1633. BLZ 250 700 70**  
**Deutsche Bank Hannover**  
(Mỗi Ngày ngân hàng báo một lần)

2. Pagode Vien Giac  
**Konto Nr. 870 3449 . BLZ 250 700 70**  
**Deutsche Bank Hannover**  
(Một Tháng ngân hàng báo một lần)

Ngôi Chùa thành tựu và phát triển được hay không là nhờ vào sự hỗ trợ từ vật lực cũng như tinh thần của quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần. Vì thế chúng tôi xin kêu gọi quý vị hoan hỉ đồng góp phần mình vào việc chung trên để ước nguyện của chúng ta thành tựu viên mãn.

**Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát**





## VIÊN GIÁC

TẠP CHÍ CỦA KIEU BẢO VÀ  
PHẬT TỬ VIỆT NAM TỶ NẠN TẠI  
CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnam-  
Flüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland

### CHỦ TRƯỞNG (HERAUSGEBER)

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e.V  
Karlsruher Str.6. 30519 Hannover, Deutschland

### CHỦ BÙT

Đạo hữu Nguyễn Trí

### QUẢN LÝ TOA SOẠN

Đạo Hữu Thị Tâm

### BAN BIÊN TẬP & CÔNG SỰ VIÊN

Thượng Tọa Thích Như Điển - Huy Giang - Đan Hà  
- Quỳnh Hoa - Từ Hùng Trần Phong Lưu - Hồng  
Nhiên - Thiện Căn Phạm Hồng Sáu - Thị Tâm -  
Phù Vân

Hồ Trường An (Pháp) - Tùy Anh (Đức) - Thanh Bình  
(Thụy Sĩ) - Người Giám Biên (Đức) - Đông Phương  
Mai Lý Cang (Pháp) - Hà Huyền Chi (Hoa Kỳ) -  
D.S. Trương Thị Mỹ Hà (Đức) - Thái Tú Hạp (Hoa  
Kỳ) - Nguyễn Tấn Hưng (Mỹ) - Dr. Thái Văn Kiêm  
(Pháp) - Lê Doãn Kim (Hoa Kỳ) - G.S. Vũ Kỳ (Bi)  
- Thiện Hữu Trần Hữu Lộc (Đức) - Huyền Thanh Lữ  
(Đức) - Thiện Mẫn (Nga) - Thiện Xuân -Inna  
Maikhanova (Nga) - Vũ Nam (Đức) - Lê Thị Bạch  
Nga (Canada) - Tuệ Nga (Hoa Kỳ) - Phong Hùng  
Lưu Nhơn Nghĩa (Úc) - Hạnh Nguyễn (Ấn Độ) -  
Hoàng Phi Lưu Hoàng Nguyễn (Úc) - Phan Hùng  
Nhơn (Đức) - Nguyễn Việt Nữ (Hoa Kỳ) - Văn  
Nường LNC (Pháp) - Giang Phúc Đông Sơn (Đức) -  
T.S. Lâm Như Tạng (Úc) - B.S. Trương Ngọc Thanh  
(Đức) - Phạm Thăng (Canada) - Đoàn Văn Thông  
(Hoa Kỳ) - Nguyễn Thủy (Pháp) - Vô Thức (Ấn Độ)  
- Hoài Việt (Pháp) - Yên Tú Cư Sĩ Trần Đại Sỹ  
(Pháp)

### KỸ THUẬT AN LOẠT (Layout)

Trung Tâm V.H.X.H. P.G Việt Nam tại Đức Quốc

### CUNG SỰ CÔNG TÁC CỦA

Mitwirkung von :

Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Cộng Hòa Liên bang Đức  
Vereinigung der Buddhistische-Vietnamflüchtlinge i. d. BRD

### TOA SOẠN & AN QUẢN

Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt Nam tại Đức  
Vietnamesisch-Buddhistisches  
Sozio-Kulturzentrum i. d. BRD  
c/o Chùa Viên Giác

Karlsruher Str.6 - 30519 Hannover

Tel. 0511 - 87 96 30 . Fax : 0511 - 87 90 963

E-Mail : chua@viengiac.de

E-Mail : viengiac@t-online.de

Homepage : http://www.viengiac.de

### VIEN GIAC erscheint 6 mal Jährlich

- Viên Giác phát hành mỗi 2 tháng vào những tháng chẵn. Nhằm mục đích phục vụ lợi ích cộng đồng người Việt tỵ nạn tại Đức Quốc trên mọi mặt.
- Viên Giác bảo tồn và phát huy truyền thống Văn Hóa Phật Giáo và Dân Tộc Việt bên cạnh những sinh hoạt Tôn Giáo, Xã Hội hoàn toàn không có tính cách thương mại, tuy nhiên mọi ủng hộ qua hình thức cúng dường, Viên Giác xin chân thành cảm tạ.
- Ủng hộ hiện kim cho Viên Giác. Quý vị sẽ nhận được biên nhận theo sự yêu cầu để làm đơn xin quân binh thuế lương bổng hoặc lợi tức hàng năm

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e.V  
Konto Nr. : 870 16 33. BLZ 250 700 70  
Deutsche Bank Hannover

Trang	
- Thư tòa soạn	1
<b>● TÔN GIÁO</b>	
- Tìm hiểu sự kiện tận thế và sấm ký Nostradamus. Đoàn Văn Thông	2-6
- Hòa xà . Lưu Hoàng Nguyễn	7-9
- Thức thú tâm. Lâm Như Tạng	10-12
<b>● AUF DEUTSCHE</b>	
- Der Buddhismus und die Menschen. Thích Như Điển	13-17
<b>● SÁNG TÁC - VĂN NGHỆ</b>	
<b>THAM LUẬN CHÍNH TRỊ</b>	
- Vườn thơ Viên Giác. Phù Vân	18-20
- <b>Trang hoa phượng</b> : Huy Giang, Ngọc Tuyết, Thanh Bình, Hồng Nhiên,	19-26
Gia đình Phật tử (Thiện Căn Phạm Hồng Sáu)	
- Vọng cổ hương. Thích Như Điển	27-29
- Ngoai mẹ và chú. Hạnh Bảo	30-34
- Ngày xuất gia. Minh Vinh	34-35
- Hây dành một ít tâm tư hướng về ngôi chùa mới. Thích Như Điển	36
- <b>Chương trình sinh hoạt Phật sự của chùa Viên Giác năm 2000</b>	37
- Câu chuyện y học . Trương Ngọc Thanh & Trương Thị Mỹ Hà	38-39
- Đi tìm con cháu thuyền nhân 849 năm về trước... Trần Đại Sỹ	40-46
- Nhân lễ giỗ 60 năm Thi hào Hàn Mặc Tử. Thái Văn Kiêm	47-54
- "Tiếng trống đồng" những phát hiện mới về VN thời tiền sử. Vũ Kỳ	55-59
- Phần phước của bạn. Mai Lý Cang	60-62
- Dòng chảy . Phạm Minh Châu	63-64
- Yêu người tình phụ. Nguyễn T. Hưng	65-69
- Thương một cuộc tình. An Hữu Nguyễn Phương	70-71
- Falun Gong. Quỳnh Anh chuyển ngữ	72-74
- Khúc ca hoa sen. Hà Ngọc Bích	75-76
- Tiếng cười của dân Việt qua văn thơ chữ Nôm và ... Võ Thu Tịnh	77-81
- Vào Long môn động. Trần-Ph-Lưu	82-84
- Mối tình Hồ Xuân Hương và ... của Nhất Uyên Phạm Trọng Chánh	85-87
- Nguyên của tôi. Đồng Văn	88-90
- Gió chuyển mùa. Võ Trường sa	91-97
- Thông cảm. P.H. Lưu Nhơn Nghĩa	98-100
- Sen vàng nở muộn. Châu Kim Mỹ	101-103
- Liều trai chí dị. Lê Nghĩa Chi	104-105
- Một gương Đức hạnh. Văn Nường	106-107
- Cô nữ sinh áo tím. Phạm Thăng	108-111
- Hạnh bố thí. Cư sĩ Chính Trực	112-115
- Một vài suy nghĩ về dạy và học tiếng Việt tại hải ngoại. Đoàn Xuân Kiên	116-121
- Những điều cần biết về Phong thủy tại ngôi nhà chúng ta. Ngô Q. Phong	122-124
- Tổng quát về thế kỷ 20 và đôi dự đoán về thế kỷ 21. Nguyễn Thủy	125-141
- Hình ảnh Việt Nam cuối thế kỷ 20. Đặng Đức Hùng	142-145

- Từ thế kỷ cũ nhìn sang thế kỷ mới. Phan Ngọc	146-152
- Nhìn lại 10 năm người Việt Đông Âu xin tỵ nạn tại CHLB Đức. Trần Đăng	153-155
- Những áng văn hay . Lê Thị Bạch Nga	156-157
- Gia chánh chay	157
- Tìm lại hủ không. Vũ Nam .	158-159
- Giới thiệu sách mới xuất bản.	160-161
- Những trái khổ qua. Huy Giang	162-164
- Thế đứng tất yếu của Việt Nam vào đầu thế kỷ 21 . Lê Doãn Kim	165-167
- Đất nước Bác Hồ chẳng những cao mà còn rộng nữa. Nguyễn Việt Nữ	168-169
- Kinh tế tri thức do đâu ? Nguyễn Chí Thành	170-171
- Thế kỷ 21 sẽ là thách thức và hy vọng của tuổi trẻ VN. Đoàn Thanh Bình	171-172
- <b>Tin thế giới</b> : Người Quan sát	172-178
- <b>Diễn đàn dân chủ</b> : Phạm Hữu Vui. Nguyễn Thị Thúy Loan. Võ Thị Nga	179-180
- Ghi nhận về chuyến đi cứu trợ bão lụt của Ni sư Diệu Phước. Như Giác	181-183
- <b>Tin mới nhất về quyền tỵ nạn</b> . Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp	183-184
- <b>Tin Phật sự</b> : Viện Hóa Đạo, Chùa Khánh Anh, Tu Viện Vạn Hạnh, Thông Báo Báo Chi	185-188
- <b>Tin cộng đồng</b> : Thông cáo, Tìm thân nhân, Thư mời, Phân ưu, Chia buồn. Rao vật...	188-192
- <b>Phượng danh cúng dường</b>	193-199
- Mục Lục	200

<b>● THỞ</b>	
- Trò về đất mẹ (Nguyễn Thị Hoa)	54
- Lỡ chuyến ( Trần Minh Hòa)	69
- Trò về thăm mẹ (Như Tạng)	74
- Ngày xuân đi lễ chùa (Ngọc An)	87
- Biển vắng (Quang Tuấn)	97
- Chào em thế kỷ 20 (Tùy Anh)	100
- Tình thức (Thiện Nghiêm)	111
- Cõi tịnh yên (Tuệ Nga)	115
- Chủ không tuyệt vời (Quang Tuấn)	116
- Ta sẽ về hồi Việt Nam yêu dấu (Dị Sỹ)	145
- Hồng Mai (Huyền Thanh Lữ)	155
- Thế kỷ 21 (Trần Kim Lan)	157
- Nường về Bát nhã (Đan Hà)	161
- Tâm sự (Nguyễn Hoàng Bảo Việt)	164
- Mùa hoa xưa (Nguyễn Văn Cường)	179

### Cáo lỗi

Vì số trang báo có giới hạn nên các bài của quý văn thi hữu gửi đến, không thể đăng hết trong số báo này được. chúng tôi sẽ lần lượt tiếp tục đăng trong các kỳ báo tới. Xin thành thật cáo lỗi cùng quý vị.

● Ban Biên Tập báo Viên Giác



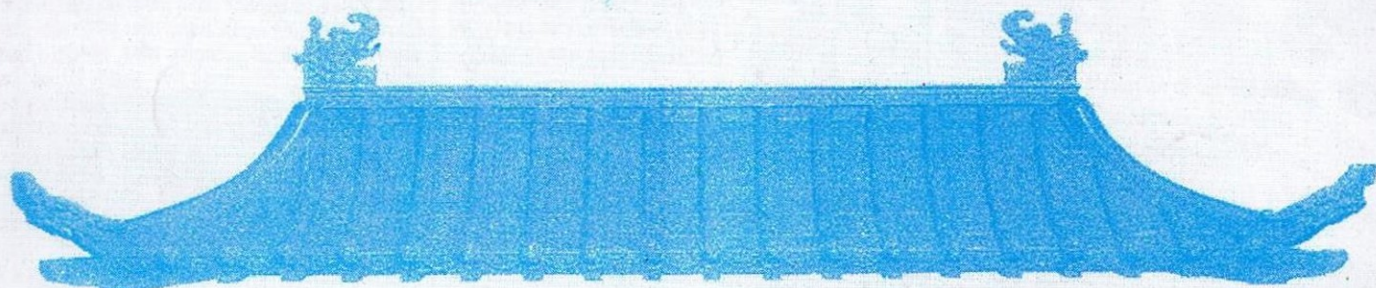
## BĂNG GIẢNG CỦA T.T. THÍCH NHỮ ĐIỂN

- Kinh Diệu Pháp Liên Hoa                    bộ 20 băng
- Kinh Bách Dụ                                    bộ 07 băng
- Sám Ngã Niệm                                bộ 02 băng
- Tủ Bi Đạo Tràng Sám Pháp                bộ 02 băng
- Hành Bồ Tát Đạo                            bộ 03 băng
- Thập Đại Đệ Tử của Đức Phật            bộ 04 băng
- Xá Lợi    1 băng
- Kinh Hoa Nghiêm Phẩm Tịnh Hạnh        bộ 06 băng
- Kinh Đại Bảo Tích                            bộ 02 băng
- Pháp Hội Ma Ha Ca Diếp)                bộ 02 băng
- Quy Sơn Cảnh Sách                         1 băng
- Kinh Đại Bửu Tích (Pháp Hội 25)        bộ 03 băng
- Tụ Tâm Là Bồ Đề                            1 băng
- Tán Thán Công Đức Bồ Tát               1 băng
- Ngũ Lục Pháp bộ                             4 băng

Quý vị muốn thỉnh băng xin liên lạc về Chùa Viên Giác  
Karlsruher Strasse 6. 30519 Hannover

VIENGIAC, KARLSRUHER STRASSE 6. 30519 HANNOVER

PSdg, Deutsche Post AG, Entgelt bezahlt **H 46298**



**Asia Kim**  
Import & Export

### Restaurant und Imbiss Dekorationsware

Chuyên môn cung cấp các mặt hàng phục vụ trang trí cho nhà hàng, Imbiss á châu.

- Tranh, Ảnh các loại, đèn cõ. Mái ngói, cột rồng, Ván hoa văn ốp trần, ốp tường, ốp quầy bia.
- Các loại đèn treo trần, treo cửa sổ, để bàn.
- Các loại bình hoa, chậu hoa, nhiều kiểu mẫu tự nhiên, tươi mát.
- Tượng ( ông địa, lân, rồng, phúc lộc thọ, quan công)
- Chén, đĩa, ấm trà, tách trà, nôi, chảo, lớn nhỏ đủ loại.
- Nhiều kiểu tặng phẩm, dành cho các tiệm A Đông bán cho khách Đức làm quà tặng, rất có giá trị văn hóa á châu.
- Nhận cung cấp Lịch, túi nylon có in ấn tên hiệu, theo nhu cầu của khách hàng. Với giá Đặc Biệt !!!
- **Tượng Phật, Phật bà quan âm. Được điêu khắc bằng gỗ quý.**  
**( Cao ca. 90-100 cm, nặng 30-40 Kg )**

Các mặt Hàng cửa công ty đều được nhập cảng trực tiếp từ Taiwan.

**Đặc Biệt !!! Giảm giá 20% cho tất cả quý vị nào có nhu cầu đặt hàng trước ngày 15.12.1999 !!!**

Xin vui lòng liên lạc về :

Tel.: 0421-5659585

Fax: 0421-5659587

E-Mail : Asiakim99@aol.com

ASIA KIM IMPORT & EXPORT

Werkstr. 11

28816 Stuhr (Moordeich)

(Umgebung **Bremen**)

